LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 143

TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

SỐ 1804
(QUYỂN THƯỢNG -TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1804

BÀI TỰA TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

Sa-môn Thích Đạo Tuyên trụ Chùa Sùng Nghĩa, ở Kinh Triệu soạn Thuật.

Giới đức khó nghĩ hết được, nó vượt ngoài các pháp, là quỹ đạo của năm thừa, là thuyền bè của Tam bảo. Công đức y theo giáo pháp kiến tu định tuệ, công chẳng có gì bằng. Trụ trì Phật pháp các sách từ đây mà khởi xướng. Từ khi Đại sư truyền bá rộng sách này ở thế gian. Cho đến tứ y để lại phong thái không gì thay thế được. Đến thời Tượng quý càng nhiều ngoa ngụy, thật là miệng lưỡi sắc bén, đánh trống luận bàn việc vô hình, cho nên làm rung chuyển truyền giáo, chín đời đều nghe. Vượt ngoài loại tri thuật mà thôi. Muốn làm sáng tỏ hành nghi, để giúp nhiếp tượng giáo, lưu truyền phép tắc này để dạy bảo người học đời mạt pháp. Buộc lại giềng mối nhiệm mầu đã dứt, dựng day ngọn cờ cao đã ngã, có thể hiểu rõ mà phê bình, đâu chẳng nhờ vào sự đổi dời luống dối để thanh hình. Việc khuôn phép để khó hiển bày sự tinh khiết. Cho nên trước tu phải nương vào Luật tạng, chỉ sự vạch văn mà dùng, thì đối với văn tin tưởng ghi chép thật. Và nhờ duyên lành có sự ràng buộc nhiều hơn lại nữa cái học chẳng phải tinh ròng rộng lớn nói theo tuồng bụng thí càng nhiều, mà chọn loại thì ít thảo luận. Bình thường thì các chấp khác lạ gom nhóm thành tập nầy này, cho đến làm cho bội phần tách bộ phận khinh trọng, các giềng mối giữ gìn, đồng khác phân biệt. Tự chẳng phải sự hưng phế của ý thống giáo. Khảo xét về sự hư thật của các thuyết, ai có thể khai mở lớp nghi ngờ để thông suốt sự hệ lụy. Bao gồm di ký bộ chấp giải thích hành tướng, thường hận

chỉ luận văn sớ các sự đời trước, phép tắc để lại, do phế lập hỏi đáp yếu sao, cho đến bày rõ việc lưu hành ở đời để cậy nhờ. Trăm quyển không còn một. Bấy giờ, có Nhuệ Hoài Hành sự, mà văn thì ở nghĩa tập. Hoặc lại bày nhiều từ ngữ hay mà hợp cơ chưa đủ. Hoặc đơn đề yết-ma thành tướng mà chẳng tuyên bày. Y văn sử dụng thì không bàn việc trước, đồng thời nói rõ, muôn sự muôn vật rối loạn, chưa thể chia sẽ xem xét, cho nên người tìm cầu không chứa nhóm sự học thì không biết. Người lãnh hội chẳng tinh luyện thì không thấu suốt, tôi nhân nghe những điều hay, lúc rảnh rỗi đọc các thiên sách, thấu suốt những điều chẳng thuộc về ý, đều có tâm hơn kém. Rõ ràng có động cơ thẳng bút hoải mái. Bao gồm dị bộ thành văn tổng quát gồm các kinh tùy thuyết. Và sự để lại của bậc hiền Thánh cõi Tây, phong văn của bậc tiên đức cõi này, tìm tòi bác bỏ đồng khác, đồng thời đều nghiên cứu tột cùng. Mãi thấy chắc chắn ghi chép để phụ vào sự biết rộng. Nói rộng chắc chắn xét dùng làm ý chung. Hoặc văn rườm rà để nói lên sự dụng. Hoặc bày sơ lược để so sánh chỉ theo nhau, hoặc cắt văn để nghĩa liền lạc, hoặc tìm từ vá mượn để hỏi. Như thế từ đầu đến cuối soi sáng qua lại, ẩn hiển lẫn nhau. Đồng thời thấy các việc đúng sai về thực hành yết ma, đạo tục chánh nghi, xuất gia tạp pháp, và name rõ là cái thấy của tông này, phí công để cứu người mới học. Nhưng đồng với ta thì đã kích đại tiết này. Thuyết khác thì bác bỏ văn rườm rà, văn rườm rà không ai thích, là do sự không nắm được, vì sao? Vì nếu lược bớt chọn lấy điều then chốt, dụng sự hằng có không đủ, chắc chắn bình ngang lời nói không vội. Đối với sao bèn thành điều cấm kỵ. Nay suy tính về việc chọn lấy gồm tỉnh ước, giúp đỡ được đầy đủ tốt đẹp, ghi thành ba quyển.

Nếu suy nghĩ không đủ về thời sự, cố nhiên có thiếu sót về giải thích, thì lược nêu ý chỉ để làm rộng ra ở sau.

Nhưng văn nghĩa toàn bộ chia làm ba quyển.

- Quyển thượng gồm các việc thành dụng có khuôn phép
- Quyển trung vâng theo giới thể trì phạm để lập sám
- Quyển hạ tùy cơ yếu hành, nương vào sự mà khởi

Đồng thời như văn theo đầy đủ, tưởng không rối ren, nhưng cảnh sự thật nói nắm khó phán đoán. Nay lấy vật loại theo nhau để nêu danh đứng đầu. Cho đến hợp lại giềng mối ấy, sợ dòng nhánh chưa lớn mạnh, lại dùng mười môn bao gồm điều lệ mới hiển bày rõ ràng sâu xa.

Thiên thứ nhất Nêu tông bày đức

Thiên thứ 2 Tập Tăng thông cục

Thiên thứ 3 Túc số chúng tướng (phụ pháp riêng chúng)

Thiên thứ 4 Thọ dục đúng sai
Thiên thứ 5 Nói chung về yết-ma
Thiên thứ 6 Phương pháp kiết giới
Thiên thứ 7 Đại Cương về giềng mối của Tăng
Thiên thứ 8 thọ giới duyên tập (phụ pháp xả giới sáu niệm)
Thiên thứ 9 Thầy trò thuộc nhau
Thiên thứ 10 Thuyết giới chánh nghi
Thiên thứ 11 An cư sách tiến tu hành (phụ pháp thọ nhật)
Thiên thứ 12 Tự tứ tông yếu (Phụ pháp y ca-hy-na)
Thiên thứ 13 Thiên tụ danh báo
Thiên thứ 14 Tùy giới thích tướng
Thiên thứ 15 khuôn phép Trì phạm
Thiên thứ 16 Pháp sám sáu tụ
Thiên thứ 17 Nhị y chung riêng
Thiên thứ 18 Bốn thứ thuốc Thọ tịnh
Thiên thứ 19 Bát khí chế thính (phụ pháp phòng xa ngũ hành điều độ các dụng cụ)
Thiên thứ 20 Đối thí hưng trị
Thiên thứ 21 Hành nghi đầu-đà
Thiên thứ 22 Tăng Tượng trí kính
Thiên thứ 23 Kế thỉnh lập bày khuôn phép
Thiên thứ 24 Đạo Tục hóa phương
Thiên thứ 25 Chủ khách đối đãi nhau (phụ pháp bốn nghi)
Thiên thứ 26 Săn sóc bệnh, lo lắng mọi việc lúc qua đời
Thiên thứ 27 các hành tạp yếu (pháp tỳ kheo xuất thế chánh nghiệp nương tựa)
Thiên thứ 28 Sa-di biệt pháp
Thiên thứ 29 Ni chúng biệt hành
Thiên thứ 30 Các bộ biệt hành

1. Thứ nhất là tựa, giáo hưng khởi ý, hễ là bậc chí nhân làm hưng thịnh thế gian, lợi ích muôn vật. Có nơi tùy cơ nói giáo, lý không truyền trao suông. Y vào môn đại từ nói về Tỳ-ni, cho nên luật nói: Vì Thế Tôn từ bi mà nói pháp.

2. Thứ hai: vì đối với ngoại đạo tự hiển bày Phật pháp, người tôn trọng bậc cao đức. Cho nên chế giới này. Xem trọng luật, hễ những điều chế lại hoài bão dị thuật. Cho nên văn nói: Nếu không soạn phép tắc, kiết giới thì làm ngoại đạo lắm lời.

3: Vì đối với dị tông, tông thì có nhiều sự khác nhau. Lại như Bộ-

Tát-bà-đa nói: Giới bổn rườm rà lược chỉ thể chứa viên dung. Y cứ vào tục khải định ở thời số, ngự pháp lệ thông đối cớ không chuẩn. Nay bộ Đàm-vô-đức nhân pháp có tựa, quỹ tắc được nhiều nơi dùng, đề khởi thấu suốt chỉ tồn tại thiện sinh, lập giáo ý để hiển bày điều ước.

Trên thế thông minh giáo hưng khởi. Nay y cứ vào tông đương thời để giải thích. Giáo không sinh khởi, tự nhiên nhất định phải có người làm nguyên nhân. Nhân (người) đã không đồng thì giáo cũng chẳng phải một, cho nên nhiếp thâu hoằng thệ quỹ tắc dùng nhiều, quý ở chỗ được bổn thuyên kia, thật khó suy xét đầu mối ấy. Cho nên y cứ vào khai để chế nghiệm; chỉ hiển bày trì phạm cho người, ý rõ ràng còn không lỗi. Nay hạn chế một Luật tạng dùng năm lệ phân thì giáo hưng khởi, ý có thể thấy.

1. Dùng già tánh thường phần tánh ác, thì chung ở hóa chế, già giới do lỗi mà sinh khởi. Nhưng văn của tánh giới thong thả mà nghĩa vội vàng, nghĩa là tùy các giới trọng mà có khai văn. Văn tuy là khai, khai thật kết phạm, dù cho thành trì.

Trì giữ thật khó. Như dâm thì ba thời không vui, hủy báng thì đầu cuối từ cứu. Đã là căn bản tham sân, làm sao có thể cấm tâm không buông lung. Cho nên biết nghĩa còn cấp hộ. Giá giới thường chế chỉ có lợi ích mới khai. Khai nó lỗi phát khởi rồi lại chê. Há chẳng phải là còn hóa tục, sợ đọa khổ đau. Bậc Đại Từ lập giáo ý chỉ xét lỗi. Cho nên luận Tỳ-ni Mẫu lập hai nghi nhanh chậm để tìm nó, chung cho mong cầu.

2. Để khai chế thường trưng cầu, Giác thì chung cho hai đời, cho nên văn dưới nói: Thế Tôn là bậc Nhất Thiết Trí, chế rồi lại khai, khai rồi lại chế. Ở đây chung cho cả giáo đời vị lai.

Như luật Ngũ Phần chép: Tuy những điều chế của ta đối với phương khác chẳng phải người thanh tịnh thì không ứng dụng.

Tuy chẳng phải điều ta chế ở phương khác thì nhất định người nên thực hành, chẳng được không thực hành. Điều này là khi Như lai còn tại thế. Nhưng hai giáo dung nhau, bao gồm tất cả.

3. Vì ứng báo có mạnh có yếu. Giáo cũng trọng về nghe, thì chế là phần phòng ngừa hạn chế. Y cứ vào hành thì núi đời khác nhau.

4. Lấy cơ ngộ làm đầu, giác môn khinh trọng dẫn đến cách xa, năm bộ đi chấp há không vậy hay sao?

5. Vì sự pháp đối nhau. Pháp chỉ có cách thức, trái yếu chỉ thì sự không thành. Sự thông, tình tánh cho nên tùy cảnh mà chế ra sự được mất ấy. Hoặc nhờ duyên của ba tánh, hoặc tùy thời cơ mà sinh khởi. Lại lược dẫn các sự điều biết cạn mới đến. Tổng nhiếp gồm nêu, không ai

chẳng tiếp nhận, tâm người thường âm ấp câu nệ, do đó mà hưng giáo. Cho nên văn chép:

Vì sao Đức Thế Tôn lại chế thêm giới học?

Vì điều phục ba độc. Sao gọi là Học? Vì cầu bốn quả.

1. Trong các môn ở dưới những điều thuật chế ý chỉ tùy sự trước làm cho người sau tiến tìm điều trị bổn.

2. Là Ý chế giáo khinh trọng, hai ý khinh trọng cắt đứt thật khó. Vì sao? Vì vốn giáo kia có thể thi hành, người của giáo chủ cùng có. Lại suy nghĩ những việc làm này, mọi người chỉ ứng với bình thuốc. Cho nên thuốc và bình khớp nhau, lợi nhuần thấm khắp nơi. Há có thể tình đoạn, đâu lại dùng lời luận bàn. Tuy nhiên, lại suy xét về mục tiêu sâu xa ấy, thật được con cháu đời sau ở nơi văn tự hiển bày, đâu nhờ chứng thành. Nay đại lược này, tựa gồm có bảy loại:

1. Hưng yếm tiệm đốn
2. Kết chánh nghiệp khoa
3. Quả báo khác nhau
4. Nhiếp các đường hơn kém
5. Khởi tình hư thật
6. Khai chế dựng lẫn nhau
7. Ước hành chương dị

Như hai nghi thức về nghị tĩnh, các trường hợp này, bổn hoài của việc chế giáo y cứ theo Tông thể để đoán.

3. Ý nghĩa đối sự ước giáo phán xử. Từ khi Phật pháp truyền về phía Đông sáu trăm năm, các sư xuyên tạc, cắt xén đúng sai, đua nhau đầy sự đồng khác, không thể xưng nói. Do đó, người tìm thảo luận không biết tông chỉ. Người hành sự mê mờ nơi hướng đi. Cho nên phải học sự nhất định, y cứ về hành thì xa, chấp giáo nhất định khâm phục văn chân chánh, việc gì mà bị hủy báng, há lại bị cười trách. Nay san định trì phạm, lại y cứ vào thọ thể này. Thể đã bốn phần mà thọ, lại chỉ bày phần ấy ngang bằng. Nghĩa là đem sự học của mình san định sự trì phạm của người. Thoát là diễn mất, điều này chỉ có kẻ ngu si không học, nay lập chung định cách cùng thành khá chuẩn, vừa vạch ra điều lãnh, thích nhiên đại quán.

4. Ý dùng văn của các bộ, đều nói rõ Luật tạng. Bổn thật một văn. Nhưng vì cơ ngộ khác nhau dẫn đến làm cho các sự tính toán được đứng vững. Cho nên, tùy theo sự ưa thích mà thành lập tông mình, đua nhau chọn số đông, văn dụng tập điển của một nhà, cho nên có thế khác về khinh trọng. Trù phạm chia rõ, có sự phát xuất vô cùng, phế hưng cùng

hiển. Nay lập bốn phần làm gốc. Nếu khi hành sự nhất định phải dùng các bộ, chẳng thể không dùng. Cho nên luật Thiện Kiến chép: Tỳ-ni có y pháp, các Đại đức có thần thông sao để cho người biết.

1. Bổn nghĩa là tất cả Luật tạng

2. Tùy bổn

3. Pháp sư ngữ nghĩa là Phật trước nói bổn.

Năm trăm vị A-la-hán phân biệt lưu thông rộng rãi, tức là luận chủ, bốn ý dụng nghĩa là dùng ý phương tiện độ dụng và Ba tạng để nói rộng khắp. Trước xem căn bản, kế là cú nghĩa, sau quán lời Pháp sư, dùng với câu văn. Bất đẳng nghĩa là chẳng lấy. (pháp luật sư nói rộng trong quyển 6). Chánh văn như thế, nhưng việc hành tàng thật khó. Nghĩa lấy bỏ chẳng dễ. Lại nói về sự giải thích ấy để trình không mê hoặc. Nghĩa là văn nghĩa trong tông này đều viên dung y cứ vào sự không thiếu, bộ đương thời tự đủ, đâu nhờ tìm bên ngoài. Ngoài ra, còn có văn của luật không hiểu, Sư còn bỏ nghĩa trước thì không có văn, không có văn thì có sự. Như các lệ này chọn lấy tông bên ngoài để thành một bộ này. Lại điều dẫn bộ loại nhất định, chọn sự tương quan về thế nghĩa có thể dùng chứng thành. Nhất định loại chậm nhanh, nặng nhẹ, đúng sai điều y cứ theo luận không chọn lấy.

Cho nên văn bày ra bốn thuyết để so sánh.

Thập Tụng mặc ấn nghĩa cũng đồng.

Như thể để làm rõ thì tâm cảnh chiếu nhau. Đồng hợp với quy cách, rườm rà, lược bỏ trong sự chọn lựa, lý đâu tối tăm. Nếu không xem rõ các bộ thiên chấp một lãnh vực, liên quan đến Sự, sự thì không khắp. So văn thì văn khó có y cứ. Lòng sư cảm thấy mỗi người đua nhau phải quấy, cũng chỉ vì mê, thật do không có giáo. Nếu Tứ phần san văn có hạn thì sự không thể thông hành. Lại dùng văn của bộ khác để thành sự của bộ khác. Hoặc văn nghĩa trong hai bộ luật đều rõ thì không do đâu mà lấy bỏ, bèn đều phát xuất ra chánh pháp. Tùy ý tìm dụng nhưng hành dụng chánh giáo tự mình mở xem vì sợ truyền nghe lạm chân.

Lại trong thế gian, trì luật lược có sáu:

1. Chỉ chấp một bộ Tứ phần, không cần tông ngoài

(Như trì y thuyết dược, văn không chỉ bày nhưng tùy trì mà thôi)

2. Đương bộ khuyết văn chọn bên ngoài để trích dẫn sử dụng

(Tức là loại dùng Thập Tụng trì y và thuốc)

3. Đương tông có văn nghĩa không rõ. (nghĩa là loại cuồng điên, đui điếc đủ số)

4. Bộ này văn nghĩa đều rõ mà bị dị tông bác bỏ

(như xả tịnh địa, nói thẳng thuyết giới)

5. Gồm chọn năm tạng thông hội Luật tông

(như trong văn trường hàng không lạnh mà thử ngoại đạo).

6. Rốt cuộc trở về Đại thừa cao tột

Như Lăng-già, Niết-bàn, tăng phòng không lửa, cấm đoán rượu thịt, năm thứ rau cay, tám thứ bất tịnh tài.

Sáu loại này, mỗi người chấp vào chánh ngôn không trái yếu chỉ của bậc Thánh. Nhưng do hai sự thấy biết thông cục cho nên có dùng tham giải khác nhau. Những tông ý của sao này còn trong quyển thứ ba và thứ sáu. Ngoài ra cũng tìm hiểu mà chọn, được mất tùy cơ, vì biết thời cơ.

5. Năm là y văn nghĩa quyết chung. Phàm lý bổn mất tên, cho nên đặt tên để nêu tông ấy. Danh tùy sự hiển, cho nên đối với sự mà có văn này. Xong, xét Luật tạng này ngôn sự đều khắp. Nhưng vì niên đại quá xa, sắt thái chẳng tìm, pháp vì thời chuyển, sự nhiều thiếu sót.

Hơn nữa, năm Sư thu thập tình kiến khác nhau, lại do phiên dịch mất đi yếu chỉ, vọng sinh tạo lập. Lại vì viết nhầm nên truyền thừa nhau có lạm, cho đến việc tra cứu rối ren rất nhiều. Nay tổng hội để thông sự thấy biết lớn lao ấy. Nếu văn nghĩa bị thiếu, thì có thể nêu một để ví nhiều. Hoặc lý có mà thành thành sự trước, hoặc văn tuy đủ mà nghĩa lại thiếu, nên dùng nghĩa định nó, vì vậy luận nói: vì lấy lý làm chính. Hoặc nghĩa tuy nhất định lập đương bộ không văn, thì đều đóng gấp các bộ lại để dứt sự phỉ báng. Nhưng văn nghĩa quyết thông thật khó phế lập. Tự chẳng phải rõ sâu về luật tướng thông đạt khai giá. Không như vậy thì lụy đến tự tâm, cố nhiên không lợi ích đến cảnh khác.

Cho nên luật nói: Văn nghĩa đều đồng, văn đồng nghĩa khác, văn khác nghĩa đồng, văn nghĩa đều dị, thoải mái tiến chỉ không nhọc sắp xếp giải thích. Xong quyết bỏ đúng sai nhất định đều thông yếu chỉ Luật tạng, đồng thời biết văn tùy kính. Như điều thấy biết của sáu sư trên mới nghiên cứu được tông tích của giáo này.

Cho nên Luật Thập Tụng chép:

Tỳ-kheo có ba việc quyết định biết tướng Tỳ-ni:

1. Bổn khởi

2. Kiết giới

3. Tùy kiết

Phải suy nghĩ quán sát hai bộ giới luật và nghĩa giải Tỳ-ni Tăng Nhất, khai già khinh trọng, như sắc năm đại là ngăn bất tịnh, phi sắc tịnh không ngăn. Như thế đồng thọ lượng gốc ngọn đã dùng.

Luận Minh Liễu cũng chép: Tỳ-kheo có thể biết năm tướng danh giải Tỳ-ni, không xem mặt khác, văn lược đồng với trên, rộng như kia nói.

6. Ý giải thích về giáo, văn của thuyên giáo, rất là sáng rõ, toát yếu đại thú ấy, chỉ rõ trì phạm. Nhưng cảnh trì phạm, chung cho trong ngoài. Trong nghĩa là sự kết nghiệp của hành tâm. Ngoài nghĩa là sự thuận nghịch của tình sự. Nhưng làm cho giáo hành vâng theo, hoàn toàn không phạm ấy là Trì. Nếu sinh ra không học, đối với pháp không nghe, tạo ra nghĩa thiện ác bao gồm phước tội. Nay muốn buộc tội, nhưng làm cho tương ứng với giáo, bất luận sự tình, hư thật đều gọi là Phạm, ở đây gọi chung là trì phạm.

Nếu kết thiên chánh tội, cùng các trị phạt thì nhất định buộc phương tiện làm thành nghiệp quả, làm cho suy lường y cứ suy xét về thật tình, khinh trọng được về lý giáo, thì cắt đứt sự ngay thẳng. Làm sao là lạm dụng, ở đây tên khác là trì phạm.

7. Ý đạo tục bảy bộ giáo thông cục, hiển giáo về lý mới có nhiều lối, mà có thể lấy tính cầu, chia ra hai loại:

1/ Hóa giáo: Đây thì chung cho đạo tục. Nhưng nói rộng về nhân quả, thấu suốt chánh tà, phán đoán hành nghiệp sâu kín khó biết, hiển bày lại báo rõ suốt và dễ thuật.

2/ Hành giáo: chỉ hạn cục trong các định lấy bỏ lập ra cương yếu, hiển rõ trì phạm, giải quyết về sự ngưng trệ, chỉ cho nghĩa cong, tuyên văn không lớp lang. Kết tội đoán rõ về sự có tội xét lại. Như hai giáo tuần hoàn chẳng phải không lạm nhau. Nêu tông để phán lý tự rõ, nghĩa là nội tâm thuận nghịch lấy lý làm tông thì y theo sự hóa giải. Bên ngoài dùng thi hành nhất định thân miệng liền y vào hành giáo. Nhưng người phạm vào hóa giáo chỉ thọ một báo nghiệp đạo.

Người trái với hành giáo lại tăng thêm tội về điều chế của bậc Thánh. Cho nên kinh nói: Người thọ giới tội nặng, người không thọ tội nhẹ. Văn rộng tự rõ cho nên lại phân, sợ mê vào tông thể của hai giáo, vọng nói phải quấy về nghiệp hành. Cho nên lập một môn mãi dùng phân biệt rõ.

8: Ý hai bộ tăng ni hành sự thông bít nhưng hai bộ đồng giới thì sự pháp đồng nhau. Hành dụng nghi thức xếp loại y cứ vào Pháp Tăng, đủ ở các môn. Tùy sự rõ dụng, nếu biện thành tướng phạm, giới bổn tự phân, điều ẩn mà khó biết đủ ở tướng theo. Ngoài ra giới y cứ vào vị trí. Nghĩa là nặng nhẹ khác nhau, có không cùng thiếu, phạm đồng mà duyên khác. Bởi vậy đương đời thạnh hành, chủng tướng khó biết

và biệt hành các hạnh, pháp bình đẳng bày ra, ni có hành pháp riêng. Ở đây chỉ phân ra tông hiển. Còn chưa hiển bày giải thích, các ý có sự khác nhau đầy đủ trong đại sớ.

9. Ý dưới ba chúng, tùy hành dị đồng khác. Đại chúng sa-di nếu y cứ vào giới thể đồng với đại tăng không làm. Chọn bổn này chỉ hiển ở mười, ngoài ra tùy hành, loại nhiều như cát bụi. Kết tội ở thiên thứ 5, tựu vị ở đầu các giới. Tự ngoài hành pháp không đồng, lấy bỏ có khác. Mỗi mỗi phân biệt thiên đều rõ. Thức-xoa-na-na sáu pháp là học tông ấy. Giới thể lại không phát lại. Ngoài ra tùy hành đối trị đồng các ba chúng, nhất định có sự khác nhau, đủ như chỗ hiển bày pháp riêng của Ni.

10. Nói rõ về sao, ý trích dẫn chánh văn, bỏ đi sự truyền lạm suy xét đúng.

Trước nói rõ trích dẫn chánh kinh, kế nói rõ sự nói ngoa trong đời. Sau cùng nói rõ làm sao hưng khởi bổn ý.

Trước nói về chánh bổn, luật Tăng-kỳ, là bộ căn bản, ngoài ra là Năm bộ như bộ Đàm-vô-đức, luật Tứ phần, v.v... Thế nào là sở tông? Tát-bà-đa là luật Thập tụng. Bộ Di-sa-tắc là luật Ngũ phần. Bộ Ca-diếp-di là luật Giải thoát, có giới bổn. Bộ Bà-Lộc-Phú-La, luật bổn chưa đến. Đây là y vào Đại tập, Luận Tỳ-ni Mẫu, Luận Thiện Kiến, luận Ma-đắc-lặc-già. Luận Tát-bà-đa đều truyền Luật Tỳ-nại-da, Luận Minh Liễu giải thích Chánh Lượng Bộ. Và Tam Tạng Chân Đế, Ngã Bách vấn Pháp Xuất yếu Luật nghi, Lương Vô Đế Chuẩn Luật Tập.

Ngoài ra các bộ khác văn rộng không trình bày. Lại kinh Đại Tiểu thừa và Nhị Luận tương ứng với luật, tên tùy kinh luật, đồng thời đủ vào Chánh lục. Như trong khai Hoàng Tam bảo Lục mười lăm quyển của Phí Trường Phòng. Kế nói rõ dị chấp của các sư: Luật sư Pháp Thông, Luật Sư Phục, trích trong quyển sáu. Luật Sư Quang hai lần trích sớ, ba sư Lý, Ẩn, Lạc mỗi vị trích trong sao. Tôn Thống Sư sớ quyển tám, Uyên Luật Sư có sớ; Ba sư Vân, Huy, Nguyện mỗi vị tự trích sớ sao; Hai sư: Hồng, Thắng có sao.

Luật Sư Thủ có sớ mười hai quyển, Luật Sư Lệ có sớ mười quyển.

Luật sư Cơ có sớ. Ngoài ra, các sư như: Đàm Vận, Tăng Hựu, Linh Dạ xuống Giang Biểu, Quan Nội, Hà Nam, Thục được lưu truyền. Đồng thời bao gồm nghĩa sao nhất như.

Kế nói về kinh ngụy ở đời. Kinh Chư Phật Hạ Sinh, kinh Lục Dật Tịnh Hạnh Ưu-bà-tắc mười quyển, Luận Độc giác, Kinh Kim Quan.

Kinh Cứu Bịnh, Kinh Tội Phước Quyết Nghi, luận Tỳ-ni quyết chánh, Luận Ưu-ba-ly luân Phổ Quyết, A-nan thỉnh giới luật luận, luận Ca-diếp vấn, luận Đại oai nghi thỉnh vấn, kinh Ngũ Tân, Luận Bảo Man. Duy Thức Phổ Quyết Luận, Kinh Sở giáo, Kinh Tội báo, Kinh Nhật Luân cúng dường, Kinh Nhũ quan, kinh ứng cúng hạnh, kinh phước điền báo ứng, kinh Bảo ấn, kinh Sa-di, Văn thù thỉnh vấn yếu hành luận, kinh Đề vị. Như thế những người soạn kinh luận gồm có hơn năm trăm bốn mươi quyển, đời này đời khác dần dần trích ra, văn nghĩa hạn cục phần nhiêu phụ thuộc vào tình thế, tùy triều đại lâu rồi đốt bỏ, ngu si hợp lại dường như lạm dụng. Lại thuật tương ưng với luật, như đã trình bày ở trước. Ngoài ra văn còn lược. Sau, nói rõ làm sao hưng khởi bổn ý. Phàm bộ sao cố nhiên phải toát yếu chánh văn bao gồm các ý. Trí tôi cạn hẹp, lượng nông cạn đâu dám khinh chê mà nói, động thành hý luận. Tuy nhiên, học có chỗ thừa, thừa chắc chắn biết gốc, thường trích dẫn và chọn lấy. Đối với một sự ý phế lập nhiều, các Sư còn bị tình kiến buộc ràng. Nay đồng thời san lược chỉ còn văn chứng. Và giáo thông với luân lý khác khó biết nhau. Tự đủ như tập nghĩa sao đã hiển bày. Mà sao lược chứng văn phần nhiều không đầy đủ, nhưng lấy văn nghĩa để vào Tông. Văn từ ngoài không cùng tận, ắt muốn tìm hiểu, biết cho tường tận, chẳng phải ý dựa trong sao. Cho nên văn nói: Các Tỳ-kheo muốn không nói đủ câu văn Phật dạy cho. Luận Tỳ-ni Mẫu nói: Phật làm cho dẫn ra yếu ngôn từ hay bày thẳng về nghĩa ấy. Ngõ hầu để cho người sơ cơ có dụng không đợi hỏi người khác, ngay nơi sự là hành, há lại nghi ở tội phước, còn sợ đời sau thêm các việc bất cập tăng thêm trong đó, làm cho Chân tông xen tạp uế hạnh, dẫn đến mê như chim chuột, lại còn ở ngày nay.

Mười đều này tổng hết các môn, phân tách các lệ khóa. Nếu thu thập bất tận từ luận khác, thân nhà biển Phật, vị cơm dòng pháp, hình tăng lẫn lộn năm hạnh chỉ còn ba vị. Nên tôn trọng chánh giới, hiểu sâu trì phạm, thì trong quyển trùng thể tướng đủ rồi. Tự hành đã thành đức bên ngoài sáng dụng thì trong quyển thượng cương lãnh còn vậy, mình ta hai đức thành nhiều đường, thì trong quyển hạ mao mục hiển bày rồi.

Ba điều này nói rõ hành vô hành không thâu nhận ba quyển nhiếp văn, không có văn thì không được, nhưng sự loại lường khó suy lường. Nếu đường dài, giải thích tân mạn thì ít thảo luận. Ắt tùy tương khúc phần, lỗi ở rườm rà. Nay tùy nghi uế lược, kết chung chỉ quy, để nên đề cương, lông mày tự chỉnh, vừa duỗi vừa xem, tùy việc tùy y cứ.

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 1)

****

THIÊN THỨ NHẤT: NÊU TÔNG BÀY ĐỨC
(Trước nêu ra tông thỉ, sau dẫn văn thành đức).

Nói về biển luật, sâu xa thông suốt muôn tượng. Tuy biển cả bao la không bờ mé mà nó không dung chứa thây chết. Gò cao mây sóng mà trào không quá hạn. Cho nên hễ người dự vào cửa huyền thì phải tu giới cấm thanh tịnh, không dung chứa điều sai trái, gởi tâm nơi dòng nước đạo. Cung kính xuất yếu, không nhiễm thế gian. Cho nên có thể đức càng sáng tỏ đối với thời gian, vượt ngoài cương yếu trần thế. Bởi vậy, phi pháp không thể dùng soi sáng nghi ấy, Phi đạo không thể hiển bày đức ấy, mà tưới vào dòng thức cạn biết thấp. Tuy danh tham mặc

áo tu mà học kinh không đến nơi đến chốn, hành không y theo luật, có điều lành gì, tinh đã thô lỗ, làm sao nghiên cứu chân yếu, ôm ấp giữ gốc, chí dứt mong cầu, tâm hạn cục nói không đến. Ý tuy luận đạo, mà không khác thế tục, cùng với dòng đời, sự trái hướng chân, nghiên cứu học tập nhiều năm mà còn mê tôi, huống gì luận đời. Ai có thể thể hội điều đó. Bởi vậy để đưa đến sự lạm dụng làm loạn pháp, tùy ý buông lung, chuyên làm điều tàn bạo, còn chẳng phải là điều thế tục cho phép, có khó gì đâu đạo nghi còn mất. Dẫn đến làm cho người mới học lúng túng vụng về. Luật yếu bặt dứt, nội sự kiềm chế.

Lúc đó chánh pháp huyền cương đâu không che lấp, đọa lạc ư? Cho nên biết hưng khởi thay thế ở người. Người tôn sùng hộ pháp thì lo gì mặt trời Phật không sáng soi, bánh xe pháp không xoay ư? Nay lược chỉ tông thể hành tướng, giúp cho người sau tiến hưng, khởi lập có chỗ cậy nhờ.

Giới lấy tùy khí làm công, hạnh lấy lãnh cương làm hướng đi, có thể khéo tịnh thân tâm xứng duyên mà thọ, mới tương ứng với đạo. Nếu tình không xa lìa sai hướng đi mảy may trưng cầu, thì chính là bọn nhiễm dòng pháp, sẽ lấy gì làm tịnh khí của đạo, nghĩa ruộng tốt của đời vị lai đâu còn.

Bởi vậy, hễ muốn tịnh thân hành thì phải xa lìa nói mong đạt kết quả viên dung. Không nên vọng lập, phải chuyên tâm nhiếp ý làm cho khế nhập không trì trệ.

Cho nên kinh chép: "Tuy không có hình sắc mà có thể hộ trì", Văn này nói rõ rồi. Vì sao? Nhưng giới tướng nhiều đường, chẳng phải chỉ một nẻo. Tâm có phần hạn, chấp trước khác nhau. Nếu theo cảnh rõ danh mới có vô lượng. Lại y cứ vào then chốt lược nêu có bốn loại:

1. Giới pháp
2. Giới thể
3. Giới hạnh
4. Giới tướng

1. Nói về giới pháp là nói pháp mà nói không hạn cục phàm Thánh. Nói rõ thẳng pháp này chắc chắn có thể vâng theo hành đạo xuất ly.

Muốn làm cho người nhận tin biết là có, tuy là phàm Thánh nhưng có chung pháp này, nay những điều thọ nhận. Chính đã thành lời gọi là Thánh Pháp (pháp của bậc Thánh). Nhưng làm cho trái lại sự sinh tử kia, đón nhận Tăng đồ lẫn lộn. Lập chí phải mong kết quả, sao dính líu bên ngoài. Nhất định sẽ nuôi lớn tâm này, làm cho theo người mà thành tựu, mới có thể theo Thánh Pháp, hoài bão học Thánh hạnh (hạnh của

bậc Thánh), để nuôi thân cho nên gọi là hạnh tùy pháp.

2. Nói rõ về giới thể: Nếu y theo thông luận, nói rõ nghiệp thể về sự phát sinh, nay có thể hiển bày thẳng ngay tâm tướng có thể lãnh hội. Nghĩa là hai để pháp giới và trần sa đồng là pháp lấy điều quan trọng của mình mong tạo phương tiện, khéo tịnh tâm khí, nhất định không làm ác, suy lường tuệ sáng suốt thì hội được pháp. Đem sự quan trọng này mong tâm tương ưng với pháp mầu kia. Đối với pháp kia, có nghĩa duyên khởi lãnh nạp tâm nên gọi là Giới thể.

3. Nói về Giới hạnh. Đã thọ đắc giới này ở trong tâm, nhất định phải rộng tu phương tiện, suy xét việc làm về oai nghi của thể khẩu, giữ chí chuyên tôn sùng kính mến bậc Tiên Thánh, giữ tâm sau đó khởi nghĩa thuận như trước gọi là giới hạnh. Cho nên kinh nói: tuy chẳng phải là độc đồi, khéo tu phương tiện mới được thanh tịnh, văn thành hiệu nghiệm.

4. Nói rõ về giới tướng, hành oai nghi thành, tùy điều mình làm điều xứng với pháp, đức tốt sáng tỏ. Cho nên nói là giới tướng.

Bốn điều này đều y vào gốc của xuất đạo, đông cực của thành quả. Cho nên nêu ở sau biểu thị để gởi tâm có chỗ, biết thân tâm mình hoài bão khâm phục pháp của bậc Thánh. Dưới là ruộng phước sáu đường, trên là hạt giống nhân của ba thừa. Ngoài ra, làm hạt giống Phật hưng khởi là pháp tràng. Công đức không thể nghì bàn, đâu chỉ luận bàn mà hết được. Dẫn thẳng lời Thánh thành chứng, làm cho bậc cao sĩ trì pháp rõ ràng tường tận. Tóm lại có hai, ban đầu nói rõ sẽ thuận giới thì Tam bảo trụ trì, làm việc Tỳ-kheo.

Nói rõ trái giới che diệt chánh pháp, lật các nghiệp khổ. Nhưng các kinh luận than giới văn nhiều, tùy bộ đều thoải mái, tướng cũng khó hết. Nay gồm chung quát nhất hóa, chánh văn nói trong phần đầu chia làm hai, trước y cứ vào hóa giáo, sau thì chế môn, phần đầu lại chia làm bốn.

1. Kinh Tiểu thừa: Nhưng Kinh Bát Nê-hoàn nói Đức Phật sắp diệt độ, thế gian không có thầy, A-nan khải thỉnh. Phật bảo: Nếu Tỳ-kheo vâng theo giới luật ấy là thầy, nếu ta ở đời cũng chẳng khác. Các kinh Di giáo đều đồng với sự khai thị này. Nhưng phát tâm hướng về muôn hạnh thì giới là Tông chủ. Cho nên kinh nói muốn sinh lên cõi trời thì nhất định phải giữ giới đầy đủ. Lại như mặt đất có khả năng sinh thành muôn vật. Cho nên kinh nói: Nếu không giữ tịnh giới thì các công đức lành không thể sinh. Lại nói vì có giới này mà có được định tuệ. Lại kinh nói: giới là hành căn trụ trì, tức là dụ như đất, có thể sinh

thành trụ trì.

2. Luận Tiểu thừa: như luận Thành Thật nói: Lầu quán đạo phẩm lấy giới làm cột trụ, thành tâm thiền định lấy giới làm quách, vào nhân lành phải khâm phục giới. Bởi vậy, trì phải tôn trọng giới, trong luận Giải Thoát Đạo phần nhiều khen ngợi, văn rườm rà không bỏ phải xem, giới thì không ràng buộc. Tỳ-Ba-Sa chép: Giới Cụ túc, giới gọi là Thi-la, cũng gọi là hành, cũng gọi là Thủ tín, cũng gọi là khí, Thi-la là hạnh không phá giới, là nóng vi ba đường ác nóng. Cũng gọi là thiện mộng. Vì trì nó thì được mộng đẹp. Cũng gọi là Tập, vì khéo học giới pháp, cũng gọi là Định, nếu người trụ giới tâm dễ được định. Cũng gọi là trì (ao) vì là chỗ các bậc Thánh tắm. Cũng gọi là Kinh, vì giới thanh tịnh. Vì không có bóng ta hiện. Lại gọi là Uy thế, vì Như lai ở đời có oai lực, ấy là năng lực của thi-la, ngoài ra như việc đuổi rồng, năm trăm A-la-hán không thể đuổi ra, có một vị la-hán, nhờ năng lực giữ gìn giới nên đuổi ra được, lấy khinh trọng đẳng trì. Lại gọi là đầu tư, có thể thấy các sắc của khổ đế, cho đến biết về sắc ấm của pháp. Vì có thể khéo giữ nên nói thư tín. Vì có thể đến thành niết-bàn nên nói là hành sở y của công đức gọi là Khí. Tôn giả Cù-sa nói: Nghĩa không phá là nghĩa Thi-la. Như người không què chân có thể đi đến mọi chỗ. Vì hành giả không phá thi-la nên sẽ đến được niết-bàn.

3. Kinh Đại Thừa Hoa Nghiêm chép: thọ trì uy nghi giới pháp đầy đủ, hành sáu pháp kính, đại chúng đức độ, tâm không lo buồn, lời dạy của Đức Phật trong ba đời về chánh Pháp không trái lời dạy của Chư Phật. Có thể làm cho Tam bảo không dứt mất, pháp được còn mãi.

Kinh Đại Tập nói: Bồ-tát ở các thế giới mười phương thỉnh Phật, vì chúng sinh ăn năm thứ rau cay nồng mà chế ra giới cấm.

Như cõi Phật khác vì pháp còn mãi nên về sau Phật cho pháp, liền chế giới cấm.

Tát già Ni-kiền nói: Nếu không giữ giới thì dù cho ngàn thân ghẻ lở còn không đước huống chi được thân công đức. Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội chép: Dù có sắc tộc và đa năng nhưng nếu không có giới trí thì giống như cầm thú, tuy ở chỗ thấp hèn ít thấy nghe mà tinh trì giới thì gọi là cõi cao quý.

Kinh Niết-bàn chép: Muốn thấy Phật tánh, chứng đại niết-bàn thì thân tâm phải tu trì tịnh giới. Nếu trì kinh này mà hủy tịnh giới thì người đó là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử ta, ta cũng không cho thọ trì kinh này. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Giới là gốc vô thượng bồ-đề, nên phải trì tịnh giới đầy đủ. Nếu kiên trì tịnh giới, thì được Như lai khen

ngợi", cho nên lại dẫn ra để thâm nhập vào tâm.

1. Luận Đại thừa

Trí Luận chép: "Nếu cầu lợi lớn thì phải giữ giới bền chắc, nguồn gốc của tất cả công đức, là việc quan trọng của người xuất gia. Như người quý vật báu, như giữ gìn thân mạng". Bởi vậy, giới là trụ xứ của tất cả pháp lành. Lại như không có chân mà muốn đi, không có cánh mà muốn bay, không có thuyền mà muốn qua sông, điều đó không thể được. Nếu không có giới mà muốn được kết quả tốt cũng không thể được. Nếu bỏ giới này, thì tuy ở núi khổ hạnh, uống nước suối, mặc áo cỏ, mặc y ca sa, thọ các khổ hạnh, cũng không thể đắc. Người tuy nghèo cùng mà trì giới luật, thì hương thơm bay khắp mười phương, danh tiếng bay xa, trời người cung kính, muốn gì được nấy. Người trì giới khi qua đời thì gió đao cắt thân, gân mật dứt đoạn, tâm cũng không sợ hãi.

Kinh Địa Trì chép: Muốn được năm việc lợi ích, phải thọ trì luật này, năm việc đó là:

1. Dựng lập Phật pháp
2. Làm cho chánh pháp còn mãi
3. Không ham muốn, có nghi tinh thì hỏi người khác
4. Tăng ni phạm tội làm chỗ nương cho họ.
5. Muốn đi giáo hóa các nơi không có trở ngại, đó là năm điều lợi của người thiện nam dốc tin.

1. Giới phẩm vững chắc.
2. Khéo chiến thắng các kẻ thù
3. Ở trong chúng quyết đoán không sợ
4. Người có nghi tình thì có khả năng khai giải
5. Khéo trì Tỳ-ni làm cho chánh pháp còn mãi.

Lại được mười lợi ích, như được tăng nhiếp thủ, v.v...

Luật Thập tụng chép: Hỏi Phật pháp còn ở đời đến bao giờ? Phật đáp: Tùy theo Tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới pháp không hoại, gọi là pháp trụ thế. Cho đến chư Phật ba đời cũng vậy. Trong nhị y Luật luận, luận Minh hiểu giải thích: bổn âm Tỳ-nại-da, đây lược gọi là Tỳ-ni có năm nghĩa:

1. Có công năng sinh ra các thứ lợi ích thù thắng, nghĩa là sinh ra điều lành thế gian và xuất thế gian.
2. Có khả năng dạy hai nghiệp thân, miệng thanh tịnh và ngay thẳng.
3. Có thể diệt tội chướng
4. Có thể trích dẫn thắng nghĩa

5. Người tại gia dắt dẫn họ giúp cho họ xuất gia, cho đến dẫn họ đến phạm trụ, thánh trụ, niết-bàn vô dư.

Người làm năm điều thắng này gọi là người tối thắng, là Phật, Độc giác và Thanh Văn là người tối thắng đều đi trong đó. Nếu phàm phu thực hành cũng gọi là thắng nhân, mới có khả năng làm việc này.

Bồ-tát Bà-đa nói: Tỳ-ni có bốn nghĩa: các kinh khác không có

1. Giới là Phật pháp bình địa, ruộng muôn điều thiện sinh trưởng.

2. Tất cả đệ tử Phật đều y vào giới mà trụ, tất cả chúng sinh do giới mà có.

3. Cửa đầu tiên hướng đến niết-bàn.

4. Phật pháp anh lạc có thể trang nghiêm Phật pháp, đủ bốn nghĩa này, công mạnh ở kia.

Luật Thiện Kiến chép: Phật bảo A-nan: sau khi ta diệt độ có năm pháp làm cho còn mãi.

1. Tỳ-ni là thầy của các thầy.

2. Dù chỉ có năm người trì luật ở đời.

3. Mười người ở Trung quốc (nơi trung tâm văn hóa) năm người ở biên địa đúng như pháp thọ trì.

4. Dù chỉ có hai mươi người đúng như pháp xuất tội.

5. Vị luật sư trì luật, cho nên Phật pháp trụ thế năm ngàn năm. Bộ Ngũ Bách Vấn nói: Phật sắp niết-bàn. A-nan thương xót khóc than. Phật hỏi vì sao khóc? Cho đến Phật nói: Sau chính ta diệt độ, nửa tháng một lần. Lại nói: Phật có hai thân, nhục thân tuy bỏ, nhưng pháp thân còn ở đời. Nếu người kính pháp, niệm pháp thì kính Phật niệm Phật. Nếu giữ năm giới thì thấy pháp thân. Nếu người hộ pháp chính là hộ Phật, như uống nước có sát trùng. Lại như nửa tháng nói giới tức là thấy ta.

Bộ Tát Bà-đa nói: Vì sao khi luật mới kết tập thì thù thắng, thì bí mật? Vì bí mật như các khế kinh, không chọn thời, xứ, người nói thì được gọi là Kinh; Luật thì không như vậy, chỉ có Phật tự nói cốt yếu ở trong tăng cho nên thù thắng.

Lại như luận phân biệt công đức chép: vì thù thắng, bí mật, vì người thế tục chẳng thể thực hành, nên không cho thấy.

Luận Đại Trang Nghiêm chép: kẻ ngu si thấp hèn không chịu hộ trì giới này.

2. Nói rõ trái giới pháp diệt. Lại y cứ vào hai giáo mà rõ lẫn lộn. Luật Thập Tụng chép: Thời Tượng pháp có năm pháp diệt.

1. Tỳ-kheo hơi đắc tâm liền cho mình là bậc Thánh

2. Người tại gia sinh lên cõi trời, người xuất gia vào địa ngục

3. Có người bỏ nghiệp thế gian mà xuất gia phá giới

4. Người phá giới được nhiều người giúp đỡ

5. Dù cho bậc la-hán cũng bị đánh mắng

- Lại có năm thứ sợ hãi:

1. Tự không tu thân giới, tâm tuệ lại độ người, làm cho không tu thân giới pháp

2. Nuôi Sa-di

3. Y chỉ người khác

4. Sa-di cũng ở với người thanh tịnh không biết ba tướng, nghĩa là đào đất, chặt cây cỏ, tưới nước.

5. Tuy tụng Luật tạng, nhưng trước sau lẫn lộn

- Trong Tứ Phần nói có năm loại làm cho chánh pháp mau diệt:

1. Có Tỳ-kheo không biết mà nhận tụng luật, thích vọng y cứ lại dạy người khác, văn đã không đủ, nghĩa ấn có thiếu.

2. Vì trong Tăng, Thượng tọa thắng nhân của một nước mà phần nhiều không trì giới, nhưng chỉ tu bất thiện. Đời sau bắt chước buông bỏ giới hạnh.

3. Có Tỳ-kheo trì pháp trì luật ma-di, không dạy đạo tục, thì khi người ấy qua đời làm cho chánh pháp dứt mất.

4. Lại có Tỳ-kheo khó dạy bảo, không nghe lời hay, còn Tỳ-kheo thiện bô qua một bên.

5. Chửi bới lẫn nhau, tìm khuyết điểm của nhau, thì chánh pháp mau diệt.

Luật Thập Tụng nói: Các Tỳ-kheo phế học Tỳ-ni, mà đọc tụng tu đa la, a-tỳ-đàm, Đức Thế Tôn rất quở trách, cho đến nhờ có Tỳ-ni thì Phật pháp mới trụ thế. Phần đông có Tỳ-kheo Trưởng lão, Thượng tọa học luật.

Kinh Tạp A-hàm nói: Nếu Trưởng lão Thượng tọa trung niên, thiếu niên nhỏ tuổi không thích giới không trọng giới, thấy người khác thích giới, không tùy thời khen ngợi, thì ta không khen ngợi, vì sao? Vì sợ người khác thấy vậy chịu khổ trong đêm dài.

- Kinh Trung A-hàm nói: Phạm giới có năm thứ suy hao:

1. Cầu tài không toại ý, dẫu được cũng suy hao, chúng không kính ưa.

2. Tiếng xấu đồn vang, chết vào địa ngục.

Trong kinh niết-bàn nói: Do các Tỳ-kheo không trì giới chứa tám bất tịnh tài, nói là Phật cho. Người này như vậy lưỡi sao không cuốn lại, rộng như kinh kia nói.

Kinh Ma-da chép: Thích y phục đẹp, buông lung vui chơi, làm Tỳ-kheo nô, Tỳ-kheo-ni tỳ, không thích quán bất tịnh, hủy báng Tỳ-ni, ca-sa biến thành mầu trắng, không chịu nhuộm hoại sắc, tham dùng vật của Tam bảo, ấy là tướng pháp diệt.

Trí luận luận: Người phá giới không được người cung kính, chỗ ở như gò mả, lại mất đi các công đức. Thí như cây khô, ác tâm không sợ thí như La-sát, người không dám đến gần. Như người bệnh nặng, khó có thể ở chung, thí như rắn độc, tuy là cạo đầu xuất gia nhưng so đo tính toán thật chẳng phải Tỳ-kheo.

Như mặc pháp y, ấy là lá sắt nóng, bình nước đồng. Phàm ăn thì ăn sắt nóng, uống thì uống nước đồng sôi, chính là người của địa ngục. Lại thường lo sợ, ta là giặc của Phật thường sợ chết đến. Các thứ tướng phá giới như thế không thể nói hết. Người thực hành nên phải nhất tâm trì giới.

Hỏi. Có người nói: Tôi không tội không được gọi là giới, vì sao?

Đáp: Chẳng phải gọi là tà kiến thô tâm nói là không tội.

Nếu thâm nhập các pháp tướng, hành tam-muội không, dùng tuệ nhãn quán cho nên nói tội không thật có.

Nếu cái thấy của nhục nhãn thì chẳng khác gì trâu dê.

Nay người tụng lời Đại thừa, tự lực đã yếu, không kham giới này, tự thẹn uế hạnh phần nhiều không học theo. Có dẫn đây làm y cứ không hiểu bổn văn, cong vạy sơ xuất, rộng như trong quyển thứ 15.

Tứ Phần nói: Phá giới có năm lỗi:

(1) Tự hại, (2) bị người trí quở trách, (3) tiếng xấu đồn vang, (4) lúc qua đời sinh hối hận, (5) chết đọa địa ngục.

Trong Thập Tụng có mười pháp:

(1) Chánh pháp mau diệt, (2) có Tỳ-kheo vô dục độn căn, tuy tụng cú nghĩa nhưng không thể chánh thọ, (3) lại không hiểu rõ, (4) không thể làm cho người thọ có oai nghi cung kính, (5) cho đến không thích pháp a-luyện-nhã, (6) lại không theo pháp dạy, (7) không kính Thượng tọa. (8) Người không oai nghi làm cho hàng hậu sinh không chịu học Tỳ-ni, (9) dẫn đến làm cho buông lung, mất các pháp lành. (10) thích làm văn tụng, trang nghiêm chương cú, thích pháp thế gian. Cho nên chánh pháp mau diệt thật đáng sợ hãi.

****

THIÊN THỨ HAI: TẬP TĂNG THÔNG CÚ

Tăng lấy hòa hợp làm nghĩa. Nếu không cùng tập tướng có trái ly ngự pháp thì công không quyết thành, bị việc nhất định y cứ vào vị trí sai trái. Cho nên lập đề trước, làm pháp tắc của tập tăng, sau đó nói rõ thông cục của xứ.

Văn Tứ Phần nói: phải trải tòa, đánh kiền-chùy cùng nhóm họp một chỗ.

Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo khi bố tát, nhóm không đúng lúc ngăn ngại hành đạo. Phật bảo: nên xướng lên chờ đến. Nếu đánh kiền-chùy, như đánh trồng, thổi ống loa thì để cho tịnh nhân sa-di cận trụ đánh, không được đánh nhiều, nên đánh ba hồi, thổi ống loa cũng vậy. Từ cây độc đen, cây đồng sắt phàm đánh cho làm. Nếu xướng hai thời đến cũng sai tịnh nhân, sa-di xướng. Trụ xứ phần nhiều không được nghe khắp. Nên ở chỗ xa mà xướng.

Còn nếu không biết nhóm họp thì nói với nhau biết, nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo cũng được đánh.

Trong Thập Tụng: Cư Sĩ thỉnh Tăng ở trong chùa đánh chùy cho đến lúc bạn ngày đến, người nữ đem thức ăn cũng tự đánh chùy. Buổi trưa thí thực cũng vậy.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: A-nan lên giảng đường đánh Kiền-chùy đây là trống tin của Như lai.

Trong luật Thập Tụng nói: bấy giờ, trong tăng phòng có người biết thời hạn, khi xướng cho đến đánh kiền-chùy. Lại không có người rưới quét bàn sửa sang chỗ ăn ở giảng đường, không có người tiếp tục phụ giúp, và dạy người rửa sạch trùng trong thức ăn, rau quả, lúc uống ăn không có người hành thủy, chúng nói loạn, bấy giờ không có người búng ngón tay. Phật bảo lập duy-na, luân phiên làm thứ lớp, nghĩa là thứ lớp làm Tri sự, tương truyền nói là Duyệt chúng.

Nếu trong tập văn, bảy thứ tập pháp, nếu lượng bóng, phá trúc làm tiếng, làm khói thổi, đánh trống, đánh kiền-chùy. Nếu xướng các Đại đức bố tát thuyết giới thời đến, cũng không nói Tỳ-kheo làm; Xuất yếu luật nghi dẫn Thành luận lật chùy. Đó gọi là cái khánh, cũng gọi là chuông, Văn trình bày đủ ở trên, nay cần nghĩa thiết lập. Phàm việc thí pháp, trước so lượng dùng tăng bao nhiêu, y vào số mà trải chiếu. Sau đó, y theo văn mà hô chuông, đây đủ như trong pháp nhóm tăng. Tuy người đều làm vậy, nhưng phần nhiều không có cách thức. Nếu y theo Kinh Tam Thiên Oai nghi, thì phần nhiều có cách về khoa yếu rất nhiều

tiết giải, nhưng thời đồng phế bỏ, tuy dễ mà khó. Nay thông lập một pháp tổng thành đại chuẩn. Nghĩa là y cứ tăng nhiều ít thì việc nhanh chậm lượng thời mà dùng. Nếu tầm thường mà hành, bắt đầu sinh nhất định dần dần phát tiếng, dần dần ít, dần dần lớn. Cho đến tiếng dứt mới đánh một tiếng, như thế đến ba hồi. Khi Phật ở đời chỉ có ba hồi, cho nên Ngũ phần nói:

Đánh ba hồi, sau đó do người khác thỉnh mới có đánh dài.

Sinh khởi đánh dài lúc đầu cũng đồng ba hồi, trung gian bốn tiếng, chùy dứt mới đánh. Như thế dần dần đánh dồn nhỏ dần cho đến hết, mới lại sinh chùy đồng ba hồi như trước.

Đây các vị sư thời xưa dùng kinh luật tham cứu cùng lập pháp này. Cũng có tịnh chúng vẽ kiểu chuông. Nhưng lúc đầu muốn hô, phải y vào kinh luận lập tâm nêu làm tất yếu có sự đồng cảm, phải đến đổ chuông lễ Tam bảo xong, đầy đủ oai nghi đứng niệm. Tôi hô chuông này là với chúng tăng mười phương, có người được nghe, đều nhóm họp cùng đồng hòa lợi. Lại có các chúng sinh chịu khổ đường ác đều được thoát khỏi. Cho nên trong truyện Phó Pháp Tạng nói Kế nị tra vương bị giết hại, sau khi chết làm con cá ngàn đầu, bị vòng kiếm vây quanh thân chặt ra từng khúc rồi sống lại. Nếu nghe tiếng chuông vòng kiếm đều buông. Nhân duyên như thế làm cho tin hiểu, khiến đánh dài làm cho ta dứt khổ.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Nếu khi đánh chuông tất cả các khổ trong đường ác đều dứt trừ, đầy đều là tường nhân duyên vời, lý tự nhiên không mất. Tôi đích thân thừa sự, có người đều niệm bị quỷ thần đựa nhập. Đời có người lạm dụng tiếng chuông. Đây chẳng phải là lời Thánh. Các Kinh luận chỉ nói:

Đánh kiền-chùy, bất lời nói tịnh không chung với thế tục, cho đến tự làm, sớm phải phế bỏ.

1. Nói rõ chỗ đến thông cục, lúc đầu nói rõ phần bằng xứ

2. Nói rõ thông cục về dụng, trong phần đầu ý về giới. Khai chế khác nhau như trong phần kiết giới nói. Nay nói về hai thứ khác nhau ấy, nếu làm giới pháp thì có ba thứ khác nhau:

Có bốn giới trường chỗ nhóm họp tăng, mỗi người đều được hành sự.

1. Ở giới trường
2. Ở chỗ trống
3. Ở đại giới
4. Ở ngoài giới

Nếu không có giới trường, hai chỗ mỗi chỗ đều nhóm họp.

Nếu tiểu giới đã không lập tướng chỉ thẳng chỗ ngồi, không ngoài có thể nhóm họp. Nếu nói tự nhiên, tùy chỗ xa gần thì có bốn thứ khác nhau. Nghĩa là xóm làng lan-nhã nói giới hành thủy, đều không là vật tạo. Tùy chỗ ở của người mà có phân cục, cho nên nói tự nhiên. Đương luật không văn, các bộ dùng rõ. Lúc đầu trong xóm làng có hai, nếu người phân biệt được, Thập Tụng nói: ở trong xóm làng không có phòng tăng, lúc đầu làm phòng tăng chưa kiết giới, tùy giới xóm làng, là giới Tăng phòng (Văn dưới đều đi đến chỗ, ở đây chế phạm vi. Tứ phần nói: giới xóm làng lấy tướng chùa viện). Trong đây không được riêng chúng.

Hỏi: Chỗ lan-nhã có tăng phòng, muốn kết giới thì nhóm tăng ở đâu?

Đáp: Thập Tụng nói tùy xóm làng tức là giới tăng phòng. Nay vòng khắp tường viện, và tướng xóm làng không phân, không cân phải năm dặm nhóm họp người. Cho nên văn dưới lan-nhã xóm làng mới khởi tăng phòng bèn nói là giới một câu-lô. Cho nên biết trước có tăng phòng, tứ đồng với giới thôn xóm. Trong luật bốn tướng thôn tăng, hai giới không biệt, ất tướng viện không khắp mới có thể y vào lan-nhã mà nhóm tăng. Nếu xóm làng có tăng thì không thể biết. Trong luật Tăng-kỳ nói; nếu thành ấp xóm làng phạm vị không thể biết thì dùng loại cây năm khuỷu tay, bảy khuỷu tay bằng bảy cây cách nhau, làm cho chúng khác thấy nhau, không phạm lỗi riêng chúng, mỗi pháp được thành tựu. Y theo tướng mà thông tín, bảy cây sáu gian được sáu mươi ba bước. Không đồng giải trước bảy gian bảy mươi ba bước rưỡi. Như nghĩa sao phế lập. Hai là nói rõ lan-nhã. Nói về lan-nhã thì có nhiều loại: Nghĩa là đầu-đà gởi y giới ăn trộm, giới Tăng, giới y, việc khó lại nói rõ về tăng giới, còn ở dưới tùy nói rõ, một giới lan-nhã các bộ không định, phần nhiều nói giới tăng đều là một câu-lô-xá. (Luận Minh Liễu sớ nói: khoảng một tiếng trống).

Trong Tạm Bảo Tạng nói là năm dặm. Truyền nhau dùng đây làm cố định, nếu có nạn.

Như Thiện Kiến nói: giới A-lan-nhã là bảy bàn-đà hình tròn vuông rất nhỏ, một bàn đà là hai mươi tám khuỷu tay. Nếu người không đồng ý ở bên ngoài được làm pháp sự, tính có một trăm chín mươi sáu khuỷu tay, một khuỷu tay là thước tám tấc, tổng cộng có năm mươi bốn bước bốn thước tám tấc.

3. Giới đạo hành: Bộ Tát-bà-đa nói: Khi Tỳ-kheo du hành ở bất

cứ chỗ nào, dù giới rộng có một câu-lô-xá. Trong đó, không được ăn riêng, Bố-tất riêng, cũng không nói rõ lớn nhỏ, luận giải Thập Tụng này. Văn luật nói: sáu trăm bước là một câu-lô-xá.

4. Nói rõ thủy giới (giới trên mặt sông)

Luật Ngũ Phần nói: Giới tự nhiên trên nước, nếu đi trên nước, trong chúng người có sức mạnh toé nước đến chỗ nào thì giới đến chỗ đó.

Bộ Thiện Kiến nói: nếu tóe nước, hoặc vung cát, ngoài ra Tỳ-kheo không ngại. Lấy nước chỗ thường chảy, sâu cạn đều được làm tự nhiên, nước thủy triều không được. Nếu bố tát trên thuyền, phải hạ neo, không được buộc dính bờ và gốc cây trong nước, nghĩa là cho giới lục địa nối liền nhau. Nếu đá cây ở trong nước thì là giới trên mặt sông, nghĩa là lìa lục địa. Nay lại luận thể chung của hai giới. Nếu ba loại tác pháp, tùy chỗ hạn cục, không y cứ gốc vuông. Nếu nói về tự nhiên thì có bất định. Nếu giới trong xóm làng thì có thể biết. Tùy phạm vi cũng không vuông tròn, không thể phân biệt người hiểu khác nhau.

Hỏi: là bốn mặt của thân, mỗi mặt lấy sáu mươi ba bước, hay là một mặt thân lấy ba mươi mốt bước rưỡi?

Đáp: Bốn mặt mỗi mặt lấy sáu mươi ba bước, cho nên văn kia nói: giữa bảy cây chúng khác thấy nhau mà không phạm tội riêng chúng, hai chúng này nhìn nhau không nói về giới tướng.

Hỏi: Hai bên đều bỉnh yết ma, tự nhiên định lượng là rộng hay hẹp?

Đáp: Các thuyết khác nhau. Nay giải tất cả hai chúng, mỗi mặt có ba mươi mốt bước rưỡi. Chung thì hai chúng có sáu mươi ba bước.

(Tự nhiên này thường có, bất luận bỉnh pháp thì không bỉnh pháp giới hằng tùy định). Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói chúng khác nhìn thân hai Tỳ-kheo hai chỗ. Nay nếu ngoại giới không có người thì mặt thân mỗi mặt ba mươi mốt bước rưỡi, là tùy phần tự nhiên. Nếu có người, thì chỉ làm cho giới khác tự nhiên còn, ra ngoài giới tự nhiên, qua không lầm, đồng thời thành pháp sự. Nay nhà hành sư sợ có riêng chúng, nhưng vì phóng sâu, về các mặt thì mỗi mặt hơn một nửa. Thật mà nói mỗi mặt một nửa giảm là đúng. Cho nên Tát-bà-đa chép: Tỳ-kheo tùy trụ xứ du hành, có giới tự nhiên dù rộng.

Hỏi: Giới tự nhiên là vuông hay tròn?

Đáp: Xưa nói nhất định vuông, nay giải không. Nếu giới vuông bốn bề có khác, thì không dạy cũng có thể chuẩn. Nay nói: Trong giới tự nhiên không nhất định vuông hay tròn.

Nêu bốn mặt bốn phía mỗi phía không có giới khác thì giới này nhất định tròn. Nếu có giới khác thì khéo nhọn không định. Cho nên luật Thập Tụng nói: Vuông mỗi mặt một câu-lô-xá.

Nghĩa phương hướng đến thân mặt, chẳng gọi là giới hình vuông. Văn nói: Đệ tử theo thầy, về mặt du hành có thể cũng không được bốn phía.

Luật Ngũ Phần cũng nói: Cách thân một câu-lô-xá

Luật Thiện Kiến cũng nói: “Giới vuông tròn bảy bàn-đà”. Văn tự rõ ràng. Cho đến kết đại giới lấy ba do-tuần làm hạn lượng.

Luận Minh Liễu chép: “Hợp lượng gốc lấy ba do-tuần”. Cho nên rộng dẫn thành chứng, nhất định vuông phải bỏ.

Hai nói rõ dụng Tăng phạm vi, tông này có bốn thứ luận Tăng, nói rộng về nghĩa Tăng. Lại lấy bốn người trở lên có thể ngự Chánh pháp, làm được việc trước, nên gọi là Tăng.

Nếu người cuồng loạn ngủ nghỉ về việc làm chung cho tướng năng sở có trái xa, không vào tăng số. Thông mà biện tăng thì có bảy loại. Bắt đầu từ một người đến hai mươi người, mỗi người có thành bại khác nhau, rộng ra nữa như sớ sao khác. Trước nói rõ tăng bốn người tức là sự dụng về thuyết giới, kiết giới.

Kế, Tăng năm người là pháp thọ giới tự tứ ở biên địa.

Nếu theo Tăng-kỳ, xả đọa sám hối thuộc về tăng năm người.

Nghĩa là thọ sám hối chủ tác bạch và tăng, vì lượng khác không thuộc về tăng số. Nay vì đương tông không rõ, lấy Tăng-kỳ để định.

- Tăng mười người: là thọ giới ở thành phố.
- Tăng hai mươi người: là khi xuất tội Tăng tàn.

Bốn thứ tăng trước, nếu lấy danh nghĩa Tăng có thể bỉnh pháp.

Bốn người thực biện tất cả yết ma, nay theo sự dụng cho nên phải ba điều biệt. Lại bốn người ở trước nếu y cứ tự làm vì thành tăng thể lại cần thanh tịnh. Vì phạm tôi nhỏ không cần yết-ma. Nếu nói về các pháp thì có hai điều khác. Nếu là thuyết giới, sám hối, diệt tội cần phải thanh tịnh. Vì có người phạm, không được nghe giới, không được sám hối trước người phạm giới. Người phạm không được nhận giải tội cho người khác. Như trong môn sinh khéo về thọ giới chỉ lấy tướng thanh tịnh, mới chịu đủ số. Người trước kính ngưỡng liền thành pháp sự. Cho nên khai đình chỉ hành pháp Tăng tàn. Hòa-thượng phạm giới, nhưng làm cho không biết việc thọ giới. Tát-bà-đa chép: không được dùng thiên nhãn, thiên nhĩ để biết pháp ác của người, chỉ dùng nhục nhãn, nhục nhĩ để thấy nghe. Nói rộng ra như trong pháp đủ số.

THIÊN THỨ BA: CÁC TƯỚNG ĐỦ SỐ

Trên đã nói rõ nhóm họp, mà dụng tăng phải biết ứng pháp, nếu nhờ sự không trái. Tuy chẳng phải tăng thể mà thành tăng dụng. Nhất định đối với duyên khác nhau. Không ngại thanh tịnh thuộc về Phi Tăng, vì hai đường lối này, nên phân biệt làm cho hai sự khác nhau, đúng sai, lấy bỏ tự phân.

Tóm lại có bốn:

1. Trước nói rõ thể là ứng pháp, vì đối với sự có trái, cho nên không đủ số.
2. Thể cảnh đều trái, dù nhờ duyên cũng không đủ số.
3. Thể chẳng phải tăng dụng, đối với duyên thành đủ.
4. Y cứ theo duyên có ngăn ngại, không ngại thành pháp, chút phần không đủ.

Trước nói về tịnh tăng trái nhau, cho nên không đủ.

Tứ phần nói không đủ số việc làm là người yết-ma. Có thần túc, ở trên hư không, ẩn mất, lìa chỗ thấy nghe, biệt trụ, giới tường. Sáu người trên, ngoài ra đều là nghĩa này.

Cho nên trong xả giới, người điên cuồng, câm ngọng, người chết, người ngu, tự nói với những người này thì không thành xả, nghĩa là không đủ số. Nay lấy bộ khác nói rõ văn chứng thành.

Trong luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo ngủ say, nếu nghe bạch rồi ngủ, thì được thành tẫn xuất, người chưa bạch ngủ trước thì không thành số.

Người loạn ngữ, người rối loạn, người nhập định người câm, người điếc, đủ hai người, người cuồng, người loạn tâm, người tâm bệnh hoạn, Tỳ-kheo ở trên cây, mười hai loại người, người bệnh ma-đắc-lặc-già, người biên địa, người si đốn, v.v... đủ chúng tự tứ, tất cả không thành, ngoài ra đồng với Thập Tụng.

Trong Tăng-kỳ, người gởi dục, nếu cách chướng, nếu nửa che nửa lộ, trung gian cách chướng. Hoặc nửa che nửa lộ duỗi tay không tới, chỗ trống duỗi tay không tới cho đến thực hành tác yết ma tọa thì thành khác, đi đứng ngồi nằm đều làm. Nói rộng ra như trong phần biệt chúng. Người say tự nói không hiểu, điên đảo nói ở trước người, người không luyện không hiểu giải, là không đủ nhiếp. Tóm lại, ẩn tướng khó biết, tùy theo ban đầu giải phân tích. Trước nói việc làm yết ma, vì người này là người xin pháp bị tăng lượng không xếp vào hạn tăng. Nếu thông trong bốn người sẽ nhập vào số tăng không đủ bốn người khi xướng yết-

ma, cho nên điệp nhân không vào Tăng dùng. Nếu bốn người thọ nhật bốn tăng không khác, cũng sẽ đắc thành.

Việc làm một người đáp ba chẳng phải tăng. Cho nên không thể bỉnh pháp văn không bày ra sự đồng năm người đều là việc làm. Cho nên tăng bốn người có thể bỉnh bạch. Không đồng việc làm thuyết giới, kiết giới thì không phải tác pháp đúng, vì tăng làm.

Thần túc, ở trên hư không: Tỳ-ni Mẫu nói: "vì trên hư không chẳng có phạm vi, khác với mặt đất, ẩn mất nghĩa là vào trong đất, có tăng bay lên nhà là riêng, chẳng đủ số".

Lìa thấy nghe; trong Tăng-kỳ nói nghĩa là chỗ đồng che, lìa thấy nghe.

Tướng ấy như nói ngủ trong thất, đó gọi là lìa chỗ thấy nghe không lấy sư thuyết giới, người yết-ma thấy nghe.

Như nghĩa sao nói biệt trụ.

Xưa nói đồng một giới không nhóm đủ, nay gọi là Tỳ-kheo, ngoài giới lạm đem vào số, chẳng gọi là mắt thấy ở ngoài giới.

Vì phần giới không biết, tối tăm ở ngoài tác pháp không thành, cho nên nói không đủ.

Về giới trường, do ngoại giới trước không thành, nghĩa là nói ở trong thì được. Hai giới này đồng giới tự nhiên, không đồng một tướng. Là vì biệt giới, ngủ say, nói mớ, rối loạn nhập định, v.v... do bổn vô tâm đồng bỉnh pháp.

Trong Thập Tụng chép: Chứng người khác thọ giới, mỗi mỗi nhập định, nói mớ, v.v... không biết thì yết-mà có thành không?

Phật dạy: Đều không thành, y cứ theo đây số tăng nhất định phải nhiều, cũng cho thành tựu. Dù người ở trong phòng ngủ say, nói mớ lý cũng khai cho thành. Ngoài ra đồng như trong pháp yết-ma nói.

Người điếc, câm, v.v... ba người do căn không đủ nên không thành chứng, Đại đức tăng nghe, vị nào không chấp nhận thì nói, đồng thời đều thiếu hai cho nên không đủ.

Già Luận chép: Nếu nghe tiếng nói lớn thì được thành pháp sự, ba người như cuồng, v.v... do tâm không nhớ cho nên không đủ.

Nếu y cứ vào luật nói người thường nhớ thường đến, không nhớ không đến, hai người này đã không đắc pháp. Người đầu thành dụng, người sau không đủ. Nếu nhớ lại quên đến không đến chưa được yết-ma không được thọ riêng.

Nếu được yết-ma dù để cho người bệnh sai thì chung cho không đủ. Người đau đầu (não) tâm loan đều đồng với ba người cuồng, v.v...

Người bệnh nặng, do tâm hôn mê không thích vô tình duyên pháp

Người biên địa nói cũng không hiểu, người trung quốc cũng không đủ biện. Phải sau khi biết nói cả hai thông đủ số.

Người si độn không biết nói nghĩa chưa tỏ phải trái, thì chẳng đoạn hoại, phải nói yết-ma cùng văn mà thôi. Cũng khai thành đủ. Người gởi dục tâm đồng thân trái. Nói cách che nghĩa là đồng che lấp mà cách riêng không thành tướng đồng. Hoặc nói chỗ trống mà cách một nửa, che ở giữa ngăn. Nếu duỗi tay không đến gọi là một nửa dưới nhà tăng, một nửa dưới thêm tăng. Trung gian thí cách. Hoặc lại không ngăn, duỗi tay không đến, đây nói là hiển bày. Chỗ che không phải chỗ trống, pháp phải tiếp nhau.

Sư thuyết giới yết-ma đều ở trong một tầm của Tăng, để duỗi tay ra cho tới. Người làm việc tuy chẳng phải hạn số, cũng phải ở trong hai nguyên do đầy đủ cả hai, chẳng phải nhờ duyên không đủ. Các yết-ma, lấy đủ số Tỳ-kheo-ni, thức-xoa ma-na, sa-di, sa-di-ni. Người mắc mười ba nạn bị người nêu ba lần, diệt tẫn người đáng diệt tẫn hai mươi hai loại.

Hỏi: Mười tám người phạm biên tội và bốn người trong ni là tự nói cho nên không đủ hay thể không đủ?

Đáp: Giải ra có nhiều cách, ở đây đồng thể đã chẳng phải tăng.

Nếu tăng đồng biết cho nên không đủ số. Người không biết thì thành đủ. Như trong giới ‘dữ dục’ thì khác nhau.

Trong môn trước biết và không biết đều không đủ số.

Cho nên giữa Hòa-thượng không trì giới bốn câu lược bỏ, ba câu trước do không biết cho nên được thành.

Câu thứ bốn do biết theo người này thọ giới không được cho nên không đủ số, cho nên trong văn và Thập Tụng đều nói. Người xưa vì thể không hợp cho nên không đủ, tức xếp Hòa-thượng phá giới nằm ngoài mười người, đây chẳng phải chánh giải, vì sao? Nếu không biết phạm thì không được bèn dùng bộ khác. Vì Tứ Phần chê tăng mười người. Nếu biết người kia phạm, yết-ma mà không được điệp, vì thật biết chẳng phải Tỳ-kheo.

Trong Thập Tụng chép: Thêm một người tại gia, cũng không vào số. Trên nói rõ tướng tăng, đồng thời hình đồng xuất gia, vì tướng có lạm được cùng pháp sự, ắt mặc y phục thế tục, hình tướng rõ biết cũng không đồng nghĩa về pháp.

Trong Thập Tụng nói: Bạch y nghĩa là vốn thọ giới không được,

cũng có người thọ giới sau đó nạn duyên phải mặc y phục thế tục, cũng phải đồng pháp. Do vốn là tăng liền biết khi tấc pháp.

Hỏi: Người thế tục đối với giới có người từng thọ giới cụ túc mà không xả hay không?

Đáp: Không, mới không biệt chúng.

Người ba lần nêu, nghĩa là không thấy, không sám ác tà không xả, nói rộng như trong các chương.

Diệt Tẫn nghĩa là phạm trọng giới đã nêu đến trong tăng bạch tứ dứt bỏ. Người nên diệt tẫn cũng phạm trọng đã cử đi đến đi tăng có nạn khởi chưa được thêm pháp. Cho nên luật gọi là vào trong thuyết Ba-la-di, như tuy phạm trọng, tăng chứa xét biết, mà trong người khác biết, chưa bị cử. Hoặc không tự nói tăng không biết một người trong chúng phạm trọng biết thì chẳng phải là số tăng, lại xếp vào trong đáng diệt tẫn. Thứ ba thể tuy chẳng phải tăng nhờ duyên thành dụng, tức người trong môn trước. Y cứ theo trước khi chưa tự nói, cùng tăng làm pháp, sự, thảy đều thành tựu. Như tuy nói xong khó có ngươi biết cũng thành dụng tăng. Do đối với tướng không trái thì được biện sư. Cho nên trong luật nói Hòa-thượng phạm giới do không biết được thành pháp sự, cho đến biên tội đều đâu phải như đã nói.

Nhục nhãn biết người khác trì hay phạm.

Người phạm trọng tội, trộm cướp trá làm Tỳ-kheo, vốn khi người tại gia, người phá giới v.v... như trước nói có lỗi này thì làm yết ma không thành. Nếu không nói thì tất cả đều thành tựu.

Tát-bà-đa nói vì có người dùng thiên nhãn không nói xấu người cho đến như cho dùng thiên nhãn nhìn tăng tịnh hay uế. Người mà không lỗi nhưng có lớn hay nhỏ, không đến thì không thấy. Nếu khai nói thì ngại loạn sự rất nhiều, vì thế không cho nói. Tự nói: nghĩa là nói với người rằng:

Tôi phạm loại dâm, trộm, bốn thể tuy phạm pháp được thành tăng sự.

Trong Tứ Phần nói quở trách, tẫn xuất y theo cấm ngăn không đến nhà người tại gia cùng bốn người, phải yết-ma tất cả nhưng mà tăng trị, cho nên không được quở trách.

Phú tàng bổn nhật trị sáu đêm xuất tội đồng bốn người. Trong Thập Tụng nói hành phú tàng xong, bổn nhật xong, sáu đêm xong, hợp bảy người không đủ yết-ma về Tăng tàn, v.v... không ngại phải ngoài pháp sự, kế nói rõ ba[t chúng.

Nghĩa là đồng một giới trong trụ tường có hoa khác với tăng

pháp.

Cho nên nói biệt chúng, có hai:

Trước nói rõ biệt tướng, sau nói rõ thành không

1. Trong phần đầu, Tứ Phần nói biệt chúng là người nên đến mà không đến, là thân miệng tâm đều không nhóm họp.

2. Nên gởi dục : Không mang dục đến là thân tâm không tập trung

3. Hiện tiền được quở trách người đáng quở trách, nghĩa là tâm miệng không nhóm tập. Trái với ba loại này thì thành hòa chúng, nghĩa là người đầu ba nghiệp đều nhóm họp, người kế tâm miệng đều nhóm họp, người sau, thân miệng nhóm họp mà tâm không nhóm họp, im lặng ngồi không quở trách cũng gọi là hòa hợp. Cho nên văn nói: người đáng quở trách mà không quở trách. Lại nói: Xá- lợi-phất thấy chúng tăng gia pháp yết-ma mà tâm không đồng, nên mặc nhiên là đúng như pháp. Lại nhóm Tỳ-kheo sáu vị chỗ thuyết giới không ngồi, Phật nói là Phi pháp.

Trong Ngũ Phần nói quay lưng thuyết giới yết ma ngồi nằm, v.v... là biệt chúng.

Trong Tăng-kỳ nói: Đi mà làm yết-ma ngồi thì biệt chúng.

Bốn nghi qua lại là mười hai loại người, biệt chúng nhiều tướng, lý phải rõ ràng, nhưng với trong không đủ số, giao thiệp qua lại. Lại chia làm hai, nếu thân không đến trong tăng thì xếp vào biệt chúng. Tuy đến trong tăng nhưng không đủ số người khác thì không đủ số. Nhưng người không đủ gọi chung là hai người tịnh uế.

(Tịnh tăng ngủ định thân, không đến tăng cũng không đủ).

Gọi là biệt chúng chỉ y cứ vào một sắc thanh tịnh, nghĩa bày bốn câu chọn lựa như khác.

Nếu nói về học hối là không đủ hạn, ắt không hiểu pháp cũng khai bỉnh. Biệt cũng không lỗi, chính là người trung gian, kế giải thành không: Nếu riêng phạm bốn thiên dưới là xếp vào biệt chúng. Biệt phạm vào thiện đầu dù gọi là tịnh tưởng cũng thành pháp sự, cuối cùng là thể hoại hết sức đồng trụ.

Văn nói: Không có Tỳ-kheo có tưởng, yết mà thành mà phạm tội.

Vì tâm khác nhau, xem biết có phạm, tùy ý mà riêng người mười ba nạn, ni đồng với bốn người ba lần nêu, ba loại người cuồng cúng điếc câm. Hoặc chẳng phải Tăng, hoặc giữa đường bị phạt hình sai, bệnh báo duyên ngại cho nên khai. Phàm những người này chưa luận đủ biệt. Nếu

đối thủ tác pháp trước cảnh lạm chân, lệ lấy trong tăng. Nay hành sự phần nhiều có tướng riêng, lại hiển rõ điều đó. Chúng lấy oai nghi đồng nhau, không dùng tâm thuận. Nói về oai nghi, như trong Tăng-kỳ nói: Đi làm Pháp Sự, ngồi thì phi pháp.

Luật Ngũ Phần nói: Bệnh nhân quay lưng yết-ma, Phật nói biệt chúng.

Luật Tứ Phần nói: Nhóm Tỳ-kheo sáu vị không ngồi, Phật quở trách lý chẳng phải là tướng hòa.

Trong phần biệt chúng nói: Như khi hành ăn cơm, đứng thì phạm, túc tướng đồng. Tăng-kỳ nói: Hai tâm hư thật nhưng làm cho tướng thuận tâm trái cũng thánh chứng pháp.

Văn nói: Người hiện tiền đáng quở trách mà không quở trách.

Lại nói: Thấy đúng như Pháp yết-ma mà tâm khác nhau.

Những điều trình bày như trước, nếu khi tác pháp hỏi tăng rằng: Nay Tăng hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết ma việc...

Lại đợi người đáp, ngồi xong mới bắt đầu tác bạch.

Rộng ra có phế lập như nghĩa trong sao. Đến trong tăng ngồi thì cho đứng, trừ người bị trị. Cho nên người làm yết-ma. Không đủ số tăng. Ngoài ra việc làm ngồi, xin đúng như Pháp. Văn nghĩa có nói rõ. Người bỉnh yết-ma trong đó trừ hai loại người.

1. Uy nghi sự lập bỉnh đơn bạch, là bị tăng sai không được ngồi ngay.

2. Khai lập thuyết giới là làm cho chúng nghe, ngoài ra tất cả đều phải ngồi bỉnh (nếu có duyên khác thì đi, nằm cũng được).

****

THIÊN THỨ TƯ: THỌ DỤC ĐÚNG SAI

Việc xảy ra không như ý pháp xuất sinh hằng tình, cho nên đối với tình mà sinh tâm ấy. Tâm thuận thì pháp không mất, nên gọi là Dục.

Nhưng tình và sự trái nhau, cho nên lập pháp để chọn.Chọn thì có sự sẽ rõ, nêu rõ cho nên đối môn mà giải thích:

Trước nói về duyên, sau nói về pháp Dục.

Trong phần duyên có ba thứ:

1. Chế ý thích danh rõ thể

2. Có khai già

3. Định duyên đúng sai.

Trong phần đầu là chế ý, phàm tác pháp sự thì phải thân tâm đều nhóm mới thành hòa hợp. Nếu có duyên không khai tâm tập thì cơ giáo chẳng khác nhau. Lấy gì cứu tế, cho nên truyền bằng tâm miêng, phải tăng tiền sự mới biện đủ kia đây, duyên nay cho nên khai gởi dục.

Thích danh: Hễ nói về dục thì phải lấy sự mong muốn làm nghĩa. Dục nói rõ Tăng làm pháp sự ý quyết đồng nhóm họp.

Nhưng do duyên sai không toại tình nguyện, làm cho tiếng tâm đạt, tăng biết không trái. Cho nên Ma-Đắc lặc già chép: Sao gọi là Dục? Dục là làm việc vui tùy hỷ, cộng đồng đúng như pháp tăng sự. Thập Tụng chép: Dục gọi là phát tâm, việc Tăng đúng pháp gởi dục, gọi là Dục pháp.

Biện thể: những điều về dục cần có hai:

1. Tự có Tăng riêng đồng cần, như thuyết giới, tự tứ. Vì Phật chế có thời hạn tất cả đồng vâng theo, nếu phân thì có tội. Tự cần có tăng riêng, như thọ giới, xả sám. Tăng cần ta hòa, ta không phải cần, Phật không chánh chế.

2. Nói rõ khai già

Trong luật nói: Chỉ trừ kiết giới, ngoài ra đều khai, tuy văn chẳng rõ, cho nên chẳng chế.

3. Duyên thị phi: nếu có người phạm giới sự duyên phi pháp mà gởi dục, do sự việc sai cho nên không hợp, không thành.

Nếu y cứ theo trong văn, chỉ nói tháp Phật Pháp Tăng, chăm sóc người bệnh, sáu việc là duyên. Văn trình bày đủ đúng. Mà nhóm Tỳ-kheo sáu vị may y thuyết dục. Tuy chẳng phải chánh chế, tăng nhận thực hành, Tỳ-kheo phần nhiều chê bai pháp không suy nghĩ đến nghiệp, vọng thực hành pháp của bậc Thánh. Nghĩa là không bệnh nói bệnh, bất tịnh nói tịnh, không dục nói dục, làm cho người khác nói dối,

đối chúng mà truyền điều này. Nhưng nói tùy tăng bao nhiêu mỗi người biên tội bà tội ba-dật-đề.

Người huyễn biết mà nói mỗi ba tội, nghiệp ác không nhẹ vì sao tự lười biếng?

Ba nói rõ pháp dục, tựu trung chia làm ba:

Trước nói về gởi pháp, hai là nói về mất pháp, ba là nói gặp duyên thành không.

Phần đầu phân làm hai

Trước nói về giới pháp

Hai là nói về nói pháp

Trong phần đầu văn của bộ Tứ Phần không đủ rõ

Nghĩa Thiết nói: Đại đức nhất tâm niệm, Tỳ-kheo mỗ giáp đúng như pháp tăng sự gởi dục thanh tình, vừa nói bèn thôi. Theo bộ Tăng-kỳ nói ba lần thì thành tựu

Nay y cứ vào văn của bộ Tứ Phần chỉ nói liền thành văn, đều không kết lược. Ba lần nói thành pháp mới nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế.

Y theo pháp như thuyết thanh tịnh bạch hai lần yết ma, y văn trực thành, không cần lấy ngoại bộ khác.

Hỏi: Trong từ dục này không xưng việc Phật, pháp, tăng

Giải rằng: Xưng là người nói, không xưng là chánh bổn, hỏi nói không xưng dục pháp có thành không?

Đáp: Thành.

Vì trong Yết-ma không nhắc lại, duyên thuyết dục này.

Trong luật nói, nếu không nhớ họ tên, thì phải nói tướng mạo

Nếu không nhớ thì phải nói tôi và nhiều Tỳ-kheo thuyết dục.

Hỏi: Dục và thanh tịnh là đồng hay khác, vì sao?

Đáp: Dục phải yết-ma, thanh tịnh phải thuyết giới

Nếu khi thuyết dục lại cần hai điệp, do văn chánh chế, không đồng với Tăng-kỳ còn hành phế giáo.

Nói việc Tăng đúng như pháp. Đối với việc phi pháp không cần dục.

Nếu duyên phi pháp như trong các chương ở đây chỉ nói đúng như pháp thì làm cho các pháp sự của tăng đều thông, làm cho không chướng, trên nói về tự nói, nay nói gồm người khác.

Nghĩa là thọ dục rồi chợt có duyên ngại, dục chuyển gởi cho người khác

Tỳ-ni mẫu chép: được ngang bảy lần.

Thuyết từ nói: Đại đức Nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo... nhận dục thanh tịnh của Tỳ-kheo mỗ giáp. Người kia và tôi việc tăng chúng như pháp gởi dục và thanh tịnh, nói xong.

Hỏi: Tưởng gởi dục thì có thành không?

Đáp: Trong Tứ Phần nói: Chỉ có người bịnh nói pháp dục. Nhưng Văn có đủ thức, vì bệnh có nặng nhẹ.

Văn nói: Nếu nói tôi thuyết dục, hoặc nói cho tôi thuyết dục. Nếu nói vì tôi mà thuyết dục. Hoặc hiện thân tướng, nếu thuyết dục rộng ra trong năm loại này, bốn loại trước chỉ cho người bệnh nặng, thuyết dục rộng ra thì người bệnh, người mạnh đều dùng.

Phần đoán sự ở Ngũ Phần, trong văn thuyết dục đứng dậy đi luật nói rộng như thế tương tự, lại không lược văn.

Tất cả người hành sự, hoặc người có duyên, hoặc dặn và nói sa-di sai truyền đến người khác. Hoặc có việc chẳng phải duyên, nói thẳng là tôi thuyết dục, lượng sợ không thành.

Cho nên trong luật Tứ Phần nói về người bệnh, nếu miệng không nói, không hiện thân tướng đều không thành.

Nay người mạnh dùng pháp người bệnh thật không nhất định, chỉ hỏi: Hiện tướng nếu là y như Ngũ Phần, người bệnh không thể miệng nói, cho nên tướng gởi dục thanh tịnh.

Nếu đưa tay, đưa tay lắc đầu cho đến mắt ra hiệu được gọi là Dục thanh tịnh. Văn luật như thế, mà người lấy dục phải biết tướng đồng hay khác mới được thành tựu. Nếu trái tâm không đồng mà hiện tướng, tuy nhận không thành đều thành biệt chúng.

Nói về đối tăng nói pháp, nên đến trước tăng, người yết-ma nói người không đến thuyết dục.

Tức đầy đủ tu hai nghi nói rằng: Đại đức tăng nghe tôi Tỳ-kheo... nhận dục thanh tịnh của Tỳ-kheo kia, Tỳ-kheo kia việc tăng đúng như pháp gởi dục thanh tịnh.

Nếu nhiều Tỳ-kheo thì người có thể nhớ cùng nói một lúc. Nếu nhận dục của người khác, thì có duyên sự đối trước tăng mà nói. Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... nhân duyên bệnh hoạn, Tỳ-kheo mỗ giáp có nhân duyên Tăng sự, tôi nhận dục thanh tịnh của Tỳ-kheo ấy, Tỳ-kheo ấy và tôi thân việc tăng đúng như pháp gởi dục thanh tịnh, nói xong liền ra. Nếu tự có duyên sự muốn nói giao Phó cho tăng, phải tự đến trong tăng nói rằng: Đại đức tăng nghe! Tôi Tỳ-kheo v.v... việc Tăng đúng như pháp gởi dục thanh tịnh. Trong Tứ Phần không có văn.

Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo bệnh gởi dục cho Tỳ-kheo mà Tỳ-

kheo không nhận thì tự vào trong tăng, ở trước Thượng tọa nói:

Phật nói khéo làm đúng như Pháp, nhưng người không nhận dục bị tội.

Hỏi: Đến trong tăng thuyết dục, việc ấy thế nào?

Đáp: Hành pháp khác nhau, hoặc một lúc đến trước tăng, lễ xong thưa, hoặc thẳng đến trước tăng, mỗi việc nói. Hoặc ở trước Thượng tọa một lúc nói, hoặc hạ tọa mỗi việc nói. Y cứ theo văn đều thành. Nếu lấy ý nghĩa, trong luật khai thành do có quên lầm, hoặc lại vì bị tội, có thành văn nếu không chánh duyên thì không được thông dụng. Y cứ theo ngoại tông mỗi việc nói là đúng.

Luật Ngũ Phần nói: Sai đến trong tăng đúng như pháp vì tôi mà xưng danh tự nói và cấm cái thẻ. Nếu không như thế thì mỗi việc đều không thành.

Luật Tăng-kỳ nói: Không được hướng về người gởi dục và chịu có thể trì dục vào trong tăng nói, người nhận phải tự suy nghĩ mình có thể truyền dục được không.

Nghĩa Bình nói: Người nhận dục e có riêng chúng. Không nhóm họp sai họ tống tâm tăng biết không trái mới được gia pháp. Nay một lúc đều nói, ngôn từ náo loạn, đâu được ủy biết người không đến nhóm họp. Văn nói rõ trong Tăng-kỳ và Ngũ Phần, sai ở trước thượng tọa xưng danh tự nói: ý cũng không thấy.

Văn Tứ Phần nói: phải biết rõ có người đến, không đến. Lời này hiển bày rộng.

Nói rõ (mất) pháp, nghĩa là (nhận) dục rồi gặp duyên liền mất, không thể có chỗ của người bệnh ở trong tăng, nay nói rõ mất pháp.

Tứ Phần nói có hai mươi bảy loại, nhận dục của người khác rồi tự nói, tôi là người mười ba nạn, ba lần cử, hai lần diệt, mười tám loại người. Do tự trình bày cho nên chẳng phải tăng dùng. Nếu không tự nói, trong tướng đồng thuận. Như trong túc số. Luật Ngũ Phần nói: tự nói tội người không gọi là trì dục, trái với trên thì thành. Thập Tụng nói người nhận dục thanh tịnh, thì mới nhận, nếu nhận xong tự nói: Tại gia sa-di, chẳng phải Tỳ-kheo, cho đến mười ba nạn, đều gọi là dục thanh tịnh, không thành không đến chỗ tăng. Lại có bảy loại.

Nếu qua đời, hoặc đi chỗ khác, hoặc thôi tu, hoặc vào trong chúng ngoại đạo, hoặc vào bộ chúng khác, hoặc lên giới trường, hoặc mặt trời mọc.

Nói đi chỗ khác nghĩa là ra ngoài đại giới, đi đường khác. Xưa giải rằng: nhận dục xong, đi trong chùa, phòng khác thì mất Dục. Đây chẳng

giải. Tự tứ, văn nói rõ không đi chỗ khác, đổi thành: nếu ra ngoài giới.

Mặt trời mọc nghĩa là sau đêm nhận dục yết-ma đến lúc mặt trời mọc, cho nên mất dục.

Hỏi: Luật này, túc dục không thành. Nếu minh tướng chưa rõ, yết-ma đã xong, mà thuyết giới tự tứ chưa xong, thì có được qua sáng không?

Đáp: không thành.

Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói: nếu bảy vạn tám vạn người tự tứ, sợ minh tướng xuất (mặt trời mọc) phải giảm chúng tự tứ ngoài giới.

Trong Tứ Phần chép: Nếu minh tướng sắp xuất hiện mà khai lược thuyết giới. Nên biết túc dục không được làm việc.

Tứ phần lại có ba loại: Nghĩa là thần túc ở trên không, ẩn mất, lìa chỗ thấy nghe.

Hỏi: là đều lìa mất hay lẫn lìa nhau mất?

Đáp: Đều lìa mất, vì xen lẫn thì không nhất định.

Trong văn nói nếu các tiếng lớn, nhỏ không nghe thuyết giới. Sai đứng trên tòa cao chuyển luân nói. Đây thì thấy mà không nghe. Lại như nhiều người nói giới làm sao được thấy mặt người tác pháp. Đây thì nghe mà không thấy. Lìa hai người này thì gọi là mất dục, ắt lìa nhau có mất. Y cứ vào duyên cách chương trước nói lìa thấy nghe mất, thông vọng nhìn chỗ ngồi gần dần dần lìa. Như trong Ngũ Phần giải thích: Nghĩa là đồng che lấy lìa nhau, tuy nói không thành.

Luật Tăng-kỳ nói có năm loại, nghĩa là che lấp, v.v... như trong phần túc số nói. Trong Ngũ Phần nói. Khi đoán sự, nếu ở trong thất, tùy cơ qua lại. Nếu ở chỗ trống cách tăng một tầm đều mất. Nếu phòng nhỏ không nhận tăng, cho ngồi ở trước sau dưới nhà trong đình, hễ không nghe yết ma thì được thành.

Lại có bảy người, bốn người ni, ba người cuồng đều không thành Dục.

Luật Tăng-kỳ nói có nhiều loại:

1. Gởi dục ở ngoài giới.

2. Ra giới nhận dục.

3. Gởi dục rồi tự thân ra giới.

4. Gởi dục rồi tự đến trong Tăng im lặng rồi ra.

5. Nhận dục rồi đến Tăng, vì nạn sợ hãi khởi lên, không một người trụ gọi là hoại chúng nên mất, có người trụ thì không mất.

Ngoài ra đồng với đương tông.

Luật Thập tụng chép: nói với người biệt trụ thì mất dục, tức ba

người che lấp những điều bày ra ở trên đều không thành dục, nói cũng không thành; biết mà cố làm, lại tự nhận tội.

Văn nói: Đều không thành gởi dục nên gởi dục cho người khác

3. Nói rõ về gặp duyên không nói thành:

Văn nói nếu người nhận dục mà ngủ, hoặc nhập định, hoặc quên, nếu không cố làm như thế thì thành. Nếu cố không nói thì mắc tội, mà chẳng biết thành không, lẽ ra cũng nên thành, là khai duyên rõ. Lại gọi là ở trong tăng nếu giữa đường gọi là không đến. Tứ Phần chép: Nếu người bệnh nặng nên đỡ đến trong tăng, nếu suy nghĩ thì thêm động, tăng nên đến chỗ người bệnh vây quanh tác pháp. Nếu người bệnh nhiều, không thể nhóm họp thì tăng ra ngoài giới làm yết ma. Vì vô phương thì được biệt chúng. Nếu nhận dục rồi muốn đến trong tăng, giữa đường gặp các nạn, liền từ ngoài đến chỗ tăng gởi dục thanh tịnh thì được thành. Nhất định trong giới có nạn không đến chỗ tăng, tăng lại không biết yết-ma có thành hay không, văn nói: Có Tỳ-kheo không muốn tác pháp thì không thành.

Hỏi: Gởi dục rồi, việc xong không đến, có phạm lỗi biệt chúng hay không?

Đáp: Không phạm, vì tình hòa đến tăng mà không đem dục duyên làm việc yết-ma.

Văn nói: Nếu việc xong, đến hay không đến, đúng như pháp trị tội, chẳng nói pháp không thành tựu.

Hỏi: Nếu thọ nhật xuất giới mà việc thôi thì pháp tạ được không?

Đáp: Điệp Sự trong Văn thọ nhật. Cho nên duyên trước xong thì pháp tạ, pháp thọ dục này không có điệp sự. Cho nên duyên tạ sẽ thành.

****

THIÊN THỨ NĂM: NÓI CHUNG VỀ YẾT MA

Minh Liễu Luận Sớ dịch là nghiệp, việc làm là nghiệp, cũng dịch là sở tác. Bách Luận nói là sự, nếu y cứ về nghĩa là cầu.

Phiên là biện sự, nghĩa là pháp thực hành tạo tác, sẽ có thành công giúp đỡ.

Tăng là người bỉnh ngự. Điều thống nhiếp chỉ có yết-ma, mới có công năng bạt dứt nhiều hệ lụy của quần mê. Gốc sầu ở phần xuất giới, đức thật không bờ mé, uy thế lớn lao. Nhưng Thế tôn nhập diệt đã lâu, di huấn pháp cho đời, có thể được mà nghe.

Nhưng vì hun đúc phong tình nhiễm tục tệ bạc, lời nói thành vụn vặt vọng tham văn chân tịnh: Đi bụi trần thường rỗng không, thấm nhuần nhiều lần. Cho đến làm cho giáo không có công biện sự. Đồng thời do nhân, pháp không có trục tông. Được mất hỗn đồng, đều quy về đó. Cho nên luật nói: Nếu làm yết-ma không đúng như bạch pháp, tác pháp, không đúng như yết-ma, tác pháp yết-ma. Như thế dần dần làm cho giới hủy hoại và diệt chánh pháp.

Nên thuận theo văn cú chớ làm thêm bớt trái với Tỳ-ni. Phải học như thế. Tuy lại tăng thông chân ngụy, đối với duyên được thành việc trước, yết-ma cũng rơi vào đúng sai, mà trái với hiệu lệnh là phi pháp. Nay muốn dẹp bỏ lời nói suông, mở mang Thánh giác, thống biện tiến hay không, đều biết chia khoa. Sau có sự đều y cứ văn chuẩn cách thức. Tựu trung chia làm hai:

A. Trước nói rõ tác pháp đủ duyên. Sau nói rõ lập pháp thông cục Đồng thời giải khúc chiết về yết-ma.

Trong phần đầu đều nói rõ về yết-ma phải có nguyên do. Lại chia làm mười môn:

1. Pháp không cô khởi phải có lý do. Nghĩa là xứng lượng việc trước có ba loại, tức là người, pháp, sự.

Người nghĩa là thọ giới, sám hối, v.v...

Pháp là thuyết giới, tự tứ, v.v...

Sự là đất, y, v.v... Hoặc đồ ngồi, hoặc đơn, chợt lìa chợt hợp. Nhất định trình bày sớm đúng sai phải nhất định.

2. Y cứ về xứ để rõ. Nghĩa là trong giới tự nhiên chỉ có một pháp kết giới, ngoài ra yết-ma đều là giới tác pháp.

Cho nên luật Tăng-kỳ chép: Phi yết-ma, đất không được làm việc Tăng.

3. Phương pháp nhóm tăng: Nghĩa là trải tòa làm tướng lượng tăng

nhiều ít xem chế độ thời.

4. Tăng nhóm họp khác nhau: Phải biết dùng tăng tiến chỉ chọn đức hơn kém.

5. Tướng hòa hợp: Thượng tọa trong chúng lược và mọi người nói với tăng rằng: Các Đại đức tăng chớ lấy làm lạ đối với việc nhóm họp này. Nay có việc gì đó, cần tăng đồng bỉnh, mỗi người nguyện đồng tâm cộng thành toại. Phải biết tướng im lặng quở trách. Như nói ở trước.

6. Chọn Chúng. Nói: Người chưa thọ giới cụ túc ra liền tùy theo thứ lớp mà ra, như trong biệt pháp của Sa-di, ngoài ra có người ở phải rõ tướng, đủ số hay không đủ số. Như nói ở trước.

7. Gởi dục phải hòa, phải xét kỹ về sự đúng sai của duyên, tướng có thành không. Rộng ra như trước đã trình bày.

8. Bày chánh bổn ý nghĩa là làm khất (xin) từ khước trong đó có bốn:

(1). Thuận tình là mình phải xin trước. Như thọ giới, xả sám.

(2). Người trái tâm lập trị và vô tâm lãnh thọ thì không xin từ khước, nên tác cứ ức niệm pháp chứng biết chánh.

(3). Pháp tăng sáng lập phải nhớ giới sinh thì dựng nêu xướng tướng.

(4). Chỗ Tăng thường đi: là thuyết giới v.v... hành thẻ, cáo lệnh.

9. Hỏi về sự tông: Hỏi: nói Tăng nay hòa hợp để làm gì.

10. Đáp: làm yết-ma gì đó, nghĩa là pháp về điệp sự báo cho tăng biết, không được đơn đề, như nói bố tát, thuyết giới.

Mười môn trên đây đều phải được tất cả làm yết-ma. Nếu từ sự rõ, hoặc đủ chín duyên, như kiết giới, không gởi dục. Lại như thọ nhất sai khiến, không có khất từ, ngược lại y theo mà biết. Rộng ra như trong phần biệt pháp.

Nói về lập pháp thông cục, trong đó chia thành hai:

Trước nói rõ tướng nhiếp phạm vi: là nêu riêng thành hoại. Ở phần trước nói tất cả yết-ma phải đủ bốn pháp.

1. Pháp tâm niệm
2. Pháp đối thú
3. Pháp chúng tăng

Lại bày ba vị, nói ba tên.

Pháp tâm niệm: Sự là nhỏ nhiệm, hoặc giới không người.

Tuy là chúng pháp và đối thủ cũng cho bỉnh riêng, sai tự làm không thành việc phạm giới. Phát tâm nghĩ về cảnh miêng tự truyền tình, chẳng cho là không nói mà làm việc trước.

Tỳ-ni Mẫu nói: Nhất định phải miệng nói. Nếu nói không rõ thì tác pháp không thành:

Nói đối thủ nghĩa là chẳng phải duyên tâm niệm, và giới không có tăng thì sai đối thủ. Ở đây chung cho hai, ba người cho đến bốn người như ở dưới nói, nghĩa là mỗi người đối mặt đồng bỉnh pháp.

Nói về chúng pháp, bốn người trở lên bỉnh yết-ma, đây là việc bỉnh của tăng cho nên nói là chúng pháp. Trên nói lược về minh tướng, nay phân tích kỹ thì có tám loại:

Trước hết tâm niệm có ba:

1. Chỉ pháp tâm niệm
2. Đối thú tâm niệm
3. Chúng Pháp tâm niệm

1. Về Đãn tâm niệm: Chỉ được tự nói, có người cũng thành.

Thường bày ba loại: nghĩa là sám Cát-la nhẹ, Thượng tọa thuyết giới phát lồ và sáu niệm.

2. Đối thú tâm niệm: Nghĩa là bổn là pháp đối thú, vì giới không có người, nên Phật khai cho tâm niệm.

Lạy trình bày bảy loại:

Trong Tứ Phần có an cư, Thập Tụng có thuyết tịnh, thọ được, thọ bảy ngày. Ngũ Phần có thọ trì ba y và xả ba y.

Thiện kiến có thọ trì bát.

3. Chúng pháp tâm niệm: Nghĩa là vốn là tăng bỉnh nhưng giới không có người cho nên khai tâm niệm.

Tứ Phần nói: Thuyết giới, tự tứ, ngoại bộ nhận tăng được thí và y của người mất.

Trong pháp đối thủ có hai:

1. Đãn pháp đối thú
2. Chúng pháp đối thú

Trong phần đầu bởi pháp riêng không khai giới cho tăng dùng. Tuy thành chúng cũng tự được thành. y cứ vào các bộ có hai mươi chín loại thọ ba y và xả. Thọ bát và xả. Thọ ni-sư-đàn và xả. Thọ bách nhật cúng thân cụ và xả. Xả thỉnh, xả giới, xả pháp y chỉ, y thuyết tịnh, bát thuyết tịnh, thuốc thuyết tịnh, thọ thuốc, thọ bảy ngày, an cư, gởi dục, sám ba-dật-đề, sám khinh-lan-già, sám đề-xá-ni, sám trọng cát-la. Phát lồ tội trọng khác, và tự phát lồ sáu nhóm. Trong Tăng tàn bạch xả hành pháp, tự thực hành hành pháp, bạch các hành pháp Tăng tàn, bạch vào xóm làng, ni bạch vào chùa tăng, ni thỉnh giáo thọ, tác pháp dư thực. Lại nói lược như vậy.

- ***Chúng Pháp đối thú***: Đồng trong chúng pháp tâm niệm, kế nói rõ chúng pháp có ba loại:

1. Đơn bạch

Sự hoặc nhỏ nhẹ, hoặc chỗ thường đi, hoặc là nghiêm chế. Một thuyết cáo tăng bèn thành pháp sự.

2. Bạch nhị: Về nghĩa phải thông hòa một bạch điệp sự cáo biết, một yết-ma lượng xứ có thể không tiện làm sự trước, thông bạch và yết-ma, cho nên nói là Bạch nhị.

3. Bạch tứ: Thọ giới, sám trọng, trị cử quở trách, ngăn sự thông đại tiểu tình dung, trái với mình chẳng phải là bạch nhất cáo biết ba pháp có thể lượng, đâu thể biện được. Vì ba yết-ma thông với đơn bạch ở trước cho nên nói là bạch tứ. Nếu y cứ vào duyên tướng đều hợp một trăm ba mươi bốn yết-ma, nói lược như thế, nếu nói rộng nữa, đơn bạch có ba mươi chín, bạch nhị có năm mươi bảy, bạch tứ có ba mươi tám, nếu thông hai đầu trước thì có một trăm tám mươi bốn pháp.

Hỏi: Tai nghe một trăm lẻ một yết-ma, nay nêu khác nhau?

Đáp: Đây là nêu chung, chẳng nhất định như số, cũng có thể trích dẫn Thập Tụng. Kia thì định có một trăm lẻ một yết-ma. Trên nói rõ phạm vi nhiếp pháp, tức phải nói rõ phi tướng, nhưng ý trong sao là làm văn hiển rõ cho người học dễ thấy, nên không có chương sự nghĩa, mỗi phân đối tấn không, nếu muốn rõ thông phải xem nghĩa sao. Nay nói thẳng đúng sai. Nghĩa là ba pháp trên lìa thì có tám loại. Nói rõ về tướng riêng. Nếu một sự sai không ứng tám điều lại vào trong phần phi, không thành yết-ma. Nếu muốn thông biết, tìm kỹ bao gồm trên dưới môn này, ngõ hầu không khác nhau.

Hỏi: Pháp của biệt nhân sao gọi là Yết-ma?

Đáp: Trong Ba ngữ của Tứ Phần và trong bạch y nói pháp gọi là yết-ma.

Trong Thập Tụng nói: Đối thủ tâm niệm, phân y, Phật gọi là yết-ma.

B. Nói rõ về sự. Nghĩa là sự bị yết-ma không còn nói lại, tức nói về phi, trong phần bị sự thông tình, phi tình đồng thời làm cho cảnh trước không lầm, mảy may đều thành pháp sự. Nếu một duyên có sai thì đều không thành. Vì sao? Vì như trong Nhân, Pháp, người không che giấu cho yết-ma, che giấu bất thiện, phi pháp thì không thành. Đây gọi là pháp vô sự hữu. Như trong chiêm bao, nên cho làm quở trách và làm tẫn xuất. Đó gọi là có thuốc có bệnh thí không tương đương, Phật nói không thành, cho nên người tri sự cần phải y cứ vào sự thật mới xưng

là Thánh giáo. Lại y cứ vào một việc. Ngoài ra thì lệ theo đó. Như thật phạm tội mà nói không phạm, thật không phạm mà nói phạm, đều gọi là phi pháp. Nếu thật nói thật mới là tương xứng, nhưng người kia tự nói lại việc làm của thần, như phiếm thần, ngoài ra tôi không phải tự nói.

Trong phi tình sự hai phòng yết ma ngăn ngại khó khăn không thành. Lìa y, gậy, v.v... thì nhất định phải đủ cả hai, đây đều là văn trong luật, gặp việc không quên mất.

Nói rõ đối nhân cũng có ba người.

Trước nói về tăng, trong tăng có bốn, như trước đã nói. Chỉ làm yết ma; trong giới có người, đều phải nhóm hết. Nếu người không đến thì thành biệt chúng. Như trong túc số, chỉ được ngự ở chúng pháp. Ngoài ra, pháp đối thú tâm niệm và sự quyết định không được. Trong hai, ba người, lập đủ hai pháp, nếu tác chúng pháp đối thủ hai giới không có tăng đều nhóm họp mà làm.

Nếu số đủ bốn thì không thành tựu, lại phải đổi pháp.

Nếu tác pháp đối thú, hai người mỗi người làm không ngăn ngại nhau. Nếu có người bên cạnh có điều cần hỏi, nếu 30 xả sám cần hỏi người bên cạnh, 90 đơn đọa chỉ đối thì được, cũng có điều thông thì phải hỏi. Nghĩa là đồng chỗ ngăn che, chỗ trống, tầm nội cho nên phải hỏi. Ắt ở ngoài có ngăn che cũng không ở chỗ hỏi chung. Nếu trì y thuyết tịnh thì chẳng luận chung riêng. Nếu là tâm niệm thì một bề không phân tán, nếu có việc ấy thì tùy duyên làm.

Một người tâm niệm riêng ở trong giới. Nếu làm chúng pháp tâm niệm, đối thú tâm niệm. Lại giới không người mới thành pháp này. Nếu có một người thì gọi là phi pháp biệt chúng, nếu y cứ vào điều bỉnh. Như trong pháp ở trước, nếu tác pháp tâm niệm bất luận là đồng hay khác.

1. Y cứ vào giới có bốn loại tự nhiên, trong pháp yết-ma chỉ làm một pháp yết-ma, là tăng chấp ngự. Ngoài ra hai pháp đối thú, tâm niệm và trong chúng một, hai, ba người tạp pháp, bốn người tự tứ đều được bỉnh, đều phải nhóm hết.

- Giới tác pháp nhiếp tăng cũng chung cho hai thứ Nhân, pháp, chung cho ba loại, thì trong pháp giới chia làm năm vị trí.

1. Nạn sự thọ giới tiểu giới.

2. Nhân nạn sự tự tứ.

3. Số người thuyết giới.

Ba tiểu giới này do nạn mà khai, nhưng sau khi tác pháp nhất định sẽ không khai làm, cho nên trong văn kết liền giải. Chẳng phải pháp trụ lâu.

Bốn là giới trường: Vốn là thường tăng nhóm họp, cho nên kết chỉ trừ thuyết giới, tự tứ, khất bất, xả sám, người chết, y pháp thọ nhật giải giới, kết y giới, giải kết tịnh địa, thọ y công đức, v.v...

Năm là Đại giới, tựu trung đều có thông và không thông, tùy tương có thể biết. Hai lần nêu riêng yết-ma nói rõ về sự thành hoại này pháp không khởi riêng, đều có thông và không thông, tùy theo tướng có thể biết. Hai lần nêu riêng yết-ma nói rõ về sự thành hoại này, pháp không khởi riêng, đều phải có bốn duyên. Tùy nghĩa giải thích về sai quá bảy loại, trước chỉ pháp tâm niệm để giải bảy loại sai. Cho đến bạch tứ, bảy loại có thể hiểu, trước nói về bảy loại sai:

1. Nhân sai, nghĩa là dùng pháp này đối với người mà làm

2. Pháp sai, miệng chẳng nói rõ pháp không xứng với giáo

3. Sự sai, cát-la nặng dùng tâm trách hối hận. Sự như sáu niệm, mỗi niệm đều phi pháp, vọng điệp mà tụng, không thành có tội.

4. Nhân pháp sai, không ngại sự đúng

5. Nhân sự sai, không ngại pháp đúng

6. Sự pháp sai, không ngại nhân đúng

7. Đủ ba sự sai đều đồng ở trên, tùy sự mà theo nó.

2. Đối thú tâm niệm cũng đủ bảy loại sai, số đồng ở trên tùy sự đối pháp, mỗi pháp có tướng riêng. Lại nêu mốt pháp an cư, ngoài ra thì theo nó.

(1) Nhân sai, rõ nghĩa là trong giới có người, biệt chúng mà làm, tự không y vào người khác.

(2) Pháp sai, miệng nói sai lầm thoát văn chẳng rõ ràng

(3) Sự sai, thời chẳng phải mùa hạ, xứ có nạn duyên không y theo Phật chế.

(4) Loại dưới sai rồi trước có thể biết.

3. Về chúng pháp tâm niệm như thuyết giới cũng có bảy loại sai:

1. Nhân sai, trong giới biệt chúng tự phạm sáu nhóm.

2. Pháp sai, không bảy rõ ba thuyết, hoặc có rơi mất.

3. Sự sai, chúng ta có thiếu thì phi chánh pháp.

4. Sai rồi dưới như lệ trước.

4. Chỉ đối thú như pháp trì y

1) Nhân sai, người đối phạm giới phi pháp, có người đáng quở trách thì quở trách.

2) Pháp sai: Trình bày thọ nhận sai chánh hoặc quở trách không thôi.

3) Sự sai, năm y đại sắc và trở lên nhiễm tài là riêng về bất tịnh.

4) Trái sai đến bảy như trước nêu riêng.

5) Chúng pháp đối thú, như tự tứ, v.v...

1. Nhân sai, bốn người bỉnh pháp, thứ năm thọ dục, hoặc phi tịnh giới biết mà đồng pháp

2 Pháp sai: Không bày tướng, nói không rõ

3 Sự sai thì chẳng cuối hạ. Các nạn không có

4 Trở xuống sai, cũng như trước nêu.

6) Đơn Bạch: như pháp xả đọa, ngoài ra những trường hợp khác y theo đó mà hiểu, mỗi pháp khác nhau.

1. Nhân sai: người biệt chúng trong giới chẳng thanh tịnh, v.v...

2. Pháp sai: nặng nhẹ đồng pháp, trì phạm không phân, vọng bày nói năng.

3. Sự sai, tài vật chẳng cần xả, có lỗi không bày, giới chẳng tác pháp, y vật không nhóm, vọng nương gá người.

4. Nhân pháp sai, ở dưới có thể hiểu

7) Trong phần bạch nhị đúng như pháp kết giới

1. Nhân sai, không hết tiêu tướng mà nhóm họp.

Trong giới biệt chúng người đáng quở trách thì quở trách

2. Pháp sai, xướng tướng không rõ, tác pháp rất thầm kín, lại quở trách không thôi.

3. Sự sai, tiêu tướng và thể ba loại phạm vị, lộn xộn

(1) Loạn không phân biệt kia đây

(2) Giới lầm liên quan đến trong kiết giao, xa xướng, loại kết xa đều không thành tựu, các thứ sai khác có thể lệ theo đây mà biết.

8) Bạch tứ, như thọ giới v.v...

1. Nhân sai, người thọ già nạn, không nhóm trong giới, số tăng có thiếu. Người tuy năm trăm, hơn năm mươi người trong mỗi người, pháp chọn lựa không trúng, đều chẳng phải số đúng.

2. Pháp sai, thọ tiến chỉ ở trước có tám loại điều lý, và luận chánh thọ chấp văn không sai.

3. Sự sai, giới tướng không rõ, y bát chẳng phải của mình, các thứ sai còn lại lệ theo trước.

Còn chánh pháp khác cho đến tâm niệm đương pháp tự thành, không luyện chung nhau. Biệt chúng một pháp, nhiều hoặc thông nhau. Nói rộng về tướng sai như nghĩa sao.

Kế giải thích Chánh Văn yết ma, làm cho biết cương yếu, biết giải thông hoặc không thông. Nếu không đầy đủ, thấy rõ thêm bớt một chữ gọi là phi pháp. Nhưng phi tướng ấy chỉ ở một chữ, xong phải biết chỗ

không được đồng với lôi sấm.

Hoặc y theo văn ẩn tụng, không hề đổi phô bày có không, hoặc thứ hai, thứ ba cũng tùy lược nói. Hoặc không có văn xưng với sự, có văn không sự, đều có đều không, chưa thể thêm bớt, cho đến sai người bên cạnh đổi, lại thêm lẫn lộn. Hoặc là ám tụng không vào tâm khảm. Việc đến cho đến có sai trái, liền ở trong đối chúng cầm văn xướng to lên. Việc như thế lộ trình bày ra lâu dần cũng nghe. Há không vị ngu si không học tự nhân lời trách, cũng có chuyển mất tinh thần. Quán sự mới đồng ở pháp. Mà hai duyên nhân sự tối tăm hơn biển mộng. Lượng thời lấy pháp toàn là tâm sự. Y theo giáo, giáo gọi là không thành.

Kết tội tội sẽ phạt nặng, bởi vậy sự may mắn về đồng pháp nên cực thành. Nếu người làm yết-ma phải là Thượng tọa. Cho nên luật nói: Người nên làm yết-ma, nếu Thượng tọa, cho nên luật nói: Người nên làm yết-ma, hoặc Thượng tọa, hoặc thứ tòa. Nếu Thượng tọa không thể nói ra lời nói thì người trì luật làm, ngoài ra không thì được. Nay giải thích chánh văn gọi là thuyết giới, đơn bạch và thọ giới yết-ma đều giải hai văn, ngoài ra thì lệ theo đây màhiểu.

Trong Ngũ Phần, phần đơn bạch thuyết giới pháp chép:

1. Đại Đức tăng xin lắng nghe là nói chúng sách tiến cho nghe làm cho động pháp nhĩ thức, phải là tăng đồng pháp.

2. Nay ngày 15, tháng có trăng tăng bố tát thuyết giới, chính là nói về tình sự, bạch cho chúng biết.

3. Nếu Tăng đến đúng thời, tăng bằng lòng cho, chính rõ rằng nếu tăng hòa tập tâm xét cho lượng có thể được hay không

Nghĩa là tâm hòa thân nhóm, sự thuận pháp ứng.

Bằng lòng cho khuyên sai người khác và chớ trái việc.

4. Bố tát thuyết giới, trọng điệp, bạch ý căn bản lần thứ 2, quyết pháp thành tựu, chấp nhận việc có thể làm.

5. Bạch như thế: Sự đã hòa biện, bạch kết nói biết kể rõ trong pháp yết-ma. Lại y cứ vào thọ giới bạch tứ ở trên đã nói rõ, sợ người mới học chưa ngộ nên lược nói lại, mỗi người đều có chí.

Trong bạch tứ còn có năm:

1. Đại đức tăng nghe đồng ở trên, nêu tai khuyên nghe

2. Sa-di... theo Hòa-thượng... thọ giới, cho đến ba y, bát, tọa cụ.

Hòa-thượng... ở đây đồng với trên, điệp duyên này tốt, chính nói về tình sự, sai chung lượng thì tiện.

3. Nếu tăng đúng thời mà đến, tăng bằng lòng cho, đồng với ở trên, tâm và sự đã hòa mong tăng đồng bằng lòng.

4. Nay tăng thọ cụ giới... Hòa-thượng... chính là rõ ràng bằng lòng có thể làm phán quyết căn bản.

Bạch như thế: bên ngoài chúng làm cho biết.

Văn bạch này nghĩa hơi giống với văn đơn bạch ở trước. Y theo đây có thể hiểu.

Kế giải thích về yết-ma

Tóm lại chia làm hai:

1. Trước chánh quyết căn bản

2. Tăng đã bằng lòng dưới kết thành văn trên

Trong phần trước có ba.

Trước đại đức tăng xin lắng nghe: Bảo chúng lại nghe việc đã không nhỏ, rõ rằng duyên nghe về duyên quyết phán.

1. Vị... này cho đến trưởng lão nào bằng lòng: chính nói lại về duyên và căn bản. Nghĩa là nay tăng với cho... thọ giới có thể được không.

3. Nay tăng cho... thọ giới cụ túc. Cho đến ai không bằng lòng thì nói, đơn điệp, căn bản quyết pháp thành tựu, lần thứ hai lần thứ ba cũng như vậy, một thì sự không thành biện, nhiều thì pháp có lạm sai, phép tắc làm cho định hạn đến đây.

2. Kết khuyên nói tăng đã bằng lòng cho ai đó thọ cu, dưới đến như thế mà hành trì. Ở đây phó chúc thẳng kết quy về không thiếu yết-ma chánh thể. Tựu trung thêm ba pháp phân biệt, một là tăng giải, hai là thông không thông, ba là đúng sai.

Trong phần đầu nếu việc nhỏ nhẹ không có duyên khởi không có khất từ. Lại không có điệp sự thì trong sự bạch năm câu, trừ câu thứ hai, nhưng bốn câu thành bạch. Cho đến bạch nhị xếp vào lệ trừ. Ngoài ra thì một chuẩn. Trong phần hai nói về thông và không thông. Trong văn đơn bạch văn nghĩa thứ nhất. Thứ ba, thứ năm chung cho một trăm ba mươi bốn pháp. Lại không thêm bớt, câu thứ hai, câu thứ tư do mỗi câu tùy sự cho nên xứng duyên. Mà điệp văn tùy sự hiển cho nên hạn cục. Nghĩa còn nói chúng quyết phán thành tựu cho nên thông với tất cả.

Đại đức tăng xin lắng nghe, Trưởng lão nào bằng lòng hay không bằng lòng thì nói, tăng đã bằng lòng: nghĩa văn dưới đều chung cho bạch nhị và bạch tứ. Trung gian điệp duyên, điệp sự tùy cơ khác nhau. Văn hạn cục, nghĩa thông, loại ấy có thể hiểu. Nếu rõ nghĩa này thì được duyên biện làm, không cần xem văn. Không hiểu duyên trước, văn tụng cũng mất.

Nói về đúng sai, văn nghĩa trong bạch đều chung cho ba câu. Văn

nghĩa trong phần yết ma chung đầu đuôi một lời, không thể lược thêm, chắc chắn phải tụng chung, thiếu thừa thì không thành. Ngoài ra văn cú nghĩa khác chung, nhưng làm cho thuận sự hợp nghi không trái. Thêm thì rườm rà, bớt thì đơn sơ, cổ huấn khác nhau. Mà văn nghĩa không mất thì thành chánh pháp. Xếp loại y cứ vào các bộ, yết-ma khác nhau và luận nghĩa ý cũng không có ít. Cho đến như phiên dịch, âm nghĩa Phạm Hán hoàn toàn trái nhau. Những điều xưa dạy huyền không thể không hai được, cho nên lệ thành.

Hỏi: Trong đời có bạch đọc yết-ma thì tác pháp có thành hay không?

Đáp: Không thành định này.

Tuy không rõ quyết có thể lấy nghĩa cầu, nhưng yết ma giới bổn tác pháp tương tự, giới bổn là để tụng, yết-ma đâu được bạch đọc. Cho nên Luật Tứ Phần, luật Tăng-kỳ nói: nửa tháng không có người tụng giới, nên sai hướng đến chỗ khác tụng xong, lại trở về bổn xứ thuyết, không được thuyết lại. Cho đến một người thuyết xong, lại một người thuyết. Nếu người không thể tụng, chỉ nói pháp, tụng kinh mà thôi, y theo đó mà nói. Nếu người đọc được thì được cầm văn, đầu nên như thế thôi không đọc. Lại cách chú thuật ở đời đọc văn mắc việc đều không thành tựu. Chỉ vì pháp quý ở chỗ chuyên sâu. Làm cho trái văn tụng trì tâm miệng chuyên chánh thêm việc thì dễ. Nhất định lúc làm văn số chữ mở miệng càng tán loạn. Cho nên trong Phật pháp người chú thuật tụng thêm vật liên thành. Chưa nghe đọc chú mà có thể làm việc, yết-ma thánh giáo Phật chế tụng trì huống chi chú thuật tựa luật tự hiển. Nhất định không tụng trọn đời phụ người tôi đích thân hỏi: về phiên dịch kinh ở kinh đô, các sư Ba Tạng Trung quốc nói: “Từ khi Phật diệt độ đến nay không có pháp này.

Hỏi tăng ni lại cùng được làm mấy pháp?

Đáp: Trong Luật Thập Tụng nói ni vì tăng, thực hành không lễ bái, không nói chuyện, không kính trọng thăm hỏi. Ba yết-ma này không cần hiện tiền tự nói, tăng vì ni, cũng được ba pháp nghĩa là thọ giới ma-na đỏa xuất tội, ngoài ra không thông nhau.

Hỏi: Được đối với bốn chúng như ni, v.v... và người tại gia tác pháp hay không?

Đáp: Không được, luật bảo đưa đến chỗ không thấy không nghe mới làm yết-ma. Ngoài ra người làm yết-ma, trong Ma-Đắc-già, Thập Tụng nói: Trước bạch y thuyết giới thành, trừ là vua Bình-sa v.v..., trừ dân tướng quyến thuộc của vua, riêng vì vua nói, vì làm cho tâm thanh

tịnh.

Hỏi: Yết-ma được mấy người?

Đáp: Khác nhau.

Như can ngăn hòa hợp được thêm ít nhiều, trị, cử, khất, không được bốn người gọi là phi pháp.

Tứ Phần nói: chung cho các yết-ma không được hơn bốn.

Tỳ-ni Mẫu nói: Các Tỳ-kheo nhóm họp làm việc phi pháp, nếu có ba, bốn, năm người có thể ngăn, một người không cần ngăn. Vì sao?

Năng lực của đại chúng lớn, hoặc có thể tẫn xuất tự bị khổ não. Cho nên im lặng không nói.

Mười lăm thứ im lặng trong Tứ Phần đại khái đồng với ở đây. Nói rộng như trong các chương.

Hỏi: khi yết-ma xong văn ấy ở đâu?

Đáp: Có nhiều cách giải thích, nay một pháp để định nghĩa là nói lần thứ ba xong, nói tăng đã bằng lòng cho việc đó. Lúc ấy, yết-ma xong, không đồng với giải thích trước nói lần thứ ba xong gọi là xong, cho nên luật nói: Bằng lòng là im lặng, không bằng lòng là nói, nay liền nói. Ý của không bằng lòng là thành quở trách phá, nhất định bằng lòng, im lặng. Ba lần nói xong ấy cũng thành, tùy ý được cả hai, ngoài ra rộng như trong nghĩa sao.

Tứ Phần Luật san phồn bổ khuyết hành sự sao quyển thượng.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 2)

THIÊN THỨ SÁU: PHƯƠNG PHÁP KIẾT GIỚI

Kiết giới nguyên thỉ vốn là muốn bỉnh pháp. Do tông cương yếu tăng yết-ma cầu Phật pháp, giống như mặc cho trì công trở về ở đây. Lý hợp nghi mười phương đồng vâng theo không trái cách. Nhưng cảnh châu Diêm-phù tuyên đã xong. Mỗi kỳ nhóm tăng thật khó chế phục. Hơn nữa, tốn công bôn ba phê đạo bày sự.

Bậc Đại Thánh thương xót sự cực độn ấy, cho nên khai tùy chỗ mà kiết, tác pháp phân cách đồng giới tôn sùng, vâng theo công thành, sự bèn tổng ý như thế. Tựu trung phân làm bốn:

1. Bày số định lượng
2. Y vị tác pháp
3. Pháp khởi có không
4. Phi pháp mất tướng

- Ở phần một (định lượng) nói về giới pháp tổng bày ba loại.

1. Giới nhiếp y, như trong phần nói về pháp y.
2. Giới nhiếp thực, như trong phần nói về thuốc.
3. Giới nhiếp tạng, điều rõ ràng như thế. Tóm lược chia làm hai

(1) ***Giới tự nhiên.*** Chưa chế tác pháp, gồm thông tự nhiên. Hoặc hư không có sự khác nhau với đường thủy, đường bộ. Sau đó nhân nhóm họp khó khăn liền khai nhiếp tùy cảnh. Mỗi nơi có phần hạn chế. Chỗ người đến mặc cho giới khởi, nên gọi là tự nhiên. Y cứ vào xứ có bốn loại khác nhau. Định lượng chia làm sáu tướng sai biệt, như trong phần nhóm tăng.

(2) ***Giới tác pháp:*** Do tự nhiên hạn cục ước chưa thể toại tâm. Giả sử có văn giáo lớn nhỏ đã định dùng thì không được. Xả thì trái với điều

chế. Hoặc làm đại pháp, đất yều không hơn. Cho nên Như lai thuận theo vật tình cho tùy chỗ mà kết làm cách thức nhất định. Mặc tình cải chuyển làm thành yết-ma. Công lớn lao cứu giúp chẳng phải ở tác pháp này, ngoài ra không thể biện. Tóm lược chia làm ba:

1) Nói về đại giới. Nghĩa là tăng thường hành pháp thực. Nói rõ về lượng. Đồng và thuyết giới trong văn là giới xa. Cho thuyết ngày 14, ngày 13 đến trước, không được thọ dục, y theo một trăm dặm. Trong Tỳ-ni Mẫu nói giới đồng bố tát xa nhất cho một ngày về lại. Tùy có hai văn chưa rõ dặm và số. Cho nên Tăng-kỳ, Ngũ Phần. Thiện Kiến đều nói: ba do-tuần là lượng.

Luận Minh Liễu nói: ba do-tuần hợp gốc mà lượng lấy. Cũng không biết do-tuần lớn hay nhỏ. Trí Luận nói: do tuần có ba loại khác nhau, loại lớn là tám mươi dặm, trung bình sáu mươi dặm, nhỏ bốn mươi dặm.

Đây gọi là sông núi trung biên khác nhau, dẫn đến hành lý khác nhau. Luật Tứ Phần nói, trong mục pháp y, do-tuần chuẩn là tám mươi dặm, ở đây y cứ vào phẩm trên để nói. Chỗ thông dụng quy về y cứ theo văn luật phải là một trăm hai mươi dặm, lấy phẩm dưới để định.

Bộ Tát-bà-đa nói: Ni kiết giới, chỉ được một Câu-lô-xá Vuông, nếu có nạn duyên có thể dùng, trong Tăng-kỳ là trong hai do-tuần, tùy ý kết lấy.

2) Nói rõ giới trường. Luật nói: vì số trong tăng chúng có bốn người khởi cho đến chúng hai mươi người trở lên, làm cho tăng mỏi mệt. Phật cho kết giới, không nói lớn nhỏ.

Luật Thiện Kiến nói: Giới trường nhỏ nhất chứa được hai mươi mốt người, giảm xuống thì không cho, ngoài ra như sau mà kết.

3) Nói rõ Tiểu giới. Đây đều nhân việc nạn sợ phế bỏ pháp sự cho nên Phật tùy duyên trước cho khai kết, đồng thời không có lượng đúng, tùy chỗ người ngồi tức là giới tướng? Một là thọ giới khai kết tiểu giới. Trước đây y cứ theo giới trường ngoài thân có giới trường. Nay y vào văn lấy nghĩa hoàn toàn không có tướng ngoài, như trong mục chánh gia.

1. Thọ giới khai kết tiểu giới, trước đây y cứ theo giới trường ngoài thân có giới trường. Nay y vào văn lấy nghĩa hoàn toàn không có tướng ngoài, như trong mục chánh gia.

2. Việc thuyết giới ít nhất bốn người ngồi thẳng.

3. Việc tự tứ ít nhất năm người ngồi vòng tròn. Ba điều này không ngoài lượng. Bởi nạn này khai tùy người nhiều ít, nếu hạn ngoại lượng

đều chẳng phải già nạn.

Cho nên Văn nói: Nay có như vậy, cho Tỳ-kheo nhóm họp. Chỉ lấy chỗ ngồi của Tăng hiện nhóm học có đất y vào đất mà kết giới. Nếu sự làm rồi thì chế giải. Không đồng với hai loại trước vì lâu cố tác pháp theo chỗ y cứ của người.

- Phần ba nói về y vì biệt giải: Vị thì có ba, như trên đã trình bày. Nếu có giới trường thì trước phải kết. Nay lại luận không có pháp kết đại giới. Tựu trung chia làm hai:

1. Chọn lựa đúng sai.

2. Dựng nêu xướng tướng.

3. Tập tăng dục pháp

Trong phần đầu. Hỏi "Đại giới có xóm làng có được kết không?

Đáp: Luật Ngũ Phần nói: Các người tại gia mới làm phòng xá, hoặc được lợi tốt, hoặc bị phi nhân làm não hại, thỉnh tăng bố tát ở đó. Tát-bà-đa nói: hễ kết đại giới thì chỗ đi chung cả xóm làng. Vì oai lực của giới cho nên ác quỷ không có tiện hại, thiện thần đến ủng hộ. Vì đàn việt cho nên kết chung xóm làng.

Trong văn luật Tứ Phần cũng kết xóm làng.

Hỏi: Trong giới có nước được kết hay không?

Đáp: Trong luật nói về sông, trừ thường có cầu, thuyền thì được kết. Nếu chỗ nước chảy, dòng chảy mạnh thì không được, phải có trụ cầu và nước cạn, không nạn, theo lý thì được. Cho nên trong luật ni nói: Chỗ nước, một mình không được qua, ở đây chung cho giới ngoài trong.

Hỏi: Một cái nêu thành hai tướng được không?

Đáp: Một khuỷu tay trở lên thì được.

Trong Minh Liễu Luận sớ nói như phía Đông Tây của một ngọn núi lớn mỗi phương kết một biệt trụ.

Lại nói: Hai dây biệt trụ, y cứ theo tường cao này đồng loại có thể phân biệt, đều được làm.

Hỏi: Nay đem cây đà làm tướng là lấy tướng trong hay ngoài?

Đáp: Nếu tròn thì lấy ở giữa làm cho giới tưởng ngay và phần nêu tương đương. Hoặc lấy bờ ngoài. Nếu vật nhọn thì lấy một phần làm hạn. Ngoài ra vật khác y cứ theo đây.

Nên trước phải bảo cho biết phạm vi thước tấc, chuẩn bị thuật cho răng biết. Không được thông chỉ một ngọn núi vọng lấy tướng bên ngoài cho đến làm cho việc tìm cầu phạm vi không thể biết được.

Hỏi: Nêu giới và tướng và thể.

Đáp: Nêu gọi là vật của núi đá dùng để chỉ đích tướng là giới bờ nêu bên ngoài của thể.

Thể nghĩa là trong tướng chỗ tác pháp. Hoặc nêu tức là thể hoặc nêu là thể khác. Tướng là thể ngoài. Chỗ tạm thời chia làm ba chỗ khác nhau, đồng thời dự ủy tất.

Hỏi: giới có được kết lại không?

Đáp: Luật nói: Không được hai giới tướng tiếp liền nhau, phải có trung gian. Nếu có người nghi, thì giải rồi kết lại, cho nên không được khai lại.

Ở phần dựng nêu xướng tướng, trước là nêu tướng.

Luật Tứ Phần chép: Giới tướng không nhất định đúng sai. Trong văn nói nếu phương Đông có núi thì xướng núi, có hào thì xướng hào.

Chỗ có nước sâu, xóm làng bỏ đi, chỗ hư không rỗng đóng cọc, đất trống y cứ theo đây lập pháp thật không có tự thể. Vì sao? Vì nói về lập tướng, vì biết duyên về hạn của giới, cố tác pháp nhóm chúng phá hạ lìa y, hộ thực. Nếu lấy đất trống làm chỗ, hư không thì có tướng để chỉ. Ắt có việc này tùy thời y cứ theo mà làm. Hoặc pháp một chỗ biết hư không ngại hai phần thì làm chỗ vững chắc. Y cứ vào bộ khác và bổn Tông tất cả đều dùng chung.

Luật Thiện Kiến chép: Tướng có tám loại:

1. Tướng núi, dưới đến như tướng đại (to lớn)

2. Tướng đá, dưới đến ba mươi cây, nếu đá nhỏ thì không được phải đặt đá khác.

3. Tướng rừng, cỏ trúc không được, thể rỗng không chẳng thật, xuống đến bốn cây liền nhau.

4. Tướng cây, không được lấy cây khô làm tướng, xuống đến cao tám tấc như kim lớn. Nếu không tự sống thì trồng cũng được.

5. Tướng đường. Xuống đến trải qua ba, bốn thôn.

6. Tướng sông, nếu bốn tháng không mưa mà sông vẫn chảy không ngừng.

7. Tướng núi đất gồ ghề, dưới đền tám tấc.

8. Tướng nước: Nước ao tự nhiên thì được.

Y cứ vào luật, các duyên như thành hào thành tướng có thể biết. Đã biết tướng kết là chỗ y cứ của giới nhà. Kết rồi liền phải nêu bày rõ về chỗ làm cho người đời sau, chủ khách đều rõ không có lạm nghi.

Kế nói rõ hình giới.

Luật Thiện kiến và Luận Minh Liễu chép: Tùy phương cong hay thẳng, tùy chỗ biện hình không nói ý chỉ nhất định. Nói rộng ra như đại

sớ lược nói như trong nghĩa sớ.

Nói về xướng tướng, cách kết thời nay không quá hai:

Hoặc ở lan-nhã nếu y vào núi, gần bên nước, cây bên đường. Hoặc ở thành ấp thì tùy bờ rào, hào hố, tường viện phần nhiều là bốn phương. Bấy giờ mà có cong thì trước phải biết lỗi, sau mới tránh lỗi và xướng. Nghĩa là trước học chưa đạt và sau tiến đến các sư như xướng phương tướng mới dễ trình bày, như từ ngoài viện xướng rằng: Từ gốc Đông Nam cho đến góc Tây Nam, rồi giáp vòng. Cửa chùa chánh Nam thì có lỗi biệt chúng. Vì giới hạn từ ngoài tường thẳng qua, bên ngoài hạn cửa thì thanh trong giới.

Nếu trong chùa thì làm các yết-ma bên ngoài hạn của tường có tăng không nhóm họp há chẳng biệt chúng. Cho nên biết xướng tướng phải cong xướng ra không làm cho hối hận sau này. Cũng chẳng thể thông đồng nói theo cong. Cong cũng chung cho sâu cạn xa gần, đều thành không biết phạm vi. Nếu trong tự viện xướng tướng từ ngoài thẳng qua thì bên trong giới hạn. Là ngoài giới thì có lỗi biệt chúng, phá hạ, lìa y, nếu tác pháp trong chùa có người thuyết dục xong đến trong hạn cửa rồi lại đến, há chẳng phải xuất giới, nhập giới, là biệt chúng hay sao?

Nếu phá hạ, có người y vào giới an cư, minh tướng chưa xuất hiện đến lúc mặt trời mọc rồi trở lại, há chẳng phá hạ hay sao?

Nói mất y, y vào giới kết giới nhiếp y, mình tướng chưa xuất hiện không trì y, đến minh tướng xuất hiện ra ngoài giới, há chẳng mất y? Cho nên dạy về lỗi. Nhưng sau khi xướng tướng, trong lan-nhã cũng có lỗi này, vọng chỉ núi hang, lạm chỉ cây cối. Cho đến phạm vi đâu liền được biết. Kết đều không thành. Cho nên trong Luận Minh Liễu kết sóng nước biệt trụ. Một trượng năm thước thì lấy đá thứ lớp, giáp vòng xong rồi tùy đá mà xướng.

Luận Thiện Kiến cũng nói đá nhỏ không được, lại văn nói rõ ràng, không dễ lạm nói vùi lấp người, hoặc thọ giới không thành, làm cho người khác, một đời luống uổng. Tự thân chưa đến lại gặp giới này. Cho nên kinh Đại Tập chép: Sau khi ta diệt độ Tỳ-kheo ở Diêm-phù-đề không thọ giới, lời này rất hiệu nghiệm.

Kế nói rõ xướng pháp. Trong luật nói sai người cựu trụ xướng. Khi chưa xướng đích thân đến chỗ sáng và chỗ bị che tối tụng. Chớ làm cho đối chúng có sự ngượng nghịu.

Trước phải từ góc Đông Nam bắt đầu, giáp vòng chỉ thẳng tướng đó.

Luật nói: Phương Đông có núi, nếu y vào phương Đông mà xướng, đến góc khúc cong thì không phân phạm vi. Nay người hành sự y cứ dễ làm. Nếu ở chỗ đồng trống mà kết giới thì trước phải chỉ bốn (nêu) ở bốn góc, sau đó sai một người trong tăng xuống tướng, người bị sai phải đứng dậy lễ tăng rồi đứng xướng rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo v.v... vì tăng mà xướng tướng đại giới bốn phương, từ góc đông nam cây táo thẳng đến phía Tây góc Tây nam cây dâu, từ phía Bắc này đến cây liễu góc Tây bắc.

Từ phía Đông này ra đến cây du gốc Đông bắc. Từ phía Nam này vòng lại đến cây táo góc Đông nam. Đây là tướng ngoài của đại giới.

Một vòng xong ba lần nói đều như vậy, nếu gặp việc biệt tướng, y cứ theo sửa đổi xướng nó, không dung cho sự lầm lẫn.

Nếu chùa trong thành ấp phần nhiều có tường viện thì từ bên trong mà xướng, duyên trước như trên. Sau nói:

Từ phía Tây tường bên góc trong góc Đông nam tường viện ngoài chùa, xuống đến góc đất phía Bắc mé Đông cửa nam, tùy cong phía nam ra đến bờ cửa bên góc trong bờ cửa. Phía Tây xuống đến góc trong mé Tây. Từ phía Bắc cong vào đến góc đất giáp Tây của cửa. Từ phía Tây này xuống đến góc Tây nam ngoại viện, từ phía Đông này xuống đến góc Đông bắc ngoài viện. Từ phía Nam hãy xuống đến góc Đông nam. Đây là tướng ngoài của đại giới. Giáp vòng xong nói ba lần rồi nếu có ba cửa, năm cửa và bờ rào tường hào góc nhọn, vuông cong tùy chỗ mà xưng gọi, y theo cách thức trên.

Nếu có ngăn che, muốn xuyên tường thẳng qua, nên xướng tên viện y cứ theo tường vách của viện mà xướng tướng.

- Ở phần ba nói về pháp nhóm tăng gởi dục.

Trước nói nhóm tăng. Nhất định đều là trong giới tự nhiên. Nếu là nêu rộng mà giới hẹp thì đều phải tiêu tập.

Luật Tăng-kỳ nói: Tránh nạn trong giới, trong ba do-tuần có Tỳ-kheo đều gọi đến. Nếu ra giới rồi mà tác pháp kết: có sự nói. Chỉ đều tự nhiên mà nhóm. Vì bên đất trong nêu chẳng phải giới tự nhiên, lại chưa gia pháp, nếu Yết-ma xong mới có biệt chúng.

Trong luật Tăng-kỳ nói rõ: Kia là nạn duyên, sợ thành chướng ngại cho nên phải nhóm.

Theo lý thì không đúng, đều nhóm học là cốt yếu, không có chánh giáo để y cứ theo, nêu trong (nêu) có thôn, dù trong tự nhiên cũng không muốn lấy thôn, nên vây quanh thôn xướng tướng trong, sau đó xướng tướng ngoài, tác pháp kết thành. Tỳ-kheo trong thôn không cần

nhóm ở ngoài. Nếu tướng trong ngoài có giới ni và ni không ngại kết pháp, thì cả hai không nhiếp nhau. Nếu có giới tăng tác pháp, chỉ làm cho Tỳ-kheo không ra khỏi giới mình. Xướng tướng trong. Sau đó xướng tướng ngoài, tác pháp kết thành. Tỳ-kheo trong thôn không cần nhóm ở ngoài. Nếu tướng trong, ngoài có giới ni và ni không ngại kết pháp, thì cả hai không nhiếp nhau. Nếu có giới tăng tác pháp chỉ làm cho Tỳ-kheo không ra khỏi giới mình, xướng tướng trong rồi thông kết lấy. Như Luận Minh Liễu nói về lệ của biệt trụ phần hai không được nhận dục. Có ba nghĩa.

1. Kết giới là bổn lý của chúng đồng phải mau chế.

2. Giới tự nhiên yếu không hơn yết-ma, đây là chánh văn của luật Tăng-kỳ

3. Để biết bờ giới, hộ hạ biệt chúng hộ thực hộ y. v.v...

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo làm yết ma chết, người khác không biết chỗ giới. Phật dạy hãy xả rồi kết lại, cho nên phải nhóm hết.

Nói về Chánh gia Chánh Pháp, Thượng tọa nói: Nay tăng hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết-ma kết đại giới, nên bạch nhị mà kết.

Văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ở trú xứ này xướng tướng đại giới bốn phương, nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho, nay tăng ở trong tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng một trụ xứ, đồng một thuyết giới, tác bạch như thế.

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này xướng giới tướng bốn phương, nay tăng ở trong tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, Trưởng lão nào bằng lòng cho, Tăng nay ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, Trưởng lão nào bằng lòng cho. Tăng nay ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng xin cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng đối với tướng bốn phương này, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, kết đại giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

- Phần hai nói về pháp đại giới của giới trường.

Trước dựng ba loại tướng nêu, trong cùng là một lớp nêu trong giới tự nhiên, tướng ngoài của giới trường.

Ở giữa một lớp tướng nêu trong đại giới của giới tự nhiên, ngoài cùng là một lớp tướng nêu ngoài của đại giới. Tức phải giáp vòng, trước phải xướng nêu bên trong một lớp rồi tác pháp kết. Nhưng vì ba kết khó

rõ, sợ pháp không luyện, lược chủ dẫn biểu đồ. Sau này y vào biểu đồ để xướng tướng, làm cho người mới học hiểu lầm. Nay hành sự mù mịt rơi vào trong văn mà thôi, không hề ủy luyện, làm cho y cứ vào văn đọc thì sinh phiền muộn, nhất định biết phụ sự tác pháp không thành, phải cẩn thận mới toại sự.

Khắp vòng tròn này là giới tướng tự nhiên. Nếu trước ở trong giới đàn nhóm tăng, cũng nhóm họp bốn mặt, đã trình bày trong bản đồ. Y cứ vào khi kết đại giới, tự nhóm họp tăng, tăng ngoài viên vòng tròn phía Bấy đến chỗ tăng ở giữa kết giới cách nhau sáu mươi ba bước. Tăng ở trong đó cách tăng ngoài giới châu viên cũng vậy. Tăng Nam, Bắc cách nhau một trăm hai mươi sáu bước, mỗi mỗi đắc thành pháp, ở trong không thành. Cho đến phương khác đều y cứ theo đây. Nếu tác pháp kết rồi tùy tướng nêu xa gần. Lại y cứ xóm làng không thể phân biệt làm lời nói. Nếu xóm làng có thể phân biệt cho đến giới đi đường có năm tướng xa gần nghĩa loại khác nhau, lại như chỗ sai trong phần nhóm tăng ở trước.

Biểu đồ giới này gọi là giới tự nhiên rộng đối với tác pháp tròn khắp ngoài nêu lấy giới, ắt có giới riêng cũng tùy cong nhọn. Chu vi trong đó là giới trường. Giáp vòng ở giữa gọi là giới tự nhiên. Hai bên Đông Bắc tức dùng trên dướng tường nhỏ là thể của giới tự nhiên. Hai bên Nam Tây trong tướng của đại giới thì không có tướng riêng, nên đóng cọc dựng dây nêu liền nhau phân ở góc Đông nam của giới tường, cách tường đại giới tám mét đất, bên tường nhỏ đóng một cọc, lại ở góc Tây nam cong nhọn cách tường lên hai mét cho hạ một cọc. Lại ở góc Tây bắc đến tường nhỏ bên này tường nhỏ hạ một cọc.

Phía chính Tây cách tường lớn tám tấc. Đóng ba cọc rồi, vẫn lấy dây liên tiếp ba nêu, chính là giới tự nhiên. Hai bên nam Tây nêu tác 2 pháp xong. Nếu hai giới mỗi giới có pháp sự, trong đây có người không ngại hai chỗ thì tướng hai bên Đông và Bắc tướng ngoài của giới trường chính là lấy nội viện tường nhỏ làm tướng hai mặt. Hai bờ Tây và Nam thì dùng dây nêu bên trong làm tướng là tướng trong của đại giới ấy. Hai mặt Đông và Bắc lấy ngoại viên tường nhỏ làm tướng. Hai mặt Nam và Tây lấy tướng trong đại viện làm tướng. Nếu nói rõ về tướng ngoài thì ở ngoại viện xướng. Nếu ở trong tướng xướng, đến góc Tây nam bên giới tự nhiên ngoài giới tướng thì với nội tướng đều hợp, không có sự khác nhau giữa đây kia. Lại không được vào tướng của đại viện xướng. Vì không thấy tướng ấy. Trên lại nhờ một duyên, lấy làm tướng mạo. Khi tác pháp thưa hẳn như biểu đồ, nếu không y theo đây mà giải thích,

ngoài ra xứ cũng y cứ không được, nay nói rõ cách kết, chia làm ba:

Trước lần lượt duyên. Luật Ngũ Phần chép: Trước phải kết giới trường, sau kết đại giới. Nếu trước Kết đại giới, thì phải xả rồi kết lại, sau đó xướng tướng kết đại giới. Tỳ-ni Mẫu và luật Thiện Kiến cũng đồng với thuyết này. Nay còn có người trước kết đại giới, đây là do không đọc thánh giáo, chỉ nói ý lời.

Hỏi: Trước kết đại giới, thì giới trường có thành không?

Đáp: Ngũ Phần nói phải xả rồi mới kết, cho nên biết thành, nếu không thành pháp sau, cho nên phải giải.

Ngũ Bách Vấn nói rằng: Sau khi kết giới trường thọ giới trong đó e rằng không được. Lại nói không biết đồng với chưa chế nhờ có đường này thì thông suốt. Thời nay kết phần nhiều có phi pháp hoặc đem năm, sáu người đi tất đến trong giới trường. Trong giới không nhóm họp, xướng chung ba tướng, đã đủ lại thêm hai loại yết-ma. Hoặc có giới nội thông xướng ba tướng đã tùy giới thêm pháp, hoặc ở trong đại giới kết xa.

Hoặc trước kết giới trường mà chỉ xướng tướng ngoài đại giới, không xướng tướng nội giới mà gia pháp. Những điều này, đều lạm kiết không thành, cho nên phải biết giới mỗi xướng mỗi kết mới được thành tựu.

Phần hai nói rõ xướng tướng, trước nhóm tăng trong giới tự nhiên rồi, một Tỳ-kheo sửa sang oai nghi xướng rằng: Đại đức tăng nghe tôi Tỳ-kheo... vì tăng xướng tướng bốn phương của tiểu giới trường từ bên trong nêu góc Đông Nam chỗ này, phía Tây sợi dây dưới đến nêu góc Tây Nam. Từ phía Bắc trong sợi dây bên này xuống đến nêu góc Tây bắc, tức là bên phía Đông trong tường nhỏ. Xuống đến góc trong Đông bắc tường nhỏ. Từ bên nam trong tường này xuống đến nêu góc Đông nam. Đây là tướng ngoài của giới trường, một vòng xong ba lần nói rồi. Người yết-ma hỏi để làm gì?

Đáp: Yết-ma kết giới trường.

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này nêu tướng tiểu giới bốn phương.

Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kiết làm giới trường, tác bạch như thế. Đại Đức tăng xin lắng nghe Tỳ-kheo ở trụ xứ này nêu tướng tiểu giới bốn phương, Tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương nay kết giới trường. Trưởng lão nào bằng lòng cho Tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kết giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng

thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng trong tướng bốn phương này kết giới trường rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này cứ hành trì như thế.

Kết rồi, tăng khác lại ngồi, phải lấy bốn, năm người biết pháp tướng vào trong đại giới an tọa, ổn định rồi nhóm giới không người mới là đắc pháp.

Kế là cách Kết đại giới: Trước nói rõ xướng tướng có hai loại khác nhau.

Nói biệt xướng: trước xướng nôi tướng ba vòng xong, kế xướng tướng ngoài, ba vòng sau đó tổng kết hợp.

Hai là tướng nhất khắp trong ngoài Tổng điệp, đã tùy khắp hợp.

Văn nói rõ pháp chung, phải sai một người có oai nghi xướng rằng: Đại đức tăng nghe, tôi là Tỳ-kheo v.v... vì tăng xướng tướng trong ngoài của bốn phương đại giới. Trước xướng nôi tướng, từ phía trong góc Đông nam tướng nhỏ xuyên qua phía Tây tường nhỏ. Bên trong tường lớn đến góc trong góc Tây nam. Từ bên dưới phía Bắc tường xuyên qua đầu phía Tây tường nhỏ, qua đến góc ngoài góc Tây bắc tường nhỏ. Từ bên dưới góc Đông tường nhỏ này đến góc ngoài góc Đông bắc tường nhỏ. Từ phía Nam này ra lại đến góc ngoài Đông nam. Đây là một vòng tướng trong của đại giới.

Kế xướng tướng ngoài: Từ góc ngoài góc đông nam tường ngoài chùa viện, thẳng đến phía Tây góc đất ngoài mé đông cửa Nam. Tùy góc cong phía Bắc vào đến trong hạn cửa Tây, xuống đến đầu hạn mé Tây, tùy hạn phía Nam cong ra đến góc đất ngoài mé Tây của cửa. Từ phía Tây này xuống đến phía ngoài góc Tây nam. Từ phía Tây này xuống đến phía ngoài góc Tây bắc. Từ hướng Đông này xuống đến phía ngoài góc Đông bắc. Từ hướng Nam này xuống vòng đến phía ngoài góc Đông nam. Đây là một vòng tướng ngoài của đại giới. Kia là tướng trong, đây là tướng ngoài. Đó là một vòng trong ngoài tướng của đại giới.

Ba lần như thế rồi nói với tăng rằng:

Đã xướng tướng trong ngoài của đại giới xong, chúng tăng làm yết-ma. Người xướng lên tòa đã lên tòa, như thường y vào trước đây mà làm.

Yết-ma đại khái đồng với trước, không có giới trường mà kết, chỉ đủ một chữ của trong.

Nói: nay Tăng ở trong tướng trong ngoài bốn phương này kết làm đại giới. Nếu y cứ vào văn trong luật cũng không thêm chữ.

Chỉ nói: Ở tướng trong bốn phương này kết đại giới, về lý cũng

được tùy ý, còn đường lớn không ngại, kết giới này rồi.

Như trên yết thị hiển rõ chỗ.

Pháp ba tiểu giới ba môn phân rõ. Trước nói về nhóm tăng xa gần. Đây do giữ lại nạn mà khởi. Không đồng với đại giới nhóm tăng. Cho nên Phật tùy phương tiện khai mở giới này. Như trong luật Thiện Kiến nói lượng bảy bàn-đà nhóm tăng nên được.

Cho nên trong văn kia không đồng ý, đối với Tứ Phần này không khác, đồng thời cho là trong a-lan-nhã, ắt ở trong xóm làng trong văn không khai. Do lan-nhã đường xa đến nạn dễ thấy. Phần hai không dựng tướng vuông. Nghĩa của giới trường đại giới bền lâu, tăng thường ở nghỉ, lý phải rõ ràng, ba tiểu giới này đều do sự mà khởi có nạn thì ngăn làm. Phật khai tạm kết, lại không có tướng, tùy người nhiều ít mà làm giới thể. Nay người hành sự nếu kết tiểu giới thọ giới, phần nhiều lập hạn của viện, thuyết giới ngồi thẳng, tự tứ ngồi vòng tròn. Hai cách này không có tướng ngoài. Điều này chưa thông báo; y cứ theo văn trong luật vì ngăn Tỳ-kheo ác nay còn ngồi ngoài có giới, đều không khỏi ngăn.

Ba tướng của tiểu giới này đồng một pháp, đều chỉ chỗ ngồi của tăng nhóm họp làm tướng trong của giới.

Cho nên trước nói tăng nhóm một chỗ, giữa nói cho Tỳ-kheo nhóm. Sau nói chỗ ngồi của các Tỳ-kheo đã đủ, phân chỗ ngồi của Tỳ-kheo ngồi như thế kết tiểu giới, văn chỉ ở đây. Lại không có tướng trong ngoài, nếu theo Luật Tăng-kỳ văn kia nói: Người muốn xả y ra ngoài giới. Không có giới trường kết tiểu giới, văn nói: Phần ngoài chỗ ngồi tăng trong một tầm thường tác yết-ma trong đó. Đây là nói rõ văn có khai, nhưng đồng với pháp của giới trường, chẳng đồng với tiểu giới.

Luật Tứ Phần nói: Trong pháp giới trường cũng nói tiểu giới, có thể chính là lập tướng tiểu giới. Nếu tác pháp thọ giới, thì y theo ngoài giới của luật mà vấn nạn. Nếu khi đến xin thọ, mười người hợp lại ngồi kết trước, đủ khai phần một người, thân giới ngoài cũng y cứ theo văn Thập Tụng và Thiện Kiến đủ thành số tăng. Đây là định nghĩa, ắt y xưa dùng kết giới không thành, tác pháp chẳng đúng thì một đời thọ uổng, tâm nghi thường khởi, gọi là không có giới trọn đời, lời này rất đúng. Nói rộng ra có phế lập như trong nghĩa sao. Nếu nói về thuyết giới, theo đồng sự bạn tốt, hạ đạo đồng thời ngồi làm cho gần nhau, y vào pháp mà kết. Nếu nói về tự tứ, năm vị trở lên ngồi vòng tròn bốn mặt, có đủ năm đức, bốn mặt tự tứ người này dụng thêm, chưa hẳn như thế, cũng tùy duyên sửa đổi.

Kế nói rõ pháp kết, vì sự ít văn còn lược ngoài ra có ba loại giới khác nhau.

1. Thuyết giới riêng lợi dưỡng riêng, muốn đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng.

2. Thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn đồng thuyết giới, lợi dưỡng riêng

3. Thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn đồng lợi dưỡng, thuyết giới riêng, vì thủ hộ trụ xứ. Tăng vật bốn phương này xướng hòa pháp. Cho nên Phật lập khai kết. Trong đời sau pháp này e hết tận, ắt như hợp chùa có duyên cứu giúp sự thiếu thốn, đều phải bạch nhi cùng tăng đưa đi. Không được thẳng vậy mà cho người vì tăng vật không được ra khỏi giới.

Kế là nói rõ pháp giải giới. Trước giải chỗ không có giới trường.

Tăng nhóm rồi hỏi dục, lấy hòa rồi giải rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Nếu tăng phải thời đến tăng bằng lòng cho giải giới, tác bạch như thế.

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, để giải giới. Trưởng lão nào bằng lòng Tăng một trú xứ, đồng một thuyết giới, giải giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho tăng đồng một trú xứ đồng một thuyết giới, giải giới xong, tăng bằng lòng thì im lặng, việc này xin hành trì như vậy.

Nếu có giới trường trước giải đại giới, rồi giải giới trường. Đây là thường chuẩn. Thượng tọa hỏi đáp mỗi việc phải có đơn điệp. Không đồng thọ giới một đáp được làm nhiều pháp, người kia do đồng giới nên được. Trong đó không khai vì giới tự nhiên, mỗi giới tác pháp riêng nên không thông.

Nếu tác pháp đồng như trước mà giải.

Kế giải giới trường, nên ở trong tướng, không được ở đại giới mà giải xa, đối với luật không đúng chánh pháp trong yết-ma cũ dùng pháp đại giới để giải, chỉ xưng tiểu đại là khác. Nay y cứ theo giới về nạn sự, nhưng lại kết làm giải, lý thông văn thuận.

Văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe: nay tăng ở trú xứ này giải giới trường. Nếu tăng phải thời mà đến bằng lòng cho giải giới trường, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe; Tăng ở chỗ này giải giới trường, Trưởng lão nào bằng lòng tăng nhóm ở đây giải giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giải giới trường xong rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này cứ hành trì

như thế.

Luật Thiện Kiến nói: Trên giới trường không được lập phòng, dẫu vua sai lập cũng có sự hổ thẹn. Tỳ-kheo gỡ bỏ gỗ cỏ đưa đến Tỳ-kheo ở chùa, chỉ để ở điện Phật và cây:

Giới trường nước ngoài phần nhiều ở chỗ đất trồng, như chỗ đàn tế cúng ở thế gian, cho nên trong luật hoặc gọi là giới đàn.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: Thọ giới gặp trời mưa, nếu dời giới trường dưới nhà, trước phải giải đại giới, kết lại giới trường và kết đại giới mới được. Giải ba tiểu giới đồng với cách giải trước.

Phần ba nói rõ pháp khởi có không. Pháp khởi do làm pháp lành mà pháp lành không làm, thuộc về hành ấm thiện.

Pháp lành này và xứ tương ưng khắp tướng nêu, đều có pháp khởi, chẳng gọi là pháp lành và đất vô ký, chẳng phải là không bằng.

Luật Thiện Kiến nói: Y vào tướng kết rồi, sau mất giới tướng nếu người đào đất, đến chỗ gần nước cũng không mất giới. Cho đến ở trên khởi ba lớp nhà đều đồng một giới. Nếu có núi đá, trên rộng dưới hẹp, ở trên đó mà kết giới. Núi cao dưới tăng không ngại thường pháp và giới là sắc pháp tùy chỗ rộng hẹp dưới vào đất.

Cho nên văn nói: Nếu kết xong nước rơi thanh hầm, tùy có nước chảy, dựng nhà trong đó ở trên tác pháp đều được.

Y cứ theo nhiều văn này, pháp khởi đâu có nghi ngờ.

Xưa nói: không có pháp khởi.

Văn nói: Vì sao giới hiện tiền làm yết-ma xướng chế hạn cục.

Như thế gọi là chỗ thêm pháp, bất luận pháp khởi có không.

Tát-bà-đa nói: Vì oai lực của giới nên được thiện thần che chở, như trong Ngũ Phần có nói rõ.

Kinh Tiểu Pháp Diệt Tận chép: Khi Kiếp hỏa khởi, chỗ từng làm già-lam không bị lửa đốt. Cho đến giới kim cương là đất. Bốn là nói về tướng kết xứ phi pháp có mất hay không.

Trong phần trước nói rõ và thuật đủ, sợ có quên mất.

Nghĩa là trong hai giới tiếp nhau không có tự nhiên, cùng liên quan đến sai lầm. Cách nước không cầu, hoặc không xả giới góc mà kết chồng lên. Và giới không nhóm kết, yết-ma không thành, tướng vuông không luyện, đều chẳng phải pháp kết.

Luật Ngũ Phần nói: Không xướng tướng vuông thì không thành kết giới.

Nói mất hay không, một là quyết ý xả bỏ.

Trí luận nói: Một đêm xả bỏ thì không có giới

Hỏi trong Thiện Kiến trước đều nói không mất

Đáp: Kia không làm mãi xả tâm cho nên không mất.

Đây nói: Mất là ý không trở về, có tâm xả giới cho nên mất. Trong văn đều nói vì xả bỏ.

Trong Tứ Phần nói Sự cũ cho nên Già-lam không mất tịnh địa.

Lại nói: Nếu nghi thì nên giải rồi kết lại, cho nên biết chỗ giới. Nếu tác pháp xả y, thực giới có ba loại đều xả.

Phần hai nói rõ không mất lược thuật có năm loại.

1. Tâm ác phi pháp mà giải thì không mất lệ chuẩn.

Luật nói: tâm ác giải tịnh địa không thành.

2. Tăng, ni kết với nhau. Thiện kiến nói: Tỳ-kheo ở trong giới của ni mà kết giới thì không mất, ni đồng được thành.

3. Bên trong không có tướng giải nói cũng kết chồng.

4. Mất giới tướng như trong luật Thiện Kiến.

5. Bổn xứ rỗng không. Ngũ Bách Vấn nói Đại Tăng và Ni kết chung được, không được tréo nhau.

****

THIÊN THỨ BẢY: GIỀNG MỐI LỚN CỦA TĂNG CHÚNG

Một phương hành hóa lập pháp cần phải thông, chỗ chúng đoán lượng phải nhờ luật giáo, để cho nơi xa nước lạ có chỗ phát tâm, người đi trong giới an thần tiến nghiệp. Nếu lấy đây chế ngự chúng thì việc gì không hành, đã hành chánh pháp, thì người nào không vâng theo, đâu chỉ tăng đoàn thanh tịnh dứt tục về chân mới có thể làm tỏ cây đạo, bừng sáng mặt trời trí tuệ. Nếu pháp phát ra lời nói thường tình không có căn cứ, khoa phạt đồng với bỉ tục, thì cương giáo chỉ có sự việc thô trọng, có thể thi hành những điều sai trái, nên bị nhiều tình loạn.

Bởi vậy luật nói: Chẳng phải chế mà chế, thì điều chế ấy liền đoạn dứt, như thế có thể làm cho chánh pháp mau diệt. Đời không gặp Phật đọa vào địa ngục nhanh như tên bắn. Tam Thiên oai nghi chép: trong chúng không có người biết pháp, trăm người ngàn người không được đồng ở, cho nên biết đồng ở phải vâng theo Thánh pháp.

Nay muốn bỏ phần rườm rà thêm phần thiếu sót làm cho chế và giáo tương ưng, nghĩa cùng thời mà hợp.

Cho nên luật, điều không đáng chế thì không chế, chế ấy liền thực hành. Như vậy dần dần làm cho chánh pháp trụ mãi.

Nếu phát sinh bệnh hoạn, nói rõ tổn giảm, rõ như giới dưới đây.

Tựu trung phân năm loại:

1. Ước hóa chế giáo, minh tướng khác nhau.
2. Y cứ các thức ăn tăng chế để nói về thông bít.
3. Y cứ pháp y cứ thời đối người để làm rõ.
4. Y cứ vào xứ thì dùng để rõ.
5. Tướng của nhiều chủ giáo thọ.

Trong phần hóa chế chia làm hai: Lại nói rõ về hóa giáo, giáo chung cả đạo tục.

Đại Tập nói: Nếu trong đời mạt thế có đệ tử của ta nhiều tài của, nhiều năng lực, vua không trị được, thì dứt mất giống Tam bảo, đoạt mất chúng sinh. Tuy vô lượng đời tu giới làm phước cũng diệt mất. Nói rộng ra như trong Phẩm Hộ pháp quyển 29 nói.

Lại nói: Nếu Tỳ-kheo phạm lỗi cần phải trị họ một tháng hai tháng chịu khổ, hoặc không cho nói chuyện chung, hoặc không cho ngồi chung, không cho ở chung, hoặc tẫn xuất, hoặc ra khỏi một nước, cho đến bốn nước, chỗ có Phật pháp. Trị Tỳ-kheo ác như thế rồi, thì các Tỳ-kheo thiện mới an vui thọ pháp. Như vậy mới làm cho Phật pháp trụ mãi không diệt.

Kinh Thập Luận nói: Nếu có chúng sinh độn căn, vì muốn phát khởi nhân duyên gốc lành mà biếng nhác thiếu trí quên mất chánh niệm, tham đắm trụ xứ, y phục, ẩm thực, bốn việc cúng dường, xa lìa tất cả các thiện tri thức. Chúng sinh như thế dạy họ sai, khuyến hóa liệu lý việc Tăng và Phật pháp, Hòa-thượng Xà-lê, ấy là chỗ phước trí cả việc. Nếu đệ tử Thanh văn tâm không cung kính, không giữ chắc giới, vì pháp tồn tại lâu dài mà điều phục họ. Nếu khởi tâm niệm dạy làm cho tâm hối hận, lại phải dùng lời mà trách phạt họ, đuổi họ, làm cho họ hạ ý, cũng không nói chuyện với họ, cũng ở trong tăng khiển trách sai lễ bái, quát mắng hiềm trách không đồng lợi của tăng. Hoặc ở trước bốn vị tăng dập đầu tự quy phục tội, hoặc thời đuổi ra không được ở chung, ta biết chúng sinh tâm sở hướng lên, vì lợi họ, cho nên nói rộng cái khổ ở các địa ngục. Vì muốn điều phục chúng sinh phá giới. Nếu các Tỳ-kheo giữ gìn giới pháp thì được trời người cúng dường, không nên trách phạt. Trừ người học rộng và giữ giới. Nếu có người phá giới mà xuất gia, có thể chỉ dạy tám bộ trời rồng, châu báu phục tạng, nên làm mười loại thì hơn. Nghĩ Phật nghĩ tâm thí. Nếu có phá giới làm oai nghi xấu, nên dùng lời mềm mỏng, cho đến lễ dưới chân, thì đời sau giàu có, được nhập niết-bàn. Bởi vậy y vào ta ma xuất gia, giữ giới hay phá giới không cho Luân vương, Tể tướng trách phạt. Huống chi phạm nhẹ khác. Tỳ-kheo phá giới tuy là người chết, năng lực của giới này dụ như ngưu hoàng, xạ hương, nhã dược. Thiêu hương, v.v... Tỳ-kheo phá giới vì không tin nên tự thiêu đốt đọa vào đường ác, có thể làm cho chúng sinh thêm lớn gốc lành. Vì nhân duyên này, tất cả người tại gia đều phải thủ hộ, không cho trách phạt. Chúng tăng bốn phương bố tát, tự tứ, ba đời vật tăng uống ăn, trải tọa cụ đều không dự phần.

Ưu-bà-tắc bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn, nếu vật phi pháp làm sao trừ bỏ?

Phật bảo: Ta không cho người tục mắng trách, Tỳ-kheo được làm.

Lại có một loại phi pháp liền mắc đại tội.

Nếu tăng không hòa, ở trước quốc vương, trước quyến thuộc của vua, trước đại thần mà quở trách. Tăng ở trong người tại gia, phụ nữ, tiểu nhị, trước tịnh nhân, ở trong Tỳ-kheo-ni oán hiềm, trước những người như thế giả sử được cử ít tội cũng không nên nhận.

Xuống đủ pháp xuất cử, như trong luật pháp, trong niết-bàn các thứ khai thị tướng rồi nói: với người hủy pháp cho bảy yết-ma, vì muốn mở bày cho người làm các điều ác, có quả báo nên biết Như lai thi hành

các chúng sinh ác không sợ hãi vì hiện tại trị tội dứt, tương lai rất sợ hãi.

Nếu Tỳ-kheo hiền Thiện bỏ qua không quở trách, nên biết người này là kẻ thù trong Phật pháp. Nếu có thể đuổi khỏi chỗ trị phạt, ấy là Thanh Văn chân chánh đệ tử của ta.

Kế nói về chuyển giác để rõ, tăng sai sám hối sửa đổi dấu vết liền dừng. Người thượng phẩm thấy hình y nơi đường, loại hạ lưu chống nghịch mạng tăng không chịu vâng theo, không hổ không thẹn, phá giới phạm pháp, tiếp tục làm không thôi. Tự chẳng trị tội, do đâu mà dừng được. Giống như ngựa chạy chậm phải đánh cho đau, thì có bảy loại điều phục, ngựa ác trị mặc tẫn không cùng nói. Gần đây Phật pháp lưu hành ở Đông độ phần nhiều không thực hành như thế. Nếu nghe nói đúng lại sinh khinh cười. Lạm dùng Phật pháp tự uế tâm tịnh. Bọn có lỗi thật đáng phạt, lại dùng pháp tục phi lý chiết phục, tướng tuy đều thuận mà tâm chưa sửa bỏ, từ đó làm cho cương giáo ngày càng suy yếu.

Văn nói. Điều không đáng chế mà chế thì mau diệt chánh pháp, lời này rất thật. Nay lời vi tế kia làm sáng lại tượng vận, có sức trụ trì các chủ chuẩn mà làm nó.

Trong Tứ Phần chép: Phàm muốn trị phạt cử người thì mình phải đủ hai loại năm đức. Như Pháp tự tứ. Lại phải ba căn đầy đủ, đồ chúng trên dưới đồng tâm cộng bỉnh, người phạm có thể cho, sau đó mới cử. Đầy đủ như trong pháp ngăn của bổn luật nói. Nếu trái pháp trên, cử không biết thời, lại sinh ra đấu tranh, cho nên văn nói: Các thầy chớ thường cử tội người khác. Vì sợ hoại chánh pháp, phải đủ pháp trên. Dẫu cho không trị cũng diệt chánh pháp. Nay nói rõ về pháp trị có bảy loại, chín loại.

Nói bảy pháp là:

1. Quở trách
2. Tẫn xuất
3. Y chỉ
4. Ngăn không cho đến nhà người tại gia
5. Không thấy tội
6. Không sám hối
7. Nói dục không chướng đạo.

Thêm hai pháp ác mạ và mặc tẫn thì thành chín

Nói về quở trách: Trước phải nói tội họ sau mới nói rõ chánh để trị. Nói lỗi có nhiều loại.

Tổng xứ trong luật như Tứ Phần có nói rõ.

Nếu đối trước Tỳ-kheo lại nói bốn việc:

1. Phá giới, phá ba tụ trước
2. Phá kiến là sáu mươi hai kiến chấp
3. Phá oai nghi là bốn tụ dưới
4. Phá chánh mạng, nghĩa là phi pháp khất cầu, tà ý để nuôi mạng sống thì có năm loại bốn loại.

Nói năm tà gồm:

1. Cầu lợi dưỡng sửa đổi oai nghi thường trá hiện tướng khác lạ.
2. Nói về công đức của mình.
3. Lớn tiếng hiện oai thế.
4. Nói sở đắc của mình để tìm lợi lưỡng, kích động sai lầm.
5. Vì cầu lợi cho nên cưỡng bói lành dữ cho người.

Nói về bốn tà gồm:

1. Phương tà: thông khắp bốn phương vì cầu cơm áo
2. Ngưỡng tà: Trên xem tướng tinh tượng bất thường
3. Hạ tà: Tức là cày ruộng trồng trọt các thứ nghề nghiệp thấp
4. Khẩu thực bốn phương. Học chút ít chú thuật để làm lợi nuôi thân mạng.

Đây đều là Trí Luận giải thích.

Trong Luật nói: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, tuy có ba căn lỗi trước, nói rõ xác thực, hỏi đáp có sai thì không được cử người khác.

Văn nói: Nếu không căn, phá giới, phá kiến, phá oai nghi, chánh mạng và tác pháp quở trách. Đây gọi là yết-ma phi pháp.

Trái lại như pháp ở trên. Nhưng cách trị này không hẳn là tội lớn. Nhưng làm cho điều chế của bậc Thánh kẻ học ngu ám tự ràng buộc đều bị phạt thêm.

Văn nói: Nếu không biết không thấy năm phạm tụ, nghĩa là Ba-la-di, cho đến Đột-cát-la và tác pháp quở trách.

Ngũ Phần nói có chín loại:

1. Tự đấu tranh
2. Đấu loạn người
3. Trước sau chẳng phải một đấu tranh
4. Gần gũi bạn ác
5. Làm bạn với người ác
6. Thích tự làm ác
7. Phá giới
8. Phá kiến

9. Gần gũi người tại gia

Trong luật Tăng-kỳ nói có năm loại:

1. Thân miệng quen ở gần

Thân quen ở: ngồi cùng giường, cùng ngủ, cùng ăn cơm, mặc đồ chung, cùng ra cùng vào với huỳnh môn, nam tử, đồng tử, đệ tử.

Miệng quen gần: Tâm nhiễm qua lại nói chuyện chung.

Thân miệng cả hai đều gần: Hai nghiệp đều làm, lại cùng với ni, người nữ duỗi tay ngồi ở trong, lấy hương hoa, quả sau đưa nhau làm để đi sứ, ngoài ra như trước nói.

2. Thường phạm giới của năm chúng.

3. Vào xóm làng rất sớm, mà đi về tối, làm bạn với người ác, và những người ăn trộm, gặc cướp, người đánh bạc. Đến ở chỗ quả phụ, trẻ nam, dâm nữ, huỳnh môn xấu ác, Tỳ-kheo-ni, Sa-di-ni.

4. Thích tranh tụng nói nhau. Có năm loại:

(1) Tự cao

(2) Tánh thô bạo

(3) Nói vô nghĩa

(4) Nói phi thời

(5) Không gần người Hiền

5. Cung kính các Tỳ-kheo trẻ tuổi, độ đệ tử trẻ tuổi, lo lắng như đệ tử lo cho thầy. Như năm loại trên, mỗi Tỳ-kheo ở chỗ ngăn che phải ba lần cản ngăn, không chỉ tăng bạch tứ quở trách để chiết phục.

Luận Minh Liễu chép: Tỳ-kheo tâm công cao không cung kính mưu tính người khác, khinh mạn đại chúng, làm yết-ma bố úy. Như còn là tên khác về quở trách, trên nói rõ về lỗi. Đới trước Tỳ-kheo tăng đều quở trách trị phạt.

Phần hai gia pháp có bốn loại:

1. Nói về lập trị

2. Nói về đoạt hạnh

3. Nói về thuận theo

4. Tăng giải thích cho nghe.

Ở phần lập trị. Pháp này và yết-ma có khác

Trước nói rõ: Duyên khởi có mười loại

Như trên đầy đủ bảy pháp rồi. 8/ Trong phần trình bày ý tâm này trái, cầu tăng chứng minh, chính tội này được phục mới cho. Nên gọi vào chúng phải nêu trước.

Nghĩa là trong tăng người có đức cử nói Tăng: Nói Tỳ-kheo gì đó phạm tội, nghĩa là ở chỗ nào đó, lúc nào, người nào làm tội gì, làm cho

họ cúi phục tự trình bày.

Nên cho tội: Nghĩa là ông phạm việc gì, quở trách trị.

Thượng tọa nên y cứ theo pháp ngăn hơi đầy đủ có thể cử đồ chúng thượng hạ và người lự cử. Đã cho phép cử. Như trên làm rồi, tất cả muốn hỏi và tiện làm yết-ma văn trong luật nêu việc đấu tranh. Và luận đương thời, chưa hẳn như văn. Tỳ-kheo có phần, y cứ theo phải biết dùng.

Nên nói: Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi và Tỳ-kheo v.v... thích đấu tranh cầu hơn thua (ưu Khuyết), làm cho tăng chưa có việc tranh cãi thì xảy ra việc tranh cãi, đã có việc tranh cãi mà không trừ diệt. Nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho, Tăng vì Tôi và Tỳ-kheo v.v... làm yết-ma quở trách, nếu sau này đấu tranh lại mắng chửi lẫn nhau, thì chúng tăng nên tăng thêm tội để trị (nghĩa là làm yết-ma tri đuổi ra khỏi chúng) tác bạch như thế. Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tôi và Tỳ-kheo... đấu tranh nhau tìm ưu khuyết, làm cho tăng chưa có việc tranh đấu mà nay có việc tranh đấu, đã có việc tranh đấu thì không dứt trừ. Nay tăng vì tôi và Tỳ-kheo v.v... yết-ma quở trách. Nếu sau này còn đấu tranh, thì tăng lại thêm tội. Vị nào bằng lòng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Đây là yết ma lần đầu (Nói ba lần)

Tăng đã bằng lòng vì tôi và Tỳ-kheo... làm yết ma quở trách xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như vậy. Nếu nói rõ thì không thành, luật nói:

Nếu không cử, không làm ức niệm, không cúi đầu nhận tội, hoặc không phạm mà nói phạm thì không nên sám tội.

Nếu đã phạm tội, sám hối xong, mà không hiện tiền, thì nhận và pháp cả hai đều sai, đều tác pháp không thành đác tội.

Nói rõ về đoạt hạnh: Cho tác pháp rồi nói rằng, vì ông tác pháp quở trách rồi, nay nhận ba mươi lăm việc trọn đời không được làm, ắt có thể thuận theo không trái nghịch. Tăng phải lượng xứ, ba mươi lăm việc gồm.

Có bảy loại khác nhau, năm loại trước đoạt quyến thuộc mình.

1. Không nên trao đại giới cho người
2. Không được nhận người làm y chỉ
3. Không được nuôi Sa-di
4. Không được nhận lời tăng sai làm giáo thọ Tỳ-kheo-ni
5. Nếu Tăng sai cũng không được đi

Năm loại kế đoạt tài năng trí thức

1. Không được thuyết giới

2. Nếu trong tăng hỏi đáp nghĩa Tỳ-ni, thì không được đáp

3. Nếu tăng sai làm yết ma, cũng không được làm

4. Nếu trong Tăng chọn tập người có trí tuệ, cùng bình luận việc chúng, không được xếp vào trong đó

5. Nếu tăng sai làm tín mạng thì không nên làm.

Năm loại sau đoạt về thuận theo

1. Không được sáng sớm vào thôn xóm

2. Không được trời tối mới về

3. Gần gũi Tỳ-kheo

4. Không được gần người tại gia, ngoại đạo

5. Nên vâng lời các Tỳ-kheo dạy, không được nói lời khác.

Năm thứ nữa đoạt tương tục sau mới phạm.

1. Không được phạm lại tội này, ngoài ra cũng không nên phạm, nghĩa là Tăng tàn tác quở trách, chỉ thiên dưới là còn.

2. Hoặc tương tự, hoặc theo đời này (Tương tự nghĩa là đồng một thiên tội, sống theo đây nghĩa là phạm ba-dật-đề bị trị sau lại phạm Tăng tàn.

3. Không được chê bai yết-ma.

4. Không được quở trách người yết-ma.

Năm đoạt nữa là cung cấp

1. Nếu được Tỳ-kheo hiền thiện trải tọa cụ cúng dường thì không được nhận.

2. Không được nhận người khác rửa chân cho

3. Không được nhận người khác bày đồ rửa chân

4. Không được nhận người khác lau chùi dép da

5. Không được nhận người khác chà thân.

Năm loại kế nữa là chế về cung kính

1. Không được nhận Tỳ-kheo hiền Thiện lễ bái, chấp tay, hỏi han, đón nhận y bát, v.v...

Năm loại chót là đoạt chứng chánh việc người.

1. Không được cử Tỳ-kheo hiền thiện làm pháp ức niệm, pháp tự ngôn.

2. Không được làm chứng việc người

3. Không được ngăn bố tát

4. Không được ngăn tự tứ

5. Không được tranh luận với Tỳ-kheo hiền thiện.

Nói rõ về sự thuận theo nên phải đối với ba mươi lăm việc trên

phải vâng thuận theo không được trái.

Lúc tăng tiểu thực, phải ăn sau, nếu khi nói pháp hoặc khi bố tát nên phải sửa sang y phục và cởi giày dép, một chân đứng, một chân quỳ bạch rằng:

Đại Đức Tăng nhận sự sám hối của con, từ này về sau tự trách tâm mình rồi, không phạm lại nữa.

Tăng nên lượng xét, sau đó nhận lời.

Nói rõ về cách giải: Luật nói: nên đến trong tăng vén y bày vai phải, cởi dép lễ dưới chân tăng, chân trái quỳ xuống đất chấp tay xin rằng:

Đại Đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo v.v... Tăng vì tôi mà làm yết-ma quở trách. Nay tôi thuận theo chúng tăng không có trái nghịch, theo tăng xin giải yết-ma quở trách, mong tăng vì tôi mà giải yết-ma quở trách, vì lòng từ bi thương xót.

Xin ba lần rồi. (hai Tỳ-kheo kia cũng vậy)

Thượng tọa như trên muốn hòa giải nói:

Đại đức tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo v.v... Tăng vì họ làm yết-ma quở trách. Tỳ-kheo kia thuận theo chúng tăng không trái nghịch. Nay theo tăng xin giải yết-ma quở trách. Trưởng lão nào bằng lòng, Tăng vì... giải yết-mà quở trách thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói 3 lần rồi).

Tăng đã bằng lòng cho... giải yết-ma quở trách rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế. Trong hành pháp ấy oai nghi, chỗ ngồi chưa rõ chỗ, y theo trong Tăng tàn, xuống đi ngồi.

Nếu có một người, ba người, tùy theo danh điệp mà dùng, không được đến bốn người. Như trên rõ rồi, cho đến thời lượng.

Về phần Tẫn Xuất: Nghĩa là đối với người tục mà nói bốn việc rộng ra như trong văn luật. Lại như trong tùy giới làm hạnh xấu nhỏ nhà người, đảo loạn Phật pháp, làm nhiễm ô tâm tịnh thiện của người tục khác, lấy trái làm phải, cho nên phải đuổi ra bổn xứ, chiết phục trị, sai thế tục biết chẳng đạt chánh, không còn nghi ngờ. Lỗi này tội nhân thường có, đặc biệt phải cấm đoán. Nếu nói về pháp trị thuận theo và giải trừ, lược đồng pháp trên. Nhưng trong phần tẫn xuất đến lỗi kia đã khó, trú xứ này là khác, luật bổn có đầy đủ. Nếu thuận theo xin giải thì không được đến ngay, nên ở ngoài giới sai người đem thư đến mời.

Luật Tăng-kỳ nói: Không được bàn luận với các Tỳ-kheo.

Nếu có thưa thỉnh chỉ thuộc bổn sư, ba lần nói y chỉ.

Nếu ngồi lộn xộn với Tỳ-kheo và người tại gia, lại nói bốn việc

làm hoặc loạn chánh pháp, hoặc ở trong đạo tuy lâu mà ngu si không biết gì, tùy duyên hoại hạnh, không thể tự lập, thường sám hối nhiều tội, cần tăng trị phạt. Y vào vị đức sáng suốt kia hỏi pháp huấn, vì sai làm xong lợi ích cho mình.

Pháp trị hơi giống ở trên, và y chỉ đã gần gũi người biết pháp luật, học biết tỳ-ni, rõ thấu trì phạm, nên giảng kinh niết-bàn cho họ nghe, bày yết ma, an trí chỗ có đức, ngoài ra như trong pháp thầy trò.

Phần nói về cấm được không đến nhà người tại gia, nghĩa là trước người tục có tín tâm lại nói bốn việc, phi pháp náo loạn tổn hoại tâm người thế tục, mắng chửi người tại gia rời bỏ đi, cần tăng tác pháp ngăn đoán không để cho xa lìa, vì sai cám ơn người tại gia.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo ngày mai nhận người khác nhất định thỉnh, đến lúc không đủ làm não loạn tín chủ thì phải thêm pháp này. Nếu được pháp phụ vào rồi, nên bạch nhị sai một vị Tỳ-kheo đủ tám pháp:

1. Học rộng
2. Nói khéo
3. Nói rồi tự hiểu
4. Có thể hiểu ý người
5. Nhận lời người
6. Có khả năng nhớ
7. Không có thiếu mất
8. Hiểu những lời thiện ác

Đem người bị trị đến nhà thế tục nói rằng:

Sám hối đàn việt, Tăng đã vì Tỳ-kheo... làm trách phạt xong. Nếu cùng sám hối thì tốt. Không chịu đều có tiến tới không? Rộng như trong luật nói. Nếu người tục vui mừng thì liền giải. Lại nói Tổng quát ba yết-ma đồng khác, bốn pháp trước người chỉ hoại hạnh mình, tâm còn có tin. Luật nói đủ tăng số, phải làm yết-ma. Nhưng người bị trị không thể trách cử.

Ba yết ma sau gọi là tam cử, tín hạnh đều hoại, bỏ ra ngoài chúng. Không tính đủ số tăng, lời càng nặng, không thể nhiếp cứu. Cho nên chế cực pháp. Luật giản sắc này đồng với phạm trọng, cho đến khi qua đời tất cả của cải nhập đồng cử tăng, vì có thể thưởng công.

Kinh Niết-bàn chép: Người hủy báng pháp, làm yết-ma hàng phục, lại dạy các hạnh ác có quả báo. Nay học Đại thừa lòng người chưa thấm đạo, hạnh trái Tiểu thừa, Đại thừa. Miệng nói không tội không sám, dâm dục ác đạo. Thân cũng làm ác, thuận mình là đúng, trái mình

là sai, đều trị bằng cách này.

Năm điều kế nói về không thấy mà cử. Lại nói bốn việc, pháp nói phi pháp, phạm nói không phạm, không tin nhân thiện, ác, chiêu cảm quả khổ vui. Tà kiến đảng ngoài nghi che lấp làm chướng đường tu học. Hoặc do không thấu giáo, hoặc biết mà cố phạm. Tăng hỏi: Có thấy phạm không?

Đáp: không thấy.

Tăng liền ngăn cử và tác cử trị không thấy. Vì muốn chiết phục theo đạo, layi bỏ ngoài chúng không đồng việc tăng.

Về mặt ấy là cử làm chánh pháp này trị không thấy người tội. Cho nên nói không thấy cử.

Tứ Phần chép: Đây ba lần cử người, làm cho ở có chỗ Tỳ-kheo là nói nếu ở chỗ không có Tỳ-kheo thì không được vì họ mà giải.

Phần không sám cử, nhưng tội không có tánh nhất định, từ duyên mà sinh, lý phải sám hối dứt bỏ, ứng bổn thanh tịnh, mà nay phá giới có bốn pháp:

Phạm không chịu sám, vọng bày lạm nói. Nói không sám hối, cấu chướng càng sâu, tiến đạo khó thành. Cho nên phải cử, bỏ phục mới giải. Kinh gọi là diệt yết-ma.

Trị phạt trước người làm cho diệt tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Bị cử ba lần, tâm ý người mềm mỏng, bạch Tăng rằng: Tâm tôi điều nhu, mong tăng vì tôi xả pháp.

Bạch xong lại đi lui, chúng Tỳ-kheo lượng bàn có thể được hay không, sau đó xin giải.

Phần ác kiến không xả cử, muốn chướng đạo thật mà nói không chướng, tâm tà quyết triệt, gọi là kiến. Thấy tâm trái lý mắt ấy là ác. Cũng đối với giới thấy bốn pháp, lại nói không tin, tăng cử bỏ mãi không bổ nhiệm, thuận theo không trái mới giải.

Bảy pháp trị này thật là thuốc hay, giữ gìn chánh pháp, trách phạt người ác. Phật pháp lại hưng thịnh, truyền bá mãi ở đời, cho nên luật nói: Như lai ra đời vì một nghĩa, chế yết ma quở trách, cho đến người tâm ác không xả cử, gọi là được Tăng nhiếp thủ, làm cho Tăng vui mừng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Kinh Niết-bàn luận đủ bảy pháp yết-ma.

Sau đó nói rõ ra tướng hộ pháp rằng: Có Tỳ-kheo trì giới thấy người hoại pháp, đuổi quở trách họ, y pháp mà khiển trị. Nên biết người này phước vô lượng.

Lại nói: Nay phó chúc chánh pháp vô thượng cho các vua, đại

thần, tể tướng, cho đến bốn dân, phải khuyên các người học nên học chánh pháp. Nếu người biếng nhác, phá giới, hủy chánh pháp, bốn bộ đại thần phải nên xử trị.

Kinh Đại Tập nói: Nếu đời vị lai, tin các vua như bốn họ. Vì hộ pháp có thể bỏ thân mạng, thà hộ một Tỳ-kheo đúng như pháp chứ không hộ vô lượng Tỳ-kheo tội ác.

Vị vua này xả thân sống ở tịnh độ, nếu theo lời Tỳ-kheo tội ác thì vua này có lỗi, vô lượng kiếp không được làm thân người, lại hỏi: Kinh Thập Luân nói không cho trị người thế tục, kinh Niết-bàn, Đại Tập sai trị người ác?

Đáp: Thập Luân không cho trị, Tỳ-kheo bên trong ác, bên ngoài có tướng thiện. Biết nghe xong, sinh tâm rất tin, cho nên không sai trị. Nhất định kẻ ngu ám tự ràng buộc, đúng sai không rõ, mãi ở ba đường ác, đạo tục, lý phải trị. Như hai kinh sau. Lại Kinh Niết-bàn chép: Quả cùng tột ấy giáo bổn quyết liễu chánh nghĩa. Dù trước không cho, y theo sau làm nhất định. Cả hai còn cũng được, bỏ trước lại là đúng.

Nói trị ngựa dữ. Luật nói: Nếu Tỳ-kheo phạm tội, bất luận nặng nhẹ, chống cự lại nói không thấy, thì tăng nên vứt bỏ, chớ hỏi, nói rằng trụ xứ ông cũng phải cử làm tự ngôn, không cho ông bố tát, tự tứ. Như người điều phục ngựa, ngựa dữ khó điều phục, thì phải cột vào cọc vứt bỏ. Tỳ-kheo các thầy không tự thấy tội cũng giống như vậy, tất cả vứt bỏ. Người như thế không nên theo cầu mà cho, nên đúng như pháp mà đuổi ra.

Nói mặc tẫn: Luật Ngũ Phần chép: Pháp phạm đàn, tất cả bảy chúng không qua lại nói chuyện với nhau.

Trí luận nói: Nếu tâm bị bức ngặt, như cách phạm khéo trị, dùng lời cõi dục cũng chung cõi Sắc, không nói là phiền não, cho nên trái tình, vì vậy không nói trị. Pháp này rất quan trọng cũng có trong kinh thêm yết-ma. Tìm bổn chưa được, kinh Tạp A-hàm nói: Ba cách điều phục gọi là mềm mỏng, cứng rắn. Còn người không điều phục thì giết, nghĩa là không cho nói giáo thọ, giáo giới.

Nói diệt tẫn: Nghĩa là Tỳ-kheo phạm tội trọng tâm không hổ thẹn, không chịu học, sám hối, vọng đi vào đại chúng thanh tịnh, lạm ở trong giới hạn của Tăng. Phải là người ba căn, năm đức cử đi đến tăng, nhớ nghĩ tội để cho tự nói và bạch tứ. Văn Ngũ Phần chép: Đại đức tăng xin lắng nghe: nay Tăng cho Tỳ-kheo... tội Ba-la-di... yết ma diệt tẫn, không được ở chung, không được làm việc chung, bạch như vầy: Bạch Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... phạm tội Ba-la-di... Nay Tăng cho

Tỳ-kheo... tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, không được làm việc chung, vị nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo... mắc tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn. Không được ở chung, không được làm việc chung thì im lặng. Ai không bằng lòng thì cứ nói lên, là lần đầu yết ma (nói ba lần) Tăng đã bằng lòng, cho Tỳ-kheo... Tội Ba-la-di yết-ma diệt tẫn, không được ở chung, làm việc chung xong, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Tát-bà-đa nói: Chỉ thật tội trọng, đại chúng có biết không cần tự nói và hiện tiền, ắt phải tự nói.

Như bị Mục-liên quở trách đúng, mà người đời phần nhiều có đại chúng dung tha, mình và người đồng uế.

- Phần hai Nói về chúng thực Tăng chế.

Trước nói rõ thế gian lập phi pháp. Sau dẫn chánh chế để chứng thành. Trong phần đầu chùa biệt lập, chế phần nhiều không y theo giáo, uống rượu say loạn, khinh khi trên dưới. Phạt tiền và gạo, hoặc hàng hóa khác, đương thời đồng hòa. Sau lại chống trái không chịu vận chuyển đưa đi, do đây mà phạm trọng hoặc dùng gậy phạt, gông cùm xiềng xích, hoặc đoạt tài của để cúng cho chúng, hoặc khổ sai đắp đất, chặt cỏ cây, gieo lúa thu hoạch. Hoặc quanh năm làm việc nặng nhọc. Hoặc nhân gặp mất đoạt liền sai bồi thường, hoặc tác chế phá giới, mùa khác lần lượt gieo lúa gặt lúa. Nếu chia thức ăn cho tăng và vật của tăng, bày đầy rượu thịt. Tịnh nhân gà con, mua bán tôi tớ và sinh sản các thứ khác. Hoặc tạo ra quy chế thuận theo thế tục, phạm trọng tù cấm, gặp tha được miễn. Hoặc từ hàng hóa phương tiện được thoát. Hoặc giặc đoạt cướp vặt, nhân lợi cầu lợi, hoặc chế ra phi pháp có tội lỗi, đứng ra phát lồ ở trong tăng. Sát đất thổi tro, đối tăng đánh phạt. Những điều như thế đều chẳng phải yếu chỉ của bậc Thánh, là do giềng mối không thôi, cương pháp đồng hòa mà làm. Nghiệp ác buộc sâu không thể nào sửa đổi, hối hận, chúng chủ có lực, phi pháp bạn nhiều. Tỳ-kheo đúng như pháp thời Tượng pháp, Mạt pháp lại ít. Dù có năm, ba bạn, thể cũng không thể làm. Cho nên Phật biết trước là có, không khiến đồng pháp, như sau có dẫn.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu Tác chế phi pháp nên quở trách cho dứt. Nếu không thì nên nói đúng pháp, muốn đứng dậy đi.

Nếu trong chúng người có năng lực không nghe, nên nói với người bên cạnh. Đây là chế phi pháp, chỉ được ba người, không được hướng về như vậy mà làm, nên làm ở bên người hiểu biết. Nếu không được, thì nói thấy không muốn tương ưng với tâm hộ, rằng người kia tự có hành

nghiệp, đâu giới hạn việc tôi, như mất lửa thiêu nhà thoát thân thì thôi.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: thấy các việc phi pháp, một mình không cản ngăn, nên im lặng, như trên nói.

Hỏi: Trong chế phi pháp, phạt lấy tài vật, có phạm tội trọng không?

Đáp: Không phạm tội trọng, vì lúc ấy tăng chúng cùng hòa cùng làm, sau đó y vào chế mà phạt thì không phạm. Chẳng phải không phạm, tác chế phi pháp là tốt.

Kế nói rõ tăng chế đúng như pháp.

Luật Tứ Phần nói: Tăng đúng như pháp thì phải thuận theo.

Lại nói: Điều nên chế thì chế, theo chế ấy mà thực hành.

Trong Luật Ngũ Phần chép: tuy điều ta chế phương khác đều không thực hành, không được làm, nghĩa là vua vì tăng mà lập chế, không y vào Kinh này chẳng phải điều ta chế, phương pháp là người thanh tịnh chẳng được không thi hành. (Y vào pháp vua mà dùng, không được không theo).

Tát-bà-đa nói: Trái với chế của vua nên phạm cát-la.

Luận Minh Liễu nói: Nếu tăng hòa hợp lập chế, Tỳ-kheo không được vào thành thị, là việc làm này nhất định phải làm.

Hoặc khế cần lập chế này, mỗi tháng một kỳ hoặc là dứt hẳn. Nếu theo kinh Đại Tập, khổ sai không được qua hai tháng, trong Thập Luân chế rõ như trước. Hoặc sai liệu lý việc Phật, Pháp, sư tăng. Hoặc không cho nói, khiến trách sai lễ bái, hoặc không cho nói, khiến trách sai lễ bái, hoặc lại đuổi ra, bày rộng ra như trước. Trong luật Tăng-kỳ nói: Phạt Xá-lợi-phất trong ngày phải lập ra.

Trong các luật chế rất nhiều, nhưng dùng bảy pháp như nói rõ ở trên, hoặc là đoạn thực, đoạt y khiến lập nên.

Trong phần trị sa-di, phạt sai nhổ cỏ lo liệu việc tăng, đều chẳng phải duyên cớ phá giới.

Thập Tụng nói: Nếu trong chùa tăng có chế hạn, nếu biết có não hại mình và người, người có khả năng diệt tẫn, thì bạch tăng diệt tẫn họ, không thì cho đi chỗ khác.

Nếu chế như pháp thì nên thọ.

Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo khách mới đến, Tỳ-kheo chủ trước phải nói cách thức tăng chế.

- Phần hai nói về thức ăn. Trước nói rõ ý thông hoặc bít. Sau dẫn lời của bậc Thánh, nhưng thức ăn vì người bệnh ai mà không cần. Đức Thế tôn một đời giáo hóa phần nhiều trước phải nói điều này. Cho nên

hỏi: khất thực có thể được không bình đẳng. Nay biệt trụ thấy hạn cục phần nhiều che lấp thức ăn của tăng, chướng ngại đại pháp. Hiện tại là nhân đói khổ, vị lai chịu khổ dữ dội.

Cho nên các Sư xưa có pháp dạy chúng rằng: Chùa là pháp nhiếp mười phương tất cả cảnh giới chúng tăng tu đạo. Vì chùa là nơi chiêu đãi tất cả tăng từng du hóa qua lại thọ cúng. Không mình, không ta, không chủ, không khác. Lý của tăng bình đẳng đồng hộ Phật pháp. Cho nên trong đó ăn uống các thứ đều là cúng phàm Thánh mười phương, đều có đánh chuông, tác pháp nhóm tất cả tăng chúng, đồng thời cùng thọ, là ruộng sinh phước cho đàn việt, đúng lúc đúng pháp, đều không ngăn ngại. Nhưng pháp có thông và bít chúng tăng mười phương tự có phần cơm áo, đúng vào thời mà đến, không cần vời gọi, người tại gia có thể thọ cũng được, trích trong luật Ngũ Phần. Đây gọi là thông. Không thể thọ trai phi thời, người dân không kịp với pháp gọi là bít.

Chỉ có người đồng hộ pháp mặc đi đường, không tổn việc của đàn việt, vốn chẳng phải nhân tình, lý chẳng có hướng sai. (không được nhân tình miệng gọi đến ăn và tiếc cất giữ đến tháng sau. Cho đến tâm nghĩ thân sơ, nên cho thì đóng, không nên cho thì mở). Nêu đây để rõ thì chẳng tự hiển. Người chân thành xuất gia sợ khổ nhiều về bốn oán, chán vô thường trong ba cõi, từ bỏ ân ái sáu thân, bỏ cả đem mê năm dục, là do tục luống dối đáng bỏ, đạo chân thật nên theo về, là nên hợp ý khai rộng ra, trừ bỏ các tâm niệm xấu, không tiếc thân mạng, tiền của hộ trì chánh pháp, huống chi thức ăn của tăng mười phương đồng khắp. Người kia lấy phần mình, lý phải tùy hỷ. Nhưng tình người ganh ghét hẹp hòi dụng tâm không bằng. Hoặc có người đóng cửa hạn cục ngại khách Tăng, không phải cũng là ngây ngô hay sao?

Bổn ý hô chuông há như vậy ư? Người xuất gia xả bỏ càng không nên như vậy, mà vì thân ốm gầy không thể ủng hộ chánh pháp, thân bọt bèo không chịu xa lìa thức ăn của tăng, trái với lời dạy của Chư Phật, tổn phước của đàn việt, thương chúng hữu tình nhất thời, tắc nghẽn đường tăng mười phương, truyền sai cho đàn hậu sinh, thì thật bại nặng nề. Sửa đổi lối mê trước mà quy về Đạo, không phải cũng là tốt hay sao? Tham thức ăn là nghiệp của ngạ quỷ, ấy gọi là đại mê.

Hoặc hỏi: Việc Tăng có hạn, khác bên ngoài không cùng lấy thức ăn có hạn cúng dường cho tăng không cùng ấy, sự ắt không lập phải chăng?

Đáp: Đây chính là lượng hẹp hòi của thế tục, ôm ấp tim xấu trong lòng người, há gọi là cái thấy cao cả của bậc thông đạt về trụ thanh tịnh.

Phàm sự cúng dường của bốn người, ruộng phước Tam bảo, giống như sư thọ dụng của biển núi, sự sinh trưởng của trời đất, đâu thể nào hết.

Cho nên Tạng Kinh Phật nói: Phải nhất tâm hành đạo thuận theo pháp hạnh, chớ nghĩ những điều cần dùng như, cơm áo trong tướng sợi lông trắng của Như lai, một phần cho tất cả đệ tử xuất gia cũng không thể hết. Do đây mà nói khuyên tu giới hạnh cho đến chân thành hộ pháp, do đạo mà được lợi, vì đạo thông dụng. Chùa chùa mở cửa, nơi nơi đồng ăn, ắt phải cúng đủ, chia xẻ không thiếu, lại không đoán kho lẫm trong chùa đầy ắp. Chủ nhân tâm thoáng mà bố thí rộng khắp, hoặc chùa nghèo mà vì khách, do chí hẹp nên thấy nhỏ.

Nếu người hai lời này, gọi là Tăng dùng, không cung cấp có, há là trí lực của con người được biên sự hay sao? Nếu sức người có phần, không thể cúng dường vô hạn, những hoài bão đã hạn cục điều này rõ ràng. Đây chính là đàn việt vì đạo mà phụng cấp do năng lực người đưa đến. Nếu nói về chẳng phải trí lực thì công do đạo, nhưng sự do đạo cảm lại cúng dường đạo chúng, còn nếu che lấp tướng xưng, thì đâu có hết.

(Nay trong thế tục có nghĩa thức ăn, phòng nhà, còn cúng đủ tất cả, từ sáng đến tối hành nhân đi lại, ăn uống no đủ, chưa nghe nói thiếu. Đây cũng chẳng phải sức người. Do nghĩa người kia hành thí rộng khắp, cũng vì nghĩa sau đó chấp trước, chấp trước và lý thông, cho nên chẳng cạn hết. Ưu-bà-tắc này vì biết nhân quả cầu phước tương lai, còn biết nghĩa như thế, thực hành không hết, nghiệp trước mắt huống gì đạo chúng xuất gia như pháp, thông thực mà phải không cứu giúp hay sao? Lại, lễ giáo của thế tục lo đạo chứ không lo nghèo. Huống chi người xuất gia vượt ngoài thế tục không lo hộ pháp, không lo uống ăn. Điều này mất đi rất lớn. Điều lo về tình người bỉ lậu, tham lúa gạo của tăng nát rửa ra mà không bố thí. Thế tục rất hổ thẹn, phí lúa của tăng mà không thông, chẳng phải đệ tử Phật).

Tôi chỉ thấy chứa việc mà không tồn đạo, chưa thấy đạo thông mà sự tắc nghẽn. Trong Phật pháp không có sang hèn, thân sơ, chỉ vì pháp bình đẳng đồng giúp đỡ. Người đến xin cơm một pháp cũng không cho, nếu theo tình thí cho tức là hoại pháp, người thế tục vốn chẳng nên trai thực, nhưng phải nhờ hỏi có thể bày trai phạn cho ăn. Người có thể bày trai phạn nói nhân quả để cho họ tin tội phước. Biết chẳng phải tham, lần lần khuyên họ bỏ.

(Trong đây chẳng phải là chỗ tốt của người sống, chẳng phải chỗ xấu của người sống, không được một bề sân giận người, một bề mặc tình người. Không bày trai mà ăn thì phải bỏ tình còn đạo, khéo biết lượng

xứ). Bởi vậy, cẩn thận giữ gìn pháp Phật, cẩn thận gửi gìn pháp tăng, ấy là người từ bi bậc nhất. Tất cả chúng sinh hiện tại vì lai lìa khổ được vui. Nếu không giữ gìn giáo pháp của Phật, thì theo tình hoại pháp.

Nghĩa là cho người thế tục không bày trai phạn mà ăn. Có người đến xin thỉnh tùy tình liền cho một, làm cho chúng sinh không biết phân rõ đạo tục, và phá hoại pháp tăng, hủy tổn ba quy y. Đã không có ba quy y (quy y Tam bảo) xa lìa Tam bảo làm cho các chúng sinh chìm trong biển tội, chảy vào biển khổ, mất đi lợi lạc, đều do hoại pháp; bởi vì không giữ gìn giáo pháp của Phật, không giữ gìn Luật tạng, thiếu chỉ dạy chúng sinh, tự hôn mê vào thời cuộc, gọi là người không có từ bi bậc nhất. Nếu tiếp đãi bọn ác chẳng phải lý ngu phu thuyết dẫn dắt, không thể nhận sự giác ngộ. Nghĩa phải y theo giáo mà suy nghĩ, đầy đủ như trong tùy tướng.

- ***Dẫn ngôn lượng của bậc thánh.***

Trong Tát-bà-đa chép: Luật Tăng-kỳ nói khi ăn phải làm bốn tướng (nghĩa là tướng đánh kiền-chùy) làm cho trong giới nghe biết.

Nhưng bốn tướng này nhất định có thường hạn, không được lẫn lộn.

Nếu không có hạn định thì không thành pháp của Tăng, đó gọi là ăn trộm.

Luật Tăng-kỳ nói là không thanh tịnh.

Lại bất luận Tỳ-kheo trong giới có không, hoặc nhiều hoặc ít, làm bốn tướng xong, chỉ sai không ngăn cản Tỳ-kheo, hoặc đến hay không cũng không lỗi. Tuy làm tướng mà ngăn cản cũng không phạm (nên biết nếu đổi chuông khanh, nên hô chuông, nhóm tăng, nói cho biết khắp rồi, sau đó mới đổi, về sau đổi nữa cũng vậy.

Nếu trong đại giới có hai, ba chỗ, mỗi chỗ có hoàn toàn bộ Tăng-kỳ nói đồng một bố tát, nếu khi ăn nên đánh Kiền-chùy, tất cả không ai ngăn thì thanh tịnh.

Luật Thiện Kiến nói. Nếu đến chùa thấy cây trái, nên đánh kiền-chùy, không có kiền-chùy thì cho đến vỗ tay ba cái, sau đó, lấy ăn.

Nếu không ra hiệu thì phạm tội ăn trộm, uống ăn cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo khách đến, Tỳ-kheo cựu trụ không chịu đánh khánh, khách tăng tự đánh ăn thì không phạm.

Trong Tát-bà-đa chép: Cách ăn cơm của Tăng-kỳ tùy chỗ có người nhiều ít, nên có thường hạn, tính tăng liệu cơm, một ngày bao nhiêu được trọng một mùa. Nếu một ngày một đấu thì được hết mùa. Nên lấy một đấu làm hạn, hoặc dưới một đấu gọi là ăn trộm. Vật Tăng-

kỳ nên được, vì mất cơm này. Tăng xuất ra một đấu cũng là trộm Tăng-kỳ, tức làm cho Tăng-kỳ bị cắt đứt không tiếp. Đã có thường hạn. Tùy theo nhiều ít, tất cả không ngăn. Tùy tăng nhiều ít đều cùng ăn. Nếu người ít ngoài ra có trưởng giả, giữ lại đến ngày mai lần lượt đi trước. Pháp như thế tất cả không ngăn. (phải là tiết kiệm thời cho nên pháp làm cho nhất định).

Nếu lấy bánh của tăng, lầm được một lần không trả lại tăng, thì phạm tội.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu khi hành thực, gạt cho Thượng tọa, Thượng tọa nên suy lường, được khắp nên lấy. Không được nghiêng lệch về Thượng tọa. Nếu sa-di, tịnh nhân nghiêng lệch cho Bổn sư đại đức, người tri sự nói rằng: bình đẳng cho tăng, thức ăn không có cao thấp.

Ngũ Bách Vấn nói: Thường tọa tâm tham nghiêng lệch thức ăn tăng ăn phạm theo, người không bệnh nói là bệnh để cầu thức ăn ngon thì phạm tội trọng. Ngoài ra, tăng ăn khó tiêu. Như Tăng hộ trì, v.v... có nói, nghĩa đã nói khách khác thì mắc tội. Điều quan trọng là người trì giới không cho phạm tội, người phá giới không phạm.

Luật nói: Tỳ-kheo tội ác đến không nên cho.

Luật Thập Tụng, Tát-bà-đa nói: Nếu ngoại đạo đến, chúng tăng cho ăn thì không phạm chỉ không được tự tay cho vì ngoại đạo thường dò xét khuyết điểm của Tỳ-kheo cho nên khai.

Năn trong chùa tăng có sai tăng lần lượt thỉnh mà chọn khác. Tăng này thứ lớp lần lượt gọi là vượt thứ lớp. Tức sai khách tăng nên được mà không được, chủ nhân phạm tội trọng.

Tùy người đồng tình nhiều ít thông là ăn trộm.

Lại, trú xứ này không có danh tăng, cho nên chọn bặt khách chủ, chẳng đồng nghĩa hòa tăng.

Kinh Đại Tập nói: nếu một chùa, một thôn, một rừng có năm Pháp sư ở, đánh chuông nhóm họp tăng bốn phương. Khách tăng nhóm họp rồi, thứ lớp cấp cho, không có tham tiếc. Đầu hôm, gần sáng đọc tụng giảng luận, chán ghét sinh tử, không khen ngợi khuyết điểm của người, ít muốn vắng lặng tu niệm định, thương xót chúng sinh. Hộ giới, hổ thẹn, gọi là chúng Tăng như pháp trụ trong biển công đức lớn. Nếu không suy lường Tăng phá giới, chỉ làm cho năm người thanh tịnh, đúng như pháp hộ trì Phật pháp. Thương các chúng sinh, phước không thể lường. Như trong quyển 31, ngoài ra còn có chiêu đãi vua chúa, quan lớn, làm người ác, người tục ác tặc, người thanh tịnh. Việc đã lạm nhiều, bao gồm phạm tội trộm. Rộng ra như trong phần tùy tướng.

- ***Y cứ vào pháp.***

Luật Ngũ Phần chép: Muốn làm yết-ma riêng, Tăng không thể hòa, phải làm trước khi thuyết giới. Bởi pháp chế chúng tăng không dám tán loạn.

Luật Tứ Phần chép: Nếu có người nêu tội, không được liền tin lời người nêu tội, liền gọi người nói đến chỗ tăng đối đáp. Trước hỏi ba việc thấy nghe, nghi. Nếu nói thấy, là tự mình thấy hay người khác thấy, thấy ở chỗ nào, phạm thì phạm tội gì, là phạm giới ư? Phạm giới nào? Phá kiếp ư? Phá kiến gì? Phá oai nghi ư? Phá oai nghi gì, nếu như thế, người tội mỗi câu đều đáp được.

Người có trí mới theo điều mách bảo hỏi từ trên đến dưới chúng và cả người phạm tội, lấy tự ngôn ấy chứng chánh nêu trị. Nếu không đáp được mà có người trí theo điều sai trái ấy, liền theo tội vu báng, y theo pháp mà trị.

Cho nên văn nói: Nếu nêu không có y cứ, không có tội khác thì không thành ngăn. Trị về tội vu báng ấy, văn cũng không hiển bày thật hư của người thì kết phạm. Nghĩa phải suy xét. Nếu đến tới phàm làm việc tác pháp nhiều chỗ có phi pháp, lý phải y theo đó, đêm tối, chỗ ngăn che lỗi phát khởi sẽ nhiều. Hoặc có ngủ say, hoặc lại ồn náo, oai nghi đổi tiết, bèn thành biệt chúng. Hoặc không đủ số, bỏ thiếu việc lớn không thành pháp của tăng. Là nhờ vào chỗ tối, chỗ ngăn che, không chỉ phụng pháp. Việc không làm được, ban đêm mới làm, may biết không dễ, và đến sáng mai làm phải quấy tự hiển. Mắt đối không dám có tướng khinh.

Nói đối người: Hễ thi hành pháp sự thì quý ở người thủ lãnh. Thượng tọa chủ chúng, trước thấy phi pháp thì phải chỉnh đốn khuôn phép, không được ngồi im lặng, dẫn đến vời lấy tội lỗi. Trong Tăng-kỳ nói có nhiều loại Thượng tọa, mỗi người có một cách khai thị văn nói rộng như kia.

Luật Tứ Phần nói: có ba loại cuồng si

1. Chúng tăng thuyết giới, đến hoặc không đến.
2. Một bề không nhớ không đến.
3. Có nhớ mà đến.

Loại người thứ nhất thì phải cho yết-ma, hai loại người sau không cần.

Luật Thập Tụng nói: Nếu chưa tác pháp, không được lìa người này mà thuyết giới, tác pháp rồi mới được lìa.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu tìm không được thì làm yết-ma. Trong

Tứ Phần cho bạch nhị, nếu hết cuồng si thì đến xin giải, bạch nhị để giải, nếu phát lại thì y vào pháp đó. Nếu hết cuồng không đến thì không phạm. Vì trước được pháp rồi. Cũng không nên giả điên cuồng, mà thêm pháp không thành. Yết-ma đúng như luật.

4. Đối với xứ rõ dùng, việc oai nghi của đồ chúng là phải nghiêm chỉnh thanh tịnh, khuôn phép, có thể xem chính là thiện tâm đời này, trời rồng khen ngợi, ắt hình phục lạm ác, liền hủy nhục Phật pháp. Trong Luật Thập Tụng chép: Y phục Tỳ-kheo bất tịnh bị phi nhân quở trách.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thọ trì oai nghi giáo pháp đầy đủ, nên giúp cho Tăng bảo không dứt mất.

Ma-Đắc lặc già chép: Thượng tọa già-lam phải đi trước ngồi trước, xem oai nghi của các Tỳ-kheo trẻ, nói để sửa đổi cho trang nghiêm. Và bình đẳng hành thực, xướng Tăng-bạt, người tại gia đến nên cho ăn và nói pháp. Trong văn Thập Tụng nói Đại đồng. Trì luận nói: Đệ tử Phật pháp đồng ở trong hòa hợp:

1. Hiền Thánh nói pháp.

2. Hiền Thánh im lặng.

Y cứ theo đây chúng chỉ thi hành hai việc, không được nói chuyện xằng thế gian, nói văn làm nhà người. Chúng quý ở thu nhiếp các căn, không động loạn. Tụng Kinh nói pháp biết thời.

Thành Luận nói: Dù là pháp ngữ, nhưng nói không phải lúc thì gọi là ỷ ngữ.

- Nói về hình oai nghi phải y cứ theo Thánh giáo.

Tát-bà-đa nói: Cạo tóc cắt móng tay là điều Phật chế.

Luật nói: Nửa tháng cạo tóc một lần: Đây là cách thức thường hằng chẳng được không làm.

Kinh Niết-bàn nói: Tỳ-kheo tội ác râu tóc, móng tay đều dài bị Phật quở trách. Mặc ca-sa phải một bề đúng như pháp, không được năm mầu đại chính nên nhuộm lại, các bộ chánh tông không cho mặc dùng. Nếu có rách thì tùy theo lỗ mà vá. Điều nhỏ phải y vào luật bổn, rộng ra như trong pháp y. Những điều sai trái trong chùa không mặc. Khi nhập chúng hoặc lại mặc mà vào, và mặc áo dưới, hoặc mang dép gỗ, dép các luật đều không cho, rộng ra như trong pháp bình bát.

Luật Tứ Phần nói: Nhập chúng khéo biết các pháp: ngồi, đứng, dậy, v.v...

Luật Thập Tụng chép: Cách xuống giường, từ từ bỏ một chân xuống. Kế bỏ chân thứ hai từ từ mà dậy. Cách ngồi cũng vậy.

Cách vào Tăng đường, nên ở ngoài cửa đắp y bày vai phải, vén tay phải nhiếp tâm cung kính, y suy nghĩ tăng trong Tăng đường, lại nghĩ đồng với Phật, nghĩ đồng Duyên giác, La-hán. Vì sao? Vì Ba thừa đồng pháp ăn. Kế muốn vào tăng đường, nếu ngồi phía Tây cánh cửa phải từ mé Tây cửa bên ngoài cửa. Trước phải nhấc chân trái định tâm mà vào. Nếu ra cửa. Lại từ mé phía Tây trước nhấc chân trái mà ra. Nếu ngồi phía Đông cánh cửa, trái ở trên có thể biết, không được tréo chân trong cửa. Nếu khi muốn ngồi, lấy y che lại, chớ để lõa hình, nói rộng như trong luật Tăng-kỳ.

Luật Tứ Phần chép: Không được mặc áo ngắn, khố của người thế tục. Nay có mặc áo lông bào, áo lót tay dài, dày nhọn, dày lớn, giầy dai, bát đồng, bát ngói, v.v... và bình bằng gỗ đen, v.v... Phật chế cấm, lý phải đốt bỏ.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu người học rộng biết luật thấy Tỳ-kheo khác dùng không đúng pháp, phải nên đập bể, không có tội, chủ vật không được đòi đền bù.

Pháp sư Chùa Linh Dụ nói: Chùa Tăng không được nuôi người nữ, hoại phạm hạnh của tăng, dù cho hiện tại không phạm, nhưng làm cho không lìa được dục, còn đắm mê nữ sắc.

Kinh Tự rõ chứng, cách vách nghe tiếng, tâm nhiễm tịnh giới, huống gì trọn đời phụng cấp, sẽ thành phạm nặng.

Điều này xưa nay không được.

Trong luật Tăng-kỳ nói chùa tăng được người nữ, không được nhận.

Ni được nam tịnh nhân cũng vậy.

Xưa nay nhiều chỗ do lỗi này mà Tỳ-kheo bị hoàn tục diệt tẫn, lại do đời này không biết hộ pháp. Tăng cương, trừ khử cảnh uế, lại giữ uế bỏ tịnh. Sinh tử chưa quá nửa, lại buôn bán tôi tớ xe ngựa trâu bò súc sinh buộc ràng sự đồng, không có lợi ích đôi bên, đều thành dòng tục, chưa thấm phần đạo. Chùa Tỳ-kheo-ni thì tăng có thể biết, hoặc thuê người nam tạp làm, ni gần gũi qua lại, phá hoại phạm hạnh, diệt pháp không lâu.

Chùa nhà khố chứa, nhà bếp phần nhiều không kết tịnh, đạo tục thông lạm tịnh uế lẫn lộn, lập chúng rất lâu, giềng mối không theo giáo. Bỗng nghe lập tịnh, mê hoặc tai tâm sợ hãi. Há chẳng phải là Thượng tọa sự tăng vọng trụ ở tịnh, dẫn dắt hậu sinh đồng mở đường ác.

Hoặc nuôi mèo cho, v.v... để giết chuột, đánh trâu buộc ngựa ở chuồng, những loại như thế đều là luật nghi ác.

Luận Tạp Tâm nói: Luật nghi ác chứa nhóm lâu ngày mà thành, luận Thiện Sinh Thành chép: Nếu thọ nhận luật nghi ác thì mất thiện giới. Nay chùa nuôi mèo chó, lại muốn trọn đời chẳng phải là luật nghi ác hay sao?

Tất cả chúng đồng nuôi một chúng không có giới.

Kinh Đại Tập có nói: Người không giới, phá giới đầy cả Diêm-phù-đề.

Hoặc Phật đường, tháp miếu không tôn trọng sửa sang.

Chỗ Tỳ-kheo ngỗ ngáo dẫm đạp phi pháp, lớn tiếng cười to, làm phi oai nghi. Tụ tập ở cửa chùa, theo thời không nhóm họp, tự diệt chánh pháp, sống bên ngoài thế tục chê cười. Đều do ba sư Thượng tọa dẫn đến mà diệt pháp. Nếu tác pháp thuyết giới thường, nửa tháng hằng vâng theo, thường đến thuyết buổi sáng làm cho tri sự điểm biết Tăng chúng, ai ở ai không, bệnh lành mấy người. Ai có thể đến giúp, ai có thể gởi dục.

Biết như thế rồi sai lau chùi tháp miếu, quét dọn chùa viện. Như cách thuyết giới trước khi đánh chùy, chúng chủ thường tọa, thân từ từng phỏng theo đó mà làm.

Người bệnh phương tiện tiếp nhận nói: Chúng tăng thanh tịnh bố tát, phàm thánh đồng vâng theo. Người thực hành tuy đáng nằm bệnh, có thể được một lễ hầu không, nỗ lực tự gắng. Thân tâm này không đáng tin hoặc do đây mà không khỏi, thoát cái đời sau, tùy nghiệp thọ sinh, biết vào đường nào. Muốn lại nghe giới thì đâu được nghe, như thế tùy thời tiếp dẫn, tăng khác không đến, lại y cứ theo dụ này.

Năm Tạng Giáo thọ, kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Người có thể cản ngăn năm pháp không cần thọ.

1. Không hổ thẹn
2. Không học rộng
3. Thường bươi móc lỗi người
4. Thích đấu tranh
5. Muốn bỏ đạo.

Ắt trước phải đối với người có lỗi nhận ham muốn, sau đó cản ngăn. Các pháp như thế đều cang cương, đại đức trụ trì một chùa có năng lực hộ pháp mới được làm. Nếu thấy trong chúng có lỗi, không được quở trách ngay, phải sai đến chỗ khuất mỗi mỗi dạy rằng.

Một phương trú xứ này cùng có đạo đức. Trong thời mạt pháp, lấy oai nghi làm tăng, mới giúp Phật hóa độ. Nếu trong chúng có người một hạnh một pháp thắng diệu, sai trú xứ khác học theo, đâu được có lỗi làm

cho người nghe, làm cho đời sống bất thiện, mình, người đều lỗi.

Nay đại đức có việc gì đó, bất thiện, không y vào Phật chế. Nguyện liền sửa đổi, muốn cùng nhau thẳng tiến để dẫn dắt đàn hậu sinh. Nhất định là đệ tử, quyến thuộc, đồng bạn của mình đối chúng trách cử cũng được. Không được lập đến bốn người, và không được cử tăng, phi pháp thì phạm tội, nếu có người trái với tăng chế. Nên dạy đầy đủ rằng: Phật lấy giới pháp thanh tịnh mầu nhiệm để cho bậc Thượng nhân hành trì. Chúng tôi tu tập dần dần nhiễm mà thôi. Nhưng vì thời đại khinh bạc, giáo pháp không thi hành, cho nên Phật sai lập tăng đúng pháp, muốn khuyên đồng thuận theo.

Kinh Địa Trì cũng chép: Nếu hộ Tăng chế mà không y theo, thì trái giáo phạm tội. Nay có việc gì trái với chế, nguyện tùy trách phạt phải đồng pháp tăng. Cũng làm cho tương lai có người phạm làm gương nhân duyên về giới mà thuật.

Nếu thấy người tạo tội sáu nhóm, nên ở chỗ khuất chỉ dạy: Nay cùng ở chung, đều là nhân duyên đời trước. Nhưng kiếp cuối cùng nhiều chướng ngại. Người trì giới thì ít, thấy tạo việc gì thì nói là thật không, người đáp là thật. Y vào luật đúng như Pháp mà dạy.

Văn nói: Có hai loại người si:

1. Không thấy phạm.

2. Phạm mà không sám hối.

Có hai loại người trí: Trái với hai loại trên vừa nói.

Người theo lời Phật gọi là chân cúng dường, nay không chịu thuận theo, có thể muốn theo quỷ ư? Tội không thể chứa nhóm, hoặc có thể chuyển nặng. (dẫn văn trong Kinh Niết-bàn dạy).

Kinh khác nói: một niệm ác có thể mở ra năm cửa bất thiện

1. Điều ác có thể thiêu đốt gốc lành của người

2. Theo ác lại khởi ác

3. Bị bậc Thánh quở trách

4. Lui mất đạo quả

5. Chết vào đường ác, các thứ dạy như vậy.

Nếu có người sắp bị phạt, Tỳ-kheo chúng chỉ y vào luật nói rằng: Chúng tăng đáng sợ, biết đủ ba tạng, có thế lực lớn. Đạo tục kính phục, còn không bỏ. Lại nói: chúng kia đã có năng lực lớn, nếu có trái phạm chánh giáo, thì nhất định nêu tội ông.

Lại không xả bỏ nên nói: Chẳng những chỉ cử tội trị

Lại nhận ba mươi lăm việc. Lại không qua lại đón rước đồng pháp sự tăng, cho đến không đủ túc số, các loại như thế dạy rồi, không chịu

cản ngăn nhóm chúng và nêu tội, nhưng chúng rất tôn trọng đại đức cao tuổi đức hạnh, tự lực dẫn dắt mới có thể tiến đạo. Nhất định không tự biết vọng nhiếp quyến thuộc. Kẻ ngu tự chấp lấy không tạo lợi ích, thì gọi là tuổi nhỏ. Cho nên trong luật dạy: A-nan đầu bạc mà Ca-diếp gọi là tuổi nhỏ, quở trách rằng: Đại chúng các thầy sắp mất, vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi, đều bất thiện đóng các căn, tham không biết đủ, đầu hôm, gần sáng không thể gắng tu, khắp đến các nhà, chỉ đi phá lúa gạo, các thầy phải mất. Lấy văn này làm chứng. A-nan khéo biết pháp tướng, là Vô học mà còn bị chê trách. Ngoài ra phàm tục bỉ lâu đâu thể tự khinh, ắt muốn cương chúng đối với thời trụ trì hộ pháp. Phải tự hành thanh tịnh, tiết tháo, giữ vững lòng trinh khiết, thông đạt luật tướng và rõ Nhị thừa. Khi biết phải thông đạt rốt ráo tánh tinh, có thể y cứ theo một phương bỉnh ngộ văn trên.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 3)

THIÊN THỨ TÁM: DUYÊN NHÓM HỌP THỌ GIỚI

Thọ giới là vượt lên dòng uế phàm bỉ, vào giai vị báu của Thánh chúng. Tâm đã cung kính bao la, cho nên duyên cũng nhiều. Vì duyên nhiều, nên pháp sự rất khó. Vì khó biết nên lý phải rõ, mà tình thế trần nhiễm thường hôn mê giáo pháp, là sư hay thợ, thật khó hay thật dễ. Nhưng do tập tục sống thường ngày, không suy nghĩ, theo cũ đổi mới, buông lung không biết, làm loạn chân giáo kia. Hoặc chỉ cầm văn kính tụng. Chẳng tướng chẳng biết, hoặc trước chịu sự ngăn cấm của pháp tăng rất mực. Hoặc kiết giới mịt mù rơi vào thành không lộn xộn. Hoặc tăng số khinh ghét không thể sinh lòng tin, hoặc y bát mượn tự là phi pháp. Các sư như thế bỉnh ngộ rất khó, luống uổng thọ nhận, phí công lao nhọc một đời. Đời sau còn như vậy, mãi mãi không có ngày ra khỏi, cho nên Kinh Đại Tập chép: sau khi ta diệt độ người không có giới đầy khắp thiên hạ. Lời này rất đúng, cần phải tường tận luyện một thọ đã khó không nên làm lại. Cho nên hiển bày dạy.

Cho đến căn cơ y theo.

- Trước nói rõ về đủ duyên thọ giới, sau đó thêm giáo pháp

Phần thọ giới cụ duyên, có năm duyên.

Có thể thọ có năm:

1. Nhân đạo. Vì chỉ có loài người được thọ, còn đường khác thành khó.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu dưới bảy mươi tuổi mà không thể làm việc thì không được thọ, nếu quá bảy mươi tuổi khi xuất gia lỗi, một bề không hợp.

Nói rộng như trong pháp Sa-di

2. Các căn đầy đủ. Nghĩa là thân đầy đủ các thứ ác, bệnh hoạn mù điếc trăm thứ cản ngăn.

Trong luật bày rộng ra một trăm bốn mươi bệnh đều không ứng pháp, y cứ theo để cầu, thì người điếc câm cuồng loạn định không phát giới. Ngoài ra thông lạm có được mà không được, như nghĩa trong sao.

3. Thân khí thanh tịnh, nghĩa là người tục đã đến cho đến sắp thọ, không có lỗi tạm như mười ba nạn.

4. Tướng xuất gia đủ như trong luật nói. Phải cạo tóc, đắp cà-sa, bình đẳng với người xuất gia.

5. Được chút phần pháp, nghĩa là từng thọ mười giới.

Luật nói: Không cho giới Sa-di và người thọ cụ túc được giới, mắc tội

Thứ hai là nói về sở đối, có sáu:

1. Kiết giới thành tựu. Vì yết-ma nhất định y vào pháp giới, nếu tác không thành, đó là pháp không thành tựu.

Cho nên phải rõ về giới tướng, khéo đạt thông đúng sai, hỏi nguyên kết là ai, biết rõ không lạm, mới có thể y cứ theo, không như vậy thì xả và kết lại. Trước đây, người hành sự phần nhiều không vâng theo dùng, liến kết tiểu giới ngoài chùa, như thế là phi pháp. Như trên đã rõ, phải có duyên này. Kết đại giới không sáng sủa. Theo Tỳ-ni Mẫu nói: Kết thẳng tiểu giới không lấy đại giới vây quanh, cũng không được thọ. Các sư Trung quốc hành sự thọ giới phần nhiều có tôn trọng. Cho nên trong luật nói: Hễ có người thọ, thì phần nhiều tác pháp trong sông thuyền.

Người hỏi duyên cớ đó là gì?

Đáp: người kết giới như pháp ít, sợ biệt chúng phi pháp không thành thọ giới. Việc khác dung tha có thể làm lại.

Không thành không nhiều lỗi mất.

Hễ muốn nối thạnh hạt giống Phật, làm ruộng phước cho đời thọ giới cụ túc, không nên khinh thường. Cho nên trong chỗ tỉnh sự sẽ thành tựu.

2. Tăng được bỉnh pháp, vì yết-ma chẳng phải người khác bỉnh.

3. Số đủ đúng như pháp. Nếu thiếu một người thì phi pháp Tỳ-ni, nay nói thiếu, chẳng gọi là đầu số không đủ. Nghĩa là tác pháp đến lúc duyên khởi biệt chúng phi pháp như đủ số rõ ràng.

Văn nói: Từ nay về sau mười vị tăng thọ giới cụ túc. Đây là y cứ cứ vào trung quốc để rõ, phương bên cạnh không có tăng, khai cho năm vị trì luật được thọ. Nếu sau này có tăng dùng bổn khai pháp được giới bị tội. Đây đã nói trong luật Thập Tụng.

4. Trong giới nhóm hết, hòa hợp.

Văn nói: Vì không phương tiện thì mắc tội riêng chúng

5. Có bạch tứ giáo pháp, thì trừ điên đảo lầm lẫn nói không rõ.

6. Duyên riêng đầy đủ: Trong văn nói không có y bát, và người muộn không gọi là thọ cụ túc.

- Thứ ba phát tâm xin thọ.

Trong văn nói: Người không xin, người vô tâm thì không thành.

- Thứ tư là tâm Cảnh tương ưng:

Văn nói: Người cuồng ngủ say vô tâm mà thọ là tâm không thích đáng cảnh. Lại vì văn nói. Bạch bốn lần yết-ma không như bạch pháp tác bạch, không như yết-ma tác pháp, và tăng trước phi pháp, không làm cho người thọ khởi tâm thì cảnh không gọi là Tâm. Tát-bà-đa chép: Nếu đặt trọng tâm thọ, thì có không giáo. Nếu Khinh Tâm thọ, chỉ có giai ấy chẳng phải không giáo.

Thứ năm: Sự thành rốt ráo bắt đầu theo thỉnh sư. Cuối cùng đến bạch tứ, chín pháp đến đi một mảy không trái. Các giới chẳng diệt chúng, Tăng chẳng phải không đủ, yết-ma không phải sai người thọ, tâm chí thành thì thành thọ. Nếu trái với trên thì thành phi pháp, nay dẫn văn làm chứng.

Mẫu Luận nói: có năm duyên được thành:

1. Hòa-thượng đúng như pháp
2. Hai vị A-xà-lê đúng như pháp
3. Bảy vị tăng thanh tịnh
4. Yết-ma thành tựu
5. Chúng tăng hòa hợp gởi dục.

Đa luận nói: Nếu người thọ là tại gia chỉ thọ năm giới và tám giới, xuất gia thọ mười giới. Tùy năm giới, phá một giới trọng thì thọ tám giới không được, cho đến không được thọ giới cụ túc và làm Hòa-thượng, tức trong mười bà nạn thuộc về nạn đầu. Ắt có người thọ trước y cứ theo duyên trên, nhất định không kham nhiệm.

Thánh giáo không cho

Trong phần hai gia pháp chia làm hai:

1. Đầu tiên là duyên khởi phương tiện, kế là nói về thể dụng.

Nếu phương pháp nhóm tăng yết-ma như trong thiên trước cho nên nói rõ lại

Vì là chuyện lớn, trong duyên có mười:

Một người thọ đắc pháp và không có bốn luật nói rõ cần phải mười giới lần lượt cho thọ giới cụ túc, trong văn nói không cho thọ mười

giới thì chúng tăng phạm tội.

Đa Luận nói: Sở dĩ chế ra mười giới vì để hun đúc quen với Phật pháp, không đồng với ngoại đạo thọ một cách mù mờ, Phật pháp không phải như vậy, giống như biển lớn sâu dần, vào dần.

2. Nói về pháp thỉnh sư:

Trước thỉnh Hòa-thượng, lấy đắc giới làm căn bản. Nếu không có người này thì thừa học không có lý do, thiếu dẫn dắt không sinh trưởng, thì cần phải thỉnh.

Luận Thiện Kiến nói: Vì không thỉnh cho nên tạo nhiều phi pháp, các sư quở trách.

Trái lại nói: Cầu thỉnh Đại đức vì con làm Hòa-thượng Phật do đây mà chế. Nếu không thỉnh thì không được cho thọ, phạm tội.

Luật Tứ Phần nói: Thỉnh pháp không nói chỗ ngăn che, tăng tính toán lý chỗ khác dự thỉnh, đâu tổn lý lớn. Nay ở trong chúng, Thập Tụng nói: Lại người thọ giới trước phải vào trong tăng, dạy họ lần lượt đầu mặt mỗi mỗi lễ bước chân tăng rồi, sau đó thỉnh, Tăng-kỳ nói: Nay theo tôn cầu Hòa-thượng.

Luật Ngũ Phần nói: Khi thỉnh Hòa-thượng, hai tay phải nâng chân, phải sửa sang y phục như trên, rồi đến trước Hòa-thượng.

Người bên cạnh dạy rằng: Sở dĩ thỉnh Hòa-thượng, đây là căn bản đắc giới, trở về xứ, nhiều loại tùy cơ tính xong, ông tự bày tỏ không giải. Nên gọi là giáo.

Văn nói: Đại đức tăng nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng, mong Đại đức vì con mà làm Hòa-thượng, con nương theo Đại đức mà được thọ giới cụ túc, xin từ bi (nói3 lần).

Luật Tăng-kỳ chép: Trong chúng ba lần thỉnh rồi, Hòa-thượng nên nói làm cho tâm người kia vui mừng.

Luật Tứ phần chép: Đáp lời có thể như vậy, dạy ông thanh tịnh, chớ buông lung. Đệ tử đáp: Kính vâng thọ trì.

Văn dưới lại có mười cách đáp.

Hỏi: Sa-di giới khi đã thỉnh xong, kế đến là thọ mười giới, nay Sa-di thọ giới cụ túc, pháp thọ khác nhau. Hoặc có thể Hòa-thượng không có đức, không thể nhiếp nhau. Cho nên hai cặp thỉnh. Kế thỉnh hai thầy, luật không có chánh văn. Y cứ vào A-tỳ-đàm cũng có cánh thỉnh, văn không có dối nên không sao ra, y cứ theo lệ Hòa-thượng thỉnh chung phải đầy đủ oai nghi đến trước sư, người bên cạnh dạy nói:

Giới sư yết-ma a-xà-lê, thọ giới chánh duyên. Nếu không có người này bỉnh thành Pháp thì Pháp giới thiện pháp không từ đâu mà

sinh. Cho nên phải có tâm kính trọng tăng thượng đối với giới sư mới phát được vô tác, các thuyết đã dạy.

Đại đức nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê yết-ma, mong Đại đức vì con làm a-xà-lê yết-ma, con y theo Đại đức nên được thọ giới cụ túc, xin mở lòng từ bi (nói ba lần). Kế thỉnh giáo thọ sư cũng phải cung kính như trước, người bên cạnh dạy: Vì người này, vì ông làm giáo thọ dẫn dắt khai mở, sai đến trong tăng, phát phương tiện duyên khởi cụ giới do ông đều nhân sư này, tâm ân trọng thỉnh mới phát giới.

Văn như pháp thỉnh yết-ma sư, nhưng cho a-xà-lê giáo thọ là khác, kế nữa thỉnh bảy sư chứng minh, nghĩa chuẩn thỉnh. Vì pháp yết-ma chẳng phải thỉnh một mình, phải lấy người này làm chứng không được lầm lẫn. Thập Tụng nói: Chính thì lý bày thỉnh, người thọ sẽ sinh thiện, tâm sư nặng, cả hai đều hòa, há chẳng phải đồng pháp, đời phần nhiều người không hành theo, nhưng tự diệt pháp. Nếu luận phát công đức của giới, và đức của ba Sư bằng nhau.

Vì sao không thỉnh ư? Có thể y cứ theo ba sư bằng nhau. Vì sao không thỉnh ư? Có thể y cứ theo ba sư mà thỉnh thì đối với đại chúng phần nhiều tăng cũng chưa hạn thông, hạn cục. Lại nói rõ tướng của mười giới có thành không.

Luật Tứ Phần nói: Đệ tử biết Hòa-thượng phạm giới, biết thì không nên thọ với người như thế, nếu biết thì tuy thọ nhưng không đắc giới, biết rõ như thế thì không thành thọ. Trái lại với trên thì thành. Còn chín sư luật không có chánh văn. Y cứ theo có thể biết, nếu Hòa-thượng phạm giới trọng mà sư yết-ma biết cũng không thành thọ. Vì rõ biết với nhau về pháp phạm trọng cũng không thành. Đồng thời biết rõ người phạm thì không được ở chung, biết thì điều gì không bao gồm. Nếu y cứ vào văn trong luật, đệ tử biết Hòa-thượng phá giới, chưa rõ nặng hay nhẹ, y cứ theo nghĩa đề rõ. Cho đến phạm Đột-cát-la cũng không thành thọ, vì phạm oai nghi không xứng với đức của sư. Biết bất đắc giới cưỡng thọ thì không thành do vô tâm, đã biết thì phải thấy nghe thanh tịnh, phải chọn lựa trước.

Văn nói: làm cho chọn lựa lấy. Hòa-thượng có đức sai không đồng nhau, trong luật nêu hơn một trăm ba mươi loại:

Một hạ một loại thì phải hạn định; còn tướng đức khác như trong pháp thầy trò, cho rằng Hòa-thượng chín hạ truyền giới thì phạm tội.

Hai vị Xà-lê năm hạ trở lên, luật nói rõ hơn năm hạ, Sư khác tùy hạ bao nhiêu, đều rõ về nghĩa sư.

May có lão túc thạc đức thì sinh thiện sau này.

Ngũ Bách Vấn chép: Tỳ-kheo năm lạp không đủ để độ đệ tử, biết chẳng thể mà độ, phạm xả đọa. Đệ tử không biết đúng sai thì đắc giới, nếu biết thì không đắc giới.

Minh Liễu Luận Sớ nói: Nếu đã được năm hạ, vì thọ đại giới mà làm chứng nhân và làm oai nghi sư, bảy hạ trở lên được làm xà-lê yết-ma. Đã là địa vị của sư, thì không được ngồi chung một giường.

3. Giáo pháp giới duyên:

Tát-bà-đa chép: hễ thọ giới pháp, thì trước phải nói pháp dẫn dắt khai giải, làm cho đối với tất cả cảnh khởi tâm thương xót, bèn được tăng lên thêm giới, văn như thế, nay vì sự mà cầu trước nói rõ cảnh duyên, sau nói rõ tâm lượng. Trong phần cảnh duyên có phát giới tương và có vô lượng. Do khi chưa thọ giới ác khắp pháp giới, nay muốn tiến thọ, bỏ cánh ác trước, lại khởi tâm lành. Cho nên giới pháp do đây lại khắp pháp giới. Nếu nói theo cảnh thì đâu khác nên có hơn ba mươi trang giấy. Tóm lại, không quá tình và phi tình, không có văn tự giáo thánh Phật Thuyết hai đế diệt lý niết-bàn, quyện tụ hình tướng tháp miếu, đất, nước, lửa, gió, không, thức, Pháp giới là tướng đều là giới thể.

Cho nên Kinh Thiện Sinh chép: Chúng sinh vô biên cho nên giới cũng vô biên.

Tát-bà-đa chép: Về phi chúng sinh cũng được vô lượng như mặt đất ở mười phương, dưới đến không giới, nếu tổn thương như cát bụi đều phạm tội, nay trái lại là thiện giới.

Cho nên khắp mặt đất chính là Kinh Thiện Sinh nói: mặt đất vô biên, giới cũng vô biên. Cỏ cây vô lượng, nước biển vô biên, hư không vô bờ, giới cũng bình đẳng.

Tát-bà-đa chép: Người mới thọ giới đồng đức với giới của Phật. Lấy đây mà suy ra. Tăng ni xuất gia chính là nhóm tụ. Công đức pháp lành, địa vị tôn quý của trời người. Bởi như thế, bất luận là thọ và trì đều có công đức vô số. Nếu người phá hủy thì tội vô biên. Cho nên Thập Luận nói: Tỳ-kheo phá giới tuy là người chết nhưng giới ấy có năng lực có thể chỉ bày đạo hạnh cho người trời, dụ như ngưu hoàng, xạ hương thiêu hương. Phật do đây nói kệ:

Nhìn hoa cải tuy héo
Hơn tất cả loài hoa
Các Tỳ-kheo phá giới
Còn hơn các ngoại đạo

Bởi vậy, là hành giả phá giới công đức vô lượng, xa hơn có thời

kỳ được ra, người không thọ giới theo dòng biển khổ mãi mãi không giải thoát.

Trí luận nói: Thà thọ giới mà phá, lúc đầu vào địa ngục, sau đó được giải thoát. Người không thọ giới trôi lăn trong ba cõi.

Kinh Niết-bàn cũng nói: Tuy được thân Phạm thiển cho đến Phi tưởng. Khi chết còn vào trong ba đường ác, là do không có giới và đi trái đường. Như thế tùy cơ mà lược rộng giúp cho ngộ giải. Nếu người không biết thì tâm mê muội, thọ giới không được, khổ mình và người.

Tát-bà-đa nói: Nếu trọng tâm trong sạch thì phát ra vô giáo, nhẹ thì không phát. Há có thể hư lạm hay sao? Lý phải xem trọng, kế làm cho phát giới. Nên nói: sẽ phát tâm thượng phẩm, đắc giới thượng phẩm. Nếu là tâm hạ phẩm cho đến A-la-hán giới là hạ phẩm.

Luật Tỳ-Bạt chép: Nay ta phát tâm cầu đạo, phải dạy tất cả chúng sinh, chúng sinh đều tiếc thọ mạng, vì việc này mà thọ tâm mềm yếu hạ phẩm. Tuy được giới của Phật, nhưng chẳng phải thượng thắng, ngoài hai đều này đều nói rõ nghĩa.

Thế nào là Trung phẩm? Nếu nói nay ta chánh tâm hướng về đạo, giải nghi cho chúng sinh, ta vì tất cả mà làm trụ cột, cũng có thể tự lợi, lợi tha, người thọ trì chánh giới. Thế nào gọi là thượng phẩm? Nếu nói nay ta phát tâm thọ giới, vì thành ba nhóm giới, hướng đến ba cửa giải thoát, chánh cầu quả niết-bàn vô thượng. Lại dùng pháp này dẫn dắt chúng sinh giúp chúng sinh đến niết-bàn, làm cho pháp trụ mãi. Phát tâm như thế còn là tư tưởng tà, huống chi không phát, định không tôn sùng. Trí luận nói: Phàm phu mới học nói trong tâm tà, người chứng quả Na-hàm nói, trong tâm kiêu mạn, người chứng quả La-hán nói danh tự. Như thế tự biết phạm vi về tâm được tịnh giới, Phật cũng có phạm vi, cho nên văn nói: Phật tử cũng như thế, cần cầu Phạm giới bổn.

Hỏi: Giáo tông này là ở thừa nào mà phát chí Đại thừa?

Đáp: Đây là tông nghĩa Tứ Phần nên là Đại thừa.

Văn giới bổn nói: Nếu có người vì tự thân mình muốn cầu Phật đạo, nên tôn trọng chánh giới, và hồi hướng cho chúng sinh cùng thành Phật đạo. Trong luật phần nhiều có thành lệ. Quang sư cũng xếp vào luật hạn Đại thừa. Cảnh duyên phát giới như thế và tâm có tăng thượng. Hai con đường này chắc chắn trước khi thọ người trí phải truyền trao, làm cho tâm tâm nối nhau, thấy cảnh rõ ràng thanh tịnh, không được đến lúc tạm thời mới nói phát tâm. Nếu y cứ đến lúc sư trao pháp tướng còn tự luống dối, đâu thể làm cho người nhận được thượng phẩm ư? Hoặc hoàn toàn không phát há chẳng phải là việc lớn hay sao?

4. Thứ tư, luật chép: Phật cho người thọ giới đến chỗ mắt thấy tai không nghe. Nếu người thọ giới lìa chỗ thấy nghe, nếu ở ngoài giới, v.v... đều không gọi là thọ cụ túc. Vì sợ nghe yết-ma nên đắm trước, lìa chỗ nghe, còn sợ phi pháp nên làm cho tăng mắt thấy. Trong Luật Ngũ Phần nói vì khởi tội nên cho an lập ngoài giới trường chỗ mắt thấy.

Văn của Tứ Phần chép: Ngoài giới hỏi già nạn. Thời nay người thọ phần ở nhiều trong giới, lý cũng không tổn thương, thuận theo văn luật trên.

Tăng-kỳ nói: Giáo thọ sư phải đến chỗ không gần, không xa. Nếu nhiều người cùng thọ thì phải an trí hai chỗ.

1. Nhiều người đi đứng làm cho nhìn thấy, tăng khởi ý kính trọng.

2. Sẽ hỏi nạn, lìa chỗ tăng và lìa chỗ sa-di. Trong đó hỏi duyên thì cùng chỗ cũng được. Sợ sau hỏi như trước tâm không tôn trọng, nên mỗi người sai đắp y bảy điều và ôm y bát đứng ở chỗ kia.

5. Thứ năm Đơn bạch sai sư oai nghi. Tứ Phần chép: ở ngoài giới cởi y xét, làm cho người thọ hổ thẹn, xét lại việc thọ giới. Phật nói: Không được lõa hình xem, nên sai người hỏi việc nạn. Trong luật Ngũ Phần nói: sai Hòa-thượng nói: yết-ma Sư! Trưởng lão nay làm yết-ma. Lại nói sư oai nghi! Trưởng lão nay thọ yết-ma.

Tứ Phần chép: Giới sư kia nên hỏi: ai có thể vì giới tử làm giáo thọ sư?

Đáp: Tôi .... có thể.

Phải tìm muốn hỏi và lời đáp. Sai giáo thọ sư đơn bạch yết ma, bốn lần đáp như thế chỉ được làm một pháp. Nếu đáp chung nói Thọ giới yết-ma, sau không cần phải hòa nữa. Cho đến nhiều người lệ thông hỏi đáp, không được qua mình tướng. Giới sư nên bạch: Đại đức tăng xin lắng nghe, vị... kia theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Nếu Tăng phải thời đến, tăng bằng lòng... làm Giáo thọ sư, tác bạch như thế, nên xuống tòa lễ tăng, rồi đầy đủ oai nghi đến chỗ người thọ.

6. Nói rõ ra chúng hỏi duyên, sở dĩ như vậy, sợ ở chúng sợ hãi có mà không sai nhau. Chỗ khuất sợ ẩn đâu xem xét được sự thật. Tức phải y theo luật mà hỏi, chỉ trong già nạn có được hay không được. Cho nên trước phân biệt rộng. Làm cho biết nhau. Làm cho người hỏi y pháp mình đoán. Làm cho hỏi đáp tương ưng không có mê lầm, nếu hỏi mà không giải thì rốt cuộc là chẳng hỏi.

Cho nên bên trong không giải lời, Phật pháp không thành. Nếu y cứ theo luật nói không hỏi mười ba già nạn thì không được thành. Cho

nên trước phải giải rõ tất cả không mê lầm, hoặc do không giải không thành, há không lầm việc lớn của người hay sao?

Nên Sa-di dạy làm cho bày danh hiển số biết nhau mà tụng, đây chẳng phải yết-ma, không phạm giặc trụ. Nay nói nghĩa y cứ theo trước mà hỏi nạn. Lại hỏi thể của nạn cần chỉ tướng giải, nay hỏi ông có phạm biên tội hay không? Tự chẳng rõ ràng ở trong luật, mới biết danh biết tướng, từ ngoài kinh luận tạp học ắt không hiểu rõ. Dưới mỗi mỗi đầy đủ, không đồng người cũ, tụng tập mông lung.

1. Nạn Biên tội. Nghĩa là trước thọ giới cụ túc hủy phá trọng cấm, xả giới hoàn tục lại muốn thọ giới lại. Người này tội nặng, gọi là người ngoài biển Phật, không được lại vào biển tịnh giới. Cho đến y cứ theo luận: người tại gia năm giới, tám giới, Sa-di mười giới phá trọng giới đồng gọi là biên tội.

2. Tỳ-kheo-ni phạm giới, các luật như Tứ Phần v.v... nói không còn là ni, không rõ tịnh uế. Cho nên người hành sự ở đời nói: Ông có ô phạm ni thanh tịnh hay không? Đây y theo luật Tăng-kỳ mà hỏi. Luật kia chép: Nếu cân hai quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và phàm phu trì giới, ni bị người làm ô nhiễm, người trước thọ vui, là hoại tịnh hạnh ni. Người giữa và người sau phạm không gọi là nạn hoại ni.

Nếu Na-hàm, La-hán người đầu và người sau đều gọi là nạn. Cho nên biết rằng chỉ là tịnh cảnh mới thành nhiếp nạn.

Luật Thập Tụng chép: Nếu dụng vào tám việc ô nhiễm ni, nếu một người lấy tám việc phạm ni làm cho trọng phạm, người tục không thành nạn.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu hoại ni hai chúng dưới không ngăn ngại xuất gia. Nếu hoại đại ni hành dâm ba chỗ gọi là nạn. Nếu lấy y phục của người tại gia cưỡng cho ni mặc và hành dâm thì thành nạn. Nếu ni tự thích mặc y phục của người tại gia thì việc dâm trên không chướng ngại xuất gia, ắt lấy nghĩa tìm cầu, nếu biết duyên sự thọ giới cụ túc đam mê y phục thế tục cũng thành nạn.

Nhưng hoại tịnh cảnh bất luận là biết tịnh hay bất tịnh, rộng ra có phế lập như sớ nghĩa sao.

Hỏi: Sao không nói hoại Tỳ-kheo?

Đáp: Cũng thành nạn.

Trong lúc ni thọ giới lại hỏi, chính là do sự kiếm.

Cho nên Kinh Thiện Sinh nói: Người thọ năm giới, hỏi già nạn người năm giới rằng: Ông có ô phạm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không?

Nên biết đồng xếp vào nạn. Đều gọi là khi tục nhân phạm. Nếu

thọ giới rồi phạm chỉ gọi là xếp vào biên tội.

Ba là người tâm giặc thọ giới, trong Luật nói: vì lợi dưỡng nên tự xuất gia. Nếu người chưa xuất gia chưa thọ thì không nên thọ, đã thọ đắc giới, từng thuyết giới yết mà rồi thọ nên diệt tẫn. Luật Tứ Phần chép: nếu đến một người, hai người, ba người, chúng tăng cùng yết-ma thuyết giới đều diệt tẫn. "Nghĩa rõ ràng cùng một người tác đối thú chúng pháp đều thành chướng ngại giới, như pháp thuyết giới, tự tứ, v.v... Ắt cho chúng pháp tâm niệm cũng thành nhiếp nạn. Nếu đối ba người khác trở xuống pháp đối thủ, bốn người trở lên ngoài ra hòa hợp pháp không bỉnh yết-ma đều không thành nạn.

Luật Thiện Kiến chép: ba loại hình trộm:

1. Không có thầy tự xuất gia. Không y vào đại tăng hạ lạp, thứ lớp không chịu lễ người khác, không vào việc Tăng Pháp, tất cả lợi dưỡng không thọ.

2. Trộm hòa hợp: Có thầy xuất gia đến nơi khác thọ mười giới. Hoặc nói mười hạ lần lượt nhận lễ vào tăng Bồ-tát, tất cả yết-ma, thọ vật của tín thí.

3. Hai người đều trộm, có thể biết. Nếu hình trộm, không làm pháp sự, không thọ lễ thí. Vì đói khát, nếu muốn xuất gia thọ giới thì được.

Ngũ Bách Vấn nói: Sa-di đâu gọi là bậc đại đạo, nhận một lễ của Tỳ-kheo gọi là nạn tặc trụ, trong Tứ Phần chỉ nói nạn tặc trụ, nghĩa là cùng yết-ma thuyết giới, không thuyết cho nghe, không nghe, và các nhân duyên ngu si v.v... Theo Tăng-kỳ, nếu Sa-di nghĩ rằng: Khi thuyết giới, luận nói những gì: liền trộm nghe. Nếu người thông minh nhớ từ đầu đến cuối thì không được cho thọ giới, nếu người ám độn hoặc các duyên nghĩ, không nhớ từ đầu đến cuối thì được thọ giới cụ túc. Nếu người phàm tự xuất gia, đắp ca-sa chưa hề bố tát thì được thọ, trái lại ở trên thì không được.

Ma-đắc lặc già chép: Không biết mình đủ hai mươi tuổi mà thọ giới cụ túc, sau này biết không đủ, nếu từng làm tăng yết ma bố tát thì gọi là giặc trụ.

Tứ Phần nghi não giới chép: Nếu tuổi không đủ thì tác pháp không thành thọ.

Người có trí nói làm cho biết, sau này lại thọ giới, luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo-ni xả giới, đúng như pháp thọ lại thì không được, tức gọi là nạn giặc trụ bốn phá đạo trong ngoại. Nghĩa là vốn là ngoại đạo, đến xuất gia vào trong Phật pháp, thọ cụ túc rồi lại về lại đạo mình. Nay lại

trở lại, thì hai đạo đều hoại, chí tánh không định. Trong luật nói độ xuất gia cho họ đối tăng và giới sa-di thử thách bốn tháng, làm cho chí tánh hòa nhu tin sâu Phật pháp, mới cho thọ giới cụ túc.

Hỏi Tín tà đến lâu, vì sao cho trước giới Sa-di?

Đáp: Tín này vào quy y, nếu không lấy mười giới điều nhu, trái tướng không hiển rõ Phật pháp sâu mầu, dần dần vào Phật pháp, không đồng với ngoại đạo một lần vào là không chọn.

Việc này đã ít, thuật nhiều vô ích, ắt có luật tự nói rộng.

5. Chẳng phải huỳnh môn: trong luật nói có năm:

1/ Sinh huỳnh môn

2/ Kiền tác,

3/ Nhân thấy người khác dâm mới có tâm đố kỵ, khởi dâm.

4/ Bỗng nhiên biến thành huỳnh môn,

5/ Nửa tháng là nam, nửa tháng là nữ.

Trong đời có nhiều người tự cắt, nếu y theo Tứ Phần thì nên diệt tẫn.

Văn nói: Nếu khỏe mạnh lại cắt đi, thời này hoặc cắt ít phần tâm tánh chưa đổi gồm có người đại tháo đại chí, y theo Ngũ Phần thì được.

Văn kia nói: Nếu cắt đầu và một nửa thì phạm tội nhỏ, cắt hết thì diệt tẫn.

Luật Tứ Phần chép: Nếu rơi vào oan gia, ác thú nghiệp báo nên đồng pháp Tỳ-kheo, nếu tự cắt thì diệt tẫn, không rõ phạm vi.

Luật Ngũ Phần nói: Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị lửa dục thiêu đốt không thể đè nén. Cho đến Phật quở trách: Ông là người ngu si, cái nên cắt mà không cắt, cái không nên cắt mà cắt, bảo các Tỳ-kheo: Nếu cắt hết thì diệt tẫn, nếu còn thừa thì y vào thiên mà sám hối, y theo đây để rõ thì chưa thọ cụ túc mà cắt, rốt cuộc không rõ giáo. Ắt phải y theo trước chọn lấy, y vào bộ khác để thọ.

6/ Giết cha.

7/ giết mẹ.

8/ Giết A-la-hán, ba nạn này rất ít, cho nên lược biết tướng văn.

9/ Phá tăng tức Pháp luân tăng. Nếu phá yết-ma tăng thì chẳng phải nạn,

10/ là làm thân Phật chảy máu.

Hai nạn này sau khi Phật diệt thì không có.

Tăng-kỳ luật chú chép: Phật niết-bàn đã lâu, y vào cựu văn mà hỏi.

11/ Nạn Phi nhân, nghĩa là tám bộ quỷ thần biến làm hình người mà đến thọ giới. Trong luật Ngũ Phần nói: Thiên tử, a-tu-la, càn-thát-bà hóa thành người.

12/ Nạn súc sinh: Cũng biến thành hình người mà đến.

Trong luật nói: rồng biến hình người đến thọ giới, Phật nói: "Súc sinh ở trong pháp của ta không được lợi ích". Đây là hai đường trên, nếu y vào hình cũ thì người này thông biết, sợ biến mà đến. Cho nên phải hỏi.

Hoặc có người thông đạt thế tục đến thọ giới. Lúc ấy nói: Ông chẳng phải súc sinh, nếu không nghe lời này sao kỳ quái vậy, dùng phương tiện chuyển hỏi như trình bày ở dưới.

13/ Người hai hình nghĩa là một thân có đủ hai căn nam nữ. Như trước thọ giới rồi sau biến hai hình còn mất giới, huống chi bắt đầu thọ, nên diệt tẫn. Ở trên lược thuật tướng nạn mà ngăn việc chẳng phải một. Trong luật lược hỏi 16, ngoài ra pháp thọ có nói rộng. Đều nói không nên, cũng có người được, người không được. Nếu không tự xưng tên họ, tự xưng tên Hòa-thượng, số tuổi không đủ thì nhất định không được giới.

Luật Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo độ người cắt tay chân, mũi tai, cắt đầu nam căn, moi mắt ra, người rất già không oai nghi, người cực xấu, tất cả người hủy nhục tăng đều không được độ. Nếu đã độ đắc giới, hoặc có tướng hiềm trước, vì chút việc nhỏ làm trở ngại. Như mù, què, lùn thấp, cha mẹ không cho, v.v... là trở ngại, phạm cát-la. Tăng-kỳ nói: Người mù nếu thấy chỉ trong lòng bàn tay, hoặc người chột mắt, điếc lớn tiếng nghe được. Người què cầm guốc kéo lê xương chậu mà đi, vết sẹo lồi lõm, như trị rồi mà da không lành được. Người in sẹo phá thị rồi dùng đồng xanh xâm chữ, hình thú. Người tủn mủn hoặc trên dài dưới ngắn, dưới dài trên ngắn, tất cả đều ngăn không cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi ra. Tăng phạm tội việt Tỳ-ni, y theo các điều ngăn này đều nói không nên đắc tội. Văn dưới lại nói. Nghĩa là không có tên thọ cụ túc, mỗi mỗi đều nói không nên đuổi ra. Trong đó, người thanh tịnh đúng như pháp có tên thọ cụ túc. Người không tên đều kết vào tội thầy. Đâu ngại co được hay không được. Như người câm, v.v... nếu có người khinh ngăn không chướng ngại giới, cho nên nói thanh tịnh ở chung như pháp.

Văn nói: người câm? Không thể nói dùng tay làm tướng. Lại nói sai việc thì dùng tay làm tướng, không hiện tiền như thế không gọi là thọ. Người câm trước trong văn không nên đuổi ra, cho làm sa-di. Thập

Tụng già luận chép: người câm, điếc không cho thọ cụ túc. Nếu điếc mà nghe tiếng yết-mà thì được thọ. Người y bát không đủ, Luật Tứ Phần nói: nếu không có y bát thì không được gọi là thọ giới, nếu mượn y bát ứng cho giá trị. Ngũ Phần nói:

Lai chủ bỏ đi cũng chẳng rõ có được hay không? Nay theo Tát-bà-đa, Đắc giới Luận hỏi rằng: như thế vì sao phải cần y bát?

Đáp một là vì oai nghi, hai vì trước người sinh tín tâm cúng kính.

Như người thợ săn mặc ca-sa cho nay thấy, vì mặc y phục khác tâm không sợ.

Ba là vì bên ngoài tướng lạ, bên trong đức cũng khác, dẫn kia làm chứng đây, văn không thể biết. Luật Tứ Phần nói: không gọi là thọ giới, đây và bộ biệt khác nhau, phải tụng yết-ma Thập Tụng, y vào kia khai thành, chuẩn gấp không tồn. Người xưa y theo pháp Hòa-thượng của Tứ Phần, nếu biết người mượn y bát thọ giới thì không được, không đac giới, không biết thì đắc. Đây chính là người pháp quyết. Đều trái với văn trong luật, phải kính lời Phật, thọ lại phải y vào pháp, cha mẹ có cho không? Thiện Kiến nói: nếu cõi nước khác, phương khác không cần hỏi. Tăng-kỳ nói cha con thường không cho, tự đến nhỏ bé nuôi con chỗ khác được thọ.

Mắc nợ: Các bộ đều nói không nên nghĩa chuẩn lý được.

Tôi tớ: Tăng-kỳ chép: nếu nhà buôn bán được lấy được tất cả không được. Người kia và tôi tớ tự đến chỗ tôi tớ khác cho thọ. Nay có người thả tôi tớ xuất gia. Theo Kinh Công đức Xuất gia, nếu thả tôi tớ nam nữ được phước vô lượng. Trong luật nói không rõ thả.

Nhưng nói tự đến Vào Phật pháp độ là sai. Y theo tôi tớ và trẻ con, tất cả thông thật. Trong Ngũ Bách Vấn chép: Biết là tôi tớ của Phật mà độ phạm tội trọng.

Nếu trước không biết sau biết thì không tội. Cũng hỏi lại: Người này có phải là người đại nhân hay không?

Đáp: không phải, Tăng nô y cứ theo đây. Lại địa vị là nô, quan nhân.

Luật Tăng-kỳ nói có tên có ghi, có tên không ghi nước này nước kia thì không được độ. Có ghi không tên chỗ khác thì được độ. Không tên có ghi tất cả đều cho. Y theo đây người tục đến xuất gia lý phải cho thọ.

Kẻ trượng phu: là tâm mạnh mẽ, mến thanh tiết xa không chịu khuất phục, rõ ràng phong sương không đổi tiết tháo, vững chắc ưu lo chưa đạt tâm mình, chính là dáng trượng phu. Cho nên luật nói: Hai

mươi tuổi mới được thọ giới cụ túc: nghĩa là có khả năng chịu đựng nóng lạnh, đói khát gió mưa, muỗi mồng trùng độc, có thể chịu được lời ác việc khổ, có thể giữ giới, có thể ăn một bữa.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu quá hai mươi, dưới mười bảy không có sức chịu đựng thì không nên cho thọ cụ túc.

Năm loại bệnh: bốn loại trên nên được, trong cuồng si có ba loại, Nếu hoàn toàn không biết thiện ác nên không được, còn hai bệnh khác thì được.

Luật Thiện Kiến nói: Ghẻ lở chớ hỏi đỏ trắng đen. Chỗ khuất tăng trưởng không tăng trưởng đều được, chỗ sáng trái với trên không được. Nhưng bệnh ghẻ có hai:

1. Do nghiệp ác mà có

2. Bốn đại chống trái nên phát sinh

Cho nên Kinh Dục Vương nói có Tu-đà-hoàn ghẻ lờ, A-la-hán ung nhọt.

Nếu xuất gia rồi mà bệnh ung nhọt, tất cả việc tăng cùng làm. Nếu ăn chớ sai ở chúng. Đây là Tát Bà Đa bộ giải thích.

Kế nói về việc khác, lại nói rõ lý do. Luật Ngũ Phần nói nếu trước người không biết nhau, không nên do lúc mây mù tối.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: Trước phải đốt đèn soi. Nếu người trước từng thọ cụ túc, Thập Tụng hỏi rằng: Có từng làm đại Tỳ-kheo hay không?

Đáp: Có làm.

Hỏi: Có thanh tịnh trì giới không ? Khi xả có nhất tâm đúng như pháp hoàn giới hay không?

Trong Tứ Phần không có văn, ắt có cũng đồng biên tội, may y vào mười ba nạn của Thập Tụng, trước hỏi.

Đáp: Vì nếu có trái thì thành biên tội.

Tứ Phần chép: nếu có duyên nạn, như trong thuyết giới, phải hai người, ba người, cùng một lúc làm yết-ma, không được đến bốn người.

Luật Tăng-kỳ chép: một Hòa-thượng, một giới sư, một chúng được hai người, ba người một lúc làm yết-ma không được đến bốn người.

Luật Tăng-kỳ chép: một Hòa-thượng, một giới sư, một chúng được hai người, ba người đều thọ. Nếu hai Hòa-thượng cùng một giới sư, hai, ba người, không được một chúng thọ.

Luật Thiện Kiến nói: hai người, ba người một lúc thọ giới, mỗi mỗi đồng đẳng, hạ lạp đồng thời không có tướng làm lễ. Trên lược rõ tạp tướng, nay chính ra chúng hỏi pháp giáo thọ sư đến chỗ người thọ,

trải đồ ngồi mà ngồi, đã nói sai trải đồ ngồi sửa bốn góc cho ngay, tướng đối bằng nhau trong một duỗi tay.

Luật Ngũ Phần chép: Nên an ủi nói: Ông chớ sợ, chốc lát sẽ đặt ông chỗ cao.

Người kia phải lấy y bát bày ra, gởi đây cho là chắc chắn. Trước cầm y ngũ điều nói. Đây là y an-đà-hội, lại đắp vào. Đây là uất-đa-là-ăng, cầm đại y rồi, đây là Tăng-già-lê.

Trong Tát-bà-đa nói: Ba y này tất cả ngoại đạo không bằng kịp. Nay dạy ông về danh tướng, nếu y vào cả bộ, chỗ này chính là thọ y bát. Hoặc ở trong các giới sư mà thọ. Tứ Phần không có văn; hoặc thọ rồi mới trì, cũng tùy cả hai còn. Lại cầm bát rồi nói: bình này gọi là bát-đa-la, y bát này là của ông phải không? Người kia nói: Đúng, liền bọc lại, hoặc pháp thọ thêm như trước. Nên nói: Người thiện nam lắng nghe, nay là lúc chí thành, nay tôi hỏi ông, ông theo lời hỏi của tôi mà đáp. Nếu không thật nên nói không thật, nếu thật thì nói thật. Vì sao như thế? Vì từ vô thỉ đến nay khinh cuồng Thánh Hiền, chìm trong sinh tử, nay vì muốn xả bỏ luống dối, chứng pháp chân thật, làm cho ông đáp thật. Nay hỏi ông già nạn. Nếu không đáp thật thì thọ luống uổng. Luật nói: Người Phạm già nạn dù bảy Đức Phật nhất thời cho thọ cũng không đắc giới,

- Thứ nhất ông có phạm biên tội hay không?

Đáp: không.

Nói: Ông nên không biết tội này. Nghĩa là từng thọ giới của Phật mà phạm dâm, đạo, sát, vọng, người tạo bốn tội này thì không được thọ. Nay ông phạm không?

Đáp: không có.

Lại nói: nếu ông không biết không hiểu không được vọng đáp.

- Thứ hai: Khi ông còn tại gia có làm ô nhiễm tịnh giới Tỳ-kheo-ni không?

Đáp: không.

- Thứ ba: khi ông còn tại gia, sa-di, có trá làm Tỳ-kheo trộm nghe người khác thuyết giới, yết-ma hay không?

Đáp: không.

- Thứ tư: Ông có từng làm ngoại đạo đến xuất gia thọ giới, sau đó trở lại làm ngoại đạo, nay đến lại hay không?

Đáp: không.

- Thứ năm: Ông có phải năm loại huỳnh môn hay không?

Đáp: không.

- Thứ sáu: Ông có giết cha mẹ không?
- Thứ bảy: Ông có giết mẹ không?
- Thứ tám: Ông có giết A-la-hán không?
- Thứ chín: Ông có phá tăng không?
- Thứ mười: Ông có tâm làm thân Phật chảy máu không?

Mỗi mỗi đều đáp không.

Thứ mười một: Ông có phải là con của trời, con a-tu-la, gọi là phi nhân biến hóa hình người mà đến thọ giới hay không?

Đáp: không.

- Thứ mười hai: Ông có phải loài súc sinh loài rồng có thể biến hóa, biến thành thân trời mà đến thọ giới không?

Đáp: không.

- Thứ mười ba: Nay thân ông có hai hình không?

Đáp: không

Nên khen rằng: "Này thiện nam đã hỏi mười ba việc nạn rồi, đã không có thì sẽ được thọ". Lại hỏi mười già nạn: nay ông tên gì?

Đáp: Tên..., ai làm Hòa-thượng? Đáp: Hòa-thượng hiệu là...

Đủ hai mươi tuổi không? Đáp đủ. Y bát có đủ không? Đáp: đủ

Cha mẹ có cho không? (Nếu có thì nói có, không thì nói không)

Ông có mắc nợ không? Đáp: không.

Ông phải là tiện nhân khác, Phật không cho độ, chẳng phải tôi tớ hay không?

Đáp: không

Ông có phải người làm quan không? Đáp: không.

Ông có phải là trượng phu không? Đáp: là trượng phu.

Có những bệnh như ung nhọt, bạch lại, gầy ốm, điên cuồng. Ông có các thứ bệnh này không? Đáp không. Nên lại nói rằng: Ông không có già nạn, nhất định được thọ. Như nay tôi hỏi ông, trong tăng cũng hỏi như thế, như ông trả lời cho tôi, trong tăng cũng phải trả lời như thế, như ông trả lời cho tôi, trong tăng cũng trả lời như thế. Nên dạy đứng dậy đắp y bảy điều ngay ngắn, sửa oai nghi nghiêm trang, mang dép xếp tọa cụ. Y bát ở trên vai bọc túi để trong tay. Nói khiến ông đứng chỗ này. Tôi đến trong tăng vì ông thông thỉnh. Nếu Tăng cho phép, tôi đưa tay gọi ông, ông hãy đến bên. Luật Ngũ Phần chép: Khi dạy đắp y, phải thầm xem có bị bệnh nặng hay không? Nhiều thứ tùy duyên rộng như kia nói.

Ngoài ra trong luật ở đây thọ y bát.

- Đơn bạch nhập chúng. Luật nói: Giáo thọ sư kia lại đến, đến

trong tăng, oai nghi như thường, cách nhau duỗi tay và đến chỗ đứng (ở đây theo giới đàn chỗ trống ở Trung quốc, cho nên trong một duỗi tay ắt ở chỗ khuất, bất kỳ lúc nào nên phải tác bạch: Đại Đức tăng xin lắng nghe: mỗ giáp kia theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho, tôi đã hỏi rồi xin cho đem đến, tác bạch như thế, bạch rồi chớ ra trong tăng. Nếu trong tăng đường, đến trong hạn cửa, đưa tay hô nói: mỗ giáp đến đây (Nếu ở chỗ trống không được lìa Tăng ngoài một duỗi tay. Người kia đến rồi, cầm y bát sai đến trong tăng, dạy lễ dưới chân tăng rồi, đến trước giới sư, gối phải quỳ sát đất chắp tay.

- Nói rõ khất giới: Giáo thọ sư kia giao y bát cho giới sư rồi, sửa sang y phục an ủi tâm người, tha thiết chí thành, nhờ vào Tăng thanh tịnh, thương xót cầu khất giới nói: giới pháp này chỉ có Phật xuất thế lập nên, vì bí mật, vì thù thắng, vì không để cho người thế tục nghe. Trong sáu đường, chỉ có người mới được thọ. Còn như bao gồm già nạn thì không được thọ giới cụ túc. Nay ông đã không có, thật là chiếc bình thanh tịnh, phải thâm tâm xin giới. Trong chốc lát vào trong số Tam bảo, nếu tâm lơ đễnh thì giới không thể đắc. Như thế tùy thời làm.

Luật luận nói rộng, nhưng xin giới do tự tâm ông, nhưng chưa hiểu các thức dần dần không sao. Cho nên Phật dạy ta vì ông giảng nói, nên y theo lời ta: Đại Đức tăng xin lắng nghe, tôi mỗ giáp theo Hòa-thượng..., cầu thọ giới cụ túc. Tôi... theo Hòa-thượng... xin thọ giới cụ túc. Mỗ giáp là Hòa-thượng, xin tăng cứu giúp tôi, xin thương xót tôi (nói ba lần, dạy xong lại ngồi).

- Giới sư bạch hòa pháp, người kia nên bạch rằng: Đại Đức tăng nghe mỗ giáp này theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Mỗ giáp này theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ giáp là Hòa-thượng, nếu tăng phải thời đến, xin tăng bằng lòng cho tôi hỏi các vấn nạn, tác bạch như thế.

Hỏi: Giới sư tác bạch hòa tăng, giáo thọ đáp không, yết-ma đối tăng vấn nạn. Trước không sai cho nên sau phải hòa, giáo thọ đã bị tăng sai phụng mệnh sai hỏi, đâu cần hòa lại. Lại ở chỗ khuất không đối chúng hỏi. Hỏi giới sư không sai, giáo thọ đáp một mình sai, giáo thọ sư ra chúng hỏi nạn không sai không có, sao liền hỏi yết-ma trong chúng mà hỏi. Cho nên chẳng phai sai, lại có chọn lựa như nghĩa sao nói.

- Nói về đối vấn: Luật hỏi thẳng mười ba việc nạn, không có duyên trước, thời nay tương truyền trước hỏi y bát. Lại như giáo thọ dạy bốn tên khác xong, nên nói: người thiện nam hãy lắng nghe, nay là lúc

chân thành, lúc nói thật, nay theo lời tôi hỏi ông phải đáp thật.

Tăng-kỳ nói: "nếu ông không đáp thật thì khinh xuống các vị trời, hủy phạm Sa-môn, bà-la-môn, Chư thiên người đời, cũng khinh cuống Như lai và chúng tăng". Tự mắc tội lớn. Nay hỏi ông mười ba việc nạn, đồng lời hỏi của giáo thọ sư ở trước. Nhưng chúng tăng sợ chỗ khuất có xem xét. Cho nên đối đại chúng mỗi mỗi hỏi ông, ông lại y vào lời đáp kia, mỗi mỗi đáp lời tôi. Ông có phạm biên tội không? Ông có phạm Tỳ-kheo-ni tịnh hạnh không? Ông có tâm giặc thọ giới không? Ông có phá nội ngoại đạo không? Ông có phải huỳnh môn không? Ông có giết cha không? Ông có giết mẹ không? Ông có giết A-la-hán không? Ông có phá tăng không? Ông có làm thân Phật chảy máu không? Ông có phải là phi nhân không? Ông có phải là súc sinh không? Ông có phải hai hình không? Tất cả đều đáp "không". Ông tên gì? Hòa-thượng hiệu gì? Đủ hai mươi tuổi chưa? Ba y và bát có đủ không? Cha mẹ có cho xuất gia không? Có mắc nợ không? Có phải tôi tớ không? Ông có phải là người làm quan không? Ông có phải là trượng phu không? Trượng phu có các bệnh như: ung nhọt, bạch lại, gầy ốm điên cuồng, v.v... Nay ông có những chứng bệnh như thế hay không? (trên đều tùy theo có không mà đáp đủ) Đoạn lớn thứ hai chánh nói về thọ thể.

Nếu đến lúc này phải bày rộng tôn trọng phát giới chánh tông, không được chỉ nói khởi tâm thượng phẩm, thì người thọ biết gì là thượng phẩm. Như tự cột trụ hỏi. Nay coi rẻ tướng mạo, gặp việc chưa hẳn tụng văn nên nói: Người thiện nam! Các già nạn ông đều không có, tăng chúng đồng vui sẽ cho ông giới. Như giới sâu xa rộng khắp pháp giới, nên phát thượng tâm sẽ được thượng pháp, như trong duyên trước. Nay thọ giới này, là vì hướng về quả niết-bàn, hướng đến ba cửa giải thoát, thành tựu ba nhóm giới, làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Đây là tâm thượng phẩm. Kế là khai rộng hoài bão của ông, pháp giới trần sa rót vào thân ông, hoàn toàn không lấy gì báo được thân tâm mà được dung thọ. Nên phát tâm làm khí lượng hư không, thân mới được thọ pháp lành trong pháp giới. Cho nên luận nói: Nếu giới pháp này có hình sắc sẽ vào thân ông làm tiếng vang, trời lở đất rung. Vì chẳng phải sắc pháp cho nên làm cho ông bất giác. Ông hãy phát tâm ân trọng thượng phẩm. Nay làm yết-ma Thánh pháp cho ông. Đây là do Như lai chế ra, phát được pháp lành pháp giới trần sa, rót vào thân tâm ông, ông phải biết. Nên nói với tăng rằng:

Đại chúng từ bi bố thí giới ấy, đồng tâm cùng bỉnh, mong chớ duyên khác làm cho người khác không được, nên bốn lần nhìn không

làm cho, chẳng có tướng khác có thì gọi là như pháp. Nói rằng: chúng tăng cho làm yết-ma. Đại đức tăng xin lắng nghe, nay mỗ giáp theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Mỗ giáp này nay theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ giáp là Hòa-thượng, mỗ giáp tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, ba y bình bát đủ. Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng truyền trao cho mỗ giáp giới cụ túc, mỗ giáp là Hòa-thượng, tác bạch như thế, tác bạch rồi hỏi tăng có thành tựu không. Trong yết-ma lần thứ nhất, thứ hai, thứ 3 cũng hỏi như vậy.

Văn trong luật Tăng-kỳ nói: y cứ trong tăng đây biết pháp đáp là thành tựu.

Luật Thập Tụng nói: vì người khác thọ giới, hoặc ngủ, nhập định, ồn ào náo loạn, v.v... Phật nói không thành thọ giới. Khi yết-ma phải nhất tâm lắng nghe. Chớ có suy nghĩ và biết điều gì khác. Nên kính trọng pháp, phải suy nghĩ, tâm tâm tương tục nhớ nghĩ, nên phân biệt nói: đây là yết-ma lần thứ nhất cho đến lần thứ 3, không nói thì phạm tội. Lại nên nói với người thọ rằng: đã tác bạch rồi, răng đều tùy hỷ, nay làm yết-ma, động giới pháp kia chớ để cho tâm trầm cử, nên dùng tâm thừa đón. Lại bạch tăng rằng: Phải cho yết-ma. Đại đức tăng xin lắng nghe, mỗ giáp này theo Hòa-thượng mỗ giáp cầu thọ giới cụ túc. Mỗ giáp này nay theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ giáp làm Hòa-thượng, mỗ giáp tự nói thanh tịnh, không có các việc nạn, tuổi đủ hai mươi, ba ý bình bát đầy đủ, nay tăng trao giới cụ túc cho mỗ giáp, mỗ giáp làm Hòa-thượng, chúng tăng bằng lòng nên im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói, đây là yết ma lần đầu, hỏi tăng: có thành tựu không? Nói với người thọ rằng đã làm yết-ma lần đầu, tăng đều im lặng có thể. Nay pháp lành trong pháp giới mười phương đều rung chuyển, nên khởi tâm vui mừng, chớ có y buông lung, biếng nhác. Kế yết-ma lần hai, như trên hỏi rồi nói với người thọ rằng: đã làm yết-ma lần hai rồi, tăng đều hòa hợp, nay pháp lành pháp giới trong mười phương, đều nhóm họp trong hư không, cho đến khi yết-ma lần thứ ba xong phải đem công đức pháp giới vào thân tâm ông. Còn một lần yết-ma, ông phải phát tâm tận hư không giới. Tâm duyên cứu nhiếp ba cõi chúng sinh, đồng thời muốn hộ trì Phật pháp ba đời. Sửa y ngay thẳng nói như thế, không đồng ở trên bày rộng.

Vẫn bạch tăng rằng: Nguyện tăng đồng thời từ bi cứu giúp đời trước, đồng chấp tay giúp nêu yết-ma, liền tác bạch cho đến việc như thế mà làm. Nếu nhiều người, một người thì phải theo xong, ghi nhớ thời tiết.

Luật Tứ Phần chép: Có người mới thọ giới không đến hậu an cư, lấy số làm năm.

Phật dạy: không có, phải là Hòa-thượng, xà-lê giáo thọ thời tiết mà nói. Nếu mùa Đông, hoặc mùa Xuân, mùa Hạ, ngày tháng ấy, nếu trước khi ăn, sau khi ăn, cho đến lượng bóng, phải đem cây một thước dự trước, đến ngày thọ xong dựng lên, nhớ đầu bóng đó, nằm lượng tính là thước tấc, cho là pháp thường. Luật Thiện Kiến chép: Thọ giới rồi đứng lấy chân theo thân lượng bóng, chỉ báo mùa Xuân mùa Đông, chúng số bao nhiêu. Sau đó nói bốn y, bốn trọng. Nếu người thọ nhiều nhưng thọ xong ở nơi hạ tọa tăng cho đến tất cả làm rồi, mới nhóm hết trước Thượng tọa, đồng thời vì nói tùy tướng, không hẳn giới sư.

Hỏi: Người mới thọ giới này tương đồng với người ngoài giới đến, sao không hòa lại.

Đáp: Chẳng phải ngoài đến, phải là chỗ mới dậy.

Kế nói về thuyết tướng, y cứ theo lý tùy thầy học đủ, đâu chỉ bốn điều này, vì duyên khởi có lỗi, lại chế bốn căn bản, nếu hủy chẳng phải dụng. Thiên khác nhánh tể sám lại tăng số, nhớ ở đây. Nên nói rằng: người thiện nam, ông thọ giới rồi phải vâng giữ. Nếu có người chỉ thọ giới mà không giữ, thì thọ giới không đắc, nguyện rỗng không vô ích, thà khổ hạnh dụng, không cần nguyện cầu, kinh luận nói như thế. Nhưng gặp Phật rất khó, chánh pháp khó nghe, thân người khó được, người vâng giữ giới lại khó hơn. Cho nên bậc cao đạt thượng phẩn có thể thọ, có thể trì, tu đạo hội yếu chỉ bậc thánh. Kẻ tiểu nhân hạ phẩm có thể thọ có thể phá, tâm không hổ thẹn, hiện đời tiếng xấu, không mất lợi dưỡng, chết đọa đường ác, người trung phẩn thiện không tự phát, hướng lên mà học, có thể y theo hạ lưu hay sao?

Nếu tâm bỉ lậu hủy phá giới Phật, chi bằng không thọ, phải y theo chánh giáo của Phật, thuận theo thọ học, năm hạ rồi chuyên về luật bộ nếu thông đạt trì phạm, làm việc Tỳ-kheo, tu định học tuệ, sẽ có ngày thành công. Ngoài ra, tạp học nói ô nhiễm tịnh giới, thì định tuệ không từ đâu sinh. Phật không cho phép, vì thế luật nói. Nếu thiếu giáo thọ sư nên học chỗ khác, vì để tăng trưởng quả Sa-môn. Sau đó y theo văn để nói tướng, kế là thọ y bát, đồ ngồi. Nếu khi sa-di thuyết tịnh y bát lâu dài, lại thỉnh thí chủ đều đem thuyết tịnh. Nếu lúc sa-di không thuyết thì đã phạm rồi, nên sai đem bỏ làm sám cát-la. Sau đó thuyết tịnh. Đồng thời Hòa-thượng ủy dạy, kế truyền trao sáu niệm (trích trong văn Tăng-kỳ).

Niệm thứ nhất biết ngày tháng, nên nói sáng nay ngày mồng 1

tháng trời sáng, đến ngày 15, để thuần đại cố không nói lớn nhỏ (đủ thiếu). Nếu tháng trời tối có (lớn nhỏ) đủ thiếu, cho nên chia ra hai phần.

Sáng nay ngày mồng 1 đến mồng 5 tháng trời tối. Hoặc nói nay mồng 1 đến 14 thiếu trời tối. Đây nghĩa là biết đi xa gần để bố tát. Cách thức ngày tháng xuất gia như thế. Nếu y cứ theo văn trong luật nói vì người đời hỏi nên phải biết. Nếu vào xóm làng, thì trước phải biết mấy cách về ngày tháng, y theo cõi này bất luận tối sáng. Nếu đáp cho người đời chỉ được tướng chung nói: nay là tháng giêng thiếu là ngày mấy, đây thì đạo tục đều thông biết.

2/ Niệm biết chỗ ăn. Trong đó có ba loại, nếu hoàn toàn không thọ thỉnh người nói: nay tôi ăn thức ăn rồi, cố nói ăn thức ăn thường của tăng, có người nói tôi thường xin thức ăn. Nếu người thọ thỉnh nói nay tôi tự ăn không có chỗ thỉnh. Lại nói. Nay tôi ăn thức ăn của tăng không có chỗ thỉnh. Lại nói, nay tôi xin thức ăn không có chỗ thỉnh. Nếu có người thỉnh có trái hay không trái nên nói nay có chỗ thỉnh nghĩ tự đi. Nếu trái (nghĩa khác là tháng ca-đề bệnh và thí y đồng duyên. Nay có duyên gì được trái thỉnh (nếu không có duyên một ngày có nhiều người thỉnh nên đối với người nói: Ngày nay có nhiều người thỉnh tự thọ một thỉnh. Ngoài ra thí cho trưởng Lão ở chỗ nào nên tìm năm chúng xả, nếu không có người thì tâm niệm xả. Tôi tên... sáng nay đàn việt thí chánh thực cho tôi, đem về cho Tỳ-kheo... đàn viết đối với tôi không cho. Tôi được thức ăn tự tứ. (nói ba lần, cách niệm này gọi là một mình ở lan-nhã, đi xa bệnh nhiều, y vào quê nhà, người thân, trụ có năm loại Thập Tụng khai).

Thứ ba là biết hạ lạp khi thọ giới, nói: Tôi vào ngày đó tháng đó năm đó cây một thước, bóng cao bao nhiêu thọ giới cụ túc, nay tôi không có hạ. Sau đó nếu có, tùy theo hạ mà nói.

4/ Biết y bát có thọ tịnh hay không, nên nói: tôi ba y bình bát đầy đủ, có dự đã thuyết tịnh (sau này tùy có không, y bát, thuốc, v.v... tùy có mà thuyết tịnh).

5/ Niệm thức ăn đồng khác nói: nay tôi nhờ các thức ăn (ắt có biệt chúng chín duyên tùy khai) nói: nay tôi có duyên gì đó, phải biệt chúng ăn, sáu niệm mạnh yếu. Nói: Tôi không bị bệnh có thể hành đạo.

Luật Tăng-kỳ chép: Thọ giới rồi phải giữ đãy lọc nước, ứng dụng cách rửa bình như trong phần Tùy Tướng.

Ngũ phần chép: Người mới thọ giới phải tụng giới, người sợ tâm thối thì chưa thể cũng được. Luật Thiện Kiến chép: Phật độ Tỳ-kheo

đã có ba y, bình bát, đồ ngồi, đãy lọc nước, kim, chỉ, dao cạo, tám việc theo thân.

Luật Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo và ngoại đạo lạm nhau. Phật sai hỏi lúc nào tháng nào, Hòa-thượng, xà-lê nào, liền biết Phật pháp và ngoại đạo, người tục có khác. Suy lường hỏi biết chẳng phải giặc trụ.

Thời có ba thời, từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 15 tháng 4 là mùa Xuân.

Từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 15 tháng 8 là mùa Hạ.

Từ ngày 16 tháng 8 đến ngày 15 tháng 12 là mùa Đông.

Tháng có sáng tối, thiếu đủ khác nhau. Thọ giới rồi lấy ra cho, hai là nói về xả giới. Tứ Phần chép: nếu người không thích phạm hạnh thì cho xả giới về nhà. Sau đó lại muốn tu hạnh thanh tịnh trong Phật pháp lại cho xuất gia thọ đại giới. Tăng Nhất A-hàm cho bảy lần xả giới quá thì phi pháp. Thập Tụng già Luận chép: Ni không xả giới lại được thọ cụ túc.

Hỏi: Nếu không xuất gia lại, vì sao khai xá?

1. Vì không thành Ba-la-di.

2. Vì đến đi không chướng ngại. Tỳ-kheo kiến lập nghĩa cương, cho nên khai cho bảy lần, ni có một nghĩa, làm cho người đời không có lỗi, không sinh chê bai, rộng như bộ kia (y cứ theo nghĩa nên được làm hai chúng dưới.)

****

THIÊN THỨ CHÍN: THẦY TRÒ NHIẾP GIỮ NHAU.

Phật, pháp, tăng lợi ích rộng lớn là do thầy trò nhiếp giúp nhau, đôn đốc lẫn nhau, tài pháp đều giúp nhau. Ngày ngày chưa nhóm nghiệp, hành sâu đức lâu cố nhiên đều nhờ vào đây. Gần đây huyền giáo chậm lụt, gió tuệ che lấp, thế tục ôm ấp hối mạn, đạo phát xuất phi pháp. Lại do thầy không có tâm dạy bảo, tư chất thiếu vâng hành.

Hai tướng kia bỏ nhau, vọng chạy theo cảnh xấu, muốn làm cho đạo sáng tỏ đâu thể nào được. Cho nên vội cứu đảo huyền, trao cho phương pháp an nguy may thay cung kính mà hành trì pháp còn mãi không diệt.

Tóm lại, trước nói rõ đệ tử y chỉ, sau đó nói về hai sư nhiếp thọ.

Trong phần đệ tử y chỉ lại chia làm hai, trước nói rõ danh tướng thầy trò, sau nói về pháp y chỉ.

Hỏi: Thế nào gọi là Hòa-thượng A-xà-lê sư?

Đáp: Đây không phải dịch đúng. Luật Thiện kiến ghi: Không tội thấy tội, quở trách, gọi là thầy ta, cùng đối với pháp lành dạy bảo làm cho biết, ấy là xà-lê của ta.

Luận truyện nói: Hòa-thượng là tiếng nước ngoài, Hán dịch là biết có tội, biết không tội, gọi là Hòa-thượng.

Trong luật Tứ Phần, đệ tử quở trách Hòa-thượng cũng đồng.

Luận Minh Liễu, Chánh bổn là ưu-bà-đà-ha, dịch là y học, vì y vào người này học giới định tuệ, tức là Hòa-thượng. Địa phương quốc độ âm khác. Tương truyền rằng: Hòa-thượng là Lực sinh (đạo lực do đây mà thành).

Xà-lê chánh hạnh (làm khuôn phép chính cho đệ tử thực hành theo), chưa thấy kinh luận. Trong Tạp A-hàm ngoại đạo cũng gọi thầy là Hòa-thượng, đệ tử là người học sau ta, gọi là đệ, hiểu cũng từ ta sinh, gọi là tử.

Kế là nhiếp chung nhau. Kinh Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ chép: đệ tử thờ thầy có năm việc.

1. Phải nhớ sự khó khăn của thầy
2. Phải nhớ ân thầy
3. Tất cả ngôn giáo đều theo
4. Ân nghĩ không chán
5. Trước sau khen ngợi

- Thầy dạy đệ tử có năm việc

1. Phải làm cho mau biết

2. Làm cho đệ tử hơn người
3. Làm cho biết mình không quên
4. Có nghi thì phải giải
5. Muốn làm cho trí tuệ hơn thầy.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Thầy độ đệ tử không được vì cung cấp cho bản thân mình, độ người xuất gia thì phạm tội. Phải làm cho người kia nhân việc mình độ cho nên tu các pháp lành đắc thành đạo quả.

Luật Tứ Phần chép: Hòa-thượng phải xem đệ tử như con, đệ tử xem Hòa-thượng như cha, y theo cách nghĩ con này phải đủ bốn tâm.

1. Thành thật dạy bảo
2. Có lòng từ
3. Yêu thương
4. Lo lắng áo cơm

- Nghĩ như cha, cũng có bốn tâm:

1. Gần gũi yêu thương
2. Kính thuận
3. Sợ khó
4. Tôn trọng

Cung kính tiếp đãi như bề tôi thờ vua, cho nên luật nói: như thế dần dần cung kính tôn trọng chăm sóc nhau có thể làm cho chánh pháp được trụ lâu, lợi ích thêm rộng lớn.

- Nói về pháp y chỉ, trước nói về ứng pháp, kế nói về chánh hạnh.

Trong phần đầu nói được hay không được y chỉ có tám người, luật Tứ Phần nói có sáu loại:

1. Thích yên tĩnh
2. Giữ gìn chỗ ở
3. Bị bệnh
4. Săn sóc bệnh
5. Đủ năm hạ trở lên, hạnh đức thành tựu
6. Tự có trí đi đến chỗ ở không hơn mình
7. Đời đói khát không có thức ăn.

Luật Thập Tụng nói: Nếu sợ chết đói thì phải nhìn thấy chỗ ở của Hòa-thượng hằng ngày, sợ không được, thì năm ngày, mười lăm ngày, hoặc hai tuần rưỡi, hoặc đến lúc tự tứ, mỗi trường hợp tùy duyên như trên đến gặp Hòa-thượng.

8. Hành đạo xứng ý

Luật Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo mỗi vị đều siêng tu đạo không có người nào cho y chỉ, nên ở trong chúng Thượng tọa Đại đức tâm sinh

y chỉ kính như Pháp sư mà ở.

Kế nói phải y chỉ người, có tám loại, luật Tứ Phần chép:

1. Hòa-thượng qua đời.
2. Hòa-thượng thôi tu.
3. Hòa-thượng quyết y xả giới.
4. Hòa-thượng bỏ nuôi chúng.
5. Đệ tử có duyên nạn nơi khác.
6. Đệ tử không thích chỗ ở, lại tìm duyên tốt.
7. Chưa đủ năm hạ.
8. Không hiểu rõ cương.

Văn nói: nếu người ngu si vô trí thì trọn đời y chỉ, ở đây y cứ vào hạnh giáo mà rõ.

Luật Thập Tụng chép: Thọ giới nhiều năm không biết năm pháp thì trọn đời y chỉ.

1. Chẳng biết phạm
2. Chẳng biết không phạm
3. Chẳng biết nhẹ
4. Chẳng biết nặng
5. Chẳng tụng giới làu làu.

Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu người trăm hạ lạp mà không biết pháp, thì nên y chỉ người mười hạ lạp.

Trong Tăng-kỳ nói có bốn pháp: Không khéo biết Tỳ-ni, không thể tự lập, không thể lập người, và trọn đời y chỉ.

9. Hoặc ngu hoặc trí. Ngu nghĩa là tánh hay khóc, si mạn thường phạm nhiều tội. Trí nghĩa là phạm rồi liền biết y theo pháp sám hối. Chí chẳng trình chánh y chỉ người.

10. Không tụng giới bổn, Tỳ-ni Mẫu chép: "Người không tụng giới, hoặc cố không tụng, trước tụng sau quên, người căn độn tụng không được. Ba người này không được lìa y chỉ, bảy người trước chưa đủ năm hạ, cho nên phải y chỉ. Nếu đủ thì không cần. Ba người sau hơn năm hạ, nếu đức hạnh đầy đủ mới thôi y chỉ người. Nhưng năm năm mất y chỉ, nói theo giáo tướng, thì y cứ hạnh mình, đều cần phải thầy dạy, luật nói thành lập năm phần pháp thân mới lìa y chỉ, lại thông hiểu các giáo, Phật cũng có thầy, ấy gọi là Pháp". Nói rộng như thế.

- Nói rõ y chỉ chánh hạnh chia làm hai:

1. Bảy loại pháp cộng hành, hai mươi ba loại pháp biệt hành.

Bảy pháp cộng hành: một chúng tăng và sứ làm trị phạt, đệ tử trong đó phải lo liệu đúng như pháp. Làm cho Hòa-thượng thuận theo

tăng. Giải xử làm cho đúng như pháp, không trái nghịch cầu trừ tội, làm cho tăng nay giải tội cho.

2. Nếu Hòa-thượng phạm Tăng tàn, đệ tử phải đúng như pháp khuyến hóa làm cho Hòa-thượng phát lồ, mình vì nhóm tăng mà làm pháp xuất tội che giấu sám hối.

3. Hòa-thượng bệnh, đệ tử phải chăm sóc, hoặc sai người khác chăm sóc, cho đến khi hết bệnh, hoặc qua đời.

4. Hòa-thượng không thích chỗ ở, đệ tử nên tự dời, hoặc bảo người dời. Tăng-kỳ chép: có thể nói xuất gia tu phạm hạnh quả Sa-môn vô thượng. Tuy không có y, thực, trọn đời không nên lìa Hòa-thượng. Nếu muốn du phương, Hòa-thượng nên cho đi. Nếu già bệnh nên dặn người, phải dạy rằng: Ông hãy du phương, có nhiều công đức, lễ các tháp miếu, thấy đồ chúng giỏi, thấy nghe nhiều điều. Tôi không già thì cũng muốn đi.

5. Hòa-thượng có việc nghi đệ tử, nên dùng pháp, luật đúng như pháp, để giải trừ.

6. Nếu đệ tử sinh ác kiến, dạy làm cho bỏ ác kiến, trụ chánh kiến.

7. Đệ tử nên lấy hai việc để hộ, về Pháp hộ nên dạy tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ, học vấn, tụng kinh.

Về hộ y thực: nên cho cơm áo thuốc men, tùy khả năng làm cho xong.

Bảy pháp này các bộ phần nhiều giống nhau.

Luật Tăng-kỳ nói: Hòa-thượng, xà-lê có việc phi pháp, đệ tử không được có lời thô, phải nói lời thành thật. Nên dùng lời ôn hòa ngăn thầy, điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Nếu Hòa-thượng không nghe lời thì nên bỏ và đi xa. Nếu là y chỉ sư thì phải trì y bát ra khỏi giới, ngủ một đêm rồi về lại. Nếu Hòa-thượng dứt bỏ ba độc: tham, sân, si thì đó gọi là đề hồ tối thượng, tối thắng, không được rời thầy, ngoài ra rộng như sau: Trong luật Ngũ Phần nói: Nếu thầy phạm Tăng tàn, cầu tăng xin yết-ma, đệ tử nên rưới nước quét nhà, trải tòa nhóm tăng cầu người yết-ma.

- Nói rõ pháp biệt hành: Có ba loại:

1. Bạch sự lìa lỗi. Luật nói: Phàm người làm việc phải có oai nghi chấp tay bạch sư thủ tiến. Nếu muốn đi ra ngoài, thì thầy dùng tám việc lượng nghi, đó là đồng bạn là người tốt, đi đến chỗ không lỗi, việc làm chẳng phải ác, mới sai đi. Ngũ Phần chép: Muốn đi trước phải bạch thầy trước hai, ba ngày cho thầy biết. Chỉ trừ đại tiểu tiện, dùng dương chi

thì không bạch.

Theo luật Thập Tụng! Tất cả việc làm đều phải bạch thầy, chỉ trừ lễ Phật, pháp Tăng, ngoài ra đồng với Ngũ Phần. Nếu đệ rời thầy đi phải nói đến thành ấp nào, xóm làng nào, nhà nào, trong lúc bạch phi thời cũng vậy. Phải so lượng hạn biết pháp sự hội tòa bố tát yết-ma, như thế thì được đi, không chấp nhận mà liền đi, khi mặt trời mọc thì kết tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Không bạch thầy được lấy nửa sợi chỉ, một nửa thức ăn, nếu là một sợi chỉ không bạch thì phạm tội, có thầy xuất gia đến. Hòa-thượng không còn nên bạch Trưởng lão Tỳ-kheo. Sau khi sư đến lại nói duyên trước, ngoài ra việc y cứ theo đây. Nếu đệ tử đại thí, sự lượng đệ tử trì giới, tụng tập hành đạo nên nói: ba y bát này và đãy lượt nước người xuất gia phải có, không được bỏ. Nếu có dư thì nói rằng: Ở đây thực hành pháp chẳng bền chắc. Ông y chỉ là được giúp thân hành đạo, không nên bỏ. Nếu nói tôi tự có chỗ được thì cho. Nếu muốn đi xa, không được sắp sửa đi mới bạch. Nên bạch trước một tháng hoặc nửa tháng để thầy lo liệu. Nếu không thể mỗi mỗi bạch thầy thì nên bạch chung, muốn làm việc nhuộm y cũng được.

Luật Thiện Kiến nói: Đệ tử theo thầy đi, không được lìa thầy bảy thước, không nên đạp bóng thầy, lìa thì nên bạch để biết.

Luật Tứ Phần nói có nhiều loại. Hoặc xuất giới, hoặc cho người khác vật, hoặc nhận vật người khác, cho đến giúp các việc, đều phải bạch thầy.

2. Thọ pháp: luật Tứ Phần nói: Người kia thanh tịnh sáng vào phòng, trừ bình tiểu khi bạch đến, phải trong sáng khác ban ngày sáng tối ba thời hỏi han Hòa-thượng chấp tác hai việc lao khổ không được từ chối. Rộng ra như trong văn khác, cần phải sao riêng để nương dùng.

Một là tự điều phục sự ngạo mạn của mình, hai là báo ân cúng dường, ba là hộ pháp, trụ trì chánh pháp tồn tại lâu dài.

Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử sáng thức dậy, trước phải vào phòng Hòa-thượng, đầu mặt lễ dưới chân hỏi thầy ngủ được không? Ngoài ra đồng với luật Tứ Phần.

Luật Thập Tụng chép: Nếu tắm cho Hòa-thượng, trước rửa chân, kế đến đùi cho đến ngực lưng. Nếu bệnh trước dùng vật của Hòa-thượng, nếu không thì tự dụng. Nếu theo người khác cầu, thời gian ba ngày dạy đệ tử rằng: chớ có gần người ác, người ác làm bạn. Nếu đệ tử nếu bệnh, tuy có người lo nhưng phải ngày ba lần đến nhắc nhở săn sóc bệnh, chớ mệt mỏi, việc này Phật rất khen ngợi.

Kinh Tạp A-hàm nói: Nếu Tỳ-kheo không nịnh hót, không ngoa ngụy, không khinh cuồng, tín tâm, hổ thẹn, siêng năng chánh niệm, tâm xa lìa thế tục, cung kính giới luật, trong hạnh Sa-môn, chí tôn sùng niết-bàn, vì pháp mà xuất gia.

Tỳ-kheo như thế đáng kính đáng truyền thọ, do tu hành phạm hạnh có thể tự kiến lập.

Đại môn thứ hai nói rõ pháp, hai sự nhiếp thọ. Hòa-thượng nhiếp hành và y chỉ đại đồng, phải hiểu rõ. Pháp y chỉ có bảy môn:

1. Ý y chỉ, người mới thọ giới, mới vào trong Phật pháp, mọi việc không biết, động liền trái với giáo. Nếu không nhờ thầy chỉ dạy tiến thấu tâm thần. Pháp thân tuệ mạng sẽ nhờ vào đâu. Cho nên trong luật chế: người chưa đủ năm năm, và đủ năm hạ mà ngu si thì bảo y chỉ với người có đức, để hỏi han nương pháp, dạy dỗ thành lợi ích cho mình.

2. Được thời tiết vô sự. Trong luật khai: rửa chân, uống nước rồi nói y chỉ. Luật Thập Tụng chép: Thầy không tốt thì cho đi y chỉ năm, sáu đêm. Nếu có thầy tốt cho đến một đêm cũng không được đi y chỉ, phạm tội.

Ma-đắc lặc già nói: Đến nơi khác mà không am tường, cho hai, ba ngày chọn lựa, luật này cũng vậy. Ngũ Bách vấn chép:

"Nếu không y chỉ mà uống nước, ăn cơm, ngồi nằm giường chiếu thì mỗi ngày đều phạm tội trộm". Nếu người đã mười hạ mà không tụng giới thì tội đồng với không y chỉ.

3. Chọn thầy có đức nhân rõ các sư khác nhau:

- Tứ phần nói có năm loại:

1) Nương xà lê xuất gia mà xuất gia

2) Xà-lê thọ giới: Người khi thọ giới làm yết-ma

3) Xà-lê giáo thọ: là người dạy trao oai nghi

4) Xà-lê thọ Kinh, là thọ nhận kinh như thuyết nghĩa, cho đến bốn câu kệ.

5) Xà-lê y chỉ cho đến y chỉ ở một đêm

Hòa-thượng là người theo thọ được giới. Hòa-thượng phải hơn mình mười tuổi hạ. A-xà-lê hơn mình năm tuổi hạ, trừ y chỉ, nếu y cứ theo văn này.

4. Xà-lê phải hơn mình năm tuổi hạ mới gọi là xà-lê. Còn người chưa đủ tuy theo thọ tụng, chưa thấm thắng danh, nếu y cứ theo Hòa-thượng, chín năm đắc giới thì đắc tội. Đây tuy chưa đủ, được danh đâu tổn. Bốn loại Xà-lê trên không được nhiếp người mà thay thế chỗ y chỉ Hòa-thượng. Do một đêm tác pháp chẳng phải thông từ đầu đến cuối.

Nếu làm thầy phải cần cách thỉnh, trong luật đức hạnh hai sư có ba loại:

1. Chọn mười năm trở lên

2. Phải có trí tuệ

3. Có khả năng siêng dạy truyền trao đệ tử, có bảy loại pháp cộng hành. Lại phải nhiếp nhau nuôi dưỡng, như trong pháp Hòa-thượng. Mà-đắc-lặc-già chép: Hễ muốn y chỉ người phải suy lường cho kỹ. Có thể nuôi lớn pháp lành, và hỏi người khác: Tỳ-kheo này giới đức thế nào, có thể dạy bảo không? Quyến thuộc thế nào? Có tranh cãi không? Nếu đều không thì mới y chỉ.

Luật Tăng-kỳ nói: không được hướng đến như vậy mà y chỉ, thành tựu năm pháp.

1. Ưa nghĩ

2. Cung kính

3. Biết hổ

4. Biết thẹn

5. Thích ở

Luật Tứ Phần chép: Các Tỳ-kheo liền như vậy y chỉ, không thể nuôi lớn đạo hạnh sa-môn, Phật bảo chọn lựa để y chỉ, nếu thầy có phá giới, phá kiến, phá oai nghi đều không được làm y chỉ.

Nhân có Tỳ-kheo hai tuổi hạ dẫn đệ tử một tuổi hạ đến chỗ Đức Phật. Phật quở trách nói: "thầy ông chưa dứt sữa, mà nhận người dạy dỗ làm sao mà dạy người?" Nếu thầy có phi pháp, cho người khác dẫn đệ tử đi. Ngũ Bách Vấn chép: Sư ấy chẳng điều gì không phi pháp mà dụ dẫn sa-di đi thì phạm tội trong, nhân nói nhân duyên Tỳ-kheo già bệnh. Luật Thiện Kiến chép: nếu không hiểu luật, chỉ hiểu kinh luận không được độ sa-di và cho y chỉ. Tăng-kỳ nói thành tựu bốn pháp gọi là trì luật. Nghĩa là biết có tội, biết không tội, biết khinh biết trọng xuống đến biết hai bộ luật, và nhiếp thọ oai nghi cộng hành. Phần bốn nói rõ pháp thỉnh sư. Trong luật nói do Hòa-thượng qua đời không có người giáo thọ, phần nhiều phạm oai nghi nên Đức Phật cho y chỉ. Như pháp Hòa-thượng trên, làm cho pháp thêm lớn, được truyền bá. Luật Tăng-kỳ cũng được gọi thầy là Tôn.

Văn thỉnh rằng: Đại đức nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê y chỉ, mong Đại đức vì con làm A-xà-lê y chỉ, con y chỉ đại đức nên được trụ đúng như pháp. (nói ba lần, văn thiếu) luật nói chữ ca-sa-lê). Đại đức kia nói: cho ông y chỉ, ông chớ buông lung.

Luật Ngũ Phần chép: Tôi sẽ nhận sư dạy bảo tôn quý, nếu không

thì không thành, trước đây không biết nhau nên hỏi danh tự của Hòa-thượng xà-lê, trước dây ở chỗ nào, tụng kinh gì. Nếu không đúng như pháp nên nói rằng: Ông không biết tôi, tôi không biết ông, ông hãy đến chỗ mà ông biết để thọ y chỉ. Nếu nghi nên nói ở ít. Sáu đêm xem hợp ý thì thọ nhận, nếu y chỉ sư không đáp cho phép thì không thành.

Luật Tứ Phần chép: Người kia sai thọ nhận y chỉ, sai cho y chỉ đều không thành năm phần sư nhiếp thọ, phần lớn đồng với pháp trước. Luật Tăng-kỳ nói: mỗi ngày cách biệt ba thời giáo, ba tạng giáo pháp, không thể nói rộng, dưới đến lược biết giới kinh nặng nhẹ, nhập nghĩa ấm giới. Nếu khi thọ kính cùng tụng, cùng ngồi thiền gọi là Giáo thọ. Nếu không như vậy, dưới đến nói chớ buông lung. Y cứ theo đây để rõ. Nay cho người mới học giảng thiền thọ trai, đồng thời sai y chỉ, mỗi ngày giáo giới, lỗi thành kệ trong. Không hành không tụng, đây có ích gì. Phàm pháp thỉnh thầy trước đã nói rõ. Nay lại nói về ý có bốn:

1. Tác thỉnh người kia nhiếp tội, tôi sẽ y chỉ người kia, niệm từ bi cứu giúp.

2. Lấy đạo pháp vật chất, tinh thần xin làm cho giáo thọ thực hành thành trí lập.

3. Tự bày ý mình, tôi sẽ y chỉ yêu kính như cha.

4. Có thể tôn phụng hai pháp tôn phụng cúng dường hổ thẹn trong tâm phải đủ bốn loại này mới có thể thỉnh người khác, trái với điều này thì vằng vặc luống phí mà không làm được. Gần đây, có Đại đức được nhiều người trọng vọng, mỗi năm cuối Xuân người thọ giới rất nhiều, vừa mới ngồi người đến đầu thỉnh làm Hòa-thượng hoặc mười, hai mươi, cho đến hạ tọa, riêng mình en nhiên. Đây thì vốn không có hai nhiếp. Nghĩa thành sự lược đồng với dã mã, thật mà nói thọ đồng với dương diệm. Kinh Tạp A-hàm nói: có năm duyên làm cho chánh Pháp của Như lai hoại diệt. Nếu Tỳ-kheo đối với Đại sư phải cung kính, không tôn trọng, không hạ ý cúng dường, y chỉ, trái đây thì pháp luật không lui mất.

5. Luật Ngũ Phần nói: Hai thầy cũng không được vì việc nhỏ mà để đệ tử ở lại. Nếu ở trước người tại gia phát ra y thô lục, nên làm cho hiểu biết. Nói rộng ra như trong quyển 23.

Luật Thiện Kiến nói: Hòa-thượng có nhiều đệ tử, giữ lại một người cung cấp. Ngoài ra tùy ý sai đọc tụng. Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử bị nạn vua, sư phải đi xem xét. Nếu bị giặc cướp lấy thì phải tìm ngay cứu chuộc lại, không như vậy thì phạm. Nay nói về pháp đệ tử già. Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo lớn, Tỳ-kheo nhỏ nhận y chỉ được tất cả cúng

dường. Như việc nhỏ việc lớn, chỉ trừ lễ dưới chân, ngoài ra đều nên làm. Luật Tăng-kỳ nói: Tất cả cung cấp, trừ lễ chân xoa bóp. Nếu khi bệnh cũng được xoa bóp. Nên dạy hai bộ giới luật, ấm giới nhập nghĩa mười hai nhân duyên. Tuy là một trăm năm nên y chỉ Tỳ-kheo trì luật mười năm, dưới đến biết hai bộ luật, sáng thức dậy hỏi han, đem đổ đồ đại tiểu tiện, như trong pháp hầu thầy.

6. Nói về pháp trị phạt quở trách chia làm bốn:

1) Nói về pháp hợp quở trách

2) Y theo pháp quở ngăn

3) Không nên để mất

4) Bỏ thầy ra đi.

Trong phần hợp trách, Tứ Phần nói có mười lăm loại, nghĩa là: không hổ (làm ác không thẹn) không thẹn, thấy thiện không sửa), không thọ giáo, không như thuyết kinh, làm phi oai nghi (phạm bốn thiên dưới), không cung kính, (ngã mạn cho mình hơn) khó nói (Thành Luận nói: lại đến thầy để dạy), làm bạn với người ác, thích đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà gái lớn, nhà huỳnh môn, tinh xá Tỳ-kheo-ni, tinh xá Thức-xoa, sa-di-ni, thích đến xem rùa, ba ba.

Văn luật như thế. Nay những điều phạm chưa hẳn như văn.

Nhưng người có lỗi thì phải y cứ để phạt, bỏ qua mà không hỏi thầy thì phạm tội

Kinh Thiện Giới chép: không xua đuổi, trách phạt đệ tử, nặng như người giết mổ, chiên-đà-la, v.v... do người này không hoại chánh pháp, không nhất định đọa ba đường ác, nuôi đệ tử ác, làm cho nhiều chúng sinh gây ra các nghiệp khổ, chắc chắn đọa đường ác, lại vì danh tiếng nên nuôi nhiều đồ chúng, ấy là người tà kiến. Gọi là đệ tử của ma. Ngũ Bách Vấn chép: có thầy không dạy đệ tử, do đó phá giới, cho nên sau này đọa vào loài rồng, lại suy nghĩ bổn duyên rồi trở lại hại thầy, rộng ra như kia nói.

Hỏi: Là đủ năm lỗi mới quở trách hay hễ phạm mỗi việc hiền quở trách?

Đáp: Hễ phạm liền quở trách, mới có thể làm thành. Lại như làm lỗi này, tuy phạm tội nhỏ, tình không thẹn, lý phải quở trách. Nếu tâm thường siêng nhiếp, nếu lầm mà phạm, tình lỗi có thể thông, lượng thời mà dùng, không hẳn trách chỉ? Kinh Tạp A-hàm chép: Tỳ-kheo trẻ tuổi không quen pháp luật, hễ những điều làm vì thọ nhận y thực, tham mê buông lung, dần dần hướng đến cái chết, hoặc đồng chết khổ. Xả giới hoàn tục, tổn hại chánh pháp luật. Nghĩa là đồng chết khổ. Phạm chánh

pháp luật. Không biết tội tướng, không biết trừ tội, nghĩa là đồng chết khổ, cho nên Tỳ-kheo phải siêng học pháp luật.

- Nói về pháp quở trách: Hễ muốn trách người, trước phải suy lường nội tâm mình vui hay giận. Nếu có hiềm hận thì tự nén nhẫn, lửa từ trong phát trước tự đốt thân. Nếu khởi tâm từ bi cứu giúp lại lường lỗi nặng nhẹ. Lại y vào lời quở trách trước sự tiến lùi sinh ra lỗi làm cho biết phi pháp y vào lỗi thuận quở trách tâm phục thuận theo. Nếu tội nhẹ mà quở trách nặng, hoặc tội nặng mà trách nhẹ, hoặc tùy phẫn nộ mà buông lời thô bạo. Đây mới là tùy theo tâm mà dứt. Chưa y cứ theo ý chỉ của Bậc Thánh, vốn chẳng phải lợi, thầy dạy không thành, nên đình chỉ tâm thế tục thấp hèn. Y vào lỗi thanh tịnh của đạo xuất thế. Nên trong chỗ khởi từ bi dạy dỗ, ngoài hiện oai nghiêm, nhọc lời uốn nắn, làm cho sửa đổi. Y vào luật năm pháp lần lượt tội mà trách.

Luật Tứ Phần nói: Đệ tử không hầu hạ Hòa-thượng, Phật dạy có năm việc quở trách.

1. Nay ta quở trách ông, ông đi đi (do lỗi quá nặng nên bảo đi xa)

2. Chớ vào phòng tôi (được ở trong chùa, ở ngoài cung cấp)

3. Chớ làm sứ cho ta (dễ được tham thừa vào phòng)

4. Chớ đến chỗ ta. (ngoài những việc làm không được đến bên cạnh thầy, thầy y chỉ trách cãi nói ông chớ y chỉ ta).

5. Không nói chuyện với ông (Lỗi rất nhỏ nhẹ, tuy làm thị giả thờ thầy, nhưng Chư Phật ba đời thường dạy các điều trị phạt, chỉ có chiết phục quở trách, vốn không có cách của người trượng phu. Gần đây thấy Đại đức chúng chủ trong không có đạo phần để hầu hạ, không suy nghĩ, không có đức nhiếp người, chuyên làm phải xét rõ, hoặc đối với đại chúng, hoặc ở trong phòng, trói cột trên đầu, chẳng phân trị đánh. Bèn dẫn kinh niết-bàn dụ về ba người con.

Đây chưa đạt thánh giáo, nhưng người kia trải qua do ở một người con tâm từ bi. Cho nên tâm không sai quấy, được hành phạt này, tức kinh niết-bàn nói:

Chớ giết, chớ dùng gậy đánh, lời này có yếu chỉ gì. Không biết thông giải liền vọng dẫn văn, dù dẫn nghiêm sư đây là dẫn dụ. Không thiếu chánh văn. Như Nhiếp Luận chép: Bồ-tát được tinh tâm địa, được trí phân biệt phương tiện làm mười việc như sát sinh, v.v... không có lỗi nhiễm đắm. Thời nay có người dùng cây đánh đệ tử, rồi khởi sân độc, giận dữ bốc lên, trọng mình khinh người, cố làm cho người khổ, nếu y cứ vào niết-bàn tha thứ mình là dụ thì kim chăm không thể nhẫn. Lại có

thầy ngu nghe dẫn kinh tịnh độ phạt ba trăm phước. Đây là Kinh ngụy do người soạn. Người trí cùng sai. Dẫu như kinh kia, không khởi ba độc được y vào mà phạt phước. Nay thuận theo phiền não của mình, đâu được mong nhờ. Trong luật nói tâm sân quở trách còn tự phạm tội, cho đến súc sinh còn không được đánh, huống chi là đánh người. Trong luận Địa Trì nói trên phạm tội phạt đuổi đi, giữa phạm thì chiết phục, dưới phạm thì quở trách cũng không đánh trị. Kinh Đại Tập chép: nếu đánh chưởi người phá giới, không giới, ca-sa mặc thân cạo tóc tội đồng với tội làm thân muôn ức Đức Phật chảy máu. Nếu làm bốn trọng không cho ở chùa, không đồng việc tăng nếu người trách phạt thối đạo rơi vào A-tỳ. Vì sao? Vì người này hẳn mau vào niết-bàn, cho nên không nên đánh chửi, nói theo đây thì tự biết địa vị, sinh báo mịt mù, lạm tự khinh khi, thật là đáng thương, rộng như kinh kia. Tăng-kỳ nói: "Nếu thầy quở trách, đệ tử không nghe thì nên nói với người tri sự không cho thức ăn. Nếu người hung ác thấy tự đi xa, nếu đệ tử y chỉ thầy nên ra khỏi giới ngủ một đêm rồi về lại. Nếu đệ tử có lỗi, Hòa-thượng vì đệ tử sám hối xin lỗi người nói: cho đến phàm phu ngu si đâu thể không lỗi, đứa trẻ này học muộn thật có tội này". Nên dạy khuyên không làm như thế mới vui được ý mọi người.

Ba là nói về quở trách phi pháp:

Luật Tứ Phần chép: trọn đời quở trách, xong an cư quở trách, quở trách luật nhân, hoặc không gọi đến hiện tiền không chỉ ra lỗi ấy mà quở trách, đều thành phi pháp, nếu bị trị chưa sám hối xin lỗi mà nhận cung cấp y chỉ, hoặc bị trách nhẹ khác mà không vì Hòa-thượng xà-lê và Tỳ-kheo khác thì người làm việc nặng nhọc mắc tội. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu cho đệ tử cùng đi, đệ tử y chỉ, có y rồi không được giáo giới vì chiết phục, cho nên đoạt lấy. Sau khi chiết phục rồi lại cho không tội. Nếu khi cho y nói: Ông ở chỗ này nếu hợp ý ta, ta vì người trao kinh cho. Nếu muốn chiết phục mà lột y khỏa hình đáng hổ thẹn. Phật bảo: không nên vì việc nhỏ mà chiết phục sa-di, nếu chiết phục thì để lại một y.

Bốn là nói pháp từ tạ, luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo, Sa-di được Hòa-thượng biết không thể nuôi lớn pháp lành, nên bạch sư rằng, dẫn tôi phó chúc cho Tỳ-kheo..., thầy nên suy lường, Tỳ-kheo kia giáo hóa đệ tử đâu giống, chúng tăng cũng đâu giống, người tốt nên giao phó. Biết không cụ túc nên giáo phó cho thầy khác. Nếu Hòa-thượng không tốt nên bỏ đi. Hòa-thượng có bốn loại.

Cho pháp mà không cho cơm thì nên ở, cho cơm mà không cho pháp thì không nên ở, Pháp và cơm đều cho thì nên ở. Pháp và cơm đều

không cho thì không nên ở, bấ luận ngày hoặc đêm đều nên bỏ đi. A-xà-lê cũng vậy, tăng-kỳ cùng giống. Có khổ vui trụ diệt. Nếu thấy sai làm việc phi pháp, như gọi ông đem rượu đến, thì nên nhẹ nhàng thưa: con nghe Đức Phật dạy: "việc phi pháp như vậy không nên làm". Trong quyển 28 có nói nhiều về hành pháp. Nếu cần thì xem. Ngũ Bách vấn chép: nếu đệ tử mà khi thầy sai mua bán làm các việc phi pháp thì được bỏ đi xa. Luật Tứ Phần nói: nếu đệ tử bị thầy quở trách, sai các Tỳ-kheo khác làm cho điều thuận. Đối với Hòa-thượng xà-lê được điều hòa để sớm được sám hối. Nên biết chiết phục nhu hòa biết thời mà thọ.

Luật nói: nên hướng đến hai thầy sửa oai nghi, chắp tay thưa: Đại đức Hòa-thượng nay con sám hối, không phạm lỗi nữa. (Ngoài ra phải tự thuật việc ra đúng thời). Nếu không cho phải mỗi ngày ba thời sám hối. Như trên mà thầy không cho, nên hạ ý thuận theo tìm phương tiện để giải thích điều mình phạm. Nếu hạ ý không có trái nghịch, xin giải thích lỗi mình, hai thầy nên nhận. Không nhận thì đúng như pháp mà trị, nếu biết không thêm lớn lợi ích, sai người khác dắt dẫn đem đi. Nếu đệ tử thấy Hòa-thượng có năm điều phi pháp. Nên sám ta mà đi, bạch Hòa-thượng rằng: con đúng như pháp Hòa-thượng không biết, con không đúng như Pháp Hòa-thượng cũng không biết, con phạm giới Hòa-thượng không xả không dạy quở trách, nếu không phạm cũng không biết, nếu phạm mà sám cũng không biết.

Hỏi: Pháp cộng hành trước làm cho đệ tử nhiếp Hòa-thượng, nay các luật nói sao lại bỏ đi.

Đáp: Ở trên nói nhiếp, y cứ vào trước tuy đệ tử có lỗi cản ngăn, dụ có thể theo toại ý. Nay ngăn mà không chịu, không đồng nghĩa pháp cho nên phải đi.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu thầy chịu can ngăn nói đệ tử, thì con sẽ sớm nói với thầy, thầy không biết điều gì, thì thừa dụng. Nếu thầy nói. Con nếu can ngăn thầy, thì thầy chính là con, con chính là thầy, y vào hai thầy sư trước phương tiện mà đi, bảy nói ra pháp mất thầy, một loại Hòa-thượng không có nghĩa mất. Hoặc có thể không có đức lại y chỉ người khác, vì y chỉ nên đắc giới không thỉnh pháp lại việc y chỉ xà-lê phải rõ ràng chính đáng. Có ba loại khác nhau:

1. Cách thỉnh sư
2. Pháp tướng y trụ
3. Pháp thỉnh giáo thọ

Kế nói rõ mất là trái. Nếu thầy bị tăng trị phạt, không mất y chỉ, nghĩa là không mất thỉnh pháp tướng y trụ, mất pháp thỉnh giáo thọ, vì

thầy có lỗi hành pháp ở mình. Đệ tử không có nghĩa được thỉnh làm cho thầy mắc tội, để chịu ba mươi lăm việc không được nhận người y chỉ, nghĩa là trao truyền người khác giáo giới. Cũng là bị người trị không được làm y chỉ. Nếu đệ tử bị tăng trị thì không mất, có ba loại không mất.

Muốn làm cho sư tăng giáo giới đệ tử thuận theo tăng, mau mau khai giải không thuận theo tội. Trong luật nói hai thầy và đệ tử cùng một người quyết ý ra ngoài giới ngủ thì khi về mất y chỉ.

Mất có hai cách sau đây: Không mất pháp thỉnh sư, nếu trở lại không cần thỉnh sư lại, chỉ sinh pháp thỉnh y chỉ, bèn có pháp khởi. Rộng ra có đúng sai như đại sớ luật. Luật Tứ Phần nói có nhiều loại:

1. Chết; 2. Đi xa; 3. Thôi tu; 4. Phạm trọng; 5. Thầy bị quở trách; 6. Vào trên giới trường; 7. Đủ năm hạ; 8. Thấy Hòa-thượng mình; 9. trở lại với Hòa-thượng, mắt nhìn xuống, nếu y cứ theo giáo thì mất y chỉ.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 4)

THIÊN THỨ MƯỜI: THUYẾT GIỚI CHÁNH NGHI

(Bố tát, Trung quốc dịch là Tịnh trụ)

Xuất yếu luật nghi chép: Nước Kiều-tát-la nói sáu quyển, Nê-hoàn nói là bố tát, có hai nghĩa trưởng dưỡng. 1/ Trụ giới thanh tịnh. 2 Thêm lớn công đức. Kinh Tạp A-hàm nói Bố tát là Đà-bà. Nếu âm chính bổn nói là ưu-bổ-đà-bà. Ưu là đoạn. Bổ-đà-bà là thêm lớn, quốc ngữ khác nhau, cũng gọi là nhóm họp, là biết, là nên, là đồng, là cộng trụ, là chuyển, là thường. Tam Thiên Oai Nghi nói Bố tát là Tịnh trụ, nghĩa là nuôi lớn. Lại nói hòa hợp. Luận Câu-xá gọi tám giới là Bố tát hộ. Minh Liễu nói ở tâm gọi là Hộ, ở thân miệng gọi là Giới.

Luật nói: Pháp bố tát một chỗ gọi là bố tát kiền-độ, tức là thuyết giới.

Thuyết giới nghi quỹ đại cương Phật pháp, nhiếp trì Chánh Tượng, giữ gìn các pháp. Xong phàm tình dễ đủ, thấy không sâu nặng, mong làm khâm phục, sang nhiều hèn ít. Gần đây tuy thực hành pháp này, phần nhiều sinh kiêu mạn biếng nhác, là do hằng ngày nhiễm nghe nhiều, lại tùy tâm khinh mờ mịt. Lấy đây nói về tình, tình có thể biết. Xưa Tề văn Tuyên Vương soạn nghi thức Bố tát tại gia, Sa-môn Phổ chiếu Đạo ân khai sĩ soạn nghi thức Bố tát xuất gia. Chẳng được thừa dụng, văn y cứ chẳng nương. Nay tìm cầu ý kinh, tham cứu những điều nghe, thô nặng, soạn thứ lớp đầy đủ như trình bày ở sau. Nhưng sống vào thời tượng pháp, mạt pháp thì khinh bạc. Nếu không cùng đôn đốc lẫn nhau thì không thành, làm nó rất có ích. Cho nên trước dẫn khuyên dạy, sau chứng trên văn.

Luật Thiện Kiến chép: Làm sao biết được chánh pháp tồn tại lâu

dài ? Nếu nói giới pháp không hoại là đúng.

Ma-đắc-lặc-già chép: Bố tát là bỏ các điều ác, pháp bất thiện và các phiền não, chứng được pháp lành rốt ráo, phạm hạnh cao siêu nên gọi là Bố tát.

Lại nói: Mỗi nửa tháng tự xem lại mình, từ nửa tháng trước đến nửa tháng này có phạm giới không? Nếu có phạm thì đồng ý cho sám hối.

Tỳ-ni Mẫu nói: Thanh tịnh là nghĩa Bồ-tát. Tựu trung chia làm hai:

Trước tăng sau biệt, trong phần tăng lại chia làm bốn loại:

1. Thời tiết khác nhau
2. Tạp pháp chúng cụ
3. Chánh nói nghi quỹ
4. Lượt nói tạp pháp

- Trong phần đầu (thời tiết) lại có năm loại

1 Ngày 14.15.16 khác nhau.
2 Trước khi ăn, sau khi ăn.
3 Hoặc ngày, hoặc đêm
4 Hoặc thêm hoặc bớt
5 Thời và phi thời

Ba loại trước trích trong văn Luật Thập Tụng, trong luật Tứ Phần nói ba ngày thuyết giới như trình bày ở trên. Lại nói: ngày bố tát nên thuyết, Ngũ Phần chép: ngày mồng 8, ngày 14 nói pháp, ngày 15 bố tát.

Luật Tăng-kỳ chép: Ăn trước cũng được, nhưng không được sáng dậy bố tát mắc tội. Sau này vì Tỳ-kheo không nghe, Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo đấu tranh ngoài giới, Phật bảo tăng giảm thuyết giới. Nếu biết ngày 14 đến, thuyết trước ngày 13, nếu ngày 15 đến thuyết ngày 14, nếu đã vào giới phải sai vào tắm rửa. Tỳ-kheo trong giới ra ngoài giới mà thuyết. Nếu không được thì bạch tăng rằng: Nay không được thuyết. Sau ngày 15 phải thuyết. Lại người không đi lại tăng đến ngày 15, nếu không đi cưỡng, hòa hợp thuyết. Nhưng sáng hai lần không nói ba lần, đến ba lần phải đồng thuyết, cũng không ba lần, không thuyết văn pháp diệt, ngụy truyền đã rất lâu.

Luật nói: Nước Câu-diệm-di sáu năm không thuyết. Phật còn trụ thế ngại gì một nước đấu tranh, không được an vui, không được lên quả thánh gọi là Pháp diệt. Trong luật nói A-nan nghi Tỳ-kheo Cao Thắng phạm tội ăn trộm, trải qua sáu lần bố tát, không cho đồng pháp. Tăng-

kỳ nói: Hiềm nhau hai mươi năm không thuyết giới. Tứ Phần nói: Đấu tranh đến lâu không được thuyết giới. Nay tạm hòa hợp. Tùy ngày nào tranh diệt tức ngày đó hòa hiệp thuyết, vì Tăng đủ sáu nghĩa hòa hiệp. Giới, kiến, lợi, thân, miệng, ý, nay khác nhau. Kiến giới, thì không phải nghĩa tăng, không thành pháp tăng thanh tịnh hòa hợp. Kế hai nói về Tạp pháp chúng cụ. Ngũ Phần chép: khi bố tát nhóm họp không phải lúc ngăn hành đạo. Phật sai làm thời tiết. Như trong phần nhóm tăng ở trước. Luật Thập Tụng chép: người hành trì vì đàn việt hỏi tăng không biết số, Phật bảo hành trụ không biết số Sa-di, số hành thẻ. Nếu người cúng dường vật bố tát, sa-di cũng được phần. Tuy không ở chỗ bố tát yết-ma vì thọ thẻ. Tứ Phần chép: vì thọ cúng hành thẻ chung với sa-di. Nếu chưa thọ mười giới cũng được thọ thẻ, vì đồng thọ cùng. Như trong kinh Niết-bàn nói tuy chưa thọ mười giới đã vào số tăng. Nếu thỉnh Tăng thứ tự lý không khác.

Luật Ngũ Phần Luật chép: "Thẻ ngắn nhất là năm ngón tay, dài nhất là một khuỷu tay, thô nhất không quá ngón tay út, nhỏ nhất không được giảm bằng mút đũa. Có khách đến không biết, hành thẻ thu lấy số, một người đi một người thu. Cho đến thu xong số, biết số rồi xướng rằng, Tỳ-kheo bao nhiêu sa di bao nhiêu người xuất gia hòa hợp bao nhiêu người. Tứ Phần nói: Cho hành xá-la, Trung Quốc dịch là thẻ. Luật Ngũ Phần chép: Nếu người tại gia rải hoa lên mình Tỳ-kheo trên tòa cao, Phật khai cho, nhưng Tỳ-kheo không được rải. Nếu người tại gia rải hoa lên y, trên thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo phải phủi, rơi trên tòa cao thì không lỗi. Tỳ-kheo muốn trang nghiêm chỗ thuyết giới, trao lụa rải hoa, Phật đều cho

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu khi muốn tụng, trước phải rửa ray rồi mới cầm thẻ, nếu có nước thơm rửa cũng được. Người khác muốn cầm thẻ cũng giống như thế. Khi tụng Tỳ-ni số câu văn lộn xộn khó giữ, cho làm thẻ đếm.

1) Có năm trăm.

2) Bảy trăm, vì thông giới bổn tăng ni. Nếu ngày bố tát phải quét tháp viện của tăng, sai người sửa sang, rưới nước thơm trên đất, rải hoa thơm, đốt đèn sáng, ai cũng phải chú nguyện tụng giới hành thẻ, để dự làm. Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo trẻ tuổi phải lo đủ bình nước, đèn, v.v... Thượng tọa nên phân xử.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu khi tụng giới, nên tụng hai bộ luật, nếu không thì tụng một bộ. Nếu Thượng tọa, thứ tọa nên tụng, nếu không cho đến người có khả năng tụng thì tụng. Vì người chưa thọ giới cụ túc

mà thuyết năm thiên thì phạm tội.

Y cứ theo Tứ Phần được nói tất cả phạm tội Đột-cát-la. Nếu khi thuyết không được che đầu che vai, nên cởi giày dép vén y bày vai phải hành thẻ, người nhận thẻ ấy cũng như vậy. Trước đi nhận thẻ đủ người, sau hành trù sa-di, Pháp xướng như trong Ngũ Phần, Ngũ Phần chép: Thượng tọa nên thuyết giới trì luật làm yết-ma. Thượng tọa thuyết giới ngủ say lại vắt y trên lưng, mang dép da, hoặc nằm, hoặc dựa không cung kính. Đều phạm tội nhỏ. Nếu Thượng tọa thuyết giới mà quên ứng trao, chẳng những quên trao lại còn quên sai người tiếp tục thứ lớp tụng, nếu quên thì không được tụng lại. Nếu có các duyên sự, nói rõ ngày bố tát, các pháp yết-ma đều làm trước thuyết giới. Vì là pháp nhiếp tăng, nên nói giới thẳng, không được ca vịnh. Đến ngày mồng 8, 14 nói pháp, người tại gia nghe pháp vui mừng bố-thí, khí nhận vật của người tại gia sai duy-na chú nguyện. Vào ngày 15 bố tát, ni đến thỉnh giáo giới, cho đến Thượng tọa nói: Chớ buông lung, như nói ở sau.

Tứ Phần khai ca vịnh tụng giới. Đây là Ngũ Phần phế giáo. Luật Thập Tụng chép: phải nên cúng dường người biết pháp bố tát, nếu không thì phạm tội. Vì thời không có Phật người này sẽ bổ xứ, người thuyết giới trước phải tụng thầm làm cho có lợi, chớ ở trong tăng khi thuyết giới sai lầm.

3) Chánh nói về thuyết nghi, môn này bố trí y cứ vào luật không đủ. Nay người làm việc thông lấy các bộ cộng thành một pháp, mà các nhà sắp xếp có sự khác nhau. Nay lấy bổn của hai sư Phổ Chiếu và Đạo An, ngoài ra dẫn luật thành văn san bổ có mười loại:

1/ Trước cần có chỗ nói: Trung quốc bố tát có nhà thuyết giới, đến giờ liền đi. Đây không có chỗ khác, phần nhiều ở trong hai nhà ăn và nhà giảng. Lý phải y cứ, tiếp thông đều là ngồi ở chiếu. Trung quốc có dùng võng, thường trải cỏ dưới đất, cho nên có ni-sư-đàn, đều trải trên cỏ. Người xưa lúc này có giường, bậc đại phu trở lên lại trải trên giường. Dưới đại phu thì trải chiếu dưới đất. Sau thời Đông Tấn việc dùng giường mới thạnh. Thời nay, chùa viện phần nhiều dùng giường ghế, cũng được dùng cả hai, nhưng khi hành bổn sư phần nhiều không tiện, tùy chỗ lượng pháp.

2/ Chúng cụ: Trong luật nói nhà, võng, đèn, bình nước, đồ ngồi, v.v... Tỳ-kheo trẻ phải có. Hoa hương trang nghiêm y cứ theo trước mà làm, ba ngày thuyết giới. Thượng tọa bạch tăng để cho biết. Thời nay duy-na đả tỉnh, cáo bạch rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe! Nay ngày 14 tháng trời tối, chúng tăng hòa hợp, giờ nào, chỗ nào, thuyết giới bố

tát. Ngoài ra như trong chúng võng.

Đánh chuông nhóm chúng không hạn cục sa-di, đều vào tăng đường. Nếu sa-di có duyên, y pháp gởi dục, sau đó phải đếm thẻ, nếu có tướng nghe, nghi thì cả giới thường tìm gọi. Nếu không có tướng, thì y pháp mà làm. Sa-di hai chỗ đại tăng đều thuyết giới. Khi hô chuông, mỗi người tập hợp hai chỗ, nên nói nghe kệ chuông. Tăng Nhất A-hàm nói: "Hàng phục ma lực oán, dứt kiết sử không còn, chỗ trống đánh kiền-chùy, Tỳ-kheo nghe nên nhóm.

Người muốn nghe pháp qua biển sinh tử, nghe âm hưởng mầu nhiệm này phải nhóm họp lại. Kế khi vào tăng đường phải chắp tay cung kính đảnh lễ nói kệ rằng: Trì giới thanh tịnh như trăng tròn, thân miệng trong sạch không vết nhơ, đại chúng hòa hợp không sai trái. Mới gọi là được đồng bố tát. Nói xong mỗi người theo vị trí của mình thứ lớp mà ngồi. Như ở luật Ngũ Phần, cung kính đủ oai nghi, đây là lời dạy căn bổn để nhiếp tăng, không giống các pháp sự tầm thường khác.

5/ Nói về vật cúng: Nếu có sa-di, tịnh nhân thì sai lấy hoa hương, nước, bát, trữ năm bình, ba bình và mâm hoa bày trong tăng đường. Nếu mùa Đông hoặc tháng không có hoa, phải đủ hoa bằng lụa vải, trải vật dưới đất. Trong tăng thì bày hương, thẻ bàn, tòa cao đủ thứ, cho thật trang nghiêm.

6/ Nói rõ Duy na hành sự: Tỳ-kheo trẻ nên năm, ba vị giúp làm những điều cần, mỗi vị phải sửa sang oai nghi. Duy-na lấy nước thơm và nước nóng lần lượt rửa tay, bưng nước ấm đến trước Thượng tọa, quỳ xuống rửa tay cho Thượng tọa, xong lấy thẻ rửa. Mỗi việc đều nói kệ.

La-hán Thánh tăng nhóm, chúng phàm phu hòa hợp, nước thơm rửa thẻ sạch, Bồ-tát độ chúng sinh.

Nếu Thượng tọa tuổi già, hoặc không hiểu thời việc. Duy-na từ rửa thẻ xong ngoài ra có nước thơm, tùy nhiều ít mỗi thứ đều lấy làm. Sai Tỳ-kheo trẻ một hạ lấy đi, mỗi việc đều nói kệ.

"Nước tám công đức rửa cát bụi, rửa tay trừ nhơ tâm vô nhiễm, chấp trì cấm giới không thiếu phạm, tất cả chúng sinh cũng như thế".

Theo cách xưa của Đạo An tay trái cầm khăn lên, tay phải đưa xuống, Duy na cầm thẻ xướng bạch, sai người khác làm và nước thơm, khăn sạch cũng như vậy, lại sai một người bưng nước thơm, mỗi việc đều nói kệ, nước thơm rửa xạch nhơ bẩn, pháp thân đầy đủ năm phần, Bát-nhã tròn chiếu viên mãn giải thoát. Chúng sinh đồng dung hội pháp giới. Hai bài kệ này đều đến trước tòa nói, không được cùng lúc.

Lại, hai thứ nước thơm, nước ấm chỉ được rửa tay, vốn không có

việc súc miệng, thường có tự phát xuất lão ngu. Duy na rửa thẻ xong đến trước Thượng tọa đánh tĩnh, xứ lập. Tay trái cầm thẻ, tay phải đánh chùy. Cây chùy cũng phải rửa nước thơm rồi đánh pháp tĩnh như trong Tạp Phẩm. Nên đưa tay đánh một hồi, rồi nói rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, trong chúng ai nhỏ, người nhỏ thâu hộ (nói ba lần rồi thâu), nghĩa là thu nhiếp các dụng cụ, hộ nghĩa là săn sóc Pháp sư. Có người nói đồng thời cúng dường thâu thẻ, (y cứ văn trên đã đủ). Lại đánh một hồi xướng rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, ngoài có đại Sa-môn thanh tịnh, vào ba lần nói. Có chỗ giải thích rằng Đại Sa-môn là Tân-đầu-lô, theo luật thì sợ người không nhóm họp lại lấy, cho nên tác pháp sai. Không hạn cục Thánh Hiền, có chỗ nói: Trước thêm một bạch người chưa thọ giới cụ túc ra.

Luật Tứ Phần chép: Thuyết giới không được vọng đuổi sa-di ra, lấy giới bổn người thuyết giới tự xướng bảo ra. Nếu y theo ba bộ luật như Tăng-kỳ v.v... thì Duy-na ở trước xướng ra, cho nên giới bổn kia nói: Người thuyết giới nói người chưa thọ giới cụ túc đã ra. Nếu tòa cao tụng giới bổn của ngoại tông, Duy Na y vào trước xướng ra, không cần nói đến người không thanh tịnh ra. Vì trong lời nói dặn việc ở trong tựa tòa cao, hoặc tự phát lồ rồi nên thuyết giới. Xướng như thế xong, lại đánh tĩnh rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, chúng nhỏ này đã thu hộ người chưa thọ giới cụ túc đã ra. (tụng giới bổn Tứ Phần không cần nói câu này).

Bên ngoài đại Sa-môn thanh tịnh đã vào, trong ngoài vắng lặng không có các việc nạn, kham có thể hành trì rộng làm bố tát. Tôi Tỳ-kheo... vì tăng hành trì làm việc bố tát, Tăng phải nhất tâm niệm làm bố tát. Nguyện thượng, trung, hạ tọa mỗi người thứ lớp đúng như pháp mà nhận thẻ. Nói ba lần rồi. Đồng thời thọ dặn đưa cho người thẻ, lại đến trước Thượng tọa đưa thẻ, Thượng tọa vén y bày vai phải quỳ chấp tay, chư tăng cùng lúc theo nghi thức Thượng tọa, Thượng tọa nói kệ: Kim cương vô ngại giải thoát, thẻ khó được khó gặp, như nay tôi quả lãnh đội hoan hỷ nhận, tất cả chúng sinh cũng như thế, nói xong hay tay lấy đội lãnh, hoặc có thể thọ rồi đội lên đầu, nói kệ:

Người kia sau khi thu thẻ, đến trước Thượng tọa cũng đồng oai nghi, khi trả thẻ lại nói kệ rằng: Bền chắc hỷ xả không thiếu phạm, tất cả chúng sinh cũng như thế, liền trả thẻ cho người khác, không được trở lại tòa, đội cúng dường xong như thế, dần dần cho đến đại tăng xong. Người thu thẻ đi đến chỗ Thượng tọa đưa. Thượng tọa lấy rồi mới đếm biết. Duy na sau đó đến đánh tĩnh một chùy nói: thứ lớp hành trì sa-di.

Nói ba lần xong, có sa-di đi đến chỗ ngồi làm. Lại dặn người nhân, cho đến trong tăng một lần thông các rằng: Thẻ sa-di, hoặc có đại tăng sắp đến. Như vậy thu rồi, y như trước dặn rồi đến.

Lúc Duy-na lại đến chỗ Thượng tọa quỳ lấy đếm, Thượng tọa nói: Tăng có bao nhiêu sa-di, bao nhiêu đều hợp, bao nhiêu Duy-na, liền đứng dậy đánh tĩnh nói: Đại Đức tăng xin lắng nghe: một trú xứ này một bố tát, đại tăng bao nhiêu, bao nhiêu sa-di, đều phải bao nhiêu người, mỗi người ở trong Phật pháp thanh tịnh, xuất gia hòa hợp bố tát. Trên thuận giáo lý của Phật, giữa báo đáp bốn ân, dưới vì hàm linh mỗi người tụng kệ mầu nhiệm thanh tịnh trong kinh luật. Luật Tăng-kỳ nói: Thanh tịnh như trăng sáng, thanh tịnh được bố tát, nghiệp thân miệng thanh tịnh, ấy mới nên bố tát.

Nếu sa-di thuyết giới chỗ khác, như biệt pháp ở sau:

7/ Nói về thỉnh sư thuyết giới: Phật bảo Thượng tọa thuyết giới, dẫu trước đã sai riêng nhưng đều thuận thỉnh trước, nên đến trước Thượng tọa oai nghi trang nghiêm, chắp tay bạch rằng: xin Đại Đức tăng từ bi vì tăng thuyết giới, nếu người kham nói, việc thuyết giới này chánh đáng ta phải làm, liền xướng: Nếu người không kham thuyết giới này nhờ mỗ giáp, nhưng vì già bệnh lời nói không rõ. Sợ chúng phiền hà, sai thứ tọa thuyết. Liền đền Thượng tọa nói: Thứ tọa cũng từ chối không kham lãnh, Thượng tọa chuẩn bị trước biết có người tụng lanh lợi, nên nói Duy-na, đến chỗ mỗ giáp nói: Tăng sai thuyết giới, người kia đến chỗ trước thuật đủ rồi, lại đến chỗ đánh tĩnh bày cáo: nếu Thứ tọa không chịu, không cần phải thứ lớp hỏi xuống, y theo Tăng-kỳ trên, chỉ được Thứ tọa. Người kia nên nói với tăng rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Luật sư... vì tăng mà tụng luật phạm âm, Luật sư... lên tòa cao. Người kia nên sửa sang oai nghi đến trong tăng bốn mặt lễ tăng rồi, quỳ xuống bạch rằng: Tỳ-kheo mỗ giáp cúi đầu kính bạch chúng tăng, Tăng sai Luật sư sợ có nhầm lẫn, mong người đồng tụng chỉ dạy, bạch xong lễ một lễ lên tòa.

8/ Nói rõ pháp cúng dường thuyết giới. Nếu có tòa cao là tốt nhất, nếu không có thì người ở trên tòa Thánh tăng, kéo tòa tăng xuống. Người thuyết giới kia ngồi rồi. Duy-na đã tĩnh người đem nước cúng dường Phạm bái. Nếu y theo văn trong luật, bái nghĩa là vâng theo đúng như pháp, trích trong luật nghi nói như thế, quốc ngữ là uất bính, dịch là chỉ đoạn. Lại nói chỉ là dừng, vì là duyên bên ngoài đã dứt, đã đoạn, lúc ấy tịch tĩnh mặc cho làm pháp sự. Năm ba vị Tỳ-kheo nhỏ kia đem nước thơm đến trước tăng, rưới nước hai bên. Chừa lại chỗ trống để đi,

nước thơm và hoa cũng đồng pháp thủy. Rưới khắp rồi, còn ở giữa nên đem nước hoa hòa lại như thường, đều từ một đầu lại đi rải đến hai bên, khi bình hết lại về chỗ cũ, sai người trở lại tòa. Khi rải hoa mỗi mỗi đều nói kệ rằng:

Kinh Hoa Nghiêm nói: Rải hoa trang nghiêm tịnh quang minh, trang nghiêm hoa thật cho là tướng, rải các hoa báu khắp mười phương, cúng dường tất cả các Như lai.

Người cúng dường kia đợi rải hoa xong. Sau đó, lễ ba lễ, lấy hương xong rồi lầy kinh, hướng lên chỗ ngồi của Thượng tọa, quỳ xuống đốt hương trong lò. Duy-na nói: làm hương nói kệ. Cách này sư Đạo An thường có người nhóm tăng cúng dường riêng. Sau này thấy rườm rà nên sai một người thay làm rộng ra như trong bổn văn.

Mỗi việc đều nói kệ rằng: Kinh Hoa Nghiêm nói: giới hương, định hương, giải thoát hương, đài mây ánh sáng khắp pháp giới, cúng dường vô lượng Phật mười phương, nghe thấy xông khắp chứng vắng lặng.

Duy-na đã tĩnh xong, người cúng dường về lại tòa. Duy-na vẫn ở vị trí của mình.

9/ Nói về cách hỏi đáp

Người kia nên y cứ theo ở trên mà lên tụng, đến người chưa thọ giới cụ túc ra, các sa di theo thứ lớp mà ra, nghi thức như trong phần biệt pháp. Người không đến thuyết dục như trong pháp dục ở trước. Nếu không, duy-na phải quỳ đáp rằng: Không có người thuyết dục. Lại hỏi: Ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới. Người kia nhận lời ni dặn đứng dậy đến trong Tăng lễ, rồi quỳ xuống chấp tay bạch, cách bạch giống như trong luật Ngũ Phần nói: Đại Đức tăng xin lắng nghe ni chúng chùa... hòa hợp tăng sai Tỳ-kheo-ni... cứ nửa tháng đảnh lễ dưới chân Đại đức tăng cầu thỉnh giáo giới cho ni.

Nói ba lần xong, đến trước tăng quỳ thẳng, cúi đầu chấp tay bạch:

Đại đức từ bi có thể giáo thọ Tỳ-kheo-ni không?

Đáp: Tuổi già không có đức, cho đến hai mươi hạ đến đều phải thưa hỏi, không qua hạ tọa vì không có đức, đặc biệt có thể tỏ. Nếu không lại đến trước Thượng tọa nói: hỏi khắp năm và đức, đều từ chối không có khả năng thọ.

Thượng tọa nói: Các Đại đức đâu chỉ kham nhiệm trì, vì tiếc nghiệp mình nên từ chối thỉnh. Nếu ngày mai ni đến thỉnh có được không?

Nên y theo luật Ngũ Phần nói: ở đây không có người giáo giới ni, lại không có người nói pháp hay. Tuy nhiên, Thượng tọa có chỉ dạy ni chúng.

Luật Tăng-kỳ chép: nên siêng năng tinh tấn tu đạo đúng như pháp, cẩn thận chớ buông lung (trên lại trích một, hai văn luật, chỉ dạy thêm vào cho hợp, ngoài ra đều có y cứ rõ không nói ra đầy đủ, đọc văn một bộ này trên dưới mới luyện. Người kia nhận lời dặn lại về tòa mình. Ni hôm sau đến, y lời dạy mà truyền nói: vì nói pháp rộng, thời gian ít, cho nên lược.

Người thuyết giới nói: nay Tăng hòa hợp để làm gì?

Duy-na quỳ xuống đáp: yết-ma thuyết giới, không được nói bố tát thuyết giới, để nói thông dụng nêu không rõ đây kia.

Duy na về tòa của mình rồi. Sau đó, yết-ma tác bạch. Không được chưa đến chỗ tòa đã tác bạch. Vì ngồi, đứng khác nhau tức là biệt chúng. Việc này thường có. Thượng tọa không dạy dẫn đến tăng chúng đều phi pháp. Nhưng xử chúng trước đúng sai đều biết. Không được cúi đầu nhắm mắt ấy là không biết cương pháp. Luật nghi một tông mãi thành thường chuẩn. Cho nên trong Tăng-kỳ nói: Thuyết giới, nói pháp đều có phép của Thượng tọa.

10/ Nói rõ cách thuyết giới xong, nếu đến dạy lược rồi, phải hô chuông sai sa-di nhóm họp. Sau đó, người tụng rõ có thể hộ giới. Nếu thuyết chung rồi, nời làm thần tiên năm thông kệ phạm, sau đó làm tán tụng khắp thế giới, vì sai người thuyết, từ dung đủ oai nghi từ tốn, khen trước tựa thuyết cũng là tụng tựa luật cho là tán từ chối. Người thuyết từ chối nói:

Tỳ-kheo... cung kính dưới chân chúng tăng, kính tạ chúng tăng, tăng sai tụng luật, ba nghiệp bất động, phần nhiều có quên mất, nguyện tăng từ bi chỉ dạy hoan hỷ. Chúng tăng mỗi người nói kệ tự vui: “Chư Phật ra đời vui bậc nhất, nghe pháp vâng hành an ủi vui, đại chúng hòa hợp vắng lặng vui, chúng sinh lìa khổ an lạc vui”, liền làm lễ rồi giải tán, tựu trung có tướng tạp. Nếu người ngoài giới đến thì đi tất đến chỗ thuyết. Nếu chưa tụng tựa thanh tịnh rồi đến theo thứ lớp mà ngồi, không báo thanh tịnh. Nếu đã nói thanh tịnh, sau đó mới đến, giới sư thấy đến thì phải dừng trụ. Nếu người không trụ, quở trách sai (ở) đợi ngồi. Một người quỳ xuống bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... bao nhiêu người đều thanh tịnh, nếu có phạm lỗi, y theo lỗi mà trình bày. Vì bức bách nên thuyết giới, sau đó đúng như pháp mà sám hối, rồi y theo thứ lớp mà thuyết. Nếu Tỳ-kheo ngoài giới hoặc nhiều hoặc đồng, dù thuyết giới xong cũng đều bảo thuyết lại, nếu không thì đúng như pháp mà trị.

Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu phạm bảy nhóm, trước người bất tịnh nên

đình chỉ không thuyết giới. Văn luật nói: Người phạm không được nghe giới, không được thuyết cho người phạm. Nếu ni ba chùa, năm chùa thỉnh giáo thọ, thì tùy ý nhận. Mỗi việc trước đều trình bày tên chùa tên ni. Sau đó tổng kết thỉnh ý. Nếu trong lúc tụng sợ nhầm, thì nên nói với người gần bên dạy bảo. Không được đại chúng đồng dạy, làm cho việc tăng lộn xộn. Tứ Phần chép: Nếu ngày thuyết giới người không có khả năng tụng, thì nên đúng như pháp bố tát mà hành trù, tác bạch sai một người nói pháp tụng kinh, ngoài ra các giáo giới tụng kinh di giáo cũng được. Nếu người hoàn toàn không hiểu, luật nói: dưới đến một bài kệ: các điều ác chớ làm, nên làm các điều lành, tự thanh tịnh ý mình, ấy là lời Phật dạy.

Giải thích văn kệ này đầy đủ như trong kinh A-hàm: thực hành như thế rồi chẳng được không nói. Nếu người không hiểu nói cẩn thận chớ buông lung. Rồi giải tán, đều là lời chúc lụy của Đức Phật, rất chí lý, giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Mà đời có người ở chùa khinh thường giáo cương này, cho nên trái không thuyết, nhiễm ô tịnh thức, dần dần đối với Đại pháp không có nhận biết. Như vậy xuất gia không có lợi ích. Miệng nói Phật là thầy ta, mà trái lời dạy của thầy, ấy là đệ tử của ngoại đạo. Nếu có phạm tội trọng, không được dự nghe giới, nếu ở trong chùa biệt chúng thì thôi, nếu trải qua sám hối thì không tùy ý. Tăng tàn trở xuống y giáo mà sám hối xong rồi được nghe. Như luật có hiển rõ. Nếu ở tại chỗ nhớ được, thì bất luận là nghi biết, đối chúng phát lộ. Sợ đại chúng náo loạn nên chỉ tâm niệm miệng nói tự trình rằng:

Tôi tên... phạm tội..., vì bức bách thuyết giới, đợi xong sẽ sám hối. Rồi được nghe giới, nếu đối với tôi có nghi, cũng y cứ theo đây trình bày.

Bốn là nói rõ lược thuyết tạp pháp: Luật Tứ Phần chép: nếu có tám nạn:

Vua, giặc, nước, lửa, người bịnh, ác trùng, phi nhân.

Nạn người, Luận Minh Liễu chép: Có người muốn trói buộc Tỳ-kheo. Duyên khác là nếu đại chúng nhóm họp mà giường ghế ít, hoặc chúng phần nhiều bị bệnh, hoặc trên tòa che lấp không khắp. Hoặc trời mưa, nếu bố tát nhiều đêm lâu xong (nghĩa là người sám tội trải qua rất lâu).

Hoặc việc đấu tranh, hoặc luận tỳ-đàm Tỳ-ni, hoặc nói pháp đêm đã lâu. Cho tất cả chúng chưa đứng dậy, minh tướng chưa xuất nên được lược thuyết giới. Luật Thập Tụng chép: Đi với bạn, hoặc đứng lại nói rộng, đứng lại một lát lược thuyết, không đứng thì nói ba lời. Ở

trước người tại gia không được miệng nói. Tâm nghĩ rằng: hôm nay bố tát thuyết giới. Cho đến chỗ ngủ có sợ quỷ rồng, nạn mạng phạm, đều không được ra nghe. Tâm nghĩ miệng nói: "Hôm nay thuyết giới". Luật Ngũ Phần chép: quý nhân, ác thú, đất có mọc cỏ, gai góc, hang rắn. Đêm tối đất sình bùn ngồi không được. Luật Tăng-kỳ nói nếu ép ngặt trời tối gió mưa, già bệnh không thể ngồi lâu, chỗ ở xa đều khai cho lược thuyết. Luật Thập Tụng chép:

Cho thuyết trước các vua, làm cho tâm thanh tịnh. Trừ đại thần, binh sứ sai đi. Khi thuyết giới, giặc đến nên liên tục tụng kinh chớ để dứt. Nếu có chúng chủ một vùng dẫn dắt đồ chúng, thường đến mùa Hạ, mùa Đông y cứ theo trước lược thuyết. Lúc đến giờ tiểu thực nên bảo tăng rằng: Hôm nay thuyết giới, mười phương Hiền Thánh đều vâng theo. Đồng thời nguyện chúng tăng cùng lúc nhóm hội. Phải biết mùa Đông nóng thì phải lược thuyết, chớ theo duyên khác tự sinh nhàm chán.

Luật-tăng-kỳ quyển 34 rộng lập pháp Thượng tọa bố tát.

Luật Ngũ Phần chép: Không nên vì việc nhỏ dặn dò mà trao, nên nói ở chỗ trống.

Thứ hai sẽ nói lược, pháp lược có hai loại:

1. Lược lấy: nghĩa là lấy các đầu đề tám thiên.

2. Lược bỏ: nghĩa là theo chủng loại của thiên.

Thầy thuyết giới phải lường việc chậm hay nhanh xem thời có nên tiến hành hay không.

Không gấp thì rộng ba mươi, chín mươi lược bỏ các thiên còn lại. Vội thì thuyết tựa, ngoài ra tùy lược bỏ. Trước khi thuyết phương tiện rộng như nói pháp, đến lời tựa xong, hỏi thanh tịnh rồi nên nói. Các Đại đức ! Bốn pháp Ba-la-di tăng thường nghe, cho đến các Đại đức ! Các pháp chúng học tăng thường nghe, mỗi mỗi đều thông kết. Bảy pháp diệt tránh dưới đúng như pháp nói rộng đến văn cuối. Trong văn Tứ Phần không rõ, chỉ nói ngoài ra tăng thường nghe. Nay y theo luận Tỳ-ni mẫu chép: Nếu nạn duyên xong đến thuyết lời tựa thì nói: ngoài ra tăng thường nghe, nếu không thuyết được tựa thì nói: nay ngày 15 bố tát, mỗi người thân miệng ý thanh tịnh, chớ buông lung, xong rồi thì tùy ý đi.

Trước nói về duyên, thêm bớt y cứ theo một việc, trước có trái lại kết chánh tội. Gần đây, người hành sự nói đã thuyết ba mươi pháp tăng thường nghe, đã nói rồi thuyết, thì đối trước chúng nói dối, đều có thể y theo trước. Lại có lược duyên dừng mà không thuyết đều thông trị tội.

Cho nên phải rõ.

Kế nói rõ một người trở lên biệt pháp. Luật nói: nếu ở một mình đến tăng đường thuyết giới, phải sửa sang chuẩn bị đợi Tỳ-kheo khách đến.

Nếu bốn người trở lên bạch thuyết giới, nếu ba người thì mỗi người sửa sang oai nghi nói với nhau rằng: Hai đại đức nhất tâm niệm, nay ngày 15 tăng thuyết giới. Tôi... thanh tịnh (nói ba lần). Nếu hai người hướng về đây kia nói ba lần như trên. Nếu một người tâm niệm miệng nói: nay ngày 15, tăng thuyết giới. Tôi... thanh tịnh (nói ba lần). Nếu một mình đi đến xóm làng, hoang dã núi rừng không người, cũng nói đồng pháp này, nếu người có tội không nên tịnh pháp. Tội nhỏ trách tâm rồi liền nói: nếu có Đột-cát-la nặng trở lên có nghi có biết, hoặc nói phát lồ, hoặc đợi người. Luật không rõ về đoạn. Nay y cứ giải thích chung rằng: phải phát lồ nói: Hôm nay chúng tăng thuyết giới, tôi phạm tội... không nên thuyết giới bố tát (nói ba lần).

Ngũ Bách Vấn chép: một Tỳ-kheo, trú xứ có giới đến ngày bố tát, trước phải hướng về bốn phương tăng mà sám hối, nói ba lần xong, một mình ngồi tụng rộng giới bổn.

****

THIÊN THỨ MƯỜI MỘT: AN CƯ SÁCH TẤN TU HÀNH

Ở chỗ yên tĩnh suy nghĩ khuôn phép chân chánh về đạo mầu nhiệm, phải nhờ ngày tìm công sách tấn tâm hạnh, tùy duyên gởi chỗ, chí chỉ chuộng việc lợi ích. Không cho sa đà, tán loạn đạo nghiệp. Cho nên Luật chế chung ba thời, ý còn y cứ vào đạo, văn y cứ vào tháng hạ, tình ở ba lỗi.

1. Không có việc du hành, ngăn cản xuất gia tu đạo
2. Tổn thương vật mạng, trái lòng từ rất lớn
3. Việc làm đã trái cho nên phỉ báng đời. Vì lỗi này nên dạy hưng khởi ở đây. Nhưng các nghĩa đều quy về một nơi, vì hộ mạng, mỗi thước đất vuông trong hạ đều có trùng, tức kinh Chánh pháp niệm chép: Trong hạ trừ đại tiểu tiện thì đều ngồi thiền. Cho nên biết hộ mạng là quan trọng, Phật đã chế, ắt trái với lời của bậc Thánh, tội do không thỉnh, tự ràng buộc nghiệp mãi mãi trôi lăn trong biển khổ, sự thật như thế, y văn mà cung kính. Trong phần một (không có việc mà du hành) chia làm năm việc:

1. Duyên An cư.
2. Pháp chia phòng.
3. Tác pháp khác nhau.
4. Trong hạ gặp duyên thành không.
5. Năm lợi Ca-đề, giải giới đúng sai.

- Trong phần duyên an cư chia làm ba loại.

1. Chỗ có phải quấy.
2. Khi kết khác nhau.
3. Hạ nhuần kéo dài.

1) Trong phần chỗ có phải quấy. Tứ Phần nói không được ở trên cây, hoặc dưới cây, đứng dậy không ngại đầu, lá cây chỉ che một chỗ ngồi. Như thế cho đến phòng nhỏ, ngồi trong hang núi, hướng về chỗ dễ đầu gối, chân làm chướng ngại nước mưa. Nếu nương theo người chăn trâu, người ép dầu, người chặt cây, nương vào xóm làng đều thành. nên bỏ chỗ nên bỏ, trong văn không nói rõ.

Ngũ Phần chép: nương vào những người như trên, nghĩa là trước tác ý ở được y để an cư. Giữa chừng bỗng bỏ đi, tùy tin ưa y thực đầy đủ thì xử đi (không nói mất hạ)

Nếu ở chỗ không có người hộ, giặc cướp, gò mả, chỗ quỷ thần, hang trùng độc đất trống. Nếu có hai nạn mạng, phạm, đều không thành an cư. Luận Minh Liễu nói có năm thứ để thành an cư.

1. Chỗ có ngăn che

2. Đầu ngày 16 hạ, nghĩa là vì thành ngày tiền hậu an cư.

3. Nếu mặt trời phương Đông đã lên đỏ, nghĩa là đêm ngày 15 hết thì phương Đông mặt trời lên đỏ, là phạm vi ngày 16

Vì phá các nhà sớ Thập Tụng muốn sai ngày 15 đến giới ngủ.

4. Nếu biệt trụ khởi tâm an cư, sớ nói. Biệt trụ là giới bố tát, tâm an cư có ba loại: 1/ Tự làm cho mình. 2/ Vì lợi người. 3/ Vì lo liệu cho Tam bảo, sửa sang phòng nhà, một chân đạp giới khởi tâm an cư thi thành.

5. Ở chỗ không có năm lỗi:

1/ Rất xa xóm làng cầu phải bị nạn

2/ Rất gần thành phố, ngăn ngại việc tu đạo nghiệp

3/ Nhiều muỗi mồng hoặc căn người, người dẫm đạp làm tổn thương mạng chúng

4/ Chẳng thể không nương vào người, người ấy phải đủ năm đức:

Nghĩa là những điều chưa nghe làm cho được nghe, đã nghe rồi làm cho thanh tịnh, có thể giúp cho quyết nghi, có thể giúp cho thông đạt, dứt tà kiến, được chánh kiến.

5/ Không có thì chỉ cúng dường cơm nước, thuốc thang. Không có năm lỗi này mới được an cư. Luật Tứ Phần và bộ Ma-đắc-lặc-già giống với luận này.

Luật Thập Tụng chép: chỗ núi sâu không có người, chỗ đáng sợ không nên ở.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu ở chỗ không người cứu, ắt biết không ngăn ngại cũng khai. Khi muốn an cư trước phải xét lường xem có nạn hay không, nếu chỗ không có nạn thì ở. Trong quyển thứ sáu của Tỳ-ni Mẫu nói rất rõ pháp dùng phương tiện an cư, văn không ghi chép, cho đến Thượng tọa an cư đối với tất cả khi tăng nhóm họp, khi ăn cơm, khi ăn cháo, khi uống nước trái cây ép, nên bạch rằng: Chừng ấy thời đã qua, còn dư chừng ấy thời. Nếu người thực hành các pháp hạnh này gọi là cha mẹ của tăng, gọi là thầy của tăng, v.v...

2) Hai thời kết trước sau. Do trong hạ, tổn hại nghĩa hạnh, thường bị chế giễu. Cho nên văn nói: Từ nay về sau cho an cư ba tháng hạ, mùa xuân lỗi ít, ắt chẳng có việc không y theo, đồng thì kết tội Đột-cát-la.

Hỏi: Vì sao chỉ kết ba tháng?

Đáp: Vì sinh tử thân hình phải nhờ vào thức ăn. Cho nên kết ba tháng trước, khai ba tháng sau, vì thành việc cúng dường y phục cho thân.

Nếu bốn tháng kết hết thì ngày 16 tháng 4 được thành. Nếu có sai thì không được kết, giáo Pháp rất cấp dùng, khó có tiêu chuẩn nhất định.

Cho nên Như lai thuận theo chúng sinh, mới bắt đầu từ ngày 16 trước đến ngày 16 sau, trong một tháng ấy tiếp tục kết làm cho thành. Trên phân biệt chung về ba thời.

Nay chính hạ cũng có ba thời trước ngày 16 tháng 4 là tiền an cư, ngày 17 trở đi đến ngày 15 tháng 5 gọi là Trung an cư. Ngày 16 tháng 5 gọi là Hậu an cư. Cho nên trong luật có ba loại an cư. Nghĩa là tiền, trung, hậu. Tiền an cư là trước ba tháng. Hậu an cư là sau ba tháng, tuy không nói giữa ba tháng, nhưng trong văn nói rõ số ngày trước sau. Trung gian không nói, lý tự rõ. Văn kết mỗi mỗi đều khác nhau, như trong pháp. Vì nói rộng về tiền hậu.

Một là thưởng phát trước sau ngày 16 tháng 4 là trước, ngày 17 về sau kết đều không được năm điều lợi, nên gọi là Phạt.

Hai là phạm tội trước sau, trước ngày 15 tháng 5 gọi là Tiền. Vì có duyên đúng như pháp, không kết không phạm, không duyên mắc Đột-cát-la.

Ngày 16 duyên và không duyên đều kết một tội. Chỉ trừ việc nạn. Ni đồng với tăng đều phạm. Chỉ có xả đọa là khác.

Ba việc nạn trước sau.

Ngũ Bách Vấn chép: Từ ngày đầu tháng hạ có việc nạn thì không được kết, mà không ra khỏi giới cũ, đến hạ sau đều gọi là tiền tọa. Gọi là ngày 30 an cư, đồng đến ngày 15 tháng 7 nhận tuổi hạ nếu an cư ngày 16 tháng 5 chỉ được một ngày, kết nửa tháng 7, đã có nạn thì tùy theo ngày không nạn mà tự tứ. Ấy gọi là ngày mồng 1 an cư, ngày 30 thọ tuổi hạ.

3) Hạ nhuần kéo dài: Theo an cư nhuận không có chánh văn. So với bộ Tát-bà-đa nói: Trong hạ có nhuận nhận áo tắm mưa được một trăm hai mươi ngày, y kia khai pháp còn nương vào hạ nhuần mà thọ. Hạ là chế giáo, lý phải thông hộ. Lại giới bổn kết an cư tâm ba tháng không được ra ngoài. Nay hạ chưa đủ, trong lúc nhuần ra giới tức chẳng phải tương tục mà đủ, ấy gọi là Phá. Nếu không y vào nhuần đủ số chín mươi ngày bèn tự tứ, bộ Ma-đắc-lặc-già chép: an cư đủ thì tự tứ, đã thọ y ca-hy-na, tức y này thành thọ hoặc không thành thọ. Nghĩa là y theo nhuần và không y theo nhuần. Hai văn đều đủ, đến lúc tùy duyên. Đầu hạ tâm phải giữ lấy nhuần không được y theo Già luận.

Nếu trái với trước thì chung cả hai luận hai văn. Vì an cư sách tấn

tu hành, ở yên có lợi ích. Thọ nhật ra khỏi giới loạn nghiệp, khai chẳng phải tu chân chánh, hạn cuộc y vào một tháng, không được quá pháp.

Hỏi: năm việc thưởng lao được nhiếp, tháng 5 tháng 1 nhuần hai tháng sáu phải không?

Đáp: Thập Tụng không khai. Do khai quá pháp, nay y cứ vào tháng nhuần kết tiến không quá ba lệ. Nếu nhuần tháng 5 tháng 6 định ở một trăm hai mươi ngày, nếu nhuần tháng 4, từ ngày 16 tháng 4 đến mùng 1 tháng nhuần kết, đều ở trong bốn tháng. Nếu sau ngày mùng 2 tháng nhuần kết, dần dần chuyển ít vì vượt quá tháng nhuần lấy ngày 1 tháng 5 thật hạ thành chánh kết. Nếu sau ngày 1 tháng 5 kết đều ở 3 tháng, vì đủ số chín mươi ngày. Nếu nhuần tháng 7, từ ngày 16 tháng 4, sau đó ngày 1 tháng 5 kết đều ở 3 tháng. Do chưa đến nhuần, ngày 2 tháng 5 sau đó kết. Đều ở bốn tháng. Do chín mươi ngày chưa đủ vào tháng nhuần không thành số. Ngoài ra như sớ sao.

Nói rõ pháp chia phòng, đồ nằm. Luật Tứ Phần chép: Vì khách tăng nhận được phòng không tốt nên chê bai. Phật bảo khách tăng muốn an cư tự đến xem phòng xá, đồ nằm rồi, sau đó phân chia, bạch nhị sai một người đủ năm đức như không yêu thương, v.v... biết năm đức có thể chia hay không thể chia rồi, Yết-ma nói: Đại đức tăng xin lắng nghe; nếu tăng phải thời đến tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, đồ nằm, vị nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá đồ nằm thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, đồ nằm xong. Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế. Tỳ-kheo kia đắc pháp rồi, đứng dậy lễ dưới chân tăng, bạch rằng: Tất cả tăng mỗi người đem y vật nhóm ở tăng đường, không được để cho trú xứ có vật dư. Tăng chúng cùng một lúc trong phòng mỗi người sẽ nói đủ đến nhóm xong. Người tri sự kia y theo luật đếm phòng xá, đồ nằm. Cái nào xấu, cái nào tốt, người nào chủ phòng kinh doanh. Trước hỏi người Kinh doanh muốn ở phòng chỗ nào, sau đó mới đếm biết số tăng. Đến trước Thượng tọa bạch rằng: Đại đức Thượng tọa có phòng xá, đồ nằm như thế, tùy ý ưa thích mà lấy. Trước cho Thượng tọa đệ nhất, phòng kế cho đệ nhị, đệ tam. Cho đến hạ tòa nếu có dư thì chia lại, bắt đầu từ Thượng tọa. Lại có dư nữa cũng chia lại như trên. Cho nên phần nhiều khai trụ xứ cho Tỳ-kheo khách. Nếu Tỳ-kheo tội ác đến thì không nên cho. Bấy giờ, có phòng hư không nên nhận, Phật bảo tùy khả năng sửa sang.

Hỏi: Thức ăn của tăng trên dưới bình đẳng, phòng xá không phải như vậy, tùy Thượng tọa chọn phải không?

Đáp: Thức ăn có thể bình đẳng một vị, chung cả mười phương. Việc phòng xá, đồ nằm có tốt xấu. Lại gồm tốt đẹp không đồng, vì ngày hạn chẳng gấp, mặc tình ý Thượng tọa chọn.

Hỏi: Nếu vậy thì các vật như lợi dưỡng, v.v... đâu chế ra để người đến tham dự không thấy rồi bỏ thẻ đi?

Đáp: Đây là phân hiện tiền, có chung một phần, cho nên chế ra người đến tham dự loạn nép thẻ khuyên họ lấy.

Luật Tăng-kỳ chép: không được cho sa-di phòng. Nếu thầy nói chỉ cho tự tôi vì lo liệu thì được. Nếu phòng nhiều, một người cúng và hai lời, đã không được không nhận. Có câu: không vì thọ dụng mà cho, vì lo việc mà cho, nếu giao phòng vào mùa Xuân, mùa Đông đều chung cho cả hai, nếu Thượng tọa đến theo thứ lớp mà ở, hoặc an cư thôn phòng rồi, Thượng tọa đến không nên cho ở, phải sai ở chỗ khác. Luật Tứ Phần chép: An cư xong khách đến không nên dời. Nếu chia phòng xá không được chia ở chỗ chúng nhóm họp. Nếu có nhà tốt phòng riêng, phải trước hạ viết để biết tên họ, Hạ xong thì xóa tên mà đi.

- Ba là nói về tác pháp khác nhau, có hai:

1. Thuyết giáo đối duyên

2. Dùng phạm vi của pháp

Trong phần thiết giáo đối duyên phân bày bốn loại:

Trước là đối thú, ở đây chung cho các giới. Nay lại già-lam thêm pháp phải đối trước một Tỳ-kheo đủ oai nghi nói: Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo... nương Tăng già-lam... tiền tam ngoạt hạ an cư. Vì phòng xá hư nên phải sửa sang (nói ba lần).

Luật Ngũ Phần chép: người kia nói rằng: phải biết chớ buông lung.

Đáp: thọ trì.

Nghĩa y vào ai để trì luật, đáp y vào Luật sư...

Nói có nghi phải đi hỏi, nếu nương vào xóm làng thôn ấp... đối trú xứ già-lam trước, tùy danh điệp mà vào. Lo liệu sửa sang, tùy việc ó hoặc không. Không đồng tụ lạc Hoàng đế Tích Ngu.

Hỏi: y vào chùa cho nên lo liệu đủ vật chất.

Đáp: sửa sang phòng tăng dùng chung ba đời. Người trước lo liệu, nay được thọ dụng. Nay lại sửa sang lo liệu để cho tương lai, nếu thiếu, không sửa sang, ba đời không nối tiếp.

Hỏi: trì luật có năm loại, định cần có gì?

Đáp: Tứ Phần nói: mùa Xuân, mùa Đông chế y có bốn loại:

1. Tụng giới đến 30

2. Đến 29

3. Tụng giới bổn Tỳ-kheo

4. Hai bộ giới bổn

- Trong hạ nhiều duyên nêu phải khéo thông bít.

Chế y vào đệ ngũ nghĩa là tụng hai bộ luật. Cho nên cần.

Luật Ngũ Phần chép: Có Tỳ-kheo tự không biết luật lại không y vào trì luật an cư. Trong hạ sinh nghi mà không hiểu điều gì, cho đến Phật bảo. Đến chỗ sư trì luật an cư. Nếu phòng xá thiếu cho gần luật sự. Bảy ngày được về lại chỗ, an cư trong đó. Tâm nghĩ xa y vào có nghi đi hỏi. Nếu đã kết trước hạ, gặp duyên rồi phá, thì tùy ngàymà kết thành.

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo trong hạ không y vào Luật sư thứ năm phạm ba-dật-đề. Mùa Xuân, Đông không y vào Đột-cát-la.

Trong pháp an cư, luật có tên là Vô pháp. Trong đời thông dụng pháp hậu an cư, nhưng luật bày ra chia rõ ba thời, ba danh hiển riêng (chuẩn như lượng chế bát). Nghĩa là ba pháp chẳng thể không, đã nói rõ tiền, hậu, thì trung gian y cứ theo đây (như về chế lượng bát không nhất định, Trung gian không hiển bày mà biết). Nên nói: Tôi Tỳ-kheo... y chỗ nào đó trung ba tháng hạ an cư (nói 3 lần) là dùng cách cũ, lý cũng nên thành.

Hậu an cư vào ngày 16 tháng 5, đồng pháp đối trước, chỉ đổi trước đặt sau một chữ.

- Nói rõ tâm niệm: Trong luật không có chỗ y vào người bạch, Phật bảo tâm niệm nên oai nghi trang nghiêm đến trước linh miếu phát nguyện xin an ổn tu đạo, tâm niệm miệng nói: Con tên... y vào phòng tăng... tiền tam nguyệt hạ an cư, sửa sang lo liệu phòng xá hư (nói ba lần).

Trú xứ có nhiều loại, y theo đối thú ở trước. Nếu trung, hoặc hậu cũng tùy theo hai trường hợp.

Ba là nói rõ vọng thành, nghĩa là trước mong muốn giới này, nay từ ngoài đến phải tương ưng với tâm cảnh. Tuy vọng khai thành, luật nói: vọng không có tâm niệm nếu vì an cư mà đến thì thanh an cư. Nên biết người ở không xếp vào khai lệ. Vì vốn vô tâm nên nếu có cần, thì lý phải thông hạn cục. Ngoài đến vì việc, không vì tu an cư, tuy vọng không khai, lấy trái làm an cho nên đến.

Bốn là nói về đến giới và vườn, một chân vào trong, minh tướng xuất hiện, Phật khai là an, đến thì thành, ngoài ra rộng như trong sớ. Nói rõ phạm vi của pháp, bốn pháp an cư trên y cứ theo thời thông cho ba vị,

y cứ theo sứ thông cả hai giới, y cứ theo người thông cho năm chúng.

Luật Thập Tụng chép: Phật cùng năm chúng an cư, cho đến sa-di-ni, Tứ Phần cũng vậy.

Y cứ theo pháp: Đối thủ tâm niệm đầu đuôi ba mươi mốt ngày kết. Có nhuần thì sáu mươi mốt ngày, vọng thành đến giới người nói: Tuy được hai ngày tiền hậu, Trung gian hai mươi chín ngày, không được dùng. Vì pháp một, hai dễ dự mà làm.

Ngày đầu tháng kết, ngày 2 sau khai. Vì sợ mất tiền hậu cho nên hạn cục một ngày. Ngày Trung gian đã không đến trước đâu sợ mất sau. Cho nên không khai.

Lại nói: Chỉ ở một ngày sau hạ, vì Phật khai thành có ích. Nếu không kết, thì một hạ liền mất, ngoài ra tùy ý tác pháp. Vì thời dễ dự, đều chẳng phải lời bậc Thánh, lấy ý sử dùng.

Trong hạ gặp duyên có mất hay không, trước nói rõ có nạn dời hạ, sau thọ nhật gặp nạn

Trong phần dời hạ, Tứ Phần nói có hai nạn.

1. Người phạm hạnh bổn thời người đàn bà, con gái, dâm nữ huỳnh môn phục tàng, đều do người đến dụ Tỳ-kheo, sợ vì tịnh hạnh nên giữ nạn.

2. Quỷ thần, ác tặc, rắn độc, thú dữ không được như ý ăn uống thuốc thang và tùy ý sai người. Tội nếu ở đây thì mạng ta làm lưu nạn. Phật bảo cho đi, y cứ theo đây kết thành. Trước ngày đi phải tìm chỗ an thân. Nếu chưa được mà đến thì tuy qua đêm cũng không phá hạ. Vì chẳng phải tâm khinh? Trái lại không tìm thì phá an cư. Nếu được chỗ ở pháp hạ tùy thân cũng chẳng được không có duyên mà ra khỏi giới, tức là phá hạ. Kết thành sau đó bỏ bổn giới không có nạn, cũng không được đến lại. Vì đã kết hạ thành rồi. Phải có duyên và pháp.

Luật Ngũ Phần chép: Ăn không đủ cha mẹ thân thích khổ vui v.v... Nếu ở sợ mất ý đạo, cho phá an cư. Luật Thập Tụng, Luật Thiện Kiến nói: nếu trong lúc an cư có duyên, dời đi chỗ khác thì không có tội, không nói được hạ. Tứ Phần cũng vậy. Luận Minh Liễu nói: Trong hạ có tám nạn mà bỏ đi thì không phạm, sớ nói: tám nạn là thân tình và tri thức, v.v... dụ dỗ bỏ đạo hoặc làm ác. Phạm hạnh là: Cho đến trụ xứ dễ đi lại, sợ phạm tội trọng, không nói được hạ. Đều nói được đi. Bộ Ma-di nói: dời hạ không phá an cư. Trong phần pháp y của Luật Tứ Phần nói hai chỗ an cư, hai chỗ tùy một nửa thọ y. Luật Thập Tụng, Tăng-kỳ nói hai mạng phạm, nạn dời hạ hai chỗ an cư, cho đến chỗ tự tứ lấy y. người phá an cư không được phần y, y cứ theo đây không có hạ không thành

thọ y, có thọ lẽ ra phải được hạ.

Hỏi: Gặp duyên ra ngòai giới, quên không thọ nhật, ngủ qua đêm có phá hạ không?

Đáp: Các bộ đều không có nói. Ngũ Bách Vấn chép: Trong hạ quên không thọ bảy ngày ra khỏi giới mà đi, nhớ lại liền sám hối thì được.

Trong lúc ngồi không được sám hối quá ba lần. Sám hối quá ba lần thì không thành tuổi. (Hối nghĩa là nếu nhớ lại sám hối, tâm vốn đã quên liền trở lại giới).

Hỏi: Do đó việc nên ra khỏi giới, lục địa đường trợ ngại, v.v... không được trở lại giới có mất tuổi không?

Đáp: Luật không có nói. Xưa các Luật sư như Cao Tề, Thập Thống đều cho phép, đều nói được hạ.

Hỏi: Ngủ ngoài giới mặt trời sắp mọc, có được hạ không?

Đáp: Y cứ theo phần giới y trong luật Tăng-kỳ, nếu được thì đầu tay chân, v.v... phải. Ở trong giới. Nếu đừng ngoài thì không được. Nếu nương vào đại giới an cư, giới trường và tiểu giới trường khác, vào lúc mặt trời mọc thì phá hạ. Nếu nương vào già-lam ngoài đại giới đi thông hai giới này kia thì không mất. (nghĩa là kiết hạ ở trước, kiết giới ở sau, nếu y vào già-lam trong đại giới ra khỏi cửa liền phá hạ. Tiểu giới cũng vậy. Nếu căn bản nương chung đại giới, không biết hai giới khác nhau, hễ chỗ nào mình đi thì không mất, đều gọi là trái với bổn tâm. Bày ra hai nghĩa mất, nếu chậm y vào pháp giới, y vào chỗ phóng mà ki vượt được phạm vi của giới. Luật Tứ Phần nói: Nếu tiền hậu an cư thân có hai nạn, nên nói đàn việt tìm chỗ dời đi. Nếu cho hay không cho đều phải tự đi, phá tăng và luật tăng khai đi. Việc dời đi nếu cho, hay không cho đều nên tự đi, phá tăng và luật tăng thì khai đi. Vì việc ít nên không ra.

- Nói rõ có duyên đắc Pháp không đến. Luật Tứ Phần nói thọ bảy ngày ra khỏi giới vì cha mẹ, anh em, chị em vốn cả hai tư thông, v.v... đến ý giữ lại, qua ngày không tính tuổi. Nếu gặp các nạn. Đường cản trở, giặc có cọp sói, v.v... đồng như trước thì được thành. y cứ theo nạn này tỉnh liền trở về lại giới, do đó liền đình chỉ phá hạ. Luật Tăng-kỳ nói: trong hạ thọ nhật hòa tăng, đi đường không xa, thẳng đường mà đi. Đến trong kia trước hòa xong, sau đó trở lại. Nếu ở lại, theo pháp tức là phá hạ.

5. Nói rõ pháp ca-đề-lợi, vì nói rõ pháp kiết giới, trong phần đầu nếu kiết ngày 16 tháng 4 đến đêm 15 tháng 7 thì tất cả xong gọi là hạ

xong. Đến lúc mặt trời mọc, sau ngày 16 đến ngày 15 tháng 8 gọi là tháng Ca-đề. Luận Minh Liễu nói: giới bổn nói ca-hy-na, vì lược nên chỉ nói Ca-đề, Hán dịch là công đức (vì Tọa hạ có công, năm lợi thưởng đức), rộng ra như trong thấp hậu tự tứ. Kế nói rõ pháp giải giới trong hạ. Người giải có người nói phá hạ. (Vì Phật bảo hạ xong giải kiết. Đây vọng dẫn lời bậc Thánh. Luật nói an cư xong nên giải giới, kiết giới, vì các giới đồng thọ y công đức. Mỗi mỗi xả thông, kết đồng thọ, cùng giải kết riêng. Văn rộng ra như trong Luật Thập Tụng. Lại trong sớ cũng nói rõ vốn chẳng phải là hạ có tiến được không? Người xưa nói: An cư không xong giải giới là phá hạ, cũng có thể an cư không xong tự tứ là phá hạ. Văn gồm, hai cần cả hai thông nhau. Nếu trong hạ giải giới, nay nói không ngại. Nhưng kết hạ tình hạn khác nhau cho nên phải phân biệt. Nếu vốn y vào đại giới an cư, sau giải đại giới. Không nạn y theo bổn xứ, có nạn y theo Tăng-kỳ mà khai. Nếu bổn y vào tự nhiên, sau kết tác pháp. Nếu chật thì y vào bổn, nếu rộng thì đồng hai duyên trước. Hai là nói rõ pháp thọ nhất. Trong hạ có duyên cớ cho thọ nhật phải y theo lời Thánh, y vào pháp thọ thêm, vọng tự cuồng tâm thọ mà phá hạ, làm hư tổn lòng tín thì thật đáng thương, cho nên chỉ dạy. Tựu trung chia làm ba loại:

1. Tâm niệm
2. Đối thú
3. Chúng pháp.

- Tông chia làm ba loại sự khác nhau

1. Chọn lựa chung.
2. Duyên đúng sai.
3. Y theo địa vị mà hiểu

- Trong phần đầu có ba loại thọ nhật, có bốn loại khác nhau.

1/ Đối với người khác nhau: bảy ngày chẳng phải tăng, riêng thành người bên cạnh, nửa tháng, một tháng chẳng phải pháp phân riêng, chỉ có tăng được thành, nếu đều không được, Luật Thập Tụng hỏi:

Thọ bảy ngày chỗ nào?

Đáp: Phật nói trong giới.

Thọ với ai?

Thọ với năm chúng.

2/ Đối với giới: bảy ngày chung hai giới, Yết-ma hạn cục tác pháp có thể biết.

3/ Trước sau. Nếu dùng yết ma thọ sau lại thọ bảy ngày thì được thành, tùy duyên ngăn dài. Không đồng pháp xưa chỉ bảy ngày trước,

sau đó mới yết-ma.

Hỏi: Trước được yết ma sau tùy duyên bảy ngày. Vì sao yết-ma nói thọ quá bảy ngày?

Đáp: Lời này sai. Nói yết-ma là gia pháp nhà quá bảy ngày, chẳng phải nói dùng bảy ngày xong mà nói quá.

4/ Thuộc về Minh Tướng. Nếu thọ bảy ngày dùng xong, yết-ma thọ tùy được. Nếu bảy ngày chưa dùng, hoặc chưa hết, lại có duyên khác, hoặc là duyên quá bảy ngày, lại thọ nửa tháng cách trước liền tạ, vì pháp yết-ma cưỡng nhiếp không được một thân hai pháp nối tiếp nhau.

Luật nói: không kịp bảy ngày trở lại cho thọ mười lăm ngày. Nay pháp bảy ngày ở nơi mình, ắt có duyên khác. Nên biết pháp trước hoại. Nếu trước yết-ma thọ nhật, thì phải dùng hết mới được thọ bảy ngày. Gần đây phần nhiều có vậy. Nghĩa là thọ một tháng không đủ, lại xin bảy ngày thêm đủ ba mươi bảy ngày dùng, thật không thể được.

2) Đối với duyên có tiến không? Phàm duyên thọ nhật cốt yếu là Tam bảo thỉnh kêu gọi người sinh thiệt dứt ác cho đến, nếu thỉnh gọi là lợi Tam bảo, phi pháp có nạn phá giới. Tuy thọ không thành. Vọng đến là hạ, tính là đủ năm đủ đức. Xướng thọ lợi dưỡng, tùy theo có kết tội. Luật Thiện Kiến nói:

Tự kéo dài hạ của mình để thọ trì thì phạm tội trọng

Nếu vì mình y bát, thuốc men như pháp sẽ thành

Nếu vì mưu sinh tìm lợi, mua bán sinh sống, nuôi trâu nuôi bò, v.v... dù là Tam bảo đều phá hạ mắc tội.

Ngũ Bách Vấn hỏi: mưu sinh, phá giới được tiền của, xây dựng Phật có được phước không?

Đáp: Địa ngục còn không tránh khỏi, huống gì được phước. Tát-bà-đa chép: Mưu sinh tạo Phật không nên lễ bái. Rộng ra như văn sau. Đủ duyên thì chia làm năm loại:

1) Duyên cảnh giới Tam bảo. Trong Tăng-kỳ nói vì việc tháp, trong Tứ Phần nói là việc Phật pháp tăng, Ngũ Phần cũng vậy. Y cứ theo đây, nếu là duyên các chỗ chùa lớn thì khai. Nếu minh nhận lời người khác thuê mà họa tạo tượng, viết kinh và tự buôn bán tượng Phật, hoặc là người tục. Dù là nhà tăng việc Phật, xin cầu phi pháp, đều là tà mạng, phá giới, không thành, phạm tội.

2) Đạo tục bệnh hoạn sinh thiện diệt ác, vì lợi ích người mà không vì lợi. Trong Tứ Phần cho thọ giới, bố tát sám hối, v.v...

Thập Tụng hỏi: Vì ai thọ 7 đêm?

Phật nói bảy chúng tạo phước, thiết cúng sám hối, thọ giới pháp hỏi, nghi thỉnh bị bệnh gặp nạn. Đáp phải làm cho trước thấy, rồi sinh thiện diệt ác nên đi. Nếu sai hay không sai đều được thọ. Nếu giữa đường nghe tin chết, trái với giới tám nạn sinh khởi không nên đi.

3) Cha mẹ, đại thần tin ưa hay không tin ưa đều cho.

Văn luật như thế. Ngoài ra người phàm tục sinh phước tin ưa cho đi, không tin không cho, ắt có năng lực phát sinh niềm tin. Nghĩa nên mở đi.

4) Vì cầu y bát cho đến thuốc men: Nếu mình bệnh nặng không có khả năng thọ nhật thì cho đi thẳng, không cần thọ. Như nói trong mạng nạn an cư trên. Thời nay có nhiều người vì thuốc men mà vọng xin thọ nhật, y cứ theo lỗi biết đủ giới. Phàm ba lần thọ ba lần kiết phạm xả đọa. Nay thì chưa tài vật nhiều ngày đầy đủ mà thiếu ba y, đây mới là xả chế lấy cho. Chưa theo Phật hóa, chưa tài của nhiều mà đồ ngồi thiếu. Y cứ theo trong giới xin y, dù bên ngoài xin vật như thuốc men cũng gọi là tự tham trụ xứ và ngày quay lại chỗ thì không cho. Nếu trái với trên thì được làm, chẳng phải là duyên không thành.

5) Vì hòa tăng hộ pháp: trong luật Tứ Phần nói có đồng giới an cư. Vì ta đấu tranh ngoài giới, tăng ni đấu hành cần có ta, hòa diệt cho đi thẳng. Nhưng tướng hòa diệt khó biết, y cứ theo duyên mà thọ, không tổn thương về lý. Vì luật không có chánh đoạn. Trong năm duyên trên, luật nói: không nên chuyên vì ăn uống, trừ nhân duyên khác. Y bát, thuốc men thì được. Nay trong hạ có nhiều người vì xin lúa gạo vọng nói là y bát. Dù xin luật kết là chánh tội, hoặc do khúc mạng biệt tình, sai người xin đều không thành. Trong luật nói các điều thỉnh, đều là sai người có niềm tin thỉnh riêng. Nếu cha mẹ người khác, đồng trong Thập Tụng, vì chẳng phải lợi cho mình.

2. Đối sự ly hợp chỉ làm cho duyên trước, là ứng pháp, tùy bao nhiêu được hợp thọ nhất. Như sám hối Tăng tàn nhiều tội đồng pháp, thì trong văn nói đủ. Nên nói nay thỉnh pháp bảy ngày ra ngoài giới vì đàn việt thỉnh lại vì Phật sự, tăng sự, trở về lại an cư ở đây.

3. Huyền thọ. Nếu việc làm duyên hiện việc điệp thì làm, thọ ắt không thật sự, hư cấu thành duyên, nhờ vào lời xưa, giống như chưa thật liền xin pháp. Không thành phạm tội. Do việc hư cấu, hạn cục lạm dụng số ngày vọng bày pháp, vì không truyền trao nhau.

4. Dùng lẫn qua lại. Nghĩa là vì Phật mà thọ bảy ngày, đã dùng ba ngày lại có pháp sự, nên thông dùng cái khác thì không được, chắc chắn phải có bổn duyên, đâu có lỗi dùng chung.

Trong luật Thập Tụng, bạch còn lại ban đêm. Nghĩa là đồng một việc chưa rõ đêm tàn bạch dùng, chẳng gọi là việc khác. Nếu vốn dều nhân việc Tam bảo thì nhận. Tùy theo việc dùng đều được. Vì đều có pháp. Nếu việc Tam bảo sau đó sinh không phải duyên trước, Tam bảo và tạp duyên khác không khai. Vì vô tâm mà thọ, cho đến vì bày vật để thí. Sau khi thọ nhật, thọ thí xong, giữ người thọ giới lại cũng không nên ở. Vì không có phép nếu một nhà duyên chung, y theo tâm cho nên được.

Hỏi: Tăng trong giới này vì người bệnh, Tam bảo chỗ khác mà thọ nhật được không?

Đáp: Vì sinh thiện thì được

Hỏi: Tăng thứ lớp thỉnh được thọ nhật hay không?

Đáp: Luật chế hai lần thỉnh cũng được thọ chung.

Hỏi: Được thọ mà người khác xả thỉnh, có thọ nhật không?

Đáp: Tăng thứ lớp nên được, thỉnh riêng không được, vì chẳng phải tâm ban đầu của thí chủ.

5. Thọ lại, xưa giải thích trong một hạ khai ba pháp, sai đây không thành.

Nay nói: Được nhiều có trưng cầu, như sớ thuật, nhưng sự duyên đúng như pháp, bất luận bao nhiêu tất cả thông khai, nhất định là duyên phạm giới, một lần thọ không được, cho nên luật bày ra hơn hai mươi duyên.

Chỉ nói Phật chưa cho tôi bỏ việc như thế. Không nói không được lại đi. Lại y cứ làm việc. Ưa thích cha mẹ thì có bốn trọng, huống gì tạp thỉnh khác, liền bị hạn cục, Ngũ Phần chép: Nếu có thỉnh hay không thỉnh cũng phải ra ngoài giới. Tất cả cho thọ bảy ngày. Trong Thập Tụng nêu nhiều duyên bảy đêm. Văn nói: Nếu vì thân mình, hoặc vì thân người, hoặc không sai sử, hoặc sai sử thì nên đi. Cho mười bảy đêm, không cho hai mươi bảy đêm, nghĩa là một lúc hai điệp, hai mươi bảy ngày lần lượt trọng dùng. Nhưng kia có văn không thỉnh rộng ở Tứ Phần thọ lại không khai, văn không rõ, lý phải thông rõ.

Ngũ Bách Vấn chép: Thọ sáu ngày đi không đủ, bảy ngày trở về giới mình, sau đó lại đi, không cần thọ lại, đủ bảy ngày rồi mới thọ lại.

Trong Luận Minh Liễu nói được thọ, sớ giải nói. Trước xin bảy ngày việc xong về lại trong giới, ngày thứ tám lại xin bảy ngày ra khỏi giới mà ngủ. Luận này do Tam Tạng Chân Đế dịch, Trung quốc đích thân thừa nhận việc này. Thà được tự cầm một góc nhỏ, thấy thông bít ba ngàn Phật hóa?

Tôi đích thân thấy nghe người Trung quốc dịch ba tạng kinh và người Trung quốc đến nói: Phật diệt độ không có pháp trong một hạ ba lần thọ nhật, tùy việc như pháp đều khai. Ngoài ra rộng như trong sớ sao.

6. Y cứ theo sự ngắn dài. Dù làm việc trước chỉ một ngày hai ngày đều phải cần pháp bảy ngày. Luật nói: không kịp thì một ngày trở về cho thọ bảy ngày rồi đi. Ở một ngày cuối hạ. Cũng tác pháp bảy ngày, lập pháp định rõ, tác pháp nên như vậy. Nếu gần được trở về, do duyên qua đêm cũng phải thọ nhật.

7. Tăng ni khác nhau, trong luật Tứ Phần nói ni khai thọ bảy ngày không nói nhiều. Tăng-kỳ nói ni không có pháp yết-ma thọ nhật. Nếu việc tháp, việc tăng du hành thì thọ bảy ngày mà đi.

Gần đây, có người lạm đồng pháp tăng. Nhưng làm cho duyên đến ba pháp thọ nhật. Trong luật Tứ Phần không có văn, Tăng-kỳ đoán rõ đủ là chỉ về, không nhọc giải riêng. Cho nên khác nhau. Ni là người nữ yếu đuối không thể đi nhiều. Ngoại đạo thế tục hóa độ nghĩa sinh thiện rất ít. Nhưng khai bảy ngày cũng giúp duyên khác.

Tám việc xong, không đến có thành công. Do điệp duyên tạ, pháp cũng không thi hành thí mất pháp, tức phải trở lại giới. Không trở lại giới thì phá hạ. Luận Minh Liễu chép: Xin bảy ngày ra khỏi giới, rồi việc xong không trở lại, phá an cư phạm tội nhỏ. Luật Thập Tụng văn rõ không cho ở.

Ý của luật Tăng-kỳ cũng đồng.

Chánh gia pháp

1) Nói rõ pháp tâm niệm.

Luật Thập Tụng nói có năm loại người: là ở một mình tâm niệm thọ nhật, nếu trong giới có người chịu đến mà không đợi, thì tâm niệm không thành. Nếu đợi không được giới. Lại không có người đủ oai nghi thì tâm khởi miệng nói: tôi là Tỳ-kheo... này thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới vì việc này, cho nên trở lại đây an cư (nói ba lần). Đây gọi là không có Tỳ-kheo khai tâm niệm. Nếu có sa-di thì tác niệm nói xong lấy duyên sự, nay xin ra khỏi giới bảy ngày, nếu xong thì trở lại. Ông biết điều đó.

Luật Thập Tụng chép: lại năm chúng thọ nhật, bên năm chúng thọ. Y cứ theo đây phải là chúng cùng nhau làm, không thì nói như trước, Sa-di ấy thọ nhật như pháp riêng ở dưới.

2) Đối thú thọ pháp, oai nghi phải nghiêm trang, đối một Tỳ-kheo nói: Đại đức nhất tâm niệm, tôi Tỳ-kheo... nay thọ pháp bảy ngày ra

ngoài giới, vì việc..., trở về lại đây an cư (nói ba lần). Nhưng hai pháp tâm niệm và đối thủ các hộ có văn, chỉ khai thọ pháp. Tương truyền y cứ theo văn bạch yết-ma. Tuy chẳng phải nghĩa của lời Phật nói nhưng y cứ không mất. Nếu thọ bảy ngày mà chưa dùng, qua bảy ngày dùng cũng được, vì bổn duyên còn. Nếu không có pháp tạ, không đồng thuốc bảy ngày kia đã hạn đủ, bệnh chuyển cho nên mất. Nếu bệnh ấy còn thì pháp còn. Đáp: do Phật chế định, như luận nói: uống bảy ngày bệnh còn được tiêu.

Hỏi: Ở đây xin bảy ngày có được tính đêm không?

Đáp: Không được, vì văn nói đến ngày thứ bảy phải về, không đồng với Thập Tụng. Vì trong văn kia thọ bảy đêm. Lại không được sửa nói bảy đêm, vì bộ khác nhau không đồng, cũng không được bỉnh Tứ Phần yết-ma. Dùng việc Tăng-kỳ xong. Đây đủ như trong pháp biệt hành của các bộ.

3) Nói rõ các pháp: Duyên làm đồng với trước dùng chung, như làm xong việc là duyên nửa tháng, một tháng mới hợp với yết-ma, không đồng với người còn đêm, do không đồng thọ thêm bảy ngày, duyên sự quan trọng nhất định phải báo. Lý không đình chỉ bèn dẫn bảy ngày để kéo dài. Dùng một tháng yết-ma. Đây tự làm nhiễm ô tâm, giáo có trị phạt. Ngoài ra đồng với việc dịch trước. Nay trong gia pháp có bốn loại khác nhau.

Văn yết-ma hai nhà ít thấy. Thứ ba là việc soạn yết ma của Quang Sư tăng thêm phần từ xin, cả thế gian đồng thực hành. Việc phải lược thuật. Nay học chánh tông phải y vào luật bổn, e rằng bên trong khất từ tăng thêm phần yết-ma.

Luật nói: Như bạch yết ma tác pháp. Nay đã không giống, nên biết chẳng phải giáo. Lại các bộ đều không có văn xin, không được y theo chấp trước, chỉ nên theo cương thuận giáo mà tụng.

Hỏi: Dùng yết ma cũ thọ nhật có được hạ không?

Đáp: Lẽ ra thành tuổi, tuy tăng thêm khất từ mà yết-ma, Thái Tông không có lỗi. Thứ tư là người y luật làm ra văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lo cho Tỳ-kheo... thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày ra ngoài giới, vì việc... xong trở lại đây an cư.

Trưởng lão nào bằng lòng chấp nhận Tỳ-kheo tên... thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày ra khỏi giới, vì việc..., xong trở lại đây an cư thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo tên... thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày ra khỏi giới, vì việc..., xong

sẽ trở lại đây an cư rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc nên hành trì như thế. Pháp ngày một tháng y cứ theo trước, không được song tụng ngày 15.

4) Các tướng lựa chọn: nếu trong hạ nóng mà nhiều người thọ nhật, người đồng duyên thọ hai, ba người nên yết-ma cùng một lúc. Luật Thập Tụng khai cho. Nếu nương vào đại giới an cư, giới trường va trong tiểu giới khác thì không thành thọ nhật, vì chẳng phải là chỗ quan trọng của tâm. Nếu trước không có đại giới y vào già-lam kết, nếu sau kết hai giới, tùy theo giới thọ nhật đều thành, vì chẳng phải là chỗ đất quan trọng, dù vào giới trường không phá hạ mà lìa y, nếu vốn kết đại giới, tiểu giới ở già-lam lại y vào già-lam mà ngồi. Do Phật chế giới của y, nếu có thì không thành, thọ nhật không được. Chỉ được thâu lấy giới tướng, ngoài ra rộng như trong sớ, trên đây là nghĩa quyết, chẳng phải văn có.

****

THIÊN THỨ MƯỜI HAI: TÔNG YẾU TỰ TỨ

Chín tuần tu học (1 tuần 10 ngày) siêng năng tu đạo, trau dồi thân tâm. Nhiều người mê muội không tự thấy lỗi mình. Lý phải nên nhờ vào chúng tăng thanh tịnh chỉ dạy. Dù mình có tội, lúc tự tứ tăng nêu lỗi, bên trong rõ ràng không ẩn riêng, bên ngoài hiển bày có dấu vết.

Thân miệng ý nhờ vào người khác, nên gọi là Tự tứ.

Bởi vậy, bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Vì sao làm tự tứ?

Vì làm cho các Tỳ-kheo không cô độc, mỗi người nhớ lỗi phát lồ sám hối tội lỗi. Vì hết lời điều phục làm cho thanh tịnh, vì tự ý mình ưa thích không có tội, cho nên chế ra ở cuối hạ. Nếu nói ở đầu hạ sáng chế nhóm họp, sẽ đồng với khoản lập yếu chín tuần, đồng tu xuất ly. Nếu nghịch tướng cử phát, sợ thành oán thù tranh chấp, lần lượt đua nhau phế đạo loạn nghiệp, cho nên chế ra hạ. Cuối hạ, vì ba tháng sách tiến tu hành, đồng trụ tiến nghiệp, nhưng nói mỗi nơi riêng biệt tùy phương đến, ắt có nghiệp ác tự không thể một mình tuyên, lỗi chướng đạo sâu, nghĩa không che lấp. Cho nên phải thỉnh chỉ dạy, vì có việc này. Cho nên luật cho an cư xong tự tứ. Tỳ-ni Mẫu chép: trong chín mươi ngày kiên trì giới luật và tu các điều lành đều không hủy mất hạnh trong sạch. Cho nên an cư xong tự tứ.

Đây là tự nói tha hồ cho người khác nêu tội, chẳng phải cho tự tứ là ác. Đây Tuy hiển bày có người không biết lạm dùng, tựu trung chia làm ba.

1. Nói rõ tương ưng duyên nhóm họp.

2. Phương pháp tự tứ

3. Nói về các hạnh.

- Trong phần duyên nhóm họp lại chia làm hai

1. Nói về thời tiết: Nghĩa là có tháng nhuần, y vào nhuần an cư, ngày 15 tháng 7 tự tứ, không y theo tháng nhuần, theo Ma-đắc-lặc-già đủ chín mươi ngày thì tự tứ. Nếu tháng bảy nhuần thì tự tứ tháng 7 trước, chẳng phải an cư hạ trước, qua nhuần rồi đủ số chín mươi ngày thì tự tứ.

2. Nhân tranh luận thêm bớt tự tứ, như trong giới nói:

Tu đạo an vui kéo dài ngày tự tứ, được đến ngày 15 tháng 8. nhưng trong luật chỉ nói ngày 14, ngày 15 tự tứ. Cho đến trong phần y cấp thí phần thứ lớp thêm ngày 16 tự tứ. Trong phần thêm ba ngày trong ba tự tứ.

Luật nói: An cư xong tự tứ thì ngày 16 tháng 7 là cố định.

Luật lại nói: Tăng tự tứ ngày 14, ni tự tứ ngày 15, đây gọi là nương nhau hỏi tội. Cho nên chế ra ngày khác, và luận tác pháp ngày 3 thông dụng, khắc định nhất kỳ, nhất định ngày 16.

Nếu có nạn, như trong Ngũ Bách Vấn chép:

1/ Tháng tự tứ. 2/ Nói về ứng theo người đúng sai. Nếu người phá hạ không an cư, tuy không được tuổi hạ, còn cử tội nghĩa thông với lý nhất định, nương theo chúng tăng tự tứ, trị cử.

Luật Tứ Phần chép: Nếu người hậu an cư, theo người tiền an cư tự tứ trụ trì đủ ngày.

2/ Về phương pháp tự tứ, chia làm ba, tức ba người đến năm người trở lên, chia làm bốn:

1. Nói rõ duyên khởi tăng nhóm họp.

2. Tự tứ năm đức có tiến không

3. Ni đến thỉnh tội

4. Lược qua các việc

Trong phần duyên khởi tăng nhóm họp phải có từ năm vị tăng trở lên được bạch sai tự tứ. Phải hô chuông nhóm tăng. Mỗi người trải chiếu ngồi dưới đất, để cùng nhau cử tội. Vì ở trên giường tướng kiêu mạn không dứt. Luật nói: Không được ở trên tòa, không được ngồi dưới đất, phải lìa tòa tự tứ.

Luật Ngũ Phần chép: Đất bùn trải tòa cỏ mà tự tứ. Lại vén y bày vai phải, gối phải sát đất chắp tay. Trước dùng nước thơm rửa thẻ xướng số các lệnh đại đồng thuyết giới. Chỉ sửa đổi từ thuyết giới thành tự tứ. Cho đến sa-di cung phải nhóm họp ở tăng đường để đồng nghĩa với cử trị. Đợi xướng xong rồi mới bắt đầu được đi.

Cách tự tứ chỗ khác như biệt pháp có nói:

3/ Nói về năm đức có tiến không, chia làm hai:

1. Pháp sáu người trở lên

2. Pháp năm người

- Trong phần pháp sáu người trở lên lại chia làm bốn:

1. Chọn người đúng sai

2. Sai pháp chánh thức

3. Hành sự năm đức

4. Nghi thức đối tòa nói

1) Trong phần chọn người đúng sai, Luật Tứ Phần lấy đủ hai hoặc năm người nghĩa là không có thương ghét, sợ si, biết tự tứ, không tự tứ, đây gọi là năm đức tự tứ. Văn luật lai sai biết thời, không vì phi thời. Như thật không vì luống dối, lợi ích không tổn giảm, nhu nhuyến không

thô bạo, từ tâm không tức giận. Đây gọi là năm đức cử tội. Mục đích làm cho hòa hợp, không tranh cãi có tội, không sai lầm.

Muốn làm cho ở trước người sám hối thanh tịnh đức tốt bên ngoài sáng sủa. Cho nên có thể khuyên dụ lìa phiền não. Vì muốn xin vật cho vui không muốn phi pháp. Cho nên sai hai người. Văn trong Tứ Phần không rõ. Trong luật Thập Tụng, Tăng-kỳ đều sai hai người làm pháp. Trong Ngũ Phần thì hai người trở lên cho đến nhiều người.

Tam Thiên Oai Nghi nói: Phải sai hai người, vì tăng tự tứ xong, tự mình hướng về xuất tội, không đợi tìm cầu người khác tự tứ. Vì người khác tăng không sai. Nay người hành sự có chỗ sai riêng. Đây chưa giống với các bộ. Lại sai người trẻ tuổi đánh kiền-chùy, phần nhiều không sinh thiện. Thập Tụng và Tăng-kỳ thì sai Thượng tọa có đức, sai hạ tọa đến chỗ Thượng tọa tự tứ.

2) Gia pháp sai khiến: Phải Thượng tọa sai hai người trong chúng, cả hai người đủ năm đức, không cần phải gọi đến đứng trước mà làm. Đây là biệt chúng, thường thường như vậy, phải ngồi thẳng trên giường của mình. Người làm yết-ma cầu dục vấn hòa, cách ấy nói là:

Đại Đức tăng xin lắng nghe tôi là Tỳ-kheo... nhận dục tự tứ của người kia.

Người kia việc tăng đúng như Pháp gởi dục tự tứ. Luật này tự tứ khai dục, không đồng với các luật khác. Cho nên dạy: người làm phải biết. Vấn hòa, đáp yết-ma tự tứ cũng có chung riêng như trên. Nên nói: Đại Đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời mà đến, xin tăng bằng lòng cho. Tăng sai Tỳ-kheo... làm người nhận tự tứ, Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo... làm người nhân nhận tự tứ xong. Tăng bằng lòng im lặng, việc này cứ hành trì như thế.

3) Pháp năm đức hành sự: Sai rồi liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, oai nghi nghiêm chỉnh đến trước Thượng tọa, duỗi tay xuống đất bạch rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe, ngày nay chúng tăng tự tứ. Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho hòa hợp tự tứ, tác bạch như thế. Không nên đứng làm chúng riêng thì không thành. Nếu khi tăng sai người tự tứ, đáp rằng sai người nhận tự tứ, người yết-ma không được dùng chung pháp sau. Cho đến người năm đức đơn bạch trước hòa. Đáp rằng đơn bạch hòa tăng tự tứ yết-ma. Nếu trước đáp thẳng thì thông hòa hai pháp.

Kế nói rõ pháp làm tòa cỏ. Luật Tứ Phần chỉ nói lìa tòa, không nói tòa cỏ. Luật Ngũ Phần nói trải cỏ mà ngồi. Văn rõ y đó mà dùng. Lúc tự

tứ, trước phải tìm cỏ khô, mềm, tùy theo được bao nhiêu người, để trước Thượng tọa, đến chỗ người năm đức hòa rồi, sai người trẻ tuổi theo thứ lớp làm. Người kia đến trước Thượng tọa quỳ thẳng nhận rồi, cho đến hạ tọa, đại chúng đông người, vào ba người giúp làm. Mỗi người lấy rồi trải ở trước tòa. Nếu Đại đức chúng chủ trải cũng được. Người năm đức đến trước tòa quỳ thẳng thừa: Tất cả tăng trải tòa cỏ, vén y bày vai phải, quỳ gối chắp tay. (Tăng đều y theo và xướng).

4) Pháp nói rõ đối tăng tự tứ, Tăng Nhất A-hàm nói: Như lai đồng với chúng tăng ngồi trên tòa cỏ, bảo các Tỳ-kheo: các thầy mỗi vị đến tòa cỏ, ta muốn thọ tuổi, rộng như trong kinh.

Tân Tuế: Kế đến là pháp chánh đối tăng tự tứ.

Một người trong năm đức đến trước Thượng tọa trải tọa cụ quỳ xuống. Người thứ hai trong năm đức lần đến trước thứ tọa đứng. (Đây là văn của luật Tăng-kỳ). Luật Tứ Phần chép: Nếu Thượng tọa thấy người năm đức đến liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống vén y bày vai phải chắp tay, tất cả chúng tăng theo cách của Thượng tọa.

Luật Thập Tụng chép: Năm đức nhất tâm niệm, ngày nay chúng tăng tự tứ, con là Tỳ-kheo... cũng tự tứ. Nếu thấy tội, nghe tội, nghi tội, xin đại đức Trưởng lão vì thương xót con mà nói. Nếu con thấy tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần). Thượng tọa về chỗ của mình. Người năm đức đến trước Thượng tọa thứ ba đứng. Người thứ hai trong năm đức ấy đứng trước Thứ tọa, tác pháp đồng như trên. Như thế dần dần đến hạ tọa, tùy theo lời nói xong rồi trở về tòa của mình. Luật khai người bệnh tùy theo chỗ ở mà an trú. (Y cứ theo đây không bệnh xong phải tự tứ). Nếu hai người năm đức tự tứ. Tăng-kỳ nói người năm đức mỗi người đến chỗ mình ngồi nên tự tứ. Không được đợi tăng xong, sau đó tự tứ, tức phá pháp của luật Thập Tụng. Nếu chúng tăng nói xong, người năm đức đến trước Thượng tọa nói: Tăng nhất tâm tự tứ xong, liền như thường lễ rồi lui (văn Thập Tụng). Nếu người năm đức và tăng nêu tội sáu nhóm, hoặc tự cúi đầu nói. Tăng nên xem xét kỹ càng. Mỗi người y theo thiên mà trị xong, sau đó tự tứ. Nêu người khác cử tội, suy xét đúng sai, so lường sự tình, chẳng có việc lạm dụng không. Y vào luật ngăn cản mà trị. Nếu sự thật là phạm nêu cội gốc không rõ, lại trị báng tội (cũng như trong chúng cương). Người năm đức nêu tội, bất luận hư thật, do vì tăng sai. Lại có tính buông lung, nêu thì thành hư.

- Gốc dễ sai lầm, tuy hợp cũng bị ràng buộc. Tình ở nơi lìa ác. Cho nên không vào hạn trị, không đồng người khác. Tăng không sai liền bày tội, sợ lạm đến người thanh tịnh. Lại bên trong không có đức, phần

nhiều không biết thời, lại sinh gốc đấu tranh, đâu thành chúng yên ổn. Cho nên hư thì kết báng. Nếu tăng đủ hai mươi người, tùy theo phạm tội mà cử. Nếu năm người trở lên nêu việc được xuất tội, thì lại đình chỉ bạch, y cứ theo không giống như trong pháp bốn người nói.

Ba vị ni đến thỉnh pháp xuất tội, nếu không có ni chúng đến, y theo thường tự tứ, không cần đồng thuyết giới, hỏi ni có không.

Nếu ni đến, nên tự tứ, trước nói khiến đứng ở chỗ mắt thấy, tai không nghe, chúng tăng tự tứ nếu đến năm, ba người thì lượng thời sớm tối khiến ni được trở về. Thượng tọa dặn người năm đức đồng với trụ trì ni tự tứ. Phải bảo đến trong tăng lễ dưới chân, rồi sai nói ba việc thấy, nghe, nghi như trong phần biệt pháp có nói rõ. Đại chúng im lặng hồi lâu, Thượng tọa bảo ni rằng: Đại chúng thượng hạ mỗi người đều im lặng, người không nói thấy tội, là do ni trong không khuyết phạm, bên ngoài được thanh tịnh, mỗi người thanh tịnh, siêng năng hành đạo.

Cẩn thận đúng như pháp mà tự tứ, về chùa phải truyền lời dạy này nói cho ni biết, ngoài ra đồng với pháp ni. Đó gọi là pháp Bạch Nhật.

Thời nay phần nhiều ở đêm 14 hoặc đêm 15 tự tứ. Nếu ni ngày hôm sau đến hô chuông nhóm tăng, người không đến đòi dục, đại chúng nhóm họp rồi, ni đến trong tăng oai nghi như thường, thỉnh cầu ba việc. Ngoài ra, đồng như việc chỉ dạy ở trước.

Hỏi: Đây chẳng phải là phép của tăng, sao phải nhóm họp hết cầu đòi dục?

Đáp: Vì ni y vào tăng sai kháp cử tội. Nếu một người không biết thì không thành tự tứ. Cho nên Luật nói: Nếu tăng không đủ hoặc không hòa hợp thì sai hỏi lễ bái, không đắc pháp tự tứ. Chỗ đã có tăng, thông phải cử trị không lạm. Cho nên phải nhóm họp. Trong phần giáo giới ở luật Tăng-kỳ, vốn không có pháp yết-ma, cũng làm cho tùy duyên thuyết dục xong, sau đó giáo giới, ấy là pháp tăng, lý không nghiêng lệch, cho nên nay tăng ni tự tứ đồng là pháp tăng, y theo dùng không nghi.

Trong Bách Vấn chép: Cuối hạ ni đến thọ tuổi. Nếu hai ni trở lên thì được, còn một ni thì không được, vì ni một mình ra khỏi giới thì phạm tội trọng.

Nói rõ lược thuyết tạp hạnh, nói lược thuyết là: nếu có tám nạn duyên khác, như trong phần thuyết giới có nói. Phải lượng tăng nhiều ít, khó đến xa gần. Nếu tăng đông mà trời nóng vừa chật hẹp, minh tướng sắp mọc, thì phải sai người năm đức ở bên vài ba vị Thượng tọa nói ba lần. Ngoài ra, chúng tăng một lần nói liền thôi. Hoặc một người

thọ hai người tự tứ, quỳ xuống phải ở giữa, hai bên phải trái để lấy. Đồng thời phải một lần nói chỉ dạy làm cho đại chúng nghe biết. Luật nói: Không được lén nói ự tứ. Nay hoặc hai người có năm đức cùng một lúc mỗi người tự tứ, đó là phi pháp. Trong luật nói một lúc tự tứ thì náo loạn. Phật bảo mỗi người thứ lớp từ Thượng tọa tự tứ. Luật Thập Tụng nói. Phải theo Thượng tọa tự tứ, không được nghịch làm thứ lớp và làm người bố trí như pháp ích thực, đồng thời siêu việt xướng chung, v.v...

Luật Tứ phần chép: Nếu là cấp nạn như giặc thì không thể nhàn chậm. Người năm đức đến trước Thượng tọa quỳ bạch rằng: Nay có việc nạn không được nói một lần. Nên phải làm yết-ma mỗi người, nói ba lần.

Văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho tăng nay mỗi người cùng ba lần nói tự tứ, tác bạch như thế. Mỗi người liền đối với người khác nói ba lần. Văn đồng với pháp trước. Việc nạn đến gần, nếu muốn lại nói một lần cũng phải đơn bạch. Vì tự tứ này không đối với năm đức, tiến chẳng phải không có lý do. Cho nên phải yết-ma làm cho chúng đồng nghe. Chẳng phải loại trước, lược không cần cáo bạch. Vì đích thân đến chỗ người năm đức, nhiều ít lượng thời, vì được tự tại. Luật Tứ Phần nói có sáu loại được thuyết nạn thứ sáu, sơ cấp khai thẳng mà đi.

Hai là nói về tạp sự kết tiểu giới ngồi vòng tròn tự tứ. Việc đã ít, nên không xuất. Trên hết nói về pháp tăng sáu người, thuật đủ như trên. Kế nói về pháp chúng năm người đòi dục thì không khai. Hỏi hòa đáp xong liền bạch nhị sai. Một người năm đức xong, lại sai người thứ hai không được điệp hai người một lúc đồng pháp. Cho nên vì ngời không vào số tăng. Khi lấy tự tứ một người năm đức đồng ngồi với tăng, một người năm đức chuyển dần lấy tự tứ. Nếu đến chỗ ngồi hai người cùng nói. Ngoài ra đồng với pháp trước.

Bốn người trở xuống đến đối thú, phải họp hết cả giới trường, không được thọ dục, bốn người đối với một người nói riêng.

Các Đại đức nhất tâm niệm! Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... thanh tịnh (nói ba lần). Người khác cũng nói như trên. Nếu hai người đối thú, chỉ nói Đại đức nhất tâm niệm, ngoài ra từ đồng với trước. Nếu phạm tội ba-dật-đề trở xuống, bất luật tự nói nêu ra sám hối trước, rồi tự tứ sau. Nếu bốn người trở lên phạm pháp thâu-lan-giá, chỉ vào trong thuyết lan-già cho đến trong thuyết Tăng tàn. Vì trao nghĩa không trị phạt. Nếu y theo Thập Tụng bạch xong đợi tăng đủ như pháp mà trị, không nên phá tự tứ. Trong phần thuyết giới của Luật Tứ Phần nói tự

phạm tội, nên báo cho tăng, sợ ngăn thuyết giới, bảo tâm niệm phát lồ. Sau đó được nghe giới. Đã đủ là tịnh hạnh, chúng pháp nhiếp trị công bằng, y cứ theo dùng không ngại, lý phải hợp với điều phạm, vì chúng không đủ thì không được trị. Người khác thanh tịnh, trong đây miệng nói. Nếu người không thật kết phạm, tùy phạm ba lần ba-dật-đề.

Không đồng thuyết giới im lặng, vọng tùy tội kết cào.

Nếu pháp một người, luật nói: nên ở chỗ thuyết giới quét rưới nhà rồi trải ngồi. Dụng cụ như bình nước đầy, xà-la, v.v... đợi Tỳ-kheo khách. Nếu không đến nên đến trước tháp miếu oai nghi trang nghiêm, tâm niệm miệng nói: Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... thanh tịnh (nói ba lần), phạm khinh Đột-cát-la, tâm nệm sám hối xong tự tứ. Nếu cố phạm Đột-cát-la trở lên, nghĩa không trị phạt và phát lồ thì không hợp với nghĩa tự tứ. Ngoài ra y như trước.

3 Nói về tạp tướng.

Hỏi: Đối tăng tự tứ nói thấy tội sám hối đối thú tâm niệm đều nói thanh tịnh, vì sao?

Đáp: Trong tăng thông có nghĩa trị phạt, gia pháp để được đầy đủ. Người khác tuy có cử trị, nhiếp trị chưa có khả năng được hết.

Nhưng chỉ nói thanh tịnh cử tâm ứng tăng.

Hỏi: Tự tứ xong có được thuyết giới hay không?

Đáp: Theo Luận Minh Liễu trước thuyết giới, sau tự tứ.

Luật Tứ Phần: Tự tứ tức là thuyết giới.

Hỏi: Tự tứ được tác bạch trước người chưa thọ giới cụ túc không?

Đáp: Trong Luật bảo đến chỗ không thấy không nghe làm yết-ma tự tứ. Nếu không chịu tránh đi, tăng tự đến chỗ không thấy nghe mà làm. Trong luật nói nếu người khác. Và tăng tự tứ xong có khách đến, nếu ít thì nói thanh tịnh, nhiều thì nói là thuyết.

Nếu hai người tác pháp rồi lại có ba người, pháp tăng tự tứ. Hai người đến lại đồng đối thú. Như trước trình bảy rõ.

Hỏi: Ngày 15 tự tứ rồi được ra giới không?

Đáp: Không được, phá hạ lìa y vì phần đêm chưa hết, thọ nhật đủ đến ngày 15 tháng 7 cũng phải trở lại giới. Vì ban đêm không đắc pháp.

Văn nói: Đến bảy ngày trở lại.

Hỏi: Giới này an cư, tự tứ chỗ khác được không?

Đáp: Tăng-kỳ nói không được sẽ kết phạm tội.

Hỏi: Người tiền an cư tự tứ xong hạ phân chia được vật, người hậu an cư có được vật không?

Đáp: Luật bảo nhận vật, ngày khác phải đủ. Nếu chia phòng xá, đồ nằm cũng cho vì chưa đến cố nhận.

Hỏi: Một lần nói, hai lần nói tự tứ chẳng có nạn duyên có thành không?

Đáp: Không thành. Trong luật nói nhóm Tỳ-kheo, sáu vị một lần nói, hai lần nói, lén nói, nói nhanh, không ở chỗ tự tứ, đi mà không ngồi, hoặc không nói Phật quyết không nên. Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo trẻ không biết pháp tự tứ. Hòa-thượng xà-lê vời đến dạy. Nếu lại quên, thì nên nói từng câu. Hỏi tuổi trẻ dạy bảo như thế, còn người già thì sao?

Đáp: Cũng đồng với cách của tuổi trẻ.

Cho nên trong luật nói A-nan nhiếp chúng không có pháp, Ca-diếp quở trách trẻ tuổi, A-nan nói: nay tôi bạc đầu sao gọi là thiếu niên trẻ tuổi?

Đáp: Ông không khéo quan sát việc, nên giống như trẻ tuổi.

Người già ngu pháp há không ví ư?

Hỏi: Trong giới tiền hậu an cư, tự tứ là thế nào?

Đáp: Tùng an cư nhiều người tự tứ.

Hỏi: An cư xong cần lìa chỗ cư của mình hay không?

Đáp: Luật nói an cư xong không đi thì phạm tội.

Tỳ-ni Mẫu nói: Tỳ-kheo an cư xong nên dời chỗ khác, nếu có duyên không được đi thì không phạm.

Nếu người duyên không có ra khỏi giới một đêm, về lại không phạm.

Ngũ Phần nói: An cư xong không đi dù một đêm cũng phạm xả đọa. Nếu không tác bạch thỉnh hạn, nếu không nhận chỗ thỉnh thì được ở. Tăng Nhất chép: Bảo các Tỳ-kheo hằng một chỗ, chỉ có năm phi pháp, ý thích phòng xá, vật chất. Lại đắm trước tài sản, sợ người đoạt lấy, hoặc phần nhiều họp tài vật tham đắm, thường cùng người tại gia đi lại, trái với điều này được năm công đức.

Pháp y ca-hy-na: Luận Minh Liễu dịch là kiên thật, có thể hoặc nhiều y, y không bại hoại. Lại gọi là nan hoạt, vì người nghèo lấy sống vì nạn. Bỏ ít tài vào y công đức này hơn. Như lấy đại y Tu-di thì cho. Hoặc nói kiên cố, hoặc gọi là ứng phú, xưa dịch là y thưởng thiện phạt ác. Thưởng người tiền an cư, hậu an cư không được. Cũng gọi là y công đức. Vì tăng chúng cùng thọ y này lại được năm lợi công đức.

Tựu trung chia ra năm loại:

1. Thời tiết thọ y

2. Y thể đúng sai

3. Chọn người khác nhau

4. Phương pháp thọ y

5. Xả y tiếng không, đồng thời nêu ra các tướng.

1) Nói rõ lúc thọ y: Luật Tứ Phần nói: An cư xong nên thọ y công đức, thì người trên an cư ngày 16 tháng 7 thọ, đến ngày 15 tháng 12 xả. Cho nên văn nói: Đến tháng 4 mùa Đông xả. Như thế cho đến ngày 15 tháng 8, hằng ngày cũng được thọ y, cho nên văn nói, tức ngày đến không qua đêm. Nghĩa là ngày được y liền thọ, không được qua đêm. Cho nên luật Thập Tụng nói: Nếu ngày đầu tháng (còn là ngày 16 tháng 7) được y, tức là ngày thọ. Nếu hai ngày, ba ngày cho đến ngày 15 tháng 8 cũng vậy. Ngũ Phần nói thọ có ngày 30, xả cũng là ngày 30. Người kia chỉ được lợi bốn tháng, không đồng với Tứ Phần có năm tháng lợi.

Tỳ-ni Mẫu nói: Ngày 16 tháng 7 nên thọ, nếu duyên sự không kịp, qua ngày 15 tháng 8 thì không được. Trong lúc xả cũng giống đủ năm tháng xong, yết-ma xả. Người thọ vào ngày 16 tháng 7 được lợi một trăm năm mươi ngày. Người thọ ngày 15 tháng 8 được lợi một trăm hai mươi ngày, trung gian chuyển xuống có thể so sánh mà biết.

Thập Tụng hỏi: Thọ y công đức xong, quan làm tháng nhuần, tùy số ngày an cư lấy đủ, thì không được xếp vào nhuần.

2) Nói rõ y thể. Luật Tứ Phần nói: nếu được y mới, hoặc đàn việt cúng y, hoặc y phẩn tảo, sếp y mới tác tịnh. Nếu đã giặt xong nhận tác tịnh, tức ngày đến không qua đêm, không vì tà mệnh mà được. Không vì dua nịnh mà được, không vì tướng mà được, không vì kích phát mà được, không xả đọa. Người tịnh ứng pháp một vòng có duyên, năm điều là mười bức. Nếu quá số điều ấy, nên tự giặt nhuộm, căng ra sửa sang cắt làm mười bức may sửa.

Lại nói: Không được y nhuộm đại sắc, cho dùng mầu ca-sa. (Đây nói là không chánh sắc).

Luật Thập Tụng chép: Nếu không cắt, giảm lượng không xếp bốn góc. Nếu cũ mục nát, che đậy người chết, đến mồ mà lấy (Tứ Phần nói là y phẩn tảo, chẳng phải y người chết) và từng thọ làm y ca-hy-na thì không thành, nếu xếp lá y thì được thành.

Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: thọ ba y của Tỳ-kheo qua đời, thọ dụng ba y và y cũ thì không thành. Nếu khi cấp thí y thì y thành thọ. Luật Tăng-kỳ chép: chưa hề thọ dụng ba y được làm. Luật Ngũ Phần nói nếu giặt nhuộm may không đúng pháp, hoặc nhỏ, hoặc lớn, hoặc y gấm, hoặc chưa tự tứ xong mà thọ, hoặc tham lợi dưỡng cố xả, năm việc đều không thành. Trái lại với trên thì thành thọ. Luật Thiện Kiến nói: nếu y của

bảy chúng thì được thọ.

Hoặc trong ba y tùy thọ một, hai y thì được, luật Tứ Phần nói: phải vần bên, thắt làm móc thì được thành thọ.

3) Chọn người khác nhau. Trước nói về người thọ, sau nói về người trì.

Luật Tứ Phần chép: Không ở trước tăng mà thọ (nghĩa là cho người thế tục) Hoặc có nạn, hoặc không có Tăng-già-lê, hoặc tăng thọ y như pháp. Mà người kia ở ngoài giới, đều không thành.

Thiện Kiến nói: Người trên an cư được thọ. Nếu người hậu an cư phá an cư, tăng giới trường khác không được thọ lợi. Nếu chỗ này Tăng ít không đủ năm vị, thì được dự tăng ngoài thỉnh, tăng ngoài giới đủ số thì thành thọ. Tăng giới trường khác không được thọ lợi. Nếu trụ xứ có bốn Tỳ-kheo, một sa-di an cư gần xong, vì sa-di thọ đại giới được đủ số thành thọ. Người mới thọ giới cũng được năm lợi. Một Tỳ-kheo bốn sa-di cũng lại như vậy.

(Vì sa-di hạ tọa có công) Nếu trụ xứ tuy có năm người không giải mà thọ y được thỉnh, người ở giới trường khác biết pháp tăng đến làm yết-ma thọ y. Người ở giới trường khác tự không được thọ.

Luật Thập Tụng chép: Chư Tăng ở giới trường khác muốn thọ y, không thể được. Mỗi người giải giới của mình đồng kết thọ xong. Sau đó, kết riêng người xả thành xả, người không xả y vào lợi, người phạm Tăng tàn, người ở riêng học sám hối, người tẫn sa-di, v.v... không thành thọ.

- Nói về người trì y: luật Thập Tụng chép: Người giữ y đủ năm đức như không thương, v.v... nghĩa là biết được thọ hay không được thọ, phân minh rõ ràng. Luật Thiện Kiến nói: Nếu nhiều người đem đến y công đức nên thọ một y, ngoài ra đồng với vật rẽ nên phân. Vật nặng thuộc bốn phương tăng, nếu thì chủ nói trì ba y tác cho hết, người trì y tùy ý thì chủ. Nếu yết-ma y ca-hy-na cho y hư. Nếu y hư phần nhiều cho người già, trung niên y hoại. Nếu người già phần nhiều cho người lão trung nhiều hạ, không được cho người keo kiệt.

Minh Liễu Luận Sớ chép: Khi mới kiết hạ an cư, muốn thọ y ca-hy-na thì phải bạch tăng: Tôi muốn thọ y, Tăng xem người này không tham cất tài vật, có lòng từ bi, thích làm việc bố thí. Tăng có thể cho, nếu không như vậy thì không cần cho phép.

4) Phương pháp thọ y: Trước may pháp y, sau nói rõ cách thọ.

Luật Tứ Phần chép: Nếu được y chưa thành nên ở trong Tăng sai Tỳ-kheo bảo may. Nếu được thì thành. Nên thọ đúng pháp.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu y chưa thành nên gọi tất cả Tỳ-kheo cùng may thành, không được nói đạo đức làm giữ nạn. Chỉ trừ người bệnh không được may. Phải may lộn, cho nên phải siêng năng. Y này Chư Phật đều khen. Xưa, Phật Ca-diếp có một vạn sáu ngàn Tỳ-kheo vây quanh cùng may. Các bộ nói may y phải có pháp rõ ràng. Thời nay có người nhiều là đã thành. Có lược không xuất.

Nói về chánh thọ. Nên lấy lớp ngang hai thước một xuyết. Năm xuyết như thế bỏ ở trong rương ở trước Thượng tọa. Luật Tăng-kỳ nói nên gấp lớp y bỏ trong rương rồi rưới hoa lên.

Nói về hòa tăng thọ y: Nên hô chuông nhóm tăng, chọn người phá hạ, người không an cư, người phạm Tăng tàn. Những người này bảo ngồi một chỗ. Vì không đồng thọ y. Ngoài ra người hợp thọ cùng ngồi một chỗ. Tuy ngồi riêng hai chỗ, phải đồng chúng pháp, tức phải đợi dục hỏi hòa đáp nói yết-ma thọ y ca-hy-na. Thượng tọa bạch rằng.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe: Hôm nay, chúng tăng thọ y công đức, nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay hòa hợp thọ y công đức, tác bạch như thế. (bạch như thế xong cho hai Tỳ-kheo nên hỏi rằng ai giữ được y công đức) (Đáp: mỗ giáp giữ được.)

Nên làm yết-ma rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe ! Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho, tăng sai Tỳ-kheo... vì Tăng mà giữ y công đức, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe ! Tăng sai Tỳ-kheo... vì Tăng giữ y công đức, Trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo... vì Tăng giữ y công đức thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo... vì tăng giữ y công đức rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thọ trì như thế. (Người kia đứng khỏi dậy chỗ ngồi lễ chân tăng, ở trước Thượng tọa quỳ chấp tay, phải yết-ma giao y cho).

Đại Đức Tăng xin lắng nghe ! Trụ xứ này tăng được chia y, nên chia y cho hiện tiền tăng. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho, Tăng giữ y cho Tỳ-kheo... Tỳ-kheo này phải giữ y này, vì tăng thọ làm y công đức, ở trụ xứ này giữ, tác bạch như vậy. Đại Đức Tăng xin lắng nghe. Tăng ở trụ xứ này được chia y, nên chia cho hiện tiền tăng, nay Tăng giữ y này cho Tỳ-kheo... Tỳ-kheo này phải giữ y này vì tăng thọ làm y công đức, ở trụ xứ này giữ. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng giữ y này cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo này phải giữ y này vì Tăng thọ làm y công đức, giữ ở trụ xứ này thì im lặng. Ai không bằng lòng thì nói, Tăng đã bằng lòng giữ y này cho Tỳ-kheo... Thọ làm y công đức rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thọ trì như thế. Người kia nên

đứng dậy cầm rương y đến trước Thượng tọa quỳ thẳng đội đầu rồi trao cho Thượng tọa. Thượng tọa cũng đội đầu. Như thế ba lần, lại đặt rương trước Thượng tọa. Tay trái bỏ trừ hòa rồi, tay phải cầm y bỏ trong tay trái hai thước cho phép lại lấy một lớp. Như thế bốn lớp đều đặt trong tay trái đến trước Thượng tọa. Thượng tọa thấy đến liền quỳ xuống duỗi tay ra, tay phải người ấy lấy lớp vải trao cho Thượng tọa. Lại đi thu xếp đưa cho Thượng tọa thứ hai. Như thế lại đi hết đệ tử Thượng tọa. Người kia giao phó y xong lại đến phía dưới Thượng tõa thứ hai, tay cầm y miệng nói: y này chúng tăng sẽ thọ làm y công đức. Y này nay chúng tăng thọ làm y công đức. Y này chúng tăng đã thọ làm y công đức (nói ba lần). Các Tỳ-kheo kia nên nói rằng: Người thọ này đã kheo nhận, trong đây tất cả công đức, danh xưng thuộc về tôi. Mỗi người nói như thế xong, đáp nói vậy.

Lúc đứng đây, đến trước Thượng tọa đệ tử tay phải cầm y để trong tay trái. Như thế bốn lần nhiếp lấy xong. Đến trước Thượng tọa thứ năm lại như cách của Thượng tọa đệ nhất. Như thế cho đến hạ tọa xong, trở về đến trước Thượng tọa cầm y hướng về Tăng quỳ xuống bạch: Nay tăng hòa hợp thọ y công đức đã xong.

Nói về tạp tướng xả y, trong luật Tứ Phần chép: Cho bằng tháng tư mùa Đông nên ra. Có hai loại xả:

1. Tỳ-kheo giữ y công đức ra ngoài giới ngủ.

2. Chúng tăng hòa hợp ra.

Lại rộng rõ ra phải tầm mất pháp xả. Nay nói người hòa hợp ra.

Luật nói: Tăng nhóm họp hòa hợp, người chưa thọ giới đã ra, người không đến có thuyết dục, nay tăng hòa hợp để làm gì ?

Đáp: Yết-ma xuất Y công đức.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe, hôm nay chúng tăng xuất y công đức. Nếu Tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay hòa hợp xuất y công đức, tác bạch như thế. Tăng-kỳ nói có nhiều cách xả, đến ngày 15 tháng chạp không xả, đến ngày 16 tự nhiên xả. Các bộ khác có tám loại, mười loại. Mỗi bộ hễ trái với bổn tâm đều thành xả.

Kế nói về năm lợi thông bít. Trong luật nói thọ y này nên cất chứa của cải lâu dài lìa y ngủ, trái thỉnh ăn biệt chúng.

Trước khi ăn, sau khi ăn, đến nhà người, mỗi người tùy tướng nói rõ.

Chứa y lâu, bắt đầu từ sau ngày 16 tháng 7 thọ, đến ngày 15 tháng 12 một lúc thuyết tịnh, ngoài ra có thời phi thời nhiếp nhau, cũng như tùy tướng thuyết Kinh Tư Ích chép: Bồ-tát có bốn pháp, không có điều

gì mà sợ, oai nghi không thay đổi.

1 Mất lợi

2 Tiếng xấu

3 Hủy nhục

4 Khổ não

Được lợi tâm không cống cao, mất lợi tâm không lo mất, trong tám pháp tâm ấy bình đẳng, vì quyết định nói tội phước nghiệp không mất.

Tứ Phần Luật San Phồn bổ khuyết hành sự sao quyển thượng hết.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

Người trước thuật phần nhiều đặt tên
nói lên chỗ khác nhau.
Sa-môn Thích Đạo Tuyên chùa Sùng Nghĩa
ở Kinh Triệu biên soạn.

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 1)

THIÊN THỨ MƯỜI BA: THIÊN TỤ DANH BÁO

Xuất tục năm chúng sở dĩ là ruộng phước tốt của thế gian. Thật vì do giới thể.

Cho nên Trí Luận chép: Thọ trì giới cấm làm tánh, cạo tóc xuất gia là tướng, nay nếu tâm ấy mãi mãi trong sạch, người tốt đẹp thấm nhuần đức ấy mới có thể sinh ra loại thiện, gọi là ruộng phước. Không như vậy thì dù chống cự, tự để lại sự lo lắng của y, liền chuộc tội của sáu nhóm. Quả báo vào mười sáu địa ngục, cho nên ngũ thiên nói là phạm.

Trái với phạm trì hạnh tự thành bảy nhóm. Rõ trì, thuận trì các phạm mất sâu xa. Mà người mới học phần nhiều là kẻ ngu, chưa biết điều lệ. Thà biên hiến chương tùy giới, hôn mê mờ mịt, tội báo lớn như biển.

Dẫn đến thuận dòng đi mãi, tham giọt mật mà quên đường về, trở thành nghiệp nặng, đâu siêu ngộ mà biết trở lại, cho nên luận Tỳ-ni Mẫu chép: Tăng ni hủy giới cấm mà thọ lợi dưỡng, không có người hiện tại thọ, vì hướng về địa ngục. Nhưng nghiệp tùy tâm mà kết, quả báo theo tâm mà thành, chắc chắn trước phải phô trương nhân quả, làm cho người con Phật trì giới xem quả biết nhân.

Tựu trung trước nói hộ giới là tông trái mất, sau nói tướng thiên tụ danh báo.

Trong phần nói về hộ giới, sở dĩ người phạm giới quả báo tội nghiệp rất lớn là vì giới hộ sinh thiện, phải xây dựng công cương, đừng

làm cho trái tổn, mà chiêu quả báo nặng. Luận Minh Liễu nói hộ giới có nhiều loại. Lại dẫn lược nói, nghĩa là ở tâm gọi là hộ, ở thân miệng gọi là giới. Có hộ không nhất định có giới, có giới hẳn là hộ. Trong kinh Phật khen người được giới hộ có nhiều chương cú. Lược thuật có tám loại.

1/ Như vua sinh con được dân kính mến, người được giới hộ sinh khởi hạt giống thánh, sau này chắc chắn được làm Thánh, như nối ngôi vị vua.

2. Như trăng sáng dần dần tròn đầy, giới hộ cũng giống như vậy. Các công đức bất cứ lúc nào cũng thêm lớn, cho đến được giải thoát tri kiến.

3/ Như người được hạt ngọc như ý, theo lời nguyện có kết quả. Người được giới hộ muốn sinh về điều lành cho đến bồ-đề, chắc ch8án sẽ được.

4/ Như con của vua thích nối ngôi, người được giới hộ, vì giới hộ nên chắc chắn được thành Thánh, lý phải ưa thích không được hủy tổn.

5/ Như người một mắt rất yêu quý mắt đó. Người này cũng vậy, do giới hộ nên được lìa sinh tử, đạt được niết-bàn.

6/ Như người nghèo ở đời thích tư lương, vì thích giới này nên được tuệ mạng.

7/ Như quốc vương ba việc đầy đủ nên yêu thích nước này.

1/ Đủ tài. 2/ Dục trần. 3/ Chánh pháp. Người được giới hộ cũng như vậy: trụ trong giới hộ, vô lượng công đức, tâm an không lo phiền, chánh pháp thêm bền chắc.

8/ Như người bệnh được uống thuốc hay, giới hộ cũng như vậy, không nên xả bỏ. Do đây lìa tất cả điều ác. Nhân duyên như vậy công nghiệp rất nặng, không thể khinh phạm mà sinh ra tội lớn.

2) Bày danh thích vị, chia ra hai loại khác nhau.

Trước nói về thiên tụ, sau đó nói về quả báo.

Trong phần thiên tụ có năm thiên bảy tụ, y cứ nghĩa có sáu phần.

Chính kết tội khoa chỉ thọ sáu pháp. Ngày nay y vào sáu tụ để giải thích tên.

1. Ba-la-di
2. Tăng-già-bà-thi-sa
3. Thâu-lan-giá
4. Ba-dật-đề
5. Ba-la-đề đề-xá-ni
6. Đột-cát-la

Sáu tên gọi trên đây đều không dịch đúng, chỉ dùng nghĩa dịch, lược biết đường lối.

Trước nói về Ba-la-di, Luật Tăng-kỳ nói nghĩa phải cực ác. Dịch ba ý:

1. Lui mất do phạm giới này, đạo quả không có phần.

2. Không được ở chung, chẳng phải mất đạo mà lui lại không được vào hai loại số tăng.

3. Đọa lạc, xả thân này rồi đọa địa ngục A-tỳ.

Luật Thập Tụng nói: "Đọa vào chỗ không vừa ý".

Tát-bà-đa bộ giải thích: Do đấu tranh với quỷ, vì phạm giới này nên đọa phụ xứ.

Luật Tứ Phần chép: Ba-la-di: Thí như người bị chặt đầu, không thể mọc lại.

Nếu phạm pháp này thì không thành Tỳ-kheo, đây là theo hành pháp chẳng phải dùng làm tên.

Lại nói: Ba-la-di nghĩa là không gì bằng. Đây là theo chúng pháp không có phần làm tên, cho nên kệ nói.

Người làm các điều ác, giống như thây chết kia, không ai thèm nhận lấy, vì bởi phạm giới này.

Lại gọi là bất cộng trụ, vì không được thuyết giới yết ma ở chung trong tăng.

Hỏi: Trên đã nói nếu phạm giới này gọi là đứt đầu, y cứ theo đây mà nói là không phạm trọng, giới cũng không có.

Đáp: Giới có không ở đây đi vào tranh luận, trong tâm tạp hiểu.

Có giới chẳng phải không, nếu nói về phạm trọng, luật có nói rõ, tùy phạm nhiều ít, mỗi một Ba-la-di, thiên này trước hết bốn giới đầu tiên, mỗi giới đều khác nhau. Tùy trọng phạm dâm, chúng phần nhiều là trọng phạm. Còn đạo, sát, vọng trọng phạm cũng như vậy. Đây gọi là biệt giải thoát giới. Do cảnh duyên riêng nên được giới khác nhau, cho nên sau khi phạm lại tùy phạm riêng.

Như Tát-bà-đa nói: Thà có thể một lúc phát tất cả giới, chứ không thể một lúc phạm tất cả giới. Lại như giới dâm, trên thân người nữ phát được hai mươi mốt giới, trên thân người nam được mười bốn giới. Còn trong pháp giới nam nữ cũng vậy. Nay hoặc tâm tham phạm một nữ một đạo, chỉ gọi là nam nữ cũng vậy. Nay hoặc tâm tham phạm một nữ một đạo, chỉ gọi là ô nhiễm một giới, dâm thể sáng suốt trong sạch, không thực hành có thể trái, xứng bổn thọ thể. Như sám hối thiên đầu còn được thanh tịnh, không nói thọ lại. Do có bổn giới. Lại như luật nói: Tỳ-kheo

phạm trọng, hủy báng đều kết tội đọa. Nếu người không có giới chỉ đồng với cát-la.

Hỏi: Phải đủ số hay không mới gọi là đọan đầu?

Đáp: Sám hối vốn thanh tịnh, lý phải đủ số. Như được làm yết-ma tự tứ, thuyết giới, v.v... chỉ do tính lỗi sâu dầy, không đảm nhiệm Tăng dùng. Cho nên nói: Đến chỗ không vừa ý, dụ cho đọan đầu. Đây mong mà không bước lên thêm quả Thánh.

Hỏi: Giới dâm dù bị ô nhiễm, chỉ gọi là phạm giới, trích ở văn nào? Đáp: trên đã chỉ rõ, lại bày rộng tướng, như nói trong pháp sám ở dưới, giới thể định ở thường hằng thanh tịnh. Trong đời có người phạm một giới dâm, ban đầu sợ hãi, sau đó lại nghĩ cho là mất giới, liền giận đồng theo lỗi đều phạm, há không phải do ngu si đối với giáo cương tự chôn vùi trong dòng thế tục, đâu biết chỉ phạm một giới dâm, các giới dâm đều không phạm. Thiên sát đạo thường thanh tịnh nghiễm nhiên. Năm tụ dưới nghĩa đồng với lúc trước thọ, cho nên bọn đồng pháp, lý phải xét rõ.

Nếu trước trang nghiêm thanh tịnh, thức gá vào đời với năm trần dục nhiễm không sinh, do phương tiện trước. Nếu trước chẳng thu nhiếp, đối với cảnh chẳng thể không phạm. Đã phạm thì nghiệp thành, phải không ngăn che. Sớm trở lại thành vốn thanh tịnh, tiến vào các tăng. Nếu mê lầm các điều trên, hoặc tự ôm ấp không tham gia việc chúng, tài pháp đều mất, lại bụng ưa thọ dụng, mình người đều đọa, há không buồn sao? Cũng không lầm sao?

Hỏi: Luận Minh Liễu giải thích: bốn giới trọng này hễ hủy bất cứ một giới nào, thì các giới khác phân dùng không có lực. Như trong thân người bốn chỗ đã chết, hễ tổn một chỗ thân mạng chết ngay, do năng lực của giới yếu không phát sinh định tuệ.

Thập Luận chép: Nếu phạm bốn giới trong hủy pháp báng Thánh, khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Người như thế đối với một thân không thể kết hết, chắc chắn đọa đường ác. Nếu có người ở trong pháp ta xuất gia trì giới căn bản thường siêng năng mạnh mẽ, tất cả sự cúng dường đều không luống thọ. Vì sao? Vì chí cầu giải thoát, cho đến xả thân mạng đều không hủy phạm. Vì sao? Vì bốn căn bản, ba thừa y theo mà trụ. Trong Tứ Phần của Ni có tám giới Ba-la-di, bốn giới trước đồng với tăng, bốn giới sau như có nói riêng.

Luật Thập Tụng chép: Trong phạm không đồng luật này

Tội đồng tên thì có trọng phạm. Tội đồng loại thì không trọng phạm. Đây là nói theo thiên đầu.

Văn nói: Sa-môn học hối phạm Tăng tàn làm cho thứ lớp trong tăng hành phú tàng sáu đêm mới xuất tội. Ngoài ra như trong bộ khác như Luận Minh Liễu nói: Trong luật nói tội có năm bộ.

Giải rằng: Ở đây là thiên, nay y vào bổn nghĩa lập tên bộ.

Có hai nghĩa.

1. Nghĩa thành tự căn bản

2. Nghĩa thuận theo căn bản

1. Thứ nhất Ba-la-di có mười sáu tội:

Giải rằng: Mỗi giới đều có bốn bộ thành mười sáu tội.

1. Phương tiện xa: Như khi hành dâm, trước khởi tâm chưa động thân miệng trách tâm liền diệt.

2. Thứ lớp phương tiện, nghĩa là động thân thì miệng nói muốn làm. Đây là đối trước người sám hối diệt tên chung với cát-la.

3. Phương tiện gần. Đến bên người kia, hoặc muốn xoa chà đụng chạm thân, chưa giao hợp trước là Thâu-lan-giá không thành Tăng tàn, nay tối đối trước người mà sám hối.

4. Thân giao hợp là căn bản

Ba phương tiện trước đều thành tựu nên gọi là tên bộ.

Nếu căn bản chưa thành ba điều trước có thể sám hối. Nếu đã thành tựu ba điều trước chạy theo căn bản đều không thể sám. Đây chính là nghĩa thuận theo. Còn ba điều lệ của bộ này, trong Tứ Phần chỉ nói thành là Ba-la-di, không thành là thâu-lan-giá. Nếu y theo Thập Tụng thì thâu-lan-giá có chia ra nặng nhẹ. Trong Luận Minh Liễu chép: chỉ kết một phẩm. Xong, thâu-lan-giá và Đột-cát-la thể là chung, tất cả đều phải biết. Như trong pháp sám có nói.

2. Tăng-già-bà-thi-sa tụ: Luật Thiện Kiến nói: Tăng-già là Tăng, bà là ban đầu. Nghĩa là trước tăng cho yết ma Phú Tàng, nói thi-sa nghĩa là tàn, nghĩa là cuối cùng cho yết-ma xuất tội. Nếu phạm tội này tăng làm pháp trừ bỏ, theo cảnh mà lập tên.

Bà-sa nói: Tăng-già nghĩa là Tăng, Bà-thi-sa là Tàn. Nếu phạm tội này ô nhiễm ràng buộc hành nhân, chẳng hoàn toàn thanh tịnh. Vì tội có tàn do tăng trừ diệt. Trong Tứ Phần chỉ nói rõ Tăng tàn liền thành giải thích trên.

Lại nói: Ngoài ra vì hành pháp không dứt gọi là Danh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Tăng tàn là như người bị người khác chém, cổ họng sắp bị đứt cho nên gọi là Tàn, lý phải cứu sớm.

Cho nên giới luật nói: Nếu phạm tội này phải cưỡng cho ba-lợi-bà-sa. Vì gần với tội trọng. Nếu y cứ về loại thì có mười ba loại. Tăng

như tùy tướng. Ni có mười bảy, sáu dị bảy đồng. Nói rộng như ở phần biệt thuyết.

Luận Minh Liễu giải thích: Tăng-già-bà-thi-sa thứ hai có năm mươi hai tội. Các bộ nói tội này khác nhau. Đây là Chánh Lượng bộ tên có ba nghĩa: Tát-bà-đa xứng với Tăng-già-bà-thi-sa có một nghĩa đồng với Chánh Lượng bộ.

Giải thích rằng: Do giới mà thấy mọi người hòa hợp, đây là nghĩa Tăng-già. Do hai sự không đồng không do định tuệ mà Phật lập giới.

Cho nên nói giới đồng, đồng một chánh kiến, cho nên nói kiến đông.

Bà-thi-sa nghĩa là Tàn. Nếu phạm tội này, trong tăng nhận phòng xá, lợi dưỡng, thượng trung hạ ở ngoài ấy nên gọi là Tàn.

Ma-na-thùy dịch là Duyệt chúng ý, thuận theo tăng hay đều khởi tâm vui mừng. A-phù-ha-na dịch là Hô nhập chúng, chánh lượng bộ và Chi-thi-sa có ba nghĩa.

1. Như trước đã giải thích.

2. Nghĩa cứu: nghĩa là do tăng cứu giúp nên thoát khỏi tội này.

3. Nghĩa thắng: Khi hướng đến phạm tội thì thành người thấp hèn.

Do tăng cứu giúp lại được thanh tịnh, từ thấpp hèn trở thành cao quý.

3. Nhóm Thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến nói: Do Thâu-lan dịch là Đại (to lớn), Già nghĩa là ngăn thiện đạo. Sau này đọa đường ác, thể là ô uế. Từ thể bất thiện để đặt tên. Vì có thể thành tội của hai thiên một và hai, lại dịch là tội lớn. Cũng dịch là thô ác. Thanh Luận nói: Chánh âm là Tát-thâu-la. Luận Minh Liễu giải thích Thâu-lan là thô, già là tội lỗi. Thô có hai loại:

1. Là phương tiện

2. Có khả năng làm cho dứt mất gốc lành, nên gọi là lỗi, vì y theo giới do Đức Phật lập ra mà thực hành cho nên nói là lỗi, như trâu đạp bờ rào phá ruộng vườn. Song lỗi trên cũng thông. Tội này trước hết phạm gọi là lỗi. Sau đó, từ ban đầu mà thọ tên. Như trâu sau theo trâu trước cũng được qua cõi.

Nhưng một tụ Thâu-lan-giá, tội gồm có chánh và tùng. Thể gồm khinh trọng. Luật bày có bảy tụ, sáu tụ đều bao gồm thâu-lan-giá. Hoặc ở trên dưới, ép có lý do. Trong luật hoặc chấp là Tăng tàn. Sau đó, do giới phân nên thâu tội gọi là trọng. Như hai thiên đầu phương tiện xa gần. Chính là loại độc đầu. Chánh tội phá tăng ăn trộm. Hoặc ở dưới

đề-xá-ni, chính là oai nghi được nhiếp, tội gọi là Khinh. Như thiên thứ hai phương tiện xa là tội khinh, độc đầu nghĩa là ví dụ khỏa thân dùng tóc. Nhưng giới và oai nghi chung riêng nêu qua lại. Chung thì giới, giới đều phi oai nghi, đều gọi là phạm giới. Nếu y cứ riêng để luận, thì ba thiên trên lỗi tương thô, có thể trị nên gọi là giới, bốn lỗi dưới nhẹ, có thể sửa và thực hành nên gọi là oai nghi.

Nếu y cứ chia đều, thì bốn giới trước chẳng phải không có chánh quả, hai giới dưới là tạp, chung cho cả khinh và nhân. Nhưng nặng trong tạp thâu-lan-giá nên xếp vào thứ năm.

4. Bốn tụ ba-dật-đề, nghĩa dịch là đọa, Thập Tụng nói đọa vào chỗ thiêu đốt địa ngục tối tăm. Tứ phần nói tăng có một trăm hai mươi loại phân lấy ba mươi giới. Do tài của mà sinh phạm, tâm tham lam kiêu mạn chế xả bi vào tăng nên gọi là Ni-tát-kỳ, còn chín mươi đơn hối người khác. Nếu y cứ vào thể của tội thì đồng một phần sám, ni có hai trăm lẻ tám giới. Thiên thứ ba, ba mươi xả đọa, ngoài ra nhập vào sám khác. Chủng tướng đồng khác như hiển bày riêng.

Xuất Yếu Luật Nghi nói: Ni-tát-kỳ, cựu dịch xả đọa. Thanh Luận chép: Ni dịch là tận, Tát-kỳ là xả, ba-dật-đề bổn gọi là ba dược.

Luận Minh Liễu giải thích: Ba-dật-đề, Bộ Ni-kha nói có ba trăm sáu mươi tội. Chánh Lượng bộ dịch là ứng công dụng. Giải có ba nghĩa.

1. Tội nhiều sâu kín khó biết tốt xấu
2. Tánh tội và chế tội
3. Thích huỷ phạm. Phải làm công dụng đối trị chớ để thấm nhuần khắp. Tát-bà-đa nói: Ba-la-da chất-chi-kha, dịch là ứng đối trị, thường phải suy nghĩ, nếu phạm liền biết. Thượng tọa bộ nói: Ba-chất-chi-kha, Hán dịch là năng thiêu nhiệt. Tội này đọa vào địa ngục kiếu hoán (la lối) nhân lúc tâm có thể bị lửa nóng, quả thời có thể đốt cháy chúng sinh. Chỉ có ba bộ có hai phương tiện, ba mươi. Chín mươi nên có một trăm hai mươi tội, không có thâu-lan-giá, có hai Đột-cát-la.

5. Nhóm Ba-la-đề-đề-xá-ni: dịch nghĩa là hướng về người kia sám hối, từ cảnh đối trị để đặt tên, luật Tăng-kỳ chép: Tội này phải phát lộ. Tức so với trong giới bổn luật nói đủ về bốn hối quá. Tăng có bốn loại như trình bày ở dưới. Ni có tám loại, hoàn toàn khác với Tăng. Luận Minh Liễu giải thích: ba-chi-đề-xá-ni bộ có mười hai tội, dịch là có đối ứng thuyết, nghĩa là những điều nói với người đếu thành nghiệp.

6. Nhóm Đột-cát-la: Luật Thiện Kiến chép: Đột là xấu ác, cát-la là làm. Thanh Luận Chánh âm đột (dời chớ trái lại) là túc cát túc đa.

Tứ Phần Luật giới bổn chép: Thức-xoa-ca-la-ni, dịch nghĩa Ưng đương học, vị tăng Ấn-độ nói là giữ giới, tội này vi tế, giữ rất khó. Cho nên tùy theo học, tùy theo giữ mà đặt tên.

Luật Thập Tụng nói: Dùng thiên nhãn thấy Tỳ-kheo phạm tội như mưa trút. Há chẳng chuyên quen nơi tâm. Nên gọi là giữ giới. Luật này có một trăm chúng học, pháp ni đồng với đại tăng. Trong bảy nhóm phân một bộ này thành hai nhóm. Thân gọi là ác tác, khẩu gọi là ác thuyết. Hoặc nói Đột-cát-la ác thuyết, nhất định có giải và quyết đoàn như sớ thuật.

Luận Minh Liễu giải thích: Chẳng phải thuộc về bốn bộ, còn các tội khác cùng học đối, và luật Ba-tẩu-đẩu nói là tội. Tất cả đều thuộc về bộ độc-đa-kha thứ năm. Đây là tên Chánh Lượng bộ, vì chẳng khác thân khẩu nghiệp, ý dịch là ác tác. Hai bộ Tát-bà-đa nói: Đột là sắt-kỷ lý-đa, thân khẩu nghiệp dịch là ác tác, đồng dịch một tên mà nghĩa lại khác, chia về nặng nhẹ, nặng gọi là độc-kha-dà, nhẹ gọi là học đối. Âm Phạm là Thức Xoa-kha-la-ni, âm đời ở Trung Quốc là tức-khứ-kha-la-ni, đồng dịch là Học đối. Nếu không động thân miện là khinh, tâm mong cầu liền diệt.

Nếu động thân miệng là trọng, đối người mới diệt. Lúc này không giải phân biệt nặng nhẹ tên thông nên người học sai lầm.

Nếu chỉ tâm địa khởi, không có phương tiện. Nếu động thân miệng có hai phương tiện xa và gần. Nếu sám căn bản phương tiện theo đó diệt trong tội tâm trách nặng. Tội khinh chỉ nói không nên khởi tâm như thế. Ấy gọi là trách tâm sám pháp, cũng dùng chung ở dưới.

Tứ Phần giới luật nói: Buộc chặt hai trăm năm mươi giới làm cương yếu. Trên hết y vào thiên tụ để trình bày đầy đủ. Dịch thô danh mục còn không hết.

Hai Pháp bất định ấy nhờ cảnh để nói thông sáu nhóm. Nếu nói về thể của tội thì sinh nghi không tin là Đột-cát-la. Văn rõ ràng ba tội, hai tội, lược nêu việc sinh nghi, rộng ra như sớ thuật. Trong bảy pháp diệt tránh tội cũng không có, chỉ cạnh đua với bốn tịnh, vì hai bên chưa hòa chế thuốc bảy ngày để dứt bỏ, văn nghĩa đã rộng, lý tướng lại sâu xa. Nhọc nhằn tuyên thích đều chưa cùng tận, cho nên lược mà không thuật, nhưng tăng ni đồng số cùng thành giới chung.

Hỏi: Năm thiên bảy tụ nghĩa gì li hợp? Nay chỉ nói rõ là sáu tụ?

Nói lập năm thiên, trong luật Tăng-kỳ chép: phải rõ về Tông, chỉ nói năm loại phạm, năm loại chế, năm phạm tụ, sáu tụ, bảy tụ tức là văn dưới của Tứ Phần, nay lại chia năm, bảy loại khác nhau. Đầy đủ có

ba nghĩa thì vào trong năm.

1. Danh đều
2. Thể đều
3. Rốt ráo đều.

Không đủ ba nghĩa này thì xếp vào tụ, mà sáu, bảy sai phân cũng có ý nghĩa. Trong sáu hợp Đột-cát-la vì đồng thể. Trong phần bảy lìa ác thuyết vì tội nhiều.

Hỏi: Tình hình bảy sáu tụ gọi là thể, xin cho biết danh tướng về năm thiện bảy tụ thế nào?

Đáp: nói năm thiên là:

1. Ba-la-di
2. Tăng tàn
3. Ba-dật-đề
4. Đề-xá-ni
5. Đột-cát-la

- Nói bảy tụ là:

1. Ba-la-di
2. Tăng tàn
3. Thâu-lan-giá
4. Ba-dật-đề
5. Đề-xá-ni
6. Ác tác
7. Ác thuyết

Lại bày rõ hai tên, rộng như trong giới bổn sớ nói

Hỏi: Trong luật tăng bày ra hai trăm năm mươi giới, giới bổn đầy đủ.

Ni thì có năm trăm, lời này hư hay thật?

Đáp: Hai bộ bày ra định số là nói theo chỉ, các bộ đều nói không hẳn y vào số. Nói về giới thể thì chỉ một đều không lạm, y cứ vào cảnh minh tướng là lượng trần sa. Lại chỉ hai trăm năm mươi giới, trì phạm là lối tắt. Trong Luật ni có ba trăm bốn mươi tám giới, có thể được chỉ ở đây mà phòng ngăn, nay theo Trí luận nói: Ni thọ giới pháp lược thì năm trăm giới, nói rộng có tám vạn, Tăng thì lược có hai trăm năm mươi giới, rộng cũng đồng với luật nghi của ni, nói rõ điều phạm, quả báo tựu trung chia làm hai:

1/ Liễu giản khởi nghiệp nặng nhẹ

2/ Dẫn văn chứng thành quả

Trong phần khởi nặng nhẹ phải nhờ ba độc (tham, sân, si) mà sinh

khởi. Nhưng độc khởi lên ở tâm ta là gốc. Nghĩa này rất rộng, Hành nhân phải biết. Như trong pháp sám nói rõ tướng nghiệp. Nay lược thuật khởi tội chắc chắn y cứ vào ba tánh mà sinh ra. Thọ báo nhiều ít đều do ý nghiệp làm gốc. Cho nên Luận Minh Liễu giải thích rằng: phá giới mắc tội nặng nhẹ không nhất định. Có tâm trọng phá giới khinh thì mắc tội trọng, không có tâm hổ thẹn làm điều gì cũng không sợ nạn. Hoặc do kiến khởi nghĩa cho rằng không có nhân quả. Hoặc do bất tín sinh khởi, cho là không phải Phật chế giới này, hoặc không tin phá giới này mất quả baó này. Hoặc do nghi sinh khởi, cho rằng điều Phật chế là chẳng phải, là định được quả báo hay không định được quả báo. Nếu do tâm phá như thế thì mắc tội càng nặng. Nếu không do tâm này, tình cờ phá giới, cho rằng như trong luật Tăng-kỳ nói Tỳ-kheo Tri sự mà mờ ám về giới tướng, cùng dùng vật của Tam bảo, hễ phạm điều gì đều là Ba-la-di. Hoặc thấy người chán sống, cho họ dụng cụ để họ chết, thấy thế tục sát sinh, xúi giục cho họ chết sớm, chẳng sinh khổ não. Đây đều là lòng từ tạo tội, trái với cảnh trước rất nặng, chẳng thể không biết liền khai không phạm. Do đó phải học đều kết căn bản, tức văn luật nói: ngu si thành Ba-la-di, cho đến Đột-cát-la cũng vậy.

Lại như Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo trẻ không biết giới tướng, cắt cỏ trên tháp tội phước đều có, nếu nói về quả báo chịu tội thì nhẹ, do vốn khéo niệm nên không tăng thêm khổ nữa. Không khỏi địa ngục, do trái với thọ thể. Nếu phạm tánh giới thì thọ đủ hai tội. Nghĩa là nghiệp đạo. Cho đến trái với quy chế. Nếu phạm giá giới như hoại cỏ cây, chỉ mắc một tội. Vì trong sự giáo hóa vốn không như chế, vô tình có thể phiền não. Nếu sau đó sám hối rồi rửa tội được thanh tịnh trở lại, không đồng với tánh phạm, rộng ra như trong Trí luận nói.

2. Tâm bất thiện, nghĩa là hiểu biết về giới tướng, hoặc lại ám học khinh mạn lưới giáo. Chê bai lời Phật. Như Luận Minh Liễu nói. Có bốn loại về lời thô ác phạm tội.

1. Tâm Tham, sân, si thô trược
2. Không tin nghiệp báo
3. Không thích thọ giới
4. Khê chê lời Phật.

Cố tâm gây ra thì bị quả báo nặng, lấy văn này làm chứng. Do không hổ thẹn, ban đầu không hối hận tâm bất thiện này. Cho nên Thành Luận nói có tâm hại giết con kiến tội nặng hơn có tâm tứ giết con người.

Do nghiệp căn bản nặng, quyết định thọ báo, dù sám hối cũng

mắc tội, nghiệp đạo không dứt, như Thập Tụng chép. Đề-Bà-Đạt-Đa phá tăng phạm thâu-lan-giá, Phật bảo sám hối trước tăng, thế mà nghiệp đạo còn đọa A-tỳ, cho nên Kinh Địa Ngục nói.

1. Nhất định tạo nghiệp

2. Nhất định thọ quả.

Oai thần của Chư Phật không thể nào chuyển, rộng ra như quyển cuối nói

3. Tâm không nhớ phạm, nghĩa là vốn chẳng nhiếp hộ, theo dòng mặc tánh, ý chẳng thiện ác, nổi trôi như vậy mà gây ra. Như Tỳ-kheo ngồi lớn tiếng, luận bàn rỗng suông, phí thời gian tổn đạo nghiệp, buông thả thân miệng, hoặc chân tay làm tổn thương cỏ cây đất cát, cùng tăng cưới hỏi, vọng dùng vật của tăng. Chưa y quá hạn, phi thời đến nhà người thế tục, tay đụng chạm bình của tăng, hoại oai nghi thân miệng khẩu, các ví dụ như thế đều phạm.

Chỉ trừ thường khởi tâm hộ trì nhầm lẫn mà gây ra. Điều này chẳng phải tâm sai sử không chiêu cảm nghiệp tương lai. Chẳng phải như trên, trước làm phương tiện. Về sau ngủ, cuồng say bèn thành nghiệp quả, chung với kết chánh ở trước, lại như trong luận vô ký chiêu cảm quả báo.

Hỏi: Vô ký chung có nghiệp sao có quả báo?

Đáp: Giải thích có hai cách.

1/ Nói chiêu cảm quả báo: Trước có phương tiện, sau vào vô ký, nghiệp thành ở trong tâm vô ký cho nên nói chiêu cảm quả báo, mà thật ra vô ký chẳng nhớ quả báo.

2/ Không cảm quả báo chung: chẳng thể không thọ riêng, như trong kinh nói Tỳ-kheo đầu-đà, bất giác sát sinh, sinh mạng người kia đọa vào loài heo rừng, trên núi lăn đá, do núi lở lăn xuống lại giết Tỳ-kheo.

Ngũ Bách Vấn chép: Tri sự đụng nhầm tịnh khí, chết làm loài quỷ ăn phân

Như trong Thành Luận nói: Ngủ nghỉ thành nghiệp là nghiệp vố ký.

Hỏi: Như trước nói vô ký, có người không phạm, tướng ấy thế nào?

Đáp: Trước đã lược rõ, nay lại chỉ rộng, cho là học biết giới tướng khéo thông đạt trì phạm tâm thường cân nhắc. Bỗng quên, mê mờ duyên do chẳng phải ý. Cho nên khai không phạm. Như chứa y, quá hạn, quên không thuyết tịnh, khéo nhiếp căn môn, bèn ngủ, ra chất bất tịnh, nâng

đỡ cây đá, lỡ tay làm chết người, các duyên như thế đều chẳng kết hạn. Trái với trên đều kết chánh phạm, thế nhưng nghiệp khổ chứa nhóm, sinh báo chẳng cùng. Dù thân miệng ô nhiễm trần cảnh, đã không có ba điều lành có thể phụ giúp, chỉ thêm ba nghiệp ác chuyển xoay khổ cực.

Do kinh nghiệm này sống có thể than thở.

Hai là dẫn chứng thành quả báo, như kinh Mục-liên Vấn Tội Báo nói. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, không có tâm hổ thẹn, khinh chê lời Phật, phạm Đột-cát-la, tội giới chúng học, như Tứ Thiên Vương thọ năm trăm tuổi, đọa vào ngục nê-lê, bằng số ngày ở nhân gian là chín trăm ngàn năm.

Tội Ba-la-đề đề-xá-ni: như tầng trời ba mươi ba thọ mạng một ngàn năm, đối với nhân gian là ba triệu sáu mươi ngàn năm, đọa vào địa ngục.

Tội Ba-dật-đề, như trời Dạ-ma thọ mạng hai ngàn năm, đối với nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Tột Thâu-lan-giá, như trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi, đối với nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa: Như trời Bất Kiêu Lạc thọ tám ngàn năm. Đối với nhân gian là ba trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm.

Phạm tội Ba-la-di, như trời Tha Hóa Tự Tại thọ mười sáu ngàn năm đọa vào địa ngục nê-lê, đối với nhân gian là chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm. Trong kinh Niết-bàn nói phàm tội Đột-cát-la như ngày tháng năm ở cõi trời Đao lợi, là tám mươi vạn năm, đọa trong địa ngục, không giống với văn kinh trên. Đây cho là số có lớn nhỏ, tức vạn vạn là tượng của ức, tự dẫn văn kinh trên đều là dịch đúng Phật Thuyết. Chẳng cho là mất tên người dịch, nghi ngụy, chớ được buông tâm tội cảnh, từng không biết một điều phạm còn vào trong chốn hình phạt, phạm nhiều lý phải nhiều kiếp. Thời nay, người không biết giáo, phần nhiều tự hủy làm tổn thương nói: giới luật này cấm chỉ, là pháp của Thanh Văn, ta là Đại thừa, bỏ như đống phân. Giống như lá cây vàng, trâu ngựa gỗ, cuồng cấm chỉ trẻ con. Giới pháp này cũng lại cuồng như thế, ông là đệ tử Thinh Văn. Vốn là đại tiểu nhị thừa, lý không phân cách đối cơ. Giả sử thuốc trừ bệnh là trước, trước tâm ở vườn nai xướng gốc là Thanh Văn, tám vạn vị trời liền phát đại đạo. Ở hai cây sa la nói nhập diệt, cuối cùng hiển bày Phật tánh mà có thính chúng đắc quả thành La-hán. Từ đây suy ra, ngộ hiểu có tâm không chỉ là giáo chỉ. Cho nên ở đời, thấu đạt căn cơ, chúng sinh, những điều đáng

làm thì làm, ắt ấy oai nghi làm chính, nhưng do thân miệng mà phát ra việc, dùng giới để ngăn ngừa, ba độc khởi lên phải do tâm sai sử. Nay trước phải dùng giới ngăn ngừa, kế lấy định ràng buộc. Sau đó dùng tuệ giết, lý là như vậy. Nay có người hư hỏng, không biết địa vị của mình vọng từ bày nói là Đại thừa, khinh chê chân kinh, tự trọng giáo mình, tức Kinh Thắng-man nói Tỳ-ni chính là học Đại thừa.

Trí Luận nói: Tám mươi bộ chính là Thi ba-la-mật: kinh luận như thế không lọt vào tai, há không buồn sao?

Cho nên Kinh Ma-da nói: Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi ở trong chúng hủy báng tỳ-ni, phải biết đó là tướng pháp diệt.

Kinh Niết-bàn nói: Nếu nói, Như lai nói phạm Đột-cát-la như số tuổi ở trên nói đọa vào địa ngục. Lại là Như lai phương tiện, rõ người như thế, phải biết chắc chắn là kinh luật của ma.

Chẳng phải lời Phật nói. Lấy văn này làm chứng, Như lai đoán biết vị lai có việc đó. Cho nên trước nói dạy bảo để định tà chánh, không có sự lạm dụng, mà có đồng quần đảng ở trước, có thể gọi là dân ma. Lại kinh như Di Giáo, v.v... đều cho Tỳ-ni là Đại sư, nếu ta ở đời cũng không khác, thế nhưng cố trái nghịch thì tự chuộc ương họa, cho nên kinh Bách Dụ nói:

Xưa, có một vị thầy nuôi hai người đệ tử, mỗi đệ tử phải thường xoa bóp chân cho thầy. Đệ tử lớn ghét đệ tử nhỏ, bèn bẻ gãy chân người kia đang bóp, đệ tử nhỏ ghét lại bẻ gãy chân người kia đang bóp. Ví dụ người mới học Phương đẳng ngày nay chẳng phải là Tiểu thừa, người học Tiểu thừa lại chẳng phải phương Đẳng cho nên làm cho pháp điển đại thánh hai đường đều mất. Lấy đây làm chứng để biết, nay tự mắt thấy. Lại Bồ-tát lập giáo thông đạo cứu tục có duyên thì làm, không nhiễm bụi trần. Bậc Đại sĩ sơ tâm, đồng với luật nghi Thinh Văn, chê bai tánh giới trọng không khác, tức trong kinh Niết-bàn, La-sát xin một chút phao nổi, Bồ-tát cũng không cho, thí dụ cho hộ trì giới Đột-cát-la.

Lại Trì Luận nói: Bồ-tát xuất gia thủ hộ giới cho nên không cất chứa tài vật. Vì công đức của giới hơn sự bố thí. Như ta không giết mà bố thí mạng cho tất cả chúng sinh. Lấy văn này làm chứng. Nay người lạm học Đại thừa, thực hành chẳng thể nói sự thật, thẹn mình hủy phạm nhầm lẫn, tự khen ngợi.

Ta có nói rằng: Giới là pháp nhỏ có thể xả bỏ, liền không chịu có thể giữ gìn. Lại không chịu há chẳng hợp với phiền não. Cuối cùng khó ngăn dụ lại đáng thương. Nay tăng ni đều thuận giáo, y theo pháp thọ giới, lý phải hộ trì, đây thì thành thọ, nếu không hộ thì theo thọ vẫn

không thành. Hình nghi có thể trụ trì Phật pháp.

Cho nên Tát-bà-đa nói: không có tâm ân trọng, không phát khởi không làm, dù cho thành thọ, hình nghi có thể trụ trì Phật pháp, lý phải đồng hộ. Thời nay thế phát xuất gia, bốn tăng yết-ma, già-lam lập bày dẫn dắt đạo tục, hễ làm những điều toàn là giới luật, nếu sinh thiện thọ lợi cần phải thân bỉnh ngự, miệng nói ta sẽ làm. Nếu ô nhiễm giới khởi lên sai trái. Trái phạm lưới giáo, liền nói ta là Đại thừa không quan hệ gì đến Tiểu giáo. Cho nên Phật lập dụ Tỳ-kheo chim chuột, lừa mặc da sư tử, hủy báng chê trách, đâu đợi trình bày hiển lộ. Sợ sau này người mới học không biết, bị trần làm nhiễm cho nên dẫn ra bày tỏ, còn sợ đồng nhiễm, buồn thay.

THIÊN THỨ MƯỜI BỐN: TÙY GIỚI GIẢI THÍCH TƯỚNG

(Thiên này dùng ý y theo luật điều. Nhưng vì chánh bổn trì phạm chưa đủ, lại trình bày ở dưới. Nay vì các thiên chưa đủ, sinh riêng một vị, làm cho các điều lý tùy tướng chỉ cho quỹ cách nhất định.

TỲ-KHEO CÓ 250 GIỚI

Trí Luận nói: Nếu chỉ nói danh tự thì có hai trăm năm mươi giới, trong Tỳ-ni thì lược nói có tám vạn bốn ngàn, nói rộng ra có vô lượng vô biên. Cho nên người xuất gia có vô lượng vô biên luật nghi, người tại gia không đủ thi ba-la-mật. Người xuất gia thì đủ giới độ.

Y theo đây tu hành, khéo biết chủng tướng, thì phát sinh định tuệ, chế phục phiền não. Nếu mờ tối duyên theo dòng nhiễm mê hoặc thì đâu thể ngược dòng sinh tử, mới bị trôi lăn trong đường khổ. Cho nên y vào giác xuất tướng hiển bày rõ trì phạm. Nhất định y theo đây thực hành. Ngõ hầu không có họa hại. Nay chỉ tùy theo giới chỉ riêng, bày tỏ thẳng tiến, nếu thông rõ tâm cảnh, đầy đủ trong khuôn phép trì phạm. Nhưng giới là con thuyền ra khỏi sinh tử, là tông yếu của người xuất gia. Người thọ lấy pháp giới làm lượng, người trì sừng vảy càng nhiều, là do mê muội bổn thuyên, tùy đắm nhiễm theo trần sa. Đây dù là được Bậc Thánh Hiền đồng khâm phục, nhưng sao được tránh né không luận bàn. Cho nên thẳng bút ghi, lược chia bốn thứ khác nhau:

1. Giới pháp, đây tức lá thể, đạo chung cho xuất ly.
2. Giới thể, tức là gốc sinh ra các hạnh.
3. Giới hạnh, nghĩa là phương tiện tu thành, thuận theo thể bổn thọ.
4. Giới tướng, tức thiên này nói rõ, bày chung thiên tụ. Trước là

pháp giới thọ duyên đã rõ. Nay lược nêu hiển rõ biết nguyên do lối tắt. Lại chia ra bảy môn.

1) Nền tảng góc của Thánh đạo. Như Thành Thật nói: giới như bắt giặc, định như trói giặc, tuệ như giết giặc, ba điều này thứ lớp bậc Hiền thánh thực hành. Tức kinh nói, nương vào giới này được sinh thiền định, dứt được các khổ, phát sinh trí tuệ.

Lại luật nói: Vì điều phục ba độc hết nên chế tăng giới học.

Lại nói: giới là đầu mặt của hạnh căn, nhóm các pháp lành, thành tựu tam-muội. Lại Trí Luận nói: Nếu không có giới này, tuy hành các khổ đều gọi tà hạnh. Tức kinh nói, các công đức lành đều không sinh được. Ngoài ra rộng như trong giới bổn sớ nói.

2) Giới có đại dụng: Chư Phật lập giáo đều có công năng cao quý, giải thích nghĩa mỗi mỗi đều khác, lý phải lược nêu. Phàm bậc Tam Hiền sở dĩ được an, chín đạo sở dĩ thầy dạy, các hành quy về y chỉ vào Hiền Thánh, nhất định là tông và giới, cho nên luật nói:

Các Phật tử như thế, tu hành cấm giới bổn, đều không theo dòng tà, chìm trong biển sinh tử. Lại giới kinh chép: Nếu có người tự mình vì thân muốn cầu Phật đạo, phải tôn trọng chánh pháp. Đây là lời Chư Phật dạy, cho nên khi kết tập Ba tạng, lời dạy này được nói trước hết.

Luật Thiện Kiến nói: tạng Tỳ-ni, là mạng sống của Phật pháp. Tạng Tỳ-ni còn Phật pháp mới còn, cho nên trước hết kết nguyên do như vậy. Còn kinh chỉ nói rộng về sự giáo hóa hiển bày nhân quả. Sự tùy theo lý mà thông, lời nói không có gởi nhờ. Ý thật sâu xa, người hôn mê chưa thông đạt, tuy muốn tiến tu, ít được yếu chỉ, dính mắc vào tướng, do mê giáo chỉ. Nay giới luật đại tạng trụ trì công đức, những điều tạo ra đều thô hiện, vì người thì hình phục khác đời, pháp thì khuôn phép dùng có oai nghi, ở đã không giống tạp hạnh thế tục, rõ ràng tự khác. Do đời theo hướng có pháp chạy theo liền thành, bèn có thể cương yếu không đọa vào địa ngục. Lại vì pháp có thể làm tư lương cho người, đích thân thành các hạnh, giúp cho người hoằng được pháp, cho nên luật nói: vì chúng hòa hợp nên Phật pháp được tồn tại lâu dài.

3) Lược giải danh nghĩa. Y theo bản phạm lập đủ ba tên gọi.

1. (Trước) nói về Tỳ-ni (hoặc nói tỳ-nại-da, hoặc nói tỳ-na-da)

Hán dịch là luật, tức trong mười tám pháp của Tứ Phần, Tỳ-ni và luật hai tên không đi chung. Lại Tăng Nhất nói có bảy thứ luật, nghĩa là bảy Tỳ-ni, hoặc vì diệt mất, phiên từ công năng để gọi, chứ chẳng phải chánh dịch, cho nên lấy luật dịch nói mới phải chính nghĩa.

2. Nói về Thi-la, Hán dịch là Giới, tức sáu độ đã nói làm chứng

tốt có thể biết.

3) Gọi là ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là Xứ xứ giải thoát, hiển bày ba loại thứ lớp tức là một hòa đầu đuôi. Luật thì y cứ vào giáo, giáo thì không cô khởi, nhất định nói rõ hành tướng giới thì do đó mà lập. Giới chẳng phải là nhân rỗng không, ắt có quả rõ ràng. Cho nên giải thoát dứt ràng buộc đặc ở cuối.

Nói rõ về nghĩa của nó

Trước nói luật là pháp, nghĩa là phạm hay không phạm các pháp nặng nhẹ, và luật nói rõ tức là giáo thuyên.

Hỏi: Ngoài ra hai tạng cũng nói về hành pháp, sao không nêu tên gọi?

Đáp: Trí luận nói: Ngoài Tạng nói ý cũng còn định tuệ.

1) Trong đây hiển bày giới hạnh làm nền tảng của muôn điều lành, cho nên trước lấy tên pháp phát sinh hai điều sau. Cho nên trước nêu luật. Do năm chúng xuất gia, hình tướng y phục khác thế gian, hiển bày pháp bên trong cũng khác. Mà ngoại đạo thế tục lạm dụng đồng với Thánh tích không do đâu có sự mầu nhiệm đặc biệt, vì pháp trừ cho nên sáng lập tên gọi luật, dùng để hiển bày tri pháp, ngoài ra như thường giải thích.

2) Giới nghĩa như tạp tâm nói, nghĩa là thông pháp giới, rộng ra như Trí Luận nói giới, đời Tần dịch là tánh thiện.

Lại Kinh Thiện sinh nói: giới là điều chế, chế pháp bất thiện.

Hoặc nói: tánh hẹp hòi không dung ác, hoặc nói: mát mẻ, ngăn lửa phiền não, hoặc gọi là thượng (lên), có thể lên cõi trời, đến đạo vô thượng. Đây chỉ từ công năng mà rõ tên. Hoặc nói theo tâm, như kinh nói học, học tâm điều phục v.v... Hoặc thành tựu thể, hiểu được giới làm, không làm. Như Tạp Tâm nói: Biệt giải thoát điều phục, vì thể là thiện, chẳng phải ác, vô ký. Nhân Minh Chánh nghĩa nói giới là tánh. Vì tánh có cả thiện lẫn ác. Loại ác luật nghi cũng chung khắp. Cho nên nói: bất luật nghi. Nếu lập tên giới này phải cấm. Pháp ác cấm pháp lành gọi là Luật. Đời trước thích giết thực hành thuận theo pháp này, gọi là nghi. Y cứ vào luật nghi trái với lời giải, đây là lấy giới theo giáo mà đặt tên.

Lại luật nói: Mộc-xoa nghĩa là giới, nhân này từ quả mà được gọi tên.

3) Nghĩa giải thoát. Gần thì rõ tên tùy phần quả, nghĩa là bảy điều thân miệng chẳng phạm duyên chẳng phải một, mỗi việc ngăn ngừa theo tướng giải thoát. Xa thì lấy giới đức, do giới mà thánh thành. Mong

người kia dứt lụy do vâng theo giới bổn. Cho nên luật nói: dứt trừ Kiết sử không ngại ràng buộc chấp trước. Do đây mà tiểu, ngoài ra như nói ở sau.

4) Cụ duyên khác nhau.

Nếu nói về thời mạt pháp. Chỉ nói về yết-ma một lần thọ, chắc chắn nhờ vào nhân duyên mới có thể đứng vững lâu dài. Tướng của sự duyên thọ ấy như môn trong quyển thượng, nhưng thọ là cội gốc Phật pháp đại cương của Tỳ-kheo. Lại lược nêu: Theo luận Tỳ-ni Mẫu nói có năm duyên.

1. Hòa-thượng đúng pháp

2. Hai A-xà-lê đúng như pháp: Nghĩa là việc mà đệ tử thấy nghe không phá giới, chịu làm nghĩa sư, là được giới hạn.

3. Tăng thanh tịnh: Nghĩa là người thọ ba căn không nhiễm, thông vọng thật sự. Tất cả trong sự thấy, nghe, nghi không phi pháp. Mới được thành thọ. Có ba căn cảnh không đủ số, tâm không đủ pháp, biết rõ sai trái. Cho nên thọ không thành.

4. Yết-ma thành tựu. Trong luận nói: Nếu ngôn ngữ không đủ trước sau không thứ lớp, nói không rõ ràng đều không thành thọ.

5. Chúng tăng hòa hợp gởi dục. Nếu có tướng riêng chúng, như trong pháp túc số có nói, thọ cũng không được.

Lại nói: Nếu người tại gia thọ năm giới, tám giới cho đến mười giới, tùy theo hủy phá một giới trọng, người như thế, sau này xuất gia không đắc giới, không được làm Hòa-thượng. Tức là thuộc về nạn trước tiên trong mười ba nạn, còn mười hai nạn đồng. Tát-bà-đa nói: nếu người thọ năm giới phá giới trọng, về sau xả năm giới lại thọ năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc, thì tất cả giới vô lậu thiền đều không được, cho đến phá giới trọng trong tám giới không được như trước. Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Không ra ngoài giới trường, lại không kết đại giới, kết thẳng tiểu giới thì không được thọ giới cụ túc. Nay có người gặp nạn nhân duyên Kết tiểu giới thọ cũng là phi pháp. Đa Luận lại nói: Nếu tâm ân trọng, thì có làm và không làm. Người tâm khinh chê không phát, không làm. Lại như thọ, sau đó trì đủ có thể là nguyện hạnh tương ưng, nhờ luận đắc giới có thọ không trì, chỉ có nguyện rỗng suông, không có hạnh để phụ, thì không đắc giới.

Luật nói: đồng giới với Tỳ-kheo, vì thọ trì đồng, có thể có đắc giới, người phạm giới trái với trên thì không có giới, cũng không có phạm.

Đa Luận nói: Khi yết-ma xong là do tâm thiện đắc, hay do tâm bất

thiện đắc, hay do tâm bất thiện và vô tâm mà đắc?

Đáp: Thông là đắc giới.

Hỏi: Nếu vậy vì sao luật nói: Sân, si cuồng loạn, người như thế không gọi là thọ cụ túc?

Đáp: Khi tác bạch, đủ bốn tâm trên, không gọi là đắc giới, nghĩa là duyên rộng ngoài ra tâm thiện, vô tâm duyên giới, lại không xếp vào loại vô tâm.

5) Hơn kém: Do lập môn này mà biết, giới là cốt lõi duyên lành để vào đạo, mới có thể giữ gìn không mất tướng. Bà Luận nói:

1. Giới mộc-xoa, Phật tại thế có ít, nay nhiều hơn xưa, tất cả thiền vô lậu giới thời có hai:

2. Mộc-xoa hữu lậu có cả hữu tình và vô tình, vì rộng cho nên nói thắng, ngoài hai hạn cục về tình, vì hẹp nên không biết.

3. Mộc-xoa hữu lậu, vì từ lòng từ phát khởi công năng cao siêu, lấy Phật đạo làm nhân.

Bốn giới mộc-xoa. Đến bảy chúng, kế nối Ba thừa, Tam bảo, Tam Đạo, trụ trì công cương, ngoài điều hai không có công năng cho nên thấp kém. Năm giới mộc xoa chỉ đệ tử Phật mới có, còn thiền giới thì ngoại đạo cũng có. Luật Thiện Kiến nói: người cụ túc, mộc xoa trong các ánh sáng, các núi các sự học trong sự học của Tu-di, ánh sáng mặt trời, mộc-xoa là hơn hết, nên cho là cao siêu. Nếu không có Phật ra đời thì không có người đứng lập pháp này.

Sáu thọ tại y: Y theo tông của Tát-bà-đa nói giới không phát trị cũng không thọ trị, tội cũng không phạm trị, y bổn thường định. Cho nên trong tâm A-la-hán hạ phẩm như vậy. Vì sao giới có mạnh và yếu phải không?

Đáp: Đây đối với tùy hành vi, không luận thọ thể, cũng có thể làm giới tại một niệm tùy tâm một phẩm định, không làm vô tâm trọn đời tùy hạnh có thêm bớt.

Thành Luận chép: Có người nói: Ba-la-đề-mộc-xoa có phát trị không?

Đáp: Trong một ngày thọ bảy thiện oai nghi, tùy chỗ đắc đạo lại được luật nghi mà vốn được không mất cao quý được tên.

Bảy thiện oai nghi: nghĩa là năm giới, tám giới, mười giới, cụ giới, thiền giới, định giới, đạo cộng giới.

Như Tát-bà-đa Sư Tư Truyện nói: Trọng thọ tăng là thượng phẩm, vốn hạ không mất.

Tăng truyện nói: niên hiệu Nguyên Hy năm thứ mười đời Tống,

Tuệ Chiếu chùa Kỳ Hoàn, v.v... cho đến vị Tăng người Thiên-trúc như Tăng-bạt-ma xem trọng việc thọ đại giới. Hoặc hỏi lý do ấy.

Đáp: Vì nghi thức thọ, hoặc trung hoặc hạ, vì cầu tăng sự cao quý. Nên phải trọng thọ, y vào bổn tháng chạp.

Bảy chánh nham thọ duyên; tôi nghe có người nói: Đất này thọ giới trước không theo như vậy. Dù người nay thọ ít, trái với duyên đủ lý được nghi gì?

Chỉ là tâm vâng giữ giới, phải chăng là hạn cục đắc giới. Bỗng nghe lời này không học bùi ngùi, há là long trời lở đất người điếc không nghe.

Trời sáng người mù không thấy, đã đồng với sự biết, đâu vọng điều để nói. Cho nên trích dẫn Thánh giáo minh bạch rõ ràng. Đã duyên thành thọ hay không đủ không được. Đất này thọ giới cụ túc tăng truyền hiển rõ dù duyên cảnh có lạm, y theo pháp cũng có quyết rõ.

Như trong phần thọ ở quyển trước, có người đời Hán nói cảnh thọ duyên.

Từ lúc bắt đầu Hán Minh nằm mộng, Ca Trúc truyền pháp đã đến, lúc sắp đến Tào Ngụy, tăng đồ rất thạnh hành chưa có bẩm quy y thọ giới. Chỉ vì lợi lạc hơn thế tục. Thiết bày trái sám đồng miếu thờ. Sau đó có vị tăng người Trung Thiên-trúc là Đàm-ma-ca-la, Hán dịch là Pháp thời, tụng các bộ Tỳ-ni, đến niên hiệu Gia Bình đời Ngụy đến lạc Dương, lập yết-ma thọ pháp. Giới luật bắt đầu hình thành. Y cứ theo dùng mười tăng đại hạnh Phật pháp sửa đổi trước vọng học, trích từ Tăng-kỳ giới tâm. Lại có Sa-môn Đàm đế nước An-tức cũng biết về luật trích ở Đàm-vô-đức Yết-ma. Chính là bắt đầu đại tăng thọ pháp, duyên đầu tiên Tỳ-kheo-ni thọ giới cụ túc. Đến niên hiệu hiệu nguyên gia năm thứ 7 đời Tống, có Sa-môn nước Kế-tân tên Cầu-na-bạt-ma đến Dương Châu dịch các kinh như Kinh Thiện giới, v.v... Sau đó có tám người ni nước Sư Tử đến nói: đất Tống chưa có kinh mà có ni, đâu được hai chúng thọ giới.

Bạt-ma nói: Ni không làm bổn pháp, Đắc giới đắc tội, tìm chế ý của Phật pháp xuất đại tăng. Chỉ làm cho tăng pháp thành tựu, tự nhiên đắc giới. Cho nên bảo trước phải làm bổn pháp, chính là muốn phát sinh niềm tin làm phương tiện thọ giới. Đến khi đắc giới, khi đại tăng yết-ma, các ni khổ cầu lại thọ.

Đáp: Lành thay ! Tất cả giới định tuệ từ sự mầu nhiệm mà đến. Nếu muốn thêm rõ thì tùy hỷ. Lại bảo Ni phương Tây học nói, lại đến Trung quốc thỉnh ni đủ mười vị. Đến niên hiệu Nguyên gia năm thứ

10 có Tăng-già-bạt-ma, Hán dịch là Chúng Khải, giải thích Luận Tạp Tâm, vượt sa mạc đến Dương Châu, trước Cầu-na hứa cho ni thọ lại, chưa đủ đã qua đời. Không lâu, có ni nước sư tử ba người như Thiết-tác-la, v.v... đến Kinh đủ mười vị liền thỉnh. Chúng khải làm thầy, ở trên đàn vi ni truyền lại. Trích ở cao Tăng, danh tăng, tăng sử, Tăng lục, và Tạp lục đời Tấn, Tống, cho nên lược xuất duyên khởi để làm khuôn phép mãi mãi.

- Giới thể, chia ra bốn môn:

1. Tướng trạng giới thể
2. Thọ tùy đồng khác
3. Duyên cảnh rộng hẹp
4. Phát giới số lượng

- Trong phần tướng trạng giới thể có năm môn.

1. Biện thể nhiều ít
2. Lập hai nguyên do tức giải danh nghĩa
3. Nêu ra thể trạng
4. Trước sau sinh nhau
5. Không làm nhiều ít

Trong phần biện thể nhiều ít nguyên do biệt giải thoát giới, mọi người đều thọ, và luận biết rõ chỉ có thể năm, ba người đều do trước không thông đạt, không hỏi rộng ra. Dẫn đến chánh thọ nhiều mà mù mờ thể tướng, mù trong mộng duyên thành mà thôi, luận được không man mác đồng hà hán. Cho nên trước đến với tùy tường. Các môn chỉ rõ, y cứ biết mình đắc giới thành không, sau đó trì phạm mới có thể tu lìa.

Hỏi: Giới biệt giải thoát có mấy loại?

Đáp: Nói về thể y cứ cảnh thật có vô lượng, giới vốn phòng ác. Vì duyên ác nhiều, phát giới cũng nhiều.

Cho nên kinh Thiện Sinh chép: Chúng sinh vô lượng, giới cũng vô lượng. Nay lấy nghĩa suy ra chỉ có hai loại: Tác và vô tác, hai giới đều thu, không có cảnh, không cùng tận. Hai lập hai nguyên do đều giải danh nghĩa.

Hỏi: Trong phần đầu sao không lập một và ba loại?

Đáp: Nếu đơn lập tác, tác thể tạ thì không thể ngăn quấy, lại không thê thường làm, cho nên phải vô tác, mãi ngăn quấy nếu đơn lập vô tác thì khởi không có sự bắt đầu, không thể có khởi phải nhờ làm mà sinh.

Hai pháp tướng nhờ không được lập một sao không lập ba?

Chỉ do đạo lý thể tướng trái nhau

1 Tác khác với vô tác

2 Tâm và phi tâm tánh khác, không thể hợp chỉ được lập hai, nếu sự phòng ngừa, tùy cảnh vô lượng, hai dẫn chứng:

- Như Bộ Tát-bà-đa nói: Nếu thuần trọng tâm, thân miệng không giáo.

1. Một niệm sắc đầu có thân khẩu giáo và vô giáo.

2. Trong niệm thứ hai chỉ có vô giáo, không có giáo ấy (giáo là tác không thể dạy người (khác).

- Kinh Niết-bàn nói: Giới có hai loại:

1. Giới tác

2. Giới Vô tác

Người này chỉ có tác, không có vô tác, nên gọi là giới, không đầy đủ tức như trên nói. Vì không tâm thuần trọng, không thể vâng hành, ý có không phát giới.

Lại Kinh Thiện Sinh nói. Mười pháp ác này hoặc có sắc tác, không có sắc vô tác. Hoặc có sắc tác và sắc vô tác, dụ như người tay cầm hương thần, vật hôi, ngói, gỗ, v.v... Các văn trên có hai chẳng phải rỗng suông. Kế là giải thích danh nghĩa.

Hỏi: Đã biết hai giới, xin giải thích tên ấy.

Đáp: Nói làm, như người thợ gốm luôn tay làm gọi là Tác.

Cho nên Tạp Tâm chép: Tác là thân động, thân phương tiện nói không làm, một khát tiếp tục hiện trước sau thường có. Bốn tâm ba tánh không nhờ duyên biện. Cho nên Tạp Tâm nói: Thân động diệt rồi, và thức khác đều là pháp tùy sinh, nên gọi là Vô tác.

Phẩm Vô tác trong Thành Luận nói: Do tâm sinh tội phước, ngủ nghỉ, chết giấc là thời thường sinh, nên gọi là Vô tác.

Thế nào gọi là giới, giới ngăn pháp ác.

Kinh Niết-bàn chép: Giới là ngăn tất cả pháp ác. Nếu không làm ác thì gọi là trì giới.

Trong kinh Thiện Sinh nói rõ năm nghĩa, như trước chế ra cho người học cao giải. Ba là nêu ra xuất thể trạng, hai luận khác nhau.

Nay y theo bổn tông, y cứ vào Thành Luận để giải thích

Trước nói về tác giới thể, luận chép:

Dùng nghiệp thân miệng tư duy làm thể, nói về thân miệng chính là dụng cụ tạo thiện ác. Vì sao?

Như người vô tâm sát sinh không phạm tội sát, nên biết lấy tâm làm thể. Văn nói: ba loại nghiệp này đều chỉ là tâm. Lìa tâm không suy

nghi thì không có nghiệp thân miệng. Nếu chỉ sắc là thể của nghiệp thì nghĩa này không đúng, mười bốn loại sắc đều là vô ký chẳng phải tánh tội phước, lại có Luận sư lấy hai nghiệp thân miệng tương tục thiện, sắc thinh làm giới thể, lấy sắc thanh tương tục nhập vào nhiếp sở đắc ý thức, đây là tánh tội phước.

Nói giới vô tác, lấy phi sắc phi tâm làm thể.

Phi sắc nghĩa là chẳng phải trần mà thành, dùng năm nghĩa chứng minh

1 Sắc có hình dáng, nơi chốn.

2 Sắc có mười bốn, hai mươi loại khác nhau.

3 Sắc có thể não hoại

4. Sắc là chất ngại

5. Sắc là sở đắc của năm thức, Vô tác đều không có nghĩa này, nên biết là phi sắc.

Nói phi tâm: Thể chẳng phải duyên lự, nên gọi là phi tâm, cũng có năm loại để chứng minh.

1. Tâm là suy nghĩ biết

2. Tâm có sáng tối

3. Tâm chung ba tánh

4. Tâm có rộng lược

5. Tâm là pháp báo. Vô tác cũng không đủ nguyên do này

Lấy tụ thứ ba phi sắc phi tâm làm thể. Văn nói.

Như trong kinh nói: người tinh tấn được tuổi thọ lâu dài, theo tuổi thọ dài mà được phước nhiều. Vì người này chẳng thường có tâm lành, lại ý không có giới luật nghi. Nếu người tâm bất thiện vô ký cũng gọi là trì giới, cho nên biết lúc ấy không có làm.

Kinh Niết-bàn chép: giới tuy không có hình tướng mà có thể giữ gìn, tùy chẳng phải xúc đối, nhưng khéo tu phương tiện thì có thể được giới cụ túc.

Thập Trụ Bà-Sa nói: giới có hai loại.

Tác là sắc, vô tác là phi sắc, bởi vậy dùng học rộng chứng thành phi sắc.

- Nói rõ hai giới trước sau.

Trước giải thích rằng: Như trâu hai sừng sống thì đồng thời. Cho nên, Đa Luận nói: một niệm đầu giới có đủ hai giáo. Trong niệm thứ hai chỉ có vô giáo.

Sau giải thích rằng, vì trước sau mà khởi. Kinh Thiện Sinh chép: Pháp thế gian có nhân thì có quả. Nhân như cái kiếng khi soi thì có mặt

hiện. Cho nên biết giới tác sinh trước, giới vô tác khởi sau. Luận nói: khi làm đủ tác vô tác, đây là tác đủ vô tác, đều là nhân của giới. Đến yết-ma lần thứ ba xong nghiệp thì ấy đủ số.

Vì hai giới này tròn đầy, cho nên nói có tác, vô tác chẳng ngại, hình cụ vô tác chỉ là đời sau, cũng là lúc một niệm xong, hai giới rồi sau đó vô tác sinh.

5) Giải rộng nhiều ít, y như Đa Luận có tám loại vô tác.

1. Tác chung với vô tác, như làm hai nghiệp thiện ác, và làm phương tiện để sống.

2. Hình đều vô tác. Như thí vật không hoại, Vô tác thướng tùy theo các vật công đức thường sinh, trừ ba nhân duyên.

1. Việc trước hủy phá

2. Nếu người này chết

3. Nếu khởi tà kiến

Không có ba loại này, thì việc thường có, duyên ác đồng với nó.

4. Từ dụng vô tác, như mặc thí y, nhập các thiền định, thì làm cho thí chủ được phước vô lượng. Duyên ác như năng lực của cây cung. Ví dụ ở đây có thể biết.

5. Dị duyên vô tác, Như thân tạo khẩu nghiệp phát khẩu vô tác, khẩu tạo thân nghiệp phát thân vô tác, v.v... Nếu theo Thành Luận thì thân miệng tạo lẫn nhau.

6. Trợ duyên vô tác. Như dạy người sát sinh, trộm cắp, tùy theo mạng đoạn, lìa chỗ dạy phạm tội.

7. Mong mỏi vô tác, cũng gọi là vô tác, như người phát nguyện mở hội, may y, v.v... để bố thí, vô tác thường sinh.

8. Tùy tâm vô tác: có tâm định tuệ, vô tác thường sinh, cũng gọi là tâm đi chung.

Thành Luận chép: Ra vào thường có thiện tâm vì chuyển dần lên cao hơn. Ở đây nói tùy tâm, tùy tâm sinh tử thường có vô tác. Chẳng gọi là tùy định tuệ, biệt giải thoát không phải như vậy, chỉ tuy theo thân.

Kinh Niết-bàn chép: Sơ quả sinh nước ác, đạo đức không làm ác.

Trong tám loại trên, bảy loại trước chung cho pháp thiện ác ràng buộc trong cõi Dục, một loại sau là vô tác. Nếu là thiền thế gian thì hạn cục hai cõi trên. Nếu là pháp xuất đạo thì chẳng phải nghiệp của ba cõi.

- Thọ tùy đồng khác: hai loại vô tác có năm nghĩa đồng:

1. Danh đồng: Thọ theo chung gọi là Vô tác. (Thọ là giới thể của giới trường. Tùy nghĩa là thọ, sau đó đối cảnh mà hộ. Tâm của giới,

phương tiện khéo thành, gọi là vốn thanh tịnh).

2. Nghĩa đồng: Đồng ngăn bảy thứ phi pháp.

3. Thể đồng. Đồng lấy phi sắc tâm làm thể

4. Đối địch ngăn ngừa sai trái. Trong phần đồng thọ vô tác làm thể, đối với việc ngăn ngừa, bằng với vô tác.

5. Đa phẩm đồng như Thành luận, giới được phát lại hơn kém không nhất định.

Khác có bốn loại:

1. Trong thọ phát chung, lấy tâm nguyện tình vô tình tất cả cảnh đều được. Trong tùy vô tác phát riêng, hành không đốn tu, thứ lớp dần thành.

2. Ngắn dài khác nhau. Trong thọ vô tác có hình tướng nhất định. Trong phần tùy vô tác từ phương tiện có đủ sắc tâm. Việc dừng liền không, nên gọi là ngắn.

3. Rộng hẹp khác nhau. Trong thọ mặc cho ba tánh hằng có, tùy hạn cục tánh thiện, cả hai đều không gọi là hẹp.

4. Căn điều cả hai khác nhau: Thọ làm căn bản, vì tùy y vào thọ khởi nên gọi là chi điều, hai loại làm có năm thứ đồng.

(1) Tấn đồng. (2) Nghĩa đồng. (3) Thể đồng. (4) Ngắn đồng. (5) hẹp đồng.

Chỉ hạn cục tánh thiện cho nên y theo để biết.

Có bốn loại dị:

(1) Trong thọ dứt chung, trong tùy dứt riêng.

(2) Thọ vốn tùy điều.

(3) Thọ là ngăn ngừa, trong tùy đối trị.

(4) Thọ là một phẩm cuối cùng đến Vô học, tùy một phẩm định. Trong tùy làm giới nhiều phẩm. Do cảnh có hơn kém, vì tâm có sâu cạn. Tâm chia ba phẩm không ngại. Vì vốn thọ là hạ phẩm.

Tạp Tâm chép: La-hán có giới hạ phẩm, Tỳ-kheo trẻ có giới thượng phẩn.

- Nói về duyên phát giới, cảnh rộng hẹp.

Phần duyên thọ ở quyển thượng đã lược về phương pháp phát giới.

Nhưng vì tâm khởi theo cảnh, nay nói rộng để biết được chỗ cao rộng của giới đức. Cũng làm cho người trì có sự cố gắng mạnh mẽ. Tựu Trung có bốn loại:

1) Tâm năng duyên. Duyên trong tâm hiện tại nối nhau.

2) Cảnh sở duyên: cảnh chung cho ba đời, như cảnh kẻ thù, tuy

quá khứ đã khởi tâm ác chặt đứt thây chết kẻ thù, hiện tại kẻ thù có nghĩa đáng hoại, các cảnh vị lai có thể y cứ theo mà biết, cho nên duyên ba đời mà phát giới.

Thành Luận hỏi: Chỉ vì ở hiện tại được luật nghi, theo chúng sinh ba đời được ư?

Đáp: Chúng sinh ba đời được, như cúng dường bậc tôn túc quá khứ cũng có phước, luật nghi cũng như vậy.

3) Được phát giới trong tâm hiện tại nối nhau.

4) Phòng phi: chỉ ngăn ngừa lỗi quá khứ, vị lai, hiện tại, không ai có khả năng ngăn ngừa.

Lại giải thích rằng:

1. Chuyên tinh tấn không phạm giới, ngăn tội chưa khởi.

2. Phạm rồi có thể sám hối, làm cho giới thanh tịnh trở lại, tức trừ lỗi đã khởi. Ngoài ra như trong giới bổn sớ lược. Như thế thì duyên cảnh ba đời có tội ở hiện tại, hai cảnh quá khứ vị lai. Chỉ có thể khởi tâm, nói ba đời phát. Nếu y cứ đắc giới, chỉ một niệm ở hiện tại.

Thành Luận chép: Từ bi bố thí có phước, giới cũng có như vậy, vì chung ba đời, đều cùng thích ý.

Lại nói: công đức từ bi chúng sinh đầy đủ, chỉ thông hiện tại. Quá khứ, vị lai đã tạ. Giới thì không như vậy, điều cốt yếu tâm phải cùng khắp. Nếu làm nghiêng lệch hạn cục một bề thì không được, cho nên Đa Luận chép: Vì tâm ác tùy giới có thêm bớt.

Hỏi: Giới theo ba đời phát, chỉ ngăn lỗi hai đời?

Đáp: Nếu nói về thọ thân một mình không thể ngừa, chỉ là dụng cụ ngăn ngừa, phải cần hành giả bỉnh trì.

Vì tùy theo vật chất thọ, mới thành ngừa tội, không phòng hiện tại vì không thể được. Nếu không giữ tâm thì thành tội nghiệp. Nếu có chánh niệm thì quá khứ không sinh. Nhưng vì tùy theo vật chất thọ, làm cho tội vị lai phát khởi, vì không khởi nên ngừa lỗi vị lai. Nếu không có sự thọ ấy, thì tùy theo không có chỗ sinh. Đã khởi nghiệp ác gọi là lỗi quá khứ. Vì hộ thân không làm cho trần nhiễm, sám hối dứt trừ nghiệp xưa. Gọi là lỗi quá khứ. Nếu giới hẳn là ngăn ngừa điều sai, thì điều sai làm sao khởi?

Đáp: phải có hành giả, ở trong tùy phương tiện bỉnh trì chế kháng mới gọi là ngăn quấy. Thí như thành ao để đánh giặc, ngoài ra như trong giới bổn sớ giải.

- Nói phát giới nhiều ít, lược nói như trên. Nay lại nói, vì thế tục phần nhiều mê mờ, cho nên thứ lớp cân nhắc.

Vì ý còn biết tướng, biết pháp, tự cứu giúp cả người. Nhưng con số phát giới tùy cảnh vô lượng. Tóm lại, chẳng qua tình và vô tình hai đế có không nhiếp tướng đều hết, mặc cảnh hiện rõ. Nói lược thì giới: đất, nước, lửa, gió, không thức, và năm trần sắc, thinh hương, vị, xúc. Cho đến pháp như thế pháp giới v.v... trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Và chúng sinh sáu đường hướng ngoài bốn sinh trung ấm cũng phát được giới.

Câu-xá nói: giới từ tất cả chúng sinh mà được định, phần nhân bất định, vì sao? Vì không được từ một loại chúng sinh mà được?

Phần bất định: Có người từ tất cả phân đắc giới, nghĩa là thọ giới Tỳ-kheo, có người từ bốn phần được, nghĩa là thọ các giới khác, tức năm giới, tám giới, mười giới.

Nhân bất định, có hai nghĩa.

1) Nếu lập vô tham, sân, si làm giới sinh nhân, từ tất cả mà được vì không lìa nhau.

2) Nếu lập ý thượng trung hạ phẩm từ giới sinh nhân, thì không từ tất cả mà được. Nếu không từ tất cả chúng sinh mà đắc giới thì không có, vì sao? Vì khắp chúng sinh khởi điều lành mới được. Khác ở đây thì không được. Vì sao ác ý như thế mà không phạm, cho nên nếu người không làm năm loại phân biệt thì được giới mộc-xoa.

1. Đối với chúng sinh nào đó, tôi lìa sát sinh, v.v...

2. Đối với phần nào đó tôi giữ gìn.

3. Đối với chỗ nào đó giữ gìn.

4. Lúc nào đó tôi giữ gìn.

5. Duyên nào đó không giữ gìn, trừ sự chiến đấu.

Người thọ như thế được thiện mà không đắc giới.

Đối với cảnh không phải sở nămg làm sao đắc giới.

Do không hại mạng tất cả chúng sinh nên mới đắc giới.

Nếu từ cảnh sở năng mà đắc giới, thì đây có lỗi tổn giảm. Vì năng chẳng phải năng cùng chuyển sinh. Như thế thì lìa bỏ nhân duyên đắc xả, đắc giới, xả giới. Nghĩa này tự thành. Dù lìa nhân duyên đắc xả, ở đây có lỗi gì? Vì tâm ác không chết cho nên không thành dùng khắp.

Luận Tỳ-Bà-Sa hỏi: Nếu như cỏ cây, v.v... chưa có, có khi sinh diệt, há chẳng phải thêm bớt, chúng sinh nhập niết-bàn là chẳng bớt, giải nghĩa thành bốn câu.

1. Tâm xong cảnh không xong, bậc Thánh không phiền não. Vì cảnh bất tận, giới không mất.

2. Cảnh xong tâm không xong, nhập niết-bàn cỏ chết giới không

mất, vì còn tâm tội lỗi.

3. Tâm cảnh đều không xong, có thể biết.

4. Tâm cảnh đều xong.

Khi căn chuyển không đồng giới mất.

Tát-bà-đa chép: Trên chẳng phải chúng sinh cũng được vô lượng giới công đức lành. Như Tam thiên thế giới, dưới đến mé đất, tồn thương như bụi, đều phạm tội. Đổi ác thành thiện, mỗi chỗ bụi đều được thiện giới. Cho đến một cọng cỏ, một lá cây, một cành hoa, trái lại tội thuận theo phước, đều vào cửa giới, nên kinh Thiện Sinh chép:

Đại địa vô biên, giới cũng vô biên, cỏ cây vô lượng, giới cũng vô lượng. Hư không biển lớn, giới đức cao sâu cũng giống như vậy. Lấy văn này để làm chứng lý chung cả pháp giới, nghĩa phải tôn kính.

Đa Luận Lại nói: Đối với Tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến A-tỳ, trên đến tầng trời Phi tưởng, đối với tất cả chúng sinh đáng giết, không đáng giết, cho đến đáng khinh, không đáng khinh. Mỗi loài chúng sinh này cho đến Như lai có mạng sống, vì ba nhân duyên mỗi duyên đều đắc giới. Lại dấy đây suy ra, tăng ni xuất gia và ba chúng dưới vâng giữ giới đức, tôn trọng chánh tín, địa vị cao như trời người đều đo đây mà ra. Vì đích xác tự giữ phước đức hằng trôi chảy.

Luận Minh Liễu nói: bốn vạn hai ngàn sông phước thường chảy, giải thích rằng: nghĩa là bốn vạn hai ngàn chỗ học tất cả thường chảy. Giống như nước sông, gội trừ phiền não, phá giới.

Nói bốn vạn hai ngàn là: giới căn bản có bốn trăm hai mươi giới, cho nên như vậy.

Như luật Bà-Tẩu-Đẩu chép: giới có hai trăm, phần nhiều nói về giới khinh, Ưu-Bà-Đề-Xá nói: Có một trăm hai mươi mốt giới, phần nhiều nói về giới trọng, Tỳ-kheo-ni biệt giới có chín mươi chín giới, hợp thành bốn trăm hai mươi giới. Mỗi giới này có nhiếp mười công đức của tăng. Mỗi công đức có công năng sinh ra mười thứ chánh hạnh, nghĩa là năm căn: tín, tấn, niệm định, tuệ; Ba thiện căn: Vô tham, vô sân, vô si. Và thân miệng.

Một giới tức là một trăm giới, hợp thành bốn trăm hai mươi giới, há chẳng phải là bốn vạn hai ngàn ư? Lại giải thích rằng: Người vô nguyện Tỳ-ni, nghĩa là khi yết-ma lần thứ ba xong, bốn vạn hai ngàn chỗ học một lúc cùng khởi. Không có một giới nào không sinh, nên gọi là vô nguyện. Y cứ vào đây để tìm giới đức thường trôi chảy.

Hỏi: hai chúng tăng ni số giới có khác nhau, vì sao vô nguyện Tỳ-ni nói thẳng có bốn vạn hai ngàn?

Giải: Ở đây nêu chung hai chúng để nói, lấy lý thật mỗi chúng đều tùy theo bổn giới.

Lại giải thích: Lấy nghĩa chuyển căn làm chúng, Tỳ-kheo phát khởi được ni giới đều được bốn vạn hai ngàn.

Kế đối với bảy chúng phát giới nhiều ít.

Theo Tát-bà-đa thì năm giới: đối với tất cả chúng sinh. Cho đến Như lai đều được bốn giới, vì không có ba độc. Gốc lành được mười hai giới. Đồng thời một thận hoàn toàn trong Tam thiên thế giới, tất cả rượu vào cỗ họng đều được ba giới. Vì khi thọ tất cả đều đoạn dứt, dù cho rượu diệt tận, La-hán nhập niết-bàn, giới thường thành tựu. Y theo nghĩa này để suy ra trên thân người nữ có ba chỗ dâm. Trên thân người nam có hai chỗ dâm, phát sinh là do ba độc. Phối hợp riêng thì người nữ được mười tám giới, người nam mười lăm giới, loài vô tình một giọt rượu cũng được ba giới.

Phát tám giới chúng sinh đồng với ở trên. Vô tình được năm giới, mười giới của ba chúng hữu tình và vô tình, đồng với Đại tăng phát.

Văn luật Tứ Phần đều phát bảy chi giới. Văn giới dưới đều kết tội cát-la.

Như vậy vì sao bày ra mười, đây chỉ dạy điều căn bản thích làm. Nói về tướng thì biết sớm. Ngoài ra, Hòa-thượng dạy kỹ, cho nên ba quy y yết-ma đều không có văn về số giới. Trong phần thuyết tướng mới nêu mười bốn, hai loại giải: Nếu y cứ vào tăng ni, y cứ theo Luận Bà-Sa thì mỗi chúng sinh thân và miệng có bảy chi. Vì tham sân si khởi nên thành hai mươi mốt giới.

Nay nghĩa y theo ba độc sinh khởi lẫn nhau, chia đều hai, ba phần lẽ ra có bảy môn. Người nữ có chín xứ, nam có tám xứ, bảy độc trải qua như vậy, trên thân người nữ có sáu mươi ba giới. Trên thân người nam có bảy trở lên não hại người, có năm mươi sáu giới. Giới của vô tình mỗi loại được bảy giới, lấy đây mà chia ra làm bày. Trong pháp giới địa hữu tình và vô tình mỗi loài được các giới vô lượng vô biên.

Cho nên trong Kinh Thiện Sinh có năm loại làm lượng

Chúng sinh, đất đai, cỏ cây, biển lớn và xứ không dụ cho giới đức lương như phân tuyết ở trước.

Hỏi: Bảy chi nhiếp giới có hết không?

Đáp: Hết, nếu có nhiếp mà không hết vào trong bảy chi như phối hợp loại giới để nói.

Lại nói: Nhiếp giới bất tận vì tánh tội khác nhau. Như giết, đánh cả hai đều khác. Có thể phòng thể khác. Cho nên Kinh Thiện Sinh

nói:

Trừ giới thiện ác rồi lại có nghiệp giới, gọi là pháp thiện ác, nên biết căn bản bảy chi điều thu nhận. Chứng loại nghiệp giới được nhiếp nên làm thành bốn câu.

1. Thiện mà chẳng phải giới, nghĩa là trong mười giới là ba giới sau, luật không chế riêng tâm phạm.

2. Giới mà bất thiện, tức luật nghi ác.

3. Vừa thiện vừa ác, trong mười điều lành là bảy chi trước. Vì không phải mong cầu. Do tu hành nên gọi là Thiện, trái lại ở đây sách tấn khuyên răn nên gọi là giới.

4. Cả hai đều sai trái, thân miệng vô ký.

Hỏi: Giới và hành tướng của luật nghi khác nhau thế nào?

Đáp: thông hành không bờ mé là luật nghi, đối cảnh cấm ngăn là giới nghi. Như Tỳ-kheo đủ duyên, thọ rồi thấy sống bất sát. Nhìn một cảnh này gọi là giới trì sát.

Nhìn bốn cõi khác gọi là giới trì sát. Mạng sống khác không giết thì không phạm luật nghi. Nếu thành tựu luật nghi ác thì giải. Muốn giết một con dê gọi là ác trì giới, mong các loài khác có sinh mạng đều tội là trì luật nghi.

3) Giới hạnh: nghĩa là thọ tùy theo hai giới, y cứ bên ngoài chẳng phải phương tiện thiện giới, nên gọi là giới hạnh. Cho nên thọ là suy nghĩ mong cầu. Xứng theo lời nguyện mà tu hành, thí như xây dựng nhà cửa, cung điện, trước phải lập tường viện khắp vòng tức là đàn tràng thọ thể. Sau đó tùy chỗ mà xây dựng hết ở một đời. Nghĩa là sau khi thọ tùy vào hạnh. Nếu chỉ thọ mà không có tùy, chính là nguyện suông, không khỏi ngăn che chỗ suông. Nếu chỉ có tùy mà không có thọ hạnh này, hoặc tùy sinh tử, thì là hạn hẹp không cùng khắp. Thí dụ đống không có viện nhà thì không khỏi giặc cướp đục khoét. Phải cần thọ tùy tướng tự chất mới có sự đưa đến.

Hỏi: Nay thọ giới cụ túc vời lấy quả vui là Thọ hay Tùy?

Đáp: Thọ là duyên giúp, chưa có công hạnh, phải nhân tùy đối cảnh phòng định, vì tùy hạnh này đạt được quả Thánh không đích thân thọ thể. Cho nên biết, một khi thọ rồi thì suốt đời về sau phương tiện chánh niệm giữ gìn gốc đã thọ. Chảy vào tâm hành ba thiện làm thể, cho nên nói giới hạnh tùy tướng để tu.

Nếu chỉ có thọ mà không có tùy hạnh thì lại là khinh giới, trôi vào biển khổ, chi bằng không thọ, không có giới để trái. Bởi vậy hành giả phải khéo biết nghiệp tánh rõ ràng, chẳng nên lạm thuật.

4) Nói về giới tướng: nói về tướng, thì có cảnh đây là duyên, miên mật hằng nhiếp, tâm cùng khắp. Nay y cứ vào giới bổn thì mọi người đều tụng trì, tướng văn dễ rõ, trì phạm chẳng lạm. Ngoài ra, muôn cảnh đâu được rơi rớt, nói y theo lệ tướng, thừa biết cương lãnh. Giới dâm thiên đầu trở xuống được chia làm ba:

1. Gọi là phạm cảnh
2. Thành tướng phạm
3. Khai pháp không phạm

Lược biết trì phạm, rộng ra như thiên dưới. Ngoài ra nghĩa đều như trong giới bổn sớ.

Trước nói về cảnh phạm, luật Tăng-kỳ chép: Thật đáng sợ không gì hơn người nữ, làm hư hoại chánh đức đều do người nữ mà ra. Người tâm nhiễm xem, phạm tội việt Tỳ-ni, Thanh văn khởi nhiễm cũng vậy.

Trí Luận chép: Dâm dục tuy không não loạn tâm chúng sinh. Vì tâm ràng buộc nên phạm tội lớn, vì vậy trong luật nói dâm dục đứng đầu.

Lại, pháp Tỳ-kheo thời nay chấp trước niết-bàn, cho nên trong luật Tứ Phần nói phạm cảnh, nghĩa là, người chẳng phải người, (Thiên tử, quỷ thần) súc sinh ba cõi. Y cứ vào báo ứng thì nam nữ hai hình; y cứ vào xứ thì người nữ ba đường. Nghĩa là đường đại, đường tiểu và miệng, nam thì hai đường, đây là chỗ dâm. Nếu thức, ngủ, hoặc chết chưa hoại, hoặc hoại phần ít, nhưng cho vào chỗ dâm một chút như đầu sợi lông đều phạm Ba-la-di, Luật nói:

Thuộc về trâu, ngựa, heo, chó, bất luận tâm khởi tưởng nghi, nhưng chánh đạo này đều trọng. Ngoài ra, Ma-đắc-lặc-già nói rõ đủ về phần phạm. Nhưng lỗi dâm thô hiện, người đều biết sai, trong luận hỏi phạm, phạm đều kết chánh. Y cứ vào tướng nói lỗi thì tai không muốn nghe. Hoặc dẫn đến khinh cười sinh nghi, sinh lạ. Cho nên, Luật Thiện Kiến nói: Pháp sư nói lời bất tịnh này người nghe nói chớ kinh sợ, sinh tâm hổ thẹn, dốc lòng đối với mới Phật. Vì sao? Vì Như lai từ bi thương xót chúng ta, Phật là vua của thế gian, lìa aí nhiễm, được thanh tịnh. Vì thương xót chúng ta nên nói lời ác này là kết giới. Cho nên lại quán công đức của Như Lai không có tâm chê bai ghét bỏ. Nếu Phật không nói việc này, thì chúng ta làm sao biết được tội Ba-la-di. Có người cười đuổi ra.

Kế, tướng thành phạm có hai duyên:

(1) Tự có tâm dâm hướng về cảnh trước. Dù có nhưng bên trong ngăn cách nhau, chỉ vào chừng sợi lông kết thành đại trọng, đủ bốn

duyên thì thành.

1/ Cảnh chính (nam thì hai đường, nữ thì ba chỗ)

2/ Khởi tâm nhiễm (nghĩa là chẳng phải lúc ngủ say, v.v...)

3/ Khởi phương tiện

4/ Hợp với cảnh liền phạm

(2) Nếu bị kẻ thù ép buộc hoặc đem đến trước cảnh, hoặc đến chỗ thân Phật khai thân biết chế ngự làm cho không nhiễm, cũng đủ bốn duyên.

1/ Chánh cảnh (bất luận mình, người)

2/ Bị kẻ thù ép buộc

3/ Hợp với cảnh

4/ Thọ lạc liền phạm

Luật Thiện Kiến chép: Người dâm không thọ vui, như để nam căn vào miệng rắn độc, vào lửa, là tướng không nhiễm.

Hỏi: Giới dâm này kết phạm chung cho cả đùa cười, không phải như lấy nam căn của đứa bé giỡn để vào miệng, cố nhiên không có tâm dâm?

Đáp: Tâm dâm khó biết.

Theo luật nói: Tâm ái nhiễm là ý dâm dục, đều phạm tội trọng.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người xúc chạm mà vui thích thì phạm thâu-lan-giá.

Nếu không phải đùa giỡn thọ chạm vào cũng vậy.

Luật Thập Tụng nói: Trong miệng nếu quá răng là thành phạm, còn hai đường thì không có khai.

Luật Tứ Phần chép: Nếu kẻ thù cưỡng cầu nam căn cho vào ba phạm cảnh, trong ba thời tâm không có vui thì đều không thành phạm, tùy theo mới vào, vào rồi, khi ra trong mỗi lúc có ý dâm đều phạm nặng, nếu là kẻ thù cưỡng nắm Tỳ-kheo, hai chỗ hành bất tịnh, mới vào biết ưa thích phạm trọng, cho đến cách bên trong bốn câu cũng vậy. Hoặc có trong việc này, chỉ răng trong miệng. Chỉ có cảm giác ngón tay đau thì khỏi tội trọng. Như trước nói trong lửa, trong miệng rắn độc.

Luật nói: Thây chết hoại một nửa, hoại phần nhiều, và bộ xương mà hành bất tịnh phạm thâu-lan-giá. Giới dâm này kết phạm không đợi xuất tinh. Chỉ khiến hành trong xương thịt đều phạm thâu-lan-giá. Nếu vốn ý làm xuất tinh, tinh xuất phạm Tăng tàn.

Như giới bổn số nói vốn chẳng phải ý Tăng tàn, mà chỉ là đường thẳng đều phạm, cho nên Luật Thiện Kiến chép:

Dù bị chặt đứt đầu và hành dâm trong cổ, trong miệng của người

chết cũng phạm trọng.

Luật nói: Nếu tăng ni dạy nhau, làm không làm đều phạm cát-la làm thì người dạy phạm thâu-lan-giá, không làm phạm cát-la, ba chúng dưới dạy nhau làm hay không làm điều phạm Đột-cát-la, làm thì diệt tẫn, phạm cát-la là khác. (cho đến thiên dưới đồng phạm cát-la).

3) Nói về không phạm: Nếu ngủ say không hay biết (nghĩa là khai cho kẻ thù đến ép buộc thân phần) không thọ vui (nghĩa là khai cho kẻ thù sẽ tạo cảnh khác) tất cả không có ý dâm (vì không có tâm ái nhiễm ô) đều không phạm.

Giới thứ hai là ăn trộm, tánh giới bao gồm nặng nhẹ. Trong tánh trọng vì ăn trộm khó che chở cho nên các bộ đều nói rõ. Còn giới khác y cứ nói chung mà thôi. Nói về giới này đều thuật trong quyển 3 và quyển 5, nhất định khéo thêm vào mới có thể khỏi hoạn. Có chỗ nêu riêng: Giới trộm này dùng vào sao riêng, đè nén cũng là ý khuyên răn. Cuối cùng đều phải xem khắp, thứ lớp trình bày rõ ràng, trong cảnh phạm trước. Nghĩa là sáu trần, sáu đại, vật có chủ. Người khác tiếc giữ phi lý đưa đến tổn hoại, pháp này thành phạm. Nếu vật không có chủ và vật của mình, hoặc duyên sai cảnh đoạt tâm lương nghi chuyển, tuy có tâm trộm lấy mà trước chẳng phải cảnh trộm, đều không kết phạm.

Chỉ có bổn tâm phương tiện.

Hỏi: Thế nào gọi là vật vô chủ?

Đáp: Luật Thiện Kiến nói: con cái làm việc ác, cha mẹ đuổi đi, sau đó cha mẹ chết, vật ấy là vô chủ, dụng thì không tội. Bộ Tát-Ba-Đa nói: Giữa hai nước, hai bên đóng kín ranh giới, nơi ấy chỗ đất trống có vật gọi là vô chủ.

Lại nói: nếu nước tan, vua bỏ chạy, vua sau chưa thống lãnh, trong đó có vật là vô chủ, tức như người thế tục làm cho núi sông rừng rậm rạp không ai giữ gìn, nếu trước thêm công sức thì không được trộm cắp.

Trong phần thành tướng phạm, duyên chung có sáu thứ:

1. Vật cỏ chủ.
2. Nghĩ là chủ.
3. Có tâm ăn trộm.
4. Vật quý giá.
5. Làm mọi cách.
6. Nêu lìa chỗ cũ thì đủ thành phạm.

Nay y vào duyên phạm lần lượt giải thích.

- Trong phần duyên đầu (vật có chủ) lại chia ra ba loại:

1. Ăn cắp vật của Tam bảo

2. Ăn cắp vật của người

3. Ăn cắp vật không cất giữ

Trong phần vật của Tam bảo trước nói sự đúng sai của người tri sự.

Sau đó giải thích về trộm cắp khác nhau. Vì vậy, nếu không biết tường tận về luật nghi, khéo thông dụng cho, đồng thời tâm thảy xứ phân phần nhiều ăn cắp tổn hại, tướng như ở sau sẽ nói. Cho nên các kinh như Bảo Lương Đại Tập, v.v... nói: Vật của Tăng khó giữ, Phật pháp vô chủ, tôi cho rằng hai loại người giữ vật của Tam bảo:

1. A-la-hán

2. Tu-đà-hoàn. Sở dĩ như vậy, vì các Tỳ-kheo khác giới không đầy đủ, tâm không bình đẳng, không cho người này làm Tri sự lại có hai loại:

1. Có thể trì giới thanh tịnh, hiểu biết về nghiệp báo

2. Sợ tội đời sau, có tâm hổ thẹn và tâm hối hận.

Hai người này không có mụn nhọt bảo hộ ý người khác. Việc này rất nói, đồng với Thánh giáo như thế tức là lời khuyên răn lớn.

Nhân tức phạm, vì ngu si kiêu mạn, cho nên luật nói:

Ta nói người này ngu si phạm Ba-la-di (đều không nương vào lời dạy của Phật, lòng sư mịt mù phạm đại tội)

Nay nói về vật của Tam bảo, chia ra bốn môn khác nhau:

1 Trộm dùng

2 Dùng chung với nhau

3 Xuất ra cho vay

4 Đem vật Tam bảo đãi đằng đạo tục

Trong phần một (trộm dùng), trộm vật của Phật, đứng nhìn bên Phật không phạm tội ăn trộm. Vì Phật đối với Phật không có tâm ngã sở, không có não hại. Cho nên chỉ phạm thâu-lan-giá. Vì đồng nhiếp với vật của phi nhân.

Thập Tụng nói: Trộm tượng thiên thần kết tội thâu-lan-giá.

Kinh Niết-bàn lại nói: Xây dựng chùa Phật, dùng hoa báu cúng dường, không hỏi mà lấy, hoặc biết hay không biết đều phạm thâu-lan-giá. Nếu có chủ giữ gìn vật của Tam bảo đều kết tội trọng. Không có chủ giữ gìn muốn đoạn phước của thí chủ đều kết tội. Cho nên Tỳ-nại-da nói: Nếu trộm cờ phướn lọng báu trong tháp Phật và tháp Thanh văn đều mong đoạn phước của thí chủ thì kết tội, cho nên trong Ngũ Bách Vấn nói:

Trên tháp quét rác cho sạch sẽ, không được ác dụng

Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm vật trong miếu của phi nhân có người giữ gìn phạm tội trọng.

Thập Tụng nói: Trộm vật trong tháp Phật, đồ cúng dường trong tịnh xá, nếu có người giữ gìn thì tính giá trị thành phạm.

Trong Kinh Thiện Sinh chép: Cũng từ người giữ tháp mà phạm tội trọng.

Không nhìn bên Phật mà kết, cho nên y cứ theo người giữ vật mà kết, như phân biệt trộm vật của người, nếu trộm để cúng dường thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa chép: Trộm tượng Phật.

Thập Tụng chép: Trộm xá-lợi đều tịnh tâm cúng dường, tự nghĩ người kia cũng là thầy, ta cũng là thầy, ý nghĩ như vậy không phạm. Trong bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm tượng Phật, Xá-lợi không đủ năm tiền phạm thâu-lan-giá, đủ năm tiền phạm tội trọng.

Tát-bà-đa nói: Chuyển bán, là nếu trong tháp Phật có chim chết, và được vật khác, chỉ để tháp dùng, dùng các vật khác đều phạm tội trộm, về trộm pháp thì pháp là vô tình, không có tâm ngã sở.

Trong luật kết tội trọng, y cứ vào người chủ giữ mà kết.

Văn nói: Bấy giờ, có Tỳ-kheo trộm quyển kinh của người.

Đức Phật bảo tính giấy mực mà kết tội trọng, vì Phật nói vô giá.

Thập Tụng, Ma-đắc-lặc-già, Tát-bà-đa đều y cứ vào người chủ giữ vật mà kết phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Trộm kinh, tính giấy mực, công việc, đủ năm tiền phạm tội trọng.

Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm kinh đủ năm tiền phạm trọng, không đủ phạm khinh.

Trong Ngũ Bách nói: Không được dùng miệng thổi bụi bặm trên kinh, trên tượng chuẩn theo đồng. Nếu đốt kinh cũ phạm tội trọng như thiêu đốt cha mẹ, người không biết có tội phạm khinh.

Thập Tụng chép: Mượn kinh mà chống cự không trả, khiến chủ sinh nghi phạm thâu-lan-giá, đó là do tâm chưa bỏ cho nên như vậy.

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Trộm phương pháp bí mật chép tay phạm tội trọng.

Hỏi: Như trong luận nói: Trộm tượng Phật, Xá-lợi cúng dường không phạm, trộm kinh cũng như vậy, một bề kiết tội trọng?

Đáp: Phật được ở xa tâm lễ bái cung kính, pháp phải cầm văn đọc tụng, cho nên kinh Địa Trì nói: Không cúng dường hiện tiền gọi là đại đại cúng dường. Nếu muốn cử lẫn nhau cũng kết phạm lẫn nhau.

Như người tạo tượng chuyên tâm vì mình, không vì người khác, có thể không kết trọng, tạo kinh vì người tùy theo khả năng thọ dụng, đâu thể kết tội.

Trộm vật của tăng, có chủ giữ gìn đồng với trên kết tội trọng. Nếu chủ giữ gìn tự trộm cắp, theo Luật Thiện Kiến thì trộm vật của tăng phạm tội trọng, nhưng tăng có bốn loại:

1) Thường trụ thường trụ: nghĩa là kho lẫm, chùa viện của tăng chúng có hoa quả, cây cối, ruộng vườn, v.v... vì thể chung cả mười phương, không thể phân dùng, nhìn chung chúng tăng như luận đoán trọng.

Luật Tăng-kỳ chép: Dù tất cả Tỳ-kheo nhóm họp cũng không được chia, ở đây một bề xếp vào tội trọng.

2) Thập Phương thường trụ: Như nhà tăng cúng dường thức ăn mà tăng thường dùng, chung mười phương, chỉ hạn cục bổn xứ. Nếu có người giữ gìn y cứ theo chủ thì kết trọng, người cùng trộm thì phạm tội khinh.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đem thức ăn lâu dài ở nhà tăng về phóng phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu lấy vật của tăng như vật của mình để dùng cho người phạm thâu-lan-giá. (y cứ theo cùng trộm thức ăn của tăng). Nếu tâm trộm lấy tùy giá bao nhiêu mà kết, đó gọi là đại giặc thứ năm (y cứ theo như có chủ).

Tỳ-ni Mẫu cũng như vậy, Tát-bà-đa, Thiện Kiến chép: Không đánh chuông, mà ăn thức ăn của tăng phạm tội trộm. Lại, trong chùa trống khách tăng, thấy thức ăn trộm ăn, tùy giá bao nhiều mà kết tội. (theo như trên đây thâu-lan-giá).

3) Hiện tiền Hiện tiền: nhất định ăn trộm vật này, xét theo bổn chủ mà kết tội. Nếu nhiều người mà một người giữ vật cũng y cứ vào chủ mà kết trọng.

4) Thập Phương hiện tiền: Như vật khinh của năm chúng đã qua đời.

Kinh Thiện Sinh chép: Trộm vật của Tỳ-kheo qua đời, nếu chưa yết-ma, theo tăng mười phương phạm tội khinh (tính người không đủ năm tiền, chỉ phạm thâu-lan-giá). Nếu đã yết-ma, y cứ tăng hiện tiền mắc tội trọng. (số người có hạn, thì có thể đủ năm tiền).

Nếu khi qua đời tùy theo người chết di chúc trao vật, trộm vật của người cho kết tội.

Luật Tứ Phần chép: Vật của bốn phương, hoặc tăng, hoặc rất nhiều

người, hoặc một người, không nên phân chia, không nên bán, không nên đem về cho mình, đều phạm thâu-lan-giá. Nhân có người nói:

Nếu trộm vật của tăng nói không thành trộm, liền đoạt lấy. Điều này chưa thấy văn rõ ràng trong các bộ. Nếu đoạt lấy thì thành phạm trọng.

Luật Tứ phần chép: Tạm trở ngại Tăng dùng cho nên kết khinh.

Nếu nhập hẳn đồng với của mình, thì Thiện Kiến cho là tội trọng.

Luật Ngũ Phần chép: Tâm trộm, đổi vật tốt của tăng, giá năm tiền phạm Ba-la-di, một tiền trở lên phạm thâu-lan-giá.

Kinh Đại Tập chép: Trộm vật của tăng tội đồng với năm tội nghịch.

Nhưng tôi trộm chung cả ba ngôi báu, vật của tăng rất quý, hễ hao tổn một hào thì y cứ vào phàm thánh mười phương mỗi mỗi mà kết tội.

Cho nên các bộ, như trong Ngũ Phần chép: Có nhiều người cúng dường vật cho tăng. Phật đều đáp: “Hãy cúng dường cho tăng, ta ở trong số tăng, cúng dường tăng được quả báo lớn”.

Lại, kinh Phương Đẳng chép: Năm tội nghịch, bốn tội trọng ta có thể cứu. Trộm vật của tăng ta không cứu được. Ngoài ra như trong các kinh Nhật Tạng Phần, Tăng Hộ truyện, v.v... có trình bày rộng.

Ngũ Bách Vấn chép: Lấy vật của Phật, pháp, Tăng dù hoàn lại thì vẫn đọa vào địa ngục A-tỳ nhưng được ra sớm,. huống chi không bồi hoàn, mãi mãi không có lúc mong ra. Nhân đó nói việc Pháp sư Tam Tạng hoàn nợ.

2) Nói rõ dùng chung, lại chia làm bốn:

1. Tam bảo dùng lẫn nhau.
2. Đương phần dùng lẫn nhau.
3. Tượng cùng vật báu dùng lẫn nhau.
4. Mỗi vật dùng lẫn nhau.

Y cứ vào phần đầu, như Tăng-kỳ nói: Chủ chùa là Ma-ma-đế cùng dùng vật của Phật pháp Tăng, cho rằng không phạm. Phật nói phạm Ba-la-di. Nghĩa là người Tri sự lấy lương thực, dụng cụ của tăng và trâu ngựa làm tượng Phật, nhà kinh doanh việc sai sử đều chánh trọng, đem vật của Phật, pháp, tăng dùng cũng vậy. Văn rộng ra như trong luật kia. Các kinh như Bảo Lương, v.v... nói: hai vật của Phật, pháp không được dùng qua lại. Vì không có người, vì vật của Phật pháp mà làm chủ, lại không thể thưa hỏi, không đồng với vật của Tăng, cho nên thường trụ tăng, chiêu-đề-tăng cũng có những điều cần Tỳ-kheo coi về việc hòa

tăng, đòi hành thủ, người hòa hợp được dùng. Nếu muốn dùng vật của tăng, sửa sang tháp Phật, y theo pháp mà lấy. Tăng hòa hợp được dùng. Người không hòa hợp, khuyên người tục tu bổ. Nếu pháp Phật có vật cho đến một tiền, vì thí chủ chú trọng tâm thì phạm xá-ni.

Các vị trời và người đối với vật này, sinh tưởng là Phật, tưởng là tháp, cho đến gió thổi, mưa rửa ra, không được trao đổi vật báu cúng dường. Vì vật trong tháp của Như lai không có người làm giá cả.

Nếu y cứ theo đây ngăn tăng thọ dụng, đều là dùng qua lại

Nếu không ngăn tạm an trí, lý được không tổn.

Văn nói: Không được đặt Phật ở phòng dưới, mình ở phòng trên.

Hỏi: Chiêu-đề tăng, thường trụ tăng là gì?

Đáp: Trung A-hàm chép: A-nan nhận phòng riêng để cúng dường chiêu-đề tăng. Cô gái Am-bà cúng vườn lên Phật trước tiên và chiêu-đề tăng, trong văn không rõ. Y cứ theo phòng nhà này là vật của chiêu-đề tăng. Hoa quả, v.v... là vật tăng man.

Ngũ Bách Vấn nói: Vốn chẳng phải chùa viện mà thờ tượng trong đó, Tỳ-kheo cùng nằm ngủ làm chướng ngại, ngăn cách thì không phạm, vì Phật tại thế cũng cho đệ tử ngủ cùng phòng.

Luật Thập Tụng nói: Phật cho tăng phòng nuôi sứ nhân, tượng Phật sứ nhân. Cho đến voi, ngựa, trâu, dê cũng vậy. Mỗi mỗi đều có sở thuộc, không được dùng chung.

Tát-bà-đa chép: đất của Tăng bốn phương không hòa hợp thì không được làm tháp Phật, trồng các thứ hoa quả cho Phật. Nếu trong tăng phân hành được rồi thì cho tùy ý cúng dường. Hoa nhiều vô hạn tùy ý dùng cúng dường. Nếu qua sự đói khát, mất mùa, ruộng vườn của Tam bảo, không có phân biệt, không thể thưa hỏi, nếu tăng hòa hợp tùy ý xử phân, hoặc nước của tháp, dùng công sức của tháp mà được, Tăng dùng phạm trọng. Nếu công sức của Tăng, phải so lường bao nhiêu chớ sai làm quá hạn, quá thì kết trọng.

Luật Thập Tụng chép: Cây hoa trong vườn của tăng, cho lấy cúng dường tháp Phật, nếu có trái cây sai người lấy ăn, cây lớn cúng dường rường cột cho tăng, lá và vỏ cây tùy ý Tỳ-kheo dùng, cũng được nhờ tăng đục đẽo bình chậu để dùng.

Tỳ-ni Mẫu chép: đã phân chia phòng xá, đất trồng cây, sau đó lấy cây sửa sang phòng, không cần bạch tăng.

Cây của tăng để sửa tháp và tăng, được cây củi trong viện tăng, phải y cứ nhiều ít. Cúng dường nhà sưởi, nhà trù, nhà tắm, phòng riêng. Không được lấy quá. Nếu không định hạn, tùy ý nhiều ít nên lấy cây

khô. Nếu tăng cần cần cây để dùng, hoặc có cây đang ngăn đất mà thí chủ không cho chặt, liền sai tịnh nhân trộn xương cá với tro, rưới lên cho chết. Sau đó, nói cho thí chủ biết, rồi mới chặt dùng.

Nếu ruộng nhà của tăng liên tiếp với ruộng, nhà của người dữ, được nói đàn việt chuyển dời.

Trong Tứ Phần chép: Vua Bình-sa cúng dường vườn cho Phật, Phật bảo cúng dường cho tăng, biết Tam bảo không được dùng qua lại, liền khuyên cúng cho Tăng, Tăng cũng được cúng dường Phật pháp. Nếu người vốn cúng dường chung cho Tam bảo thì tùy thiên lệch mà dùng hết, không được chia vật này làm ba phần, vì trái với tâm cúng dường.

Luật Thiện Kiến chép: Vật che đậy nếu là Tam bảo trai giảng thiết hội thì được lấy không tội. Trong luật trên, cho đến người khác được dùng củi cỏ của tăng. Đây phải cần cụ giới thanh tịnh đúng với pháp của tăng. Như luật đã xử đoán, tài pháp đều đồng. Nếu thực hành thiếu trái với đồ dùng của tăng phạm tội vô lượng. Rộng như trong kinh trước. Lại như truyện nói: do lấy lá, cây của Tăng nhuộm làm tạp dụng, tội bị đọa vào trong hang đá, thân đều vào địa ngục chịu khổ. Đây đều do giới chẳng đầy đủ, không có tâm hổ thẹn. Người có tâm hạnh, tự ẩn mà tham lấy.

2) Phải chia dùng với nhau: Nghĩa là vốn tạo hình Thích-ca đổi thành Di-đà, vốn làm Đại phẩm đổi làm Niết-bàn, vốn làm phóng tăng đổi làm xe cưỡi, đều vọng nhìn cảnh trước, lý nghĩa dễ thông. Nhưng trái với tâm cúng dường, phạm tội dụng qua lại.

Luật nói: Cho phép chỗ này cho chỗ kia, và hiện tiền trực đường đổi làm năm y đều phạm tội. Nếu vốn làm Phật lại làm Bồ-tát, bổn kinh chưa luận v.v... thì tình lý đều trái gốc.

Soạn chánh lục, tạp lục, giá kinh và tạo người nhóm họp kinh ngụy nhân quả hoàn toàn trái, pháp quyết phạm trọng, phước không có phước riêng. Vì tà chánh xen lẫn, cho nên nếu đông tây hai nẻo, tài vật Phật pháp có chủ thì không được, không chủ thì dùng chung, nếu vốn thông các sư và chúng cúng dường, lý thông được làm, nhưng không thông người phi nghĩa, nuôi ngựa dê lẫn lộn.

Ngũ Bách Vấn nói: Dùng mầu sắc của Phật làm hình chim thú thì phạm tội, trừ ở trước Phật vì cúng dường.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu thí chủ định cúng dường vườn cây, y phục, thuốc thang, v.v... Người có tâm trộm cắp chia ăn, tùy theo tính giá trị mà kết trọng. Nếu định làm phóng xá tăng mà lại làm thức ăn cho

tăng phạm thâu-lan-giá. Hoặc trụ xứ này thiếu lương thực, mọi người muốn giải tán đi, không có người giữ gìn, hòa tăng giảm dùng, các vật trong như vườn cây v.v... làm thức ăn. Chủ lãnh giữ gìn, cho đến phòng Tăng bốn phương cũng được. Nếu phòng bị phá hoại, bán những vật thô để sửa sang, hoặc thời giặc loạn cho giữ tùy thân. Khi giặc đi rồi bình yên về lại chỗ cũ. Muốn cúng dường tượng này, lại cho tượng kia, phạm Đột-cát-la. Trong quyển 8, 9, 10 nói về giới trộm rất vi tế kín đáo. Thập Tụng và Lặc-già nói; giữ vật của tăng bốn phương này, tâm trộm cắp đưa cho chùa khác phạm Đột-cát-la, nếu lấy trả lại cho tăng thì không phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ở chùa gần bên bị phá không có chỗ nằm và đồ cúng dường, thông kết một giới hai bên cùng dùng.

Trong Ngũ Bách Vấn nói: người tại gia bạch tăng cho thức ăn những người mà Tỳ-kheo chưa độ, hoặc vì tăng mà bạch xin tăng cho đem thức ăn của tăng để giữa đường, hoặc tăng không cho, hoặc không bạch trả lại thì phải bồi hoàn. Nếu không thì phạm trọng, nếu cúng dường trai tăng, tăng đi trai chủ cúng dường cho tăng sau, đánh Kiền-chùy được ăn. Nếu không dành mỗi người ăn no phạm trong. Y cứ theo trên không được, liền đem thức ăn của tăng ra khỏi giới mà ăn không hoàn lại, người có tâm thì phạm trọng.

Tuy là đánh chuông còn không khỏi tội, vì vật thể thuộc về xứ định.

Trong luật nói: Cùng lợi dưỡng thuyết giới riêng phải làm yết-ma hòa tăng mới được. Nếu được đầu cần đồng giới đồng pháp.

Nếu vì Tăng sai đi xa, trên đường đi không có chỗ khất thực, hòa Tăng đem thức ăn để giữa đường cũng không nhất định làm tướng.

Theo văn giữ chùa của luật Thiện Kiến. Nếu chùa trang nghiêm vững chắc không cần hòa Tăng. Hai bên trụ xứ dùng chung, mỗi trụ xứ hô kiền-chùy để cùng ăn. Nếu đến chùa ngoài, có người riêng giữ vật của Tăng, dùng thì phạm trọng. Vì thí chủ định cúng tăng trú xứ này, không cúng loại riêng khác chẳng phải ruộng phước, cho nên người nhà tăng cất giữ phạm cát-la.

3) Tượng cúng báu qua lại: nghĩa là trụ trì Tam bảo và lý của báu qua lại. Tát-bà-đa hỏi: Khi Phật tại thế, trong các vật cúng dường Tam bảo thường nhận phần của một người, vì sao sau khi Phật diệt độ khắp nơi lấy phần của một người?

Đáp: Phật tại thế, sắc thân thọ dụng, nên lấy một phần của một người, sau khi Phật diệt độ cúng dường pháp thân công đức hơn Tăng

nên lấy một phần báu. Lại khi Phật tại thế nói cúng dường Phật thì sắc thân thọ dụng, nói cúng dường Phật bảo đặt trong tháp thờ móng tay, tóc cúng dường pháp thân. Vì pháp thân thường còn ở thế gian.

Nếu cúng dường Pháp chia làm hai phần, một phần cho kinh pháp, một phần cho người tụng kinh nói pháp. Nếu cúng dường pháp bảo thì treo trong tháp. Nếu cúng dường Tăng bảo cũng để trong tháp, cúng dường tăng đệ nhất nghĩa đế, hoặc cúng dường chúng tăng phàm thành đều lấy phần, vì nó không đáng. Y cứ theo lúc thọ thí này, khéo biết thông bít, chớ dùng qua lại mà gây ra lỗi lầm.

Trong phần thứ tư vật tùy tướng, tự qua lại trước y cứ theo vật của Phật, có bốn loại:

1) Vật Phật thọ dụng không được chuyển qua lại, nghĩa là các vật như giảng đường, y phục, giường màn, v.v...

Vật Phật từng dùng, cúng dường để trong tháp, không được đời qua lại như kinh Bảo Lương ở trước đã nói. Ngũ Bách Vấn chép: Không được bán lụa trên thân Phật cho Phật làm y, lại cột trụ chùa viện bị hư hoại, thí chủ đổi xong, cột củ cúng dường cho tăng, tăng không được dùng. Trong luật Phật nói nếu giường tọa cụ của Phật, tất cả trời người cúng dường không được dùng, vì đều là tháp, cung kính như tượng tăng, cho đến cung kính trong pháp.

2) Cúng dường vật thuộc của Phật, Ngũ Bách Vấn chép: vật của Phật được mua lấy cúng dường, đầy đủ cúng dường. Luật Thập Tụng chép: lấy vật tháp Phật xuất lời, Phật nói cho. Ngũ Bách Vấn chép: vật của Phật không được dời đến chùa khác, vì phạm tội khí. Nếu chúng tăng đều đi, bạch tăng tăng cho đem đi thì không tội.

Khách Tỳ-kheo làm tượng Phật, viết kinh được vật thì không được lấy, nếu được nhà Phật nuôi trâu bò, cũng không được thường sai trâu bò của Phật vì phạm đại tội.

3) Cúng dường vật lên Phật. Luật Tăng-kỳ nói cúng dường hoa cho Phật nhiều thì cho chuyển mua hương đèn cúng Phật.

Còn vật cũ nhiều chuyển bán để làm vô tận tài của Phật.

Ngũ Bách Vấn chép: Cờ, phướn của Phật phần nhiều muốn làm Phật sự khác, nếu thí chủ không đồng ý thì không được, vì y cứ theo đây đổi làm, không chuyển biến bản chất. Như Đại Luận chép: như họa làm tượng Phật.

1. Vì không tốt nên cố hoại thì được phước.

2. Vì ác tâm hoại thì phạm tội.

4) Vật hiến cúng Phật. Luật nói: Cúng dường tháp Phật, thức ăn

để sửa sang tháp người được ăn. Luật Thiện Kiến nói: Trước Phật dâng cơm, Tỳ-kheo hầu Phật ăn. Nếu không có Tỳ-kheo, người tại gia hầu Phật được ăn. Y cứ theo đây, bàn Phật của nhà thế tục vốn không thuộc về Phật, không còn nói chuộc kinh ngụy.

Kế nói vật của Pháp cũng có bốn thứ khác nhau:

1) Pháp thọ dụng, như thuộc về sương hộp, khăn, màn, v.v... vốn là vật bày biện không thể sửa đổi lại, còn ba điều không y cứ ở trên có thể biết.

Nói rõ vật của tăng. Nếu hai loại thường trụ hạn cục chỗ đã định không thể chuyển dời, như trên có nói. Nếu giúp đỡ chung các chùa khác, yết-ma hòa thì được.

Thường trụ thường trụ chỉ được thọ dụng, thập phương thường trụ hô kiền-chùy đồng thời liền dự phần ăn. Nếu ác giới kịp thời, có đức phi thời, phi pháp mà dùng đều kết tội thâu-lan-giá.

2) Hai loại cùng dùng qua lại thông hòa thì được, không y cứ ở trên có thể biết, người thường trụ cất chứa không được mua bán. Y cứ theo kinh tội trọng, các luật không có văn. Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói cùng dường tôi tớ cho tăng đều không được nhận, ý có thể biết. Nếu nói hai loại tội hiện tiền qua lại như trên, thì hai vật khinh trọng cắt đứt chẳng trái với văn, đều kết hai tội.

3) Vật Tam bảo xuất ra cho vay: Luật Tăng-kỳ nói: Tháp Tăng hai vật cùng cho vay, khoán nhớ rõ ràng. Lúc nào vay lúc nào trả, nếu tri sự thay thế phải ở trong tăng đọc sớ, xướng rõ ràng rồi ghi phó chúc cho người sau. Trái điều này kết phạm.

Thập Tụng, Tăng-kỳ nói: Vật của tháp xuất cho vay lấy lời, hoàn lại đặt trong vật tháp vô tập tài. Vật của Phật xuất cho vay hoàn lại cho vào vô tận tài của Phật. Định cúng dường tháp, vật của tăng trong văn ví dụ đồng, không được liên can lẫn lộn. Thập Tụng nói: Người khác được cho vay vật của tăng. Nếu chết thì bồi hoàn, tính theo giá cả để vào tháp tăng. Luật Thiện kiến nói: Lại được vay mượn tài vật của tăng làm phòng riêng. Kinh Thiện Sinh chép: người bệnh vay vật của Tam bảo hoàn lại gấp mười, còn người không bệnh lý không cho vay, không đồng với luật nghi là hai chúng thế tục, văn giống như năm chúng xuất gia.

Ngũ Bách Vấn chép: Vật của Phật người cho vay lấy lời tự dùng, đồng với hoại pháp thân. Nếu có người cúng dường trâu bò, tôi tớ cho Phật không được thọ dụng và bán đổi. Nếu cúng dường vũ khí cũng không được nhận, ngoài ra đều như giới thứ tư cất chứa của báu, pháp

chiêu đãi đạo tục.

Luật Tứ Phần nói Ưu-ba-ly đến một trụ xứ, không ai đón tiếp liền trở về. Phật bảo: Nếu người biết pháp, biết luật, biết ma-di, hễ đến chỗ nào đều phải đón rước cúng cấp cơm nước. Cũng không nói vật hiện tiền bốn phương tăng. Theo việc cho y người tri sự, thì vật mười phương hiện tiền cho nên biết chẳng phải vật của thường tứ phương.

Luật Thập Tụng nói: Vì người này thay vào chỗ ta cho nên phải cung cấp.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người tại gia vào chùa, tăng không cho thức ăn liền khởi tâm chê bai. Phật bảo nên cho, liền cầm bình xấu đựng đầy thức ăn cho, lại sinh tâm chê bai. Phật bảo lấy bình tốt đựng. Đây gọi là người tục suy nghĩ thấy lỗi của tăng. Nếu hai chúng tại gia và người thông đạt thế tục phải nói phước, ăn khó tiêu, chẳng phải là tiếc. Như trong pháp chúng võng có nói.

Luật Thập Tụng chép: cung cấp củi lửa, đèn đuốc cho quốc vương, đại thần, cho dùng mười chín tiền, không cần bạch tăng.

Nếu đòi lại, bạch tăng cho, ác tặc đến, bất cứ lúc nào suy nghĩ quyết định, không hạn lượng nhiều ít. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ác tặc đàn việt, thợ mộc cho đến quốc vương, đại thần, v.v... người có công năng làm tổn ích nên cho cơm nước.

Đa Luận nói: Người có thể làm tổn hại thì cho họ, người có ích không được thì làm nhiễm ô nhà. Nếu hai bên biết pháp như luật cũng được rộng, như hai thiên dưới nói.

Luật Thập Tụng nói: Về cách chiêu đãi tịnh nhân, niếu phân thứ lớp trên dưới, thì phải trên cho y thức ăn, dưới lần lượt không được nhiều. Sứ giả cung cấp y thức ăn. Luật Thập Tụng nói: Khách làm người thuê được toàn ngày, cuối cùng gặp nạn duyên, không được khế hợp. Phật bảo lượng công mà cho y theo pháp thế tục. Từ sáng đến trưa trước có việc nạn, cho ăn một bữa. Không cho thì làm đúng giá, sau đó đi rồi có nạn không sai, thì cung cấp làm công trọn ngày. Lại phải y theo lời Phật nói lượng theo công lao xem siêng năng hay lười biếng. Tuy lại sai đi trai qua nửa ngày. Mà công y theo toàn phu cũng cho giá cũ, nhất định người lười biếng cũng bớt. Ngoài ra, như trong quyển thượng cũng có về thông cục thức ăn của tăng.

Đại môn thứ 2, trong vật người trộm cấp do nhất định có chủ, mong hai chủ kết, một tổn chủ chánh, hai tổn chủ giữ gìn, thì vật của chủ chánh phải có ba câu.

1/ Có tâm ngã sở, có giữ gìn, như trong rương có các tài vật gấm

lụa, v.v...

2/ Có tâm ngã sở, trong ruộng không có người giữ ngũ cốc.

3/ Không có tâm ngã sở, không giữ gìn các kho báu trong lòng đất.

Nếu trộm ba loại này đều tổn chánh chủ, kết tội.

Còn chủ giữ gìn hai câu khác nhau.

1. Có tâm ngã sở, giữ gìn riêng, như tăng có thể phân chia vật sai người giữ gìn.

2. Tâm vô ngã sở, giữ gìn riêng. Như cửa ải đoạt được vật cấm, kết nay tổng hai chủ chia làm bảy loại:

1) Giữ gìn chủ tổn mất. Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo giữ gìn tài vật cho người khác hoặc Tam bảo, nếu cẩn thận để trong cửa kín mà giặc Tỳ-kheo từ trong nhà, trong kẻ hở trộm lấy, hoặc áp bức, cưỡng lấy. Chẳng phải chủ giữ gìn có thể cấm hạn, y theo bổn chủ mà kiết, không được giữ vật của người (nếu trưng cầu thì phạm trọng). Nếu chủ thường lười biếng, không siêng lấy cất, bị giặc trộm cắp, Tỳ-kheo giữ vật phải đền. Không mong vào bổn chủ. Nếu không hoàn lại, giữ gìn thì kết phạm. Gởi chủ bị tổn thất. Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo ở nơi xa gởi vật mà bị tổn phá. Phật bảo nếu người tâm tốt làm hư thì không bồi hoàn, người tâm ác phá thì phải bồi thường. Tỳ-kheo gởi vật cho cư sĩ, người không tốt xem cố làm mất, nên đòi lại. Nếu gởi vật cho cư sĩ, cư sĩ gởi vật cho Tỳ-kheo, hai thuyết như trên; Nếu mượn vật của người khác bất luận hai tâm tốt xấu, nếu tổn thất tất cả phải bồi thường. Nay có người rửa bình bát cho người khác và nhầm làm bể, phần nhiếu đòi thường lại, tùy theo đó mà kết trọng.

2) Chủ bị trộm vật: Thập Tụng chép: Nếu trong chúng có người mất vật, chúng chủ không được lấy, mà lấy cất tụng chú rồi lấy. Nghĩa trình bày hai loại.

Không hiện tiền chủ bị trộm vật giữ gìn tâm nghĩa yếu đuối.

Người lấy được tưởng quyết lấy, chủ tuy có tâm không xả bỏ. Sau đó thấy vật này không được đoạt lấy vì lìa đất thuộc thành nghĩa giặc, nếu đoạt lấy phạm trọng. Cho nên Luật nói: Bấy giờ, có Tỳ-kheo cướp đoạt lấy phạm trọng. Vì thế luật nói: Bấy giờ, có Tỳ-kheo cướp đoạt vật. Phật nói phạm Ba-la-di, Tăng-kỳ nói: mặt không hiện tiền.

1. Bổn chủ không xả bỏ.

2. Người đoạt chưa làm.

Tưởng được sau đó đoạt lấy được, trái với hai duyên trên, đoạt lấy phạm tội trọng. Dù tâm mình không buông bỏ, trước người quyết định

lấy, chính là thành trộm tổn thất, không được đoạt lấy, nếu trước xả bỏ vì không có chủ, cũng không được nhất lìa rồi sau đó lấy.

3) Đối diện hiện tiền đoạt lấy, do nghĩa giữ gìn mạnh.

Đoạt còn do dự muốn được chưa nhất định. Vốn tâm của chủ yếu, mà người chưa xả bỏ cũng được đuổi theo đoạt lấy.

Luật Tăng-kỳ nói: Giặc cướp đoạt vật rồi đi, Tỳ-kheo đuổi theo cướp đoạt được vật ấy thì không phạm. Lại trời tối đuổi theo giặc, giặc cất vật rồi đi, Tỳ-kheo liền lấy đem đi. Lại giặc lần lần đến gần thôn xóm, Tỳ-kheo đuổi theo giặc. Nếu hòa bảo rõ thì được, nếu sợ la mắng thì không phạm. Biết có việc chết không nên nói cho người biết. Các câu như trên đều là đối diện bị cướp. Nếu mình tưởng là mất, bất luận là người cướp lấy, quyết định hay không quyết định, sau đó lấy lại thì chính là giặc. Lại đoạt lấy vật của giặc, đều do quyết thuộc về giặc, dù không có ý tưởng mất, mà tâm giặc quyết lấy không sợ, cũng là thuộc về giặc. Không được đuổi theo đoạt lấy.

Tỳ-Nại-Da nói: Nếu mất vật, các quan lấy lại được, trả lại cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được lấy không phạm. Y theo mặt không hiện tiền cho đến trộm cắp tượng, vàng, v.v... tuy biết chỗ cất giấu cũng không được lấy.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo bị giặc tranh giành, tự thân trộm đồ của giặc không phạm, nếu thầy đoạt đệ tử đem đến phạm tội trọng.

4) Giặc bố thí cho Tỳ-kheo vật có chủ

Luật Thập Tụng chép: Giặc trộm vật đem đến, hoặc cúng dường với lòng tốt, hoặc do người khác đuỗi theo sợ hãi mà bố thí, được lấy vật này, không được theo giặc xin, tự cho thì được lấy. Lấy rồi nhuộm hoại sắc mà mặc. Có chủ biết, nếu đòi lại, hoặc giặc mua được y của Tỳ-kheo, bổn chủ thấy y không được đoạt thẳng, phải trả lại với giá cũ.

Nay hoặc có người trộm vật của Tam bảo và vàng bạc, kinh tượng, v.v... rồi hủy hoại đúc thành bình mà Tỳ-kheo xin, y theo văn trên được nhận. Căn cứ theo lý đã từng thọ dùng kinh Phật, chỉ có thể lấy, y vào bổn xứ dùng.

5) Thâu tù trói giặc chủ.

Luật Tăng-kỳ nói: Quan chưa nhận lấy, chưa viết tên vật mà gởi cho Tỳ-kheo, thì được lấy, hiển lộ cầm ra không được che giấu, nếu có người hỏi, thì nói là y vật của Phật, của tăng, của ta. Nếu người không cho thì trả lại.

6) Người cuồng thí vật chủ: Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu người cuồng tự lấy vật cúng dường, không biết cha mẹ, thân quyến, Tỳ-kheo

được lấy. Nếu cha mẹ biết, không tự tay cho thì không thể lấy.

7) Người giữ nhìn làm chủ: Luật Thiện Kiến nói: Người trộm không có tội, nghĩa là chủ nhân làm rơi, đưa gởi cho cha mẹ. Nếu cha mẹ qua đời, hoặc người mắc nợ đem đi thì không tội. (y theo đây riêng đưa thuế cho vua, người có phước không tội). Tôi tớ ăn trộm phạm tội trọng.

Thập Tụng nói: có người cất giữ y cho Tỳ-kheo, nghi chẳng biết có thành chủ không. Phật bảo, chỉ theo sự cúng dường mà nhận, không được theo xin. Luật Tứ Phần chép: người khác giữ kỹ, người cho y vật Tỳ-kheo, Phật bảo: Đây nếu là chủ thì được nhận, cho nên không được theo xin, vì vật là chủ khác, nếu nói nhận rời cúng dường, liền dạy người khác trộm lấy vật. Luận Minh Liễu chép: Nghĩa trộm cắp rất nhiều, lại y cứ vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, buông bỏ sáu trần, hành không đúng như Pháp. Hoặc phạm trọng, hoặc phạm khinh. Nếu người ăn thức ăn độc, hoặc bị rắn cắn, phạm tội như thế, nếu người trộm đất, nước, lửa, gió, không đại. Cũng phạm Ba-la-di đều từ giới trộm.

Giải thích rằng: Có các vị tiên, trong lòng thực hành thầy thuốc rắn độc, vị tiên viết chữ, người thấy đều lành bệnh.

Người muốn thấy phải thường giá tiền. Tỳ-kheo bị hại trộm tính theo giá tiền phạm trọng, cho đến người khác học được trộm xem cũng vậy. Nếu muốn học tụng chú trị bệnh, cần giá cả, Tỳ-kheo thầm nghe tính theo giá phạm trọng. Trộm nếm ngửi xúc chạm cũng giống như thế, biết bí mật mới cần chú thuật.

Người bệnh tâm duyên theo liền hết bịnh, được nghe viết thẳng.

Tỳ-kheo thọ pháp y cứ vào tâm thầy duyên được hết bịnh không cho giá cả.

Cho nên phạm trọng.

Kế là y cứ vào sáu cõi ba điều trước có thể biết. Có thuốc chú thuật bôi lên, Tỳ-kheo trộm quấy nhiễm không cho giá cả, nếu khởi công lầu các đến không giới khác ngăn ngại người khác khởi tạo, gọi là trộm hư không.

Luận chép: Đồng là đồng với thức giới, trí tuệ thuộc về thức, người có nghề khéo chẳng phải rỗng không, đưa người khác phải cho giá cả.

Tỳ-kheo phương tiện đến chỗ người kia học được không cho giá cả, tức là ăn trộm hiểu biết (nghĩa là trộm trí để dùng) từ các duyên ngoài không được lấy hết. Nhưng biết phi lý, tổn tài, biết trộm cắp là vô nghĩa nên không nhận. Rộng ra như trong giới bổn sớ nói.

Đại môn thứ 3 trộm vật phi súc: Trước nói vật của phi nhân, nếu

có người giữ gìn, thì y cứ vào chủ mà kết.

Ngũ Phần nói: Lấy y trong miếu thần, cờ phướn lọng báu do người khác cho để trên mộ, người giữ vật tâm họ chưa xả bỏ, giá trị năm tiền thì phạm tội trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Trộm vật trong tháp của ngoại đạo, vật trong nhà thờ tự phạm tội trọng. Nếu không có người giữ gìn tùy trường hợp mà kết.

Cho nên luật Thập Tụng chép: trộm cắp y, tượng của Thiên Thần và tràng hoa, phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến nói: lấy vật của các quỷ thần, và vật người buộc ở trên cây, không có người giữ gìn không phạm (nghĩa là phi nhân cũng không gìn giữ).

Bộ Tát-bà-đa nói: Lấy vật của phi nhân giá năm tiền trở lên phạm trọng thâu-lan-giá, bốn tiền trở xuống phạm khinh thâu-lan-giá.

Nay có nhiều người lấy vật của các Thần y cứ vào lý phạm không giống như ở trên. Ắt không có giữ sợ thần hộ. Có thể bói biết xả bỏ sự keo kiệt. Về trộm vật của súc sinh, Tứ Phần không có văn, có người đoán đồng với đại trọng.

Cho nên luật nói: Con chuột ăn trộm đào của người Hồ gom thành một đống to, Tỳ-kheo trộm, Phật bảo phạm Ba-la-di.

Cho nên có giải thích: Chẳng phải y cứ vào súc sinh, mà y cứ vào bổn chủ vì chuột trộm cắp nghi do dự chưa quyết là trách người còn là bôn chủ. Cho nên lại chính là người kết phạm trọng. Ngoài ra như các bộ khác.

Luật Thập Tụng chép: lấy thức ăn dư của hổ phạm cát-la, vì không dứt trông mong, thức ăn thừa của sư không phạm.

Tát Bà Đa chép: Tất cả thức ăn dư của chim thú, lấy phạm cát-la.

2) Nói rõ tưởng có chủ. Nếu tưởng là không có chủ, từ đầu đến cuối không chuyển thì không phạm tội, trước sau chuyển qua lại, phạm khinh trọng qua lại, rộng như trong phần trì phạm.

3) Nói rõ tâm trộm cắp: Nhưng môn này người thật đức chưa tránh khỏi. Nhưng ở đời trộm cắp do tâm kết, không y cứ vào sự thị phi của cảnh. Cho nên: luật Tăng-kỳ nói: chủ chùa tàm ưa thích dùng vật của Tam bảo qua lại. Đây cũng là trộm, phạm Ba-la-di. Lý đã khó biết. Cho nên có chỉ đủ ở trong sao.

Luật Thập Tụng chép: có sáu thứ tâm trộm cắp, đó là: Lấy một cách khổ cực, khinh mạn mà lấy, mượn danh người khác, xung đột lấy

(giả mượn không trả) nhận gởi lấy, do đó lời mà lấy. Trừ một loại có lời, ngoài ra đều kết trọng.

Ma đắc lặc già nói: có ba thứ tâm cướp.

1. Cưỡng đoạt lấy, dùng lời êm dịu lấy, cho rồi lấy lại (trong kinh Thiện Sinh nói cũng đồng với tội trộm)

Luật Ngũ Phần nói có bốn loại:

1. Dùng tâm nịnh hót

2. Tâm cong vạy

3. Tâm tức giận

4. Tâm sợ hãi mà lấy vật của người, tức là tâm trộm.

Luật Tứ phần nói có mười thứ tâm giặc:

1) Tâm đen tối: nghĩa là tâm si, người ngu dạy cũng học, tùy theo mê muội mà kết tội trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Chủ chùa chính là việc này

2. Tâm tà, nghĩa là tâm tham, miễn được lợi. Nói pháp tà mạng bị tài vật che lấp.

3. Tâm cong vạy, tức tâm sân. Cho ít thì chê giận, nhờ sân mà được của cải. Hoặc chỉ bảo dùng uy nộ một cách rỗng tuếch, mục đích vì tài lợi mà được vật, phạm trọng.

4. Tâm làm cho sợ hãi, hoặc lá hét ép buộc, hoặc nói pháp sợ hãi để lấy, hoặc tự khởi nghi ngờ sợ hãi mà lấy tài vật.

5. Thường có tâm trộm vật của người, hằng khởi tâm đoạt lấy.

6. Quyết định lấy, trong tâm do dự, phương tiện rồi thành ắt có kết quả, động đến vật thành phạm.

7. Gởi vật rồi lấy: Hoặc hoàn toàn xung đột, hoặc lấy chút ít rồi trả cho người.

8. Tâm sợ hãi: Nghĩa là chỉ bảo tướng thân miệng, vì sợ hãi nên cho vật.

9. Thấy tiện liền lấy, thừa cơ khác sơ hở, do lợi mà cầu.

10. Cậy thế mà lấy: Hoặc cậy vào tiếng tăm oai đức, hoặc dùng danh tự phương tiện, hoặc cậy vào bạn thân mà cưỡng bức. Nghĩa là nhờ oai thế của người khác mà lấy, hoặc dùng ngôn từ biện thuyết, hoặc nhờ vào sự suy xét đầu mối, phù hoa dẫn dắt, làm cho khác trước đây, mong lấy tài lợi, nói cuồng hoặc mà lấy, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, chỉ vì lợi mà mê hoặc bao người, cho nên các văn dẫn chứng biết được nghiệp của tâm. Tướng ấy lược hiển bày đủ được phòng ngừa vững chắc, vọng cảnh có bốn vật trọng. Nghĩa là năm tiền hoặc giá trị năm tiền, tức các vật lặt vặt khác. Bộ Tát-bà-đa hỏi: Trộm năm tiền

thành trọng. Tiền ấy phải thế nào?

Đáp: có ba cách giải thích:

1. Y vào phép nước Vương-xá dùng tiền thế nào, y theo tiền đó làm hạn.

2. Tùy theo chỗ có Phật pháp dùng tiền thế nào thì lấy đó làm giới hạn.

3. Phật y theo nước Vương-xá trộm năm tiền phạm tội chết.

Theo đó mà kết giới, nay tùy theo nơi có Phật pháp, theo phép nước trộm bao nhiêu vật thì phạm tội chết, lấy đó làm giới hạn. Tuy có ba thứ giải thích, luận sư sau này nghĩa thích ứng với điều này, xong nghĩa về năm tiền luật luận giải thích khác nhau, phán tội nên thông, nhiếp hộ phải gấp.

Cho nên luật nói: Dưới cho đến cây cỏ, hoa lá cũng không được trộm cắp, nay các sư thạnh hành phần nhiều y theo Thập Tụng.

Luật ấy nói: trộm năm tiền, là đồng tiền lớn thời xưa, phạm trọng.

Nếu trộm ít tiền, tùy theo chỗ trộm hễ năm tiền thì phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Phép vua không nhất định, nên xử tội trộm không nhất định.

Phải lấy pháp xưa của vua Bình-sa bốn tiền ba giác thì kết trọng.

Luật Tứ Phần nói: Chỉ nói năm tiền. Y cứ theo đây mà phế bỏ luật luận trên, về sau là hơn. Dù bốn tiền ba giác, Thiện Kiến giải thích, cũng đồng năm tiền.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu trong tháp trộm lấy của báu trong tay, lấy rồi ra rời miệng tháp phạm Ba-la-di.

Lại giải thích: Chỉ rời khỏi chỗ phạm Ba-la-di, chưa ra khỏi miệng tháp. Pháp sư nói: Trong giới luật theo sự khẩn cấp. Lại quán năm việc: Xứ thời, mới, cũ, v.v... gọi là Luật sư, dùng văn này làm chứng năm tiền làm tiêu chuẩn.

2) Vì nghĩa môn sáu câu khác nhau:

1. Thập Tụng già luận chép: Tiền có lúc đắt lúc rẻ không ngại.

Tiền đắt mà trộm một tiền cũng tội trọng, gặp lúc giá tiền rẻ tới một trăm, một trăm chỉ phạm khinh.

2. Tứ Phần, Ngũ Phần, Thiện Kiến nói: trộm vật ở chỗ đắt bán lại chỗ rẻ, y vào chỗ mình ăn trộm tính giá trị vật ấy bao nhiêu.

3. Luật Thiện Kiến nói: trộm vật ở chỗ đắt bán chỗ rẻ, nếu định tội phải trả lại y cũ.

Ba câu trên trái nhau, đều phạm tội khinh.

4. Trong Ma-đắc-lặc-già nói: Lấy năm ngàn không phạm tội trọng; lấy bốn tiền thường làm đoạn tâm, hoặc không được vật cũng phạm trọng như Tứ Phần nói: Thiêu đốt cho hoại sắc, dạy người khác làm.

5. Không đủ năm tiền phạm trọng: Như luật Tứ Phần nói: Nhiều người sai một người trộm năm tiền nhiều người cùng phân chia. Hoặc nhiều người cùng trộm thông làm một phần. Chỉ làm cho đủ năm tiền. Tất cả đồng trộm kết trọng, hoặc trộm quá bốn tiền kết tội khinh. Như luật Thập Tụng nói: Nhiều người trộm cắp, chưa chia vật là vậy. Tức như loại vật rẻ của người chết.

6. Trộm năm tiền, mỗi người một tiền kết phạm

Như luật Tăng-kỳ nói: năm người trộm mỗi người lấy một tiền, sai một người giữ. Nếu trộm cứ mong vào người giữ gìn kết tội.

Luật Thiện Kiến nói: Muốn biết tướng trộm cắp, như thầy trò bốn người dạy nhau cùng ăn trộm, một người một tiền thí mỗi người phạm một Ba-la-di và một thâu-lan-giá, nghĩa này nên biết.

5) Lìa chỗ cũ, luật Tứ Phần nói: Nếu kéo chôn cất tùy theo làm một việc, phương tiện không thành đều kết thâu-lan-giá iá.

Luật Ngũ Phần chép: vật ở trong lòng đất mà khởi tâm trộm cắp phạm cát-la, nếu đào đất phạm đề-xá-ni, cầm vật thì phạm Đột-cát-la, động đến vật phạm thâu-lan-giá, lìa chỗ mới kết tội trọng. Nghĩa của lìa chỗ chia ra mười câu.

1. Văn viết thành: Nói về lìa chỗ như số của luật sư phán quyết lấy nhập tội trọng vào khinh. Phi pháp phán quyết dùng loại vật của tăng. Thiện Kiến chép: vẽ trên đất làm chữ, một đầu thì khinh, hai đầu thì trọng.

2. Lập ngôn giáo: Luật Thiện Kiến chép: Nếu tâm trộm xướng lên rằng: nhất định là đất của ta, nếu chủ đất sinh nghi phạm thâu-lan-giá. Nếu tâm quyết định mất phạm tội trọng. Nếu cùng nhau tranh chấp ruộng vườn trái với lý phán quyết, và trái với lý phán quyết mà được, cho đến miệng xử đoán nhiều mối, trộm hạ xướng lên được nhiều vật đều phạm trọng. Tức như trong Tứ Phần nói: nếu dùng ngôn từ biện luận, nói cuồng mê hoặc người mà trộm đều phạm trọng.

3. Dời nêu: Thiện Kiến nói: dựng một cây nêu phạm thâu-lan-giá, dựng hai cây nêu phạm tội trọng (lượng theo cảnh) cho đến bằng sợi tóc, hạt thóc đều phạm trọng. Đất sâu vô giá chừng dây đàn cũng như vậy.

4. Đọa trù: Tứ Phần nói: trộm cắp thầm nhớ mấy thẻ phân vật thẻ,

cho đến thiếu ít.

5. Sắc khác: Thập Tụng, Tát-bà-đa nói: Trên nệm chăn có hoa lá cành cây. Nay từ trên lá cây trộm cắp kéo đến trên hoa cây phạm tội trọng. Nghĩa là vì bản sắc khác lạ. Hoặc như mượn y bát người khác phi lý dùng tổn giảm năm tiền của người khác cũng kết tội trọng.

Luật nói: Vì làm cho hoại sắc.

6. Chuyển tuổi: Như Thập Tụng nói đánh bạc, đánh cờ, v.v... Ngũ Phần nói: Chơi cờ bạc phạm Đột-cát-la.

7. Lìa chỗ nói không lìa chỗ. Như Tăng-kỳ chép: trộm cắp trâu ngựa của người nhưng nghĩ là không hề làm được, tuy nhấc bốn chân không thành cũng phạm trọng.

8. Không lìa chỗ nói lìa chỗ. Như Luật Thiện Kiến chép: chỗ yên tĩnh trộm cắp chắc chắn được không nghi, như ném gậy lên hư không nhất định rơi xuống, cho nên động thì thành tội trọng.

9. Không lìa chỗ nói lìa chỗ. Như Luật Tứ Phần chép: trộm ruộng vườn nhà cửa của người, công kích phá thôn, đốt chôn hoại sắc đều phạm tội trọng.

10. Lẫn lộn nói lìa chỗ: Như trên hư không thổi vật trộm cắp chim bị tên bắn, ngăn dòng nước chảy, v.v... đều không nói hết, rộng như trong bổn sớ. Nhưng tướng của giới trộm rất khó phân rõ. Nếu nói về tướng bên ngoài đủ như trong sách vở, cho đến vạch ra tìm hiểu sẽ rườm rà. Cho nên lược bày duyên phạm biết thô đại khái mà thôi, ý vẫn còn bỏ bớt việc. Người biết đủ tâm lo nghĩ về đạo, duyên cảnh đã hạn cục, ít thì nên trong sạch. Nếu người nhiều việc mà muốn thăng cao sẽ bị tâm trộm vây quanh không thể nào ra được. Vì sao do tâm khởi thắng, riêng tưởng điên đảo chưa khuynh. Sơ quả vô học, mới có thể tính việc, người có tâm lo đọ, đọc kỹ phụ vô việc, suy nghĩ sâu mới biết. Cho nên luật Thiện Kiến chép: Giới luật phải theo mà hộ, giới trọng thứ hai này sự tướng khó hiểu, chẳng thể không lộn xộn khi giải thích nghĩa lý ấy, ông nên khéo suy nghĩ, luận văn như thế, vì y cứ theo sự trình bày trên còn sợ người không ra gì. Cho là rườm rà, tâm tôi thật chưa nói hết y cứ như trước cho nên lại lược bỏ.

Trong phần ba nói về không phạm. Luật Tứ Phần chép: tưởng cho, lấy rồi, tưởng phẩn tảo, tưởng lấy tạm, ý thân thiết hậu đãi đều không phạm. Trong luật nói đủ bảy pháp gọi là thân hậu:

1. Khó làm mà làm được
2. Khó cho mà cho được
3. Khó nhẫn mà nhẫn được

4. Việc kín đáo nói với nhau
5. Cùng che giấu cho nhau
6. Gặp khổ không xả bỏ
7. Nghèo hèn không khinh

Bảy pháp như thế, người thực hành được là bạn thân tốt, cứ theo đây để lường.

- ***Giới thứ ba: Giới giết người,*** có năm duyên thành phạm:

1. Là người
2. Nghĩ là người
3. Khởi tâm giết
4. Làm mọi cách
5. Mạng sống bị cắt đứt.

Trong duyên thứ nhất (là người). Luật nói: Trước đây biết, đến sau này biết mà mạng sống bị cắt đứt. (Trước biết nghĩa là: trước biết ở trong thai, còn tự nghi là chỗ nương của thức. Cho đến một niệm sau cùng lúc qua đời, chưa xả bỏ giữ lấy, tùy theo điều hoại).

Tướng ấy dễ biết, cho nên nói lược.

Tứ Phần chép: giết có hai loại:

1. Tự giết, nghĩa là thân hiện tướng, miệng khen ngợi chết, đào huyệt đặt bẫy, hoặc đặt dụng cụ để giết, nhẫn đến cho thuốc, v.v...

2. Xúi giục người giết: Tùy theo sự sai bảo trước, hoặc dạy giết, khen giết, sai người giết, sai đi tới đi lui, cứ sai lần lần. Sai người nam dạy tìm người nam, viết thư, dạy viết thư đưa, đều mặc phương tiện chỉ làm cho chết mới vừa ý muốn của mình.

Trong ba tánh có thể dạy thì phạm trọng. Ngoài ra như thiên sau.

Luật Thập Tụng chép: Không được làm tổn thương thân mình, cho đến đứt ngón tay cũng phạm tội.

Già luận nói: Người bệnh không muốn ngồi dậy, không muốn dìu đỡ, nếu ngồi dậy sẽ chết, người săn sóc bệnh cưỡng cho uống thuốc, người bệnh chết phạm thâu-lan-giá. Ung nhọt chưa muồi mà cưỡng phá làm cho chết cũng vậy.

Không choặn, không trị liệu, do đó mà chết cũng phạm thâu-lan-giá. Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo biết âm dương lành dữ, do Tỳ-kheo nói, chính phục các nước khác, giết hại để được tài lợi, đều phạm hai tội Ba-la-di là: trộm cắp và sát sinh. Trong kinh Ưu-bà-tắc cũng đồng như vậy.

Luật Thập Tụng chép: Làm hầm hố bẫy người chết mà súc sinh chết phạm thâu-lan-giá. Vì súc sinh làm hầm hố, súc sinh chết thì như

luật, người chết phạm Đột-cát-la, hoặc tâm vốn bao la tùy cảnh khinh trọng.

Bộ Tát-bà-đa chép: Nếu khen một người chết, người này không hiểu, người bên cạnh hiểu dùng cách này mà chết thì không phạm. Nay có nhiều người tự đốt thân mình, có nhiều người ngu, bảy chúng tùng lâm, khen ngợi người này làm cho sống lại vui thích, đều như luật bổn Kết trọng. Lại như Tỳ-kheo bị quan chém chặt, nhân đó mà theo người, xin dậy, khăn để làm dây thòng lọng thắt cổ.

Cũng có năm chúng không biết, cho các dụng cụ để tự sát, nếu chết phạm tội trọng.

Luật Tăng-kỳ chép: Cha mẹ bị phép vua, Tỳ-kheo nói giảm hình phạt xin cho một nhát dao, tìm cách nói cũng phạm trọng.

Ngũ Phần, Tứ Phần nói: tự giết phạm thâu-lan-giá, nghĩa là kết phương tiện ấy.

Về không phạm, luật nói: nếu ném dao gậy, ngói đá, cây gỗ nhầm vào thân người khác mà chết, và lo lắng nâng đỡ người bệnh mà chết, hoặc lấy thuốc uống, và ra vào qua lại mà chết, tất cả không có tâm hại thì không phạm. Cho nên luật của thế tục nói: Lỗi giết người mà dụng lý luận chuộc (nghĩa là chỗ mắt không thấy, chỗ tâm không có ý cùng nêu, vật nặng có chứa sự nguy hiểm).

Thứ tư là giới nói dối, có chín duyên để thành.

1. Cảnh đối diện là người
2. Nghĩ là người
3. Cảnh hư dối
4. Tự biết cảnh hư dối
5. Có tâm dốingười khác
6. Thuyết pháp nói lỗi người
7. Tự nói mình đã chứng
8. Nói văn chương rõ ràng
9. Người đối diện hiểu

Tứ Phần, Thập Tụng và Đa Luận nói: Bắt đầu quán bất tịnh trở lên đến bốn quả. Nếu nói tôi đắc đều phạm trọng. Nếu hiện thân tướng trước người, không nghi đồng trọng tội, nghi thì thâu-lan-giá.

Luật Thập Tụng chép hỏi: Bất tịnh này là gần với pháp nhỏ, vì sao phạm trọng?

Đáp: Là cửa đầu tiên của cam lộ. Tất cả bậc Thánh từ đây mà vào. Lại Tứ Phần nói, cho rằng trời rồng quỷ thần đến cúng dường ta, cũng đồng phạm trọng.

Lại nói: muốn nói với người này mà lại nói với người kia, tất cả đều phạm trọng.

Bộ Ma-đắc lặc già chép: Tự xưng là Phật, thầy của trời người, phạm thâu-lan-giá. Ngoài ra như sớ bổn thuyết.

Về không phạm, như luật nói: Tự biết có được pháp quán bất tịnh nên nói với vị đại Tỳ-kheo, hoặc đùa giỡn, hoặc nói nhanh, nói một mình ở chỗ khuất, nói nhầm, đều không phạm trọng mà phạm Đột-cát-la. Vì chẳng phải nghi thức quỹ tắc của lời nói. Tứ Phần luật SAN PHỒN bổ khuyết hành sự sao quyển trung hết.

■

TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN TRUNG (PHẦN 2)

TRONG THIÊN TĂNG TÀN

Giới thứ nhất cố làm xuất tinh, giới này mọi người đều ưa phạm, cho nên đặt ở đầu.

Đa Luận nói: có ba nghĩa cho nên Phật chế ra giới này:

1. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

2. Vì muốn dứt sự phỉ báng

3. Vì muốn làm cho trời rồng thiện thần tín tâm cung kính

Trong luật, Phật quở trách rằng: Vì sao lại dùng tay bất tịnh này nhận của người tín thí, đủ ba duyên.

1. Nêu tâm làm ý rốt ráo

2. Phương tiện động chuyển. (trong luật có sáu thứ: 1. nội sắc, nghĩa là thọ sắc; 2. ngoại sắc, nghĩa là không thọ sắc; 3. nội ngoại sắc nghĩa là giữa hai sắc; 4. trong nước nghịch dòng, thuận dòng; 5. trong gió cùng với cách trong dòng nước; 6. Hư không: từ hư không động thân cho đến cảnh khác.

3. Thể phần đầy dòng liền phạm

Luật Ngũ Phần chép: Khi ngủ nếu xuất bất tịnh, nếu khi thức dậy khởi tâm động thân, phạm thâu-lan-giá. Thân không động mà tâm động phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu tay cầm nam căn, ngủ định cho xuất tinh, trong khi ngủ say nếu xuất tinh, phạm Tăng tàn.

Trong luật nói: Hết mộng mà xuất tinh thì không phạm. Nếu loạn tâm ngủ say có năm lỗi.

1. Gặp ác mộng

2. Các vị trời không che chở

3. Tâm không nhập pháp

4. Không nghĩ tướng sáng.

5. Thích xuất tinh.

Ngũ Phần nói: nếu đủ cả năm phạm cát-la, vì mộng không phạm Tăng tàn.

Luật nói không phạm là nếu trong lúc ngủ xuất tinh, thức dậy sợ dơ thân dơ y nên lấy vật che lại và dùng tay đè bỏ ra. Nếu dục tưởng xuất tinh, hoặc thấy sắc đẹp không xúc chạm mà xuất tinh. Hoặc khi đi tự cọ vào hai đùi mà xuất tinh, hoặc xúc chạm vào y mà xuất tinh, hoặc khi tắm mà xuất tinh, hoặc lấy tay xoa mà xuất tinh, như thế tất cả không có ý làm xuất tinh mà xuất tinh thì không phạm.

Luật Thập Tụng chép: Gánh nặng đi xa, đi xe, đi thuyền, gân cốt rã rời nên có các thứ xuất tinh này.

Luật Thiện Kiến chép: Vì tinh ở khắp trong thân.

Trong Già luận nói: cố làm xuất tinh người khác phạm thâu-lan-giá, vì người khác làm cảnh giới.

- Giới thứ hai: xúc chạm thân người nữ.

Đa luận nói có sáu nghĩa:

1. Người xuất gia, lang thang không nơi nương tựa, nay chế giới này để làm bạn có nơi nương tựa.

2. Và dứt sự đấu tranh, vì đây là căn bản cạnh tranh.

3. Vì dứt sự chê bai, không chỉ là bắt ép mà thôi, nghĩa là vì làm việc đại ác.

4. Vì dứt nguồn gốc của đại ác, vì cấm sự vi tế ngăn ngừa đắm trước.

5. Vì giữ chánh niệm, nếu xúc chạm vào thân người nữ sẽ mất chánh niệm.

6. Tỳ-kheo xuất gia, lẽ ra phải vượt qua trần nhiễm, dứt tâm lụy bên ngoài làm khuôn phép cho đời, nếu xúc chạm thân người nữ thì sẽ mất tâm cung kính của người thế gian. Đủ năm duyên thành phạm.

1. Người nữ

2. Nghĩ là người nữ

3. Có tâm nhiễm

4. Thân xúc chạm nhau

5. Đắm trước liền phạm.

1) Người nữ: Luật bổn nói có bốn loại người nữ, như trong giới dâm, người có tâm dâm, tâm ác nhiễm ô.

Thân từ đầu đến chân. Nói xúc chạm nhau có ba loại:

1 Tỳ-kheo thường xúc chạm người không có y biết là người nữ.

Người ngủ say, mới chết hoại một phần ít. Chỉ sai người đến xúc chạm, bất luận thọ lạc hay không thọ vui đều phạm Tăng tàn.

2 Người nữ đến xúc chạm Tỳ-kheo, không nhất định là có tâm dâm mà Tỳ-kheo lại động thân, thọ vui phạm Tăng tàn. Văn luật này không rõ. Nay y theo Thập Tụng nói phạm Tăng tàn. Nếu không động thân mà, thọ vui, luật này nói phạm Đột-cát-la. Nếu trước có tâm nhiễm với người nữ trước, sau đó người nữ đến đụng vào Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không động mà thọ vui phạm thâu-lan-giá, thân động thì phạm Tăng tàn. Như trên đều nói cả hai không có mặc y, nếu một người đều có mặc y phạm thâu-lan-giá, cả hai có mặc y phạm Đột-cát-la. Nếu lấy hai hình đụng chạm nhau phạm thâu-lan-giá. Luật văn này không rõ, như luật Thập Tụng, Già Luận chép: Ý ở người nữ phạm Tăng tàn, ở người nam phạm thâu-lan-giá. Trong luật nói: Nếu tâm dục, xúc chạm bình bát, y, tọa, cụ, cho đến tự xúc chạm, tất cả phạm Đột-cát-la.

Thiện Kiến nói: Nếu xúc chạm tóc nhau, xúc chạm móng tay nhau đều phạm thâu-lan-giá, vì không biết xúc chạm, biết cảnh bất giáo làm bốn câu.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo và người nữ thân căn đều hoại xúc chạm nhau phạm thâu-lan-giá. Nếu dùng móng tay, răng, lông, bị bệnh không có xương thịt xúc chạm thân người nữ phạm thâu-lan-giá.

Theo giới bổn của Tứ Phần, nếu nắm tóc thì phạm Tăng tàn, nghĩa và dùng biết xúc chạm không biết.

Trong Luật Tăng-kỳ chép: nếu xúc chạm loại súc sinh cái tất cả phạm cát-la, nữ phi nhân cũng vậy, cho là không có tâm dâm.

Luật Thập Tụng chép: Nếu xúc chạm vào người không thể là thân nữ, nam đều phạm thâu-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ chép: Ý cho là người nam, huỳnh môn mà là người nữ xúc chạm phạm Tăng tàn, vì trước có tâm phương tiện, sau xứng với cảnh.

Luật Thiện Kiến chép: Tướng xúc chạm có năm tội là: Ba-la-di, Tăng tàn, thâu-lan-giá, Đột-cát-la, xúc chạm ngón tay phạm ba-dật-đề.

Vì không phạm, trong luật chép: nếu có chỗ lấy xúc chạm với nhau, hoặc đùa giỡn, hoặc khi biết nhau, xúc chạm nhau tất cả không phạm, nhưng chẳng phải không phạm tội khác.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu cùng cầm vật với người nữ, chú nguyện cầm bình, hành thực cầm dây, đầu đuôi cầm gậy trúc, cây đều chẳng có oai nghi, người có dục tâm phạm cát-la, dục tâm làm động vật và bình

khí dây, hoặc nước tung toé thấm dính người nữ đều phạm thâu-lan-giá. Nếu mẹ, v.v... lâu ngày không gặp nhau, ôm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo phải chánh niệm thì không phạm.

Luật Thập Tụng nói: Nếu mẹ con, chị em bị bệnh, và bị nước lửa đao binh, chôn sâu, hoặc bị thú dữ khó cứu thì không phạm, chỉ là tâm vô nhiễm. Nếu bị chết chìm thì khai cho Tỳ-kheo nắm tay, tuy tâm dâm khởi, chỉ nắm một chỗ không buông ra, đến bờ không nên cố xác chạm nữa, nếu cố xúc chạm phạm Tăng tàn. Nếu người nữ rót nước chảy trên tay Tỳ-kheo, nước chảy không dứt, đối với người nữ sinh tâm dâm phạm thâu-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu đến cửa thành, giữa đường gặp người nữ ồn ào, phải đợi hết rồi qua. Nếu người nữ có điều cần thì sai tịnh nhân cho, không thì cầm chặt trên ghế giường nói lấy. Nếu gánh nặng không lên nổi, bên cạnh Tỳ-kheo không có tịnh nhân, Tỳ-kheo nên lấy lên để ở chỗ cao sai tự gánh. Nếu khi khất thực, có người nữ xinh đẹp đem thức ăn đến, nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm, thả bát xuống đất, bảo người khác trao nhận, y theo đây nếu người nữ lấy các vật như: Kim chỉ, bình chén, v.v... sợ người đường đột xúc chạm, nên nói để dưới đất. Sau đó, Tỳ-kheo tự lấy, ngoài ra đều bày ra để biết.

Luật Thập Tụng chép: Tứ Phần nói: Khai chỗ còn nhiều, nếu y cứ vào Tăng-kỳ nạn duyên chìm nước đến chết mà không khai, phải biết ý mau chậm. Lỗi chứa nhóm càng tăng đều do đây.

- ***Giới thứ ba: nói lời thô với người nữ, có bảy duyên thành phạm:***

1. Người nữ
2. Nghĩ là người nữ
3. Có tâm nhiễm
4. Nói lời thô
5. Nghĩ là nói thô
6. Lời nói rõ ràng
7. Người đối diện hiểu biết

Già Luận nói Tỳ-kheo tính thích nói thô phạm thâu-lan-giá.

Trong Luật nói: Người nữ phải có điều biết rõ lời nói dâm dục. Nói thô ác là phi phạm hạnh, chưa hẳn tướng nói nghe có thô xấu, gọi là thô ác không đề phòng, liên quan đến việc lành mà ý biểu thị dâm dục.

Cho nên luật nói: Nếu lại nói lời khác, như luật nói: Nhân Tiêu Tô mặc áo đỏ, hình người nữ lộ ra, liền hỏi tiêu Tô đẹp không? Nếu tinh người nữ biết nhau, luật kết phạm Tăng tàn. Nếu người không hiểu, như

Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo thấy người nữ mới nhuộm y mặc lộ hình thể Tỳ-kheo nói mầu đỏ đẹp. Nữ nữ nói. Vì mới nhuộm nên như vậy. Tỳ-kheo sinh nghi bạch Phật. Phật sai một Tỳ-kheo hỏi người nữ. Người nữ đáp đầy đủ như trước. Phật nói nghĩa vị đều hiểu phạm Tăng tàn. Tứ Phần nói hiểu lời không hiểu nghĩa phạm thâu-lan-giá.

Đây chỉ nói về tâm nhiễm nói lời thô với người nữ. Nếu theo Luật Ngũ Phần hai bên đều nói lời thô với nhau thì phạm. Giới khen ngợi thân ở dưới cũng đồng. Trong luật nói không phạm là nói cho người nữ nghe về bất tịnh xấu lộ ra quán chín chỗ ung nhọt, chín lỗ bài tiết, chín nhập chín lậu chín lưu mà người nữ kia cho là lời nói thô. Nếu khi nói Tỳ-ni nói thứ lớp đến đây. Hoặc nói kinh thọ kinh, hoặc hai người đồng thọ, hoặc người kia hỏi người này đáp, hoặc cùng tụng, hoặc tụng nhầm nói chỉ là tâm vô dục, tất cả không phạm.

Giới thứ tư: Hướng về người nữ khen thân để được cúng dường.

Có bảy duyên thành phạm:

1. Người nữ
2. Nghĩ là người nữ
3. Trong có tâm nhiễm
4. Khen ngợi thân nói lời thô
5. Nghĩ là lời thô
6. và Đồng như giới trước

Luật nói: khen thân nghĩa là nói đoan chánh xinh đẹp, dòng họ xuất gia trì giới tu pháp lành, thực hành mười hại hạnh đầu-đà, v.v...

Người không đòi xin cúng dường dâm dục phạm thâu-lan-giá. Thuyết dục lại tự khen phạm Tăng tàn, nếu nói thẳng, nói lời thô phạm giới như trên. Không phạm: hoặc nói pháp cho người nữ nghe, và khi nói Tỳ-ni nói thứ lớp đề cập đến điều đó mà người nữ cho rằng tự khen thân mình đều không phạm.

Giới thứ năm: Làm mai mối cho người, có sáu duyên thành phạm:

1. Người nam, người nữ.
2. Nghĩ là người nam, người nữ
3. Làm việc mai mối, cưới hỏi
4. Nghĩ là mai mối cưới hỏi
5. Lời nói rõ ràng
6. Nhận lời rồi quay lại báo cho biết, liền phạm

- Luật văn nói: Phải đủ ba thời mới kết thành Tăng tàn

1. Nhận lời
2. Đến người kia nói rõ

3. Quay trở lại báo cho biết.

Nếu đủ cả hai phạm thâu-lan-giá, chỉ một thì kết Đột-cát-la. Nếu nhận lời qua người bên kia nói, nhưng nói rồi cưới hỏi hoặc chết, hoặc giặc đem đi phạm thâu-lan-giá.

Nếu nói bệnh bạch lại rồi trở lại báo cho người kia biết, phàm Tăng tàn, vì sau đó được mai mối cưới hỏi. Trừ hai đường rồi mưu tính phần thân khác, phạm thâu-lan-giá. Nếu mai mối người nam, súc sinh, đều phạm cát-la. Luật Ngũ Phần nói: không cho phép mà báo cho biết phạm thâu-lan-giá. Luật Thập Tụng chép: bất năng nam, bất năng nữ, hoặc hai đường hợp một, gái bất dục, v.v... tất cả phạm thâu-lan-giá. Trong luật này nói: Các Tỳ-kheo bạch nhị yết-ma, sai người mai mối tất cả phạm Tăng tàn, nay tri sự bạch tăng, mai mối, tịnh nhân cung cấp dụng cụ hôn lễ.

Vấn tăng đồng hòa tất cả phạm Tăng tàn, nếu dụng vật của tăng đồng phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Vì người khác tìm cầu ngựa tốt, các thứ hòa hợp phạm thâu-lan-giá, chứa dư phạm cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu vì người nam tỏ tình, người nữ, sai khiến phạm thâu-lan-giá. (sợ sau này hòa hợp) Vì người nữ tỏ tình với người nam cũng vậy. Thập Tụng Già Luận nói: Nếu chỉ vào bụng làm mai mối và tự mai mối phạm thâu-lan-giá. Tứ Phần nói: Pháp mai mối dùng lời, thư từ, sai khiến, chỉ tình hiểu rõ nhau, tham gia nói lời đều phạm. Nếu Tỳ-kheo cầm thư của người đi không xem, mà vì người tại gia làm việc sai sử khác đều phạm cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Khuyên cưới vợ sớm trở về, phạm thâu-lan-giá.

Luật nói không phạm: là nếu nam nữ trước đã thông, sau đó chia tay, lại hòa hợp khai thông phạm.

Luật Thập Tụng nói: Làm giấy tờ nói chẳng phải vợ tôi, còn cố chưa xướng đi ra phạm thâu-lan-giá. Nếu cưới vợ rồi mà dứt bỏ không qua lại, và hòa hợp phạm Tăng tàn.

Trong luật nói: Khai cho đem thư, nếu là cha mẹ và ưu-bà-tắc tín tâm tinh tấn bị bệnh, hoặc vì việc đang bị ngục tù trói buộc, và việc Phật pháp tăng và việc Tỳ-kheo bệnh, xem thư rồi đem đi không phạm, không có chủ, tăng không xử phân.

- Giới thứ sáu: phòng quá lượng. Đủ năm duyên:

1. Cần người kinh doanh, ngăn ngại việc tu đạo nghiệp.
2. Đa luận chép: vì tham cho mình, hoại sự ít muốn biết đủ.

3. Xin tìm khắp nơi, não loạn hai cõi người và phi nhân, không sinh tín tâm, hoại diệt chánh pháp, làm cho không tồn tại lâu dài.

4. Tùy ý tự do không xin phân xử, dễ chướng ngại việc tăng, phần nhiều não loạn.

5. Hoặc tự làm tổn, trái với đạo từ, vi phạm phạm hạnh.

- Có sáu duyên thành phạm:

1. Không có chủ.

2. Vì mình.

3. Tự xin cầu.

4. Quá lượng không xử phân.

5. Phòng thành thì kết phạm.

Tát-bà-đa nói: Hai nắm bùn cuối cùng làm chưa xong phạm khinh thâu-lan-giá, còn một nắm bùn phạm trọng thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu để lại một nắm bùn, sau đó phải làm thành phạm thâu-lan-giá.

Tâm quyết bỏ phạm Tăng tàn.

Luật Tăng-kỳ nói lấy ngói cây, đá tro, bùn cỏ che lên. Cho đến sau cùng một nắm cỏ che xong liền phạm Tăng tàn. Nếu tự mình thọ dụng phạm Đột-cát-la. Nếu khi chết thôi tu mà cúng dường phòng cho Tăng thì được nhận dùng. Trong luật chép: nếu làm phòng này, trước biết không có ngại nạn, sau đến trong tăng xin pháp. Nếu không thể tin thì tất cả tăng cùng đến xem. Nếu tin thì phải cho làm.

Luật Thiện Kiến chép: Chỗ đất bằng không ngại nạn sửa sang bằng phẳng như mặt trống. Sau đó đến trong tăng xin chỗ đất dài sáu gang tay, rộng bốn gang tay trở xuống, không cần xin xử phân. Luật Tứ Phần nói: Dài mười hai gang tay Phật, rộng bảy gang tay. Nhưng gang tay Phật thước lượng không nhất định. Nay hội chúng các bộ so sánh đúng sai.

Luật Tăng-kỳ nói: Một gang tay của Phật dài hai thước bốn tấc.

Luận Minh Liễu nói đồng với Tăng-kỳ.

Luật Thiện Kiến nói: ba gang tay người thường (vừa) bằng một gang tay Phật

Đa luận nói: một gang tay Phật bằng một khuỷu rưỡi người thường.

Luật Ngũ Phần chép: một gang tay của Phật dài hai thước. Ở trên nói chung về thước tấc, phân lượng không nhất định. Do sự phát sinh dịch kinh Ba Tạng Nam bắc khác nhau, cho nên có nhiều sự khác nhau mâu thuẫn.

Nay y cứ theo nghĩa Phật lớn gấp bội người thường, thân lượng đồng như vậy. Đây là cách của nước Chấn Đán thước tấc tùy phong tục không đồng ma dùng luật niên đại nhất định so sánh, thì lấy thước tấc Cơ Chu làm hạn định. Vì thông cô xưa cùng vâng theo trăm vua không dễ tùy theo, Dương Đế lập đấu thước cân y cứ theo kiểu lập xưa. Tôi đích thân thấy Đường triều vua lên ngôi theo thế gian dùng cả hai, không trái với cổ điển, cho nên vua Đường bảo rằng: Thước tức là lấy một thước hai tấc làm thước, hai loại đấu cân lệ càng thêm, là nói theo luận.

Người xứ này cao tám thước, Phật thì một trượng sáu, lấy đây làm so sánh, một gang của Phật, theo Ngũ Phần hai thước làm quy định lúc ấy luật không có văn, để y đứng, sau này tiến đến người chưa biết trước tu mù mờ về giáo, đã không trái với hai quy chế đạo tục, tùy lời nói mà làm, lộn xộn biết bao, tức Đường triều nước lớn khuôn phép văn không hai, và luận dùng năm loạn khác nhau, nhất định lấy thước cân thời Cơ Chu, để định theo quán chợ đong lương, không có sự bất bình. Đây chính là Diêm-phù thông dụng, đâu chỉ có phép xưa của Cơ Chu cho đến tám lượng ba đấu là trên, dưới là nửa đấu. Lấy văn so sánh thước cây y theo vua Di Chương xưa nói. Cho nên nay thuốc cân theo cách xưa không đổi, sáu thước là một bước. Tơ nhẹ là trước tiên, như thế y cứ tưởng định cương chỉ. Tôi từng đến đất Tấn, Ngụy và luật trình bày các phương ở quan phủ, thường chắc chắn dự diên.

Còn nói về sự hưng phế của thước tấc đều chưa đầy đủ.

Cho nên liền san bổ lại chín đời. Nay dùng thước tấc của Ngũ Phần để làm lệ chuẩn. Rộng là hai trượng bốn thước, dài một trượng bốn thước. Luật Thiện Kiến cho là đều nói vào đời Minh.

Luật Tăng-kỳ nói vách bên cao một trượng hai thước, hoặc là nam, hoặc là nữ, tại gia xuất gia đều là chủ phòng. Không có những chủ này nên nói là vô chủ.

Chỗ nạn: Trong Tứ Phần nói, từ cọp sói cho đến loài kiến.

Luật Thiện Kiến chép: Dưới cho đến như có hang kiến không được làm.

Nếu kiến đi tìm thức ăn đuổi nó đi rồi thì được làm. Vì sao? Vì Như lai từ bi thương chúng sinh.

Luật Ngũ Phần chép: Ngã tư đường nhiều người nhóm họp đùa giỡn với dâm nữ ở chợ, thả thú dữ ở chỗ hiểm, ruộng vườn, xã ấy, phần mộ, thôn xóm gần đường là chỗ nạn.

Về chỗ chướng ngại, luật nói: cho đến không được dung chứa chỗ

xe cỏ trở đầu xoay lại, hoặc chỗ kẻ thù, chỗ rừng thi-đà, chỗ vua ghi chép giữ gìn, bốn bề xung quanh không thông, khoảng mười hai bậc có một khuỷu tay nhỏ. Thập Tụng nói là bốn bên nhà trong một tầm đất, có đất tháp, đất quan, đất cư sĩ, ngoại đạo, Tỳ-kheo. Nếu là khối đá to, dòng nước chảy, cây cối cao to, hố sâu v.v... là chỗ ngại.

Luận Minh Liễu nói: Hoặc là cây, núi thoáng vách đá, bóng mát, v.v... được đi, đứng, ngồi, nằm. Nếu làm phòng nhà. Sở nhiếp giải thích như trên. Muốn ở trong đó thì phải cách đoạn. Phải dẫn Tỳ-kheo yết-ma sửa sang đất. Sở dĩ như vậy, vì nếu không y vào lượng thì dùng công rất nhiều. Nếu có chỗ ngại, tự mình tổn não người khác, biết hai đất của tăng riêng đều nên xin làm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu trong Tăng không có người để làm yết-ma, thì tất cả Tăng đến chỗ làm kia, một người xướng nói: Tất cả tăng vì Tỳ-kheo... chỉ trao cho phòng, ba lần nói cũng được. Nếu chỗ xa cách nước. Lạnh nóng, mưa tuyết, bệnh nhiều không được đến, phải sai hai, ba người, không được yết-ma bốn người, đến người kia chỉ cho biết có một loại người.

1/ Vượt năm. 2/ Tăng giới trường khác. 3/ Nhiều người làm phòng riêng. 4/ Chướng nạn, hai chỗ ắt đều không thành. Luật này nói sai người đáng tin đi xem.

Tát-bà-đa nói chỗ xử phân được làm, chỗ khác không được. Người khác đến trên phòng này làm phòng tốt, chủ phòng cho thì được, đều phân xử tội.

Luật Thiện Kiến chép: Giảm một gang tay người bậc trung, người cao, khách rộng dài một gang tay giảm quá phạm Tăng tàn. Nếu phòng chưa thành mà hành khách làm thành thì không tội, vì người không có phân một phòng, nếu phân tính người đủ quá lượng cũng phạm.

Hỏi: Sao không đồng với y dư đều thành lỗi phạm?

Đáp: Phòng này vì tạo tác cho nên phạm, chứa y dài ngày cho nên phạm.

Tứ Phần chép: Nếu dạy người khác làm, người thọ giáo quá lượng thì phạm. Nếu là chủ phòng thì phạm Tăng tàn. Thầy khéo léo phạm thâu-lan-giá, chỗ nạn, chỗ ngại mỗi chỗ mỗi phạm Đột-cát-la, quá lượng mà không xin phạm hai tội Tăng tàn.

Luật nói không phạm là: giảm lượng không nạn, không ngăn ngại, làm tượng Phật giảng đường hay tăng phòng nhiều người ở, am tranh nhà nhỏ dung thân.

- Giới thứ bảy: phòng có Tăng chủ không xử phân, chế y đồng

như trước, có sáu duyên thành phạm.

1. Có chủ.
2. Làm cho mình.
3. Phòng dài sáu gang tay Phật, rộng bốn gang tay Phật trở lên.
4. Không xử phân.
5. Nghĩ là không xử phân.
6. Làm thành liền phạm

Phòng này thuộc về thân mình. Nếu chết hoặc đi xa không trở lại tùy ý xử phân. Nếu cúng dường Tam bảo, cho bạn bè, người tại gia tự bán lấy tiền, tùy tâm tự tại. Nhưng không được bán đất, đất là vật của tăng, tăng không cho mà bán tăng phòng phạm tội. Nếu chủ phòng không tự xử phân thì thuộc về bốn phương tăng, thứ lớp mà ở. Trong luật nói ngăn, nạn phạm Đột-cát-la, không xin một bên phạm tội Tăng tàn.

Khai thông: nếu xử phân làm am tranh, am là nhà nhỏ dung thân (không quá lượng). Vì nhỏ không cần xin xử phân, hoặc làm chỗ nhiều người ở, v.v...

- Giới thứ tám: giới phỉ báng người khác trọng tội không căn cứ.

Đa luận nói: một vì bảo hộ hạnh mình làm cho pháp trụ lâu.

Hai vì dứt sự phỉ báng để cho người phạm hạnh an vui tu đạo.

Hỏi: Phỉ báng người khác là nói dối phạm mấy tội

Đáp: Luật Thiện Kiến chép: Không khác với tội đề-xá-ni, vì phỉ báng hư cấu mà thành. Nay lấy nghĩa chung, nếu vốn ý chuyên phỉ báng mà không nói dối thì phạm tội đọa, nếu gồm khi dối tăng, nói dối người trước phạm Tăng tàn. Mong tăng hư giải phạm tội đọa.

Như giết cha, giết La-hán, nói dối, nói hai lưỡi, nói qua lại với nhau, ngoài ra như giới bổn sớ. Đủ tám duyên phạm.

1. Là Đại Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, trừ ba chúng dưới
2. Tâm tưởng cho là tịnh, không ngại thật bất tịnh, như đã phá giới phạm tội đọa.

Văn nói:

1. Nếu ngăn việc vô căn cứ, ngoài ra không điều gì làm thì không thành ngăn, trị tội phỉ báng này
2. Nghĩ là bậc Đại Tỳ-kheo.
3. Trong có tâm sân
4. Không có ba căn cứ
5. Dưới đến nói với một Tỳ-kheo.

Luật Tăng-kỳ nói: Đối với sự phỉ báng là mắng chửi phỉ báng

trước Tỳ-kheo, mỗi lời nói phạm Tăng tàn.

6. Việc trọng như vu khống

7. Lời nói rõ ràng

8. Người đối diện biết thì phạm.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu có người xin pháp quyết phỉ báng người khác ở trong tăng, tăng chưa đáp ứng pháp quyết. Nếu người kia nói tăng hoặc chẳng phải tôi liền không thọ. Tăng nên nói: Ông hãy lễ Phật đi, tôi sẽ nói pháp cho ông nghe, sau đó phán quyết việc này. Nếu kéo dài đến tối nên nói ngày (sáng) mai đến, ba lần như thế.

Còn người ngang bướng thì nói: Chỗ này ít luật sư, không thể xử đoạn, hãy đi chùa khác. Tăng chùa kia biết người như thế cũng nói: ở đây không có luật sư, như thế tìm chùa không được, về lại chùa cũ, tâm hèn yếu chiết phục, tùy tăng dạy đi, bèn hỏi tăng bị phỉ báng, y vào pháp mà quyết đoán.

Luật nói không phạm, nói thật ba điều thấy, nghe, nghi. Thật có năm loại

1. Chân thật.

2. Nghĩ là thật.

3. Sự thật.

- Như giết vua lại nói giết vua.

4. Ba căn cứ không thật lẫn nhau.

5. Bốn giới không thật lẫn nhau. Nếu trái năm điều này phỉ báng người khác phạm Tăng tàn.

Luật Thập Tụng chép: Bốn trọng nói với nhau thành phỉ báng, Tứ Phần nói cũng đồng

- Giới thứ chín mượn căn cứ phỉ báng. Giới này mượn việc khác thấy căn cứ. Lấy sự thấy căn cứ của việc kia nói thấy việc này phạm. Việc không tương đương gọi là mượn căn cứ. Cho nên chia hai giới, duyên phạm đồng với ở trên. Trong luật nói có năm loại giới khác.

1. Đối với đường khác

2. Tội khác

3. Người khác

4. Lúc khác

5. Mượn tiếng

Nói phần khác, luật Thiện Kiến chép: phần dư, lấy một việc nhỏ là con dê của người ấy tương đương với việc dâm, tướng khác có thể biết.

- Thứ mười là giới phá tăng trái sự can ngăn: Giới trái cản ngăn

này kịp đến thiên giới. Việc này ít pháp, ẩn đương thế ít dùng (như phỉ báng tăng, chống cự tăng, muốn không ngăn đạo). Hoặc chỉ có nhân dùng không biện quả, hạn cục lúc Phật còn tại thế. Sau khi Phật diệt độ thì không còn (tức là phá tăng trái lời can ngăn). Các giới như thế, tướng nó rất nhiều, hoàn toàn không thấy dùng, chỉ tổn phí sao lược đều chưa trích rõ. Còn như làm ô nhiễm nhà người, tẫn xuất phỉ báng, do đó bảy ra sự can ngăn. Việc can ngăn là khó, các thời đều phế bỏ, không ngại hành hạnh ác, thật do đầu mối này sinh ra. Hoặc biện sự tướng có thể thông hành. Hoặc khai duyên chính là cốt yếu của đương thời. Cho nên lược thẳng việc làm ấy. Để bổ sung mà dùng. Phạm duyên phá tăng, lý không thể phạm, nhất định trình bày đủ. Ngõ hầu người mới học biết giáo tướng ấy, đủ năm duyên thành phạm:

1. Trước nói rõ lập tà Tam bảo
2. Hành hóa đối với thời
3. Tăng can ngăn đúng như pháp
4. Cổ chấp không xả bỏ
5. Ba lần yết-ma xong thì phạm

Trái với sự can ngăn phạm Tăng tàn, tội phá tăng phạm thâu-lan-giá. Trái lời can ngăn người khác phạm ba-dật-đề. Phương pháp khác rộng như giới bổn sớ.

Luật nói không phạm: Nếu phá bạn ác, hoặc tri thức ác và hai, ba người muốn làm yết-ma phi pháp. Hoặc vì tháp tăng, Hòa-thượng xà-lê tri thức, bạn thân, làm tổn giảm nơi không có chủ. Nếu phá người này không phạm.

- Giới thứ 11: trợ giúp phá tăng trái lời can ngăn, có năm duyên thành phạm.

1. Nói rõ có người làm việc phá tăng
2. Chúng tăng đúng như pháp can ngăn
3. Tăng bạn trợ giúp phá can ngăn tăng
4. Tăng đúng như pháp can ngăn
5. Tác pháp ba lần xong liền kết phạm.

- Giới mười hai: làm nhơ nhà người tẫn xuất phỉ báng trái lời Tăng can ngăn, có sáu duyên thành phạm.

1. Làm hạnh ác nhơ nhà người
2. Tâm không sửa đổi sám hối
3. Làm pháp tẫn xuất
4. Phỉ báng tăng phi lý
5. Tăng đúng như pháp can ngăn

5. Ba lần làm pháp xong thì phạm.

Làm nhơ nhà người chẳng phải duyên của giới bổn, mà chính là phỉ báng tăng. Tứ Phần nói: Có bốn thứ làm nhơ nhà người.

1. Y vào nhà mà làm nhơ nhà người

2. Từ một nhà được vật cho một nhà khác, nơi được không thích nghe, nơi được cho suy nghĩ để đền ơn.

2. Y vào lợi dưỡng làm nhơ nhà người. Nếu Tỳ-kheo đúng như pháp được lợi cho đến các vật khác trong bát, hoặc cho cư sĩ rằng, không cho một cư sĩ khác. Người được cho kia suy nghĩ phải đền ơn, liền nói:

Người kia cho tôi vật, tôi phải cúng dường, người kia không cho tôi vật, tôi làm sao cúng dường được.

3. Y vào bạn thân làm nhơ nhà người. Nếu Tỳ-kheo ỷ vào thế lực của vua, đại thần, hoặc làm cho cư sĩ này, không làm cho cư sĩ khác. Người được làm nghĩ cách để đền ơn bèn không cúng dường vật cho Tỳ-kheo khác.

4. Y vào tăng già lam nhơ nhà người.

Nếu Tỳ-kheo lấy cây lá, hoa quả của tăng hoặc cho cư sĩ này, không cho cư sĩ khác, cư sĩ được cho kia tâm nghĩ: Người kia có cho tôi vật, tôi phải cúng dường, người kia không cho tôi vật, tôi không cúng dường. Người làm hạnh ác tự trồng cây hoa quả, cho đến nước tắm gội, tự hái hoa tự làm thành vòng cho người khác. Và dạy người làm các việc trên. Nếu trong hàng xóm, xã ấp đồng ngồi một giường với người nữ, đồng ăn một bình bát, nói cười ca múa xướng hát, làm tiếng quạ, hoặc gọi hoặc đáp làm trò cười.

Luật Tăng-kỳ nói: Y vào xóm làng được cúng dường bốn thứ cần dùng, hoặc khởi các nạn đều gọi là y nghĩa. Nếu y vào lngà xóm xã ấp, làm phi phạm hạnh, uống rượu, ăn phi thời, không gọi là nhơ nhà người, hoặc người thế tục trước đây có tín tâm, cúng dường chúng tăng, xây dựng chùa viện, phòng xá, làm cho người kia thối tâm gọi là nhơ nhà người.

Đa Luận nói: Nếu làm các nghiệp ác, phá thiện tâm kính tin của người gọi là làm nhơ nhà người, làm hạnh bất tịnh, ô uế cấu trược lại chuộc quả xấu ác gọi là hạnh ác.

Lại Tỳ-kheo, hễ có sự tìm cầu, hoặc lấy các vật của tín thí vì Tam bảo, tự thân, cho đến tất cả mà cho đại thần, đạo tục, v.v... đều gọi là nhơ nhà người. Vì sao? Vì người xuất gia là vô vi vô dục, thanh tịnh tự giữ, lấy tu đạo làm tâm. Nếu vì người tục sai đem thư đến phế loạn

chánh nghiệp, vì chẳng phải xuất ly. Vì lấy vật tín thí cho người tại gia, tức phá tâm tốt bình đẳng của người, đối với người được vật thì vui mừng ưa thích, người không được vật, dù đối với bậc hiền thiện cũng không có tâm yêu kính, mất đi ruộng phước sâu dầy của người khác. Lại vì đảo loạn Phật pháp. Phàm người thế tục tại gia thường với Tam bảo tìm cầu ruộng phước thanh tịnh, cắt bớt màu thịt để gieo trồng gốc lành. Nay người xuất gia lại đem vật của tín thí tặng cho người tại gia, người thế tục lại đối với người xuất gia sinh tâm mong muốn. Lại nêu lấy một ít vật tặng cho người tại gia đây mà xây được tháp bảy báu, tạo lập tịnh xá cho đến cúng dường, bốn thứ cần dùng cho tất cả thánh chúng đầy cả Diêm-phù-đề. Cũng không bằng tĩnh tọa thanh tịnh trì giới, tức là cúng dường pháp thân chân thật. Nếu có sức gượng ép có thể phá tháp hoại tượng, đối với tăng có tổn giảm, được lấy vật tháp, vật của tăng bất cứ lúc nào.

Luật nói không phạm. Nếu cho cha mẹ, người bệnh, trẻ con, đàn bà nghén chửa, người ở trong lao ngục, khách làm công trong chùa thì không phạm. Hoặc trồng cây hoa quả cho đến dạy người xỏ hoa đem cúng dường Phật pháp tăng, tất cả không phạm. Hoặc người muốn đánh, chỗ bị giặc cọp sói làm sợ hãi, nếu gánh trái đường đến trong đó tránh đi. Không phạm là hoặc qua sông, ao hồ, hầm hố, nhảy qua không phạm.

Hoặc bạn đang đi, quay nhìn phía sau không thấy kêu lên thì không phạm.

Hoặc vì cha mẹ, người bệnh, người nhốt trong lao ngục, hoặc đốc thúc niềm tin cho ưu-bà-tắc bị bệnh, hoặc xem thư đến trong ngục. Nếu là việc tháp, Tăng Tỳ-kheo bệnh thì khai cho.

Đem thư đến trả lại, tất cả không phạm

- Giới thứ mười ba: Tánh ác chống tăng trái lời can ngăn, đủ năm duyên thành phạm.

1. Tự thân không thể lìa ác, muốn gây ra tội.
2. Các Tỳ-kheo hiền thiện đúng như pháp khuyên can.
3. Không nhận sự can ngăn cậy thế lăng mạ người.
4. Tăng đúng như pháp sắp đặt can ngăn.
5. Ba lần tác pháp xong liền phạm.

Cạnh bên người này lược dạy chỉ tự quán thân không cần thấy lỗi, Phật bảo can ngăn họ.

Trong Đa Luận, hỏi: Như trong kinh nói: Tự quán thân hành thấy rõ thiện, bất thiện. Nay văn của giới dần dần dạy nhau, há chẳng trái

kinh hay sao?

Đáp: Phật nhân thời mà chế giới. Nói trái đường phải không trái nhau, có sáu loại khác nhau.

1. Trước người có tâm thương ghét, vì phát lời can ngăn có tổn giảm, nói chỉ tự quán thân hành, hoặc là lòng từ người có lợi ích thì cùng nói can ngăn nhau.

2. Nếu người độn căn vô trí, lời nói không có ích thì đình chỉ. Nếu kẻ thông minh lợi trí phát ngôn có ích thì can ngăn.

3. Nếu ít thấy nghe nói lời vô bổ thì thôi, nếu nghe rộng thấy nhiều có lợi ích lớn thì can ngăn.

4. Nếu vì lợi dưỡng, tiếng tăm thì thôi. Nếu lợi ích chúng sinh, mở mang Phật pháp thì can ngăn.

5. Vì hiện pháp lạc chỉ muốn nhiếp mình thì thôi, nếu muốn hóa độ lợi ích làm cho thiên hạ đồng với mình thì dần dần can ngăn nhau.

6. Nếu vì người mới xuất gia luyến ái vợ con bèn nói chỉ tự quán thân hành. Nếu người có năng lực thấm nhuần Phật pháp đã lâu thì làm cho dần dần dạy nhau.

Luật nói không phạm, trước là can ngăn liền bỏ, nếu phi pháp luật, nếu vì người vô tri quở trách can ngăn, nói với họ rằng:

Hòa-thượng A-xà-lê của ông việc làm cũng như vậy, ông hãy học hỏi tụng kinh, nếu việc ấy có thật như vậy, hoặc nói lầm, tất cả không phạm.

2) Trong bất định, văn sớ đã bày ra lâu rồi, trong giới bổn giải lược thuật đại ý.

Đa Luận nói chế ý bốn loại:

1. Vì dứt sự phỉ báng
2. Vì dứt sự đấu tranh
3. Vì làm cho Phật pháp thêm rộng lớn
4. Vì dứt nghiệp ác chướng đạo thứ lớp

- Trong phần bất định đầu có bốn duyên phạm

1. Là chỗ che khuất
2. Người nữ
3. Không có người thứ ba
4. Tùy việc làm mà phạm.

Tứ Phần nói người nữ, người nữ có trí chưa chết. Một mình là một Tỳ-kheo và một người nữ.

Ở chỗ che khuất có hai loại:

1. Thấy bị che khuất, hoặc bụi, mù; hoặc trong đêm tối không thấy

nhau.

2. Nghe bị che khuất, cho đến thường nói chỗ không nghe tiếng.

Chỗ che: trên có che đậy.

Chỗ có thể dâm: chỗ chứa được sự hành dâm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu mẹ con, chị em, thôn thân quan, thôn chẳng thân quen, hoặc già hoặc trẻ, tại gia xuất gia là người nữ. Nếu có người khác, hoặc ngủ, hoặc đứa trẻ cuồng, v.v... đều gọi là một mình.

Luật Thiện Kiến chép: Chỗ che khuất thấy nghe nghĩa là người không có mắt, người điếc, người ngủ, và nhiều người nữ, các duyên như trên đều là phạm. Rộng ra như thiên trước. Giới bất định sau hơi giống với trước, chỉ có chỗ trống là khác.

- Pháp sám ba mươi xả đọa như ở sau: Nói thẳng về chủng tướng

- Giới thứ 1: Trước là giới chứa y quá hạn. Đa Luận nói có ba y:

1. Nhân khai chưa dài ngày tham lợi đối với người thế tục, phá hoại đạo, công đức, tiền của.

2. Tỳ-kheo cất chứa không khác với thế tục, mất tâm kính tin trái với bốn y của Phật. Vì chẳng phải hạnh tiết kiệm. Đủ sáu duyên thì phạm: 1/ Y dài ngày nghĩa là tài của ngoài ba y, Tứ Phần nói y dài hạn dài tám ngón tay của Như lai, rộng bốn ngón tay của Như lai.

Đa luận nói: bề mặt ngón tay Phật rộng hai tấc, y cứ theo thước của Cơ Châu dài một thước sáu tấc, rộng tám tấc. Nếu dài, rộng giảm quá không kết phạm, phải cả hai đều quá.

Đa luận nói: Ngoài ra không cần lượng: quá hạn phạm xả đọa, làm pháp sám hối cát-la phải nói đủ. Thập Tụng nói có bảy loại y không làm tịnh thí ba y, tọa cụ, áo mưa, y che ghẻ. Thứ 7 và 101 vật để giúp thân.

Đa luận nói: Ba y tuy không thọ quá ngày không phạm, chỉ có hai tội thiếu y, hoại oai nghi. Nếu bổn thuyết tịnh nay làm ba y tức mất bổn tịnh. Vì ba y không dài ngày có thể phòng. Lại xả y này thọ y khác trước y thuyết tịnh nếu không phạm dài hạn. Lại Tỳ-kheo có duyên, được áo lót mình chỉ làm ba y thì không phạm. Nếu một y ba khuỷu tay, năm khuỷu tay, ngoài ra có thuyết tịnh.

Hỏi: Ngày rằm y không cắt may quá ngày có phạm không?

Đáp: Trong đó trước có cũ, vì chịu thọ trì, phải làm tướng y mới khỏi lỗi dài hạn. Văn luận trên chỉ trước không có ba y. Vì các văn ở trên cần thứ nhất là y dài hạn của mình.

Tỳ-nại-da nói: vì một ngày đã thành cho nên cả hai tuy biết là dài hạn, nêu duyên như quên, v.v... thì không có tội.

2. Nói thuộc về mình nhất định.

3. Tài của đúng lượng, (loại gấm lông, làm lễ chẳng thuộc về y, không hợp.

4. Không thuyết tịnh.

5. Không có nhân duyên, nghĩa là tháng 1, tháng 5 ca-đề.

6. Quá mười ngày thì phạm.

Đa Luận chép: được ứng lượng, không ứng lượng y, tức thuyết tịnh càng tốt. Nếu không thuyết đến mười ngày không lỗi. Nếu không tác tịnh, không thọ trì đến ngày 11 lúc thấy rõ mặt đất. Ứng lượng là xả bỏ, làm đề sám, không ứng lượng đồng như trước. Luật Thiện Kiến chép: Nếu một chỗ buộc một tội, hoặc không bó buộc, chấp y mỗi đoạn minh tướng xuất, tùy theo chỗ mà phạm tội.

Hỏi: năng nhiễm ứng lượng với sở nhiễm, vì sao ?

Đáp: Chung cho ứng và bất ứng, như túc thực xong, chánh và bất chánh đều phạm túc thực.

Hỏi: Nếu năng nhiễm là bất ứng lượng tài, thì nhiễm có ứng lượng không?

Đáp: Lớn nhỏ tuy khác, nhưng xả sám một nghĩa. Luật kết đại đề-xá-ni. Luận Kết tiểu cát-la, cho nên đều một nhiễm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu hai người cùng một vật chưa phân, nếu cúng dường vật cho tăng chưa vào tay, vật người bệnh dặn chưa trao.

Nếu nghe đệ tử thọ giới, tri thức đưa y chưa vào tay, hoặc đổi y quyết giá cả chưa vào tay, hoặc dệt y chưa vào tay, tuy quá mười ngày đều không phạm xả đọa. Y lâu dài vào tay mười ngày mới phạm. Y cứ theo đây thì phương khác chưa hẳn dùng tay nắm mới phạm.

Già Luận nói: Y mười ngày thế nào là phạm ? Nghĩa là vào tay, hoặc trên gối, trên vai tưởng là vật của ta, từ con số quá mười ngày.

Luận Minh Liễu nói: có vật nhìn không đến được, chẳng phải thân đến được.

Nhận toán số một như người thí y, dầu tô. Chỉ làm ý thuộc về mình quá ngày thì phạm. Có thân đến được, mắt chẳng thể nhìn thấy được. Có mắt, thân đến được chẳng phải toán số. Nếu người không cho mà tự thọ nhất định cúng dường Tam bảo, có mắt chẳng phải thân đến được cũng phải toán số.

Trong luật Tứ Phần nói: Nếu ngày đầu được y, ngày thứ hai không được, cho đến ngày 11 đều không phạm.

Những loại như thế đều có tám môn; chung cho không nhiễm nhau. Ngoài ra, không duyên với pháp là phạm.

2. Trung gian tịnh thí

3. Để lại cho người

4. Mất y

5. Cũ hoại (nghĩa là gió, lửa, nước thấm ướt tùy duyên rõ ràng)

6. Làm chẳng phải y (nghĩa là chẳng mặc dùng, thuộc loại mũ, vớ)

7. Ý thân hậu (vì chẳng phải vật của mình)

8. Hoặc quên đi (vì tâm mê, hoặc quên của cải, hoặc quên gia pháp đều khai mười ngày).

Luật lại nói: Nếu y xả đọa, không xả lại trao đổi y khác phạm một ni-tát-kỳ ba-dật-đề, và Đột-cát-la. Xưa vì tài vật chứa thì tâm nhiễm nên phạm. Trong luận nói không như vậy.

Đa luận nói: Hoặc trước ứng lượng vật xả đọa, tức là làm y ứng lượng, không ứng lượng. Y này xả hết để làm đề sám. Nếu trước không ứng lượng vật xả đọa, làm hai y trước, đều xả làm sám cát-la.

Nếu trước ưng lượng vật xả đọa lại trao đổi được y tài của tức làm hai y, y này không sám, trước sám tội đề-xá-ni. Y theo đây y sau không nhuộm, nếu không ứng lượng trao đổi được hai y không phạm xả đọa vì đã nhập tịnh. Trước sám Đột-cát-la. Luật trên kết một ni-tát-kỳ ba-dật-đề, nghĩa là y trước phạm tội đọa.

1 Đột-cát-la: Nghĩa là vì không sám hối liền trao đổi trái lời Phật dạy. Luật nói: y ni-tát-kỳ không xả không nên cho người, cho đến làm ba y.

Không phạm trong mười ngày nếu chuyển tịnh thí, hoặc tặng cho người, hoặc tưởng giặc đoạt, vật này thật ra cho là giặc dìm đi, tuy trải qua nhiều ngày, vì vô tâm chứa thì không phạm.

Luật Thập Tụng chép: lại được mười ngày khai cho. Nếu tưởng là mất cũng đồng với luật trên.

Nói đoạt y, mất y, cháy y, trôi y (nghĩa là y của bị mất sau đó được lại, lại được thuyết tịnh mười ngày, lại thọ trì trước.

Lấy mặc (nghĩa là trước đoạt mất ba y, nhưng có phạm y dài hạn, vì ba y thể là không, tức thuộc về y chánh, đoạn tâm nối tiếp sám hối tội trước.

Trong Già luận, hỏi: Bỗng có y quá mười ngày, tức lìa ngủ một đêm.

Đáp: Nghĩa là y quá mười ngày, làm ba y thọ ra ngoài giới trường.

Hỏi: Minh tướng xuất: cố biết mà làm, vì sao trước nói phạm xả

đọa không được làm ba y ?

Đáp: Đây y cứ vào ba y có bổn, nay đây do đủ sắc y tội phải sám. Như Thiện Kiến nói: gặp giặc được đắp y năm mầu. Và trong Tăng-kỳ nói mượn y của thế tục thọ trì.

Luật nói: Nếu người khác cho làm thì không phạm, cho vật quý này không phải là của rẻ, vì không được thuyết tịnh, nhưng không thấy chánh văn khai).

Luật Thập Tụng nói: Cúng dường nệm chiếu cho tăng, tăng và một người cũng được thọ.

Luật nói: Y mặc trong thôn (nghĩa là ngăn ngại được nói, hoặc đường thủy lục bị hỏng, v.v... không tịnh thí, không cho người đều không phạm.

- ***Giới thứ hai lìa ba y ngủ:*** Đủ sáu duyên thành phạm.

1/ Là ba y, 2/ Thọ trì thêm, 3/ Y người khác ngại, 4/ Không xả hội, 5/ Không có nhân duyên, 6/ Minh tướng xuất liền phạm. Ba y, năm y phạm ba-dật-đề. Y khác phạm đột-cát-la, chẳng phải là chứa y dư. Đây là một trăm lẻ một y phục giúp thân. Phật bảo thọ trì nếu trái phạm Đột-cát-la. Y dài hạn tịnh thí có người khác để nhờ đó mà biết, có lỗi gì mà khác với xưa giải thích.

Lại ba y là chế chung thượng, trung, hạ, nếu trái thì phạm trọng.

Một trăm lẻ một y giúp thân khai ở phẩm trung. Trái thọ thì phạm tội khinh. Dài hạn thì loại dưới cúng dường người khác. Vì tự không chứa để nên hoàn toàn không phạm. Ngoài ra như giới bổn sớ.

2/ Phương pháp thọ y, lại pháp may y, v.v... đều như trong pháp y quyển hạ.

3/ Y và người khác ngại: Tứ phần chép: các bộ khác cũng thành bốn: tức nhuộm cách tình giới, ba y trên ngại thông giới đều có. Nếu nói về giới ngăn ngại thì kia đây không thông.

Văn nói mất y: Trong Tăng-già-lam có hoặc ở nơi giới (ba ngăn ngại trên ở trong viện già-lam, cho nên y có nhiều giới).

Không mất y: Trong Tăng-già-lam có một giới (không có ba điều ngại trên).

1) (Trước) nói rõ về ngăn ngại nhiễm, luật chép: Tỳ-kheo cởi y ở chỗ nhà thế tục lộ hình thể, Phật bảo trừ bỏ thôn, thôn có năm nghĩa. Cho là phỉ báng sinh nghi, vì hộ trì phạm hạnh. Tức người nữ này đồng ở với Tỳ-kheo, tánh tướng trái nhau phần nhiều dẫn đến chê bai. Phật không cho phép ngồi chung nhà, đi chung ở chung. Đều sinh nhiễm, nếu lấy y giữ sợ hoại phạm hạnh, nhất định cho đồng chỗ y phải theo thân.

2) Cách ngại: luật nói: Nếu nạn như thủy lục, đường hư hỏng lìa y khai cho không có tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Ngoài cửa chùa, không cầm chìa khóa khóa cửa, không có mười hai khung cửa, gọi là lìa y.

3) Tình ngại: Luật nói: Nếu tưởng đoạt, tưởng mất, hoặc các duyên như giặc, thú dữ, mạng nạn, phạm hạnh nạn, v.v... Tăng-kỳ nói: Chỗ huynh đệ ngang bằng.

Đa Luận nói: Vua đến trong giới, chỗ đi đại tiểu tiện gần bên Vua, đều chẳng phải giới y, và người làm huyễn làm nhạc. Vào giới cùng như pháp vua, vì tình cách, vì ngại sự đi lại nên gọi là mất y.

4) Ngại giới: Giới có hai loại.

1. Tác pháp tự nhiên, ba ngại trên vào giới này chung cho giới mất y, đều chẳng phải là giới y, nếu không ba việc ngại, hai giới mỗi giới chung riêng được hộ y.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu giới y tác pháp và giới y tự nhiên, Tỳ-kheo ở trong đó không được đi lại tự tại, gọi là biệt giới. Trái với trên thì đồng giới. Nếu nói về tác pháp thì quyển hạ có nói rõ. Nay nói về giới tự nhiên, có mười lăm giới.

Luật Tứ Phần chép: có mười một loại.

1. Giới Tăng-già-lam.

2. Giới thôn, mỗi thứ có bốn loại. Nghĩa là giáp vòng tường vách bờ rào; tường vách bờ rào không khắp, bốn bề xung quanh có nhà. Các tướng này không khắp về sự hoại tướng của già-lam, các giới như cây cối, xe cộ v.v... tùng sinh. Cho nên nói hoặc bao nhiều giới. Đây chỉ là biệt giới, không gọi là hai chỗ thôn tăng, nay nói bao nhiêu giới, có ba thứ ngại trên cùng phát sinh qua lại, nạn đến đi chê bai cho nên mất y.

Trong luật Tăng-kỳ, Ngũ Phần nói đồng giới là tăng yết ma làm giới không mất y, được qua lại tự tại trong đó.

Giới khác: là không được qua lại tự tại, cho đến giới phòng nhà, chùa ni xóm làng, đi xe, chỗ đất trống, giới tướng đi đường cũng vậy.

3. Giới cây, che mát cho mọi người như ngồi thiền (Tướng cây như thế trở lên có giới y, để hộ). Đây chỉ nói rõ tiểu tướng, luật Thập Tụng nói: Cây không liền nhau thì lấy mặt trời đang giữa trưa, chỗ có bóng râm che, hoặc chỗ khi mưa xuống nước không đến thì bày y ở cây này thân ở chỗ khác. Nếu không lấy y đều phạm. Nếu cây liền nhau cho đến một câu-lô-xá, tùy theo chỗ mà đắp y thì không phạm.

Luật Thiện Kiến nói: khi mặt trời giữa trưa, chỗ có bóng che đồng ở trên. Nếu cành cây nghiêng một bên, y ở chỗ bóng mát con đầu người

ở nơi gốc cây cũng không mất y.

Giới rừng: Y ở trong rừng, trong mười bốn khuỷu tay không mất y, rừng này có người qua lại, không có giới y nên (mang theo thân), không mang theo thân thì mất y.

Trong Thập Tụng nói giới rừng một câu-lô-xá nghĩa là rừng lớn không có nạn, đây nói mười bốn khuỷu tay, nghĩa là thế của bốn cây liền nhau không rộng kịp. Cho nên giới y hẹp nhỏ.

Luật Tăng-kỳ nói: giàn nho leo, giàn dưa bầu, v.v... mỗi giàn bốn tướng, là hai mươi lăm khuỷu tay, gọi là giới y.

Luận Minh Liễu giải thích: Nếu y ở dưới lầu, dưới cây, thân ở trên thì mất y, nếu y ở trên, thân ở dưới cây, dưới lầu thì không mất y, vì ở trên được rơi xuống.

4. Giới trường: Luật nói: Ở trong đó sửa sang ngũ cốc, nghĩa là ngoài thôn, chỗ yên tĩnh.

5. Giới xe.

6. Giới thuyền: đều ở lục địa. Luật nói: Chỗ xe thuyền trở đầu. Đây chỉ nói ở xe. Luật Thập Tụng chép: xe trước hướng về xe giữa quơ gậy đụng đến. Xe giữa hướng về xe trước sau quơ gậy đụng đến. Xe sau hướng về xe giữa quơ gậy đụng đến. Nếu không đến thì gọi là giới khác.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngồi thuyền trên nước có nhiều chỗ ở. Nếu tự tại qua lại, không biết thì không phạm, trái với trên thì phạm.

7. Giới nhà: Luật Tứ Phần nói không có tướng, đây gọi là nhà riêng ngoài thôn nếu y cứ vào tướng của thôn, xóm làng sau này sẽ nói rộng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu lầu gác thêm bậc ngoài đường dài hai mươi lăm khuỷu tay gọi là giới y, nếu máng y ở trên gác, ngủ dưới gác có cầu thang thông thì không phạm. Y cứ theo Tứ Phần nói giới nhà kho, căn cứ ở bên trong sáng vì nói mưa không thể thấm được. Đối với giới nhà nhân đó giải thích về xóm làng. Luật Tứ Phần nói là giới thôn, Luật Thiện Kiến nói không có chợ là thôn, có chợ gọi là xóm làng.

Tát-bà-đa chép: bốn câu đối nhau:

1. Là xóm làng chẳng phải giới nhà, như hai làng, mỗi làng có một nhà.

2. Chẳng phải là nhà, chẳng phải xóm làng, như một làng lớn, lại không có làng khác mà có nhiều nhà.

3. Cũng có hai giới.

Xóm làng có hai, mỗi làng có nhiều người.

4. Cả hai chẳng phải nghĩa là giới lan-nhã.

Xóm làng: Thập Tụng và Đa Luận nói: Người dân cùng ở gọi là giới tụ lạc, nói biệt giới: nghĩa là nơi gà bay không đến, nơi bỏ đồ phẩn tảo, nơi bắn tên tới gọi là biệt giới.

Nói đồng giới: bốn bên xóm làng, mỗi bên có một nhà, hoặc nơi có xe quay trở đầu và ra vào được, thân nằm ở dưới gốc thang mà y bỏ ở bốn xóm làng thì không mất y, vì cầu thang liền nhau không cách ngăn. Xóm làng chỉ có một nhà. Y ở trong nhà mà nằm ở trên, dưới cầu thang xe thì không mất y (vì không có nhà riêng để đến).

Hoặc ở trong giới tự nhiên, chỗ bắn mũi tên, đến minh tướng xuất hiện thì không mất y. Hoặc y ở ngoài mà thân ở trong nhà cũng vậy. Hoặc nhiều nhà mà y ở trong nhà, thân ở dưới thang xe thì mất y, vì giới nhà mỗi nhà đều riêng khác. Nhà có một giới khác, giới khác là: Cha mẹ, anh em, con cái, hoặc thức ăn riêng, hoặc nghiệp riêng. Tuy ở cùng một chỗ mà việc thì khác nhau, gọi là một tộc.

Nếu đồng ăn, đồng nghiệp gọi là giới một nhà. Tộc cũng có một giới, biệt giới. Giới biệt có trụ xứ giới biệt, gọi là một giới.

Giới biệt: là làm chỗ ăn, chỗ lấy nước, chỗ tiện lợi. Nếu ở hai chỗ đều mất y.

Luật Tăng-kỳ chép: Bốn xóm làng liền nhau y gối đầu nằm. Đầu và tay chân mỗi thứ ở một giới, y ở trên đầu, đến khi minh tướng xuất hiện y lìa đầu phạm xả đọa. Nếu tay chân quơ đến chỗ y thì không phạm.

Thập Tụng, Đa Luận nói: Nếu để y ở trong hai giới, nằm ở trên hai giới thì mất y, mỗi giới có phần thân. Cho nên Thập Tụng nói là giới nhà. Nếu là chỗ nhà vệ sinh, trong nhà ăn, nhà của ngoại đạo, y ở trong nhà của ngoài đạo, thân ở nhà khác thì mất y. nếu đồng thấy đồng luận thì không phạm. Nếu là chỗ đùa giỡn, chỗ làm việc, như chỗ lấy nước ở trước thì mất y, nếu đồng thuộc về một chủ thì không phạm. (Đây gọi là tình ngại).

Đa luận nói nhà nhiều tầng của một chủ, người và y cùng ở trên hoặc dưới thì không mất y, nếu là chủ khác, y và người ở trên, dưới giữa không thông cho nên mất. Những điều nói trên đây trong Tứ Phần không có văn, lý phải thông đủ.

8. Giới giảng đường: Luật nói phần nhiều rộng thoáng.

9. Giới nhà kho: là nơi cất chứa vật mua bán như xe cộ, v.v...

10. Giới lẫm: nơi chứa cất lúa gạo.

11. Giới a-lan-nhã. Luật nói: Lan-nhã không có giới. (Nghĩa là ở

chỗ hoang vắng không phân biệt các giới, lấy cây để lượng lớn nhỏ).

Giữa một cây trong tám cây là bảy cung, cung dài bốn khuỷu tay, tính phỏng là năm mươi tám bước, bốn mươi tám tấc gồm cả thế của nó chia ra hơn bảy mươi.

Kế nói rõ điều bất túc: Chọn lấy các bộ mà sử dụng.

12. Giới đi đường: luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo cầu y cho thầy, đi giữa đường trước sau trong bốn mươi chín tầm thì không mất. Đa luận nói: Dù rộng cung được bốn mươi chín tầm tay thì không mất. Đa Luận nói: Dù rộng cung được bốn mươi chín tầm không mất. Trong Tăng-kỳ nói: Giữa đường nằm mà giữ ba y kê trên đầu, minh tướng xuất hiện mà lìa y thì phạm.

Y theo lan-nhã thân phải ở nơi cây.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu bảo sa-di, người thế tục giữ y vào giới trước, Tỳ-kheo vào giới sau không biết, cho rằng minh tướng ngoài giới xuất hiện, cho rằng mất hay không mất y, y chỉ cũng như vậy.

Luật nói: Tưởng mất ngoài giới mà nói: Nếu đệ tử chưa đủ hạ, giữ y cho thầy, gặp người nói pháp, vì ham nghe pháp, minh tướng xuất hiện không phạm. Lìa thầy Hòa-thượng thì phạm tội lìa y.

Luận Minh Liễu chép: Chỗ tiểu tiện do người khác nên khó đi. Vì thương xót mà làm nghĩa này nói rộng trong giới chuyển đầu xe.

Giải rằng: Đại tiểu tiện, bệnh, sợ hãi, nạn ép ngặt đêm ra khởi giới chưa được về mà trời sáng cũng không mất y.

Lại hai người cùng ngủ, ba y cũng để một chỗ, một người có việc gấp phải đi ban đêm, không lấy y mình, lấy nhầm y người ở lại mà đi đến sáng, hành nhân mất y, do hành nhân lầy nhầm cho nên mất không do người ở, cho nên không mất y, người đi ý sáng sủa, cho nên nói đi thêm. Còn người ở này là nạn, cho phép nạn này không mất y.

13. Giới châu: Luật Thiện Kiến chép: Trong mười bốn khuỷu tay không mất y, nếu có người qua lại mà y không theo bên mình thì mất.

14. Giới trong nước. Thiện Kiến nói: ngồi thiền ở chỗ lan-nhã trời sắp sáng giải y để trên bờ xuống ao tắm gội, minh tướng xuất hiện phạm xả đọa.

Tỳ-ni Mẫu nói: Để y ở trên bờ, một chân để xuống nước không phạm mất y. Tăng-kỳ nói giới trong nước là giới đi đường.

Hai mươi lăm khuỷu tay, nếu ở trên thuyền, xuống nước liền xả.

15. Giới giếng: Luật Tăng-kỳ nói ngủ ở chỗ đường đi, chỗ trống, bên giếng, lan-nhã mà y để cách đó hai mươi lăm khuỷu tay, thân ở ngoài thì mất y. Y ở trong giếng phải có đây liền nhau, duỗi dây cầm

trên tay vào trong giếng đụng được y, khác với giới trên giếng. Lấy đây làm ví dụ trừ mười lăm giới tự nhiên hầm hố v.v..., lớn nhỏ như trên. Nếu y theo Tứ Phần, thêm ở thế phần. Văn nói: Giới tăng-già-lam ở bên già-lam, mà người ở trong nếu ném cục đá tới gọi là Giới. Cho đến giới khi cất chứa cũng vậy. Các bộ đều không có thế phần. Trong Thiện Kiến nói không có, kia có văn ném đá, riêng là việc khác. Văn kia nói: người ở trong đó ném đá, người không mạnh không yếu, dùng hết sức ném đến chỗ nào thì giới đến chỗ đó, không lấy chuyển chỗ. Các sư phê bình rằng mười ba bước, là lấy mười lăm giới tự nhiên này lượng thông. Chỉ không thông giới pháp, phải vào giới mới biết y.

Luật Tăng-kỳ nói; Có duyên đến chỗ khác, chỗ đó giữ lại ngủ. Chỗ ấy có Tỳ-kheo và ni, y có dư nên mượn thọ trì, nếu không thì người thế tục có áo ngủ nên mượn lấy, tác tịnh ở nút, sau đó thọ trì. Lại không có y thì gần sáng nên mau về lại chùa, chớ leo thành. Ra đến cửa chùa chưa mở thì đến dưới nhà cửa (vì cột nhà cửa liền nhau, luật kia không có thế phần, bởi vậy làm giới tự nhiên, không đồng với Tứ Phần nên biết).

Nếu không đụng tay vào lỗ cửa, trong ao nước, trước lấy vật khuấy động, chớ đụng trùng độc. Lại không có lỗ này thì nên leo tường vào, chớ làm cho người nghi. Nếu vào không được thì phải xả y, thà không có y phạm tội nhỏ, vì khinh mà chuyển thành trọng. Nếu y theo lới này hẳn trong giới có ba thứ ngăn ngại trên, không được ngoại hộ. Vì nhất định mất trì y. cho nên văn nói.

Nếu ngủ ở chỗ khác, minh tướng chưa xuất hiện, hoặc chỗ ném đá đến (nghĩa là trong giới không có ba việc ngăn ngại). Hoặc lấy tay cầm y, (Nghĩa là trong giới có nhiễm tính ngại). Hoặc xả y (nghĩa là trong giới cách ngại và việc ngoại giới). Hoặc không làm ba việc như trên, mình tương xuất hiện tùy theo việc lìa y phạm xả đọa.

15 Giới y tự nhiên ở trên vì mỗi giới khác nhau không chung cho nên có tên khác. Luật nói: Giới già này chẳng phải già-lam kia, cho đến cây, xe khố cất mỗi mỗi cũng vậy. Nhưng hai giới tăng thôn tướng nhiếp nghĩa nó mạnh. Tuy có nhà cây ẩn danh không hiển các giới nhìn vào nhau bất luận mạnh yếu. Cho nên dưới cây có xe, có giới xe riêng, ngoài xe có cây cũng có giới cây rằng không có thế phân riêng.

Nếu hai giới tăng thôn thế phân có giới cây, v.v... liền ở hàng giới tăng, giới cây mà chia thế phân. Ví dụ như thế, ngoài ra y theo đó mà biết. Nếu nhà giảng, nhà kho có xe thuyền thì theo giới nhà giảng, nhà kho.

Luật nói: Kho là chỗ cất chứa xe cộ. Vì nhà kho kia y mặt thu nhiếp vốn chướng ngại nên gượng không đồng với cây, chỗ để xe, v.v... không ngoài để nhiếp. Như tịnh địa không thông khắp đều để y thì không phạm xếp loại tướng của các giới khác chưa đủ nhiếp. Nếu cùng lầm thì mỗi nơi có giới riêng, như trong giới bổn sớ.

- ***Giới thứ 3: không có nhân duyên,*** có duyên nêu ra bảy loại.

1. Người khác tác pháp, hoặc đối thú, hoặc tâm niệm (không gọi là tác pháp khai lìa, lấy khinh chuyển trong, đối tăng tác pháp, lìa có hai.

2. Có duyên xin được, Tứ phần nói: Tỳ-kheo già bệnh (ba mươi trở lên gọi là già).

3. Y nặng được yết-ma lìa y, pháp như trong sớ nói. Hai người cung làm y ca-hy-na, ba người đối chỗ tác pháp, lìa giới thì không mất y.

4. Lan-nhã sợ hãi mà lìa.

5. Đường của vua không thông, mạng nạn, phạm hạnh nạn, v.v...

6. Ca đề thưởng nhọc mà lìa

7. Như trong Ngũ Phần nói các duyên như tháp, tăng và việc quan trọng khác cho sáu đêm lìa y không tội. Nếu việc xong không trở lại phạm Đột-cát-la.

Trong bảy phần lại chia ra: ba loại trước được phép lìa, bốn loại sau không được phép lìa, bốn loại sau không phép lìa. Lan-nhã chung có không, sáu đêm đưa vào thôn không pháp lìa, sợ mất xa bỏ là có pháp lìa, phân biệt phạm tội thứ hai, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, một bề không có tội. Vì có duyên. Trong phần thứ năm vì không thông hoặc mong đoạn nên mất y.

Không mất như sau: trong giới nhiếp y thứ ba, vì không có ba điều ngăn cho nên khai thông qua lại. Nếu có ba điều ngăn ngại thì không tránh khỏi mất y.

Loại thứ hai là đối tăng tác pháp, khi có duyên thì không mất, hạn đủ liền mật phạm tội. Ngoài ra, mỗi việc y cứ theo đây suy nghĩ biết mà hội thông.

Trong luật nói không phạm: tưởng là đoạt y, y bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi, y bị hư hoại. (y thật thất vọng khởi tâm tưởng, trải qua đêm ngủ mất thọ lại thì không tội. Quyết tâm cho mất tức là có tâm xả, vì lỗi vô tình không phạm xả. Thiện Kiến nói không mất: thấy chủ có tâm nghi sợ ở ngoài giới, đó gọi là mất thể khác nhau. Luận nói y không mất thọ.

Hoặc đường thủy lục hư, hoặc cướp bóc, thú dữ, mạng nạn, phạm hạnh nạn. Nếu không xả y thì không phạm. Đây là tình cách hai ngại mất thọ không có tội. Nếu trước kiêu mạn, không nhiếp, sau tuy trải qua các duyên mất y phạm xả đọa. Hoặc các nạn bỗng nhiên phát sinh đến dự hội không được thường khởi tâm lãnh thọ, nhất định không mất pháp. Do nạn bỗng phát sinh lỗi vô tình lìa cũng không phạm tội, như trong giới việc thọ dục có nạn đem ra ngoài giới, trở lại không mất. Ở đây cũng đồng với điều đó. Trước nói việc mất thọ ngăn cách không biết, mà qua minh tướng mất thọ cũng không tội. Hoặc người nữ qua lại, nhiễm ngại sự tiến lùi, so với hai ngại hai có thể biết, lại có người không lập nhiễm ngại, chỉ là tình nhiếp, ở đây không chung với các bộ.

Hỏi: Quên không cầm y mà đi ra ngoài, đến trời tối mới biết, lấy hội không có duyên, vậy có mất hay không?

Đáp: Người kia thường tự đem theo bên mình, bỗng quên thì đồng với y dư khai cho. Trên lại giải thích như thế, bất tận rất nhiều, rộng như trong giới bổn.

Hàm chú sớ và trong san bổ yết ma có nói rõ điều này, giới ba y nguyệt vọng, giới này là chỉ ba y, vì tài của ít nên đổi y cũ. Vì không đủ. Phật khai một tháng, quá hạn mà chưa cho nên chế. Tỳ-kheo cất chứa y dư được thuyết tịnh, không cần giới này có sáu duyên thành phạm.

1. Cố hoại ba y
2. Của ít không đủ
3. Vì đổi ba y định thay loại cũ
4. Không thuyết tịnh làm ba y
4. Không có nhân duyên
5. Quá hạn thì phạm
6. Giới này chia ba giai vị

Trước mười ngày thường khai, nếu ngày 11 đến ngày 29 thì được. Tùy theo ngày làm thành, không được khai lại, đến ngày 30 hoặc được hoặc không được, hoặc đồng hoặc không đồng, một bề hạn chế.

Luật Tăng-kỳ chép: mười ngày tức làm. Khi làm y người khác giúp đỡ giặt nhuộm cắt, khâu dài khâu ngắn nấu nhuộm. Tác tịnh rồi thọ trì. Nếu sợ không xong thì làm cho mau mà thọ trì, sau đó khâu cẩn thận lại. Luật này nói chỉ cắt sợi chỉ thì khỏi lỗi chứa dư. Hoặc ba y đều cũ và thiếu không đồng đều khai một tháng. Nếu đại y đồng đủ thời hạn, hai y dưới của tài thiếu không đủ. Cũng nhuộm phạm quá thời hạn, do có cố hoại ba y, chẳng phải là chính thay loại cũ. Cho nên văn nói: tùy y bao nhiêu đều xả. Ngoài ra đồng với y dài hạn khai cho.

Giới thứ 4: lấy y chẳng phải là Tỳ-kheo-ni bà con, đủ năm duyên.

1. Là Tỳ-kheo-ni, chọn hai chúng dưới lấy được phạm cát-la.

2. Chẳng phải bà con.

Luật nói: ba con là cha mẹ bà con bảy đời.

Luật Thiện Kiến nói: Thân phụ là chú bác anh em con cháu.

Mẫu thân: cô dì cho đến con cháu. Đều gọi là đồng khí nghĩa thân, không có lẫn lộn họ khác.

Lại nói: vợ của người xuất gia chẳng phải bà con.

Vợ của chú bác cũng đồng. Thập Tụng nói: nếu là bà con có chút ít còn đem cho, huống gì không đủ mà lấy. Luật Ngũ Phần nói nếu ni bà con phạm giới, người lấy y phạm Đột-cát-la.

3. Y đúng lượng: Trong Luật nói: trong năm y lấy một y cố làm duyên phạm. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu lấy bát và các vật nhỏ khác thì không phạm.

4. Tâm rỗng rang đưa cho, trừ xin được không phạm. Luật Tăng-kỳ chép: ni mượn y của Tỳ-kheo được đắp hư rồi trả lại, không phạm. Nếu ni cho hai chúng dưới và thế tục y nói: cố giữ y này cho Tỳ-kheo..., sẽ được phước đức. Người lấy không phạm.

5. Lãnh thọ rồi. Già Luận nói ni để y dưới đất gởi Đại đức, tùy ý dùng liền bỏ đi, Tỳ-kheo đồng ý dùng thì không phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: sai người thọ đồng phạm.

Thập Tụng, Đa Luận chép: mười Tỳ-kheo tăng lấy một y của Tỳ-kheo-ni, mười vị tăng đều phạm tội đọa, mười vị ni cầm một y cho một Tỳ-kheo tăng phạm mười tội đọa.

Thập Tụng nói: Nếu Ni trước thỉnh, hoặc nói pháp cho tất cả nghe thì không phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Chư ni cúng y bát cho Tỳ-kheo, nếu trước vô tâm tìm cầu; người kia tự cúng dường, phải quán có loại dư được lấy. Y cứ theo đây phạm giới chỉ do tâm tham, ý của chế giới có thể thấy.

Tứ Phần chép: Phật bảo các Tỳ-kheo-ni rằng: phải chứa năm y cho chắc chắc. Còn y khác tùy ý tịnh thí. Nếu cho người thì nói đã cho người, thì đâu thể chọn đạo hay tục.

Trong luật nói không phạm nếu theo Tỳ-kheo-ni bà con lấy y (theo luật cha mẹ bảy đời là bà con. Lại y cứ vào thân cha có mất đời khác nhau).

1. Cao tổ

2. Tằng tổ

3. Nể tổ
4. Cha
5. Minh
6. Con
7. Cháu

Nếu trao đổi làm tượng Phật hoặc tăng lấy đều không phạm.

Giới thứ 5: Giới sai người ni chẳng bà con nhuộm y cũ. Nhuộm giặt thật ra ba giới này đồng do một y mà phát sinh. Giới này nghiệp nặng.

Luật nói: nói sai giặt nhuộm, hoặc làm phạm, ba tội ni-tát-kỳ ba-dật-đề, có năm duyên thành phạm.

1) Là Tỳ-kheo-ni, nếu là hai chúng dưới, thì luật kết tội nhỏ

2) Chẳng phải bà con.

Luật Thiện Kiến chép: phụ nữ có chồng xuất gia cũng phạm.

Nếu sai Tỳ-kheo-ni kiếm củi, nhóm lửa, nấu nước, tất cả phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần chép: Sai Tỳ-kheo-ni không bà con giặt mà Tỳ-kheo-ni bà con giặt, qua lại năm câu như vậy phạm xả đọa.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu bảo Tỳ-kheo-ni giặt y cho thầy phạm Đột-cát-la.

Nay hoặc có người nuôi nhiều đệ tử ni, sai giặt may vá vì chẳng phải người bà con đều phạm xả đọa, hoặc nhầm đệ tử do đó đưa cho nhuộm thì phạm tội trọng, phải hết sức cẩn thận.

3) Là y cũ của mình.

Luật nói: dù chỉ trải qua một lần mặc trên thân.

Luật Tăng-kỳ nói: Cho đến một cái gối.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu là đãy đựng dày dép thì không phạm.

Du già nói: Cho đến ni-sư-đàn cũng phạm xả đọa.

4) Tự sai giặt

Luật Tăng-kỳ nói: Tự cho, sai cho v.v... bốn câu đều phạm. Nếu sai Tỳ-kheo-ni bà con giặt mà đệ tử giặt thì không phạm.

Hoặc nói: Bảo đệ tử ông giặt y cho tôi thì phạm, hoặc mặc y dơ vào Chùa ni để giặt thì không phạm.

Nếu trước người có tâm phương tiện thì phạm xả đọa.

Luật Thập Tụng nói: Nếu phạm xả y, đưa cho giặt phạm tội nhỏ.

Y cứ theo đây không phạm trọng, một y không hơn có phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu bị xe cộ làm dơ rồi bảo Tỳ-kheo-ni giặt

phạm xả đọa, không được cắt bỏ hết y cũ.

5) Giặt nhuộm xong liền phạm

Luật Tứ Phần chép: Lại giặt y mới, cho đến sai hai chúng ni đều phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu giặt xong, Tỳ-kheo bảo chưa sạch sai

Tỳ-kheo-ni giặt lại phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề và Đột-cát-la.

Không phạm là: Luật nói: nếu bị bệnh, hoặc vì Phật pháp Tăng, hoặc mượn y người khác mà Tỳ-kheo-ni giặt thì không phạm.

Giới thứ 6: xin y người thế tục không bà con.

Đa luận nói: chế ra không cho phép xin có bốn điều lợi ích.

1. Vì làm cho Phật pháp Tăng thượng.

2. Vì dứt sự tranh tụng.

3. Vì dứt bặt tâm bất thiện trước người.

4. Vì làm cho chúng sinh tin ưa đối với chánh pháp.

Ngũ Bách Vấn Luận chép: xưa, có Tỳ-kheo xin nhiều, cất chứa không chịu làm phước, lại không chịu hành đạo. Do đó, sau khi qua đời biết thành một khối thịt trên núi lạc đà lớn mấy mươi dặm. Bấy giờ, gặp lúc thời đói khổ, dân trong nước này hằng ngày đến lấy thịt đó ăn, cắt chỗ nào lại sinh lại chỗ đó.

Một hôm người nước khác đến, thấy vậy liền cắt lấy thịt đó, liền có tiếng kêu lớn chấn động cả mặt đất. Người kia hỏi lý do, mặt đất đáp. Tôi vốn là người tu hành, vì tham lam của cải không chịu bố thí, vì mắc nợ vật của người nước này nên phải làm khối thịt để trả nợ cũ. Tôi đâu có mắc nợ gì ông, cho nên kêu to như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo tham lam là họa lớn, xả bỏ là hợp với pháp Tỳ-kheo.

Lại nói: Nếu người xin vật của Tỳ-kheo nói: đây là tốt hay xấu, nếu thật tốt thì nói tốt, được vật phạm xả đọa. Không tốt nói tốt phạm tội khí. Nếu Tỳ-kheo nghèo thiếu, vào buổi sáng được dẫn người tại gia, sa-di vào chợ xin tiền, sau ngọ không hợp. (lẽ ra không có giới của sa-di). Đủ sáu duyên thành phạm:

1. Đủ ba y (dù không đủ phải xin lấy y, nếu xin ngũ cốc luật kết phạm cát-la).

2. Có nhân duyên: Nghĩa là đoạt mất ba y, chẳng phải giữa tháng ca-đề theo người khác xin y, nhất định không giao thiếu, không cứu giúp. Mùa đông tùy theo lượng xin y, không được cất chứa nhiều.

3. Chẳng phải bà con.

Luật Ngũ Phần và Đa Luận nói: xin y tốt ở người bà con, hoặc

nghèo thiếu, hoặc cho ít đòi nhiều tất cả phạm Đột-cát-la.

4. Xin ứng lượng y cho mình

Luật Thập Tụng, Tăng-kỳ nói: xin được bốn khuỷu tay trở lên thì phạm. Nếu tự mình xin hoặc bảo người xin, ra tướng làm nóng lạnh. Hoặc vì phương tiện nói pháp tất cả đều phạm xả đọa.

Trừ xin đãy lọc nước, vật nhỏ để vá y, vải buộc đầu, vải bó vết thương, một dãi buộc chân, đẩy đựng dao, khăn lau tay, lau mặt, lau thân thể v.v... đều được. Nếu khi xin vật này thí chủ cùng toàn bộ y tài, thì được lấy. Vốn người có tâm lợi dụng chỉ xin ít, hoặc dung chứa được nhiều thì phạm xả đọa.

5. Người kia cho.

6. Lãnh thọ liền phạm.

Luật Tứ Phần chép: Nếu bị giặc lột y lỏa hình, Phật dạy: nên lấy cỏ mềm, lá cây che thân đến chùa, hoặc lấy y dư, hoặc lấy của bạn thân. Nếu không có thì đến trong tăng hỏi xin. Có thể phân y, nếu không thì hỏi lấy y được chia tăng.

Nếu người không cho thì tự mở kho xem, hoặc là mền, nệm, chăn mở tháo ra cắt làm y, ra ngoài xin nếu được rồi nên trở về giặt nhuộm may vá lại để ở chỗ cũ. Nếu không để lại chỗ cũ thì đúng như pháp mà trị.

Luật Thập Tụng chép: Chỗ cũ trống rỗng, thì để ở chỗ gần. Ngoài ra như trong Tạp pháp nói.

Luật nói không phạm: Nếu đoạt mất ba y thì xin người không phải bà con. Ngũ Phần khai cho khi y dư được xin, chung với năm duyên trước.

Luật lại nói: Hoặc xin cho người khác, hoặc người khác xin cho mình, hoặc không cầu mà được, hoặc xin người bà con, hoặc xin người cùng xuất gia thì không phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Phi pháp cầu thí, thí phi pháp cầu, cả hai phạm tội.

Giới thứ 7: lấy y quá phần.

Có sáu duyên:

1. Tỳ-kheo bị cướp mất ba y.

2. Cư sĩ chẳng phải bà con.

3. Bị cướp mất cho nên bố thí.

Nếu không bị mất thì tùy theo sự thọ nhận, không phạm.

4. Tỳ-kheo biết người kia bị mất nên thí y.

5. Lỗi biết đủ.

6. Lãnh thọ liền phạm

Luật nói: Nếu mất một y không nên nhận lấy, nếu mất hai y còn có y nhiều lớp, hoặc hai lớp, ba lớp, bốn lớp nên tách ra làm tăng-già-lê và an-đà-hội.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu cả ba y đều mất, lấy hai y trên dưới, còn một y xin chỗ khác.

Luật Tứ Phần nói: Nếu tự tứ cho nhiều y, hoặc y mềm, y mỏng, hoặc không bền chắc nên lấy làm hai, ba, bốn lớp viền ở trên vai, nên phụ vào chỗ bẩn, nên đặt khuy nút. Nếu vải còn dư nên nói với cư sĩ: Đây là vải dư, để làm gì đây?

Nếu người kia nói: Tôi không bị mất y cho nên cúng dường. Chúng tôi tự cúng dường cho Đại đức mà thôi, nếu người kia muốn nhận liền lấy. Giới trước vì người khác không phạm. Giới này nếu vì người khác xin nhận thì phạm.

Giới thứ 8: khuyên cư sĩ thêm giá tiền may y.

Luận nói có sáu duyên thành phạm:

1. Người thế tục chẳng phải bà con có tâm rộng lớn chuẩn bị giá tiền.
2. Cúng dường có thời hạn
3. Biết thời hạn cúng dường
4. Chê ít khuyên thêm
5. Người kia vì tăng thêm giá tiền tơ dệt
6. Lãnh thọ liền phạm

Luật Tứ Phần chép: Cư sĩ cúng dường y, Tỳ-kheo chê ít lại xin thêm, dù chỉ thêm một phần trong mười sáu phần của một tiền, hoặc thêm sợi tơ cho đến một sợi chỉ.

Luật Thập Tụng chép: Khuyên thêm giá cả, lượng, mầu sắc phạm ba tội xả đọa.

Luật nói không phạm: là trước nhận tha hồ thỉnh mà đến cầu biết đủ. Đối với việc tìm cầu làm giảm ít. Nếu xin người quen biết, xin người xuất gia, mình vì người khác, người khác vì mình, không cầu mà tự được thì không phạm, ngoài ra như trong sớ.

Giới thứ 9: khuyên hai gia đình thêm giá tiền may y.

Duyên chế giống như trước, chỉ khác là khuyên hai nhà chung lại.

Luật Ngũ Phần chép: Cho đến khuyên vợ, chồng hợp làm một y cũng phạm xả đọa

Luật Tăng-kỳ nói: Biết đủ là nếu cho y đẹp thì nói: “Tôi là người

ở trong rừng, luyện-nhã, đầu-đà". Xin không không vừa ý, thứ thô đều phạm xả đọa (vì miệng tự thuật đức của mình).

Giới thứ 10: đòi giá y thí gấp quá hạn.

Có năm duyên thành phạm:

1. Thí chủ tặng vật báu
2. Vì trao đổi y để dùng
3. Giao cho người chuyển trao
4. Đòi quá phần
5. Được vào tay liền phạm

Luật nói không phạm là: Nếu sai sứ báo cho biết, hoặc người kia nói không cần liền bố thí cho. Khi Tỳ-kheo này dùng lời dịu dàng phương tiện xin y được, thì không phạm.

Giới 11 Xin tơ tằm làm ca-sa

Đa luận nói có bốn ý:

1. Vì dứt bặt sự phỉ báng.
2. Vì làm cho tâm kính tin thêm mạnh mẽ.
3. Vì tu tập được an vui.
4. Vì không hại mạng chúng sinh

Luật Tứ Phần nói: Vì Tỳ-kheo đến nhà nuôi tấm xin loại tơ chưa thành, tơ đã thành làm ngọa cụ, liền đội xem, khi phơi kén có phát ra tiếng, nhân đó Đức Phật quở trách chế giới này. Nếu thuần làm, hoặc tạp, hoặc lấy lông mịn, hoặc gai và cá tỏ tạp khác làm thành. Hoặc cắt nhỏ ra hòa với bùn trét lên tường.

Đa Luận chép: Kiều-xá-da, dịch là tơ tằm, như cách nuôi tằm ở nước Tần. Hoặc xin kén, xin bông, xin tơ dệt vải thành y phạm xả đọa.

Nói ngọa cụ là ba y, (tức ba y gọi chung là ngọa cụ, kiểu giống như tấm chăn ở Trung Quốc, cho nên lấy chung một tên).

Ngoại quốc may y gồm có hai thứ:

1. Tách vải ra nhỏ cất giống như cách làm chăn nệm.
2. Bông làm tỏ dệt thành y, cũng được làm ba y, vì thọ trì nên được xin, làm thành phạm xả đọa.

Luật Thiện Kiến chép: Cho đến một sợi lông tạp liền phạm.

Kiều-xa-da là sợi nhỏ trong tơ, Tằm mới nhả ra gọi là hốt.

Luật Tăng-kỳ chép: xâu tạp vào khuy gấp sợi dọc ngang, tất cả phạm xả đọa; thọ dụng phạm việt Tỳ-ni, lấy sợi dọc ở giữa, vật da bằng tơ lụa, nếu lần lượt đến, lìa khỏi tay người giết cúng dường cho người giữ giới, không nên thọ nhận ấy là pháp Tỳ-kheo. Nếu người nhận, không có từ bi, không phá giới.

Kinh Niết-bàn chép: Giày dép, y kiều-xá-da, y phục như thế đều không chứa cất. Đây là đúng với kinh luật.

Ngày nay có nơi thiền chúng đều mặc vải đẹp, há không thuận với giáo hay sao?

Luật Ngũ Phần chép: Nhà nuôi tằm bố thí bông tơ, thọ rồi cúng dường cho tăng, không được tự vào. Vì các bộ này đối nhau cho nên biết, nhưng điều chế ra ý rất quan trọng, tằm hoang dã còn phạm, huống gì tằm nhà, tạp hốt còn phạm, huống gì làm thuần bằng tằm. Có người xin và làm ba y, hợp với điều này thì dứt bỏ, như các luật có nói, mặc thì phạm tội. Như luật dạy không được đến nhà người giết mổ xin huyết, thịt và đến nhà làm sữa xin sữa ăn đều phạm.

Cho nên Đa Luận chép: Nếu nhà không có tằm xin kén tự làm bông tơ thì không phạm. Vì để bán nên có trùng phạm đột-cát-la, nếu xin thành sợi chứa y không phạm. Nếu trùng hoại lấy làm ngọa cụ thì không phạm, làm không đúng lượng y, tất cả dụng cụ để trải đều phạm Đột-cát-la.

Luận chép: Nếu vì người khác mà làm, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: nếu được loại làm thành rồi dùng kéo cắt nhỏ ra trộn với bùn trét lên tường, ngoài ra như trong sớ bổn.

Giới 12: làm Ngọa cụ bằng lông thuần đen.

Bốn giới ngọa cụ này đều gọi chung là ba y, người xưa nghi ngờ đến nay vẫn chưa quyết định.

Luật Tăng-kỳ chép: Làm nệm, làm già-lê cho đến tọa cụ, v.v... có bốn duyên thành phạm.

1. Thuần là lông đen
2. Làm ca-sa
3. Vì mình
4. Làm thành liền phạm

Luật chép: tự mình làm, dạy người khác làm đều phạm xả đọa như trên.

Không phạm là: nếu được ngọa cụ đã làm thành rồi, hoặc cắt rọc ra cho hư hoại (vốn làm đo cắt).

Hoặc thưa, mỏng gấp làm hai lớp (nguyên ý về sau được)

Nếu làm mền, hoặc làm ngoạ cũ góc nhỏ, hoặc làm nệm nằm, hoặc làm đồ đựng bát, làm đồ đụng dao, làm mũ, áo, làm khăn trùm cho ấm, làm khăn để giày dép, tất cả không phạm.

Giới 13: Làm ba y bằng lông trắng.

Nhân duyên như giới trước. Phật chế làm xen vào, trái với lời Phật

thì phạm.

Có năm duyên thành phạm:

1/ Xen làm ba thứ lông

2/ Định làm ba y ngọa cụ

3/ Vì mình

4/ Thêm tốt bớt xấu dưới đến một lạng

5/ Làm thành liền phạm

Giới 14: làm ba y dưới sáu năm có sáu duyên thành phạm:

1. Có ngọa cụ cũ dưới sáu năm
2. Không bỏ cái cũ cho người khác
3. Tăng không cho phép
4. Làm lại cái mới
5. Vì mình
6. Làm thành liền phạm

Tăng-kỳ chép: Vì già bệnh, mang theo nệm Tăng-già-lê không đủ sáu năm không được lại làm. Nếu thân khỏe mạnh, nhan sắc tươi tỉnh, bạch yết-ma trong chúng mỗi mỗi không thành.

Tứ Phần nói không phạm là: Tăng cho bạch nhi và đủ sáu năm, nếu dưới sáu năm xả cái cũ làm lại, hoặc được cái thành rồi, hoặc không, hoặc làm cho người khác tất cả đều được.

Giới 15: Tọa cụ không xếp chồng. Có năm duyên thành phạm:

1. Trước có tọa cụ cũ
2. Lại làm tọa cụ mới
3. Vì mình
4. Do vô tâm mà dùng cái cũ gấp thêm vào
5. Làm thành liền phạm

Ở đây cùng với chín mươi câu ở giữa, bốn câu đối nhau.

1. Làm mới đúng lượng không gấp vào thì phạm giới này
2. May lượng quá cái cũ thì phạm

Luật nói: làm tọa cụ mới, nếu tọa cụ cũ chưa hư, chưa lũng lỗ, nên đem giặt nhuộm, phơi kéo ra cho thẳng, cắt lấy một miếng dọc rộng một khuỷu tay, lót vào trên cái mới, hoặc một bên, hoặc ở giữa. Vì hoại sắc cho nên chỉ cần nói giúp thêm vào, không nói vải nệm, tùy theo chung cho cả mười loại y.

Luật Tăng-kỳ nói: làm nệm vuông một khuỷu tay, khi lấy nệm cũ không phạm.

Theo người nghe ít phạm giới, người không nghe, người ở phòng hư không sửa sang, người tiếng xấu, người đoạn kiến xa lìa hai thầy,

người không thích hỏi han, người không phân biệt được việc ma không nên nhận, nhận thì trái với ý trên.

Lúc mặc không có góc nhọn, lồi lõm, thiếu góc, lủng, hư hoại, dơ nhớp làm cho vuông vắn.

Đa luận nói: Không dài, ngắn cũng nên dùng.

Luật Thiện Kiến nói: Cũ nghĩa là: Dưới đến tọa cụ không cần gấp thêm vào.

Luật nói: không phạm là cắt lấy gấp vào tọa cụ cũ, nếu người kia tự không có chỗ, lại làm cái mới (phải có được chỗ như luật luận trên). Nếu làm cho người khác, hoặc được, hoặc loại thành rồi, hoặc thuần là cũ làm lại thì không phạm.

Giới 16: Mang lông dê quá hạn: Có bốn duyên thành phạm:

1. Là lông dê tốt, trừ loại rẻ.

Luật nói: Lông đầu, cổ, chân không phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: Mang lông lạc đà, lông con rái cá, lông heo phạm việt Tỳ-ni, thành đồ dùng không phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Cho dùng lông lạc đà dồn làm mền.

2. Là vật của mình

3. Tự mang

Luật Tăng-kỳ nói: Cả ba người cùng có, mỗi người mang chín do-tuần, gánh nặng đều phạm.

4. Luật Tứ Phần nói: Nếu đi đường được lông dê nên lấy tự mang đến ba do-tuần, nên sai người mang đến chỗ kia.

Nếu ở giữa chỗ đó không được giúp, nếu mang thì phạm Đột-cát-la. Sai bốn chúng Tỳ-kheo v.v... cũng phạm. Nếu mang y khác, hoặc gai v.v... đều phạm Đột-cát-la. Hoặc vác vật quảy trên đầu gậy cũng phạm Đột-cát-la. Hoặc mang những thứ trang sức mịn, dây mịn và lông chỗ khác, hoặc làm mũ, làm khăn v.v... thì không phạm.

Giới 17: Sai Tỳ-kheo-ni không bà con giặt nhuộm lông dê: chế ý duyên phạm, đồng với giới giặt y.

Đa luận nói: Vì làm Tăng thượng Phật pháp nên Phật chế ra.

Nếu các chúng Tỳ-kheo-ni nhận việc giặt nhuộm, bỏ bê việc tu tập chánh nghiệp, chính là không có oai nghi, phá pháp tăng thượng.

Lại đình chỉ pháp ác, nhân duyên thứ lớp, mỗi mỗi làm cho thanh tịnh. Ngoài ra như trong sớ có nói.

Giới 18: chứa tiền của báu.

Đa luận nói: Đức Phật chế giới này có ba điều lợi

1. Vì dứt sự phỉ báng

2. Diệt sự tranh cãi
3. Vì thực hành tiết kiệm, thành tựu thánh chủng
Báu là tám thứ của bất tịnh. Lại nhân đây chia ra bốn môn.
1. Nêu số bày lỗi
2. Khai chế khác nhau
3. Kết tội nặng nhẹ
4. Trao đổi tội nhiều tội ít qua lại
Trong phần nêu số:
1. Ruộng vườn rừng nhà
2. Trồng các loại cây
3. Cất chứa lúa, lụa
4. Nuôi kẻ tôi tớ
5. Nuôi loài cầm thú
6. Tiền, của, vật báu
7. Mền nệm, búa khoan
8. Vàng, trang sức và các vật quý

Tám thứ này kinh luận và luật nêu nhiều thông số. Hiển lỗi không đúng thứ lớp so sánh thuật đủ như trên, không trích trong kinh Phật. Hai là nói về lỗi. Các giới không chế ra đối với người thế tục. Chỉ có ở đây, làm cho đạo tục đều giữ gìn. Thấy người chứa cất biết chẳng phải là đệ tử Phật.

Trong kinh luật: Đều nói Sa-môn có bốn hoạn lớn chính là giới này. Nếu có người cất chứa thì chẳng phải đệ tử ta.

Luật Ngũ Phần cũng nói: Nhất định không tin pháp luật của ta cũng do tám loại này, đều làm lòng tham thêm lớn, làm hư hoại đạo pháp, ô nhiễm phạm hạnh, có đắc quả uế gọi là bất tịnh. Ngoài ra, như trong chánh giải.

Hai là nói về khai cho chứa, trong kinh nói cấm trọng như ở sau nói rõ. Trong luật về việc cơ nhỏ ý hẹp nên phần nhiều cho khai chứa trong loại bất tịnh thứ nhất. Do đó, ngăn đạo người khác thì không khai cho.

Một cửa phòng nhỏ có đường thiết yếu, nhờ vào ở trên khai cho chứa.

Tỳ-ni Mẫu nói: Tất-lăng-già được người trong nước cúng dường rất nhiều. Một là ngôi chùa nhỏ, lưới võng, xe kiệu, lừa, v.v... cất giữ tất cả những thứ đó để sửa sang lại chùa viện Đức Phật khai cho thọ nhận.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Vì chúng tăng cho nên được nhận.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu có cư sĩ cúng dường ruộng đất, cúng riêng cho người khác thì không được lấy, nếu cúng dường cho chúng tăng thì được nhận.

Trong Đa luận nói: Nếu có Đàn việt muốn xây dựng phòng lớn nên chỉ bày cho họ hiểu rõ, khiến xây cất phòng nhỏ tùy theo pháp biết đủ. Nếu muốn làm phòng chứa được nhiều người thì nên làm, không nên trái ý.

Luật Ngũ Phần chép: Có người cúng dường ruộng vườn, nhà cửa, quán tiệm cho chúng tăng thì cho nhận, nhưng phải bảo cho tịnh nhân biết.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu có người đem áo cúng dường chúng tăng, cung cấp đồ giặt giũ và tất cả chúng sinh, cho phép sử dụng, tùy theo ý muốn được thọ dụng.

Hai là trồng trọt, cắt tỉa, như trong luật Tăng-kỳ chép: Vì tăng kinh doanh việc đó thì được, còn vì người khác thì chẳng khai, tức trong pháp làm nhơ nhà người, tự mình trồng hoa hay dạy người khác trồng hoa tất cả đều không được. Trừ cúng dường Phật pháp tăng, ngoài ra như Tạp pháp nói.

Ba là cất chứa lúa thóc, lụa là. Kinh Bảo Tích chép: Mất mùa thiếu thốn thì lấy ra ba mươi thạch lúa, rút ra từ kinh Thiện Sinh, ta tự mình nhận được hai bản tánh chân và ngụy đều không, cả nước truyền mộng.

Kinh Niết-bàn chép: Thanh Văn tăng không có việc chứa để tất cả các thứ như: tôi tớ, sứ giả, kho tàng, lúa gạo, muối, chao, hồ ma và các thứ đậu lớn nhỏ. Nếu tự tay làm, tự mài, tự giũa, tất cả đều phi pháp. Nếu có nói thì nói Đức Như lai cho phép chữa vật phi pháp, thì lưỡi sẽ bị rút lại.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Nếu Tỳ-kheo khi mua lúa, bấy giờ tự nghĩ, sau này sợ đất, nay mua lúa này, ta sẽ nương vào đó mà được tụng kinh, ngồi thiền, hành đạo, thì chẳng nói nhiều ít. Y cứ theo lương thực trong một mùa hạ, cũng tùy thời là lo liệu về sự đầy đủ hay thiếu thốn kia. Muối thì y cứ vào lượng thóc trước, gia pháp trong tận hình dược cũng được.

Trong bổn luật nói: Tỳ-kheo khất thực được lúa, mì nhiều, ít, ban phát đậu, gạo tẻ, Đức Phật khai cho nhận, để vào trong túi, cần phải tịnh thí. Cho nên, trong văn nói: các Tỳ-kheo trên đường đi được thức ăn, nên mang về chia cho tịnh nhân cùng hưởng, quyển sáu có nói đầy đủ về pháp thuyết tịnh.

Phần bốn là nuôi các tôi tớ. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Trưởng giả đem con gái cúng dường Đức Phật, Ngài không nhận, nếu Ngài nhận thì dần dần sinh ra tội nặng, nhân đó nói về lỗi của la-sát nữ.

Luật Tăng-kỳ: nếu có người nói, cúng dường tôi tớ cho chúng tăng, hoặc cúng dường người đi sứ, hoặc cúng dường người làm vườn, tất cả không được nhận. Nếu cúng dường tịnh nhân để lo liệu cho chúng tăng, thì người khác được nhận. Nếu cúng dường Ni tăng cho đến người khác trái lại ở trước, chỉ nói nữ tịnh nhân là khác, ngày nay các chùa phần nhiều nuôi người nữ, hoặc mua bán tôi tớ. Trong đó uế tạp làm sao có thể được? Đâu chỉ phạm giới dâm trộm cắp cũng không phạm. Đã biết điều Đức Phật chế ra mà không cho phép, tất cả há cưỡng lại hay sao!

Luật Tăng-kỳ có chép: Tất-lăng-già ở trong xóm làng kia, tự lấy đào đất làm phòng, vua cùng người sứ ba lần ngăn cản nhưng ông không chấp nhận, nói: Nếu trọn đời giữ gìn năm giới, vâng theo trai tịnh, sau sẽ nhận.

Trong luật Thập Tụng chép: Giữ chùa Trúc Viên có năm trăm người. Trong thành Vương-xá cũng có mười hạng người cúng dường không có phước.

1. Cúng dường người nữ.
2. Cúng dường đồ chơi.
3. Cúng dường tượng vẽ trai gái giao hợp.
4. Cúng dường rượu.
5. Lời nói phi pháp.
6. Cúng dường vũ khí.
7. Dao lớn.
8. Thuốc độc.
9. Trâu dữ.
10. Dạy người khác làm.

Như thế trong phần bố thí năm thứ súc sinh, trong luật nói Tỳ-kheo nuôi mèo, chó, cho đến các loài chim thú đều không được.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu có người cúng dường tất cả chúng sinh cho chúng tăng, chúng tăng đều không được nhận. Chúng sinh đó là: Ngựa lừa, heo dê, hưu nai, tất cả các loại như thế, ngoài ra còn có chim thú rừng. Nếu thấy Tỳ-kheo không nhận bèn nói: “Tôi sẽ giết nó”, thì nên nói làm cho họ tự thí cho cỏ nước để chăm sóc chúng, không để bị thương tổn, không được chặt cánh, nhốt chúng vào lồng. Nếu chúng có thể bay đi kiếm sống thì thả đi, chớ bắt.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu cúng dường trâu dê không được nhận, hoặc nói cúng dường năm món như sữa chua, v.v... thì được nhận, ngoài ra tất cả súc sinh cũng như vậy.

Trong kinh Niết-bàn chép: pháp của Tỳ-kheo, không được mua bán các thứ để mưu sinh, Già Luận nói vì xây tháp được nhận lạc đà, ngựa lừa. Nay có người cúng dường súc vật cho chùa mà Tri sự có người bán cũng đều không hợp với Thánh giáo.

Bộ Thập Luận chép: Nếu có người cúng dường ruộng vườn, đất đai cho bốn phương tăng không cùng tịnh nhân giữ giới, ngược lại cùng tịnh nhân phá giới. Tự ý thọ dụng và ăn chúng với người tại gia. Do đây mà cư sĩ sát-lợi đều đọa vào địa ngục A-tỳ.

Nhật tạng phần chép: Ở trong giáo pháp của ta giả sai làm giáo pháp như: Bắt đầu từ một người cho đến bốn người, không cho nhận vật của thường trụ tăng như ruộng vườn, nhà cửa, cây kiểng, xe cộ, ngựa, tôi tớ, v.v... Nếu đủ năm người mới được nhận, kinh Đại Tập cũng nói giống như vậy.

Luật Tứ Phần dựa vào trong giới bổn mà khai, người già bị bệnh được nhờ người nam, người nữ, người gần gũi, đúng như pháp chăm sóc bệnh.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Nếu nương vào thuyền, xe, trâu, ngựa, v.v... người không bệnh không đường dùng, chỉ có người nhờ thuyền đi qua sông được lục súc, tiền bạc, của báu. Nếu muốn tự ý cất giữ thì không được. Nếu muốn tịnh thì cho người khác, y theo văn luật mà khai. Trong luật Tăng-kỳ, Thập Tụng và Thiện Kiến có nói. Nếu người bệnh thì được thọ, bảo tịnh nhân cất giữ, vì để đổi thuốc. Nếu có nhiều người cúng dường thuốc giá trị bằng tiền được đặt ở dưới mền, khi mắt chưa thấy, tay dụng vào đều không phạm. Lại nói: phu nhân Mạt-lợi cúng dường tiền cho tăng vào ngày Bố tát, Đức Phật cho phép nhận. Y cứ theo nghĩa giao cho người khác. Lại cư sĩ đưa tiền bạc cho chúng tăng làm chùa, nhà ăn, vườu rau, Tỳ-kheo không được nhận. Nếu nhận phạm tội Đột-cát-la, nên giao cho tịnh nhân chia theo đầu người. Nếu cúng dường làm thức ăn, y phục, thuốc thang, ngọa cụ cũng không được tự nhận. Nếu nhận sau đó may y phục dùng phạm tội Đột-cát-la, nên giao cho tịnh nhân.

Trong kinh Tạp A-hàm nói: Từ nay về sau, cần cây trực tiếp xin cây, cho đến cần công nhân, v.v... cũng trực tiếp xin. Cẩn thận đừng vì mình nhận lấy vàng bạc, của báu, thế nói thẳng ra để cho mọi người hiểu rõ luật Tứ Phần.

Bổn luật nói: nếu vì làm phòng ốc, xin gỗ, tre, rơm, võ cây thì được nhận, không nên vì mình mà nhận (nếu văn không rõ nên dẫn kinh rõ hơn), ngoài ra hiểu đúng như vậy.

Ở mục bảy cho phép cất giữ nhiều vật. Trong Tỳ-ni mẫu chép: Người khác cho phép nhận khắc chạm giường lớn, chỉ trừ vàng bạc, châu báu. Nếu là nệm bông cho người khác thì được, luật Thập Tụng khai cho nhận.

Tỳ-ni mẫu, luật Tứ Phần nói: Các thứ như nệm, v.v... cúng cho người khác thì cho phép nhận. Rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay, giữ gìn tịnh thí. Nếu có người cúng dường tất cả cho người khác như sắt, ngói, bình, v.v... bồn bằng đồng, mũ bằng đồng, v.v... thì được nhận.

Tám là Đức phật không khai. Trong luật Thiện Kiến chép: không được cầm giữ tất cả lúa, trừ gạo. Nếu có người cúng dường vũ khí, chúng tăng nên hủy bỏ, không được bán. Nếu là nhạc khí không được giữ, được phép bán.

Trong kinh tăng nhất A-hàm chép: nếu được vàng bạc, châu báu của thí chủ, chú nguyện xong nên trả lại cho thí chủ.

Kinh Niết-bàn chép: Nếu có người nói: Như Lai thương xót tất cả chúng sinh khéo biết đúng thời giảng nói, nhẹ cho là nặng, nặng cho là nhẹ, quán xét biết các đệ tử ta, có người cung cấp đầy đủ những đồ cần dùng không thiếu, người như thế Đức phật không cho phép chứa tất cả tám vật bất tịnh. Nếu những đệ tử không có người cung cấp, bấy giờ đói khát, thức ăn uống khó được, vì muốn hộ trì, xây dựng chánh pháp, ta cho phép các đệ tử thọ nhận các tôi tớ, vàng bạc, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa, lúa gạo, bán đổi những thứ cần thiết. Tuy ta cho phép chứa những vật như thế, nhưng phải tịnh thí, một lòng tin tưởng đàn việt, bốn pháp như thế cần phải y chỉ, ta dùng nhục nhãn nói bốn pháp là chỗ cần nương cho chúng sinh, cuối cùng không dùng tuệ nhãn nói. Nếu có người nói ở trong tạng nhưng ngược lại lời nói trên cũng không nên nương theo. Lại nói về tám bất tịnh tài.

Phần mười văn chỗ khác đều hủy phá không cho giữ y phục. Lại nói: Nếu Ưu-bà-tắc biết Tỳ-kheo này phá giới thọ nhận chứa tám pháp, không nên cúng dường, lại không nên duyên vào áo cà sa cung kính lễ bái. Nếu cùng làm việc tăng chết sẽ đọa địa ngục.

Trong kinh Thập Luận chép: Y cứ vào người không biết trì, phạm đều phải cung kính.

Kinh Niết-bàn chép: Trọn đời không dùng giáo lý cùng tột, cũng được vì hộ pháp, mà điều nhỏ nhặt không cần.

Phần ba nói về tội chứa để nhẹ hay nặng: Trong phần tám, nếu lấy sáu, bảy tiền bạc, mệm mền phạm tội xả đọa, vì trái với tịnh thí, ngoài ra phạm Đột-cát-la, dù chứa để cũng thiếu.

Bốn là trao đổi nhẹ nặng: Nếu đem tám thứ này đổi y phạm tội xả đọa. Lấy y thì còn được vật quý giá, đệm cũng phạm xả đọa. Nếu được sáu thứ khác phạm tội Đột-cát-la. Nếu lấy y báu trao đổi cho nhau đều phạm tội xả đọa, trao đổi sáu thứ khác phạm Đột-cát-la.

Phần sáu tự trao đổi cho nhau phạm Đột-cát-la, người được y báu đều phạm tội Đề-xá-ni. Đây nghĩa là thêm, bớt cho người phàm tục, với năm chúng phạm tội nhẹ.

Trong Đa Luận nói: Nếu thuyết tịnh tiền bạc, châu báu, sau đổi y phục của làm ba y, bình bát, xếp vào trong số một trăm lẻ một vật, thì không cần thuyết tịnh. Ngoài ra phải nói, nếu người phạm tội phải ở trước tăng sám hối, đã lấy tiền bạc châu báu, trao đổi y phục của cải và một trăm lẻ một vật, không cần bỏ nó, vì đã tịnh thí, ngoài ra thành y hay không thành y, tất cả thuyết tịnh không phạm tội, giải thích đúng như giới bổn. Đây là giới chứa của báu thứ 9.

Mười là giới cầm giữ châu báu, văn chép: Tay cầm nắm là ý thời khác. Đầy đủ bốn duyên thành phạm:

1. Tiền bạc, châu báu
2. Biết đúng
3. Vì mình
4. Nhận lấy liền phạm.

Đây là một giới mà người bị bệnh này thì nhiều, nhưng bên trong không có lòng cao thượng, bên ngoài thành bỉ ổi, không nhớ lời dạy của bậc Thánh, nghiêm trì một cách mạnh mẽ, chỉ vì tham sân si từ vô thỉ.

Trong bổn luật nói: Chẳng phải đệ tử ta, y cứ vào đây mà phá giới này.

Lại nói: Đức Phật bảo vị Đại thần: Nếu thấy Sa-môn, Thích tử cho ta là thầy, mà nhận vàng bạc, tiền, châu báu, thì nhất định biết chẳng phải Sa-môn, Thích tử.

Lại, kinh Tạp A-hàm nói: Nếu là Sa-môn Thích tử, người tự nhận cất chứa, nên biết công đức năm dục sẽ thanh tịnh.

Lại, Tăng Nhất A-hàm nói: Sách thuật của phạm chí, nếu Như lai không được nhận châu báu, cho nên lược dẫn nhiều văn, chứng minh thành thật chẳng lạm dụng. Phật, Thế tôn muốn đệ tử mình tăng thượng, nếu bỏ nghiệp thô bỉ, xa lìa ba cõi, được gần gũi với khuôn phép ở đời. Ngày nay trái lại tự mình rơi xuống hố, tự chứa, tự giữ, người lái buôn

nhanh chống vào chợ, tin mù mờ về Phật pháp, lại tự khoe khoang vọng bày pháp luật nói. Chỉ cần tâm không tham lam, đâu thể phạm tội. Người phát ra lời này tự đánh mất mình, không nghĩ suy, ở địa vị thấp hèn này mà khinh chê bậc thánh, một phần lợi lộc còn tính toán, không bằng kẻ phàm tục ẩn dật, đâu khác gì trí tuệ của con bò, con ngựa, chống lại người tài năng, không khác tài năng của con bướm bay vào đống lửa. Đâu chỉ vì cất chứa, nắm giữ, tham lam là nguồn gốc mới sinh ra trộm cắp, lược thuật ra để răn dạy người có trí tuệ, đứng trước hoàn cảnh phải suy nghĩ kỹ càng.

Trong kinh Niết-bàn chép: Nếu xa lìa được tám pháp rắn độc, đó là ruộng phước thánh chúng thanh tịnh, đáng được trời người cúng dường. Quả báo thanh tịnh nhục nhãn chẳng thể phân biệt được. Lại nói: Tỳ-kheo Kỳ-hoàn không cho nhận vàng bạc, cùng ở chung chỗ thuyết giới tự tứ, uống nước trong một sông, vật lợi dưỡng đều không cùng với họ. Nếu người cùng việc tăng, sau khi qua đời đọa đại địa ngục.

Luận Trí Độ nói: Bồ tát xuất gia vì giữ gìn giới không chứa tài vật, vì giới là công đức cao quý hơn việc bố thí.

Lại Văn dưới quyển 11 của kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát trọn đời chê bai giới, thì không khác với tánh, rộng ra có văn rõ, người giữ giới trọn đời tức đã được bạch bốn lần yết-ma, các văn như thế thường phải đọc kỹ.

Luật Tứ Phần chép: Về tiền, có tám thứ tiền như vàng, bạc, v.v... giống như văn trên.

Luật Tăng-kỳ chép: làm sinh mầu sắc, tự mầu sắc đều được cầm nắm. Sinh sắc, vàng giống như màu sắc bạc, tiền tùy theo nước sử dụng, tất cả không được cầm giữ, cầm giữ phạm tội đề-xá-ni, nên ở trong tăng sám hối.

Đa luận nói: có bảy thứ châu báu như: vàng, bạc, ma ni, châu báu, san hô, xa cừ, mã não, lấy phạm tội xả đọa. Chẳng phải tự tay lấy, đúng như pháp thuyết tịnh không phạm. Nếu như châu báu, đồng, sắt, hổ phách, thủy tinh, ngụy châu, du thạch, v.v... vì người lấy năm thứ để giữ gìn phạm Đột-cát-la, không nên tự mình lấy, đúng như pháp thuyết tịnh thì được, nếu cất giữ ít vàng giống tượng vàng, tự trao châu báu cho người khác đều phạm Xả đọa. Không phạm giới này, là giống như châu báu xếp vào một trăm lẻ một vật, không cần tác tịnh, đều được giữ một vật, ngoài một trăm lẻ một vật ra đều là vật quí. Nếu không xếp vào một trăm lẻ một vật, thuyết tịnh cũng như trước.

Trong Luật Tăng-kỳ chép: Vật bất tịnh như vàng, bạc, tiền thì

không được đụng vào, còn các châu báu khác được lấy, nên gọi là Tịnh. Không được đắm trước nên gọi là bất tịnh. Nếu vật bất tịnh mà tự nắm giữ, hoặc bảo tất cả mọi người nắm giữ đều phạm Đề-xá-ni. Nếu thành tựu cõi nước không dùng phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu được tiền và giá trị y an cư, không được tự tay lấy mà bảo cho tinh nhân biết, không có người chỉ đất ở bên chân mà nói: "Biết trong đó dính đất", tự mình lấy lá, gạch, ngói v.v... ném ra xa, lấp lên trên. Sau đó, đưa tịnh nhân đến bảo cho biết rồi mang đi, người không đáng tin bảo họ đi trước. Nếu người tin được, thì tùy ý sử dụng. Luật Tứ Phần trong đó xả bỏ, bảo người đáng tin đến rồi nói. Đây là vật của tôi, không phải của ông, nên biết như vậy. Nếu người kia trả lại cho Tỳ-kheo, nên coi là vật của người kia, cho nên bảo tịnh nhân giữ nó. Nếu người kia là Tỳ-kheo trao đổi y bát, v.v... nên giữ gìn trao đổi thọ trì. Nếu Ưu-bà-tắc kia nhận rồi cho Tỳ-kheo tịnh thì y bát, nên nhận giữ gìn nó. Nếu không nói cho người kia biết để trông nó thì phạm tội Đột-cát-la.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Nếu người biết việc của Phật, pháp, Tăng, có tiền bạc, châu báu muốn đưa cho giữ, nếu là đất hoang thì bảo cho tịnh nhân biết, vùng đất chết chỗ ngăn che thì sai Tỳ-kheo đào. Nếu tịnh nhân là người không đáng tin, mắt xoay ba vòng, sau đó, biết là đất ở trong hố tiền, nếu rải rác thì được lấy gạch ngói ném vào, làm như vậy xong, như trước xoay mặt ba vòng sai đi, về sau khi cần thì làm như phương pháp trước, đến chỗ tiền của vật báu, tịnh không đáng tin, lại xoay mắt ba vòng, tương lai lấy nó. Nếu thí chủ làm bát vàng, bảo Tỳ-kheo thọ dụng vì được phước nên phải giữ gìn, lúc mang thức ăn đến, duỗi tay ra lấy bát nên nói nhận, nhận, nhận, nói ba lần xong rồi ăn, không được đụng vào xung quanh bát, khen rồi đưa tay nắm giữ. Đây là trong giới 90 ở sau.

Trong Đa luận nói: có năm cách nhận:

1. Dùng tay nhận
2. Dùng y nhận
3. Dùng bình nhận
4. Nói đắm trước ở trong đó
5. Nếu nói cho tịnh nhân đều phạm xả đọa.

Ba chúng dưới không được cất chứa, cất chứa phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ chép: Hoặc thân, hoặc tất cả phần thân, cho đến tay, chân v.v... nếu thân tương tục nghĩa là buộc chỗ ba tà áo cho đến trong bình bát đều phạm tội xả đọa.

Trong Đa luận chép: Có năm loại vật quí

1. Châu báu quý trọng
2. Giống như châu báu
3. Nếu y, y tài, ứng lượng trở lên
4. Tất cả không ứng lượng y và y tài
5. Tất cả lúa gạo.

Châu báu quí trọng xả bỏ cho tịnh nhân đồng ý, tội phải sám hối trong tăng, nếu là tiền bạc, vật báu thì Tỳ-kheo không được chứa, nếu ở trong tăng lần lượt hành thuyết tịnh, các thứ giống như châu báu khác và trong số một trăm lẻ một vật, cùng đồng ý với tịnh nhân xả bỏ tất cả, phạm tội Đột-cát-la, phải sám hối ở trong tăng.

Thuyết tịnh về tiền bạc, châu báu có hai cách: Nếu người tại gia mang đến cúng dường Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nói: Vật bất tịnh này tôi không nên giữ gìn, nếu thanh tịnh thì nên nhận, liền nói tịnh. Lần thứ hai, tịnh nhân nói đổi cất giữ vật thanh tịnh, liền nói tịnh. Nếu hai bên không nói nhận phạm tội xả đọa, nếu xả thì cho người tại gia, không được cho Sa-di.

Luật Tăng-kỳ chép: Mục-liên dẫn Sa-di Chuyên-đầu đến ao A-nậu-đạt, lấy vàng, đá vụn định rải xuống nơi nào Phật tắm, cho đến Tỳ-kheo lâu năm, dẫn Sa-di trở về làng cũ, quyến thuộc vì khất thực không được thức ăn, cột tiền trong áo ở giữa đường, đồng thời phi nhân đi vòng quanh bên trái, vì bụi bặm nên chửi rủa đây không may mắn, mỗi việc đã rõ ràng đều khiến cho bỏ. Phi nhân lễ bái, nhiễu quanh bên trái mà đi qua, giống như ở đây có thể trừng trị, cho nên gặp nhau âm thầm trách móc, như loại thần sông quở trách. Ngoài ra, có người chưa sám hối chắc chắn sẽ bị giết, cùng một loại như nhau.

Trong luật nói không phạm, khai duyên như trên. Nếu người kia không chia cho y, Tỳ-kheo khác nên nói. Đức Phật có dạy: Vì thanh tịnh nên cho, nên trả lại người khác, nếu lại không cho thì tự mình đến nói. Đức Phật dạy Tỳ-kheo, thực hành pháp tác tịnh nên cho ông không trả lại ta, vật này nên cúng dường chúng tăng, tháp Hòa-thượng, bậc tri thức và thí chủ cũ, vì không muốn mất tín thí kia.

Giới 19: Trao đổi châu báu.

Trong Đa luận chép: Đây là thuyết tịnh châu báu, trao đổi cho người khác để cầu lợi, khi cho người khác phạm tội xả đọa. Ở đây cho trao đổi y có năm loại khác nhau, như giới có nói.

Trong luật nói: Vì lấy tài vật đổi tiền bạc, châu báu cho nên phạm. Nhưng không có y và thức ăn là khác. Có năm duyên thành phạm:

1/ Là tiền bạc châu báu

2/ Trao đổi qua lại

3/ Quyết định giá cả

4/ Vì mình

5/ Thọ liền phạm.

Luật Ngũ phần chép: Nên đối trước tăng sám hối, không hướng đến trước một, hai người thì trong luật nói không phạm. Nếu lấy tiền đổi anh lạc đều vị Phật pháp, tăng. Nếu đem tiền đổi tiền cũng vì Phật, pháp, tăng thì được.

Giới 20: Mua bán

Trong Đa luận nói chế ý có bốn nghĩa:

1. Vì làm cho Phật pháp tăng thượng
2. Vì ngưng đấu tranh
3. Vì thành tựu bốn thánh chủng
4. Vì làm tăng trưởng lòng kính tin, không sinh phỉ báng.

- Trong luật nói có sáu duyên thành phạm:

1. Hai chúng tại gia
2. Trao đổi với nhau
3. Quyết định giá cả
4. Vì mình
5. Tự mình trao đổi
6. Lãnh thọ liền phạm.

Trong luật bảo tịnh nhân trao đổi, y cứ theo hai bộ khác mà khai. Luận Tứ Phần chép: Trao đổi thuốc men, tranh giá cả chân thật, tăng lên giảm xuống đều phạm.

Đa Luận chép: Ở đây buôn bán phạm Xả đọa, lệnh này nặng nhất trong tất cả Xả đọa, thà làm người giết mổ. Vì sao? Vì người giết mổ chỉ hại một đời, còn mua bán tất cả đều hại, bất luận kẻ tăng người tục, ngu hiền giữ giới hay phá giới, không đến, không khinh khi, thường khởi tâm ác độc.

Nếu chứa để lúa thóc, thì thường mong thiên hạ đói khổ tai họa, như sương muối, mưa đá, v.v... Nếu chứa để thì thường muốn cho khắp nơi phản loạn ngăn đường, vua đi trở ngại, phần nhiều mắc lỗi này. Mua bán tài vật này làm tháp, tượng thì không được lễ bái.

Lại nói: chỉ nghĩ là Phật mà làm lễ, giả sử làm thức ăn cho chúng tăng và phòng của bốn phương tăng thì tất cả không được ở, Tỳ-kheo giữ giới, không nên thọ dùng, thọ thì phạm tội, nếu chết thì được, yết-ma phân chia. Sở dĩ như vậy, vì nghiệp mua bán này tội lỗi sâu nặng. Nếu lúc còn sống, chúng tăng được dùng, Tỳ-kheo này nói: Tuy mua

bán có tội, còn được làm phước, làm mãi không thôi. Nay không cho phép tăng thọ dụng, không cúng dường ruộng phước cho tăng. Về sau phạm tội nặng vì nhân duyên này, không dám làm nữa.

Tỳ-kheo đã chết, không người quản lý, cho nên được phân chia. Nếu buôn bán thức ăn uống phạm tội Xả đọa. Người làm y mà đấm trước phạm tội Xả đọa, làm ngọa cụ tùy theo sự chuyển biến phạm Xả đọa, cho nên kết tội nặng.

Ngũ Bách Vấn chép: Chữa lành bệnh mà được vật người khác thì phạm tội xả đọa. Nếu khốn cùng không có thức ăn, bảo người tại gia làm thức ăn, đạo sĩ trị bệnh, bạch trong chúng rằng. Đây chẳng phải vật của ta, người được thức ăn không phạm tội Xả đọa. Nếu bố thí cho người thế tục, người thế tục cúng dường chúng tăng không phạm.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Nếu khi mua lúa, nghĩ sau này lúc thóc mắc sẽ bán ra, lúc mua phạm tội Việt Tỳ-ni, lúc bán phạm tội Xả đọa. Nếu sợ sau này giàu, định tự mình đi khất thực. Đến lúc lúa đắt, ăn lâu dài, hoặc làm công đức cho chúng tăng. Ngoài ra bán để được lợi thì không phạm. Các loại cỏ thuốc, v.v... cũng như vậy, (y bát không vì lợi, sau này bán không phạm).

Luật Thập Tụng chép: Nếu tương tự đối tương tự, trao đổi các thứ như y bát, bồn tắm, bình, móc cửa, bốn loại thuốc, trao đổi qua lại.

Không tương tự là: Đem y đổi bát tất cả phạm Xả đọa. Nếu xả bỏ tài vật, tiền bạc mua lúa, hoặc dùng lúa mua vật. Nếu để ăn thì mỗi miếng phạm một Đột-cát-la. Có thể làm y mà đấm trước phạm Đề-xá-ni.

Bộ Ngũ Bách Vấn hỏi: Có cầu lợi, mua bán, làm phước có tội hay không?

Đáp: Người này không tránh khỏi địa ngục, huống chi được phước, không theo lời Phật dạy, cho nên chẳng cúng dường. Trong Luật Tứ Phần nói: ba việc mua bán, chỉ vì lợi cho nên mua bán đều phạm tội Xả đọa.

Luật Thập Tụng chép: Nếu y của chúng tăng,chưa xướng ba lần thì được tăng giá cả. Nếu xướng ba lần rồi không nên tăng, vì thuộc về người khác. Nếu trong chúng xướng ba lần được y, thì dù hối hận cũng không nên trả lại.

Luật Thập Tụng chép: Nếu mua bán phải sám hối người đối diện, trong bảy ngày thì trả lại, nếu quá thì không nên trả. Văn luật Tứ Phần không rõ ràng, đây là mua bán riêng.

Luật Ngũ Phần chép: Lúc bảo tịnh nhân đổi nên có tâm niệm, thà

người kia được lợi mình, mình không nên được lợi người kia, Tỳ-kheo trao đổi với chúng tăng, phải theo người nên bảo giá cả phải chăng. Sau đó trao đổi, nếu nghèo không thể cùng dường chúng tăng, thì cần phải biết bậc hiền thiện, khéo biết đủ cho phép cúng dường thẳng.

Trong phần y pháp của luật Tứ Phần: Ý có giá đắt, sai tịnh nhân trao đổi, không có tịnh nhân cho đến bảo Tỳ-kheo trao đổi, theo đây mà khai. Nếu có tịnh nhân cũng chế cho tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu tự mình hỏi giá cả, hoặc sai người hỏi giá cả, nói lời bất tịnh, tranh giá cả cao thấp đều phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu được vật phạm xả đọa. Bốn thứ thuốc tùy theo vật nhẹ hay nặng, vật tịnh hay bất tịnh, tất cả trao đổi cho nhau phạm tội Đề-Xá-Ni. Cho nên có ý trên, giá cả đã định, Tỳ-kheo mang giá tiền đến cho chủ vật, lắc đầu làm tướng cho, Tỳ-kheo cũng phải nói đây biết vật này. Nếu khách bán vật giá trị năm mươi mà đòi một trăm tiền. Tỳ-kheo năm mươi tiền cho biết nó, người cầu như vậy chẳng gọi là thấp. Nếu người trước muốn mua vật này, Tỳ-kheo không được tịch thu ở chợ. Nên hỏi: Ông dừng chưa?

Nếu đáp rằng: Tôi đã dừng, thì Tỳ-kheo mới nói: Tôi dùng giá tiền này để mua vật này được không?

Tỳ-kheo tự trao đổi hay tịch thu ở chợ phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu mua vật trong chúng tăng được giá trên thì lấy. Nếu Hòa-thượng A-xà-lê lấy không được sao chép lại trên. Nếu doanh sự, mướn thợ nói lời bất tịnh, cho đến vì chúng tăng hằng tháng đến chợ xin dầu, mì, v.v... nói lời bất tịnh phạm Việt Tỳ-ni, tự mình được vật trong tay phạm Xả đọa. Nói tịnh, lấy giá cả vật đó, biết là tốt không nói lời bất tịnh, người phân biệt giá cả đòi bao nhiêu, v.v... nếu vật mua ở chợ bị người chê trách nói thật là vật của người trước, đây tốt, đây xấu, thô, tế, đấu xương lớn, nhỏ, thơm, hôi, không có tội.

Ngũ Bách Vấn chép: Nếu tự mình nêu ra giá cả của vật, người đối diện tin tưởng quí lấy, nên phạm tội trộm.

Trong Luật Tăng-kỳ: Nếu thức ăn hết giữ lấy nhiều bơ, dầu v.v... nói lời bất tịnh phạm tội Xả đọa. Thuê người sửa giày da, nói lời bất tịnh phạm tội Việt Tỳ-ni. Nước trước cho thức ăn, sau trị, trước chữa trị, sau cho thức ăn không có tội. Cho đến hết thức ăn, mướn người chăm sóc cây cỏ, v.v... theo bộ Đa Luận trước như trong giới mua bán vật, hoặc phương tiện có tội, quả ban đầu không có tội. Như vì lợi ích mà chứa muối, lúa, sau được tâm tốt liền cúng dường chúng tăng làm phước. Hoặc quả ban đầu có tội làm phước như mua gạo không bán,

sau thấy lợi mới bán, vì lợi mà thâu vào tức là phương tiện không có tội. Nói được thì nghĩa là tất cả đều bỏ sám hối, trong luật không phạm, cho phép năm chúng xuất gia trao đổi với nhau, nên tự định đoạt, không chân thật với nhau như bọn lái buôn, không cho đổi chác với người khác, bảo tịnh nhân trao đổi. Nếu họ hối hận thì cho phép đổi lại. Hoặc bơ, dầu đổi chác với nhau không phạm, theo y pháp trên được bảo tịnh nhân làm. Nghĩa là y cứ theo lời người kia nói.

Luật Thập Tụng chép: Nói ba lần đòi không được, tìm tịnh nhân sai mua, tịnh nhân không biết chợ trao đổi, nên dạy đem những vật như vậy, mua vật đó, phải biết tốt xấu, người suy lường được không phạm, vật này rẻ vật kia đắt, có lợi không phạm.

Giới 21: Chứa bát dư quá hạn

Có năm duyên thành phạm:

1. Trước có thọ trì bát
2. Lại được
3. Bát đúng pháp, chẳng phải bình dầu khác, v.v...
4. Bất tịnh thí. Luật Thiện kiến nói: Mua bát chưa trả giá tiền chẳng thành thọ. Chủ nói chỉ nhận cũng không thành nhận, không phạm tội dư. Nếu đã đặt ra giá cả, nung xong bảo lấy, nếu quá hạn thì phạm.
5. Quá mười ngày thì phạm, ngoài ra như giới chứa y dư.

Giới 22: Xin bát, có sáu duyên thành phạm:

1. Trước có thọ trì bát
2. Đủ năm chỗ hàn không chảy
3. Theo xin người chẳng phải bà con
4. Vì mình
5. Xin bát đúng như pháp
6. Lãnh thọ liền phạm.

Đủ năm chỗ hàn không chảy phạm Đột-cát-la, vì giảm bớt sự mong muốn, rộng ra như trong giới sớ. Trong luật nói không phạm: Đủ năm chỗ hàn bị chảy, chảy thì xin bát mới. Nếu xin người bà con, xin người xuất gia, hoặc xin người khác, người khác vì mình, không cầu mà được, tự mình mua cất giữ đều không phạm.

Giới 23: Tự mình xin sợi tơ, sai người chẳng phải bà con dệt.

Đa Luận nói: Có ba nghĩa để chế.

1. Vì trừ pháp ác
2. Dựt sự phỉ báng
3. Vì thành tựu bốn thánh chủng.

Có bốn duyên:

1. Tự mình xin sợi tơ

2. Sai người chẳng phải bà con dệt

3. Chẳng cho giá cả

4. Dệt thành thì phạm.

Trong luận Thập Tụng nói: Nếu vì không có y, xin tơ người không bà con, muốn làm y cũng phạm Đột-cát-la. Nếu thiếu y chỉ được xin y, thiếu sợi tơ chỉ được xin sợi tơ.

Luật Ngũ phần chép: Tự mình đi xin sợi tơ, thuê người dệt y cũng phạm tội Xả đọa.

Luật Tứ Phần chép: Nếu thợ dệt cho chỉ và người bà con cho thì không phạm, người cho chỉ dệt chẳng quen thuộc, xem thợ dệt kéo chỉ, tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Nếu tự mình dệt làm túi đựng bát, túi đựng giày da, để kim đồ ngồi thiền, thắt lưng, làm mũ, làm vớ, lấy khăn trùm cho ấm, khăn gói giày da, tất cả không phạm.

Giới 24: Khuyến thợ dệt tăng thêm chỉ sợi (nói về phạm có sáu duyên)

1. Cư sĩ không bà con tâm rộng lớn sắm sửa chỉ sợi sai dệt.

2. Thời gian có hạn

3. Biết có hạn

4. Khen dệt y tốt đẹp rẻ, trả thêm giá

5. Người kia làm thêm sợi tơ

6. Lãnh thọ liền phạm.

Trong Tứ Phần nói: Nếu xin y được phạm Đột-cát-la, không phạm là: giảm bớt sự mong cầu, hoặc xin người không bà con, xin người xuất gia, người khác vì mình.

Giới 25: Đoạt y, có năm duyên thành phạm:

1. Đại Tỳ-kheo so với chúng dưới, v.v... chẳng phải hạnh loại.

2. Quy tắc đồng với hạnh.

3. Không được quyết định cho. Vì người trước quyết định lấy phần nhiều sinh phiền não. Hai câu trong bốn câu. Một nhận đều quyết định cho, hai quyết định cho và nhận phạm tội bất định. Nếu đoạt lấy phạm tội trọng, nếu nhận cho không lấy phạm Đột-cát-la.

4. Vì tức giận đoạt lại

5. Được thuộc vì mình.

Trong luật Tứ Phần chép: Không phạm là không tức giận nói. "Tội hối hận không cho cô y nữa, hãy trả y lại cho tôi". Nếu người kia biết người này hối hận liền trả lại, nếu người khác nói liền trả lại, hoặc

mượn y người khác đắp, người kia lấy y không có đạo lý, lấy lại thì không phạm, hoặc sợ mất, sợ hư, hoặc người kia phá kiến, phá giới, phá oai nghi, hoặc đáng bị diệt tẫn thì nên diệt tẫn, hoặc vì việc này có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, tất cả đoạt lấy không cất giữ.

Giới 26: Chứa thuốc quá thời hạn bảy ngày.

Nói rõ thể trạng thuốc bốn tháng, lập nghĩa thêm pháp phải quấy, rộng ra như quyển hạ và giới bổn sớ có năm duyên thành phạm:

1. Thể thuốc bảy ngày, nếu tự tay lấy, tay lấy nhưng miệng chẳng nói.
2. Nói làm thì hai ngày nhận làm xong
3. Không thuyết tịnh
4. Chứa quá bảy ngày
5. Không có duyên cớ mà phạm.

Trong luận nói: Không phạm là: Nếu thuốc quá bảy ngày, lấy bơ, dầu trét lên cánh cửa, mật, mật ong cho người giữ vườn, đến ngày thứ bảy thì xả thuốc để cho. Còn thức ăn của Tỳ-kheo, nếu chưa đủ bảy ngày, trả lại cho Tỳ-kheo kia, Tỳ-kheo dùng để bôi chân, đốt đèn.

Giới thứ 27: Quá thời gian trước xin áo tắm mưa, quá thời gian trước dùng để tắm (hai giới đều do quá thời gian trước cho, nên hợp lại chế ra). Quá thời gian trước xin có năm duyên thành.

1. Áo tắm mưa
2. Quá thời gian trước xin
3. Tự xin cho mình
4. Xin cho người khác
5. Lãnh thọ liền phạm

- Dùng quá thời gian trước thành bốn duyên

1. Là áo mưa
2. Trong thời gian thì được
3. Thọ quá thời gian trước.
4. Dùng quá thời gian phạm

Luật Tứ Phần: Y có mười loại, Tỳ-kheo dùng y này tắm mưa. Người kia nên đến ngày 16 tháng 3 xin áo tắm mưa, ngày 1 tháng 4 nên dùng tắm. Nếu quá thời gian hai tháng xin dùng phạm xả đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: Y này không được nhận, nhận phải ba y không được tịnh thí, không được mặc tắm trong ao hồ, lúc mưa nhỏ không được dùng, không được lõa hình tắm, nên mặc xá-lặc, hoặc mặc y cũ khác, không được mặc làm các việc, không được mặc ở chỗ trống, nên giữ gìn, dùng bức màn che các việc không thấy y này, nghĩa giống

như loài múa rối. Ngày nay không giống thứ ấy, giống như ba y dùng để đắp mặc.

Luật Tăng-kỳ chép: Thường dùng khoác tắm lúc mưa to. Nếu mưa từ sáng sớm mặc để ngăn vết nhơ, được mặc vào tắm trong các dòng nước khác.

Đa luận nói: ngày 16 tháng 3 nên xin, phải làm cho đến ngày 15 tháng 4 cũng giống như vậy.

Cách chứa là: Được dùng tấm giữ gìn để đi đường, dài hai thước, rộng sáu thước, vì mùa hạ trời hay mưa cho nên được giữ ba y hộ thân. Nếu trên đường đi cảm thấy trời sắp mưa, lấy y này che thân. Nếu trên đường mưa lớn phải cởi ba y gấp lại, mặc y này đi, trong lúc mưa tắm để lộ thân hình cũng mặc y này. Nói lúc mặc y tắm này vì bị ướt khắp mình nên gọi là Dục, chẳng phải chỉ riêng mặc để tắm gội. Nếu mặc y khác tắm phải dùng nước dội lên y này, làm cho ướt, không được để khô phạm Đột-cát-la, do vì tắm mặc y này.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Ngày 1 tháng 4 dùng tắm, đến ngày 15 tháng 8 phải xả bỏ.

Luật Ngũ Phần nói: nếu quá hạn không may y khác, thọ trì tịnh thí không cho người khác phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Đến lúc xướng, Đại đức tăng xin lắng nghe: nay tăng xả áo mưa, nói ba lần xong, không được để đến ngày 16 (y theo lúc nhận nay cũng nên xướng chung).

Luật nói không phạm là: Nếu xả bỏ làm việc khác, hoặc mặc tắm, hoặc giặt, hoặc phơi.

Giới thứ 28: Nhận y cấp thí quá thời gian trước, chứa quá lâu (đó cũng là hai giới hợp lại chế ra, không giống một giới).

Quá thời gian trước có năm duyên thành phạm.

1. Y thí gấp, trong luật nói: Vốn là y an cư xong, vì nhân duyên khai cho nhận trước. Nếu nhận liền được, không nhận thì mất.

2. Biết là y thí gấp.

3. Quá thời gian trước.

4. Không có nhân duyên.

5. Nhận liền phạm.

Quá thời gian sau có năm duyên thành phạm:

1/ và 2/ đồng với duyên trên

3/ Trong mười ngày

4/ Không tác tịnh

5/ Quá hạn thì phạm

Việc ít pháp ẩn, lược biết cách khác, ngoài ra nói rộng như trong sớ bổn, pháp thời và phi thời lan-nhã có nạn.

Giới 29: Lìa y, có sáu duyên thành phạm:

1. Thọ trì ba y
2. Mùa Đông phân chẳng phải thời
3. Nghi có sự sợ hãi
4. Để ý ở trong xóm làng.
5. Không có nhân duyên
6. Quá bảy ngày thì phạm

Trong luật tứ phần chép: Nghi ngờ là sợ có kẻ trộm. Trong luật Thập Tụng nghi mất một bình đựng nước. Người sợ hãi là cho đến sợ Tỳ-kheo tội ác. Nói trong xóm làng, Luật Tăng-kỳ chép: gửi nhà thế tục đáng nghi ngờ (vì biết nhà này bất lương, Tỳ-kheo này không có y tùy thân).

Luật Ngũ Phần chép: Trong hai y trên tùy theo lớp, cho phép gửi một y, không được gửi y hạ (5 điều), vì để tùy thân, vào chùa lễ bái, đi khất thực không được mặc áo mỏng, chỉ được gữi một y, nói rõ có hai nhân duyên.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Ba tháng hạ ở chỗ A-lan-nhã có sợ hãi, khai cho được gửi một y trong xóm, không được quá thời hạn.

Luật Ngũ phần nói: Trong mùa hạ không cho phép lìa y, phải đợi sau khi an cư xong, vì nhân duyên sợ nạn giặc, được gửi nhà người tại gia, không được quá thời hạn. Chỉ cần mười ngày đến xem một lần, sợ có lỗi như ẩm ướt, mối mọt cắn rách, v.v...

Trong luật Thiện Kiến chép: Chỗ A-lan-nhã, tăng phòng chắc chắn kín đáo không cần gửi y, nếu không thì được gửi, sáu đêm phải đến xem y một lần, rồi trở lại chỗ A-luyện-nhã. Trước nay các bộ luật, sợ có hại giặc nạn nguy cấp, sợ hãi, thì khai cho gửi y, không được quá thời hạn, nhất định có nhân duyên khác, mới chế sáu đêm.

Duyên đầu trong Luật Tứ Phần, do ở A-luyện-nhã có giặc cướp, Đức Phật cho gửi một y ở trong xóm, không chế ra thời hạn, về sau do Tỳ-kheo ở trong thôn xóm phạm lỗi, Phật bèn khai nhân duyên cho sáu đêm, mà không hiển bày tướng trạng, nhân duyên, đưa đến tình trạng làm cho các sư thời xưa vọng chấp. Nay y theo các bộ văn rõ ràng, có nhân duyên đều khai.

Luật Ngũ Phần nói: Có người sợ hãi, không giới hạn bao nhiêu ngày, như trên liền khai cho việc tháp tăng, việc Hòa-thượng, A-xà-lê, việc người khác, cho phép trong sáu đêm gửi một y ở chỗ người tại

gia.

Trong luận Minh Liễu chép: Tỳ-kheo Lan-nhã trong ba tháng an cư, phải đến chỗ khác nghe pháp không thể thường xuyên mang theo ba y, cho phép gửi lại chỗ khác sáu đêm không mất, đến ngày thứ bảy trở lại lấy y, quá đêm thứ bảy rồi gửi nó như trước. Nếu trong lúc việc chưa xong thì thường chấp nhận.

Trong luật nói: Không phạm là. Đã gửi sáu đêm đến đêm thứ bảy lúc minh tướng chưa xuất hiện, hoặc đến chỗ y, hoặc tay cầm y (chỗ Tỳ-kheo A-lan-nhã ở nhà thế tục, chỗ có người nữ chắc chắn phải cầm y theo) hoặc chỗ ném đá đến, hoặc xả y giống như giới lìa y ở xóm làng khác.

Giới 30: Xoay vật của tăng về cho mình đủ bốn duyên thành phạm:

1. Là tính chung vật của tăng
2. Nghĩ là hứa làm
3. Xoay về cho mình
4. Vào tay liền phạm

Trong luật nói vật của tăng có ba loại

1. Đã hứa cho tăng (nghĩa là thông suốt, cúng dường cho tăng và chia riêng cho tăng hai thứ khác, ở đây phạm xả đọa).

2. Vì tăng làm chưa hứa cho tăng (nghĩa là nhà thế tục vì tăng làm các vật như giường, nệm, đồ dùng cúng dường cho tăng, ở đây phạm Đột-cát-la).

3. Đã cho tăng, đã hứa cho tăng, đã xả cho tăng, (ở đây quyết định cúng dường đối với tăng không hứa cho riêng người nào, phạm tội khí).

Trong luật Tăng-kỳ nói: nếu người đem vật đến hỏi tăng: Cúng dường chỗ nào? Ông cung kính nơi nào thì cúng dường nơi đó.

Hỏi: Chỗ nào quả báo nhiều?

Đáp: Cúng dường cho Tăng.

Hỏi: Người nào giữ giới thanh tịnh?

Đáp: Tăng không phạm giới, chẳng có vị nào không thanh tịnh

Hoặc nói “tôi đã cúng dường cho tăng, nay cúng dường Tôn giả” thì được phép nhận không tội.

Hỏi: Vật này đặt ở chỗ nào? Để tôi thường thấy thọ dụng.

Đáp: Tỳ-kheo nào đó ngồi thiền, tụng kinh, giữ giới, cúng dường người ấy thường thấy thọ dụng.

Luật Tứ Phần nói: Nếu vật hứa cho tăng chuyển cho tháp, hứa cho bốn phương tăng chuyển cho hiện tiền tăng, hứa cho Tỳ-kheo tăng

chuyển cho Tỳ-kheo-ni, hứa cho chỗ này chuyển cho chỗ khác. Cho đến hứa cho chỗ khác chuyển cho chỗ này, tất cả đều phạm Đột-cát-la. (Đều gọi là chưa quyết định, nếu quyết định cúng riêng thì tùy theo trước mà phạm).

Luật Tăng-kỳ nói: Chuyển vật này kia càng hối hận.

Luật Thập Tụng, Đa Luận chép: Nếu Đàn Việt cúng dường vật tự tứ cho vị tăng này chuyển tự tứ cho vị tăng kia, vật nên trả lại cho người này, Tỳ-kheo làm phép sám hối. Nếu không trả lại cho vị tăng này, thì tính tiền thành ra tội nặng, cho đến vật một người này kia, chuyển cũng thành tội nặng. Theo đây nhất định thuộc về thứ lớp của tăng, chuyển cho người khác thành tội nặng.

Trong luật nói không phạm là: Nếu không biết, hoặc đã cho phép làm không cho phép nghĩ tưởng, hoặc người cho vật xấu khuyên cho vật tốt, tất cả không phạm.

Tứ phần luật san phồn bổ khuyết hành sự sao phần hai của quyển trung.

■

TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN TRUNG (PHẦN 3)

TRONG 90 GIỚI,

- Giới thứ nhất là Tiểu Vọng Ngữ.

Giới này nhiều người ưa phạm, đúng là do vọng nghiệp huân tập trong tàng thức rất nhiều. Cho nên tùy theo trần cảnh khởi lên sự hư cấu, không suy nghĩ sự bắt đầu ngược dòng, chỉ nguyện suốt cuộc đời cho cuộc sống an vui này là điều cốt yếu. Lúc sắp chết nhất định chẳng phải nghiệp sắp đặt, thật là đáng thương. Lại cho rằng phạm tội không phải cảnh, khởi lên thì sẽ nương vào tâm, thường làm cho trái với tâm tưởng bên trong. Bất luận là ngoại duyên giả hay thật tất cả đều phạm tội xả đọa. Có sáu duyên.

1. Là người, không phân biệt kẻ tăng, người tục.
2. Nghĩ là người.
3. Trái với lời nói.
4. Biết trái với lời nói.
5. Nói rõ.
6. Nghe hiểu.

Trong Đa Luận chép: nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu trải qua thành bốn câu: một là nói dối chẳng phải nói hai lưỡi ác khẩu, đem lời nói của người này đến nói với người kia. Vì không thật nên gọi là nói dối. Vì tâm không có chia rẻ cho nên chẳng phải nói hai lưỡi, lời nói mềm mỏng cho nên chẳng phải ác khẩu. Câu khác giống như trên có, không thể biết được.

Thành Luận chép: Ngoài ba nghiệp ra, hoặc hợp hoặc ly, ỷ ngữ là một loại nhất định không lìa nhau.

Kinh Thiện Sinh chép: Có người đối với mười nghiệp đạo, cùng một lúc làm hai, ba, bốn cho đến tám việc, không được làm mười việc,

vì tham, sân không được cùng một lúc khởi lên. Nói còn tám việc sáu nơi sai bảo nói tự làm hai việc.

1. Hành dâm vợ người khác.

2. Nghĩa là không có nghiệp đạo.

Trong luật Tứ Phần và Ngũ Phần chép: Do Tỳ-kheo Pháp sư thường thích luận nghĩa, cho điều đúng là sai, cho điều sai là đúng, người khác hỏi lý do.

Đáp: Ta biết thật, chẳng hổ thẹn đọa phụ xứ, ở trong tăng nói dối tội trọng trước một trăm vị La-hán.

Đa Luận nói: Pháp không nói dối là: Nếu nói pháp nghĩa luận truyền lời, tất cả đúng sai đừng tự cho là đúng, thường phải suy nghĩ kỹ nương vào phép tắc thì không có lỗi. Nếu không như thế thì bùa ở trong miệng.

Luận nói: Thấy nghe, xúc chạm, biết trái với tưởng nói, cho đến những điều thấy nghe khác, những điều nhẫn nhục khác, những điều nghĩ tưởng khác, đều là nói dối.

Lại có ba thời lần lượt đều biết rõ là nói dối phạm Đột-cát-la. Chính miệng nói dối phạm xả đọa. Hoặc lúc tăng thuyết giới, ba lần hỏi nhớ mình có tội mà không nói phạm Đột-cát-la.

Kinh Thiện sinh chép: Nếu có tâm nghi ngờ hoặc không có tâm nghi ngờ, hoặc thấy nghe, xúc chạm, biết hoặc hỏi, hoặc không hỏi, âm bổn khác gọi là nói dối. Hoặc nói chẳng thấy nghe rõ cũng phạm, hoặc nói phá tướng, nói không che giấu chẳng phạm. Hoặc nói âm khác trước người không hiểu, hoặc nói lời đảo điên, hoặc phát ra tiếng lớn mà chẳng rõ lời, hoặc có nói mà người đối diện không hiểu cũng phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: Kẻ giết mổ đuổi theo con vật.

Hỏi: Có thấy con vật không? Không được nói dối, không được chỉ chỗ, nên làm cho nhìn theo hướng mình chỉ (phải phương tiện dẫn đường để cho súc vật chạy xa).

Trong luật Thập Tụng chép: Nếu nói người họ cao, nói là người họ thấp, phạm xả đọa, hoặc nói người có hai mắt, vọng nói ông được một mắt phạm tội Đề-xá-ni.

Lại khinh bỉ xúc não Tỳ-kheo, cho đến phạm tội Đề-xá-ni, hoặc nói người một mắt, hoặc nói ông là người mù, khinh bỉ, xúc não người khác phạm xả đọa.

Luật Tứ Phần nói: Không phạm là chỉ khen, nhớ tưởng nói không phạm. Nhũ Văn trong giới bổn chú thích.

- Giới thứ hai: Mắng chửi

Luận Trí độ nói: Có một người sinh ở trong nước đều có chung một nhân duyên. Nghĩa là làm nhân duyên cho nội pháp và ngoại pháp, như vì nghiệp ác khẩu cho nên sinh vào nơi gai góc. Tâm nịnh hót quanh co cho nên sinh vào chỗ cao thấp không bằng phẳng. Người nhiều san tham nên nước khô không hòa hợp, đất đai sinh sạn sỏi. Người không làm các việc ác thì đất đai bằng phẳng. Như thời Đức Phật Di-lặc, người thực hành mười điều lành đất sinh ra nhiều châu báu.

Trong luật, Đức phật nói: Phàm những điều nói ra nên nói dịu dàng, không nên nói hung ác, lại tự mình phiền não, cho đến súc sinh nghe lời hủy báng còn hổ thẹn, huống gì đối với con người.

Có sáu duyên thành phạm:

1. Là Tỳ-kheo: Luật Thập Tụng và Ngũ Phần chép: Hủy nhục bốn chúng dưới đều phạm Đột-cát-la.

2. Tự đưa ra chê và khen. Trong bộ luận Du-già truyền lời nói của người khác làm cho họ mắng chửi phạm tội Đột-cát-la.

3. Biết là khen chê

4. Làm nhục ý người.

5. Nói rõ.

6. Nghe biết.

Luật Thập Tụng nói: Vốn có sáu duyên thành luận như: tức giận, tánh xấu, tham lam, ganh ghét, nịnh hót, không hổ thẹn tà kiến.

Luật Tứ Phần chép: Các pháp như khen chê có sáu phẩm.

Nói dòng họ thấp kém, làm việc cũng thấp kém, nghệ thuật khéo léo cũng thấp kém, hoặc nói ông là người phạm lỗi lầm (y theo sự thật cũng phạm). Ông là người nặng về kiết sử, hoặc nói ông là người mù, hoặc ông là người mất chột. Mắng chửi có ba cách.

1. Mắng chửi trước mặt, ông là kẻ sinh ra từ đống phân, v.v...

2. Ví dụ chửi: Ông giống như đống phân, v.v...

3. Tự mình so sánh để mắng họ: “Tui chẳng phải đống phân”, cho đến tui chẳng phải kẻ mua bán, giết trâu, dê, người què chân, v.v... đều phạm tội Xả đọa.

Hai người dùng lời khéo léo mà mắng chửi cũng có ba hạng: Chửi trước mặt, ông là A-lan-nhã cho đến người ngồi thiền, còn cách chửi thứ 2 như đã biết, nói rõ đều phạm Đột-cát-la.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Nếu dùng pháp ác trên chê bai Tỳ-kheo khác và cha mẹ, nói cha mẹ ông phạm tội Đề-xá-ni. Hòa-thượng, A-xà-lê của ông là phạm tội Thâu-lan-giá, đồng bạn của ông phạm tội Việt

Tỳ-ni. Ngoài ra hành pháp ác chửi bậc trung hạ, cha mẹ, Hòa-thượng, đồng bạn, v.v... đều giảm dần, so sánh chửi trước mặt càng thêm nhiều, trong đây có người như thế cũng phạm (Tỳ-kheo họ Tiểu cùng với họ Đại ở chung, nói trong đây có Tỳ-kheo họ Tiểu).

Lại nói ở đây có cất giấu vàng, thích bảo người đấu tranh.

Trong luật chép: Ca-diếp nêu lỗi xây cất phòng cho tăng, tức ban ngày ra ngủ ngoài thành. Đức Phật quở trách chỉ đưa những loài khác như phi nhân, v.v... không được đưa Ca-diếp, vì có tâm giúp đỡ người, trong luật không phạm. Vì lợi ích cho nên nói, vì pháp cho nên nói, vì luật cho nên nói, vì giáo thọ cho nên nói, vì bạn thân nên nói (ở trên vì bên trong không có chê bai ganh ghét, lòng từ cứu giúp nên biểu thị ác ngữ). Hoặc đùa giỡn (chỉ phạm Đột-cát-la), hoặc do đây nói kế đến lỡ lời, hoặc ở riêng một chỗ nói, hoặc nói lầm đều không phạm. Luật Thập Tụng nói: Có Tỳ-kheo nói tội người khác, các Tỳ-kheo biết thân nghiệp người đó bất tịnh, có thể đối với bốn giới trọng uống rượu, cắt cỏ, ăn phi thời, nói dối, nên nói chớ tức giận, tranh cãi nhau.

- Giới thứ 3: Nói hai lưỡi

Có sáu duyên thành phạm:

1. Là Tỳ-kheo
2. Nói việc xấu
3. Truyền việc đây đến kia và ngược lại
4. Có ý chia rẽ
5. Nói rõ
6. Nghe biết

Hai lưỡi là: hai bên tranh cãi sai người khác phá. Luật Tăng-kỳ nói: Dùng pháp ác bảo rằng: Ai nói ông không có pháp thượng, trung, hạ, muốn làm cho lìa người kia đến với mình, nếu bên kia lìa, không lìa đều phạm xả đọa.

Đa luận nói: Nói rồi lại nói nữa phạm xả đọa, hoặc không chuyển lời người kia đến người này, chỉ nói hai bên làm cho họ xa lìa, tất cả phạm Đột-cát-la.

Trong luật nói không phạm là: phá người ác, bè đảng xấu, Hòa-thượng, cùng thầy, bạn thân. Đối với tăng, tháp, miếu làm không có ý nghĩa lợi ích, tất cả những trường hợp phá như thế không phạm.

Giới thứ 4: ngủ chung một nhà với người nữ, có năm duyên thành phạm:

1. Là người nữ
2. Phòng đã làm thành
3. Cùng ngủ chung một nhà
4. Biết ngủ chung một nhà
5. Tùy theo sự trôi lăn phạm tội xả đọa.

Trong luật nói người nữ là: Người có trí, mạng sống chưa cắt đứt. Phòng có bốn loại.

1. Bốn phía ngăn che, ở trên có che (tức cùng ở trong một nhà, trong có ngăn cách, y theo luận thì không được)
2. Trước mở mà có bức vách (tức đi dọc dưới mái nhà, hai đầu có che)
3. Tuy có che mà không che hết (tức bao quanh giống như cửa viện, ở trên che, ở giữa mở).
4. Tuy che khắp mà có chỗ mở (nghĩa là ngăn che tất cả, nhưng ở trên mở một lỗ nhỏ để ánh sáng lọt vào).

Bốn phòng này Tỳ-kheo và người nữ ngủ chung, hoặc người nữ đến sau, hoặc Tỳ-kheo đến sau, hoặc hai người cùng đến, hoặc nằm nghiêng, tùy theo lưng chuyển mình, mỗi hành vi đều phạm Đột-cát-la, hoặc cùng súc sinh. (theo luật Tăng-kỳ, súc sinh lớn cũng phạm tội xả đọa). Hoặc huỳnh môn, hoặc người hai căn cùng ở một nhà, tất cả phạm Đột-cát-la.

Tỳ-kheo suốt ngày nằm, người nữ đứng, phạm Đột-cát-la. (nếu người nữ ngồi phạm tội đọa).

Luật Thập Tụng chép: Cho đến bậc A-la-hán không được ngủ chung một nhà với người nữ, như những điều ham muốn về thức ăn uống chín của con người, người nữ thèm muốn người nam cũng giống như vậy.

Luật này lấy A-la-hán làm duyên khởi, bậc A-la-hán còn bị dâm loạn phiền não, còn kẻ phàm phu đâu cần chống cự lại.

Đa Luận, luật Thiện Kiến nói: nếu tất cả nhóm họp chung một tăng đường bên trong có ngăn che, nêu trong tăng đường có các phòng nhỏ, tuy các phòng làm riêng nhưng chung tăng đường cho nên giống như một phòng. Hoặc nhiều phòng mà chung một cửa cũng phạm tội xả đọa (tức cùng một cái dẫn ra nhiều cái, giống như nhà và phòng), che nghĩa là: Cho đến lấy y mạn làm phòng.

Vách nghĩa là: Cho đến cao một khuỷu tay rưỡi cùng chung một nhà đều phạm, hoặc phòng lớn nối nhau, cho đến một do-tuần chung một cửa ra vào đều phạm.

Về cảnh sở đối nghĩa là cho đến giới cùng đi, v.v... đều nghĩa là người nữ có thể thọ sự dâm loạn, còn gái bất dục, bé gái, v.v... chỉ phạm tội Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng nói: Người ở trong phòng suốt đêm ngồi không phạm, phải nhiều người ở chung một chỗ, có người nói chuyện không được ngủ.

Luật Tăng-kỳ chép: Một phòng mà có cửa ngăn cách thì không phạm, hoặc ngày Đức Phật Đản Sinh và ngày Đức Phật xoay bánh xe pháp, cho đến đại hội nói pháp suốt đêm, hoặc giữa trời gió, mưa lạnh, tuyết rơi, phải vào trong nhà ngồi ngay thẳng. Nếu người già, người bệnh không thể ngồi được, phải ngăn che không được dùng vật thô sơ. Cao ngang tầm vai, nách trở xuống.

Lỗi không được nuôi chứa mèo. Nếu khất thực vào làng xóm ngủ, phải có phòng riêng, ngăn riêng, hoặc không có phòng, cho đến làm như trước (đều nghĩa là dùng y phục phủ, từ bức vách trong phòng giảng đường thẳng đến giữa cửa, ngăn ra đến mái hiên phía trước, để cho hai đầu tương đương. Đó gọi là hai nhà không chỉ rèm của giường).

Nếu không ngăn che là: người nữ có thể tin nên nói với người nữ: Cô ngủ trước còn tôi ngồi, đến lúc Tỳ-kheo muốn ngủ thì nói cho cô ta đứng dậy, tôi muốn ngủ cô chớ ngủ, nếu cô ngủ thì cô là người không có phước đức (theo như cán bộ người nam bầu bạn của mình).

Đa Luận chép: Cùng với mười người nữ ngủ mười đêm phạm tội Xả đọa, tùy theo một người đứng hay nằm, tùy theo một người xoay chuyển, tất cả phạm mười tội xả đọa. Nếu ở nhà người tại gia, cho người nữ ngũ cùng phòng không mở cửa phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: Cùng che mà ngăn cách riêng, hoặc nói pháp trong đại hội, hoặc tai họa gần gũi với chị em của mẹ, biết có người nam bầu bạn với mình, không nằm không phạm.

Trong luật nói không phạm là: Trước biết có một người nữa ngủ trong phòng, hoặc trong phòng che mà không ngăn, hoặc che hết mà ngăn một nửa, hoặc che hết ngăn một ít, hoặc ngăn hết không che, hoặc ngăn hết che một nửa, hoặc ngăn hết che một ít, hoặc che một nửa ngăn một nửa, hoặc che một ít ngăn một ít, hoặc không che không ngăn ở giữa trời không phạm.

Nếu ở trong phòng này, hoặc đi hoặc ngồi không phạm, hoặc bệnh nằm, bị trói, bị nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... đều không phạm.

Giới 5: ngủ chung với người chưa thọ đại giới quá thời hạn.

Có năm duyên thành phạm:

1. Người nam hay nữ chưa thọ giới cụ tục, ý nghĩa khác hình như riêng biệt. Luận Du-già nói: Đã hai đêm ngủ chung với sa-di, đêm thứ ba ngủ với người nữ phạm hai tội Đề-xá-ni. Duyên hai, ba, bốn như giới trước.

5. Quá ba đêm thì phạm

Trong luật nói: Ngủ chung đến ba đêm, minh tướng chưa xuất hiện, đứng dậy bỏ đi (theo đây không đi phạm Đột-cát-la). Đến đêm thứ tư hoặc tự mình bỏ đi hoặc bảo người kia đi.

Luật Thiện Kiến chép: Đến đêm thứ ba khi mặt trời chưa mọc không tránh đi cũng không phạm (nghĩa là không phạm đề-xá-ni). Ngủ đến đêm thứ tư, đầu hôm hông dính chiếu liền kết tội đọa.

Luật Thập Tụng nói: Nếu ngồi suốt đêm, hoặc bị bệnh được cho sa-di ngủ quá thời hạn, người bệnh nằm thì khai cho, còn Tỳ-kheo không bệnh không nên nằm.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Ngũ đến đêm thứ ba không có chỗ đi, Tỳ-kheo không nên nằm phải ngồi kiết già đến lúc minh tướng xuất hiện, đến đêm thứ tư không có chỗ đi, khi mặt trời sắp mọc, bảo người kia đi, hoặc tự mình đi (theo đây chắc chắn ngủ đến đêm thứ tư phải rời, hoặc đêm đầu thì ngồi, không thành được khai cho).

Luật Ngũ Phần nói: Cho ngủ chung không phạm, thường ngồi không được nằm, hoặc nằm xen kẽ nhau (chẳng phải nghĩa là che mặt trời, đã bốn đêm mà suốt đêm không nằm thì khai cho).

Luật Tăng-kỳ nói: Ngủ đến đêm thứ tư, nhờ vào nhân duyên, đại hội, khất thực, v.v... phải có mái che như giới trước, nếu không như vậy quá ba đêm phạm. Phạm rồi chưa sám hối, lại ngủ chung, tội xoay vần không đủ hai đêm thì khai cho, sám hối lỗi rồi nên ngũ phòng riêng, lại được hai đêm.

Đa luận chép: Có bốn câu. Nếu một người khác phòng, hoặc một phòng khác người, hoặc người và phòng đều khác thì đều phạm đọa.

Trong luật cho rằng súc sinh đực ngủ quá thời hạn, khai duyên giống như trước.

Giới thứ 6: Tụng giới với người chưa thọ giới cụ túc, có năm duyên thành phạm:

1. Đức Phật nói pháp
2. Tự cú vị
3. Người chưa thọ giới cụ túc

4. Đồng nghe, đồng tụng
5. Nói rõ liền.

Trong luật chép: Pháp nghĩa là lời Phật nói, lời của Thanh văn, lời của các vị Tiên, các vị trời. Nếu trao bằng miệng đưa thư, nói rõ phạm xả đọa. Hoặc thầy không dạy mà nói, ta nói xong rồi ông hãy nói, thầy phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu đệ tử Thanh Văn, người khác nói, được Đức Phật ấn chứng (trong luật Tứ Phần văn không rõ).

Luật Thiện Kiến chép: Đức phật nói tất cả ba tạng, La-hán kết tập đồng tụng phạm xả đọa. Nếu tự mình soạn ra biên chép, văn tự cho đến sách thế tục, vì chẳng phải Đức Phật nói cho nên không phạm.

Luật Thập Tụng nói: Tùy theo một phẩm, một chương, một đoạn mỗi thứ đều phạm xả đọa. Trong luật này chỉ nói đồng tụng, bất luận là câu văn nhiều ít.

Đa luận nói: Nếu hai người cùng kinh hành, cùng tụng kinh không phạm, hoặc Tỳ-kheo không có chỗ thọ pháp, cho đến nhận được từ sa-di-ni, chỉ xin giữ gìn giới đức, cùng người làm bạn chứng minh, cũng được ngày đêm thọ pháp, nhưng không được xưng là A-xà-lê, lệ theo như vậy mà biết, chỉ tin tức làm cho không mất oai nghi.

Trong luật nói không phạm là: Nói ta nói xong ông nói, một người tụng xong một người viết, hoặc hai người đồng nghiệp đồng tụng, hoặc nói sai tất cả đều không phạm.

Giới thứ 7: Nói tội thô với người chưa thọ giới cụ túc

Đa luận nói: Thà phá tháp, hoại tượng, chứ không nói tội thô của người khác, tức phá pháp thân, bất luận Tỳ-kheo trước có tội hay không có tội đều phạm đọa, có bảy duyên thành phạm.

1. Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni
2. Phạm tội thiên thứ 1, 2
3. Biết phạm
4. Không có tăng khai pháp
5. Nói với người cho thọ cụ túc giới
6. Nói rõ từ
7. Người trước nghe biết.

Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo-ni và người tại gia nói những tội lỗi nhỏ nhặt của tăng khắp nơi, như vậy đều phạm tội đọa. Luật Tăng-kỳ nói: nếu có người hỏi, Tỳ-kheo nào đó phạm giới dâm loạn, uống rượu, đáp rằng: Tự người kia sẽ biết, nếu mình tác pháp hỏi người, người kia

hỏi ngược lại. Ông nghe chỗ nào?

Đáp: Nghe chỗ đó.

Tỳ-kheo nói: tôi cũng nghe chỗ đó. Nhân lúc nữ cư sĩ đến chùa, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chỉ bày cho họ. Người này phạm Tăng tàn, nhân đó nữ cư sĩ nói kệ:

Xuất gia đã lâu rồi
Cần phải tu đạo hạnh
Đồng tử cười không dứt
Làm sao nhận cúng dường

Luật Thập Tụng chép: Có người quở trách rằng: Ở trong Phật pháp mới có người ngu si này.

Nên đáp rằng: Nhà tôi rộng lớn có đủ thứ.

Trong luật nói: Nếu nói hai thiên trên phạm đọa các thiên dưới tự nói tội mình, hoặc nói tội ba chúng dưới, tất cả phạm Đột-cát-la.

Lại có năm việc: Nếu nói tên, hoặc dòng họ, hoặc y phục, hoặc phòng nhà, hoặc tướng mạo đều phạm xả đọa.

Không phạm là: Nếu không biết, hoặc thô ác tưởng không thô ác, hoặc người tại gia trước đã nghe tội thô rồi, tất cả đều khai cho.

Giới thứ 8: Thật đắc đạo ma nói với người chưa thọ giới cụ túc.

Hỏi: Phàm phu chẳng phải bậc Thánh thì không thể không phạm tội. Bậc Thánh giữ giới, hễ Phật chế rồi thì không phạm, vậy dùng chế giới để làm gì?

Đáp: Bậc Thánh chế giới ra để ngăn ngừa phàm phu, nếu về sau nói liền biết là phàm phu vì không nói dối nên không để cho phạm. Há chẳng phải là điều quan trọng hay sao?

Giới thứ 9: Nói pháp với người nữ quá hạn

Có sáu duyên thành phạm:

1. Là người nữ
2. Biết là người nữ
3. Không thỉnh
4. Không có người nam hiểu biết
5. Nói rõ ràng
6. Nói quá năm, sáu lời thì phạm

Nếu không thỉnh cho phép đủ năm, sáu lời, hoặc thỉnh nói, hoặc hỏi nghĩa, tùy theo nhiều ít.

Luật Ngũ Phần nói: nhờ nói năm, sáu lời mà hiểu được, cho nên

Đức Phật chế giới cho nói năm, sáu lời.

Luật Tứ Phần chép: Năm lời như: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có ngã.

Sáu lời như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vô thường. Vì không được lại tăng thêm một câu. Trong Luật Tăng-kỳ chép: Nói sáu câu xong làm cho ông nhanh chóng hết khổ thì phạm xả đọa.

Trong luật chép: Người nam có trí, hiểu rõ việc thô ác hay không thô ác.

Đa luận chép: Người nam có trí hiểu rõ nhân tình nói có thể làm chứng minh, hoặc người bên trong không giống nhau, không hiểu ắt là phàm phu xuất gia thì không được, vì việc giống nhau, ngay lúc bảo tăng nhóm, nếu có nhiều người nữ mà không có người nam phàm phu thì không được nói điều đó.

Người nữ: Nghĩa là có thể thọ nhận việc dâm dục, hoặc Tỳ-kheo-ni nói thì được.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu người mù hoặc điếc cũng gọi là không có người, một người mù, một người điếc, hai người này phải có một người, hoặc ngủ cũng gọi là không có người, hoặc chị em của mẹ, v.v... cũng phạm. Hoặc dưới bảy tuổi, hoặc quá bảy tuổi không hiểu ý nghĩa tốt xấu, cũng gọi là không có người nam hiểu biết, ngoài ra như đại sớ.

Trong A-hàm chép: có người thưa hỏi nghĩa giáo pháp.

Đáp: Muốn hỏi thì hỏi, ta nghe xong sẽ suy nghĩ.

Trong luật nói: Nếu nói không rõ phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: nếu nói năm, sáu lời, trước người nam hiểu biết nói quá năm, sáu lời, hoặc trước người nam không hiểu biết thì nên đáp, nói rộng truyền năm giới và giáo pháp, truyền tám giới quan trai và nói tám giới quan trai, tám giới thánh đạo, mười pháp bất thiện, người nữ hỏi nghĩa không hiểu nói rộng ra, hoặc người lầm, tất cả không phạm.

Giới thứ 10: Đào đất

Đa luận chép: không đào đất phá hoại sự sống có ba điều lợi ích:

1. Vì không não hại chúng sinh
2. Vì dứt sự phỉ báng
3. Vì làm đại hộ pháp.

Nếu Đức Phật không chế hai giới này thì quốc vương, đại thần sai khiến Tỳ-kheo, nhờ Đức Phật chế giới, vua quan hồi tâm không còn sai khiến Tỳ-kheo được, làm cho tỉnh duyên tu, đạo pháp trí tuệ, dứt sự mê hoặc đó, gọi là đại hộ.

Có năm duyên thành phạm:

1. Là đất hoang
2. Nghĩ là đất hoang
3. Tự đào, sai người đào
4. Khi dạy người đào không làm pháp tri tịnh
5. Làm tổn thương thì phạm tội đọa.

Duyên của giới là cho sửa sang giảng đường, bị đức Thế tôn quở trách chế giới (nay nhiều người nhân phước mà tạo tội, cho là may mắn, đáng thương thay).

Trong luật nói: Đào nghĩa là: Nếu tự mình đào, trải qua bốn tháng trời mưa ngấm đất trở lại như cũ, hoặc dùng bừa, cuốc, cày hoặc nện đánh, dao châm, dùng ngón tay cào làm tổn thương, đốt lửa trên mặt đất, nhưng sai làm đất, nghĩ là đất, tất cả đều phạm, hoặc không dạy nói "biết đó coi đó" phạm Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng chép: Nếu tường sụp đổ, đất, đá tụ vào tổ kiến, nếu đào phạm tội Đột-cát-la. Hoặc đào chỗ đất bùn ngập đến đầu gối phạm Đột-cát-la. Trừ làm tháp tăng, chùa, vẽ trên đất làm mô hình, hoặc đất đỏ, hoặc đất sét, đá sống, sỏi đen, đất muối v.v... tất cả không phạm.

Trong Đa Luận bản đời Thục nói: đấy cày, đất hoang.

Đất cày là: Nghĩa là bốn tháng và tám tháng, lúc mưa đất dính lại với nhau, làm cho đất có độ ẩm, không thể mọc cây cỏ gọi là đất hoang. Còn lúc không mưa, trời hạn hán, khô cằn, gió thổi đất bay nghĩa là không phải đất hoang. Nếu đụng vào vùng đất khô này, phạm Đột-cát-la. Xâm phạm đất ẩm ướt ở dưới phạm Đọa. Hoặc chỗ gốc tường đất ẩm ướt đất khô không phạm, vì khác với đất, tuy được xây dựng, nhưng chỗ ẩm ướt có mọc cây cỏ phạm đọa, ở trên phòng trên tường cỏ mọc, làm tổn hại cây cỏ, phạm tội đọa, tổn hại đất phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu chuyển đá, khiêng đất, quét nhà kéo cây, lùa trâu, ngựa, v.v... muốn làm cho đất bằng, cố ý làm tổn hại bằng như chân con muỗi tất cả phạm đọa. Khối đất một người phá không nổi phạm đề-xá-ni, bớt một người lại được, đóng cọc vào phòng, tường làm hại sự thành công phạm tột việt tỳ-ni, trước có lỗ không phạm. Hoặc đất bên ngoài trời mưa làm tổn hại như chân con muỗi phạm tội Đề-xá-ni. Vẽ dưới đất, viết chữ cũng phạm Đề-xá-ni: vẽ dưới đất mà không có ranh giới thì phạm, hoặc vì dọn phòng củ bảo tịnh nhân làm. Hoặc hư hoại bảo tịnh nhân dọn bùn bỏ đi. Sau đó tự mình làm, hoặc đã có bị mưa bảo tinh nhân làm hai, ba lần. Sau tự mình làm đến khi nền móng

trở lại như củ bảo tịnh nhân làm. Nước trong ao, rạch, giếng tràn ngập, sau khi mới mưa bảo tịnh nhân tháo ra, hoặc bảo khuấy đục lên, hoặc cho trâu ngựa lội trước, sau tự mình tháo ra, vì nước mưa có thể thấm vào đất. Lúc đại tiểu tiện dùng tay thấm nước chà dưới đất phạm tội đọa. Hoặc bình, đồ đựng gỗ, ngói, đá, v.v... để ngoài trời lúc mưa tạnh, không được tự lấy, nếu lấy phạm đọa. Nếu toàn cát không phạm tội, một nửa cát phạm tội việt tỳ-ni. Hoặc đất chết gặp mưa tạnh, bảo tịnh nhân lấy, gặp lúc mưa thấm ướt hết, sau đó tự lấy.

Luật Tứ Phần chép: Nếu lửa dữ đốt cháy chùa cho phép nhổ cỏ ở giữa, hoặc đào hầm, cắt đất hào thành, hoặc, dùng đất dập tắt lửa, hoặc dập tắt nó cháy ngược lại.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu đất bị cháy không gọi là đất. Nếu đất có cát dùng nước gạn nó.

Luật Tứ Phần: Cát một phần còn đất không phạm. Hoặc trên đá dầy bốn tấc đất khô được lấy, hoặc lửa đến gần chùa, vì giữ gìn chỗ ở. Tỳ-kheo được cắt cỏ, đào đất để dập lữa, hoặc lửa đốt tay ném xuống đất không phạm.

Luật Ngũ Phần chép: Khi lửa dữ bốc cháy phải đánh kiền-chùy truyền lệnh, ngoài ra như các bộ khác.

Đa luận chép: Bảo Tăng Ni đào đất, nói lời tri tịnh phạm Đề-xá-ni, hoặc dạy ba chúng dưới và tịnh nhân, hoặc không nói lời tri tịnh phạm Đột-cát-la, hoặc ba chúng không vì duyên lợi ích Tam bảo, tự mình hủy hoại đất, cây, phạm Đột-cát-la. Luật Ngũ Phần nói: Chỗ lan-nhã không có tịnh nhân cho phép Tỳ-kheo lấy nước tưới đất, cắt cỏ, lấy chân dẫm lên làm cho thành bùn rồi lấy dùng.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Chỗ đất ngăn che được tự mình đào (văn trong luật Tứ Phần không rõ).

Trong luật không phạm là: Nếu nói "thấy đây, xem đây", hoặc kéo gỗ, tre, cây, hoặc đỡ hàng rào cho ngay thẳng, hoặc lật gạch đá lên, hoặc phân bò, hoặc lấy đất bờ sông đổ, hoặc chuột đào, v.v... hoặc qua lại kinh hành, hoặc quét nhà, hoặc lấy gậy chóng xuống đất, hoặc tất cả không có ý đào không phạm.

Giới 11: Làm hư mầm cây cỏ .

Có đủ duyên như trên

Luật Tứ Phần nói: người làm hư làng xóm của quỷ thần phạm Ba-dật-đề. Quỷ là phi nhân (77), thôn là tất cả cỏ cây (nói cỏ cây là nơi nương tựa của phi nhân, cho nên các bộ dẫn ra đầy đủ để hiểu rõ, sợ

người không biết lạm dụng).

Luật Thập Tụng chép: Thôn là các côn trùng như muỗi, bướm, kiến lấy đó làm nhà.

Trong luật Tăng-kỳ và giới bổn nói: Người làm hư hạt giống, phá làng xóm của quỷ thần phạm tội đọa (ở đây sẽ chung với nhau như gương sáng).

Luật nói: Thôn có năm loại: Loại sinh từ rễ, loại sinh từ cành, loại sinh từ đốt, mắt, loại sinh từ phú-la (ở đây nói giống lai) loại sinh từ hạt. Nếu phá chặt phạm tội đọa, hoặc rang, đóng đinh, đống cọc, tất cả phạm tội đề-xá-ni. Hoặc chặt nhiều phần cỏ cây sống phạm tội đọa, nửa cây khô nửa cây sống phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu loại sinh từ gốc, loại sinh từ thân cây dùng dao phá tịnh (làm cho bể).

Loại sinh từ mắt, đốt dùng dao chẻ ra, dùng nĩa chấn vụn ra, nha mục tịnh (răng, mắt).

Loại sinh từ tâm như: cây rau é, cơ lục, v.v... Nhũ tu tịnh.

Loại sinh từ hạt giống có bảy thứ như lúa thoát (bóc vỏ) bì tịnh, hỏa tịnh có năm loại, ở trong năm quả. Loại hạt ở trong như táo, quả mơ. Trảo giáp tịnh: bỏ hạt mà ăn, hỏa tịnh rồi ăn (hỏa tịnh nghĩa là cả hai hạt táo chín và sống).

Loại sinh từ quả da: hỏa tịnh rồi ăn như (sậy, rể cỏ, đậu, quả dâu, lê nại). Nếu lúc chín rơi xuống đất làm tổn thương chân con muỗi gọi là sang tịnh, bỏ hạt rồi ăn.

Loại sinh từ hạt lúa là hỏa tịnh (thuộc loại cây dừa, cây hạch đào, cây lựu).

Loại sinh từ quả hạt là (loại có mùi thơm, cây trữ, cây tía tô, cây bạch tô) chưa có hạt nhu tu, có hạt phải hơ lửa.

Loại sinh từ quả, một góc là tịnh pháp như pháp hạt quả (hạt đậu lớn nhỏ, v.v... y cứ theo đây. Trong cây ngãi tây có chứa hạt nên phải hỏa tịnh, nhưng chỉ chạm vào liền được tịnh pháp như cũ).

Lại nói: Chủ chùa có kho lúa mà chưa tịnh thí, sợ Tỳ-kheo trẻ không biết giới tướng, trước bảo tịnh nhân hỏa tịnh xong, cho đến tất cả mọi người đến thường nói bỏ vào giã không phạm. Các việc khác đều biết. Nếu ném năm loại còn sống xuống ao, giếng nước, trong chỗ đại tiểu tiện, trong hầm phân phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu chết phạm Đề-xá-ni, hoặc đi trên cỏ làm cho cỏ chết phạm việt tỳ-ni, tổn thương chừng như chân con muỗi phạm tội Đề-xá-ni. Trên đá sinh rêu, trên y sinh mốc, trên thức ăn như bánh sinh mốc bảo cho tịnh nhân biết. Hoặc ban

ngày phơi nắng biết khổ rồi được tự mình bóc bỏ, sau lúc mưa treo trên cây phạm tội Việt Tỳ-ni, tổn thương cây cỏ phạm tội đọa. Tịnh nhân trước cử Tỳ-kheo, sau giúp đỡ không phạm tội (trong luật Tứ Phần, khai cho nhổ cây đá, trước không biết dính trên cỏ). Trong mùa hạ mà đi, sợ lạc đường nên lấy vật khác buộc vào cây cỏ cho nhớ, đến khi trở về biết rõ đường không phạm. Trong lúc mưa bị trơn ngã, nắm lấy cây cỏ kéo, đất lại nằm cũng không đứt, đều khai cho, bèo ở trong nước không được vạch ra, chỗ xe và ngựa chạy được thì không phạm. Ném đất đá lên hư không, nói lên đến cõi trời phạm thiên. Nếu về sau rơi xuống nước, khai cho được dùng (ở đây gạn hỏi về tịnh pháp của Sa-môn). Nếu khi lấy bùn làm mà người muốn uống nước, được uống nước trong lá, không có tịnh nhân lấy, được đến uống nước trong lá ở trên cây, không được kéo xuống đất. Cao với không tới mà lấy lá khô hoặc lá vàng rụng xuống phạm tội việt tỳ-ni. Cây nở hoa phạm tội Đề-xá-ni, hoặc dập bèo ở trong nước phạm tội việt tỳ-ni, ném lên bờ phạm tội đọa. Nếu khi xuống nước rửa, nước và cỏ dính vào thân, lấy nước rưới làm cho chảy xuống sông, hoặc sáng sớm cắt nấm phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu cầm hoa, quả, vịn lấy cành làm cho tịnh nhân biết, cũng được vịn chặt lấy tịnh nhân.

Trong Luật chép: Tỳ-kheo đi trên đường bị cỏ ngăn ngại, cho phép lấy cây tre đè lên cỏ, hoặc đè lấy cây đá (tạm thời y theo trước).

Luật Ngũ Phần chép: các cỏ cây nếu cần dùng thì nên nói với tịnh nhân: "Ông biết đây", nếu người không hiểu lại nói, "ông xin đây", nếu không hiểu lại nói, "tôi cần đây". Nếu không hiểu nói: "cho ta đây làm hoại đất cũng như vậy" (đều bảo cho biết, đích thân Tỳ-kheo không được làm tổn thất, miệng không bảo chặt đào, mới là tịnh duyên, tâm tịnh).

Nếu cỏ phủ đường, vì mở đường, cố chặt cành, làm cho lá rụng, không cố làm thị không phạm.

Luật Thập Tụng chép: "Cùng một lúc làm hỏng năm loại phạm năm tội Ba-dật-đề. Luật này nói: Một lá làm hư nhiều loại, tùy theo nhiều ít mà kết tội, cho đến giới trước bảo tịnh nhân đào, tùy theo chỗ đào mà phạm tội đọa. Không giống như luật Tăng-kỳ có thể lấy đình chỉ việc trước mới kết tội.

Luật Tứ Phần chép: Nếu năm loại sinh sống giống như cây liễu thạch dừa, cần đất lìa đất thì hoại đều phạm đọa. Chẳng phải năm loại sinh sống như thuộc loại cây hòe, cây nui, cây du, cây bá, đã tàn thì được gắn liền với đất, phạm tội Đọa. Nếu lìa đất mà mầu sắc chưa đổi

phạm Đột-cát-la, gọi là hoại tướng.

Không phạm là: Nói "xem đây, biết đây", nếu chặt cây cỏ khô, hoặc ở trên cây cỏ còn sống kéo gỗ, kéo trúc, dựng hàng rào cho thẳng, hoặc lật đá, hoặc lấy phân bò, hoặc cỏ một lan ra ngoài đường, lấy cây gậy rẽ lối, hoặc lấy ngói đá chống mà làm tổn thương đến cây cỏ, hoặc đất trên chỗ kinh hành, hoặc quét dọn chỗ kinh hành, hoặc lấy gậy chống xuống đất, lỡ chống đứt cỏ cây sống không phạm.

Giới thứ 12: Thân miệng thêu dệt

Có bốn duyên thành phạm:

1. Tự mình làm cho thân nghiệp, khẩu nghiệp thêu dệt
2. Nhiều phiền não không dứt
3. Bị Tăng đơn bạch quở trách
4. Vừa làm liền phạm

Luật Tứ Phần chép: Nói lời khác là ông nói với ai, bàn luận việc gì v.v... tất cả phạm Đột-cát-la, bạch rồi nói phạm tội đọa. Não hại người khác là thân thêu dệt, nên đến hay không đến, nên ngồi hay không ngồi, ngoài ra như cách thêu dệt của miệng.

Thành Luận nói: Tuy là lời nói thật, nhưng vì chẳng phải thời tức gọi là lời nói thêu dệt, có người nói tuy phải thời, vì tùy theo sự phiền não không có lợi ích. Mặc dầu có lợi ích nhưng lời nói vốn không có nghĩa lý, không có thứ lớp đều gọi là ỷ ngữ. Tức trong luật nói: "Nói pháp cho người không cung kính nghe".

Luật Thiện Kiến nói: Sợ thành đấu tranh, tăng im lặng thì được, trong luật nói: Nếu Thượng tọa gọi đến mà không đến phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: Lại nghe nhiều lần mà không hiểu lời nói trước có nhầm. Lại hỏi "ông nói với ai, bàn luận việc gì?" Cho đến "tôi không thấy tội này". Hoặc muốn làm pháp yết-ma ma phi pháp không lợi ích, không cho hòa hợp, gọi đến không đến thì không phạm, hoặc làm pháp yết ma phi pháp, hoặc không muốn biết ngôn giáo, không đến lại đến thì không phạm. Hoặc cùng ngồi ăn, hoặc không làm pháp thức ăn dư mà ăn. Nếu bệnh gọi dậy, không đứng dậy không phạm. Hoặc tâm ác hỏi không cho nói, hoặc làm những việc phi pháp liền nói, hoặc nói nhỏ, hoặc nói lầm tất cả không phạm.

Giớ thứ 13: chê mắng vị tri sự của Tăng

Có sáu duyên thành phạm:

1. Được Yết-ma sai
2. Biết là được tăng yết-ma sai
3. Làm việc như pháp
4. Nói pháp chê trách mắng chửi
5. Nói rõ từ
6. Người đối diện nghe biết.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu đơn bạch, bạch nhị sai người khác phiền não phạm tội đọa. Tăng sai không yết-ma, và người khác nói lời vu khống này phạm tội Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: Duyên khởi bạch nhị có khác nhau.

Luật Tăng-kỳ chép: Mắng chửi người đang lễ bái, nhờ người khác làm, nhờ người khác làm lại nhờ người khác làm, cả ba đều phạm tội đọa. Nhân đây nói cá lớn có trăm đầu, mỗi đầu mỗi khác, vì trước kia làm Tam Tạng thích dùng lời ác mắng chửi.

Luật Tứ Phần chép: Nếu chê bai (gặp mặt không có chỗ nghe, nói có thương, giận, sợ, si).

Người mắng chửi: Ngược lại trên phạm tội Đọa, hoặc không nhận lời Thượng tọa dạy mà chê mắng phạm Đột-cát-la. Không phạm là: Thật có việc đó, sau đó sợ hối hận nói làm đúng như pháp sám hối, lại nói có thương, giận, v.v... hoặc đùa giỡn nói lầm, tất cả không phạm.

Giới 14: Ở chỗ đất trống trải vật của tăng, có sáu duyên thành phạm:

1. Trải giường cho bốn phương tăng
2. Biết là trải giường cho bốn phương tăng
3. Ở ngoài trời
4. Tự trải hoặc sai người trải
5. Khi bỏ đi không tự cất, không nhờ người cất
6. Ra khỏi cửa thì phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Thấy ngọa cụ của tăng ở ngoài trời, vì không tự trải cũng không bảo người trải mà chẳng cất cũng phạm tội Đề-xá-ni. Người tại gia vào chủa nên mượn ngọa cụ của tăng thọ. Lại người thế tục mượn ngọa cụ của tăng, ăn xong Tỳ-kheo không dọn phạm tội đọa. Nếu vị Tri sự bày ngọa cụ của tăng ở một bên, hoặc ngồi thiền hoặc ngủ phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu trên giường của tăng để pho tượng Tỳ-kheo lễ bái, tay đụng vào không cất phạm đọa. Nếu nhiều người lễ bái chắc chắn sẽ đụng vào, thuộc về người cuối cùng phạm tội đọa. Nếu

tháng mùa Xuân trải giường, sau đó bảo cho người biết là xả bỏ thì không phạm. Hoặc đi trên đường kéo cỏ ra ngồi, lúc đã đi tụ họp rồi nên đi.

Đa luận nói: Trải giường ở chỗ trống rồi không dặn người, dạo chơi các phòng phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần nói: Người kia lấy vật của tăng giao cho vị Tri sự nói: "Nay tôi giao cho ông, ông giữ gìn coi sóc". Nếu không có người nên để ở chỗ kín. Nếu không có chỗ kín nên biết chỗ không bị hoại, nên lấy vật thô xấu che lên vật tốt, hoặc về ngay nên đi liền, tuy theo mưa đi nhanh về kịp thì nên đi. Người kia theo thứ lớp làm phương tiện như vậy, liền nên đi, nếu không làm trước mà ra khỏi cửa phạm tội đọa. Hoặc mới đi bèn hối hận trở lại phạm Đột-cát-la. Nếu hai người cùng giường thì vị hạ tòa phải dọn, không dọn phạm (hai tội) đọa và Đột-cát-la. Còn Thượng tọa phạm một tội Đề-xá-ni, nếu cả hai không dọn thì cả hai phạm tội đọa.

Ngoài ra giường rộng rãi, giường ghế, v.v... không dọn, và ngọa cụ trong ngoài tất cả phạm Đột-cát-la. Nếu ở chỗ trống, trải vật của tăng mà đi vào phòng ngồi thiền phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: Nếu lấy vật của tăng trải ở chỗ trống, khi đi nói với người ở lại, người Tri sự nói với người giúp việc trong chùa khiến cho họ biết, phương tiện như trên, tất cả không phạm.

Giới thứ 15: Trải vật của tăng ở chỗ có ngăn che, có năm duyên thành phạm:

1. Là vật của tăng
2. Nơi có ngăn che
3. Tự bảo người trải
4. Mình không cất, không dạy người cất
5. Hoặc ra ngoài giới, hoặc quá năm đêm.

Trong luật nói: Vị kia nên nói với Tỳ-kheo ở lâu rằng. Cất giùm tôi ở chỗ chắc chắn. Nếu không có người không sợ mất nên dời giường lìa khỏi vách kê chân giường lên cho cao, đem gối, mềm, ngọa cụ, để trong đó, lấy vật thô xấu khác đậy lên. Nếu sợ hư hoại nên treo ngọa cụ trên giá y, dựng giường đứng lên mà đi. Nếu không làm như vậy ra khỏi chỗ phạm tội đọa. Nếu trở lại hoặc không lâu cho phép ngủ ngoài giới hai đêm, ngủ đến đêm thứ ba khi mặt trời chưa mọc, hoặc tự vào trong phòng, hoặc sai nói với vị Tri sự. Nếu không đi, mặt trời mọc phạm tội đọa.

Giới 16: Dùng sức mạnh chiếm chỗ, có năm duyên thành phạm:

1. Người khác mượn trước an trì rồi thiền định
2. Biết người khác ở trước
3. Có ý làm não loạn
4. Cưỡng trải ở giữa
5. Hễ ngồi nằm thì phạm.

Trong luật nói: Ở giữa, bên đầu, bên chân, hai bên hông.

Ngọa cụ nghĩa là: Trải trên cỏ, trên lá, cho đến trải dưới đất làm thảm nằm. Nếu biết người khác được trước mà cưỡng ép ngủ, phạm tội đọa.

Luật Thập Tụng chép: Vì làm xúc não người khác, mà mở cửa, đóng cửa, đốt lửa, dập lửa, hoặc tụng chú, tụng kinh, nói pháp, tùy theo việc làm người khác không vui mỗi việc đều phạm tội đọa.

Trong luật nói không phạm là: Trước không biết, hoặc nói rồi ở, trước cho trải ở giữa, hoặc ở giữa rộng không trở ngại nhau, hoặc người ở cũ nói rằng cứ trải, tội tự nói với chủ, hoặc bị ngã, hoặc bị bệnh té dưới đất, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... tất cả không phạm.

Giới 17: Kéo người khác ra khỏi phòng, có bốn duyên thành phạm:

1. Phòng mùa xuân, mùa Đông của tăng lấy làm phòng mùa hạ của mình, kéo người ra khỏi phòng phạm Đột-cát-la.
2. Trước an trí rồi định.
3. Có ý làm não loạn
4. Kéo ra thì phạm.

Trong luật nói: nếu tự mình kéo bảo người khác kéo, tùy theo chỗ kéo nhiều ít, tùy theo kéo ra phòng tất cả phạm tội đọa, kéo nhiều người ra một cửa phạm tội đọa, hoặc kéo một người ra nhiều cửa phạm nhiều tội đọa. Hoặc ném vật của người khác ra ngoài cửa, đóng cửa lại để họ ở ngoài cửa, phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Khi kéo người khác ra khỏi cửa, hoặc ôm cột trụ vịn cửa dựa vách mỗi việc đều phạm tội đọa. Hoặc mắng nhiếc, tùy theo lời mắng mỗi lời phạm mỗi tội đọa. Nếu tức giận đuổi răn chuột ra, phạm tội việt tỳ-ni, hoặc nói vật này không có ích lợi đuổi ra không phạm tội.

Luật Thập Tụng nói: Nếu thích ngủ nghĩ nên đứng dậy đi kinh hành, không thể đi kinh hành thì nên đứng ở chỗ vắng, không nên não loạn người khác.

Luật Ngũ Phần chép: nếu hàng phục đệ tử mà kéo ra thì không

phạm. Hoặc dẫn người không thích đến muốn bảo tự ra, ra hoặc không ra đều phạm Đột-cát-la, kéo bốn chúng dưới cũng phạm Đột-cát-la.

Trong luật nói không phạm: là không có tâm tức giận, theo thứ lớp mà ra, ngủ chung quá thời hạn sai người chưa thọ giới cụ túc ra. Hoặc người phá giới, phá kiến, phá oai nghi bị người khác đưa ra và đáng tẫn xuất nên tẫn xuất. Do nguyên nhân này có nạn phạm hạnh, nạn mạng sống, tất cả không phạm, giới trước là thế tục ở không lựa chọn tịnh uế, đây là chỗ của tăng ở cho nên phân biệt chỗ dơ.

Giới 18: Ngồi giường gãy chân, có ba duyên thành phạm:

1. Là phòng lớn
2. Giường gãy chân
3. Nằm ngồi trên giường đó thì phạm.

Giới 19: Dùng nước có côn trùng, có bốn duyên thành phạm

1. Là nước có côn trùng
2. Biết có côn trùng
3. Không làm cách lượt (nước)
4. Hễ dùng thì phạm.

Trong luật chép: Nếu ném cỏ đất vào nước có côn trùng hoặc sữa, tương đông và sữa tương đông trong đó có trùng, hoặc tương ngâm lúa mạch, hoặc giấm có trùng, đem tưới lên bùn cỏ, hoặc ném cỏ đất vào đó, tất cả đều phạm đọa, dạy người khác làm cũng giống như vậy.

Trong luật nói: Nếu ném cỏ đất vào nước, tùy dưới sông, ao, có cá, côn trùng đều phạm Đề-xá-ni.

Bộ Đại Tập chép: Thân súc sinh nhỏ bé giống như một phần mười của con vi trùng cho đến lớn cả trăm ngàn muôn do-tuần.

Luật Tăng-kỳ chép: Trùng nhỏ có lượt phải ba lớp, nếu có thì phải bỏ. Nếu lấy nước hàng ngày phải xem kỹ, không có trùng mới dùng, vì côn trùng sinh ra không nhất định, hoặc là trước không có nay có.

Luật Ngũ Phần nói: Trong nước có trùng là lấy túi lượt lượt đi, nên dùng mắt thịt mà nhìn, nếu dùng nước có nhiều côn trùng phạm tội đọa. Không có đãy lượt nước không được đi nửa do-tuần. Nếu không có đãy thì lấy một góc y lượt nước.

Trong luật nói không phạm là: Nếu có trùng tưởng không có trùng. Nếu trùng lớn, dùng tay khuấy động cho trùng dang ra, hoặc lượt nước bằng đất rượu, hoặc dạy người lượt tất cả không phạm.

Giới 20: Lợp nhà quá ba lớp, có bốn duyên thành phạm:

1. Tự làm cho mình
2. Tự che, bảo người khác che
3. Đến lớp thứ ba chưa xong, không cách chỗ thấy nghe
4. Đến lớp thứ tư xong rồi thì phạm

Giới 21: Tăng không sai mà dạy Tỳ-kheo-ni, có bốn duyên thành phạm:

1. Không vì tăng sai
2. Nhóm họp trong ni chúng
3. Nói pháp, giáo giới
4. Nói rõ thì phạm.

Trong luật nói: Tăng không sai mà nói tám pháp kính đều phạm đọa, sai ngày phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Ba ngày trước (ở trong kinh nói giới ba ngày sau ngày 15) hai ngày sau (bỏ hai ngày bố tát). Bỏ ngày này gọi là sai ngày, chỉ cần đủ mười vị tôn túc, thực hành bố tát rất ít. Nay chỉ là pháp lược như San Bổ yết-ma có nói.

Giới 22: Nói pháp cho Tỳ-kheo-ni đến tối, có sáu duyên thành phạm:

1. Là tăng sai
2. Chúng Tỳ-kheo-ni đến nhóm họp
3. Giáo giới nói pháp
4. Đến tối
5. Biết là trời tối
6. Nói pháp không dứt thì phạm.

Trong luật nói: Trừ giáo thọ, nếu trì kinh, tụng kinh, hoặc hỏi, hoặc làm việc khác cho đến tối và trừ Tỳ-kheo-ni, nếu là người nữ khác mà tụng kinh đến tối, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: Giáo thọ ni đến lúc trời chưa tối liền nghỉ, trừ phụ nữ, mình vì người khác, hoặc chỗ thuyền tế nói pháp cho ni nghe, hoặc cùng đi với khách buôn, ban đêm đến chùa Ni nói pháp, hoặc nhờ người thỉnh, gặp nói thì được nghe, tất cả không phạm.

Giới 23: Chê bai người giáo thọ Tỳ-kheo-ni, có sáu duyên thành phạm:

1. Là tăng sai

2. Tâm vì pháp
3. Trong lòng ganh ghét
4. Nói vì ăn uống
5. Nói rõ ràng
6. Người dối diện nghe biết.

Không phạm là: Việc đó có thật như vậy, vì cúng dường, dạy cách tụng kinh, trì kinh. Hoặc hỏi, hoặc đùa giỡn, hoặc nói lầm, tất cả không phạm

Giới 24 Cho y Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con, có bốn duyên:
1. Là Tỳ-kheo-ni
2. Không phải bà con
3. Cho y
4. Nhân thì phạm

Trong luật nói: Trừ sự trao đổi. Nếu cho tháp, Phật, tăng tất cả không phạm.

Giới 25: May y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Đủ ba duyên thành phạm.
1. Là ni
2. Không phải bà con
3. Hễ may thì phạm

Trong luật nói: Tùy theo kéo cắt nhiều hay ít, tùy theo đường may mũi kim đều phạm tội đọa. Nếu lại khoác, mặc, ủi hay dùng tay vuốt, hoặc nắm một đầu góc kéo xếp cho ngay vuông, hoặc do nhân duyên xin chỉ, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: là cho Tỳ-kheo-ni bà con, hoặc làm vì Phật, pháp, tăng, hoặc mượn đắp. Dùng xong phải giặt, nhuộm, sửa sang trả lại cho chủ.

Giới 26: Một mình ngồi chỗ vắng với Tỳ-kheo-ni. Có bốn duyên thành phạm:
1. Là Tỳ-kheo-ni
2. Không có người thứ ba
3. Ở hai chỗ khuất và chỗ trống.
4. Cùng ngồi thì phạm.

Luật Thập Tụng nói: Chỗ vắng cách nhau một trượng phạm tội đọa, một trượng rưỡi Đột-cát-la, hai trượng hoặc quá không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: Cùng một Tỳ-kheo-ni ngồi ở chỗ khuất, hoặc ni mời một Tỳ-kheo ăn, một Tỳ-kheo-ni ngồi chung với một Tỳ-kheo, một ni đem thức ăn đến, khi vị ni này đi thì Tỳ-kheo phạm tội đọa.

Lúc ấy Tỳ-kheo nên đứng dậy nói: "Tôi muốn đứng dậy, đừng để người kia nghi làm việc phi pháp", nếu Tỳ-kheo-ni bỏ đi thì không phạm. Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo ngồi chỗ khuất kín, chỗ không biết hổ thẹn, chỗ có thể hành dâm; trong luật nói hai chỗ khuất đối với sự thấy và sự nghe như đã nói trong hai giới bất định; hoặc chỗ không thấy mà nghe, không nghe mà thấy, hoặc đứng chung tất cả phạm Đột-cát-la. Không phạm: là nếu khi ấy Tỳ-kheo có bạn, hoặc có người trí, chẳng phải chỗ không thấy không nghe hay không nghe không thấy, hoặc đi ngang qua bị té dưới đất, hoặc bị thế lực bắt buộc, hay nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

Giới 27: Tỳ kheo hẹn với Tỳ kheo ni cùng đi chung một đường

Đủ năm duyên thì phạm tội: một/ là Tỳ-kheo-ni; hai/ hẹn nhau đi chung; 3/ không có duyên sự; bốn/ cùng một đường; năm/ từ chỗ này qua chỗ khác.

Trong luật, không phạm: là không hẹn hò nhau, hoặc có nhiều bạn bè cùng đi, hoặc chỗ có sợ hãi, nghi ngờ; hoặc đến nơi đó được an ổn, hay nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... thì không phạm. Luật Thập Tụng Khai cho Tỳ-kheo gánh vải qua đường hiểm dùm Tỳ-kheo-ni.

Giới 28: Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đi chung một thuyền

Đủ bốn duyên thì phạm tội: một/ đó là Tỳ-kheo-ni; hai/ hẹn hò nhau; ba/ cùng chung một thuyền ngược dòng, xuôi dòng; bốn/ vào trong thuyền. Trong luật, trừ khi qua đò, người chèo thuyền lạc hướng, đi thuyền ngược dòng xuôi dòng thì không phạm.

Giới 29: Tỳ kheo nhận thức ăn do Tỳ kheo ni khuyến hóa

Đủ bốn duyên thì phạm tội: một/ thức ăn do ni hoặc ba chúng dưới khuyến hóa mà được; hai/ biết; ba/ thọ nhận; bốn/ mỗi miếng ăn phạm một tội đọa. Trong luật chép: khuyến hóa rằng: Vị này sống ở A-luyện-nhã chỉ trì ba y, khất thực để sống, hoặc khen ngợi Pháp sư học rộng, trì luật, ngồi thiền.

Thức ăn: thức ăn được nhận từ sáng đến trưa, mỗi miếng ăn phạm tội đọa (Ba-dật-đề). Trừ thức ăn ra, biết các thứ khác do khuyến hóa mà được như: áo lót, đèn, dầu phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ trừ Đàn-việt

cũ thì được. Cho đến lúc đang ăn xướng lên cúng dường, có Tỳ-kheo khác đến, Tỳ-kheo-ni nói có Tỳ-kheo đến, thí chủ nói: “Tốt thay!” thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo-ni nói đây là người tu mười hai hạnh đầu đà thì phạm tội đọa; nếu nói thức ăn nhiều và ngon, bình đẳng cúng dường không phạm, nếu nói đồ chúng học rộng tinh tấn, nên thỉnh chung một chúng, tất cả phạm tội đọa; hoặc nói người chủ của chúng kia tinh tấn, vì Tỳ-kheo này nên thỉnh chung hai mươi vị; tiếng tăm một người kia được khen ngợi, những người khác không phạm.

Nếu có khen ngợi được thức ăn như thế không được bỏ đi, nên lần lượt đổi chỗ ngồi, nếu chỗ ngồi bên cạnh dơ bẩn, không sạch, không thích đổi chỗ, nên nghĩ rằng: “Thức ăn trong bát này là của Tỳ-kheo... đã chấp nhận, tôi sẽ ăn”, thì không phạm; nếu nói Tôn giả... có thể thường đến đây khất thực thì không phạm. Trong luật Ngũ Phần, nếu trước không biết, lúc ăn Tỳ-kheo-ni nói thích cúng dường Tỳ-kheo thì không phạm. Trong luật, không phạm là hoặc không biết, hoặc Đàn-việt có ý trước, hoặc tưởng không có giáo hóa, hoặc Tỳ-kheo-ni tự làm đàn-việt, hoặc Đàn-việt nhờ Tỳ-kheo-ni phụ trách, hoặc không cố ý giáo hóa mà được thức ăn thì không phạm.

Giới 30: Tỳ kheo hẹn đi chung một đường với người nữ

Có mấy duyên thành phạm giống như giới hẹn Tỳ-kheo-ni đi chung đường. Nhân duyên trong luật, ngài A-na-luật là bậc Vô học giáo hóa chúng sinh còn bị đánh gần chết, huống gì phàm phu. Cho nên nói: Nếu đi chung trong phần giới của xóm làng phạm Đột-cát-la.

Không phạm là không biết trước, hoặc không hẹn hò, hoặc việc cần đến chỗ đó được an ổn, hay nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

Giới 31: Chỗ thọ cúng dường một bữa ăn mà thọ quá

Đủ năm duyên phạm tội: một/ thí chủ chỉ cúng một bữa; hai/ biết như vậy; ba/ thọ quá một bữa; bốn/ không có nhân duyên; năm/ thọ thực thì phạm.

Trong luật khai cho người bị bệnh, nếu đi khỏi thôn đó thì bệnh càng trầm trọng. Không phạm là ngủ một đêm nhận một bữa ăn, bệnh được nhận hơn một bữa ăn, hoặc các cư sĩ mời các đại đức ở lại để cúng dường, hoặc thứ lớp mời lại để cúng dường, hoặc đường thủy, đường bộ gặp nguy hiểm thì không phạm.

Giới 32: Xoay vần thọ thực

Luật Thập Tụng nói là ăn nhiều lần, Ngũ Phần cũng vậy. Luật Tăng-kỳ nói là ăn chỗ này đến chỗ khác. Tổng Nhất Minh nói là trái với lời thỉnh cầu cúng dường của thí chủ.

Đủ năm duyên thành phạm: một/ Trước mời thọ năm thứ thức ăn chính, bất luận đạo-tục, bà con, không bà con; hai/ chỗ ăn đảm bảo được no; ba/ không có duyên sự, nghĩa là bệnh v.v...; bốn/ lại nhận thí chủ khác cúng dường thức ăn chính; năm/ hễ nuốt vào liền phạm. Trong luật thỉnh có hai loại: thỉnh theo thứ lớp của tăng và thỉnh riêng. Thức ăn: cơm, lương khô, cơm khô (cháo đặc cũng vậy). Luật Tăng-kỳ chép: cháo mới trong nồi ra, vẽ ngang qua không thành chữ là không phải thức ăn chính. Luật Tăng-kỳ nói nếu nhà thế tục nói: "Thưa thầy! Hôm nay mời thầy thọ trai ở nhà con", liền gọi là chỗ thỉnh. Nếu thức ăn chưa chín, muốn đến nhà khác nên nói rồi đi, không nói mà đi đến chỗ khác được thức ăn chính thì phạm hai tội đọa: một là không nói với nhà thỉnh; hai là trái với lời thỉnh cầu. Điều này rất giống luật Tứ Phần. Lại nữa, luật chép: lúc bệnh, không thể ngày ăn một bữa mà đủ được.

Lúc thí y trong mười hai tháng, tùy theo chỗ thỉnh cúng y thực thì khai cho trái với lời thỉnh cầu. Nếu một ngày nhận nhiều người thỉnh, mình chỉ thọ một nhà, còn các nhà khác nhường cho các vị khác nói rằng: "Thưa Trưởng lão, lẽ ra tôi đến đó, nhưng nay xin cúng dường cho Ngài". Nếu Tỳ-kheo không xả như vậy, trái với lời thỉnh cầu của nhà trước, mỗi miếng ăn phạm một tội đọa, trái với lời thỉnh cầu của nhà sau, mỗi miếng ăn phạm một tội Đột-cát-la.

Ngũ Bách Vấn chép: nếu chủ nhân không thích ý thay đổi ý kiến thì không phạm. Luật Thập Tụng, luận Tát-bà-đa nhà mời trước không được tùy bệnh mà ăn; ngược lại đến nhà thứ hai, thứ ba được ăn từ từ, đến ngọ không được đến nhà thứ tư. Trong luật, không phạm là khi bệnh, khi thí y, hoặc nhường lại cho các Tỳ-kheo khác, hoặc thỉnh chẳng phải thức ăn chính (nghĩa là cháo, bánh không phải thức ăn chính), hoặc ăn không no (thức ăn chính nhưng ít quá ăn không no), hoặc không thỉnh, hoặc ăn xong lại nhận được thức ăn thì không phạm.

Giới 33: Ăn riêng chúng

Về ăn riêng chúng, theo văn trong luật này chỉ nói thỉnh riêng, chẳng nói về không tập hợp, cho nên nói rằng: "Các thí chủ chỉ thỉnh ba người ăn, chúng tôi không được ăn riêng chúng". Nếu theo duyên khởi thì nói khất thực, cho nên nói: "vì khó thu nhiếp người khó điều phục, nên tự kiết chúng riêng". Nếu theo luận Tát-bà-đa thì không nhóm họp

trong nội giới, cũng nói thỉnh riêng, khất riêng có tập hợp, không tập hợp. Thỉnh thứ lớp của tăng có tập hợp, không tập hợp. Nay chia ra ba tướng để nói về duyên phạm của mỗi tướng; đưa ra chứng cứ để chứng minh là riêng chúng.

I/ Nói về bảy duyên thỉnh tăng theo thứ lớp: một là có thí chủ; hai là thỉnh theo thứ lớp; ba là năm loại thức ăn chính trong buổi trưa; bốn là chỗ ngồi ăn thành chúng; năm là biết trong giới, có Tỳ-kheo tài đức chưa ăn không tập hợp; sáu là không có các duyên; bảy là mỗi miếng phạm một tội đọa. Luận Tát-bà-đa nói: nếu thí chủ vào trong nội giới của tăng, bày thức ăn hai chỗ, nên thỉnh tăng ăn chỗ Bồ-tát, hoặc đưa một phần thức ăn, chỗ đó không cần xoay vần.

Nếu trong giới xóm làng không có giới của tăng, hai thí chủ, mỗi người thỉnh bốn vị trở lên, ăn hai chỗ nên đánh kiền-chùy, cùng nhau thỉnh một người, đưa ra một phần thức ăn. Lại có Tỳ-kheo khác vào, cũng phải xoay vần, nếu trước thỉnh tăng theo thứ lớp, sau thành thỉnh riêng, có khách ngăn không cho vào, nếu không ngăn, tuy trước thỉnh riêng sau thành thỉnh tăng theo thứ lớp, lập pháp như trên, ở đây nói về tăng thứ lớp. Khất riêng: bốn câu trong luật Thiện Kiến: bốn người cùng khất thực, hoặc khất thực riêng, mỗi người không biết nhau, cùng một thí chủ thọ thực cùng một lúc thì phạm. Trong luận Tát-bà-đa, nếu bốn người mỗi người tự khất thực, cùng ngồi ăn một chỗ không có lỗi vì chẳng phải của một nhà. Nếu thỉnh riêng một người nên ở ngoài cửa tác pháp, chỉ được một người thì gọi là thanh tịnh. Nếu không tác pháp, không có người trong nội giới, tất cả tăng bị ngăn không cho thọ thực, vì tội không thanh tịnh. Nói theo đây thì không nương vào nội giới, không nhóm họp. Nếu nhóm họp hết cũng kiết lỗi này. Cho nên nói: "Thỉnh cùng một vị với tăng, mỗi miếng đều phạm. Nói theo đây, loại thỉnh tăng theo thứ lớp tăng chỉ hạn cuộc không nhóm họp kết tội, còn khất thực thỉnh riêng nhóm họp hay không nhóm họp đều kết tội. Nay lại nói chung theo duyên tùy tướng, khiến người biết được những lỗi thường có; về có thí chủ, luật Tứ Phần, luận Tát-bà-đa nói bất luận đạo-tục đều gọi là Thí chủ, tức nói tăng thực không có lỗi riêng chúng. Cho nên luận Tát-bà-đa nói: nếu lấy thúc ăn của tăng, ăn riêng một mình, không ăn với chúng tăng, hoặc ngăn khách tăng, hoặc không làm phép, đó là ăn trộm. Luật Tăng-kỳ nói chẳng phải tội riêng chúng, có nói rõ trong quyển thượng.

II. Ba loại: Tăng riêng, khất riêng, thỉnh riêng. Trước nói tăng riêng: tức là thứ lớp của tăng, luật Ngũ Phần nói thỉnh tăng theo thứ lớp:

phàm phu, bậc Thánh đều ngồi thiền tụng kinh, khuyên người khác giúp nhiều việc, cùng xuất gia vì mục đích giải thoát, nên được tính vào thứ lớp của tăng, chỉ trừ người ghét giới.

Nói thứ lớp thượng tọa là theo thứ lớp của tăng, lại không biết bao nhiêu trai giới là thượng tọa. Phật dạy: người không còn ai trên mình đều gọi là Thượng tọa, dùng pháp thu nhiếp người, hoặc nói thiền sư, v.v... là thỉnh riêng. Nếu nói mười vị thiền sư, trừ pháp sư, luật sư, vì chọn lựa người khác nên không gọi là thỉnh tăng theo thứ lớp. Trong Thập Tụng, Thiện Sinh nói vì pháp La-hán, người thỉnh không xưng tên, còn gọi là thỉnh riêng, bị Đức Phật quở trách, như trong pháp phó thỉnh. Luận Tát-bà-đa nói nếu thí chủ thường xuyên thỉnh Tỳ-kheo, hoặc giới hạn trong một ngày, trước tùy theo ý người thỉnh, mỗi việc khiến họ xác định, đến ngày nhóm họp đầu tiên, trước không được thỉnh riêng, tất cả không ngăn thì rất tốt, không có lỗi. Chẳng thể không ngăn, nên đánh kiền-chuỳ, đợi chúng tăng nhóm hợp xong, người thỉnh riêng trước hãy ở một chỗ khuyến hóa cho Tỳ-kheo khác. Nếu thí chủ cúng dường nên đứng chỗ cao cất tiếng nói lớn, người sáu mươi tuổi hạ vào, hoặc nhiều hoặc ít, chỉ được một người thì gọi là thanh tịnh cho đến xướng đến vị một hạ và Sa-di v.v... nếu không xướng như vậy cũng gọi là thanh tịnh. Nếu ngày đầu không xướng, nên xướng hằng ngày, theo pháp ngày đầu, nếu ngày đầu xướng xong, ngăn hay không ngăn tất cả đều không có lỗi. Nếu không làm hai pháp này, hoặc ăn có ngăn Tỳ-kheo trong nội giới cho đến một người, thí tất cả tăng ở đây mắc tội riêng chúng. Nếu nội giới không có Tỳ-kheo, nên có ngăn thọ thực cũng không thanh tịnh. Nếu thỉnh chín mươi ngày, hoặc thỉnh thường xuyên như xướng ở ngày đầu chín mươi ngày hạ xong, nếu thí chủ có tiếp tục cúng dường một tháng, hoặc nửa tháng, thì đúng như pháp xướng trước được thanh tịnh, không cần thay đổi cách xướng. Chỉ có tăng phòng, ngọa cụ, xong chín mươi ngày, hằng ngày xướng, không xướng mắc tội. Nếu thí chủ đến trong giới của tăng làm thức ăn cúng dường, mà phòng xá chật hẹp, nên thứ lớp ra chỗ khác thọ thực cũng được, hoặc trong một đại giới có hai chỗ thì tốt. Luật Tăng-kỳ, trong một ngày hai chỗ đều cúng dường thức ăn, chỗ bố tát không mắc lỗi, chỗ không bố tát, một người không đưa một phần thức ăn thì tăng ở đây phạm tội đọa. Nếu thí chủ thỉnh riêng, theo thứ lớp tăng, bốn người vào trong một giới bố tát ăn, hoặc đem thức ăn vào trong giới, Tỳ-kheo thỉnh riêng nên đến chỗ bố tát, thỉnh tăng theo thứ lớp, một người đưa một phần thức ăn. Nếu hai chỗ, ba chỗ cũng vậy. Chỗ của người được thỉnh không cần xoay vần, chọn một

người đưa thức ăn, nếu người được thỉnh đưa thức ăn, bên ngoài không có Tỳ-kheo khác, thì ngăn không cho ăn phạm tội đọa. Nếu không làm như vậy, ba người trrở xuống, mỗi người ở chỗ khác được ăn. Nếu một người trong tăng có ý thỉnh, bỗng quên thỉnh, trước nên làm một phần thức ăn, để phía Thượng toạ đưa cho vị tăng kia. Nếu đường đi xa trước nhận thức ăn rồi thứ lớp đi. Trong giới xóm làng tuy không có giới của tăng, nhưng nếu có hai Đàn-việt thỉnh bốn người trở lên, ở hai chỗ ăn nên đánh kiền-chuỳ một người đưa một phần thức ăn. Nếu có Tỳ-kheo khác nên mời vào, cho đến một người, nếu không đưa thức ăn đều phạm tội đọa, nếu ngăn không cho một người ăn cũng phạm tội đọa. Nếu một chỗ muốn đúng như pháp, nên xem xét rõ biết Tỳ-kheo xóm làng có đủ hay không, chẳng có nghi ngờ thì được, không làm như vậy nên đánh kiền-chuỳ, nếu không đánh biết có một người không đến ăn phạm tội đọa, nghi có người không đến phạm Đột-cát-la. Không có tâm nghi, hoặc đánh kiền-chuỳ, bất luận có hay không tất cả đều không phạm. Nếu trước theo thứ lớp của tăng đến, có Tỳ-kheo khách ngăn không cho vào thì thành riêng chúng; hoặc trước thỉnh riêng có Tỳ-kheo khách đến, Tỳ-kheo giáo hóa khiến đàn-việt cúng dường, không ngăn thì thành thỉnh theo thứ lớp của tăng. Nên phải ngăn cho đến xướng một người vào v.v... Bốn câu trong luật Thiện Kiến: một/ hoặc bốn người ăn một lúc, hoặc khất thực riêng, mỗi người không biết nhau, nhưng cùng một lúc cùng một thí chủ mà đến thọ thực phạm tội đọa; hai/ mỗi người đi thọ thức ăn một chỗ (trong luật Tứ Phần không phạm tội đọa); ba/ mỗi người tự đi, mỗi người thọ thỉnh, mỗi người ăn thì không phạm; bốn/ hoặc khất riêng, đi riêng nhưng thọ thực một lúc phạm tội đọa. Nghĩa là người thỉnh tăng theo thứ lớp đến nhà thỉnh rồi, ngoài cửa có Tỳ-kheo không cho vào nội giới, sẽ thành thỉnh riêng. Giả sử sau khi ăn, không có người đến cũng phạm tội đọa. Nếu tăng trong nhà và tăng ngoài cửa đi với nhau sáu mươi ba bước ra ngoài, lúc ăn tăng ngoài mới gọi là thỉnh riêng, riêng chúng, không gọi là thứ lớp tăng, riêng chúng. Bốn người ăn một chỗ thành một chúng. Luật Thiện Kiến, cần phải thỉnh riêng bốn vị đều thọ thực thì thành chúng, một Tỳ-kheo tại tòa, đậy bát không ăn đợi ba người kia ăn xong một người ăn sau không phạm. Luật Tứ Phần nói nếu hai người, ba người tự ý thọ thực. Nếu bốn người hoặc hơn thì nên chia thành hai bộ thay nhau vào ăn. Luận Tát-bà-đa nói ba Tỳ-kheo và một người tâm cuồng, ba Tỳ-kheo và một người bị diệt tẫn, ba Tỳ-kheo ở trong giới và một người ở ngoài giới. hai người tâm cuồng và diệt tẫn không kể số tăng, tuy bốn người nhưng không thành chúng;

cương giới khác nhau không tính túc số, không thành riêng chúng. Vì phải là một vị Tỳ-kheo hoàn hảo. Luận Tát-bà-đa nói ăn thức ăn của tăng hoặc thức ăn của thí chủ, mỗi người lấy phần ăn của mình, tuy bốn người trở lên ăn ở chỗ khác hoặc cùng ăn một chỗ không phạm riêng chúng. Nếu bốn người, mỗi người tự khất thực ngồi ăn cùng một chỗ cũng không riêng chúng (ăn riêng chúng). Luật kết phạm: một là nhà gồm bốn người đến khất thực, thọ thực cùng một lúc, tức trước sau mỗi người tự ăn phần của mình phạm tội, là do ăn thức ăn của mình. Lại có bốn câu: một, chủ ý thức ăn là một người, tập hợp tất cả không lỗi; hai là ăn một chỗ chia làm hai chúng, đó đây thành khác nhau, và dùng thức ăn giống nhau nên không phạm. Nếu nội giới có Tỳ-kheo khác, cả hai đều phạm; ba là ăn riêng nhưng một chỗ, như tăng đều chưa ăn thức ăn của tăng, hoặc có thức ăn của thí chủ, một thí chủ thỉnh riêng bốn vị ở trong tăng cùng ngồi thọ thực, không thọ thực với tăng, mỗi miếng phạm một tội đọa. Nếu bốn người kia, trước lấy một phần ăn rồi, sau được thêm thì không phạm (đây nghĩa là chỗ trống phải ở trong cánh tay, nếu ở chỗ có che không cần gần nhau); bốn, nghĩa là khác thức ăn, khác chỗ, hai chúng này, kia cùng thỉnh một người, cùng đưa một phần thức ăn, nếu không làm như vậy thì cả hai đều phạm tội đọa; năm, trong giới không tập hợp hết. Luật Ngũ Phần nói, nếu thỉnh Tỳ-kheo tăng nên cho Tỳ-kheo và sa-di đến. Nếu thỉnh hai bộ tăng, năm chúng nên đến. Luận Tát-bà-đa chép: ăn riêng chúng thì phải ở trong nội giới.

Giới nghĩa là giới do chúng tăng kiết và giới xóm làng, giới nhà, giới chỗ hoang vắng, chỗ cách thôn một lô-xá. Trong các giới này không được ăn riêng chúng, bố tát riêng. Nếu tăng ăn rồi, có Tỳ-kheo khách đến, đàn-việt cúng dường, bốn người trở lên không phạm tội, vì tăng đã ăn xong, không cùng một món thức ăn, không trái với lỗi ăn riêng chúng. Nếu tăng chưa ăn có Tỳ-kheo khách đến trong giới, nhận thức ăn của đàn-việt mỗi miếng thành phạm. Riêng Tỳ-kheo cuồng suy, diệt tẫn và sa-di không phạm, (sa-di, sa-di-ni, thức-xoa) ba người trở lên chẳng phải ăn riêng chúng. Nếu Tỳ-kheo không ăn với tăng đó là trộm. Luật Tăng-kỳ, nếu sa-di đó là thỉnh theo thứ lớp của tăng đến thì bốn Tỳ-kheo trở lên khỏi phải phạm tội ăn riêng chúng vì họ đều là những bậc ruộng phước)

Luật Tứ Phần và các luật đều nói: vì thỉnh riêng, khất riêng nên phạm (chẳng nói không nhóm họp). Luận Tát-bà-đa cũng nói thỉnh riêng, khất riêng đúng như luật, lại thêm chỗ ăn không nhóm hợp, tuy thỉnh theo thứ lớp của tăng, đến nhưng không nhóm hợp cùng một giới,

lại thêm riêng chúng (ăn riêng chúng). Luật Thiện Kiến nói có năm thứ đủ bốn người không phạm:

1. Không thỉnh đủ bốn người, thí chủ thỉnh riêng, thỉnh bốn người một người không đi, chủ nhân thấy gần đến giờ ăn mà thiếu người, thấy một Tỳ-kheo đến liền mời vào cúng dường. Đó gọi là thỉnh theo thứ lớp của tăng (không có gì riêng)

2. Khất thực đủ bốn người: cũng thỉnh riêng, một người không đi, đến giờ ăn Tỳ-kheo khất thực đến, theo thứ lớp cúng dường.

3. Sa-di đủ bốn người.

4. Bát đủ bốn cái (thỉnh riêng bốn vị, ba vị đích thân đến, còn thỉnh bát của một vị).

5. Người bệnh đủ bốn người không phạm (đây nghĩa là người cuồng si) tất cả đều chẳng phải ăn riêng chúng, cho phép được ăn. Trong luật, Khai không phạm có bảy duyên: một là khi bệnh nhẹ cho đến gót chân bị nứt. Luật Thiện Kiến nói: gót chân nứt bị đất dính vào trong đó không thể đi được; hai là khi may y, tự tứ xong không có y công đức thì hưởng được một tháng, có y công đức thì được năm tháng; ba là lúc thí y: như giới trái với lời thỉnh ở trước; bốn là khi đi đường; năm là khi đi thuyền: dưới cho đến trong nửa do-tuần qua lại, xuôi dòng ngược dòng; sáu là đại chúng nhóm hợp, ăn đủ bốn người, dư một người là lỗi, cho đến một trăm người dư một người bị lỗi (đây nghĩa là gặp lúc thiếu kém cho hai nhà (nhà này, nhà kia), mỗi nhà bày thức ăn cúng dường, nhà này thành chúng, nhà kia một người nói chỗ ăn thành chúng, nhà kia một người vốn có lỗi ăn riêng chúng, lẽ nào lúc có sự thiếu thốn nên khai như vậy. Lại nữa, cúng dường đầy đủ, hay giới hạn không hứa đưa từng phần và bên ngoài khất thực khó được nên khai như vậy)

Nay kinh nói thiết trai cúng dường, thường không y theo thỉnh tăng theo thứ lớp, tăng đến đông ở ngoài cửa, nhà thỉnh từ chối, đóng cửa không cho vào. Đại đức Anh Đạt an nhiên ngồi ăn, biết ngoài có Tỳ-kheo mà không mời vào, tự thân tôi thấy việc này quá xấu xa, mong các vị hành quả thấy nghe mà xét lại. Luật Ngũ Phần chép: ngoài cửa có Tỳ-kheo khách mà không được vào, cho đến nói về bổn tự lấy thức ăn v.v... rộng như trong pháp phó thỉnh.

Bảy là lúc Sa-môn thí thực: nghĩa là các người xuất gia ngoài hàng Sa-môn Thích tử. Lại nữa, theo trong luật thỉnh tăng theo thứ lớp không phạm. Trong luật Ngũ Phần, khi thời của y thì không phạm. Tất cả gộp lại thành chín duyên không phạm.

Kinh Tăng nhất chép: Trưởng giả Sư Tử thỉnh riêng năm trăm vị

La-hán.

Phật dạy: "Này trưởng giả! Trưởng giả thỉnh như vậy không bằng thỉnh một Ni tăng theo thứ lớp phước không thể lường". Do đó Đức Phật nói: "Như uống nước biển lớn thì uống nước của các dòng sông"

Trưởng giả Sư Tử đáp:

-Bạch Đức Thế Tôn! Từ nay về sau, con sẽ không thỉnh riêng.

-Ta cũng không cho các ông cúng dường riêng, vì không có phước.

Trưởng giả Sư Tử nghe Phật dạy, từ đó ông cúng dường bình đẳng, cũng không nói người này trì giới, người kia phạm giới. Đức Phật khen: "Lành thay! Cúng dường bình đẳng được phước vô lượng". Thí bình đẳng là bậc nhất trong các cách thí.

Trong Kinh Hiền Ngu, có người cúng dường Phật tấm bạch điệp, Phật nhường lại cho tăng, ý nghĩa giống ở đâu. Cho dù mai sau chánh pháp diệt tận, Tỳ-kheo có vợ con, một người trở lên gọi là chúng tăng danh tự, khắp nơi mời cúng dường, phải nên kính trọng như các vị đệ tử lớn của Phật như: ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, v.v...

Luật nói về khai duyên, duyên thỉnh tăng theo thứ lớp công đức lợi mình, lợi người, còn các duyên khác như bệnh v.v... chỉ lợi mình (nghĩa là thỉnh riêng ba vị, có một người do duyên bệnh, hoặc đi đường mà vào, những người trước vì lợi ích được khai, người ấy(sau) phạm riêng chúng.

Trong luật, nếu người không có các duyên như trên, nên bạch rằng: "Con không có nhân duyên ở trong chỗ ăn riêng chúng này, nay con muốn ra ngoài". Người khác không có nhân duyên cũng vậy. Nếu có nhân duyên ăn riêng chúng mà muốn vào nên bạch: "Con có duyên ăn riêng chúng, con muốn vào". Bạch rồi theo thứ lớp đi vào. Nếu có duyên, không bạch phạm Đột-cát-la. Không phạm là: các điều đã khai như trên.

Giới 34: Tỳ kheo nhận thức ăn của người sắp về nhà chồng và khách buôn

Đủ năm duyên thành phạm:

1. là thức ăn của người sắp về nhà chồng và của người đi buôn. Hai, biết rõ như vậy. Ba, không có duyên sự. Bốn, nhận quá ba bát. Năm, ra khỏi nhà thí chủ.

Giới 35: Giới ăn no

Đủ năm duyên thành phạm:

Một/ ăn đã no. Hai/ biết ăn đã no. Ba/ xả oai nghi. Bốn/ không có duyên sự. Năm/ ăn thêm nữa.

Trong luật, cơm, bún, cơm khô là chánh thực, có thể ăn no, nên gọi là ăn đã no.

Năm duyên: Một/ biết đó là thức ăn(là những thức ăn như cơm v.v...). Hai/ biết mang đến (biết vì ta mang đến, nhưng đã ăn no). Ba/ biết ngăn (biết ăn chưa no, chỉ ăn không ngăn người đem đến, hoặc ăn nhiều được no, chỉ ăn một miếng thì ngăn không cần nữa). Bốn/ biết uy nghi (biết bốn uy nghi đi, đứng, ngồi, nằm; hễ phá một oai nghi thì phạm giới (ăn đã no). Năm/ biết xả uy nghi (hoặc ngồi giường ăn, đã biết no, bỗng cúi đầu lấy phần sau rời khỏi giường ăn), biết no rồi, xả uy nghi, không làm pháp dư thực mà ăn (ăn sau hoặc thức ăn chính, hoặc thức ăn phụ như: nhánh, lá, hoa, trái, bột mịn, bánh, dầu, đường, v.v... tùy theo mỗi hạt vào miệng) mỗi miếng phạm một tội đọa.

Trong luật Tăng-kỳ, xả oai nghi: có tám oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, giường dài, giường ngắn, thuyền, xe.

Nếu ngồi trên giường thấy Sư Tăng, tượng Phật ở sau lưng thì xoay mình ngồi tránh đi nhưng thân không được lìa giường, nếu thân lìa giường gọi là xả oai nghi. Nếu lúc đang ăn, trời mưa phải lấy đồ che nếu không có gì che thì cùng nhau khiêng giường đến chỗ khác. Nếu lúc khiêng ngã xuống đất và các duyên khác mà lìa chỗ cũ lại vào ăn nữa thì phạm tội đọa.

Luật Ngũ Phần, có năm việc gọi là túc thực: Một là có thức ăn. Hai là có trao cho. Ba, có nhận ăn. Bốn là không nhận thêm (thời nay có người thọ thức ăn chính, chỉ ăn thiếu một miếng bèn nói: "ăn không no", liền đến chỗ trước theo nghi thức muốn ăn nữa. Đây chẳng phải là chánh lượng, ăn không biết no, y cứ theo sự no mà định tội đã phạm). Năm, thân lìa chỗ cũ. Thân lìa chỗ cũ lại ăn nữa, mỗi miếng phạm tội đọa. Ở nước nào sáng sớm không có cháo, khai cho ăn bún, bánh và nước trái cây.

Trong năm loại thức ăn của luật Thập Tụng thì bí nghĩa là cơm khô, còn các thứ khác giống với luật Tứ Phần.

Năm loại thức ăn gần giống thức ăn chính là hạt kê, lúa mì, cỏ vực, thố mạch, ca sư.

Năm loại thức ăn phụ (thức ăn không phải chính thực) là củ, nhánh, lá, thức ăn bột và quả. Trong luật Tăng-kỳ, năm thức ăn chính cũng giống ở đây. Năm loại thức ăn chẳng phải thức ăn chính như luật

Tứ Phần gọi là Khư-Xà-Ni: cành, lá, hoa, quả và thức ăn bằng bột. Luật Tăng-kỳ nói lúa mạch, gạo, đậu làm bánh sữa, dầu và viên hoan hỷ tất cả làm thành bánh. Trừ thịt ra, các thức ăn khác chẳng phải là ăn riêng chúng vì nơi đâu cũng có những thức ăn này. Luật Thiện Kiến chép: Khư-Xà-Ni là tất cả các loại quả. Thức ăn chính: gạo, lúa mạch, làm cơm và cốm; Cháo mới múc ra gạch ngang bát thành chữ không được ăn, hoặc gạo hợp với thuốc làm thành cháo cũng vậy, hoặc cơm ít hòa với nước nhiều.

Vì lìa oai nghi phải làm pháp dư thực, cho đến cơm thịt lẫn vào chỉ lớn bằng hạt cải cũng làm pháp dư thực. Tất cả rau, củ và thân hạt làm thức ăn hoặc dùng đậu làm thức ăn thì không cần làm pháp dư thực. Dùng rau cải và với thức ăn chính, thức ăn không chính làm cháo, nếu nói chánh danh thành ngăn, không nói chánh danh không thành ngăn, v.v... nghĩa chép đủ ở đây là trước ăn no, chẳng phải ăn no gọi là đủ. Cho nên trong luật chép: lúc ấy, có Tỳ-kheo thấy vị Thượng tọa đến nêu người nào thọ thực không làm pháp dư thực thưa: “con thọ thực không làm pháp dư thực” liền được ăn. Trong giới Tỳ-kheo-ni không kính tăng cũng vậy. Nên biết, nếu đứng dậy phải làm pháp dư thực. Do chỗ đó có thể ăn no nên không đứng dậy liền, huống gì luật Tăng-kỳ có tám điều ngăn. Trong luật Tứ Phần nói thức ăn dư của người bệnh không cần làm pháp dư thực. Luật Thiện Kiến nói rõ thức ăn dư của người bệnh, người bệnh ăn hoặc không ăn đều thành thức ăn dư. Luật Tăng-kỳ, nói một người làm pháp dư thực tất cả những người khác được ăn, luật này cũng vậy.

Trong luật đối với tăng tục đều có thể làm pháp dư thực, gồm mười tám cách khác nhau:

- Điều kiện để làm pháp dư thực có ba: Một là Tỳ-kheo, hai là trước ăn đã no, trừ không phải thức ăn chính và ăn chưa no. Ba là thân khoẻ mạnh, trừ thân bệnh.

-Đối với pháp cũng có ba: Một là lúc đầy đủ, trừ lúc thiếu thốn; Hai là người được cúng dường là Tỳ-kheo; Ba là ăn chưa no.

-Thể của thức ăn, có ba: Một là giờ ăn và thanh tịnh, luận Tát-bà-đa nói thức ăn không thanh tịnh tác pháp không thành. Hai là thức ăn mới thanh tịnh, chẳng phải thức ăn dư của người bệnh. Ba là thức ăn không có phủ thức ăn dở lên trên.

-Tự làm, có ba cách: Một, Tự nói tôi hiện tiền đã được tịnh nhân dâng thức ăn, ăn no rồi lại đối với Tỳ-kheo chưa ăn no cùng quỳ nói: “Bạch Đại đức tôi ăn đã no, Đại đức hãy biết và thấy như vậy, xin làm

pháp dư thực cho tôi”. Hai là trao cho người trước. Ba là ở chỗ cách nhau một duỗi tay.

-Người kia làm, có ba cách: Một là người kia nhận thức ăn, hai là miệng nói “Tôi ăn no rồi! Thầy hãy dùng đi, ba là đưa lại cho người trước.

Đây là năm loại ba pháp (15 pháp) đều y cứ theo văn trong luật.

Trong luật Ngũ Phần, Phật dạy: để thức ăn vào bình bát, rồi bưng trên tay, đắp y chừa vai phải, gối phải chấm đất, bạch rằng: “Thưa Trưởng lão một lòng nghĩ, tôi tên là v.v... ăn đã no”; các việc khác như nêu trên. Vị kia hoàn toàn không ăn, chỉ bưng rồi đưa lại nói: “Đây là thức ăn dư của tôi, thầy dùng đi”. Như thế cũng gọi là pháp tàn thực. Luật Tăng-kỳ nói: nếu bưng bát, tác pháp nhưng chỉ ăn thức ăn trong bát thì trong bát thành pháp tàn thực, còn trong chén không thành.

Nghĩa chép: nay có người ăn cơm chưa xong, gọi người ăn đã no đến đưa thức ăn nói: Đây là thức ăn dư của tôi nên thành vô ngại, nếu khuyến dụ ép uổng không thành pháp tàn thực phạm vào giới sau. Trong luật, không phạm là ăn tưởng chẳng phải ăn, không nhận làm pháp dư thực, không phải thức ăn, không làm pháp dư thực, vì bệnh không làm pháp dư thực, thức ăn thừa của người bệnh không làm pháp dư thực, làm thì phạm dư thực rồi.

Giới 36: Khuyên người khác ăn thêm

Đủ năm duyên thành phạm: Một là họ đã ăn no rồi. Hai là biết họ ăn no rồi. Ba là khuyên dụ ép uổng. Bốn là không làm pháp dư thực. Năm là người kia ăn.

Giới 37: Ăn phi thời

Trong luận Đại Trí Độ,

Hỏi: Nếu pháp không có thời gian vì sao cho thời thực mà ngăn phi thời thực?

Đáp: Ta đã nói thế giới văn tự pháp chẳng phải thật, ông không nên vặn hỏi, nên pháp kiết giới trong Tỳ-ni là trong thế giới thật có. Vì sự chê trách của mọi người, cũng muốn bảo vệ Phật pháp, khiến Phật pháp ở đời lâu dài, nên qui định đệ tử Phật phải lễ kính pháp này.

Hỏi: Đức Phật Thế tôn kiết các giới, không cần cầu danh tự gì tương ưng hay bất tương ưng v.v... Nếu vậy, tại sao chỉ nói thời giả danh?

Đáp: Thời thật trong luật không nói, vì người tại gia, ngoại đạo

không được nghe. Vì sợ nghe sinh tà kiến nên nói thời giả danh để thông dụng cho phần đông. Nay có người nói dối ở học pháp Đại thừa, phần nhiều tham đắm ăn phi thời. Ở đây nêu ra đầy đủ để răn dạy họ. Trong kinh nói: "Sáng sớm các vị trời ăn, buổi trưa Chư Phật ba đời ăn, buổi chiều súc sinh ăn, buổi tối quỷ thần ăn. Đức Phật chế giới này nhằm dứt trừ nhân sáu cõi, được đồng với Chư Phật ba đời.

Bốn giải thích trong luận Tát-bà-đa:

1. Từ sáng đến trưa, lúc đó ánh sáng chuyển động mạnh gọi đó là Thời. Từ buổi trưa về sau ánh sáng từ từ mất đi gọi là phi thời.

2. Từ sáng đến trưa làm giờ ăn, đi khất thực không sinh phiền não. Buổi trưa về sau, trong việc đi lại có thể biết được.

3. Trước buổi trưa người đời công việc quá nhiều nên phiền não chưa phát khởi. Sau buổi trưa người đời nhàn nhã, Tỳ-kheo vào xóm khất thực dễ bị huỷ báng.

4. Trước buổi trưa khất thực nuôi sống thân mình, qua buổi trưa thanh tịnh các duyên nhóm họp, chẳng phải là thời gian khất thực, nên gọi là phi thời.

Lại nói: Ngày đêm mỗi phần chia làm chín thời. Về sự cùng tính tu-du. Ngày thì mặt trời lặn tánh nóng dần dần trở thành lạnh, đêm thì dài hơn. Thời, phi thời trong kinh A-hàm, kinh nói đầy đủ hai mươi bốn giờ và tướng nửa tháng, y cứ theo hai mươi bốn khí lượng của thế tục. Luật Tăng-kỳ, phải biết thời tiết hoặc tính theo bóng (mặt trời), cũng như tính tu duyên như trên, hoặc tính theo khắc lậu.

Ngày dài nhất: ngày mười tám tu-du, đêm mười hai tu-du. Đêm dài thì ngược lại. Đủ bốn duyên thành phạm: Một là phi thời. Hai là nghĩ rằng phi thời. Ba là thời thực. Bốn là mỗi miệng phạm mỗi tội đọa. Luật chép: Thời từ lúc minh tướng xuất hiện cho đến giữa ngày, theo thời này vì pháp của bốn thiên hạ cũng vậy. Phi thời từ giữa ngày cho đến lúc minh tướng chưa xuất hiện. Luật Tăng-kỳ lúc giữa ngày gọi là Thời, nếu ăn phi thời phạm Đột-cát-la, qua lúc đó chỉ bằng một nháy mắt hoặc quá một sợi tóc mà ăn phạm Ba-dật-đề. Luật chép: nếu Tỳ-kheo thọ thực phi thời, mỗi miếng phạm một tội đọa. Nước phi thời để đến minh tướng xuất hiện, thuốc bảy ngày để quá bảy ngày đều phạm tội đọa. Thuốc (thức ăn) trọn đời không có nhân duyên mà dùng phạm tội Đột-cát-la (đã từng cho thêm phép tác tịnh bằng miệng, không bệnh không cho ăn, phạm có nhẹ có nặng đều có nghĩa là đã cho thêm phép tác tịnh bằng miệng. Nếu không cho thêm phép tác tịnh bằng miệng phi thời ăn bốn thứ thức ăn đều phạm tội đọa, giới bổn chỉ tìm nước và

cành dương). Luật Ngũ Phần nếm thức ăn nhưng không được nuốt. Luật Thập Tụng nói: nếu dạy người ăn phi thời, thương tổn cỏ cây, đốt lửa ở chỗ trống, tay cầm vàng bạc, đào đất, ăn thức ăn cách đêm, vì mình hay không vì mình, người làm người dạy đều phạm tội đọa. Ngũ Bách Vấn chép: Sau buổi trưa, tất cả những thứ có hình không được ăn. Ăn xong dùng nhành dương hoặc tro súc miệng thì không phạm tội đọa. Trong luật nói: không phạm nếu làm đường đen hòa với gạo vì cách làm như vậy nên không phạm. Bây giờ có Tỳ-kheo bệnh uống thuốc xổ, thời gian sắp qua, nên nấu lúa mạch bóc vỏ, lọc nước uống thì không phạm. Thức ăn trong cổ ói ra nuốt vào phạm tội đọa.

Giới 38: Ăn thức ăn cách đêm

Đủ ba duyên thành phạm: một là thức ăn cách đêm. Hai là biết rõ như vậy. Ba là ăn vào. Trong luật, thức ăn cách đêm: nhận được hôm nay để đến ngày mai. Tất cả Sa-môn Thích tử đã thọ đại giới mà ăn những thức ăn này đều không thanh tịnh. Bốn thứ thuốc quá hạn phạm Đột-cát-la như giới trước. Luật Thiện Kiến, Thập Tụng, Ngũ Phần nói Đại Tỳ-kheo thọ thực rồi thức ăn ăn hoặc chưa ăn trải qua đêm gọi là thức ăn cách đêm.

Hỏi: tàn thực và túc thực là một loại hay khác loại?

Có bốn câu trả lời:

1. Tàn mà không phải Túc (thọ bốn loại thuốc, không phép tác tịnh bằng miệng, quá giữa ngày phạm Đột-cát-la)

2. Túc mà không phải tàn cũng phạm Đột-cát-la.

(Nghĩa là thức ăn chưa ăn, nhưng ngủ chung với thức ăn ấy phạm Đột-cát-la. Không ngủ chung không phạm).

3. Vừa tàn vừa túc phạm Ba-dật-đề

4. Phi tàn phi túc có thể biết rõ.

Tàn túc, nội túc cũng có bốn câu:

1. Chính là tàn túc không phải nội túc (ngày nay nhận thức ăn để ngoài cương giới; không ngủ chung với thức ăn nên chẳng phải nội túc) phạm tội đọa.

2. Chính là nội túc không phải tàn túc.

3. Bốn từng câu biết rõ.

Có người nói: Tịnh địa không có nội túc. Văn chép: vì trừ việc Tỳ-kheo cất chứa nên biết rõ là có.

Trong luật, giới không ăn thực phẩm cách đêm, duyên khởi do Tỳ-kheo ngồi thiền. Mục đích là ngăn ngừa các Tỳ-kheo tội ác ở tương

lai. Bên trong họ không quán đạo, chưa hàng phục được phiền não, dối chấp vào đạo nghiệp mà khinh chê thánh giới. Đây là tâm còn vướng vào yêu ghét, chưa dứt được ngã. Cho nên những người tu đạo trong ba thừa đều không khinh thường giới, vì chặt hết gốc ngã sâu chắc, bẻ gẫy cờ kiêu mạn, kiết sử. Kính trọng giới để làm cho đạo nghiệp thêm lớn. Có thể nào lại không tôn sùng?

Luật Thập Tụng, bát dính bơ, mỡ rửa không sạch, khi nhận thức ăn nên rửa sạch trong bát. Nếu bát bị nứt lấy giây khằng lại, để đựng cháo. Nếu mỡ chảy ra, chỉ bỏ chỗ dơ, còn chỗ khác ăn được. Nếu bát màu đen mới, cho đến tay bị bơ, mỡ, dầu dính dùng nước đậu rửa hai, ba lần nếu chỗ dơ không hết cũng gọi là Tịnh. Ăn muối cách đêm không sạch phạm Đột-cát-la (giống với cách phạm tội của luật Tứ Phần).

Già luận nói: chỗ dơ cố rửa không sạch thì không làm dơ thức ăn. Luật Thiện Kiến chép: có nhiều Tỳ-kheo và một sa-di cùng đi, mỗi vị Tỳ-kheo tự gánh thức ăn, đến giờ mỗi người tự chia phần. Chia phần xong, sa-di thưa với Tỳ-kheo: “Thưa Đại đức! Con lấy phần con đổi cho Đại đức”. Lại được đổi với Tỳ-kheo thứ hai cho đến vị hạ tọa. Nếu Sa-di không hiểu, Tỳ-kheo tự cầm thức ăn đưa cho Sa-di và dạy cùng đổi thì không phạm (không phải tàn túc, ác xúc...). Cho đến đem gạo đi theo, Sa-di va Tỳ-kheo nhỏ được nấu cơm, chỉ không được nhóm lửa hoặc khi cơm sôi không được thổi, khuấy, nếu làm phạm Đột-cát-la. Cơm chín rồi thì chia như trên, lần lượt đổi thì được (nghĩa là ngày nay ăn thức ăn dư cho người đời. Nếu quá thì cho người khác, còn ác xúc bất tịnh vì tâm không dứt bỏ nên bất tịnh).

Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo đưa thức ăn cho Sa-di, Sa-di đưa thức ăn trong bát cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo rửa tay ăn nữa. Vì một lòng thật cho Sa-di nên tịnh. Đi xa chỗ khó được thức ăn, cho phép tự đem thức ăn đến chỗ người khác đổi, tịnh thực rồi được ăn. Nay có người đem thức ăn xin của tịnh nhân, tịnh nhân kia lại theo xin lấy, hai người kia đều không chịu xả, chẳng gọi là trao đổi tịnh (theo luật Thiện Kiến đó là ham thích). Có Tỳ-kheo sai Sa-di cầm bát, Sa-di ăn xong rồi đưa bát dư cho thầy. Phật dạy: “Không có việc cần thì chẳng nên sai sa-di cầm bát, nếu sai cầm bát nên theo sa-di thọ thực”. Trong luật Thập Tụng, ở những chỗ khan hiếm nước, trên nước có thức ăn, bỏ phần trên uống phần dưới. Nếu phần dưới của nước có thức ăn thì uống phần trên. Cho đến tô, dầu v.v... thổi đi rồi uống nước, nước trong ao trong suối có thức ăn cũng như vậy. Luật Tăng-kỳ, luận Tát-bà-đa, Tỳ-kheo khất thực ăn xong còn thừa đem bỏ trên hòn đá ở chỗ hoang vắng. Hôm sau,

Tỳ-kheo khất thực không được, không tình cờ trở lại đường cũ, trên đá vẫn còn thức ăn, không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo tự lấy, chỗ có quạ hay chim ăn thì gạt bỏ đi rồi tự lấy ăn.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: nhân duyên giống như trước, vì vậy khai cho. Vì coi trọng của tín thí, lại vật đó không có chủ. Như pháp của người Uất-Đan-Việt lấy thức ăn nên cho phép.

Theo luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo dùng trái cây còn thừa đưa cho tịnh nhân rồi không trả lại nhưng sau đó tịnh nhân đưa lại cho Tỳ-kheo.

Phật dạy: vật lìa khỏi tay rồi gọi là tịnh thực.

Luật Tăng-kỳ, nói bất luận thời, phi thời thọ thực, nếu qua phi thời như nháy mắt mà ăn phạm tội đọa. Nếu để quá tu-du lại ăn thức ăn đó phạm tội đọa (nghĩa là thọ thực từ sáng đến giữa quá giữa chỉ một tu du, nếu quá hai thì gọi là phi thời.

Tỳ-kheo sáng sớm thức dậy nên rửa tay sạch sẽ, rửa từ cổ tay trở về trước, không nên rửa một cách thô tháo, nên rửa sạch năm đầu ngón tay, trước phải dùng tro, đất rửa thật sạch lau chùi cho phát ra tiếng. Nếu rửa sạch rồi lại xoa hai tay vào nhau thì chẳng phải sạch nên rửa lại (nay có để bánh, trái trên khăn tay nếu khăn có dính mỡ dơ bẩn, v.v... thì phạm tàn, túc, ác, xúc v.v... nếu khăn sạch thì không có lỗi). Luật cho lấy khăn tay đựng đầy quả thức ăn. Thập Tụng nói: khăn tay mỗi ngày phải giặt sạch. Luật Tăng-kỳ, nếu rửa bát sạch rồi, không được lau chùi, nên để vậy một thời gian khiến nó tự khô. Tỳ-kheo lúc muốn thọ thực nên giữ tay cho sạch sẽ, nếu tay gãi đầu hay sờ miệng thì như cách rửa mà rửa cho sạch sẽ như trước, nếu cầm cà-sa phải dùng nước rửa lại.

Luật Thiện Kiến nói: nếu Tỳ-kheo khất thực gặp mưa gió, bụi bặm rơi vào bát, nghĩ rằng: "phải khất thực cho sa-di". Tỳ-kheo được thức ăn trở về nói với sa-di nhân duyên như trên rồi. Sa-di nhận rồi thưa: "Thưa Đại đức! Đây là thức ăn của con, nay con cúng dường Đại Đức". Tỳ-kheo được ăn, không phạm.

Trong luật không phạm là nhận thực phẩm dư cách đêm để dành cho cha mẹ, cho người làm tháp, phòng xá, tính toán công của họ, trả bằng thực phẩm. Sau đó, Tỳ-kheo lại khất thực ở người ấy làm được thức ăn. Nếu bát bị nứt, thức ăn dính vào nên đún như pháp mà rửa, nếu còn những chỗ rửa không ra thì được dùng. Nếu ban đêm nhận sữa dầu để nhỏ vào mũi, nếu chỉ nhỏ vào sữa, dầu chảy ra nên bỏ đi, tất cả không phạm.

Giới 39: Không nhận thức ăn

Chia làm mười môn: Một là ý chế thọ. Hai, người năng thọ. Ba, cảnh sở thọ thực. Bốn, thức ăn đã thọ. Năm là chỗ thọ thực. Sáu là pháp thọ thực. Bảy, phải thực quán. Tám, pháp thọ thực thức ăn. Chín, mất pháp thọ thực. Mười là đối văn giải.

Phần thứ nhất, luật Ngũ Phần chép: trước khi Đức Phật chưa chế giới này các Tỳ-kheo đều không thọ thực, người tại gia chê trách rằng: chúng tôi không thích thấy các người mặc áo hoại sắc, cắt rọc không thọ thực mà ăn, đó chính là lấy của không cho.

Luận Tát-bà-đa vì năm nghĩa: một, vì dứt trừ nhân duyên trộm cắp. Hai là vì để chứng minh. Ba là vì ngăn ngừa sự huỷ báng. Bốn là vì muốn thành tựu pháp ít muốn biết đủ. Năm là vì chúng sinh sinh niềm tin, khiến ngoại đạo được lợi ích.

Xưa, có Tỳ-kheo cùng đi với ngoại đạo lúc dừng nghỉ dưới một gốc cây có đầy quả, Tỳ-kheo không trèo lên cây, không hái quả, cũng không chịu nhặt quả dưới đất. Ngoại đạo hỏi: "Tại sao các ông không hái quả?" Các Tỳ-kheo đều trả lời: "Đức Phật không cho phép làm như vậy". Ngoại đạo biết được pháp của Phật thanh tịnh bèn xin xuất gia theo Phật liền được lậu tận.

Phần hai, người thọ thực, chính là Tỳ-kheo. Liễu luận, người có thể thọ thực là Tỳ-kheo đầy đủ giới luật, trụ vào tự tánh cầu được như thế. Giải thích rằng: Người có thể thọ thực là Tỳ-kheo thanh tịnh, trì giới không thiếu sót, nên nói trụ tự tánh, muốn cầu ăn uống gọi là được cầu. Thọ thực như thế đưa cho các Tỳ-kheo khác, không ăn lại thì gọi là Tỳ-kheo có thể thọ thực. Nếu Tỳ-kheo phá giới bị diệt tẫn, biệt trụ mười ba nạn: ba lần cử tội diệt tẫn nên diệt tẫn, người học hối (dữ học) v.v... không được thọ thực.

Phần ba, cảnh thọ thực, liễu luận giải thích rằng: "Trừ mình và đồng loại, còn ba loại chúng sinh khác, tùy theo mỗi loài được dạy hay không được dạy. Biết Tỳ-kheo không được tự lấy thức ăn để ăn, lại biết đây là vật có thể ăn được, biết Tỳ-kheo là người được cúng dường, bèn trao thức ăn cho Tỳ-kheo. Nếu không hiểu nghĩa này, tuy trao cho Tỳ-kheo nhưng không thành thọ thực. Luận Tát-bà-đa nói, vì chứng minh, nếu ở trong loài người mà phi nhân, súc sinh trao cho thì không thành thọ thực.

Luật Ngũ Phần, ở chỗ hoang vắng không có tịnh nhân thì cho phép phi nhân và súc sinh dâng thức ăn được nhận. Tỳ-kheo tự rửa sạch nồi đổ nước vào đun, tịnh nhân để gạo tự mình nấu. Khi cơm chín, Tỳ-

kheo đến họ làm phép thọ thực.

Luật Tăng-kỳ, đi giữa chỗ hoang vắng, được để thức ăn trên lưng bò, thức ăn đựng trong một cái túi dài đặt trên lưng bò, vì Tỳ-kheo không được đụng vào thức ăn, thời đến một Tỳ-kheo kéo dây, một Tỳ-kheo lấy thức ăn để ăn nói nhận.

Luật Thập Tụng chép: ruồi không thể ngăn, nên chẳng phải đụng vào thức ăn. Nếu chim đến mổ một miếng rồi đi, thì chỉ cần bỏ chỗ chim mổ còn các phần khác thì được ăn.

Luật Thiện Kiến, trời người, quỷ thần, súc sinh đều được dâng thức ăn cho Tỳ-kheo.

Luật Ngũ Phần nói trời Đế-thích dâng thức ăn cho ngài Ca-diếp. Luật Tăng-kỳ, khỉ dâng mật cho Tỳ-kheo. Luật Thập Tụng, cuộc sống trong địa ngục lớn, nhỏ cũng được thọ thực. Y cứ theo đây, người hiểu biết thì trong sáu đường cũng nhận được thức ăn. Ngược lại người không hiểu biết thì không thành thọ thực.

Phần thứ tư, thức ăn được ăn: Một là nói rộng về nên thọ không nên thọ. Hai là nói về chuyển biến.

1. Trong Thập Tụng nói có năm thứ dơ bẩn không nên thọ nhận. Đó là thức ăn dơ, ngũ cốc dơ, y dơ, nước dơ, gió rơi bụi (nếu vật mịn hoặc thô thì nên thọ nhận).

Luật Thiện Kiến, nếu bụi rơi nhiều vào trong bát thức ăn thì nên bỏ đi phần bụi, còn các phần khác ăn không phạm. Vật mịn (bột) có thể ăn lại (như trong Thập Tụng đã nêu trước đó hoặc chỗ không người hoặc đã nói trong phần các thứ dơ. Lúc đang ăn hai Tỳ-kheo ngồi cạnh nhau, nếu thức ăn dư đổ vào bên bát người ngồi bên mình, thành thọ thực.

Luật Tăng-kỳ, tất cả những thứ dơ nếu bỏ phần dơ thì ăn lại được, chỉ trừ thứ dơ do súc sinh rùng mình, nếu có tác ý thành thọ thực. Cho đến ăn bánh, cơm, cốm... phải dũ sạch hộp đựng và phần bị bấn dính trong hộp. Nếu không có tác ý, thì không thành thọ thực, ngược lại thành thọ thực. Tăng ni cùng làm sạch cùng thọ thực.

Luật Thiện Kiến, nếu bị bệnh gấp được dùng đại tiểu tiện, lấy tro, đất (làm thuốc để uống). Luận Minh Liễu gọi là đại khai lượng, giống như quyển hạ có nói. Trong luật, than, đất, bùn v.v... nên nhận chỗ có người, Thập Tụng cho phép vác thức ăn đi không để cho mọi người thấy. Nếu lúc ăn nên ở bên đường, lấy một nắm không thọ mà ăn. Lại cho qua đầm lớn vác lương thực theo người khác đổi thức ăn thanh tịnh (đây là chỗ có người, trước là chỗ không người).

Luật Tăng-kỳ, luận Tát-bà-đa, Tỳ-kheo thấy thức ăn ngày hôm qua còn trên đá, không khai cho được thọ thực như giới trước. Có việc gấp, nạn khai tám việc giống như lúc thiếu kém.

Ngũ Bách Vấn chép: chỗ núi rừng không có người, suốt ngày không có người qua lại, nên tụ làm thức ăn bảy ngày, trước lấy gạo sạch, v.v...

Luật Tăng-kỳ, nước dơ nên thọ, nước có mầu vàng không phạm. Luật Ngũ Phần nói: nước muối có tính mặn, không bỏ muối vào cho phép không thọ lại. Già luận nói muối dơ, nước tro dối diện không nên thọ.

Luật Thiện Kiến nói: khi ăn nếu mồ hôi trên đầu, cổ chảy xuống giọt vào bát, thì phải thọ lại. Nếu cánh tay có mồ hôi chảy vào bàn tay không cần thọ lại (theo đây nếu tác ý mồ hôi đầu cổ giọt vào thành thọ).

Luật Tăng-kỳ nói cành dương nếu khi Tỳ-kheo bị hơi nóng làm cho lở loét, thì nên dùng cành dương, khi nước yết hầu tiết ra nên nuốt vào hoặc nuốt nhầm thì không phạm. Muốn dùng nước đá không có tịnh nhân, rửa tay sạch tự lấy thức ăn, nếu có người thì phải thọ thực. Luật Tứ Phần, nói giới bổn trừ nước và nhành dương không nói nuốt hay không nuốt, y theo luật Tăng-kỳ thì tốt hơn.

2. Nói về chuyển biến:

Luật Thiện Kiến chép: nếu thọ gừng sống, sau đó mọc mầm pháp thọ không mất. Nếu sau khi hỏa tinh rồi sau đó mọc mầm, chỗ mọc mầm nên tác tịnh, chỗ chưa mọc mầm được ăn. Nếu biển muối biến thành nước được dùng.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo tự nấu lại thức ăn không mất pháp thọ (luật Tứ Phần cũng vậy) như: bơ, sữa, mía, đường phèn, dầu mè v.v... vì trước đã nhận biết rồi nên xoay vần không mất pháp thọ...

Phần thứ năm, chỗ thọ thực. Luận Minh Liễu cầu được chỗ ở đây là đất và trong nước, ở trong không thì không thành, như đã nói trong phần thọ thực ở trước.

Phần thứ sáu, nói về pháp thọ thực

1. Khí thực đối nhau: luận Minh Liễu nói đến bên vật có ba loại: a) Thân trao nhận, nghĩa là cư sĩ lấy vật thực đi trong tay Tỳ-kheo. b) Vật trao vật nhận nghĩa là người đời gánh vật thực, khiến Tỳ-kheo tự tay lấy vật. c) Bát trao bát nhận, cư sĩ lấy bát đựng vật thực trao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm bát thọ đều được.

2. Thân tâm đối nhau: a) Thân thọ chẳng phải tâm thọ: tâm duyên

theo việc khác, chỉ đưa bát ra thọ nhận. b) Tâm thọ chẳng phải thân thọ: thí chủ đặt thức ăn rồi bỏ đi, chỉ có ý tác thọ.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: vì có cư sĩ ghét Tỳ-kheo không dâng thức ăn, bỏ thức ăn dưới đất. Phật dạy: "Thức ăn lìa khỏi tay thí chủ là đã trao cho rồi". Nếu theo luật Tăng-kỳ, thêm cách thọ nhân thứ ba, thân tâm bình đẳng không có gì ngăn ngại. Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi không làm pháp tàn thực thì không thành thọ.

3. Chỉ tâm niệm thọ: Theo luật Tăng-kỳ, thì người tà kiến không cho Tỳ-kheo thức ăn, Tỳ-kheo nên làm đàn tràng quy định một khu vực, nếu lúc lá rơi vào bát, miệng nói: "nhận, nhận, nhận".

Giới cất chứa của báu trước, bát báu của thế tục Tỳ-kheo không được cầm, lúc thọ thực cũng nói: "nhận, nhận, nhận", điều này rất giống nhau. Luận Minh Liễu, luật Thập Tụng cũng vậy. Không rõ các tướng... thì giống như vậy. Luật Ngũ Phần, chuồng ngựa bị đốt cháy, người buôn ngựa không kịp trao thức ăn, bèn để thức ăn dưới đất cũng vậy. Theo Luật Tăng-kỳ, Tỳ-kheo ngồi thiền, hoặc ngủ có người dâng thức ăn, nếu Tỳ-kheo không biết thì không thành thọ, nếu Tỳ-kheo không muốn ăn cầm đưa cho tịnh cũng nhân không ngưn ngại gì. Luật Tăng-kỳ nói nếu cột bình bát liền nhau không đứt đưa cho Tỳ-kheo thành thọ nhưng trái oai nghi. Cho đến tịnh nhân ở trên cây hái trái ném xuống Tỳ-kheo lấy y, bát hứng hoặc dùng tay chân miệng thả trái cây, khi trái rơi xuống chạm cành lá Tỳ-kheo sinh tâm nói: "nhận, nhận". Luật Thiện Kiến nói dùng dây buộc nhiều thả xuống không thành thọ vì không thêm phép tác tịnh bằng miệng. Luật Tăng-kỳ nói ở trên thành thọ nhưng trái oai nghi. Luật Tứ Phần nói, nếu vật quá xa người cho và người nhận đều biết ở giữa không có gì ngăn ngại nếu vật rơi vào tay thì được thọ. Luật Tăng-kỳ nói, ở trên giống buộc thức ăn thả xuống đáy giếng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo miệng nói: "nhận, nhận". không nên đào, nhổ những cây, cỏ sống ở thành giếng hoặc ở trên nhà, nên buộc thức ăn đưa lên, Tỳ-kheo nhận lấy miệng nói: "nhận, nhận". Luật Thập Tụng nói, nếu lót sữa, dầu vào trong bát, tuy không hết cũng thành thọ vì lót chảy xuống bát. Luật Tăng-kỳ, nếu tịnh nhân đưa trái, muối, rau, Tỳ-kheo nên nói treo quả thòng xuống, nếu quả rơi trên cỏ họ bỏ đi thì không gọi là thọ nhưng nếu họ dừng lại một chút thì là thọ (pháp ăn của người hành đạo nước Trung quốc, hoàn toàn dựa vào ngồi ăn ở bàn do người khác cúng dường, lấy cỏ để trên bát như vậy là thọ nhận) nếu không có tịnh nhân, Tỳ-kheo nên lấy cơm, bánh, trái, rau cũng thọ nhận như thế. Nếu tịnh nhân đưa thức ăn không khỏi mặt đất cũng gọi là thọ nhưng

trái oai nghi, khi ấy Tỳ-kheo nên nói với tịnh nhân: "Ông đưa dần dần cho tôi", nếu thức ăn đang nấu trên chảo nóng không cầm được, nên dùng hai miếng gỗ kẹo ngang đặt dưới đất rồi Tỳ-kheo dùng chân đạp trên chảo, lúc ấy miệng nói: "nhận. nhận"

5. Tâm cảnh tương đương thọ: tịnh nhân làm ba pháp, Tỳ-kheo làm ba pháp ăn thức ăn không quá bảy ngày, v.v... nói rõ như trong pháp bốn loại thuốc (thức ăn).

6. Chẳng phải tâm cảnh thọ: như các duyên khai cho trong phần khất thực, tự lấy thức ăn lúc khan hiếm đã nêu ở phần trước, không nhọc tâm cảnh tự lấy vô tội.

7. Lúc ăn nên quán năm điều: a) Xét công lao mình nhiều ít và ước lượng thực phẩm của người kia đưa đến. b) Nghĩ kỹ đức hạnh của mình đủ thiếu để nhận sự cúng dường đó. c) Đề phòng những lỗi lầm do tham-sân-si v.v... gây nên. d) Đây chính là thuốc hay trị bệnh khô gầy; e) Vì thành đại nghiệp nên nhận phước báo này, cho nên trong luận Minh Liễu chép: tất cả câu văn cú, lời nói ngang dọc khác nên biết. Giải thích rằng: "Người xuất gia lúc thọ thực hoặc thọ thực xong trước nên quán thức ăn, sau đó mới ăn, như có nói trong quyển hạ phần đối thú hưng trị. Mỗi ngày thường nên nghĩ như vậy, sợ không thấy văn sau nên lược sơ y chỉ, nếu không nhớ nghĩ như thế thì uổng công mặc áo, ăn cơm của đàn na, cuối cùng bị Phật quở trách. Trong Tỳ-ni-mẫu, Tỳ-kheo độn căn một niệm suy nghĩ đủ điều, Tỳ-kheo lợi căn thường làm việc gì biết rõ đang làm việc đó, như: đắp y nghĩ đang đắp y, vào phòng biết vào phòng, nếu ăn mà không nghĩ như vậy thì thức ăn khó tiêu, cũng như quyển sau trình bày.

8. Pháp chánh thọ thực, pháp thọ thực của luật Tứ Phần có năm loại: tay trao tay mà nhận, tay trao dùng vật mà nhận, dùng vật đựng trao qua và dùng tay mà nhận, trao qua vật và nhận qua vật, vật để quá xa như đã nói trên.

Lại có năm loại: trao qua thân và nhận qua thân, trao qua y và nhận qua y, cánh tay này co lại để trao cánh tay kia để nhận, dùng đồ đựng để cho và dùng đồ đựng để nhận; ngoài bốn cách thọ thực trên hoặc có nhân duyên để dưới đất cho, (như trên miệng nói: "nhận, nhận").

Luật Thập Tụng nói, tịnh nhân không biết dâng thức ăn, một nửa để trong bát, một nửa để dưới đất, hoặc để trên cỏ cũng nên nhận, gặp thức ăn bị dính đất thì thổi đi rồi dùng, nếu dính nhiều thì lấy nước rửa sạch rồi dùng.

Luật Tăng-kỳ, khi rơi thì biết, vào trong bát thì không biết; khi bắt đầu rơi thì không biết, vào trong bát thì biết, cả hai trường hợp này đều gọi là nhận nhưng trái oai nghi.

Luật Thập Tụng, lúc dâng thức ăn, tịnh nhân xem thường Tỳ-kheo, nên cố tình đụng tay vào Tỳ-kheo thì không nên nhận nếu tịnh nhân không có tâm xem thường thì được nhận.

9. Nói về mất pháp thọ:

-Tỳ-kheo có ý bỏ thức ăn đó là mất pháp thọ. Luận Minh Liễu nói, nếu người không cần thức ăn này thì nhất định bỏ thức ăn đó, cũng mất pháp thọ, nếu ăn lại phạm tội.

-Xả giới mất pháp thọ. Luận Minh Liễu chép: trước thọ thực rồi sau xả giới, Tỳ-kheo khác nếu cần có thể ăn nữa.

-Xả thọ mạng mất pháp thọ. Tất cả những người đã chết thì đồ đựng thức ăn bất tịnh của họ không cần xem xét dơ bẩn.

-Thứ thuốc quá thời hạn hoặc quá thời hạn không thọ lại, như trong luật đã nêu.

-Chuyển biến mất pháp thọ. Như mè chảy ra dầu, nước trái cây thành rượu, rượu biến thành giấm, sống thành chín đều mất pháp thọ. Hỏi: như vậy trong luật Tăng-kỳ tại sao nói xoay vần không mất pháp thọ? Đáp: đây nghĩa là trong lúc biến đổi thêm sự nhận biết, sau được thì không phạm lỗi, nếu trong lúc biến đổi không biết, thì đều mất pháp thọ.

- Gặp duyên va chạm mất pháp thọ: Theo luật Tát-bà-đa, tịnh nhân chạm tay mất pháp thọ, phải rửa tay thọ lại. Luật Tăng-kỳ cũng vậy (nay có thọ lại mà không rửa tay cũng thành thọ vì cho rằng lúc chạm không có sự dơ bẩn).

10. Theo văn giải nghĩa: theo luật Tứ Phần, năm loại Bồ-Xà-Ni: cơm, cơm khô, bánh (bún, mì, cốm), cá, thịt; năm loại Khư-Xà-Ni như trên đã nêu. Năm loại Tà-Xà-Ni: bơ, dầu, sữa, đường, đường phèn. Tất cả những thức ăn trên, nếu không có người dâng Tỳ-kheo tự lấy ăn mỗi miếng phạm mỗi tội đọa. Phi thời dược dùng quá phi thời phạm tội đọa, thất nhật dược quá thất nhật dược cũng phạm tội đọa. Tận hình thọ dược, không có nhân duyên thọ phạm Đột-cát-la. Không phạm là lấy nước sạch và tăm xỉa răng, tô dầu dùng để nhỏ mũi còn thừa không mời dùng được. Lúc khất thực chim ngậm thức ăn rơi vào bát hoặc gió thổi rớt vào bát có thể bỏ thức ăn này cho đến chỉ nhỏ bằng ngón tay cũng bỏ đi, phần còn lại dùng không phạm.

Giới 40: Đòi thức ăn ngon

Đủ bốn duyên thành phạm: một là thức ăn ngon (sữa, bơ, cá, thịt); hai, không bệnh (có thể ăn một lần no); ba, vì mình đòi hỏi ăn ngon; bốn là ăn vào.

Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo không được đến nhà hàng thịt xin nước thịt, những nhà có tám loại: sữa, bơ... cũng không được đến khất thực vì sợ chuốc lấy sự chê bai, nhà nuôi tằm Tỳ-kheo đến xin tơ cũng vậy. Ngũ Bạch Vấn nói, không bệnh đòi hỏi thức ăn ngon phạm tội trọng (Ba-dật-đề). Trong luật không phạm: người bệnh tự xin hoặc xin cho người bệnh, mình xin cho người, người cho lại mình, không đòi hỏi mà được cho.

Giới 41: Cho ngoại đạo thức ăn

Đủ năm duyên thành phạm: một là ngoại đạo; hai là biết rõ là ngoại đạo; ba là tự cho thức ăn; bốn là tự đưa tận tay (chẳng phải bỏ dưới đất hay sai người); năm, người kia đưa tay nhận được thức ăn.

Luật Ngũ Phần nói: nếu có người đến xin, trẻ con đến xin, cho đến xin lượng thức ăn của mình giảm bớt một phần để cho. Luật Thập Tụng nói ngoại đạo tìm tòi chỗ hay dở của Tỳ-kheo rồi cúng dường thức ăn không gọi là ô gian. Luận Tát-bà-đa, nếu không có người thấy thì không phạm. Nếu chúng tăng cho ngoại đạo thức ăn không phạm nhưng không được tự tay đưa cho.

Giới 42: Vào xóm làng không dặn các tỳ kheo khác

Đủ năm duyên thành phạm: một là trước đã nhận lời thỉnh của người khác vì Tỳ-kheo không nhận lời thỉnh nên Phật khai vào xóm không dặn các Tỳ-kheo khác; hai là trước hay sau bữa ăn; ba là không dặn lại người khác; bốn là đến nhà người khác không có lý do; năm là vào đến cửa.

Luật Tăng-kỳ nói nếu Tỳ-kheo khất thực, thứ lớp khất thực đến nhà Đàn-việt, Đàn-việt thỉnh ở lại cúng dường lại đến nhà khác phạm hai tội đọa vì trái với lời thỉnh như trên đã nêu. Nghĩa y cứ theo, nếu một người thọ thỉnh khác nhau, người được thỉnh nên nói với nhà thỉnh mình hoặc nói với tịnh nhân sau được đi đến chỗ khác. Tỳ-kheo hoàn toàn không phải chê thức ăn, thí chủ đến hỏi thì biết chỗ. Lại nói: nếu hai vị Tỳ-kheo, mỗi người thọ thường thỉnh thì hai người đổi nhau đến thọ thực cũng vậy, nên nói với thí chủ. Luật Tứ Phần chép: trước bữa ăn từ lúc minh tướng xuất hiện đến giờ ăn. Sau giờ ăn từ giờ ăn cho đến

giữa ngày. Nhà nơi có nam nữ ở nói với các Tỳ-kheo khác là những người sống chung một cương giới. Nếu Tỳ-kheo báo đến thôn mà giữa đường trở về, hoặc đến nhà khác, hoặc đến nơi nhà kho, hoặc đến chùa và tăng phường, hoặc đến chùa ni hoặc đến nhà người tại gia rồi về liền đều mất đi lời báo trước, trước dặn rồi phải dặn lại người khác, không dặn vào cửa phạm tội đọa.

Không phạm là khi bệnh có thưa với các Tỳ-kheo khác, tháng Ca-đề, thời gian thí y hoặc không có Tỳ-kheo để báo đến các nơi khác, nhà kho, và chùa ni báo cho Tỳ-kheo khác biết, hoặc nhiều nhà chuẩn bị thỉnh Tỳ-kheo.

Luật Thập Tụng nói: hoặc ăn không no, hoặc chẳng phải thức ăn chính nên đến chỗ khác khất thực: thì không phạm. Luận Tát-bà-đa nói: ngày mai chủ nhân cúng dường, hôm nay Tỳ-kheo đến phạm tội đọa. Các chủ khác mời có nói rõ như trong quyển hạ.

Giới 43: Cố ý ngồi lâu trong nhà có của báu

Trong bốn loại thức ăn thì đây là xúc thực. Do nhãn căn tiếp xúc với sắc nên gọi là xúc thực. Luật Ngũ Phần, nam nữ tình ái giao cảm làm thức ăn của nhau. Luật Tăng-kỳ, do thấy sắc sinh ưa thích nên gọi là thực.

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là thực gia; hai, biết rõ như vậy luật Thập Tụng hoặc dứt trừ sự dâm dục của người trong nhà hoặc nhận sự cúng dường của gia chủ, hoặc nam nữ đều thọ bát quan trai thì không phạm; ba, cố ý ngồi chỗ khuất, luật Ngũ Phần nói ngồi biết làm trở ngại việc của họ mà cứ ngồi, luật Thập Tụng nếu nhà đó có nhiều người ra vào thì không phạm; bốn là không có người thứ tư, luật Tăng-kỳ đối với mẹ, chị, em cũng phạm. Luật chép: có của báu là luận Tát-bà-đa xem trọng việc của báu là vàng; xem nhẹ nói về sự phát khởi ham muốn (hành dâm) của họ.

Giới 44: Ngồi chỗ khuất với người nữ

Đủ bốn duyên thành phạm: một là người nữ thế tục; hai là chỗ khuất; ba là không có người thứ ba; bốn là ngồi chỗ tay không đụng đến cửa. Luận Tát-bà-đa nói cửa đóng không có tịnh nhân phạm tội đọa, mở cửa ngoài có tịnh nhân phạm Đột-cát-la, trong cửa có tịnh nhân không phạm. Luật Tăng-kỳ nói hoặc mẹ, chị em, hoặc tịnh nhân lớn nhỏ; còn người ngủ say, còn người cuồng si, ở trẻ nít tuy có người nhưng gọi là độc (một mình) vì người phạm nhiều nên trước nói rồi nay nói lại. Nếu

tịnh nhân có công việc qua lại không ngớt hoặc lầu trên, lầu dưới tịnh nhân xa nhìn thấy được thì không phạm. Trong luật không phạm là ngồi chỗ duỗi tay ra đụng cửa, Tỳ-kheo khất thực ngang qua có thể nhìn thấy, hoặc có hai Tỳ-kheo làm bạn với nhau, hoặc có người hiểu biết ở cạnh bên và các nạn duyên đều khai cho.

Giới 45: Ngồi một mình với người nữ

Đủ bốn duyên thành phạm: một là người nữ thế tục; hai là ở chỗ trống (chỗ trống vắng tịnh nhân nghe thấy); ba là không có người thứ ba; bốn, ngồi với tư thế hai bên có thể nắm tay nhau.

Luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo ngồi chỗ trống với người nữ, tùy theo đứng dậy lại ngồi, tùy theo như vậy mỗi lần phạm một tội đọa. Tỳ-kheo và người nữ cách nhau trong một tầm phạm tội đọa, một tầm rưỡi phạm tội Đột-cát-la, hai tầm hoặc hơn thì không phạm. Không phạm giống với trong nhà ăn có của báu cố ý ngồi lâu đã nêu ở trước. Hoặc hai người (vợ chồng) cùng thọ giới bát quan trai thì Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la.

Giới 46: Đuổi Tỳ kheo khác ra khỏi xóm làng

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là Tỳ-kheo; hai là hẹn cho họ thức ăn; ba, không có các duyên trở ngại; bốn là đuổi họ đi chỗ khác.

Trong luật không phạm là đưa thức ăn xong rồi bỏ đi, nếu Tỳ-kheo đó hoặc bị bệnh, hoặc không có oai nghi, người thấy không vui thích, Tỳ-kheo nói: "ông hãy đi đi! Tôi sẽ mang thức ăn đến cho ông"; nếu vị kia phá giới, phá kiến hay thấy có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, Tỳ-kheo phương tiện bảo họ đi không phải bảo đi vì tâm ganh ghét.

Giới 47: Thọ thích thuốc bốn tháng quá hạn

Đủ sáu duyên thành phạm: một là thuốc đã được thỉnh; hai là thí chủ cúng với thời gian hạn định; ba là biết thời hạn; bốn là thọ quá hạn định; năm, không có duyên sự; sáu, dùng thì phạm.

Trong luật Tăng-kỳ, mùa Xuân, Hạ, Đông nếu thọ quá đều phạm hoặc một tháng, nửa tháng không được quá hạn.

Trong luật không phạm là trừ bốn duyên như giới bổn, nếu thuốc quá hạn phạm tội đọa, quá một đêm phạm Đột-cát-la.

Giới 48: Xem quân trận

Luận Tát-bà-đa có ba ý: một là vì tôn trọng Phật pháp; hai là vì

dứt trừ sự huỷ báng; ba là vì dứt bỏ các pháp ác, làm cho các pháp lành thêm nhiều.

Đủ bốn duyên thành phạm: một là quân trận; hai là cố ý đến xem; ba là không có duyên sự; bốn là đến xem.

Theo Luật Tứ Phần, trận là quân trận, Tỳ-kheo hoặc ưa thích, hoặc xem chăm chú đều phạm tội đọa. Nếu quân trận trước sau nên tránh sang bên đường nếu không phạm Đột-cát-la. Tìm phương tiện xem phạm tội đọa. Nếu bị mời đến, thế lực bắt buộc, đường bị cắt v.v... thì không phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu gặp quân trận Tỳ-kheo không cố ý xem thì không phạm; nếu có ý ngẩng đầu xem phạm tội đọa. Nếu thiên vương xuất binh tác ý xem phạm tội Việt-tỳ-ni, cho đến xem súc sinh cắn nhau và người cãi nhau cũng phạm Việt-tỳ-ni.

Luật Thập Tụng nói, vì xem sự vô thường, tuy xem không phạm.

Giới 49: Có duyên sự ở trong quân trận nhưng quá hạn

Đủ bốn duyên thành phạm: một là họ mời. Luận Tát-bà-đa nói khai cho đến vì quả vi Sa-môn, vì nuôi lớn Phật pháp, vì tăng thêm niềm tin cung kính, lại Đạo-Tục giúp nhau thành tựu Phật pháp, cho đến vì có lợi ích; hai, đã ở quá hai đêm; ba là đêm thứ ba không rời khỏi chỗ thấy nghe; bốn là minh tướng xuất hiện.

Giới 50: Xem quân trận chiến đấu

Đủ bốn duyên thành phạm: một là có duyên sự ngủ lại trong quân trận; hai là quân lính bày trận đánh nhau; ba là là tìm cách đến xem; bốn là xem thì phạm.

Giới 51: Uống rượu

Đủ ba duyên thành phạm: một là rượu; hai là không có nhân duyên bị bệnh nặng; ba là uống vào khỏi cổ họng.

Luật chép: nếu thờ ta làm thầy, thì không được dù chỉ dùng cỏ nhúng vào rượu để nếm, do đó nói về mười lỗi của rượu. Luật Ngũ Phần nói, một Tỳ-kheo vì hàng phục được rồng dữ, người ta cho uống rượu say sưa, y bát vung vãi lung tung. Phật và A-nan khiêng Tỳ-kheo đến bên giếng, Phật tự múc nước dội, còn A-na rửa cho ông ấy rồi mặc y vào để nằm trên giường, đầu hướng về Đức Phật. Trong giây lát Tỳ-kheo chuyển mình duỗi chân đạp vào Phật. Phật bèn nhóm hợp chúng tăng dạy rằng: "Tỳ-kheo này trước đây kính trọng ta, nay không còn

kính trọng, trước đây hàng phục được rồng dữ, nay không hàng phục được dù là con ễnh ương". Do nhân duyên này, Đức Phật chế giới cấm uống rượu cho đến đồ đựng thơm mùi rượu cũng không được dùng. Luận Tát-bà-đa chép: giới này rất nặng có thể gây ra bốn tội nghịch, chỉ trừ phá tăng lại có thể phá tất cả giới và gây ra các việc ác khác. Trong luật Tứ Phần, chỉ cần là rượu cho đến rượu nấu từ cỏ cây không có sắc rượu, hương rượu, vị rượu hoặc chẳng phải rượu mà có mầu rượu, hương rượu, vị rượu đều không nên uống. Nếu Tỳ-kheo nấu rượu, hòa hợp rượu để uống, ăn thì phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo uống rượu có vị chua, ngọt, ăn men rượu, hèm rượu tất cả phạm Đột-cát-la. Luật Thập Tụng nói nếu Tỳ-kheo uống những thứ gần như rượu có vị chua, rượu có vị ngọt, hèm rượu hoặc men rượu có thể làm người say thì mỗi miếng phạm tội đọa. Luận Tát-bà-đa, ăn men rượu phạm nghĩa là men để hòa hợp rượu, nếu men khác thì không phạm. Luật Tứ Phần nói nếu rượu, tác ý tưởng là rượu, hoặc nghi ngờ là rượu, hoặc không phải rượu mà tác ý tưởng là rượu đều phạm tội đọa.

Luật Thập Tụng nói, vì sợ bệnh lạnh phát sinh hòa rượu cho uống, người kia không xem kỹ, uống liền nên chế giới này. Nếu xem biết chẳng phải làm như vậy, mà phải làm như trên có khai.

Trong luật nói không phạm là: nếu bị bệnh các thuốc khác trị không hết phải dùng rượu làm thuốc, hoặc dùng rượu xức vào vết thương, tất cả đều không phạm. Ngũ Bách Vấn nói nếu thầy thuốc nói cần phải có rượu mới lành bệnh thì cho hòa rượu làm thuốc trị bệnh, không được không phải để trị bệnh khuyên ép người uống, nếu họ không uống phạm Đột-cát-la, uống phạm tội đọa. Luật Thiện Kiến nói nếu nấu rượu làm thuốc mà có hương rượu, vị rượu phạm Đột-cát-la. Nếu không có hương rượu, vị rượu thì được uống. Luật Tăng-kỳ nói tất cả nước trái cây khiến người ta say uống phạm Việt-tỳ-ni nếu trộn men rượu và cơm mà ăn phạm Ba-dật-đề, ăn thân cây rơm rạ phạm Việt-tỳ-ni.

Giới 52: Dùa giỡn trong nước.

Luận Tát-bà-đa nói có bốn ý: một là tôn trọng Phật pháp, người tu hành đáng được kính trọng nếu chúng ta đùa giỡn trong nước thì tổn hại niềm tin rất nhiều; hai là làm mất oai nghi, thế gian chê cười; ba là hại cho chánh nghiệp; bốn là mất chánh niệm.

Đủ ba duyên thành phạm: một, đúng là nước; hai, là không có duyên sự; ba, giỡn trong nước.

Trong luật nói giỡn trong nước buông lung theo ý muốn khoa tay

vẽ trên nước hoặc tạt nước qua lại với nhau cho đến dùng bình bát đựng nước đùa giỡn, tất cả phạm tội đọa. Ngoài nước ra, đùa giỡn trong nước trái cây, rượu phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo ở dưới nước và Tỳ-kheo ở trên đất tạt nước qua lại phạm Việt-tỳ-ni, cả hai Tỳ-kheo đều ở trong nước phạm Ba-dật-đề, luật Ngũ Phần, nói nếu vắt tuyết cho đến thổi sương trên đầu ngọn cỏ để giỡn phạm Đột-cát-la. Trong già-lam cho đến giỡn một giọt nước cũng phạm Đột-cát-la.

Trong luật nói không phạm là: Đi trên đường phải qua chỗ có nước, lặn xuống nước lấy cát, đá và các vật, học bơi vươn tay khuấy động trong nước.

Giới 53: Thọc lét

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là vị đại Tỳ-kheo; hai, là có ý gây phiền não; ba, là dùng mười ngón tay, mười ngón chân; bốn, là chọc vào thân.

Luật Tăng-kỳ nói, nếu dùng một ngón tay thọc léc phạm một tội Ba-dật-đề, dùng năm ngón tay thọc léc phạm năm tội Ba-dật-đề, cho đến dùng tay chỉ người khác bảo đi cũng phạm tội đọa. Nếu Sa-di nằm ngủ, Tỳ-kheo muốn gọi dậy nên kéo y cho họ biết, luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo thọc léc sa-di cho đến súc sinh cũng phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là không có ý làm, người đang ngủ đụng vào họ để đánh thức.

Giới 54: Không nghe lời khuyên

Đủ năm duyên thành phạm: một, là tự mình muốn làm việc phi pháp; hai, là người khác khuyên can đúng như pháp; ba, biết hành động của mình là sai, lời khuyên can của người khác là đúng; bốn, là chống lại lời khuyên không nghe theo; năm, là tùy hành động của mình không theo lời khuyên của người. Đây nghĩa là lúc khuyên can không nghe phạm Đột-cát-la, sau hành động trong sáu tụ phạm tội đọa.

Giới 55: Dọa nhát Tỳ kheo

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, là có ý nhát người kia; ba, là dùng sự việc theo sáu trần: sắc, thanh v.v... để nói ra; bốn, là mỗi việc đều hiện tướng; năm, là vị ấy thấy nghe liền phạm. Bất luận người đối diện doạ nhát hay không doạ nhát đều phạm tội đọa. Trong luật, nếu doạ nhát, người kia nghe thấy không rõ phạm Đột-cát-

la.

Không phạm: hoặc chỗ tối không có ánh đèn lửa hoặc chỗ đại tiểu tiện cho rằng thú dữ nên họ sợ hãi cho đến nghe tiếng động, tiếng ho, v.v... mà sợ hãi hoặc dùng sắc, thanh v.v... biểu hiện nhưng không có ý doạ nhát hoặc thật sự có việc ấy hoặc trong mộng thấy người ấy sẽ chết, thôi tu, mất tài sản, Hòa-thượng cha mẹ bệnh nặng sẽ chết, liên nói với người ấy cho họ biết, hoặc nói đùa, nói lẫn lộn, tất cả đều không phạm.

Giới 56: Dưới nữa tháng tắm

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đã tắm gội xong; hai, là chưa đủ nửa tháng; ba, là không có duyên sự; bốn, là tắm rửa lại; năm, là tắm nửa thân.

Luật Tứ Phần nói, trừ lúc trời nóng: bốn mươi lăm ngày cuối Xuân và tháng đầu mùa hạ. Bệnh: là cho đến thân thể hôi dơ lúc làm việc cho đến việc quét đất trước phòng, khi mưa gió cho đến một trận gió lốc, một giọt nước mưa rơi trên mình, lúc đi đường cho đến chỉ nửa do-tuần kể cả tới và lui. Không có các duyên trên tắm quá nửa thân phạm tội đọa. Phương tiện tắm rồi biết lỗi không tắm phạm Đột-cát-la. Luận Tát-bà-đa nói, nước Thiên-trúc mùa nóng đến sớm từ đầu tháng ba đến nửa tháng năm cho phép tắm. Tùy theo mỗi nước nóng sớm hay muộn, dùng theo đây để giới hạn việc tắm gội. Luật Thập Tụng nói, mưa lớn ở trong hư không tắm cũng cho phép. Nếu Tỳ-kheo có duyên sự không nói với Tỳ-kheo khác mà tắm phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo không được tắm chung phòng với người tại gia. Tỳ-kheo biết người tại gia tín tâm, không nhiều chuyện thì cho tắm phòng của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo lau chùi cho người tại gia phạm Đột-cát-la. Như pháp Đầu-đà không được để người khác lau chùi, cho nên đan dây lại tự mình lau chùi thân thể là tốt nhất. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo và người tại gia tắm chung phòng phạm Thân-la-già. Luận Tát-bà-đa nói, tất cả những chỗ tắm khuất kín hay trống trải, Tỳ-kheo không được tắm chung với người tại gia, nếu thân thể kiệt sức nhờ người tắm phải biết hổ thẹn và biết người khác sinh tâm ưa muốn. Do đây, Phật nói thân La-hán mềm mại có người thấy khởi tâm đắm nhiễm liền mất nam căn, sau đó sám hối mới được lại thân cũ. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo tắm cho thầy và người bệnh, thân thể họ đã bị ướt, do đó tắm thì không phạm. Luật Tăng-kỳ, tùy theo tính đủ mười lăm ngày lúc tắm chuẩn bị nước nóng xong, sau đó đánh bảng khiến cho tất cả các chúng tăng biết thứ lớp vào tắm. Nếu

không có duyên sự tắm theo phép nhà thợ gốm trước rửa hai bắp đùi, hai chân, sau gội đầu đến mặt, eo, lưng, cánh tay, khỉu tay, ngực, nách và các việc khác như quyển hạ.

Giới 57: Nhóm lửa chỗ đất trống

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là chỗ đất trống; hai, là không có duyên sự; ba, là đốt cỏ cây và các loại cháy được; bốn, là cháy lên.

Luật Ngũ Phần nói, nếu Tỳ-kheo vì sưởi ấm mà nhóm lửa, ngọn lửa lên cao bốn ngón tay phạm tội đọa. Luận Tát-bà-đa nói, người khác đốt lửa rồi sau đó làm bất cứ việc gì đều phạm tội đọa. Luật Tứ Phần nói, bệnh cần lửa sưởi ấm được tự nhóm lửa, hoặc bảo người nhóm (nghĩa là ở trên đá cứng và các vật khác). Nếu không có duyên sự đốt cỏ, cây, trấu, phân, tất cả đều phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo quăng khúc cây bi cháy phân nửa vào lửa và không nói với người khác "biết cho, xem cho" tất cả phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ nói, nếu Tỳ-kheo cầm lửa xoay vòng tròn hoặc trong lửa có cỏ, cây banh ra hay nhóm lại tất cả đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo chặt thân cây nảy mầm phạm hai tội Ba-dật-đề: một, là làm hại mầm cây; hai, là đốt lửa; nếu mầm cây ở dưới đất phạm một tội đọa.

Luật Tăng-kỳ nói nếu giữ lửa lớn trên tro, trên ngói, không được giữ trên đất có mầm sống.

Trong luật nói không phạm: là nên nói "biết như vậy, xem như vậy" hoặc người bệnh tự đốt hoặc bảo người đốt; có duyên sự người nuôi bệnh vì người bệnh đốt lửa nấu cháo, canh, cơm; nhóm lửa trong nhà bếp, trong phòng tắm; xông bát; nấu nước nhuộm y; đốt đèn; đốt nhang.

Giới 58: Giấu y bát của người khác

Đủ ba duyên thành phạm: một, là y bát của đại Tỳ-kheo; hai, là có ý gây kinh động cho họ; ba, là lấy giấu.

Luận Tát-bà-đa chép: nếu Tỳ-kheo giấu y chưa nhuộm, y bất tịnh của Tỳ-kheo khác phạm Đột-cát-la. Bát chưa xông, y bát đã tác tịnh giấu đều phạm tội đọa (theo năm màu sắc này chẳng phải Phật khai cho)

Trong luật nói không phạm: là biết thật vật đó về chất lượng, hình tướng là của người kia nên đem cất hộ; vật của người để nơi đất trống sợ gió mưa làm ướt và trôi nên cất dùm; chủ vật là người bừa bãi để y bát lung tung vì muốn răn họ nên cất; mượn y của người khác mà không

biết gìn giữ vì sợ mất nên cất; nếu vì y bát này mà xảy ra nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... nên cất (theo đây ngày nay quan không cho đi đường trái phép, có y bát tự cất giữ nên không phạm tội).

Giới 59: Tịnh thí chân thật klhông nói mà lấy dùng

Đủ bốn duyên thành phạm: Một là vật của mình, hai là làm tịnh thí chân thật, ba là không nói cho chủ biết, bốn là thuận tiện lấy dùng thì phạm. Giới bổn thì liệt kê có 5 loại để nói rõ nghĩa phạm, không phạm và trình bày đầy đủ các tướng. Nếu lần lượt làm pháp tịnh thí thì hỏi và không hỏi đều được

Giới 60 : Đắp Y Mới : gồm có 4 duyên: một, là ba y; hai, là vật của mình; ba, là không nhuộm hoại sắc; bốn, không duyên sự lấy mặc.

Luật Thiện Kiến nói, nếu gặp các duyên như giặc v.v... được tạm thời mặc y có năm mầu chính. Luật Tứ Phần nói, y mới là y mới hay hoặc y mới nhận từ người khác. Luật Thập Tụng nói, được y cũ của người khác vì mới được nên gọi là y mới. Luật Tứ Phần chép: Hoại sắc nhuộm thành mầu xanh, đen, mộc lan. Tỳ-kheo nhận y mới không nhuộm ba mầu trên mà mặc thì phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo có y dầy, y mỏng không tác tịnh mà cất chứa phạm Đột-cát-la. Nếu chẳng phải y mà đãy đựng y bát, đãy đựng guốc dép, túi đựng kim chỉ và các loại khăn, nếu Tỳ-kheo không tác tịnh mà cất chứa phạm Đột-cát-la. Nếu y chưa nhuộm Tỳ-kheo gởi ở nhà người tại gia phạm Đột-cát-la (theo đây nói Tịnh nghĩa là làm cho y thành hoại sắc hoặc dùng vật khác thiếp lên, hoặc làm dấu gọi là điểm tịnh và đều nên nhuộm mầu hoại sắc. Chẳng phải cho rằng ba y phải nhuộm, các vật khác chỉ điểm tịnh mà thôi. Nếu theo văn, tất cả vật không nhuộm đều phạm Ba-dật-đề, tất cả vật không điểm tịnh phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần, sở dĩ điểm tịnh vì để khác với ngoại đạo vì y phục của Tỳ-kheo khác với thế tục. Nhờ có ba dấu hiệu để nhận biết nên khi mất dễ tìm lại được. Luận Tát-bà-đa nói, y có năm màu sắc chính không thành thọ nhận. Màu vàng dùng rễ uất-kim nhuộm thành màu vầng lam, mầu đỏ dùng lạc-sa nhuộm, mầu xanh dùng than nhuộm. Nếu Tỳ-kheo tự nhuộm phạm Đột-cát-la, không thành phép thọ nhận, đúng lượng hay không đúng lượng tất cả không được mặc, nếu thiếp thêm vải khác mặc phạm Đột-cát-la (luật này phạm Ba-dật-đề); thay đổi lại mầu sắc đúng như pháp thì thành thọ, nếu trước mầu sắc đúng như pháp, sau dùng năm thứ sắc chính, điểm tịnh phạm Đột-cát-la. Còn dùng ba màu

xanh, đen, mộc lan thì tác tịnh lại cho nên các mầu: tử cỏ, vỏ cây nại, vỏ cây bách, vàng đất, đỏ thẫm, đỏ vàng, cây hoàng lộ đều không phải mầu sắc đúng pháp. Nếu mầu sắc đúng pháp thì thành thọ. Luật Tăng-kỳ, y Kiều-xà-da, y Khâm-bà-la mềm mại nếu thấm nước sẽ thô rít hư hoại, Phật dạy: y tốt như vậy có hai thứ tác tịnh: một, là cắt may tịnh; hai, là điểm tịnh. Các y khác có ba cách tác tịnh: cắt may, điểm tịnh, thêm pháp nhuộm.

Mầu xanh: đem đồ đựng bằng đồng để lên rượu đắng, đồ bằng đồng đặt lên đó là mầu xanh lam, xanh bã chàm, xanh đá, dùng các mầu trên tác tịnh.

Mầu đen: nước các loại quả đổ chung vào một cái bát sắt, dùng điểm tịnh để phân biệt với các y khác.

Luật Thập Tụng, mầu tác tịnh nghĩa là dùng màu sắc riêng để điểm tịnh, y như mầu xanh dùng bùn sạn điểm tịnh. Các mầu khác điểm tịnh cũng vậy (sạn màu đỏ, màu đen giống như vỏ cậy mộc lan trong luật Tứ Phần. Luận Tát-bà-đa trừ ủng và giày, còn tất cả đều điểm tịnh. Luật Thập Tụng nói, nếu y không tịnh thí, lấy mặc phạm Đột-cát-la. Luật Ngũ Phần, nếu được giày da, khiến chủ cũ mang đi năm, sáu bước rồi dùng. Luật Tăng-kỳ nói, dấu tác tịnh lớn nhất bằng bốn ngón tay, nhỏ nhất bằng hạt đậu (luật Thiện Kiến nói điểm nhỏ nhất bằng hạt mè lớn). Không được làm thành số chẵn, mà làm thành số lẻ một, ba, năm, bảy, chín, điểm tác tịnh không được có hình đoá hoa. Hoặc khi giặt vá có bùn rơi lên làm dơ và dấu chân chim dẫm lên làm dơ, thì cũng gọi là tác tịnh. Nếu may Tăng-già-lê mới thì phải tác tịnh một góc cho đến tất cả y mới cũng vậy. Nếu được nhiều y vụn, gom chung một chỗ, thì chỉ cần tác tịnh một chỗ, nếu để riêng thì tác tịnh từng cái.

Giới 61: Giết hại súc sanh

Luận Tát-bà-đa nói, không giết hại loài vật vì: một, là người xuất gia có (bốn tâm vô lượng) là hoài bão của mỗi người, mà lại giết hại súc sinh, trái với lòng từ bi thương xót; hai, là tự mình tổn não người khác, đó là nguồn gốc sinh tử và nghiệp ác chướng đạo; ba, là làm cho lòng tin thêm vững chắc, dứt trừ sự huỷ báng.

Năm duyên thành phạm, giống như giới trước đã nêu (giới Ba-la-di thứ ba: giết người)

Giới 62: Uống nước có côn trùng

Giới trước đã có phần giới hạn, đây là ngăn ngừa chắc chắn, không

để cho cắt đứt mạng sống chúng sinh.

Đủ năm duyên thành phạm: một, là nước có côn trùng; hai, là nghĩ nước có côn trùng; ba, là nước không lượt; bốn, là uống; năm, là vào cổ họng.

Luật Tỳ-nại-da chép: có hai vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, một người nhịn khát, chết sinh lên cõi trời, gặp Phật đắc đạo. Một người sau khi uống nước có côn trùng đi đến chỗ Phật. Phật hỏi lý do xong, bèn cởi y Uất-đa-la-tăng hiển bày cho Tỳ-kheo thấy thân vàng ròng, nói: "ông là người ngu, phải quán thân bốn đại toàn là những đồ hôi thối, ông thấy pháp thì thấy ta".

Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi, cần phải sắm đẫy lượt nước, tắm gội đúng như pháp. Nếu không có đẫy lượt nước thì phải dùng một góc Cà-sa để lượt nước. Đi chung với bạn bè mà tất cả đều không có đẫy lượt nước, thì cả chúng có tội. Nếu hết nước không có để rửa tay, đắp y, Tỳ-kheo hãy dùng lá cây lau chùi, sau đó đắp y. Luận Tát-bà-đa nói, Ngài Xá-Lợi-Phất dùng thiên nhãn trong sạch thấy vì trùng trong nước, trong hư không, chẳng chỗ nào không có trùng liền tuyệt thực không ăn uống. Phật dạy: nên dùng mắt thường để thấy, rồi lấy đẫy lượt đi có thể dùng được, cho đến ba lớp nước đều có trùng thì bỏ chỗ đó mà đi. Luật Thập Tụng nói: không cầm đẫy lượt nước đi hai mươi dặm phạm tội. Nếu nước suối, biển, sông trong xanh, đi từ chùa này đến chùa kia (không đem đẫy lượt nước) thì được.

Luật Tăng-kỳ nói, nếu lượt nước rồi, không được xem qua loa, không được nhờ người mù xem, mà phải bảo người thấy đường chỉ nhỏ trong bàn tay xem. Khi xem không được quá nhanh, quá chậm, mà phải bằng thời gian con voi lớn quay đầu lại, hay chiếc xe chở tre quay đầu, biết nước không côn trùng thì được uống. Nếu thí chủ thỉnh Tỳ-kheo cúng dường thức ăn, nên hỏi: "ông đã lượt nước chưa?", nếu họ trả lời chưa lượt, thì tự mình đến hướng dẫn họ lượt, hoặc sai người đáng tin cậy dạy họ lượt nước. Nếu xét người ấy không đáng tin, Tỳ-kheo nên tự lượt, không được nói chớ giết hại sinh trùng. Tỳ-kheo nên đổ nước có trùng vào bát, rồi đem đổ lại chỗ cũ. Nếu chỗ lấy nước quá xa, mà gần đó có hồ nước trải qua bảy ngày không khô cạn thì đem nước có côn trùng đổ xuống hồ đó. Nếu biết nước có côn trùng Tỳ-kheo không được cầm bát nhờ người múc. Nếu nước trong ao sâu có côn trùng không được la lên: "đây là nước có côn trùng". Nếu có người hỏi: "Nước có côn trùng hay không?". Đáp: "Trưởng lão tự xem lấy". Nếu người đó là bạn tri thức cùng thầy nên nói: "nước này có côn trùng, nên lượt rồi

dùng". Giới này mọi người cũng hay phạm, giống như giới dùng nước để tưới, nên chép ra đầy đủ, ngoài ra còn ghi trong phần y pháp.

Giới 63: Làm cho Tỳ kheo nghi ngờ, phiền não

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, cố ý xúc não; ba, là dùng sáu việc để nói; bốn, là lời nói rõ ràng; năm, là người đó nghe được.

Trong luật, nói sáu việc xúc não: là sự sinh, tuổi tác, thọ giới, Yết-ma, phạm sáu tụ, phạm các thánh pháp. Tùy theo mỗi việc đều phạm tội đọa.

Luật Tăng-kỳ nói, ngay lúc thọ giới cụ túc, nên nói khiến cho họ biết. Sau khi thọ, không được gây cho họ nghi ngờ, hối hận (dùng lời nói mà luật đã khai).

Trong luật nói không phạm: là sự thật như vậy, không tác ý, người kia chẳng phải sinh như vậy, sợ sau có nghi ngờ hối hận, vô cớ thọ lợi dưỡng người, nhận sự lễ kính của đại Tỳ-kheo liền nói: "ông chẳng phải sinh như vậy". Nếu thật không phải tuổi ấy, sợ sau người kia hối hận, thọ lợi dưỡng và sự cung kính của người, liền nói: "ông chưa đủ tuổi ấy". Nếu người kia thật chưa đủ hai mươi tuổi, lại thọ biệt chúng trong cương giới, tác bạch không thành, yết-ma không thành, phi pháp riêng chúng, sợ sau nghi ngờ, hối hận, nhận sự cúng dường và lễ kính của người, nên nói cho người kia biết để về chỗ cũ thọ giới lại (theo đây, muốn thọ giới lại Phật bảo về chỗ cũ, để xét hỏi lại được hay không). Nếu người kia thấy phạm Ba-la-di cho đến các ác thuyết, sợ sau này họ nghi ngờ hối hận, thọ lợi dưỡng và sự lễ kính của Tỳ-kheo giữ giới, muốn họ đúng như pháp sám hối, nên nói cho họ biết về phạm sáu tụ. Lại vì người kia tánh tình thô sơ, không biết nói năng, thì nói: "ông tự xưng chứng pháp thượng nhân v.v... nếu nói lầm lẫn, nói giỡn chơi, tất cả đều khai.

Giới 64: Che dấu tội thô của người khác

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, là biết phạm từ thiên thứ hai trở lên; ba, có tâm che giấu; bốn, là không phát lồ; năm, là minh tướng xuất hiện.

Luật Thiện Kiến nói, che giấu tội của người khác, trăm ngàn người cùng che giấu một người, tất cả đều phạm Ba-dật-đề (luật Thập Tụng chú: hướng về một người nói liền dứt). Luật Tăng-kỳ nói, nên hướng về Tỳ-kheo hoàn thiện nói, không được nói với bất cứ ai. Nếu

người phạm tội hung bạo, sợ xảy ra nạn duyên, nên nghĩ rằng: "người kia gây nên tội lỗi, chắc chắn sẽ chuốc lấy quả báo. Giống như bị hỏa hoạn, ta chỉ nên tự cứu lấy mình, cần gì biết đến việc khác". Thế rồi, lo giữ tánh mạng mình thì xem là không tội. Luận Tát-bà-đa nói, nếu nghi ngờ, chưa rõ thì không nên nói với người khác. Trong luật nói nếu biết một người phạm tội thô, lúc tiểu thực biết đến sau khi ăn xong mới nói phạm Đột-cát-la, sau bữa ăn biết đến đầu hôm mới nói, đầu hôm biết đến giữa hôm mới nói, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Nếu giữa đêm biết đến gần sáng, mà chưa nói, đến khi minh tướng xuất hiện phạm tội đọa. Trừ tội thô, che giấu các tội khác, tự mình che giấu tội thô, trừ Tỳ-kheo-ni che giấu tội thô của người khác, tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là trước không biết là tội thô, tưởng không phải tội thô, hoặc nói với người khác, hoặc không có người để nói, hoặc định sẽ nói nhưng chưa nói thì minh tương đã xuất hiện, hoặc nói sợ xảy ra các nạn duyên.

Giới 65: Cho người chưa đủ tuổi (20 tuổi) thọ giới cụ túc

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là người chưa đủ hai mươi tuổi; hai, là biết rõ; ba, là cho thọ giới cụ túc; bốn, là sau ba lần yết-ma.

Luận Tát-bà-đa chép: người sáu mươi tuổi không cho thọ đại giới, nếu chưa tăng truyền giới đến, cũng không đắc giới, vì họ không kham nổi đạo khổ hạnh, tâm trí đần độn, nên cho họ làm Sa-di. Người bảy tuổi trở xuống cũng không cho thọ giới cụ túc. Dưới hai mươi tuổi không cho thọ giới cụ túc, vì tính tình họ họ còn nóng nảy, bị đói lạnh làm cho khổ não, nếu cho thọ đại giới bị nhiều người quở trách, cho thọ Sa-di thì không bị người quở trách. Luật Tăng-kỳ, nếu người dưới bảy mươi tuổi mà không kham được các việc, nằm ngồi phải có người dìu đỡ thì không cho thọ giới cụ túc. Người quá bảy mươi tuổi và dưới bảy tuổi không nên cho xuất gia v.v... đã nói rõ như trong hai quyển thượng và hạ. Luật và luận nói có mâu thuẫn nhau, giữa hai bên đều thông nhau không ngại. Trong luật nói không phạm: là không biết, tin lời người thọ giới, có người ngoài làm chứng, tin lời cha mẹ họ, thọ giới xong nghi ngờ, Phật dạy: cho tính số năm tháng còn trong bào thai, số tháng nhuần và chỉ tính mười bốn ngày để thọ giới, lấy đó làm năm tuổi. Đủ tuổi thì không phạm, không đủ tuổi mà khai cho thọ thì Hòa-thượng phạm tội đọa, người khác phạm Đột-cát-la. Nay lấy sự hội thông của các bộ, xem xét các lịch thuật khác, chọn tổng quát như trong đại số, nhưng chép ra đây vì người chưa học. Tôi tuy rõ về những điều khúc mắc, phải

trình bày đầy đủ vì sợ hậu học không hiểu, chỉ nêu lược chung một câu, dùng tham giải quy định xưa nay, nghĩa là lấy Sa-di nhỏ nhất sinh ngày 30 tháng 12. năm đủ hai mươi tuổi cho thọ giới cụ túc ngày mồng một tháng giêng, ngày mồng hai thật đúng mười tám tuổi cho tính nhuần trong bào thai để tăng thêm, thì đúng hai mươi tuổi còn chờ đến ngày mồng một tháng năm. Đây là Trường A-hàm tính cho thêm tháng. Tính thật đúng dưới mười chín tuổi, năm tháng đều không đủ, đến ngày chín tháng tám, nếu thọ trước là không đủ hai mươi tuổi thì mắc tội và không đắc giới, thọ sau ngày chín không mắc tội và đắc giới. Nhưng các nước dùng lịch khác nhau. Vào đời Đường có sáu, bảy nhà làm lịch, đây chỉ là y cứ một nhà làm lịch mà lược nói như trên. Ngoài ra những lịch khác thay đổi trái với lịch theo luật nên không thuật lại. Cho đến theo các bộ không đủ tuổi đắc giới, có đầy đủ như sớ đã trình bày.

Giới 66: Gây ra tranh cải

Đủ năm duyên thành phạm: một, là bốn việc tranh cãi, nếu vì việc riêng tư tranh cãi phạm Đột-cát-la; hai tăng đã giải quyết đúng như pháp; ba, biết rõ; bốn, khơi trở lại; năm, nói rõ ràng.

Giới 67: Hẹn đi chung đường với giặc

Đủ sáu duyên thành phạm: một, là giặc: hai, là biết rõ: ba, là hẹn nhau; bốn, đi cùng một đường; năm, không cách xa chỗ thấy nghe (gần nhau); sáu, rồi khỏi cương giới.

Trong luật Tăng-kỳ, nói Tỳ-kheo đi với người mắc nợ, phạm tội Việt-tỳ-ni. (trái luật)

Luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo hẹn với các Tỳ-kheo cùng đi phạm Đột-cát-la.

Giới 68: Không bác bỏ ý kiến chống lại lời can ngăn

Đủ năm duyên thành phạm: một, là ác kiến, nói dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo; hai, là khuyên can riêng; ba, là không nghe theo; bốn, là tăng khuyên can đúng như pháp; năm, là sau ba lần Yết-ma.

Giới 69: Theo người bị cử tội

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là người có ác kiến bị cử tội; hai, là biết rõ như vậy; ba, là cùng sinh hoạt với họ; bốn, là tùy từng sự việc mà kết tội.

Giới 70: Chứa Sa di bị đuổi

Duyên phạm đại khái giống như giới trước.

Giới 71: Chống cự lại sự khuyên học giới

Đủ năm duyên thành phạm: một, là có ý nghĩ không chịu học; hai, là người kia đúng như pháp khuyên răn; ba biết mình sai họ khuyên là đúng; bốn, có ý không nghe theo lời khuyên; năm, nói lời chống đối rõ ràng.

Luật Thập Tụng chép: Từ bốn việc (bốn Ba-la-di) mỗi việc cho đến bảy pháp diệt tránh, nếu Tỳ-kheo nói tôi không học cái này mỗi việc phạm một tội đọa. Không nên nói Tỳ-ni cho năm hạng người như nêu trong quyển sau.

Giới 72: Khinh chê giới luật

Luận Tát-bà-đa, chế giới này vì: một là tôn trọng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới); hai, là làm cho giới thêm vững chắc; ba, diệt pháp ác. Lại nữa, luận Tát-bà-đa chép mười hai năm trước ta thường nói một bài kệ, nay nói năm thiên gọi là tạp toái.

Đủ năm duyên thành phạm: một, là giới luật; hai, là trước mặt Tỳ-kheo dang tụng giới; ba, có ý diệt Phật pháp không muốn tồn tại lâu dài. Luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo khiến người xa lìa giới luật, không đọc, không tụng mà huỷ báng phạm tội đọa. Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo nói cần gì nói những giới như vậy khiến người nghi ngờ, sầu não không vui, nếu nói tùy theo kinh luật tất cả phạm tội đọa. Luận Tát-bà-đa nói: nếu tụng mỗi giới, mỗi giới khinh chê, thì phạm mỗi tội đọa. Nếu khinh chê chung phạm một tội đọa. Trong bài tựa, nói nghĩa hai trăm năm mươi giới cũng phạm tội đọa. Trong luật nói khinh chê giới luật phạm tội đọa, khinh chê luận và kinh phạm Đột-cát-la.

Không phạm: nếu nói trước tụng luận, sau đó tụng luật, trước tụng các kinh sau tụng luật. Nếu bệnh thì sau khi bệnh lành tụng luật. Hoặc cần cần phương tiện chứng bốn quả Sa-môn, sau đó tụng luật. Không muốn huỷ diệt chánh pháp nên khai.

Giới 73: Cử tội nên nói trước

Đủ bốn duyên thành phạm: một, khi tụng đủ văn giới; hai, là ở trong chúng; ba, là không chú ý nghe; bốn, là nói xong năm thiên, liền nói tôi mới được nghe.

Luật Tăng-kỳ chép: Tùy theo mỗi giới trung gian không nghe

phạm Đột-cát-la, nếu tất cả không nghe phạm tội đọa. Thọ Tỳ-kheo rồi nên tụng hai bộ luật, người không có khả năng thì tụng một bộ, nếu không có khả năng nữa thì tụng năm chúng giới (tức là năm thiên), hoặc bốn, ba, hai chúng giới như câu đầu, nếu không thể tụng hai chúng giới nên tụng một chúng và bài kệ. Tỳ-kheo khác đến, không được ngồi thiên, nên chuyên tâm lắng nghe.

Giới 74: Cùng nhau Yết ma sau hối hận

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là tăng được thí vật; hai, là cùng Yết-ma thưởng cho người ấy rồi; ba, sau đó nói ngược lại phỉ báng tăng; bốn, là nói rõ ràng.

Giới 75: Không gởi dục

Đủ năm duyên thành phạm: một, là việc tăng đúng như pháp; hai, là biết rõ; ba, là không gởi dục; bốn, là bỏ đi; năm, là ra khỏi cửa.

Luật Ngũ Phần nói: có duyên sự gởi dục rồi đi, nếu không gởi dục, ba lần yết-ma xong, Tỳ-kheo ra khỏi chùa, tùy theo đi ra mỗi lần phạm một Ba-dật-đề, đến chỗ trống cách tăng một tầm phạm Ba-dật-đề. Trường hợp tăng không yết-ma mà chỉ xử đoán việc thôi thì mỗi việc phạm một tội Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ nói, nếu tăng đang nói pháp, tụng luật, có duyên sự không thể chờ hết, không bệnh mà bỏ đi phạm Việt-tỳ-ni. nếu muốn đại tiểu tiện, nên đi nhanh rồi trở lại, không bỏ dở việc tăng nên không phạm. Nếu Tỳ-kheo nghĩ rằng: "có thể trở lại trễ", thì nên bạch và gởi dục rồi đi. Cho đến khi nghe người khác đọc tụng kinh đều nên như vậy. Nếu người tụng kinh ngừng tụng nửa chừng, nói sang chuyện khác, thì đi ra không phạm. Luật Ngũ Phần nói: nếu không yết-ma, mà Tỳ-kheo ở trong tăng xử đoán việc Sa-di, đứng dậy phạm Đột-cát-la. Trong luật nói không phạm: là gởi dục rồi đi, hoặc yết-ma phi pháp, Tỳ-kheo cùng chung một thầy làm việc tổn hại, cho không gởi dục mà đi.

Giới 76: Gởi dục sau hối hận

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là yết-ma đúng như pháp; hai, là gởi dục đúng như pháp; ba, là sau đó liền hối hận, nói (yết-ma) không thành; bốn, là nói rõ ràng.

Luận Tát-bà-đa nói: nếu tăng làm yết-ma phi pháp, lúc đó sức mình không biến chuyển được, thì im lặng không ngăn, sau đó nói không thể làm như vậy, không phạm; Nếu tăng làm pháp đúng theo luật thì phạm tội đọa. Tỳ-kheo không thuận theo pháp chế của vua phạm

Đột-cát-la.

GIới 77: Ở chỗ vắng nghe bốn việc tranh cải

Đủ năm duyên thành phạm: một, là bốn việc tranh cãi đã phát sinh; hai, là trước những chuyện các người bàn bạc riêng; ba, là cố ý sinh tranh cãi; bốn, là đến chỗ người kia lén nghe; năm, là nghe rõ.

Không được nghe lén người khác nói, trong luật nói: nếu hai người nói chuyện ở chỗ tối, ở chỗ kín nói chuyện hoặc đi trước cùng nói chuyện, nếu Tỳ-kheo không búng ngón tay, tằng hắng để cảnh giác họ phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là nếu sợ họ làm các việc không lợi ích nên lén nghe.

Giới 78: Giận đánh Tỳ kheo

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, là đánh với tâm tức giận; ba, là muốn đánh; bốn, là đánh vào người.

Trong luật nói: Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo khác cũng phạm tội đọa, hoặc dùng tay, đá, gậy, v.v... cũng phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo dùng các thứ khác như: chìa khoá cửa, móc câu, chuôi cán phạm Đột-cát-la. Luật Thập Tụng nói, nếu Tỳ-kheo cầm một nắm cát, đậu vãi trúng nhiều Tỳ-kheo, tùy theo trúng bao nhiêu Tỳ-kheo phạm bấy nhiêu tội đọa. Già luận nói Tỳ-kheo vì tâm dục đánh người nữ phạm Tăng tàn. Luật Tăng-kỳ nói nếu có các loài thú hung dữ như: voi, ngựa, trâu, dê vào trong chùa tháp, làm hại đến hình tượng, phá hoại hoa quả cây cối, Tỳ-kheo được dùng gậy đánh vào cây, đácho chúng sợ bỏ đi; không được nghĩ là súc sinh đánh nó, mỗi mỗi phạm Đột-cát-la. Trong luật nói không phạm: là bị bệnh cần người đấm bóp, ăn mắc cổ phải vỗ vào gáy, nói chuyện với nhau, họ không nghe, vỗ họ họ để họ nghe, cho đến đụng gần nhau. Xét trong các kinh luật, không có các Tỳ-kheo vì việc dạy dỗ mà dùng roi vọt đánh đập. Một đời giáo hóa của Phật đều không sử dụng roi vọt. Thời Mạt pháp thường thấy có lối giáo dục này, quyển trước đã nói rõ, đó là tướng trạng Phật pháp bị tiêu diệt. Kinh Đại Tập chép: nếu đạo-tục v.v... đánh Tỳ-kheo phá giới, Tỳ-kheo không phá giới, tội nặng như làm muôn ức thân Phật chảy máu. Vì sao? Vì các người ấy có thể chỉ bày mọi người con đường xuất thế cho đến Niết-bàn. Luận Đại Trí Độ nói, trong luật, kết giới này vì việc thế gian, vì Nhiếp tăng, vì ủng hộ Phật pháp, có người có chúng sinh nên tùy theo giả danh mà kết giới, không quan sát về tội nhiều ít của đời sau. Nếu đạo nhân dùng roi đánh,

giết trâu dê tội nặng mà giới nhẹ; khen ngợi người nữ, tội đều nặng, mà đời sau xem là tội nhẹ.

Giới 79: Dọa đánh Tỳ Kheo

Trước là phần giới hạn, giới này để phòng ngừa chu đáo vì chỉ cần nghĩ đến tìm cách đánh Tỳ-kheo là phạm. Già luận nói, Tỳ-kheo đưa tay hướng đến nhiều Tỳ-kheo doạ đánh đều phạm Ba-dật-đề.

Giới 80: Vu cáo người khác phạm Tăng tàn không có căn cứ

Nói chung giống giới Tăng tàn thứ tám (vu báng người phạm giới Baladi không căn cứ) chỉ khác là tội đọa.

Giới 81: Đột nhập cung vua

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là vua Sát-đế-lợi; hai, là vua cùng phu nhân ngồi một chỗ; ba, vua chưa ra ngoài, vật báu chưa cất (luận Tát-bà-đa, thể nữ mặc y quý báu chưa cất); bốn, vào trong cửa cung vua.

Trong luật, nếu vào trong các nhà Túc Tán tiểu vương, Trưởng giả hào quý tộc phạm Đột-cát-la.

Giới 82: Cầm nắm vật quý

Đây là giới cầm nắm vật quý, luận Tát-bà-đa nói do Tỳ-kheo nhặt của rơi làm duyên khởi, không dùng lời xưa, đủ năm duyên thành phạm: một, là vật báu đối với mình mà người; hai, vật để trang sức; ba, không phải chỗ và chỗ ngủ trọ; bốn, không có ý trộm cắp chỉ lấy để đưa cho chủ của vật; năm, là cầm lấy. Luận Tát-bà-đa, Tỳ-kheo cầm bảy báu phạm tội đọa. Tên gọi của bảy vật báu như trong giới ba mươi. Nếu Tỳ-kheo cầm vật gần như của báu là: đồng, sắt, chân nhiều mầu... phạm Đột-cát-la, nếu không lấy, đúng như pháp nói thanh tịnh thì không phạm. Nếu cầm vàng trang sức, vàng quặng cất giấu, hoặc cầm vật quý của người tự nói quý báu thanh tịnh phạm tội đọa. Vật tương với vật quý lẫn lộn trong một trăm lẻ một vật thì được cầm, không cần nói thanh tịnh. Luật Tăng-kỳ, cho đến biết người trong tăng có của báu không được tự lấy. Nếu ngày tám tháng tư và lúc đại hội cúng dường, đúc tượng vàng, tháp bạc và tượng Bồ-tát, có người cúng dường vàng, bạc để thấp lên, Tỳ-kheo nên sai tịnh nhân cầm. Nếu rơi dưới đất thì cầm giúp họ đặt lên chỗ không có vàng bạc, hoặc bao tay cầm đứng bên ngoài đang thiếp tượng. Nếu đúc Bồ-tát bằng vàng bạc, Tỳ-kheo

sai tịnh nhân (tắm), cho đến nhờ tịnh nhân cầm, Tỳ-kheo chỉ phụ giúp. Nếu trước mình cầm không được sau bỏ ra. Luận Tát-bà-đa nói, nếu Tỳ-kheo cầm những thứ tương tự như vật quý làm đồ trang sức cho phụ nữ phạm Đột-cát-la. Đồ trang sức của người nam, trừ mâu tiêu, binh khí, nhạc cụ, ngoài ra tất cả được cầm không phạm. Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo khác cầm vật quý cũng phạm tội đọa. Trong luật khai cho: nếu là vật quý cúng dường chùa tháp, vì muốn giữ gìn chắc chắn, Tỳ-kheo lấy cất không phạm (nghĩa là chỗ không có tịnh nhân). nên Ngũ Bạch Vấn chép: Vị tri sự cầm vàng, bạc, tiền của Phật pháp cũng phạm tội đọa. Luật Tứ Phần chép: nếu ở trong chùa, hoặc chỗ tạm ngủ qua đêm, có của báu, Tỳ-kheo nên tự cầm hoặc dạy người khác cầm, nên biết tướng trạng của cái đãy, hình dáng vật dụng, phải mở ra xem bao nhiêu cái tròn vuông, mới cũ. Nếu có người tìm hỏi, mình xem họ nói hình dáng giống thì trả lại cho họ. Nếu họ nói không giống Tỳ-kheo nói rằng: "tôi không thấy vật này". Hoặc có hai người cùng đến lấy vật, đều nói giống nhau, Tỳ-kheo đem vật ấy ra để trước mặt họ nói: "các ông tự lấy đi", Tỳ-kheo làm như thế phạm Đột-cát-la. Nếu ở các chỗ khác, Tỳ-kheo cầm vật người ta đánh rơi phạm tội đọa. Luật Tăng-kỳ nói, nếu thấy y, vật của người đánh rơi, Tỳ-kheo nên xướng lên để họ biết. Nếu vật không chủ, Tỳ-kheo nên treo ở chỗ cao làm cho người ta dễ trông thấy. Nếu người đến lấy, Tỳ-kheo hỏi: "ông mất ở chỗ nào?" Họ trả lời đúng thì đưa cho họ. Nếu không ai đến hỏi, Tỳ-kheo nên giữ lại đến ba tháng. Nếu vật đó nhặt được trong vườn tháp, thì nên dùng để làm tháp. Nếu nhặt được trong vườn tăng, thì nên làm vật dùng cho tăng bốn phương. Nếu là vật quý giá như vàng bạc v.v... không được phơi bày ra, Tỳ-kheo nên ở chỗ kín xem xét kỹ lưỡng về hình tướng. Nếu có người đến tìm nói đúng, Tỳ-kheo nên tập hợp nhiều người rồi đưa vật báu ra, dạy họ thọ ba quy y, nói rằng: "nếu Phật không chế giới này thì mắt ông muốn nhìn lại cũng không được". Nếu không có người đến tìm, Tỳ-kheo giữ đến ba năm rồi tùy theo được vật đó ở đâu, dùng làm việc đó như trên đã nêu. Nếu Tỳ-kheo thấy vật họ đánh rơi, trước có ý nói cho họ biết, sau biết chỗ nên lấy ra, sau biết được lấy vô tội. Y, bát của Tỳ-kheo khách để lại, chủ nhân dời đi nơi khác, nếu Tỳ-kheo cất giấu phạm tội trọng. Y bát kia chủ nhân nhớ đến lấy thì không phạm tội. Nếu đào đất được của báu, mà tịnh nhân không đáng tin cậy, Tỳ-kheo nên tâu lên vua. Nếu tịnh nhân đáng tin cậy thì giữ đến trong vòng một, hai năm, rồi làm các việc về tháp. Nếu nhà vua biết, hỏi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo trả lời: "có được mà đã dùng để làm tháp". Nếu có người đến tìm nói đúng,

Tỳ-kheo nên lấy vật của tháp trả lại. Nếu vua hỏi: "Trong giới luật của Phật như thế nào?" Tỳ-kheo nên trả lời: "Phật dạy: tùy theo vật được trong đất của tháp, của tăng, thì sử dụng vật đó làm tháp hoặc cho tăng. Nếu trên kho báu có miếng sắt ghi rõ họ tên, cũng được dùng, tiến thoái như trên. Luận Thành Thật, có người nói: vật báu phục tăng trong đất thuộc về vua, Tỳ-kheo lấy vật này, phạm tội trộm. Đáp: chỉ những vật trên đất mới thuộc về vua; không kể vật trong đất, vì sao? Vì bậc Thánh như Ngài Cấp-cô-độc v.v... cũng lấy những vật này, nên biết là vô tội. Lại nữa, tự nhiên mình được vật, không thể gọi là trộm cướp được. Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo vào trong thôn xóm, thấy vật rơi dưới đất không được lấy. Nếu có người lấy đuă cho Tỳ-kheo thì được. Vì người đó chính là thí chủ. Nếu ở chỗ đường vắng không người có vật rơi thì được lấy. Nếu thấy trên y có châu báu, nên dùng gót chân đạp bỏ châu báu, cầm bày ra khiến cho người ta nhìn thấy. Khi được y, về đến trú xứ mới thấy của báu, nên giao cho tịnh nhân lo việc y, thuốc. Ngũ Bách Vấn chép: vật Tỳ-kheo gởi người tại gia quá hạn không đến lấy, người tại gia cầm đến cúng dường, Tỳ-kheo nhận không hợp lệ vì nếu Tỳ-kheo còn sống thì đó là vật có chủ, nếu Tỳ-kheo chết thì vật đó thuộc về Tăng.

Giới 83: Phi thời vào làng xóm

Đủ năm duyên thành phạm: một, là thời gian phi thời; hai, là không có duyên sự; ba, không dặn lại Tỳ-kheo khác; bốn đi đến nhà Cư sĩ (tức là nhà của tịnh nhân trong chùa); năm, là vào cửa.

Luật Thập Tụng nói, nếu Tỳ-kheo vào làng xóm, tăng phường (chùa ni nên bạch), vào chỗ lan-nhã, vào trụ xứ cũ không phạm.

Luật Tứ Phần nói phi thời: từ quá giữa trưa đến lúc minh tướng chưa xuất hiện, trong thời gian đó Tỳ-kheo không dặn Tỳ-kheo khác, bước vào trong xóm làng phạm tội đọa.

Nếu có việc tăng, tháp, chùa và bệnh nên dặn Tỳ-kheo khác. Nếu Tỳ-kheo ở phòng riêng nên dặn với Tỳ-kheo gần phòng.

Luật Thập Tụng nói, nếu ở chỗ mình không có Tỳ-kheo, đến ngã tư đường gặp Tỳ-kheo nên bạch. Nếu không có Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni và ba chúng (Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni).

Luật Tăng-kỳ nói: ăn buổi sáng xong là phi thời. Muốn vào làng xóm, Tỳ-kheo nên thưa: "Thưa trưởng lão! Tôi phi thời vào xóm làng". Trưởng lão đáp: "Được". Nếu đường đi ngang qua xóm, trong xóm có tháp miếu, Tỳ-kheo nên tiện đường đi thẳng qua, nếu hai bên đường có quán trọ đi qua phạm tội đọa.

Luận Đại Trí Độ nói, tất cả nhà của người tại gia đều gọi là xóm làng.

Theo đây, phòng nhà của tịnh nhân trong chùa vì sao Tỳ-kheo không cần nói? Cẩn thận thay! Cẩn thận thay!

Luật Ngũ Phần chép: nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường gặp chiều tối nên đến xóm làng ngủ lại.

Có tám nạn khởi lên và các duyên khác Tỳ-kheo không cần thưa.

Luận Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo có thể thưa một cách chung chung chỗ đi đến, hoặc thưa cụ thể thì càng tốt. Nếu Tỳ-kheo trước không thưa, gặp Tỳ-kheo chùa khác thưa thì không phạm.

Luận Minh liễu nói, nếu có nhân duyên Tỳ-kheo nên chọn lựa việc này, nghĩa là thưa với người cùng giới quan sát chánh hạnh.

Trong luật nói, nếu Tỳ-kheo quan sát chánh hạnh Tỳ-kheo kia, nếu có oai nghi thì cho phép đi, không oai nghi thì không nên cho đi.

Không phạm: là đường đi phải qua xóm làng, có việc đã thưa với Tỳ-kheo khác, nếu có thọ thỉnh không cần dặn cứ việc đi, có duyên sự của Tam bảo thì khai như trên.

Giới 84: Làm giường cao quá quy định

Đủ năm duyên thành phạm: một, là giường; hai, là giường của tăng hay của mình; ba, là quá mức qui định; bốn, là tự làm hoặc bảo người làm; năm, là làm xong.

Nếu Tỳ-kheo làm xong phải chặt bớt, không chặt bớt mới phạm.

Luật nói: giường cao bằng tám ngón tay của Như lai.

Luận Tát-bà-đa nói, tất cả giương cây cao rộng đều phạm, giống giới thứ tám của người tại gia (tám quan trai).

Tám ngón tay: một ngón dài hai tấc, thước đời nhà Chu, một thước bằng sáu tấc, thước nhà Đường dài, một thước ba tấc.

Luật Ngũ Phần nói: cho phép Tỳ-kheo được nhận giường cao do thí chủ cúng dường. Tỳ-kheo trước nghĩ: “sẽ chặt bớt” thì được nhận. nếu không nghĩ thế, Tỳ-kheo phạm tội đọa. Luật Tăng-kỳ nói: nếu giường của tăng cũng phạm. Sợ thí chủ không vui, Tỳ-kheo đào đất chôn chân giường xuống, cho đến chặt bớt chân giường, rồi kê thêm dưới chân cũng phạm. Tùy, theo Tỳ-kheo ngồi xuống đứng dậy mỗi lần phạm một tội đọa. Nếu chỗ ẩm ướt dùng gỗ bằng tám ngón tay để kê chân giường thì được.

(Theo đây, chỗ ẩm ướt kê chân giường nên khai cho, nếu ở trên

đó lễ Phật, mà kê cao quá thì không được).

Nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường của nhà thế tục thì không phạm. Luật Tứ Phần cũng nói giống như vậy.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo chặt bớt chân giường rồi đến trong tăng sám hối tội. Tám ngón tay: là dùng ngón tay mình để tính. (phần khai trên, lấy gỗ kê chân giường bằng tám ngón tay người thường).

Phần thứ ba của luật Tứ Phần, chỗ tra vào thành giường, theo luật Thập Tụng, nếu nhà không bà con thì đo bằng tám tấc, chia ra bốn phần bằng nhau. Lại nói: giường dài nhỏ nhất đủ cho bốn Tỳ-kheo ngồi. Giường nằm hơn ba khuỷu tay, khoảng đủ đứa bé bốn tuổi ngồi, nếu dưới mức đó không được ngồi. Giường rộng một khuỷu rưỡi tay được hai người ngồi. Giường kê không được cao quá tám ngón tay.

Luật Tứ Phần nói không phạm: là giường cao bằng tám ngón tay, hoặc dưới tám ngón tay, hoặc giường cao chặt bớt thì không phạm.

Giới 85: Dồn bông gòn làm nệm

Đủ năm duyên thành phạm: một, là bông (Đâu-la-miên) (luật nói là bạch dương, hoa liễu nở tròn); hai, là dồn làm nệm; ba, là làm cho mình; bốn, là tự làm hoặc bảo người làm; năm, là làm xong.

Luật Ngũ Phần nói, tùy theo Tỳ-kheo ngồi kết tội đọa. Nếu Tỳ-kheo làm rồi trước phải moi bông ra, sau đó sám hối.

Giới 86: Làm ống đựng kim bằng xương, ngà, sừng

Đủ năm duyên thành phạm đồng như trên.

Luận Tát-bà-đa chép: vì những vật nhỏ này không tính vào trong ba mươi thứ nên phá đi. Nếu trả lại chủ không nhận, hoặc cho chủ khác thì buồn, đưa vào tăng thì phi pháp, Tỳ-kheo nên huỷ bỏ đi.

Luật nói không phạm: là dùng đồng, sắt, chì, sáp, trúc, gỗ, cỏ lau, cỏ xá-la làm ống đựng kim hoặc dùng ngà voi, sừng bịt đầu tích tượng, bịt cán lọng, cán dù, cán dao để khoét, hoặc bịt cán thìa, cây như ý cán gáo, cây móc y, que bôi thuốc đau mắt, dao nạo lưỡi, cây xỉa răng, cây móc tai, thiền trấn, ống để xông mũi, tất cả đều không phạm.

Giới 87: Làm tọa cụ quá quy định

Đủ năm duyên thành phạm: một, là làm toạ cụ; hai, là quá cỡ qui định; ba, là làm cho mình; bốn, là tự làm hay bảo người làm; năm, là làm xong.

Trong luật, toạ cụ làm dài bốn thước, rộng ba thước (thước nhà

Chu) viền phía ngoài dài, rộng mỗi bên tăng thêm một thước, đó là đúng cỡ qui định (các việc khác như trong phần pháp y có nói)

Lại nói: nếu Tỳ-kheo làm quá qui định, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn, tự mình làm hay bảo người khác làm, tất cả phạm tội đọa. Nếu không thành, hoặc làm cho người khác, thành hay không thành, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là làm đúng cỡ, hoặc dưới cỡ qui định, hoặc toạ cụ người khác may xong cho đúng như cỡ qui định, hoặc làm hai lớp cũng không phạm. (nay có qui định cỡ chung, nhưng hai bộ không chấp nhận, luật Tứ Phần, là luật do bảy trăm vị Tỳ-kheo kiết tập cũng không chấp nhận)

Luật Tăng-kỳ nói: nếu muốn sám hối Tỳ-kheo phải cắt bớt bên ngoài, cho đúng cỡ quy định, rồi sám hối đúng như pháp. Những cái còn dư thì thuyết tịnh. Nếu quá mười ngày, Tỳ-kheo theo pháp chứa y dư mà xả, hoặc theo y pháp trong luận Tát-bà-đa.

Giới 88 May y che ghẻ quá cỡ quy định

Luật nói: y này dùng để che các thứ ghẻ trên thân, hoặc trên Niết-bàn tăng, được làm bằng vải mềm mại quý giá, dài tám thước, rộng bốn thước (thước đời nhà Chu).

Không phạm: gần giống giới trước, luật Thập Tụng nói: đến khi ghẻ hết, quá mười ngày, Tỳ-kheo phạm tội đọa.

Giới 89: May áo tắm mưa quá cỡ quy định

Văn giống như trong giới thứ ba mươi, không giải thích cũng có thể biết.

Giới 90: may y lớn bằng y Phật.

Luận Tát-bà-đa chép: cỡ của Phật là một trượng sáu, người thường chỉ bằng một nửa, nên Tỳ-kheo làm y dài rộng chỉ bằng một nửa mà thôi.

Luật Thập Tụng chép: lượng y của Tỳ-kheo bằng y của Đức Phật là chiều dài bằng chín gang tay Phật. Hai bộ luật: luật Tăng-kỳ và luật Ngũ Phần giống nhau. Có bản chép mười gang tay Phật là sai. Y Đức Phật dài một trượng tám, rộng một trượng hai, người thường dài chín thước, rộng sáu thước (tính theo thước đời Chu). Việc này rất hiếm thấy nên không cần nói rõ, nên biết như vậy.

BỐN PHÁP ĐỀ XÁ NI

1. Nhận thức ăn của Tỳ kheo ni không phải bà con tại nhà cư sĩ

Có năm duyên thành phạm: một, là tại nhà cư sĩ; hai, là Tỳ-kheo-ni không phải bà con; ba, là không có lý do; bốn, là tự tay nhận thức ăn; năm, là ăn vào.

Luật Tứ Phần nói thức ăn có: thức ăn chính, thức ăn phụ. Nếu Tỳ-kheo không bệnh tự tay nhận thức ăn mỗi miếng đều phạm. Trong văn bất luận thức ăn đó của mình hay của người, theo duyên để biết.

Luật Ngũ Phần nói: Tỳ-kheo ở tại ngã tư đường nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không bà con phạm tội, nhận trong nhà không phạm. Duyên khởi như vậy.

Trong luật nói không phạm là: nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni bà con; hoặc bị bệnh; hoặc lấy thức ăn để dưới đất hay người khác trao cho, hoặc nhận tại chùa, ngoài xóm, chùa ni tất cả đều được.

2. Nhận thức ăn do tâm thiên vị tại nhà cư sĩ

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là tại nhà cư sĩ; hai, vì sự thiên vị không theo thứ lớp thọ thỉnh; ba, là đại chúng yên lặng thọ nhận, không chê trách; bốn, là ăn vào.

Luật Ngũ Phần nói, nếu Tỳ-kheo-ni bảo thí chủ thêm thức ăn cho Tỳ-kheo, Thượng tọa thứ nhất nên quở trách. Nếu lời nói của Thượng tọa thứ nhất không có tác dụng, thì thứ lớp quở trách cho đến Tỳ-kheo mới thọ giới cũng được quở trách.

Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo quở trách ba lần mà họ không dừng thì Tỳ-kheo ăn không phạm.

Luật Thập Tụng nói, nếu hai tăng trụ xứ ngồi riêng, ăn riêng, cũng nên hỏi riêng theo lời Thượng tọa ngăn chưa xong, người chưa ăn không được ăn. Người ngồi sau cũng vậy.

Trong luật nói không phạm: là Tỳ-kheo có nói: "Này cô! Hãy thôi đi! Để yên cho các Tỳ-kheo ăn xong", nếu Tỳ-kheo-ni tự mình làm đàn-việt, hoặc đàn-việt thiết trai nhờ Tỳ-kheo-ni lo liệu, hoặc không có tâm thiên vị đối với các Tỳ-kheo thì đều không phạm.

3. Thọ thức ăn của nhà học gia quá quy định

Sự việc này rất hiếm nên không nói lại. Ngày nay có gia đình tin tưởng Phật pháp, cúng dường chúng xuất gia. Năm chúng xuất gia cũng nhận sự cúng dường quá nhiều. Theo đây, chúng ta nên tự tiết chế. Há chẳng phải là phán đoán sáng suốt hay sao?

4. Thọ thực tại lan nhã có thời hạn

Đủ năm duyên thành phạm: một là chỗ lan-nhã có sự nguy hiểm; hai, là không cho đàn-việt biết trước; ba, là không bệnh, không duyên sự; bốn, là tự tay lấy ăn, trừ để dưới đất và sai người lấy; năm, là ăn vào.

GIỚI CHÚNG HỌC:

Trong giới chúng học, chủ yếu nói về oai nghi. Nó có mặt đầy đủ trong các môn, tóm lược gần hết. Nay trích yếu vài mươi giới thường hay phạm, nên tập hợp theo thứ lớp.

1. Mặc niết-bàn tăng ngay ngắn

Luật nói: không ngay ngắn có nghĩa là lúc mặc dưới thấp, cột dây lưng dưới rốn. Mặc cao là mặc trên đầu gối, vòi con voi: phía trước thòng xuống một góc. Lá cây Đa-la: là phía trước thòng xuống hai góc. Xếp nhỏ lại: xếp quấn quanh lưng eo nhăn nhó.

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm phạm, nên sám hối Đột-cát-la. Do cố ý làm nên phạm phi oai nghi Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo không cố ý làm chỉ phạm Đột-cát-la. Bốn chúng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni cũng phạm Đột-cát-la, cho đến thiên cuối cũng giống như ở đây.

Không phạm: là hoặc khi bị bệnh, trong rốn sinh mụn nhọt nên mặc thấp, hoặc nơi ống chân có ghẻ nên mặc cao, hoặc ở trong Tăng-già-lam, hoặc bên ngoài thôn xóm, hoặc lúc làm việc, lúc đi đường.

2. Mặc ba y ngay ngắn

Luật nói: không ngay ngắn: mặc thấp: thòng xuống quá khuỷu tay, trống bên hông. Mặc cao: mặc cao quá ống chân. Vòi con voi: phía trước thòng xuống một góc. Lá cây Đa-la: phía trước thòng xuống hai góc, phía sau vén cao lên. Xếp nhỏ lại: là xếp nhỏ làm thành viền của y.

Không phạm: gần giống giới trước.

3. Đi lật ngược y .

Nghĩa là: vắt ngược y hai bên trái và phải lên vai, nếu bên hông bị bệnh (ghẻ), hoặc ở trong già-lam, hoặc trên đường đi, hay lúc làm việc thì cho phép.

4. Ngồi lật ngược y lại

Văn tương tự có thể biết. Từ đây về sau, y cứ vào lượng mà giải

thích không ghi số nữa.

Luật nói y quấn cổ: năm hai chéo y, quấn lên vai. Khai duyên: giống như giới trước. Che đầu: hoặc lấy lá cây, hay dùng vật bị xé từng mảnh, hoặc lấy y che đầu. Không phạm: là hoặc bị bệnh lạnh đầu, hay trên đầu có ghẻ, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh trùm đầu để chạy thì không phạm. Đi nhún nhảy: nghĩa là hai chân nhún nhảy. Không phạm là hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bị người đánh hoặc có thú dữ, hoặc bị gai chích, hoặc lội qua mương, qua hầm phải nhảy qua.

5. Ngồi chồm hổm:

Ngồi trên đất hay trên giường mà mông không chạm đất. Không phạm là hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bên mông có ghẻ, hoặc cần đưa vật cho người khác, hoặc lễ bái, sám hối, hoặc nhận giáo giới. Chống nạnh: chống hai tay lên hông, khuỷu tay thành góc vuông. Khai duyên: như giới y quấn cổ. Lắc mình: thân nghiêng bên phải, bên trái khi rảo bước. Không phạm: là hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bị người đánh phải nghiêng mình để tránh, hoặc qua hầm phải nghiêng thân để lướt qua, hoặc khi mặc y nghiêng mình nhìn xem. Đánh đằng xa (vung tay): là thòng cánh tay đưa ra trước mà đi. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bị người đánh và các duyên khác phải đưa tay để ngăn lại, hoặc lội qua sông, hoặc đưa tay vẫy gọi bạn. Che thân: là khắp cơ thể trống trơn phải che kín. Không phạm: là hoặc bệnh, hoặc bị gió thổi bay y, liếc nhìn hai bên: ở trong xóm làng nhìn khắp mọi nơi. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc ngước mặt xem thời tiết, hoặc gặp nạn duyên phải liếc nhìn mọi hướng để tìm đường thoát thân. Yên lặng: là không lớn tiếng la lối. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc có người bị điếc phải nói to, hoặc lớn tiếng dặn dò, hoặc lớn tiếng thí thực, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh lớn tiếng gọi nhau để chạy. Cười giỡn: cười để lộ răng. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc môi bị đau không che được răng, hoặc nghĩ đến pháp hoan hỉ mà cười. Chú ý nhận thức ăn: không được để rơi cơm canh. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bát nhỏ bị rơi rửa ngoài, hoặc rơi trên bàn. Nhận thức ăn vừa ngay bát: không tràn bát, không để tràn chảy ra ngoài. Không phạm: là giống như giới trước. Nhận canh vừa ngang bát: không để chảy tràn ra ngoài. Về không phạm: giống như trên. Cơm canh cùng ăn: chẳng phải cơm đến canh hết, cơm chưa đến canh đã hết. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc lúc cần cơm không cần canh, hoặc gần quá giữa ngày, hoặc có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh cần ăn mau. Theo thứ lớp mà ăn:

nghĩa là trong bát không được moi đủ chỗ để lấy thức ăn mà ăn. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc sợ nóng moi lấy chỗ nguội mà ăn, hoặc sắp quá giữa trưa, hoặc có nạn duyên. Không nên moi giữa bát mà ăn: nghĩa là chừa xung quanh, moi giữa bát xuống tới đáy bát. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc sợ nóng nên moi ở giữa cho nguội, hoặc quá giữa trưa, hoặc nạn duyên. Khác được đòi hỏi thức ăn cho mình. Không phạm: là vì bệnh, hoặc đòi hỏi cho người khác, người khác đòi hỏi cho mình, không đòi hỏi mà được. Cơm phủ lên canh: Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc được mời ăn, hoặc khi chỉ cần canh, lúc chỉ cần cơm, không nhìn bát của người bên cạnh: xem ai nhiều ai ít. Không phạm: Tỳ-kheo bên cạnh bị bệnh, hoặc mắt bị mờ, nhìn xem họ được thức ăn chưa, tịnh hay bất tịnh, thọ hay chưa thọ, hoặc mình bị bệnh. Chú tâm vào bát mà ăn: nghĩa là không nhìn xem xung quanh. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc Tỳ-kheo ngồi gần mình mắt mờ như giới trước, hoặc quá giữa trưa hoặc nạn duyên. Không được vắt cơm lớn: tức là miệng không chứa hết. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc lúc quá giữa ngày, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh phải ăn mau. Há miệng lớn đợi cơm: nghĩa là vắt cơm chưa đến đã há miệng lớn đợi cơm. Không phạm: là như giới trước. Ngậm cơm nói: thức ăn trong miệng thì lời nói không rõ ràng, khiến người nghe không hiểu. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bị nghẹn kêu nước, hoặc nạn duyên. Vắt cơm thảy từ xa vào miệng ăn. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bị trói phải thảy thức ăn vào miệng. Thức ăn rơi vãi: nghĩa là phân nửa vào miệng, phân nửa trong tay. Không phạm: là hoặc ăn bánh tráng, hoặc ăn cơm cháy, hoặc ăn dưa, rau trái. Ăn phồng má: tức là đưa thức ăn vào miệng khiến cho hai má phồng lên giống như hai mà khỉ. Không phạm: là bị bệnh gì đó, hoặc quá giữa ngày, nạn duyên phải ăn mau. Không nhai thức ăn lớn tiếng: trừ bị bệnh, ăn bánh khô, ăn cơm cháy, ăn dưa trái (không có văn khai ăn rau cải). Húp thức ăn: há miệng rộng từ xa húp thức ăn vào. Không phạm: là bị bệnh gì đó, hoặc miệng đau, hoặc ăn nhanh, sữa lạc, rượu đắng. Không liếm thức ăn: nghĩa là không le lưỡi liếm thức ăn, trừ bệnh, hoặc bị trói tay, hoặc bị bùn, đất nhớp, mồ hôi tay nên dùng lưỡi liếm thức ăn. Không rảy tai trong lúc ăn, trừ bệnh, hoặc trong thức ăn có cỏ, côn trùng, hoặc tay có chất bất tịnh muốn rảy bỏ đi, hoặc khi chưa ăn tay xúc chạm vật bất tịnh cần phải rảy. Nhặt thức ăn rơi mà ăn: tức là cơm rơi bỏ đi. Khai như giới trước. Không được tay dơ cầm đồ đựng thức ăn: tay dơ nghĩa là trên tay có dính cơm. Trừ bệnh, hoặc nhận thức ăn trên cỏ, trên lá, hoặc rửa tay nhận. Nước rửa bình bát là nước có lẫn

cơm. Trừ khi bệnh, hoặc rửa bàn rồi hứng nước đó đổ đi. Không được đại tiểu tiện trên cỏ tươi, trừ người bệnh không thể tránh, hoặc nước chảy đến nơi đó, hoặc chim ngậm rớt xuống nơi đó. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ xuống nước. Trừ bệnh hoặc ở trên bờ đại tiểu tiện nước chảy xuống đó, ngoài ra như giới trước. Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, hoặc bị trói, hoặc chỗ đứng có bùn dơ. Không được nói pháp cho người không cung kính nghe. Trừ bệnh, hoặc vua, đại thần của vua. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ bệnh hoặc vì giữ gìn nên ngủ nghỉ đó, hoặc bị thế lực bắt buộc, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh mà ngủ nghỉ trong đó. Không cất chứa tài vật trong tháp. Trừ bệnh, hoặc vì muốn cho chắc chắn nên cất chứa, các nạn duyên khác như trên. Không được mang giày da vào tháp Phật. Trừ bị bệnh như thế, hoặc bị cưỡng bức bắt phải vào trong tháp. Không được ngồi ăn dưới tháp, để lại thức ăn bừa bãi, trừ Tỳ-kheo ăn với một oai nghi, và không làm pháp dư thực, Tỳ-kheo bị bệnh, cho phép hoặc gom lại một chỗ để bên chân, lúc ra ngoài đem đi bỏ. Không được khiêng thây chết đi qua dưới tháp. Trừ bị bệnh phải đi đường này, thế lực bắt buộc phải đi. Không được đem tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện. Khai duyên cũng giống như vậy. Không được ngồi duỗi chân về phía tháp. Trừ bệnh, hoặc ở giữa có vật ngăn cách, hoặc bị thế lực bắt buộc. Không được nắm tay nhau cùng đi. Trừ bệnh, hoặc Tỳ-kheo mắt mờ cần dìu đỡ để đi, giới khác hoặc bị bệnh duyên nên khai chung. Không nói pháp cho người không cung kính, chỉ khai cho nói pháp cho Vua và Đại thần, vì Phật pháp lưu bố rộng khắp trong thiên hạ, nhờ vào sức mạnh của Vua. Ban đầu khai cho vì muốn chánh pháp được đến với người dân, về sau thì bắt buộc mọi người phải kính ngưỡng nên không có pháp khai. Ngoài ra chung với các bộ khác rất quan trọng, ý ở đây tức mở tức hành, mà lại y vào luật nói lại. Cho nên nếu vâng theo điều này thì không thiếu sót, nên xem xét bao gồm lại. Như quyển riêng thường dùng trong oai nghi quyết chánh pháp.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 4)

THIÊN THỨ 15: PHÉP TẮC TRÌ PHẠM

Trước phân chia tùy tướng ước sự, cho đến nói bao gồm cũng chưa thể hiểu được. Cho nên phải phân biệt điều đó. Nếu lấy việc lý lẽ làm đầu, sợ kẻ sơ học không hiểu nổi.

Tông chỉ của luật nói trì phạm, tướng trì phạm thật sâu xa, người học nhiều chẳng hiểu rõ hết lý lẽ tột cùng thì nghĩa này khó biết được. Cho nên trải qua nhiều đời luôn vâng theo không thể nói khác được. Tuy ít nhiều có chia ra nhiều cách nhưng ý chính không sai khác. Nhưng về sau các vị mới học chưa hiểu rõ hệ thống giáo dục, chỉ qua thời gian chăm chỉ học tập làm sao biết được? Nhưng văn nói về trì phạm xuyên suốt một bộ. Chính là bộ Cảnh Chương. Đã y theo sự tướng, nay thử theo nghĩa bàn luận chung, chỉ ra vấn đề quan trọng của nó. Đưa ra sự việc để hiển bày, khiến cho việc nguyên cứu được dễ dàng. Trong đó phân biệt các môn: một, biết về hai chữ trì phạm; hai, là giải thích về thể trạng; ba, là nói về thành tựu; bốn, là nói về thông bít; năm, là nói về tiệm đốn; sáu, là nói về hơn kém; bảy, là chọn lựa trong nhiều khoa.

1. Nói về hai chữ Trì phạm:

Trước giải nghĩa hai chữ Chỉ trì: phương tiện chánh niệm giữ gìn những điều đã thọ nhận, ngăn ngừa thân miệng không gây ra các nghiệp ác, xem đó là chỉ. Chỉ mà không trái phạm, giới thể trong sáng, thuận với những điều đã thọ, gọi đó là trì. Trì do chỉ mà thành nên gọi giới là Chỉ Trì, giống như thiên thứ nhất.

- Tác trì: sau khi đã lìa ác rồi, việc cần là phải tu điều lành, phải sách tấn ba nghiệp tu tập giới hạnh. Có làm điều lành gọi là Tác. Trì

như trước đã giải thích. Cho nên có chỉ trì và tác trì. Luận rằng: giới tướng là chỉ, hành tướng là tác. Lại nói: ác dứt thiện làm, là nghĩa thứ tự của nó.

Kế đến giải thích hai thứ phạm, phạm đầu trong năm chúng xuất gia có đầy đủ Ba độc (tham, sân, si), chúng ta tâm ý điên đảo, xúi dục thân miệng làm trái lý, gây ra các cảnh gọi đó là Tác. Tác mà sai trái, làm dơ bẩn những điều đã thọ nhận, gọi là Phạm. Phạm do Tác mà thành, nên gọi là Tác phạm.

Đây là đối với hành pháp ác làm chính. Đã làm ác chắc chắn không tu điều lành. Cho nên tiếp theo nói về chỉ phạm. Chỉ phạm: vì tâm si mê, ngã mạn làm những việc trái với những điều đã thọ nhận, nên gọi là Phạm. Đây là đối với không tu pháp lành nói làm chính.

2. Nói về thể trạng, còn các nghĩa khác bỏ đi. Giải thích rõ ràng, thể có hai: năng trì nà sở trì.

- Năng trì: dụng tâm là thể, thân miệng là dụng cụ. Nên nói rằng: ba nghiệp này đều chỉ do tâm. Lại luật nói: đề phòng ba nghiệp, nên quan sát kỹ những ý này, sau sẽ giải thích lại.

- Sở trì: hai thứ trì phạm đều đối với hai giáo mà nói. Chế giáo có hai: chế tác, làm thì không có lỗi, không thuận theo có tội và chế chỉ mà làm thì có lỗi, chỉ thì không trái phạm.

Thính giáo, làm và không làm tất cả đều không có tội. Vì sao phải có hai giáo, vì nếu chỉ chế không khai thì hạng trung, hạ thực hành nhờ đâu mà tiến đạo. Nếu chỉ khai, không chế thì bậc thượng chỉ mong cầu tự độ, tự khuyến khích mình. Cho nên cần có hai giáo, bao gồm cả giáo mới phát sinh đầy đủ ý nghĩa. Nay chia ra hai giáo, nhiếp pháp chia bằng nhau. Chỉ trừ tác phạm, chỉ đối với sự trong hai giáo đã nói. Tác trì chỉ phạm, chung cho cả pháp và sự trong hại giáo. Cho nên trước không chung cho cả pháp, vì pháp chỉ có tiến tu mới biết được. Còn sự chỉ cần xa lìa lỗi lầm là tự nhiếp họ được, nên được nói đến. Chính là chỉ trỉ trước đối với trong hai giáo. Sự trong môn chế có hai:

- Có thể học nên chế chỉ: như dâm dục chung cho ba cảnh, trộm cắp chia làm bốn chủ, v.v... Chế tác: như thể lượng của y, bát, v.v...

- Việc không thể học: do tâm mê mờ điên đảo chạy theo cảnh nên không hiểu rõ v.v... đây là bỏ nghĩa xưa (xưa, cho rằng sự không thể học, nay do tâm mê mờ điên đảo vọng tưởng không thể học, tất cả tâm cảnh đều có thể học được, nhưng do mê mờ nên không học được, vì vậy Đức Phật khai cho tất cả, đó cũng là thính môn (cho phép).

Sự chung cho hai thứ trên. Có thể học là như phòng xá thước tấc

dài ngắn, chứa y dư nhiều ít. Không thể học: việc giống như trước đã nói, chi do mê vọng về giáo nghĩa nhưng không trái phạm. Trước sau tương chuyển nên kiết bất định.

Tác trì: đối với pháp sự trong chế môn.

Pháp: nghĩa là giáo hành. Giáo nghĩa là luật nghi. Hành nghĩa là đối trị. Sự chỉ có thể học: như thể lượng của y, bát v.v... là y cứ vào Thính môn, cũng đối với pháp sự. Pháp: nghĩa là xử phân, thuyết tịnh, v.v... sự chỉ có thể học: như y dư, phòng xá, v.v... cho nên không thông. Không thể học là do tâm mê vọng, không học mà làm được, sau sẽ nói đầy đủ. Ở đây nghĩa là theo luật nghi mà làm, không trái phạm, đều gọi là Tác trì.

Tác phạm: ngược với Chỉ trì, không nương tay vào giới tướng, gây ra các hạnh xấu, gọi là Tác phạm.

Chỉ Phạm: ngược lại với tác trì, đối với pháp sự biếng nhác không chịu học.

3. Nói về thành tựu nơi chốn

Trước là nói theo tâm, Chỉ trì có hai: một, là nói về không có xấu ác làm ô nhiễm. Chỉ trì: trước hành ba tâm có được chỉ (nghĩa là thức, tưởng, thọ, v.v... ba phi nghiệp này lưu nhập tâm hành mới thành nhân riêng, nên chia làm hai). Nhờ có giới thể trong sáng, không trái phạm gọi là Chỉ Trì. Thọ thể là ký, ba tâm là vô ký. Hai, nói về hạnh đối trị. Chỉ trì, tác trì: đều do tâm hành mà thành tựu. Ba tâm trước thì không nếu tánh thiện có thì ác, vô ký không.

Chỉ phạm, tác phạm, thành tựu do tâm hành (trước là ba hành vi tham v.v... trong trì. Nay chính là ba hành vi tham, sân, si trong phạm). Ba tâm trước cũng không (tức là ba tâm: thức, tưởng, thọ) chỉ có tánh bất thiện. Tâm trước sau khác về trì phạm, cho nên có thể biết. Sau nói về ba nghiệp thành tựu. Thân có hai trì: lìa sát (giết hại) v.v... gọi là thân chỉ trì. Nhân thức ăn ăn, v.v... gọi là thân tác trì. Miệng có hai trì: lìa bốn lỗi của miệng gọi là Chỉm biết nói năng đúng đắn gọi là Tác. Thân-miệng mỗi thứ có hai phạm. Ngược lại điều trên nên biết. Chỉ có trong ý nghiệp không thành trì phạm. Nếu thân miệng hành động thì suy nghĩ cũng thành trì phạm. Sau sẽ nói lại.

4. Nói về thông bít

Chia làm bốn môn:

- Môn nhất tâm: chỉ nói về tác nghiệp, chỉ có bít không thông vì tâm không và lưu cảnh không hiện ra ngay.

- Dùng tâm thấy cảnh: có thông có bít, bít thì trì phạm không liên

hệ nhau, thông thì trì phạm liên quan nhau. Như trong chỉ trì có tác trì, trong tác trì có chỉ trì. Chỉ phạm, tác phạm cũng như vậy, vậy làm sao biết riêng khác? Đáp: trong chỉ có tác, thâu tóm Tác thành Chỉ. Trong tác cũng vậy. Đưa ra chủ ý rõ ràng, sao lại không thông suốt? Một, là chỉ tác trì tâm biệt; hai, là chỉ tác trì cảnh biệt; ba, là chỉ tâm đối cảnh; bốn, là tác tâm đối chỉ cảnh. Nếu lấy việc tu hành để giải thích chỉ trì, như không sát (giết người) trộm cắp, trước phải tu hạnh từ bi, ít muốn, v.v... nhờ hạnh đó mà thành tựu nên gọi là Tác trì. Đối với vọng cảnh không khởi tâm xấu gọi là Chỉ trì, tức là trong chỉ có tác. Nếu lấy việc tu hành để giải thích Tác trì, như muốn yết-ma tụng giới thì trước phải ngừng dứt các duyên bên ngoài. Mong lìa các lỗi gọi là Chỉ, sau nhờ hạnh lành mà thành gọi là Tác, tức là trong tác có chỉ. Bên cạnh tâm tác phạm có chỉ phạm. Như người làm ác, trước do không học các pháp lành. Trong tâm Chỉ phạm có Tác phạm. Như người chứa y dư quá hạn, xây phòng không xin phép. Nếu không mong học tập thì Chỉ phạm, không có Tác phạm. Nếu không thì tướng thành sai trái, sau không học tập được.

5. Nói về tự dạy người: bốn câu đều Chung, như tâm trước sai người lượt nước cho mình dùng là Chỉ trì; sai người đem dục nói trong tăng là Tác trì; bảo người giết hại lại không xin phân xử; sau người làm phòng, làm bốn việc. Về sau tâm tác ý, xa lìa các tội lỗi tức trong chỉ trì có chỉ trì, cho đến chỉ phạm. Cho đến trong tâm chỉ phạm cũng có hai thứ trì phạm. Như trước sai người làm bốn tướng rồi, sau ngừng không học. Pháp hành có bốn thứ trước sau, tự nghiệp thành nhau, có có thông. Bít: giải thích dễ dàng. Thông: phải có phương tiện.

- Bốn lần bốn mươi sáu: Như trước không khác, gá vào tướng ít sai khác; như trước tự làm đồ lượt nước, giam cầm Sa-di, làm dụng cụ giết hại, đóng cửa, hiện tướng không gởi dục, làm bốn việc này rồi, sau tu hành chỉ trì, cho đến chỉ phạm. Hai môn sau này đều đối với sự tu hành, tạo nghiệp để nói về chỉ phạm.

- Nói về tiệm đốn:

1/ Theo tâm chung cả tiệm đốn, nếu tâm nghĩ dứt trừ tất cả ý ác, gọi là tâm đốn chỉ trì. Nếu muốn gây ra tất cả nghiệp ác, gọi là tâm đốn tác phạm. Nếu tu tất cả nghiệp lành gọi là tâm đốn tác trì, nếu không chịu tu các nghiệp lành gọi là chỉ phạm tâm đốn. Hoặc nói về tâm lành, vì giống nhau nên có thể biết được. Có lẽ ở chỗ thọ lãnh giới thể có trái, thuận nên chia ra hai phần trì phạm.

2/ Đối với hạnh đã nói: chỉ có tiệm không có đốn, vì trong một

hạnh không thể tu đầy đủ các hạnh khác, tác trì gọi là tiệm. Về Chỉ trì tiệm: như đang tu tâm từ không được tu các đối trị khác. Tác phạm chỉ có tiệm, vì không thể một lần phạm tất cả các giới. Lấy việc thân người nam mất do tâm nghĩ giết, hoặc vi tâm tham giết, nhưng chỉ phạm một giới, hoàn toàn không phạm vào sáu giới không giết hại, như giới bốn mươi chín, giới năm mươi sáu, v.v... đều giống như trước đã nói.

3/ Lấy chỉ phạm giải thích riêng: chia làm bốn câu: một, là giải thích tương đối tiệm đốn về không học vô ttrước. Tội không học sinh khởi trước, tội vô tri, vì không hiểu rõ ràng. Tội vô tri sinh khởi sau cho nên tiệm. Văn chép: Tăng năm tuổi hạ không biết cách yết-ma tụng giới mới phạm tội; hai, là giải thích riêng tội không học có chung tiệm đốn. Nếu tâm nghĩ có thể học nhưng đối với cảnh lại tác ý không học, thì đối với mỗi pháp sẽ phạm tội không học. Vì lúc mới thọ giới tất cả đều phát tâm học, nay lại trái với lời nguyện liền phạm. Thế nào là tiệm? Nếu tâm nghĩ không học yết-ma, mà học các việc khác, lại mong biết được yết-ma, phạm tội chỉ phạm gọi là Tiệm. Nếu nói về vô tri, chỉ có tiệm nghĩa là vì không hiểu rõ mới kết tội vô tri. Nhất tâm không đầy đủ duyên nên chỉ có Tiệm.

Hỏi: Hai tội không học và vô tri là tội gì?

Đáp: Có người nói cả hai tội đều là tội Đột-cát-la.

Nay giải thích, không học tội Đột-cát-la, vô tri có hai: Nếu không biết hoàn toàn những điều căn bản phạm tội nặng. Cho nên luật chép rằng: tăng thêm vô tri tội Ba-dật-đề. Nếu có nghi ngờ phạm tội nhẹ là Đột-cát-la. Ba, là phạm vi giới hạn: ba điều riêng khác y cứ vào giáo đối trị từ gốc, y cứ vào giáo thì: Học, là căn cứ từ đầu đến cuối, không học thì kiết tội. Tội vô tri, sau năm hạ mới kiết tội. Đối hạnh sợ tâm phóng đãng, ỷ lại sự hiểu biết kém cỏi của mình, mong bằng các bậc hiền thánh, nên học chung một loại, hơn kém chiếu cố nhau. Văn chép: Tỳ-kheo trí tuệ năm hạ theo y chỉ Tỳ-kheo trí tuệ mười hạ, cho đến thành lập được năm phần pháp thân mới lìa y chỉ. Tùng căn: Nếu lợi căn dễ ngộ trước sau hai tội, vì không học nên có tội vô tri. Nếu độn căn khó tỏ ngộ từ đầu đến cuối không học, không có tội vô tri, vì không có khả năng phân biệt. Luật chép: Tỳ-kheo ngu si suốt đời phải y chỉ.

4/ Có thể sám hối hay không? Cả hai tội đều có thể sám hối. Nếu ý ngừng không học, sau vì không hiểu rõ, kết tội vô tri. Nếu tâm nghĩ học, mà chưa biết, không kết tội vô tri. Trước đây tội không học và vô tri có xác nhận đều được sám hối.

6. Nói về sự hơn kém của trì phạm:

Trước nói về mười môn của chỉ trì, tác trì.

1. Nói theo pháp, có bốn loại khác nhau:

- Oai nghi giới.
- Hộ căn giới.
- Định cộng giới
- Đạo cộng giới.

Đầu một ngoại phàm giả Tăng giới, giữa hai nội phàm hòa hợp Tăng giới, cuối một bậc Thánh chân thật tăng giới. Đức hạnh hơn kém có ba phẩm riêng biệt. Trì oai nghi hộ căn yếu, trì là thù thắng, vì chế ngự được tâm, cho đến đạo cọng giới là cao quý.

2. Tựu vị (theo địa vị): Người vô học công đức trồn đầy nên giới hạnh cao quý. Ba quả vị mong cầu chưa dứt, giới hạnh là kém. Ngoại phàm nội phàm theo nhau dần dần suy yếu.

3. Tựu nhân (theo người): bảy chúng theo nhau cho đến giới vô nguyện của Đại Tỳ-kheo. Tỳ-ni (luật) là cao siêu.

4. Tựu hành (theo việc làm): chỉ trì lìa tội trọng là cao quý, tác trì lìa tội nhẹ là kém. Nặng nhẹ ở đây theo nhau. Nếu dứt trừ được việc làm, chỉ trì đối với tội thô, trừ được việc làm dễ thành tựu nên kém. Tác trì đối với tội tế, trừ việc làm khó khăn cho nên hơn.

5. Tựu tâm (theo tâm): có ba

- Tâm thiện trì giới: nghĩa là tu hành xa lìa sự ô nhiễm hạnh thanh tịnh, đối với việc xấu xa căn bản, oán bức v.v... không làm việc ô nhiễm.
- Tâm ác: vì danh lợi nên chịu quả báo trong đời.
- Tâm vô ký: như cuồng loạn, tâm thức hôn trầm v.v... Nếu lấy tác trì để xét nó thì có Thượng, Trung, Hạ không bằng nhau. Nếu theo thuận giáo, ai cũng trì giới thì không phân biệt ba tâm.

6. Theo bốn loại sở cầu:

- Vệ Tặc: Nịnh hót tà mạng hơn các danh lợi khác.
- Vệ tội: sơ đọa ba đường ác, luận Thành Thật chép: Tâm sâu xa của hành giả không thích làm ác, gọi là trì giới trong sạch.
- Về phước: muốn sinh lên cõi trời hưởng thọ vui sướng, v.v...
- Về đạo: những trói buộc, chấp trước v.v... nhờ giới được giải thoát.

7. Y theo phương (cõi nước) nói về trì: Diêm-phù-đề trì giới là hơn vì nhiều phiền não. Phương Tây, phương Đông trì giới là kém.

8. Y theo trước và sau Phật diệt độ: Phật tại thế là hơn, sau khi Phật diệt độ là kém. Chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp dần dần suy

yếu. Vì ngài Ưu-ba-quật-đa hỏi ngăn chặn cho là chứng ngộ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị thời Phật tại thế rất ngang ngược, người không học oai nghi sau khi Phật diệt độ cũng không bằng.

9. Theo tánh ngăn che: hai giới khác nhau, mạnh yếu giúp nhau. Mười sáu tụ thượng, hạ, mạnh yếu giúp nhau.

Kế là nói về mười môn hơn kém của chỉ phạm, tác phạm:

1. Chia theo địa vị: Bậc vô học ngộ phạm cho nên nhẹ, ba quả (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm) cố phạm nên nặng. Năng lực vô lậu của ba quả mạnh, nên tuy phạm cũng nhẹ. Nội phàm tu đạo còn yếu nên nặng. Cho đến ngoại phàm so sánh nhau có thể biết được.

2. Đối với việc làm: Tác phạm là nặng, chỉ phạm là nhẹ, cũng có thể cố làm thì nặng, vô tình làm thì nhẹ.

3. Theo phẩm của tâm nói về hơn kém giống như phân chia ở thiên Ba Tánh thứ nhất.

4. Giới oai nghi: Thượng, hạ, nặng, nhẹ của thiên tụ có thể biết.

5. Y theo tánh ngăn che chia nặng nhẹ vì tánh phạm nên không trừ được tội ở địa ngục, như luận Đại Trí Độ nói.

6. Y theo thời gian: trước sau khi Phật diệt độ chia ra phạm nặng nhẹ. Như trong phần chỉ trì, tác trì có thể hiểu được.

7. Tâm thấy cảnh: như Mẫu luận (luận Tỳ-ni mẫu) chép: phạm tội tất cả đều do cảnh. Vì chú ý nên thành nghiệp, tâm có thêm vì cảnh vi tế có hơn kém. Hoặc tâm cảnh đều nặng, người làm và nghĩ giết hại, hoặc cảnh nặng tâm nhẹ, người làm chẳng phải người nghĩ, hoặc cảnh nhẹ tâm nặng, chẳng phải người làm là người nghĩ. Ở đây luận chung cho tất cả giới, không hạn cuộc một giới nào cả. Trong giới dâm tự có nặng nhẹ, đó là súc sinh và người, trong người có người tại gia, người xuất gia, trong người tại gia có người trì giới, người phá giới; năm chúng xuất gia có người trì giới, người phá giới. Cho đến bậc Thánh phạm nặng mà quả báo khác nhau. Phạm nặng của giới trộm thứ hai, lấy vật của trời, người cho đến bậc Thánh Tam bảo phạm khác nhau. Lấy vật của tăng là nặng nhất. Giới giết hại thứ ba, luận Thành Thật chép: Như trong Lục túc Tỳ-đàm nói: giết người tà kiến nhẹ hơn giết con kiến, vì người này làm ô nhiễm thế gian, gây nhiều tổn hại. Giới nói dối thứ tư, nói với người tại gia phạm nặng, nói với người xuất gia phạm nhẹ.

8. Y cứ vào những điều chế ước theo quả báo để nói về nặng nhẹ, như Mẫu luận chép: như ba giới về làm phòng, mọi người hay phạm luật chế theo lỗi của con người nên chế nặng. Đã ngăn chặn làm ác thì cảm thọ quả báo nhẹ. Nên luận nói: pháp kiết giới khác nhau, nhẹ chế

nặng, gọi là pháp đắc tội khác nhau, nhân quả tương đương, hoặc phạm nhẹ mà quả báo nặng. Như tánh tội đánh Tỳ-kheo v.v... Nghĩa ít có nên luật chế nhẹ. Trái với lý là nghiệp, tâm nặng thì chiêu cảm quả báo cũng nặng. Nên luận nói: pháp kiết giới khác nhau. Nặng chế nhẹ, gọi là pháp đắc tội khác nhau, nhân quả tương đương, hoặc phạm và quả báo đều nặng như lỗi lầm xấu xa, huỷ báng v.v... hoặc phạm và quả báo đều nhẹ như thân, miệng không nhớ nghĩ, oai nghi không nghiêm trang, hoặc phạm tâm hổ thẹn, v.v... hai câu sau này pháp kiết giới không khác với pháp đắc tội, pháp đắc tội không khác pháp kiết giới.

9. Ba thời của đơn Tâm: xét về phạm nặng nhẹ, như trong kinh Thiện Sinh lại y cứ theo tám câu nặng nhẹ của giới sát. Theo địa vị chia làm bốn phần khác nhau.

- Một câu ba thời đều nặng: nghĩa là phương tiện đưa ra có tâm hại, khi căn bản khởi lên có tâm vui, việc thành khởi tâm tùy hỷ.

- Có ba câu hai thời nặng, một thời nhẹ. Đầu là phương tiện căn bản nặng, việc thành nhẹ; giữa là phương tiện nhẹ, căn bản việc thành nặng, sau phương tiện việc thành nặng, căn bản nhẹ.

- Có ba câu một nặng, hai nhẹ. Đầu là căn bản nặng, giữa cuối nhẹ; giữa phương tiện nặng, đầu cuối nhẹ; cuối thành việc nặng, đầu giữa nhẹ.

- Có một câu: ba thời đều nhẹ.

Như luật Tăng-kỳ, ngài Ma-ha-la không biết giới tướng, dạy người khác giết người vì thương xót. Thiện Sinh trong luật Thập Tụng gào khóc khi cha mẹ bị giết vì lo sợ và đau đớn, đã hại đến tính mạng của cha mẹ. Luật y cứ người nghĩ đến tám việc đều phạm nặng, vì việc làm theo tâm nghĩ, nên tội báo khác nhau.

Luận Thành Thật chép: Vì sợ oan nghiệt sâu xa mà giết một con kiến nặng hơn từ tâm giết người.

10. Có tâm, không có tâm đối nhau có tám câu: bốn vị như trước.

- Một câu ba thời đều có tâm.

- Có ba câu: 1. Đầu giữa có tâm, cuối không có tâm phạm bốn tội trọng; 2. Đầu không có tâm, giữa cuối có tâm cũng phạm bốn tội trọng; 3. Đầu cuối có tâm, giữa không có tâm phạm, giới đầu tiên phạm nặng, ba giới sau phạm Thâu-lan-giá hoặc Đột-cát-la.

- Có ba câu: 1/ Giữa có tâm, đầu cuối không có tâm, phạm bốn tội trọng; 2/ Đầu có tâm, giữa cuối không có tâm, phạm giới đầu nặng, ba giới sau Thâu-lan-giá hoặc Đột-cát-la; 3/ Cuối có tâm, đầu giữa không có tâm, giới dâm phạm trọng vì việc xong có cảm thọ dục lạc, ba giới

sau phạm Đột-cát-la.

- Có một câu: ba thời đều không có tâm nên không phạm.

Cho nên trong luật, nếu nghĩ rằng ta sẽ nói dối, ví dụ như tám câu sau, vì tâm có mặt hoặc không nên phân biệt phạm và không phạm, không giống với tám câu trước đều có tâm.

Sau nói về không có tâm: hoặc không có tâm ưa thích, tâm giết hại, trộm cắp, v.v... hoặc cuồng loạn, không hiểu biết v.v...

Chọn lựa trong nhiều khoa: có năm phần.

1. Theo không học, vô tri phân biệt địa vị rõ ràng.
2. Phân biệt phương tiện kết quả.
3. Phân biệt đủ duyên thành phạm.
4. Phân biệt cảnh tưởng.
5. Phân biệt tạp tưởng.

*** Không học vô tri:** Tướng này rất nhỏ nhiệm, không rõ ràng, trước kiết theo thứ lớp, sau đó khai cho tất cả giới.

Phạm tướng: nghĩa là từ lúc thọ giới về sau, phải siêng năng học Ba tạng (kinh luật luận). Đối với cảnh mê vọng, gặp duyên sẽ gây ra các nghiệp. Tùy theo tướng mà cảnh tưởng hiện ra. Nếu vì không học, không biết sự pháp, khi tiếp xúc liền trái phạm. Phật dạy: "Tùy theo việc làm mà kiết tội căn bản, lại tăng thêm tội vô tri". Đã lược kiết theo thứ lớp, phải phối hợp với vị trí của pháp. Nay lập hai cái chín câu, làm khuôn phép trì phạm. Vả lại, y cứ vào một việc để thông với các giới khác. Trước theo chỉ trì nói về sự phân chia ra tội có, không, nặng, nhẹ. Thứ nhất nói về sự nên học. Gồm chín câu, chia làm ba phẩm. Thượng phẩm một câu: biết sự biết phạm, Trung phẩm bốn câu: biết sự nghi phạm; biết sự biết phạm; biết phạm nghi sự; biết phạm không biết sự. Hạ phẩm bốn câu: nghi sự nghi phạm; nghi sự không biết phạm; không biết sự nghi phạm; không biết sự không biết phạm. Kế là giải thích nói Trung, Thượng không biết: phạm cho là không phạm, mê muội nhẹ cho là nặng. Trong phần nghi cũng vậy, nghi có nghi không, nghi nhẹ, nghi nặng, vì Thượng phẩm biết sự biết phạm, nên chẳng có tội không học và vô tri; Trung phẩm vì chấp vào sự hiểu biết, đối với tội và sự sinh nghi không biết, nên có tám tội, mỗi tội có không học và vô tri, bốn câu hạ phẩm là mười sáu tội. Hai mươi bốn tội trong đây có sáu Ba-dật-đề, mười sáu Đột-cát-la (vì vô tri nên phạm tội nặng. Ngoài ra, có nghi mà không học đều phạm Đột-cát-la. Nhưng tất cả đều không phạm tội căn bản, gọi là chỉ trì. Thượng phẩm biết sự biết phạm nên gọi là chỉ trì thượng phẩm. Trung phẩm tội ít, gọi là chỉ trì trung phẩm. Hạ phẩm tội

rất nhiều nên gọi là chỉ trì hạ phẩm. Tất cả đều chỉ đối với một việc, kế là đối với sự không thể học để nói về chín câu chỉ trì. Theo sự theo tội, mỗi việc đều có ba tâm.

Thứ nhất, có ba câu: biết sự biết phạm; biết sự nghi phạm; và biết sự không biết phạm.

Thứ hai có ba câu: nghi sự biết phạm; nghi sự nghi phạm; và nghi sự không biết phạm.

Thứ ba có ba câu: không biết sự biết phạm; nghi phạm không biết sự; và không biết phạm. Trong ba câu thứ ba này, hai câu sau, mỗi câu có nghi và không biết. Riêng mỗi câu, có hai tội không học và vô tri, cộng chung hai mươi tội, cũng không phạm tội căn bản, gọi là Chỉ trì. Nhưng sự thì có thể học, vì tưởng nghi không sinh, tuy duyên không rõ ràng. Bậc thánh thì không phạm những điều đã chế.

Hỏi: Như giới giết hai và trộm cắp v.v... người tưởng chẳng phải, có chủ tưởng vô chủ, luật kiết vô tội. Vậy có phạm điều đã chế hay không?

Đáp: Hoặc theo cảnh tội, người chẳng phải người, liền kiết tâm phạm. Hoặc theo chẳng phải cảnh tội, vì vật vô chủ, người kia tâm mê muội nên không kiết tội chính. Tất cả đều theo tội mà kiết cho nên có phạm, không phạm khác nhau. Lại không giống với đoạn trước vì pháp sự đều biết. Đó là sự đáng học, có nghi không biết đều chế tội. Nếu vậy, sau theo pháp cũng có suy nghĩ thay đổi. Như không phân xử tưởng phân xử và nghi, cũng không phạm tội nặng, vì sao chế tội?

Đáp: Ở đây y cứ vào phần chỉ trì, nói theo sự, thì đều như đã đưa ra. Đối với pháp có hai lần chín câu, trong phần tác trì sau sẽ nói lại. Kế là trong phần tác phạm, pháp sự đáng học như chín câu trước pháp sự không đáng học như chín câu sau, giống như phần trước, chỉ có phạm tội căn bản là khác. Ở đây, trong căn bản không biết sự, hoặc không phạm: nghĩa là từ đầu đến cuối đều không có tâm. Như giết người nhầm lẫn v.v... trừ giới dâm và giới uống rượu. Nếu khoảng giữa thay đổi ý nghĩ, nghi sự, không biết sự, vì tâm sai sử đó là phương tiện, nếu không sai sử kiết tội căn bản, thì hoặc không gây tạo việc trước. Chín câu sau này, biết sự có ba câu là tác phạm thượng phẩm. Nghi có ba câu là tác phạm trung phẩm. Không biết sự có ba câu là tác phạm hạ phẩm. Hoặc vì vô tội, đối với pháp biết đại khái có thể giải thích được. Sở dĩ trong chín câu trước, thượng phẩm có một câu, vì sự pháp đều rõ biết, chưa thể luận tội, chín câu sau chia làm ba phẩm, mỗi phẩm có ba câu. Tất cả đều do một việc bao gồm nghi và không biết, nên kiết tội thay đổi rõ ràng.

Cho nên chia làm hai lần chín câu. Nếu nói theo tội, hai tâm sau nghi và không biết gồm mười hai tội đều phạm rốt ráo, vì tội đáng học do không học nên không biết. Cho nên văn chép: chẳng phải vì vô tri mà miễn tội cho, nếu phạm tội cứ đúng như pháp mà trị, lại chồng thêm tội vô tri. Vô tri và nghi đều là rốt ráo. Nếu không nghi và biết, hoàn toàn không phạm, thì không có quả vị nào để đến. Trước nói vô tội: nghĩa là chẳng có tội không học và vô tri, chẳng phải nói không có tội căn bản.

Hỏi: Trong căn bản không biết sự có ba câu vô tội, thì thành sáu câu, vì sao nói tác phạm có chín câu?

Đáp: Nếu theo căn bản chỉ có sáu câu, nhưng dưới ba câu trên không biết và nghi cũng có phạm.

- Nếu như vậy ở dưới đây nghi v.v... chính là không học, thuộc về chỉ phạm, chẳng phải tác phạm, tại sao nói tác phạm chín câu.

- Vì theo tội căn bản nên được gọi là Tác phạm, lại chắc chắn do tạo nghiệp trước, nên gọi chung là tác phạm.

- Nếu vậy không biết sự, không biết tội tức là vô tội, đúng ra có tám câu, không thể có chín câu.

- Như trước đã giải thích theo nhau mà biết. Lại giải thích, nếu theo việc có thể học, sinh mê có thể học vẫn có chín câu đều phạm tội căn bản. Nếu sự đáng học, sinh mê không đáng học, chỉ sáu câu có tội, trừ hạ phẩm. Nếu thay đổi ý nghĩ kiết tâm trước là Thâu-lan-giá. Có được chín câu đều là phương tiện tội. Nếu suy nghĩ mê lầm thì tâm sau chỉ có được sáu câu. Như có chủ tưởng vô chủ, vì thế vô tội. Hoặc chín câu, người mà tưởng chẳng phải người, tâm sau là Đột-cát-la. Nguyên nhân sinh tội, nếu bao gồm chỉ phạm có tám câu, theo nhau tạo ra nghiệp, cũng nói chín câu, đã cố gắng phân biệt, chẳng biết người đọc có rõ không? Cần suy nghĩ thêm.

Kế là nói về chín câu tác trì: Nếu phân biệt theo đối với sự pháp thì thật cũng có hai lần chín câu. Nhưng nói về tác dụng sai biệt thì không khác. Nên gộp thành một lần chín câu, chỉ nói về cái đáng học. Nay sở dĩ đưa ra các câu như trong phần sự có thể học của môn chỉ trì ở trên, vì đây chỉ thuận theo giáo tác sự khác với trước. Trong đây chia làm ba. Thứ nhất có một câu: biết pháp (nghĩa là biết làm phòng phải bách nhị để xin) biết phạm (nếu không làm pháp xin thì phạm tội Tăng tàn). Trung phẩm có bốn câu: biết pháp nghi phạm; biết pháp không biết phạm; nghi pháp biết phạm; và không biết pháp biết phạm. Hạ phẩm có bốn câu: nghi pháp nghi phạm; nghi pháp không biết phạm; không biết pháp nghi phạm; và không biết pháp không biết phạm. Vì

mê pháp không đáng học cũng có chín câu, như chín câu sau của đoạn trước đã nói.

Kế là nói về chỉ phạm: hoặc chín câu, hoặc tám câu.

Chín câu: Thượng phẩm bốn câu có mười sáu tội, Trung phẩm bốn câu có tám tội, Hạ phẩm một câu chỉ phạm một tội căn bản. Như không xin chỗ mà làm phòng chỉ phạm một tội Tăng tàn. Vì biết pháp biết phạm nên không có tội không học và vô tri. Vì điên đảo nên chín câu trước không giống, môn phạm giải nghĩa, tội nhiều là thượng phẩm.

Phạm bốn tội căn bản (Ba-la-di) và Tăng tàn, mỗi tội đều thêm tội không học và vô tri, như trước đã kể, không cần nói nhiều làm gì.

Tám câu: Nói theo giáo hạnh không học thì hạ phẩm một câu: không biết pháp biết phạm. Nói theo sự thì cũng có hai lần chín câu. Nghĩa là mê đáng học và mê không đáng học. Như không thuyết tịnh, thấy phạm không phát lồ, tức là đáng học. Nếu mê hoặc quên tức là không đáng học. Biết rõ ràng như vậy, tùy theo chỉ ra một giới nào để hiểu được tất cả, dường như cùng khắp pháp giới.

Phương tiện đến kết quả: Tạo nghiệp tu hành đối với cảnh hiện tại tất cả đều có ba thời. Cho nên Đức Phật tùy thời mà chế, cốt để người trí quyết chí không làm, đã lược dẫn ra như trên.

Tiền phương tiện là gì? Nói chung về các tụ, trong luận Minh Liễu, thiên thứ nhất, thiên thứ hai có ba phương tiện. Thiên thứ ba, thiên thứ tư lập ra hai phương tiện. Trong thiên thứ năm chỉ có tâm nghĩ, thân miệng hành động, nên chỉ có tội căn bản không có phương tiện. Nếu ý nghĩ, thân miệng hành động cũng có phương tiện gần xa; nhưng trong luật chỉ nói thành tội Ba-la-di, không thành tội Thâu-lan-giá, cũng không chia ra nặng nhẹ như đã nói ở đầu quyển. Nay hợp chung cả nặng nhẹ.

Nói theo giới dâm trong thiên thứ nhất, thì nếu trong tâm có ý dâm mà thân miệng chưa biểu hiện, gọi là Phương tiện xa, như vậy phạm Đột-cát-la, cho nên văn chép: hoặc phát tâm làm, hoặc tâm nghĩ làm.

Hỏi: Nếu vậy chỉ có tâm làm sao phân biệt?

Đáp: Luật chế tâm nghĩ, thân miệng hành động gọi là kỳ nghiệp, nếu chỉ có tâm thì chế định do Đại thừa.

Luật Thiện Kiến chép: người phàm thường chạy theo cảnh dục, còn bậc Thánh thì thường chế ngự tâm giới, không có kỳ hạn lơi lỏng cho nên trong luật, nếu tâm khởi mà thân miệng chưa hành động, chỉ cần nhanh chóng tự trách mình rồi trở lại tâm tốt, ấy gọi là không phạm. Thân miệng hành động chưa đến cảnh hiện tiền, gọi là phương tiện gần,

phạm Thâu-lan-giá. Đến chỗ cảnh hiện tiền nếu hai thân xúc chạm chưa đến chỗ phạm, trở về sau gọi là phương tiện gần, đó là phạm Thâu-lan-giá nặng.

Các tụ sau tuy nặng nhẹ nhiều ít khác nhau, nhưng có thể y theo tướng rõ ràng.

Thế nào gọi là Phương tiện? ba duyên trở lên gần đến kết quả, hoặc bảy duyên trở ngại không thành nên tội là căn bản theo phương tiện (nghĩa bảy duyên nói như sau) nếu không có bảy duyên thì đưa đến kết quả. Vậy tướng như thế nào? Nghĩa là từ đường vào đường, vào chỉ như đầu sợi lông gọi là Dâm. Dời vật khỏi chỗ cũ gọi là trộm, cắt đứt mạng sống con người gọi là Giết hại.

Nói biết rõ ràng là dối, như thế đã nói theo tướng rồi, nên lúc kết tội đều lấy nhân trước cộng lại thành một quả, khác với nhân thành quả của bộ khác. Đã có phương tiện lúc đầu, vậy phương tiện sau là thế nào? Nghĩa là việc đã làm nhất định hợp với lòng mình, tâm trước sinh vui vẻ chưa suy nghĩ sửa đổi, lại kết tội đó nói chung là phạm Đột-cát-la.

Ba duyên thành phạm: trước nói ý thành phạm, nghiệp không tự thành, nếu thành nhờ tu tạo các duyên đầy đủ mới kết tội phước. Nếu có một chút trái ngược ngăn cản, thì kết đó là Phương tiện, cho nên trong luật phạm tướng đều nhờ nhân duyên, vì tội ở sáu tụ pháp sám hối khác nhau, khác với lời dạy chỉ luận về thành nghiệp. Ngoài kết phạm, không nói trái với những điều đã chế ra. Nay y theo hai duyên chung riêng của các giới. Duyên khác đủ phạm tướng, như trước đã tùy theo giới giải thích xong, có người lập chung năm duyên dùng để giải thích các giới đều là nghĩa này. Những duyên sau chưa biết, nay lập duyên chung bao gồm sáu nhóm có bảy loại khác nhau.

1/ Người trong năm chúng xuất gia: ngoài việc lựa chọn ra, người mắc mười ba già nạn không được thọ giới, vô tội có thể được, hoặc người trong năm chúng gây ra cảnh chưa đến quả, hoặc tự cắt đứt mạng sống, hoặc giết người, vì người khác hoặc xả giới đã thọ, hoặc sinh tà kiến, hai hình v.v... đều không phải là người trong năm chúng. Việc làm có suy nghĩ thì thông suốt không có giới nào để trái phạm.

2/ Người tuy thọ giới của năm chúng nhưng vì bệnh nặng, điên cuồng, suy loạn, khổ não ràng buộc v.v... dù họ tạo ra những việc trước, đều không có lỗi. Nếu tâm rõ biết đó là Tỳ-kheo thì tùy theo việc làm trước phạm tội.

3/ Tâm mong cảnh hiện tiền: chẳng phải nói lúc đối cảnh hoặc có cảnh mê lầm có sai trái, hoặc các duyên khác vô ký, như hoặc ngủ say

không biết đều không phạm tội chính. Nếu trước làm phương tiện, sau tùy theo ba tánh của tâm đều kết tội. Luật Thập Tụng, Già luận nói: nếu trước làm phương tiện giết mẹ rồi, tự mình ngủ, mẹ chết là tâm vô ký phạm tội nghịch và trọng. Bậc A-la-hán vô ký phạm giới, nếu thức dậy phải sám hối ngay, phàm phu phải y theo đây. Luận Đại Trí Độ, nói bậc A-la-hán không phải ngủ say, chỉ vì mang thân bốn đại nên phải nghỉ ngơi một chút mà thôi.

4/ Không có nạn mạng sống: nghĩa là không vì các duyên kẻ thù, phi nhân, thú dữ cắt đứt mạng sống, thì phạm giới trước. Nếu tánh giới nhất định không khai, huống chi giết người khác, dối trá người khác để tự nuôi sống thân mạng. Chỉ có một giới dâm khai cho cảnh hợp ba thời không nhiễm ô vì cảnh không tổn giảm, các giới khác thì có chế. Văn chép: ta vì các đệ tử kết giới rồi thà chết không trái phạm, nếu nói về già giới thì có khai và không khai. Đạo lực đã thành đến chết không huỷ bỏ như các Tỳ-kheo bị cột bằng giây cỏ, như bè để qua biển v.v... (xuất xứ từ luận Đại Trang Nghiêm). Những ý chí kém hèn khác, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh khai cho thiên thứ ba về sau, thiên thứ hai trở lên là gốc của phạm hạnh.

5/ Không có nạn phạm hạnh: nghĩa là hoặc có bé gái, quả phụ ẩn núp, dưới nước trên cạn nhiều côn trùng nhỏ nhít, cùng ở với nhiều bạn ác, những việc như vậy đều là duyên phạm.

Văn chép: nếu ở lại chỗ này chắc chắn ta sẽ bị nạn phạm hạnh.

Phật dạy: "Vì việc nay nên đi". Nói theo đây, đối với thiên thứ ba về sau thể là oai nghi, không khai tánh giới, theo trong già giới, hoặc là ngăn chặn việc ác, hoặc việc nhẹ, hoặc dùng nhẹ ngăn chặn nặng. Nếu không khai thì ngược lại phần trên có thể biết. Tỳ-ni mẫu chép: phạm tội có ba: một là duyên, hai là chế, và ba là trùng chế, hoặc một là chậm, hai là nhanh, ba là xử lý quyết đoán, đó gọi là Luật sư.

6/ Xứng với bổn cảnh: nghĩa là phi đường tưởng là đường, vật vô chủ tưởng có chủ, phi nhân tưởng nhân, như thế mỗi việc chẳng phải là điều mong muốn, khác với cảnh nên tội chỉ ở phương tiện.

7/ Tiến đến kết quả chính: nếu dừng tức là thành phương tiện. Tướng có bốn phần: - Nhờ pháp ngăn cản nên thành phương tiện, tất cả các giới can ngăn, bạch xong mà xả, nhờ can ngăn nên dừng, không thành kết quả.

- Lười biếng mà dừng, muốn làm việc trước vì phá hoại ngăn cản, hoặc sức mạnh không thể xâm phạm nên huỷ bỏ bổn tâm.

- Vì tâm tốt mà dừng, nghĩa là định gây ra tội bỗng nhớ lại mình

đã thọ giới sợ ô nhiễm điều mong ước của mình, nên chống lại ngăn chặn khiến cho việc ác không tiếp tục.

- Tâm nghi mà dừng, tâm tưởng khác nhau, dẫn đến kết quả khác nhau. Nghi ở đây là nghĩ đúng là người, nghi chẳng phải người, tâm nghi không quyết định được sợ giết chẳng phải người liền dừng.

Trước đã trình bày các duyên chung, lại tùy theo trong giới lấy duyên riêng.

*** Nói về tác phạm chỉ phạm**: biết được tướng nhân quả nhẹ nặng, phạm không phạm, mới được pháp sám hối, không nên chung chung thì sám hối không hết tội. Bốn cảnh tưởng khác với năm môn:

- Phải chế ngự
- Nói rộng về cảnh giới
- Có-không
- Quyết định nhiều ít
- Giải thích nặng nhẹ.

Chế ngự ý: Nếu không chế ngự cảnh tưởng thì phạm tội, nặng nhẹ chung chung không phân biệt vì có không chẳng rõ ràng. Ở cuối các giới Đức Phật đều khai mở đầy đủ, dù có thiếu văn, nhưng phần nhiều là lược.

*** Nói về cảnh phạm**: theo thứ lớp cũng có năm:

- Nội báo
- Ngoại sự
- Y theo pháp
- Đối thời
- Y theo tội

Nội báo: nghĩa là người, trời chẳng phải súc sinh. Nếu bốn cảnh đều phạm, đó là như giới dâm, hoặc mỗi cảnh lên xuống như giới trộm v.v... lại theo loài người mà phân biệt đạo-tục. Tục như buôn bán, nhà có của báu v.v... Nói là như phỉ báng, che giấu, nói năng, đánh đập, nghi tạng, v.v... Chung cho đạo-tục; hai đêm dâm xúc chạm, hai lời nói thô ác, v.v...

Nhưng trong đạo có nội ngoại, ngoại hạn cục ở y thực, nội như huỷ hoại cả hai. Lại trong nội chung cả lớn nhỏ, lớn như phỉ báng, cướp đoạt, nhỏ nghĩa là dưới năm; lại trong làm có hình báo, thuận theo điều đó hạn cục là Tỳ-kheo. Như chung đường, chung thuyền, may y, khuyến hóa thức ăn, việc này riêng ni chúng; như phỉ báng che giấu nói nghĩa bao gồm cả hai chúng. Còn những thứ chung khác có thể biết. Lại trong hình báo có sắc phân biệt, như dâm chỉ có sắc, dâm với thây chết cũng

phạm. Văn chép: Đường nghĩ là đường, ở đây chung cho bốn chỗ, lỗi lầm cũng vậy. Cảnh vẫn là rộng rãi, tự có theo tâm làm cảnh, nên quán như thế v.v... tưởng tâm nhiễm y thực sơ lược, nên biết không phân chia cụ thể.

* ***Ngoại sự***: trong ngoại sự như đào đất cỏ cây, không thọ thức ăn cách đêm, khuyến uống rượu, v.v... cũng có thể như y, bát dư. Chung cho nội ngoại: như trộm cướp, nước có côn trùng, v.v...

* ***Pháp có bốn***: - Tự xưng, làm mai mối, nói lời thô ác

- Dối trá, huỷ báng v.v... vì người khác làm pháp phân xử, các cách can ngăn, v.v...

- Pháp trị nghĩa là tùy theo cử tội mà trị, v.v...

- Pháp tướng đạo lý, nghĩa là mười tám pháp, v.v...

* ***Y cứ theo thời:*** như trưa, chiều, phi thời, hạ, năm, cách hai, ba đêm, nội túc, ban đêm tính theo mặt trời, v.v...

* ***Theo tội:*** như che giấu, nói năng, v.v...

Môn thứ ba Có-Không: Theo bản luận tăng, gồm hai mươi sáu giới có, còn các giới khác là không. Đó là bốn giới đầu tiên, sáu giới trong thiên thứ hai, một giới trong ba mươi Ni-tát-kỳ-Ba-dật-đề, mười lăm giới trong chín mươi Ba-dật-đề. Đối với có ba mươi năm, nghĩa là hai giới làm phòng, gồm có bảy: trộm, mai mối, nói thô ác, hoại sự sống, mỗi thứ có hai trọng. Trong luật Ni chẳng phải không, lại lược bớt, như ban đầu đã nói.

Kế là nói không: chung với năm phần trước.

1. Nội báo không, hoặc lý không, như giới về lỗi lầm thiếu sót, gặp duyên thành phạm, cần gì cảnh tưởng vì đều phạm như nhau. Hoặc có thể lược vô vì tưởng là đường, nếu nghi chỉ phạm tội thâu-lan-giá. Cho nên điều bộ luật chép: Tưởng chẳng phải đường, không nghi phạm Tăng tàn nên biết đó là lược, hai pháp bất định lược vô. Biết phỉ báng, chiếm đoạt nói hai lưỡi, chê bai, mắng nhiếc v.v... giới hạn ở cảnh phạm này, nên có cảnh tưởng. Văn không có.

2. Ngoại sự: lược vô như chỗ khuất kín, chỗ trống, trải ở chỗ trống, cất chứa y, v.v...

3. Pháp: Trong pháp lý không vì không có cái gì đối với pháp như giết, trộm, v.v...

Nói lược không: như hai giới nói dối lớn nhỏ và can ngăn tùy cử, v.v... Như luật tăng-kỳ, hai tùy đều có cảnh tưởng. Vì vậy môi giới, thô ác, v.v... ngược với ở đây, nên có pháp tưởng, cũng có thể quán tác, quán tưởng, gián tác, gián tưởng, phi pháp v.v... đều là lý có lược vô.

Thời như tắm gội, vào xóm làng cũng là lược vô tội, lược vô như giới che giấu của ni. Các giới khác lý vô vì không đúng với tội.

4. Nói về ít nhiều: pháp của cảnh tưởng hoặc bốn hoặc năm, sợ người chưa thành thạo cho nên dựa vào giới sát mà lập tướng trình bày.

Câu một người nghĩ là người (tâm cảnh tương đương); câu hai người nghi chẳng phải người (cảnh định tâm nghi); câu ba mà người nghĩ chẳng phải người (cảnh định tâm khác); câu bốn chẳng phải người tưởng là người (cảnh khác tâm định); câu năm chẳng phải người nghi là người (cảnh khác tâm chuyển) năm câu như vậy, sở dĩ nhiều ít chỉ do câu thứ ba người mà tưởng chẳng phải người, vì một câu bất định này hoặc bốn hoặc năm. Sở dĩ như vậy vì xưa giải thích nếu nặng nhẹ đối nhau, xác định có ba câu nên tức thành năm câu. Như giới dâm, thay đổi tưởng và mê đều phạm Ba-la-di và thâu-lan-giá. Nếu giới sát, vọng, xúc chạm, nói lời thô ác v.v... thay đổi tưởng phạm Thâu-lan-giá, Đột-cát-la, vốn mê muội cũng phạm Đột-cát-la, cho nên phải là câu thứ ba để thành năm bậc. Nếu hai cảnh phạm, và không phạm đối nhau như không phân xử, trộm v.v... giới trộm có bốn (vì vật có chủ tưởng vô chủ) không phân xử đầy đủ có năm (không phân xử tưởng có phân xử). Năm nghĩa là chuyển tưởng có tâm trước phạm Thâu-lan-giá. Bốn là y theo vốn mê muội, hai cảnh hoàn toàn vô tội. Vì năm nghĩa này, hoặc phạm, không phạm, hoặc bốn hoặc năm, lại giải thích trong nặng nhẹ, vị trí có ba loại, nếu chuyển tưởng thì xác định có năm, mê thì hoặc bốn hoặc năm, thế nào là hoặc bốn hoặc năm? Nếu đối với hai chỗ cảnh phạm khởi mê vì có tội cát-la, thành ở đây đủ năm. Tưởng đối với những việc vô tình tất cả đều không phạm, vì vậy chỉ có bốn, tương tự như phú thuyết, giống như trước cũng vậy. Nếu đối với ba giới sau nặng nhẹ đủ năm, nhưng lại vào phần khai thông. Đây là hoàn toàn chẳng phải tội, vì phú thuyết không phạm. Nhưng đó vốn là mê muội thì bốn hoặc năm, nếu y theo nghĩa này phạm, không phạm vị trí phân biệt cũng có ba thứ nặng nhẹ như trên, nên trước đây xác định là năm, vì tiến đến không phạm tức thành bốn hoặc năm. Nay phạm, không phạm như trong giới trộm, trước là bốn hoặc năm, nay trong phạm giảm xuống, đối với không chứa hai vật, tưởng, mê đều có năm và cũng thành ba vị trí. Đây tức cả hai đối với lý ngang nhau. Trong văn nói lời thêu dệt, đó là sát, vọng, xúc v.v... lấy nặng nhẹ để phân tích. Trộm là nói theo phạm, không phạm cho nên giết hại có năm, trộm cướp có bốn. Lại ở đây nói trong phạm có nặng nhẹ như trước đã bàn. Trong phạm như đào đất,

không phân xử, phi thời khuyên ăn no v.v... không có nghĩa nặng nhẹ, chỉ có hoặc bốn hoặc năm. Các giới khác y theo đây có thể biết, lại nữa từ trước đến nay giải thích như vậy, y cứ chung hai cảnh bổn dị để luận bàn, nên nói xác định năm câu hoặc bốn, năm câu. Nếu chỉ theo bổn cảnh phạm có không thì tất cả cảnh tưởng bốn, tức bằng bốn. Nói vốn mê muội nên có năm, tức đầy đủ năm câu. Nói chuyển tưởng, chỉ trong văn nói với nhau, còn những việc phạm này đều y cứ vào bổn cảnh bổn tưởng. Nếu dị cảnh tâm sau luật đều không kiết tội, như nghi tưởng chẳng phải người phạm thâu-lan-giá, đó là bổn tưởng Thâu-lan-giá, lúc sau nghi tưởng chẳng phải người chỉ phạm Đột-cát-la. Đủ năm duyên, giết chẳng phải người phạm Thâu-lan-giá. Nay tưởng là người cũng phạm Đột-cát-la cho nên y cứ trình bày tất cả nghĩa của cảnh tưởng, có thể đối với các loại giới nói về trì phạm.

Kế đến giải thích văn này, vị trí năm bậc như trước đã trình bày, vì phạm chẳng thể không do cảnh quan hệ với tâm mới thành nghiệp. Nhưng vì cảnh có hơn, kém, đúng, sai, tâm có sâu cạn, sai lầm, hoặc tâm cảnh tương ưng. Nên phạm cùng một phẩm mà nghiệp có nặng nhẹ tám phẩm không đều nhau. Hoặc tâm không hợp với cảnh (người mà tưởng, nghi là phi nhân, phi thời mà nghi, tưởng là thời), hoặc cảnh không hợp với tâm (phi nhân tưởng là nhân, vô chủ tưởng có chủ). Cảnh phạm, tâm không phạm (chẳng phải đất tưởng là đất). Có sự khác nhau về cảnh tưởng này, nên phải rõ vị trí của nghiệp, đã định nặng nhẹ trong bốn câu, cũng phải phân biệt năm vị trí. Đối với năm bậc trên, một đủ bốn thiếu. Một câu, tâm cảnh tương đương, phạm rốt ráo. Câu hai nghi là người và câu năm nghi chẳng phải người. Nghi trước nặng vì bổn duyên, lòng người không xả bỏ, đến lúc giết người có bán duyên và lòng người. Nghi sau nhẹ, một phần của tâm chưa xả bỏ, vì lúc giết cảnh chẳng phải mình mong muốn. Câu ba, người mà tưởng phi nhân, câu bốn phi nhân tưởng là người. Tưởng trước nặng, kết làm phương tiện căn bản, tâm cảnh tương đương. Tưởng sau nhẹ vì lúc giết chỉ có bổn tâm không có bổn cảnh. Lại nói về nặng, trong bổn cảnh nghi nặng, tưởng nhẹ, vì tâm cảnh tương xứng nên nhẹ, chỉ có cảnh không có tâm cho nên nhẹ. Trong dị cảnh ở sau tưởng nặng nghi nhẹ, vì sinh khởi tưởng là người không khác với phương tiện cho nên nặng, nhẹ vì cảnh và tâm đều thiếu hai duyên. Phi nhân thiếu duyên cảnh, tâm nghi thiếu điều mong muốn, nên chia làm hai vị trí. Kết tội thuộc về bản tâm, tạm thời giải thích như vậy. Câu năm trong việc chọn lựa nhiều khoa, chỉ dùng trì phạm chung chung, không thể một pháp mà bao gồm được tất

cả, nên đưa ra sự dồi dào của các môn, cũng có thể từ cái thô sơ mà biết chỗ trở về. Môn này đã nói cặn kẽ, không thể trình bày ra, thử nêu ra các tên để tự nghiên cứu, hoặc theo sự phê bình chung, hoặc theo sự sai lầm, hoặc tùy theo mình và người, hoặc chia ra Thân-miệng, dạy người tự thành hai nghiệp, nhiều người cùng làm nhưng duyên khác nghiệp giống. Như các ví dụ này, chưa trình bày được. Sao cốt ý để cho người đọc dễ hiểu để thực hành. Bàn luận như trước rất khó hiểu, người đọc ít dùng nên y cứ theo đó mà lược bớt.

****

THIÊN THỨ 16: PHÁP SÁM HỐI SÁU TỤ

Nói về đã kết thành tội chủng, lý cần phải sám hối để dứt trừ, thì thân tâm thanh tịnh, mới giống pháp của tăng. Nên luận Tát-bà-đa chép: không có một pháp lỗi lầm nào về tâm, không thể vì việc xấu tạm thời mà mãi mãi bị bỏ đi, cho nên phải sám hối. Kinh Niết-bàn cũng chép: Ta quở trách người phạm giới cấm, khiến họ tự trách mình và giữ gìn giới cấm. Nói ba đường ác vì muốn họ tu điều lành. Vì thế các bậc Thầy xưa đều thực hành sám hối có thêm, bớt, ẩn, hiện, ức đoán nhiều thời khoá. Theo giáo thì không có văn, xét hạnh thì trái với luật. Nên Đức Phật dạy: người có phạm không thể sám hối, sám hối lại không thể sám hối đúng như pháp. Đó là người ngu. Thánh giáo rất rõ ràng, chỉ tại mình không tin nhận. Nay muốn định ra cương vị đổi mới tâm cảnh, khiến cho ta thấy đúng sai rõ ràng, được mất nói về năng sở của nó, thì lo gì vong nghiệp không dứt, vọng tâm không mất, lại được bậc Thánh khen ngợi. Cho nên văn chép: có hai hạng người trí: 1/ Phạm tội mà thấy phạm tội; 2/ Thấy tội mà sám hối đúng như pháp. Nay pháp sám hối, đại khái có hai: một là lý sám, hai là sự sám. Hai pháp sám hối này chung cho đạo và tục. Nếu nói về sám hối trong luật thì chỉ giới hạn cho chúng xuất gia (đạo). Do phạm vào các giới đã thọ, sinh nhiễm ô bản thể thanh tịnh, nên phải làm cho thanh tịnh. Nương vào các giới đã thọ ban đầu theo thứ lớp mà trị. Lập nghi thức sám hối các thiên tụ y cứ theo đây, đều như trình bày ở phần sau. Nếu y cứ vào pháp sám hối chung, lý sự khác nhau. Lý dành cho những người lợi căn, quán sát tội tánh kia, do vọng che lấp tâm tánh nên kết thành vọng nghiệp. Vả lại phải hiểu bản tánh của vọng là bất sinh, niệm niệm làm cho tâm tán loạn, nghiệp bị mê muội sai sử. Nếu nói về sự thì thuộc những người căn tánh chậm lụt, do chưa thấy được lý, vì sự điên đảo của mình tạo thành vọng nghiệp. Tâm bị che lấp nên bị cảnh lôi cuốn. Động thì có hành động, hành động thì đọa vào ba cõi. Vì nói chân, quán tâm trí mê mờ, chỉ được nghiêm tịnh đạo tràng, khen ngợi kính ngưỡng. Hoặc nhờ lễ bái, hoặc nhờ tụng đọc, thọ trì, hành nhiễu, hết lòng thành khẩn duyên với thắng cảnh. Vì thế nghiệp có nặng, nhẹ, định, bất định khác nhau. Hoặc có thay đổi quả báo, hoặc có nhận chịu nhẹ, đều như Phật có nói trong các kinh Phương đẳng, v.v...

Lý sám (sám hối về lý):

Đã nói lý sám dành cho người trí, thì có rất nhiều phương tiện tùy theo đó mà thực hành. Thường quán vô tánh, vì vô tánh, nên vọng ngã

không có chỗ nương gá, sự chẳng phải do ngã sinh ra. Tội phước vô chủ, thấy rõ và tư duy như thế, tất cả tội chướng sẽ tiêu trừ. Như người tỉnh giấc thì không còn ngủ say. Nhưng lý cốt yếu không đưa ra ba loại: 1/ Tánh không của các pháp vô ngã. Lý này theo tâm gọi là Tiểu thừa. 2/ Bản tướng các pháp là không, chỉ có tình chấp vọng kiến, lý này theo dụng, thuộc Tiểu Bồ-tát. 3/ Ngoại trần của các pháp vốn không, thật chỉ có thức. Lý này sâu xa mầu nhiệm, chỉ có ý theo trí, đây là hạnh chứng, quả Phật của Đại Bồ-tát. Cho nên Nhiếp Luận chép: chỉ có thức chung cho bốn vị... theo ba lý này, tùy trí mạnh yếu mà theo sự quán duyên, tất cả tội lỗi tiêu trừ. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: tất cả biển nghiệp chướng, đều từ vọng tưởng sinh. Nếu muốn sám hối, nên tìm tướng chân thật. Sám hối như vậy, thì các tội nhiều như mây cũng tiêu tan hết. Nhưng sự sám tội nghiệp phước là thuận sinh; lý sám trái với bổn đạo, thì một ra một vào ngược dòng. Điều khoản rõ ràng tự phân biệt, ngu trí khác nhau, hư thật hiển bày, cho nên các học giả đều hiểu. Nếu lúc tự tâm thích tạo tội nên tu sự sám, nếu lúc thích tạo phước nên tu lý quán. Lý gồm có sâu cạn như trên đã nói. Nếu năm chúng phạm tội thì phải theo lý, sự để sám hối. Sự thì thuận với giáo không trái Duy thức. Lý thì hiểu được vọng, ngoại trần vốn không. Cho nên luận chép: nghĩa của Duy thức không mất, cũng chẳng thể không có năng thủ, sở thủ. Nếu không phải năm chúng, hai đường phước đạo, nếu muốn nói về điều này, chẳng phải là ý sao? Đầy đủ như trong quyển hai mươi nói về hành pháp của phàm thánh. Kế là nói về y theo luật, theo sự lập pháp sám hối. Pháp sám hối thì nhiều, chủ yếu chỉ có sáu vị.

1. Pháp sám hối tội Ba-la-di: kinh Quán Phật Tam-muội chép: có bảy tội, mỗi tội trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp ở trong địa ngục A-tỳ. Bảy tội là: 1/ Huỷ báng không có mười phương Phật; 2/ Bỏ học Bát-nhã; 3/ Không tin nhân quả; 4/ Dùng rất nhiều vật của tăng và vật thuộc về Tam bảo; 5/ Xâm phạm của tín thí quá nhiều; 6/ Làm ô uế Tỳ-kheo-ni; 7/ Gần gũi với những người phạm hạnh bất tịnh. Tất cả đều nói rõ như trong kinh Quán Phật Tam-muội. Kinh Niết-bàn chép: phạm bốn tội trọng, đời sau phải chịu quả báo. Nếu cởi bỏ pháp phục nhưng vẫn còn chưa lui sụt đạo Bồ-đề, thường hổ thẹn, lo sợ, tự trách mình, sám hối sửa đổi khởi tâm hộ pháp, xây dựng chánh pháp, vì người giải thích cho họ. Ta nói người này chẳng phải là người phá giới. Nếu phạm bốn tội trọng, tâm không hổ thẹn, sợ hãi, phát lộ sám hối thì đối với chánh pháp mãi mãi không có tâm giữ gìn, kiến lập. Chê bai, khinh miệt, thường nói tội lỗi, hoặc nói không có Phật-pháp-Tăng, đều

gọi là hướng đến tội Nhất-xiển-đề. Thế nào là nghiệp có thể chịu quả báo hiện tại, không chịu quả báo ở vị lai. Đó là sám hối phát lộ, cúng dường Tam bảo, thường tự trách mình. Nhờ nghiệp lành này, đời nay đầu mắt v.v... không bị đau đớn hành hình, đến chết không bị đánh đập, đói khát. Nếu không tu thân giới tâm tuệ, ngược lại các pháp trên thì sẽ làm cho nghiệp địa ngục thêm lớn. Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di rồi, hoàn toàn không có tâm che giấu, chúng tăng dạy họ sám hối đúng như pháp. Các thầy phế lập có đúng sai lẫn nhau. Nay bao gồm điều đó, theo việc thấu hiểu lý không chấp vào kết tội, chỉ tính che giấu và không che giấu. Lúc đến xin pháp Ba-la-di, Tỳ-kheo hoàn toàn không che giấu, Tăng cho suốt đời học hối, khác với thiên Tăng tàn, phạm nhiều tội rồi vẫn có thể sám hối. Che giấu được đến xin một lần không chướng pháp sự. Thiên thứ nhất phạm tội căn bản, không phải hoàn toàn trong sạch, có thể cho sám hối. Nếu muốn sửa đổi lỗi lầm người phạm tội phải sám hối xuất phát từ tâm mình. Dù không bị nêu tội, không ngại pháp của tăng, nhưng làm cho giới đầu tiên không còn nữa, vì thế phải tha thiết khẩn cầu để thọ học hối. Thiên Tăng tàn không phải như vậy, vì tội này là hữu dư. Tuy trước vô tâm được cương gia pháp, bất luận rõ hay không, tùy theo xin bao nhiêu thì sám hối bấy nhiêu. Có sự khác nhau này nên lập hai nghi thức để sám hối. Trước phân biệt nên trị như thế nào, sau nói về lập pháp. Luật Tăng-kỳ, nói nếu người phạm tội Tăng tàn rồi than khóc, không muốn lìa áo giải thoát, có niềm tin sâu sắc đối với Phật pháp. Tăng nên cho Yết-ma học hối. Tỳ-kheo ăn thức ăn bất tịnh, thì người đó ăn cũng bất tịnh, người đó ăn thức ăn bất tịnh, Tỳ-kheo ăn cũng bất tịnh, người đó được thọ thực với Tỳ-kheo, trừ hỏa tịnh năm loại sống và tiền bạc. Người đó nên theo Sa-di để thọ thực. Thập Tụng nói, nếu người phạm giới trọng, như pháp xin Yết-ma, tất cả giới Phật chế phải thực hành, ngồi sau các vị Đại Tỳ-kheo, không được ngủ chung với đại Tăng quá ba đêm, không được ngủ với người tại gia, Sa-di quá hai đêm. Cho phép người đó vì tăng làm hại Yết-ma bố tát và tự tứ, nhưng không được tính đủ số, ngoài ra tất cả Yết-ma không được làm, được tính tuổi hạ. Luận Du-già chép: "Người phạm tội không thể làm các pháp Yết-ma, được làm hai pháp trước". Luận Tỳ-ni Mẫu chép: "Cho bạch bốn pháp hối rồi, gọi là trì giới thanh tịnh, nhưng đời này không được thoát khỏi sinh tử, tuy nhiên ngăn không bị rơi vào địa ngục". Kinh Trị Thiền Bệnh chép: người phạm tội trọng sám hối, cởi Tăng-già-lê, mặc An-đà-hội, tâm hổ thẹn, hết mình phục dịch chư tăng như: dọn vệ sinh, gánh phân

v.v... người thực hành sám hối nên làm như vậy. Trong luật, nên dạy xin rằng: "Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... phạm giới dâm Ba-la-di không che giấu, nay đến tăng xin giới Ba-la-di, mong tăng cho con giới Ba-la-di, xin thương xót tôi" (ba lần). Xin xong, tăng phải vấn hòa đáp: "cho Yết-ma giới Ba-la-di". Nên nói: "Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm giới dâm Ba-la-di không che giấu, nay đến tăng xin giới Ba-la-di. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp thuận tăng nay cho Tỳ-kheo giới Ba-la-di" (tác bạch).

Bạch đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm giới dâm Ba-la-di không che giấu. Nay đến tăng xin giới Ba-la-di, nay tăng cho Tỳ-kheo... giới Ba-la-di. Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ-kheo... giới Ba-la-di thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên (đây là Yết-ma lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cũng giống như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... giới Ba-la-di rồi, tăng bằng lòng vì im lặng. Việc này nên hành trì đúng như thế.

Đức Phật dạy, cho giới Ba-la-di rồi, phải thực hành pháp tùy thuận, làm ba mươi lăm việc, hơi giống trong pháp tăng cương, chỉ thêm không được ở trong chúng tụng luật, nếu không có người nào tụng được thì cho phép. Cho giới Ba-la-di rồi, lúc tăng thuyết giới và Yết-ma, người thực hành pháp thuận theo đến hay không đến tùy ý, nếu phạm lại thì diệt tẫn. Nếu phạm Tăng tàn và các thiên sau thì y theo tụ mà trị. Luật Thập Tụng, cho học Sa-di (giống như Tỳ-kheo sám hối tội trọng). Người phạm Tăng tàn rồi xin ở riêng, sáu đêm ý hỷ xuất tội, Tăng theo thứ lớp mà cho họ. Còn Thiên đầu (Ba-la-di) thì y cứ theo giới dâm làm phương pháp. Ngoài ra giới trộm cướp theo pháp luật để trừ, không giống người xưa chỉ khai sám hối giới dâm.

2. Nói về pháp sám hối tội Tăng tàn, lược biết pháp đối trị có bốn:

Tu trị phú tàng tình quá: nghĩa là Ba-lợi-bà-sa, Hán dịch là phú tàng, hoặc biệt trụ. Luận Tỳ-ni-mẫu chép: Tại sao gọi là biệt trụ? Là ở riêng một phòng, không được ở chung với Tăng, tuy ở trong tăng, không được nói chuyện, cũng không được trả lời.

Trị tội phú tàng: nghĩa là Đột-cát-la, sau đó chánh sám hối (pháp sám hối ở trước, sau cho pháp che giấu ở riêng).

Trị Tăng Tàn tình quá: nghĩa là Ma-na-đoả. Luận chép: Đời Tần dịch là ý hỷ. Trước tuy tự ý vui mừng, người ấy vừa hổ thẹn vừa khiến chúng tăng vui mừng. Do trước vui mừng nên cho họ ít ngày, nhờ ít ngày

nên mới được gọi là (ý) hỷ. Chúng Tăng vui mừng nói: người này nhờ sự sám hối này không còn khởi phiền não, thành người thanh tịnh, nên gọi là hỷ.

Trị tội Tăng tàn: nghĩa là A-phù-ha-na, luật Thiện Kiến dịch là Yết-ma gọi nhập chúng, hoặc gọi là nhổ bỏ gốc tội. Luận Tỳ-ni-mẫu chép: giới thanh tịnh sinh giải thoát thanh tịnh, vì khéo giữ gìn giới sẽ dứt trừ được tội.

Nói về phép tắc lập pháp sám hối, tội Tăng tàn ở trong chúng lập pháp sám hối, chánh pháp nên lập, đầu tiên dẫn văn, sau trình bày cách thức sám hối.

Trong phần đầu, theo kệ trong luận Minh Liễu chép: "Năm pháp thượng khởi tội". Giải thích: nếu người phạm Tăng tàn cầu được xuất ly, và người muốn làm Yết-ma Đề-xá-na cho người kia, thì người ấy nhất định trước phải nhớ lại năm pháp thượng khởi tội, sau mới làm Yết-ma.

Quán sát tướng của tội Tăng tàn.

Chọn người biết tướng che giấu tội, không che giấu tội.

Xem việc làm thuộc học xứ nào, để chọn lựa bốn bộ chúng, v.v...

Xem việc làm phù hợp học xứ (giới) nào để thực hành Yết-ma bạch tứ, v.v...

Xem trong ba mươi pháp Tăng tàn, phạm một ngày một đêm v.v... che giấu hay không che giấu. Để hiển bày chỗ có che giấu hay không che giấu, lập cho ở riêng Ma-cấm-đa, v.v...

Năm pháp này, tăng nên quan sát, mới khởi tội người khác được. Chữ phương giống chữ pháp.

Giải thích năm pháp này tức là năm môn, nên gọi là thượng khởi. Trước kia đọa vào phạm tội nên gọi là hạ (dưới). Vì tướng tội liên tục, ngăn theo giới vô tác bất sinh; nay nếu sám hối theo việc ngăn chặn sự nối nhau, thì trở lại thọ trì thanh tịnh đối trị bảo vệ, nên giới pháp tiếp tục phát sinh, gọi đó là khởi. Bạch pháp thứ hai, ngược lại trong lúc phạm tội trước, nên gọi là Thượng. Cho nên sám hối gọi chung là thượng khởi. Lại biết, Đề-xa-na, Hán dịch là Phát lộ, nghĩa là sám hối này là phát lộ. Vì vậy muốn hành thượng khởi (sám hối) phải biết năm pháp.

1. Đó là biết xem xét là tội Tăng tàn hay không phải Tăng tàn, tức biết nghĩa đầy đủ hay thiếu sót. Đủ duyên thành tội trọng. Thiếu duyên thành tội nhẹ. Cho nên luận chép: "Xét tội tướng của tội Tăng tàn". Đối với tướng căn bản trong tội cố ý xuất bất tịnh, nếu người đã thọ đại

giới hoặc Đức Phật đã chế giới này, hoặc người không nghi pháp, hoặc người có dục tâm xuất bất tịnh, hoặc bất tịnh đã xuất v.v... người này phạm tội Tăng tàn. Đối với các tướng khác, lược thuyết tướng cũng như vậy, nói rõ như trong luận Ba-la-đề-mộc-xoa. Y cứ theo luận giải thích luật. Trước hết là hai duyên chung riêng: nghĩa là từ không nghi pháp về trước là duyên chung, từ sau phần người có tâm dục là duyên riêng. Nếu đủ duyên liền phạm Tăng tàn, thiếu duyên thì phạm Thâu-lan-giá. Bởi vậy tất cả ba mươi pháp, mỗi pháp đều có duyên riêng, để xem, xét trước phạm phương tiện rốt ráo và không phạm, vì sợ không tội lại thêm hình phạt thành phi pháp. Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo trì luật, lúc xuất tội cho người khác. Có tội cũng biết: nghĩa là biết rộng tội của năm chúng, không tội cũng biết.

2. Luận chép tướng che giấu: nếu người ở trong tội Tăng tàn, thấy tội Tăng tàn lại không muốn theo người khác sám hối. Vì không có tâm phát lộ, che giấu một đêm, đối với người này tội đó đã bị che giấu. Đây là nhớ biết mà không phát lộ, không sám hối. Nếu người không biết không nhớ, hoặc nghi hoặc khởi chẳng thầy tội, nên che giấu tội này thì tội này không bị che giấu. Y cứ theo luận giải thích luật, nên có các môn phân biệt, gồm mười loại khác nhau.

- Hình tướng khác nhau: trong luật người phạm Tăng tàn che giấu rồi thôi tu, thôi tu rồi trở lại thọ đại giới. Lúc phạm trước nên trị, bỏ đạo không cần trị.

- Pháp khác nhau: xả giới làm Sa-di, như bỏ đạo phần trước.

- Bệnh khác nhau: người bị bệnh như: tâm loạn, cuồng si v.v... phạm nhiều tội Tăng tàn thì cũng hoàn toàn không phạm tội. Hoặc người trước phạm Tăng tàn, đã che giấu sau bị bệnh cũng không thành phạm.

- Lỗi khác nhau: bị nêu tội trị phạt nên không tính đủ số tăng.

- Người khác nhau: luật Thập Tụng, nếu cùng người tặc trụ, người bị tẫn, người ở riêng, các người bất cộng trụ, người cuồng tâm, người câm, người điếc, người biên địa, Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di-ni, Ưu-bà-tắc v.v... ở chung không gọi là che giấu, nên hướng về người khác phát lộ cũng không thành. Luận Du-già, người phạm tội Tăng tàn cho biệt trụ Ma-na-đoả, biệt trụ Ma-na-đoả rồi ở chỗ người tại gia cũng không gọi là che giấu. Luật Ngũ Phần, nếu ở xứ này nhiều người biết trọng, không muốn để cho người khác biết không gọi là che giấu, còn ở xứ khác che giấu thành che giấu.

- Nghiệp dựa vào thời gian khác nhau: Luật Tăng-kỳ nói: nếu

người nhập định không thành che giấu, nếu nghĩ rằng: "Ta đợi thời gian nào đó, đợi người, đợi pháp nên làm đúng như pháp, đó gọi là chẳng phải che giấu, chẳng phải phát lộ.

- Kính nạn sai khác: luật Ngũ Phần nói tất cả tội che giấu, gọi là che giấu, nếu ở chỗ Hòa-thượng, A-xà-lê và các bậc kính sợ nhân gian, che giấu không gọi là che giấu; đối với các người khác thành che giấu.

- Che giấu vô tâm khác nhau: luật Tăng-kỳ chép: che giấu cũng biết, nghĩa là biết tội khởi tâm che giấu, không che giấu cũng biết, không khởi tâm che giấu, chưa phát lồ được. Nếu quên hoàn toàn không thành che giấu.

- Không có tâm hổ thẹn khác nhau: nếu phạm Tăng tàn rồi, không có tâm che giấu, gặp người liền nói tâm không sợ sệt.

- Tâm mê nên khác nhau: trong luật nói, không nhớ có nghi không biết v.v... đều không thành che giấu. Văn chép: nếu người không tác ý Tăng tàn, không thành che giấu, nên cho Ma-na-đoả. Nếu người tác ý Tăng tàn che giấu thành che giấu. Trước nên dạy họ sám hối tội Đột-cát-la rồi, cho Yết-ma che giấu.

3. Xem việc làm thuộc học xứ nào để chọn lựa bốn bộ chúng, bốn bộ nghĩa là bốn vị tăng. Tăng tuy bốn vị, nay sám hối cảnh này trước hai hoặc bốn vị tăng, sau một đến hai mươi người, nếu khác ở đây thì không thành. Nếu lúc làm nương vào cảnh mà nói, trước dưới đến một người, kế là bắt buộc phải đối với tăng, pháp xuất tội cùng một chỗ.

4. Xem việc làm phù hợp với học xứ nước nào để thực hành Yết-ma bạch tứ. Pháp tuy có ba, nhưng pháp sự trị Tăng tàn đều là thượng phẩm. Vì thế đều phải bạch tứ. Trong đây dùng pháp có bốn, đó là biệt trụ, sáu đêm ý hỷ, Bản nhật trị và xuất tội, như trước đã nói.

5. Xem trong ba mươi pháp Tăng tàn, phạm một ngày một đêm, che giấu không che giấu, v.v... để hiển bày chỗ có che giấu hay không che giấu, lập cho ở riêng hoặc Ma-cấm-đa v.v... Địa là tên gọi nơi chốn. Nghĩa là bốn vị Ba-lợi-bà-sa v.v... ở trong vị này, nếu có che giấu thì cho ở riêng. Đó là pháp biệt trụ. Người phạm tội phải trải qua việc thực hành pháp biệt trụ, nên gọi là ở riêng. Nếu người phạm tội không che giấu nên cho Ma-na-đoả, cho nên gọi là có chỗ che giấu, không che giấu lập ở riêng, Ma-cấm-đa, v.v... tức là có che giấu hành ba pháp, không che giấu hành hai pháp, là pháp tương đối giới hạn phạm vi của dùng thuốc.

Chánh thức lập nghi thức sám hối, chia làm chín phần:

1. Biết chủng tướng của tên tội: như pháp thứ nhất đã giải thích.

Danh là Tăng tàn, chủng loại là lỗi lầm xúc chạm. Tướng nghĩa là phạm nhiều ít. Luật chép: một tên mà nhiều loại khác nhau.

2. Biết thành che giấu hay không: như pháp thứ hai chọn lựa mười môn uỷ luyện.

3. Biết dùng số tăng nhiều ít: tức pháp thứ ba có thể trị những điều tương đối, trình bày rõ như trên.

4. Biết dùng thánh giáo: tức bốn pháp bạch tứ: xem việc làm tương ưng với học xứ.

5. Biết trình bày nghi thức sám hối: tức pháp thứ năm nói về ngủ đêm khác nhau.

6. Che giấu mau theo đó mà trị. Trong luật phạm nhiều tội Tăng tàn, tuy nhớ số tội, không nhớ số tội, chỉ nhớ số ngày lâu mau, nói chung nên theo số ngày lâu mà trị. Nếu không nhớ số ngày thì theo lúc thanh tịnh để trị, nghĩa là theo lúc đàn tràng thọ giới để trị. Luật Thập Tụng không nhớ số ngày tháng, nên tính theo ngày thọ đại giới để trị, cần phải nói xin thanh tịnh về sau. Che giấu năm năm, mười năm, không được nói thẳng xin thanh tịnh về sau, vì biết đầy đủ phải phân chia. Luật Tăng-kỳ chép: người không nhớ số đêm nên hỏi không có năm phạm sao? Nếu người phạm im lặng thì tùy theo năm mà cho pháp trị. Nếu nói không đúng thì nên hỏi phạm một, hai, ba, bốn năm phải không? Nếu người phạm im lặng thì tùy theo chỗ im lặng mà cho pháp trị. Luật Thập Tụng nói, trong chúng ba lần can ngăn, người phạm Tăng tàn rồi liền ở trong tăng tự xướng lên phạm tội Tăng tàn. Nếu không nói ngay đó gọi là che giấu. Nên biết nhiều người tuy biết phạm, cuối cùng phải nên phát lộ.

7. Nói về pháp sám hối chung và riêng. Trong luật biết số ngày không biết số ngày v.v... che giấu không che giấu, v.v... Một tên nhiều loại, v.v... cùng dùng một Yết-ma sám hối. Lại nói: có Tỳ-kheo phạm nhiều tội Tăng tàn, hoặc có che giấu một ngày cho đến mười ngày. Phật bảo sám hối chung theo mười ngày. Luật Tăng-kỳ nói, sám hối chung, riêng mỗi thứ đều được. Nếu một ngày trong tháng phạm một tội che giấu cho đến mười ngày phạm một tội che giấu. Hoặc có che giấu một đêm cho đến mười đêm, nên cho mười lần biệt trụ, cho đến một lần che giấu. Ví dụ như sáu đêm ý hỷ xong xuất tội v.v... luật Thập Tụng nói, trong sám hối Tăng tàn, nói đầy đủ số phạm và che giấu bao nhiêu ngày...

8. Nói về chính thức Yết-ma, gồm hai phần: trước nói về oai nghi của người sám hối. Giáo thọ quở trách xin. Kế là nói về đầy đủ Yết-ma.

Trong phần đầu, trước người phạm tội phải cởi bỏ các y sạch mới, mặc An-đà-hội và các y phục thô sơ, trên mặc Uất-đa-la-tăng, vén y bày vai phải, cởi bỏ giày dép, chắp tay, gập mình, cúi đầu đến trong tăng tự mình than thở tội này sẽ đọa vào đường dữ. Như trong luận chép: phạm tội Tăng tàn như người bị chặt đầu còn lại cổ họng chưa dứt, có thể sống lại. Như lai rũ lòng thương xót, khai lập pháp sám hối. Lại nữa, ta tự vui mừng, mình được phát tâm rộng lớn, biết hổ thẹn. Nếu không biết sám hối tội này thì năm mươi ức sáu mươi ngàn năm chịu khổ địa ngục. Những duyên như thế lấy làm vừa vui, vừa buồn, làm phương tiện tự than thở trách mình, hổ thẹn nhiều tội lỗi của mình. Trừ sạch bụi trần khuyên nhủ tâm mình không gây lỗi lầm như thế, người phạm tội lễ dưới chân chư tăng xong, đến trước người Yết-ma quỳ gối chắp tay, hoặc xin trình bày, người bên cạnh nhận lời trình bày của họ cũng được (nhưng người phạm cho đến nhiều không quá năm, ba lần, nay lấy phạm lần đầu tiên làm pháp quỹ).

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất bất tịnh, xúc chạm, và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần (nhớ thì nói ra), hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm (thời gian dài ngắn, từ ít đến nhiều tùy theo lúc mà gọi). Nay đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm, xin tăng cho Yết-ma che giấu một trăm đêm, xin thương xót cho (xin ba lần).

Kế là nói về tăng cho pháp, trước phải vấn hòa, đáp rồi thưa rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo v.v... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm, và nói thô ác; mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Nay đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Nếu tăng phải thời đến tăng chấp thuận, tăng cho Tỳ-kheo v.v... Yết-ma che giấu một trăm đêm, đây là lời tác bạch.

- Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác; mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Nay đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Nay tăng cho Tỳ-kheo v.v... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói lên đây, là Yết-ma lần thứ nhất (Yết-ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy). Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo v.v... Yết-ma che giấu một trăm đêm rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, nên việc này nên thọ trì như thế.

(Người thực hành y theo Yết-ma trong bản sao này, tác pháp được thành tựu theo văn trong luật, y theo Yết-ma cũ nên sửa đổi, không thể kính cẩn đọc theo)

9. Nói về Yết-ma đoạt quyền lợi của một Tỳ-kheo, răn dạy thực hành ba mươi lăm việc. Nói rằng: bạch tứ Yết-ma này là thuốc hay của thánh giáo. Tự tâm người phạm tội phải vâng theo, đoạt quyền lợi ba mươi lăm việc là pháp chiết phục. Người phạm tội chớ làm trái nghịch, phải siêng năng khổ nhọc làm việc chúng, phục dịch các Tỳ-kheo thanh tịnh. Đó là pháp điều phục. Mỗi việc đều phải chấp hành đầy đủ. Tám việc như thưa bạch v.v... đây là pháp phát lộ, phải cộng thêm hổ thẹn và tự trách mình, đúng theo pháp mà bạch, không được mất đêm. Người phạm tội từ từ nói với người khác, nói rồi nhân lúc tăng nhóm bạch cho tăng biết. Tăng nên thưa rằng: Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn cố xuất tinh (các tội khác nữa thì thêm vào) không nhớ số lần, che giấu một đêm cho đến một trăm đêm rồi đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho tôi Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi Tỳ-kheo... từ ngày nay bắt đầu thực hành. Bạch Đại đức tăng biết cho tôi hành che giấu (nói ba lần).

Đoạt ba mươi lăm việc như trong pháp chúng cương.

Luật chép: người kia thực hành che giấu, phải một ngày ba thời gặp Tỳ-kheo thanh tịnh nên thưa, tất cả đều đúng như pháp, không được trái nghịch. Đến ngày bố tát người đó nên quét dọn, rưới nước chỗ bố tát, cung cấp các vật cần thiết. Cho đến mình ở trong phòng nhỏ, có Tỳ-kheo khách đến, có người đuổi ra, nên đáp rằng: “không được hai người ở chung”. Nếu chúng tăng chia y vật, người phạm tội tùy theo thứ lớp mà nhận, đi sau Tỳ-kheo, ngồi trước Sa-di, không được đứng chung, ngồi chung với Tỳ-kheo thanh tịnh. Nếu cùng một giường, một ván, giường dài ván dài phải cách đoạn sau đó mới ngồi, cho đến cung cấp cho Tỳ-kheo thanh tịnh giống như pháp Hòa-thượng. Văn giống nhau nên không nêu ra. Luật Thập Tụng, ít nhất phải đủ bốn Tỳ-kheo thanh tịnh mới làm biệt trụ, hai người biệt trụ không được ngồi cùng một giường, không được ở chỗ khuất vì sợ Tỳ-kheo đến không thấy. Luật Thiện Kiến nói, nếu người thực hành biệt trụ có người thỉnh, hoặc cho người thọ giới được đình chỉ việc hành pháp, việc xong tiếp tục hành pháp. Lúc xả, người hành pháp nên nói: “nay tôi bỏ Ba-lợi-bà-sa” (nói ba lần), văn như sau sẽ nói. Nếu trong chùa có nhiều Tỳ-kheo đến đi khó thưa, ngày được xả hành pháp, khi minh tướng chưa xuất hiện, nên thưa lại mà thực hành. Luật Thập Tụng nói, cho đến pháp sáu đêm, thưa

tăng đình chỉ được hai mươi lăm đêm. Luật Tứ Phần, hoặc đại chúng khó nhóm họp, hoặc không muốn thực hành, hoặc người đó yếu hèn, thường hổ thẹn nên đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh thưa rằng: "Bạch Đại đức Thượng tọa, ngày nay xả bỏ lời dạy bảo không thực hành". Nếu lúc muốn thực hành lại đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh thưa rằng: "ngày nay con thực hành theo lời dạy bảo"người kia được tự mình làm việc của mình, lễ bái đón rước, cũng được nhận sự lễ bái, phục dịch của Sa-di, tịnh nhân. Luật chép: tám pháp mất đêm.

1. Đến chùa khác không thưa.
2. Có Tỳ-kheo khách đến không thưa.
3. Có việc ra ngoài giới không thưa.
4. Người đi bộ trong chùa không thưa.
5. Bệnh không sai người thân tín thưa.
6. Hai, ba người ngủ chung một nhà.
7. Ở chỗ không có Tỳ-kheo.
8. Không thưa lúc nửa tháng thuyết giới.

Tùy theo một thời thiếu đều mất một đêm (đã được thì không mất, chưa được thì không thành).

Pháp bạch Tỳ-kheo thanh tịnh (văn luật không đủ, y cứ theo nghĩa mà bạch). Người phạm tội oai nghi nghiêm trang bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... phạm một tội Tăng tàn cố xuất tinh (các tội khác theo đây mà biết) không nhớ số lần, che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Tăng đã cho con Yết-ma che giấu một trăm đêm. Con Tỳ-kheo... đã thực hành bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày chưa thực hành, xin Đại đức biết cho con thực hành che giấu (nói ba lần).

Nếu năm người, mười người đều đến nhóm hợp một chỗ, người thực hành thưa chung bạch rằng: "Bạch Chư Đại đức tăng xin lắng nghe! Các lời khác giống như trên. Nếu không nhóm hợp hết cũng không biệt chúng, đây là pháp phát lộ biệt nhân. Nếu có bậc Đại đức xuất chúng đến chùa, nên an trí trong phòng để bạch, không nên đứng trước cửa, khiến thành khinh dễ. Ngoài ra các tác bạch khác, bạch thuyết giới v.v... đều giống như văn trên, chỉ đổi ngày và tăng là khác mà thôi. Luật Thập Tụng nói, nếu lúc muốn thực hành, trước nên nghĩ, nay ta có đến trước Tỳ-kheo không? Nếu nghĩ đến liền đi. Luật Ngũ Phần, nếu không xả hành pháp, ra ngoài giới gặp Tỳ-kheo, nên thưa chung rằng: "Tôi Tỳ-kheo hành biệt trụ bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày, xin Đại đức nhớ cho. Nếu không như vậy, xả hành pháp rồi thì gặp Tỳ-kheo không

cần thưa. Đến chỗ khác, nên cầu tăng ở đó tác pháp thực hành lại. Luật Tứ Phần, có Tỳ-kheo đi bộ trong chùa không bạch liền mất đêm. Nếu có muốn thưa, nhưng Tỳ-kheo đó đi nhanh ra ngoài giới, tuy không bạch mà không mất đêm, không có tội. Luật Thập Tụng, nói Tỳ-kheo khách đi ra ngoài giới, nên đúng như pháp thường hành, không nên đi theo, nên ở trong giới. Nếu người hành biệt trụ sáu đêm, lúc bệnh phải sai người đến bạch tăng: "Tỳ-kheo biệt trụ... bị bệnh không đến được, xin thưa với tăng để tăng biết cho. Pháp bạch tăng nên đầy đủ như luật Tứ Phần. Luật Ngũ Phần nói, một Tỳ-kheo như pháp được hành pháp biệt trụ, như đã nói trong năm pháp trên. Bản sao chép: Phật pháp ở phương Đông, người hành pháp này cũng ít. Dù có hành sám hối thì bỏ nhỏ lấy lớn, y theo các danh hiệu Phật mà sám hối. Nếu ý mình chưa an, trong lòng còn buồn phiền thì chưa hợp với đại đạo. Chỉ có thiên tụ y theo giáo pháp mới tự tiêu diệt. Nghiệp đạo tùy mình suy nghĩ, đều chê phát lồ là điều đáng hổ thẹn. Nhưng nghiệp do sự hổ thẹn đó mà kết thành. Đây chính là thuốc hay để trị bệnh, chẳng được không thực hành. Lại nữa, người hành che giấu phần nhiều không đủ ngày. Các Ngài lập lý có chỗ khác nhau giống nhau. Nay lấy sự thịnh hành của các sư. Đây là pháp y theo giáo pháp mà sám hối. Trong Đại thừa, Tiểu thừa, xét về tâm hành chiết phục là đầu tiên. Nếu xét về sự nghiệp biệt trụ thì thành quan trọng. Như theo luật Thập Tụng không hành biệt trụ sáu đêm xuất tội, Đức Phật đều thành thật phán đoán đắc tội mới được xuất tội. Dùng đó để làm chứng ở đây, lý cần phải y cứ vào nhau. Tuy nhiên, sợ sự không xứng đáng với pháp thì nên thay đổi tập quán cũ. Người Yết-ma nói: "Tỳ-kheo... đã thực hành số ngày che giấu, nay xin đến tăng xin sáu đêm ý hỷ. Nếu các cách bạch Yết-ma sau đều nên y cứ theo đây mà thay đổi. Nên xin sáu đêm, trước Thượng tọa tập tăng rồi bạch rằng: "Tỳ-kheo... này thực hành che giấu tội Tăng tàn, đã thực hành được bao nhiêu ngày, chưa thực hành thì đã trình bày với tăng, nay tăng đã nhận rồi, có thể bỏ những ngày còn lại", hòa tăng rồi, nếu chúng im lặng, nên cho pháp sáu đêm. Nếu thực hành đủ số ngày thì theo pháp mà đọc.

Nói về cho pháp Ma-na-đoả.

Nói về cách xin:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn: cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm, Tăng đã cho tôi Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi Tỳ-kheo... đã thực hành che giấu (nếu xong nên nói

xong), nay đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả, xin tăng tôi con sáu đêm Ma-na-đoả, xin thương xót tôi (xin ba lần).

Thượng toạ tác pháp như trước, an ủi xong bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm, nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến mười đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho người đó Yết-ma che giấu một trăm đêm, người ấy đã thực hành ngày che giấu. Nay đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Nếu tăng phải thời đến, tăng chấp thuận, nay tăng cho người ấy sáu đêm Ma-na-đoả, (tác bạch) như thế.

- Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm, Tỳ-kheo... này đã thực hành số ngày che giấu, nay đến tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Nay tăng cho Tỳ-kheo... sáu đêm Ma-na-đoả. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo... sáu đêm Ma-na-đoả thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (Yết-ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... sáu đêm Ma-na-đoả rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Người kia được Yết-ma rồi, ở trong tăng bạch rằng:

Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho tôi Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi Tỳ-kheo... đã thực hành số ngày che giấu, đã đến tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Tôi Tỳ-kheo... đến xin tăng thực hành từ ngày hôm nay, Bạch Đại đức tăng biết cho tôi hành Ma-na-đoả (nói ba lần). Nếu đã hành một đêm, các lời khác giống như phần trên, cho đến tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đoả. Tôi Tỳ-kheo... đã thực hành một đêm chưa hành năm đêm. Bạch Đại đức tăng biết cho tôi hành Ma-na-đoả (các đêm khác theo đó mà thêm bớt). Nếu Tỳ-kheo khách đến, chỉ đổi Đại đức tăng là khác, còn các từ khác đều giống như trên. Luật chép: Tỳ-kheo thực hành sáu đêm cũng giống như pháp hành che giấu biệt trụ. Chỉ có thường ở trong tăng, ngày nào cũng bạch là khác (không cho rằng cùng ở chỗ với Tăng). Luật Tăng-kỳ, vì Tỳ-kheo thường phạm Tăng tàn, như sám hối Ba-đề-dật cho đến Việt-tỳ-ni, Đức Phật chế sám

hối sáu đêm, xong sáu đêm ở trước hai mươi vị Tỳ-kheo để xuất tội. Trong hai cách thực hành trên đây, nếu che giấu cho pháp trước, không che giấu cho pháp sau và cùng xuất tội. Nếu phạm lại trong hai pháp. Mỗi pháp hoại hai pháp, đều cho lại bản nhật trị, còn lại như đã trình bày riêng.

Pháp cho xuất tội: Trước dạy người phạm tội xin rằng: "Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến trước tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm, tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi là Tỳ-kheo... đã thực hành số ngày che giấu, đã đến tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả, tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đoả. Tôi là Tỳ-kheo... đã thực hành sáu đêm Ma-na-đoả rồi, nay đến tăng xin Yết-ma xuất tội. Xin tăng cho tôi Yết-ma xuất tội, xin thương xót cho tôi (nói ba lần).

Người Yết-ma: như tác pháp trước, vấn hòa xong, bạch rằng:

- Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tỳ-kheo... này đã thực hành số ngày che giấu, đã đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Tăng đã cho con sáu đêm Ma-na-đoả. Tỳ-kheo này đã thực hành sáu đêm Ma-na-đoả rồi, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội, (tác bạch) như thế.

- Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến trước tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tỳ-kheo này đã thực hành số ngày che giấu, đã đến trước tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đoả. Tỳ-kheo này... đã thực hành sáu đêm Ma-na-đoả rồi, nay đến trước tăng xin Yết-ma xuất tội. Nay tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội, Trưởng lão nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này xin thực hành như thế.

Theo luật Tăng-kỳ cho xuất tội rồi, nên dạy rằng: "Này người thiện nam! Tỳ-kheo lúc Phật còn tại thế được thọ giới, được trì giới, có khả năng đắc quả thánh. Tỳ-kheo sau khi Phật diệt độ được thọ giới, có thể phá giới, có thể rơi vào đường ác. Hành giả trong không hộ tâm, ngoài buông lung thân-miệng, nay phạm tội này, sắp đến chỗ chết, còn có nhân cao quý sửa đổi tâm tánh bằng cách sám hối. Đại chúng tùy hỷ, ông hãy tự vui mừng". Cho nên văn chép: từ nay về sau, hình tướng tâm hồn thanh tịnh như hoa vô ưu, chớ phạm lại. Nếu tiếp tục phạm lại thì tâm sợ hãi khó sinh. Tâm sợ hãi khó sinh thì không thể sám hối tội được. Cho nên luận chép: "Nếu hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh xuất tội Tăng tàn, pháp của ta không diệt. Đời ác trược ngày nay còn không thích nghe tiếng phạm tội, lẽ nào phải nghe lời sám hối của ông như thế. Nhiều nhân duyên để nói dứt trừ và dẫn kinh Niết-bàn, vì tham dục chứa nhóm, lúc chết đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, ra khỏi các đường ấy lại làm bồ câu, chim sẻ, v.v...

3. Pháp sám hối tội Thâu-lan-giá: chia làm hai phần:

Trước nói về tội tướng, sau lập nghi thức sám hối. Trong phần đầu chia làm hai:

Thâu-lan-giá Tùng sinh: đó là phương tiện sau thiên thứ nhất và thiên thứ hai. Nếu theo luật Thập Tụng, thiên thứ nhất sinh nặng, đó là phương tiện gần. Nghĩa là tướng thân- miệng chưa được thoả mãn, nên sám hối trong tất cả tăng. Nếu thiên thứ nhất sinh nhẹ, thiên thứ hai sinh nặng phải sám hối trước bốn Tỳ-kheo ở ngoài giới. Nếu Tăng tàn sinh nhẹ nên sám hối trước một Tỳ-kheo. Pháp sám hối này giống với sám hối Ba-dật-đề.

Thâu-lan-giá Tự tánh: cũng gọi là độc đầu Thâu-lan-giá chia làm ba phẩm.

Thế nào gọi là Trọng: đó là lấy dụng cụ và thức ăn của tăng, vật của mười phương tăng, hiện tiền tăng, trộm bốn tiền, và vật quý của phi nhân, phải sám hối trước đại chúng.

Thế nào gọi là Trung: đó là phá Yết-ma tăng, trộm ba tiền trở xuống, lấy vật riêng của tăng, một người có mặc y và một người không mặt y xúc chạm nhau làm cảnh giới Tăng tàn. Những loại như thế đối với chúng ít người sám hối.

Thế nào là Hạ: như luật chép: cạo lông ở ba chỗ, lộ thân mà đi, mặc y ngoại đạo, chứa bát đá, ăn thịt huyết sống, v.v... luật Tăng-kỳ nói, do tâm sâu phá y bát, phá tháp v.v... đều phạm Thâu-lan-giá chỉ sám hối

với một người.

Trong luật, sau thiên thứ nhất và thiên thứ hai dạy người, phạm Thâu-lan-giá đều là rốt ráo, nặng nhẹ cùng sám hối như trên. Tránh pháp sám hối chia làm ba, đó là pháp sám hối trước chúng nhiều người, chúng ít người và một người.

+ Nói về pháp sám hối trước chúng nhiều người: trong đây chia làm bảy phần:

1. Cách xin trong luận Tát-bà-đa bất luận khinh trọng, tất cả đều theo tăng xin ba lần, sau đó thỉnh chủ sám hối. Người nhận sám hối đơn bạch rồi, đối thú sám hối ba lần. Văn như Ba-dậtŒ-đề. Nay nói về lập pháp sám hối trước chúng nhiều người: phải đủ năm người trở lên mới được thực hành sám hối. Tất cả đều ở trong giới tăng nhóm xong, người phạm tội oai nghi nghiêm trang đến trong tăng, đánh lễ rồi, trước trình bày lỗi lầm với tăng, sau đó xin rằng: "Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo v.v... phạm tội Thâu-lan-giá phương tiện nặng, không nhớ số lần, nay đến trước tăng xin sám hối, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo... sám hối, xin thương xót tôi (nói ba lần).

2. Nói về thỉnh người nhận sám hối: người phạm tội nên đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh, chấp tay quỳ gối thỉnh:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm người nhận sám hối tội Thâu-lan-giá. Xin Đại đức vì tôi làm người nhận sám hối tội Thâu-lan-giá, xin thương xót tôi.

3. Sám chủ đơn bạch cần phải vấn hòa. Người đáp: phạm tội nặng Thâu-lan-giá. Đơn bạch thọ Yết-ma sám hối, nên bạch rằng:

- Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm tội Thâu-lan-giá phương tiện nặng, không nhớ số lần, nay đến tăng xin sám hối. Nếu tăng phải thời mà đến, xin tăng chấp thuận cho tôi là Tỳ-kheo... nhận sám hối của Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

4. Nên nói tên tội, tội tướng, phá giới, các tập nhiễm khác của họ như trong phần trước và sau của việc sám hối.

5. Chính thức nói về xả tội. Văn chép: Bạch Đại đức một lòng nghĩ! Tôi Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá phương tiện nặng, không nhớ số lần, nay đến Đại tăng phát lồ sám hối, không dám che giấu, các lời khác như nói trong phần xả đọa ở sau.

6. Quở trách rằng: hãy tự tách tâm ông, nên sinh nhàm chán, người phạm đáp: xin vâng.

7. Bảy tướng trên, luận luật đều có nói nhưng không chỉnh đốn. Nay dẫn chung để không lộn xộn. Hơn nữa y cứ vào một tội, còn các tội

khác theo đây.

+ Sám hối chúng ít người: luật Thập Tụng nói, bốn người là tiểu chúng. Nếu nhận sám hối của người khác thì không đơn bạch, chỉ được hỏi người bên cạnh trong pháp diệt tránh của luật Tứ Phần, Tiểu chúng là chúng hai người, ba người. Dù có bốn người chỉ giống pháp Tiểu chúng. Vì luật Tăng-kỳ quyết định năm người là phạm xả đọa như quyển thượng đã nói. Lập pháp có bảy. Phải xin pháp sám hối (còn các phần khác giống như trên).

Nói về thỉnh người nhận sám hối.

1- Như pháp chúng nhiều người; 2- Người nhận sám hối hỏi người bên cạnh lấy sự hòa hợp, giống như trong xả đọa; 3- Nói tội danh, tội tướng của người phạm; 4- Chính thức xả tội. Người phạm tội thưa: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi Tỳ-kheo... phạm tội xúc chạm người nữ thân có mặc y phạm Thâu-lan-giá, không nhớ số lần (nhớ thì nói), nay đến Đại đức phát lộ không dám che giấu. Các từ khác như thường trình bày. 5- Quở trách; 6- Lập thệ cũng giống như trên.

+ Sám hối với ba người, một người có năm pháp:

1/ Thỉnh người nhận sám hối; 2/ Nói tội danh tội chủng v.v...; 3/ Chánh thức xả tội, nhắc lại hạ phẩm tội ở trước gọi là trình bày; 4- Quở trách; 5- Lập thệ đều đồng.

Ba việc sám hối trước đã quá ít chẳng phải gọi là việc phạm hiếm (có), vì tội nhiều mà sám hối ít. Nhưng người trí phạm lỗi suy nghĩ, sám hối nhất định rất nhiều. Nếu giấu diếm không nói ra thì thành sơ lược. Văn đã rườm rà sự thật còn thiếu sót. Nếu sám hối đầy đủ làm chuẩn lượng, vì bốn thiên sau, người hay phạm phải nên thiên đầu tiên là đầu mối, nghĩa là trong luật phạm giới phải sám hối, cần biết rõ không nghi ngờ, khéo biết danh tội, chủng tội, để y theo tụ rõ ràng phân biệt. Cùng thiên thì sám hối chung, khác tụ sám hối riêng. Lại nữa, tính tội vào pháp, tùy theo số để gọi, nếu quên không biết thì nói không nhớ, lại thấy người sám hối đúng sai chưa rõ ràng. Vì thế, người nhận sám hối phải ngồi ngay thẳng thọ nhận sám hối. Người trước không hiểu nên thỉnh người khác làm, hoặc nói các tội chúng học, hoặc nói tham dự tội này, hoặc có mê vọng, hoặc hai thiên cùng sám hối, hoặc không phạm mà nói phạm, hoặc phạm nặng nói nhẹ. Như thế mất pháp mà tội lỗi không thoát, trái lại thành khổ luỵ cho mình, làm sao có lợi cho người khác, cho nên phải thông suốt. Sám hối tội sáng hơn kính nước, khiến mọi người không còn ẩn khuất riêng. Tình sự có tương ưng thì xứng đáng là đệ tử Phật thuận theo giáo pháp. Tại sao dùng luật tông y cứ

theo tướng, trái tướng tâm sự đều sai, không giống như ba quả báo của Đại thừa đều cùng một sám hối. Ngoài ra sơ thuật như giới bổn Yết-ma.

4. Pháp sám hối Ba-dật-đề chia làm hai:

1. Trước nói về ba mươi pháp xả đọa, sau y cứ theo chín mươi đơn đọa. Phần trước chia làm ba phần. Đó là: pháp Tăng, pháp chúng nhiều người và pháp đối thú. Lại trong phần pháp Tăng chia làm bốn phần: 1- Nói về xả tài vật; 2- Nói về xả tâm; 3- Nói về xả tội; 4- Hoàn y tạp tướng. Trong phần xả tài vật chia làm bốn phần: xác định nên xả hay không. Phần này lại có hai phần: nói chung là xả pháp khác nhau và luận về tính chất tài vật đúng sai. Trong ba mươi giới, lại y cứ theo tăng phạm. Ni cũng phải sám hối. Tâm trong sạch là ít có. Trong tăng xả đọa có hai phần mình và người: tự xả: như xin tơ tằm làm y phục, chỉ tự tạm thời làm hoại không cần đối cảnh; đối với người khác: đạo tục chia làm hai, hai loại bảo giới nhất định xả cho người thế tục, hai mươi bảy giới còn lại thì xả cho người xuất gia. Thông cục chia làm hai, một giới xin bát phải ở trụ xứ mình, lại thêm pháp hành bát ở trong Tăng. Nếu làm trái lại thì không thành. Còn hai mươi sáu giới chung tất cả, người đời và tăng khác nhau, mỗi mỗi đều có ý trí chẳng phải bản hoài của người sao chép.

2. Xác định tính chất của tài vật: các vật xả chính là sự việc xảy ra năm ba lần. Ba việc: chứa y dư, lìa y ngủ và buôn bán; xin y thọ y, nghĩa chung cho phạm, không phạm, đều theo tướng. Trong trường hợp phạm chứa y dư. Trước nói về tính chất chứa y dư, sau nói về tướng nhiễm lỗi. Tướng y dư không quá năm loại: (1) Thuộc y thọ trì nên không cần nói, vì không nói nên chẳng phải là thời hạn chứa y dư. Như ba việc: ba y, toạ cụ và bình bát nhất định phải thọ trì. Tùy theo có vải bịt đầu, những mảnh vải nhỏ đều không thuyết tịnh. Hoặc thọ một trăm lẻ một vật dụng cũng nên thọ trì. Không thọ thì có thuyết hay không thuyết như trong quyển hạ. (2) Tùy theo một trăm lẻ một vật dụng cung cấp cho thân cũng không cần nói, như mười sáu vật dụng: ủng, giày da, giày cỏ, tất, bình, chén bát, bát chưa quá năm lần vá, v.v... Ni phải thuyết tịnh, tăng đáng được chứa. (3) Tùy theo vật quan trọng nên không cần thuyết, như tám vật bất tịnh, thể chẳng phải tùy đạo, luật khai cho chứa đầy đủ nên chẳng phải giới hạn của thuyết tịnh. Cho đến những vật lớn như thảm, mền, màn, v.v... y cứ theo trọng thì không cần thuyết tịnh. (4) Ngoài ra nhập vào xả đọa tức vật bất tịnh không hợp với pháp tịnh, cũng

không thuộc về chứa dư, không giống như cách giải thích xưa như nhận y của Ni và mua bán tài vật. Tự tay lấy phạm, lấy quá hạn, lại phạm chứa dư. Nay giải thích không giống như vậy, tài vật không xả hai lần, tội không kết hai lần, phạm một lần thì xả riêng, không giống như luật khác. Luật Tăng-kỳ nói, lìa y mười ngày lại phạm tội chứa dư. Luật Tứ Phần, luận Tát-bà-đa chỉ có một lỗi. (5) Tuy nhập vào giới hạn chứa dư, nhưng đó là Phật khai duyên. Nghĩa là phụ trách chưa nhập, gởi người khác chưa lấy, đổi chưa lấy, hoặc khi đã lấy mà quyết định xả cho người khác, hoặc vật chung chưa chia, những ví dụ như thế, v.v... là khai cho giới hạn nên cũng không phạm chứa dư. Văn nói về tướng nhiễm như trên đã nói.

Lìa y ngủ tùy theo hai, ba lần là xếp vào phạm lỗi, trong văn chắc chắn biết số lần, chẳng phải chung cho cả ba y.

Mua bán tài vật. Ba việc nên phân chia rõ ràng, tùy theo giới như trên. Đó là như mua bán tài vật, Phật chế cho người thế tục trao đổi tài vật. Người thế tục lấy y thực, vật dụng, tất cả y bát, bình, chén, giấy, bút, mực... bất luận vật nặng nhẹ, nhiều ít đều có giá trị cao thấp, miệng tự định giá. Tuy không phạm chứa dư, cho đến việc buôn bán trao đổi đều phạm xả đọa. Nếu mua ruộng nhà nuôi người, chứa bàn ghế, giường tòa, chỉ sám hối cát-la, không xếp vào xả đọa. Nếu chứa tài vật, buôn bán tài vật, đổi y vật rất nhiều, nên tùy theo vật để xả riêng. Tội đó trị chung một chỗ, trị tội xong, đến trả y lại, tuy xả y hết hay không hết phạm chứa dư và nhiễm tướng. Còn các cách xả khác nói chung thành xả. Quên nhìn vật của mình có thành xả không? Đó là quên nhiều y để xả thích tướng nhiễm. Nếu xả y rồi, hoặc trả y lại rồi, thuyết tịnh xong, bỗng nhớ là quên vật thì hai pháp xả trước thuyết tịnh đều thành. Những vật sau đó mà quên thì thành xả đọa. Nếu trả lại tài vật chưa thuyết tịnh mà biết quên vật đều là tướng nhiễm.

Nói chung sẽ rơi vào phạm chứa dư xả đọa. Tài vật trước tuy là xin được y trao đổi trả lại, giống như mới được, đúng như pháp thuyết tịnh, chỉ vì chứa dư quên tướng nhiễm nên không được nói tịnh, trở lại phạm chứa dư xả đọa. Nếu nói quên rồi thí cho người khác, như vậy cũng không thành. Vì trước thuộc về mình, sau sợ nhiễm mà xả. Đây chẳng phải là tịnh thí, Đức Phật không chấp nhận. Văn chép: nếu xả rồi sau còn sót lại, các vật quên, hoặc là mua bán, các cách xả khác không có tướng nhiễm. Nói về tướng nhiễm; một tháng mười ngày phải cấp thí, nếu quá ba giới sau tướng thông nhau nhiễm nhau. Vì việc này phiền đến xả tài vật y, trước dự định xả, vật này nhất định thuộc về

người khác, của Tam bảo thành xả. Nếu sau lấy lại thì phạm tội trộm nặng, không thuộc về giới này. Nên biết ba tu xả oai nghi. Ba chỗ y vật: chứa khăn trùm đầu, lìa y và xả các tạp vật. Nếu y vật nhiều phần, nên mỗi phần đều xả, nay gom tất cả lại. Luận chép: một lần xả thành xả, lại sợ quên vật tướng nhiễm nên phải phân biệt rõ ràng. Đó là chứa dư có nhiễm trước, xả tạp vật thì xả chung. Lìa y một thứ nhiễm cũng không được. Vì thế, đời sau trong tăng gom lại một chỗ, Tỳ-kheo phạm tội đắp y bày vai phải, khom mình chắp tay cúi đầu, cởi bỏ giày dép, lễ tất cả tăng; rồi quỳ xuống, khom mình chắp tay cúi đầu cầm y.

Chính thức nói lời để xả: Vị Thượng tọa trong tăng không được nhận lời ngay, phải chờ người báo cáo Tỳ-kheo không đến thuyết dục và thanh tịnh, được hòa hợp rồi sau đó mới xả. Vì trong luật nói y xả đọa này nên xả cho tăng, hoặc chúng nhiều người hoặc một người, không được xả riêng chúng. Nếu xả không thành mà đắc tội. Văn tướng như vậy. Gặp việc phần nhiều quên, sau đó xả thưa rằng:

Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều đồ vật (nếu ít thì nói số bao nhiêu) chứa y (hoặc tài vật) quá hạn không tịnh thí phạm xả đọa. Cố lìa Tăng-già-lê phạm xả đọa (còn những y khác y theo pháp sau không cần nói lại), mua bán được y vật (nhiều bao nhiêu) phạm xả đọa (việc khác tùy theo việc mà nói). Nay tôi xả y vật này cho tăng.

Một là nói tội; hai là nói về xả tâm. Pháp trước nói xả tài chính là lìa duyên gây tội. Pháp sau nói về xả tội, trừ quả báo cảm ứng. Nay nói về xả tâm chính là trừ nguyên nhân của tội. Vì cất chưa hoài không có tâm xả tịnh thí nên phạm tội. Xả rồi còn chất chứa tâm tham càng kết tội. Tội nhân không trừ, tuy sám hối vẫn còn phạm. Đây gọi là tội chứa tài vật xả không giống các tội khác. Nếu theo lý chung, phải dứt sự tích chứa sau làm việc đầu tiên. Cho nên trong văn cho xả cho người khác, người kia không xả chỉ phạm tội nhỏ, chỉ là tội mất pháp. Luật Tứ Phần, một luật tông là Đại thừa, rỗng không thông suốt chẳng quan hệ. Cho nên lời nói thành sự việc không dính mắc. Nếu theo bộ khác, thì xả rồi sau không cầu trả lại, tùy tăng xử đoán, hoặc nhập vào của thường trụ, hoặc nhập vào của bốn phương tăng, hoặc cần tu sửa chỗ nào, hoặc bỏ trên núi dưới sông, tức giống tạm thời làm hoại của luật này, hoặc nhập vào nhà trù, cúng dường chư tăng, bố thí cho người thế tục. Nên biết, hành giả nếu muốn xả đọa, trước nên xả tâm, nếu tâm không xả, hai tướng sẽ nhiễu loạn. Chỉ người tánh hẹp hòi chẳng phải rộng rãi sâu xa. Nay nếu không xả thì sẽ đến chết xả thân tùy theo nghiệp. Một

tý cũng không theo mà không nghĩ đến việc lớn, đến lúc qua đời theo đây mà thọ sinh, sinh rồi cũng phạm lỗi lầm luống dối. Nên biết Tăng có khả năng trừ tội, nối gót Chư Phật. Tại sao lấy tài vật phù du, nhọc tâm suy nghĩ. Há chẳng phải lời răn hay sao? Văn thánh nói quá rõ ràng nên biết. Luận Tát-bà-đa chép: y đã xả, tội đã sám hối, tâm cất chứa đã dứt trừ. Ngày nay được tài vật của mình và tài vật ngoài ý mình đều được nhận.

Y đã xả, tội chưa sám hối, tâm chứa đã dứt, nay được bổn tài và ngoại tài phạm Đột-cát-la.

Y xả cho người khác, tội đã sám hối, tâm chứa chưa dứt, ngày nay ngày khác được bổn tài và ngoại tài đều phạm xả đọa. Câu này chính là nói về tâm xả là điều quan trọng, câu khác như đã trình bày rõ ràng.

Nói về pháp xả tội có bảy.

1. Xin sám hối với tăng, người phạm tội ở trong tảng oai nghi như trước chấp tay thưa:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh phạm xả đọa (nếu quá hạn thì có nói, ngoài ra không quá hạn chỉ đọc lời trên) lìa tăng-già-lê mà ngủ phạm xả đọa. Y này đã xả cho tăng. Trong đó mỗi tội đều có tội Ba-dật-đề (chứa y dư nhiều thì tội, không nhớ số lần là bao nhiêu). Nếu nói một, hai cũng nên kể ra nhiều ít. Nếu ba y trước biết số, hoặc mượn y thọ trì, chỉ sám hối tội, còn y không cần xả. Nếu phạm nhiều thì nói phạm xả chứa tài vật đã dùng hoại hết. Mỗi việc phạm căn bản, tội Ba-dật-đề. Không nhớ số hoặc nhớ số tùy theo mà nói, ngoài ra mua bán được tài vật, v.v... dùng hết cũng vậy. Nay đến tăng xin sám hối, xin Tăng cho tôi Tỳ-kheo... được sám hối, xin thương xót tôi (pháp này xuất xứ trong pháp tránh của luật. Văn không đầy đủ, cần phải trình bày đầy đủ). Nói ba lần như vậy rồi, Thượng tọa nói với tăng: Đại chúng nhận sám hối của người ấy.

2. Thỉnh người nhận sám hối, cần phải căn bản là người thế tục trước không phá năm giới, tám giới, sau vào trong Phật pháp không phạm mười giới, đầy đủ giới trọng. Bốn tụ sau, đã từng y pháp sám hối trong luật, sau đó nhận lời thỉnh của người khác, cho nên cần phải xem xét. Phật dạy: "Người có phạm tội không được nhận sám hối của người, không được giải tội cho người phạm tội, cũng không giống với xưa, dưới cho đến không đồng phạm". Ở đây vọng dẫn chánh văn của Ngũ Phần. Trong đó khai đại duyên nạn mạng sống, bất luận đồng phạm hay không đồng phạm đều khai. Nay nhàn rỗi dự vào việc này là phi pháp. Trong luật dạy phải tìm Tỳ-kheo thanh tịnh, nếu không thì chẳng

được thuyết giới, sám hối. Chính thức nói về pháp thỉnh, luật tuy không đưa ra sự việc nhưng cần phải lập nghĩa. Người đó phải đến trước người thanh tịnh quỳ gối chấp tay nói rằng: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... thỉnh Đại đức làm người nhận sám hối tội Ba-dật-đề. Xin Đại đức vì tôi làm người nhận sám hối tội Ba-dật-đề, xin thương xót tôi. Ba lần thỉnh xong, người nhận sám hối không được trả lời được hay không.

3. Người nhận sám hối đơn bạch hòa tăng, vấn hòa, đáp rồi người nhận sám hối bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... cố chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh phạm xả đọa lìa Tăng-già-lê mà ngủ phạm xả đọa. Các y vật này đã xả cho tăng. Trong đó, phạm tội Ba-dật-đề chứa dư không nhớ số. Lìa Tăng-già-lê phạm một tội Ba-dật-đề, phạm chứa dư, xả tài vật đã dùng hoại hết cũng có tội Ba-dật-đề căn bản, không nhớ số lần. Nay đến chúng Tăng xin sám hối. Nếu tăng phải thời đến, tăng chấp thuận, cho tôi là Tỳ-kheo... nhận sám hối của Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

Tác bạch như thế rồi, đến chỗ người sám hối, nếu người lớn hơn mình thưa: Dạ vâng, nếu người nhỏ hơn mình nói: Tôi sẽ nhận sự sám hối thầy.

4. Vì họ nói tội danh chủng tướng phá giới và các thói quen: trước nói tướng trì giới phá giới, sau phân biệt nặng nhẹ, đưa ra pháp sám hối, nên xét trước việc để báo với người phạm. Nếu là người phạm chứa dư nên nói: "pháp của Tỳ-kheo vốn không chứa để. Văn trong kinh Niết-bàn chứng minh không phải là tăng. Nay vì tâm phàm phu trái với giáo lý Phật thật đáng hổ thẹn. Nếu người lìa y nên nói: Phật dạy: Ta vì các đệ tử kiết giới, các ông thà chết chứ không trái phạm. Tỳ-kheo chỉ có ba y và bình bát, đi đâu không được lìa thân, giống như chim bay không có chỗ nào quyến luyến. Nay khinh mạn chánh pháp của Phật, không chế tùy thân. Người chế còn mặc lẽ nào thành con Phật. Nếu người lìa y này gọi là phá giới, vọng ăn của tín thí thì bát mà mình cầm tức là vật bằng đồng sôi, y mặc là là sắt nóng, xuất xứ từ Đại luận há là lời người phàm ư! Cho đến người phá giới và các thói quen khác, phá giới vì y thực cho nên đọa vào đường súc sinh, mỗi người chịu khổ làm côn trùng, chim không lông ăn phân chúng sinh, v.v... tùy theo căn cơ như thế, y cứ nêu ra năm, ba câu, đưa ra sự tai hại cho mọi người rõ. Nhưng lúc phạm tội chứa dư, tâm trí ngu độn, tuy nghe nói khổ cũng không đủ. Người động tâm cũng không cầu răn dạy, cũng không mệt nhọc chịu

khổ là vì việc đó liên tục. Kế đến vì họ nói tên tội. Danh có ba loại: 1/ Căn bản Ba-dật-đề, đây cũng là sám hối sau cùng; 2/ Tùng sinh căn bản ba Đột-cát-la, sám hối căn bản trước; 3/ Tùng sinh phú tàng sáu phẩm cát-la, sám hối trước nhất. Sáu phẩm là gì? 1/ Căn bản che giấu cát-la: qua một đêm một phẩm, qua hai đêm một phẩm. Các thói quen khác, mặc dùng; im lặng, giả dối mỗi thứ có hai phẩm, chung với hai phẩm trước thành sáu phẩm. Tất cả đều nói theo việc phạm. Nếu không có chín phẩm này cũng không được cẩn tụng. Phần nhiều thấy người tụng cho nên nói lại. Còn sợ có người tụng biết, lại làm thế nào, sẽ làm thế nào? Nay chính thức bắt đầu sám hối sáu phẩm che giấu. Văn trong luật ở trước không được hợp chung xả đọa mà nên thỉnh một vị Tỳ-kheo. Người phạm hướng về người được thỉnh cũng được nói rằng:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... thỉnh Đại đức làm chủ sám hối tội Đột-cát-la. Xin Đại đức vì tôi làm người nhận sám hối tội Đột-cát-la, xin thương xót tôi, (thỉnh ba lần).

Chính thức sám hối tội, nên nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều y dư, không thuyết tịnh phạm xả đọa. Lìa Tăng-già-lê mà ngủ phạm một xả đọa. Tất cả đều không phát lộ, phạm tội Đột-cát-la che giấu qua đêm, lần lượt che giấu theo đêm đều mặc dùng, trước phạm xả y Đột-cát-la che giấu qua đêm, tùy theo đêm xoay vầng che giấu. Trải qua tăng thuyết chín chỗ, ba lần hỏi im lặng mắc tội nói dối phạm Đột-cát-la che giấu qua đêm, tùy theo đêm lần lượt che giấu. Sáu phẩm như vậy, mỗi phẩm đều phạm Đột-cát-la. Mỗi việc không nhớ số lần. Nay đến Đại đức xin sám hối, không dám che giấu. Xin Đại đức nhớ cho tôi. Người nhận sám nói: “ông tự trách tâm ông, hãy sinh nhàm chán”. Người phạm đáp: “dạ vâng”.

Kế là sám hối ba tội nhỏ căn bổn trước dụng xả đọa, trong luật Thiện Kiến đều kiết tên tội. Lúc nói giới im lặng, phạm tội nói dối, Văn cũng giống như vậy. Như trước thỉnh rồi, không cần nói lại, chỉ chính thức sám hối tội gốc nên nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh, phạm nhiều tội Ba-dật-đề, lìa Tăng-già-lê phạm một tội Ba-dật-đề. Mỗi việc đều che giấu qua đêm phạm tội Đột-cát-la, nhiều ít như trên. Lại trải qua Tăng thuyết giới chín chỗ ba lần hỏi im lặng phạm nói dối tội Đột-cát-la, không nhớ số lần, lại mặc dùng y không đúng như pháp, phạm nhiều tội Đột-cát-la; nay đến Đại đức sám hối, xin Đại đức nhớ nghĩ cho tôi.

Người nhận sám hối: “Ông hãy tự trách tâm mình, sinh nhàm chán” người phạm đáp: “Dạ vâng”.

Kế là sám hối ba tội nhỏ căn bổn trước dụng xả đọa, trong luật Thiện Kiến đều kiết tội danh. Lúc nói giới im lặng, phạm nói dối, văn cũng giống như vậy. Như trước thỉnh hồi, không cần nói lại, chỉ chính thức sám hối tội gốc cho nên nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh, phạm nhiều tội Ba-dật-đề. Mỗi việc đều che giấu qua đêm phạm tội Ba-dật-đề. Mỗi việc đều che giấu qua đêm phạm tội Đột-cát-la, nhiều ít như trên. Lại trải qua chín chỗ ba lần hỏi im lặng phạm nói dối tội Đột-cát-la, không nhớ số lần, lại mặc dùng y không đúng pháp, phạm nhiều tội Đột-cát-la nay đến Đại đức sám hối, xin Đại đức nhớ cho tôi (nói một lần). Người nhận sám hối quở trách. Người phạm lập thệ như trước. Song pháp sám hối dài dòng rắc rối, người sinh thiện chí rất khó, sợ mệt nhọc tăng chúng, nên thường pháp xả y trước, rồi ở chỗ khác sám hối chín phẩm tiểu tội. Người phạm đến trong tăng chỉ nêu lên tội căn bản, nói chung là phần quan trọng.

5. Chính thức sám hối bổn tội:

Theo pháp nên đến trước người nhận sám hối, oai nghi nghiêm trang nói rằng: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... Cố chứa nhiều y dư, không thuyết tịnh phạm xả đọa: cố lìa Tăng-già-lê mà ngủ phạm xả đọa. Y vật này đã xả cho tăng, mỗi việc phạm tội Ba-dật-đề căn bổn, không nhớ số lần, (nếu không mặc dùng thì từ trước đều không nên dùng). Nay đến Đại đức phát lồ sám hối, không giám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì không an vui. Nhớ phạm nên phát lộ, biết mà không dám che giấu, xin Đại đức nhớ cho tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố tát (nói ba lần)

6. Người nhận sám hồi quở trách tự phạt, nên nói rằng: “thầy tự trách tâm mình, nên sinh nhàm chán”.

7. Lập thệ nói: “Vâng”

Đại đoạn bốn môn, hoàn y tạp pháp, ban đầu chọn lựa sự phải trái, năm giới chứa dư trong ba mươi pháp, cần phải dứt trừ sự chất chứa, sau đó được trả lại. Không phải năm giới chứa dư, vốn lấy giữ trai pháp không do lỗi chất chứa, nên vị đương tòa nên trả lại. Nay người hành sự, sợ tâm chứa không đoạn, nên phải qua đêm rồi trả lại. Nay không giống như vậy, chắc chắn không dứt được tâm tham, nhiều ngày cũng phạm. Nếu xả mà đoạn được tâm tham thì ngay ngày đó được trả lại, văn luận như trên. Nay y theo pháp cũ, năm pháp chứa dư: đó là chứa y dư mười ngày, y dư một tháng, chưa bát dư, chứa thuốc quá bảy ngày, chứa y cấp thì quá hạn... Để qua đêm rồi trả lại. Luật chép: nếu chúng

đông khó nhóm hợp, Tỳ-kheo kia co duyên sự muốn đi xa, thì nên trả lại y cho người kia. Người kia được y rồi, ở chỗ vắng như pháp chia vật nhe của người chết. Thêm rằng: nay tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo... Nên trả lại cho Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

Các lời khác đều giống như pháp trực tiép giao phó. Luật chép: nên hỏi người kia rằng: y này giao cho ai, người kia cho người nào thì Tỳ-kheo nên cho người ấy. Nếu chẳng phải năm phép chứa dư và năm pháp chứa dư này thì ngày mai mới trả lại. Trực tiếp làm Yết-ma trả lại. Chúng hòa hỏi các duyên, đợi đáp xong, bạch rằng:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... Cố lìa tăng-già-lê mà ngủ phạm xả đọa (buôn bán tài vật tùy theo đó mà nêu ra). Các y vật này đã xả cho tăng. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp thuận, nay tăng đem y vật này trả lại cho Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

- Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo cố lìa tăng-già-lê mà ngủ phạm xả đọa. Y này đã xã cho tăng. Nay tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo. Trưởng lão nào bằng lòng, nay tăng trả y này lại cho Tỳ-kheo... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên, tăng đã bằng lòng trả lại y cho Tỳ-kheo... Rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế. Trong luật nói nếu người không trả y lại phạm Đột-cát-la. Nếu theo bộ khác thì đã giải đầy đủ như trước, lại như các tội hành sự khác nhau của các bộ trong quyển hạ. Hỏi: trước sám hối tội căn bản, sau sám hối tội Đột-cát-la, tội có tiêu trừ không? Đáp: như tội Tăng tàn thì tội không xuất được. Hỏi: bốn người đơn bạch được nhận sám hối hay không? Đáp: trước đã nói về việc này rồi, đến phải năm người trở lên mới được thực hành Yết-ma, nếu bốn người làm thì chỉ được đối thú, như trong quyển thượng. Ngoài ra có các cách xả tài vật, như các thiên riêng đã trình bày, nên không cần nói lại.

Nói về xả trước chúng nhiều người có ba:

Pháp xả đối với bốn người. Xả tài vật trả lại tài vật, giống với pháp tăng ở trước. Xả tâm cũng giống. Cho đến một người lẽ nào cần cất chứa. Nếu nói về xả tội thì có sáu loại. Trước phải xin sám hối, còn đối với Tăng, vì đối biệt nên không có văn bạch, còn các lời khác giống như trên, chỉ đổi đơn bạch thành hỏi người bên cạnh: Thưa các Trưởng lão, nếu Trưởng lão cho tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo... thì tôi sẽ nhận. Người kia nói: Vâng. Ngoài ra như San bổ Yết-ma. Đối với pháp ba người, hai người cũng giống như thế. Đã là hoàn toàn khác nhau, ban đầu xả y thưa: "Thưa các Đại đức một lòng nghĩ!" Sau đó từ trình bày rằng: xả cho các Đại đức. Trong xả tội hỏi người bên cạnh giống như

phần trên. Các pháp khác đều giống, hai bộ hoàn y, trước cần phải Yết-ma. Mình và người là tăng, sau là pháp riêng của mỗi người, khẩu hòa được trả lại. Pháp đối với một người sám hối, đại lược có thể biết. Xả tài vật, hoàn y chỉ trực tiếp đối với Tỳ-kheo mà thôi. Nếu nói về trừ tội, không có người bên cạnh nên chỉ đủ năm pháp, cẩn thận y như trên, dễ biết nên không trình bày.

5. Nói về pháp sám hối chín mươi đơn đọa:

Nên tùy theo phạm nhiều ít, bao gồm sám hối chung, riêng, phương pháp giống như trước, sợ hậu sinh chưa biết, lại phát sinh một vị, lại nhờ nói dối làm duyên. Ngoài ra có phạm, tùy theo tên gọi mà ghi vào. Nếu có tội tùng sinh thì sám hối như cách sám hối tội căn bản ở trước. Hoặc chín phẩm, sáu phẩm, bốn phẩm, ba phẩm, hai phẩm, theo đó mà biết Có - Không. Như toạ cụ quá lượng, ba y mới, vì đều có mặc dùng, nên trước sám hối đều giống trước đã trình bày.

Pháp chánh thức sám hối: trước thỉnh một vị Tỳ-kheo thanh tịnh đến trước tượng Phật, oai nghi nghiêm trang để thỉnh. Phân biệt ba loại tội danh, tội chủng, tội tướng. Lại vì họ nói hai tướng trì và phá, khiến họ sợ hãi. Sám hối đầy đủ như trên rồi, sau mới sám hối pháp căn bản, nói rằng: bạch đại đức một lòng nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Phạm môt tội Ba-dật-đề, có nói dối, nay đến tăng xin phát lộ sám hối. Ngoài ra nói như trước. Luật Thiện Kiến chép: “nếu sinh thời chửi mắng người kia. Người kia nhập Niết-bàn, người chửi mắng muốn sám hối, nên đến chỗ Niết-bàn sám hối, sám hối rôi, thì cửa thiên đạo không đóng.

Nói về pháp sám hối tội Đề-xá-ni.

Xưa nói giống với Ba-dật-đề, một thuyết nói thì khác, nay y theo giới luật, tự lập pháp sám hối, không theo lời người nói. Tùy theo tướng của bốn tội, trong văn đã nói đầy đủ. Trước thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh. Văn chép:

- Nay thỉnh Đại đức làm người nhận sám hối Ba-La-Đề-Đề-Xá-Ni. Ngoài ra văn trước sau giống phần trước. Kế đến vị nhận sám hối phân biệt tội tướng cho họ rõ. Còn chính thức nói xá tội, Văn chép:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Không bệnh, theo Tỳ-kheo-ni không bà con, tự tay lấy thức ăn để ăn. Bạch Đại đức con phạm pháp đáng quở trách: việc không nên làm, nay đến Đại đức xin sám hối tội (nói một lần).

Người nhận sám hối quở trách xong, người phạm lập thệ nguyện. Pháp sám hối của luật Tăng-kỳ chép: các từ khác rất giống Tứ Phần.

Người nhận sám hối hỏi: thầy có thấy tội không? Người phạm đáp: Dạ thấy.

- Cẩn thận chớ phạm lại
- Tôi sẽ đem cung kính thọ trì.

5. Pháp sám hối tội Đột-cát-la:

Nghi thức sám hối của thiên này có nhiều khác nhau. Trước đưa ra phép tắc sau lập điều lệ. Tội Đột-cát-la, theo trong văn luật có hai loại khác nhau.

1. Cố làm, cố phạm phải sám hối Đột-cát-la, lại phạm phi oai nghi Đột-cát-la.

2. Nếu không cố làm phạm Đột-cát-la phi oai nghi, cũng không chia làm hai pháp sám hối. Nếu theo luận Ma - di nói, người cố làm đối với người khác một lần nói sám hối. Người vô tình làm thì sám hối trách tâm, luận Minh Liễu, luận Tát-bà-đa cũng như thế. Đó là hai cách sám hối rõ ràng thông suốt tự hiển bày. Gần đây các thầy truyền nhau theo cách giải thích xưa, theo văn cẩn tụng đồng đều nói là trách tâm. Lại dẫn văn luật, tội nhỏ không sám hối với người khác. Văn này chưa rõ, cần phải luận giải về nó, nên luật nói hai pháp có làm và vô ý làm. Các luận nói về hai cách sám hối khác nhau. Theo chánh lý tự rõ, không nên cố chấp. Lời nói con người dễ hủy hoại thánh giáo, luận thì khó mà trái phạm. Nay lập luận luật hai loại sám pháp. Trước đưa ra tội chủng, sau nói về nghi thức sám hối.

- Nói về tội các thiên che giấu

Do biết nên che giấu, chăng phải nghi không biết thì không thành che giấu. Tâm dơ uế đã nặng nề, lẽ nào gọi là vô ý, kế đến nói về phương tiện của các thiên. Như giới dâm, phát thân dục khởi mà chưa đông, phương tiện cho đến tội cát-la. Khi phát tâm dục khiến thân mặc ba y không ngay ngắn v.v... Bất luận nặng nhẹ, đều phải đối với người khác sám hối. Vì cố phát ra tâm dục bất thiện làm động thân, miệng của mình thuộc về cố làm. Hoặc độc đầu cát-la, như một trăm pháp chúng học. Hậu sinh không theo các thiên, các loại rất nhiều, đều có hai loại phạm cố ý và vô ý, cũng như hai phép sám trước.

Hỏi: nếu phương tiện thiên thứ nhất phạm trọng Đột-cát-la, phương tiện thiên sau phạm khinh Đột-cát-la, vì sao đều trách tâm. Nói một lần với người khác để sám hối.

Đáp: Tội danh tự nó giống nhau, nghiệp theo tâm khởi. Nặng thì sám hối nặng, nhẹ thì tự nhẹ: cùng tự ở một thiên. Nên sám hối cát-la

không có thứ lớp như quyển đầu đã nói qua. Lại chép: tội bao gồm sáu tụ dùng chung cho cả hơn kém. Tâm theo sau cạn, nghiệp sẽ nặng nhẹ, lý phải sám hối riêng, nghĩa chỉ được chấp nhận.

Kế là nói về pháp sám hối.

- Đối với cố ý làm chia làm hai:

Trước sám hối Đột-cát-la, như trong pháp xả, không được dùng cùng tên Đột-cát-la, cùng sám hối với tội căn bản. Văn luật chia thành sáu tụ, không thể gán ép.

Kế là sám hối tội căn bản, lại theo phương tiện của giới dâm, ngoài ra giống như thường lệ. Trước thỉnh một người nhận sám hối, lời thưa như trong pháp xả đọa. Ba lần thỉnh rồi, người nhận sám hối vì họ nói tội danh tội tướng, ba lần xong chính thức xả tội. Văn chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Phạm Đột-cát-la phương tiện xa đưa đến giới dâm, không nhớ số lần, nay đến Đại đức phát lộ sám hối, xin đại đức nhớ cho con, một lần nói ngừng ngay. Các lời khác giống như trên. Văn này, luật Tứ Phần không có, nay theo hai pháp sám hối Ba-dật-đề, nhiều ít có khác nhau. Tội Đột-cát-la rất nhỏ, không thể nói rộng như pháp đọa, không giống luật tăng-kỳ gộp chung cả tội đọa.

Nói về vô ý làm: trước nêu ra tướng của nó, cho rằng tâm không chánh niệm, gặp duyên khởi lên làm sai trái. Bên ngoài sửa đổi oai nghi, lý cần phải sửa đổi sám hối. Như mắc ba y phải xoay nhìn xem ngay ngắn mới ra đường. Các tướng phi pháp như: cười giỡn, nói dối, v.v... Đều do trước không nhiếp niệm, nên khởi lên lỗi lầm. Luật chép: Đức Phật chế nhiếp từ uy nghi, Tỳ-kheo hoặc vào hoặc ra: co duỗi; cúi ngước. Nhiếp giữ y bát, hoặc uống hoặc ăn, hoặc thuốn men đại tiểu tiện lợi, hoặc ngủ, hoặc ngủ say, hoặc tỉnh giấc, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói, hoặc nín, thường phải chú tâm. Nếu trái với điều chế này thì kết phạm. Kế là nói về tác pháp: trước sám hối tội tùng sinh, sau nói về tội căn bản. Người phạm oai nghi phải trang nghiêm đến trước điện Phật cung kính quỳ xuống chấp tay nói rằng: "Tôi là Tỳ-kheo... Phạm tội Đột-cát-la vô ý mặc Uất-đa-la-tăng không ngay ngắn, không nhớ số lần, nay xin phát lồ sám hối, không dám tái phạm (nói một lần). Ngoài ra đều y cứ theo đây. "Biết tội phát lồ đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh oai nghiêm trang chỉnh thưa rằng: bạch Đại đức nhơ cho tôi là Tỳ-kheo... Phạm tội... Nay đến Đại đức xin phát lồ, sau sẽ đúng như pháp mà sám hối" (nói ba lần). Đây là phạm lỗi, đừng để đến minh tướng xuất hiện. Thực hành được pháp này, nếu đã che giấu, sau tùy

theo ngày phát lộ, tức tội không che giấu. Tuy nói rồi, sau lại che giấu, lại thành che giấu, phải nên phát lồ tội. Nêu người phạm Tăng tàn minh tướng chưa xuất hiện, liền đối thủ phát lồ thì khỏi phạm tội Đột-cát-la, không thành che giấu. Ngoài ra năm tụ khác đều khỏi sám hối Đột-cát-la. Pháp nghi tội phát lồ, các phần khác giống như trên. Nên nói rằng: "Thưa đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là con Tỳ-kheo... Đối với phạm... sinh nghi, nay đến Đại đức phát lồ, sau lúc không còn nghi sẽ sám hối đúng như pháp. Đại luận chép: Giới luật tuy vi tế nhưng sám hối thì thanh tịnh. Phạm mười thiện giới, tuy sám hối nhưng tội ba đường ác không khỏi. Như Tỳ-kheo giết súc sinh, tội báo vẫn còn. Trước đã đưa ra đầy đủ, sợ kinh giới cho rằng sám hối rồi không còn nghiệp. Ngoài ra như hành pháp đã nói. Luật Thiện Kiến chép: đối với người lớn, sám hối gọi là Đại đức, đối với người nhỏ, sám hối thưa Trưởng lão.

Luật Tứ Phần nói: đối với Thượng tọa sám hối phải đầy đủ năm phép, đối với người nhỏ sám hối chỉ đủ bốn. Pháp, vén ý bày vai, cởi bỏ giày dép, gối phải sát đất, hai tay để xuống chân Thượng tọa (nói ba lần) như pháp hối quá và đúng như pháp gởi dục thanh tịnh, thọ tuế, xuất tội v.v... oai nghi cũng như vậy. Có bốn hạng người thường phạm tội, thường sám hối: (1) Người không biết hổ thẹn; (2) Người khinh giới; (3) Người không sợ hãi; (4) Người ngu si; Trong sao nói; quyển này là giới thể của chánh tông, năm chúng đều nên mở quyển này xem nhiều lần. Sự ý chưa tận, mong người cao siêu, kẻ thấp hèn vạch ra chỗ sâu kín.

Tứ phần luật sao phiền bổ khuyết Hành sự sao (quyển trung) hết.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

Sa-môn Thích Đạo Tuyên
ở chùa Sùng Nghĩa đất Kinh Triệu soạn.

QUYỂN HẠ
(PHẦN 1)

CHƯƠNG 17: SỰ CHUNG VÀ RIÊNG CỦA HAI Y

Hình tướng trên đời này phải nhớ oai nghi, để che đậy những thứ dơ bẩn xấu xa không gì hơn y phục. Nếu thọ dùng có phép tắc thì không sinh lỗi lầm, nhất định được nhận lãnh. Còn nếu trái với cách thức thì tự rơi vào tội lỗi. Cho nên trước nói về phép chế, cho phép sau theo môn mà giải thích. Chế là thế nào? Nghĩa là một trăm lẻ một y áo, tài vật, tùy theo quả báo khai cho, nghịch thuận không có lỗi, cung cứu giúp người thiếu thốn.

Loại thứ nhất chia làm ba: đó là ba y, toạ cụ, đãy lượt nước.

Trong phần sau chia làm bốn: đó là một trăm lẻ một vật, y chưa dư, y phẩn tảo, y người thế tục cùng đường, y người chết, y của năm chúng tốt xấu, v.v...

Ở đây giải thich sơ chế: trước nói về ba y, chia làm hai phần:

- ***Nói về pháp của y sau đó nhiếp pháp y.***

Trong phần này chia làm bốn phần:

1. Y chế giải thích trên, công dụng.
2. Cách thức may y.
3. Thêm pháp thọ trì.
4. Đưa ra nhiều chọn lựa.

Nói về ý chế: Luận Tát–Bà-Đa chép: vì muốn xuất hiện pháp vị tằng hữu, nên tất cả chín mươi sáu phái ngoại đạo không có ba tên này, để khác với ngoại đạo, Luận Phân Biệt Công Đức nói, vì ba thời nên chế ba y. Mùa đông thì mặc y dầy, mùa hạ thì mặc y mỏng, mùa xuân mặc y vừa. Vì các loại côn trùng, nên luận Đại Trí Độ chép: đệ tử

Phật ở Trung đạo nên mặc ba y. Ngoại đạo lõa hình không biết hổ thẹn, người tại gia tham nhiều về ăn mặc. Luật Thập Tụng, vì để khác với ngoại đạo, nên dùng dao cắt rọc để may y, dó mới biết là y của người hổ thẹn, Tạp A-hàm chép: người tu bốn tâm vô lượng đều cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y xuất gia tu hành. Theo đây mà gọi thì từ bi là pháp phục. Kinh Hoa Nghiêm chép: người mặc ca-sa xa lìa ba độc... Luật Tứ Phần chép: Nếu người con nhiều kiết sử không xứng đáng mặc cà-sa. Luận Tát-bà-đa, chế ba y có năm ý.

- Một y không thể chống được lạnh, ba y ngăn được lạnh.
- Không thể có hổ thẹn.
- Không thể vào xóm làng.

Cho đến đi đường không sinh điều tốt đẹp.

Vì oai nghi không thanh tịnh.

Cho nên chế cho chứa ba y, đầy đủ như nghĩa trên.

Luật Tăng-kỳ chép: ba y là ngọn cờ tiêu biểu cho hiền thánh, Sa-môn. Bát là vật dùng của người xuất gia, chẳng phải việc làm của người thế tục. Nên chấp trì ba y bình bát tức là ít muốn, ít việc, v.v... Các tông và bộ khác phần nhiều nói vì thời tiết lạnh nên chế ba y. Luật Tứ Phần chép: các Đức Phật ba đời đều mặc y như thế.

Kế là giải thích tên gọi: kính Tăng Nhất A-hàm chép: y Như lai mặc gọi là ca-sa, thức ăn gọi là pháp thực (y ca-sa này theo mầu sắc mà gọi tên. Văn sau đây nói về nhuộm mầu ca-sa, vị có vị ca-sa, nếu y cứ theo sự phiên dịch của Trung quốc, thì gọi chung là ngọa cụ, tức là ngọa cụ trong ba mươi vật, ba y gọi chung, như trong văn. Luật Tứ Phần chép: cho phép dùng dao cắt may thành. Y Sa-môn không bị kẻ thù cướp lấy. Nên mặc an-đà-hội trong thân, mặc uất-đa-la-tăng, tăng-già-lê vào xóm làng. Nhưng ba tên này các bộ không có phiên âm chính thức. Nay lấy nghĩa để dịch. Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát nói năm điều là y mặc trong, bảy điều gọi là thượng y, đại y gọi là y khi chúng nhóm hợp. Nghĩa dịch nhiều loại, đại y gọi là y tạp toái, vì số điều nhiều. Nếu theo cách dùng gọi là y vào cung vua, xóm làng. Bảy điều gọi là y giá tri trung bình, theo cách dùng gọi là y nhập chúng. Năm điều gọi là y hạ, theo cách dùng gọi là y đi lại trong chùa, làm nhiều việc. Nếu theo số điều thì gọi là y mười chín điều, mười bảy điều, cho đến chín điều, năm điều... Trong luật không gọi y năm điều, bảy điều, chín điều, nếu theo tướng chung cũng có Tăng-già-lê bằng lụa thì tùy theo sức mình có mà làm. Theo cách dùng chia làm ba, phần lớn đều theo tông thể.

Nói về công dụng: kinh Đại Bi chép: chỉ khiến cho tánh là Sa-môn

làm nhiễm ô hạnh sa-môn. Thân là Sa-môn mặc ca-sa, từ ở chỗ Phật Di-lặc cho đến chỗ Phật Lâu-chí, được nhập Niết-bàn vô dư. Kinh Bi Hoa chép: Như lai ở chỗ Phật Bảo Tạng phát nguyên, lúc tội thành Phật ca-sa của tăng có năm công đức:

(1) Vào trong pháp của ta, nếu bốn chúng phạm tội trong, tà kiến, v. v... Ở trong một niệm tâm cung kính tôn trọng, chắc chắn được thọ ký ở trong ba thừa.

(2) Trời, rồng, người, quỷ thần nếu cung kính người mặc ca-sa này một chút, liền được bất thối trong ba thừa.

(3) Nếu có quỷ thần và mọi người được ca-sa cho đến bốn tấc thì ăn uống no đủ.

(4) Nếu chung sinh chống trái nhau, nghĩ đến thần lực của ca-sa, thì liên sinh lòng từ.

(5) Nếu ở trong binh trận được một chút phần ca-sa này, cung kính tôn trọng, thường đựoc thắng người khác.

Nếu ca sa của ta không có năm công đức này thì sẽ khinh thường Chư Phật trong mười phương. Luật Tăng-kỳ chép: Tăng, ni có giới đức, người thế tục tìm mảnh ca sa bị rách của họ để trừ tai ương, nên cho họ một ít.

Về pháp may y: có tám môn khác nhau.

1. Cầu tài vật đúng như pháp: nghĩa là chẳng phải do bốn tà, năm tà, khởi tâm vì lợi, mua bán mà được thì không thành, luật chép: không vì tà mạng mà được, khuyên khích được, tướng đắc pháp y xả đọa, không được may, v.v...

2. Tính chất cầu tài vật đúng như phép: cần phải dày, nặng, bền chắc. Nếu chất nhẹ mỏng như gấm vóc, lụa là, v.v... đều là vật phi pháp. Luật chép: y có thêm văn vẽ không được thọ từ. Luật Tăng-kỳ, tất cả y bằng lụa là, lông tóc, vỏ cây, cỏ, da đều không được thọ trì, Ngũ Bách Vấn chép: lụa sống không được may y, chắc chắn không vì thân mình thì được, vì làm thành đúng như pháp. Luật Tăng-kỳ, rồng mặc ca-sa được thoát nạn chim cánh vàng ăn thịt. Nếu không thuận với giáo pháp thì ca-sa không có sức trùng khắp.

3. Sắc đúng như pháp: luật Tứ Phần chép: các y nhuộm mầu như trên không được chứa, nên làm hoại thành mầu ca sa (ở đây nói: nhuộm không phải bằng sắc chính, có phiên âm đúng). Nếu làm y ngũ nạp, được sắc hoại như trên thì cắt may ngũ nạp cũng được. Kinh Niết-bàn chép: cho phép thọ y phục bằng da, vỏ cây, v.v... Tuy cho chứa các thứ y nhưng phải là y hoại sắc. Luật thập tung chép: tất cả y một mầu như

xanh, vàng, đỏ, trắng, đen không được mặc, trừ nạp y, giới bổn nói ba màu chính không thành thọ. May ba y rồi được may y dư, mặc nó phải điểm tịnh ba chấm, dùng màu đỏ tím, tất cả y nhuộm mầu xanh đen, mộc lam thì được thọ. Nếu hoàn toàn mầu xanh, xanh nhạt, xanh biếc... Phải điểm tịnh, được dùng làm y, nếu y không hoàn toàn mầu trắng, đỏ, vàng mà nhiều mầu thì cũng được thọ. Nếu dùng mầu không đúng như pháp nhuộm, rồi lại dùng mầu đúng như pháp nhuộm thì được thọ trì. Ca-sa: đời Tần dịch là nhuộm, như kiết ái, v.v... cũng gọi là nhuộm, chân tửu sắc, tô phương địa, hoàng nại, hoàng hoa, haòng sắc đều là phi pháp.

Luật Tăng-kỳ chép: uất-kim đỏ tươi nhuộm hồng, lam nhuộm đen, xanh nhuộm vàng đều không cho dùng. Cho phép dùng củ, lá, hoa, vỏ cây, dưới cho đến nước cự ma... Giới bổn chỉ nói mầu xanh đen, mộc lan, văn sau nói rõ thêm pháp nhuộm. Xanh nghĩa là xanh đồng, đen nghĩa là bùn dơ, v.v... Mộc lan nghĩa là nước của các loại quả v.v... (người dịch luật này, phương Bắc là pháp nhuôm mộc lan, luật Tăng-kỳ dịch tại đất Ngô nên không thấy) tôi ở đất Thục đích thân thấy vỏ cây mộc lan mầu đỏ đen sáng đẹp, có thể làm chất để nhuôm, nó cũng có ít mùi thơm nên người tăng dùng làm hương như luật Thiện Kiến đã nói. Trong kinh luật để lại có nám sắc mầu, ở đây chẳng chép đúng. Người không biết nên dùng nó, luật Tứ Phần chép: hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, trong mỗi sắc tùy ý mà hoại. Luật Thiện Kiến chép: Thiện lai Tỳ-kheo bình bát mang bên vai trái, ca-sa mầu xanh sắc đỏ tươi đẹp. (theo mầu sắc của mộc lan này). Nếu thấy Tỳ-kheo mặc y năm màu chính, người cỏ trí tuệ nên nói: đây là Tỳ-kheo làm giặc bị mất y (theo đây màu đỏ không dùng chung). Theo luật, luận và kinh đều nói không được dùng y một mầu, phải làm cho hoại mầu chính. Không hoại thì không thành thọ trì. Mỗi lần mặc mỗi lần phạm tội, như trong tùy tướng tư lướng đúng sai. Luật Tứ Phần chép: An-đà hội dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Uất-Đa-La-Tăng dài ba khuỷu tay rộng ba khuỷu tay. Tăng-già lê cũng vậy, nhưng ở đây y hạ thành quá nhỏ hẹp nên dung văn chung. Luật nói ăn biết vừa đủ, mặc vừa kín thân, chỉ cần đủ mà thôi. Theo đây không định lượng, tùy thời mà thêm bớt. Tuy như vậy cũng nên y theo phép tắc này. Cho nên trong Thập Tụng, Tăng-kỳ, mỗi bộ lập ba phẩm. Nay theo luận Tát-bà-đa, trong ba y, y vừa dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, y nhỏ nhất dài bốn khuỷu tay rộng hai khuỷu tay rưỡi, đều như pháp. Y hoặc hơn, hoặc kém cũng thành thọ trì, vì có thể cắt may tiếp theo. Nếu cắt hơn kém thì không thành thọ

trì. Vì không thể cắt làm thêm được. Nếu y quá lượng nên thuyết tịnh, không thuyết tịnh phạm xả đọa. (thuyết tịnh trước, thọ sau, ngoài pháp y được chứa) luật Ngũ Phần, số lượng khuỷu tay dài ngắn không nhất định. Phật cho tùy theo thân thể mà phân lượng không bắt buộc phải theo khuỷu tay, số nhiều ít của y năm điều chi có số lẻ như trong sớ sao. Luật Tứ Phần chép: từ chín điều cho đến mười chín điều, năm điều mười bức... Luật Thập Tụng chép: hoặc năm điều, bảy điều, chín điều, mười một điều, hoặc mười lăm điều, hoặc hơn nên cắt thành miếng để may. Luận Tát-bà-đa chép: y Tăng-già-lê ba phẩm: chín điều, mười một điều, mười ba điều gọi là phẩm trung; mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều gọi là phẩm trung; hai mươi mốt điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều là phẩm thượng. Luật Tứ Phần, cho phép đến mười chín điều, nếu quá không được chứa. Thời nay có y ba mươi ba điều, v.v... Không có sự chế khai của chánh giáo, Thành tích ghi rằng: Như lai mặc đại y mười ba điều. Luân Đại Trí Độ chép: đó là y Tăng-già-lê bằng vải thô, theo đây lấy đó làm tiêu chuẩn, tùy theo sức mình mà may số dài ngắn của sáu bờ đê. Văn luật Tứ Phần không rõ, y năm điều bảy điều minh định đầy dủ lượng dài ngắn, đại y cũng y theo đây. Luận Tát-bà-đa chép: đại y hai dài một ngắn, trung y ba dài một ngắn, thượng y bốn dài một ngắn, gọi là may đúng như pháp. Nếu thêm bớt lẫn nhau thành thọ thì mặc dùng phạm tội, cho nên phải cắt rọc ra. Luật tứ phần chép; y này không bị oán tặc cướp lấy. Luật Thập Tụng nói, y này khác với y ngoại đạo. Trong luật nói y Sa-môn gồm ba thứ thấp hèn: một là dao thấp hèn (để cắt hoại); hai là mầu thấp hèn (không phải màu chính); ba là thể thấp hèn (đó là y phẩn tảo, y người đời bỏ đi) y Sa-môn bảy lớp tùy theo số nhiều ít, luật Tứ Phần giống với luật chép: không được mặc y quá mỏng, đại y hai lớp, hai y còn lại một lớp, đây y bốn lớp, y bảy điều, năm điều, v.v... hai lớp. Luận Tát-bà-đa chép: nếu đại y mới thì ba lớp, gồm một lớp mới hai lớp cũ, ngoài ra như luật Thập Tụng. Cho nên luật kia chép: may đại y phẩn tảo tùy ý được may nhiều. Luận Tát-bà-đa chép: may lại ba y nếu có nhân duyên, lấy phần mình mang đến chỗ khác, gọi là ngủ không lìa y. Nếu người chết trước nói cho người trong nội giới này, sau nói nên cho người nuôi bệnh vì vốn là một y cùng thọ trì. Luật sư nói: lời nói sau là đúng.

Về cách may y: theo luật Tứ Phần thì đại y, y bảy điều phải cắt rọc, y năm điều được xen. Luật Tăng-kỳ, nếu may y người khác giúp đỡ sợ một ngày không thành, nên may gấp cho xong để thọ trì, sau đó may lại tỉ mỉ hơn. Trong A-hàm chép: Đức Phật tự tay may ba y cho ngài

A-na-luật Tứ Phần nói, Tỳ-kheo-ni may y tăng-già-lê năm ngày không xong thì phạm tội đọa, Tỳ-kheo phạm cát-la, Tát-bà-đa nói có nhân duyên được một tấm vải chỉ may ba y thì không phạm chứa dư. Nếu thiếu một y tấm vải chỉ may ba y thì không phạm chứa dư. Nếu thiếu một y ngoài năm khuỷu tay, hoặc thiếu hai y ngoài mười khuỷu tay, có chứa thì nên thuyết tịnh, luật Tứ Phần nói được may y dài rộng đầy đủ, nếu lọc cắt để may y bị thiếu thì cho, điệp thêm vào để may. Cùng được y cắt rọc thành y ngũ nạp. Luật Ngũ Phần nói, nếu nhuộm man y thành năm điều, lại may y từng miếng (thời nay may thêm nhiều mảnh). Hoặc thêm từng miếng để may y (Tứ Phần khai cho hạ y được đắp thêm. Nếu dùng nửa miếng trên nửa miếng dưới để may y, tất cả phạm đột-cát-la. Nếu dùng chỉ nhiều mầu may y, may điều bằng vải của xứ khác. Đây là pháp ngoại đạo, phạm thâu-lan-giá. Ngài A-nan vâng lời Phật dạy, nói cách may cho các Tỳ-kheo. May điều trái hướng về hai trái, điều phải theo bên phải, điều giữa hướng về hai phía. Nếu được vải không đủ, cho đến may một dài một ngắn. Nếu còn thiếu cho phép thêm các miếng để may, đến vẫn không đủ thì cho phép may man y An-đà-hội thành y. Vì theo đây vốn là ky thiếu, nên sau đưa ra để may thành y. Pháp thọ chính thức theo hai phẩm, lẽ ra phải dùng theo loại. Luật Tăng-kỳ nói, không được vẽ thành miếng, may giáp đầu mút. Nên cắt rọc thành mảnh, rộng nhất bốn ngón tay, hẹp nhất như hạt lúa mạch. Không được dùng mãnh ngang bằng nhau... Nên may y như răng ngựa, phía dưới y bị hư nên viền xung quanh và phải may lại. Lúc gấp phân biệt như trước tác tịnh, đơm nút rồi tho trì. Luật Thập Tụng nói Phật dạy Tỳ-kheo thực hành pháp làm móc, trước cách viền bốn ngón tay, sau cách viền tám ngón tay, nên làm như vậy. Y cứ theo đây lấy trên vai trái làm thường lấy góc vải của y làm phúc, xuất xứ từ trong luật Tỳ-nại-da. Luật Thập Tụng lại chép: may lại điều Phật cho phép, chứa dùng đúng như pháp. Không được may thẳng vì đó là y của thế gian. Vì muốn khác với y thế tục, lại ngăn ngừa ngoại đạo nên phải may lại. Nếu may thẳng, y quá chủ mạng nên trích vật này cho tăng và cho người nuôi bệnh. Luật Tứ Phần chép: ba y phải may chồng thêm bốn góc, luật Thập Tụng cũng nói như vậy. Luật Tứ Phần nói, kéo góc làm móc cho ngay ngắn rồi may chồng lên. Lại nói: nên làm móc trên vai, may chồng lên ngăn chỗ dơ uế. Luật Thập Tụng, Tỳ-kheo mặc y phẩn tảo, vì Phật chế Tỳ-kheo không được mặc y cắt rọc vào xóm làng, các Tỳ-kheo liền may chồng thêm, làm móc may viền xung quanh. Phật dạy: phải cắt rọc, trên đặt móc thành rồi thọ trì. Luật Thập Tụng, văn nói khai cho, mặc, vào xóm làng.

Về pháp thọ y, trong đó chia làm hai phần: đối thú và tâm niệm. Trong phần đầu, luật Tứ Phần chỉ nói ba y phải thọ trì. Nếu nghi thì xả rồi thọ lại. Có mà không thọ phạm Đột-cát-la, nhưng không có văn nói. Xưa, có người theo pháp của luật Tăng-kỳ, người dó giữ gìn y khác với luật Tứ Phần (Tăng-kỳ nói chung là qua qua đêm, Tứ Phần chỉ đối với minh tướng). Nay theo Thập Tụng (vì thọ từ giống nhau), nếu trong đại y chánh có mười tám phẩm, tùng có sáu phẩm. Y bảy điều chánh có hai phẩm, tùng có mười hai phẩm. Y năm điều chánh có ba phẩm, tùng có hai mươi mốt phẩm, nói chung ba y có bảy mươi hai loại. Man y chung ba chỗ hợp thành một. Còn lại như trong sớ sao. Nay trước nói pháp thọ, nên thọ an-đa-hội trước. Y này chánh có ba phẩm, nghĩa là cắt rọc xen thêm mảnh, chồng thêm mảnh. Gia pháp nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Xin thọ y An-đà-hội năm điều này một dài một ngắn cắt rọc may thành y thọ trì, cũng nói trì y may xen mảnh (nên may chồng thêm làm cho tướng bên ngoài giống như cắt rọc, may một bên khai một bên nói) trì y may chồng thêm, ngoài ra giống với Thập Tụng (nếu hai bên đều may thì chỉ giống man y) nếu nói về tùng thì dùng đại y mười tám phẩm, y bảy điều hai phẩm...)

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... xin thọ y An-đà-hội hai mươi lăm điều, bốn bức dài, một bức ngắn cắt rọc may thành y (may chồng thêm y theo giống như vậy cho đến bảy điều hai phẩm...)

Nếu mạn y (trên nói tùng là nói theo An-đà-hội, nếu Uất-đa-la-tăng, Tăng-già-lê đều y theo đây mà cải cách. Man y đổi gọi là biệt (riêng), nay y cứ theo đại y). Luật Thập Tụng chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo xin thọ trì man y Tăng-già-lê này (hai y còn lại khác đây mà thay đổi). Nếu y tùng thì nói: Bạch đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... xin thọ trì. (may chồng thêm mảnh theo đây mà thay đổi, nếu y trung phụ tùng, thì theo pháp trước mà thay đổi). Nếu y thượng thì nói: xin thọ Tăng-già-lê bao nhiêu điều này, dài bao nhiêu, ngắn bao nhiêu cắt rọc may thành y thọ trì (may chồng thêm theo đây, vì thông chín phẩm điều, bờ đê khác nhau. Tùy theo y mà thay đổi nên không nhất định, không giống hai y trung-hạ thiếu tướng dễ nói hơn.) Phần trên nói về thọ ba y đã xong. Luật chế đều nên nói ba lần. Luật kia nói: trước lúc thọ giới nên dạy thưa rằng: tôi là Tỳ-kheo... y tăng-già-lê bao nhiêu điều này xin thọ, hoặc cắt rọc, hoặc chưa cắt rọc, là y thọ trì (nói ba lần) cho đến An-đà-hội cũng vậy. (Ở đây y chưa cắt rọc là man y. Nếu hoàn toàn chưa cắt rọc, lẽ nào tương lai được vào

thọ giới). Luận Tát-bà-đa chép: năm mầu chính không được thọ. Vì thế tăng thích mặc ca-sa mầu trắng... là phi pháp. Trình bày như thế nhưng phần nhiều có năm mầu: đen, xanh, đỏ, vàng; phần nhiều không có mầu trắng, nói đúng như trên thì không thành. Ngày nay vì kẻ phàm tình thọ trì một cách khó nhọc, cho nên một đời không có áo che thân, khi chết lại trách bậc thánh, vì sao không lo rơi vào đường ác, thật đáng thương thay!

Kế là nói về pháp xả: (y cứ theo luật Tăng-kỳ, luật Tứ Phần không có văn này).

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Tăng-già-lê này là tính vào ba y của tôi, trước thọ trì nay xả, hai y còn lại cũng giống như vậy, cùng lúc thọ cùng lúc xả phạm tội việt tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni thọ hai y khác, luật Thập Tụng chép:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo-ni... Xin thọ y Quyết-tu-la này (nói ba lần) (so sánh với nước Kỳ-chi thì khác nhau) y này là y che vai dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, xin thọ trì y che vai này (nói ba lần) (nay thì thay đổi tướng y dài không giống bổn pháp, chỉ nói làm đúng như pháp, không nói lượng khuỷu tay may thành). Luật Tăng-kỳ chép: nên may y che vai, gọi là y Phú kiên. Lo may phạm tội Việt-tỳ-ni, y Tăng-kỳ-chi phạm Ba-dật-đề. Tăng-kỳ-chi của Tỳ-kheo-ni dài bốn gang tay, rộng hai gang tay Phật. Nếu hơn thua qua lại cũng phạm Ba-dật-đề. Năm y của Tỳ-kheo-ni: y che vai, y tắm và ba y (theo bộ này thì khác nhau, luật Tứ Phần cho phép may y che vai và quần nhỏ.

Về pháp tâm niệm,

Theo luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo ở riêng trong ba y cần có sự thay đổi, nhưng phải đầy đủ nghi thức. Tỳ-kheo tay cầm y tâm nghĩ miệng nói: "Tôi là Tỳ-kheo v.v... Tăng-già-lê này bao nhiêu điều, nay xin xả (nói bà lần), sau đó thọ y tốt, cũng oai nghi như trước, nói rằng: tôi là Tỳ-kheo... Xin thọ y Tăng-già-lê bao nhiêu điều này, hai y còn lại cũng y cứ theo đây. Tập liệu giản chia làm ba phần.

Luật Thập Tụng chép: xưa, Tỳ-kheo lìa y ngủ chỉ sám hối tội đọa, không được xả y. Luật Ngũ Phần nói, các Tỳ-kheo trước không xả mà thọ trì y, lại thọ y khác thành thọ. Ba y trước thuyết tịnh cũng được, nếu cố ý không xả phạm Đột-cát-la. Luật Thiện Kiến, Tỳ-kheo muốn thay ba y, không có người để thưa thì tay cầm y tự nói tên của các y là thành; nếu không cầm, không nói thì không thành. Các y thọ trì tuy bị rách, lủng lỗ cũng không mất thọ trì. Nếu hai y trên chiều rộng rách

bằng tám ngón tay, chiều dài rách nhỏ như móng tay thì mất y thọ trì. Có áo cũ rách ngang thì không mất y thọ trì. Y An-Đà-Hội chiều rộng rách bằng bốn ngón tay, chiều dài rách bằng một gang tay không mất thọ trì, còn các chỗ khác rách thì mất y thọ trì, khi vá xong thành y thọ trì. Luật Thiện Kiến chép: nếu người từ y bị giặc cướp, hoặc mất, hoặc thôi tu, làm sa-di, hoặc xả, hoặc lìa y mà ngủ đều gọi là mất y thọ trì, (bị rách thì mất y thọ trì như trên). Trong luật Tứ Phần, hoặc mất, hoặc tưởng đường bị đoạn, hoặc nạn duyên, v.v. . Đều mất y thọ trì, gồm có bốn cương giới ngại, nhiễm, chác, tình; mất, không mất, phạm không phạm, đều như tùy tướng và sớ sao! Luận Tát-bà-đa nói, ba y tuy không thọ trì qua ngày không phạm tội lìa y. Nhưng có hai tội hoại oai nghi và thiếu y (khác với luật Thiện Kiến). Nếu đã thuyết tịnh, nay may ba y tức mất thuyết tịnh. Lại nữa, xả y này rồi lại thọ y khác, y trước thuyết tịnh không phạm chứa dư.

Nói về may vá và nhuộm y: luật Thập Tụng chép: lấy vật nhỏ ngắn để vào y, nếu có châm lại thì không cần thuyết tịnh, điểm tịnh. Nếu may thẳng, từng đoạn phải nói. Không nói mỗi đoạn phạm hai tội. Tỳ-ni Mẫu chép: nếu y dư chưa đủ mười ngày, chưa tác pháp tình thí. Khâu rồi tác tịnh, đang may các mảnh khâu rồi được chứa. Nếu khâu chưa tát tịnh, may rồi tác tịnh. Đây là y hòa hợp tịnh, chung hai pháp tác tịnh (trong văn may y theo trước lúc khâu). Luật Thiện Kiến nói, nếu y gần hư hoại nhưng chưa rách, hoặc một điều, hai điều; trước lấy vải vá vào, sau cắt lại như cũ thì không mất y thọ trì. Chỗ sau lưng của ca sa gần rách, nên đổi qua hai bên, trước khâu chung với nhau rồi may, sau đó lấy ra. Rồi khâu viền lại, không mất y thọ trì (luận Tát-Bà Đa nói, viền bị đứt liền mất y thọ trì). Ca-sa nếu quá giảm hoặc nhỏ lấy vải thêm vào đều không mất y thọ trì. Nếu nhuộm tăng thêm mầu sắc. Hoặc màu sắc mất đi đều không mất y thọ trì. Luật Ngũ Phần nói, nếu y bị rách cho phép may và sửa lại, dùng chỉ đột để khâu, cũng được may thẳng(luật Thập Tụng không cho may, việc cần thiết chỉ khâu một mũi) trong luật Tứ Phần ba y hư hoại cho phép may vá, may lại viền bên, tùy theo lỗ lớn, nhở, vuông, tròn mà vá. Không được lỗ lớn dùng vải nhỏ vá, làm cho nhỏ lại. Phải lỗ nhỏ rộng bằng hai ngón tay thì vá miếng vải lớn, nên cuộn lại hoặc trương ra để sửa lại. Luật cho phép y hư nên mau vá lại, giống với Luật Thiện Kiến. Luận Tát-bà-đa nói bất luận lỗ lớn hoặc nhỏ, nếu viền không đứt thì không mất y thọ trì. Ở đây nói chung cả hai loại (lỗ nhỏ, lỗ lớn đều dùng không tổn hại). Luật Tứ Phần nói: may y sợ cong lấy đất sét đỏ vạch lên vải để may Luật Thập Tụng

chép: y phúc thường phải sạch sẽ đúng như pháp, nếu không người sẽ bị và phi nhân chê trách.

Cân nhắc về việc thọ dụng: luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo giữ gìn ba y như giữ da thịt mình, bình bát như tròng mắt. Mặc đại y không được khiêng đá, cây, đất, cỏ. Phải quét đất sạch sẽ rồi trải ngọa cụ, toạ cụ, v.v... Không được bước chân lên toạ cụ, không được chỉ mặc áo lót. Nếu Tỳ-kheo vào xóm không được kéo y lê thê. Tỳ-kheo đi phương xa phải vắt y trên vai, gần xóm có ao nước, vũng nước nên lấy nước rửa tay chân, nếu không có thì lấy cỏ cây phủi bụi, sau đó mặc y rồi vào xóm. Nếu gặp xe, ngựa chạy qua, nên đứng trên gió để trách bụi. Nếu gặp đường có bùn, gai góc ngăn chặn, không được khoét vào lau chùi. Vào cửa nhỏ Tỳ-kheo phải nghiêng mình, đi xuống chỗ thấp phải cong mình lại. Vì cách sám hối tội nặng, trong kinh Trị Thiền Bịnh nói: Tỳ-kheo phạm tội, cởi Tăng-già-lê mặc an-đà hội, làm việc nặng nhọc phục vụ chư tăng, cho đến quét dọn chùa tháp, làm vệ sinh. Trải qua tám trăm ngày mới thôi. Rồi Tỳ-kheo mặc tình đến tháp chùa lạy Phật, v.v... Chẳng có gì luyến tiếc, giống như chim bay không để lại dấu vết, nếu không mặc ba y mà vào làng xóm, chỗ của người thế tục thì phạm tội. Luật Tăng-kỳ cũng chép: Tỳ-kheo phải thường mang theo ba y, bình bát bên mình. Trái lại, ra khói giới kết tội, trừ bệnh. Tỳ-kheo phải cung kính ba y như chùa tháp. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo phải giữ gìn ba y như da mỏng trên thân mình, thường mang theo mình như hai cánh của con chim, đi đâu cũng ở bên mình; Luật Tứ Phần nói, Tỳ-kheo đi đâu phải biết thời, không biết thời không đi, đi đến chỗ nào y bát phải mang theo bên mình. Giống như chim bay cánh luôn bên mình. Các bộ đều chế y bát phải theo thân. Ngày nay chỉ giữ tội lìa y ngủ, không đúng với giáo pháp. Luận Minh Liễu nói, Tỳ-kheo thọ y công đức mặc một y cởi một y, vào xóm làng được giữ một y. Trong phần về pháp y của luật Tứ Phần có năm duyên giữ lại Tăng-già-lê.

1. Giữ Tăng-già-lê, nếu có sợ hãi và nghi có sợ hãi.
2. Nếu mưa hoặc nghi sẽ mưa.
3. Tăng-già-lê đang may.
4. Tăng-già-lê đang giặt nhuộm.
5. Nếu y Tăng-già-lê cất quá kỹ thì cho cất mà vào xóm, nói chung Tỳ-kheo vào xóm thì phải mặc y cắt rọc.

Luật Thập Tụng nói, nếu y bá nạp bị hư móc, thì Tỳ-kheo nên mặc y cắt rọc vào xóm, luật Tăng-kỳ cho phép Tỳ-kheo mượn đại y đến nhà thế tục. Bộ Ngũ Bách Vấn chép: không được mặc đại y vào xóm,

chỉ khoác trên vai mà đi cũng không phạm. Luật Tăng-kỳ nói, nêu mặc và cởi ba y, thì phải nắm giữ y để gần thân mình, sau đó mới cởi hoặc mặc. Tỳ-kheo không được cởi y ở trong vườn, mặc một nội y vào xóm, từ xóm đi ra rồi nên lấy y trong vườn gần chỗ mình, giặt cho sạch rồi vào xóm, mặc y thường dung xong, rồi mặc y trong vườn. (đây là nói về y Tăng-già-lê).

Pháp mặc nội y: Tỳ-kheo không được cởi y trong vườn, mặc y vào xóm, rồi mới tìm y trong vườn, cởi y trong vườn, mặc y vào xóm cũng vậy. Tỳ-kheo cũng không được mặc nội y vào xóm, sau đó khoác nội y ra khỏi xóm. Tỳ-kheo nên mặc một bên, ra một bên. Không mặc nội y thì không được phanh ra. Vì gió thổi y rơi xuống, Đức Phật chế Tỳ-kheo mặc y vào xóm cần phải mòc và cột ngang eo mới đi, nêu không khâu vá, không có đồ ghim, dưới cho đến tay phải cầm y, nếu Tỳ-kheo mặc y không có móc thì hễ vào nhà thế tục liền phạm Việt-tỳ-ni, phải sám hối tâm mình. Nếu có mà Tỳ-kheo không mặc, vào nhà thế tục phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc mặc y phải mặc qua vai, móc ở hai góc bằng nhau. Lúc tay trái cầm y, không được trong tay đưa múi goc ra bằng tai dê. Luật Ngũ Phần cũng cho phép Tỳ-kheo xếp bốn lớp đại y để gối đầu. Văn nhiều chỗ trong Trung A-hàm chép: Tỳ-kheo gối đại y, đắp y bảy điều; trong luận Bà-sa cũng vậy. Kinh Tam oai nghi, Tỳ-kheo không mặc Nê-hoàn-tăng, không được mặc Tăng- Kỳ- Chi; các lớp như thế cho đến mặc Tăng-già-lê sau cùng. (nên biết mặc thứ lớp trên dưới của ba y). Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo mặc y trái vào xóm, người đời thầy không vui, trách rằng: Tỳ-kheo mặc như vậy, chẳng khóc gì y không cắt rọc. Thế tôn biết được quở trách rồi kêt tội. Nếu ra vào xóm làng, y và móc bằng cỏ cây sợ hư hoại, hoặc gió mưa bụi bặm làm đỏ các mảnh vải, hoặc nắng gắt làm y phai mầu, hoặc chim làm dơ cho phép mặc ngược y lại vào xóm để giữ gìn y. Nếu dưới y bị hư hoại cho phép đảo ngược mà mặc. Viền trên dưới, móc và dây lưng, lúc mưa không nên mặc ngược. Luật Tứ Phần, Tỳ-kheo mặc y trái cũng giống như vậy. Kinh Xá-lợi-phất Vấn, ban đầu cho phép để hở một bên, cho rằng chấp sự cung kính, sau cho phép mặc y qua vai vì biết thị tướng ruộng phước. Trong luật, Tỳ-kheo đến trước Phật hoặc bậc Thượng tọa mới để hở một bên. Trong kinh, nếu Tỳ-kheo mặc y trùm hai vai, trong năm trăm đời đọa vào địa ngục mặc áo giáp sắt. Bộ Tam Thiên Oai Nghi, nếu chỗ không có chùa tháp, không có Tỳ-kheo tăng, lại có nhiều trộm cướp, vua không kính mến Phật pháp; cho phép đến nước đó không mặc ba y. Không được mình ngồi chỗ cao, ba y để chỗ thấp, theo quyết định

của hai bộ luật và luận, thì Tỳ-kheo mặc đại y vào xóm, gặp sư tăng, Thượng toạ và các người khác không được lễ bái. (vì cung kính tôn trọn nên trình bày ý này). Bộ Tam Thiên oai nghi chép: Tỳ-kheo mặc ba y không được hướng về tháp Phật, bậc Thượng tọa và ba thầy (thầy Bổn sư, thầy Yết-ma và thầy giáo thọ, cũng không được xoay lưng lại; không được miệng ngậm thức ăn và hai tay cầm cái gì đó. Luật chép: không được thòng ba y ở góc trước. Chú: không được xếp ở trên vai, gọi là vòi voi) trong bộ Ngũ Bách Vấn chép: lúc không có y trung, được mặc đại y lên giảng và lễ bái: Nếu tiểu y sạch sẽ không sát thân thì không có y bảy điều, năm điều cũng được nhập chúng, thọ thực, lễ bái... (theo đây thì đi giữa đường gặp tháp, nếu mặc hạ y không được làm lễ, Tỳ-kheo không mặc ba y thọ thực phạm tội đọa; mượn ba y của người khác mặc không được ra ngoài giới qua đêm, ở trong giới thì không giới hạn số ngày. Luật Thập Tụng cũng chép: Tỳ-kheo không mặc ca sa thọ thực phạm tội; không nói là ba y. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo được y mới, nếu Tỳ-kheo có đức mặc tạm thì Tỳ-kheo kia được phước. Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo xin được miếng vải nhỏ cho người thế tục tiêu trừ tai ương. Tạp A-hàm, Phật bảo lấy uất-đa-la-tăng cho bà-tứ-sất-nữ mặc, kinh Hiền Ngu nói, sư tử cung kính người mặc ca sa nên thành Phật.

Nói về tác pháp giới nhiếp y: Trong đó giới nhiếp y tự nhiên có mười lăm loại khác nhau như trong tùy tướng, ở đây chỉ nói thêm phần Yết-ma, nói chung nghĩa như sau, khác với sớ. Nay trình bày sơ lược về nó. Tất cả đại giới gồm có ba loại. Nếu giới phần lớn không có chùa chỉ có nhà ở, ở đó nên kiết giới. Nghĩa là trong phần ngoài tăng viên được giữ y, trong giới phía bên ngoài không tránh khỏi mất y. hai giới và tăng-già-lê v.v... Và giới nhỏ trong già-lam, hai giới này không cần kiết giới. Khi kết giới xong trong phần ngoài viên ngược lại thành mất y. Các nhà lập pháp khác nhau. Có người lập pháp không co thôn kết giới. Nay hiểu rằng, bất luận có thôn hay không có thôn đều nên kiết giới. Vì kiết giới trừ được các chướng ngại. Nếu có thôn, gần không kiết, kiết xa, (vì sau đó cách thôn tùy theo khoảng cách mà để y). Nếu không có thôn, kết gần trừ kiết xa (sau này có thôn lo được để y, nếu thôn khác xa thì được để y). Vì trước đã thành kiết. Chinh do nhiễm ngại, tinh ngại, cách ngại, giới ngại nên mất y; không phải do có thôn hay không co thôn, vì thế khiến cho cương giới của y có thêm bớt. Đây là định nghĩa. Nói về văn trong các luật Ngũ Phần v.v... Tùy theo sự tình mà suy xét, trong luật Tát-bà-đa nói, sở dĩ trừ thôn vì có năm nghĩa:

1. Thôn xóm không nhất định, cương giới của y thì nhất định.

2. Vì trừ sự phỉ báng, trừ sự tranh cãi, giữ gìn giới có thôn trụ, sau nhân vì co duyên sụ mới nói trừ thôn, thêm phép.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới; nay tăng kiết giới không mất y trừ thôn và ngoài thôn. Trưởng lão nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, kiết giới không mất y trừ thôn và ngoài thôn rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Pháp giải cương giới của y.

Luật chép: nên giải giới y trước, sau giải đại giới. Luật Thập Tụng nói, giải đại giới trước thì y cũng mất.

Văn chép:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ cùng một thuyết giới, nếu tăng phải thời mà đến, tăng thuận cho, nay tăng giải giới không mất y, tác bạch như thế.

- Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (Yết-ma). Tăng đã bằng lòng cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y rồi, tăng đã bằng lòng, việc đó cứ hành trì như thế.

Nói về toạ cụ:

Luật Tứ Phần nói, vì thân, vì y, vì ngọa cụ nên chế ra ngọa cụ, dài hai gang tay Phật, (sất-cách-phản: nghĩa là rộng bằng ngón tay cái và ngón tay giữa, chữ này hớp với pháp. Chữ túc bên chữ cạch cũng là chữ cạch. Si-cách phản: nghĩa là bước một bước là kiệt, hai bước là bộ. Hai nghĩa này khác nhau) rộng một gang rưỡi tay Phật. Dài rộng tăng thêm nửa gang tay. Các bộ nói về gang tay không nhất định. Nay theo Ngũ Phần, một gang tay Phật dài hai thước (thước Trung quốc), theo đời Đường một thước hơn sáu tấc bảy phân. Dùng hai tấc này làm gang tay theo thước Cơ Chu. Vấn đề này chung cả âm dương, các nước thường y cứ theo không thay đổi (tức đời Đường nói là thước, dùng một thước hai tấc làm thước). Nhưng tùy theo phong tục mà kích thước không nhất định. (điều này đúng là đời Đường nước Trung quốc dùng thước năm, sáu loại khác nhau). Luận Minh liễu chép: người thường cao tám thước, Đức Phật cao gấp đôi là một trượng sáu thước (dẫn chứng nhiều để biết thước lớn hhỏ) luật Thập Tụng chép: ngọa cụ mới hai lớp, ngọa cụ cũ bốn lớp. Già luận cũng đồng. Luật Tăng-kỳ chép: không được dùng,

vải dạ cũ làm toạ cụ. Toạ cụ nên làm hai lớp. Nếu khâm-bạt-la thì một lớp, kiếp bối hai lớp. Không được gấp hai đầu, xếp gấp lại, ngâm nước, muốn đến khi khô rồi sẽ dài rộng ra. Nếu như vậy được ngọa cụ phạm tội đọa, dùng phạm việt-tỳ-ni. Tỳ-nại-da chép: toạ cụ mới, cũ phải viền xung quanh để làm hoại mầu sắc của nó. Nếu may toạ cụ nên viền xung quanh. Luật Ngũ Phần nói, nên may chồng thêm bốn góc, không chông thêm cũng được. Luật Tứ Phần chép: nếu may dưới hạn lượng quy định, may chồng hai lớp cũng được (nghĩa là hai lớp là đúng, sợ quá lượng nên cho chồng lên). Luật Thập Tụng, không được thọ toạ cụ một lớp, lìa toạ cũ ngũ phạm Đột-cát-la, bộ Ma-đắc-là-già chép: Tỳ-kheo lìa ngọa cụ mà ngủ không phạm xả đọa, vì không phải do Phật chế: nhưng cũng không nên lìa ngọa cụ mà ngủ. Luật Tăng-kỳ chép: tăng cho hai lớp, ba lớp may chồng lên nhau, bớt hay quá đều phạm Ba-dật-đề. Các luật thêm là do duyên ngoài. Luật Tứ Phần, trong luật nói bảy trăm vị Tỳ-kheo kiết tập được chứa toạ cụ không cắt. (pháp có đung sai nên khéo chọn mà thực hành) y cứ theo tướng càng nhiều sợi thì không cắt rọc không phạm. Toạ cụ quá lượng không cắt rọc mà chứa, lẽ ra cùng không tội. (việc này do Bát-Xà-Tử tùy tiện làm mười việc làm đoạn tăng cõi Diêm-phù-đề) điều đó nên bỏ từ lâu. Nay khắp nơi trung hưng thì dùng phép sai lầm của Bạt-xà-tử. Luật Thập Tụng nói, may toạ cụ không chồng nhiều lớp xung quanh là Tịnh. Già luận nói hai đầu của toạ cụ không dính liền phạm tội đọa. (thời nay thường xét theo văn tăng thêm, thì dài năm thước v.v... đều phạm tội Ba-dật-đề). Đúng như pháp: là y theo lượng ba đầu mà cắt rọc may viền xung quanh. Nếu lúc ngồi đầu gối chấm đất thì theo lượng tăng thêm, may một đầu một bên liền với toạ cụ nhỏ. Đây là chánh văn của định giáo. (không y theo pháp này, trọn đời không có được chỗ ngồi đúng như pháp) luận Tát-bà-đa, lúc Phật còn tại thế, Tỳ-kheo thường ngồi thiền nhiều nên làm ngọa cụ nhỏ. Về sau khai cho may thêm các góc, may theo một bên duy nhất.

Còn thêm một cạch thủ, khiến cho Tỳ-kheo nằm trên ngọa cụ của chư tăng. (nay thì có giới bổn ghi). Nhất cạch là luật Thập Tụng, vì Tứ Phần là thác dụng. Nếu y theo luật thì hễ dài sáu thước rộng ba thước (đo theo thước Tàu) ngọa cụ của tăng phải dài tám thước Tàu, rộng bốn thước Tàu). Luật Tứ Phần nói: toạ cụ và pháp (nếu muốn chuẩn dụng cũng phải nuôi dưỡng nó, không thành thọ thì cũng phải nói tịnh).

Tăng-kỳ toạ cụ: đây là y áo, toạ cụ đem theo: không được tịnh thí và lấy cỏ, củi đầy cự-ma, Hán dịch là ngưu thỉ (cứt trâu). Chỉ được trải ngồi.

Luật Thiện Kiến chép: nên thọ trì không nên tịnh thí vẫn không ngoài văn này. Nghĩa Gia nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... ni-sư-đàn này là vừa cỡ. Xin được thọ trì (ba lần) dùng pháp ấy rất giống pháp bình bát. Đúng theo lệ, thêm pháp giữ gìn. Văn đồng pháp thọ, phần sau đổi là: nay xả bỏ. Tăng-kỳ thì được trải ra ngoài. Ở trên đường đi thì được gấp làm hai rồi xếp đôi lại nữa mặc áo, bỏ vào túi đeo lên vai phải hoặc vắt lên vai. Nếu để ở chỗ ngồi thì phải trải ra để ngồi. Nếu để ở bổn xứ thì nên cất vào trong, sau từ từ mở trải ra mà ngồi. Hễ ngồi, thì theo đúng pháp nên trước đè xuống rồi sau đó mới ngồi.

Trong kinh Hiền Ngu ghi: Ngài Xá-lợi-phất vắt ni-sư-đàn (toạ cụ) lên vai phải, vào trong chúng hàng phục tà đạo.

Trong Tỳ-nại-da, văn dài dòng: vắt lên vai vào núi ngồi thiền, nay ở để trên cánh tay trái, nhập định là phí pháp.

Về pháp đãy lượt nước: Vật tuy nhỏ nhẹ nhưng có tác dụng rất lớn. Người xuất gia từ bi cứu độ chúng sinh chắc chắn là ý từ đây. Nay trên phẩm hạnh cao còn uống nước có côn trùng, huống gì chẳng những mất mát, lòng sao không nói được! Cho nên trong luật vì xem trọng sinh mạng côn trùng nên thiên chế uống dùng hai giới. Vì việc thường hiện còn và có tác dụng nên đa số phải dùng đãy lượt nước. Còn những điều khác thì giống như trong giới tướng. Nay vì luận bày sáng tỏ theo ý Phật.

Luật Tát-bà-đa nói: Muốn làm trụ xứ, trước nên xem trong nước có trùng hay không? Nếu có thì nên đào giếng khác, nếu đào giếng khác mà vẫn có trùng thì nên bỏ đi.

Pháp sử dụng nước: phải sạch sẽ giống như pháp lượt nước. Đổ nước vào chậu, đủ cho một ngày dùng, lấy một tấm vải mịn dài khoảng một khuỷu tay làm túi lượt nước đưa cho người trì giới xem xét. Lượt xong nên đổ nước vào bồn sạch, đưa ra mặt trời nhìn cho thật kỹ, nếu có trùng thì thực hành như trước đã nói.

Trong Luật Tăng-kỳ ghi: côn trùng lớn, nhỏ lượt nước phải may ba lớp, nếu lọc qua mà vẫn còn côn trùng thì liền đến giếng nhìn thật kỹ xem. Nếu trong giếng có nhiều côn trùng thì nên bỏ đi.

Luật Tứ Phần nói may cái túi lọc nước giống như hình dáng cái thìa, hoặc có ba gốc như cái quách lớn. Nếu làm bình đựng nước lượt mà lo các côn trùng nhỏ nhít bò ra thì cho phép đặt vào trong túi cát, khi lượt xong thì để lại trong nước.

Chẳng được không có đãy lượt nước mà đi nửa do-tuần, nếu không

có đãy lượt nước, thì dùng góc y Tăng-già-lê (chính xác là phải giấu trong cái đãy vì dơ sạch đều nhuộm nhau). Trong nước này, phần nhiều đều dùng lụa để làm. Tôi đích thân lấy lọc rồi. Bên trong bình có mầu đen, có rất nhiều côn trùng nhỏ nhít giống như nước cặn.

Kinh Niết-bàn chép: bụi chăng? Côn trùng chăng? Hán dịch là Tín. Về sau dùng lụa trắng dày làm túi lọc nước mới hết. Nên hiểu rõ điều này. Nay không cần dụng công phu người cố chấp nói là luật học chỉ ở các đãy lượt nước. Nhưng họ không thương tổn sinh mạng chúng sinh. Kẻ hại đạo thì không cất giữ đãt lượt nước. Cho dù có giữ cũng không dùng, dù có dùng nhưng khi lọc qua không lật ngược túi lại. Tuy có lộn túi ra nhưng vẫn làm tổn thương sinh mạng chúng sinh. Còn giới sát sinh, vẫn không thể vâng giữ, ngoài ra suy nghi kiến mạng thường mất trong đó.

Nói về thính môn chia làm bốn phần:

1- Một trăm lẻ một các vật dư.

2- Y phẩn tảo.

3- Đàn-việt thí.

4- Vật của người qua đời.

Trong phần đầu chia làm hai là:

- Một trăm lẻ một thứ giúp thân, khiến cho thọ trì.

- Vật dư và những thứ khác nói: là thanh tịnh giữ gìn. Ban đầu trong luận Tát-bà-đa nói trong một năm lẻ một vật, mỗi người được gìn giữ. ngoài một trăm lẻ một vật đó tất cả đều là vật dư. Nó giống như vật báu được đưa vào số một trăm lẻ một vật. Cho nên không cần phải nói là thanh tịnh. Ngoài ra, tất cả các vật dụng và chẳng phải vật dụng đều là một. Ngoài những vật này ra đều phải tác tịnh (nghĩa là cho người thế tục).

Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử ta mặc ba y phục là đủ chống lại cái giá rét, nếu người không chịu lạnh nổi cứ mặc thêm các áo rách vào.

Luật Ngũ Phần chép: ba y, (áo lót), (áo khoác ngoài), (áo tắm mưa), (áo che ghẻ), y trải chỗ kinh hành, y che rậm trên vách, (có thể là bốn góc thả xuống bốn bên của giường, mỗi góc dài một thước Tàu, bên trong đặt ngọa cụ), quần, vớ, mũ, nón, khăn lau mình, khăn lau tay, khăn lau mặt, túi đựng kim chỉ, túi đựng bình bát, túi đựng giày dép. Những y như thế thì giống như y đều phải thọ trì. Văn dưới cho phép giữ ba cây kim.

Luật Thập Tụng luật thì như pháp được dùng y. Tăng-kỳ chi gọi nê-hoàn-tăng là tên của Y Ba-lợi-ca-la (nói đủ là y giúp thân) vì sao phải

nói: mầu kia là Y Ba-lợi-ca-la? nên tôi được dùng. (phải năm chúng mà thọ, nghĩa là nên đúng như pháp mà nói). Trong luật Thiện Kiến nói, ba y, y tắm mưa, ni sư đàn-việt đều phải thọ trì: nếu không đúng cách thì thuyết tịnh thí, tuy mặc vào mà bị rách thì chẳng được không nhận, phải nói danh tự của nó. Khăn tay phải giữ hai cái. Tạp y thì mang theo bao nhiêu tùy mình, còn những y khác tuy được nhận nhưng mỗi thứ chỉ giữ một cái, không được hơn.

Luật Thập Tụng nói có bảy loại y không được làm tịnh thí: ba y, toạ cụ, áo tắm mưa, áo che ghẻ là sáu thứ. Thứ bảy là một trăm lẻ một vật cần dùng.

Luật Tát-bà-đa nói: trong một trăm lẻ một vật thì ba y, bình bát cần phải thọ trì. Nếu nhận từ bên ngoài thì được mà không cũng chẳng có lỗi. Tăng-chi thì phải giữ gìn, bảo vệ không quá hai y. Đồng thời phải giữ Nê-hoàn-tăng, Tăng-kiệt-chi-phú-la và mang nó theo bên mình để lúc sử dụng. Mỗi người được sử dụng một y. Tất cả những vật từ bên ngoài đều là tài vật dư. Ngoài trừ tiền và lúa gạo, đậu mè. Tất cả y dư thì giống như pháp của Đại tăng, nghĩa là trong mười ngày phải may xong. Tuy bỏ làm cát-la hối nên khác. Kế là pháp chứa y dư. Có hai sơ minh trướng tướng: Sau khai là thuyết tịnh. Trong đây, Tỳ-nại-da chép: y dư là vì may một ngày xong. Cách thức trong Tăng-kỳ-chi (Đây là âm phạm của Trung quốc, dịch là Thượng hiệp hạ quảng y). Luật Tứ Phần nói phải mặc Tăng-kỳ-chi khi đi vào xóm. Nếu may dây đai vào thì được y Thượng hiệp hạ quảng, nên dùng làm Tăng-kỳ-chi.

Luật Thập Tụng nói vì đi vào xóm để bày hông ngực nên phải mặc Tăng-kỳ-chi. Vì gió thổi bay rớt y nên phải buộc dây đai, người không mặc thì phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: không mặc Tăng-kỳ-chi khi đi vào xóm, phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ chép: Tăng-kỳ-chi là cái áo che vai dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Như thế mà thọ trì. Đúng theo chiều dài của y này đủ che vai (Ngày nay người mặc thì giống như trong luật trên hẹp dưới rộng. Đây là ở đời Hậu Ngụy có thầy sửa lại cách may) còn viết sớ giải thích thật rõ. Pháp tăng trong kinh Niết-bàn (đây nói là áo lót).

Luật Tăng-kỳ chép: Phật ở trước chùa Tăng mặc nội y (áo lót trong) để dạy chúng Tỳ-kheo, do đó chế giới.

Luật Thập Tụng chép: Lúc làm nên mặc tiểu Nê-hoàn-tăng. Tam Thiên nói: pháp của Nê-hoàn-tăng:

1. Không đem dưới mặc lên trên.

2. Làm cho bốn góc bằng nhau.

3. Gấp đầu mới lại gần mặt trái.

4. Thắt dây đai mặt phải.

5. Phải quấn ba vòng, không thả hai đầu thòng xuống. Những pháp khác giống như kia.

Ngũ Bách Vấn chép: trời lạnh quá thì mặc dài đến gót chân. Luật Tứ Phần nói không được mặc ngược nếp gấp vì nhà người tại gia thấy rõ phải may dây buộc đeo vào. Không được lấy vải mầu gốm trắng để may, nên may màu ca-sa rộng ba ngón tay quấn quanh lưng ba vòng. Nếu may xong phải hai, ba, bốn điều. Nếu may bị lộn, cái ngắn thì nối thêm. Nếu nhỏ nhặt mau rách thì làm nửa vòng thân (đây gọi là lấy y quấn quanh thân rồi dùng dây đai buộc gọn lại) (Ngày nay, tăng của nước Ngô Thục phần nhiều mặc quần).

Luật Thập Tụng, Ngũ Phần chép: lúc may y nên may từ sau qua đường giữa. Nếp gấp mặc ở phía trước, pháp mặc y dưới hạ y), bên trái che phần trên, hai bên, hai nếp gấp, phải gấp làm hai ở mặt sau.

Luật Thập Tụng chép: Nê-hoàn-tăng bị rách thí phải khéo sửa lại thành câu-tu-la. Nếu Tỳ-kheo có thân thể mềm mại thì lau phần dưới bị rách, cho phép hở năm tấc được thọ dùng. (đây gần giống như cái quần tròn trong thân).

Luật Ngũ Phần có nói về việc mặc y câu-tu-la. Người thế tục chê bai rằng: “khác gì chúng tôi mặc áo dây chui đầu”, nên luật không cho mặc. Y An-đà-hội hư cũ thì cho phép vá lại để dùng tạm (đây là loại quần người nữ mặc). Thời nay mặc Đãn-tụ-bác mới là quần, các quần áo cánh, áo chẳng hề là chánh văn đáng y cứ.

Luật Thập Tụng chép: y có năm mầu chính, nhất thiết mao y, thiên tụ y, phức y, nhất thiết điệp y, nhất thiết quán đầu y, lưỡng tụ y, nhất thiết Nang y, nhất thiết sam khố quấn bạch y, y phục đều không được mặc, [page110]. Nếu mặc thì phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: không được mặc áo cánh quấn đùi mà đi. Áo đằng thủ, áo cỏ, áo da, mũ da, áo lông chim, áo lông trâu ngựa, các thứ áo như thế đều không được mặc. Người ngu cấm lại còn làm việc khác. Từ nay trở đi tất cả các thứ áo của người tại gia và ngoại đạo đều không được mặc. Nếu mặc thì đúng như pháp trị.

Trung A-hàm ghi: Tăng nói tất cả y phục, thức ăn đồ uống, giường tháp, vườn rừng, người dân cúng cho thì được cất giữ. Cái không được cất giữ thì không nhất định. Nếu nói cái được cất giữ, nếu ngược lại với điều ta nói thì không được cất giữ.

Luật Tứ Phần thì khai cho chúng tăng được cất chứa nhiều loại y áo. Nếu có Tỳ-kheo nào cần thì cho họ mượn mặc. Nếu chỗ ở đó bị hư hoại thì dời đi chỗ khác, còn trở về chỗ cũ thì phải y theo sự sắp xếp cũ. Nếu mặc tăng y thì phải yêu chuộng, giữ gìn nó, đừng để dính bụi bặm, không được mặc sấn y, làm xong thì tắm giặt.

Luật Tứ Phần do đó khai cho Tỳ-kheo được mặc y của đàn-việt cúng, vì thế vua Bình-sa đem dâng cúng cái quý giá ông đang mặc và tấm thảm quý giá ông đang dùng. Phật cho phép rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay lông dài ba ngón tay, phải tịnh thí rời mới được, cất giữ. Nếu tấm thảm lông rộng dài quá thì không được. Nếu áo quá quý giá, thảm trải quá sang thì không được đi trên đó.

Luật Thập Tụng thì cho phép ngồi trên áo gấm lụa là nhưng không được đi trên đó.

Luật Ngũ Phần nói trải lụa gấm sặc sỡ đủ mầu, phạm Đột-cát-la (trong nhà thế tục).

Luật Tứ Phần chép: khai cho Tỳ-kheo ở trong phòng ngồi trên lụa màu sáng đẹp, nằm tên lụa mầu sáng đẹp, phu sấn thể y, chiên bị ba y, phòng y và thuốc men v.v... nếu không ở thì cúng dường tất cả cho tăng. Lại nói: tháng quá lạnh vì sợ lạnh nên cho phép cất giữ áo dày, còn khai cho Tỳ-kheo được mang túi dựng bình bát, túi đựng giày dép, ống đựng kim chỉ, áo đơn, dây thắt lưng (dây đai) mũ, khăm lau chân, khăn hút nhiệt, khăn để trong giày dép. Và khăn lau mặt, khăn lau mình, khăm chậm mồ hôi. Còn tất cả những y phục gởi ở nhà người tại gia cần phải nhuộm mầu hoại sắc làm pháp y Sa-môn.

Luật Tứ Phần nói: không được ngồi trên tấm da, trụ ở biên địa, được phép đắp y hoại sắc trên y gấm lụa, không được cất giữ y gấm lụa, y hoại sắc thì được cất giữ cùng với mũ da. Nếu sợ bị ghẻ thì được cất giữ y che ghẻ còn người không bị gì thì đưa những vật dụng ấy cho tăng giữ. Nếu sắp đi ra ngoài thì được giữ lại để dùng, bệnh ghẻ lành thì trở về bổn xứ.

Kinh Trung A-hàm nói: hiếm khi áo quý của nhà vua mà lót đường cho Phật bước lên rồi sau đó lại mặc tiếp. Việc này làm cho thí chủ được phước lớn (những y khác thì y cứ theo đây).

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo ở vùng biên địa thì linh động khai cho năm việc:

1. Năm người trì luật thì được thọ đại giới vì Tăng ít nên ba năm mới nhóm hợp.

2. Mang giầy da thuộc hai lớp (vì cát đá nhiều).

3. Thường tắm gội (vì sinh đời lành).

4. Ngoa cụ làm bằng da dê xám, dê trắng, da nai (vì vùng ấy không có vật khác để làm ngọa cụ).

5. Cho phép Tỳ-kheo y vào tay đủ số mười ngày (vì không có người có khả năng đối đáp).

Luật nói: phương Đông có nước tên Bạch Mộc Điều, vì ở bên ngoài nên cho phép (theo đời Lương Cống hiến chức đồ. Nói nước Tây phiên Bạch Mộc Điều đến công thì (nước) này ở phía Đông (nước) kia, mà tăng ở vùng biên địa phần nhiều dùng bổn khai pháp, luật kết chánh tội, hẳn là không có Tăng để đắc, dùng theo thì không có lỗi).

Luật nói: không được cất chứa da su tử, cọp, beo, khỉ, chồn và những tấm da dơ xấu khác. Lại không được nằm ngồi trên giường cao, rộng. Nếu một mình ngồi trên giường dây, giường cây, giường ngà voi, lấy da voi, da ngựa che lên, toạ cụ, đệm làm bằng gấm mầu để làm đệm thì tuyệt đối không được dùng. Nếu không có cái gì khác ngoài những giường trải lụa thì có thể khai cho ngồi, trừ giường báu. Không được xin da sống. Nếu xách nước mà dây bị đứt thì cho phép dùng da làm dây. Nếu dây cửa bị hư thì cho phép dùng da làm. Nếu then cửa không xoay chuyển, hoặc bị hư thì cho phép dùng da để sửa lại. Nếu dùng da làm dây đai lưng, áo đơn, mang theo những đồ dùng (vật dụng) bằng da thì không được. Nếu dùng làm tấm màn che hiên thì không được. Đi đường sợ nóng bức dùng y làm vật che.

Tam Thiên chép: phải khéo giữ gìn, hỗ trợ nghĩa là dây áo đơn rộng một thước (Tàu), dài tám thước, đầu có cái móc, ba lớp dùng da thuộc. Những pháp khác như đây, phải mặc nó ở chỗ riêng. Nước lạnh có tuyết phải có vớ, cho phép xin những người thế tục không bà con, không được dùng những vật khác. Kinh Tỳ Mẫu chép: ở chỗ lạnh quá, cho phép mang ủng của người thế tục.

Luật Ngũ Phần chép: làm ủng sâu lắm cho phép trên hoặc bằng mắt cá chân. Tỳ-kheo làm ủng thì không được làm kiểu quá đẹp. Nếu ở nước khác thì mang phú-la, nếu chỗ có giày dép thì tùy ý mang.

Tỳ-ni Mẫu nói: sở dĩ cởi giày dép đi nhiễu quanh Phật là vì sợ người đời quở trách khởi tâm nhạo báng.

Ngũ Bách Vấn chép: giày ủng thật sạch sẽ thì được mang lễ bái.

Luật Ngũ Phần chép: được đôi giày mới khiến tịnh nhân mang đi bảy bước.

Luật Tứ Phần cho phép mang giầy dép vì bảo vệ chân, bảo vệ y, bảo vệ ngọa cụ v.v... Ở trong chùa nên mang giày da một lớp. Nếu như

mang bị hư thì lấy vỏ cây, lấy da, lấy gân, lấy lông làm kim chỉ vá lại. Nếu được một tấm da sống thì cho phép tự làm cho mềm mại. Nếu bảo người làm cho mềm mại xong thì cắt ra may thành đôi giày một lớp và không được mang nó vào xóm. Trong văn vì có bỏ phần ở trong đạo, ở tụ lạc vén y bày vai, Phật nói: Nếu có chỗ lấy cho thì tùy thời (y cứ theo đây khai: vào trong xóm không cởi giày dép và vén y bày vai. Văn đã nói rõ điều này). Lại không được dùng da nhiều mầu sắc. Nếu giữ lụa là thì nên cho làm dải giày dép. Nếu đan đường biên thì hoặc mầu sắc xanh. Nếu giữ lụa là thì nên cho làm dải giày dép. Nếu đan đường biên thì hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng, v.v... làm giày dép, v.v... đều không hợp. Nếu được giày dép mầu gấm mà đã bạc mầu thì cho phép cất giữ. Nếu lấy cỏ gai, v.v... làm giày dép sũng không được. Nếu ở trong chùa cho phép mang giầy cỏ bồ. Nếu hư thì dùng da cây và lại. Không được chứa bốn loại giày quý báu. Nếu guốc bằng gỗ thì khi vào nhà đại tiểu tiện ra phải rửa chân, rửa guốc. Vì ngoài tất cả guốc ra không được cất chứa. Nói rõ ràng sáu môn trong phép làm tịnh thí:

1. Chế giới ý.
2. Hai thí chủ khác nhau.
3. Khai thuyết có tiến hay không.
4. Cách dùng của thuyết.
5. Vì giải thích lý do còn mất của thí chủ.
6. Nói về mất pháp khác nhau.

Trong phần đầu, luận Tát-bà-đa hỏi rằng:

- Pháp tịnh thí này là thật hay giả?

- Vì lòng đại bi và năng lực phương tiện nên Phật bảo làm tịnh thí. Đây là phương tiện thí, chẳng phải là chân thật thí, khiến cho các đệ tử được giữ vật lâu dài mà không phạm giới.

Hỏi: Phật lấy gì không ngay thẳng khiến cho cất giữ tài vật lâu dài mà cưỡng cho kết giới, bày ra cách thức, lấy ít muốn làm gốc? Đáp: kết giới cấm chế khiến cho không được cất giữ. Nhưng chúng sinh căn tánh khác nhau, ngộ nhập mỗi mỗi đều khác. Như ngày xưa nhất thời khai phòng xá bằng bảy báu, Tỳ-kheo vào trong đó liền chứng thánh đạo. Cho nên tùy căn cơ báo ứng, trước chế sau khai. Vì sao khai mười ngày?

Đáp: Phật biết trương các pháp không chậm, không gấp, đáng khai khiến cho người tính lượng phát thẻ bố thí may vá sửa sang y áo và nói pháp thanh tịnh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu bố thí thì khỏi phải thuyết tịnh, vì tâm

ác, nên không đủ mười ngày, đều phạm tội xả đọa. Trong trì Địa, Pháp Bồ-tát củng có pháp tịnh thí. Kinh Niết-bàn cũng vậy. Nhị Giản thí chủ pháp thì trong y phục, thuốc, bình bát, vật báu, ngũ cốc, lúa đậu, cần đến thí chủ, trước nói Thượng Tam thí chủ.

Luật Tăng-kỳ chép: năm chúng được làm.

Luật Thiện Kiến nói: xoay vần lần lượt trong năm chúng theo một người làm thí chủ. Người chân thật, đến chỗ một Tỳ-kheo không so sánh với một Sa-di.

Luật Ngũ Phần nói: Năm hạng người không nên làm:

1. Không quen biết nhau.
2. Chưa am tường nhau.
3. Chưa tiếp cận lẫn nhau.
4. Chẳng phải là bạn thân cùng thầy.
5. Chẳng phải lúc.

- Lại có bốn hạng người không nên làm:

1. Người không thể khen ngợi.
2. Không thích khen ngợi điều tốt của người.
3. Nên tịnh thí cho năm chúng.
4. Không được cho người tại gia.

Luật Thập Tụng chép: Không được nói hai, ba người tác tịnh, nên cho một người. Nếu giữ vật tịnh thí của người kia mà không trả lại nên đòi lấy người không được thì cưỡng đoạt lấy, nói: Phật có dạy: vì thanh tịnh nên cho ông, nay ông mang đi đi, phạm Đột-cát-la. Từ nay trở đi thuyết tịnh thí thì phải có thẻ cho một người tốt (gọi là đối thú nhận tịnh thí).

Luật Tát-bà-đa nói: Tìm người giữ giới, học rộng có đức để làm, trừ bốn trọng tà ác. Đắc giới sa-di, mù loà, đui điếc, câm ngọng, tâm điên cuồng, hành biệt trụ sáu đêm, người có pháp v.v... Vì khiến cho thanh tịnh nên làm chứng minh, không gây đấu tranh. Những người như trên thì không đúng như pháp, không phải những người này thì dùng làm thí chủ, sau thí chủ mà thuyết tịnh: tiền của, vật báu, lúa đậu đều lấy người thế tục làm thí chủ, Kinh Niết-bàn nói: tuy cho phép nhận và cất giữ nhưng phải tịnh thí để làm cho đàn-việt vững lòng tin.

Luật Tát-bà-đa nói: trước tìm người tại gia biết pháp, sau mới được nói ba lần hỏi có nghe pháp hay không? Ở trước nói phải thỉnh.

Luật Tát-bà-đa nói: phải tìm những người học rộng, nếu đến nước kia chết thì phải tìm người thanh tịnh làm. Muốn làm chứng minh thì nói đúng như pháp. Cho nên biết đối diện thỉnh. Cho đến tiền bạc, vật

báu cũng nói khiến biết pháp của Tỳ-kheo. Nay lấy đàn-việt làm tịnh chủ. Văn này đã nói rõ là khai thỉnh. Kế đến nói dường như không cần thỉnh

Luật Ngũ Phần chép: ở trong năm chúng tùy ý cho (giống như phải thời chỉ bày nên không có văn. Tùy nhị bộ dùng mong đức cao rộng không thể đề cập đến, y theo dụng của Luật Ngũ Phần, nếu thỉnh mời thì được.

Thỉnh pháp nên đầy đủ nghi thức, đến chỗ Đại đức, trước phải nêu bổn ý của mình, nếu cho phép thì sau nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo v.v... nay thỉnh Đại đức làm người triển chuyển tịnh thí các thứ y phục, thuốc, bình bát. Xin Đại đức làm người triển chuyển tịnh thí của y phục, bình bát, thuốc, vì lòng thương xót(thỉnh ba lần)

(Y cứ theo văn trong luật Thiện Kiến, năm chúng đều hiểu được).

Nếu đến chỗ Tỳ-kheo-ni, nói: nay tôi xinh Tỳ-kheo-ni làm người triển chuyển tịnh thí, mong cô làm việc đó(Ba chúng dưới cùng giống như vậy, pháp thỉnh không thêm văn nghĩa).

Về chân thật tịnh thí, (Luật Thiện Kiến đối với Tỳ-kheo vì đích thân đối thuyết tịnh, Tỳ-kheo-ni và bốn chúng đều phải làm pháp nghĩa, không khai).

Văn rằng: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Nay xin Đại đức làm người chân thật tịnh thí các thứ y phục, thuốc, bình bát. Xin Đại đức vì còn làm người chân thật tịnh thí, vì lòng thương xót, xin Đại đức làm người chân thật tịnh thí (nói ba lần).

Luận Tát-bà-đa nói: Trước phải tìm người tại gia biết pháp nói điều đó. Nếu người không biết thí nói cho họ hiểu. Đến chỗ người kia nói Tỳ-kheo biết pháp không được cất giữ tiền bạc, vật báu, vàng bạc, lúa gạo, đậu mè, v.v... Nay đem đàn-việt làm tịnh thí chủ, sau được tiền bạc, vật báu đều thí cho đàn-việt. Kế đến hỏi có thích hợp hay không?

Luận Tát-bà-đa nói: tiền bạc, vật báu, lúa đậu củng giống như y dư mười ngày thuyết tịnh. Kinh Niết-bàn, v.v... nói về pháp tác tịnh, luật Ngũ Phần nói Tỳ-kheo ở một mình, tâm nghĩ miệng nói: đầy đủ uy nghi cầm y, tâm nghĩ miệng nói: y dư này tăng tịnh thí cho... từ người kia nhận dùng, đến ngày thứ mười một, lại giữ uy nghi như trước, nói:

Đã đến mười ngày rồi, tôi lấy lại cái y dư của tôi từ người kia. Lại như lần đầu thuyết tịnh thí cho người nào đó, từ người đó lấy dùng xả như thế thọ lại cái mới khác vào ngày thứ mười một.

Luật Tăng-kỳ nói: tâm niệm thuyết tịnh mà miệng không nói.

Đây gọi là phi pháp tịnh việt, nếu miệng nói thì không tội, trong luật nói xả cái cũ, thọ cái mới đến ngày thứ mười một. Đúng là không thuyết tịnh (hoặc có thể vì thuyết tịnh khiến cho xoay vần). Đối mặt xoay vần, đầy đủ uy nghi, tay cầm y, miệng nói: Đại đức một lòng nghĩ, đây là y dư của mỗ giáp chưa tác tịnh, vì vậy muốn làm tịnh thí. Xin Đại đức vì tôi xoay vần tịnh thí (người kia nhận thỉnh), nói:

Đại đức một lòng nhớ nghĩ: thầy có cái y dư này chưa tịnh thí, vì tịnh thí cho tôi, nay tôi nhận (phải nói thầy tịnh thí cho ai?). Đáp rằng: tịnh thí cho người (nào đó) (làm tịnh chủ, tên họ...)

Đại đức một lòng nhớ nghĩ, ông có cái y dư chưa tịnh thí nên tịnh thí cho tôi. Nay tôi thọ nhận, vậy thầy cho (mỗ giáp) hãy khéo giữ gìn. tùy nhân duyên để mặc (nếu bình bát, thuốc đều y cứ theo đây), ngoài ba luật. Do trước đối diện tác tịnh mà sinh ra cạnh tranh. Do đó chế giới không được đối diện khiến cho biết. Lại thí chủ biết sau sợ phạm dư, Phật dạy:

Luật Thiện Kiến chép: người đối diện tác tịnh đều bảo họ mặc y đến chỗ một Tỳ-kheo quỳ thưa: tôi có chiếc y dư này, vì là tịnh thí nên nay tôi thí cho thầy, thầy nên giữ gìn, không được dùng, vì sao nói được dùng?

Nếu nói đây là y của tôi thì tùy Trưởng lão dùng. Nếu thầy được dùng thì chính là tác pháp giống với nghi thức trước.

Đại Đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi (mỗ giáp) có cái y dư này chưa làm tịnh thí. Vì là tịnh xả cho Đại đức làm chân thật tịnh thí (hai tịnh y, văn viết trong Tứ phần) hai tịnh thành tựu.

Luật Thiện Kiến chép: thí cho Đại đức, xả cho Đại đức, cho Đại Đức... đều thành tịnh thí. Nên nói xin Đại đức nhận y này, đều thành.

Người chân thật thọ nói: "Tôi nhận, tôi thọ" thì thành, nếu nói "tôi phải lấy, muốn lấy" đều không thành thọ, phải nói ba lần.

Luật Ngũ Phần nói: Mạn tiêu nói, đủ uy nghi đến chỗ Tỳ-kheo nói: Trưởng lão một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo(mỗ giáp), tài vật lâu dài này ở chỗ bên Trưởng lão làm tịnh thí.

Người kia nên hỏi: Trưởng lão! Y này Trưởng lão tịnh thí, tôi đem cho ai.

Đáp: ở trong năm chúng, muốn cho ai cũng được. Người kia liền nói: nay tôi cho mỗ giáp, nếu cần thì đến người đó lấy dùng, nên yêu mến và giữ gìn nó (gọi là triển chuyển tịnh thí, pháp tịnh thí này thường phải nhớ thí chủ và tài vật sở thuộc). Lại nói: giày guốc nếu sạch sẽ thì người mang vào sạch sẽ, đối với tiền bạc vật báu, (lúa gạo v.v... cũng

nói như vậy).

Luật dạy: Nên đem đến chỗ vị ưu-bà-tắc đáng tin, hoặc người vườn nói: Đây là việc tôi không nên làm, thầy nên biết đó, trong văn không bảo tịnh nhân giữ, nên làm cho người thế tục biệt là vật.

Theo Luật Tăng-kỳ, người thế tục không có lòng tin khiến ở trước đi đến chỗ tinh nhân làm pháp như trước. Nếu tịnh nhân kia được vật thanh tịnh đến thì phải nhận lấy, giữ vật thanh tịnh đến thì phải nhận lấy, giữ gìn vật đó. Trừ có đến mà không theo trong ba mươi tùy tướng đã nói rộng: năm việc còn mất có biết chăng?

Luật Tăng-kỳ nói: ngang với ba do-tuần biết sự còn mất.

Luật Ngũ Phần nói: biết nó ở đời, hay ở đạo?

Luận Tát-bà-đa nói: Nếu thí chủ chết, hoặc đến nước khác thì phải tìm thí chủ khác.

Luật Tứ Phần thì không có văn, tùy ý chọn dùng. Nhưng phép làm thí chủ thì phải y theo luật luận, gọi là hạnh cao thượng, làm cho xa gần đều thông hiểu. Như phiếm nhĩ hằng nhân, đồng chùa liền trở thành mất pháp (vì không biết hành nghiệp nên không đáp).

Nghĩa sáu tác pháp có mất hay không?

Luật Tăng-kỳ nói: Sa-di ở vùng biên địa tác pháp tịnh thí, nếu nhận đủ thì gọi là Tỳ-kheo vô tuế. Nếu chết thì được giữ lại mười ngày, lại phải thuyết tịnh, có người nói: người chân thật tịnh thí mất thì mất, nếu xoay vần thì không mất. Đây vì chưa đọc văn trong chánh luật. Rõ ràng cả hai tịnh thí chủ đều mất thì chẳng phải là chủ chính. Nếu không biết thí chủ còn hay mất thì liền thành pháp thất tịnh, không được quá mười ngày.

Luận Tát-bà-đa nói: nếu thí chủ chết thì phải tìm tịnh chủ, trừ vàng bạc, vật quý và tất cả những tài vật giá trị. Tất cả năm chúng ở vùng biên địa tác tịnh (hai thí chủ giữ vật quý giá cũng nội trong mười ngày lại xin).

Luật Thập Tụng chép: nếu tịnh thí chủ là đệ tử, người bị thầy quở trách thì luật không được tác tịnh, nên đổi thí chủ. Ngoài ra, nếu thí chủ chết thì cũng tìm thí chủ khác. Tài sản thuộc về người khác, người khác giả danh mà cho. Ở đây y theo, sự xoay vần ở trước người không triển chuyển thì sai lầm, lại văn trên nói; một người làm chủ không được hai người làm chủ, lại cho Ngũ Phần là xa vời có điều sai, hoặc là lập pháp. Nếu trong năm chúng lấy thì đến tác pháp thường chỉ một người).

Luật Thiện Kiến nói: Nếu vì phương tiện tịnh thí mà giấu không trả thì tính thẳng là phạm tội(vì biết thuộc về chủ cũ).

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu y áo nhiều mất không biết thì nên gom tất cả y áo lại một nơi để xả, nên nói: các y áo này tôi tịnh thí cho (mỗ giáp), nay tôi lại bỏ.

Nên đáp lại rằng: "Luật Tứ Phần nói: nếu quên thì khai cho quên sau mười ngày (ở đây gọi là có thể phân biệt).

Luận Tát-bà-đa chép: nếu thuyết tịnh của báu và y phục mà người kia bán trả lại tiền cho đến y phục, vật báu cũng trả lại tương đương thì không cần thuyết tịnh, Nếu trả lại vật không tương tự thì phải thuyết tịnh (vì chẳng khác tham lam cất chứa từng chút).

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu y phục đã thuyết tịnh và điểm tịnh mà may y mặc thì gọi là Y hòa hợp tịnh (điểm tịnh giống như trong tùy tướng). Năm mầu chính đều là mầu gấm ở phần trên, tuy y hoà hợp tịnh không thành. Nếu trước nhuộm mầu sắc chính hoặc không chính, sau dùng mầu khác hòa với mầu chính để nhuộm, gọi là mầu hòa hợp, được cất giữ, những thứ khác đầy đủ như trong tùy tướng.

Hai y phẩn tảo thì chế mặc, ý này người thề tục đã bỏ không tin dùng mữa. Nghĩa giống như phẩn tảo.

Luật nói rằng:

1. Thể là vật tiện, xa lìa sự tham đắm.

2. Không bị vua bị giặc tham lấy, tài sản của mình thường được lâu dài. Lại nữa, ít ham muốn, thường suy xét sự việc để cứu giúp những hình khổ, cho nên bậc thượng sĩ mặc y này.

Thập Trụ Bà-sa nói: mặc y phẩn tảo có mười điều lợi:

1. Không dùng y vì cho người tại gia hòa hợp.
2. Không dùng y vì hiện xin tướng y (hình dáng của y).
3. Cũng không dùng phương tiện nói để được tướng y.
4. Không dùng y vì bốn phương không có cách tìm cầu.
5. Nếu không được y cũng không buồn.
6. Được y cũng không vui.
7. Vật tiện đổi được thì không có lỗi.
8. Thuận hạnh, ban đầu nhận từ y pháp.
9. Thường vào trong số y thô.
10. Không bị người tham đoạt lấy.

Nói về thể của y: Luật Tứ Phần nói có mười loại: Y trâu nhai, y chuột cắn, y lửa đốt, (đây là ban y nước kia, có người dịch, có người bỏ), y nguyệt thủy, y sản phụ, y trong miếu thần, y bị chim gắp, gió bay đến chỗ khác, y lượm được ở gò mả, y cầu nguyện, y vãng hoàn (đến trên mộ rồi đem trở về) giống như trên. Không dùng mầu sắc mới đẹp, phải

nhuộm thành mầu ca-sa rồi mới thọ trì. Lại không được lấy y của người chết mà thân thể chưa hoại (khéo nhìn ở dưới đến một cây kim thì gọi là hoại) giống như phần trên.

Nếu ở trong chiêm bao lấy được ngọa cụ bằng gấm hoa, giầy lót nỉ, gối, thảm không trải giường tòa, trừ dây da, dây tóc, ngoài ra tất cả đều được cất giữ. Lại cho phép cất giữ mái che trên xe kéo bộ, bình nước, bồn tắm, gậy, quạt, cuốc, móc, dao, khoá. Được đồng tiền hư thì đem về làm đồng để dùng, lúc lấy vật phẩn tảo vốn không yêu cầu, đòi hỏi. Đến mộ lấy y, không được ở xa nói với là: “cho tôi”, phải theo người đến trước để được (nếu y đã dời chỗ thì người đến trước để được (nếu y đã dời chỗ thì thuộc về chủ dời trước (nếu y đã dời chỗ thì thuộc về chủ dời trước). Không được lấy y trong miếu thần, những người đi đường thường đem nhiều phẩm vật tốt vào trong miếu dâng hiến, Phật chế: không được lột y trên tượng, bó cột cờ phướn, lộng và hàng tơ lụa, vì lý rất sâu xa. Nếu nghi mà liền lấy, phạm tội ăn trộm. Đã biết mà còn làm việc đó, chẳng thể không gây phiền hà lẫn nhau, thậm chí có người tàng thân lánh mặt chủ thần để cướp đoạt, phạm tội Ba-la-di, như tùy trong tướng.

Luật Thập Tụng nói: lấy y của người chết thân thể chưa hoại, phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: người chết có vết thương nhỏ như đầu cây kim, da chưa đứt ra thì bảo người thế tục lấy.

Luật Thập Tụng nói: có bốn loại y phẩn tảo:

1. Người chết trong mộ.
2. Y của người chết đem đến cho Tỳ-kheo.
3. Y vô chủ.
4. Y đất.

Luật Tứ phần nói: phẩn tảo giữa những đồ vật tệ xấu ở gò mả, giữa bờ ruộng hẹp thì giặt nhuộm bốn góc, tác tịnh rồi cất giữ. Nếu lượm được dép guốc quý, có giá trị tuy đã khai cho được cất giữ, Phật nói là Phẩn tảo.

Đàn việt thì y có hai thứ:

1. Đúng thời.
2. Phi thời.

Nói đúng thời nghĩa là cuối hạ không có y ca-hi-na thì một tháng hoặc năm tháng sau mới có y. Phật vì muốn làm lợi ích cho các Tỳ-kheo nên lúc ấy dùng năm điều lợi để thưởng công, nên gọi là thời thí, chỉ riêng cho người tiền an cư.

Nói phi thời thí, nghĩa là các tháng trong một năm không chỉ là đông, hạ, hễ có duyên là cúng dường vì bất kể thời tiết nào, nên gọi luật là phi thời thí: Nay lần lượt khai vị thì có bốn thứ khác nhau:

Trong phần thời thí có hai:

1. Sơ thời hiện tiền: thí chủ đem y phục phẩm vật đến trú xứ an cư, bao nhiêu người an cư thì được bấy nhiêu phẩm vật, không cần phải Yết-ma mà chia thẳng cho tăng chúng, nên định ra bốn loại:

1. Xác định thời gian: giống như ngày 16-7, nếu hạ chưa xong, nhận y thì đắc tội.

2. Xác định nơi chốn: như người tiền an cư trong giới hạn này.

3. Xác định người được nhận: chẳng phải người ngoài giới mà người hiện tiền ở chung.

4. Xác định pháp: tính số người, phát thẻ và đặt phần y ngay người đó.

Luật Tứ Phần chép: Không được an cư một nơi nhận y một chỗ, nhận đến an cư chưa xong cũng không được xin y, nhận y.

Lại nói: tăng được phép phân phát y an cư cho hai bộ, bao nhiêu người an cư được bấy nhiêu phần.

Lại nói: Dâng ba y cúng dường Phật, các Tỳ-kheo được nhận tấm chăn, vì an cư, nếu còn thức ăn trong hạ thì nên chia ra. Phật dạy: thức ăn tùy theo ý thí chủ, không nên chia.

Nhị thời Tăng đắc thí: nghĩa là thí chủ cúng dường nên thông báo cho người an cư biết là chúng tăng đếu được vật phẩm cúng dường Yết-ma.

Luật nói: Được y mùa hạ nhưng chưa chia mà Tăng lại đi, cuối hạ đem y chia phần cho tăng nhưng lại quên không để dành phần cho người đi. Phật nói: Thành phần.

Lại nói nếu một Tỳ-kheo an cư được tăng chia cho y tốt hơn, rông hơn, nên tâm nghĩ, miệng nói là nhận nó. Nếu trong lúc đó không chia thì nên để ngày 16-8 phi thời phân chia: tức là tác phi thời tăng được pháp thí vì tiền an cư dời đến nơi khác. Nếu không được chia phần y thì Phật phạt những người ở lại, bảo họ chia phần bằng nhau.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu y trong lúc an cư, Sa-di trì giới được tác tịnh, được Tỳ-kheo tùy ý cho.

Luật Ngũ Phần chép: gặp việc khó khăn phá an cư vẫn được nhận y an cư, ở trong một ngày nhận nhiều nơi.

Trong phí thời cũng có hai:

1. Sơ phi thời hiện tiền: thí chủ mời tăng đến nhà, đến chùa thiết

lễ cúng dường, vật phẩm cúng dường tùy theo số người mà cúng.

Luật nói: các đàn-việt muốn cúng dường y tốt cho các Tỳ-kheo. Phật bảo tính xem bao nhiêu người, nếu mười người thì chia thành mười phần, cho đến một trăm người thì chia một trăm phần, tốt xấu xen nhau, khiến cho người không thấy ném thẻ. Nếu y quá giá trị không thể chia thì cho phép cắt ra để chia. Nên dùng dao cắt y.

Luật Thập Tụng chép: Thời y hoặc phi thời y tăng thí cho đến y của người chết, tất cả phẩm vật bố thí, Sa-di hoặc đứng hoặc ngồi đàn-việt theo thứ lớp tự tay bố thí bao nhiêu phần thuộc về Sa-di. Nếu đàn-việt không phân biệt, chia làm bốn phần: ba phần cúng dường Tỳ-kheo, phần thứ tư chia cho ba chúng dưới. Nếu đàn-việt chia làm năm phần thì một phần của Tỳ-kheo cúng cho ba Sa-di, cũng giống như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: Sa-di đắc pháp thì được nhận phần bằng phân nửa (y cứ theo hiện tiền hai bộ tăng này, cùng cho hai loại tăng, được theo tăng hòa hợp) phẩm vật chia bốn phần hay năm phần đã nói: tăng được vật thí hay năm phần đã nói. Tăng được vật thí đến tịnh nhân cũng được vật thí thì nên nhận phần của mình (như dưới đây phẩm vật của người đã chết đem chia cho chúng).

2. Phi thời tăng được nhận vật cúng dường. Nghĩa là thí chủ có lòng nghĩ tới, chu cấp phẩm vật đồ dùng đầy đủ cả ba thời không có giới hạn. Có người đem phẩm vật đến chùa dâng cúng, có người thỉnh tăng theo nghi lễ về nhà mình để dâng cúng tài vật. Tăng liền Yết-ma quyết định điều đó, Như pháp phân vật bình thường của người chết.

Luật dạy: có chư tăng hiện tiền ở trú xứ được nhiều phẩm vật, y phục thì nên chia phần vật có thể chia. Lúc có Tỳ-kheo khách đến thì nên đếm số khách để chia y nên rất cực nhọc.

Phật dạy: sai một người bạch nhị Yết-ma rồi chia. Hai bộ hỗ chánh cũng có bốn pháp.

Luật Tứ Phần, Luật Thập Tụng chép: nếu cúng dường Tỳ-kheo tăng nhẫn đón không có một Sa-di; nếu cúng dường Ni tăng nhẫn đến không có một Sa-di-ni. Như thế năm chúng đều nhận. Nếu thí chủ đến chùa không phân biệt tăng ni thì tăng hiện tiền đều được nhận (phải đều là ruộng phước nên mỗi người trong chúng đều được nhận).

Ngũ Bách Vấn đáp: có người cúng dường chúng tăng phẩm vật, sau lại có Tỳ-kheo đến vào trong chúng, nếu bố thí thì không được. Nếu có dư những vật cúng mà người bổn đạo đã đi, người sau nên hỏi thì sẽ không hợp. Nếu mãi không đến thì chú nguyện mà lấy. Có người đến nên không lấy được, phạm xả đọa. Biết chết mà lấy phạm khí tăng

vật.

Nói về mất thì phân chia tài vật cho năm chúng, đã là tài vật thì người lớn nhỏ gì cũng lợi dưỡng, chẳng là chỗ đạo sĩ hằng mong, sau xuất gia, thì cứu giúp những người đi xa cực khổ đều được an vui. Được người đời khen ngợi và hết lòng yêu mến. Chỉ có bậc xuất đạo mới kính cẩn nghiêm trang biểu hiện ở đời không có lợi là gần gũi hoàn toàn không có chỉ đạo [page113]. Nhưng hai hạng sĩ bậc thượng thông đạt lập pháp để cứu độ chúng sinh. Hạng sĩ bậc hạ thông đạt thọ pháp nhưng tùy theo hoài bão. Cả hai đều phải thuận theo Phật pháp dụng thông nhất đạo tịnh hạnh.

Tăng đã chết, y phục, đồ vật dư nhiều thì đem tất cả ra bạch với đại chúng. Nhưng do sự giáo dưỡng có nhẹ, nặng, căn cơ chúng ngộ có cạn sâu, như đã nói rõ trong bài tựa, còn khai cho dùng mười môn hay không?

1. Không được vào trụ xứ của tăng khác.
2. Đối với người chết, pháp phân chia khác nhau.
3. Cùng sống chung nhưng tài vật không giống nhau.
4. Giao lại tài vật cho người nào là không đúng.
5. Mắc nợ mà không trả.
6. Xác định vật nặng hay nhẹ.
7. Đầy đủ phước đức thì được thưởng công.
8. Phân chia tài vật theo thời tiết.
9. Chành đáng thì thêm phần pháp.
10. Tạp minh thọ vật.

Ý chế định ra pháp môn đầu: Vì năm chúng mất đều nhập vào Tăng. Khi còn sống thì nương vào Tam bảo xuất gia mà tài vật không đưa vào Phật pháp. Vì người xuất gia đều phải vâng theo pháp xuất yếu, hòa lạc. Tất cả những hành động, việc làm của thân đều thuộc về Tăng pháp. Cho nên người cúng dường Phật pháp thì Tỳ-kheo không có phần. Nếu cúng dường cho Tăng thì y cứ vào giai vị mà được thọ nhận cũng không thuộc về người thế tuc, vì không phải ruộng phước.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngài A-Nhã-Kiều-trần như ở trong chốn không lâm nhập niết-bàn, những đứa trẻ chăn bò đem y áo, tài vật cho vua, vua liền đánh giá phẩm vật đáng năm tiền. Y cứ vào Pháp, quyết định trả lại cho Sa-môn, cho đến Phật nói thuộc về Tăng.

Luật Thập Tụng chép: Bạt-nan-đà qua đời, y áo phẩm vật trị giá đúng bốn mươi vạn lượng vàng, quốc vương dòng Sát-lợi và những người thân trong làng ai ai cũng muốn thâu lấy.

Phật bảo: vua không được ban tặng cho các quan, Tỳ-kheo, cho đến những người thân trong làng hội hợp lại cũng không được kêu la. Tài sản của tăng, theo pháp phải chia đồng, người thế tục không có phần, đây thuộc về vật của tăng.

2. Pháp nhân chia tài sản của người chết thì không giống nhau, được chia thành nười loại:

1. Lấy y phẩn tảo. Như luật Ngũ phần nói y người chết nổi trôi trong nước, nước trơi, gió thổi, y của người treo trên cành cây người thấy thì lấy nó.

2. Đưa vào chúng chia cho tăng hiện tiền. Như luật Thập Tụng chép: Học Hối sa-di-chết, Tỳ-kheo bị tẫn chết, Tỳ-kheo giữ giới chết thì theo sự luôn phiên liền lấy.

3. Nhập đồng kiến Tăng: Như Luật Tứ Phần chia ra hai bộ tàŒ chánh, mỗi mỗi đều chấp đúng sai. Người ấy ở trong đạo chết, cho đến người ở đây chết, ai cũng đều thấy thì tự phân chia.

4. Nhập vào công năng Tăng: luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo bị cử chết, y phục tài vật của người ấy nên cử tăng đồng Yết-ma rồi đưa vào công đức tăng.

5. Nhập vào hai bộ tăng: luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo ở riêng một nơi qua đời, giữa hai giới Tát-bà-đa qua đời. Luật Tứ Phần nói: không chết ở trụ xứ mà chết ở nhà người tại gia trong năm chúng, người nào đến trước thì được.

6. Nhập vào mặt hướng về chỗ tăng:

Nhiều lời bàn luận trong hai giới, Tỳ-kheo mặt hướng về chỗ tăng thì nên lấy.

7. Nhập vào Hòa-thượng: trong luật Tăng-kỳ nói, Sa-di qua đời hết thì y phục và tài sản đưa vào chùa của thầy Hòa-thượng. Nghĩa là khiến cho Hòa-thượng phân biệt tài thể đem tài vật của thầy tự nhập vào, còn tài vật của Sa-di đưa vào trong tăng (luật Thập Tụng phán quyết giống như Tỳ-kheo. Luật Ngũ Phần cũng như vậy. Bất luận có giữ luật, có giữ giới hay không đều quyết đinh đưa vào Tăng, y theo pháp mà phân chia để mọi người đều đồng lợi dưỡng).

8. Đưa vào chỗ bạch y thân gồm:

Luận Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo bị diệt tẫn qua đời, giao y bát cho những người có duyên còn sống (ví sống không đồng tài pháp).

9. Tùy ở chỗ mà được:

Luật Thập Tụng chép: có một Tỳ-kheo gởi y cho A-nan. Ba chỗ tranh nhau, nghĩa là chỗ gởi vật của người, người nhận gởi.

Phật dạy: Thuộc về tăng của A-nan, hiện tiền tăng trong nội giới cũng có phần. Vì người gởi chứ không phải chỗ gởi (y theo đây chỗ gởi không phải là người gởi thì chỗ tài vật tăng được nhận. Chín loại trên đây là phân chia thẳng theo tăng hiện tiền.

Thứ mười là Nhất Hòa thanh chúng tử: mới đưa vào Yết-mam ba là cùng sống chung nhưng tài của bố không giống nhau. Nếu bổn ý của thầy phải cho tệ tử cơm áo, y phục, không cùng sống chung. Nếu đã cho thì được giữ, còn nhưng thứ chưa cho thì sau khi thầy mất, tất cả tài của đếu nhập vào tăng. Thực chẳng đồng sinh hoạt, giả như lấy tài vật của chúng tăng, phạm tội nặng. Nếu hợp với thầy Bổn Sư thì tất cả tài vật đều quyết tâm đồng phân chia giống như ý muốn của trẻ con, không hề có phân cách. Đây nếu giúp cho người chết thì suốt đời đem bao nhiêu vật dụng tùy thân của người ấy, tất cả đều nhập vào tăng. nếu thầy trò cúng phồi hợp, tài của cùng có thì mỗi người đều có phần riêng. Còn có người ở một nơi sông riêng lẻ rồi trở về đạo thì được phân nửa, đây gọi là cùng sinh hoạt. Nếu phân chia các tài vật ấy thì y cứ theo tục mà chế đạo.

Đã mặc y phục, đã dùng vật dụng, mồi thứ đều thuộc về vật tùy thân, đồng thời chưa cần phân chia. Còn những tài vật dư khác thì y cứ vào phương thức chia một nửa, nếu không cùng sinh hoạt lại chẳng chung tài sản mà nói dối để nhận phần thì người chia và người nhận cả hai đều phạm tội trọng, nhẹ thì phạm tội thâu-lan-giá.

Trong kinh Thiện Sinh cũng có hai đoạn, đều y cứ vào vật nhẹ. Bốn là gởi gắm đúng sai, chia làm bốn câu:

1. Gởi gắm thiện ác.
2. Người vật khác nhau.
3. Trùng đơn gởi gắm.
4. Tướng có thành không.

Trong phần đầu có bốn:

1. Gởi gắm điều lành tự biết xưa nay chứa nhóm phi pháp, chỉ kết những đều bất thiện. Nếu hôm nay qua đời thì chẳng đem theo vật gì, chi bằng phá chấp xả tham, thuận bổn sơ thọ, lại quyết thệ nguyện: giao phó tài của cho người sinh vào nơi phước đức cao, nên thuộc về thiện.

2. Bất thiện: sợ tài của này sau khi mình chết đi chúng tăng sẽ hưởng, theo thói tham lam, keo kiệt của người thế tục dối trao cho người tại gia. Gọi là lời nói thắng thiện, lời dặn dò này phi thiện (chẳng phải thiện).

3. Bất chúc thiện: Nếu lúc bệnh nặng, tuy vẫn còn ở trong đạo

xuất thế nhưng thân thể này trống rỗng, chẳng phải vô lậu, nên ở đây than tiếc. Thượng biết của cải dả tạo vốn chẳng phải chân thật. Cho dù có khuyên răn dặn dò thì lại thường tăng thêm ái nhiễm. Nhưng nói về con đường nghiệp, phước thì tài của này Phật đã dứt bỏ, như thế mà qua đời. Công dặn dò cũng tốt.

Bất chúc bất thiện: nghĩa là tâm trước muốn xả bỏ nhưng sau lại tham lam che giấu lần lượt chuyển cho người xấu, không thể tự quyết, liền xả bỏ thân mạng, đây là bất thiện. Trong Ngũ Bách Vấn, Tỳ-kheo yêu thích bát đồng và tham lam y phục. Như vậy, nếu nói theo tướng thì mỗi thứ đều khác nhau:

1. Người vật đều hiện: dằn dò, trao cho tôi tớ. Ruông dãy, nhà cửa, xe cộ, trâu bò, vườn tược và những vật nặng vật nhẹ không thể chuyển dời được (như thảm trải vải gấm) gọi là dặn dò.

2. Có thể trao cho người nào đó: Như gấm lụa, y phục và những vật quý báu thì trao lại.

3. Người và vật cùng hiện, hoặc cùng hiện tiền: thì dặn dò nhưng không trao cho. Vì người ở nước khác, vật ở nơi khác, v.v...

4. Không dặn dò: Tin theo phương pháp của tăng đã nói ở trước. Dặn dò ba lần rồi mới trao cho người.

Luật Tăng-kỳ chép: dặn dò cho nhiều người trong chúng thì người sau cùng được. Trao cho nhiều người trong chùng thì người ở trước được. Y cứ theo đây quyết phạm. Như quyết tâm cho người, tự mình nói trước ra, hoặc phân trần với người khác nhưng cuối cùng lại thiếu sót. Lý thì tài của của người khác, nhưng vì không giao phó cho người hoặc chuyển cho vật bố thí khác thì người chủ tài vật phạm tôi trọng (vì quyết tâm cho người thì vật đó thuộc người khác quyết định. Sau trái với bổn ý chuyển đến cho người khác là làm thương tổn người, phạm tội nặng. Người sau nhận vật bố thì này là nhận được từ tay kẻ giặc, vì vật khai cho lấy dùng.)

Kinh thiện Sinh chép: trước hứa cho người một cái y, sau đó Đại đức khác đến nên chuyển cúng y đó cho người thì phạm tội thâu-lan-giá. Nếu đã bàn luận kỹ càng quyết tâm xả bỏ rồi thì không phạm.

Bốn là thành bất tướng: Hễ dặn dò giao phó chính là tâm tương ưng với việc xả bỏ tài của, quyết định sinh vào phước đức trang nghiêm, tâm vững chắc không thay đổi, hối tiếc thì chẳng được thành tựu. Nếu nói: Vật này sau khi tôi chết hãy dùng làm mộ cho tôi, mua quan tài, khắc văn bia mà tạc tượng, viết kinh, cúng dường Tăng thì đều không thành tựu. Vì lúc chưa chết chủ tài vật quyết định không phân chia, sau

khi chết đổi chủ để phân xử, quyết đoán không căn cứ theo phương pháp trước.

Nếu phạm pháp vua, biết chắc chắn ngày mai mình sẽ chết nên nội trong ngày hôm nay tùy lúc phân chia, tất cả đều thành tựu vì trước lúc chưa biết chủ quyết tâm phân chia tài của nên thành tựu.

Nếu đem tài vật bảo người tạo tượng, cúng dường chúng tăng khiến chính mắt tôi thấy nhân đó liền qua đời đều thành tựu, vì giống phù mạng ở trước, nên các luật có dạy rõ.

Luật Từ Phần chép: nếu lúc qua đời giao phó tài lộc cho Phật, pháp, Tăng, nói: nếu khi tôi chết, tất cả tài vật nay giao cho các ông. Phật dạy: Tất cả đều thuộc về tăng, vì tăng không quyết định.

Luật Thập Tụng cũng rất giống ở đây, chỉ có ba y sáu vật không nên tự phân xử.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu chưa giao phó tài vật hoặc đã giao phó rồi nhưng chưa tác tịnh còn để bên cạnh người bệnh đều không thành. Nếu đã tác tịnh [114] mà đặt một bên người bệnh thì được. Nếu nói: "tôi chết, sẽ cho các ông tài vật", nếu lúc hết bệnh mà không xả bỏ thì đều không thành.

Luật Ngũ Phần chép: nếu lúc sống đã hứa cho người mà người chưa mang đi, tăng nên bạch nhị Yết-ma để trao cho.

5. Người mắc nợ không trả.

Trước nên phân biệt nghĩa. Nếu một người ở trong Phật pháp mắc nợ tài vật với người đã chết hoặc người đã chết mắc nợ tài vật với người khác, ở trong Phật pháp bao gồm cả vật nặng nhẹ. Nếu có thì trả lại cho người, còn không có thì hẹn ngày trả. Nên y cứ vào tài vật đã mượn mà thu tất cả, nếu nặng thì đưa vào thường trụ, nhẹ thì nhập vào hiện tiền tăng.

Nếu trước mượn vật nhẹ (thường), nay tìm được vật nặng (giá trị) thì lúc trả nên bán vật giá trị vì nhận vật nhẹ (thường) rồi y cứ theo pháp để phân chia.

Nếu tài vật đã mượn vốn là vật nặng (giá trị) mà lúc trả lại trả vật nhẹ (thường) thì nên đưa vào thường trụ tăng, không giống với pháp cộng Tăng.

Nếu thường trụ tăng mượn người chết vật nặng(giá trị) thì không cần trả lại (vì trả lại cũng đưa vào thường trụ tăng).

Nếu mắc nợ vật nhẹ (thường), lúc tìm lại nên đưa vào hiện tiền Tăng, nếu được vật nặng (giá trị) thì trả lại, y cứ theo trước nên đổi lấy vật nhẹ (thường) để phân chia

Nếu hoàn toàn không thể được thì thôi.

Luật Thập Tụng chép: Nếu Tỳ-kheo lúc sinh tiền mượn tài vật của Tam Bảo thì nên trả lại. Nếu Tam bảo bán tài vật của Tỳ-kheo thì nên đòi lầy đưa vào hiện tiền tăng (do biết nên đòi hết, y cứ theo giới thứ tư mà đoán định) dẫn đến hiện tiền khách bốn phương và cựu Tỳ-kheo v.v... cũng giống như trên.

Nếu mua chịu rượu, chưa trả liền, chết lấy y bát trả lại. Nếu không có vật gì thì lấy vật trong tăng bồi thường vì sợ đồn đến tai những Tỳ-kheo xấu ác (hư hỏng). (cũng không phân biệt Thường trụ tăng hay hiện tiền Tăng, tùy lúc tùy duyên).

Nếu trước cho người y quý báu lúc chết đòi lại nhưng y của người kia ít giá trị hơn, nếu chết trả lại y cũ, nếu không có vật gì thì bán y bát để trả lại.

Còn mắc nợ mà đi ở chỗ khác có năm câu:

1. Y bát gởi ở chỗ, chết một chỗ thì vật theo chỗ gởi, tăng được hưởng.

2. Chỗ mắc nợ, chỗ chết thì tăng ở chỗ người ấy mắc nợ mà được.

3. Nơi chết, nơi để đồ vật, nơi giữ gìn thì tài vật tăng được phần.

4. Nơi chết, nơi giữ đồ vật, nơi giữ tiền. Tài vật nơi giữ đồ vật tăng được.

5. Nơi chết, nơi giữ tiền, nơi giữ sổ sách hợp đồng, nơi giữ sổ sách hợp đồng tăng được. Văn trong đây không rõ ràng. Nếu để đồ vật ở nhà thế tục mà đòi chưa được thì có thể y theo sổ sách hợp đồng để thu lấy.

Nếu tài vật ở bên tăng thì sau khi chết, tài vật ở chỗ nào tăng cũng đều được. Cuối cùng không được dùng sổ sách hợp đồng vì thâu nhiếp tăng vật của giới khác. Như trong câu đầu đã quyết đoán, vì tài vật của đây kia là của tăng. Nếu nói về vật nặng, nhẹ cũng không lấy được. Vì không cho pháp dời đồ vật, vì tăng này đến vị tăng kia, trừ có Yết-ma.

Nếu mượn tài vật ở trong nhà thế tục thì cũng giống như không có trú xứ, trong năm chúng ai đến trước thì được. Vật nặng (quý giá) tùy theo người thấy đem về chùa. Nếu nhiều người biết được tranh cãi với nhau, không ai giải quyết đoán thì y theo năm câu trong luật để giải quyết. Trong luật Thập Tụng hoặc giống như hai nơi gởi của người trước mà giải quyết.

Kính Tỳ-ni Mẫu chép: Sinh thời có để vật ở bên ngoài thì sai người đem vào trong chùa.

Luật Tăng Kỳ chép: tịnh nhân tìm được lấy nó đem vào làm vật thường trụ tăng của chùa này.

Ngũ Bách Vấn chép: "Tỳ-kheo mượn vật của người, người ấy qua đời thì phải bạch tăng mới được lấy vật đó, không bạch mà lấy là đắc đội. Nếu tăng không cho mà cưỡng lấy, hoặc tăng biết mà không trả cả hai đều phạm tội.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu người đòi nợ thì phải xét: nếu họ là người trì giới đáng tin cậy thì nên trả, còn không đáng tin cậy thì không nên trả. Nếu tin người chứng minh thì nên trả, còn không tin người chứng minh thì không nên trả.

6. Quyết định nặng nhẹ.

Vật của người đã chết này trong các bộ luật chưa rõ ràng, tùy theo tình cảnh nên khó tin, lý cũng phải theo bản thể đã nhận thọ giới luật nào thì lấy luật đó để quyết định nặng hay nhẹ. Nếu người chết hoặc người nuôi bệnh chưa biết thì chỗ ở riêng, thực hành theo bộ luật nào thì lấy bộ luật đó để xử đoán đúng sai. Không được dùng tâm vẩn đục của mình dối vui mừng đoạt lấy. Nên thực hành theo luật Tứ Phần mà thọ nhận, nhà chùa đang thi hành việc đó theo long tham muốn nhiều lần phán quyết là vật nhẹ (thường) nên đưa vào tăng, lại y cứ theo luật Thập Tụng. Đây vì lòng tham mà phạm, chẳng phải do sự giáo dưỡng là tội. Nay quyết đoán cái hại trước để vui với địa vị chung, nhưng tùy theo sáu thứ trì luật khác nhau. Như đã nêu trong bài tựa, và bài luận về việc phụ.

Ba giai đoạn quyết đinh:

1/ Chỉ dùng một bộ luật Tứ Phần, có thì y cứ theo văn mà dùng, không có thì lấy ngoài tông phái. Cho nên ba mươi chương trong luật đều phán quyết tất cả mọi vật, chỉ có phân biệt năng hay nhẹ. Nếu người phán quyết: tất cả y bát, y tốt, vật đựng, ống đựng kim chỉ, đồ đựng câu-dạ-la, thảm trải nên đúng lượng, dao cạo tóc và các đồ vật, v.v... đều nhập vào vật nhẹ (thường) còn tất cả những đồ vật khác không kể tên trong đây đều xếp vào vật nặng (quý trọng).

Nếu có y phục của đạo tục thì cũng xếp vào vật nhẹ, y cứ theo lượng cù-lâu, quá thì xếp vào vật nặng. Đây một nhà, cũng không cho hai, không thể cưỡng đoạt.

2/ Trước chuyển theo luật Tứ Phần, các bộ loại phân nghĩa quyết định có hay không, chia ra nặng nhẹ. Đầu tiên lược chia làm ba:

1. Phật đã ngăn cất giữ: như sáu vật tu đạo cần thiết xưa nay vẫn xếp vào vật nhẹ.

2. Ngăn không cho phép cất chứa: như ruộng vườn, tôi tớ, cất giữ vật báu, vàng giả, lúa đậu, thuyền xe, chướng đạo ở giai đoạn giữa và sau cũng không cho tự quản, phán quyết xếp vào vật nặng (hai phán quyết này chung cho tất cả luật).

3. Phật khai cho phép ở giai đọan giữa, nghĩa bao gồm cả nặng, nhẹ, như y dư. Một trăm lẻ một vật, cho đến các đồ vật tùy thân điều đầy đủ. Dùng tài vật là ngăn ngừa sự dung chứa thêm nhiều để cứu thân hình, nuôi lớn đạo pháp. Ở đây phán quyết không giống nhau. Nay còn dựa vào bản sao, nhất ý chia làm ba loại:

1. Tánh trọng: như tất cả các vật đồng, sắt, cây, đá, bồn, bình, chỏ, vạc, xe, đồ vật vì thể là vật nặng, không đem theo dược nên quyết định xếp vào vật nặng.

2. Tánh khinh: một trăm lẻ một vật có thể đem theo bên mình như vải vóc, lụa là bất luận là bao nhiêu điều quyết định xếp vào vật nhẹ.

3. Từ vật dụng khinh trọng; có người sự việc nặng mà dùng vật nhẹ, như hộp dao cạo tóc, bồn đá y, đồ vật cất chứa và ống đựng kim chỉ, chén đồng, muỗng, đũa, xe cộ và tất cả vật dùng điều xếp vào vật nhẹ. Hoặc việc nhẹ dùng nặng, như màn lớn nhỏ, những vật gây chướng ngại cho việc đi lại, quạt, mền mùng, giường tòa, y phục của người thế tục. Tất cả điều gây chướng ngại nên xếp vào vật nặng để quyết đoán. Nhưng vì lời dạy đầy đủ rộng khắp nên lời văn phải rõ ràng bại chia làm bảy tụ loại. Sau hẳn có việc thì y cứ vào môn để tự phán quyết (chính xác dùng trong Luật Thập Tụng những mầu sắc của ngói, cây thì theo việc phân chia vật dụng, nay việc phụ cũng nói rõ).

Luật Thập Tụng chép: Người bệnh chết, người nuôi bệnh lấy y và vật dụng của họ nên giặt rửa cho sạch, phơi khô rồi chia ra cuốn hoặc gấp lại từ từ đem vào trong chúng.

Kinh Ty-ni Mẫu nói: Lấy y phục và đồ vật ở trước tăng rối bảo một người phân xử, vật có thể phân chia, vật không thể phân chia, mỗi mỗi đều phân biệt ở một nơi. Như vậy thì sao gọi là vật nặng? Vì vật nặng thì tướng khác đầy đủ rõ ràng. Như kia nói: sợi lông tơ tằm thứ nhất được làm.

Luật Tứ Phần chép: nệm ngồi, chăn mần đều đưa vào vật nặng đồng thới nói là trong ngoài có vải lụa trải lên, thảm trải sàn nhà dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, lông nhung dài ba lóng tay đưa vào vật nhẹ. Ở nước có tuyết phương tiện khai. Thảm trai nệm có hình dáng giống ca-sa đều điệp đầy đủ trong ngoài cành lá hoa nhẫn đến da cũng làm như vậy, cho nên khai cho lấy ra làm toạ cụ. Đây là ba y, nền là vật

nặng, không thể xếp vào đây, vì trong luật Tăng-kỳ Tăng-già-lê có dư một tấm chăn nên y cứ theo đây để phân lượng. Chăn và chăn đơn xếp vào vật nặng. Những cái mềm mỏng nhẹ, chất thành nhiều lớp có thể chia ra xếp vào vật nhẹ. Thảm trải nền, vải lụa nhiều mầu v.v... thì phân biệt rõ ràng xếp vào vật nặng (giá trị), luật dạy phải làm cho nó thành mầu hoại sắc rồi mới mặc, giống như mầu của ba y. Lụa là nhập vào vật nhẹ, luật khai xếp nhận cài y rất giá trị của nhà vua và nhiều y tốt đẹp của thí chủ. Trong văn không rõ ràng bao gồm luôn cả vật quý giá. Còn những y phục khác xếp vào vật nhẹ. Văn dưới cho phép mặc y giá trị.

Luật Tăng-kỳ chép: Áo che ghẻ, áo che mưa, túi lượt nước hai loại dây nịch. Lưng, ngọa cụ xếp vào phần nhẹ.

Luật Ngũ Phần nói kiếp cụ, đơn phu, sấm thân y, túi đựng kim chỉ, túi đựng dép guốc xếp vào vật nhẹ. Y cứ theo đây, mền đơn tuy là mềm nhưng giống như sấm nhân đơn phu không khác. Có thể xếp vào loại nhẹ gấm vóc, lông mịn như mũ dạ, áo mặc che muỗi, v.v... đều xếp vào vật nặng, theo Luật Tứ Phần giảm lượng đưa vào vật nhẹ, hẳn y vào lượng dày cứng mà xếp vào vật nặng không thể phân tích để mặc. Không giống như pháp phục ca-sa dài mà nhẹ có thể mặc. Pháp tăng giống như gấm lụa năm mầu.

Tuy là cái chăn nhỏ nhưng thuộc về giường ghế theo tướng xếp vào vật nặng y có năm mầu chính xếp vào vật nhẹ. Trong luật nói y mầu sắc tươi sáng, y mầu gấm đẹp cho phép nhuộm thành mầu ca-sa cất giữ. Nếu là lụa đỏ thì nên xếp vào vật nặng, lụa vàng, trắng không nên xếp vào vật nhẹ. Phật chế không được mặc mầu trắng, xếp vải vào vật nhẹ ví dụ: mầu vàng, mầu xanh, v.v... cũng phải phân biệt, thảm trải đất, Phật giới đúng kích thước xếp vào vật nhẹ. Hỏi màu sắc gì, phân biệt, xếp vào vật nặng?

Đáp: Người kia rời tấm vải lụa nhiều màu, bên ngoài giống với ba y, vì điều diệp điều đầy đủ cho nên xếp vào vật nhẹ.

Nếu y cứ theo văn trong Luật Ngũ Phần thì phải thuần một mầu, nếu y theo vật thì chẳng phải vật nặng. Chỉ tơ, sợi tơ bất luận là bao nhiêu, y theo nghĩa trong luật, xếp vào trong luật thì bao gồm cả cỏ cây, rơm, rạ, liền xếp vào mầu sắc đôi (trùng sắc). Túi đựng y (trước đến rốn, sau đến ngang lưng) y theo Luật Ngũ Phần xếp vào vật nhẹ. Dây túi, dải túi, cài bọc ngoài của túi v.v..., túi, xếp vào vật nặng. Tất cả các loại áo choàng, áo ngắn của người thế tục đã hoại sắc phai mầu), rách cũ, xếp vào vật nhẹ. Vì y phục của người thế tục màu trắng, người sử dụng y phục xếp vào vật nặng. Những đôi hài may chỉ nhiếu mầu và những

y phục của nam nữ khác vá vuông vắn, khăn túi v.v... đều xếp vào vật nặng. Lụa là, túi đựng bình bát thì theo bát mà xếp vào vật nặng. Các vật thứ hai: Ngói, đá, sắt, cây, trúc được làm; Luật Tứ Phần nói bình đồng, bô đồng, giường dây, giường cây, bình nước, bồn chứa nước tắm, gậy sắt, quạt búa, đèn, đài, xe cộ và năm loại làm đồ dùng bằng sắt, da, trúc, đất nung, cây gỗ xếp vào vật nặng. Năm loại làm khí cụ này đều gọi là vật cụ có thể làm, cho nên luật dạy: Lấy cây làm đồ dùng bừa bãi không để vào đúng chỗ nên Phật cho làm túi da để đựng, chẳng gọi là đồ vật được tạo ra (thì có cả nặng nhẹ, Phật không phân quyết), da cạo tóc xếp vào vật nhẹ, tiền bạc, vật báu xếp vào vật nặng.

Văn dưới nói lượm được tiền ở trong mộ mà thân thể đã hoại thì dùng làm đồng.

Luật Thập Tụng chép: quạt cho khô mồ hơi, xỏ vào đầu móc câu, trấn truỷ, bát chi và bát tiểu, bát bán, bát kiện diện, tiểu kiện diên, kiềm, nhiếp, dao xẻ dưa, dao cắt rọc y, biển cửa, khác hộ, câu v.v... xếp vào vật nhẹ. Nếu răng sừng dùng làm đồ vật dựng nước sạch thì như vật nhỏ trước xếp vào vật nhẹ, còn những vật quá nửa đấu trở lên xếp vào vật nặng (nửa đấu, Cơ Châu sử dụng đấu) tất cả đều nhuộm mầu. Nếu nấu hoặc chưa nấu không nên chia.

Luật Tăng-kỳ nói: tiền, vàng, bạc, châu báu, lưu ly, kha cụ, san hô, phả-ly (pha-lê) xa cừ, mã não, ngọc, đá xếp vào vật nặng. Ngọa cụ, giường nằm, giường ngồi, bàn gỗ, bình gỗ, bồn gỗ, giỏ trúc sọt tre cũng vậy. Bát trắng, ngói nung, sắt v.v... quá lượng xếp vào vật nặng. Y cứ theo đây bát tốt quá lượng cũng xếp vào vật nặng Phật chế; không được dùng Luật Thiện Kiến nói: Kim chỉ nên phân chia. Nhập Lăng-già nói: Vì cắt rọc ca-sa nên cho phép giữ dao bốn tấc, đầu cong như lưỡi hái, v.v... nếu sử dụng quản lý nó suốt đời thì xếp vào vật nặng. Tủ, hòm bình, vật chắn gió và những chìa khoá xếp vào vật nặng. Vì ngăn sự lớn lên. Móc cửa y theo luật xếp vào vật nhẹ cũng tuỷ theo cái mà xếp vào vật nặng.

Luật Tứ Phần chép: Đồ vật bằng câu-dạ-la thì nên đúng lượng, chén bát thì giảm lượng. Luật Thập Tụng xếp những thứ này vào vật nhẹ. Nếu là vải gai khổ hẹp, bát đồng, v.v... cũng nên phân biệt xếp vào vật nặng. Cúng dường lò hương nhẹ có thể đem theo bên mình, đưa vào vật nhẹ là y theo Luật Thập Tụng, ở trên có đồ trang sức quý báo xếp vào vật nhẹ. Vì trong giới nắm cầm vật báu có chế. Nếu trọng đại thì xếp vào vật nặng. Căn ban vì Phật pháp mà làm không tự thâu nhiếp, tùy theo bổn xứ an trí, không được truy tìm đoạt lấy. Nếu tùy duyên đổi

bán thì không xác định, phân chia như trên những vật thuộc về giá kinh, bàn hương, hòm kinh nhẹ có thể đem theo bên mình thì giống như trên xếp vào vật nhẹ. Mỗi mỗi đều có phân biệt, thuộc loại nào cũng tùy theo bổn vị. Những vật như giường Phật, khăn lau kinh cũng tùy theo bổn xứ xếp vào Phật Pháp. Cái không xác định xếp vào vật nặng, đếm số hạt châu xếp vào vật nặng (loại khác).

Thứ ba: ruộng vườn, nhà cửa, đất đai, v.v... Luật Tứ Phần chép: già-lam và những phòng riêng, cây quả thuộc về già-lam, phòng ốc đồ vật thuộc loại khác. Nếu bỏ vảilụa sống để xây phòng riêng cho mình, nế đã đổi được vật nặng thì xếp vào vật nặng. Lúc chết vì là vật nhẹ nên cho phép phân chia. Nếu xả vật nặng nhẹ xếp vào Phật Pháp, không truy tìm lấy, vì Phật Pháp có chủ khác rồi trở lại theo chỗ người chết má phân chia. Nếu xác định là phòng xá đẹp đẽ như bức màn ngăn che dính bụi thì thuộc về phòng ốc, đồ vật.

Nếu ngay bổn xứ ba thời chia phòng, không phân định khách, chủ thì y cứ vào bổn xứ sắp xếp. Nếu cái không đúng pháp mà tăng trích lấy đưa vào làm vật dùng của thường trụ.

Luật Thập Tụng chép: Đất đỏ nhuộm mầu nên xếp vào vật nặng, theo đây, đất sét trắng, vàng lợt thì cũng giống như vậy.

Thứ lớp da thú v.v... Luật Tứ Phần chép: áo da, áo cỏ cây v.v... tất cà đều không được mặc thì xếp vào vật nặng.

Luật Thập Tụng chép: đồ vật bằng da, túi đựng dầu nhân nữa trở xuống, giày da, ủng da, hàm lọc da, da thuộc, da lót chân v.v... thì nên chia, ngoài những thứ đó ra nên xếp vào vật nặng, ủng bằng, ủng xiên xếp vào vật nặng, vì áo mặc của kẻ phi đạo. Những vật khác nên xếp vào vật nhẹ.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Kinh luật trước có phó chúc phân xử là: giao phó cho người kia. Nếu không phó chúc thì tùy theo người mà thọ mà giao cho họ. Không nên phân chia, bán chác tục thư, xếp vào vật nặng. Giấy bút, mực v.v... y theo luật, đưa vào vật nhẹ. Vì cam giữ đạo pháp.

Đậu thạnh tháo chỉ là vật dùng nên y theo Luật Thập Tụng quyết đoán, .

Về năm thứ vật nuôi, Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Lạc đà, lừa, ngựa v.v... cho ở trong chùa, tăng thường trụ. Nếu thuộc về bồn, bình, phòng ốc, trai đường, hoa quả, vườn tược của chùa nhỏ đủ cho chùa sinh sống, hiện tiền tăng này không nên phân chia. Vì thuộc về bốn phương Tăng.

Vì sao gọi là đủ để cho chùa sinh sống? Vì người giữ những vật cần

dùng, không đủ để sinh sống thì không phải người giữ vật cần dùng.

6. Nhân dân, tôi tớ: Luật Tứ Phần chép: Người trong Tăng-già lam nên xếp vào vật nặng có ít vật riêng, bất luận nặng nhẹ, đều lấy làm của riêng. Nếu Tăng hay tôi tớ chết, y phục vật dùng đem cho người thần thì thường trụ Tăng dùng. Tôi tớ riêng chết nghĩa có hai: Nếu cùng y phục ăn uống và tài vật của tự lấy cho mình thì tùy theo việc dùng mà phân chia. Nếu không sinh hoạt chung thì chủ thâu lấy. Người cho y phục, thức ăn chết thì tài vật thuộc về người thân của họ. Nếu không có người thân mà trong nội viện tăng không có chủ trì vật đưa vào thường trụ (thuộc về người thân là y theo vị Tỳ-kheo diệt tẫn, nếu chết, y phục, đồ vật thuộc về người thân, còn nếu tăng cung cấp thì khác).

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu có tôi tớ thì nên giải phóng cho về. Nếu không giải phóng thì làm tịnh nhân Tăng-kỳ (theo đây mà giải phóng, gọi là ban cho họ tốt, rốt ráo y theo luật).

7. Tứ dược: bất luận là lúa đậu sống hay chín, cơm, tương, nước thuốc, viên thuốc cao v.v... đều đưa vào vật nặng (giá trị). Tuy có tàn ác xúc nhưng cũng không mất. Rõ ràng, luật Tát-bà-đa nói: Vì lúc chết tâm rất thanh tịnh cho nên không tiếp xúc, tranh cãi với việc luôn bán xưa.

Thập Tụng, Già luận chép: Nếu trong tăng thỉnh thọ thực mà người đó đã qua đời thì giống như pháp phân chia y phục(khiên cho chỗ hiện tiền xếp vào vật nặng, trước đã qua đời, sau được thức ăn.

Trở về bổn xứ nhận y phục của người khác cho cũng vậy. Văn nói không hết, việc cũng không thể bỏ bớt, đủ như trong việc phân chia vật nặng, nhẹ, cũng cần biết loại để giải bày rành mạch. Ba điều thông dụng luật giấu, bỏ lập chánh văn là việc quan trọng. Không gẳn nương vào dụng của luật Tứ Phần để quyết định. Như đồ dùng dẫn nước tấm gậy sắt, quạt, kim chỉ và các con dao, luật còn phân biệt những vật khác xếp vào vật nhẹ thì cũng là loại đồ dùng. Văn nghĩa rộng rãi, bao gồm như quyển thuật khác còn y cứ vào đệ nhị túc là quy cảnh.

Đủ bảy đức thưởng công. Luật Tứ Phần chép: có hai mươi lăm đức, năm đức đầu tiên nói người bệnh rất lấy làm hổ thẹn nhưng cũng bày tỏ với người nuôi bệnh là có phước đức.

1. Vật không nên ăn mà muốn ăn, không chịu uống thuốc.
2. Người nuôi bệnh có tam tốt nhưng không bằng lời nói thật.
3. Nên làm hay không nên làm, nên ở hay không ở.
4. Thân đau nhức không thể chịu nổi.
5. Ít có khả năng chịu đựng, không làm mà lại ép người khác

làm.

Lại không thể tranh ngồi, chỉ để trong lòng. Kế là nói năm đức của người nuôi bệnh, có đầy đủ phẩm hạnh.

1. Biết vật người bệnh ăn được hay không ăn được, nếu ăn được thì nên cho.

2. Chẳng gớm đồ đại tiểu tiện ói mửa của người bệnh.

3. Có lòng thương xót, không vì cơm ăn áo mặc.

4. Có thể chữa trị bằng thuốc thang cho đến chết.

5. Thường nói pháp cho người bệnh nghe, làm cho họ vui vẻ, đối với pháp lành thiện lớn lợi ích. Có năm pháp này nên cho người bệnh y phục đồ vật, nếu trẻ nhỏ nuôi bệnh, Phật nói là không được.

Luật Ngũ Phần chép: nếu nhiều người nuôi bệnh thì nên cho người nuôi cuối cùng.

Luật Tăng-kỳ nói có bốn hạng:

1. Tạm làm

2. Tăng sai nuôi bệnh

3. Tự thích phước đức

4. Tà mạng mà làm, đều không được. Nếu người nuôi bệnh phạm pháp luật của nhà vua mà chết cũng không được ban thưởng. Nếu muốn người bệnh được lợi ích, muốn cho họ mau lành bệnh thì đốt một ngọn đèn, săn sóc đến cùng thì được đồ vật này (ngoài ra giống như trong pháp nuôi bệnh).

Kế là nói rõ đồ vật để cho. Trong luật bất luận là đức bậc thượng hay bậc hạ vẫn cho nhận, giữ y phục, đồ vật. Nếu không biết người nhận lãnh, giữ gìn thì nên ưu tiên cho người nuôi bệnh hết lòng, cho họ ba y tốt, người nuôi bệnh bậc trung, bậc hạ thì cho y loại vừa và loại thường.

Luật Thập Tụng chép: trước hỏi thọ trì y bát nào, mỗi thứ phải hỏi kỹ.

Luận Tát-bà-đa chép: ba y may nhiều lớp nếu không dùng kim khâu lại thì không đem đến cho người nuôi bệnh. Nếu trước đã khâu rồi thì có duyên thọ trì, người chủ y chết cũng phải nên thưởng cho họ.

Luật Tứ Phần nói sáu vật:

Ba y, túi đựng y, túi đựng bình bát, túi đựng toạ cụ, ống đựng kim chỉ, nghĩa y cứ theo đức, đủ sáu vật không đủ (bốn câu). Ban đầu đức và vật đều đầy đủ, y cứ theo pháp mà ban bố cho. Nếu đức đầy đủ mà vật (dung cụ) không đầy đủ, cho đến cả hai đều thiếu thì cùng theo sự việc mà thương lượng. Nếu đức khuyết thiếu, vật dụng đầy đủ, nếu xét

theo lý thì chẳng phải là pháp khen thưởng nhưng nếu xét theo sự thì những người dày công làm việc cực nhọc cũng nên khen thưởng cho họ, đồng thời xếp vào hiện tiền để Yết-ma, tùy theo đức (hạnh tốt) có hay không, giữ đồ vật để phân lường việc làm, và tăng xin thì nên cho, sự tình thông suốt.

Người được chọn có đến không?

Luật Ngũ Phần, Luật Thập Tụng nói có bảy chúng, chỉ có hai chúng được nuôi Tỳ-kheo bệnh là: Tỳ-kheo và Sa-di, còn lại năm chúng thì không được nuôi. Trong ni chúng ba người thì được, hơn bốn người thì không được. Tuy là cha mẹ, anh em cũng không nên cho nuôi (vì nuôi nấng cực nhọc cho khi bệnh hết thì họ không bằng lòng).

Ma-đắc-già chép: Người tại gia nuôi Tỳ-kheo bệnh thì phải cho một Sa-di theo để trông coi, ba chúng ni cũng như vậy. Sa-di phải hết lòng cùng họ trông nom.

Luật Ngũ Phần và Luật Thập Tụng chép: cho Sa-di đồng với Đại Tăng. Y cứ theo đây, nếu chúng nhiều Tỳ-kheo thì Sa-di là người nuôi bệnh cuối cùng, nên cùng với một người đã được bổn xứ phân chia.

Luật Thập Tụng chép: nếu người nuôi bệnh ra đi, xin y phục, thuốc men cho người bệnh cẩn thận đem về đưa cho người bệnh thì cũng có thể xếp vào hiện tiền xướng hoạ rồi giao phó cho. Nếu an cư ở chỗ khác, người đến nuôi bệnh thì được thưởng.

Già Luận chép: người nuôi bệnh ở ngoài giới cũng nên thưởng cho họ. Thời tiết bát phân, năm chúng nếu chết, Luật Tứ Phần nói không nên lập tức đóng cửa.

Nếu người kia có đệ tử đi chung hoặc người trì giới đáng tin thì cho móc cửa lại. Nếu không đáng tin thì nên giao cho tăng giữ móc cửa.

Vị Tri sự đã cúng dường Xá-lợi, lo liệu xong. Nếu người đệ tử trì giới đáng tin thì sai cởi y. Nếu không đáng tin, thì nên bảo vị Tri sự cởi y, sau đó tăng phân chia.

Luật Thập Tụng chép: nếu các Tỳ-kheo ở bên thây chết chia y, thây chết đứng dậy giữ gìn đồ vật, Phật khiến cho thây chết đi ra sau. Nếu tăng ở chỗ khác thì nên chia.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: chia tài vật của Tỳ-kheo trước khiêng xác chết đi chôn cất xong rồi, tăng trở về chùa đem y phục tài vật của người chết đặt ở trước tăng, sau đó chia như trên. Y cứ theo pháp nhóm họp tăng để phân chia tài sản.

Pháp chia cửu minh có hai:

- Trước gom tiền tài, y phục lại.

- Phân chia tài sản.

Đầu tiên, người nuôi bệnh đem những đồ vật năng (giá trị) nhẹ (bình thường) của người đã chết, đồng thời nhóm tăng. Nếu không giữ gìn nổi thì đem tất cả những tài vật như giường tòa, lu, nhà cửa, phòng ốc, vườn tược trâu bò, tôi tớ đối trước tăng thưa rành mạch rõ ràng để tăng chúng biết những tài sản ấy là nhiều hay ít.

Ban đầu rành rẽ pháp lập, ba pháp Yết-ma, đối thú, tâm mê.

Trong phần đầu nếu năm người thì được làm hai pháp: thưởng công và phân chia y phục. Nếu bốn người thì dùng ngay pháp phân chia giống như sau nói rõ điều này. Pháp của tăng từ năm người trở lên (cho đến một người tâm niệm, duyên trước giống ví dụ này). Trước đã gom của cải lại rồi, sau đánh chuông nhóm tăng chúng khắp nơi về. Việc này rất giống phương thức trong tăng, không được đóng cửa, mượn cớ trời tối, giới hạn khách đến, ý ngăn cản khách tăng mười phương đến đồng thời trái với pháp chúng, trái với các duyên trên, nên tự làm cho tâm mình trong sạch.

Tăng chúng đã nhóm rồi, người nuôi bệnh kia ở chỗ đồ vật, y phục, đầy đủ nghi thức xả bỏ.

Đại đức tăng cho phép tất cả những đồ vật như y phục và chẳng phải y phục của Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời này, nay hiện tiền tăng ở trú xứ này nên phân chia (nói ba lần, trong luật đã nói rõ sáu vật, theo luận không cần phải nhóm họp). Vị Thượng toạ trì luật trong chúng phải phân xử giải quyết điều này.

Trước hỏi trong tăng: Ai biết người đã chết này? Lo việc Tam Bảo và tài vật của vị ấy. Lại ai biết người khác lo việc Tam Bảo và lo phân chia tài vật của người đã chết, mỗi mỗi phải xét hỏi. Nếu có người biết thì phân xử như phần trên.

Kế đến phải phân biệt rõ hai điều người đã chết nói, giao những tài vật lặc vặt cho ai và người cùng sống chung, cùng chung tài sản, để y theo trên giải quyết.

Kế là xác định tài vật thuộc loại nặng hay nhẹ rồi phân chia như trên.

Nếu vật nặng thì những người ở cùng trú xứ ghi lại tên của đồ vật. Nếu vật nhẹ thì những người ở cùng trú xứ cũng ghi lại tên của đồ vật, đồng thời hỏi người nuôi bệnh có đem những đồ vật nặng nhẹ của người chết để tống táng theo họ không? Nếu có thì tìm giúp, nhập tháp xướng họa ba lần rồi trở về. Nếu không thì trước nên thưởng công cho người nuôi bệnh nhưng năm đức khó đủ.

Nếu không đủ năm đức thì không y cứ vào phương cách thưởng công. Ngày nay việc làm và sự việc đều hỏi chúng: người đó có đủ năm đức hay không? Nếu đáp là đầy đủ thì đó là tự khoe khoang công lao của mình bị người đời chê cười. Nếu không đáp là đầy đủ thì có công mà không được thưởng trái với điều Phật chế và đoạt đi công lao của người xuất phát từ trong tăng. Cho nên luật nói: Tăng được tự tại thì buộc hay không buộc đều tùy ý. Nay cũng chưa cần hỏi, trong luật không có chánh văn, nếu biết người có công chịu đắng cay thì bậc Thượng toạ nên nói:

- Trưởng lão có công nuôi bệnh, Phật cho phép ưu đãi và thưởng công, nên quỳ thẳng để được Yết-ma.

Người nuôi bệnh khiêm tốn từ chối là không có đức, nên hổ thẹn không dám nhận trọng thưởng tăng phải thuyết phục khiến cho họ nhận, sau đó hỏi dục vấn hòa.

Đáp: Yết-ma thưởng sáu vật cho người nuôi bệnh, tức là bạch nhị Yết-ma để cho người nuôi bệnh đó.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản, ba y, bình bát, toạ cụ, ống đựng kim chỉ, bọc đựng y, bọc đựng đồ vật (tùy theo cái mà nói) hiện tiền tăng ở đây nên phân chia nếu tăng phải thời mà đến, tăng chịu cho, nay tăng cùng với Tỳ-kheo mỗ giáp nuôi bệnh, tác bạch như thế.

Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như đại y, bảy điều, toạ cụ (những vật khác cũng giống như trên) hiện tiền tăng ở đây nên phân chia, nay Tăng cùng với Tỳ-kheo mỗ giáp đã nuôi bệnh, các Trưởng lão nào chịu tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp nuôi bệnh y bảy điều, năm điều, bình bát và túi đựng y (những vật khác giống như trên) thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp đã nuôi bệnh, y bát, toạ cụ, ống đựng kim chỉ, túi đựng y, túi đựng đồ vật rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

(Thạnh y tức là bọc đựng y, trữ khí tức là bọc đựng bình bát, nếu có nhiều rương, bọc khăn, túi đựng kim chỉ nên lấy đồ vật, y phục thường dùng để thưởng cho người nuôi bệnh, nếu ba y mỗi y đều có bọc thì ba cái bọc ấy nên cho người).

Kế là phân chia vật nhẹ.

Luật dạy bạch nhị Yết-ma sai người phân chia. Hành sự thời nay vẫn giữ việc tri sự trong tăng hoặc đến lúc chỉ sai bằng miệng chứ không bạch Yết-ma. Đây là trái với pháp, người trì luật trước phải biết

người không có đức là pháp của Sa-di, phần nhiều luận rằng ba y ở chỗ khác thì đem đến đây để thưởng, nếu đức này không đủ thì tùy theo chỗ kia phân chia (nên biết rộng sử dụng với hiện vật). Nếu ngoài ba khuỷu tay, năm khuỷu tay thì tùy theo độ dài cũng nên bạch cho tăng biết, nếu Tăng hòa hợp thì tốt.

Luật Thập Tụng chép: nếu Sa-di chết thì những y phục bên ngoài và bên trong nên cho người nuôi bệnh, còn những vật nhẹ thì Tăng nên phân chia, nên Yết-ma rằng: Sa-di mỗ giáp đã chết, tất cả những y phục bên trong, bên ngoài và những đồ vật chẳng phải y phục đều giống với pháp tăng, nay người thực hành pháp bảo, vị tri sự ở trước Tăng quỳ thẳng bạch nhị Yết-ma để trao cho (văn trong luật ít, không đầy đủ, nay y theo phi thời tăng thí pháp).

Văn nói Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như y phục (nghĩa là có thể dùng để mặc) và chẳng phải y phục (những vật dụng như bình bát, túi đựng y và tài vật v.v...) hiện tiền tăng nên phân chia. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp y phục, tài vật này, Tỳ-kheo mỗ giáp nên trả lại cho tăng, tác bạch như thế.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như y phục và chẳng phải y phục, hiện tiền tăng này nên phân chia, nay Tăng đem cho Tỳ-kheo mỗ giáp, Tỳ-kheo mỗ giáp phải trả lại cho Tăng, Trưởng lão nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả y phục, tài vật hiện tiền tăng nên phân chia, nay tăng giao y phục và tài vật cho Tỳ-kheo mỗ giáp, Tỳ-kheo mỗ giáp phải trả lại cho Tăng thì im lặng. Ai không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp y phục và tài vật này, Tỳ-kheo mỗ giáp phải trả lại cho tăng, tất cả tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Tác pháp rồi thì đếm Tăng đếm số lượng y phục, tài vật rồi cùng nhau xem xét, bỏ thẻ để phân chia.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu có một y rất tốt mà đại chúng đều đã có y (theo luật phân chia, phá việc đó) nên theo bậc Thượng tọa phân chia việc đó, người cần thì trao ngay cho họ, nếu y phục và tài vật nhiều đồ chúng đều đã có pháp nên y theo thánh giáo mà phân chia. Đây là phi thời tăng được thí, công đức cùng khắp mười phương tăng, không cần tạo giống như thiết trai cúng dường còn sinh quả hữu lậu. Vì người xuất gia tu trí, phân biệt nghiệp không lấy phước phần làm bổn hoài mặc sức làm trái giới bổn Phật chế. Các bộ chỉ nói rõ phần dụng, trí phàm không

hơn tâm thánh, nếu không nhóm họp ở ngoại giới. Luật Tăng-kỳ chép: vì người bệnh mà tìm cầu y phục, thuốc men và xây tháp, làm Tri sự trong tăng, tuy lúc này không có ở đây nhưng cũng nên phân chia người trông coi đây gọi là người được sai chúng, nếu quản lý riêng về Phật pháp thì không đúng. Đến hôm sau phải phân công Sa-di và tịnh nhân trông nom.

Luật Tứ Phần cũng chép: nếu Tăng hòa hợp thì cùng cho, nhẫn đến cho bốn chỉ cho một, trong năm tịnh nhân chỉ cho một, nếu không cho thì chẳng phải là phân công, hoặc phân chia đắc tội, tự mình phế bỏ ngôi vị khác như trong sớ sao. Như vậy tính tổng số lại ghi tên, ghi số, sau đó phân phát phẩm vật cho họ. trong luật không có pháp bán đồ vật để phân chia, thời nay phân chia mà bán đồ vật là phi pháp trái luật, là bị chê cười, sao mà dày mặt quá vậy? Phật bảo phân phó vì muốn dứt bỏ tư tưởng tham lam, khiến cho mỗi người tự cảnh tỉnh chính mình, nay thì ngược lại chỉ vui cười không vì chung thỉ, nhóm họp đời thường này thì không thay đổi mong các bậc tri thức xem xét kỹ lỗi lầm này.

Nếu năm người ở chung mà một người qua đời thì y bát chia thẳng cho ba người và thưởng công lao cho một người, còn những đồ vật nặng nhẹ khác thì y cứ theo Mẫu luận, bốn người làm pháp Yết-ma phân chia.

Trong văn, ngoại trừ tăng cho mỗ giáp y phục, tài vật này, mỗ giáp nên trả lại cho tăng v.v... ngoài ra giống như pháp trước. tác pháp rồi chưa được chính tay phân nếu có khách tăng đến nên cho vào nội giới đồng thời phải cùng tác pháp phân chia cho họ vì trong luật phi thời tăng thí cũng vậy, vì khiến cho một người phân chia, nay vì không có người nên phải phân chia, nếu có người không nhớ thì không thành.

Thứ hai là nói rõ pháp đối thú.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: bốn người cùng ở chung mà một người chết thì ba người phải lần lượt phân chia, hai người nên hòa hợp thưởng y cho người nuôi bệnh, còn những vật khác ba người kia đây cùng nói rằng: hai Đại đức nhớ nghĩ! Những vật này sẽ thuộc về chúng tôi, hai người kia cũng nói như vậy ba lần.

Nếu trong ba người có một người chết thì trước phải lấy y bát giao phó ngay, còn những vật khác hai người nên lần lượt thực hành như pháp trên.

Trong văn Luật Tứ Phần chép: kia đây nói liền ba lần nói cùng phân chia, thọ nhận, văn từ như luận thuyết, ba lần nói là pháp tâm niệm.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: Tương ưng với pháp hai người ở chung, một người chết thì người còn sống nghĩ rằng Tỳ-kheo này đã qua đời, tất cả tài vật của thầy ấy thuộc về tôi, nói như vậy rồi sau đó có người đến cũng không được chia.

Luật Tứ Phần chép: một người được thọ nhận trong tăng thí nên tâm niệm miệng nói đây là phần của tôi được phân chia, trong văn vấn Yết-ma hỏi vật chẳng phải y đó là y gì?

Đáp: Luật không nói về tướng.

Văn nói: Bấy giờ, có người dùng vật chẳng phải y phục làm túi đựng bình bát và túi đựng giầy dép. Phật nói: không nên làm như vậy.

Lại nói: cho Tỳ-kheo-ni các vật chẳng phải y cũng không biết là y gì, nay chỉ thông qua mà nói lại việc đó, không ngại kia đây đều thâu nhiếp pháp thập minh tạp phân vật. Nếu ở chùa riêng (tư trang) mà chết hoặc làm sứ giả cho tăng, ở chùa Tư Trang mà chết nếu có người vào nhà và chùa của Tỳ-kheo thì những vật nặng xếp vào bổn tự của người chết, vật nhẹ tùy hiện vật mà phân chia cho tăng, cũng không được phân chia cho ni chúng, cho dù khiến cho vị tăng ở gần đến thâu nhiếp vật nặng cũng không cần cho, vì trái với chánh giới Phật chế, nếu người chết không có chỗ ở mà theo chỗ có của thường trụ, tùy theo chỗ gần mà thâu nhiếp (chùa không có tăng pháp cũng không được lấy).

Nếu chùa không có Tỳ-kheo giữ thì giống như pháp của người tại gia.

Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo không có chỗ ở nhất định, chết ở nhà người tại gia, nếu đàn-việt kia có tín tâm nên ghi vào sổ những vật này. Trong năm chúng, chúng nào đến trước thì nên cho nếu không có ai đến thì nên cho Tăng-già-lam nào gần nhất, y cứ theo văn này nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đồng đến thì theo chỗ đồng chúng qua đời, mỗi người tự lấy phần, không được cùng nhau phân chia những vật này. Bộ hiện tại cũng không cần thêm pháp, cứ nhiếp thủ thẳng như vậy.

Nếu không ở chung nhàn dự gia pháp, vật nặng quý giá cũng như trên. Lượng về vấn đề đó tùy theo tình cảm xa gần, nếu đến nhà người tại gia biết có vật của người đã chết thì phải cầm lấy, trong ý nghĩ là thuộc về của mình thì mới thành, dù thấy cũng không được, dù cầm vào tay mà người thế tục tự thâu gom về mình. Đây thuộc về người thế tục quyết định, trộm của tăng thành tựu cũng không được đoạt lại, nên khuyên dạy họ cúng dường cho tăng để họ không mất đạo nghiệp (tăng được thọ nhận vật cúng dường của người thế tục).

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo ôm y phục của người khác mà đi.

Người chủ y qua đời, liền đem y thọ dụng riêng không cho Tỳ-kheo đồng giới và đàn-việt (theo Luật Tứ Phần thì không thành, có Tỳ-kheo mà không nhớ nghĩ) nếu làm pháp Yết-ma rồi thì lượng cảnh, sợ Tỳ-kheo khách đến. Nên biết trước và sau Yết-ma (nghĩa là thâu nhiếp giới lớn của tăng không biết tăng có hay không) trong luật có Tỳ-kheo không nghĩ nhớ biệt chúng chia y đều không thành.

Hỏi: Nếu đem đồ vật của người chết ra khỏi giới rồi phân chia có thành không?

Đáp: Luật Tứ Phần chép: nếu y phục tài vật khó phân chia thì phải nói nơi nào, lúc nào phân chia, nếu gởi người đến hoặc tự đến thì nên cùng nhau phân chia các bộ có kết là phạm tội không? Đáp: Đắc thành (Luật Tăng-kỳ thọ y như pháp hoặc cùng sống chung, chung ý).

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo gởi y bát cho ni nên đòi lại phần của Tỳ-kheo, ni gởi tài vật cho Tỳ-kheo cũng như vậy (không giống như gia pháp của người tại gia).

Hỏi: Đem tài vật của người chết vào giới, Tỳ-kheo trong giới ấy không biết nên đem ra ngoài giới, người nào thấy trước có được phần không?

Đáp: được nhận, vì đang trong giới không biết lúc phân chia vì đồng pháp.

■

LUẬT TỨ PHẦN
SAN HỆ BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN HẠ
(PHẦN 2)

THIÊN 18: THỌ THANH TỊNH BỐN THỨ THUỐC

Thân quả báo được duy trì là nhờ thuốc, thuốc đều gọi là Thông, được chia làm bốn, gọi là thời dược.

Từ sáng đến trưa Thánh cho phép uống, việc thuận với pháp thì nên làm không sinh tội, nói thuốc phi thời là những tạp vật như các thứ nước trái cây ép, đối với người bệnh mà lập thời khai cho uống, giới hạn không trái luật.

- Thuốc bảy ngày: ước thúc có thể thành tựu pháp tất cả đều phân đều hạn dùng từ số ngày điều trị rất lợi ích.
- Thuốc suốt đời: thế lực đã sâu kín nên cho phép uống lâu mới trừ được bịnh.

Thân có ba loại:

1. Thân tận dược
2. Thân tận bệnh
3. Thân tận báo

Rõ ràng luận rằng: có thân thì có bệnh, tuy ít sai tổn, sau hẳn trọng phát, thêm vào khẩu pháp có năng lực trọn vẹn nên thọ nhận trong bốn loại này, Luật Ngũ Phần có nói rõ:

1. Nói về thể của thuốc
2. Nói về nơi chốn tịnh địa
3. Hộ tịnh khác nhau
4. Tịnh pháp khác nhau
5. Hai thọ có khác

Trong phần đầu nói dược có bốn thứ là nói theo bốn thứ thuốc, thì thời dược có hai. Trong Luật Tứ Phần có năm loại Bồ-xà-ni (Hán dịch

là chánh thực) nghĩa là thức ăn sợi, thức ăn khô, cá thịt. Năm loại khư Xà-ni (Hán dịch là bất chánh) là cành lá hoa quả xay thật nhuyễn để ăn (như trong tùy tướng).

Luật Tăng-kỳ chép: thời thực là củ cải, củ hành, ngó sen, củ cải trắng, diệt trừ rễ cỏ độc (tức là gốc cỏ Tề-ni căn).

Thời tương là tất cả nước gạo, nước bột, sữa lạc, các luật đều có nói cá thịt là thời thực, đây là bỏ giáo điều trước.

Kinh Niết-bàn chép: từ hôm nay về sau không cho đệ tử ăn thịt, phải quán sát như thịt của con mình, người ăn thịt dứt trừ mất hạt giống đại bi, tất cả các loài vật ở trên cạn, ở trong nước, hay bay trên hư không đều có thân mạng, đều có oán thù, cho nên Phật không cho ăn, rộng như kia đã nói.

Kinh nói: trước bỏ ăn thịt gọi là chẳng phải của bốn loài sinh nhưng hiện hóa vì độ chúng sinh.

Kinh Lăng-già chép: không có xét nhân duyên thì không nên ăn thịt, tóm lại có mười loại:

1. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay thường là sáu thân, vì nghĩ đến người thân nên không ăn thịt.

2. Chồn, chó, người, ngựa, heo vì đổi thay lẫn nhau.

3. Sinh ra và lớn lên ở nơi bất tịnh.

4. Chúng sinh nghe mùi sẽ sinh sợ hãi.

5. Vì khiến cho người tu hành có tâm từ bi, không sinh tâm ưa thích.

6. Hễ ngu muội huân tập những xú uế bất tịnh không lành thì được ngợi khen.

7. Vì làm cho chú thuật không thành tựu.

8. Vì ăn thịt nên thấy hình khởi thức đắm nhiễm các mùi vị.

9. Bị các vị trời bỏ đi, thấy nhiều ác mộng, cọp beo nghe mùi.

10. Vì ăn nhiều loại thịt nên ăn luôn cả thịt người. Như kinh Ban Túc Vương nói: Nay có người ngu muội phần đông ưa thích thịt, trong các tội tội này là lớn nhất, cho nên kẻ giết mổ buôn bán chỉ là người ăn thịt, nếu không ăn thịt thì không phải là kẻ hàng thịt chém giết, cho nên biết kẻ ăn thịt giống như kẻ giết mổ tạo nghiệp, giới sát sinh có thể không răn giữ hay sao?

Luật Tăng-kỳ chép: nếu là Tỳ-kheo giết thì tất cả bảy chúng không nên ăn, cho đến Ưu-bà-di giết bảy chúng cũng không nên ăn, nay người học giới phần nhiều không ăn thịt, tăng chúng thuộc hệ Đại thừa ở Trung quốc cùng theo lệ này, người học Đại thừa mà lấy uống

rượu, ăn thịt làm hành vi hiểu biết thì cả hai giáo phái Đại thừa và Tiểu thừa không thâu nhận, tự họ vào chỗ giết mổ để làm thịt, thiên ma ngoại đạo còn không ăn thịt uống rượu, đây là tướng sứ của Diêm-la.

Luật Tứ Phần chép: nếu người sát sinh này thực hành mười nghiệp ác nên mới vì mình mà giết hại sinh vật cho đến thịt ở những nơi cúng tế lớn cũng không được ăn vì xét cho kỹ thì người đến tâm không chủ định, hôm nay kẻ hàng thịt thông với kẻ giết hại thì y cứ theo giáo pháp không ăn loại thịt nào, đây chính là chấm dứt việc ăn thịt, kinh Tỳ-ni mẫu rất giống ở đây.

Luật nói: nếu giữ mười điều lành thì người kia không bao giờ vì mình mà cắt đứt mạng sống chúng sinh, y cứ theo đây thì đâu có thịt gì để ăn chỉ có chúng tự chết, chim chóc tàn hại, giống như bất tội.

Kinh Lăng-già chép: rượu thịt thuộc về hành, hẹ, tỏi, nén ắt không nếm qua, trong nhân gian còn nói không uống rượu ở chợ búa quán xá, huống gì bậc cao tăng xuất gia học đạo, lấy rượu thịt làm ý chỉ ư? Đây là bản hoài có thể thấy.

Ma-đắc-lặc-già chép: nếu dùng rượu nấu là thuốc phi thời một ngày, được uống nghĩa là không có tánh rượu được uống, nay rượu thời dược khiến cho đủ mùi vị say sưa, vì tham uống thêm khổ độc, cũng chẳng phải khoái khẩu ngon miệng, nghiệm qua hai đường này để biết được tánh tình là hoàn toàn cách xa đạo.

Về Phi thời tương, luật Tăng-kỳ chép: lúa, đậu, lúa tẻ nấu cho đặc lại, nếu bơ dầu, mật, thạch mật, mười bốn loại trái cây làm tương sống, nước trái cây thì phải dùng nước tác tịnh, nếu dưới còn một ít nước dưới đáy thùng chứa nước bị mưa ướt cũng gọi là tịnh.

Luật Thập Tụng chép: nếu nước quả nho không dùng lửa hơ qua để tác tịnh, vì trong nước nên không dùng nước để tác tịnh thì cùng là bất tịnh, không nên uống, nếu cả hai đều tịnh thì được uống, theo đây chung với bốn thứ thuốc vì phá mùi vị để trừ tham.

Luật Thiện Kiến nói nước trái cây ép Xá-lâu-già nghĩa là gốc sen giả vắt nước lắng trong tất cả, tất cả lá ngoại trừ rau cải tất cả hoa, tất cả quả của cỏ, ngoại trừ quả ngọt, bí đao, dưa ngọt, dừa, ngoài ra được uống phi thời.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: được nhiều loại quả quá ăn không hết thì bổ ra vắt nước uống, nếu chưa hết đầu hôm mà nước trái cây đã biến thành rượu thì không được uống vì lượng rượu đã thành. Luận có nói rõ, gạo rang cho cháy đen, bỏ thuốc dư vào trong để làm tương, cũng gọi là phi thời tương.

Luật Tứ Phần chép: có tám loại tương, xưa không cho các vị tiên uống là quả lê, táo chua, mía ngọt, nho, xá-lâu-già, v.v... làm tương, nếu người say thì không nên uống, nếu uống thì như pháp mà trị.

Già luận chép: phải sái tịnh ngoại trừ lóng trong cho nước, nếu có chất nước đặc dùng cho thời tạp thực, nếu nuốt xuống khỏi cổ thì tùy theo đó phạm Ba-dật-đề.

Thuốc bảy ngày là, Luật Tứ Phần nói năm loại: bơ, dầu, bơ sống, mật, thạch mật, người đời đã biết thì nên ăn đúng thuốc như ăn cơm, hết cơm không để bám dính.

Già luận chép: đường tương cũng thọ được bảy ngày, cho đến không bỏ tự tánh.

Luật Tăng-kỳ chép: thêm một loại sáp (chất béo)

Luật Tứ Phần nói: ngài Xá-lợi-phất bị trúng gió, thầy thuốc bảo uống năm loại mỡ: gấu, heo, lừa, beo, v.v...

Luật Tăng-kỳ nói thuốc này thanh tịnh không phải khí thời thực, một lúc thọ uống bảy ngày, có bốn trăm lẻ bốn loại bệnh, phong đại dùng một trăm lẻ một loại dùng mỡ để trị. Hỏa đại bệnh nặng dụng bơ để trị, Thủy đại bệnh dùng mật để trị, tạp bệnh dùng ba loại thuốc trên để trị.

Luật Ngũ Phần nói thấy làm thạch mật giả gạo bỏ đường vào, Phật nói tác pháp cũng như vậy, nếu pháp hợp thuốc như vậy thì chp phép uống phi thời.

Luật Thập Tụng nói Thạch mật không được nuốt liền, trừ năm hạng người: người đi xa, người bệnh, người ăn ít không đủ, người không ăn được, nếu chỗ cho nước thì hòa với nước để ăn.

Luật Ngũ Phần chép: hai thời đói, khát thì hòa với nước để ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: ăn như trên phần nhiều được nước hoa quả đông lạnh, ăn không hết. Động thành bơ sống được uống bảy ngày, nếu bơ nấu cho nhừ, được thọ dụng bảy ngày (nghiệm biết bơ dầu mỗi thứ đều thọ tác pháp, được hơn bảy ngày không gọi là thọ lại) nếu lúc khất thực phần nhiều được bơ, Tỳ-kheo bệnh nặng nên lấy tấm thảm mịn dày sái tịnh rồi lấy bơ để lên, được thọ dùng trong bảy ngày, nếu có duyên sự không được ở trước, trong lúc tác tịnh nên đối trước một Tỳ-kheo ghi nhớ nói trong đây vật tác tịnh để sinh hoạt tôi phải làm thuốc thọ dụng bảy ngày nếu quên nhầm thì đừng thọ, đừng tác tịnh, quá thời gọi là bất tịnh, nếu được nhiều dầu như trong tô nói, được Hồ-ma ăn còn sót lại, không hết thì nấu lấy dầu, dùng trong bảy ngày. Nếu có duyên sự thì không được tác tịnh, nếu mỡ gấu mỡ heo, v.v... như phần trên có

dùng không? Được mía ngọt và quả cũng giống như trên.

Luật Thiện Kiến nói, thọ dùng sữa đông đặc ghi trong phần sữa đông đặc, bơ là thuốc bảy ngày, đến ngày thứ bảy hợp lại được thì nên uống trong ngày, đến ngày thứ tám thì phạm nên xả bỏ dầu, mật cũng vậy.

Ma-đắc-lặc-già chép, phi thời thọ mía ngọt tác pháp không thành trong thời đồng thành, nhưng mật mùi vị ngon gấp hai, phàm thánh thường nói tham phá hoại việc làm, trước tiên là ở đây, cả hai đều cưỡng ép cướp bóc làm việc đó, nếu không phải bệnh nặng thì hiếm khi để vào miệng, cho nên luật Tăng-kỳ nói Phật thọ nhận thức ăn của loài khỉ chứ không dùng mật ngon của loài ong...

Tận hình thể: Luật Tăng-kỳ nói, hoa rễ của cây Hồ tiêu, Ha-lê-lặc... Đây là thuốc phi thời, Tỳ-kheo bị bệnh, thở hổn hển nên uống cả đời.

Luật Tứ Phần nói không tin là thức ăn thì tất cả những vị mặn, đắng, cay, ngọt v.v... cũng không đảm nhận là thức ăn, gọi là thuốc suốt đời.

Luật Thiện Kiến nói tất cả cây cối và cỏ, gốc, rễ, cành, lá là thức ăn, người không tin là mình trọn đời ăn những thứ đó. Còn cây cối, cỏ lá bất luận là gốc rễ đều là thời dược, hoặc gốc là thời dược, cỏ là thuốc suốt đời, mọi thứ đều có lẫn nhau nên không thể chỉ tên riêng lẻ được, nhưng có thể ăn thời dược là gồm nhiếp được tất cả.

Người không tin thuốc suốt đời, luận số đã rõ ràng rằng nếu bệnh, uống thuốc bảy ngày thì tùy theo bệnh mà lượng thuốc nếu hết bệnh thì phải xả bỏ, nếu không bị bệnh, không đói thức ăn phi thời thì phạm tội ăn phi thời; dầu, mật, cao cũng vậy, cho nên trong luận đưa ra bơ, v.v... thuốc cả đời thì không như vậy, có thân thì có bệnh, Phật cho phép uống thuốc này để phòng hộ thân quả báo trong một thời kỳ, nếu không có khách bệnh, lại không có đói khát thì phi thời không được uống.

Luật Thập Tụng nói rượu trong đắng, không có hơi rượu, không làm bằng hèm đến quá trưa được uống. Bây giờ bàn luận, tất cả kinh luật tùy việc mà bàn bạc về thể, giống như tông này thì đầy đủ ví dụ như trên, nay có người ngu phi thời vọng ăn gọi là nước trái mơ, nước táo tương làm bằng quả gồm cả cặn, củ sen, nước gạo, càn địa hoàng, ngọn phục linh, các thuốc rượu nấu chẳng mặn, đắng mà vừa miệng thì ăn nó lúc phi thời, đồng thời khi ăn đã vượt ngoài tự tâm, vọng dựa vào Thánh giáo không bằng ăn cơm, việc này chưa hẳn làm cho tâm ác thêm lớn, dẫn dắt kẻ hậu sinh vào tội lỗi nhầm lẫn để lưu tiếng xấu muôn đời.

Kế đến là xác định hai mươi sáu vị. Số ghi rằng: thuốc có năm loại, trong vật có vị ngọt, trừ cỏ ngọt, đường cát, bơ dầu còn vị ngọt của đường khác thì phải lượng, vị chua trừ nước quả A-ma-lặc v.v... còn những vị chua khác thì đủ lượng, trong vị cay trừ gốc rễ tiêu ớt A-lê-lặc còn những vị cay khác thì nên đủ lượng, tất cả những vật có vị đắng, chát thì đừng ăn, làm thuốc trọn đời, ngoài thuốc bảy ngày ra, tất cả những vật (thức ăn) có thể ăn gọi là y thời lượng thực, từ sáng sớm đến giữa trưa là thời thực, quá giờ ngọ không được ăn.

Tất cả nước mía ngọt gọi là y canh lượng mỗi ngày đêm chia ra năm thời, từ sáng sớm thọ đến canh hai, quá thì không được uống cứ xoay chuyển như thế đến canh năm, thời gian này ngâm cơm làm tương thuộc thời lượng bơ, dầu, mật, đường cát v.v... gọi là y thất kỳ lượng. Cỏ ngọt, v.v... gọi là y nhất kỳ lượng, từ sau lúc thọ giới đến lúc sắp mãn báo thân gọi là một thời kỳ, vào lúc này bất luận là ngày hay đêm thường được ăn uống. Tro, đất, nước, nước tiểu, phân, các thứ này gọi là y đại khai lượng, không cần thọ, tùy ý lấy uống. Đây là vật thế gian vất bỏ, chẳng đáng yêu tiếc.

Luật Tứ Phần nói phải thọ các thứ như tro, đất, v.v... (đây là y cứ chỗ có người thì chắc chắn không có ai dùng).

Thứ ba là nói về chuyển biến.

Trung luận nói giống như nước nho ép, người trì giới nên uống, nếu nó đã biến thành rượu thì không nên uống, nếu biến thành rượu đắng thì vẫn còn uống được.

Luật Thập Tụng nói mía ngọt là thuốc đúng thời, nước trái cây lắng trong là thuốc phi thời, chia làm thạch mật bảy ngày đốt thành tro là thuốc suốt đời, thịt là thuốc đùng thời, rán lên cho chảy mỡ là thuốc bảy ngày, nếu đốt thành tro là thuốc suốt đời, hồ gai cũng giống như cách của thịt, lạc là thuốc đúng thời nước trái cây lắng trong như nước là thuốc phi thời, táo thành bơ là thuốc bảy ngày, đốt thành tro gọi là thuốc suốt đời.

Bốn tướng hòa hợp.

Luận Tát-bà-đa nói tướng của bốn thứ thuốc hòa hợp từ bên ngoài mà uống, nếu lấy thuốc đúng thời và thuốc trọn đời trộn thành thuốc bảy ngày để uống bảy ngày vì do thế lực của thuốc bảy ngày nhiều nên giúp tạo thành, giống như dùng bơ nấu thịt, nước của thịt bơ này được làm thuốc bảy ngày, nếu dùng thuốc đúng thời, thuốc bảy ngày, trộn lại tạo thành thuốc suốt đời để uống cả đời, giống như lấy tô, sữa hòa với rau đay làm thành viên. Lại như phụ tử, chim và các thứ độc ngâm

với đậu, lúa mạch gọi là thuốc suốt đời, nếu lấy thuốc bảy ngày ược và thuốc suốt đời trộn lại thành thuốc đúng thời, đến giờ ngọ thì uống, giống như ăn mì với bơ, dầu, gừng, tiêu, nếu phân số đều bằng thế lực tương tự tùy dược thủ mà đều gọi là tiêu mục, còn những phần khác thuốc phân cho tương xứng với nó như thạch anh, chung không, hoàng ký, bạch mộc, hoàn tán, thang, cao tiễn v.v... đều nêu ra cho biết công dụng của nó.

- Chỗ để thuốc thì kết tịnh, lược chia ra bốn môn:

Chế ý: Đều do quả báo của chúng sinh không đồng, có thượng, trung, hạ khác nhau, nếu thân được bậc thượng thì khoẻ mạnh, chế thuốc cho tùy duyên đi khất thực ít ham muốn để cứu thân mạng, chí giữ vững đạo nghiệp không cậy người giữ giúp, các hạng hữu tình bậc trung, hạ thì giống như thượng sĩ, nhưng sức yếu không kham nổi, phải giúp sức mới có thể siêng năng, vì thế bậc đại thánh thương xót vì đồng giới khốn khổ, đói chết mới khai kết chỗ giải thích riêng. Tịnh Danh lấy việc ăn uống là đồng chỗ với cấu uế sinh hoạ hoạn. Nay đã kết riêng, tình vô dư súc, ăn không sinh tội, cho nên danh là tịnh, nếu đồng một chỗ làm cho lòng tham thêm lớn, trái với giáo pháp thì thọ nghiệp, nghiệp là uế nên danh bất tịnh, đây là từ duyên nói tịnh chẳng phải nói đối với uế.

Phân số tác pháp có bốn thứ tịnh:

- Ly tường bất chu tịnh:

Luật Tứ Phần chép: một nửa có hàng rào làm chướng ngại, phần nhiều không có hàng rào chướng ngại, đều không có hàng rào chướng ngại nghĩa là hiển bày trên mặt đất, phi tướng trừ tích cho nên khai ra (hẳn là ba mặt có viện, khai một mặt nhiếp thực nghĩa cương cũng giống như có tội, nhà trù cô lập có viện cũng giống như vậy) tường, thành, hào, nương cũng giống như vậy (cũng không phải bức tường là vòng tròn mà tùy tướng chung thành).

- Đàn-việt tịnh, có ba:

1. Thực cụ là vật của người khác, Luật dạy:

Từ nay trở đi nên làm thức ăn của đàn-việt khiến tịnh nhân ban cho, không được tự thọ nếu có điều cần thì tìm lấy. Hai chỗ là vật của người khác, cho nên nói nếu vị tăng làm giả làm mà chưa cúng dường cho tăng, tuy thúc ăn ở trong cũng không có phạm.

Tam thực xứ đều gọi là nơi chốn người có thức ăn đầy đủ là người khác chứ không phải thuộc về tăng dùng. Ba điều này gọi là tha vật tịnh, cần phải thật, không được giả. Nay phần nhiều gởi bụng, tự lứa

dối, tự phụ, trái vối pháp, đắc tội.

Luật Thập Tụng nói, Vua Bình-sa cúng dường ruộng trồng lúa cho chúng tăng, Tỳ-kheo lên đạo tràng, Phật dạy người chưa phân nên lên, nếu phân rồi không nên lên, nếu lên phạm Đột-cát-la.

Vua băng, Tỳ-kheo thấy không có đàn-việt, cho là phạm túc chữ, Phật dạy: Xà Vương đã thay thế chỗ không gọi là có phạm tội (y theo đây nêu những thứ khác đều phạm).

Luật Tăng-kỳ chép: Bà-la-môn cúng dường cháo trắng cho Phật và tăng, vì tăng ở cùng một trú xứ mà làm. Thịt để qua đêm, thịt hầm, không cho phép ăn (vì biết thuộc về tăng thì giống pháp tăng, chẳng phải đàn-việt tịnh thí)

- Tam Xứ Phân Tịnh

Luật Tứ Phần chép: nếu đàn-việt tính toán, làm già-lam cho tăng chúng, phân chia khu vực, nói như vầy: Chỗ này tăng làm tịnh địa, Luật Tăng-kỳ chép: nếu làm chỗ ở mới, Tỳ-kheo làm việc và tăng chưa ở thì đầu hôm lấy dây đo lường để phân chia cho đều. Người xây cất cho tăng ở, chỗ đó cho làm tịnh thất thì nên nhận, không được vào lúc đầu hôm (Luật Tứ Phần nói mặt trời đã mọc). Nếu đàn-việt nói: không chuẩn bị chỗ, chia cho tôi chỗ chưa cúng cho tăng, đây là đồng với vật tịnh của người khác.

Luật Ngũ Phần nói, làm một trụ xứ mới mà chưa có tịnh thất, trước nên chỉ chỗ này làm tịnh địa, đặt thức ăn vào đó, sau đó tăng ở. Nếu đến ngày mai, mặt trời mọc thì không thành.

Luật Thiện Kiến chép: vì sao kết tịnh ốc? Lúc đầu dựng trụ nói chỗ này là tăng làm tịnh ốc. Nói ba lần như thế rồi dựng lên, còn những việc khác cũng làm như thế. Nếu không làm như vậy thì đến một cây trụ rồi thêm pháp vào đó cũng thành. Nếu đã thành rồi gọi bổn chủ đến nói khiến họ chỉ một chỗ nào đó để tăng làm tịnh ốc. Nếu không có xóm làng có một vị lão túc thì mới đến bảo làm nếu họ không hiểu thì chỉ cho họ hiểu.

Tứ bạch nhị kết: nghĩa là chu vi của viện tăng-già-lam, Tỳ-kheo ở trong tăng-già-lam phạm lỗi nấu đêm không kể là người ở gần xa, lâu mau, đều tùy xứ kết tịnh, đuổi Tỳ-kheo đó đi.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Trong đại giới không có tịnh trù, tất cả các thức ăn để qua đêm không được ăn, cho đến cỏ thuốc cũng như vậy.

Luật Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo đói chết, nên cho phép ở phòng bên chỗ yên tịnh trong Tăng-già-lam kết làm (phải là ở trong phạm vi tác pháp, không giống chỗ phân chia như trên)

Luật Ngũ Phần chép: Các Tỳ-kheo muốn Yết-ma, một phòng, nửa phòng, nửa gốc, sân giữa hoặc kết chung trong phường làm tịnh địa thì đồng cho phép. Nếu người kết chung, Yết-ma rằng trụ xứ này cùng ở cùng bố tát, Tăng nay kết tịnh địa, trừ chỗ này (nghĩa là tăng ở, tới lui phòng xá, y theo đây tất cả rau quả ở khắp nơi đều không có lỗi, nếu hái, mặt trời mọc ở phía dưới nhà)

Lại nói, phải nương vào đất để đứng, không đứng trên xà nhà.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu một lớp, cách chung cách riêng, lợp riêng lợp chung, cách chung lợp riêng, một bên, hai bên, ba bên, cách đạo, hai bên thì tác tịnh, ở giữa không tác tịnh. Như vậy tất cả đều được. Y theo đây tác pháp Yết-ma, trong văn thì cần phải rõ ràng, chỉ ra những điểm khuất mắc. Kết giới rồi chỉ rõ chỗ để, khiến cho chủ, khách đều biết rõ ràng (trong luật, khách hỏi, chỗ nào là tịnh địa, chỗ nào là bất tịnh địa).

Trong Ba gia pháp, bốn tịnh có hai loại không làm (như đã nói ở phần trên) xử phân một pháp, người khác chỉ bày, như trước đã nói. Người Yết-ma kết giới, ở trong giới tăng trước chỉ chỗ nơi, chỉ xa kết thủ, cho nên không được ngồi ở giữa mà kết giới.

Các Sư ngày xưa nói vì thức ăn mong chờ tăng là thâu nhiếp, là ngăn ngại [page 120] (cho nên phải ở xa kết, ở giữa nhiều tạp tướng) vì tăng mong chờ Tăng thì chẳng thâu nhiếp, chẳng chướng ngại (Tịnh địa có tăng không khỏi riêng chúng). Trong luật bảo xướng lên nơi chốn, cho nên một tùy kheo khởi xướng rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo vì tăng xướng nơi chốn tịnh địa, hoặc phòng, hoặc xứ, ôn thất, trai đường. Về sau ngồi rồi cũng không phải là người cầm điệp xướng mà gọi là Yết-ma. Kế là tác dục vấn hòa rồi bạch nhị Yết-ma rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe: Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp nhận cho tăng nay ở chỗ này kết tịnh địa, tác bạch như vậy.

Đại Đức tăng xin lắng nghe, nay tăng kết chỗ này làm tịnh địa, các Trưởng lão nào bằng lòng, tăng kết chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng kết chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép, tác tịnh trù không nên để nước chảy ra bên ngoài bình nước chấm, người có duyên thì nên bằng lòng. Trong luật không có văn, ý nghĩa y cứ theo sự phản kết liền tạo thành, nên nói:

Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp

thuận cho, nay tăng bằng lòng chỗ này làm tịnh địa, tác bạch như vậy.

Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng đồng ý chỗ làm tịnh địa, các Trưởng lão nào đồng ý chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Tứ tạp xuất liệu giản:

Đàn-việt tịnh, bất chu tịnh hai nơi này không kể trong, ngoài, đêm ngày đồng tá túc, nấu nướng đều không phạm lỗi. Nhưng không được xúc chạm. Yết-ma xử phân hai chỗ tịnh (đàn-việt tịnh và bất Chu tịnh) cho một Tỳ-kheo ở trong xem xét hộ minh tướng. Nếu cho đồng một nơi thì chỉ phá hoại thức ăn, lại cần một đồ vật dùng để đảo đồ ăn để cho thanh tịnh. Nếu ban đêm nấu thức ăn thì phạm tội. Nếu xử trị, trú xứ làm người phân xử, luật Tăng-kỳ nói:

Tăng ở trong chùa phạm lỗi, vì đầu hôm mà muốn làm xử phân thanh tịnh. Trụ xứ hư hoại, đất nước loạn lạc, vua mới chưa lên ngôi, lúc bấy giờ được phép thọ làm. Nếu không có duyên này thì khiến cho trụ xứ và tụ lạc đình phế hai năm gọi là xử phân.

Nếu không chịu tác xử phân, ngưng kết tịnh có thể ăn đồ vật, nội túc nội chữ. (ở bên trong, nấu bên trong)

Hỏi: Kết tịnh rồi được vào bên tronng xem nấu nướng. Vì sao nấu bên trong mà không phạm?

Đáp: Nấu là tùy theo chỗ đại giới, không có người cũng phạm. Tá túc là người đến nương ở. Hai giới (khu vực) không có người thì không phạm.

Ba hoạch tịnh pháp, có năm môn.

- Phiên tịnh
- Hộ tịnh
- Tội thông tắc
- Hỗ minh tịnh nhiễm
- Kiệm duyên khai tám việc

Trong phần đầu, nếu ở riêng một nơi duy trì Phật pháp thì phải kết thực giới đồng hộ tịnh thực. Đây là chung cả phàm thánh con đường của chúng tăng phải thuận theo bản hoài của Chư Phật. Nay tự cùng ở chung nắm bắt cái khoảng cách tham nhiễm, là cái mà người thế tục thường xấu hổ, huống chi là tịnh tăng, nhẹ nhàng với việc ăn uống thường cần kiệm, chẳng lẽ vì đó mà nhiễm ô. Về sau nếu có duyên thì vô lý phải chấp tay, vẫn là việc tiếp xúc với bản tâm, ban đầu không hối tiếc. Nếu

không tin tâm này thì phải là bậc sư tượng (thầy giỏi), muốn y cứ theo lời của bậc thánh để dứt bỏ cấu uế thì có bốn thứ khác nhau:

1. Duyên tịnh
2. Thể tịnh
3. Duyên bất tịnh
4. Thể bất định

Nói duyên tịnh là cái búa, đồ vật úp ngược lại để giúp cho việc lo liệu. Phật khai cho là duyên, ở đây không cần phiên dịch.

Nói thể tịnh là không chứa hai đồ vật, Phật cho phép tự đặt nước lên lửa để nấu, cho đến đồ vật của Chư tăng chứa đầy thức ăn.

Nói thể bất tịnh dây là trị sinh hưng khởi lợi dưỡng dùng để tạo tượng Phật, cúng dường các Tỳ-kheo tăng nên ngăn cấm không cho lễ nhận. Tuy không nắm giữ qua đêm, dịch cũng không được ăn, vì tâm xấu ác. Ba câu trên cùng là chánh kinh. Văn rộng như sao cũng không cần dịch.

Duyên bất tịnh vốn là tịnh nhưng vẫn gặp duyên nhiễm cho nên phải dổi uế thành tịnh.

Luật Ngũ Phần chép: có các đồ vật bất tịnh như gỗ, hòm tẩy rửa đi. Vì sợ người phá hoại dùng nước sôi tẩy rửa nó.

Luật Tăng-kỳ chép: tịnh nhân làm thức ăn, đồ vật sạch rơi xuống vào trong bát Tỳ-kheo, tìm liền nhặt lên gọi là Tịnh. Nếu đình trệ trong giây lát gọi là Bất tịnh.

Nếu là đồ vật bằng đồng thì rửa sạch nên dùng đồ vật bằng gỗ. Nếu bên trong dơ quá thì gọt bào nó đi. Cái nào không dùng được thì nên bỏ.

Luật Thập Tụng nói tùy kheo – có – cái – bồn – dơ, hai ba phen dùng đựng nước tắm gội vì không bệnh nên phải lấy cây vót, sau đó tắm gội hai ba lần, là tịnh. Ngoài ra có mà không dùng hết. Lấy gạo, mì, dầu, tương ở trong chùa ni, người thế tục, Sa-di, tịnh nhân, từng tảng, từng tảng lại rộng lớn ngang nhau. Tuy được vật chính, dùng hai tay bưng bỏ vì khéo nhìn. Nhiều Tỳ-kheo cùng làm với một Sa-di, mỗi người tự vác thức ăn, đến thời tự phân chia.

Sa-di nói với Tỳ-kheo rằng: nay đổi thức ăn của tôi cho Đại đức, cứ lần lượt đổi như vậy cho đến vị hạ tọa. Nếu không có người đồng ý dạy điều đó cũng được. Y theo đây lần lượt đổi uế thành chứng quả. Nếu chậu, lu và những đồ vật có thức ăn bẩn thì để thức ăn vào nồi hơ qua lửa, trong ngoài đều nóng, chất dơ xuất ra thì thức ăn tịnh. Hòm hương bằng gỗ thì bào vót rồi trét bùn lên, hầm đất, tùy theo đồ vật mà

trét lên đồ vật bằng đá, hoặc dùng nước rửa hoặc khắc rửa. Nếu sạch rồi thì thôi.

Luật Tứ Phần: được cầm cái móc cửa của chúng tăng, hoặc gậy, hoặc vòng, hoặc thìa, hoặc thìa bằng sừng hoặc thìa bằng đồng hoặc bồn tắm, giường nằm thì không xúc tịnh (nghĩa là chẳng phải y phục thường dùng)

Hỏi: Xúc tịnh là lỗi gì mà Phật phải nhọc sức chế ngăn nó?

Đáp:

1. Phật muốn tăng thượng, đệ tử khiến cho việc làm hơn mọi việc khác. Bên trong có thắng pháp bên ngoài có việc làm cũng vậy. Giống như ở thế gian, người sang ngồi yên để thọ thực, không làm việc cực nhọc và thân hình đẹp đẽ.

2. Vì hiện tướng đại nhân. Tam thánh ba đời cũng không tự làm. Nay nếu ban đêm va chạm vì mất pháp bậc thánh.

3. Chư Phật lập giáo chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa đều không nấu ban đêm. Giống như kinh lăng-già, Luật Thập Tụng đã nói.

4. Thêm lớn lòng tham, phá hoại đức tin.

5. Phế bỏ việc tu, nghiệp ác có cơ hội phát sinh.

6. Chết đọa vào hầm phân.

Kinh Hộ Tịnh nói có người ban đêm cầm nắm v.v... chúng tăng ăn thức ăn bất tịnh. Sau đọa trong ao phân hôi thúi, năm trăm muôn đời chịu khổ, hết tội khổ này lại đọa vào loài heo và bọ hung, mỗi loài phải trải qua năm trăm muôn kiếp, thường ăn thức ăn bất tịnh. Sau được sinh làm người, nhưng phải làm hạn người nghèo cùng cơm áo thiếu thốn. Phật bảo các Tỳ-kheo: chúng tăng ở nơi này làm thức ăn bất tịnh, nếu không đủ thì đi xin ăn, như pháp mà ôm bát xin thức ăn của người tại gia. Đó gọi là mạng sống thanh tịnh. Do đây nói Tỳ-kheo tri sự vì xúc chạm đồ vật thanh tịnh nên dọa vào trong loài ngọc quỳ hơn năm trăm năm, không nhìn thấy nước trái cây ép. Khi muốn vào nhà xí, bị quỷ thần hộ nhà xí đánh không cho đến gần. Nói rộng nhân duyên như vậy. Luận Đại Trí Độ nói:

Nếu bậc Sa-môn ruộng phước dùng tay dơ bẩn sờ vào thức ăn, hoặc ăn trước, hoặc lấy vật bất tịnh bỏ vào thì dọa vào địa ngục Phân Sôi, rộng như trong quyển 17. 18. 19. Trong phẩm Phân Tề Long của kinh Đại Tập nhật tạng có nói rộng, Tăng ăn khó gần, khó dùng. Các kinh như kinh Tăng Hộ, v.v... ... đến ngày mai là phi pháp thọ dụng tang vật. Văn rộng không ghi đủ. Nói cho thông với đây là: nếu không có hổ thẹn, khinh mạn lời Phật, chính bản thân đồ vật còn phạm huống gì vật

của tăng. Nếu nói sâu xa hơn thì phải tự dứt bỏ mới vượt khỏi kỳ hạn.

Ngũ Bách Vấn chép: nói về trì giới, vị Tri sự chỉ đồ vật của vị tăng, La-hán đại diện sám hối khổ duyên, như thế mà rộng biết.

Hai điều hộ tịnh pháp, trước tiết lộ ác xúc.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo ăn rồi lấy bát và thức ăn bẩn của mình cho Sa-di và người tại gia. Sa-di rửa bát rồi lai đặt vào trong đồ vật của tăng. Đây gọi là Tịnh, một lòng qua cho thì không phải là ác xúc. (y theo đây, dưới đồ vật còn sót thức ăn bảo tịnh nhân trao cho là có lỗi xúc chạm)

Luật Ngũ Phần chép: Nếu không có tịnh nhân để tay bẩn (nghĩa là trước cầm thức ăn của Tỳ-kheo làm cơm, mì cho tăng, bậc Thượng tọa, một người được bất tịnh còn những người khác gọi là Tịnh. [121] Tịnh nhân đem tịnh mạch vẽ cái bất tịnh mạch lên trên, được lấy qua phần trên. Nếu bất tịnh mạch vẽ lên trên một cái tịnh mạch thì tất cả đều là bất tịnh. Nếu lấy cái tịnh ở trong cái đồ đựng bất tịnh thí cái tịnh đó phải được treo ở giữa.

Như những đồ vật đẩu, du, khuôn v.v... tất cả đều là bất tịnh.

Luật Thập Tụng chép: Đặt thức ăn bất tịnh vào thức ăn sạch thì phải bỏ nó ra. Ngoài những món ăn khác như bánh, trái cây cũng vậy (y theo đây, những thức ăn khó tiêu, hình dạng có thể khác nhau tướng uế, tính cũng nhiều thì nên đổi).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu lúc phơi lúa đậu, Tỳ-kheo ở trên, hành giả ở dưới bảo tịnh nhân bưng đi. Nếu việc khó gấp tuy có lao vào cũng không có tội. Nếu biệt chắc là trời mưa, không có tịnh nhân từ xa được ném vật tịnh phủ lên trên rồi cầm những viên sỏi, ngói, đá sạch chấn lại. Nếu là đồ đựng thức ăn cũng nhớ làm như vậy. Nếu trong nhà trù có những thức ăn như bình, bơ, dầu, mía ngọt, trúc, bó trúc, bó lau, Tỳ-kheo lấy bình dầu bảy ngày mà lại cầm nhầm bình tịnh dầu đem đến, người khác thấy không được liền nói mà đợi người (tri khố) đến hỏi:

- Đây là dầu gì?

Đáp: Dầu bảy ngày. Người kia nên bảo ông đặt bình dầu này dưới đất không được nêu tên họ, bảy ngày sau trở lại lấy (vì đã đụng nhầm nên không thành).

Nếu bảo lấy tịnh dầu nhưng người thế tục không hiểu cầm nhầm dầu bảy ngày đem đến thì cũng làm như pháp có mất). Nếu tự mình cầm nhầm những vật khác cũng như vậy.

Nếu nói xem xét tất cả đồ vật, xem bình tro đã đem đến. Cái bình trong tay Tỳ-kheo này là nhầm lẫn, nên xem xét nên gọi là Tịnh. Nếu

thả cái bình trong tay ra thì gọi là bất tịnh (những vật khác cũng giống ví dụ này).

Khí trung minh xúc:

Tất cả những lá xanh cuốn lại là đồ vật, duỗi ra thì chẳng phải đồ vật. Cái bàn vì không có đồ vật để đặt miếng bún lớn vào để ăn, cho nên lấy cái giường dài, tọa cụ, giường dậy, giường dệt mịn sít làm đồ vật để ngồi ăn. Thuyền ở trên sông, xe làm trâu sợ hãi thì chẳng phải là đồ vật. Nếu lúc ăn không có cai gì làm dồ vật thì nên lấy một tấm ván dài đặt lên giường rồi ngồi lên trên đó ăn, hoặc đặt mía ngọt, củ cải, lúa đậu v.v... lên trên đó rồi mời Tỳ-kheo đến ngồi, không nên động thân, nếu hỏi thì tất cả đều là đồ bất tịnh (vì có duyên nên khai cho ngồi, nếu động thân, hỏi thì thành xúc chạm).

Nếu máng y lên cái giá ở trên gác kho thúc ăn thanh tịnh và y bát. Nếu lấy đồ vật làm đụng vật đựng thức ăn đã thanh tịnh thì tất cả đều trở thành bất tịnh. Nếu cái gác chắc chắn không lung lay thì được. Nếu ổ trên thuyền chở mười bảy loại lúa đậu, bên trên phủ cỏ lên thì Tỳ-kheo được ngồi lên nhưng không được gọi danh tự. Nếu bị gió thổi, sóng cuốn đến bờ thì tất cả đều thành bất tịnh. Nếu dây thuyền, cây sào để chèo thuyền không rời khỏi nước thì gọi là tịnh. Trên xe lớn chở nhiều lúa đậu, Tỳ-kheo được ngồi lên để giữ nhưng không đi. Nếu xe nhỏ có vật thanh tịnh. Nếu lúa lấy y bát động xe thì tất cả đều trở thành bất tịnh, nên bảo tịnh nhân lên trước, Tỳ-kheo lên sau. Nếu lúc xuống thì Tỳ-kheo xuống trước, tịnh nhân xuống sau. Nếu ở trong xe chở đồ vật, sơ ý thì xe lật trâu lìa khỏi xe, tất cả đồ vật đều trở thành bất tịnh. Nếu cái đuôi dây buộc trâu chưa lìa khỏi xe thì gọi là tịnh.

Luật Thập Tụng chép: tùy kheo cho Sa-di thức ăn để ở mái hiên nhà. Trên đường đi đến giờ ăn thì cho Sa-di thức ăn, nhưng Sa-di trả lai cho Tỳ-kheo. Nếu trước không cùng ăn mà ngược lại với ở đây thì không được bảo Sa-di mang thức ăn ở bên ngoài hiênlội qua sông vì sợ chìm, cho đến được hưởng thức ăn ở ngoài hiên đó. Tuy có cầm nhưng không phạm, đã qua đến bờ không cầm nữa. Nếu nhận cơm đựng trong đồ vật bất tịnh thì tất cả không nên bỏ. Nếu là cái chén thì bỏ, còn chừa lại những vật khác, giống như trong luật Tăng-kỳ, được ăn. Nếu lúc ấy dây buộc bát nhận cháo nóng, bên trong có mỡ chảy ra thì nên bỏ ngay chỗ mỡ chảy, còn những món khác thì được ăn. Đồ vật đựng cơm, cháo, canh bị nghiêng qua một bên, cho phép tịnh nhân làm giúp, sửa cho ngay rồi thì thôi không được sờ vào nữa. Nếu người giúp tịnh phủ cũng vậy. tịnh mhân vẽ bình bơ dầu nghiêng qua một bên cũng vậy, xe người

kéo hay lừa trâu kéo chở thức ăn bị nghiêng qua một bên cũng vậy. Lúc trời mưa gió đồ vật thanh tịnh để trên đất trống, nên rửa tay thật sạch cầm tấm che đậy lên chỗ có đồ vật (đây là thể tịnh).

Luật Tứ Phần chép: nếu bình bơ dầu mà không đậy, hoặc không có tịnh nhân thì tự tay cầm đồ vật che lên (gọi là duyên Tỳ-kheo, nếu cư sĩ cầm thức ăn thưởng cho Tỳ-kheo, sau tìm trả lại cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo nên rửa sạch tay để nhận. Nếu chín bát có lỗ xạy thúc ăn để vào trong, tùy theo cái có thể rửa thì rửa. Còn những thứ khác không đưa ra, không phạm. Nếu vào trong tăng để ăn mà không có bình bát thì cho phép chọn chỗ ngồi, nếu trong tăng có bát thì mượn dùng (cũng là thể tịnh).

Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo dùng hơi thể thổi đồ vật thanh tịnh gọi là xúc chạm.

Luật Ngũ Phần chép: bình bơ dầu bị nghiêng nên sửa lại cho ngay, không được lìa khỏi đất ném vào gạo tịnh thì có thể phân tích lấy nó ra. Nếu không thể phân tích thì bóc bỏ ra một nắm.

Luật Tứ Phần nói: có thể tự vải hạt nếu rau mọc lên thì cho phép ăn, nhổ cây con trồng lại cũng cho phép ăn (rau quả khác cũng giống như vậy). Nếu Sa-di nhỏ cầm thức ăn thanh tịnh qua sông thì phải đặt ở giường vài trái cam, khiến cho từ trên xuống dưới.

Luật Thập Tụng chép: Tịnh nhân lấy thức ăn để lên phía trên, Đại Tỳ-kheo tự tay sờ vào thức ăn phạm Đột-cát-la.

Nếu bị bệnh uống thuốc thì đừng để cho người thấy.

Luật Tỳ-nại-da nói được lúa gạo lấy cho khách (nghĩa là bảo tịnh nhân nhận lấy.

Hai là nói về tự nấu:

Luật Tăng-kỳ nói: nếu ở chỗ a-luyên-nhã, tịnh nhân bị bệnh, không có tịnh nhân mà tỳ- kheo có lúa thanh tịnh thì Tỳ-kheo tự giã nấu cháo cho tịnh nhân, tịnh nhân ăn không hết, Tỳ-kheo không được tự ăn (theo Luật Thập Tụng trước không đồng tâm đồng lòng cho cũng được).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu tịnh nhân khó tìm được thì Tỳ-kheo phải tự làm thức ăn, phải tự rửa cho thật sạch, không được đổ nước vào vật dơ bẩn để đun sôi (đây là thể tịnh, không được đun đồ vật của tăng bị bẩn trên lửa, phải giữ điều đó). Nếu đã sai tịnh nhân bỏ gạo vào nước rồi thì không được đụng vào, bảo tịnh nhân đun sôi. Cho phép đặt cây ngang dưới đất, Tỳ-kheo ở trên bảo tịnh nhân đặt nồi cơm lên trên cái cây ngang, miệng nói thọ thọ, sau đó tự mình nấu cho chín để cho người

bệnh ăn. Chớ bảo là đừng thọ nhận đồ vật đã rớt vào trong, cho đến luộc rau phải để cho chín tác pháp giống như trên. Nước gừng cũng không được nấu, vì biến sinh. Nếu trời lạnh, xin được tự hâm cho nóng, không phạm.

Lúc làm thức ăn, tịnh nhân còn nhỏ thì cầm tay nó dạy vo gạo, chắt nước cơm.

- Nói về ở trong đêm:

Luật Ngũ Phần chép: Nếu sai tịnh nhân rửa rau ở chỗ bất tịnh, rửa chưa xong, mặt trời mọc thì không phạm.

Luật Tứ Phần chép: có một Tỳ-kheo mang thức ăn đến tìm tịnh địa, tìm chưa được mà mặt trời mọc thì không phạm.

4. Nói về nấu trong nội giới, ở trong nội giới vốn là người khác nấu, có dư được chút ít thì rửa sạch sẽ rồi thọ thực.

Ba minh thông bít chia làm hai:

1. Bốn thứ thuốc: nếu là thời dược thì quyết định có nấu đêm để dùng riêng làm ba cương năm thường phải làm cho nên uống.

Ba dược không thêm pháp:

1) Thuốc đồng thời: nếu về bệnh mà thêm nghe pháp thì có thông cục.

2) Thuốc phi thời: qua giờ ngọ, mặt trời chưa xuất hiện uống đều được. Nếu minh tướng xuất hiện thì mất khẩu pháp, thức ăn thừa ác xúc là phi thời sinh.

3) Thuốc bảy ngày: khai cho tác pháp thêm vào nội tịnh trù. Đêm chưa tàn đâu phải qua ngày thứ tám, sáng sớm hôm sau thức dậy thì đủ tội như sau.

2. Thọ suốt đời thọ: Tất nhiên là chín rục không thể nảy mầm được, luật khai cho tự nấu trong đêm.

Luật Tăng-kỳ chép: tự nấu nước gừng bị kết phạm, nghĩa là có sinh sôi. (theo đây quyết định khai ba tội thuốc bảy ngày không giống như nấu đêm).

Luật Thập Tụng chép: nước thạch mật, khai cho người bệnh ban đêm được uống (phải là nạn duyên).

Luật Tứ Phần chép: dầu, bơ đêm tàn khai cho nhỏ vào mũi, những thuốc bất tịnh khác không được gia pháp.

Chánh văn của Luật Thập Tụng chép: đầu hôm có ba hạng giống như trên thêm vào thức-xoa-ma-na-ni.

Trong Luật Tứ Phần nói Thức-xoa được cùng với đại ni ăn nhưng không được ngủ chung (có nơi vì không có Sa-di nên khai cho). Trong

đêm kết tịnh địa rồi thì trong phòng tăng được cùng ăn đêm. (không nói tịnh địa có Tỳ-kheo).

Nấu đêm: kết tịnh địa rồi trong phòng tăng được nấu đêm.

Tự nấu: Đại Tỳ-kheo tự làm [page 122], không nên ăn như ba hạng người trên.

Ác tróc: tự tay cầm quả đưa cho tịnh nhân rồi lại lấy ăn (không quyết định xả bỏ, cho người rồi lấy lại ăn giống như ác tróc).

Luật Tát-bà-đa chép: cùng ăn đêm có ba hạng: đã nhận thức ăn rồi còn tự làm thúc ăn nghĩ là cùng ăn đêm.

Không cùng ăn đêm mà để qua đêm phạm Đột-cát-la, nếu ăn phạm Ba-dật-đề (vì đêm tàn, trong Luật Tứ Phần cũng giống như vậy). Nếu tự cầm ăn gọi là ác tróc. Nếu làm thúc ăn tự nghĩ là để qua đêm, phạm Đột-cát-la. Nếu ăn, không thọ nhận, không cầm, tự làm thức ăn, nghĩ để qua đêm rối ăn, phạm Đột-cát-la. Nếu người ở chung với mình ăn đêm thì mình không có lỗi.

Dùng bốn lỗi này đối trước một người:

Hẹn giờ đến chỗ mong được thức ăn để ngày mai.

Tướng thứ nhất là trong đêm đến trú xứ, không thông qua hết hại tịnh, xử phân nên bạch nhị Yết-ma và chung cả nội giới. Đến giờ thì phải đợi mặt trời xuất hiện. Y cứ người chỉ y cứ vào ba Tỳ-kheo, biết là phạm lỗi này. Trong luật hỏi tịnh địa, mặt trời chưa mọc chó mang thức ăn đến, gió thổi trái cây rụng, luật nói không biệt không phạm. Ni thì chung cả bốn người, cũng giống như vậy.

Người đến ăn, vật cách mặt đất tất cả đều phạm, chưa cách đất, người chưa trưởng thành thì không phạm.

Người đã trưởng thành gặp sương cũng là thời hạn ban đêm, đối với bốn thứ thuốc luận bàn như trên.

Hai là Nấu trong đêm: Đối tịnh địa đều lấp kín, đối thời chung cho cả ngày đêm, đối với người chung cho cả bảy chúng, y cứ lượng thức ăn chung cho cả sống, chín. Đối với bốn loại thuốc mà nói, giống như pháp suốt đời, cho phép trong giới ban đêm nấu đồ ăn, còn ba pháp khác thì không thích hợp, cho nên Luật Tăng-kỳ nói: Ngài A-nan vì Phật hâm cơm ở bên cửa tịnh xá Kỳ-hoàn, nên biết không được ở trong giới nấu nướng đồ ăn.

Ba là Tự nấu: đối xử chung cả tịnh địa và bất tịnh địa, đối chung cả ngày và đêm. Đối nhân, hạn cục ba vị đại tăng. Trong ni có bốn người. Đến để ăn mà đồ ăn còn sống Phật khai cho nấu lại, không phạm. Trong pháp bốn thứ thuốc cũng khai thêm cho pháp suốt đời.

Luật Thập Tụng chép: nếu thức ăn còn sống hơ qua lửa làm pháp tịnh rồi được nấu.

Thế nào là Tịnh? Cho đến hơ qua lửa (nhẫn đến hái rau cũng y theo đây), thức ăn lạnh hâm lại cho nóng.

Ngũ Bách Vấn chép: nếu chăn, thuốc thanh tịnh, Tỳ-kheo được tự dùng.

Bốn là ác xúc: y cứ theo xứ chung cho cả tịnh địa vàbất tịnh địa.

Y cứ theo thời, chung cho cả ngày và đêm.

Y cứ theo người, đại tăng có nhiều loại.

1. Vừa đến không chịu cầm liền.

2. Nị thế tương liên (như y, bát, khăn không sạch, đem giặt để nhuộm.

3. Nhậm vận mất thọ (bốn thứ thuốc không thêm pháp phần giữa và sau đều mất thọ, nếu thêm pháp ba thứ thuốc, mỗi thứ tùy theo thời hạn thì mất thọ.

4. Gặp duyên mất thọ (tịnh nhân tiếp xúc với gường, đồ vật).

5. Quyết ý xả thật (như đã thọ rối trong ý không muốn ăn. Sau không thọ mà lấy đặt xuống đất).

Nếu Sa-di, tịnh nhân vẫn có nị xúc (nghĩa là cầm bát của Tỳ-kheo đã ăn xong ở trên tay không rửa mà cầm đồ vật của tăng)

Đại tăng lại có bốn loại, không thành ác xúc

1. Vì thọ nhận mà cầm nắm (như trong đồ vật của người thế tục đã đựng đầy thức ăn đem dâng cúng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đưa tay nhận lấy nên không thành ác xúc. Cho nên thúc ăn trong bát cũng vậy).

2. Gặp duyên mất thọ (tịnh nhân xúc thật, đúng như pháp chớ tiếp xúc, Tỳ-kheo rửa tay rồi nhận từ tịnh nhân, tịnh nhân không cần rửa tay)

3. Người trì giới cầm nhầm.

4. Người phá giới cố xúc chạm cũng gọi là Tịnh thục, lại dùng ba câu phân biệt.

1. Xúc chạm mà không có ác ý.

Luật Thập Tụng chép: Quên không nhận trái cây mang đi. Nếu thấy tịnh nhân nên đặt bát xuống đất rửa tay, nhận lại.

2. Ác mà không xúc chạm. Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo phá giới cố xúc chạm gọi là Tịnh. Luật Tứ Phần nói các Tỳ-kheo chê ghét lẫn nhau cố ý xúc chạm thức ăn đã tịnh của người khác khiến cho thức ăn trở thành bất tịnh. Phật nói, không xúc chạm thì tịnh, xúc chạm thì bất tịnh, phạm Đột-cát-la.

3. Vừa xúc chạm, vừa xấu ác: Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo trì giới, Tỳ-kheo biếng nhác cố xúc chạm thức ăn gọi là bất tịnh. Luật Ngũ Phần nói, ở trên cây gọi là ác xúc. Nếu đến lúc ăn nói chung cả xanh và chín.

4. Cùng che rơi xuống. Luật Tứ Phần nói: thức ăn nào ở trên cây cũng từ gốc cây mà giải quyết. Nếu gốc cây ở chỗ đất dơ bẩn, cành lá che đất sạch sẽ, thì quả sẽ rơi xuống chỗ đất sạch sẽ, hoặc vì gió thổi, mưa đánh, chim thú ăn làm rơi xuống chứ không ai đụng đến làm cho nó rơi. Cho nên biết những quả này gặp duyên mà rụng. Tuy mặt trời đã lặn nhưng không thành trong đêm, nghĩa là quả đã đủ lớn. Nếu rau quả ở trên đất dơ bẩn chưa đủ lớn, vận trùng sinh thì chẳng phải là trong đêm. Tùy theo lứa mà hái nó đưa vào tịnh trù. Nếu rau quả đã rời khỏi bổn xứ. Nếu Tỳ-kheo biết mặt trời đã lặn thì không được ăn (ở đây nghĩa chỉ ước lượng chứ trong luật văn không rõ).

Luật Ngũ Phần chép: gốc cây ở nơi đất sạch sẽ hoặc dơ bẩn, Tỳ-kheo cũng ở chỗ đất sạch sẽ hoặc dơ bẩn, quả rụng vào trong ấy thì bảo tịnh nhân nhặt gom lại để qua đêm, nếu không biết chỗ dơ bẩn thì cho phép dùng; còn nếu biết chỗ dơ bẩn thì không được ăn.

Luật Tăng-kỳ nói cây ở chỗ đất sạch sẽ hay dơ bẩn, quả rơi xuống đất sạch sẽ thì lượm lúc nào cũng được.

Nếu cây ở chỗ đất sạch sẽ hay dơ bẩn, quả rụng xuống chỗ đất dơ bẩn thì phải sớm đem vào tịnh trù. Nếu dưa, bầu mọc ở chỗ đất dơ bẩn thì hái lấy mau mang vào tịnh thất.

Nếu có lúa thóc, đậu mè chở đến thì cũng y cứ theo trước; đồng thời nếu Tỳ-kheo không biết ở chỗ đất dơ bẩn thì những thứ ấy trở thành sạch sẽ. Nếu đã biết là mọc ở chỗ đất dơ bẩn (Luật Tứ Phần nói biết hay không biết đều rất giống luật này).

Thứ năm là năm mất mùa khai cho tám việc:

Luật Tứ Phần nói, vì lúa đậu quá hiếm hoi, người dân đói kém, việc khất thực gặp khó khăn. Tuy xin được chút ít thức ăn nhưng bị giặc lấy đi, vì vậy Phật thương xót nên khai cho trong giới cùng ăn chung, được nấu ban đêm, tự mình nấu, tự lấy ăn hai loại thức ăn của tăng tục, trái cây hoặc ở dưới nước hoặc ở trên đất liền đều không tác tịnh, còn những món ăn khác thì cứ làm đúng như pháp, nếu định tội thì phải khai tám tội: nấu ban đêm, tự nấu, ác xúc, không thọ nhận đủ, ba tội ba-dật-đề, bốn tội kiết-la. Thêm vào nghĩa làm hư hoại mạng sống, giống như quả trên đất liền hoặc dưới nước không tho nhận mà ăn, há phải tác tịnh hay sao?

Luật nói: Nếu thế nghèo khổ thì y cứ theo đó khai cho tám việc, Phật nói: không được đúng như pháp trị họ.

Luật Thập Tụng chép: nếu lúc mất mùa đói kém, thức ăn đã hết thì được mang những gì còn sót lại đi, nói cho thí chủ biết.

Đại môn thứ tư là tịnh sinh chủng pháp, trong đó có ba, nghĩa là chế ý, xứ nhân và Tịnh pháp.

1. Chế ý: Luật Tứ Phần đã luận sớ rõ ràng những người thế tục và ngoại đạo cho rằng tất cả cỏ cây đều có mạng căn, vì thế Phật không chế giới này. Nếu Tỳ-kheo làm thương tổn cỏ cây, bị người khác quở trách, khiến cho Tỳ-kheo kia đắc tội không khác với người tại gia, không sinh tâm cung kính. Cho nên Luật Thập Tụng nói chánh pháp mau diệt, lại phải phương tiện chế giới. Ngoài ra, giống như giới phá hoại mạng sống đã nói.

2. Nói về xứ nhân: nếu bảo tịnh nhân tác tịnh thì có bốn câu:

a. Người và trái cây đều ở chỗ đất sạch thì thành thanh tịnh, rất tốt.

b. Người và trái cây ở chỗ đất dơ bẩn, thành thanh tịnh thì không được ăn (vì bên trong đã chín quá còn bốn chúng khác thì được ăn).

Còn lại câu xuất xứ từ Luật Thập Tụng. Cho nên văn nói: quả ở chỗ đất dơ bẩn, hoặc sạch sẽ, lấy lửa, dao tác tịnh, thành tịnh được gọi là tịnh, được ăn.

c. Nói về pháp tịnh: Luật Tăng-kỳ nói, mỗi khi ăn bậc Thượng tọa nên hỏi:

Rau quả đã tác tịnh chưa? Không bị sâu phải không? Hỏi đáp đúng như pháp: Vị Duy-na cũng vậy.

Luật Tứ Phần nói có mười loại:

Năm loại đầu là: Hỏa tịnh, đao tịnh, thương tịnh, chim mổ nứt tịnh và bất trung chủng tịnh, trong năm loại này, dao, thương chim tịnh thì bỏ hạt mà ăn.

Năm loại kế: là lột da, gọt vỏ, đậu hủ, hoặc bể vỏ, hoặc mọng nước, khô ráo. Như vậy phải thanh tịnh căn chủng.

Lại nói: nước rửa tưới lên gốc rau quả thì gọi là tịnh căn chủng.

Luật Tăng-kỳ chép: củ cải rau răm thì vò để tác tịnh, loại rau có thân thì hái bỏ rau ria cho sạch, những loại quả có hạt như dưa, bên trong ruột đã sạch sẽ. Những loại quả thì dùng hỏa tịnh, quả chưa có hạt thì nên nhồi để tác tịnh. Nếu có hạt thì dùng lửa tác tịnh.

Luật Tứ Phần chép: Hỏa tịnh chung cho năm loại.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nước trôi sạch bụi bặm, đây hiện ra tướng

hoại.

Luật Tăng-kỳ chép: nhiều quả để trong một cái rổ thì nên lấy một quả ra tác tịnh thì các quả khác đều được tác tịnh. Nếu mỗi quả đựng riêng trong mỗi rổ thì tác tịnh từng quả.

Thân mía ngọt còn lá thì lấy thân để tác tịnh, còn không có lá thì bó lại tác tịnh (y theo đây, các loại quả không làm pháp tác tịnh).

Nếu là lúa tẻ (đây gọi là thượng đả bì lạc do cám trắng bên trong vỏ. Loại này có thể sống. Hoặc như Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo nấu cơm trước phải vo gạo cho sạch. Củ cải dùng hỏa tịnh, đao tịnh rồi thì thôi, nếu chưa dùng thì nó sống lại, nên phải tác tịnh nữa [page 123].

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo không nên tự tác tịnh, phải đặt thức ăn dưới đất bảo tịnh nhân làm, rồi rửa tay thọ nhân. (đây là đối với nơi có người, nếu không có người thì Tỳ-kheo tự làm). Luận đã nói rõ rằng: được tự làm thêm việc, số giải không nói được tự tác tịnh nhưng tự làm thì có lợi ích. Giống như gom một đống quả hạt. Nếu chưa có người tác tịnh mà vẫn ăn da, thịt, mỗi việc phạm một Đột-cát-la.

Nếu ăn hạt, mỗi hạt phạm một tội Ba-dật-đề, lấy lửa hơ qua một lần rồi thôi, phạm Đột-cát-la. Nếu làm cho một đống quả hạt đều trở thành tịnh khỏi phải nhiều tội, há không phải là lợi ích hay sao?

Luật Thập Tụng chép: sao phải tác tịnh? Cho đến dùng lửa hơ qua một lần? Nếu dùng lửa đốt thành tro và than v.v... thì không thành tác tịnh. Tỳ-kheo tự tác tịnh, còn những món khác Tỳ-kheo không nên ăn (nghĩa là đã được hơ qua lửa). Nếu dùng dao xẻ dưa, tác tịnh thì được ăn.

Luật Tứ Phần chép: hai loại rễ và thân dùng lửa tác tịnh.

Luật Tăng-kỳ ghi: Trái cây bị lửa đồng thiêu đốt thành tro, rải quanh đống lúa đậu sợ phi nhân trộm, cũng gọi là tác tịnh. Nếu quả và hạt đã dùng hỏa tịnh rồi thì cho phép ăn. Nếu quả sạch dùng lửa tác tịnh thì ăn lừa hạt ra(đây là phá tướng chứ không làm hư giống).

Nếu dùng lửa tác tịnh những quả vỏ không sạch thì đều được ăn. Cả vỏ lẫn hạt đều không sạch cái lừa ra cái nuốt vào đều không phạm. Nhưng pháp dùng lửa tác tịnh thì chung cho cả chủng tướng, còn những món khác thì tùy tướng. Luận sớ đã nói rõ phương pháp tác tịnh này không chỉ gói gọn trong một vật để tạo thành như một đống đào mận, mà chỉ dùng một quả trong đống quả đó hơ qua lửa một lần thì tất cả đều thành tịnh. Giống như dùng dao bổ dưa, một quả bên ngoài đã tác tịnh thì tất cả các quả khác đều gọi là tịnh. Thể của phương pháp tác tịnh này vốn đã lấy đây làm pháp, không làm cho thực vật chết đi,

nên gọi là Sa-môn tịnh. Y cứ vào gạo có vỏ như trên đã bỏ vỏ tác tịnh, những thức khác phải y theo đây.

Hỏi: làm sao phân biệt được chủng tướng?

Đáp: Tướng là trên tất cả rau quả có lông mầu trắng, nên y theo gốc xanh thẫm không thay đổi mầu sắc của nó, nó gắn liền với đất.

Luật dạy: nay chính là bảy loại mầu sắc của cây cỏ.

Nói là Chủng, nghĩa là (Trồng), có loại nhỗ từ chỗ này đem đến chỗ khác trồng. Luật nói: gốc có năm loại rộng như tùy tướng.

Thứ năm, là cách thọ khác nhau, thọ từ tay và miệng khác nhau hàng ngày thường dùng. Nếu không nói rõ, thì giáo tướng khó hiển bày.

Sơ lược nét chính lấy làm, tám môn.

1. Ý nghĩa chế ra nhị thọ.
2. Thọ chung cho bốn thứ thuốc.
3. Đối nhân khác nhau.
4. Gia pháp cũng khó.
5. Thuyết tịnh thông cục.
6. Hai thọ rộng hẹp.
7. Lại thêm tấn tới hay không.
8. Nói về tướng tội.

1/ Môn đầu tiên dùng tay thọ nhận.

Như trong luận Tát-bà-đa chép:

1. Dứt nhân duyên trộm cắp
2. Vì làm chứng minh
3. Vì dứt phỉ báng.
4. Vì để ít muốn, biết đủ.
5. Vì làm cho người khác sinh tâm cung kính khiến cho ngoại đạo được lợi ích, nay đủ như trong tùy tướng.

Luật Ngũ Phần chép: do chưa chế giới nên mỗi người đều phạm một sai lầm, bị người tại gia quở, chúng ta không vui khi thấy những người ác này, đắp y cắt rọc, hoại sắc mà không nhận thức ăn để ăn, nói là không cầm lấy.

Kế là khẩu thọ, ý là phòng hộ thọ nhân bằng tay. Nếu không có khẩu pháp thì quá ngọ liền mất. Vì có khẩu pháp cho đến rời xuống hai bên, vì ngăn ngừa phạm nhiều lỗi, dùng tay để thọ nhận chỉ ngăn ngừa hai lỗi nên dưới đây sẽ giải thích rõ điều này.

2/ Thọ có chung cho bốn thứ thuốc không?

Dùng tay thọ nhân chung cho cả bốn thứ thuốc. Vì ngăn ngừa

tướng trộm. Dùng khẩu thọ có cục ba: Trừ thời dược, cũng có khẩu thọ không chung với thủ kho. Chỉ có cục giữa và trước. Còn ba loại thuốc khác dùng tay thọ nhận cũng như vậy, nếu thêm khẩu pháp chung với thuốc đúng thời và thuốc phi thời.

Lật Thập Tụng chép: Thời phần là tên khác của thuốc phi thời, thuốc bảy ngày, thuốc suốt đời, là ba loại thuốc phải có khi bệnh. Luật không nêu lên ban đêm ác tróc. Hai thứ thọ nhận: bằng tay và bằng miệng đều được dùng, hai chỗ trao cho người:

Dùng tay thọ nhận chia làm năm nghĩa, trừ đồng loại ngoài ra sáu chúng, ba đường đều thành.

Luận Tát-bà-đa chép: hễ thọ nhận thức ăn là làm chứng minh. Nếu ở chỗ có người mà toàn là phi nhân, súc sinh và trẻ con không hiểu biết thì đều không thành thọ nhận. Nếu ở chỗ không người chỉ có thiên thần, súc sinh thì thành thọ nhận. Nay đủ như trong giới tùy tướng Bất thọ thực.

Luật Thiện Kiến chép: có ba thứ chỉ thực: Tay, miệng, mắt; còn pháp bốn thọ có khác nhau. Nói về pháp thọ thì tâm cảnh phải tương đương. như trong luật nói: nhận lầm bơ dầu đều không thành thọ, v.v... phải ngửa tay nhận lấy (Luật Ngũ Phần đã nói: từ bên tịnh nhân khác, sao cho tan ra để lấy là phi pháp. Tình tương lãnh đương (nghĩa là hai bên Tăng tục đồng một duyên sự). Trừ mắt mờ và bất hỷ Sa-môn, có duyên gấp, sợ hãi thì để dưới đất mà thọ. Đã biết tình sự nhiều ngang trái mà vẫn sẵn lòng nhận cả. Trong Luật Tứ Phần: pháp thời dược thọ đã tính đối pháp cũng nhiều. Đủ như trong giới bất thọ thực và đối thí hưng yếm đã nói rộng. Đây vẫn nói về pháp gia khẩu còn ba thứ dược thì nói riêng.

Đầu tiên nói về thuốc phi thời, có bốn loại:

1. Thuốc thọ nhận.
2. Người năng thọ
3. Người thọ nhận
4. Pháp chánh thọ

Đầu tiên nói về thể của thuốc, không có tám tai hoạn thì được pháp gia khẩu:

1* Nội túc. 2. Nội chử. 3. Tự nấu. 4. Ác xúc. 5. Tàn túc. 6. Không hề nhận bằng tay. 7. Thọ rồi ngưng trong giây lát. (Luật Tăng-kỳ nói: thọ phi thời thì nhận nhưng bảo họ để dưới đất) 8. Tay thọ rồi biến động vì những vị ngọt chua mất bổn vị).

2. * Người năng trao, có bốn pháp.

1. Mầu nước lượt trong khỏi ăn phi thời.

2. Nấu sôi sau để cho nguội dần, sinh khát không cần.

3. Nhỏ nước lên để tác tịnh làm mất mùi vị.

4. Tịnh nhân có long cúng dường, thì ngửa tay cầm

3* Người thọ nhận: Tỳ-kheo làm ba pháp.

1. Trước và trên hết phải tự mình giải thích, phân biệt loại nước trái cây ép cho tịnh nhân hiểu.

2. Ngửa tay thọ nhận không phải là tướng ăn trộm.

3. Ghi chép, hiểu biết, nói năng, đây gọi là hàm thời thực, nếu nước đơn thanh thì không cần).

4* Chánh thức pháp gia khẩu các bộ đều bảo là thêm, không rút ra văn nghĩa trong luật đã thành lập), nên đến chỗ Tỳ-kheo đầy đủ lễ nghi bạch rằng:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... nay vì nhân duyên bệnh khát. Đây là nước gừng, vì muốn để nửa đêm uống, cho nên nay xin thọ với Đại đức (nói ba lần; nếu nhận ngay thì uống không được đổ, không cần như pháp) nếu quả nho, lê, mật, tương, tùy theo bệnh mà nêu tên loại tương gì để uống nhưng phải đổi thành chữ thuốc.

Thuốc bảy ngày có bốn pháp cũng giống như trên.

1. Nói về thể của thuốc: nếu không có tám thứ hoạ hoạn thì chỉ đổi thành thứ tám. Chẳng phải là thuốc bảy ngày của Tỳ-kheo khác. Có người đã phạm còn làm hỏng thức ăn (thuốc). Còn những thuốc bảy ngày khác cũng giống như trên.

2. Tịnh nhân năng trao có bốn pháp.

a. Tịnh sát dữ thời thực biệt (nghĩa là mỡ đã bỏ thịt, dầu đã loại bỏ cặn).

b. Nấu bằng lửa.

c. Nhỏ nước để làm tịnh.

d. Thí tâm trao cho tâm lĩnh thọ lẫn nhau.

3. Tỳ-kheo sở thọ có hai:

1/ Tự mình không có năm lỗi:

a. Tương tục xúc. (giữ liên tục): nếu giữ tới bảy ngày thì không thành ngày thọ thuốc. Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo có ngày thứ bảy thọ thạch mật, tức là ngày được dùng thạch mật trở lại, cho nên gọi là tương ô.

Hỏi: việc này chưa thành lỗi sao gọi là nhiễm nhau?

Đáp: do bảy ngày trước đã uống và đã hết bệnh rồi, bây giờ lại uống nữa thì không có lợi ích, tác pháp không thành. Nếu có được thuốc

khác thì cho giữ thêm bảy ngày nữa.

b. Tương tục xúc: Đã từng cất thuốc đến tám ngày, phạm tội chứa dư, tức là ngày cầm thuốc trên tay tác pháp bị nhiễm, lại không chịu uống.

c. Từng uống thuốc để đến ngày thứ bảy của người khác). Tức là ngày tự mình tác pháp không thành, vì chung với vị của thuốc. Luật Tăng-kỳ nói như vậy.

d. Tương tục thọ: Luật Tăng-kỳ chép: trong bảy ngày, ngày nào Tỳ-kheo cũng thọ nhận thuốc không được thọ nhận lại, phải thọ nhận hàng ngày, không được thọ nhận lại, phải thọ nhận hàng ngày, không được gián cách mà nhận. Nghĩa là thamnhiều quá thọ lại không uống để trị bệnh (Luật Tứ Phần không có văn, y cứ theo đây mà dùng, cũng tốt).

e. Tương tục phạm:

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo vẫn thường uống thuốc bảy ngày, đến ngày thứ tám thì cũng có thể uống, hết ngày thứ tám thì không được uống nữa, cứ nhận những thứ thuốc khác. Trên đã nói rõ pháp tương tục đối với thuốc mật. Nếu được dầu cũng là gia pháp.

Luật Tăng-kỳ chép: bơ sống, bơ chín, đề hồ lần lượt đổi khẩu vị trong bảy ngày được thọ nhận.

Tự tác, có bốn pháp:

a. Ngửa tay nhận

b. Phân biệt nói ý tưởng làm dầu bảy ngày. Nếu bổn tâm làm đốt đèn, đồ xúc để thọ nhận thì không thành như trong Luật Tăng-kỳ có nói.

c. Nhớ biết nói: trong đây những vật đã tác tịnh mà còn sống, tôi nên thọ nhận (nếu thời gian đã quá xa thì ăn mà không cần phải nói lời này).

d. Triển chyển thọ bơ sống làm bơ chín [page 124] nên bảo tịnh nhân nấu nướng đã có tịnh nhân nhận làm. Tuy trước đã nhận rồi đặt vào một nơi đừng bảo tịnh nhân đụng vào.

4. Chánh gia khẩu pháp

Nên cầm thuốc, nói:

Đại đức một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... nay vì nhân duyên bị bệnh gió. Đây là thuốc bảy ngày dầu ô ma, vì muốn để qua bảy đêm để uống. Cho nên nay thọ nhận với Đại đức. (nói ba lần rồi đặt xuống chỗ đất sạch, người cần thì tự cầm lấy).

Ngoài ra tùy theo việc đối trị nên y theo loại trước.

Thuốc suốt đời, có bốn loại.

a. Thuốc không có tám họa hoạn, như đã nói trong phần nước trái cây ép.

b. Trao cho người làm (thường đưa cho người làm) có ba pháp:

b1. Hỏa tịnh rồi, không còn lỗi sinh.

b2. Khác với thuốc còn dư (nghĩa là hợp thời, thức ăn bằng với thuốc).

b3. Thi tâm trao cho tình tương lĩnh đương. Tỳ-kheo thọ nhận được làm ba pháp.

a. Ngửa tay thọ nhận tâm cảnh đồng với tịnh nhân.

b. Nhớ biết như pháp trên: nếu một mình thì không cần

c. Phân thể phần: Gọi tử uyển hoàn là thể của thuốc. Nhưng có thận di là phần thuốc. Hai pháp nhận riêng, gọi chung là đến để nhận (đến hợp thọ).

Bốn pháp gia khẩu nói:

Đại đức một lóng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... vì nhân duyên khí bệnh, đây là (vỏ gừng, tiêu, quýt và tử uyển hoàn), là thuốc suốt đời, vì muốn để uống suốt đêm, nên nay thọ nhận với Đại đức (ba lần).

Nếu trong hoàn tán, y theo căn bệnh của mình mà uống, năm ba mầu sắc khác nhau, mỗi loại y cứ vào địa phương mà nêu tên nhập pháp.

Như trước đã phân biệt. Nếu mua thuốc chưa đủ thì cứ tiện tay bốc một nắm tức là pháp gia khẩu. Nhưng thể thì suốt đời. Y cứ theo bổn danh gia pháp, nếu là thuốc đúng thời, thuốc bảy ngày (như đại táo, rau, mì, đậu, tương, dương cật, hỗ nhãn đầu bạch, các loại mật, bơ, dầu). Gặp duyên không được thọ dùng chung với thuốc suốt đời, chỉ được dùng trong nhất thời. Phải nói thêm: nay vì nhân duyên khí bệnh, đây là dương cật, thuốc suốt đời tử uyển dược phần vì muốn để qua nhiều đêm, những từ ngữ khác cũng giống như trên (còn những thứ khác y cứ theo đây để thí dụ).

Nếu đến chợ mua thuốc thì bảo tịnh nhân trả giá, Tỳ-kheo y cứ theo danh mục tự chọn lấy nhiều hay ít. Nếu một chỗ có thuốc thì bảo cân rồi thứ lớp nhận lấy, không được đặt xuống đất. Tức là tìm Tỳ-kheo thêm vào. Không được quá hạn, nay vâng theo pháp ít có một, hai. Phần nhiều mặc theo tâm ngu si chèn ép Phật pháp. Hễ được thì liền nhai không kể là dơ hay sạch, nói chuyện lớn tiếng, bàn luận vô ích. Chuyện đời thì tỏ ra minh biết nhiều, nhưng nếu nhiếp tâm thuận giáo thì một việc cũng không thấu suốt. Đâu biết là tương lai sẽ đọa vào đường ác

nên vẫn cứ thích thú sự tha, si ở hiện tại. Người có hiểu biết thì tự soi sâu vào tận tâm ý mình (tự hiểu lấy mình).

5. Thuyết tịnh:

Thuốc bảy ngày làm khẩu pháp rồi thiên tâm thuộc về mình, phải thuyết tịnh để chứa.

1. Thể của thuốc quý trọng, tâm tham chứa nhiều.

2. Nghĩa thời gian lâu dài không có biến động.

3. Khí vị khác thường, năng lực giúp thân mạnh mẽ. Quy chế, thuyết tịnh phải bỏ sự bao bọc bên ngoài.

4. Dùng tay thọ nhận thuốc bảy ngày thì rất hiếm nên cũng không cần nói: ngoài ra ba loại thuốc khác ngược lại với cái trước không đầy đủ cho nên không phải tịnh.

5. Pháp tịnh rất giống pháp y, chỉ có thuốc lâu dài là khác.

6. Hai thọ thông bít.

Tay nhận thọ ngăn ngừa tội trộm. Một người đã thọ nhận thông qua người khác, khẩu thọ cũng vậy. Nếu xét thấy đúng bệnh, ghi tên thật cũng không thông. Chẳng có gì khônng dùng khẩu pháp ấy, thêm vào pháp dược khác là nhị thông (được vị thông, chủ thọ thông). Cho nên xả bỏ, người trước thọ pháp thì không mất. Vì sao biết được? Vì Luật Tứ Phần nói: Thuốc để đến ngày thứ bảy cho các Tỳ-kheo uống. Ngoài ra ý nghĩa giống như sớ sao đã nói. Đến ngày thứ bảy có thêm nữa hay không?

7. Nếu đã nói dụng tay sờ vào, thọ nhận mà mất cái mình vốn được thọ thì phải thọ lại. Tuy nhận lại không có lỗi nhưng trong khẩu pháp, luận Tát-bà-đa chép: Đã năm ngày rồi vẫn còn xúc chạm thì thêm cho pháp bảy ngày. Chẳng dùng pháp hai ngày, không theo thế thuốc mà phải theo đúng pháp bàn luận. Nếu đã qua sáu ngày rồi thì bỏ không được thêm nữa, vì thuốc nước đã vào tịnh.

Luật Tăng-kỳ chép: thế thuốc nối tiếp nhau, bảy ngày có thể biết. Như trên, tịnh nhân sờ nhầm vào dầu bảy ngày thành mất.

Thành Luận chép: như cách uống đủ bảy ngày mới yên tâm là bệnh được hết.

8. Nói về các tướng: Luận Tát-bà-đa nói: nếu Tỳ-kheo có bệnh cần thuốc bảy ngày nhưng nếu không nhờ tịnh nhân thì khó kiếm được nên phải thọ nhận từ tay tịnh nhân, từ miệng Tỳ-kheo thọ nhận. Đã gom về một chỗ thì trong bảy ngày phải lấy dùng. Nếu làm khẩu pháp rồi, từ một ngày đến năm ngày.

Tịnh nhân đến đụng vào, hoặc vì cho, không nhận thuốc để lẫn

lộn. Nên thêm hai cách thọ thủ tho, khẩu thọ thì được uống bảy ngày.

Nếu đến ngày thứ sáu đã đã đến tịnh nhân, bảo sờ vào những thứ thuốc lẫn lộn khác thì đều không thành thêm.

Nếu thuốc nhiều không biết người nào là chủ của nó thì nên thọ nhận bằng hai cách: tay thọ, miệng thọ, sau đó mới uống.

Nếu bệnh nặng không thể dùng miệng nhận thì được uống ngay.

Nếu như Tỳ-kheo nuôi bệnh dùng hai cách: Tay nhận, miệng nhận thì cũng thành pháp thọ, phải gọi tên Tỳ-kheo bệnh và thọ nhận.

Hỏi: hai cách nhận: tay nhận và miệng nhận này để ngăn chặn điều gì?

Đáp: Luật Tứ Phần nói: thuốc thì bàn luận riêng. Như thuốc đúng thời, tay nhận thọ phòng hai tội, nhận sự xúc chạm thô thiển. Khẩu thọ cũng giống như vậy.

Phi thời tương, dùng cách tay nhận để ngăn hai tội.

Một là ngăn tội đến mà không thọ nhận.

Hai là ngăn ngừa không thọ nhận mà cầm nắm thô thiển (các xúc).

Miệng nhận ngăn ngừa hai tội. Một là người lỗi quá ngọ mất thọ, hai là người lỗi quá thời mất thọ, ác tróc.

Thuốc bảy ngày tay nhận ngăn ngừa hai tội, giống như trong pháp thọ thuốc mới, miệng nhận ngăn ngừa ba tội. Một là ngừa quá thời mất thọ. Hai là ngừa lỗi quá ngọ ác xúc. Ba là đêm tàn. Xưa nói ngăn ngừa nội túc. (đây không có văn trong luật, lấy suốt đời làm chứng, lệ theo mà biết, không khai).

Thuốc thọ suốt đời, dùng cách tay nhận giống như trên.

Miệng nhận ngừa sáu tội.

Một là quá thời mất thọ, không thọ, hai là ác xúc, ba là đêm tàn, bốn là nội túc, năm là có người nấu trong đêm. Sáu là tự nấu (vì biến sống thành chín). Rõ ràng là nhân sinh tội (vì chưa thọ nhận nên không có các lỗi lầm, nay đã đưa ra hai cách thọ nhận thì lỗi lầm sinh)

Thuốc đúng thời dùng cách tay nhận, nếu quá ngọ phạm hai tội.

Mất nhận ác xúc: Trải qua đêm sinh ra đêm, hai tội tàn túc và tác xúc.

Nếu phi thời, dùng cách tay nhận, phạm hai tội cũng giống như trong thuốc đúng thời.

Dùng cách miệng nhận, phạm ba tội. Minh tướng xuất hiện có thuốc phi thời, đêm tàn ác xúc. Thuốc bảy ngày dùng cách tay nhận, phạm hai tội, giống như trên. Dùng cách miệng nhận, phạm năm tội.

8/ Mặt trời mọc thì nói: Đêm tàn, phi thời phạm xả doạ. Ác xúc phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Bất xả dược phạm Đột-cát-la.

Hỏi: vì sao bất sinh bất thọ?

Đáp: thuốc vốn là bất thọ, giống như thêm khẩu pháp mất không thọ, đến sáng ngày thứ tám thức dậy, nếu có vẫn mặc tình mất thọ, không gọi là năng sinh bất thọ, không giống như đêm tàn, vốn chẳng phải đêm tàn vì có cách miệng nhận, tám ngày có phạm lỗi đêm tàn, thuốc phi thời cũng vậy.

Thể của thuốc chưa có pháp, không có thời và phi thời. Thọ suốt đời là phương cách tay nhận giống như trước, phương cách miệng nhận cũng phạm sáu tội.

Không bệnh mà uống phạm Đột-cát-la. Ngoài ra nói nay đù như trong ba giới tùy tướng, phi thời, bất thọ tàn đêm.

Hỏi: Trong bốn thứ thuốc, vì sao tội bảy ngày nặng hơn ba tội khác?

Đáp: Thuốc đúng thời hễ nuốt xuống khỏi cổ thì phạm bảy tội, phi thời, tàn đêm bất thọ, phạm Ba-dật-đề. Nội túc, nội chử, ác xúc phạm Đột-cát-la. Đây gọi là qua đêm rồi không qua trao cũng không thể không chịu tội, những tội khác thể theo đây mà có hay không.

****

THIÊN 19: BÌNH BÁT CHẾ THÍNH

(phòng xá của tăng chúng có đủ năm việc.
Phụ: Điều độ dương sinh vật)

Chúng dương sinh đã nhóm họp đầy đủ, đông đúc. Tùy theo sự khai báo mà cho phép tự tạo lập. Tuy dược dyên rộng nhưng vẫn chưa theo pháp chế. Nếu trái thì mới chế, phạm thì không tha. Vì đã khó phân biệt tướng mạo và thể chất nên chia ra điều cách. Đại ý khai riêng như sau:

Trong khi trước nói về Bình Bát là chế giáo vì đầu tiên nói về nó, ngoài ra có chúng dương sinh đầy đủ, cho phép thâu nhận như sau, trong đây chia ra làm bảy. 1. Chế ý. 2. Thể như. 3. sắc. 4. Lượng. 5. Pháp thọ. 6. Mất thọ tướng. 7. Thọ dụng hành hộ pháp.

1. Chế ý: Luật Tăng-kỳ chép: Bát là đồ vật của người xuất gia, không thích nghi với người thế tục.

Luật Thập Tụng chép: Bát là cờ nêu của Hằng sa Chư Phật, không được dùng vào việc xấu.

Luật Thiện Kiến chép: Bậc thánh Ba thừa đều cầm bình bát bằng đất, ăn xong giữ gìn làmcủa tùy thân cả đời. Vì không có nhân, lấy bốn biển là nhà, cho nên gọi là Tỳ-kheo. Kinh Trung A-hàm chép: Bình bát còn gọi là ứng khí.

2. Thể như: Luật nói: Đại ý có hai: đất sét và sắt.

Luật Ngũ Phần chép: có sử dụng bình bát bằng đồng thau. Phật nói: đây là pháp của ngoại đạo. Nếu cất giữ, phạm tội. Phật tự làm bình bát bằng đất để làm cách thức cho đời sau.

Luật Thập Tụng chép: Cất giữ bình bát bằng gỗ phạm thâu-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ nói: là cờ nêu của ngoại đạo, cho nên thọ nhận dơ bẩn. Nay ở đời có bát mạch trữ, bát gạch, bát tất, bát từ v.v... đều là phi pháp. Nghĩa là phải bỏ đi.

3. Mầu sắc đúng sai:

Luật Tứ Phần chép: nên nung thành mầu đen hay mầu đỏ.

Luật Tăng-kỳ chép: nung bát thành mầu giống mầu (cổ) chim công, hay chim bồ câu là đúng pháp. Nếu theo văn trong luật thì phải nung để bảo quản. Văn trong luật đã nói đủ về cách nung. Có người trước nung bát sắt, bát đất cho bong ra nhưng bát côn thì không bền vì mầu sắc nhợt nhạt, rơi xuống bị dơ bẩn. có người dùng dầu gai trét lên, tất cả đều phi pháp. Chính tôi hỏi ngài Tam Tạng dịch kinh rằng.

Trung quốc không dùng bát trét dầu, nếu đi qua lãnh thổ này, dùng qua một lần thì đập bể, không cho dùng lại. Trong Ngũ Bách Vấn nói: Không cho nhận giữ, theo đây thì bồn tắm bằng đất nghĩa giống như bát trét dầu.

Luật Thiện Kiến chép: Bát đất qua năm lần nung mới dùng. Bát đất qua hai lần nung rồi sử dụng thọ trì. Các bộ luật có nói cách nung, xứ này dùng để nung, qua hai lần đưa vào khuôn vẫn chưa đổi mầu. Nhưng cách thức xử dụng thì không giống.

4. Lượng: chẳng phải Tứ Phần, Bát lớn đựng được ba đấu, bát nhỏ chứa nửa đấu. Loại trung thì có thể đoán biết. Đấu thăng này không xác định. Luật này dịch vào đời Diêu Tần. Nước kia dùng đấu của Cơ Chu (đấu này dùng chung cả nước, nhất định không đổi cách can đong. Người đời tính có tám loại, giải thích là: Khuê, Sao, Chước, Cáp, Thăng, Đấu gọi là nhân tâm pháp). Y theo đấu đời Đường, Bát bậc thượng chứa được một đấu; bát bậc hạ đựng được năm thăng. Luật Thập Tụng nói, lượng của đấu giống với Tứ Phần.

Lại nữa, luật kia nói: Bát bậc hạ thọ nhận một đấu, bát khác nhận được nửa đấu cơm, bát khác nữa nhận được bốn thăng). Luận Tát-bà-đa nói chung lượng của bình bát các Luận sư nói rất nhiều thuyết khác nhau. Nhưng lấy một nghĩa làm chính. Nghĩa là một bình bát, người khác thọ nhận mười lăm lượng cơm. Đời Tần cân là ba mươi lượng cơm v.v... đây là nồi cơm gao thơm ít nhựa ở Thiên-trúc. Bấy giờ, mọi người đều bàn tính với nhau. Bát của bậc Thượng tọa nhận được ba đấu, bát của người khác nhận được một đấu cơm, bát của người khác nhận được một đấu canh, ngoài ra những món khác có thể là một đấu, hoặc hai đấu đời Tần. Bình bát thọ nhận canh của người khác, thức ăn có thể là nửa đấu lại bằng một đấu đời Tần.

Bát của bậc Thượng toạ chứa được ba đấu. Luật sư nói: không có vật khác để đựng thức ăn. Nói thẳng là bát của thượng tọa chứa được ba đấu. Bát của người khác được một đấu cơm, bát của người khác nữa đựng canh. Nếu lại trên hư không thì thức ăn không mắc vào trong. Hai loại bát trung và hạ thì có thể cứ vào đó mà đoán biết.

Gặp một cái bát tốt ở ngoài chợ quán, tròn trịa rất dễ thương. Luật sư bảo tăng chúng xuất gia trong giáo đoàn của Phật ban đầu không có bát. Phật ban sắc lệnh xuống Đế-thích, Đế-thích bảo những người thợ khéo ở cõi trời làm mười vạn cái bát. Bát ở chợ dưới thế gian chính là bình bát ở cõi trời kia chứ không phải do con người làm ra.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói: không đầy một đấu rưỡi quá ba đấu thì không

thành thọ trì. Như vậy các bộ định lượng tuy không phải là một ngón tay nhưng phần nhiều lầy ba đấu, một đấu rưỡi làm giới hạn. Tên vật này là ứng khí, phải y theo giáo mà lập. Luật nói: lượng bụng mà ăn, đo thân mặc áo, chân bước rồi thôi. Nói chung với thêm bớt phải y theo chánh giáo. Người ôm bình bát nhỏ thì nhiều. Bình bát lớn rất hiếm người ôm. Há chẳng phải là hạn cuộc tham đắm tính số người nhận được nhiều lợi ích hay sao? Đã goi là phi pháp thì không được thuyết tịnh thọ trì.

5. Pháp gia thọ: (Luật Tứ Phần không có văn, nhưng nói nên thọ trì. Nay dùng văn trong bộ khác.)

Luật Thập Tụng chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... Bát-đa-la đúng lượng này, nay thọ thường dùng (nói ba lần).

Luật Thiện kiến chép: nếu trong mười ngày xả để nhận bát mới thì đến ngày thứ mười một phải đổi. (xem ý văn này giống như pháp độc trụ Tỳ-kheo).

6. Nói về các tướng mất pháp:

Luật Thiện Kiến chép: Tuy trước thọ trì nhưng vì bị lung như hạt lúa, hạt gạo nên mất thọ trì. Nếu bát méo mó, bể cũng không thành thọ.

Luật Thiện Kiến chép: nếu mua cái bát khác nhưng chưa về thì không thành thọ, tuy chủ bát có nói nhưng thọ trì cũng không thành. Nếu quá mười ngày thì không phạm hưa dư. Nếu mua bát định giá rồi, bát của chủ đã nung rồi thì báo cho Tỳ-kheo biết. nếu không đến để nhận, quá mười ngày phạm, phải xả. Luật Tứ Phần chép: nếu bình bát bị rạn nứt, thúc ăn lọt vào nhưng rửa không khều ra hết, vì không rỉ ra nên không mất thọ.

Hỏi: Vẫn cất giữ một bình bát, không thêm phương pháp thọ trì, quá thời hạn, phạm có nên xả không?

Đáp: không phạm, vì chế cho cất giữ, sự việc giống như ba y. nhưng phạm tội vì không thọ trì bình bát. Nếu có nuôi dưỡng thì y cứ theo y mà thuyết tịnh.

7. Nói về cách thọ nhân, sử dụng va giữ gìn. Ngũ Bách Vấn chép: nếu một ngày không dùng bình bát để ăn, phạm xả đọa, người bệnh nặng khai cho không dùng. Nếu ra ngoài giới qua đêm thì không mất.

Luật Ngũ Phần chép: nếu các Tỳ-kheo húp cháo trong bình bát nhưng khổ vì nóng không thể bưng thì cho phép làm vật đựng cháo riêng để húp.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: không được dùng đậu thô rửa làm phai mầu. Phải giã cho thật nhỏ, ray rồi dùng nó. Cho đến bệnh cũng không

được dùng tạp hương tháo đậu để tắm. Đến lúc khất thực nên làm túi lưới đựng bình bát, bát nay thì chính tay mình ôm lấy. Vì cho tịnh nhân ôm bát đi khất thực, ngoại đạo bỏ thuốc vào bình bát, Tỳ-kheo ăn chết nên ngăn ngừa.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu rửa bát mà không có chỗ ngồi thì khom lưng ngồi xổm cách mặt đất khoảng một khuỷu tay. Không được dùng tro rửa, khiến cho phai mầu. Nên lấy nước lá cây rửa, không được dùng Sa-cự kỳ cọ (nghĩa là cứt trâu), không được đến chỗ bờ cao nguy hiểm.

Trước nên rửa bát của thầy, sau rửa bát mình. không được rửa bát của mình vào nước cặn rồi tẻ vào trong bát thầy. Cho đến rửa rồi nên ngồi xổm, đeo cái túi đựng bình bát lên vai, sửa nó cho ngay ngắn.

Về nhuộm y: trước phải nhuộm y của thầy. Đừng ngâm chung y mình với y thầy. Nếu bát bị ràng vì bể thì ăn rồi nên mở ra, rửa sạch phơi khô cho khô ráo rồi dùng day ràng lại đem để ở chỗ bằng phẳng trên mặt đất. Thậm chí không có vật gì lấy nước rửa thì nên để yên đo.

Luật Thập Tụng chép: Bình bát là cờ nêu của Chư Phật, không được dùng bừa bãi. Bát mới nung nên phết bơ lên, nhất tâm rửa ba lần, gọi là tịnh, không được giữa trưa nướng thức ăn khiến cho người chảy nước miếng, phạm Đột-cát-la.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: không được rửa tay trong bình bát. ở tất cả mọi nơi không được dùng bát, trừ bệnh. Phải kính trong bát như tròng mắt.

Luật Ngũ Phần chép: giữ bình bát như giữ tròng mắt. Nếu rửa bát bằng sắt thì cho phép cách mặt đất năm, saú thước. Rửa bát đất thì cho phép cách mặt đất năm sau tấc, nên để ở chỗ tốt. Không lau mà phơi ở giữa trưa nắng. Nếu để trên đất đủ một đêm rồi lấy ăn, dùng nước nóng rửa rồi đựng thuốc, phạm tội.

Luật Tứ Phần chép: nên giữ gìn bát này. Không được để ở chỗ đất đá rơi, hoặc tựa vào dưới dao, gậy, hoặc treo dưới đồ vật, hoặc để ở giữa đường, hoặc ở trên đá, hoặc ở dưới cây đang có quả, hoặc ở chỗ đất không bằng phẳng, hoặc ở trong kẹt, cửa hoặc ở dưới cánh cửa, hay dưới giường dây, giường gỗ (trừ để tạm) hoặc ở giữa giường, gốc giường, trừ để tạm, hoặc đựng nước nóng, v.v... đều không được. Không được một tay cầm hai cái bát, trừ có cách ngón tay giữa, hoặc một tay cầm hai cái bát mở cửa, trừ dụng tâm, cho đến chân làm cho bát bể, v.v...

Luật Tăng-kỳ chép: có tâm ác làm bể bát, rách ba y, phá tháp, tượng [page 125], giải giới, phá phòng Tăng đều phạm thâu-lan-giá. (người có tâm tốt mà lỡ làm hư trong văn đều khai).

Luật Tứ Phần chép: không được làm đồ vật chẳng phải bình bát để dùng. Tất cả những đồ vật dài không được để trong bát, hoặc vẽ vào trong bát, họa tượng, chữ Vạn và tên mình, tất cả đều không được. Bát bể không được sơn phết lên rồi ràng buộc bốn phía lại, hoặc nên sơn phết một nử trên miệng bình bát. Hoặc nếu có nhiều đốm nhỏ thì nên sơn lên đó một lóp (dùng bạch lạp, chì, thiếc). Không được để dưới đất, vì nung hư, nên dùng bùn, nước rảy nước đặt lên, hoặc lá, hoặc cỏ, hoặc bát chi. Người cố làm hư lấy bạch lạp trét ở đáy thì không được rửa, trộn với cát và cứt trâu. Lấy một cái chậu đựng nước, tẩm cứt trâu để cát lắng xuống dùng để rửa. Vì bên ngoài dùng lá, dùng hoa như nước trái cây để rửa cho sạch chất dơ, nếu cầm trên tay mà thấy khó cầm thì làm một cái túi may miệng đeo lên vai. Từ trong bình bát xuống tới ngoài miệng bình bát. Không được làm cái hòm đựng bình bát, e rằng ngăn ngại nhau. Nên lấy y và lá cây ngăn cách nó, đặt bình bát trên một cái cọc.

Ngũ Bách Vấn chép: không được úp bình bát trên tường, phải để khăn vào trong, treo lên trên tường, v.v...

Luật Thiện Kiến chép: bình bát đất nên lấy dây mầu xanh buộc lại và mang vào cánh tay trái. Trong Thính giáo có nói: chúng cụ, cho nên nêu ra. Luật Tứ Phần khai 16 trượng khí là: Chỗ lớn, chỗ có nắp đậy, bồn nhỏ, bồn lớn, gáo, chỗ nhỏ, chỗ có nắp đậy, bình nước rửa, bình có nắp tay, bồn, muỗng tăng cũng được giữ: nếu bình bát không ngay thẳng thì làm lại bằng cành cây. Nếu bát bị bụi bặm dính thì làm một cái lồng trùm lại. Nếu bát mới nhuộm bằng cứt thảo ngưu v.v... Ở chỗ không có người thì được cầm, thấy người tại gia thì đặt xuống đất. Nếu ở trong chúa, được tự dời đất đá, cây gỗ, v.v... giã thuốc phải có chày, cối, cái ky, chổi bằng trúc để quét cho sạch. Tất cả đều khai cho vì trị mắt. Được cất giữ lược dầy bằng lưu ly hoặc ống quán ty, ống yên (khói), ống thổi lửa, hoặc kiềm, hoặc lửa thì lấy bình nước nóng chế vào ống. Đồng thời người rửa chân tay thì cung cấp cho họ cái chậu rửa hoặc đồ vật dùng để rửa chân, những vật cần dùng nên cung cấp cho họ. Nếu có được bao nhiêu đậu, lúa mạch, hồ gai, gạo thơm thì nên lấy bình bát làm lượng. Không được cất giữ cái thăng, đấu, can, nếu cần cân lường bơ, dầu thì cho phép khắc gỗ làm bát để can lường, lượng bốn, năm bát bằng nhau. Y cứ theo đây xác định số cân. Luật Ngũ Phần ban đầu giống Luật Tứ Phần, về sau cho những vật khác tuy nhiều nhưng vẫn còn một chút tức giận. Cho nên Phật bảo Tăng cất giữ riêng. Đấu giải thích là thăng, hợp và cân.

Luật Tứ Phần chép: cúng dường Hòa-thượng thì cho phép dùng bàn đồng, giống như bàn, ghế. Tất cả các thứ thức ăn đều đem ra đặt trên bàn để chia cho mọi người cùng một lúc. Nếu trái cây nhiều thì nên ép lấy nước uống, khai cho cất giữ phải cần tới đèn; Thấp đèn bằng sắt thì cái chụp đèn bằng sắt, bật ngọn đèn chuyển luân, củi lửa trong bếp lò, cái chụp đèn, chổi qúet quạt đều có người khác chịu trách nhiệm.

Nếu vì gìn giữ y, trong chùa cho phép lấy vỏ cây như lá trúc làm đồ vật che giữ. Cung cấp đồ che, toạ cụ, tất cả đều được cất giữ. Vì vá giày da nên cho phép cất giữ cái đồ dùng, trừ cách ngón tay ở giữa để dùi lỗ. Nếu có được da đã thuộc để làm giày thì cần dao để rọc, tấm gỗ nhẵn, hoặc đá mài, đều khai cho dùng. Nếu dao, dùi, gân, lông, sợi bị văng tứ tán thì cho phép làm túi đựng lồng, cho phép lót lông bên ngoài và bên trong, mười loại y cũng được dùng làm túi đựng. Nhưng không được làm bằng da. Nếu da hư thì cho phép lấy lông măng, kiếp cụ đại bì v.v... để trong dao. Nếu tóc dài, khai cho dùng dao cạo và làm vỏ bao dao lại. Nên dùng kiếp cụ và chướng vật khiến cho hư hoại để trên đá phủ lên, mài thì dao ấy bén, khai cho cất giữ con dao cạo gọt, tóc rơi tứ tán thì lượm để vào cái bọc. Cho dùng kéo, nhiếp, dao xẻ dưa, dao xắt gọt hình lưỡi gà. Những vật bằng răng sắp xếp như răng lược. Cung cấp phòng ở cho Tỳ-kheo như trong pháp. Cho phép sắp xếp mốc cài cửa, nắp đậy, bình nước, bình nước rửa, đồ dùng dựng nước, nhà tắm, giường, dao gọt đất bùn và giường dây lớn nhỏ, móc, cửa không được cất giữ. Nếu đi đường sợ rắn hay côn trùng cắn thì nên rung tích trượng. Nếu ống đựng đầy đá vụn, hoặc sa vào cành trúc phát ra âm thanh, không được cầm gây rỗng ruột. Nếu cắt chứa thì đúng như pháp làm quạt lớn. Nếu làm quạt may thì bảo Sa-di may. Nếu làm bánh, làm mì đậu, cân lường mì, đồ vật đựng mì đã ruy (những chữ này sai, nên viết là như bình rượu gỗ, nước thơm, ghế, muỗng thìa, chén... Đều khai cho giữ. Nếu ăn uống nhiều, không điều độ thì dễ sinh ra bệnh hoạn. Khai cho làm nhà tắm nếu ở trong phòng có mùi hôi khó chịu thì trét hương lên vách, cho đến bốn gốc đều treo hương. Ngài Tăng Nhất nói:

Nếu bốn chúng làm nhà tắm thì được năm việc tốt.

1. Tránh gió. 2. Bệnh chóng lành. 3. Tẩy trừ bụi dơ. 4. Thân thể nhẹ nhàng. 5. Da trắng. Tỳ-kheo nên tìm cách làm.

Luật Thập Tụng chép: chỗ khuất nên làm nhà tắm, các điều cần thì nên bàn luận. Luật Tăng-kỳ chép: Khi tắm, nếu không bệnh thì bảo người lau dùm. Năm chúng tự lau cũng được, lau chùi cho nhau cũng được. Kinh Tỳ-ni mẫu chép:

Trong nhà tắm, bậc Thượng toạ nên vì nhân duyên tăng tắm mà thuyết tịnh, không vì thân thể sạch sẽ, đẹp đẽ mà khiến cho thân thể chống lại gió, lạnh, được an ổn hành đạo. Nên vì chán ghét thân pháp mà điều phục tâm pháp. Nên phát khởi tâm từ bi vì ít muốn biết đủ, như vậy, mỗi việc đều có nghi thức nói pháp của bậc Thượng toạ, tùy việc mà dạy bảo, không phải đầy đủ tất cả [page 127]. Kinh Tỳ-ni mẫu cho phép giữ sáu loại dao.

1. Dùng kéo dễ cắt da; mổ mụt ghẻ, cắt vải; trên y cắt rọc có lớp lông; dùng để làm sạch trái cây, cho đến lúc ăn, tất cả mọi việc đều cần có dao. Luật Ngũ Phần cho phép cất giữ cái nhiếp để nhổ lông mũi.

Đại luận chép: cúng dường cho chư tăng rồi thiền, pháp thiền, gậy thiền, cúc thiền, trân cốt nhân thiền, kinh hảo sư, hảo chiếu y phục, v.v...

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: Tỳ-kheo chỉ được giữ ba y, bình bát, toạ cụ, túi đựng kim chỉ, bình bồn, v.v... Dưới được giữ vàng bạc của người nữ, tất cả vật báu, tất cả những khí cụ chiến đấu, bình rượu, v.v... vì người đời sinh tâm nghi ngờ chê bai. Luật Ngũ Phần chép: giường có chạm trổ, vẽ vời, không được ngồi. Phàm những đồ dùng như bồn, chậu, những cái đế kêu đồ vật không được bảo người làm cất giữ để mô phỏng, sau bỏ mất. Luật Tứ Phần chép:

Lúc nhuộm thì phải có chõ đồng, bồn đồng, vạc, chõ, dây, giấy ghi chép đều được cúng dường, tất cả giếng nước, ao nước, lan can, trời mưa, sợ ẩm ướt thì leo lên giường ở cho yên. Đất trống, nếu có củi thì làm mái che.

Kinh Tăng Nhất chép: phòng cúng cho tăng gọi là chiêu-đề tăng thí. Luật Tứ Phần chép: đàn-việt làm thiền đường như cung điện vua ở cúng dường cho tăng, tất cả những thứ cần khai cho thọ nhận.

Các Tỳ-kheo muốm làm phòng, Phật cho phép làm phòng đúng theo pháp, tất cả đều cho thọ nhận. Văn trong luật có nêu đầy đủ tất cả mọi việc, tóm lại không rõ. Nếu phân chia cho đầy đủ thì không chịu nhận. Phật bảo, tùy theo khả năng của mình mà sửa chữa, tất cả những thứ cần thì cung cấp.

Luật Thập Tụng chép: chính tay Phật cầm cây sửa lại cánh cửa chùa, tăng được cất giữ tất cả những dụng cụ. Tăng phường hư hoại thì được phép bán để sửa sang lại, tăng phường của Thượng toạ, tư phòng của Thượng toạ mỗi thứ đều hư hoại, lẫn lộn mọi thứ thì trước tự tay làm, ngài Ca-diếp thường đạp bùn trét lên tăng phòng, v.v... Tỳ-kheo được tự làm nhà trên cây. Luật Tăng-kỳ chép:

Tỳ-kheo làm phòng muốn tự lấy bùn trét lên vách đủ năm mầu đều được, chỉ trừ cảnh tượng nam nữ hòa hợp, ngoài ra tất cả cảnh tượng núi rừng, người, ngựa đều được.

Luật Tứ Phần chép: không được dùng các thứ tơ lụa năm mầu đường nét không tương ứng để trang hoàng. Cho phép dùng các mầu lẫn lộn khác, đường nét cầm thú. Ngài A-nan có được phòng riêng, khai cho nhận. Nếu làm phòng riêng trong đất chư tăng, có khách đến nên khởi công làm. Nếu không khởi công làm thì trả lại đất cho tăng (không lấy đất Tăng làm của riêng mình. Người trông coi phòng ốc cuối cùng không thành công và không bền chí. Nếu làm thiền đường, phòng xá thật to lớn thì cho phép trông coi trong mười hai năm. Còn những điều khác thì tùy theo sự lớn hay nhỏ. Nếu Tỳ-kheo quản sự làm tăng phòng đã xông hương trang hoàng đẹp đẽ và đầy đủ những thứ cần dùng thì cho ở chín mươi ngày, sau nhà cửa có hư hao, không được nhận phòng khác. Nếu người thế tục có thể sửa sang căn phòng hư, thì bạch nhị Yết-ma cho họ sửa.

Luật Ngũ Phần chép: trên các phòng nên đề tên đàn-việt cúng.

Luật Thập Tụng chép: phòng cúng cho Tăng rồi chuyển sang cúng dường cho ni là trái pháp, sử dụng trái pháp. Nếu cúng cho ni về sau chuyển cúng cho Tăng cũng vậy. Nếu phòng xá, ngoại cụ có đàn việt ở đó thì chỉ được xem, không được chiếm đoạt để cho.

Sửa sang lại phòng hư hoại thì trước đổi hướng cửa, hai hoặc ba năm, tuỷ công phu nhiều hay ít mà cho ở.

Nếu phòng trống trải không thể ở thì tạm thời sửa sang lại để ở. Nếu giường, chiếu, gối chăn, rách dơ thì nên giặt giũ cho sạch rồi vá lại dùng tạm.

****

THIÊN THỨ 20: ĐỐI THÍ HƯNG TRỊ

Phước có ra từ thửa ruộng thanh tịnh, đạo bắt đầu từ ít muốn. Người tạo phước chỉ chú trọng làm cho nhiều, người thọ thí phải tiết chế. Cúng dường nhiều không biết chán là phương cách làm phước, ít thọ nhận hoặc thọ nhận có chừng mực, có hạnh nghi. Luật chép: Tuy đàn-việt cúng dường không biết chán nhưng người thọ nhận nên biết đủ, còn người xuất gia, thân đã khoác y phục của bậc thánh, mà đợi chờ có của cải tạm bợ riêng của mình mới quyết định. Lúc cho thì không lấy, sau cần khó kiếm được. Nếu khéo ứng xử theo pháp thì cả hai của cúng dường và người được cúng (năng sở) đều không tỳ vết hẳn là không y cứ theo sự việc. Đâu bảo là nhờ quy tắc đãđược thành lập. Nếu người thí khéo tỉnh giấc thì nhận được một công sức lớn lao, có thể gọi là duyên đạo lập hạnh từ đời này. Vì sao? Vì tâm tham đã bày tỏ ra tình cảm do tự mình tiết chế. Tâm buông lung thì chẳng thưởng thức được mùi vị, sinh khởi mê lầm. Nếu ý thức những món ngon vật lạ đều sinh tâm nhàm chán. Cho nên thiện, ác còn ấp ủ bên trong, nổi chìm phó thác cho trái tim. Cho nên, người làm việc không nên xem thường, không lo nghĩ đến thởi duyên. Gặp việc thì sinh trì trệ đều do không xem xét để thoát ra, giếng mối sâu xa của lậu hoặc há chẳng đáng thương hay sao? Nhưng sự khát ái thì ít khi biết đủ, giống như biển thâu nạp tất cả các dòng. Nếu dùng pháp để giải quyết thì mọi người đều dứt lòng ham muốn. Thân đã khoác y phục khác với người thế tục mà còn mơ mộng những điều cao xa. Nếu dung chứa những vết dơ bẩn này thì được việc gì? Dù có chín dòng nước chảy, thì người đời vẫn còn cảm thấy hổ thẹn về y phục và ăn uống. Đã gieo hạt giống Thánh Tam Bảo mà còn trì trệ, lún vào vũng lầy, sao quá lắm như vậy! Nay nói lược và dần dần trở thành văn. Làm cho kẻ sỹ có đoái hoài đến đạo, hoặc rõ và thâu gom những dấu vết này. Ở đây chia làm năm phần.

1. Nói về người nhận thí
2. Nói về nhàm chán phương tiện
3. Nói về lập quán hữu giáo
4. Nói về phương pháp tác quán
5. Nói về tùy trị tạp tướng.

1. Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo thọ dùng vật thí có bốn loại:

1. Trộm dùng: nếu Tỳ-kheo phá giới nhận vật thí là trộmdùng

2. Mắc nợ dùng: lúc nhận vật thí thì phải nghĩ: không tinh tấn tu học là chịu tội mắc nợ tín thí.

3. Dùng của cải của bạn bè, bà con: Gọi là bảy học nhân thọ cúng dường.

4. Chủ dụng A-la-hán, kinh Tỳ-ni mẫu nói: người nhận phẩm vật của tín thí mà không dùng đúng như pháp, tâm buông lung bỏ việc tu hành đạo nghiệp thì đọa vào ba đường chịu tội khổ nặng. Nếu không chịu khổ báo, thì ăn của tín thí thí liền bể bụng, y phục lìa khỏi thân v.v... nếu biết người trước buông lung mà vẫn cúng dường cho họ thì cả hai năng sở (người thí, người nhận) đều bị doạ lạc.

Trí luận chép: người bố thí thanh tịnh, người thọ nhận không thanh tịnh, như bốn câu này; nếu người xuất gia không giữ giới, không có trí tuệ mà ăn của tín thí thì bị doạ vào địa ngục, chịu hai nỗi khổ ăn hoànsắt nóng và uống nước sắt sôi.

Luật Tứ Phần chép: cho đến phạm Đột-cát-la trở lên đều là tội, không vì thọ lợi dưỡng của người khác, đến kính lễ Tỳ-kheo trì giới đều không được nhận.

2. Nói về yểm trị phương tiện:

Như trong kinh Đại Tập chép: Vì sao Tỳ-kheo quán sát y áo đã được mặc mà sinh ý tưởng không vui thích?

Nếu may y, thấy y, sờ y, mặc y, cởi y nên quán sát như huyết đồ, da rửa hôi thối đáng ghét là nơi ở của côn trùng. Như lúc quán sát y phục mà tâm tham khởi lên thì liền dứt bỏ. Vì sao tu hành mà không thích thúc ăn? Nếu lúc Tỳ-kheo ôm bình bát, giống như huyết đồ như đầu lâu thối rửa đáng ghét là chỗ của côn trùng ở. Nếu được thức ăn thì nên quán: thúc ăn như xác chết côn trùng. Nếu thấy mì sợi thì nên nghĩ như xương vụn. Nếu được nước cơm thì nên nghĩ như cứt sệt. Nếu được bánh thì nên nghĩ như da người. được cầm tích trương thì nghĩ là như bộ xương, được sữa, lạc thì nghĩ là máu, mủ, mồ hôi. Nếu được rau quả thì nghĩ là lông tóc. Đây gọi là đối với thức ăn mà sinh ý tưởng không ưa thích.

Vì sao ở trong phòng xá mà sinh ý tưởng không ưa thích. Vì nếu bước vào phòng thì nên nghĩ giống như chịu khổ não trong địa ngục. Như vậy phòng xá là do sự hòa hợp mà có. Cây gỗ thì nghĩ là xương người. Đất là thịt người, cho đến tất cả giường chiếu, chăn mền cũng như vậy. Quán sát như thế gọi là không sinh ý tưởng ưa thích tài sản của thế gian. Nếu thường quán sát như thế thì người ấy được pháp như thật. Luật Tứ Phần chép:

Thà rằng sắt nóng làm y phục thiêu đốt toàn thân chứ không tham đắm y phục của thiện nam, tín nữ. Thà ở giường sắt đốt tan thân thể chứ

không nhận phòng xá để nghỉ đêm trong đó. Thà nuối hoàn sắt nóng [page 128] đốt cháy ngũ tạng, tuột từ trên xuống, ra bên ngoài chứ không chịu ăn uống của tín tâm đàn-việt. Thà lấy cái kích xỉa vào chân chứ không thọ nhận tín tâm đàn-việt đảnh lễ bên chân mình. Thà lấy búa nung đỏ tự chém vào thân mình chứ không chịu để tay của tín tâm đàn-việt sờ mó vào thân minh. Vì sao? Vì không do nhân này mà doạ vào ba đường ác.

Nếu không phải Sa-môn, không phải tịnh hanh mà tự nói là Sa-môn, tịnh hạnh. Phá giới, ác hạnh, không giữ oai nghi, giới luật, tà kiến. Ở chỗ thật tạo tội, bên trong rỗng tuếch thối rữa, ngoài hiện tướng hoàn toàn thanh tịnh để thọ nhận thức ăn của người bố thí, vì của tín thí khó tiêu nên phải doạ vào ba đường ác, chịu khổ trong đêm dài tăm tối. Cho nên thọ nhận ất cả những vật cần dùng của thí chủ thì phải giữ tịnh giới mới làm cho thí chủ được quả báo lớn mà người xuất gia làm sa-môn cũng thành tựu. Nếu nói về ác báo thì như trong kinh Tăng Hộ đã nói đầy đủ năm mươi sau việc. Kinh luận Đại, Tiểu thừa như A-hàm, Niết-bàn đều đã nói vô số phương cách quán sát để sinh tâm nhàm chán v.v...

3. Nói về lập quán hữu giáo.

Trí luận chép: nếu không quán sát mà tâm cứ mãi mê đắm vào phẩm vật cúng dường thì phải doạ làm trùng ở chỗ bất tịnh, nước đồng rót vào miệng, nuốt hoàn sắt đỏ.

Luật Thập Tụng chép: mỗi khi ăn đều sinh ý tưởng không ưa thích nhưng vì giữ gìn thân mạng, Ma-đắc-già chép: Từ trong kho chui vào trong đất, lấy phân cứt hòa hợp (trộn) với hạt giống để được sinh ra, rồi lại nuôi dưỡng thân cứt đái, v.v...

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: nếu Tỳ-kheo lúc được thức ăn, khi đưa thức ăn vào miệng thì thường quán tưởng; lúc được y phục, mặc y phục luôn quán niệm, lúc vào phòng, cũng luôn quán tưởng. Còn Tỳ-kheo độn căn thì khi được y phục, thức ăn, phòng xá đều nhất niệm.

Kinh Phật Tạng nói: xin được thức ăn trong xóm làng rồi thì ra khỏi làng ấy, đến đứng bên sông, nơi có thể tu đạo. Đặt thức ăn một bên, ngồi kiết già phải quán thức ăn đó có vô số điều đáng nhàm chán, quán tự thân mình là vật chứa đồ dơ, rộng như kinh kia đã nói.

4. Nói về phương pháp tác quán:

Bốn món cúng dường: y phục, thức ăn phòng ốc, thuốc men là người thí chủ xả bỏ lòng san tham, người nhận phẩm vật phải trừ lòng tham. Như thế thì cả hai người thí và người nhận (năng sở) đều thanh

tịnh được nhiều phước lợi. Nếu cả hai (người thí và người nhận) đều theo thói buông lung, biếng nhác thì phải chịu đọa lạc, đều trái với thánh hiền.

Cho nên kinh Niết-bàn nói: hoặc khiến cho giảm bớt quả báo của thí chủ hoặc không được quả báo. Tuy lợi dưỡng giống nhau nhưng ít có người thanh tịnh, ăn bị hoạ lớn. Lúc bỏ vào miệng vì quá khoái khẩu nên ăn thô tháo, muốn sửa lại cho hợp pháp thì cũng khó. Nếu không mau sửa đổi, điều tiết tâm mình, phần nhiều phải giam hãm mình trong cơn say mờ mịt. Ôi, Sa-môn thì nên khác tục. Vì lập hạnh bền chắc, đồng với việc sầu muộn mê mờ của thế tục. Còn những hạnh khác cũng đã biết rồi.

Cho nên Thành Luận chép: Hiện thấy ở trong đống phân hôi thối mà sinh ra chứ chẳng phải sinh ra từ một tảng đá to. Vì tham đắm hương vị. Nếu kiềm chế được lòng tham, lập quán để khai tâm đạo, lược chia làm năm môn bàn luận rõ như vầy.

1. Xét tính công đức của mình nhiều hay ít mà thọ nhận phẩm vật của thí chủ kia đem đến.

Trí Luận chép: nên suy nghĩ những món ăn này, thí chủ đã vận công rất nhiều khai hoang, trồng tỉa, làm cỏ, từ lúc thu hoạch gặt, đập lúa, sàn sẩy đất cát, thổi lửa nấu mới thành cơm. Tính xem thức ăn trong một bình bát người nông phu đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi. Nếu gom lại mà tính thì thức ăn tuy ít nhưng mồ hôi thì nhiều. Chỉ trong thoáng chốc đã biến thành đồ dơ bẩn, nếu ta có lòng tham thì phải đọa vào địa ngục nuốt hoàn sắt nóng. Ra khỏi địa ngục thì phải làm thân súc sinh để đền nợ cũ. Hoặc làm heo chó thường ăn phân dơ để trừ nợ cũ. Cho nên đối với món ăn nên sinh tư tưởng nhàm chán.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu các Tỳ-kheo tính được tất cả những hạt gạo này thì dùng cả trăm công sức mới thành. Họ vì cầu phước mà bố thí, vì sao ta bỏ nó.

2. Suy nghĩ xem đức hạnh của mình đầy đủ hay thiếu sót.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: nếu không ngồi thiền, tụng kinh, không trông coi những việc trong Phật, pháp, Tăng mà thọ nhận của tín thí thì bị đọa. Nếu không biết tu tập ba nghiệp mà bố thí thì cả hai đều bị đọa. Tỳ-kheo đã đầy đủ thức ăn, thí chủ cúng thức ăn với ý kiêu mạn, hoặc tự ăn, đã ăn no rồi cố ăn quá phần thì bị đọa, bởi thức ăn đó cũng từ thí chủ mà có được. Vì sao? Vì Phật nói: chúng sinh ở trong đêm dài thường than thở nhưng rốt cuộc ăn uống không điều độ (cuối cùng phải giảm phần ăn). Người bố thí, trì giới thường thọ nhận phẩm vật của tín

chủ nhưng phẩm vật vẫn thường tiêu hóa. Quả báo của sự bố thí, trì giới rất lớn, quả báo của người phá giới rất ít (quở như vậy, văn trong luật giống như trên).

Ăn no rồi lại ráng ăn thêm, không tăng thêm sức khoẻ lại rước thêm hoạ vào thân, vì thế không nên ăn quá lượng.

3. Ngăn ngừa tâm tham lam để lìa bỏ tội lỗi. Minh Liễu Luận sớ có ghi rõ, trong luật nói: người xuất gia nhận thức ăn trước phải quán sát thức ăn, sau mới được ăn. Thức ăn có ba loại, thức ăn ngon thì khởi lòng tham, phải xa lìa bốn việc.

- Ưa thích sinh tội lỗi: tham đắm hương vị, thân tâm hưng phấn, tự do ăn cho sướng miệng.

- Xa lìa thức ăn có chất kích thích làm cho say người, sinh ra tội lỗi: ăn rồi thân tâm khoẻ mạnh, không kể gì người khác.

- Lìa bỏ sự tìm cầu nhan sắc xinh đẹp mà sinh ra tội lỗi: ăn xong thì khoái thích hơn cảnh lúc bình thường. Không nên có tâm này.

4. Lìa lỗi cầu cho thân trang nghiêm.

+ Ăn thì vui vì được no bụng.

+ Thức ăn ít thì chê ghét tức giận, thường bị đọa vào ngạ quỷ, tìm kiếm cũng không thấy thức ăn.

+ Trong bữa ăn, không phân biệt được, phần nhiều khởi lên tư tưởng nghi ngờ, đổ bỏ. Khi chết đọa vào loài súc sinh ăn các thứ cứt, làm côn trùng thích ăn cứt đái.

+ Vì quá tham ăn nên phải đọa vào địa ngục, đại khái cũng như vậy. Nếu trái ngược với ba độc này thì trở thành gốc rễ của ba điều lành, được sinh lên ba đường lành. Vì không tham lam nên sinh lên cõi trời. Hạng trung và hạ cũng nên biết.

4. Việc chính là vì thuốc hay, quán sát chia làm hai:

- Vì dứt bệnh cũ: Không trị đói khát thì bỏ bê đạo nghiệp.

- Không sinh bệnh mới: ăn uống có chừng mực, bỏ việc ăn đêm.

- Như dầu mỡ trong xe vẫn làm cho xe chuyên chở được đồ vật, đâu cần hỏi dầu mỡ đó tốt hay xấu.

- Muốn vượt qua đường hiểm: đứa con đã chết, người nghèo cùng đói khát quá liền ăn thịt con mình, hẳn là không tham đắm mùi vị.

5. Vì thành đạo nghiệp, quán sát ba loại:

- Vì làm cho thân sống lâu hơn: thân ở cõi dục phải nhờ đoàn thực mới được ở lâu (sống lâu) vì đạo duyên không nhờ gởi.

- Vì mạng sống liên tục: nhờ báo thân giả tạm này mà thành pháp thân tuệ mạng.

- Vì tu tập giới, định, tuệ để chiết phục, dứt trừ phiền não. Trì Thế chép: "Nếu không trừ được điên đảo của chính mình thì đây là ngoại đạo, không được phép thọ nhận của người một chén nước. Trong Phật Tạng cũng vậy, phải nhàm chán bản ngã điên đảo. Đối với y bá nạp và thức ăn thô, không nên sinh tâm mê đắm trước. Theo Ngũ Minh để sửa đổi những hình tướng lộn xộn (tạp tướng).

Kinh Hoa Nghiêm chép: nếu được thức ăn thì nên nguyện cho chúng sinh được pháp cúng dường tâm chí giữ gìn Phật đạo.

Luật Ngũ Phần chép: người xuất gia nếu không vì giải thoát thì không được nhận thỉnh. Nếu ngồi thiền, tụng kinh, coi sóc việc tăng chúng, tất cả đều là sự giải thoát của người xuất gia, cho phép theo thứ lớp thọ nhận.

Luật Thập Tụng chép: nếu đến chỗ ăn nên im lặng, nhất tâm tịnh trì oai nghi để làm cho người phát sinh tâm lành, phải vào chậm rãi, ngồi khoan thai. Nên quán là thức ăn khó tìm, khó được, khó thành, lúc đưa vào miệng nên quán là ở nơi sinh tạng, thục tạng, sau khi ra ngoài chỉ là thứ bất tịnh dơ bẩn. Vì thức ăn này làm nhân duyên sinh khởi vô số phiền não, tạo nghiệp tội lỗi, chịu quả báo khổ.

Ngũ Bách Vấn chép: vì ham thích y phục tốt đẹp, đêm ngày đắm nhiễm nên bệnh đến chết sau hóa thành rắn trở về quấn y. Chúng tăng chôn cất vị Tỳ-kheo ấy rồi lấy y tác pháp, rắn liền trương cổ phun nọc độc. Chúng tăng ai cũng thấy. Trong đó, có một vị tăng đắc đạo, ông nhập pháp quán bốn thứ bình đẳng nói chuyện với rắn, và bảo nó đi. Rắn liền bò vào trong đám cỏ, vì tham độc hẫy hừng nên lửa phát ra thiêu đốt thân rắn. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Kinh Tỳ-ni mẫu chép:

Được y phục nên nghĩ rằng: vì khỏi sự lạnh nóng nên hổ thẹn thọ nhận. Được phòng ốc thì nên nghĩ rằng vì che gió che mưa, được thức ăn nên nghĩ rằng vì trừ nhân duyên đói khát. Truyện nói hễ ăn thì không được quá ba muỗng.

- Muỗng thứ nhất: vì dứt bỏ tất cả điều ác.
- Muỗng thứ hai: vì tu tất cả điều lành.
- Muỗng thứ ba: vì độ tất cả chúng sinh.

Cho đến hồi hướng về Phật đạo và từng ngọn rau ngọn cỏ. Còn những thứ khác như sau: luật Tứ Phần chép: lường bụng mà ăn, đo thân mà mặc y phục biết vừa đủ. Lại nói ăn biết vừa đủ. Cho nên khổ cũ tiêu diệt, khổ mới không sinh. Có công phu mà vô sự khiến cho thân được an ổn. Ngài Tăng nhất nói: ăn nhiều có năm thứ khổ.

- Đại tiện nhiều lần.
- Tiểu tiện nhiều lần.
- Ngủ nhiều.
- Thân thể nặng nề không thể tu đạo nghiệp.
- Thức ăn không tiêu hóa, sinh ra nhiều bệnh hoạn.

Cho nên Phật dạy khi ăn nên tiết chế, do đây Phật nói kệ:

Ăn nhiều đến nỗi bệnh.
Ăn ít sức khoẻ suy.
Ăn ở mức trung bình.
Như cân không cao thấp.

Trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: có vị vua thử tài ngoại đạo và Tỳ-kheo. Nhà vua dùng hai món ăn ngon và dở để thử nghiệm đạo pháp. Tỳ-kheo cho đến nói kệ:

Thân này như xe
Không lựa tốt xấu
Dầu thơm mỡ hôi
Thảy đồng hòa trơn

Trung kinh A-hàm nói: Phật dạy các Tỳ-kheo: những người bậc trung bậc hạ cho đến những kẻ biên địa đang sinh hoạt trong giáo đoàn đều gọi là đi khất thực. Thế gian rất kỵ làm kẻ đầu trọc đội trời tay bưng bình bát đi khất thực. Con của dòng họ kia vì nghĩa cúng dường nên thọ nhận. Vì chán ghét những sự khổ não của sinh, già, bệnh, chết. Nếu người ngu xuất gia mà làm những việc riêng tư, giới luật bê trễ thì cũng giống như lấy chất dơ rửa chất dơ, làm sao giải thoát được? Trước đã nêu đủ chánh giáo, phải y cứ theo đó mà dùng. Lúc sắp ăn thì luôn lẩm nhẩm năm pháp quán trong đầu, vừa được liền mất, bị các chất độc như tham v.v... xâm đoạt.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN HẠ
(PHẦN 3)

THIÊN THỨ 21: ĐẦU ĐÀ HẠNH NGHI

Năng lực quả báo Tăng thượng, hạnh thành tinh khiết, cho nên thường cao siêu ngút ngàn, vượt trội quần chúng. Vì vậy Đức Phật Thích-ca, một đời giáo hóa khen ngợi đức này. Giới đã được chế ra đều vì quá nhiều tham vọng. Hễ khai, trong giáo trước đề cao hạnh này, vì muốn cho khách trần đánh bạt sự biếng nhác hướng đến ngôi thành thiền định. Thúc giục kẻ nhiễm trần chứng lên giai vị thi-la, chính là đại ý ở đây. Trí Luận chép:

Ý của Phật là bảo đệ tử theo đạo hạnh, xả bỏ cái vui thế tục, cho nên mới khen ngợi mười hai hạnh đầu-đà, lấy đây làm căn bản. Nếu có nhân duyên cũng không thôi mà cho phép làm những việc khác, v.v..., tựu trung chia làm bốn:

1. Giải thích tên gọi chung.
2. Bày số nêu thể.
3. Các bộ dị hành
4. Nêu ra các pháp.

1. Giải thích tên chung bày đức, luật Thiện Kiến chép: Đầu-đà đời Hán dịch là Đầu tẩu, nghĩa là tích cực dứt bỏ phiền não, xa lìa những thứ vướng mắc tâm ý thánh thiện.

Kinh Thiên Tử chép:

Đầu-đà là phủi dũ, nghĩa là tích cực dứt bỏ các tham dục, sân nhuế, ngu si trong ba cõi sáu nhập. Mỗi mỗi đều bàn luận riêng, lại nói:

Ta nói người này thường khéo tu hạnh phủi dũ. Như vậy, hạnh phủi dũ này không lấy, không bỏ, không tu, không dính mắc.

Vì thế, ta nói người này khéo giảng nói hạnh đầu-đà, kinh Tăng Nhất A-hàm nói: trong đây có người nào chê bai mỗi hạnh trong mười hai hạnh đầu-đà thì chính là chê bai ta. Ta thường khen ngợi hạnh này, pháp này. Do vậy mà ta trụ ở đời, chánh pháp của ta còn mãi ở thế gian.

Thập Luận chép:

Huỷ phá giới cấm là mất hạnh đầu-đà vì tội nghịch, trái pháp làm cho chánh pháp của ta diệt. Như Đức Phật đời quá khứ đã nói: người phá tịnh giới thì không được xếp vào số chúng.

Kinh Hoa Thủ chép: vì ngài Ca-diếp thực hành hạnh khổ đầu-đà nên đến chỗ Phật Đức Thích-ca nhường nửa tòa cho Ca-diếp ngồi, nhưng ngài Ca-diếp từ chối không nhận.

Trong kinh Tạp A-hàm chép: chính Phật nhường nửa tòa, và chính tay Phật trao Tăng-già lê đổi cái đại y mà Ca-diếp đang mặc. Ở trong đại chúng Phật khen ngợi đại hạnh đầu-đà.

Luật Tứ Phần chép: Phật tĩnh toạ trong ba tháng không cho một ai cúng dường. Lúc đó, có sáu mươi người tu hạnh đầu-đà đến chỗ Phật, khen ngợi Ngài, đây gọi là người cúng dường Phật.

Thập Trụ Bà Sa nói tỳ- kheo ở chốn A-lan-nhã lược nói qua điều lợi ích, trọn đời không nên bỏ.

1. Đến đi tự tại.
2. Không có ta và của ta.
3. Tùy ý không chướng ngại.
4. Tâm thích tu tập ở chỗ vắng.
5. Ở chỗ ít muốn, ít việc.
6. Không tham tiếc thân mạng vì đầy đủ công đức.
7. Xa lìa nơi ồn náo.
8. Tuy làm việc công đức nhưng không cầu báo ân.
9. Thuận theo thiền định để dễ nhất tâm.
10. Ở chỗ vắng vẻ vì dễ sinh ý tưởng vố chướng ngại.

Nếu có nhân duyên, cho phép vào chùa tháp, có thông, có hạn cục, không giống như ngoại đạo, trọn đời ở chỗ vắng vẻ. Nói rộng như trong phẩm Đầu-đà.

Đầu-đà là tên gọi chung tụ lạc, không dã:

Nhập định ở trong gò mả và nơi vắng vẻ, xuất định thì đến thành ấp. Còn mười hạnh khác huyên tĩnh thông hành.

1. Nêu số: phẩm vị chia làm bốn:

- Y phục, thức ăn, chỗ ở và uy nghi.

- Trước xuất tướng sinh thứ lớp, sau mỗi hạnh có một cách bàn luận.

* ***Y phục***: y là duyên đạo của riêng mình, chủ yếu là dùng để hộ thân. Cho nên trước khi ra ngoài thì khoác nó vào vì biết đủ. Đối với y này không được chọn cái mới, vì sinh nhiều tội lỗi, bị nghiệp ác ràng buộc, ở mãi trong ba đường, không có lối ra thì chẳng phải hạnh đầu đà. Cho nên Phật dạy các Tỳ-kheo khoác áo kia bên ngoài để phải ít muốn biết đủ. Thọ nhận có thể dùng để che thân và nuôi lớn đạo tâm thì đó chính là hạnh đầu-đà vì lìa tham lam, trong phần y chia làm hai.

* ***Ba y:*** Tuy được y che thân, trong bụng trống, đói nhưng các phiền não đã lắng đọng thì mới tiến tu đạo nghiệp được, cho nên riêng trong phần ăn chia làm bốn hạnh đầu-đà.

- Khất thực.
- Không làm việc khác.
- Ngồi một chỗ.
- Vo thành từng viên.

Như vậy, có y phục và thức ăn mới lập đầy đủ nghĩa tu đạo, nếu ở chỗ ồn náo, tâm nhiều xao động thì chắc hẳn nhờ tĩnh duyên mới thành chánh tiết. Vì thế, đối với chỗ ở lập ra năm chỗ đầu-đà: Lan-nhã, gò mả, dưới cây, ngồi chỗ đất trống, ngồi ở bất kỳ chỗ nào. Ba chỗ đầu đều là trợ duyên. Nếu buộc niệm suy nghĩ để chặt đứt sợi dây ràng buộc, điều quan trọng là không còn phải ràng buộc trong cách ngồi cho nên đối với uy nghi lập ra một cách ngồi thông thường.

2. Nêu danh hạnh thể:

- Về nạp y, luật Tứ Phần chép: xả bỏ y phục của đàn-việt cúng dường để đắp y phẩn tảo.

Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Tỳ-kheo muốn đầy đủ phẩm hạnh trì giới, nên mặc hai loại y.

- Cư sĩ cúng dường y phẩn tảo thì được mặc vì có mười lợi ích:

1. Hổ thẹn.
2. Ngăn được nóng lạnh và muỗi mòng cắn.
3. Nói lên hình thức và uy nghi của Sa-môn.
4. Tất cả trời người thấy pháp y đều tôn kính như tháp.
5. Người có tâm nhàm chán xa lìa thì nhuộm y, không tham y tốt.
6. Theo hạnh vắng lặng không đốt thêm lửa phiền não.
7. Vì đắp pháp y nên dễ nhìn thấy những thói hư xấu.
8. Không cần tô điểm thêm những vật khác.
9. Không tiếc nuối bất cứ chỗ ở nào.

10. Thuận theo đạo hạnh, tâm không bị nhiễm ô dù trong khoảnh khắc.

Kinh Bảo Lương chép: Sa-di Châu-na giặt y phẩn tảo, các vị trời lấy nước giặt y đó để tắm

- Ba y: Luật Tứ Phần chép: xả bỏ những y dư, đắp ba y.

Luận chép: Nếu có ba y không cất chứa những y khác có mười lợi ích.

1. Ngoài ba y không phải khổ nhọc tìm cầu.
2. Không phải nhọc mệt giữ gìn.
3. Ít cất giữ đồ vật.
4. Áo được mặc trên thân là đã đủ.
5. Giới hạnh đầy đủ.
6. Đi đến đâu cũng không bị chướng ngại.
7. Thân thể nhẹ nhàng.
8. Ở nơi A-lan-nhã.
9. Ở rồi đi không tiếc nuối nơi nào.
10. Thuận theo đạo hạnh.

3. Pháp khất thực:

Luật Thiện Kiến chép: bậc thánh Ba thừa đều đi khất thực.

Luận Tát-bà-đa nói: người được pháp khất thực:

1. Vì nhiều nhân duyên phiền não làm hại.
2. Vì đánh đập vô lượng nhân dân và hiện tướng tức giận, phần nhiều là trái pháp luật, thức ăn không thanh tịnh.
3. Vì quán thấy tâm ý người khác bất an.
4. Ít muốn biết đủ, tu bốn thánh đạo. Thọ nhận đàn-việt cũng có lỗi, nhân duyên xin, trước thô, sau tinh tế. Nếu ít thì khuyên răn cho nhiều. Nếu không hợp mùi vị, dạy dọn thêm nhiều thức ăn, tâm có hy vọng thì trái với pháp thánh chủng ít muốn, thường có tâm được mất, ta người. Nếu khất thực thì đương nhiên không bắt buộc, không thêm bớt.

Lại các thứ ăn có cùng tận. Phật dạy các đệ tử tu pháp vô tận. Luật Tứ Phần chép:

Tỳ-kheo Lan-nhã vào xóm khất thực thì rửa tay thật sạch, đến bên giá treo y, một tay cầm y, một tay kéo lấy y phẩn tảo, đắp y bảy điều. Đã đắp đại y rồi, vắt cái túi đựng bình bát trên vai, cầm cây tích trượng đi đường, thường nghĩ về pháp lành. Nếu gặp người, trước hỏi han khen lành thay. Nếu gần đến xóm làng thì đắp đại y đến đầu làng nên xem hình dạng của ngõ tắt, không xứ, hình dáng của cửa thứ nhất, cửa thứ bảy, tay phải cầm tích trượng, tay trái ôm bình bát đi một bên đường

khất thực theo thứ lớp.

Nếu người thế tục đưa thức ăn không nên đón lấy, ngoại trừ gọi đến lấy, không được nài nỉ xin. Nên biết cái đáng được thì đứng chờ. Được thức ăn thì nên nghĩ: đây là giặc ăn, thức ăn này ta ăn. Khi ra khỏi thôn đặt bình bát xuống đất, đắp lại tăng-già lê như trước để đi đến nơi vắng vẻ (lan-nhã) mới cùng ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: Lúc khất thực không được nói rằng: "Cho tôi thức ăn thì được phước lớn", nên đứng im lặng.

Luật Thập Tụng chép: khất thực được thì vào cửa tam trùng, đến giữa sân búng ngón tay ba lần, không được đi ngay.

Lúc ăn, trước ăn những món chín mềm, sau ăn rau quả xanh.

Thập Trụ chép: khất thực có mười điều lợi.

1. Những vật dùng trong cuộc sống thuộc về mình không lệ thuộc người khác.

2. Người cho ta thức ăn, khiến họ vào trong Tam bảo, sau đó mới ăn.

3. Người cho ta thức ăn nên sinh tâm từ bi.

4. Thuận theo hạnh của Phật giáo.

5. Dễ đầy đủ, dễ nuôi dưỡng.

6. Tu hạnh dứt bỏ sự kiêu mạn.

7. Gốc lành vô kiến đảnh.

8. Thấy ta khất thực, những người tu pháp lành khác liền bắt chước ta.

9. Không có các duyên sự lớn nhỏ với người nam.

10. Khất thực theo thứ lớp, khởi tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh.

Luật Thiện Kiến chép: Phân-vệ là khất thực.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngài Ca-diếp phát nguyện khất thực, lúc đầu được thức ăn thì cho tăng ni, sau đó nếu được thì tự ăn.

Trí Luận chép: Phật dắt các Thích Tử đến thành Ca-tỳ-la, đi được năm mươi dặm thì đứng lại, khi đến vào thành khất thực đều nói là khổ. Do đó nói không ngủ nghỉ mới biết đêm dài, đường xa thì mệt mỏi. Người ngu mãi chìm đắm trong sinh tử.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài Đại Mục-liên khất thực bị các Phạm chí vây quanh ném đá, xương thịt tiêu tan vì nghiệp xưa. Ngài Xá-lợi-phất trở về liền nhập định diệt độ. Trước khi Ngài Xá-lợi-phất nhập diệt độ, lại bị hoạ, vì thế các vị trời trong ba cõi rơi lệ như mưa. Thế mới biết nghiệp thường theo đuổi ta đến bậc thánh cũng không

tránh khỏi.

Tuy dứt trừ tất cả những nghiệp ác quả báo rồi nhưng nghiệp riêng cũng không mất.

4. Không làm những thức ăn khác:

Vì ăn nhiều, không độ lượng thì có hại cho đạo pháp.

Trí luận nói do tham cầu ba bữa ăn: Tiểu thực, trung thực, hậu thực thì mất hết nửa ngày công phu. Phật pháp vì hành đạo chứ không vì lợi ích bản thân, giống như ngựa mẹ nuôi dưỡng ngựa con.

5. Ngồi ăn với một oai nghi:

Luận rằng: Chỗ trước nhận thức ăn sau không được đến nhận nữa. Vì vậy có mười lợi ích.

1. Không mệt nhọc mong cầu món ăn thứ hai.
2. Được thọ nhận nhẹ nhàng.
3. Cái cần dùng không phải mệt nhọc tìm kiếm.
4. Trước khi ăn không mệt nhọc.
5. Cách ăn đưa thức ăn vào miệng nhai nhuyễn.
6. Sau khi ăn, thức ăn được tiêu hóa.
7. Ít hoạ hoạn.
8. Ít bệnh tật.
9. Thân thể nhẹ nhàng.
10. Thân vui sướng.

Trí Luận chép: Có người tuy ngồi một chỗ ăn nhưng trong lòng tham ăn, ăn cho căng bụng thở không muốn nổi, bỏ phế đạo hạnh, cho nên nhận lượng thức ăn vừa phải.

Bộ Tam Thiên chép: không được ăn nhiều lần, nên ăn một bữa. Vì kết tập nuôi lớn sự dâm nộ, ngu si chẳng khác người thế tục.

6. Vo tròn lại để ăn là số thọ nhận giảm, vì lắm lòng tham. Nay tổng nhận trong bình bát thì phải châm chước lường để lấy cho đủ lại thọ nhận thêm. Trong luận giải thoát đạo chép: Phải tiết chế lượng thức ăn, dứt trừ tâm tham lam buông lung cho nên chỉ lấy đủ hai mươi mốt nắm. Như vậy trong mười hai phẩm hạnh đầu-đà kia có rộng đối trị.

Trí Luận chép: tiết chế lượng thức ăn, tùy theo thức ăn để ăn, trong ba phần để lại một phần thì thân thể nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu hóa không bệnh hoạn. Trong kinh nói Xá-lợi-phất bảo:

Nếu ta ăn năm miếng, sáu miếng thì đủ để nuôi dưỡng toàn thân. Người nước Tần cho phép ăn mười miếng.

7. Ở chỗ A-lan-nhã: Trí luận gọi là chỗ xa lìa, gần nhất là ba dặm, thường xa lìa thì càng tốt. Trừ những tạp hạnh như trong quyển thứ sáu

mươi tám.

Luật Tứ Phần chép: chỗ yên tĩnh vắng vẻ, cách xa làng xóm năm trăm cung. Cung dài bốn khuỷu tay, dùng khuỷu tay để đo lường.

Một khuỷu tay dài một thước tám tấc, sáu thước là một bộ, gom lại thì có ngần ấy dặm. Chùa tăng Trung quốc đều ở ngoài thành, chùa ni ở trong thành.

Luật Thập Tụng chép: Hổ bao quanh thành Kỳ-hoàn rống, chùa này cách thành xá vệ một nghìn hai trăm bộ về hướng Nam.

Luận Tát-bà-đa chép: cách thôn một câu-lư-xá (đây gọi là một tiếng trống) là chỗ yên tĩnh vắng vẻ, không nghe được tiếng trống trong thành. Vì sợ loạn tâm các Tỳ-kheo ngồi thiền. Như trước đã nói hai loại tăng y ở chỗ vắng. Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ (lan-nhã) không được xem thường Tỳ-kheo ở xóm làng. Nên khen rằng:

Các thầy ở trong xóm nói pháp giáo hóa, vì pháp, giữ gìn hộ vệ, che chở chúng tôi. Những Tỳ-kheo trong xóm làng không được khinh chê Tỳ-kheo ở A-lan-nhã: "Các thầy mong được danh lợi cùng ở một chỗ với cầm thú từ sáng đến chiều như vậy có thể tính năm", nên khen ngợi rằng:

Các thầy xa lìa xóm làng ở nơi yên tĩnh, suy nghĩ về các nghiệp thật đáng tôn kính. Đây là chỗ khó làm, các thầy thường ở đây để dừng tâm ý.

8. Ngồi trong gò mả:

Luật Thập Tụng chép: ở chỗ người chết vì thuận theo tâm chán lìa. Thường nghỉ đêm ở chỗ người chết có mười điều lợi ích:

1. Thường nghĩ đến vô thường.
2. Được tưởng về cái chết.
3. Được tưởng về bất tịnh.
4. Tất cả thế gian không thể tưởng ưa thích
5. Thường được xa lìa những người thân ái
6. Thường được tâm từ bi
7. Lìa bỏ sự vui đùa.
8. Tâm thường nhàm chán xa lìa
9. Siêng năng tinh tấn tu hành
10. Trừ được sự sợ hãi.

9. Ngồi dưới tàn cây:

Trí luận nói: Dưới gốc cây tư duy như Phật. Sinh ra, thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập diệt đều ở dưới tàn cây. Hành giả theo phương pháp của Chư Phật, thường ở dưới tàn cây. Luận rằng: thích ở chỗ không

có vật gì che ở trên đất có mười lợi ích, gọi là không có phòng xá, ngọa cụ, những cái ưa thích thọ dùng mệt nhọc và theo pháp bốn y thì không lỗi lầm và không có nhiều ồn náo. Thập Trụ gọi là lộ địa.

Trí Luận chép: ta xem dưới tàn cây giống như nửa tòa nhà không khác, che chở cho ta được mát mẻ an vui, còn sinh tâm yêu thích, liền thọ nhận lộ địa (chỗ trống). Ánh sáng mặt trời chiếu khắp trong không gian, sáng suốt trong sạch, dễ nhập vào không định.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép:

Này các Tỳ-kheo! Vì nhân duyên hòa hợp mới có thân này, xương có sáu trăm sáu mươi đốt, lỗ chân lông có chín mươi chín nghìn, mạch có năm trăm sợi gân, cũng có năm trăm côn trùng, tám vạn cánh cửa ở dưới tàn cây. Nếu ở chỗ đất trống, cho đến không được lấy ca-sa làm thất, không được đem ngọa cụ của tăng thọ dùng ở bên ngoài.

Nếu yêu chuộng giữ gìn cho đến ca-sa che phủ không bị ướt, cái được thọ dụng của người tu hạnh đầu-đà.

Lúc không mưa thì ở ngoài chỗ trống. Lúc trời mưa thì ở trong nhà dùng ngọa cụ của Tăng.

Luận rằng: Vì mười điều lợi ích.

1. Không mong cầu ở dưới tàn cây.
2. Xa lìa những cái ta có.
3. Không có tranh cãi kiện tụng.
4. Nếu có dư thì đi, không tiếc nuối.
5. Ít giỡn cười.
6. Chịu được gió mưa, trùng độc, lạnh nóng.
7. Không bị âm thanh, gai gốc châm chích.
8. Không làm cho chúng sinh tức giận.
9. Chính mình cũng không có buồn phiền.
10. Chỗ tu hành không có nhiều ồn náo.

Đức Như lai nương ở trong rừng Đại Úy, mưa gió giao nhau, ngày vào trong rừng, đêm ngồi ở chỗ trống, có những người trong làng lấy cành cây gác lên tai mũi, có người bôi cứt đái, bùn đất nhưng cuối cùng cũng không khởi ý hướng về người kia.

10. Ngồi bất cứ chỗ nào:

Luận rằng: Tùy theo chỗ ngồi không bảo người kia đứng dậy, có mười điều lợi ích:

1. Không mệt nhọc mong ở tịnh xá tốt.
2. Không mệt nhọc mong cầu ngọa cụ đẹp.
3. Không phiền bậc Thượng toạ.

4. Không làm cho bậc hạ toạ buồn.
5. Ít ham muốn.
6. Ít việc.
7. Hễ được thứ gì thì dùng thứ ấy .
8. Ít dùng thì ít việc.
9. Không khởi nhân tranh giành.
10. Không đoạt các vật dụng khác.

12. Thường ngồi, không nằm:

Luận Tát-bà-đa nói: Ngồi kiết già thì tâm sẽ ngay thẳng, ban đầu thân phải thẳng, khác với ngoại đạo vì khiến cho người phát sinh tín tâm. Bậc Ba thừa đều dùng cách ngồi này mà ngộ đạo.

Luận Giải Thoát Đạo nói: Ban đêm thường không ngồi. Trong kinh Quyết Định Vương có bốn pháp:

1. Cho đến búng ngón tay, đối với chúng sinh không sinh tâm tức giận.
2. Không để cho ngủ nghỉ che tâm dù trong khoảnh khắc.
3. Công đức dẫn dắt chúng sinh khiến được vào A-lan-nhã.
4. Ngày đêm không lìa niệm Phật.

Ngoài ra, như luận nói, luận Thập Trụ nói có mười lợi ích:

1. Không tham ưa thân
2. Không ham thích ngủ nghỉ
3. Không ham thích ngọa cụ
4. Không có cái khổ khổ lúc nằm hông dính chiếu.
5. Không theo sự đòi hỏi của thân
6. Dễ được ngồi thiền
7. Dễ đọc tụng kinh
8. Ít ngủ nghỉ
9. Thân thể nhẹ nhàng dễ đi đứng
10. Tâm ít mong cầu đồ ngồi, y phục.

Trong luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo ở chốn vắng vẻ trải ngọa cụ tốt nên ngủ ngon. Phật nói: không nên như vậy.

Đầu hôm, gần sáng phải cảnh tỉnh tâm ý, suy nghĩ những việc đã làm.

Người xuất gia vì còn những điều quan trọng, quán hạnh pháp như sau:

Trí luận chép: Thân có bốn uy nghi, ngồi là uy nghi thứ nhất, ăn dễ tiêu hóa, hơi thở điều hòa. Người cầu đạo, việc lớn chưa thành thì giặc phiền não thường rình chờ cơ hội làm lại. Không nên yên giấc

nồng, nếu lúc ngủ thì hông không dính chiếu. Các bộ đều thực hành khác nhau:

Trong Tỳ-ni mẫu chép: Nếu không dừng tâm tức giận thì ta không ăn, đợi tức giận dứt rồi mới ăn.

Trong Trí Luận chép: Sau giờ ngọ không uống nước trái cây ép, vì duyên này nên sinh tâm đắm trước, không nhiếp tâm tu tập pháp lành.

Kinh Bảo Vân chép: ăn một trong bốn phần. Hễ xin được thức ăn thì chia thành bốn phần: một phần cho người đồng phạm hạnh, phần thứ hai cho người nghèo đi xin ăn, phần thứ ba cho các quỷ thần, phần thứ tư mình ăn để nuôi dưỡng bản thân. Nhưng niệm tu đạo, đối với thức ăn không sinh tâm tham đắm.

Nếu lúc xin thức ăn thì thường buộc niệm, giữ uy nghi không hề xem thường, thô tháo. Mắt nhìn thẳng về phía trước không quá một tầm, thứ lớp khất thực, trừ có chó dữ, bò dữ.

Trước phá giới cấm chỉ có người uất ức thường ưu não, đều không đến chỗ có thể chê bai, cũng không đến chỗ kia. Ngoài ra như trong mười hai hạnh đầu-đà ấy đã nói.

Thập Trụ Bà Sa chép: có người mặc áo lông sau khi ăn không chịu ăn uống phi thời. Mỗi việc có mười lợi ích như kia đã nói.

Trong Giải Thoát Đạo có mười ba hạnh đầu-đà, y phục có hai, thức ăn có năm, chỗ ở có năm. Hạnh thứ mười ba là thường ngồi mạnh mẽ.

Luật Thập Tụng chép: Nhiều hai nước, bốn tháng ở chỗ trống, tám tháng ở chỗ có mái che. Ít Hai nước thì ngược lại. Trên đã nêu mười hai hạnh đầu-đà là nói theo luật Tứ Phần. Tổng hợp những điều đã nói trong kinh luận để viết, đồng thời không đề cập đến đạo giải thoát, lần lượt nói rõ ràng. Chánh hạnh đã thành, Định tuệ mới lập. Kia đã bàn luận rộng, có pháp khất thực theo thứ lớp. Ở đây lược bớt không viết ra. Tứ tạp pháp, Tứ Phần nói Tỳ-kheo lan-nhã khất thực đến trong lan-nhã, đến chỗ thường ăn quét dọn rẩy nước sạch sẽ với đầy đủ bình nước, đồ đựng thức ăn dư, giường, tòa, đá rửa chân, bình đựng nước, khăn lau chân. Nếu thấy Tỳ-kheo ở lan nhã khác đến thì nên đón rước từ xa, thong thả ôm bình bát, cầm y cho họ. Nếu có chỗ dơ thì nên lau chùi những tạp nhơ gắng tẩy trừ bụi nhơ, mới cùng ngồi để ăn và đem đến cho người kia bình đựng nước và nước rửa chân, đá rửa chân, khăn lau chân. Đem đôi giày cỏ để bên trái, đừng để nước ngâm vào. Người kia rửa chân rồi, những đồ vật dùng để rửa chân cất lại chỗ cũ, đem bồn tắm đến, rửa tay sạch sẽ, riêng giữ lại thức ăn của giặc liền trao nước

cho Tỳ-kheo kia, rồi lần lượt trao thức ăn.

Cung cấp những thứ cần dùng như rượu, muối, rau, nếu trời nóng thì nên quạt, nếu quá trưa thì nên cùng ăn, nếu không như vậy thì đợi người kia ăn rồi lấy bình bát đó mình ăn, nếu còn dư thức ăn thì nên cho người khác, hoặc phi nhân.

Nếu ở chỗ đất sạch không có cỏ, không có trùng sống trong nước thì những thức ăn dư nên rửa sạch để lại chỗ cũ, quét sạch thức ăn trên đất, có giặc đến thì nên nói: "Đây là nước, đây là thức ăn, để riêng sạch sẽ cho các ông, nếu muốn ăn thì ăn đi".

Ban đêm thì phải giỏi biết tên các vì sao và hình dáng của sao ấy ở phương nào, sợ giặc đến hỏi đáp câu được câu mất. Luật Thập Tụng khai cho Tỳ-kheo ở lan-nhã đọc tụng kinh.

Nếu thấy người đến, trước hỏi thăm, vẻ mặt vui hòa, không nên cúi đầu, nên nhớ nghĩ chân chánh, ngoài ra như trong luật Tứ Phần.

Luật Tứ Phần khai cho dùi cây để phát ra lửa, ở chỗ khuất cũng khai cho dùng hỏa châu.

Luật Thiện Kiến chép: nếu Tỳ-kheo tu hạnh đầu-đà tuy ở trong chùa cũng không ở trong tăng phòng, không ăn thức ăn của chúng. Thí chủ tự làm phòng, tăng không được sai làm Tri sự. Nếu Tỳ-kheo giỏi đọc tụng, giáo hóa, nói pháp làm lợi ích cho tăng cũng không được sai làm Tri sự. Phòng xá, y phục, bình bát tốt phải cung cấp cho họ trước, thức ăn uống trái cây thì phải thêm phần cho họ.

Luật Ngũ Phần chép: nếu không xả mười hai hạnh đầu-đà ở nhân gian thọ thỉnh thì mỗi việc phạm một Đột-cát-la, nếu khác thể thì nên xả pháp đầu-đà.

****

THIÊN THỨ 22: TRÍ KÍNH TƯỢNG TĂNG

CHƯƠNG: KHI KHUÔN PHÉP BAO TRÙM THÌ LẬP RA CẢNH NGƯỠNG, CHƯƠNG KHIÊM CUNG LIỄM KÍNH TỤC LỄ MỆNH

Đầu tiên là tôn kính, thận trọng, nhiếp phục uy nghi, tôn sùng đạo, há lấy hình phục nêu khác mà ngạo mạn vô tri ư? Vì chí kính có nơi nên thường sửa đổi thật thanh tịnh.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép:

Có hai pháp hổ và thẹn trụ ở thế gian thì cung kính nhau, cho nên Tỳ-kheo nên siêng năng cùng học, lúc đó những tình cảm lạnh nhạt đổi thành lễ nghĩa gọi là Vong, khinh bỉ tiểu tăng vọng tham chúng thủ. Ở bên bậc Đại đức tuổi cao liền bước xuống đi, lấy vũ lực làm trí năng, chỉ văn hoa là sản phẩm đẹp, giống như bao tử này trống không thì ai có thể nói ư? Cho nên liền nêu đại ý dẫn thành lời răn. Trong đây chia làm hai phần như tựa đề đã nói: phần đầu chia làm ba.

1. Chế tướng kính ý.
2. Đối kính lập duyên hợp bất hai tướng.
3. Nghi thức lập kính.

- Trong phần đầu, Trí luận chép:

Chư Phật không lấy sinh thân làm lễ kính. Nếu lấy pháp thân thì gọi là cúng dường. Giống như Đức Phật từ cõi trời Đao-lợi giáng sinh xuống trần gian. Ngài Tu-bồ-đề ở trong hang đá quán vô thường, không nên được gặp Phật trước. Ni Liên Hoa Sắc trước thềm bán lễ Phật, Phật không nhận. Cho nên cung kính lẫn nhau vì trừ mạn pháp. Trong luật Tứ Phần nói: Vì các Tỳ-kheo không biết lớn nhỏ. Phật quở trách rồi hỏi:

Các thầy cho ai là người đáng nhận tòa bậc nhất? Nước là bậc nhất, thức ăn là bậc nhất; cho đến đứng dậy đón rước, lễ bái, cung kính, hỏi han ư?

Các Tỳ-kheo đáp:

Mỗi việc đều không nhất định được, hoặc có người tu mười hai hạnh đầu-đà, hoặc có người dòng họ cao quý, có pháp sư học rộng, Thiền sư trì luật...

Phật nói: các ông mỗi vị đều quá ngạo mạn nên mới nói như thế. Nói rộng pháp ba chim thú cung kính lẫn nhau, liền nói kệ rằng:

“Cung kính bậc Trưởng lão
Người ấy thường hộ pháp

Hiện đời được danh dự
Tương lai sinh đường lành".

- Giáo hóa người dân đều theo giáo pháp.

Các thầy ở trong pháp luật của ta xuất gia, lại cung kính nhau thì Phật pháp được lưu bố. Từ nay trở đi cho phép theo lớn nhỏ cung kính lễ bái, đón rước thăm hỏi bậc Thượng tọa.

Đại Bi chép: Phật thời quá khứ, nếu gặp Tam bảo, xá-lợi, tháp, tượng, sư tăng, cha mẹ, anh em, chị em, bậc Trưởng lão, bạn tốt, ngoại đạo, các tiên, Sa-môn, Bà-la-môn thì chẳng thể không nghiêng mình cúi đầu kính lễ. Cho nên được quả báo sau khi thành Phật đến sơn lâm, những người đi qua gặp Phật ai mà không nghiêng mình cúi đầu lễ bái.

Kinh Tăng Nhất chép: Tâm không cung kính Phật thì phải sinh vào loài rồng rắn, vì quá khứ từ trong đó ra. Nay do không cung kính lại ngủ nhiều. Tạp A-hàm chép: Bảo các thầy Tỳ-kheo, nếu thấy bốn chúng nhiếp giữ các căn, thì đêm dài an vui.

Trí Luận chép:

Ngoại đạo là pháp khác cho nên xem thường Phật, đến chỗ Phật tự ngồi, người tại gia như khách nên bảo ngồi. Tất cả [pape 132] năm chúng xuất gia, thân tâm thuộc về Phật nên đứng. Nếu đắc đạo A-la-hán như ngài Xá-lợi-phất thì ngồi, ba đường trở xuống đều không cho phép ngồi, cho nên chưa luận đến, giặc kiết sử chưa phá.

Lại nói: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì không khác Bồ-tát tăng. Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc vào trong hàng Thanh văn tăng ngồi theo thứ lớp.

2. Nói về đối duyên đúng sai.

Trong luật Tứ Phần có bốn:

1. Không nên lễ tất cả người tại gia và người nữ.
2. Người thọ giới trước không nên lễ người thọ giới sau.
3. Không nên lễ người phạm biên tội, mười ba già nạn, bị đuổi thì phải đi.
4. Không lễ bái tất cả những người nói lời phi pháp.

Kinh Bảo Lương nói:

Nếu tỳ-khep phá giới nhận người trì giới cung kính, lễ bái thì bị tám khinh pháp.

1. Làm người ngu si.
2. Bị ngọng câm.
3. Mặt mũi xấu xí.

4. Mặt méo, người thấy chê bai

5. Chuyển thọ thân nữ, làm người nghèo khổ, bị người sai khiên.

6. Thân thể gầy yếu, yểu mạng.

7. Bị người xem thường, thường gọi tên xấu.

8. Không gập Phật ra đời.

Người phá giới này cho đến mặt đất không có chỗ hỉ nhổ, ngoài ra như thiên trên.

2. Người đáng lễ bái chia làm hai:

- Vô duyên phải kính.

Trong luật, tiểu Sa-di-ni lễ đại Sa-di-ni, như thế lần lượt cho đến Như lai và pháp. Ngoài ra, như nói ở phần sau.

Luật Tứ Phần nói có mười thứ phi uy nghi. Không nên lễ bậc người lớn nhỏ, nhỏ khỏa thân, hoặc cạo tóc, hoặc nói pháp, nhăn nhành dương, súc miệng hoặc uống nước, ăn cơm hoặc ăn trái cây.

Tăng Nhất A-hàm nói: trong tháp không nên lễ.

Luật Ngũ Phần nói: ở chỗ vắng tức giận nhau, không nên lễ.

Luật Thập Tụng chép: lúc ngủ, lúc may y, ở trong chúng, lúc đi đường, lúc bịnh không được lễ.

Luật Tăng-kỳ chép: y dơ thì giặt cho sạch, khi rửa tay chân mặc một y, khi đi mau không nên lễ.

Luật Thập Tụng chép: Trước tháp Phật, tháp Thanh văn, kia đây không được lễ nhau.

Ngũ Bách Vấn chép: trước tháp Phật lễ Tỳ-kheo, phạm tội đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: lễ tháp tụng kinh, đọc kinh, viết kinh, trao kinh trong am không được lễ, đều cho là có sự cung kính riêng.

3. Lập giáo nghi thức, chia làm ba:

Phần đầu là kính Phật pháp, phần thứ hai là kính tăng pháp, phần thứ ba là Đại Tiểu trí lễ pháp. Trong phần đầu kính pháp trong tháp Phật.

Những vật của tháp miếu, chi-đề thọ dùng cho đến nghĩ là tạo điện đường, điện Phật, giường, tòa, tài thạch v.v... đã thọ dụng kinh, tượng Phật. cho dù gió thổi, mưa làm hư hoại cũng nên cung kính như cung kính hình tượng chẳng khác. Cho nên trong luật Tứ Phần nối vua đem cúng dường vườn cho Phật, Phật không nhân, bảo ông cúng dường cho tăng. Vì sao? Như vườn của Phật và những vật trong vườn, phòng xá và đồ vật phòng xá, y bát, tọa cụ, ống đựng kim chỉ, là tháp miếu thì tất cả các trời, loài người, Sa-môn, quỷ phạm đều không được thọ dụng phải cung kính như tháp, (Nếu cúng cho tăng thì ta ở trong tăng).

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép:

Bảo các Tỳ-kheo lễ Phật, kính thờ có năm công đức.

1. Đoan chánh, vì thấy tượng Phật phát sinh tâm vui mừng.

2. Âm thanh hay, do thấy hình tượng Phật, miệng tự xưng hiệu nam-mô Như lai Vô sở trước Chí chân Đẳng chánh giác.

3. Được phước báo nhiều tài của, vì cúng dường hoa hương.

4. Sinh vào nhà Trưởng giả, do thấy hình tượng Phật, tâm không đắm nhiễm, lòng chí thành kính lễ.

5. Khi chết được sinh lên cõi trời. Đây là thường pháp của Chư Phật, phải học như thế. Trí luận chép:

Phương pháp lễ có ba:

1. Khẩu lễ.

2. Quỳ nhưng đầu gối không đến đất.

3. Đầu gối đụng đất đó là thượng lễ, Địa Trì phải là ngũ luân sát đất làm lễ.

A-hàm nói:

Hai khuỷu tay, hai đầu gối, đảnh gọi là Luân. Cũng gọi là năm vóc sát đất. Trước đứng ngay thẳng, chắp tay, tay phải vén y, có hai gối, kế là hai khuỷu tay, dùng tay nâng chân, sau đó đánh lễ. Sau khi đứng dậy, kế là khuỷu tay, đầu gối cho là thứ lớp (không được lẫn lộn).

Trí luận chép: Nếu nghe công đức của Chư Phật tâm kính, tôn trọng, cung kinh, khen ngợi. Vì biết rằng trong tất cả các chúng sinh không có công đức nào cao hơn nên nói là Tôn. Tâm kính hơn cha, mẹ, sư trưởng, vua chúa vì lợi ích gấp đôi nên nói là trọng, khiêm tốn sợ khó nên gọi là Cung. Vì suy tôn trí đức nên gọi là Kính, vì công đức tốt đẹp nên gọi là Tán (khen ngợi), khen ngợi công đức ấy vẫn không đủ nên xưng dương là Thán. Lại nói: gieo trồng ruộng phước Phật.

Gieo trồng là chuyên tâm bền chắc, chỉ theo những việc lành lễ bái, tụng kinh, đốt hương, tán hoa... hết lòng kính trọng Phật cho nên trí tuệ cao siêu.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: không được mang giày vào tháp, nhiễu tháp. Phủ là không được vào tháp, những người ở nước ấy mang giày kiêu tâm kiêu mạn nên không cho mang. Những chỗ quá lạnh thì cho phép mang giày phú-la. Tam Thiên nói: Phương pháp nhiễu pháp:

- Phải cúi đầu nhìn Phật.
- Không được giẫm đạp côn trùng
- Không được nhìn ngó hai bên.
- Không được nhổ nước miếng dưới đất.

- Không được nói chuyện với người.

Nên nghĩ đến ân lớn của Phật rất khó báo đền. Công đức của niệm Phật, trí kinh giữ giới, nếu tinh tấn hành trì thì sẽ đến Niết-bàn. Lại nghĩ nhớ ơn của sư tăng, cha mẹ và ân của bạn đồng học. Nghĩ đến tất cả mọi người khiến cho họ lìa khổ, giải thoát. Nghĩ đến tuệ học là trừ ba độc cầu đạo xuất thế.

Thấy cỏ mọc trên tháp thì nghĩ tay nhổ bỏ nó, không được nhổ cỏ, có bất tịnh thì trừ bỏ đi, nếu trời mưa thì cởi giày dưới tháp và lên lễ Phật.

Ngũ Bách Vấn chép: Tỳ-kheo nhiễu tháp, những người nữ đi theo thì không được, có Ưu-bà-tắc thì không phạm.

Đại luận nói: như pháp cúng dường pháp thì phải nhiễu quanh bên phải.

Kinh Hiền Ngu nói: Ngài Xá-lợi-phất từ giã Phật, quỳ gối, đi nhiễu quanh một trăm vòng.

Luật Thiện Kiến chép:

Cách từ tạ Phật, là nhiễu Phật ba vòng, làm lễ bốn hướng rồi đi, chắp mười ngón tay lại đưa tay lên đỉnh đầu rồi đi, không được nhìn Như lai lại hướng về trước, làm lễ rồi đi.

Kinh Tạp A-hàm nói: Kiều-trần-như đã lâu không gặp Phật, về sau lại đặt trán sát chân Phật để tỏ lòng chí kính.

- Chánh nói về tướng; tượng Phật, kinh giáo, trụ trì, linh nghi đều là chỗ tôn kính của ta thì chí chân tề quán, nay thế tục, Tăng ni phần nhiều không kính thờ Phật pháp, đồng mê muội trong lưới giáo không có chánh tín, nhìn không cao xa đến nỗi thiếu đại tiết. Hoặc ở trước hình tượng lại đùa giỡn nhau nói những lời trái pháp, giương mắt nhướng mày, chỉ chỏ thánh nghi, hoặc ngồi ngay ngắn nhưng trong lòng ngạo nghễ không e dè sợ sệt. Tuy thấy kinh tượng nhưng không đứng dậy đón rước cung kính, đến nỗi khiến cho người đời cười chê bai, xem thường, làm tổn diệt chánh pháp, cho nên trong luật Tăng-kỳ nói:

Lễ người không được đối ngay Phật pháp mà lễ, cho đến treo phướn, lọng.

Không được đạp lên tượng, làm thang leo riêng.

Lấy văn này chứng minh cho chỗ tôn kính riêng, đã biết nhiều lỗi phải thận trọng đến thiền đường, điện Phật, tháp miếu, giống như giầy da bị băng lấp ở dưới sâu. Thấy hình tượng kinh giáo thì phải càng thêm kính nể. Ở đây, đạo tục đều phải biết kính thờ pháp, hiền thánh thấu đạt tín tâm này, còn đối với vua quan luôn luôn bận việc cũng có thể biết.

Phàm tình khó có thể vâng theo thánh pháp. Ở thế gian có người bước xuống giường rồi lên lễ Phật, ở đây hoàn toàn không mẫu mực, đã kính người còn tự trách mình, kính Phật mà trong lòng ngạo mạn, người có tâm đạo sẽ không làm việc đó.

Tôi đích thân hỏi chư tăng ở Thiên-trúc, ở các nước không có pháp này, đến xứ này mới thấy, lại trong Tam Thiên uy nghi nói: mình ở chỗ cao, đến trước tòa thì ở sau làm lễ cũng không được ở dưới tòa làm lễ.

Luật Thập Tụng chép: cho phép cầm lò hương, kỹ nhạc đi trước Phật, Tăng. Vì Hòa-thượng truyền trao vật làm tin nên được các Hòa-thượng hiện đời kính lễ, được phép đối trước Phật ngồi kiết-già.

Luật Tăng-kỳ chép: ca hát cúng dường nếu có tâm tham đắm thì phải bỏ.

Người thế tục nhờ kết hoa, xay hương cúng dường Phật thì được, ngoài ra tất cả đều không được.

Đại Luận, kinh Trì thế cũng nói: vì chúng thân tan nát như hạt mè, hạt cải để làm cho chúng sinh cung kính, được nhập Niết-bàn.

Luật Tăng-kỳ chép: từ ngày Phật giáng sinh đến ngày Phật nhập Niết-bàn đều vì đại chúng nói pháp, xưng dương công đức của Phật.

Luận Tát-bà-đa chép:

Mùng tám tháng hai thành Phật.

- Ngày mùng tám tháng tám là ngày xoay bánh xe pháp và ngày này cũng là ngày nhập Niết-bàn. Nếu theo các kinh Thụy Ứng thì đa số nói ngày mùng tám tháng tư là ngày đản sinh.

- Kinh Niết-bàn, ban đầu nói ngày 15 tháng hai là ngày nhập Niết-bàn. Lại Độ Thập Tiên chép: hơn ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn.

- Kinh Nguyệt Đức Thái tử chép: ngày 15 tháng tám nhập diệt. Đây cũng là vì sự nghe thấy khác nhau của chúng sinh, cho nên thời tiết không giống nhau.

Trí Luận nói: Thành Vương-xá có mười hai ức nhà, thành Xá-Bà-Đề có chín ức nhà, còn ba ức là thấy hoặc nghe là do nghiệp mạn Phật, Phật xuất hiện ở đời cũng vậy, huống chi thời mạt pháp, tâm luôn khinh thường, nghiệp chướng quá nặng.

Luật Tứ Phần chép:

- Làm sao biết chánh pháp tồn tại lâu dài?

Phật nói: nếu Tỳ-kheo kính Phật, pháp, Tăng, tôn trọng giới, nhờ đó nên chánh pháp không diệt, ngược lại với điều trên thì chánh pháp diệt.

- Kế là nói về pháp kính tăng.

Nếu đứng đầu chúng là Hòa-thượng, A-xà-lê thì những vị đi theo đều là đệ tử, cho dù mười người, hai mươi người đứng cung kính cũng không trái.

Truyện nói: Phật thấy tăng đến liền đứng, điều này chẳng phải chánh giáo, nếu sư tăng phạm tội Tăng tàn trở xuống, cho đến phạm tội đọa, thì phải hành biệt trụ, Phật dạy đệ tử đi qua chỗ ăn cũng phải cung kính lễ bái, vì tăng thiết lễ, chẳng phải lễ đệ tử.

- Kế là nói về pháp đại tiểu thiết lễ, kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Sau khi ta nhập diệt, các thầy nên y theo hành pháp Ba-la-đề-mộc-xoa, mỗi việc đều phải khiêm tốn thực hành theo.

Dứt bỏ tâm kiêu mạn, an tâm tịnh pháp.

Hạ tọa phải tôn kính bậc Thượng tọa; bậc Thượng tọa khen ngợi hạ tọa là Tuệ mạng.

Luật Tứ Phần chép: năm chúng lễ bái nhau. Như lai và tháp lễ chung.

Tiểu Sa-di ni lễ đại Sa-di ni, Sa-di, thức-xoa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Như lai và sáu tháp.

Tiểu Sa-di-ni lễ đại Sa-di ni, Sa-di, cho đến Như lai và sáu tháp.

Tiểu Thức-xoa-ma-na lễ đại Thức-xoa-ma-na cho đến Như lai và bốn tháp.

Tiểu Tỳ-kheo lễ đại Tỳ-kheo, hai vị Như lai và tháp.

Ngũ Bách Vấn chép: Được phép lễ ngoài gò mả của thầy, còn tự hỏi lãnh thời thì chết thành xương khô làm sao hướng lễ?

Đáp: Vì Phật còn tại thế nên cúng dường, Phật Niết-bàn rồi cũng là xương khô, thầy cũng như thế, vì báo ân nên được lễ ngoài mộ thây chết chưa chôn, nghĩa cũng y cứ theo đây lễ.

Luật Tứ Phần nói: Sa-di nên lấy tuổi đời làm thứ lớp, nếu năm sinh bằng nhau thì lấy năm xuất gia làm thứ lớp.

Hỏi: Sa-di có được lễ đại Sa-di-ni và nam nữ cư sĩ không ? Đáp: Nay cho lễ, chưa có tên gọi chung, không có đức tốt để hiển bày, lại chẳng thuốc về thầy, chỉ được hướng lễ và tiễn thi hài ra đến mộ.

Luật Tứ Phần chép: Đến trước bậc Thượng tọa, cởi giày dép, vén y bày vai phải chấp tay, hai chân khép lại thưa: Con xin cung kính làm lễ.

Xuất Yếu Nghi chép: Hòa-Nam là cung kính.

Thanh Luận chép: Bàn-Na-Mị Hán dịch là lễ.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người đông thì chỉ lễ thầy và chào chung tất cả mọi người rồi đi.

Kinh Trung A-hàm chép: Đến nhà người thế tục trước ngồi rồi, sau mới cung kính làm lễ, ngồi ra rộng như sự cung kính kia đã nói qua.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Từ không hạ đến chín hạ là hạ tọa, mười hạ đến mười chín hạ là bậc Trung tọa. Hai mươi hạ đến bốn mươi chín hạ là bậc Thượng tọa, năm mươi hạ trở lên được tất cả Sa-môn, quốc vương cung kính là bậc kỳ cựu Trưởng lão.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ theo không có tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo ba tuổi hạ, cho đến tỳ theo bảy tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo mười tuổi hạ. Nếu giường nằm thì được ngồi ba người, giường ngồi thì được ngồi hai người, giường dài một khuỷu rưỡi tay thì hai người ba tuổi hạ cùng được ngồi, nếu giảm tính thì cúng dường bậc Thượng toạ, nếu giường nằm quá ba khuỷu tay thì người bốn tuổi hạ được ngồi chung, giảm thì không được. Nếu chúng nhóm họp đông mà gương tòa thiếu thì cho phép nối liền, tiếp gương tòa, đừng làm cho giường tòa lung lay thì được cùng ngồi, nếu nền vuông dài ba khuỷu tay thì người bốn tuổi hạ được ngồi, nếu người ít tuổi hơn thì không được, nếu rải cỏ trên đất cùng ngồi thì không tội.

Già luận nói: Ni rải cỏ trên đất cùng ngồi, được dùng cho người chưa thọ giới cụ túc.

Luận Tát-bà-đa chép: Giường dài liên tiếp nhau chỉ là chỗ ngồi khác, mền khác. Bàn đá khác nếu ở trong hoàn toàn không có cái nào khác thì được ngồi với người nữ.

Luật Tăng-kỳ chép: nhân người lễ bái không được giống như dê câm không nói, phải hỏi han nhau: có ít bệnh ít não an vui chăng? Đi đường có nhọc mệt lắm chăng? Cùng nói chuyện với bậc Thượng tọa cũng được gọi là Tuệ mang.

- Nói về pháp đúc tượng Phật, xây dựng chùa tháp:

Đầu tiên nói về ý nghĩa của pháp tạo kinh tượng, đức Như lai xuất hiện ở đời có hai lợi ích.

Vì sinh thân hiện tại mà nói pháp.

Vì lưu bố kinh tượng đến đời vị lai, giúp cho chúng sinh ở thời Phật Di-lặc, nghe pháp hiểu ngộ siêu thăng, thoát khỏi sinh tử này, đây là ý lớn. Sợ đời sau tạo tượng không có chỗ để ngợi khen nên Tôn giả Mục-liên đích thân dắt người thợ lên cõi trời để mô phỏng theo, ba lần như vậy, mới gần chính xác. Đến khi về lại nhân gian, thì tượng này bước xuống đất đến đón rước.

Đức Thế tôn bảo:

Các ông đời sau làm Phật sự rộng lớn, do đây ban sắc lệnh: sau

khi ta diệt độ tạo lập hình tượng, mỗi mỗi đều phải giống Phật khiến cho người người thấy được hình dáng pháp thân của ta, cho đến làm tràng hoa cúng dường, ở đời sau, đều được tam-muội niệm Phật, đầy đủ các tướng tốt, tạo lập như thế là tượng Phật thể (tượng này tăng Trung quốc đem đến đất Hán, nước nào cũng yêu thích, giữ gìn, không cho xuất cảnh, vua bảo y bản chép giữ lại, nay truyền lại bốn bản chép tay ở chùa Trường Lạc thuộc Dương Châu, cũng gọi là Long Quang thùy tượng. Người đời sau tùy theo tình cảnh mà tạo tượng, mỗi mỗi đều hơi kỳ lạ. Không theo tượng Phật (hình Phật), mà còn mạnh dạn làm cho hình tượng nhiễm nét đời. Cho nên tượng được truyền ở Linh Đông, Trung quốc, đều có phong thái y nghiêm, dáng vẻ đẹp đẽ nghiêm trang đủ long trọng, có lần tượng phát ra ánh sáng khiến cho đời sinh tâm lành (Giống như tượng Trường Can Thụy, con gái thứ tư của vua A-dục, làm bài minh cước phu rằng. Nay ở chỗ cảnh sư phát ra tướng rất linh thiêng). Đến đời Hán phảng phất đưa vào những nét thật, lưu truyền đến đời Tống thì hầu như đều gần giống tượng thật, tất cả đều do lòng tôn kính, Ý ân trọng còn kính mến phỏng theo thánh tượng, cho nên tạo ra sự linh thiêng khác thường. Nay theo thời thế những người làm tượng rất khéo, được phước cung kính nhưng mất phép tắc, nghi thức, chỉ hỏi về thước tấc dài ngắn, bất luận là tai mắt toàn cụ hoặc tranh giá lợi độn (nhanh hay chậm), tính toán dầy mỏng (mắc hay rẻ), hoặc rượu thật thết đãi, làm quà tặng, tánh tham lam dâm dục, thân không trong sạch, tâm chỉ hợp với lợi ích. Đến nỗi tuy tôn tượng là cây còn không có uy linh, lập hình tượng Bồ-tát thì rất giống như tượng dâm nữ, tướng mạo Kiêm Cương hiển mạo thì giống như dáng vẻ phụ nữ ganh ghét, cho đến sao viết kinh quyển chỉ là việc hèn mọn, nét bút rẻ con, giấy thô thiển, thợ ác bảo dưỡng sự thấp hèn. Đến nỗi người thợ trước trong lòng ngã mạn không cung kính. Kia đây thông pháp thấp hèn mất hết dung nghị, đến nỗi khiến cho kinh tượng lấy việc giáo huấn thế gian làm đầu, ngược lại, chính mình kinh nhờn thì uy linh ở đâu? Cho nên trộm cắp, huỷ hoại, lén lấy, trị nhiều chuốc lấy tội lỗi, đồng thời vì trái với thế gian và pháp xuất thế nên hiện tại, vị lai chịu vô lượng khổ, tất cả đều do mất pháp gây nên nông nỗi này. Nếu đạo tục còn giữ pháp tắc tạo được dáng vẽ chân thật thì chim thú còn không dám dẫm đạp huống chi là con người (thấy có bọn trộm cắp thụy tượng mới đưa vào điện Phật, lại hốt hoảng bồn chồn chẳng ai biết chỗ đến. Đến sáng các vị tăng trong chùa mới kinh ngạc hỏi, hồi lâu mới tỉnh.) chỉ có thể phụng thờ dung nghi của tượng thánh, Phật cũng truyền lại hình dáng hiển bày dấu vết.

Luật Thiện Kiến chép: Răng nanh bên phải của Phật ở trong cung Đế-thích, xương khuyết bồn bên phải của Phật ở nước Sư Tử.

Kinh Tăng nhất nói: Vua Ưu-điền tạo tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, Vua Ba-tư-nặc tạo tượng Phật bằng vàng tử ma, hai tượng này mỗi tượng cao năm thước.

Cách xây tháp:

Tạp Tâm nói: Có xá-lợi gọi là Tháp, không có xá-lợi gọi là Chi-đề, Tháp còn gọi là Tháp-bà hay Thâu-bà (đây gọi là phương phần), chi-đề gọi là miếu (miếu là mạo).

Kinh Tăng nhất A-hàm nói: đầu tiên đắp tượng sửa chữa chùa cũ cũng được phước sinh lên cõi trời.

Thế nào gọi là Phạm Phước? Giống như công đức của người ở châu Diêm-phù không bằng công đức của Vua Chuyển Luân, như vậy thiên hạ ở các châu: châu Tây Ngưu hóa, châu Đông thắng thần, châu Bắc câu-lô, cho đến bốn tầng trời, sáu tầng trời cõi dục, sơ thiền [pape 134], phần đông đều so sánh với công đức của phạm chủ, đây là lượng phước của phạm thiên, nên học như thế.

Luật Tứ Phần nói: xây tháp thì bốn phương phải tròn, hoặc tám góc, lấy đá gạch, cây làm, rồi dùng bùn đen cho đến đá, tro, đất sét đặt theo bốn bên làm lan can treo hương hoa, cho phép sắp xếp theo những đồ vật trang hoàng lọng báu, không được leo lên tháp, leo lên lan can vì sợ thần hộ tháp nổi giận (trong đại luân nói: Mật Tích Kim Cương, trong đường quỷ thần, lại nói: Bồ-tát Chấp Kim Cương thường cầm kim cương hộ vệ. Luật Ngũ Phần chép: xung quanh Phật có năm trăm vị thần kim cương hộ vệ). Nếu có chỗ chấp thì cho khai kia đã an trí phướn lọng không được giẫm đạp lên, làm ở chỗ khác thì phương tiện dùng cây thang đặt lên. Nếu tháp ở giữa chỗ trống thì cúng dường đầy đủ, nếu mưa tạt, gió thổi chim chóc làm bẩn tháp thì làm mái che để che. Nếu đất có bụi thì trét bùn lên, phải lấy chậu rửa chân đặt bên đường, bên ngoài an trí của ngỏ, bờ tường. Nếu thức ăn đồ uống ngon ngọt bậc thượng thì dùng những đồ vật bằng vàng báu đựng, bảo người tại gia ca hát cúng dường, thức ăn, đồ uống phải cho Tỳ-kheo, Sa-di. Kính Ưu-bà-tắc nói: người trông coi tháp đáng được thức ăn, xá-lợi đặt trong bảo tháp bằng vàng như trong tờ lụa, nếu ôm đi, hoặc giữ gìn, hoặc đội trên đầu, mang ở trên vai, nếu muốn phủi bụi thì nên dùng là cây dạng đuôi chim công mà phủi, nếu có nhiều hương hoa thì nên bày trên nền, trên lan can, trên cột hướng vào bên trong tháp, dùng dây xâu lại treo trước mái hiên, nếu có bùn thơm cho đến những thứ bùn khác thì làm tượng

thủ luân.

Luật Tăng-kỳ chép: Việc xây tháp, lúc bắt đầu xây thì trước phải chọn nơi đẹp đẽ làm chỗ xây tháp, tháp ấy không được hướng về phía Nam, phía Tây phải ở hướng về Đông hoặc hướng về Bắc (vì cửa già-lam ở Trung quốc đều xoay về hướng Đông. Tháp Phật, miếu, chùa đều mở cửa về hướng Đông, cho đến nhà trù, nhà xí cũng ở hướng Tây nam, do hướng Đông bắc ở Trung quốc gió thổi nhiều. Thần châu vẫn ở hướng Tây vì chánh dương không cần phải y cứ theo pháp Trung thổ), đất Tăng không được xâm lấn vào đất Phật, đất Phật không được xâm lấn qua đất tăng, ngoài ra giống như giới trộm, tùy tướng thuyết.

Kinh Thiện Sinh chép: này người thiện nam ! Như lai là kho Nhất Thiết Trí, cho nên người trí nên cúng dường hình tượng sinh thân, diệt thân, tháp miếu. Nếu ở chốn hoang vắng, nơi không có tháp tượng, thường nên buộc niệm, tôn trọng, khen ngợi. Hoặc tự mình làm, hoặc khuyên người khác làm, thấy người khác làm sinh tâm vui mừng như công đức của chính mình có. Cần phải nói rộng cho nhiều người biết để cùng làm, chính mình đã cúng dường rồi, trong lòng không sinh ý tưởng kiêu mạn, đối với nơi Tam Bảo cũng nên như vậy. Việc cúng dường không bảo người làm, không vì hơn người mà làm thì không cảm thấy hối tiếc. Tâm không buồn phiền, chắp tay khen ngợi, cung kính, tôn trọng, nếu đem một đồng tiền, một sợi chỉ, một đoá hoa, một nén hương, một câu kệ, một lễ, nhiễu quanh tháp một vòng, nhất thời dẫn đến vô lượng bảo, vô lượng thời. Nếu một mình mình làm, hoặc cùng người khác làm, này người thiện nam, nếu dốc lòng cúng dường Phật, pháp, Tăng, như thế thì dù ta còn tại thế hay sau khi ta Niết-bàn, công đức cũng không khác. Nếu thấy tháp, miếu phải dùng dây vàng bạc, đồng, sắt, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, hương dầu thắp đèn để cúng dường.

Nếu thấy chim thú giẫm đạp hư hoại thì tô đắp, sửa sang, quét dọn cho sạch, nếu gió lớn, mưa to, lửa táp, chỗ bị người làm hư hoại cũng phải tự sửa chữa, nếu một mình mình không đủ sức thì khuyên người khác sửa, hoặc dùng vàng, bạc, đồng, sắt, đất, cây, v.v... hoặc đất bụi bám thì nên rẩy nước, quét dọn. Nếu tháp trỉn dơ thì dùng nước thơm rửa, nếu làm tháp báu và đúc tượng báu thì phải lấy rất nhiều cờ phướn, lọng báu, hương hoa dâng lên cúng dường. Nếu không có châu báu, không đủ sức làm thì lấy đất, cây xây thành tháp, nếu tháp đã thành rồi cũng nên dùng phướn lọng che ở trên và dùng các thứ hương hoa kỹ nhạc cúng dường, nếu trong tháp có cây cỏ dơ bẩn, hoa héo hôi thối thì phải quét dọn, nếu có hang rắn hang chuột thì phải lấp lại, sửa sang

tháp. Tượng đồng, tượng đá, tượng xi-măng và các tượng vàng, bạc, lưu ly, pha-lê thì thường phải lau chùi cho sạch sẽ. Tùy theo khả năng mình mà xoa hương và làm các thứ anh lạc, cho đến giống như tháp vua Chuyển Luân.

Trong tịnh xá cũng nên dùng hương phết hương, hoặc đất sét trắng bôi lên để làm tháp tượng rồi nên dùng lưu ly, pha lê, chân châu, tơ lụa, linh, khánh làm thành dây để cúng dường tháp. Vẽ tượng Phật trong lụa mầu không được tạp dán những hình chim công, gà. Nên xâu các loại hoa hoặc tán hoa đẹp, lau gương cho sáng, hương mạt, hương tán, hương đốt trỗi các loại kỹ nhạc ca hát, đêm ngày cúng dường không ngớt. Chẳng như ngoại đạo đốt bơ đại mạch để cúng dường, rốt cuộc không dùng tô thoa lên thân tượng tháp, cũng không dùng sữa để tẩy rửa, không nên tạo nửa thân Phật, nếu hình tượng Phật mà thân thể không đầy đủ thì nên thầm giấu che, khuyên người sửa sang lại, sửa sang hoàn tất rồi sau đó mới bày cho thấy, thấy tượng hư hoại nên dốc lòng cúng dường cung kính giống như tượng nguyên vẹn không khác. Chính bản thân mình cúng dường như vậy, nếu mình không đủ khả năng thì khuyên người khác cùng làm với mình, nêu có khả năng dùng vật báu trong bốn thiên hạ cúng dường Như lai, có người dùng vô số công đức tôn trọng ngợi khen, thì hai phước đức này bằng nhau không khác.

Kinh Vô Cấu Thanh Tín Nữ Vấn chép:

Chẳng biết quét đất tháp Phật được bao nhiêu quả báo lành? Tứ tướng đồ trị, hoa hương cúng dường lại thì phước báo gì? Thiền tu phạm hạnh, ba quy năm giới cấm được phước báo gì?

Phật nói với người nữ rằng: quét nền tháp Phật có năm thứ phước.

1. Tự tâm thanh tịnh, người khác thấy cũng sinh tâm thanh tịnh.
2. Được người khác yêu mến.
3. Tâm lành vui mừng.
4. Tập hợp những nghiệp tốt đẹp.
5. Khi qua đời được sinh lên cõi trời.

Nếu người tin Phật, đắp hình viêm luân lên trên tháp, tán hoa đốt hương, cúng dường như thế, người kia qua đời sinh vào cõi Phất Bà-Đề, phước lạc tự tại, đời sau sinh lên cung trời Hóa Lạc.

Nếu người tin Phật, đắp hình nửa mặt trăng lên trên tháp, tán hoa hương thì sinh về nước Cù-Đà-Ni. Đời sau sinh lên cung trời Đâu-suất.

Nếu người tin Phật, quét dọn xung quanh bốn phía tháp Phật, rải hoa, đốt hương. Người kia sau khi qua đời sinh về châu uất-đơn việt, đời

sau sinh lên cung trời Viêm-ma.

Nếu người tin Phật, đắp hình mặt người lên tháp, dùng hoa hương cúng dường, tất cả gốc lành, quả báo cũng như vậy.

Nếu người nhập thiền định, tu bốn pháp hạnh, quy y Phật, pháp, Tăng, thọ trì năm giới. Người kia được vô lượng vô số gốc lành phước báo, tính không thể hết, sau đó nhập Niết-bàn. Kinh Niết-bàn chép:

Không xâm phạm đồ vật của Phật và Chư tăng, sơn phết, quét dọn đất Phật và tăng, đúc tượng hoặc tháp Phật, thường sinh tâm vui vẻ, đều sinh về cõi nước Bất Động.

Trí luận chép: giới của Sa-di, không được xoa hương vào thân, làm sao cúng dường Tam Bảo?

Đáp: vì có vật quý, lúc nào cần thì nên cúng dường, hoặc lấy đất bùn tô lên thành giếng, chỗ ngồi, v.v...

Thập luân nói: nếu phá chùa, giết hại Tỳ-kheo, người ấy lúc sắp chết, tất cả các đốt xương đều đau nhức, nhiều ngày không nói được, đọa vào địa ngục A-tỳ chịu đủ các đau khổ.

- Cách xây chùa: riêng về việc xây cất chùa chiền, Pháp sư Thạnh Đức nói mười thiên đã nói rõ về cách thức xây dựng chùa. Giống như sơ đồ Kỳ Hoàn đã tạo lập là theo chánh giáo, thảy đều hộ trì giúp cho cương yếu giới luật của chúng tăng. Sư thì không đủ, lược dẫn một pháp tông khoa tạo tự. Nghĩa là nơi chốn phải tranh xa nơi đùa giỡn giễu cợt. Nên cách xa chùa ni và gần chợ búa, phủ quan v.v... điện Phật kinh phường rất sạch sẽ. Tăng viện nhà trù, kho mau được đầy. Sự như thế thì sau không bị hư hoại. Nay thời mạt pháp xây dựng chùa chỉ có nơi chỗ, việc được thọ dụng, cũng dùng pháp Yết-ma. Nhưng không hạn ngoại, không nghi thức biểu tướng để cho người biết. Trong sơ đồ Tịnh xá Kỳ-hoàn hễ tạo lập thì lấy cây, đá, đất, bốn phương trên dưới đều có làm dấu hiệu, khiến cho người và các vị trời biết. Giải thích về cửa thì có nhiều cách, cho nên che ảnh tà thuật, cầm thú sợ nghi, ẩn che hình bóng, làm cho đời khâm phục, kính mến. Nhưng tích luỹ qua nhiều đời, tích luỹ (cắt xén bớt phần giáo) sự còn, pháp giấu giếm, nêu ra ý chỉ lẫn lộn. Người thế tục đã không hiểu pháp, chúng tăng chưa hiểu rõ mà lại hướng dẫn chỉ lờ mờ làm hao tốn tài vật. Tranh giành tâm tinh diệu lực, chí khí hơn người. Việc phòng lan đài quan khiến cho cao rõ, hơn kia liền dừng đều không còn phép tắc, lại còn đằng tiễn như nhà của mình, phòng ốc trai đường của chúng tăng bị người thế tục thọ dụng, huỷ hoại nhục hình không có điều hổ thẹn. Ép mình trong đạo, vâng theo thế tục như tôi tớ thờ chủ. Đây là pháp tạo lập chùa hoại diệt (thậm chí là: đánh mắng

chúng tăng, làm rất nhiều việc trái pháp. Chọn lấy những điều quan trọng mà nói với chúng tăng. Theo tăng, ép buộc, đoạt lấy, đổi chác, mượn xin, cho đến để thây chết trong tăng viện làm đám tang. Trong chùa cho chôn mồ mả, tắm gội, v.v... thảy đều trai pháp). Nếu sửa đổi lỗi lầm, nhớ lại pháp tắc để đổi mới, dạy dỗ cẩn thận thì không phạm pháp, đó là hộ trì phương pháp xây cất chùa. (Người thế tục xây chùa vốn để cầu phước, làm nhân xuất gia, được duyên đắc đạo. Chỉ nên lễ bái, cúng dường là pháp. Lúc thưa thỉnh thì yết kiến, thưa đúng như pháp xưa nay. Kia đây đều có lợi ích, ta người không phiền não, gọi là hộ trì). Cho nên kinh Tăng Nhất A-hàm nói:

Từ lúc vua A-xà-thế có tín tâm trở về sau, ông hạ sắc lệnh, bảo mọi người trong nước đều thờ Phật. Ông tính trong nước bao nhiêu hộ để đem tượng Phật biếu cho họ. Há chẳng phải là Tăng truyền chánh pháp để được lòng tin ở người ư? Vì theo minh giáo giúp cho ba y, tất cả chúng đều đầy đủ. Đồng thời giống như ý tưởng tôn kính nhiếp trì, cho đến cắt tóc, nhuộm y, giới thể chân chỉ. Đi đứng cúi ngước đều phải sửa sang uy nghi, ăn uống, làm việc, tâm thường nhớ pháp. Nhớ và vâng làm thì người thế tục không hề dám khinh thường ngạo mạn, lấn hiếp, trái pháp loạn lạc. Nếu trong đời, bậc hiền nhân bên trong tâm vững vàng ngay thẳng, bên ngoài có uy nghi thì người thấy đều tôn kính, không dám đùa giỡn khinh thường (giống như Văn Hầu kính Can Mộc, như Lưu Thị trọng Khổng Minh). Huống chi đạo sĩ xuất gia khoác pháp y Phật du hóa, uy nghi đỉnh đạc khiến người thấy sinh tâm lành thì ai không tôn kính! Nếu có người khinh thường là do mình mất uy nghi. Nên biết người có uy nghi thì chẳng ai không kính trọng. Muốn được người khác kính thì mình phải có uy nghi, đâu chỉ kính cẩn thầm với lợi dưỡng ư? (Ruộng tốt không kén giống nhưng giống tự gieo vào ruộng, đạo hẳn đã đầy đủ không cần lợi dưỡng mà lợi dưỡng ngầm đưa đến). Vậy nên quán xét từ đây. Bị người thế tục coi thường thì chẳng phải lỗi của họ. Vì pháp huỷ diệt do chính mình, làm cho cái sang hèn dần bị lấn hiếp. Nếu người hộ trì biết pháp tắc đều kính trọng sùng bái, đâu dám khinh nhờn ngạo mạn ư?

****

THIÊN 23: PHÉP TẮC THƯA THỈNH

Ôi! Người đời tối tăm lắm việc, khó tu tuệ quán, vì thế nên phương tiện đặt ra phần kiểm phước, dùng để tiếp độ kẻ ngu muội, Nhưng thi hành thì lộn xộn phức tạp, bày nhiều thức ăn để cúng dường, thưa thỉnh thì trái với giáo pháp, bên ngoài thì tỏ thái độ chê bai huỷ nhục, bên trong nuôi dưỡng sự ngu si ngạo mạn để chuốc lấy sự khổ đau, chưa thể trở thành vị thầy hướng dẫn. Cho nên tóm lược kinh huấn, thí luân như có riêng khác. Trong đây chia thành mười:

1. Pháp nhận thỉnh.
2. Pháp đến thưa thỉnh.
3. Pháp thỉnh về nhà.
4. Pháp lên tòa dạy bảo khách.
5. Quán xét thức ăn sạch dơ.
6. Hành hương chú nguyện.
7. Phương pháp thọ thực.
8. Ăn xong thúc liễm.
9. Đạt sấn bố thí.
10. Gia pháp ra thỉnh.

1. Pháp nhận thỉnh:

Luật Thập Tụng chép: vì biết thỉnh nên phải lập Duy Na. Xuất Yếu luật nghi dịch là tự hộ. Còn gọi là duyệt chúng. Âm chính là Bà-La, Hán dịch là Thứ đệ.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đến thỉnh Tỳ-kheo ngày mai đến cúng dường thức ăn thì không được quyết định.

Đáp rằng: chắc chắn đến, nên nói. Nếu không có duyên sự thì nên thông báo cho họ biết. Nếu có người thỉnh, tăng phải hỏi tên họ của người khách. Nếu thí chủ ở ngõ hẻm, làng nhỏ ngày xưa thì không được đến liền. Nên sai một người: là người dân trông coi vườn tược hoặc Sa-di đến hỏi thăm trước. Vì sợ bỡn cợt với Tỳ-kheo và sợ làm khó dễ, sợ tăng mất thức ăn.

Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo được phép thiết lễ nên mượn ngọa cụ của tăng.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo được phép thiết lễ giúp cho nhà thế tục, giăng màn và bày đầy đủ những phẩm vật cúng dường chỉ không được ngồi chung xe với người nữ (và cùng ăn uống).

Luật Tứ Phần chép: vương tử Bồ-đề thỉnh Phật, xin Phật phước dẫm lên cái áo được lót dưới bệ thềm. Phật từ chối không nhận. Vì các

Tỳ-kheo đời vị lai.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Đức Thế tôn nhận lời thỉnh hoặc là im lặng, hoặc là gật đầu, hoặc là búng ngón tay.

Ngũ Bách Vấn chép: làm Phật sự được phẩm vật, mời tăng đến cúng dường, tăng không dám ăn. Nếu trước đã hứa làm ba hội sau làm một hội, ba hành hương. Tam thí không liễu hoàn nguyện. Nếu bố thí cho mẹ con quỷ ăn thì nên chú nguyện rồi lấy thức ăn cho chúng ăn. Không được bước vào cửa nhà bán rượu dù bất cứ lúc nào. Nếu có cửa khác thì được. Nhà đồ tể cũng vậy. Nếu không có chỗ nào khác thì được ngồi chung với thầy, không được ăn chung bàn.

Luật Tứ Phần chép: thỉnh có hai loại:

–Thỉnh Tăng theo thứ lớp. Luật khai cho thỉnh riêng, nhưng các kinh luận chế thì không thiếu. Kinh Phạm Võng chép:

–Thỉnh riêng, được thí chủ cúng dường tài vật là trộm vật của Tăng trong bốn phương, kinh Nhân Vương cũng quở trách lỗi thỉnh riêng.

Luật Thập Tụng chép: Thiện Sinh thỉnh riêng Phật và năm trăm vị A-la-hán, vì vậy không được gọi là ruộng phước thỉnh tăng. Nếu ở trong chúng tăng thỉnh thì tương tự như Tỳ-kheo cực ác, nên phải chịu vô lượng quả báo.

Kinh Tăng Nhất, Thành luận nói: như uống nước biển tức là uống nước các dòng sông, thỉnh Tăng theo thứ lớp cũng như vậy.

Luật Ngũ Phần chép: chỉ vì việc giải thoát cho người xuất gia thì được, vì tăng mà thỉnh theo thứ lớp trừ những người phạm ác giới.

Ngũ Bách Vấn chép: nhận thỉnh riêng rồi sai người đi thế, không đúng với ý chủ nhân thì được. Nếu hiềm khích, phạm tội đọa. Đã theo thứ lớp thỉnh Tăng thì được phước lớn. Nếu có người nhờ thỉnh tăng thì nên nói với họ thỉnh tăng theo thứ lớp, công năng khai ngộ cho tâm thế tục của họ, chớ bảo họ thỉnh riêng. Pháp thỉnh riêng như trong tùy tướng. Nay người thế tục có ghi tên mời thỉnh, tuy miệng nói đồng ý nhưng cần bút chú. Có người ghi là chữ Phó, đây chưa biết chữ để học, nên nêu ra chữ này, có thể chữ Chú là chữ Phó (chữ phó ở dưới, trên là chữ phó, phó ở trên, dưới là chữ kế). Đây là cái vụn vặt giúp ích gì cho tầm nhìn cao xa. Cho nên ngạn ngữ nói: “mượn thì phải nhớ trả, bán thì phải nhớ đền”. Sự là gốc của bỉ lậu, liêm sỉ.

Luận Tát-bà-đa chép: Người được thỉnh cùng đi chung với Tăng không bạch trước mà vào, mắc tội đọa, trừ khi chủ nhân gọi. Nếu sau khi ăn, chủ nhân không mời ở lại mà mình tự ở lại, thì phạm tội đọa. Người quản lý, tri sự ở trong tăng đến sau, phạm tội đọa. Ăn chưa xong

mà bỏ đi cũng phạm tội đọa. Người tự hành trực báo đồng học thì được. Tuy trong đại giới gần chùa và nhà người tại gia nhưng không thưa bạch cũng phạm. Nếu bạch mà còn chậm trễ làm cho tăng chúng phiền cũng phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: đàn-việt thỉnh Tỳ-kheo, Sa-di tuy chưa thọ giới cụ túc cũng được tính vào số Tỳ-kheo. Kinh Niết-bàn chép: cho đến chưa thọ mười giới cũng được thọ thỉnh.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu trên đường đi, nghĩ đến tịnh xá (mỗ giáp) được ăn, nếu qua chỗ khác ăn thì ân hận. Nếu dắt theo một vị tăng kia cũng không có tội.

Luật Thập Tụng chép: không ai mời mà tự đến ăn, phạm Đột-cát-la.

Ngũ Bách Vấn chép: đánh kiền-chuỳ là được cúng dường thức ăn, bất luận là có thỉnh hay không thỉnh. Vì sao? Vì đánh kiền-chuỳ mục đích để nhóm họp tăng.

2. Pháp đến thưa thỉnh:

Luật Tứ Phần chép: nếu muốn thọ thỉnh thì phải đến trụ xứ vào giờ tiểu thực hay đại thực của chúng tăng.

Nếu đàn-việt đến ban ngày, bậc Thượng toạ nên ở trước họ như giống chim nhạn bay đi, các Tỳ-kheo vén y bày vai phải theo sau. Chắc hẳn là ở trong đó có bậc Tỳ-kheo thanh tịnh, khó phân biệt. Nếu hỏi hay không hỏi đều cho đi. Nếu bậc Thượng toạ đang trên đường đi mà ghé vào chỗ đại tiểu tiện thì nên đợi và sau đó đi giống như trước.

3. Pháp thỉnh tăng đến nhà:

Nếu chưa sắp xếp được chỗ thờ Phật và chỗ ngồi của thánh tăng thì bậc Thượng tọa có đức nên sắp xếp, chỗ thờ Phật phải thật tinh khiết hơn chỗ chúng tăng.

Cho đến che chỗ chướng ngại để cho nơi thờ Phật được cao ráo sáng sủa, sau đó sắp xếp chỗ ngồi cho bậc thánh tăng. Pháp ấy có năm quyển, Lương Võ Đế đã trích ra từ ba tạng kinh điển của Trung quốc, không thể ghi hết. Như kinh Thỉnh Tân-Đầu-Lô pháp chép:

Trước đã dự định, xin ở nơi vắng lặng trải những vật mềm mại làm tòa, nếu khi tôi đến thì chỗ ngồi có tướng. Đời nay đến giờ bày ra một cách dối trá không có cách thức. Đã biết không thay đổi, Tỳ-kheo môn sư y cứ theo kinh mà chỉ dạy trước, không cần tất phải do dự, sắp đến lúc dự trai, bậc Thượng tọa nên yêu cầu y phục bằng tơ lụa mới, mịn màng, trắng sáng. Bậc Thượng thủ trong tăng chúng được ngồi trên nệm. Nệm lót có kích thước rộng dài được đặt ở chỗ tòa cao. Các Tỳ-

kheo ngồi theo thứ lớp sau bậc Thượng tọa. Không nên đang ngồi ăn liền phân chia chỗ thành hai chỗ, tăng và Phật không vì chỗ ngồi chật hẹp mà chen chúc nhau hoặc sắp xếp ngồi trước Phật, hoặc chỗ tòa hẹp, nhỏ mà địa vị thảnh thơi. Như vậy, nếu bậc Thượng tọa chưa thấy thì cũng có thể chính mình đã không có duyên tốt kính tin Tam Bảo lại còn khiến cho tục sĩ bất kính Tam Bảo, không trải toạ cụ tốt cho bậc Thượng tọa, chỉ giường tòa đẹp cho người ít tuổi, bậc Thượng tọa nên dạy rằng: Lấy cái không tốt trải cho người ít tuổi.

Nếu thí chủ trải giường mền đẹp cho vị Tỳ-kheo tri thức thì không được tranh nhau, phải theo ý thí chủ. Cho đến thức ăn đồ uống cũng vậy.

Nếu thí chủ chưa biết pháp thỉnh Tăng, vị ni nào hiểu biết pháp ấy thì chỉ dạy cho họ. Sắp đặt chỗ để hình tượng và cách dọn thức ăn rồi thì sau ngồi chỗ khác, không được đẹp hơn chỗ tăng.

Kinh Trường A-hàm chép: Đức Thế tôn đến hội thường ngồi trong chúng, bên trái là các Tỳ-kheo, bên phải là thanh tín sĩ.

4. Pháp đến tòa dạy bảo khách:

Bậc Thượng tọa kia đã sắp xếp hai tòa: Phật và Tăng rồi, sau đó cách tòa của thánh tăng một thước, cho trải ni-sư-đàn, vì bày tỏ sự cung kính.

Luật Tứ Phần chép: không nên đứng lộn xộn, phải ngồi theo thứ lớp. Bậc Thượng tọa ngồi, rồi đến bậc trung tọa, hạ tọa. Không được chẳng đúng như pháp, không khéo che thân. Nếu có người búng ngón tay thì biết. Nếu bảo người nói biết thì cũng như pháp ngồi. Bậc trung tọa ngồi rồi, phải xem bậc thượng tọa, hạ tọa chớ trái pháp. Hạ tọa ngồi rồi, cũng nên xem bậc Trung tọa, Thượng tọa.

Luật Tăng-kỳ chép: không được che thân mà ngồi. Nghĩa là mặc y phải cẩn thận che thân cho kín đáo. Ma-ha-la ngồi, y không ngay ngắn, bị quở rằng: sửa y lại cho ngay ngắn. Nếu không hiểu thì bảo rằng che thân hình ông lại. Nếu ni ngồi mà y áo không ngay ngắn thì không xem được, phải bảo cho họ biết. Vì sợ họ hổ thẹn, nên phương tiện bảo họ lấy đồ vật. Nếu dâm nữ cố làm thì nên đứng dậy tránh đi.

Luật Tứ Phần chép: Các Sa-môn được cư sĩ thỉnh về nhà thì nên hỏi nhau về tuổi tác lớn nhỏ để ngồi ăn. Nếu sợ quá giờ ngọ thì cho phép tám vị Thượng tọa ni ngồi theo thứ lớp. Những người khác theo đó mà ngồi. Tăng cũng phải y cứ theo đây.

Luật Tăng-kỳ chép: nên thăm hỏi nhà cúng thức ăn: gia đình thế nào? cuộc sống vẫn tốt luôn chứ?

Luật Tứ Phần chép: không nên đến sau, mà ăn trước khiến các Tỳ-kheo phải đứng dậy. Được thấy người đến mà không cần phải đứng dậy. Nếu người chưa tới thì chỗ tòa của Tỳ-kheo khai cho ngồi.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu có chuyện cười, bậc Thượng tọa nên nói: vì sao trong thánh Tỳ-ni nói lợi rớt răng còn, cười ha ha v.v... nên thuận cho, khởi lên tưởng vô thường, khổ không, vô ngã tử. Do không thể nín cười được, nên lấy góc y che miệng lại, từ từ kiềm chế. Thân không yên nên tay chân cử động. Cho đến bẻ cỏ để tự kiềm chế dần. Y cứ theo nghĩa này, nhà có tang ma, thỉnh Thầy đến cầu siêu và thỉnh đến nhà cúng dường thức ăn, tất cả đều y cứ theo Luật Tăng-kỳ, thận trọng đừng cười đùa và dụm đầu nói chuyện thế gian.

Luật Ngũ Phần chép: nếu khách mời ở bên ngoài, Tỳ-kheo không được vào nói với chủ nhân cho họ vào. Không chấp nhận thì nói rằng:

Cho phần ăn của tôi để cùng nhau ăn. Còn không chấp nhận thì nói: uỷ tri, phường tăng có thức ăn thì hãy đến đó, sau đó mới ăn.

Luận Tát-bà-đa chép: Tỳ-kheo nhóm họp bên ngoài cửa, gọi một tiếng lớn thì vào. Nếu đông quá không tập hợp thì cũng gọi vào. Tuy đánh kiền-chuỳ nhưng không hề ngăn mới được thanh tịnh, giống như tùy tướng:

5. Pháp xem xét thức ăn:

Luật Tứ Phần chép: Bậc Thượng toạ trước phải hỏi: rau quả đã tác tịnh chưa?

Nếu trả lời là chưa thì bảo tác tịnh.

Luật Tăng-kỳ chép: Bậc Thượng tọa phải biết ai trông coi phòng ốc, ai chăm sóc người bệnh, nên bảo đem thức ăn đến cho họ. Nếu đàn-việt tiếc thì nên nói pháp sống lâu, phải đem thức ăn đến cho, chẳng được không cho. Nếu buổi chiều thì nên sai người lấy đem đi.

6. Pháp hành hương chú nguyện:

Trong luật Tứ phần chép: ăn xong mới chú nguyện nói pháp. Nhưng nước này lại thạnh hành chú nguyện nói pháp trước khi ăn. Pháp này do Pháp sư Đạo An sắp xếp, Tăng nơi này y cứ theo đó mà dùng, nếu nói theo lý thì không mất.

Nếu thỉnh tăng đến nhà, thí chủ nhờ tụng kinh thì đồng ý giúp họ. Nếu chính miệng người chủ không nói thì không cần phải hỏi, nếu hỏi thì giống như đòi mạng.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: có người thiết lễ cúng dường tay cầm hương đốt, thưa rằng: Đã đến giờ.

Phật dạy: phải đốt hương cúng dường.

Kinh Hiền Ngu chép: rắn thì vàng rồi, tăng cầm hương trong tay bảo người hành, cho đến đốt hương từ xa thỉnh Phật và Tăng, như trong Phú-Na-Kỳ nói:

Nếu người hành hương không cho vợ đụng vào lòng bàn tay mình, nên bảo bà ấy tránh xa. Nếu không chịu thì liền rụt tay lại, bảo đi qua. Nếu có người nam vừa đến thì bảo họ cùng đi. Pháp của ni thì ngược lại, vì thầm ngăn tội lỗi.

Ngũ Bách vấn và Tam Thiên chép:

Không được đứng nhận hương, vì Tỳ-kheo nhận hương, người nữ chạm tay vào, dục tình phát khởi mà thôi đạo.

Phật dạy: nếu đứng nhận hương, phạm tội Đột-cát-la. Lúc hành hương chú nguyện chưa thấy trong văn kinh nhưng trong các luật thì có nhiều, Tỳ-kheo thầm chú nguyện.

Luật Thập Tụng chép: vì các vị trời nghe chú sinh tâm vui mừng nên khai cho chú nguyện.

Luật Tứ Phần chép: nếu đàn-việt muốn nghe pháp bố thí thì khen ngợi pháp bố thí. Muốn nghe pháp đàn-việt thì khen ngợi pháp đàn-việt, cho đến muốn nghe ông cha ở quá khứ thì khen ngợi ông cha. Cho đến khen Phật, pháp Tăng cũng vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: Bậc thượng toạ nên biết đúng thời phải chú nguyện cho người cúng dường trước. Nếu bậc Thượng toạ không thể nói pháp thì vị thứ toạ nên thuyết. Nếu vị thứ toạ không thể thuyết, cho đến vị hạ toạ đều không thể thuyết thì tất cả đều phạm tội. Gần đây những người thuyết thường tranh nhau nói những từ ngữ bóng bẩy văn hoa, quá sự thực. Hễ áo quần bóng bẩy khen là quý tộc, nghèo khó thì khen là nồi nấu thức ăn đẹp. Lời nói ra thì trở thanh luống dối, nêu lên sự việc chỉ thêm sự dối trá. Cho nên, Thành Thật chép: tuy là nói pháp nhưng không đúng lúc cũng trở thành ỷ ngữ, huống chi là những chuyện phù phiếm đâu thể nói ư?

Nay lập chánh điều thì mãi phải vâng theo.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu cúng dường cầu phước cho người đã chết thì nên chú nguyện. Tất cả chúng sinh có sinh mạng thì đều phải chết, tùy theo hành động thiện ác của người kia mà phải lãnh chịu quả báo. Làm ác thì phải đọa vào đia ngục; làm lành thì sinh lên cõi trời. Nếu thường tu đạo hạnh, lậu hết (phiền não hết) thì được Niết-bàn. Nếu thiết lễ cúng dường cầu phước cho việc sinh con thì nên nói: Đồng tử quy y Phật bảy đời Đại thánh tôn. Thí như cha mẹ thương nhớ con mình. Nêu ra sự vui thích ở đời, tất cả đều muốn cho con mình được, đến nhà bà

con quyến thuộc hưởng vui cũng không cùng. Nếu nhà mới làm xong khách khứa muốn đến để chọn vợ, khi ra khỏi nhà thì mỗi người đều phải chú nguyện. Văn như vị Thượng toạ kia nói. Nếu không biết thì đắc tội, rộng như trong quyển 34.

Kinh Trường A-hàm chép: Đức Thế Tôn chú nguyện rằng: người đáng kính thì nên biết phải kính, việc đáng làm nên biết phải làm. Bố thí rộng rãi cùng với lòng thương là có tâm từ ân, được các vị trời khen ngợi, thường khen là chứa nhóm những việc lành.

Luật Ngũ Phần chép:

Phật chú nguyện cho người buôn bán: chân tay khoẻ mạnh, hai chân ông cứng cỏi lúc đi an bình, lúc đến bình an, giống ruộng mong gieo hạt, hạt cũng mong vào ruộng. Nay ông ra biển mong được quả báo cũng như vậy. Theo nghĩa này, đây nói Phật có bốn biện tài vô ngại. Đối với nhân duyên chỉ dừng lại ở pháp bố thí trước. Còn chính bản thân mình ngu muội quá thì cũng đâu thể cưỡng ép.

Kinh Tạp Bảo Tạng chép: có lần Xá-lợi-phất làm Thượng tọa, các thí chủ vui mừng nhóm hợp, ăn xong rửa tay chân đối trước các Trưởng giả chú nguyện.

Hôm nay giờ tốt, tất cả mọi việc đều nhóm hợp; tài báu tốt và những việc lợi lạc, các Trưởng lão trong làng vui mừng hớn hở, tín tâm thêm vững chắc, liền nghĩ đến mười lực: từ đó về sau lòng tin của họ thường vững chắc.

Lúc đó, Ma-ha-la khổ cầu tụng tập, Xá-lợi-phất không gắng gượng dạy cho họ. Họ liền đến chú nguyện cho người chết, dẫn đến sự tổn thất sao còn lờ mờ chất lúa mạch trên mộ? Trước mặt vợ thì sợ hãi, sau lưng thì lớn tiếng gièm chê, nên bị đánh bảy hèo, mới đến Tinh xá Kỳ-hoàn bạch Phật.

Phật dạy: nếu các Tỳ-kheo nói pháp, chú nguyện thì phải hiểu thời nào thích hợp: lo, buồn, vui, biết thời, phi thời, không được nói dối.

7. Các tạp pháp thọ thực, hành thực.

Luật Tứ phần chép: nhận thức ăn khổ rồi sau đó chú nguyện. Nay ở phương này không thực hành.

Luật Ngũ Phần chép: ở những nơi khác không là người thanh tịnh cũng không thực hành. Nay y cứ theo ý mở rộng: những người đã nhận thức ăn, trước phải chú nguyện.

Luật Tứ phần chép: nếu vì cầu lợi mà bố thí thì sẽ được lợi. Nếu vì cầu vui vẻ mà bố thí thì sau sẽ được vui vẻ. Cho nên Tam Thiên uy nghi nói vì tịnh y, nên ngồi chồm hổm mà ăn. Lúc Phật mới thành đạo nhận

bát cháo sữa, quan sát pháp của chư Phật, tất cả Chư Phật trong ba đời đều mặc tịnh y ngồi chồm hổm mà ăn. Nếu có đệ tử xuất gia nên đúng như pháp. Vì ngăn ngừa chúng nên chế giới. Cứ toạ (ngồi chồm hổm) vì tịnh y (y sạch) khác với cách ngồi của người thế tục. Cũng vì ngồi trên tòa cỏ để ăn, vì ngồi chồm hổm mà chế ra chính pháp.

1. Co chân lên.
2. Ngồi dang chân ra.
3. Ngồi rung chân.
4. Ngồi thẳng chân.
5. Ngồi tréo chân.
6. Ngồi thòng ba y che chân.
7. Ngồi gác chân.
8. Ngồi cuốn y dưới chân.
9. Ngồi cuốn y dưới bắp đùi.

Tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Kế là nói về pháp trích phần ăn của mình cho chúng sinh ăn.

Hoặc trước khi ăn đồng xướng lên rồi trích ra, hoặc sau khi ăn chừa phần lại. Kinh luận không có văn, tùy theo tình cảnh mà sắp đặt. Trong kinh Niết-bàn nói: vì quỷ khoáng dã mới nhận lãnh giới bất sát (giới không sát sinh). Phật nói với quỷ rằng:

Ta đã bảo các đệ tử Thanh văn của ta, ngươi hãy đến chỗ có Phật pháp thì tất cả các đệ tử của ta đều bố thí cho ngươi ăn. Nếu có chỗ nào không bố thí thì chính là bè đảng thiên quỷ (quỷ vương) chẳng phải là đệ tử của ta.

Luật Tứ phần chép: trong Tăng-già-lam lập miếu quỷ thần.

Truyện rằng: chùa Tăng ở Trung quốc lập miếu quỷ, miếu thần già-lam, miếu Tân-đầu-lô. Mỗi ngày hai bữa ăn, vị tăng lớn đều đem thức ăn cúng ba chỗ ấy, những Tỳ-kheo ấy không trích ra. Kinh Ái Đạo Ni chép: bảo trích ra lớn bằng móng tay. Nay có người chết dọn thức ăn, theo Trung A-hàm nói: vì người chết bố thí cúng tế, nếu người đó sinh vào loài ngạ quỷ thì được, còn sinh vào đường khác thì không được. Vì mỗi loài đều có mạng sống và có sự ăn uống. Trong Tạp A-hàm nói rõ về điều này. Nếu thân tộc không sinh trong nhập xứ thì chỉ bố thí cái tâm thí cũng được công đức... cho đến thí chủ đọa trong sáu đường thì phước của bố thí thường theo. Lấy việc trì giới để được thân người thì cần phải có phước khác giúp đỡ. Trong Kinh Thí Dụ nói: năm trăm ngạ quỷ vừa đi vừa hát, cả trăm người đẹp khóc lóc đi qua.

Phật bảo: quyến thuộc con gái, cháu chắt của ngạ quỷ ấy đã làm

phước hồi hướng cho họ nên bọn họ được thoát kiếp, cho nên họ ca hát. Còn quyến thuộc con cái của những hảo nhân (người đẹp) kia giết hại sinh vật không làm các phước lành, sau bị lửa dữ ép ngặt cho nên họ khóc lóc...

Trí Luận chép: Quỷ thần, được người cho một phần ăn mà cả ngàn muôn ức quỷ thần kéo ra.

Luật Tăng-kỳ chép: đang ngồi ở gần tòa, người mang thức ăn đi qua không được im lặng, mà xem người bên cạnh, nên nói rằng: cho người này.

Nếu người đem thức ăn đến người thứ ba, thì phải vui vẻ nâng bát lên đợi họ đến.

Luật Tứ Phần chép: Bậc Thượng toạ thấy người đem trái cây đến, nếu ít quả mà cúng cho nhiều người, nên hỏi: vì ai mà đem tới? Nếu trả lời là vì Thượng toạ thì lấy, còn nếu nói vì tăng thì bảo đưa cho tất cả chúng tăng. Cho đến tất cả những thức ăn ngon cũng vậy. Kinh Bán quả chép: Vua A-dục cúng dường cho tăng nửa quả am-la mà tám muôn vị La-hán cùng ăn.

Luật Tăng-kỳ nói: được thức ăn mà ăn ngay, thì bị người thế tục chê trách.

Phật dạy: nếu mình được thức ăn thì gọi huynh đệ đến để cùng ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: tất cả cùng xướng lên đổ cúng dường. Nếu thời giờ sắp hết thì vừa đến ăn ngay, không có tội.

Luật Thập Tụng chép: cùng cúng dường.

Luật Ngũ Phần chép: nơi ni thỉnh đến, chưa gọi mà tùy ý múc ăn, chúng dưới phạm Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng chép: vì Xá-lợi-phất làm Thượng toạ, liền ăn thức ăn ngon, La-hầu thưa Phật, Phật bảo:

Từ nay về sau, bậc Thượng toạ phải đợi huynh đệ đến rồi mới được ăn. Khi nghe hiệu lệnh nhóm hợp, tất cả chúng tăng cùng ăn.

Luật Ngũ Phần chép: chánh y thọ thực, tay trái nhất tâm nâng bình bát, tay phải trợ duyên.

Luật Tăng-kỳ chép: trước nhận cơm để một bên bàn, sau đó nhận, rau trộn chung lại để ăn. Thức ăn còn nhai trong miệng không được xoay nhìn đồ ăn. Nếu vừa nhai nuốt thức ăn không được làm đổ cơm xuống đất. Vỏ hạt đào thì nên bỏ một bên chân.

Trong Tăng Nhất A-hàm chép: nhà vua thiết lễ cúng dường thì tự tay đi lấy thức ăn mang đến, thứ dân cũng vậy.

Luật Tứ Phần chép: Nếu thỉnh hai bộ tăng trước phải cúng dường cho Tỳ-kheo. Sợ quá trưa thì phải cúng ngay.

Kinh Phạm Ma-nam chép: người muốn bố thí thì phải bình tâm, bất luận là lớn hay nhỏ. Phật bảo A-nan:

Sắp đến giờ ăn nên bảo chúng tăng đến. Tăng đến thì chúng Tăng ăn, tất cả đều bình đẳng.

Luật Tăng-kỳ chép: đến giờ ăn thì tay phải trợ duyên, nên dùng tay trái thọ nhận, rót nước tráng qua, không được ngâm lâu. Đưa bát lên cúng dường không được đụng trán mũi và phải uống hết.

Nên để một ít vào một cái chén nhỏ, chú nguyện rồi đưa cho vị hạ tọa, Sa-di. Trong lúc ăn không nên ồn ào, vì sợ làm mất tâm người tín thí. Nếu bún nước để sái tịnh thì không phạm tội lộng thủy (đùa giỡn với nước). Nếu người ngồi gần bên mình mà không được phần ăn thì nên đòi, nếu giảm phân nửa thì cũng nói. Nếu có rau quả dư cũng không được bỏ bừa bãi làm bẩn đất, nên gom lại một bên chân rời đem bỏ.

Luật Tỳ-nại-da nói:

Không được tỳ ngón tay cái vào trong bát.

Luật Thập Tụng chép: khi ăn nên rửa tay sạch sẽ, không được bới ra, nên gom thức ăn lại, lấy ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: khi ăn không được khua chén đũa.

Luật Tỳ-nại-da chép: không được bóc thức ăn đưa lên mũi ngửi.

Luật Ngũ Phần chép: cơm trong bình bát không được vãi ra nhà thế tục. Nếu lúc thêm thức ăn mà trong miệng ngậm thức ăn được nói: có hay không có gì cũng được, đều không có lỗi.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu trong miệng ngậm thức ăn thì nên nuốt rồi mới nói chuyện với người.

Trong miệng ngậm thức ăn mà có người hỏi thì không được đáp ngay. Nếu nghe người hỏi mà trong miệng không ngậm thức ăn thì được nói.

Luật Tứ phần chép: nếu bánh khô, bánh tiêu, rau quả thì được ăn một nửa.

Luật Thiện Kiến chép: thức ăn trong bình bát nên vét lấy cho chúng sinh, nước đổ ra nhà cư sĩ, thì không phạm. Nên nương vào chỗ ẩn, chỗ bất tịnh.

8. Pháp ăn xong:

Luật Tăng-kỳ chép: Bậc Thượng toạ nên ăn từ từ, không được ăn mau rồi ngồi nhìn làm những người tuổi nhỏ lúng túng ăn không no. Nên xem họ ăn xong chưa, rồi mới rót nước, chú nguyện sau đó mới để

bát xuống. Lại nói: chư tăng ăn xong, cư sĩ đem những thức ăn còn lại cho nhà gần bên.

Kinh Hiền Ngu chép: văn ở nhiều nơi nói: chư tăng ở nhà thế tục trước khi ăn nên rửa tay chân, sau khi ăn phải súc miệng. Phật và Tỳ-kheo ở nhà thế tục ăn cơm xong đều phải súc miệng, rửa bát, sau đó mới nói pháp cho gia chủ nghe.

9. Pháp Đại Sấn:

Luật Ngũ Phần chép: sau khi ăn bố thí y phục, đồ vật gọi là đạt-sấn.

Luật Tứ Phần chép: vì ăn rồi lặng lẽ ra đi làm cho đàn-việt sinh tâm nghi ngờ, chẳng biết có ăn được hay không, đủ hay không, lại nói:

Vì những ngoại đạo đều khen ngợi đàn-việt bố thí cúng dường, cho nên Phật bảo bậc Thượng tọa vì nói đại sấn, dù chỉ một bài kệ (văn này giống như pháp thọ thực). Nếu bậc Thượng toạ không có khả năng nói thì bảo người nói. Nếu không nói pháp cũng không chịu bảo người nói pháp, tất cả đều kết tội. Nếu nói Đại Sấn thì bậc Thượng tọa và bốn chúng đều phải đợi nhau còn những người khác thì cho phép đi.

Luận Tát-bà-đa chép: Khi ăn xong, nói pháp có bốn điều lợi ích:

1. Vì tiêu hóa được phẩm vật của tín thí cúng dường.

2. Vì báo đáp ân sâu.

3. Khiến chúng sinh sinh tâm vui mừng, gốc lành được thành tựu.

4. Người tại gia thích nên bố thí bằng tài vật, người xuất gia phải đem pháp tạng để thực hành hạnh bố thí. Trong luật nói thuyết khế kinh.

Luật Thiện Kiến chép: Tu-đa-la nghĩa, các thứ nghĩa khai phát. Cho phép lúc nói nghĩa thì bao gồm tất cả những điều quan trọng trong văn kinh để khai.

Luật Ngũ Phần chép: Các Tỳ-kheo phá giới tà kiến, các căn không đầy đủ, thường khen ngợi sự chú nguyện nói pháp. Do đây hạng người xấu được thế lực lại thường làm nhục tăng. Phật nói: thỉnh pháp sư thông hiểu ba tạng, các căn đầy đủ.

Luận Du-già chép: Nếu không thể tụng chú thì nên sai theo thứ lớp, nếu tất cả đều không tụng được thì mỗi người nên tụng một bài kệ.

Kinh Tăng Nhất A-hàm giải thích: không làm các điều ác không gì hơn giữ giới luật trong sạch, vâng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch, tự làm sạch tâm ý của mình, dứt bỏ những tà kiến điên đảo. Đây chính là lời Phật dạy, dứt bỏ tư tưởng ngu hoặc vì giới thanh tịnh, tâm ý

thanh tịnh và không điên đảo, vì không điên đảo nên dứt trừ hoặc tưởng. Ngay đời này, ban đầu không có hình thức nói pháp. Nếu ăn rồi đem tất cả tiền tài ra bố thí. Lý y cứ theo Luật Ngũ Phần, tùy lúc khen ngợi không được phô trương. Rộng như trước đã nói.

10. Pháp thỉnh ra khỏi nhà, Luật Ngũ Phần chép: lúc trở về bổn tự, bậc thượng tọa thì tám người cùng đợi nhau còn những người khác thì đi trước, các đệ tử của tăng nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi sửa lại y, bình bát và đi theo thứ tự, đến cửa chủ nhà nói rằng: đàn-việt hậu thí đúng như pháp, bần đạo đâu có đức gì mà kham lãnh. Ngoài ra tùy theo lúc mà nói rồi đi. Kinh Tạp A-hàm nói: Phật và các Tỳ-kheo ăn xong vào thiền thất ngồi thiền. Sau buổi trưa từ chỗ ngồi thiền đứng dậy để nói pháp.

****

Thiên 24: ĐẠO TỤC HÓA PHƯƠNG

Đạo tục có tướng khác nhau nhưng có ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy hai hình thức mà chỗ hướng về đều giống nhau. Cho nên Sa-môn xử thế đạo duyên phải lập. Nếu không nhờ bên ngoài kia hộ vệ thì không có tâm phò pháp, bản thân mình đã thường nhận của cúng dường đáng lẽ phải dùng giáo pháp cứu độ người thế tục. Cho nên mặt trời Phật được rực sáng, nắm giữ được tượng vận. Cho dù chánh pháp ẩn nhưng vẫn truyền bá mãi, Tăng đồ diệt nhưng vẫn lặp lại. Điều đó là ở đây ư? Tưới tẩm những thứ không cần thiết, người ít hiểu luật thật nhiều, người hiểu biết luật thì ít. Quyết thi hành giáo hóa nhưng chỉ đưa ra khỏi cổ họng. Đối với chánh giáo kia đều không chuyên nói cho nên khởi việc phi pháp, lời nói trở thành sai lầm quá mức, sinh ra những điều bất thiện, làm sao gọi là tiếp dẫn. Tất cả đều do tâm thấy chẳng có một tấc vuông kết pháp. Cho nên Luật Thiện Kiến chép: theo đuổi điều ác đều do vô trí, vọng giảng nói giải thích Phật giáo, phỉ báng Như lai, làm nhiều việc ác, sinh nhiều tà kiến. Nay vì khuyên răn việc chưa từng nghe thánh chỉ.

1. Nói về phép tắc thọ giới.
2. Giải thích về sinh duyên phụng kính.
3. Nói về cách thức cư sĩ nữ vào chùa.

Trong phần đầu, kinh Đại Tập ghi:

Vô lượng chúng sinh bạch Phật hộ trì pháp. Phật khen: hay thay các đại đàn-việt, lại nói: Các Tỳ-kheo phá giới đồng ở một chỗ, nói pháp không được nhận của tín thí. Giống như cây rau đay. Người phá giới tướng cho đến thọ nhận gìn giữ tám vật bất tịnh, gọi là Sa-môn Tể khúc ảo tặc tuý chiên-đà-la. Rộng như trong quyển 31 có nói.

Luật Tứ Phần chép: nói pháp cho đàn-việt thì cho phép nói khế kinh và phân biệt nghĩa lý. Được phép không nói đầy đủ câu văn. Không được hai Tỳ-kheo cùng ngồi trên tòa cao nói pháp, hoặc cùng cải vã, hoặc cùng nói nghĩa hay dở, hoặc cùng ép ngặt lẫn nhau. Hoặc hai người đồng hàm chú, khen ngợi, nghe nói pháp v.v... Bởi vì xướng ca, nghe xướng ca, có năm lỗi:

1. Tự mê đắm âm thanh.
2. Khiến người nghe sinh tâm ưa thích.
3. Khiến cho người khác học theo.
4. Khiến cho người thế tục sinh tâm ngạo mạn.
5. Vì loạn định ý.

Nếu người nói pháp còn nhỏ nên theo thứ tự thỉnh thuyết, dưới chỉ một câu kệ: “không làm các điều ác”.

Ban đêm tụ tập nói pháp thì không được ngồi trên tòa cao, tòa thấp. Trong Tam thiên oai nghi, ngồi trên tòa cao tụng kinh trước phải lễ Phật, kế là lễ kinh pháp rồi mới lên tòa. Lúc ngồi trên tòa thân mình phải ngay ngắn hướng lên tòa ngồi. Nghe tiếng kiền-chuỳ dứt trước nên khen ngợi kệ chú, đúng như pháp mà nói. Nếu không đúng như pháp hỏi, không như pháp nghe thì liền dừng.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Hễ nói pháp, Tỳ-kheo nên tính lượng đại chúng, phải nói làm sao để họ nghe và hiểu được. Nếu họ nghe và hiểu được pháp sâu xa thì nói pháp sâu xa cho họ: là các Luật Ngũ phần, pháp mười hai nhân duyên, kinh Niết-bàn, v.v... Nếu họ nghe pháp cạn thì nên nói cho họ các pháp bố thí, trì giới được sinh lên cõi trời. Nếu chúng vui ít buồn nhiều, không lợi, không có ích lợi cho người gọi là ác thuyết, ngược lại với ở đây gọi là thiện thuyết. Lại nữa, nên biết câu cú, văn nghĩa, âm thanh nam nữ v.v... phải trừ khử tâm tham lam, không xem thường tâm mình, không xem thường đại chúng. Tâm phải thích ứng với tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm lợi ích, tâm bất động, tâm tự chủ. Những thứ tâm này cho đến mười bốn câu, giải thích một cách như thật trước mặt mọi người không nên khởi tâm sợ hãi. Vì sao? Vì khởi tâm sợ hãi làm cho thân mệt mỏi, chậm chạp. Âm thanh không rõ ràng, nói không có thứ lớp, nói pháp không mầu nhiệm thì nghĩa lý khó hiểu. Phải học cho thật kỹ càng, có thứ lớp, nên an tâm nói pháp. Không nên nói những pháp chán chường, bệnh hoạn, xa lìa. Quán thân là khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh. Giống như trong quyển 7 đã nói. Trong kinh Niết-bàn chép: nếu Tỳ-kheo vì lợi dưỡng mà nói pháp tất cả đồ chúng cũng bắt chước. Thầy như thế là tự làm hư hoại chúng, chúng có ba loại.

1. Tạp tăng phá giới: tuy trì cấm giới nhưng vì lợi dưỡng thì cũng giống như những hành động ngồi đứng, đi lại của kẻ phá giới.

2. Tăng ngu si: ở chỗ vắng vẻ, các căn không lanh lợi, ít ham muốn, xin ăn, tự mình nói giới tự tứ, thường dạy các đệ tử hàng ngày thường thanh tịnh thuyết giới nhưng lại cùng thuyết giới tự tứ. Thế nào là tăng thanh tịnh?

Tăng thanh tịnh là tăng không nhiễm ô lợi dưỡng, khéo biết giới tướng. Giống như bốn giới trọng người xuất gia không được phạm. Nếu phạm thì chẳng phải là Sa-môn thích tử.

Vì sao biết là nhẹ? Ba lần can ngăn thì thôi. Phi luật chẳng chứng.

Nếu có ai khen ngợi việc thọ dụng vật bất tịnh, không cùng đồng thời. Đúng luật thì phải chứng. Nếu học giới luật, thì không gần gũi người phá giới, phá kiến; Người thuận theo luật, sinh tâm vui mừng, khéo được giải thoát. Đây gọi là luật sư thiện giải nhất tự. Nếu vì lợi ích cho chúng, đến chỗ phi pháp nhưng nếu là Thanh văn thì không nên làm. Kinh Tạp A-hàm nói:

Một Pháp sư được thâu nhận sáu mươi vị Tỳ-kheo mới học để dạy bảo, nói pháp.

Phật dạy các Tỳ-kheo: có người hỏi về cái chết là uổng công, Như Lai chẳng thích trả lời điều đó. Hễ có sinh thì có chết, lấy gì làm lạ? Nên suy nghĩ về mười hai nhân duyên mau thực hành để vượt qua sinh tử này.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu Tỳ-kheo trái phạm lời Phật dạy thì phạm tội. Người tại gia biết thì thế nào? Ngũ Bách Vấn chép:

Nếu tăng muốn làm người tụng kinh nói pháp, được phẩm vật thì phạm tội xả đọa. Nếu không có tâm tham thì không phạm. Nếu không có y thì được lấy, trong Tam Thiên oai nghi chép:

- Nếu muốn vào phòng người thì:
- Đứng bên ngoài búng ngón tay.
- Phải cởi mũ nón.
- Làm lễ.
- Đứng chánh niệm, bảo ngồi thì ngồi.
- Không quên trì kinh.
- Vào hỏi kinh có năm việc:

1. Đúng pháp, xuống giường hỏi.
2. Không được ngồi chung.
3. Không hiểu nên hỏi ngay.
4. Không nghĩ đến duyên bên ngoài.
5. Đã hiểu rồi thì nên đầu mặt đảnh lễ ra đi.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép:

Đã nghe mười hai bộ kinh, muốn thị bày nghĩa này lại có tâm nghi. Nếu muốn thứ lớp nói văn nhưng văn dài, đại chúng phần đông mệt mỏi chán nản. Nếu sao chép, lựa chọn được những từ hay, nói ngay thì không biết sẽ ra sao?

Phật nói: cho phép dẫn trong kinh, nói lời chính yếu, từ hay liền hiển bày nghĩa ấy.

Kinh Niết-bàn chép: nếu có thọ trì đọc tụng ghi chép giảng nói thì không được phi thời, chẳng phải đất nước, không ai thỉnh mà nói:

khinh tâm khinh người, tự khen ngợi, tùy nơi mà nói. Đến Phật pháp bị tiêu diệt thì nói pháp sáng ngời ở thế gian. Vì sao? Vì không phải chỗ, không phải thời mà nói pháp thì khiến cho vô lượng người chết đọa vào địa ngục. Thì đây là chúng sinh ác tri thức. Kinh Tạp Bảo Tạng ghi: nói cho người thế tục bảy thứ pháp thí không hao tốn tài của:

1. Nhan. 2. Sắc. 3. Lời nói. 4. Ngôn ngữ. 5. Tâm. 6. Giường ghế. 7. Phòng xá, mỗi quả báo cho đến thành Phật còn vô tận.

Trong Trí Luận chép: Phật bảo các Tỳ-kheo nói pháp rồi nhập vào thiền định, những điều mình đã nói thì thân cũng tự thực hành.

Trong kinh Đại Tập ghi: Nếu Bốn chân đế thì nhất niệm chứng. Nghĩa là vì tất cả chúng sinh nói một hạnh, một pháp, cho đến vô số nhân duyên điều phục chứ chẳng phải một. Cho nên liền nói vô số pháp tám mươi bốn ngàn tụ khác nhau. Nếu vì người ở tại gia giáo hóa dạy họ làm phước có năm việc:

1. Không nên ở nhà đàn-việt.
2. Không đắm vào tâm tham lợi.
3. Nói riêng từng pháp: bố thí, trì giới, tám quan trai.
4. Không được cùng đùa giỡn.
5. Không ràng buộc tâm, thường muốn thấy nhau. Lại còn năm việc làm đàn-việt tôn trọng cung kính.

1. Vì chỗ quá thân quen không lui tới.
2. Không nên lo liệu tình thế gia nghiệp của đàn-việt.
3. Không nên nói chuyện riêng khiến trong nhà sinh nghi.
4. Không được coi ngày tốt để cúng bái quỷ thần.
5. Không cần xin quá nhiều.

Năm pháp vào nhà thế tục. Một/ khi vào nhà thế tục phải nói nhỏ. Hai/ thúc liễm thân miệng ý. Ba/ nhiếp tâm cung kính mà đi. Bốn/ Thâu nhiếp các căn. Năm/ giữ uy nghi để dạy họ sinh điều lành. Có chín việc không nên vào ngồi trong nhà thế tục. Một/ tuy họ lễ bái nhưng tâm không cung kính. Hai/ tuy đón rước, đưa tiễn nhưng tâm không thiết tha. Ba/ tuy nhường chỗ ngồi nhưng tâm không thật. Bốn/ không cung kính chỗ mình ngồi. Năm/ nói pháp mà họ không ghi nhớ. Sáu/ tuy nghe có đức nhưng không tin nhận. Bảy/ biết có rất nhiều của nhưng xin thì cho ít. Tám/ biết có thức ăn ngon mà ngược lại dọn đồ dở. Chín/ Tuy cung cấp nhưng giống như trao đổi pháp ở ngoài chợ. Gặp những việc đó không nên ngồi. Ngược lại ở đây thì được ngồi. Nếu vào làng nên hạ mình cung kính hổ thẹn. Không vướng mắc sáu trần, nhất tâm mà đi. Như núi cao từng tấc cheo leo niệm niệm sinh sợ hãi, không để tâm

nơi khác. Đến chỗ vực sâu cũng giống như vậy, như trăng soi khắp thế gian, dùng tay lay động hư không, bốn phương chẳng vướng mắc. Luật Thập Tụng chép:

Người nói pháp nên nhất tâm, sinh tâm thương xót làm lợi ích, thứ lớp nói lời trang nghiêm, biện tài vô tận thuận theo thật tướng các pháp. Vì pháp mà nói, không vì lợi dưỡng. Thượng toạ trong đây nên quan sát lời mình nói. Nếu không nói đúng như pháp nên im lặng. Lại nghe nghĩa kinh của Phật ngôn từ trang nghiệm, lần lượt giải thích. Kinh Phật vốn phải trực tiếp đọc tụng chớ lẫn lộn với nghĩa của luận. Luật Ngũ Phần chép: Nói pháp cho người tại gia nghe, họ vui mừng bố thí thì được nhận.

Luật Thập tạng chép:

Khi chú nguyện khen ngợi thánh pháp thì không được ăn. Tát-bà-đa chép:

Nếu đàn-việt muốn làm phòng lớn nói cho họ biết để làm nhỏ lại, thuận theo nhỏ là vì dục pháp. Nếu vì chứa nhiều người thì không nên trái ý.

Luật Tứ Phần chép:

Không nên dùng chú thuật giáo hóa người thế tục, phải dạy họ rằng: Không nên hướng về tháp của Như lai mà đại tiểu tiện, bỏ đồ dơ và nước bất tịnh. Nếu làm phòng ốc gieo cấy ruộng vườn thì nên hướng về tháp của Như lai. Lại vào những ngày 8, 14, 25, vào chùa tháp cúng dường chư tăng, thọ tám quan trai.

Phật bảo đàn-việt: Nếu người có lòng từ đem gạo, nước vo gạo, để tẩy rửa... có trùng thì khiến trùng được thức ăn, sẽ được vô lượng phước, huống chi là cho người.

Luận Trí Độ chép:

Phật bưng bát nhận nước cặn thối của Lão Mẫu, nhận canh thừa của Úc-Nhĩ, độ vua Tần-bà-sa-la.

Luật Thiện Kiến nói:

Không được làm người sai khiến cho người tại gia, nếu khiến cho họ lễ Phật tụng kinh chú nguyện làm các việc lành thì không phạm, làm những việc ác khác thì phạm Đột-cát-la.

Kinh Trì Địa nói:

Nếu thấy chúng sinh phải ân cần hỏi han, sắc mặt thư thái nói lời ôn hòa chánh niệm hỏi rằng: Đi đường có bình yên không ? Bốn đại có điều hòa không ? Ngủ nghỉ có an ổn không ? Dùng lời khen ngợi, lại tùy theo thế gian dùng phương tiện chú nguyện cho vợ con, quyến thuộc,

tiền tài, thóc gạo đầy đủ. Thấy người làm công đức thì khen ngợi bố thí trì giới.

Luật Tứ Phần chép:

Nếu có người tại gia bị bệnh vào chùa thì nên dùng phương tiện khiến họ ra khỏi chùa. Nếu họ khen ngợi Phật pháp tăng thì tùy khả năng mà làm. Nếu họ chết ở trong chùa thì khiên họ bỏ ra ngoài. Nếu có người bệnh nhẹ nên cầu nguyện cho họ sống lâu.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu vào chỗ vua không được khen chê quân trận, thuật bắn. Nên nói dòng Sát-lợi là dòng họ cao quý nhất, Như lai Ứng Cúng Chánh biến tri thường sinh vào trong nhà thứ hai: Các bậc xuất gia sinh ra trong pháp Luân vương và Chuyển luân thánh vương. Lại nhờ năng lực ủng hộ của pháp luân nên được tự tại an vui. Lại mang hình tướng được người khác cho là không ngã mạn. Nên sinh vào các cõi dưới cho đến đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v... muốn nói thì nói, nói xong liền đi. Nếu họ nói rằng không có chướng ngại thì nên đến. Nếu vào nhà cư sĩ giầu không được nói rằng “ông nhờ việc buôn bán dùng cân non lường gạt người” mà nên nói “như Thế Tôn nói nhị luân được thực luân rồi mời chuyển pháp luân. Các cư sĩ cúng đường y phục thức ăn là một việc khó. Tôi nhờ các ông nên ở trong giáo pháp Như lai tu phạm hạnh vượt sinh tử, tất cả là nhờ ân đức tín tâm của các ông”. Nếu vào trong chúng ngoại đạo thì không được chê bai là tà kiến, không biết hổ thẹn, nói lỗi xấu của họ, mà nên khen ngợi sự thật, nói “các ông hãy xuất gia để giải thoát sự trói buộc, xả bỏ y phục thì tục tâm được rỗng rang, là một việc rất khó”.

Hai là nói về pháp thọ giới. Trong đó có ba phần. Đầu tiên bỏ tà quy y Tam bảo. Trong phần này lại chia làm bốn. Một là chỗ ngự ý, hai là pháp sám hối, ba là lập pháp qui y, bốn là tổng kết thứ từ trong phần đầu. Kinh Niết-bàn nói rằng tất cả chúng sinh vì sợ bốn ma sinh tử nên thọ ba quy. Gọi một nghĩa của Chư Phật chẳng phải hàng Nhị thừa biết được, loài chim cánh vàng không dám thọ ba qui y, những cái khác cũng như nghĩa sao.

Hai lả pháp sam hối, do tin tà từ lâu vọng tạo phi pháp, nay trở về qui y bẻ gãy tà nghiệp. Kinh A-hàm v.v... đều khuyên trước phải sám hối. Kinh Niết-bàn chép:

Phát lộ các nghiệp, hoặc không làm đều ác từ bờ này sinh tử đã làm ra cho đến những việc mình làm đến. Như quyển 10 nói: Bất luận lúc nào sám hối, độc tụng cũng được thông dụng. Ba là tác bạch, Luận Trí Độ nói: Quỳ gối chắp tay trước mặt Tỳ-kheo thưa rằng: con tên là......

suối đời qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng (nói ba lần) liền sinh pháp lành. Lại cuối cùng nói rằng: Con tên... Nguyện suốt đời qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng (nói ba lần). Tát-bà-đa nói: tâm đã thuần thục thì không cần phải dạy. Bốn là tạp liệu giản, kinh Đại Tập chép: người nữ có thai sợ thai không được an ổn, trước phải thọ ba qui y. Khi thọ ba qui y rồi thì đứa bé được bình an. Cho đến khi sinh ra thân tâm đầy đủ, được thiện thần ủng hộ. Tát-bà-đa chép: trong năm đường đều được thọ ba qui y, không thộ giới pháp cũng được một năm. Nếu trong nửa năm thọ giới khoảng năm mươi ba ngày thì không đắc giới.

Hai là nói về năm giới, chia ra làm ba, một là chọn người đúng sai, hai là tác pháp sai biệt, ba là thư từ. Trong phần đầu Thành Luận chép: Người phạm năm tội nghịch, giặc đến làm ô nhục Tỳ-kheo-ni không cho làm, vì nghiệp ác làm ô nhục là pháp chướng đạo không nên ngăn việc lành như tu hành, bố thí, trì giới.

Nếu người nào giữ giới thì không phạm lỗi. Trong Tát-bà-đa nói nếu có người trước phạm năm giới, tám giới, mười giới mà phạm nặng thì không được thọ. Cho nên trước phát khởi duyên của giới. Kinh Thiện Sinh chép: Giới này rất khó, có thể nói là căn bản của Sa-di, Tỳ-kheo và Bồ-tát. Giới có năm loại, tùy theo thọ một phần thì được một giới. Người này muốn thọ phần giới nào? Người trí tùy theo lời nói mà thọ, hai là tác pháp. Nghĩa là thưa con tên là... qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng, nguyện suốt đời giữ năm giới của Ưu-bà-tắc, Như lai Chí chân Đẳng chánh giác là thầy của con (nói ba lần). Con tên là... qui y Phật rồi, qui y pháp rồi, qui y tăng rồi, nguyện suốt đời giữ năm giới Ưu-bà-tắc, Như lai chí chân Đẳng Chánh giác là thầy của con (nói ba lần). Trí Luân nói chép: Giới sư nên nói rằng: này Ưu-bà-tắc hãy lắng nghe; Đa-Đà A-dà-độ A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà vì Ưu-bà-tắc nói năm giới tướng, ông nên lắng nghe từ đây cho đến hết đời không được sát sinh là giới của Ưu-bà-tắc ngươi có thể giữ được không ? Thưa: "Giữ được". Từ nay cho đến hết đời không được trộm cắp là giới của Ưu-bà-tắc, ông có giữ được không ? Thưa "giữ được". Từ nay cho đến hết đời không được tà dăm, không được nói dối, không được uống rượu đều theo như trên mà nói, đây là năm giới của người tại gia, ông nên suốt đời thọ, phải cúng dường Tam bảo, khuyên hóa làm những việc công đức. Sáu ngày trong một tháng, ba tháng thường tu trì trai giới, dùng công đức này hồi hướng cho chúng sinh đều thành Phật đạo. Ba liệu Giản thành nói: tùy thọ một, hoặc hai, hoặc ba đều được luật nghi. Cũng khai giới trọng, thọ giới trọng, phát được giới cũng tùy theo ngày nhiều ít mà thọ. Phần

nhiều nói nên thọ với năm chúng, không nên thọ với người thế tục. Trí Luận nói: do sáu ngày trai là ngày ác quỷ đoạt mạng người. Ngày đầu tiên của kiếp sợ bậc thánh dạy người một ngày không ăn là giử trai giới. Sau khi Phật ra đời dạy rằng: ông nên một ngày một đêm giữ tám giới, như Chư Phật quá ngọ không ăn. Đó là công đức đưa người đến Niết-bàn. Hỏi: Miệng có bốn lỗi sao chỉ có nói dối. Đáp: Chỉ nêu ra nói dối thì nhiếp ba cái khác. Lại, pháp của Phật quí ở nói thật. Cho nên trước phải nhiếp. Như nói thập thiện là giới tướng chung, vô lượng thông qua thuộc về không tham. Như vậy y theo mà nói biết. Lại nói người sinh ra trong cõi nước đều cùng nhân duyên.

Nghĩa là ngoại pháp và nội pháp là nhân duyên như ác khẩu, cho nên đất sinh ra gai góc, tâm nịnh nọt cung vậy, nên đất cao thấp không bằng phẳng, sau tham nhiều cho nên lụt lội hạn hán không điều hòa với đất nên sinh ra sạn sỏi. Không làm những điều ác trên thì đất bằng phẳng. Như thời Phật Di-lặc, người thực hành mười điều lành nên đất sinh ra nhiều châu báu. Kinh Tăng Nhất nói: do làm mười điều ác nên vật bên ngoài suy hao, huống gì vật bên trong? Rộng như quyển 43. Trong phần 33 của kinh Thiện Sinh Trưởng giả chép: Người tại gia thực hành pháp và lễ bái sáu phương. Tát-bà-đa chép: Trong năm giới uống rượu là nặng nhất. Nói rộng những phần khác thì quyển bảy trong kinh Thiện Sinh nói rất rõ. Ba là nói về tám giới pháp, trong Tát-bà-đa v.v... nói: nếu từ năm chúng thọ thì không cần có người, chỉ tâm niệm miệng nói tự qui y Tam bảo, con giữ gìn tám giới cũng được. Lại nữa, về pháp thọ, Luận Trí Độ chép: Thọ giới pháp một ngày nên quỳ thẳng chấp tay nói như vầy: con tên... nay một ngày một đêm qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng, làm Ưu-bà-tắc thanh tịnh (nói ba lần). Con tên... qui y Phật rồi, qui y pháp rồi, qui y tăng rồi, y trong một ngày một đêm làm Ưu-bà-tắc thanh tịnh rồi. Kế đếm sám hối: con tên... nếu vì thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp bất thiện, tham lam, ngu si, đời này, đời trước có tội như vậy, ngày nay thành tâm sám hối. Ba nghiệp thanh tịnh thực hành tám quan trai: Như vậy là Bồ-tát. Kế đến là nói về tướng. Như các Đức Phật suốt đời không sát sinh. Con tên... một ngày một đêm cũng không sát sinh như vậy. Như Chư Phật suốt đời không trộm cắp, con tên... một ngày một đêm cũng không trộm cướp như vậy. Con tên... Một ngày một đêm cũng không trộm cướp như vậy. Như Chư Phật suốt đời không dâm dục. Con tên... một ngày một đêm cũng không dâm dục như vậy. Như Chư Phật suốt đời không nói dối. Con tên... Một ngày một đêm cũng không nói dối như vậy. Không uống rượu, không ngồi giường cao rộng

lớn, không đeo hương hoa anh lạc và xoa vào mình, không tự mình ca múa hát xướng và đi xem nghe cũng giống như vậy. Đã thọ mười giới rồi như Chư Phật, suốt đời không ăn quá ngọ. Con tên... một ngày một đêm cũng không ăn quá ngọ. Con tên... Thọ tám giới tùy theo học pháp của Chư Phật, gọi là Bố tát. Nguyện suốt đời không đọa ba đường ác, tám nạn. Con cũng không cầu cái vui của cõi chuyển luân thánh vương, Phạm Thích, Thiên vương, v.v... nguyện dứt trừ phiền não chứng được Phật đạo. Tăng Nhất A-hàm nói bát quan trai phát rộng đại nguyện. Như quyển 38 nói đầy đủ như sớ sao. Trong luật Tăng-kỳ, Phật bảo Tỳ-kheo: Nay là ngày trai bảo Ưu-bà-tắc tắm gội sạch sẽ, mặc áo sạch, thọ pháp Bồ-tát. Thập Tụng chép: ở nơi xóm làng, Thượng toạ thấy người tại gia đến nói pháp sâu xa mầu nhiệm cho họ nghe, chỉ bày bỏ tà quay về chánh đạo. Nên dạy cho họ biết thực hành bố thí, trì giới nhẫn nhục, khéo thọ trì tám giới. Kinh Tăng Nhất chép: nếu người thọ trì tám trai giới trước phải sám hối tội, sau mới thọ giới. Nói rộng như trong quyển 16, các thánh đệ tử đa văn của Phật khi giữ tám chi trai giới phải nhớ mười danh hiệu của Như lai. Nếu có suy nghĩ ác, bất thiện thì đều diệt. Trong kinh Thiện Sinh chép: người thọ được tám giới trừ được năm tội nghịch, tất cả những tội ác đều diệt. Luận Thành Thật chép: Công đức và người vô lậu v.v... đều được tùy thọ một, hoặc hai, hoặc ba ngày và nhiều ngày hay ít ngày trong tháng đều thành. Câu-xá chép: Trang nghiêm là từ bỏ những cái không theo qui cũ, không sinh tâm say sưa cuồng loạn. Thiện sinh thọ tám giới không phải nhiều, chỉ riêng theo Ngũ Phần, Tỳ-kheo thành tựu tám pháp. Huỷ bỏ Tam bảo và giới là muốn bất lợi cho năm giới. Người thọ năm giới nên không kính tin. Nếu Ưu-bà-tắc giận Tỳ-kheo không đến nhà họ, xóm làng cũng như vậy. Kinh Tạp A-hàm nói: sao gọi là Ưu-bà-tắc? Nghĩa là người tại gia thanh bạch tu tập tịnh tu, người nam thành tựu nói ba lần qui y. Hai là nói sinh duyên đưa ra tin tức về pháp. Trong luật Ngũ Phần, Tất-lăng-già nói: cha mẹ nghèo khổ dùng y phục và thức ăn cúng dường. Phật dạy: nếu có người vai phải mang cha, vai trái cõng mẹ, đại tiểu trên đó trải qua một trăm năm, hoặc dùng y phục đẹp đẽ cúng dường cha mẹ cũng không thể báo đáp ân sâu trong muôn một. Do đó, khuyên các Tỳ-kheo phải hết lòng cúng dường cha mẹ, người đó không mắc tội trọng. Luật Tăng-kỳ nói nếu cha mẹ không tin Tam bảo thì nên khuyên tin. Nếu đã tin thì phần tự từ của mình mang dâng cha mẹ chớ để thiếu. Nếu cha mẹ nghèo thiếu bị khinh rẻ thì nên đem vào chùa. Nếu tắm gội cho cha mẹ thì không được xúc phạm, được tự tay mang thức ăn cho cha mẹ: như

pháp Sa-di không khác, tất cả đều được, kinh Niết-bàn chép: Do Phật pháp tăng thường trụ nên khai mở giác ngộ cho cha mẹ, cho đến bảy đời đều khiến vâng giữ Phật pháp. Cho đến tự mình học hỏi, rồi đem sự hiểu biết ra dạy người, thì gọi là Hộ pháp. Như vậy, sẽ được sống lâu, kinh Tỳ-ni mẫu chép: nếu cha mẹ nghèo khổ trước phải cho thọ ba qui y, năm giới, mười điều lành, sau mới thí cho.

Nếu không nghèo thì có thọ giới cũng không nên cho. Trong luật Tứ Phần: Ngài A-nan thỉnh Phật trao giới cho Ái đạo rằng vì có ân bú mớm, nuôi dưởng được lớn khôn. Phật nói: nếu nghe được danh từ Tam bảo đã là báo ân rồi, huống chi được lịnh tín? Kinh Tạp Bảo Tạng chép: Trưởng giả Từ Đồng nữ nhà nghèo một mình nuôi cha mẹ được duyên tốt ở đời hiện tại, chim oanh vũ hiếu thanh dưỡng nuôi cha mẹ mù được duyên thành Phật. Kinh Tăng Nhất chép: công đức hiếu thuận cúng dường cha mẹ không khác với công đức một đời bổ xứ. Văn chép: dạy hai người làm việc lành thì không thể báo ân được, nghĩa là cha mẹ. Cho nên Tỳ-kheo phải hiếu thuận cúng dường cha mẹ không mất một thời khắc nào. Nên học như vậy. Ngũ Bách Vấn chép: cha mẹ mù loà bệnh tật không người cung cấp, phần thức ăn mình xin được nên chia cho cha mẹ một nửa. Tự mình xe sợi cung cấp y phục cho cha mẹ còn phạm tội, huống gì là chứa để áo quan v.v... Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo không được gọi bố ơi! Bà ơi! Anh ơi! Em ơi! Cho đến gì ơi... Không được gọi tên tục của họ, mà phải gọi theo pháp danh của Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Kinh Tăng Nhất chép: bốn họ vào pháp của Phật rồi đồng gọi là hạt giống của Thích-ca. Không được theo họ của thế tục, Tỳ-kheo nên học. Luật Thiện Kiến chép: nên gọi người giúp việc là đại tỷ, không được gọi là tớ, a ma mẫu, ni là người nữ. Nếu cha mẹ chết tự mình được khiêng quan tài. Tăng Nhất nói: Ái Đạo mất, Phật và La-Vân mỗi vị đỡ một góc giường. Đến khi vua Tịnh Phạn qua đời, Phật cũng tự mình làm kiệu vào rừng núi cheo leo không được dùng thần thông bay lên hoặc biến mất. Tỳ-kheo không được thay đổi trang phục, mặc bình thường là đúng.

Ba nói cách nam nữ thế tục vào chùa: Trước phải giữ ý, tức tâm tỉnh lặng, không được nói tạp loạn. Bố thí mà phạm pháp cũng phải quở trách, há dẫm lên lậu mạn ư? Vả lại tâm và tướng biểu hiện xa uy nghi khác với thế tục. Quy phụng nương thú lý có khuôn phép. Cho nên phải cúi đầu nghe người dạy bảo, để thi hành công việc. Đây là cung kính nghi thức như gần gũi pháp, đâu thể dẫm chân lên chỗ thanh tịnh, buông lỏng chẳng phải chỉ pháp lành không có nhiễm, nên phải ngược lại với

nghiệp khổ, có thể không răn dè ư?

Nay nương vào pháp của Kỳ-hoàn đã nêu, sĩ dân Trung quốc hễ đến chùa ngoài cửa sửa sang y phục một lạy, ung dung bước thẳng, không được ngoái nhìn hai bên, trước đến lễ Phật ba lạy xong, được nhiễu quanh ba vòng, khen tụng ba lần, (nếu chưa thấy Phật cúng dường, mà thấy chúng tăng thì không được nói trước). Lễ Phật rồi đến phòng tăng, ngoài cửa lễ một lạy, sau đó vào gặp Thượng toạ, thứ lớp đến hạ tọa mỗi vị đều lễ một lạy, nếu thấy việc phải trái không được chê trách, nếu phát ra một lời hiềm trách, tự mình mất lợi tốt, chẳng phải hành động vào chùa (trong tăng cũng không thể biết, việc giống như thế tục, thiếu sự kiếm soát đạo ý thật chẳng phải dễ, nếu do lỗi của tăng thì sinh tâm bất tin, sinh liền chướng đạo, cuối cùng không mong ra khỏi, lại không chê bai nhân quả nghiệp báo, chỉ được chỉ dạy bỏ ác tu thiện.

Vả lại, lúc đầu vào chùa trai tăng chỉ là khách. Vì sao được nhân duyên xuất gia. Kinh nói rằng: hễ người vào chùa vứt bỏ dao gậy tạp vật rồi mới vào, người bỏ dao gậy là bỏ tâm buồn giận chúng tăng, người bỏ tạp vật, là bỏ tâm khất cầu chúng tăng, trừ được cả hai lỗi mới được vào chùa, thuận theo Phật mà thực hành. Không được làm trái, nếu duyên cản trở quay qua bên trái thường nghĩ Phật ở bên phải mình, lúc vào ra, đều chuyển mặt hướng về Phật, lễ Phật, pháp tăng thường nghĩ thể là một, chỉ hi vọng pháp giác ngộ đầy đủ, tự giác và giác tha gọi là Phật, cái để giác ngộ đạo gọi là pháp, người giác ngộ Phật đạo gọi là Tăng, nên một thể không khác (ban đầu giác ngộ gọi là Tăng, cuối cùng đầy đủ gọi là Phật, tăng thời chưa tránh được các lỗi, Phật thì tất cả ác hết, tất cả thiện đều đầy đủ. Nay tôi chưa xuất gia học đạo gọi là người thế tục, trở lại thế tục gọi là đạo khí. Như sự suy nghĩ sâu xa ta cũng có đạo phần. Vì sao lại kinh nghi hối hận, nên dốc lòng qui y, tự làm nhân duyên xuất gia. Chỉ bày vây quanh niệm Phật (pháp, tăng). Cúi đầu sát đất, không được nhìn cao (là biểu hiện quán thân mình ở cõi tương lai thành Phật, không nên truyền bá khắp nơi, trôi nổi biển trong sinh tử).

Thấy đất có côn trùng, chớ làm tổn thương giết hại (niệm tất cả chúng sinh, đồng là nhân Phật, khởi lên không sát hành, tức là lòng tin, tin biết nhân quả, làm nhân duyên sống thọ). Không được nhổ nước bọt trên đất tăng (muốn nói về tục nhân gọi là tăng địa, miệng còn không nên quát mắng, huỷ báng, người muốn xuất gia gọi là nhổ nước bọt trên đất tăng, huống chi quát mắng hỏi vặn chúng tăng, há chẳng phải đi ngược lại ư? Nếu ca tụng khen ngợi (yêu kính coi trọng nhân duyên).

Nếu thấy chướng độ tự tay xoá bỏ (sự thì với tăng trừ phẩn, pháp thì với tăng sạch lỗi). Nếu có nhân duyên ngủ trong chùa, không được nằm trong giường chiếu của tăng, nên lấy chiếu đệm cỏ của mình, củng chớ lấy mền của Sa-môn đắp (nên tự đặt ra cung kính cúng dường tăng, đâu làm tổn hại người khác, cung phụng mình làm hại vật tốt). Đều hòa hợp giỡn cười nói việc phi pháp. Sa-môn chưa ngủ không được ngủ trước, vì dứt tâm kiêu mạn. Lại chớ ngồi lên giường chiếu của tăng, khinh lờn tăng, ngồi trong nhà thế tục, có đồ quý ngồi, do không cho phép người thấp hèn lên ngồi, huống gì là cao tăng xuất thế, liền bắt chước nhau, chính là lấy trong kinh chúng tăng đồng giường nửa thân khô héo, nhân duyên như thế, như chỉ nói rộng, hoặc đến sáng sớm dậy trước Sa-môn (thực hành tu cung kính) hễ đi vào chùa là nhân khai mở tịnh độ, người cúng dường tăng là hơn hẳn xuất li, nay trong thời mạt pháp, gốc lành căn cạn mỏng, không cản được sự chỉ dạy dẫn dắt của bậc thánh, chỉ biết có chùa mà thôi, không phải ý của thế pháp, không kính trọng Phật pháp, vượt lên nhân duyên của sự sống, cúng dường rộng phước mà đến nhà chùa (người như thế phần nhiều, chẳng phải gọi hoàn toàn không có lòng kính tin). Phần nhiêu có người tình ý qua lại, chẳng phải cách nhóm họp, lại ở chùa ngủ, ngồi nằm giường mền, tùy theo ý ăn xin, tìm tòi, lấy mượn. Như tục lệ đi trở lại, thoả mãn ý thì vui vẻ, trái với tâm nhất định phải giận, lòng dạ nhiều bó buộc, hướng về hoài bão nên mưu toan lợi lộc, giống như sự xúc phạm chống cự nhau của bò và dê. Buông lung tâm thấp hèn của sự cố chấp ngu si, hoặc dùng thế lực áp bức đánh đập, bắt bớ đoạt lấy, đều tại nghiệp ác nhất định sẽ chết, còn có nghi ngờ gì?

Vả lại xương ngang, thần thức làm sao diệt được, tùy theo nghiệp mà chịu khổ, không bao giờ cứu được, có đáng đau buồn hay không? (chẳng phải Tam bảo không cứu được, mà vì người này không thể cứu được). Nếu người có trí cuối cùng không làm việc này kính trọng chùa, pháp, y theo mà thực hành, bào hộ quý trọng Tam bảo, bàn hỏi pháp, dạy dỗ, tự mình chịu lấy lợi ích lớn, nên kinh nói rằng: Ruộng phước chúng tăng tốt đẹp, cũng là vườn cỏ tật lê, đây nói là nói thật, nên biết suy kém, lợi ích do tâm, chẳng phải cảnh tội trước, nên người nữ thánh tâm trong sạch vào chùa, nghi thức đồng với trước, chỉ không được ở trên tòa của người nam, hình tướng nói cười, phấn sáp thoa mặt vẽ mày giả trang sức, giỡn cười phi pháp, cúng với tướng bác bỏ dao động, giữ tay chống đỡ người, thì phải nhiếp tâm, sửa sang dung nghi, tùy theo dạy người khiến cho nương theo, lần lượt cận hưởng nhất tâm cúng dường

sám hối tự trách mình, sinh làm người nữ thường giúp cho chướng ngại dứt, đối với pháp tu mầu nhiệm này phụng thờ, chẳng phải do không được tự chuyên, do người khác mà làm, sao lại khổ thế? Nên phải sinh tâm thô bỉ, trạo cữ sâu xa. Nếu thấy Sa-di lễ đại tăng, chớ cho là địa vị nhỏ nên không cung kính (ở đây đối vời đại tăng là nhỏ, đối với thế tục là tôn quý, xuất gia thọ giới cụ túc liền nhập vào nói pháp, nên chỉ cho phép nghe, chớ còn gọi tên mà đi).

Ở trong các nhà chùa như thế, ra sức mà lại gọi là Sư, nhưng tự biết ra khỏi cửa chùa đúng như pháp làm lễ (trước lễ Phật ba lạy, đến cửa một lạy, ngoài cửa một lạy, nếu tăng ít thì thứ lớp, đều lễ một lạy, người nhiều đều lễ ba lạy). Hễ do thân nhơ uế, vào chùa dẫm lên đất pháp đất cõi tịnh kim, phần nhiều trái với nghi thức. Nếu bỏ thời gian cần phải tự mình bỏ lỗi đó, tùy theo cho nhiều hay ít chỉ bày có không trống rỗng (nếu vải lụa, hương dâu tầm đâu có phải là hoa nước, dưới đến quét đất, bỏ được phân dơ). Đây là pháp của người vào chùa, Trung quốc truyền ra. Tôi liền nêu ra lỗi cần nói lại, nghĩa là tất cả trời, người rồng, quỷ là duyên của người xuất gia tu đạo, tất cả người xuất gia làm cho trời, người, rồng quỷ sinh ra cảnh giới lành. Người xuất gia đã là bốn bậc sinh ra chỗ lành, không được xem thường đối với sự tối sáng kia mà có lỗi, bốn bậc tọa đã là duyên xuất gia tu đạo, lại không được liền thấy lỗi, Phật vừa ban sắc xong, dù cho đạo nhân nuôi vợ âu yếm con, cúng dường cung kính như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiên, v.v...

Chẳng phải sinh ra thấy lỗi tự mình làm mất, do duyên của cảnh lành, hễ người xuất gia, nêu ra sự sống lớn hướng về xa, chắc chắn có nêu ra sự trông mong cốt yếu. Ban đầu ông xuất gia bỏ thế tục có thể tránh được dấu vết, là trí sĩ nêu lấy sự chung chiếu xa, sự ước lượng lấy đạo đó, không nên đồng với người ngu kia chỉ thu thập lỗi của tăng. Cho nên trời rồng quỷ thần đều có tha tâm, thiên nhãn, trợ giúp chúng tăng, chẳng phải tăng không có lỗi, do khắc chung chiếu xa. Nay trong loài người không quan sát rõ ràng, gươmg soi thấy lỗi, tình trí cạn hẹp, ý không diễn đạt sâu xa, tạm thấy một lỗi hủy nhục tăng chúng. Từ chướng mà xuất ly, phá trái ba qui, lỗi đối với sự dẫn dắt trước, thường hành sinh tử, không dùng đạo giáo hóa, có thể gọi là mê hoặc, đứa trẻ ngu si. Thế thì bậc thánh đều có thể giáo hóa nhưng người này không thể giáo hóa, cho nên chắp tay chờ đợi thời cơ đến, như nhỏ sinh làm ác. Sở dĩ cha mẹ không dạy dỗ, chẳng phải cha mẹ không biết dạy dỗ tốt, trẻ nhỏ không thể dạy dỗ, so với kia có thể biết, các cõi đồng với pháp, đồng bạn may mắn xem kỹ mà truyền nói.

THIÊN THỨ 25: CHỦ KHÁCH ĐỐI ĐÃI NHAU
(Phụ bốn nghi pháp)

Sa-môn Thích lữ là khách ba cõi, huống gì là quán trọ tương đối còn ở đây, cho nên trong luật chỉ ra chủ khách đối đãi nhau gặp tạp hạnh, v.v... Chính là trong phần thứ tư, ban đầu cách vào chùa. Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo khách muốn vào chùa, nên biết Phật, pháp, hoặc Thượng toạ, v.v... Đến cửa giữa nên mở, nếu không thể từ từ gõ cửa, thì đi nhiễu tháp bên phải, trước rửa chân trái, sau rửa chân phải. Mang giày dép, Tỳ-kheo cựu trụ nghe khách đến ra ngoài đón rước, nắm y bát xếp đặt nhà ở ấm áp để khách kinh hành, cung cấp đồ đựng nước, v.v... hai là hỏi người chủ nhận phòng, v.v...

Luật chép: Hỏi Tỳ-kheo cựu trụ, tôi chừng ấy tuổi có phân phòng chăng?

Đáp: Nếu nói có thì nên hỏi, có người ở không? Nếu không có người ở thì nên hỏi có ngọa cụ, hoặc được lợi dưỡng hoặc khí vật, hoặc phòng nhà, y phục v.v... Có nên lấy, đến phòng được mở cửa rồi xếp giường mền v.v... quét đất sạch, nếu được kim, chỉ, dao cho đến một viên thuốc, nên nêu lên có chủ biết nên cho. Trị như vậy từ trong nhà rồi trở lại ngọa cụ bên trong trở về chỗ tháp Phật, tháp Thánh Văn, thứ nhất phòng Thượng toạ cho đến phòng thứ tư Thượng toạ v.v... Mỗi nơi hỏi riêng. Nếu không hỏi người chủ mỗi nơi bày ra nói, cho đến nói rằng; đây là đồ hỉ nhổ, đồ tiểu tiện v.v... Luật Ngũ Phần chép: tru xứ hẹp không biết nhau, cho phép đồng giường ngồi, không được ngủ.

Ba là tưởng biết kính nghi, luật Tứ Phần chép: khách tăng nhận phòng rồi, hỏi người chủ rồi, nên trước lễ tháp Phật, kế lễ Thượng toạ thứ nhất, cho đến Thượng toạ thứ tư. Nên vén y bày vai phải cởi bỏ giày dép, quỳ gối sát đất, xoa hai chân nói như vầy: con xin lễ Đại đức, nếu bốn bậc thượng toạ trong phòng suy nghĩ, nên tùy theo bậc lần lượt lễ phòng, người chủ mỗi mỗi bày cho biết.:uật Thập Tụng chép: nếu lúc Thượng toạ thấy nên lễ, khó thấy xa thì nên dừng.

Bốn là hỏi pháp thọ lợi, vì sao tăng thọ thực khác nhau, đàn-việt thỉnh chúng tăng tiểu thực, đại thực, chỗ nào là chỗ ác, chỗ nào là người tốt, chỗ nào là người xấu. Tỳ-kheo cựu trụ nên nói cho khách tất cả nhà của tăng chế hạn, nếu khách bạn đã đi, thì không được nói cho biết, nói rằng không kịp bạn nên nói, có thể nhỏ ngưng càng nên có bạn thân, người có việc gấp phải đi, nên cung cấp cho lương thực, gửi gắm làm bạn. Luật tam Thiên nói rằng: Tỳ-kheo mới đến có thể cho mười việc:

1. Nên tránh cho phòng
2. Nên cung cấp đồ cần dùng
3. Sớm tối hỏi thăm
4. Lời nói theo thói quen
5. Nên dạy tránh điều trái
6. Nói thỉnh đến chỗ
7. Nói vâng theo lời tăng dạy
8. Nên nói việc Tỳ-kheo tên... Có thể ăn
9. Chỉ bày quan huyện cấm kỵ
10. Nói nơi chốn có cướp bóc.

Hai là nói về bốn nghi pháp hễ thành tựu điều lành thì có nguyên do, bằng giáo tướng mà tâm phát, tối tăm là nhân, hiển sáng là quả, nhờ vào hình dáng, nghi thức mà lập tông, chính là dựa vào lời nói Thân tử đều nêu xưa, truyền pháp khuôn phép cũng đề ra phương sách nên kể thắng một, đưa đến dẫn riêng các pháp v.v... Luật Ngũ Phần chép: nếu bốn oai nghi không đúng như pháp. Chẳng phải đối với đời mà làm Đại Minh, luật Tăng-kỳ chép: nếu lúc thực hành xem bằng, lúc xa hợp thân khác. Trung A-hàm chép: Phật baỏ Tỳ-kheo nương theo cách của vua đi săn, nếu bình thản đắp y, trì bát vào thôn khất thực, khéo hộ trì thân, nhiếp giữ các căn, khất thực xong y bát thâu lại, rửa tay chân, vắt toạ cụ lên vai, đến chỗ không phải việc hoặc kinh hành ngồi thiền, lại vào đầu hôm kinh hành ngồi thiền, tịnh tâm trung chướng rồi, vào lúc nửa đêm nhập thất, muốn nằm thì trải ưu-đa-la bốn lớp trên giường. Gấp tăng-già-lê làm gối, nghiêng hông bên phải mà nằm, nên đấu mặt hướng về chỗ tượng Phật, ý là tưởng tướng sáng, gần sáng nhanh chóng dậy như pháp đầu hôm. Luật Tăng-kỳ chép: đầu hướng về y Ca-sa và Hòa-thượng, trưởng lão Tỳ-kheo, đầu đêm tư duy tự nghiệp, gối tay bên phải, thong thả tay trái, thuận theo trên thân, không xả niệm tuệ tư duy khởi tướng, còn lại như trên. Luật Thập Tụng chép: lúc có đèn sáng không được nằm. Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: lúc Tỳ-kheo muốn đi trước phải phải quét dọn trong phòng, y phục giường mền, sắp đặt đúng pháp, ở trong tùy nhau, lúc đó bạch với Hòa-thượng, A-xà-lê, nếu quá mười hạ có pháp sự thì sẽ có lợi ích. Tuy thầy không cho phép, tự đi không có lỗi, lúc ra ngoài chùa, hướng về chỗ đi, mới nên suy lường đi với bạn có giống chánh kiến hay chăng? Bị bệnh có lo lắng cho nhau không? Như tâm con đã làm không? Có thuộc về oai nghi người thường hay không, có biếng nhác không? Vì lợi ích làm suy giảm, nếu nhất định người tốt cùng đi, lại hỏi đồng bạn, các thầy y bát cho đến tất cả vật tự mình

không được quên, không cùng lại răn dạy thành thật, nay sẽ cùng đi, các ông lúc nói ít lời nhiếp giữ các căn, giữa đường nơi nào cũng thấy, đều khiến cho vui vẻ phát tâm tốt. Các vị hạ tọa đều chắp tay quỳ dối đáp: như lời dạy vui mừng vâng làm, nều có lúc nghĩ ngơi, Thượng toạ nên nhìn khắp, không để cho rơi vật. Hạ toạ thường ở trước, thượng toạ ở sau nói cho các hạ toạ, đều tự nhiếp tâm chớ để cho tán loạn. Hạ toạ bị bệnh, Thượng toạ nên nói pháp cho nghe khiến cho thiện tâm tương tục. Có tai nạn không được bỏ đi, dùng hết sức mình khiến cho được thoát khỏi, cho đến tự mình không có khả năng thì nên trước cửa Tỳ-kheo, đại thần, quốc vương mà quận huyện đàn-việt xem trọng, lo liệu khiến cho được giải thoát, chớ để cho chịu khổ. Luật Tăng-kỳ chép: lúc đi, trước đặt gót chân, sau đặt ngón chân, ở giữa đường đi muốn ngủ, sai tân Tỳ-kheo trước tìm chỗ ngủ, xin thức ăn trước ăn sau, nên bạch phi thời vào xóm được rồi trở lại báo cho biết, nên xoay vần nhau vào bạch. Trí Luận chép: ra vào đến đi khoan thai nhất tâm, cất chân lên nhìn đất dưới chân mà đi, là tránh được loạn tâm, vì ủng hộ chúng sinh, là tướng bất thoái Bồ-tát. Luật Tăng-kỳ chép: không được ngồi như lạc đà ngồi. Nếu mệt mỏi nên thong thả bước từng bước, nằm ngửa là tu-la, nằm sấp là ngạ quỷ, nằm nghiêng bên trái như người tham dục, đều như pháp nêu ra trong quyển 35.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: nay cho phép Tỳ-kheo trước dùng tay vin vào ghết, sau ngồi đây dạy dỗ.

Luật Thập Tụng chép: không bệnh không được nằm ban ngày, nếu ưa ngủ nên đứng dạy đi kinh hành.

Luật Thiện Kiến chép: lúc muốn ngủ, trước đối với sáu niệm, niệm liên tục, toạ pháp có hai: một là quỳ thẳng tức là hai ầu gối và hai ngón chân sát đất, hai quỳ xen nhau, gần đầu gối phải sát đất (đều có chỗ lặp).

Bộ Tam Thiên chép: không được ở trước Thượng toạ ngồi xổm, ngồi xổm có năm pháp:

1. Chân không giao nhau
2. Hai chân không được dựng lên
3. Không được rời chân, hai bàn tay động phần cuối hai chân
4. Không được chống một chân, bày một chân
5. Không được ngồi trên

Năm việc đúng như cách ngồi:

1. Không được dựa vào tường vách
2. Không được tay chống trước

3. Không được dựa khuỷu tay vào giường
4. Không được hai tay ôm đầu
5. Không được dùng tay chống gò má

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: sao gọi là ngồi? Chúng tăng nhóm hợp, chỉnh tề dung nghi y phục, ngồi kiết già, nghi thức đáng chiêm ngưỡng. Lại như người ngởi thiền, thường là thân không dao động, người ngắm không nhàm chán, người phần nhiều đầu gối hẹp, gặp Thượng toạ cũng như vậy, không nên rộng rãi buông lung.

Bộ Tam Thiên chép: không ngồi chung với ba thầy.

Luật Thập Tụng chép: Lúc nghe pháp Thượng toạ đến không nên đừng dậy. Hạ toạ đứng dậy phạm đột-cát-la. Nếu Hòa-thượng, A-xà-lê vì cung kính nên tự đứng dậy, người khác không tự đứng dậy phạm đột-cát-la, cho đến nghe pháp không được ngồi chung với Sa-di trên giường.

Bộ Tam Thiên chép: muốn lên giường có bảy cách:

1. Nên ngồi từ từ.
2. Không được thót lên giường.
3. Không được làm cho giường phát ra tiếng.
4. Không được giũ mạnh phát ra tiếng.
5. Không được thổi lớn, tiếng than thở lớn gấp, suy nghĩ việc đời.
6. Không được nằm chung với đàn chó.
7. Lúc dậy điều tiết, tâm khởi lên bất định, nên tự trách mình.

Lại nghe tiếng kiền-chuỳ, liền nên đắp ca-sa ra cửa đúng như pháp, hai là đối với ở ngoài giảng đường sửa Y ngay ngắn cởi mũ, ba là có tượng Phật đầu mặt làm lễ lui về lễ tăng, bốn là nên tuy theo lần lượt hướng về Thượng toạ, nên để sót chỗ cửa Thượng toạ, năm là tùy theo cách ngồi của Thượng toạ hoặc ngồi chồm hổm.

Luật Thiện Kiến chép: Ngủ phải dậy sớm, tắm gội xong ngủ nghỉ đầu tóc liền dậy. Như xem trăng, sao, ánh sáng, ảnh làm giới hạn.

Bộ Tam Thiện chép: nằm trên đầu hướng về Phật, hai là không nằm ngắm Phật, ba là không được cả hai chân duỗi ra, bốn là nằm không được ngó mặt vào vách tường, lại không nằm sấp, năm là không được dựng đầu dối lên, phải lấy tay bắt vào hai chân dính với hai đầu gối.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Tỳ-kheo tham đắm ngủ nghỉ, phế bỏ chánh nghiệp, không còn hành đạo, kim cương lực sĩ quở trách.

Phật nói: người ăn cơm tín thì không nên biếng nhác, hai thời trong đêm nên ngồi thiền, tụng kinh, kinh hành, trong một thời để tự

tiêu nghiệp, đó gọi là cách nằm.

Luật Tăng-kỳ chép: nằm như cách nằm của sư tử đầu đàn (như trước đã nói) không được ngủ đến mặt trời mọc, lúc gần sáng phải dậy, ngồi ngay ngắn tư duy nghiệp của mình.

■

TỨ PHẦN LUẬT
SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

QUYỂN HẠ
(PHẦN 4)

THIÊN THỨ 26: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VÀ ĐƯA TIỄN LÚC QUA ĐỜI

Tựu trung có hai: Như môn phân biệt, trong phần chăm sóc bịnh ở đầu lược chia làm bốn vị:

1. Chế ý.
2. Phân biệt người đúng sai, đồng thời cúng dường pháp.
3. Xếp đặt chỗ ở.
4. Nói pháp nhiếp niệm.

Ý nghĩa chế ra giới luật là hễ có dựa vào thân hình thì phần nhiều có phiền lụy, bốn đại trái nhau, sáu phủ thành bệnh. Nếu không mượn tướng để dắt dẫn thì mạng người mỏng manh không có chỗ nương nhờ, thế thì tình thế chuyển biến đầu đuôi khó khăn nhất, lúc khoẻ mạnh thì thân mật, lúc bệnh bị ruồng bỏ, thói quen thấp hèn, hằng tình chưa thể quên, cho nên Như lai xem xét sâu xa người và vật, biết thiện chưa sùng kính thì điều ác nhất định dẫn dắt nhau, nên phải gần gũi thăm viếng người bệnh. Cho nên trong luật Phật nói: các thầy không chăm sóc lẫn nhau thì ai sẽ làm việc đó ? Cho đến Thế tôn vì người bệnh phải rửa ráy đồ đại tiểu tiện, rồi quét dọn chỗ nằm, cho thật sạch sẽ rồi trrải y cho nằm. Liền lập ra điều chế rằng: tử nay về sau nên thăm hỏi người bệnh, Tỳ-kheo nên chăm sóc người bệnh, nếu muốn cúng dường cho tăng thì nên cúng dường cho người bệnh. Phật là bậc đạt đến quả cùng tột, còn ta cùng học với nhua trong tình nghĩa sâu xa, làm sao bỏ nhau được, cho đến chăm sóc người bệnh ý nói đồng với ở đây.

Hỏi: cúng dường người bệnh đồng với cúng dường Phật, vì sao?

Đáp: Vì lòng thương xót chăm sóc người bệnh, nhổ trừ gốc khổ thì

được vui vẻ, là thực hành lòng từ đồng với Phật.

Lại luận rằng: Thuận theo ta nói gọi là cúng dường Phật, một người bạn gặp phải bệnh liền bỏ cuộc, không đến chỗ Phật đều kể lại nhân duyên. Phật quở trách bằng mọi cách rồi trở lại khiến cho thăm bệnh. Lại nói: người bị bệnh được tùy bệnh mà uống thuốc, săn sóc thì hết bịnh, không thì chết, cho nên phải ưa thích xem như nhiệm vụ của mình, khiến cho như pháp an ổn. Tức là thí mạng được công đức lớn, Chư Phật tán thành. Hai là trong loài người có bốn phần, nếu người có bệnh cho phép thừa hưởng hoặc đồng với Hòa-thượng, A-xà-lê, hoặc đệ tử từ thân đến sơ, nếu đều không phải thì chúng tăng nên cùng chăm sóc người bệnh, nếu không bằng lòng nên thứ lớp khác nhau, lại không bằng lòng thì đúng như pháp mà trị, nếu không có Tỳ-kheo, Sa-di, Ưu-bà-tắc, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Ưu-bà-di, thì Tỳ-kheo việc gì có thể làm thì nên làm, không nên xúc phạm Tỳ-kheo.

Luật Tăng-kỳ, luật Thập Tụng dạy: hai thầy đồng học đồng phòng, ở cạnh phòng, từ thân đến sơ săn sóc bệnh, tùy theo bệnh của người nhiều hay ít ở chỗ khác, nếu không chăm sóc người bệnh thì tất cả tăng đều mắc tội.

Luật Tăng-kỳ lại chép: giữa đường gặp người bệnh, Tỳ-kheo nên tìm cách đưa họ về, nếu bệnh nặng không phân biệt được, bất luận trâu cái, cỏ ngựa, nếu không có nên phải ở lại chăm sóc người bệnh, không có người chăm sóc làm nhà am, lấy củi lửa, chú ý thuốc cơm, lời nói, ông khéo an ủi, chúng tăng không được nhiễu tháp thăm hỏi Hòa-thượng v.v... nói rằng: ở nơi đồng trống có Tỳ-kheo bệnh cùng đón đi về. Các Tỳ-kheo nói rằng: ở đây phần nhiều là chỗ có cọp nói e rằng ăn hết, tuy nghe không được không đi nên đến kia. Nếu chết cúng dường thi hài, nếu sống sẽ trở lại trong xóm láng cúng dường Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo bảo đàn-việt biết cho đến thăm, và cùng đón rước người bệnh cũng như trên. Nếu giữa đường gặp Tỳ-kheo-ni bệnh không được bỏ đi, cho đến đón rước như Tỳ-kheo, chỉ trừ tay xúc phạm, phải người thanh nữ làm xoa bóp thân thể, nếu chết dùng y bát họ mướn người hỏa táng, nếu người thế tục nghi ngờ nên chịu trách nhiệm đưa đi xa, còn ba chúng dưới y cứ theo đây, đều là từ hiệu lệnh của Phật, lý luận theo việc làm, rộng có yêu ma đều như luật đã nói, lần lượt nói về cung cấp năm phần pháp, không phải chỗ tịnh nhân cho phép Tỳ-kheo tự rửa đồ dùng, chứa nước, khiến cho người vo gạo ở khoảng giữa, Tỳ-kheo đốt lửa cho cháy, càng theo tịnh nhân thọ trì với người bệnh.

Ngũ Bách Vấn chép: bệnh tùy theo núi đầm không phải chỗ người,

giữa ngày không được qua lại, Tỳ-kheo được làm thức ăn.

Kinh Bảo Lương chép: người bệnh có chín pháp thành tựu thì phải chết bất ngờ:

1. Biết ăn chẳng có lợi ích mà tham ăn.
2. Không biết tính toán suy lường.
3. Ăn cơm chưa tiêu mà lại ăn nữa.
4. Cơm chưa tiêu mà lại ói ra.
5. Đã tiêu rồi nên đưa ra mà lại giữ .
6. Ăn không tùy theo bệnh.
7. Tùy theo bệnh ăn mà không tính lường.
8. Biếng nhác.
9. Không có trí tuệ.

Lại nói rằng: nếu người bệnh ngoài y bát còn thuốc men trực tiếp lấy để cung cấp, không có chúng tăng nên cho, nếu tăng không có, người kia có y bắt quý giá, thì nên đổi để cung cấp cho người bệnh. Nếu người bệnh biết y bát không đồng ý trao đổi, bạch với tăng rồi nói lời dịu dàng thuyết pháp cho hiểu rộng rãi, sau đó mới trao đổi, nếu lại không có thì nên ra ngoài xin cho, nếu trong tăng lấy thức ăn ngon cho người nuôi bệnh, lại không được yêu tiếc, tự nghiệp mà không trông nom.

Luật Tứ Phần chép: người nuôi bệnh có năm đức cho đến nói pháp cho bệnh nghe, khiến họ được vui vẻ, thân mình đối với pháp không giảm, như trong y pháp.

Luật Thiện Kiến chép: nếu bị bệnh không thuốc thang, lấy hoaquả ăn uống cho người tìm đổi thuốc thang, không phạm còn lại như trong luật Tăng-kỳ quyển 36 nói rộng cách nuôi bệnh và cách chết.

Luật Thập Tụng chép: nên tùy theo người bệnh, phải hỏi nhân duyên của bệnh tìm thầy thuốc, hằng ngày đến bếp của tăng hỏi rằng có cho người bệnh ăn không? Nếu không lấy của tăng thì được cung cấp vật trong kho, không có thì phải ra ngoài xin, nên từ nơi tốt lành tên nghe phước đức là sự tìm tòi của Tỳ-kheo.

Luật Ngũ Phần chép: mỗi khi đến nấu được cháo nên hỏi? Đã để dành cháo cho người bệnh chưa? Nếu chưa thì trước để dành cho người bệnh, sau đó mới dọn cho tăng.

Luật Thập Tụng chép: người bệnh được thuốc, hết bịnh chỉ là trong Phật tăng bất tịnh, nắm sự ô uế sẵn có thừa, không nhận vốn có bên trong, đều vâng theo.

Kinh Thiện Sinh chép: chăm sóc người bệnh không nên sinh tâm

nhàm chán, nếu tự mình không có vật thì ra ngoài xin, không được vay mượn vật của Tam bảo, đã nương theo pháp khác nhau thì bồi thường lại gấp mười lần.

Ngũ Bách Vấn chép: người nuôi bệnh đem vật của người bệnh vì người bệnh, cung cấp những thứ cần dùng không hỏi người bệnh, hoặc người bệnh khởi lên lời chê trách đều không nên chấp, nếu đã lấy thì nên thường lại, không thường lại phạm tội nặng, Tỳ-kheo bệnh ngặt nghèo không được đem ba y bình bát mà làm phước, nếu lấy dùng mà thay y bát cũ cho người bệnh thọ trì phạm tội đọa.

Luận Ma-đắc-lặc-già chép: máng nước không sạch thịt lẫn lộn với muối, nấu cho người bệnh chia ra bốn phần, nếu người bệnh không thể đến chỗ đại tiểu tiện nên đến chỗ gần đào hầm để cho đại tiểu tiện, nếu không đi được thì trong nhà đặt đồ dùng cho tiện, không làm giường được thì cho phép làm chỗ tiện xuyên qua giường, đồ dùng đặt ở dưới, không được khạc nhổ đờm ô uế nơi đất. Ba là sắp đặt chỗ ở.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu Đại đức bệnh nên sắp dặt ở trong phòng tốt, ở nơi khô thoáng để cho đạo tục đến thăm viếng sinh tâm lành, đốt hương bôi dưới đất, để tiếp đãi khách đến thăm.

Luật Thập Tụng chép: người bệnh cho nằm trong phòng xa, cho chứa nhận nuôi bệnh. Theo bổn truyện của Trung quốc thì: góc Tây bắc của Kỳ-hoàn là phía mặt trời lặn xây dựng viện Vô thường, nếu có người bệnh sắp đặt ở đây, thường sinh tâm tham nhiễm thấy trong góc phòng y bát các thứ đày đủ, sinh tâm luyến ái đắm trước, không sinh tâm nhàm chán, chế lệnh đến chỗ giảng đường khác, tên là Vô thường, người đến rất nhiều, một vài người trở lại thôi, ngay nơi việc mà cầu chuyên tâm niệm pháp, trong giảng đường đặt một pho tượng Phật thếp bằng vàng, mặt hướng về phía Tây, tay phải tượng đưa lên, tay trái buộc cờ phướn năm mầu, bàn chân rũ xuống đất, nên đặt người bệnh ở sau tượng, tay trái cầm cờ phướn chân làm theo Phật, khởi ý nghĩ về cõi tịnh. Người nuôi bệnh đốt hương, rải hoa trang nghiêm cho người bệnh, cho đến nếu có phân nước tiểu, khạc nhổ đờm thì đều dọn sạch sẽ, cũng không có tội. truyền rằng: Vốn Phật thương xót cõi Ta-bà để tiếp dẫn chúng sinh, ý ở nơi chỗ bỏ dứt trừ phiền não, không chỉ trừ phân là xấu, các vị trời thấy nhân gian hôi nhơ, giống như người thấy nhà xí, mùi hôi khó nói, còn không cho là xấu, thường đến bảo vệ, huống gì đức của Phật mà có tâm yêu ghét, nhưng có người quay về đều được cứu giúp. Cho đến vì người bệnh mà tùy cơ nói pháp, lúc qua đời thường ở chỗ Phật không được di chuyển. Bốn là nói pháp khuyên người làm lành.

Luật Thập Tụng chép: nên tùy thời đến chỗ người bệnh, nói pháp sâu xa về con đường phải, con đường trái cho họ nghe để phát ra trí tuệ, trước đã tập học hoặc ở chốn A-luyện-nhã tụng kinh, trừ luật, làm Pháp sư Luận sư, giúp đỡ các việc, tùy theo đó hiểu, thực hành mà khen ngợi. Nếu ở nơi A-lan-nhã phải nói lời dịu dàng, lời rộng rãi, sau đó bảo rằng: nay Đại đức bị bệnh nặng như thế, chỉ nên nhớ nghĩ điều lành, không sợ đường ác. Vì sao mình bệnh rồi, trước hạnh lớn của hạnh đầu-đà, trong đệ tử Phật chỉ có ngài Ca-diếp, Thế Tôn ở trước chúng thường khen ngợi, cho đến bỏ tòa bỏ y, gần gũi Phật, vì hạnh cao quý bậc thánh cùng tôn trọng, việc làm của Đại đức nối tiếp dấu chân của bậc thánh, thì nhất định sinh vào chỗ lành, vì sao lo sự chết đến, nhưng e rằng mất niệm quên duyên thói quen có sẵn, đây là huyễn pháp, lại chớ suy ngẫm. Nếu người tụng kinh bảo rằng: Đại đức thường tụng kinh nào cho là chánh nghiệp, hoặc là thắng hạnh, thánh phàm đồng kính trọng chim anh vũ nghe Tứ đế, còn bảy lần trở lại sinh cõi trời, sau được dấu vết của đạo, phẩm lớn có nghe qua tại kinh Niết-bàn nói: Nghe hai chữ Thường Trụ còn không đọa đường ác, huống chi nương theo giáo pháp nói rộng, lỗi không lầm quá mức. Vì sao có thể rơi lún xuống, nhất định sinh vào chỗ lành v.v... hoặc người trì luật nói rằng: Đại đức giữ giới cấm, thuận theo lời ngay thẳng của Phật, có thể vào đời tượng pháp, mạt pháp, ghi lại sự hưng thạnh Tam bảo, chánh pháp được lâu dài do sự nhất tâm của Đại đức, người nay tai hoạ bệnh tật kéo dài, e rằng đến đời sau, làm người ai không chết, nhưng sợ chẳng phải thiện, Đại đức dùng pháp lành tự giữ gìn, đến nhiếp phục người khác, chư Phật tự khen ngợi đâu chỉ bằng lời nói, nhưng phải chuyên chỉ pháp Phật, còn lại không vọng theo duyên.

Hoặc Pháp sư nói rằng: do Đại đức nói pháp giáo hóa khiến cho các chúng sinh hiểu biết Tam bảo, Tứ đế, mắt mù được mở, tâm bệnh phá được ánh sáng, hiển bày Phật pháp, khiến cho đạo tu hành sinh lòng tin. Thật là nhờ năng lực của Đại đức.

Hoặc Thiền sư nói rằng: Phật pháp cao quý nói mà được thanh tịnh, như nói nhiều tụng nhiều. Lại nói không do miệng nói mà được thanh tịnh, như nói mà làm mới là Phật pháp, đại đức thuận theo chánh giáo của Phật, nương theo giáo lý mà tu, bên trong phá được ngã điên đảo, bên ngoài bỏ được chấp trước, đây trở thành chánh nhân chớ theo nghiệp trước này, như thế v.v... Tùy theo chỗ học đó được người đời sau ngợi khen. Hoặc người giúp đỡ các việc, nói rằng: Đại đức lo liệu việc tăng, đồng bạn với thánh, nên giòng họ vua Đạp-Bà, bỏ thân La-hán

làm tăng biết việc, cầu pháp bền chắc, cho đến Ca-diếp trộn bùn xây dựng năm tịnh xá, suốt đêm chặt củi cúng dường tăng thọ dụng, Thân tử được quét đất, Mục-liên đốt đèn, đều là đại La-hán, đâu có nghiệp ác, chỉ bày tăng làm phước tụ. Hễ người ngu không biết đều bỏ, từ nghiệp giúp đỡ các việc, xong ruộng phước lớn của tăng không đồng vời pháp Phật, như trong luận Thành Thật, các người dùng y để phụng thờ Phật. Phật liền cho tăng, con ở trong tăng do đó tăng tùy theo lời con, gọi là cúng dường Phật. Vì giải thoát gọi là cúng dường pháp, chúng tăng thọ dùng gọi là cúng dường tăng. Cúng dường tăng là đầy đủ ba qui y, cho nên biết là đức lớn của tăng, Đại đức đã thuận theo chánh mạng của Phật, lo liệu cho chúng tăng được Phật khen ngợi, còn là việc làm bậc nhất, vì sao người lại tăng thêm?

Kinh nói rằng: Nhớ đến tu phước, nghĩ về tịnh mạng, v.v...

Truyền rằng: người Trung quốc lúc chết bất luận đạo tục, bà con ở gần bên xem giữ, và khi căn thức chưa mất tác dụng thì xướng đọc những việc lành đã làm được suốt một khiến cho người bệnh trong tâm vui vẻ, không lo lắng đường trước, liền được chánh niệm không tán loan, nên sinh về chỗ tốt lành. Trong Trí Luận chép: lúc sinh ra làm lành, lúc sắp chết khởi lên niệm ác, liền đọa vào đường ác, từ lúc sinh ra gây nên nghiệp ác, lúc sắp chết khởi lên niệm lành bèn sinh lên cõi trời.

Hỏi rằng: Qua đời trong khoảnh khắc làm sao thắng được hành nghiệp trong một đời?

Đáp: vì quyết thấu suốt cho nên xả các căn là việc gấp rút, có công năng chiêu cảm khổ vui, phải xếp đặt ở chỗ khác. Cho nên Ngũ Bách Vấn chép: Xưa, có Tỳ-kheo lúc quán tưởng dính mắc vào chiếc bát bằng đồng, lúc chết làm ngạ quỷ, lúc tăng chia vật, liền đến xin bát, thân hình giống như đám mây đen, bấy giờ có người đắc đạo, lấy bát đem về, đã được bát rồi liền dùng lưỡi kiếm để dưới đất mà đi, các Tỳ-kheo lấy bát, để dứt được mùi hôi, nên phải đúc làm đồ dùng, vì mùi hôi không thể dùng được.

Lại có Tỳ-kheo yêu quý chiếc y mà chết, hóa thành con rắn v.v... như nói trước nên phải đổi chỗ là điều cốt yếu, tâm có lanh lợi chậm chạp, nghiệp có thô tế, tình có bỏ lấy, phải y theo chí nguyện, tùy theo sau kể lại. Hoặc nương vào Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, hoặc Phật Di-lặc ở Đâu-suất, hoặc Phật Bổn Sư Thích-ca ở Linh Thứu, hoặc thân với không phải người, vọng tự lập làm ngã, hoặc giống như tướng bên ngoài, có thật từ nơi không của trống rỗng, như đến chỗ ngọn lửa, thì không có tướng nước, hoặc nói chỉ là thức chẳng phải cảnh, chỉ là

tâm lầm thấy, đều tùy theo căn cơ giải thích mà dạy dỗ dẫn dắt.

Luật Tứ Phần chép: nên hỏi người bệnh, giữ y nào? Người bệnh kia nhận y bát không tốt và đưa cho người khác, e rằng người nuôi bệnh được, nên y theo nói rằng: đây ba y bát đầy đủ, Phật cho phép chứa, có người đắp mặc, nhờ nhân duyên xuất thế, cho đến đời vị lai thọ sinh thường đắp mặc ba y mà sinh ra, như Tỳ-kheo Diện Vương không biết giữ gìn y bát, toạ cụ như thế nào, nên được chỉ bày bèn lấy đắp mặc, hiện tại vị lai được Phật khen ngợi, hoặc thấy tâm không tham vật. Người có ý chí lớn bảo rằng: y vật v.v... này đều là huyễn có, Đại đức chứa nhóm đã lâu làm thêm mệt nhọc, và đến lúc bệnh khổ mắt xem không cứu giúp được, cho đến thoát khỏi sự chết, cũng không có một vật theo thân. Đại đức sinh từ thai mà ra cũng không đem theo một tài vật nào, giải thoát đến đời sau, cũng không đem theo.

Kinh chép: Thuở xưa quốc vương bị vật báu lừa dối, đến lúc sắp chết không có một vật nào theo thân, có thể không thật ư? Chẳng phải lo lắng, suy nghĩ sự huyễn giả tiền tài, chỉ cần giữ được nghiệp thù thắng mà thôi, cũng không cần cự gửi gắm của người khác, đây là hành động sai lầm, nét mặt cuối cùng chẳng phải đưa đến cách chết của Đại đức chỉ dùng lời Phật, triệu khắp ngàn Thánh mười phương, đại chúng Yết-ma chia đúng như pháp thọ dùng, khiến cho Đại đức nương vào công sức này, chắc chắn sinh về chỗ lành, đây là sắc lệnh của Phật, có thể không tốt, các thứ như vậy, lời nói dịu dàng can ngăn, không được trái nghịch, lại chẳng phải thuận theo ý, vì lúc sắp chết vọng nghiệp đùa nhau nhóm hợp, phần nhiều không hợp chí, đây là thời gian rất quan trọng, thiện ác, thăng trầm cách nhau như trời và đất, nên tay cầm quyển kinh này nêu bày danh hiệu, lại đem tượng Phật, đối với nhau quán sát kỹ, thường nói lời tốt, chớ truyền việc đời.

Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm chép: lại phát ra ánh sáng gọi là trang nghiêm, ánh sáng kia giác ngộ lúc qua đời, thấy được họ lúc chết khuyên niệm lành, nhờ đó mà sinh trước Chư Phật, lại tỏ rõ tôn tượng chiêm ngưỡng tôn kính, lại khiến cho quy y Phật, nhân đó được thành tựu ánh sáng thanh tịnh, lại thỉnh Đại đức thực hành, người trí thường đến chỉ bày dẩn dắt.

Luật Thiện Kiến chép: Chăm sóc người bệnh, khen ngợi người bệnh rằng: Trưởng lão trì giới đầy đủ, chớ luyến tiếc trụ xứ và y vật, người quen bạn thân, chỉ nên nhớ nghĩ Tam bảo, và nghĩ thân bất tịnh, ở trong ba cõi, cẩn thận chớ biếng nhác, tùy theo mạng sống dài ngắn mà làm, v.v...

Luật Tăng-kỳ Ni Mẫu chép: người bệnh không nghe lời của người nuôi bệnh, trái với ý của người nuôi bệnh, đều phạm Đột-cát-la.

Phải nương theo sự đấn đo trước, không được tha hồ tùy ý, nếu lúc chết đánh khánh vô thường. Hai là nói về cách chôn cất người chết, nhưng pháp của tăng nghi thức, xa còn xuất li, việc chôn cất người chết theo thói quen bày ra chôn dày, nếu riêng tỉnh táo, tuý theo lúc thì lỗi thành không nỡ, ắt sẽ hư phí trang sức, sẽ đồng với nghi thức thế gian, nay nên bỏ sự bình yên, bỏ đi quy ước, mục đích là tồn tại sinh thiện, tựu trung chia làm hai:

Đầu tiên là đưa thây chết ra, hai là nói về cách chôn, trong cách đầu nên đem theo tượng Phật để trước xe thây người chết, đặt ở trước hành lang nhà, bên ngoài để bao vây chặn lại từ từ, bên trong liệm vào áo quan bằng lụa che thây người chết, nên lấy cây tre làm cốt, trên dùng áo thô đậy thây người chết lại. Giường của Hòa-thượng, A-xà-lê ngồi ở bên ngoài, nghĩ người khách đến viếng an ủi, đồng học đệ tử, v.v... nhỏ đứng trên vải cỏ, lớn thì ngồi trên cỏ gần bên thây người chết. Bộ Ngũ Bách Vấn chép: Thầy viên tịch không được khóc ra tiếng, chỉ nên khóc nhỏ mà thôi.

Luật Tứ Phần Ni chép: đấm ngực khóc sướt mướt, mỗi mỗi đều phạm xả đọa, Tỳ-kheo phạm đột-cát-la, nếu y theo Thế Tôn diệt độ ở Song Lâm chưa là được ham muốn, xoay vần ở dưới đất, đấm ngực khóc lớn, đây đều buồn rầu sâu xa không tỉnh ngộ, từ thân cũ mà thôi, sẽ đem đến sự chê cười cho thế gian. Nếu người tiết tháo cao thượng hơn mọi người thì do đây mà thanh cao, nên không phải cuộc thế tình, nhất định theo tình mừng giận, tùy theo thói quen chùm nổi, đến cha mẹ, hai thầy qua đời mà giữ họ không đến, tuy đến nhưng không mở lòng thương xót nỗi khổ của họ, cũng đạo đức đồng hổ thẹn, người khác bên ngoài đến viếng người nhỏ mất, đến đã thiết lễ của thây người chết, nắm tay đệ tử an ủi. Nếu người vội vàng để tang đến, đến thẳng chỗ thây người chết lễ lạy, mỡ lòng thương xót rồi thứ lớp nương theo ngôi thứ, nếu Đại đức Thượng toạ đến viếng, nương vào oai nghi cũ, tùy theo lúc ngồi đứng, Luật Ngũ Phần chép: thây người chết dùng y trùm gốc. Ngũ Bách Vấn chép: nên trước bạch với tăng, lấy nê-hoàn và Tăng-kỳ-chi của người chết đắp lên thây người chết mà đưa đi, không được lễ quá năm tiền tội nặng, nếu sư tăng, đệ tử đồng học, phải ra trước quan tài đưa đi chôn, nếu vô thường chúng tăng người khác, đều vơ vét ít cuả cải cúng dường xá lợi, lại không phải người tha thứ cho người mất, y tạm thời đem xác trở lại, trở lại gấp nhiều lần, Yết-ma rồi bạch tăng xong, đem thi hài lên

xe nhẹ nhàng thăm viếng, trên bày ra rõ ràng, chung quanh vòng quần, bốn người nâng lên dẫn đường theo.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: chúng tăng cả chùa đều đưa đến chỗ chôn. Hai là nói bốn cách an táng của người Trung quốc: Thủy táng thì bỏ xuống sông cho trôi đi, hỏa táng thì dùng lửa đốt, thổ táng thì chôn dưới đất, lâm táng thì bỏ ở chỗ hoang vắng cho chim cắt, hổ ăn thịt. Trong luật nói về hai cách an táng là hỏa táng và lâm táng, cũng có người chôn.

Luật Ngũ Phần chép: Thấy người chết nên chôn, nếu hỏa thiêu thì để trên đá không được đặt trên cỏ.

Luật Tăng-kỳ trình bày: nếu hông bên phải dính đất Niết-bàn, lại nói: nếu người chết thì mướn người hỏa táng.

Luật Thập Tụng chép: có Tỳ-kheo chết trong rừng bị chim mổ bụng, vỡ bụng loài tiền ra.

Luật Tứ Phần chép: Như lai, Luân vương hỏa táng, cho nên hỏa táng thì sẽ tàn lụi, mướn người xoay vần y cứ theo thì được.

Luật Tăng-kỳ chép: trong năm chúng của Thế tôn được xây tháp, từ tiểu Sa-di-ni trở lên đều được lễ trên ngôi mộ Thượng toạ.

Luật Tăng-kỳ chép: pháp sư trì luật, Tỳ-kheo làm việc, Tỳ-kheo đức vọng nên xây tháp.

Tướng luân: treo cờ lọng đặt ở chỗ tử vắng, không được làm ở chỗ kinh hành, nhiều người qua lại, nếu trái thì kết tội. Nếu chúng tăng không cho phép thì dạy khiến cho hoà hợp rồi làm.

Kinh Tăng Nhất chép: các Đức Như lai tự khiêng một góc giường của mẹ, A-nan, La-vân, v.v... A-la-hán đều nâng một chân, không để cho người khác khiêng thế, vì báo ân nên cho phép việc này. Hòa-thượng A-xà-lê nuôi lớn pháp thân, cha, mẹ, anh, chị nuôi lớn sinh thân, thân mình tự ôm thây chết mà đưa đi ân đức đâu thể hết.

Luật Thiện Kiến chép: không được đưa cho người tại gia mai táng, trừ vì quán vô thường, nếu tay nắm tử thi của mẹ tẩm liệm không mắc tội, thánh giáo như đây sẽ cho phép làm, lý cần phải lường theo căn cơ có thể đảm đương trong lúc này.

THIÊN THỨ 27: CÁC HẠNH QUAN TRỌNG

(nghĩa là chánh nghiệp xuất thế v.v... là chỗ nương của Tỳ-kheo)

Sun la muôn cảnh việc gì chẳng giữ gìn, xem thường không hành trì bao hàm sự trách cứ sâu kín, cần mỗi việc khởi lên các thứ khuyên

bảo, khuyên bảo nhất định làm. Lý cần phải biết rõ, hoặc do con đường thuộc về nhau, đầy đủ trên các môn, loại riêng gồm thâu là ba bộ dưới, lấy bên ngoài nhiều loại đức và nối, việc lặt vặt lôn xộn rối loạn, phiền toái văn hợp thành khác với ở đây, trong nhiều việc lộn xộn phép tắc dẫn dắt là môn đầu tiên, ắt đều tu thánh hành theo lý, nên xem rộng khắp, thì đạt khắp các phương mà không hèn nhát, được chia ra mười thứ:

1. Phật pháp tăng
2. Các việc trong chúng
3. Người khác tự làm
4. Cùng hành đồng pháp
5. Việc quan trọng của người xuất gia
6. Pháp gặp giặc
7. Pháp đại tiểu tiện
8. Pháp thương xót cứu giúp súc sinh
9. Pháp chúng sinh tránh được việc ác
10. Pháp trị các thứ bệnh.

Trong Trí luận, Bồ-tát nói: ngày ba đêm ba thường làm ba việc, một là trong sạch vén y bày vai bên phải chấp tay lễ Chư Phật mười phương nói rằng: Con tên.... tội của ba đời, ba nghiệp, nguyện khiến cho dứt trừ, không làm lại nữa. Hai là mười phương ba đời Chư Phật, công đức nguyện tùy hỷ khuyên giúp. Ba là khuyến thỉnh Chư Phật mười phương xoay bánh xe pháp lần đầu lâu dài, đối với thế gian thực hành ba hạnh này công đức không lường được.

Luận Tát-bà-đa chép: không được đeo hoa, hương anh lạc dạng cụ trang nghiêm trên thân Phật, được rải dưới đất cúng dường, tăng cũng như vậy, không được để hương, hoa, trên thức ăn, nước uống để cúng dường tăng.

Ngũ Bách Vấn chép: trước thượng phướn Phật được lấy làm, còn Phật sự hoặc thí chủ không cho không được làm.

Luân Tát-bà-đa chép: hoặc thức ăn là tuổi của Phật v.v... trước nắm lấy sau mua được ăn, vì lúc nắm lấy không ngừng suy nghĩ.

Luật Thập Tụng chép: nên biết việc của tăng, người nên đi tuần tăng phường, trước sửa sang tháp, lần lượt việc của bốn phương tăng, thường làm là nghĩ xin cho các Tỳ-kheo chưa đến, đã đến cung cấp bốn thứ cần dùng, không để cho thiếu thốn, dạy dỗ Sa-di, sai người cũng vậy.

Luật Thiện Kiến chép: hoặc hiềm nghi tháp chùa và các hình

tượng gây trở ngại, bỏ diệt ở chỗ khác, như thuộc về người xấu, ở trong người xấu trái với phần của chúng sinh, bị thượng phẩm trị, luận câu-xá cũng vậy.

Trí luận chép: một người cho là tháp Phật xấu nên huỷ hoại, lại thích được làm phước, một người cho là tháp Phật khéo nên hủy hoại, lại thích được làm phước.

Trí luận chép: người cúng dường nói pháp là cúng dường pháp bảo.

Luật Thập Tụng chép: người cúng dường nói pháp là cúng dường Tam bảo, quét dọn giảng đường, phòng nhà, trải giường sạch sẽ, trái cây uống ăn nhiều lộn xộn thì nên búng ngón tay, Sa-di nhiều, nên lập một Sa-di phân xử và xử trí, Sa-di tịnh nhân nhiều, chịu khó có thể phân xử, lập làm người đứng đầu,

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đất của tăng trồng cây ăn trái. Người có công, hoặc một vườn cho phép, và vừa chín không thể cùng lấy, mỗi năm lấy một cành cây, khắp một cành cây thì dừng lại, nếu trồng dưa, rau và cắt.

Luật Ngũ Phần nói: nếu đúng tháng xem xét thức ăn, muốn biết sống, chín, mặn chua, được để trong lòng bàn tay dùng lưỡi nếm. Nếu người tại gia vào chùa, nên mượn ngọa cụ của tăng mà dùng, tăng có năm vật không thể mua, không thể bán, không thể chia: 1/ đất, 2/ phòng nhà, 3/ vật cần cùng, 4/ cây có quả, 5/ hoa quả.

Luật Tăng-kỳ chép: ruộng đất của tăng đang dùng, tất cả tăng nhóm họp cũng không được bán, không được mượn người, nếu thọ dụng riêng phạm tội việt Tỳ-ni (đều kể tổn phí vật phạm tội nặng). Nếu ruộng vườn tốt xấu người xâm lấn, nói vốn là của thí chủ dùng, thay đổi dễ dàng, giường ngọa cụ của tăng cũng như vậy.

Luật Tứ Phần chép: vật của tăng không nên mua bán phân chia, về mình rồi phạm thâu-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ chép: hoặc ngày Phật đản, ngày chuyển pháp luân, ngày hoặc đại hội, thường đưa ra cờ xí lọng báu cúng dường Chi-đề, nếu cuối cùng gió đưa tất cả cùng gom góp lại, không được nói rằng: con là hành nhân đại đức v.v... nên tùy theo gần phòng để ở yên một chỗ, không được giữ phòng, phải hăng hái nêu ra, vì sao các ông nương theo là được sống, nếu lúc sửa sang giường mền đánh kiền-chùy, không được đi từ từ, nên cùng sửa sang lại, không được nói rằng: có đức hạnh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu sửa tháp thờ tăng, sửa sang phòng tăng người tính công nên trả bằng giá tiền, đều cần thì tính toán, so lường,

trái với pháp mắc tội, tổn hại người thêm lợi ích. Nếu người kia bị bệnh có lòng thương xót, ban bố thức ăn mắc tội, tùy theo thích hợp của bệnh, v.v... đem lòng thương xót ban bố cho họ, chớ trông mong quả báo về sau: Hai là trong chúng việc lặt vặt, pháp vào các giảng đường, trước phải bên ngoài cửa, yên vui tịnh tâm, trong luật nói rằng: nên dùng năm pháp: một là đem lòng thương xót (do tăng chung với Thánh phàm bước đi thô tế, chung phải yêu thương kính trọng gọi là trọng pháp tôn kính người). Nên từ ở bậc thấp hơn như lau bụi khăn, (đối với người khác dẫn quanh co để hướng về mình, thường tỉnh lỗi mình, không khen tụng sự thiếu sót của người kia). Ba là nên biết ngồi đứng, nếu thấy Thượng tọa không nên ngồi yên, nếu thấy hạ tọa không nên đứng dậy (người nên đối với chúng cúi đầu đúng với thời). Bốn người kia ở trong tăng không được nói bàn lộn xộn việc thế tục, hoặc tự mình nói pháp, hoặc thỉnh người khác nói pháp (chúng nương vào pháp, hoạt động sẽ có cách). Năm là thấy trong tăng có việc không thể làm được tâm không yên chịu, thì nên yên lặng (do bạn bất thiện nêu ra chắc chắn phi thời, nên ôm lòng chịu đựng im lặng, quyền đóng với tăng dùng).

Luật Thiện Kiến chép: Ưu-ba-ly ngồi trên cao lấy ngà voi giả làm cái quạt, hết pháp tạng xong bỏ quạt, hạ tọa lễ tăng rồi lại ngồi.

Trí Luận chép: nếu muốn nói pháp trước lễ tăng rồi ngồi lên tòa sư tử.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu là Luật sư, Pháp sư đến tòa sư tử, rải hoa khoảng trên rũ bỏ không được ngồi, đánh tịnh pháp, Duy ra trước ở ngoài cửa đầy đủ oai nghi nghiêm chỉnh, chỗ gần cửa đối diện người, rồi đến đánh, đứng chắp tay, tay phải lấy chùy dựng lên, nghĩ răn đe xong, sau đó đánh một tiếng không được có âm vang nặng nề. Vừa mới nằm đánh tay từ đuôi dùi trống, sau đó chắp tay có một chút khởi bạch. Nếu có đặt ra và chú nguyện xuống bảo... “được”..., Duy na mở miệng nói duyên cớ, không được đánh chậm cho là việc đúng, trừ đi là nhiều lộn xộn một người khác tự làm.

Luật Thập Tụng chép: Thượng tọa không học giới, không thể dùng thời gian siêng năng khen ngợi, con thấy lỗi của Thượng tọa như vậy, nên không khen ngợi, e rằng còn sự học tập lớn, đêm dài chịu khổ.

Luật Ngũ Phần chép: vì biết khác nhau, lần lượt sẽ học đủ các sách, không được vì ưa thế gian bỏ chánh nghiệp, không cho phép bói tướng và hỏi về sự lành dữ.

Luật Tứ Phần chép: ban đầu học tụng học sách và học luận của thế gian, vì để đối phó ngoại đạo, trong pháp lộn xộn, nên người mới

học Tỳ-kheo bắt đầu học tính pháp.

Luật Thập Tụng chép: có bốn loại thứ lớp: 1/ lên tòa, 2/ tóc dài, 3/ trước gội đầu, 4/ có duyên sự muốn đi đều cạo trước.

Luận Tỳ-ni Mẫu chép: Tỳ-kheo không được cạo tóc cho người tại gia, trừ người muốn xuất gia, nếu đầu tóc rất dài, hoặc hai tháng hoặc rộng như hai ngón tay cạo một lần, móng tay dài như một hạt lúa mạch thì phải cắt không được dùng kéo dao cắt tóc, cho phép chứa nhiều đồ đựng tóc.

Luật Thập Tụng chép: Tóc nên chôn trong hố.

Kinh Niết-bàn chép: đầu tóc, râu móng đều tăng thêm lợi tướng của phá giới.

Kinh Tăng Nhất chép: Phật bảo Tỳ-kheo: Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục, 1/ đầu tóc dài, 2/ móng tay dài, 3/ quần áo dơ bẩn, 4/ không biết thời nghi, 5/ thường bàn luận.

Do đây lại sinh ra năm lỗi: 1/ người không tin lời nói, 2/ không nghe lời/ 3/ không vui vẻ gặp, 4/ nói dối, 5/ đấu loạn kia đây, nên học như vậy.

Luật Tứ Phần nói: Thích đến nhà người tại gia có năm lỗi:

1. Không dặn dò Tỳ-kheo mà vào xóm.
2. Ham muốn người nam người nữ ngồi chung.
3. Ngồi một mình.
4. Ở chỗ che khuất.
5. Nói pháp cho người nữ quá hạn.

Lại có năm lỗi:

1. Thường thấy người nữ.
2. Đã thấy nhau liền gần gũi.
3. Càng trở nên thân thiết nồng hậu.
4. Liền sinh ra ham muốn.
5. Vì ý ham muốn có khí đến chết.

Nếu lần lượt chết khổ năm loại không nên làm thân thiết nồng hậu. Hoặc người tranh luận nhau, hoặc thích du hành không dừng, không nói pháp cho họ nghe, nói chỉ dạy cho người thiện ác.

Luận Thành Thật chép: người xuất gia bỏ năm điều lẫn tiếc: lẫn tiếc tài vật, lẫn tiếc chánh pháp, lẫn tiếc nhà của, lẫn tiếc chỗ ở, lẫn riếc sự khen ngợi, tưởng rộng như trong luận kia.

Luật Tứ Phần chép: thế gian có năm thứ quý báu khó được:

1. Gặp Phật ra đời.
2. Nghe Phật nói pháp.

3. Nghe mà hiểu rõ.

4. Đúng như pháp thực hành

5. Được lòng tin vui vẻ

Mười luân mười việc không thành tựu, thiền pháp đắm trước, lời nói phục dịch, các thứ ngủ nghỉ, đã cầu và dùng sáu trần chỉ vì lợi dưởng, phần nhiều các tội lỗi, cho đến đọa vào ngục A-tỳ. Con nghe Tỳ-kheo thanh tịnh thọ cúng dường bậc nhất. Nếu Tỳ-kheo ngồi thiền còn thiếu các vật dụng chỉ nhớ các điều ác, nếu các duyên đầy đủ, tâm được chuyên nhất.

Luật Tứ Phần chép: không được ở chỗ mua bán, bói xem tụng chú, phương cách trị bệnh v.v... vì lo việc không thật, chê bai người tốt, La-hán còn chán bỏ việc không đúng, huống chi là phàm phu ư?

Trong luật chép: hễ có nói ra lời thệ thì nên nói, "nếu tôi có làm việc ấy thì nam-mô Phật, nếu ông làm việc ấy cũng nam-mô Phật", không được nói các thứ địa ngục, v.v...

Kinh Tăng Nhất chép: nếu có người làm sợ hãi, nên niệm pháp, các Như lai và thánh chúng thì đều trừ diệt.

Luật Ngũ Phần chép: không có duyên sự vào chùa ni mỗi bước phạm một tội đọa.

Ngũ Bách Vấn chép: có duyên cớ, có ni giới, được ngủ nhưng không được vào phòng.

Luật Tứ Phần nói: không dùng nhành dương xỉa răng có năm lỗi: miệng hôi, không khéo phân biệt mùi vị, không tiêu được chất nóng lạnh, không phân biệt được thức ăn, mắt không được sáng.

Luật Ngũ Phần chép: dùng nhành dương xỉa răng rồi nên rửa sạch rồi bỏ, vì trúng ăn nhầm là chết.

Luật Tứ Phần nói: ba việc là chỗ bỏ đồ, đại tiểu tiện, dùng nhành dương xỉa răng, và kinh hành có năm lợi ích: chịu đi xa, có thể suy nghĩ, pháp lành ít bệnh, tiêu hóa đồ ăn uống, được định lâu dài.

Luật Thập Tụng chép: nếu kinh hành nên đi thẳng, không được đi chậm, nhanh, vẽ dưới đất làm tướng, cũng có khi đi kinh hành trong giảng đường, nhà khách.

Bộ Tam Thiên chép: một là ở chỗ nhàn rỗi, hai là ở trước cửa, ba là ở trước giảng đường, bốn là ở dưới tháp, năm là ở dưới nhà khách, năm chỗ để kinh hành.

Luật Tăng-kỳ chép: cách đốt đèn, không được bỗng nhiên đem vào phòng phải xướng rằng: các Đại đức tôi muốn đem đèn vào, cho đến tắt đèn cũng vậy, trước dùng tay che nói, không được dùng miệng

thổi, tay quạt, y quạt, nên bẻ gập đầu đang cháy bỏ, dầu nhiều được trọn đêm, mỗi việc như trong quyển 35.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: nối tiếp ánh sáng của Phật ban ngày không được tắt, Phật trong vô minh tối tăm, vì vốn nói không biết suy nghĩ đều giới hạn nên tắt thì có tội.

Trong kinh Hiền Ngu chép: Mục-liên biết ban ngày chỉ khi vào tắt đèn.

Luật Ngũ Phần chép: nếu ban cho em bé, ban cho chó, ban cho chim thì nên lượng rồi ăn nhiều ít lấy chia, sau đó bớt ăn, không được lấy chia ban cho ban ngày.

Luật Tứ Phần chép: nếu lúc ăn, hoặc người, không phải người thì nên cho một nắm cơm.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: nếu người không có lương thực đến chùa xin ăn các loài như trẻ con, người bị tù, đàn bà mang thai, v.v... mình bố thí không có lỗi, Tỳ-kheo nên học.

Luật Tăng-kỳ chép: đốt lửa có bảy việc không được lợi ích: một/ hư mắt, hai/ nhan sắt xấu xí, ba/ thân gầy yếu, bốn/ làm nhơ nhóp y, 5/ ngọa cụ hư hỏng, 6/ sinh ra các duyên phạm giới, 7/ nói thêm những lời tục.

Kinh Tuyển Tập Bách Duyên chép: quét đất có năm đức: 1/ tự mình dứt bỏ được tâm dơ bẩn, 2/ cũng dứt được dơ bẩn cho người, 3/ bỏ tâm kiêu mạn, 4/ điều phục được tâm, 5/ làm cho công đức thêm lớn sinh về chỗ lành.

Bốn cùng thực hành đồng pháp, cái gọi là tụng trì chưa hẳn là phải nhiều, Đạo quý được trọng mà thần dụng chẳng chuẩn, có mạnh yếu lẫn nhau, có người nghe tụng rất nhiều, đối với nghĩa thì không rõ, cho nên vào đạo chậm chạp.

Cho nên kinh Niết-bàn chép: thà dùng ít nghe nhiều hiểu rõ nghĩa thấm thía.

Luật Thập Tụng chép: Phật pháp quý ở chỗ đúng như pháp mà thực hành, không quý ở chỗ đọc nhiều tụng nhiều, đã biết như thế, xin y theo người xưa đã dạy rằng: tụng Thắng Phát một quyển, nhiếp hết tất cả căn bản của Phật pháp (Như lai Tạng một quyển cũng đồng hướng về liền tục). Giới bổn một quuyển, nhiếp hết tất cả, hạnh chỉ trì dứt (người xuất gia ban đầu thọ là đã Phật chế tức là tụng).

Yết-ma một quyển, nhiếp hết tất cả pháp tác trì (năm hạ trở lên không tụng được thì suốt đời không lìa y chỉ). Do đạo có căn bản hành riêng chỉ trì tác trì, tụng ba quuyển này, xin nhiếp được giềng mối của

Phật pháp, các bộ kinh tạng lớn khác nhất định phải đọc rộng, có thấy rộng lớn, cũng sửa sang giúp đỡ tâm hành, giúp cho đạo nghiệp, không để cho phân tán.

Trong thế tục có Yếu Lãm một quyển mười thiên, đều nói về pháp chí hạnh của người, cũng có thể giở sách ra đọc, tuy không nương theo văn sinh ra kiến nghị nào do thói quen mới vào đạo, vốn bỏ ở lỗi lầm đã phạm, lúc đã lớn khôn, thì ngồi thiền hỏi nghĩa, thỉnh giải thích các thứ khác... nếu nghe nhiều nghĩa thì chẳng phải chỗ luận này, thì sinh ra mà biết ở trên.

Bộ Tam Thiên chép: nghiệp của Sa-môn tụng kinh làm chỉ có sinh, chỉ có tử, hoặc có khốn cùng của sự chịu khổ.

Luật Thập Tụng chép: Tương lai người sợ hãi, nói pháp chẳng có lòng thương xót, thọ trì không lợi, thích pháp của thế gian, trang nghiêm chương cú, v.v...

Luật Thiện Kiến chép: nếu thầy do sự nghe luật tạng và nghĩa rộng phân tán, năm khác nên thọ chẳng phải một lỗi, phúng tụng thông lợi thì gọi là Luật sư cung kính đối với luật, Phật tạng năm hạ về trước thì học luật tạng, năm hạ trở lên đều biết nên học nhân pháp vô ngã.

Luật Thiện Kiến chép: vì sao học luật gọi là đọc tụng hiểu nghĩa, phần nhiều nói trong: hễ hiển bày đức có hai: 1/ danh lợi, 2/ Phật pháp, chúng sinh. Tùy theo lúc tự tại không bị chướng ngại.

Luật Thập Tụng chép: Dứt bỏ được nghi cho nên được hiện tại thông với bậc Thánh, năm yếu nghiệp của xuất gia, hai chúng đạo tục, phước trí tu khác nhau, lý phải biết chia đều, chỉ biết thông cuộc, chẳng gọi là phước trí, cả hai khác nhau, đạo tục thực hành khác nhau, nhưng do thói quen ràng buộc phần nhiều tỉnh nghiệp khó kế thừa, cửa đạo rảnh sang vui vẻ, chuyển nhất thắng hạnh, cho nên chia ra hai đường, sẽ y cứ theo hai con đường thông, đều cả hai vừa lòng.

Nay vả lại cả hai nói: người xuất gia lấy thân giới tâm tuệ làm gốc, không được tạo lập kinh tượng chùa nhà, v.v... nghiệp lung tung không thứ lớp, nên chỉ được dạy trao pháp tắc khuyến hóa người thế tục, có việc để làm, suốt ngày tôi do chấp theo thường khác nhau, nếu trái nghịch với pháp thì lộn xộn, làm trái ngược phép chế định của bậc thánh gọi là diệt Phật pháp, đều ở phần mình giúp đỡ nhau của cải, thành là kẻ sĩ trụ trì, người thế tục lấy vàng đá, đất cây, răng, sừng, vải vóc mà làm tượng Phật, đạo nhân tu năm phần pháp thân, học ba hạnh của Phật gọi là tạc tượng (nghĩa là thế gian lấy việc hành đạo do pháp tạo lập). Thế gian lấy giấy trắng, tre lụa, viết mực sao chép để làm

quyển kinh, người tu đạo lý văn tư tu tuệ làm tạo pháp, thế gian lấy cỏ cây tường chữ mà dùng để xây chùa, người tu đạo bồ-đề Bát-nhã trí tuệ cung điện muôn hạnh. Chỗ ở nhà Đại thừa làm chùa, tuy hình sự giao nhau mà ý người tu đạo cách biệt xa xôi. Không thể loạn nghiệp mà lộn xộn liên can nhau, người có thể giữ gìn thì biết là cốt yếu, đều thực hành tốt đẹp, hết sức mà không đạt tới, đều theo bổn nghiệp. Phần trên người xưa đã để lại, nay dẫn văn làm chứng.

Trí luận chép: người xuất gia phần nhiều tu trí tuệ, trí tuệ là nhân duyên của sự giải thoát, người thế gian phần nhiều tu phước đức, phước đức là nhân duyên của sự vui vẻ. (Nên biết là vui vẻ chẳng phải bổn ý của xuất gia).

Luật Tăng-kỳ chép: cúng dường xá-lợi, xây dựng chùa tháp chẳng phải là việc làm của chúng tăng; Quốc vương cư sĩ kia là người thích làm phước, tự nên cúng dường, việc của Tỳ-kheo, cái gọi là kết tập ba tạng, chớ để cho Phật pháp mau chống bị hoại diệt. Tức là người ban đầu thọ giới bản hẹn rằng; nên khuyên hóa làm phước sửa tháp, cúng dường chúng tăng (đây là phần của phước). Nên học hỏi tụng kinh, siêng năng cầu quả thánh. (Đây là phần của đạo). Trước sau cả hai, tu hai đường, ý khác nhau. Sáu là pháp gặp giặc.

Luật Tứ phần chép: bị giặc cướp bóc không được để lộ thân ra ngoài mắc tội, nên lấy cỏ mềm hoặc lá cây che thân, nên lấy y dư mặc vào, nếu không có mà biết phải trong tăng, giữa tìm y đắp, không có thì nên hỏi có ngọa cụ không, có thì nên cho, nêu không cho thì tự mở kho lấy đệm chăn phơi bày cắt làm y. Che thân ra ngoài xin y, được rồi nên trở về giặt nhuộm may. Sửa sang xếp đặt chỗ góc, không bị kết tội.

Luật Thiện Kiến chép: đi giữa đường thấy giặc liền giao y cho người tuổi nhỏ mang đi, nếu giặc đuổi theo lấy mất y, trong chúng Tỳ-kheo được một người bẻ lá cây, đưa cho người khác, khiến cho được che thân trở về chùa, vì mất y, hoặc được y phục trắng năm mầu lớn không cắt rọc, cho đến đắp y ngoại đạo thì không phạm.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: khiến la lên như tiếng trống để giặc bỏ đi.

Luật Thập Tụng chép: giặc đén nên đánh chuông lắc linh, ném đá nói rằng: đá rơi, đá rơi để chúng sợ hãi bỏ đi, nếu đuổi theo mất y trước, tăng y trở về chỗ cũ, nếu không phải người hư không, tùy theo ở chỗ gần có tăng đưa về chỗ cũ, trở về đứng nên lấy lại.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu giặc nói vật của tăng để chỗ nào, Tỳ-kheo không được chỉ bày chỗ quý báu, cũng không được nói dối, nên chỉ phòng xá, giường tòa v.v... vật của Phật chỉ vật cúng dường nơi tháp

đầy đủ... Nếu đi giữa đường có sương mù thì người trẻ đi trước. Có nạn giặc, thú dữ nên để lão tăng đi giữa, nếu khiến cho giặc đi, khởi lên tâm thương xót, lão tăng đi trước.

- Pháp đại tiểu tiện.

Luật Tứ Phần chép: không nên đại tiểu tiện lâu, nếu lúc đi cầm nắm cỏ vào nhà xí, nhà xí kia nhiều người tụ tập, cho phép ở trước, đến ngoài nhà xí búng ngón tay hoặc ho khẽ khiến người và phi nhân biết, để y đặt trên cọc hoặc trên đá, cỏ, nếu gió mưa ẩm thấm nên đắp y, tay nắm chắc để không xúc chạm hai bên nhà xí, giữ vững hai chân dần dần dang y ra, dần dần ngồi xổm, chớ để chân trước ở gần hai bên. Khiến cho đại tiểu tiện, nước mắt, nước bọt vào lỗ của nhà xí. Còn bao nhiêu như thường pháp, rồi nên đến chỗ khác rửa dơ, rửa nước còn sót lại, chớ để phát ra tiếng, lấy vật xấu lau chùi, nếu tay hôi dùng đất tro bùn, phân trâu bò, đá lau chùi gạch gỗ lau chùi đầu mỗi ngón tay, rửa cho sạch sẽ, không được ở bên nhà xí tụng kinh làm cố ý trở ngại Tỳ-kheo khác, thấy có phân thì quét cho sạch.

Luật Ngũ Phần chép: Đồ dùng tiểu tiện đem vào trong phòng kín miệng, ngoài phòng nên có đủ nước, không được khỏa thân trong nhà xí.

Bộ Tam Thiên Oai Nghi chép: không rửa chỗ đại tiểu tiện, thì không được ngồi trên tọa cụ của tăng, nếu lễ Thượng tọa Tam bảo, thì không được phước. Nên cởi ca-sa, Tăng-kỳ chi để đại tiểu tiện.

8 Pháp thương xót cứu giúp súc sinh.

Luật Tứ Phần chép: lòng từ cởi mở sự ràng buộc, ra khỏi sự đắm chìm, hiểu rõ chỗ lan-nhã giặc buộc trâu, đều không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: người có thần lực cướp vật của giặc, thả các cầm thú súc vật, đều vì lòng từ mà làm thì không phạm.

Luật Thập Tụng chép: người thợ săn đuổi theo súc vật vào chùa, đến xin Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nói rằng: người kia được trả lại cho ngươi, người kia bỏ đi sinh tâm nghi ngờ, Phật nói không phạm. Lại bắn nai chạy vào chùa, người thợ săn nói rằng con nai này trong mũi tên, nên lại bắn giết các ngươi tránh mũi tên, các Tỳ-kheo không cùng trách cũng không cùng với nai, liền vờ trách rồi bỏ đi, sau đó nai chết, Phật nói nên trả lại cho người thợ săn, nếu buồn rầu phá hoại lưới và ngục thì chỉ phạm tội cát-la.

Con lợn bị mũi tên chạy vào chùa, Tỳ-kheo hỏi chỗ nào ? Lại ai thấy lợn ? Không có chủ lợn, thợ săn bỏ đi, sau đó bạch lên Đức Phật, Phật nói rằng: có nhân duyên như vậy nên làm nói việc khác, không

phạm.

9 Pháp tránh súc sinh hung dữ:

Ngũ Bách Vấn chép: Đi đường, ngủ đêm ở nhà quỷ thần không được có ý xúc nhiễu, nếu xúc nhiễu phạm tội đọa. Luật Tứ Phần chép: Nếu rắn chui vào nhà, hoặc dùng thùng đựng, hoặc dùng dây buộc, rồi đêm thả đi.

Nếu học chú độc, v.v... đệ tử hộ thân, không phải vì nuôi mạng sống. Luật Ngũ Phần chép: hương thanh mộc dính y để khử trùng lúc tụng chú không được ăn muối, không được ngủ trên giường, Phật nói cách tụng chú như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: sinh bệnh u nhọt dùng lúa mạch nghiền nát bôi lên vết thương.

Luật Thập Tụng chép: chất mỡ muối không sạch được uống dùng.

Luật Tứ Phần nói: bơ không sạch để rót vào mũi.

****

THIÊN THỨ 28: SAU DI BIỆT HÀNH

(Ở đây dịch là tức từ, nghĩa là dứt được tình ý nhiễm của thế gian, lấy lòng thương xót cứu giúp chúng sinh. Lại nói rằng: vì ban đầu mới vào Phật pháp phần nhiều còn giữ tình tục thế gian, cấn phải dứt điều ác thực hành lòng thương xót).

Sa-di kiến lập sự khỏi thế gian làm đầu, khai sáng nhiễm huyền, nêu tâm rộng xa, tự mình có thể thực hành giáo pháp đúng đắn, đúng nương theo mà tu, dấu vết lấn vào giúp đỡ nhau, thế gian từng trải đã nhiều, nhưng lòng tin là nguồn gốc của đạo, là mẹ sinh ra công đức, trí chính là nhân của giải thoát thế gian, người xuất gia nhất định trước phải biết hai điều này, nếu chưa hiểu đây, chỉ có tự mình cạo tóc đắp y, trong tâm không có đạo đức, oai nghi, bên ngoài không có phép tắc, buông lung ngu tình lại đồng với dơ bẩn thế tục. Sở dĩ nhập vào pháp đến ở rạng đông, đầu chạm việc nhìn vào vách, bởi tự mình không phụng thờ lòng tin. Thánh trí không phải nhân mà sinh ra, chỉ việc nuôi dưởng thân mình. Thà biết đưa ra cốt yếu thắng nghiệp, nên trước rõ về bổn ý của ra khỏi thế tục. Sau nương theo ý tùy hiểu rõ, trong phần đầu có bảy môn:

1. Nói về nhân duyên đầu tiên của việc xuất gia
2. Khuyên xuất gia có lợi ích
3. Chướng xuất gia có tổn hại
4. Hành phàm tội hành
5. Hành phàm phước hành
6. Nói về hành hạnh Thánh đạo.
7. Tướng của Đại thừa, Tiểu thừa, quyết định đồng khác.

1. Ban đầu, trong kinh Hoa Nghiêm chép: nếu có người không biết pháp xuất gia, thích đắm trước sinh tử, không cầu giải thoát. Cho nên xuất gia cần sự giải thoát, dùng văn này để chứng nghiệm, nên biết công đức xuất gia do Bồ-tát.

Kinh Úc Già Trưởng giả, kinh Niết-bàn v.v... chép: đều có pháp xuất gia.

2. Nói về khuyên người xuất gia có lợi ích.

Kinh Hoa Thủ chép: Bồ-tát có bốn pháp, chuyển thân sẽ làm Tỳ-kheo thiện lai, hoa sen hóa sinh, hiện tại được tăng thêm tuổi thọ, một là tự mình ưa thích xuất gia, cũng khuyên giúp người khác khiến họ xuất gia, hai cần ở nơi Phật pháp, không biếng nhác mệt mỏi, cũng khuyên người khác, ba là tự mình làm và nhẫn nhục, cũng khuyên người khác,

bốn là tập hành phương tiện sâu xa phát ra nguyện lớn. Công đức vô biên, lại như xây tháp bảy báu đến tầng trời 33, không bằng công đức của người xuất gia.

Trí luận chép: người xuất gia dù phá giới, phá giới đọa vào tội, tội hết được giải thoát.

Như Kinh Liên Hoa Sắc Ni Bổn Sinh nói: như Phật độ cho Bà-la-môn say rượu, vì vô lượng đời cho đến nay, không có tâm xuất gia, say mà do phát tâm, sau sẽ đắc đạo, do đó nói bài kệ xuất gia.

Kinh Bổn Duyên chép: một ngày một đêm xuất gia, nên hai mươi kiếp không đọa vào ba đường ác. Luật Tăng-kỳ nói một ngày một đêm xuất gia tu phạm hạnh lìa được sáu trăm sáu ngàn sáu sáu mươi năm trong ba đường khổ.

3. Chương xuất gia có tổn hại

kinh Xuất gia Công Đức chép: nếu làm cản trở ức chế người xuất gia, thì người này làm hư mất hạt giống Phật, các điều ác nhóm họp trong thân, giống như biển lớn. Hiện tại bị bệnh hủi, lúc chết đọa vào địa ngục tối tăm, không có kỳ hạn ra khỏi.

4. Nói về đã xuất gia là hành hành phạm tội:

Kinh Đại Bảo Tích chép: xuất gia có hai thứ trói buộc: 1/ kiến trói buộc, 2/ lợi dưỡng trói buộc. Có hai ung nhọt, 1/ Tìm thấy lỗi người, 2/ Tự mình che giấu tội của mình. Trong kinh lại nói: có hai mũi tên độc, cả hai bắn vào tâm, 1/ tà mạng làm lợi, 2/ thích y bát tốt.

Kinh Niết-bàn chép: sau khi ta nhập niết-bàn, lúc đời ác trược có nhiều người đói khát nên phát tâm xuất gia, gọi là người trọc đầu, thấy có Tỳ-kheo thanh tịnh trì giới oai nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp, thì xua đuổi đi, hoặc giết hoặc hại. Nếu nói về tội hành, lại nêu năm thứ, cái là gọi là tham, diệu, sân, nhuế, ái, gần gũi cầu lợi, năm thứ san, tật, v.v... Điếu như biệt sao, tùy việc dẫn văn.

5. Nói về xuất gia hành hạnh phàm phước:

Nghĩa là có Tỳ-kheo sau khi xuất gia rồi chỉ biết trì giới, không không có chí mến tượng đạo, cho giới là trên cái khác đều không dùng, là phi đạo, bên trong thường tức giận, ô nhiễm thanh tịnh, tâm tình không thắng tiến. Đây là giới thủ kiến, kiến thủ phiền não, Dục giới nghiệp dưới, chẳng phải hành giới trên, nếu tu thì của thế gian là nghiệp chung của giới trên, rút lùi sinh tử, chưa có kỳ hạn ra khỏi, cho đến học rộng, bố thí, giải kinh, tụng học, đều là sắp có chưa thành vô lậu.

Trí luận chép: pháp thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, bố thí, trì giới, Bốn thiền, Bốn định vô sắc, niệm Phật pháp,

tăng, chín tưởng, v.v... là đúng.

Luận Thành Thật chép: đối với sự trì giới, học rộng, thiền lợi ít này mà quên mất lợi lớn. Người trí không nên tham đắm lợi nhỏ mà quên mất lợi lớn.

6. Nói về xuất gia thực hành hạnh thánh đạo:

Nhưng ra khỏi thánh đạo, từ vô thỉ chưa từng, đều do quen theo thói quen của thế gian khó bỏ. Nay đã nhổ được tập tục thế gian, thì phải thực hành thánh nghiệp.

Trong kinh thường chia làm ba vị. 1/ Tiểu thừa nhân hành, quán việc sinh diệt, biết được tánh vô ngã, nhân thiện ác, v.v... 2/ Tiểu Bồ-tát thực hành quán sát sinh diệt, biết được tướng vô ngã, nhân, thiện, ác... 3/ Đại Bồ-tát thực hành quán việc là tâm, ý, lời phân biệt.

Cho nên Nhiếp luận chép: từ Nguyện lạc vị đến Cứu Cánh vị gọi là quán trung, duyên lời ý, phân biệt là cảnh, lìa đây không phân biệt pháp khác. Hai phân biệt hành trên như đã nói khác, nếu vào đạo phương tiện trừ nghi, xã bỏ chướng, phải nhổ sạch các hành, người thường chí hành, như Biệt Hành Môn 20 quyển có phân biệt rộng

7. Nói về tướng Tiểu thừa, Đại thừa, quyết định đồng khác.

Đạo hạnh Ba thừa như trên đã nói nay quyết chánh chung không nêu ra ba học, tất cả bậc thánh đều thực hành điều này, nếu y cứ vào Nhị thừa, giới duyên thân miệng, phạm thì hỏi tâm, chấp thì chướng đạo, không tránh khỏi ba đường, định ước danh sắc, duyên tu hành diệt là lý, nhị thừa đồng quán sát, cũng không có đế duyên khác nhau, nên luận Phật Tánh chép: người Nhị thừa y cứ theo luống dối quán vô thường, v.v... Tướng cho là chân như, tuệ lấy sự quán chiếu, và nhất định lấy theo nghĩa khác để đồng. Nếu y cứ theo giới của Đại thừa, chia làm ba phẩm, luật nghi một giới không khác với Thanh văn, chẳng phải không có hai, ba khác nhau, giữ gìn tâm giới càng có lỗi kiên trì cách thức.

Trí Luận chép: Bồ-tát trụ trong thật tướng, không đắc một pháp, có được phá giới không?

Đáp rằng: Do trụ trong Thật tướng nên không làm phước, huống gì tạo tác tội, tuy các thứ nhân duyên, không phá giới người.

Hỏi: Kinh Địa Trì chép: thà khởi thân kiến, chẳng ác thủ không, Phật tạng thà khởi lên đọan diệt kiến, không khởi ngã tưởng.

2. Nói thế nào là trái?

Đáp: Địa Trì vì tồn tại pháp thế gian nên có nghiệp lành, người ác thủ không tiếp nhau phá hoại tâm lành của người đời, mình và người không có lợi ích. Kinh Phật Tạng khuyên đoạn diệt kiến tuy hiện tại

chẳng phải lợi danh, sau nhờ vào ít tâm giữ gìn sáng tỏ, liền được giải thoát, đều có chỗ rõ ràng.

Hỏi: Bồ-tát thà khởi tâm tham, không một niệm khởi sân, do sân trái sinh, nếu vậy thì được khởi lên tâm tham không?

Trí Luận chép: như các tầng trời cõi sắc do dứt được năm triền cái, mười bất thiện, được sinh lên cõi trời Phạm thế kia. Từ vô thỉ đến nay không dứt dục ác, còn không được sinh, huống gì ra khỏi thánh đạo, xa lìa chỗ vốn không đắc của dục ác, nay có ham muốn làm sao được ư?

Nhiếp Luận chép: Bồ-tát được trí vô phân biệt, tất cả các trần không hiển hiện, do có thắng trí phương tiện đầy đủ, gây ra mười điều ác, như sát sinh, v.v... do trước có lợi ích, tự mình không nhiễm dơ, lỗi lầm, dẫu có lợi ích nhưng có lỗi, thì không nên làm, y theo sơ địa này, đã như trên mới được dùng, đây là trí vô phân biệt, nên Địa tiền không hợp với Niết-bàn, dứt trừ thế gian chê bai, không khác với tánh của giới trọng. Nhân nói Bồ-tát trì giới tướng, La-sát xin phao nổi, dụ rõ năm thiên sáu tụ, giữ gìn không gây ra tội.

Lại chép: nếu chưa trụ vào Bất động địa, có nhân duyên nên được phá giới, ở đây thì Bát địa trở lên, hoặc có thể Tịnh Tâm địa trở lên. Nếu nói về định tuệ, tiểu quán tướng không, quán sâu Duy thức, lúc ngu độn thấy trống rỗng, không phân biệt sắc, biết rõ Duy thức, chẳng phân biệt không. Vả lại, chia ra Đại thừa Tiểu thừa, hơi biết con đường sơ lược, chỗ tương tự đạo, tương tự thiện khó biết khó học, phần nhiều rơi vào rừng tà, lý cần phải thông, học mới chịu quán sát đúng đắn. Không vì tụng ngữ mà vì đạo nghiệp, như Thập trụ Bà-sa và trong Thập địa nói.

Lại kinh chép: vì nhân học rộng được trí tuệ, nên liền nhập vào Phật pháp, không được dừng việc học, giống như biển lớn, lại thấy ba việc kiểm nghiệm ba đường, phàm phu chủ tự làm, hàng Nhị thừa tự làm gồm có cả người khác làm, Đại thừa chỉ làm ở người khác, ba phát ý này khác nhau. Nếu nói về duyên sự, tâm trái nghịch việc đồng. Vả lại, biết lược rộng mà thôi, chính là trong đoạn sau, lại chia làm năm.

1. Nói về xuất gia có đủ duyên.
2. Tác pháp khác nhau.
3. Phương thức thọ giới.
4. Tùy theo giới tướng.
5. Các hạnh chỉ bày.

1. Ban đầu trong luật Tăng-kỳ chép: người bảy tuổi hiểu biết tốt xấu, nên cho xuất gia, tám mươi, chín mươi tuổi già nua, hơn bảy mươi

tuổi đi đứng cần có người dìu đỡ thì không cho phép độ, nếu tu tập được các nghiệp thì cho phép xuất gia, nếu lớn già, lớn nhỏ đã xuất gia không cho phép đuổi ra, Tỳ-kheo phạm việt hối. Ương-quật qua việc mẹ già xin Phật xuất gia, Phật dùng kệ ngăn trở: ngươi nay tuổi già yếu, xuất gia đã quá trễ, chỉ nên sâu sắc lòng tin, dùng pháp tự tỉnh lại ngừng nghỉ. Vua Tịnh Phạn xin Phật xuất gia. Trong luật Phật dạy: chỉ quán vô thường, các hạnh đầy đủ, do đắc đạo không cần xuất gia.

Trí luận chép: nếu người hai căn, vô căn, trong Tỳ-ni nói người không có đạo căn, thì không được xuất gia, mất tướng nam, nữ, tâm họ không định, kiết sử rất nhiều trí tuệ can cợt, nên trong Đại thừa chẳng có chỗ nào không dung chứa, chỉ do tâm tà quanh co, khó có thể cứu giúp, như khu rừng dầy, dẫn nước quanh co, nên không được vào trong Phật pháp.

Luật Thiện Kiến chép: người muốn đốt chùa, cho phép không bạch với cha mẹ được độ xuất gia.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: pháp của cha mẹ, của vua chúa không cho phép ăn trộm, độ phạm tội nặng, đây nghĩa là giáo hóa chỉ bày dẫn dắt khiến cho vứt bỏ mặt trái. Như trong luận được độ, trái lời dạy của vua phạm Đột-cát-la. Người tự đến thì được.

Lại nói: nếu giặc bắt Tỳ-kheo đem bán, sau đến quăng ném Tỳ-kheo, lúc đầu được trải qua chủ không được, nếu chủ ban cho họ thả ra không có chánh văn.

Luật Tăng-kỳ chép: người mới xuất gia, trước nói việc khổ, nghĩa là ăn, một bữa, ngủ một giấc, ít ăn uống, thường học hỏi, hỏi có làm được không?

Đáp: người “làm được” thì mới nhận.

Luật Tứ Phần chép: không được nuôi hai Sa-di, nếu người nuôi thì phải xin phép nuôi chúng, đầy đủ đức như trong pháp độ người.

Trong luật Tăng-kỳ chép: không được nuôi nhiều Sa-di, cho phép nhiều nhất là ba người. Nếu nhiều vị Đại đức Tỳ-kheo cùng với trẻ em khiến cho độ khổ khuyên cho giống người, nên không tự sai khiến cùng với người khác được tự dạy bảo. Có ba phẩm bậc từ bảy tuổi đến mười ba tuổi gọi là Sa-di khu ô, từ mười bốn tuổi đến mười chín tuổi gọi là Sa-di ứng pháp, từ hai mươi tuổi đến bảy mươi tuổi gọi là Sa-di danh tự.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: nếu xuất gia rồi, sau trộm cắp vật trong nhà cũ phạm tội khí. Vì sao? Lúc đầu xuất gia, tất cả xã bỏ chẳng phải vật của mình. Bổn phục tạng, bổn trách cũng đồng nhau.

2. Người tác pháp.

Người muốn xuất gia đến trong Tăng-già-lam đứng ở chỗ mắt thấy tai không nghe làm pháp đơn bạch hòa hợp tăng khiến cho đại chúng biết thầy, làm xong hỏi đáp không mắc lỗi. Như trong luật nói: độ cho người thợ khéo trẻ em, bạch Yết-ma rằng: Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Con... theo Đại đức... xin cạo tóc, nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho con... theo Đại đức... cạo tóc, tác bạch như vậy.

Luật chép: nếu tăng hòa hợp là tốt, nếu không được như vậy thì đến mỗi phòng nói cho biết, tác pháp rồi nên cho cạo tóc. Trước thỉnh Hòa-thượng phải đầy đủ oai nghi, bạch rằng: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Con... thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng, xin Đại đức vì con làm Hòa-thượng, nay con nương theo Đại đức, được cạo tóc xuất gia, xin dũ lòng từ bi thương xót, (thỉnh ba lần). Văn của thầy A-xà-lê cũng y cứ theo đây (nghĩa là hai thầy cạo tóc và thọ giới) nên dùng các bộ hội minh lập ra nghi thức xuất gia, lộ địa, hương, nước, rượu, khắp vòng bảy thước bốn góc treo cờ hiệu, giữa đặt một tòa cho người xuất gia, lại lập ra hai thắng tòa cho hai thầy ngồi. Người muốn xuất gia trước vốn quen theo tập tục thế gian. Lạy từ biệt mẹ cha, tôn sư. Xong rồi miệng nói kệ rằng: Trôi lăn trong ba cõi, ân ái không thoát được, vứt bỏ ân ái nhập vào vô vi chân thật là báo ân, và thoát được thói quen của thế gian (kinh Xuất Thanh Tín Sĩ Độ Nhân).

Luật Thiện Kiến chép: dùng nước nóng thơm tắm gội, trừ đi mùi hôi của người tại gia, vẫn đắp y xuất gia, đúng ra được đắp Nê-hoàn-tăng, Tăng-kỳ chi, chưa được đắp ca-sa liền vào đạo tràng (kinh Xuất Độ Nhân). đến trước Hòa-thượng quỳ gối, Hòa-thượng nên sinh tâm suy nghĩ, không được sinh tâm nhiễm ô, thấp hèn, đệ tử đối với thầy nghĩ như cha, nên vì nói tóc, lông, móng, răng, da. Vì sao? có người đã từng quán năm thứ này, nay làm rụng tóc, tức là phát ra nghiệp trước liền được ngộ đạo. Như La-hầu-la chưa rụng tóc hết liền đắc quả La-hán. Như Nhiệt Ung đợi châm, Liên Hoa đợi mặt trời vì họ mà nói pháp rồi ngồi trước A-xà-lê (xuất xứ từ Luật Thiện Kiến) rưới nước nóng thơm lên đảnh đầu khen ngợi rằng: Lành thay ! Đại trượng phu, sẽ được đời vô thường, bỏ tục hướng Niết-bàn, ít có khó nghĩ bàn, dạy lễ mười phương rồi, hành giả nói kệ rằng: trở về nương theo Đại Thế tôn, độ được khổ ba cõi, cũng nguyện các chúng sinh đều nhập vào vô vi là vui. A-xà-lê bèn cạo tóc. Người đứng cạnh làm bài tụng xuất gia bằng tiếng Phạn rằng: huỷ bỏ hình tướng giữ chí trinh tiết, cắt đứt ái ân, không người thân thiết, lìa bỏ gia đình hoằng hóa Thánh đạo, nguyện độ hết tất cả chúng sinh (kinh Xuất Độ Nhân) lúc cho cạo tóc trên đảnh đầu giữ lại

năm, ba chòm tóc, lại đến trước Hòa-thượng quỳ gối, Hòa-thượng hỏi rằng: nay ngươi cạo bỏ tóc trên đầu có được không?

Đáp rằng: "Dạ được", liền cạo tóc. Cạo xong, Hòa-thượng trao cho ca-sa, liền nhận đội lên đầu, nhận rồi trả lại cho Hòa-thượng, ba lần như vậy, Hòa-thượng đắp vào (xuất xứ từ luật Thiện Kiến) nói kệ rằng: "lành thay áo giải thoát, áo ruộng phước vô tướng, vâng giữ như giới hạnh, rộng độ các chúng sinh", lễ Phật xong, đi nhiễu ba vòng, nói kệ tự vui mừng: "Lành thay gặp được Phật, người nào không vui mừng. Phước nguyện hợp với thời, nay ta được pháp lợi, lễ đại chúng hai thầy", rồi ngồi ở dưới nhận lễ của bà con mừng xuất gia lìa thế tục, tâm hoài bão xa rộng, cha mẹ v.v... đều làm lễ vui vẻ đạo ý, giữa cạo tóc trước (Xuất xứ từ kinh Độ Nhân).

Luật Tỳ-ni mẫu nói: cạo tóc đắp ca-sa rồi sau đó thọ ba quy y, năm giới cấm.

3. Pháp thọ giới: chia làm ba.

Một là duyên, hai là thể, ba là tướng.

Trong phần đầu tăng đã nhóm họp ngồi an, người thọ giới ở chỗ thấy, lập ra tác pháp đồng như trước. Bạch rằng: Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... kia theo Đại đức... xuất gia, nếu Tăng phải thời đến, Tăng bằng lòng cho... theo Đại đức... xuất gia, tác bạch như vậy.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: hai người được độ Sa-di, một người không được.

Luật Ngũ Phần và luật Thập Tụng chép: trước cho thọ năm giới, sau cho thọ mười giới.

Luật Thiện Kiến chép: nên lễ dưới chân tăng, đến chỗ A-xà-lê, lễ rồi quỳ gối chắp tay, thầy dạy rằng: Ông sẽ theo lời dạy của tôi, thọ ba quy y. Đáp rằng: mô Phật được. Nêu ra cốt yếu luật nghi rằng: nắm góc y của thầy, nêu ra ở nơi tình người, đời mạt pháp lưu luyến, luật văn tượng tứ như chỗ đối tăng, lý phải sinh tâm kiến lập duyên tốt, nên hỏi già nạn, đồng nhất với Tăng pháp, nếu có thì năm giới không phát, huống chi đủ mười giới, văn như trong tăng.

4. Nói về giới thể.

Văn nói rằng: con... quy y Phật, quy y pháp quy y Tăng, nay con theo Phật xuất gia, Đại đức... làm Hòa-thượng, Như Lai Chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn của con (nói ba lần). Con... quy y Phật rồi, quy y pháp rồi, quy y Tăng rồi, nay con theo Phật xuất gia rồi, Đại đức... làm Hòa-thượng, Như lai Chí Chân Đẳng chánh giác là Thế tôn của con (nói ba lần) kế là ba minh tướng, suốt đời không sát sinh là giới của Sa-di,

ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được !

Không được trộm cắp, không được dâm dục, không được nói dối, không được uống rượu, không được đeo vòng hoa thơm, xoa hương thơm lên mình, không được ca múa hòa tấu, biểu diễn, cũng không được đến xem nghe, không được ngồi giường cao rộng lớn, không được ăn phi thời, không được cầm giữ tiền, sinh tượng vật báu, đều y theo pháp ban đầu, mỗi giới hỏi lại. Đáp rằng: mô Phật giữ được.

Lại nói: là mười giới Sa-di, suốt đời không được phạm, truyền trao giới tướng rồi, nói công đức xuất gia, cao như núi Tu di, sâu như biển lớn, rộng như hư không, từ chỗ nói pháp khác. Tùy thời sẽ bàn luận rõ..., trong giới tướng chưa hiển bày, như giường cao nghĩa là cao trên tám ngón tay.

Kinh Tăng Nhất chép: tám loại giường v.v... như theo trong tướng, sinh tượng nghĩa là luật Tăng-kỳ, luật Thiện Kiến nói rằng: sinh ra sắc giống như sắc tức là tượng sinh ra làm tượng ngân, hai chương hồ hán.

Luật Tứ Phần chép: lớn nhỏ trì giới, trong Sa-di đầy đủ được bảy chi, còn lại giá giới y cứ theo hai bộ luật tăng, ni, ba chúng dưới đều kết Đột-cát-la. Cho nên biết lại nêu mười giới hay phạm trước nêu ra, còn chưa biết hai thầy dạy khác nhau, như ví dụ đại tăng bốn giới trọng.

Lại do ý chí thấp hèn chưa kham chịu được bốn chỗ nương nhờ, nên không nêu ra, hoặc đường không có, đâu được không đi. Kế là nói năm đức.

Như kinh Phước Điền nói: 1/ Phát tâm xuất gia vì mang ơn Đạo; 2/ Huỷ bỏ thân hình đẹp đẽ vì thích ứng với pháp y; 3/ Xem thường thân mạng vì tôn kính Phật pháp; 4/ Dứt hẳn ân ái không còn thân sơ; 5/ Chỉ cầu Đại thừa vì hóa độ mọi người.

Kế là nói sáu pháp niệm: lớn không đồng với trong tăng, không đồng với người thế tục Phật pháp Tăng... do chế chung với Sa-di, đến niệm thứ ba thì nói rằng: nay con... tuổi, ngày... tháng... năm... thọ mười giới, do luật chế lấy năm sinh làm thứ lớp, lại năm xuất gia làm thứ lớp, cả hai đều phải biết.

Luật Tăng-kỳ chép: nên vì Sa-di nói mười pháp số. 1/ Tất cả chúng sinh đều nhờ vào sự ăn uống; 2/ Danh sắc; 3/ Nhớ nghĩ bệnh đau; 4/ Bốn đế; 5/ Năm ấm; 6/ Sáu nhập; 7/ Bảy giác chi; 8/ Tám chánh đạo; 9/ Chín nơi chúng sinh ở; 10/ Mười nhứt thiết nhập; pháp của Sa-di nên đếm như vậy, y theo đây mà phá được mười thứ ngoại đạo: đầu tiên là phá ngoại đạo nhịn đói, họ dùng uống sữa cám, chất nước đặc, ăn gió, thổi hơi,

v.v... hai là phá ngoại đạo tự nhiên, như con bê uống sữa, gai nhọn chim đen, lửa trên nước dưới, gió nhẹ đất nặng, đều không phải do tự nhiên sinh ra; ba là phá phàm phu làm nhân ngoại đạo, từ nơi Phạm vương, chúng sinh, cha mẹ chúng sinh tức giận vui mừng do nơi tầng trời kia; bốn là phá ngoại đạo chấp không nhân quả, như cỏ cây bên ngoài tự sinh tự chết, con người cũng đồng như vậy; Năm là phá ngoại đạo thần ngã, chấp trong thân có thần ngã riêng, cho là chủ tể; sáu là phá ngoại đạo một thức, như một cái thất có sáu con khỉ trải qua khắp, các căn cũng như vậy, một thức đều dạo chơi, bảy là phá ngoại đạo không tu, do khước từ điều thuận quán thấy tám muôn kiếp, bên ngoài lại không thấy, gọi là minh đế Niết-bàn, như chuyển sợi tơ, viên đạn lên núi cao tơ hết đạn dừng, vì sao phải tu đạo...; Tám là vì phá ngoại đạo tà nhân, hoặc giữ giới của chim, gà, nai, chó, bò, thỏ, v.v... hoặc tu tám thiền, hoặc tu tà tuệ, tà tinh tấn cho là chân đạo, trái với tám đường đúng đắn; chín là phá ngoại đạo sắc, vô sắc chấp Niết-bàn, vì hai cõi hữu vô tưởng định, phi tưởng định, chỗ tâm chìm đắm, nghĩa là cùng tột lý, đây chính là chỗ ở của chúng sinh; mười là phá ngoại đạo sắc không, vì ngoại đạo dùng sắc phá dục hữu, dùng hư không phá sắc hữu, nghĩa là hư không đến chỗ cùng tột. nay lập ra mười xứ, chỉ là từ tâm vận dụng nhiều ít, thật ra chỉ một thức, vốn không có cảnh trước, vọng lập ra sự đúng sai, ngã kiến không trừ, lại chịu sinh tử.

Cho nên, Trí luận chép: ngoại đạo có khả năng sinh ra thiền định, như con thuyền vượt qua biển cõi dục, cõi Sắc, còn cõi Vô sắc như biển lớn sâu rộng không thể đo lường được. vì không phá được tâm ngã, trên đây đều nêu ra phá tướng, nghĩ liền giặc qua lại hỏi.

Luật Thiện Kiến chép: nếu muốn thử biết có phải là chúng Tỳ-kheo hay không thì nên hỏi: Vì sao pháp trì ba y?

5. Nói về tùy theo giới tướng, việc làm của Sa-di là pháp dùng đồng với Tăng, pháp Yết-ma không được xếp vào số, từ các việc khác, đều chế ra đồng tu, như thuyết giới tự tứ là việc thường làm không được riêng chúng, ước hết nhóm tự nhiên xa gần cũng đồng với pháp của Tăng, rõ ràng trong bàn luận cho đến Ưu-bà-tắc cũng có biệt giới, biệt thí, người sở đối xưa dùng Tỳ-kheo, nay hiểu không như vậy, đều có pháp riêng, cả hai không đủ số không thể dùng chung, trở lại lấy Sa-di làm đối, không phải là đồng với tâm niệm của tăng.

Ngũ Bách Vấn chép: trong không phải Sa-di, đại Tỳ-kheo cũng đồng tác pháp, cũng tùy theo được tồn tại, kế là nói về giữ pháp loại chung chúng riêng, trước nói về cách đối đầu giữa hai y.

Tát-bà-đa chép: Sa-di thọ giới rồi nên giữ hai y thượng và hạ, một là Uất-đa-la-tăng, hai là An-đà-hội, tài thể chẳng phải là phương pháp mất y, giới hạn đồng nhất với trong tăng, chỉ thọ trì là hơi khác, nên đối với một người thọ giới không phạm Sa-di tay nắm y trên, nói rằng: Trưởng lão một lòng nhớ nghĩ, con là... Sa-di... mạn uất-đa-la-tăng này xin thọ trì (nói ba lần, y hạ y theo luật này không thọ pháp, y theo luật Thập Tụng như thế) thọ trì tám pháp, thọ trì toạ cụ đồng nhất với tăng pháp, chỉ đổi tên Sa-di là khác, cho đến hai chúng trong ni cũng đồng thọ trì.

Bộ Bách Nhất chép: vật cúng lệ theo cũng đồng không khác, nếu chứa y dư, thỉnh thí chủ của hai y, cũng đồng với tăng pháp, thuyết tịnh vốn cũng đồng, thuốc bát y cứ theo đây, hoặc được tiền, vật báu.

Bộ Tát-bà-đa nói: cũng thỉnh người tại gia làm, vì trong giới Sa-di chính đồng với tăng, không được tự mình cất chứa, nếu có y bát dư, v.v... đều phạm xả đọa. sám hối tội đồng nhất với Tăng pháp, trong nội giới nhóm người tác pháp, người không thọ giới cũng không được riêng chúng, văn đồng với đại tăng, chỉ do phạm một tội Đột-cát-la là khác. Nếu phạm tội đề-xá rồi, trên dưới và Tăng tàn đều phải sám hối, có che giấu thì phải trị tội, chỉ lấy tội Đột-cát-la làm định, nếu tội Ba-la-di thì luật nói rằng: ba chúng phạm Đột-cát-la diệt tẫn, còn có an cư thọ ngày v.v... việc thí dụ đồng với đại tăng.

Luật Thập Tụng chép: Phật chế chúng an cư, năm chúng thọ ngày.

Luật Tứ Phần chép: ba thời đi dạo giới ba chúng cũng kết tội, cho nên phải biết.

- Nói về pháp của chúng: có hai đường thông khác nhau, nếu người thông hành, đại tăng thuyết giới ban ngày, Sa-di phần nhiều đều lấy cung cấp hoa hương, nước nóng cho tăng, chúng đầy đủ, ở chỗ Bồ-tát bày ra la liệt, ô trĩ sẽ rõ, đều phải nhóm hết, có duyên giao phó trao nhận cái thẻ, đại tăng tác pháp một cách thức như thường, đến chỗ nói bài tựa giới xong, giới sư nói rằng: người chưa thọ giới cụ túc ra chưa, các Sa-di... đều theo tòa đứng dậy, cầm toạ cụ ở trước tăng lễ bái rồi quỳ gối. Thượng tọa bảo rằng: ở đây chúng tăng thuyết giới Bồ-tát, ông chưa thọ giới cụ túc không được dự nghe, đều theo nghiệp cũ, tụng tập cẩn thận chớ buông lung, đến ô trĩ thì đồng chạy đến giảng đường, bảo rồi theo thứ lớp mà ra, nếu người đi riêng, Sa-di có chỗ đều nhóm lại, ô trĩ xong, hai chúng đều nhóm họp (luật Thập Tụng chép: sai một Sa-di khác xem xét). Hành pháp đồng nhất trong tăng, làm thẻ xong đem đến

trong tăng, giao cho vị Duy na tổng hợp xướng số, người kia đưa thẻ lại chỗ cũ sai một người. Vị sư tụng thuyết giới kinh Sa-di giới, nghĩa là kinh Ai Đạo Ni và năm đức, mười pháp số, v.v... nếu tụng xong trong tăng chưa có người hiểu thấu, tùy theo lúc tụng kinh nói pháp, đến lúc ô trĩ đều chạy đến giảng đường, theo thứ lớp vào trong tăng. Ở trong giảng đường quỳ gối chắp tay. Vị sư thuyết giới kia vì nói rõ người có thể giữ gìn giới rồi văn sau, ở đây cho đại Tăng liên quan nhau làm dùng. Xem Tăng trong thuyết giới, nếu tự tứ y theo trong thuyết giới, giảng đường khác tác pháp, đưa thẻ hợp xướng. nếu người thông làm, Tăng tự tứ rồi, vị năm đức đến, hướng về chỗ Sa-di quỳ gối, nói văn tăng tự tứ, vì phạm đưa ra cả hai chung với nhau, nếu trong giới người ít, đối đầu tác pháp, đồng nhất chúng pháp đối đầu, chẳng phải người đồng với chúng pháp tâm niệm, nắm lộn xộn lưỡng tính thẻ tre. Oai nghi Sa-di tinh tấn dừng nghỉ thể đã đếm tre, luật đều chế đồng với tăn, chỉ kết tội một phẩm, còn lại như kinh Sa-di Oai Nghi, Tam Thiên oai nghi và tùy theo trong giới đầy đủ rõ ràng, không đưa ra lần nữa, lược chỉ là đồng.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: pháp của Sa-di nên hổ thẹn khéo trụ, vâng thờ pháp thầy, trong không nên biếng nhác, buông lung nên tự cẩn thận thân miệng mình, kính trọng người, thường thích trì giới, chớ thích nói cười, không nên ỷ lại tài lực của mình, lại chớ xem thường nóng nảy, nên biết hổ thẹn, không nói lời loạn vô định, chỉ khoan thai hợp lý, tự biết pháp tịnh, bất tịnh, thường theo hai thầy đọc tụng kinh pháp, tất cả trong tăng, nếu có việc làm đều không được trái, nên biết rộng như vậy.

Luận Tát-bà-đa chép: Sa-di không vì duyên Tam bảo có lợi ích mà đào đất phạm tội.

Luật Ngũ Phần chép: ba chúng dưới không tạo tội cũng phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: luật kết tội Đột-cát-la nghĩa là không phải duyên theo mà tổn thương. Cho đến không nhận thức ăn cũ còn lại, tự nấu v.v... không phải người thì mở ra. có tịnh nhân làm thì kết tội Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần chép: nếu xử phạt Sa-di, trước nói với thầy, thầy cũng không nên trái pháp giúp Sa-di, nếu trị xử phạt làm các thứ khổ sở, quét đất hốt phân v.v... xử trị bậc đạo, hoặc không làm Hòa-thượng A-xà-lê và người khác làm sứ, nên nói đúng như pháp cung cấp cho Hòa-thượng chúng tăng làm sứ, lần lượt đến nên làm không cùng lợi dưỡng trong tăng, đây là vật của thí chủ.

Luật Tứ Phần chép: ở dưới đại Tỳ-kheo, thứ lớp cho Sa-di phòng xá ngọa cụ, hoặc không thể ân ái giúp đỡ không nên cho, nếu có lợi dưỡng theo thì lần lượt cho. Có người nói luật của ba chúng dưới đều chế tội nghĩa là kết còn dư lại, chẳng phải là thật tội, đây là người nói, Thánh giáo dịch đúng pháp thật, cần phải cung kính hành trì.

****

Thiên Thứ 29: NI CHÚNG BIỆT HÀNH

Luật Thiện Kiến nói: ni là người nữ, A-na là mẹ, trọng ni nên gọi.

Chúng Tỳ-kheo-ni tế hạnh rất nhiều, đồng với đại tăng, như trên đã nêu, có không, nhẹ nặng tùy theo việc đã chia, nay lược lấy chỉ người riêng, cùng làm khoa này, kiến cho đến việc vạch ra, không việc trôi nổi khắp đâu cũng có tám, cho nên là người ở sau Sa-di.

Trí luận chép: ni có vô lượng luật nghi, nên thứ lớp phải sau Tỳ-kheo, Phật dùng nghi pháp bất tiện cho nên ở sau Sa-di, chính là trong phần ba. Tức là ni ba chúng, trước nói về đại ni bảy thứ khác nhau; một là thọ giới, hai là sám hối tội, ba là thuyết giới, bốn là an cư thọ ngày, năm là tự tứ, sáu là tùy giới, bảy là các hạnh của thầy trò.

1. Trong phần đầu trước nói về nuôi chúng.

Luật Tứ Phần chép: ni đầy đủ mười hai năm, muốn độ người, nên bạch nhị Yết-ma, thỉnh ni tăng bằng lòng cho, người không xin ái cụ phạm tội đọa, nương theo Thức-xoa, Sa-di-ni phạm Đột-cát-la, cầu pháp cho bạch hai pháp, như thường đã hiển bày, nếu được Yết-ma rồi trong một năm độ một đại ni, một sáu pháp, một Sa-di-ni, một y chỉ, cách năm lại được nghĩa, phải thận trọng khi trao pháp.

1. Kế nói về pháp thọ đại giới.

Văn dẫn khởi như thường, chỉ nêu ra trái pháp có lạm tưởng, tám pháp thọ trước, ban đầu thỉnh Hòa-thượng, hai xà-lê, một là y theo trong tăng, cho nên nói rằng: nay con nương theo a-di, học Phật, được nhờ hiệu của Ái Đạo, truyền nối nhau không dứt, trong oai nghi hỏi nạn cần phải uỷ khúc, hiển bày rõ ràng nạn tướng và các điều ngăn, cũng như trong tăng, vì chánh yếu gấp rút, cho đến bổn pháp đến nay đầy đủ nương theo pháp thường, một việc hoặc khác nhau là không thành thọ, còn lại đều như trong thọ giới. Trước hai lễ đúng thọ giới, ban đầu duyên chia làm năm, đầu tiên nói về qua lại đúng sai.

Luật Tứ Phần nói nếu làm bổn pháp rồi, tức là ban ngày đến trong đại tăng, không phải phạm tội, có người đến chùa ni cho thọ giới là không thành.

Tát-bà-đa chép: Thầy trò truyền nói phi pháp, không thành như đoan chánh nạn duyên, còn tự mình sai khiến tin, đây không phải nạn duyên, dầu cho có cũng không được. Có người đến chùa ni ở bên ngoài kiết giới mà thọ, luật không quyết định, nhưng vì tình là ni cho nên đến phi pháp có tội, nếu xét đắc giới cũng có thể chung làm.

Hỏi: Ni được đến chùa tăng làm bổn pháp hay không?

Đáp: Như đã nói rõ, trong giới của tăng, ni được lập giới, sai ni tác pháp, nương theo nghi thức kiết giới mà thọ, lý được không có lỗi.

Hỏi: Người bổn pháp gọi là làm gì? Có giới hay không?

Đáp: Chỉ là giới duyên, chưa phát ra đầy đủ, trong luật gọi là Tỳ-kheo-ni.

2. Nói về số lượng Tăng, Ni, có người làm bổn pháp rồi, đem hai ba vị ni, đem bổn pháp ni đến trong tăng mà thọ, nếu nương theo luật bổn, Tỳ-kheo-ni nên đem người thọ giới đến trong đại tăng, dẫn đến văn nói rằng: hai bộ tăng đều đầy đủ, nên biết Tăng ni hai mươi người.

Luật Tăng-kỳ chép: ni thọ giới pháp gọi là hai mươi chúng, tức là có số nhất định, trước làm phi pháp.

Luật Ngũ Phần nói rõ văn ấy rằng: Hòa-thượng, Xà-lê kia lại nhóm mười ni tăng, đến trong Tỳ-kheo tăng, ở trước thầy Yết-ma, hai gối quỳ sát đất xin giới.

3. Nói ni phải kiết giới: có người không lập pháp so sánh, nhưng ở đây một pháp hai chúng đồng giữ vững, đều có biệt chúng phi giới không phải do Yết-ma, nếu không tin phải kiết giới, nhưng tăng chỉ làm sẽ thành việc thì không nhỏ, nên biết phải kiết giới xét kỹ giao cho không nghi ngờ, nên giới tự nhiên tăng ni nhóm hết xướng tướng kiết. Bổn pháp ni tạm đặt ở bên ngoài giới tự nhiên, hai chúng dưới đồng đến không trở ngại, lại như ni sám hối tội Tăng tàn, hai chúng đều kết, thọ tùy theo đều đồng, đây là việc kết giới pháp, Phật pháp lưu hành ở Ấn-độ, có không lập ra ít, nhưng ở Trung quốc tăng đến truyền pháp đều có Thánh hiền, không chung chẳng phải đoạt.

4. Sắp đặt nghi thức, nên ở trong ba chúng đều kết giới nội, trải dài hai chiếc chiếu để giữa chỗ trống hai ba thước, khiến cho duỗi tay đụng nhau, các bổn pháp ni nhiều, xếp đặt hai chỗ, một là chỗ nhóm họp chúng nhiều, hai là mình ở trước tăng, mỗi mỗi triệu tập đến vào chúng dạy xin đắc giới, khiến cho ở đại ni xuống tòa, đợi xong rồi thuyết giới tướng.

5. Vào trong giới pháp, trước phải thỉnh giới sư, luật không phải chánh văn, y theo trước phải thỉnh, dùng thọ pháp bên ngoài hỏi nạn, giới thể tùy theo tướng, mỗi mỗi y theo trong tăng thực hành.

2. Nói về pháp sám hối.

Phần đầu có phạm không che giấu, có hối hận cũng bắt đầu sám hối, đồng với pháp của tăng, phần thứ hai là pháp che giấu hoàn toàn không, sáu đêm thay đổi tăng, chế hạn nửa tháng, do ni yếu đuối tình

cấu tức là phần nhiều phải nhờ vào đại tăng, thọ tùy theo đều như vậy. Nếu người muốn sám hối, thì thực hành trong hai bộ tăng, đều đầy đủ bốn vị, nửa tháng sám hối lỗi và đến lúc xuất tội đều đầy đủ hai mươi vị, nhưng đạo phong dần dần suy phế, biết phạm mà không biết phải sám hối, dầu có tâm sám hối, nhưng nhóm chúng khó được, cho nên thiếu mà không chép, phạm Thâu-lan-giá rồi dưới cho đến tội Đột-cát-la đều có nghi thức sám hối, như quyển trung có nêu, chỉ nên tự kiết một phần, xưng tên đại tỷ là khác, còn lại lời bạch đều đồng.

3. Nghi thức thuyết giới thỉnh pháp: luật Thiện Kiến chép: ban đầu vì người nữ độn căn, đều cho phép ni đến chùa tăng thọ giáo, sau vì người chê cười, bắt đầu năm người cho đến giống như dẫn đến chê cười, cho phép tăng đến chùa ni.

Luật Tứ Phần chép: không phải văn ý đồng nhau.

4. Sai người thỉnh pháp, đối với ngày thuyết giới, bạch hai vị, sai một vị, văn nói như thường.

Luật Tứ Phần chép: bạch hai vị, sai một vị rồi, sai hai, ba vị làm bạn, đến trong chùa tăng đến chỗ người đã dặn dò, nghiêng mình cúi đầu chấp tay bạch rằng: chùa... ni chúng hòa hợp lễ dưới chân Tỳ-kheo tăng, cầu thỉnh giáo thọ cho ni (nói ba lần) nên dặn dò người chủ, người không bệnh, người trí, ngày mai nên hỏi có thể giáo giới được không ? Y theo trong tăng đây đối với ngày bố tát hoan hỉ sai một người bắt chước thọ, dặn dò trao cho mình ở ngoài phòng, đặt một cái giường cho ni đến ngồi, lúc đến có người khác thông báo, ni khác đến phòng dặn dò trao cho người đến tòa ngồi, khiến cho một Tỳ-kheo làm bạn, đứng nhận lời dạy của ni rồi bảo rằng: đợi một ngày, lúc thuyết giới là hỏi chúng tăng, chẳng biết có được không. Nhưng ni chúng muốn thỉnh riêng, là nương theo thứ lớp của tăng, tùy theo lời đáp lãnh thọ.

Lại bảo rằng: ngày mai hãy đến, đây là hỏi có được đến hay không? Ni liền từ chối thối lui.

Luật Tăng-kỳ chép: ni hễ vào chùa tăng thì nên ở ngoài cửa, trước bạch Tỳ-kheo, nên tính lường, nếu ni hiền thiện tự lại vô sự, mặc y phục đầy đủ thì cho phép vào, trái với đây thì không cho phép, Tỳ-kheo vào chùa ni cũng như vậy. Lúc người kia đến thuyết giới, như pháp bố tát của tăng trên, hỏi đáp rồi, đến ngày mai ni đến đúng như oai nghi trước bảo rằng: đêm qua tăng nhóm đầy đủ đã thỉnh truyền giới, không có người giáo giới, lại không thể nói pháp, tuy nhiên thượng tọa có sắc lệnh nói rằng: ni chúng nên siêng năng hành đạo, cẩn thận chớ buông lung, bảo ni chấp tay nói rằng: cúi đầu thọ trì, liền lễ dưới chân từ tạ

thối lui, đến chùa tức là ô trĩ nhóm họp không đến mà thuyết dục, các ni nhóm họp đều đứng trong giảng đường y theo vị trí chắp tay, đầu yên tỉnh rồi bạch rằng: Bạch chúng tăng, tăng sai con... đến trong tăng thỉnh giáo thọ mà tăng nói rằng, không có người giáo thọ và người thuyết giới, đều truyền theo sắc lệnh của Thượng tọa rồi, các ni chắp tay cúi đầu thọ trì, sau đó lễ xướng mà lui ra, trong ba bộ luật: Thập Tụng, Ngũ Phần, Tăng-kỳ, v.v... đều chép: Hỏi: đây là giáo giới, chẳng phải là pháp Yết-ma, vì sao phải nhận dục?

Đáp: Đây là tăng nhóm người giới thọ không đến là phạm tội.

Theo luật Tăng-kỳ, nếu ni già bệnh, v.v... duyên không nghe theo giáo thọ, tuy không phải giáo thọ Yết-ma, nghĩa chung với Phật cho phép thuyết dục, cho đến tự tứ khiến cho trở lại, y theo lời có thể biết.

Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo tăng bị bệnh nên sai người tín tâm đến lễ bái hỏi thăm, hoặc riêng chúng, hoặc không hòa hợp, hoặc chúng không đủ cũng sai người tín tâm lễ bái hỏi thăm.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu ni đến dữ dục nên nhận, không được nói đạo đức của mình, phạm tội.

Luật Thập Tụng chép: nhận dặn dò của người, lúc ni đến ngoài cửa trải giường ngồi một mình, định sau sẽ ngồi lên. So với trong thế gian phần nhiều có thực hành pháp lược, trước do đức rộng khó đầy đủ, cũng có người thực hành pháp rộng, đầy đủ như bổn sở. Trong cách thỉnh pháp tăng ni đều năm vị trở lên, trong tăng có hai mươi năm mới thực hành hai pháp lược và rộng, nếu không đủ, chẳng phải hai mươi hạ chỉ lễ bái hỏi thăm...

4. Nói về pháp an cư:

Lớn đồng trong tăng, ni không được ở một mình, nhất định nương theo Đại tăng.

Luật nói rằng: không nương theo tăng phạm tội đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: hoặc trong thân thuộc thỉnh ni.

An cư là trước dạy thỉnh Tỳ-kheo, không bằng lòng là không được nhận thỉnh, còn như kia nói.

Luật Thiện Kiến chép: Ni cách trụ xứ Tỳ-kheo nửa do-tuần được an cư, quá thì không được, tất cả tăng ni hai thời nhóm họp. Đầu hạ thỉnh pháp hạ rồi nói làm chứng, nếu đàn-việt thỉnh Tỳ-kheo đến mà ni kiết hạ an cư rồi, cho đến hạ xong, ban đầu Tỳ-kheo có duyên sự không đến, nên lại thỉnh Tỳ-kheo đến, nếu không được nên bỏ đi, giữa đường có việc nạn được an cư, nếu ban đầu an cư rồi, Tỳ-kheo có duyên sự đi, ni đến sau mới biết đã kiết hạ an cư thì không được dời đổi, ở đây thì

không tội, nếu hạ an cư rồi, không được không có Tỳ-kheo tự tứ nên tìm.

Luật Tăng-kỳ chép: tuy ở một chỗ với Tỳ-kheo, nửa tháng nên thưa hỏi bố tát, nếu không, trong ba do-tuần có Tăng thì đều kết chung.

5. Pháp tự tứ.

Luật Tứ Phần chép: Ni hạ an cư rồi cho phép sai một Tỳ-kheo-ni vì ni tăng đến trong đại tăng thuyết tự tứ, nên bạch hai người sai một người, văn như thường, lại sai hai, ba vị làm bạn đến giữa đại tăng lễ dưới chân rồi nghiêng mình cúi đầu chấp tay nói như vầy: Tỳ-kheo-ni tăng hạ an cư rồi, Tỳ-kheo tăng hạ an cư rồi, Tỳ-kheo-ni Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi, Đại đức vì lòng thương xót chỉ bảo cho con, nếu con thấy tội sẽ đúng như pháp sám hối (nói ba lần, giữa tăng thượng tọa bảo sắc lệnh như trong tự tứ trên). Ni kia thọ giáo, nên ở ngày hôm sau lúc ni tự tứ, ô trĩ ni tăng nhóm rồi, như trong giáo giới trước, bạch ni tăng, lúc truyền tự tứ, đại tăng nói lời đó dạy bảo, dẫn đến Chư ni cúi đầu xin nương theo pháp tự tứ của đại tăng trên, sau đó giải tán.

Luật chép: Tăng tự tứ ngày mười bốn, Tỳ-kheo-ni tăng tự tứ ngày rằm, nếu đại tăng bị bệnh, riêng chúng, không hòa chúng, không đủ chúng... ni nên sai người đến thăm hỏi. Ni chúng bị bệnh cho đến không đủ chúng cũng phải đến để thăm hỏi đại tăng.

Luật Thập Tụng chép: sai hai vị biết pháp ni đến giữa đại Tăng hỏi: vì sao chế ni nương theo đại tăng?

Đáp: Kinh Ái Đạo chép: người nữ chỉ muốn cảm theo sắc lợi ích thọ mạng, nuôi đệ tử, cũng không muốn học hỏi, chỉ biết việc trong chốc lát, nên phải nương theo đại tăng.

6. Nói về tùy giới tướng.

Ni có tám giới trọng, bốn giới trước đồng với trong tăng nên không nêu ra, giới xúc chạm sáu duyên thành phạm: 1/ Người nam; 2/ Tác ý nghĩ đến người nam; 3/ Kia đây có tâm nhiễm ô, trong luật nói rằng nghĩa là ý đắm nhiễm nhau; 4/ Từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, cổ tay để sau phần của thân, lựa bỏ cảnh nhẹ, tâm nhiễm ô sâu kín, nhất định không phải lỗi xúc chạm, ép ngặt nên phạm tội nhẹ, ni dùng cảnh nhẹ xúc chạm cảnh nặng của người nam, người nam dùng cảnh nhẹ xúc chạm cảnh nặng của ni, hai thứ đều nặng, không cần lấy hai cảnh nặng xúc chạm nhau; 5/ Thân xúc chạm nhau, trừ đi một người có y, một người không có y, cả hai đều có y không phạm tội nặng; 6/ Tùy theo xúc chạm nhiều ít, mỗi mỗi đều kiết tội nặng, giới của ni xúc chạm cùng với đại tăng bốn giới khác nhau: một là đại tăng chính là phá hoại

phạm hạnh bên trong đã chế, bất luận chết sống chỉ xúc chạm dính mắc liền phạm, y cứ vào có tâm dâm dục, ni chính là xúc chạm ép ngặt bên trong đã chế, người chết không phạm.

Luật chép: người nam tâm nhiễm ô, hai vị tăng thì không luận người nữ lớn nhỏ, ni xúc chạm người nam, nắm lấy có thể làm việc dâm dục

Luật Thập Tụng chép: người nam là người có thể làm việc dâm dục, ba vị tăng tùy theo xúc chạm cảnh liền phạm, ni lược ra cảnh có trên dưới, bốn vị tăng bất luận cảnh nhiễm tịnh, ni xúc chạm thì đều sẽ có tâm nhiễm ô.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu ni ở chỗ nhẹ có ung nhọt được nhờ người nam chữa trị, trước nhờ hai người nữ nắm, khiến cho không biết tay của người nam, nếu chỗ nặng thì nhờ thầy người nữ chữa trị.

Luật Thiện Kiến chép: nếu Tỳ-kheo đụng chạm vào ni, thân ni không lay động, hễ thọ lạc thì tùy theo chỗ mắc tội.

Luật Tứ Phần chép: đồng với trong tăng.

Luật Thập Tụng chép: Không phạm là nghĩ như cha mẹ, anh em, hoặc lửa nước, dao, gậy, duyên ác... tất cả không có tâm dính mắc, đều phạm Đột-cát-la tám việc thành nặng.

Năm duyên: 1/ người nam; 2/ nghĩ đến người nam; 3/ có tâm nhiễm ô; 4/ phạm bảy việc trước chưa sám hối; 5/ tám việc làm phạm (tám việc là: nắm tay cho đến cổ tay, do sau là nặng; là nắm y, để y trên thân; là vào chỗ khuất nghĩa là lìa chỗ thấy nghe; là đứng chỗ khuất nói chuyện... ba việc cũng như vậy; là thân dựa kề nhau, hai thân sát nhau; cùng hẹn hò, cùng chỗ hành dâm dục, hoặc ni và người nam đều nhiễm ô phạm bảy việc trên, bảy tội t-lan-già. Nếu không sám hối phạm tám pháp Ba-dật-đề, y theo đây phạm tám pháp, nắm tay không thành tội nặng. Nếu một người nam phạm tám pháp cùng một lúc phạm tám pháp, tám năm phạm tám pháp, tám người nam thành tám pháp, nhưng thành tám giới trọng, cũng chẳng phải thứ lớp, luật Tăng-kỳ như thế, người không phạm hoặc có bố thí cho hoặc lễ bái hoặc sám hối lỗi, hoặc thọ pháp, vào chỗ khuất, không làm việc ác không phạm, vì tâm đều không nhiễm ô, dưới đến vào nhà tối phạm đọa, do không phải việc làm liên quan đến sự chê cười xấu xa. Che giấu cho người phạm tội nặng, giới sáu duyên thành: 1/ đại ni; 2/ phạm tám giới trọng; 3/ biết người khác phạm giới trọng; 4/ tâm che dấu; 5/ không phát lồ sám hối; 6/ minh tướng xuất hiện liền phạm.

Nếu ở một mình không có người, v.v... thì không thành tội che

giấu như trong phần sám tội.

Luật Thập Tụng chép: ni bị cử tội tâm cuồng loạn che giấu không phạm, nếu tâm cuồng loạn dứt, vẫn che giấu thì phạm.

luật Tăng-kỳ chép: nếu ni thấy ni phạm tội nặng, thì nên nói với người, hoặc người phạm tội hung ác có thế lực e rằng có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, nghĩ rằng: người kia làm nghiệp tội báo, tự mình nên biết, dụ như lửa cháy, đốt nhà, chỉ tự cầu thân, làm sao biết được việc người khác, phải bỏ tâm tương ứng, y theo đây không nhớ tâm cũng không phạm, tuy chẳng phải bỏ tâm không nhớ, không tạo tác tâm ngăn che, cho nên người ngăn che tâm không tốt, che giấu tội trước e rằng người ngoài nghe nên thành tội, nếu người muốn phát lộ thì không thành, nghĩa là người không thanh tịnh, nếu đối với việc trước biết không đồng ý phát lồ, cả hai đều có lỗi, đều phải phát lồ nên không thành, nếu hướng về người có phạm sám hối thì không thành.

Lại biết tên người, tên tội, loại tướng thì phải phát lộ, trái với trên thì không được, hoặc trước người thọ rồi, lại không cần nói, e rằng có lỗi vô cùng, hoặc người kia phạm đã phát lồ rồi, người khác che giấu không thành tội, căn bản không phải lỗi.

Luật Thập Tụng chép: ni không được ở trước Tỳ-kheo phát lộ, lại hướng đến trước ni, hoặc không biết loại tướng, đến chỗ Tỳ-kheo rộng hỏi lấy giải, lại đến bên ni sám hối.

Luật Tứ Phần chép: nếu ni biết ni phạm tám giới trọng, trước giờ ăn biết sau giờ ăn nói phạm Thâu-lan-giá, cho đến đầu hôm, nửa đêm, gần sáng chia ra không nói đều phạm Thâu-lan-giá, minh tướng xuất hiện phạm tội nặng, trong không phạm hoặc không biết hoặc không phải người có thể hướng về để nói, ý muốn nói mà chưa nói thì minh tướng xuất hiện, lúc nói e rằng có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh thì không phạm. Trong mười bảy pháp Tăng tàn, giới mai mối, giới hai vu báng như trong đại tăng, nói nhân giới bốn duyên thành: 1/ chỗ quan thế tục; 2/ nói với người tại gia; 3/ dùng lời lẽ trình bày việc đó; 4/ hạ thủ liền phạm, là phân biệt đến quan cùng tranh cãi phải trái, nếu xử đoán việc người hạ thủ sơ suất mà miệng nói thì phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: ni cùng cư sĩ đến chỗ quan, nói với cư sĩ rằng "ông nói lý hay nói ni" phạm Đột-cát-la. Cư sĩ nói rồi sau ni nói phạm Thâu-lan-giá, cư sĩ lại nói ni được lý, không được lý đều phạm Tăng tàn. Hoặc cư sĩ nói ni đến chỗ quan kêu, quan tự xét cho đoạt ni không phạm, hoặc ni đến chỗ quan nói người khiến cho quan hình phạt, vật tùy theo nhiều ít phạm tội, nên bồi thường, nếu bị cướp tài vật đến

quan xin hộ thân, không được nói danh tự của người cướp đoạt, quan tự vu báng được trị phạt không phạm. Nếu người vào chùa chặt phá cây cối không được lấy dao búa của họ, nên trả lại cho họ.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu bị người khinh chê, xúc phạm thì được nói với cha mẹ, bà con, hay người có thế lực biện hộ cho mình.

Luật Thập Tụng chép: người ở trước nhà cầm quyền tức giận mắng nhiếc, vốn bị người đánh đập mình thì phạm Tăng tàn, nếu đến nói với người khác thì phạm Thâu-lan-giá.

Giới thứ tư đi một mình, một mình lội qua sông, có bốn duyên: 1/ nước sông; luật Tứ Phần nói: một mình không được lội qua sông, bất luận cạn hay sâu, nay y cứ theo giới đi đường chỉ khiến vén y lội qua nước, khác với đi trên đường bộ, oai nghi đều phạm, trong đại giới có sông cũng phạm, có cầu thì khai cho được đi như thường; 2/ một mình lội qua, như vị ni trước vội vàng lội xuống nước phạm thâu-lan-giá, đến khi hai chân bước lên bờ phạm Tăng tàn, ni đi sau một mình lội xuống nước phạm Thâu-lan-giá, lúc lên bờ gặp vị ni trước, làm bạn cùng lên thì không phạm. Luật chép: vị ni kia nên tìm một vị ni khác mà cùng lội, khi lội xuống nước tùy theo nước sâu cạn mà vén y lần lần, khi đến bờ kia, từ từ hạ y xuống, sau đó lên bờ một lúc, nếu không đợi người bạn sau phạm Thâu-lan-giá; 3/ không có lý do, trừ trường hợp có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, hoặc người bạn bị chết; 4/ một mình lội qua sông thì phạm, nghĩa là sau người bạn không có ai cùng đi với mình liền phạm.

Một mình vào làng xóm, có bốn duyên: 1/ làng xóm của người, bất luận giới nội ngoại, trong già-lam chỗ ở của người một mình đi vào cũng phạm.

Luật Tứ Phần chép: ni một mình đến làng xóm, tùy theo đến làng xóm nào đều phạm Tăng tàn, nếu giữa chốn hoang vắng không có đường mà đi xa nghe tiếng trống cũng phạm Tăng tàn, đi một mình vào trong phạm vi một thôn phạm Đột-cát-la (y cứ theo đây, một mình vào trong một phường, vào trong một nhà phạm Đột-cát-la).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu ni cùng bạn đến thành ấp giới, nên đi cách nhau trong chừng duỗi một cánh tay mà cùng vào, nếu đi cách nhau xa hơn duỗi một cánh tay, qua khỏi giới hạn phạm Thâu-lan-giá; 2/ đi một mình; 3/ không có lý do; 4/ vượt qua khỏi giới hạn liền phạm. người xưa nói: nếu muốn vào làng xóm, dù chỉ có một con đường ngang, nhưng khiến cho băng qua liền phạm.

Trong các bộ không có văn đó, theo luật nói rằng: nếu không có

giới hạn của thành ấp đi một mình nghe một tiếng trống, cách xa người bạn chỗ thấy nghe liền phạm. Nếu đến cổng làm, không đợi người bạn sau đến, hai chân bước vào ngạch cổng phạm Tăng tàn, nếu trong làng có ni ở trước thì không phạm. Vì vị ni trước là bạn, nếu đi ra ngoài làng cũng qua khỏi ngạch của làng là giới hạn đều phạm tội.

Ngủ một mình có ba duyên: 1/ xa ngoài duỗi một cánh tay không đụng nhau mà ngủ, bất luận trong chùa hay trong thôn hai chỗ đặt giường nằm gần trong khoảng duỗi cánh tay đụng nhau, để xem xét nhau mới tránh được các tội lỗi, nếu vốn mình đã nằm trong khoảng duỗi cánh tay, sau vì ngủ mê, bỗng rời xa nhau thì không phạm, vốn mình có ý lăn ra tùy theo trăn trở liền phạm.

Cho nên Luật chép: Nếu nằm duỗi tay không đụng nhau thì tùy theo sự trăn trở, mỗi mỗi đều phạm Tăng tàn.

Luật Tăng-kỳ chép: nên nằm gần trong khoảng chừng duỗi một cánh tay, trong một đêm ba lần lấy cánh tay để xem chừng nhau, không được một lúc lật đật ba lần dò xét, nên ở đầu hôm, nửa đêm và gần sáng, mỗi thời đều xem chừng nhau.

Luật Ngũ Phần chép: nếu ở chỗ duỗi tay không đụng nhau, trải qua đầu hôm, nửa đêm, gần sáng phạm thâu-lan-giá, đến lúc ánh sáng ban mai xuất hiện phạm Tăng tàn;

2/ Không có lý do, trừ trường hợp có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, người ưa thích thanh tịnh vắng lặng, v.v...; 3/ Tùy bao nhiêu lần nằm một mình, mỗi lần mỗi kiết tội. Đi sau một mình, hoặc ban đầu vốn đi một mình, hoặc đi nửa chừng tác ý xa rồi chỗ thấy nghe của người bạn, lại người bạn không có các nạn duyên thì phạm.

Luật Tứ Phần chép: lìa chỗ thấy nghe mà đi phạm Tăng tàn, lìa chỗ thấy nghe xen nhau phạm Thâu-lan-giá.

Kế là nói giới lội nước không phạm, nếu cùng người bạn dần dần lội không mất oai nghi, đi thuyền qua, hoặc đi trên cầu, nương vai cầu đi qua, người đồng bạn ni chết, bỏ đạo, đi xa và các nạn, không được làm bạn đều không phạm.

Luật Ngũ Phần chép: nước cạn và chỗ sợ có người nam thì không phạm, khai duyên vào xóm làng như trước trong duyên đầy đủ, khai cho ngủ một mình như luật nói: hai ni ngủ chung ở chỗ duỗi tay đụng nhau, nếu một ni đi ra đại, tiểu tiện, hoặc đi ra ngoài trì kinh, tụng kinh, hoặc ưa chỗ vắng để tụng kinh một mình, hoặc vị ni bị bệnh, nấu canh, cháo, cơm cho đến các nạn duyên khác thì không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu bệnh bị giặc loạn bao vây thành, ngủ

một mình không phạm, đi một mình không phạm, tức là đi ở chỗ có thấy nghe, nếu một mình ni đi đại tiểu tiện, các nạn duyên đều không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: không được một mình ra khỏi giới hạn thôn xóm, trừ đi đường tình cờ gặp người thân mà lạc bạn, trong thời gian chưa gặp lại bạn thì không phạm, bệnh cũng như vậy.

Luật Ngũ Phần chép: nếu lúc sợ hãi mà chạy, già, bệnh không đi kịp thì không phạm. Trong đơn đọa một giới xe sợi, luật văn tùy theo xé vải ra dẫn quay quanh dệt v.v... mỗi mỗi phạm đơn đọa, dệt thành y không được sám hối rồi mặc, còn lại trên dưới giới đều là chủng tướng, hạnh ít dùng, lại lược bớt mà thôi.

Bảy tướng nhiếp các hành, ni do không có người bạn, thường độ người không biết pháp, nhưng ít lợi mình, vì không y theo đạo giới, trong luật hơn hai mươi giới kết khắp tội của Hòa-thượng.

Cho nên luật chép: độ đệ tử rồi nên lấy y thực và pháp nhiếp thủ.

Luật Ngũ Phần chép: Sư tăng nên sáu năm tự nhiếp, nếu dạy người khác thâu nhiếp đệ tử thì trái phạm đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: Hòa-thượng-ni muốn trao cho đệ tử đầy đủ giới nên trước cầu thiện Tỳ-kheo, không được đến thời lựa chọn chúng, nếu người không được nên cầu phân nữa chấp nhận, hoặc quá nửa mà tác pháp (người không phạm giới trọng, thỉnh pháp từ nơi khác có thể đủ số).

Luật Tứ Phần chép: thọ giới rồi không được liền lìa Hòa-thượng.

Luật Ngũ Phần chép: nên sáu năm nương theo Hòa-thượng, còn có thầy trò, giáo thọ báo ân, cúng dường, quở trách, trị phạt, đều như quyển trên, thầy trò thâu nhiếp nhau.

Kế là nói về các hạnh quan trọng, chớ vượt qua tám pháp kính.

Luật Thiện Kiến chép: lúc đầu Phật không độ cho người nữ, vì người nữ xuất gia làm hoại diệt chánh pháp năm trăm năm. Sau Phật vì họ mà nói tám pháp kính, cho phép người nữ xuất gia, nương theo giáo hạnh, trở lại một ngàn năm. Thời nay không thực hành, tùy theo chỗ mà pháp hoại diệt, cho nên phải cố gắng, nay nêu tám pháp đó:

1/ Tỳ-kheo-ni một trăm tuổi hạ thấy Tỳ-kheo mới thọ giới phải đứng dậy, đón rước lễ bái, hỏi thăm, mời ngồi.

2/ Tỳ-kheo-ni không được chê bai mắng nhiếc, vu khống Tỳ-kheo.

3/ Tỳ-kheo-ni không được cử tội nói lỗi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được

nói lỗi của Tỳ-kheo-ni.

4/ Thức-xoa-ma-na đã học giới rồi nên theo chúng tăng cầu thọ đại giới.

5/ Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn mỗi nửa tháng phải đến trong hai bộ tăng, ni hành Ma-na-đoả.

6/ Tỳ-kheo-ni trong mỗi nửa tháng phải đến trong tăng cầu thầy giáo thọ.

7/ Tỳ-kheo-ni không nên ở chỗ không có Tỳ-kheo mà hạ an cư.

8/ Tỳ-kheo-ni hạ an cư xong phải đến trong tăng, cầu người tự tứ như thế.

Tám pháp này nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời không được trái.

Luật Ngũ Phần chép: nên sai ba vị Tỳ-kheo-ni đến trong Tăng tự tứ.

Trung A-hàm chép: trong tám pháp của tôn sư, nếu Tỳ-kheo cho phép Tỳ-kheo-ni hỏi kinh, luật, luận mới được hỏi, người không cho phép thì phạm pháp tôn sư thứ năm.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo-ni vào chùa tăng trán nên lễ dưới chân Tỳ-kheo, hoặc già bệnh không kham nổi, tùy theo sức nhiều ít, người không khắp lễ chung miệng nói rằng: con là Tỳ-kheo-ni... trán lễ dưới chân tất cả tăng, nếu Tỳ-kheo vào chùa Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni cũng lễ như vậy, không được nói: là phạm giới, là thầy thuốc, là ma-ha-la, không biết gì và tội hư thật, Tỳ-kheo được nói tội thật của Tỳ-kheo-ni, nếu Tỳ-kheo-ni kiêu mạn, không cung kính đứng dậy, đón rước lễ dưới chân thì trái với kính pháp.

Luật Thập Tụng chép: Thấy đại tăng không đứng dậy thì phạm tội đọa. Luật Ngũ Phần cũng nói như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu bà con Tỳ-kheo-ni được nói lời mềm mại, không được quở trách, nếu thiếu niên nói rằng: nay ông không học, đợi già ư? Ông về sau nên dạy đệ tử, đệ tử cũng học như ông, cho nên phải thuận theo thọ kinh tụng kinh.

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo-ni vào chùa tăng ngay phạm tội đọa.

Luật Ngũ Phần chép: nếu đứng chỗ không thấy Tỳ-kheo, chẳng được không bạch mà vào, lúc bạch Tỳ-kheo nên trù lượng, có thể cho phép được không, như trên nói rõ.

2. Nói pháp Thức-xoa-ma-na (Hán dịch là Học pháp nữ, không riêng đắc giới, trước do lập chí, sáu pháp luyện tâm làm thọ duyên).

Luật Tứ Phần chép: Đồng nữ mười tám tuổi nên cho hai năm học giới, lại nói tuổi nhỏ đã có chồng mười năm trao cho sáu pháp.

Luận Tát-bà-đa chép: người hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc, vì bị nhà chồng sai khiến, chịu đựng những sự khổ nhọc, thêm sự nhàm chán.

Bổn sự và luật Tăng-kỳ cũng đồng.

Luật Thập Tụng chép: trong sáu pháp là để luyện tâm đọa, để nghiệm xét đại giới thọ duyên, hai năm là để luyện thêm để biết người đó có thai hay không, rộng như văn kia, cho nên trong văn nói suốt đời làm pháp, nên người không có thai hai năm thì có khả năng nhận được, cho nên phải đứng ở chỗ không nhưng thấy, bạch bốn thọ pháp, sau triệu đến nói cho tên gọi sáu pháp, cho đến trả lời “giữ được” như thường nói, đây là Thức-xoa-ma-na-ni học đủ ba pháp.

1. Học giới căn bản nghĩa là bốn giới trọng.

2. Học bốn pháp tức là Yết-ma, nghĩa là tâm nhiễm ô xúc chạm nhau, trộm bốn tiền của người, giết hại mạng súc sinh, tiểu vọng ngữ, ăn phi thời, uống rượu, trong văn có nêu, dâm dục, trộm cắp, sát sinh, nói dối, tùy theo mười giới Sa-di đã học mà nói.

3. Học pháp hành nghĩa là tất cả giới hạnh của đại ni đều phải học, nếu phạm các học pháp liền Yết-ma cho hai năm, nếu phạm giới căn bản liền bị diệt tẫn, phạm các hạnh khác chỉ gọi là khuyết hạnh. chỉ bảo cho sám hối sửa đổi, nếu học đủ hai năm rồi thì cho học lại hai năm.

Luật nói: Thức-xoa-ma-na phải học tất cả giới pháp của đại ni, trừ giới tự tay mình trao thức ăn cho người, nếu tự tay mình lấy thức ăn luật cũng chế phạm, không có Sa-di-ni thì không phạm, có người được trao cho Tỳ-kheo-ni, tự mình phải nhận lấy.

Luật Tăng-kỳ chép: Thức-xoa-ma-na nên học mười tám pháp:

1/ Ngồi dưới đại ni, ngồi trên Sa-di ni.

2/ Thức ăn bất tịnh của Thức-xoa-ma-na là thức ăn thanh tịnh của đại ni, thức ăn bất tịnh của đại ni là thức ăn bất tịnh của Thức-xoa-ma-na.

3/ Đại ni được ngủ với Thức-xoa-ma-na ba đêm, Thức-xoa-ma-na được ngủ với Sa-di-ni ba đêm.

4/ Thức-xoa-ma-na được trao thức ăn cho đại ni, trừ hỏa tịnh năm thứ sinh chủng, cầm vàng bạc tiền, tự mình theo Sa-di-ni thọ thức ăn.

5/ Tỳ-kheo-ni không được nói tên của bảy tụ cho Thức-xoa-ma-na nghe.

6/ Được nói rằng: không dâm dục, không sát sinh, không nói dối, v.v... như vậy phải nhớ nghĩ.

7+ 8/ Đến ngày Bố tát và tự tứ thì vào giữa tăng quỳ thẳng chấp tay bạch rằng: bạch A-lê-da, tăng, con là Thức-xoa-ma-na... thanh tịnh, xin chúng tăng nhớ nghĩ cho con (nói ba lần) rồi đi ra.

9, 10, 11, 12/ Bốn tội Ba-la-di sau, nếu phạm thì phải học lại từ đầu.

13/ Mười chín pháp Tăng tàn trở xuống, nếu phạm giới nào thì mỗi giới phải làm pháp sám hối tội Đột-cát-la, còn lại như giới trước đã nói.

Luật Tứ phần chép: không biết giới tướng tạo tác phi pháp, Phật chế cho học pháp phải học suốt đời.

Luật Thập Tụng chép: vì độ cho người có thai sau có lỗi, Phật dạy hai năm học giới có thể biết.

3. Pháp Sa-di ni đại khái đồng với pháp Sa-di.

Nếu y theo pháp hành trụ thì Thức-xoa không được làm bạn với đại ni, vì giới không đầy đủ, tự mình không được với làm bạn Sa-di-ni, vì chẳng phải đồng học. Hoặc hai Tỳ-kheo-ni và một thức-xoa, hoặc hai thức-xoa và một Sa-di-ni được làm bạn, người khác thì không được.

****

THIÊN 30: SỰ HÀNH TRÌ RIÊNG CỦA CÁC BỘ

Xưa nói rằng: Học rộng vì cứu giúp người nghèo cùng, lời này thật đúng, nếu Tứ Phần thiếu sự pháp, bộ khác tự có văn lý rõ ràng, thì sẽ y cứ theo thực hành, không nương theo hai, thế thì bỏ vội vàng từ thong thả bỏ có cần không, tổn giảm khinh trọng, đúng sai tùy ý, người ngu có tâm lấy bỏ, đó chính là từ tâm hổ thẹn để lại gánh vác, tội đâu phải khoa của người khác nên tùy theo bổn thọ để làm tông. Lời tựa của sao có hiểu bày, nếu hoàn toàn chưa dựa vào pháp thì tùy theo nhập vào một bộ để nương theo giữ gìn, thuận theo văn cẩn thận dùng làm mới y theo được, nhưng sự là muôn đường tìm nó khó trở lại, vả lại sơ yếu y cứ vào dụng để chỉ bày khuôn phép, bên trong chia làm bảy.

1. Nói về số Tăng nhiều ít.
2. Thánh pháp thông bít.
3. Phạm tội nặng khác nhau.
4. Nhiếp sự rộng hẹp.
5. Tâm cảnh khác nhau.
6. Xả bỏ sám hối có khác nhau.
7. Tùy tướng mà có thứ bậc khác nhau.

Trong phần đầu, luật Tăng-kỳ chép: Hòa-thượng trao giới ngoài mười người, pháp xả đọa thuộc về năm vị tăng, do sám chủ đơn bạch hòa hợp tăng, hỏi tăng cho có thể tự không đủ số, đến lúc trả lại tài vật, là Tăng tác pháp lại được đủ số, giống với năm người trong tự tứ.

Luật Tứ Phần chép: không phải văn, các thầy bốn vị phạm xả đọa, thứ năm cho là không phải nhập vào số tăng, vì luật nêu bốn vị tăng trong không nói, nên biết được dùng, nếu y theo thông giáo trên hiểu rõ là trái, năm người chịu sám hối từ đầu đến cuối không ngăn cản, ngoài ra như trong Hối Tụ Pháp quyển trung.

Luật Thập Tụng chép: không có Hòa-thượng, người thọ giới đắc giới, tăng tác pháp phạm tội.

Luật Tát-bà-đa chép: Trước thỉnh Hòa-thượng thọ mười giới, lúc Hòa-thượng không hiện tiền cũng được mười giới, nếu nghe Hòa-thượng qua đời thì không được thọ giới cụ túc, không hiện tiền không đắc giới, nếu số Tăng đầy đủ, dù không có Hòa-thượng cũng đắc giới.

Luật Thiện Kiến chép: không có Hòa-thượng, người thọ dắc giới mắc tội, huỳnh môn làm Hòa-thượng cũng như vậy.

Luận Ma-đắc-lặc-già chép: người tại gia làm Hòa-thượng, cho người tại gia thọ đắc giới mắc tội, chẳng phải người xuất gia cũng như

vậy.

Luận Tát-bà-đa chép: không cạo râu tóc, không có y bát mà thọ, đắc giới mắc tội. Nếu theo luật Tứ Phần đều không phạm.

Luật chép: Không gọi là thọ giới cụ túc.

Luật Thập Tụng chép: người nam làm người nữ, oai nghi như người nam thọ đắc giới mắc tội, tưởng là người nữ thì trái lại trên.

Luật Ngũ Phần chép: nếu tự mình cắt bỏ nam căn, hoặc để lại một tinh hoàn thì được thọ, người hoàn toàn không có thì diệt tẫn.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: Sư tăng trên đàn, hoặc mặc y phục thế tục, hoặc phạm giới cấm, hoặc người thọ giới biết là phi pháp thì không được, người không biết đệ tử mặc y phục thế gian, ngay lúc đó không hỏi thì được.

Luật Ma-đắc-lặc-già chép: Không biết Hòa-thượng là giặc trong Phật pháp, nương theo họ thọ giới thì đắc giới, các Tý kheo pham đột-cát-la, vốn là người phạm giới, vốn là người không phải hòa hợp, chẳng phải là người xuất gia, làm Hòa-thượng cũng vậy.

Luật Thập Tụng chép: Trong một giới bốn người cùng lúc thọ giới cụ túc, được bốn chỗ xoay vần dữ dục, hoặc một Tỳ-kheo một chỗ ngồi đầy đủ bốn chỗ số Tăng, một chỗ một người làm pháp Yết-ma được bốn chúng, như lấy gỗ cây, giường chõng liên tiếp bốn giới, ngồi trên đủ bốn chỗ số được bốn người, tất cả Yết-ma đều đúng pháp.

Luận Ma-đắc-lặc-già chép: có thể có Tý kheo cho bốn chỗ người thuyết giới, thọ giới làm pháp Yết-ma là chẳng được phải không? Đáp: được, cho đến năm chỗ cũng như vậy, tám người, hai mươi người, mười lăm người, hai mươi tám người cũng như vậy.

Luật Thiện Kiến chép: Sa-di phạm giới trọng được xuất gia lại, trừ phá hoại phạm hạnh ni, không được y theo đây. nghe học sám hối, không được thọ giới cụ túc. Hai là Thánh pháp thông cuộc.

Luật Tứ Phần chép: Yết-ma lược thì có ba loại, rộng thì có tám phẩm, thêm bớt không thành, Thánh ấn nhất định, như đơn bạch không được bạch thêm bạch nhị, bạch nhị không được làm đơn bạch, v.v...

Luật Tăng-kỳ, Thập Tụng chép: thêm được thành tựu, nên làm đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ thì càng tốt, giảm thì không thành.

Luật Tăng-kỳ chép: thêm một trung gian Yết-ma, cũng gọi là cầu thính Yết-ma.

Luật Minh Liễu nói: trung gian cũng đồng.

Giải thích rằng: nghĩa là ở giưa đơn bạch và nhị bạch, lại thêm bạch Yết-ma, xướng chỗ lập ra việc, bất luận cho phép không ngăn cản,

còn lại ba Yết-ma khác đồng với luật Tứ Phần.

Lại nói: Trung gian bạch thẳng, đây là hai Yết-ma ba người, v.v... cho làm, ba Yết-ma còn lại nhất định bốn người trở lên.

Luật Tứ Phần chép: Yết-ma chỉ thêm ba người, không được Tăng cử Tăng, nếu pháp can ngăn thì chung cho nhiều ít.

Luật Thập Tụng chép: trong Yết-ma được thêm bốn vị trở lên thọ giới cụ túc.

Luật Tăng-kỳ chép: không được người dữ dục nhiều, tăng ngồi ít thì không thành.

Luật Ngũ phần chép: cho phép nhiều người nhóm họp, ít người dữ dục.

Luật Tăng-kỳ chép: chuyển dục thì mất.

3/ Nói về phạm giới trọng.

Luật Tứ phần chép: giới có thọ lại, cũng có phạm lần nữa.

Văn nói: như trước, sau cũng vậy. Tỳ-kheo-ni xúc chạm gọi là tùy xúc, mỗi mỗi phạm Ba-la-di.

Luật Thập Tụng chép: không phạm giới trọng, vì giới không thọ lại, phạm giới dâm rồi phạm giới dâm phạm Đột-cát-la, phạm giới trộm cắp, sát sinh, đại vọng ngữ lại phạm ba giới trọng.

Văn nói: Ni học hối phạm Tăng tàn, thỉnh Tỳ-kheo đến làm pháp ma-na-đỏa xuất tội, v.v... Thiên dưới tùy theo tội nặng nhẹ thiên đầu về sau phạm chỉ phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ cũng nói như vậy.

Bốn là nói về nhiếp sự.

Vả lại, luận về thọ giới hằng ngày các bộ khác nhau.

Luật Tứ Phần chép: có hai; ban đầu nói về hai ngày, đồng với luật Tứ phần, sau nói về sự xong, liền dùng pháp riêng trung gian, theo duyên sự trước chưa rõ pháp ở đâu, người không trở lại là được, sẽ chẳng phá giới, Tam bảo chánh duyên.

Cho nên văn nói: bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo... ở chỗ này an cư, nếu tăng phải thời mà đến tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo... ở chỗ này an cư, vì tháp sự, Tăng sự mà xuất giới, xong việc trở lại ở trong đây. Chư Đại đức! Tỳ-kheo... vì Tăng sự, tháp sự, ra khỏi giới, xong việc trở lại chỗ này an cư, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này hành trì như vậy.

Luật Thập Tụng chép: thọ nhật có hai: pháp bảy đêm đồng với luật Tứ Phần, gồm ban đêm lại dùng pháp ba chín đêm, bạch nhị Yết-ma, văn không đồng với luật Tứ Phần. Cho nên luật kia chép: Bạch Đại

đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... thọ ba mươi chín đêm vì việc Tăng ra khỏi giới, xong việc trở lại chỗ an cư tự tứ, tác bạch như thế, bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo thọ ba mươi chín đêm ra khỏi giới, xong việc trở lại chỗ an cư tự tứ xong, các Trưởng lão nào bằng lòng, cho Tỳ-kheo... thọ ba mươi chín đêm vì việc tăng, ra ngoài giới xong việc trở lại chỗ an cư, tự tứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng xin cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... thọ ba mươi chín đêm vì việc tăng ra ngoài giới, xong việc trở lại chỗ an cư tự tứ. Tăng bằng lòng vì yên lặng, việc này hành trì như vậy.

Luật Thập Tụng chép: nhờ A-xà-lê xướng lập bày ở chỗ trống, Phật bảo bạch nhị tác tịnh bên trong, sau ngoại đạo chê bai rằng: nhà cư sĩ trơ trụi làm thức ăn và cho giỏ đựng cơm cùng người tại gia đâu khác gì. Phật dạy ra ngoài tăng phường làm thức ăn, sau bị khói lửa nổi lên, người đến xin ăn ít, từ nay về sau không cho phép làm Yết-ma tịnh địa, nếu làm thì phạm Đột-cát-la, trước làm nên phạm xả đọa, nêu ra trong quyển hai bốn. Người bèn vọng dùng không cần kiết lại.

- Tâm cảnh khác nhau:

Luật Tứ Phần chép: tâm cảnh tưởng nghi như trong trì phạm phương quỹ.

Luật Ngũ Phần chép: Tâm không nghi, vì nghi có cả đúng sai, nên có phạm kết chính.

Luật ấy chép: là người nữ mà nghi là côn trùng, nghi là cỏ cây, nghi đều tùy theo phạm Tăng tàn, Ba-dật-đề, tưởng là quyết định thấu suốt, tâm cảnh không giống nhau là không phạm. Như luật Tứ Phần chép: phá giới dâm của tăng, thọ giới không khai, biết nghi, còn lại đều khai, ngoài ra như tùy tướng.

Luật Tăng-kỳ chép: tánh ác tội trên không nghi tưởng, nên kia nói rằng: người nữ tưởng huỳnh môn, xúc chạm phạm Tăng tàn, đều từ nơi cảnh chế ra, như ngăn tội ác trên được có tưởng nghi.

Cho nên văn chép: sinh phải phải tưởng, chẳng phải sinh nghi phạm Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng chép: nếu trước có tâm phương tiện đều trừ tưởng nghi, đều kết tội chính.

Kia nói rằng: Vật có chủ tưởng không chủ và nghi phạm tội nặng cũng không luận cảnh trước ngăn tánh, nếu trước không có tâm phương tiện, đều có tưởng nghi kết tội, vả lại dẫn ra đường lớn, chẳng phải không có năm, ba khác nhau.

- Xả, sám khác nhau.

Luật Thập Tụng chép: có hai người ít vật báu, thì xả hẳn, người nhiều vật báu thì xả giao phó cho tịnh nhân đồng tâm, tịnh nhân khiến cho bỏ, làm ngọa cụ cho tăng bốn phương, tội đến trước tăng sám hối, còn lại đồng với Luật Tứ phần.

Luật Ngũ Phần chép: có năm thứ.

- Vào Tăng bỏ hẳn, hai vật báu bỏ cùng với tăng, tăng sai người thường bỏ, nếu tăng không bỏ thì tịnh nhân vì Tăng đổi trao y thực cho tăng dùng, chỉ có bổn chủ không được dùng, vì sợ thỏa nguyện bổn tâm.

- Vào hẳn trong tăng trải toạ cụ nhập vào thường trụ, chỉ có bổn chủ không được ngồi nằm.

- Vào tục tăng, bỏ thuốc cho tăng, tăng bỏ cho người thế tục Sa-di, thoa chân đốt đèn, bổn chủ cũng không được dùng, tất cả Tỳ-kheo không được ăn, còn lại là đồng.

Luật Tăng-kỳ chép: có năm thứ khác nhau.

- Xả nhập vào vô tận tài của tăng, nghĩa là chứa đổi hai thứ báu, nếu sinh ra liền dứt lợi, làm phòng xả cho tăng, y tăng không được chia dùng và ăn. Vì chiết phục được tâm tham của bổn chủ, hai là xả vào tăng dùng, nghĩa là năm ngọa cụ trở lại tăng vật tùy theo Tăng dùng như thế nào v.v... trong đó kiều-xa-da thuần đen tăng không được đắp dùng, được làm trải đất và làm hưởng kiêu mạn, v.v... sáu năm không được trải cỏ thi dưới đất, Tăng được đắp dùng, không được mặc vào thân, ngọa cụ lông trắng đẹp như ở trước, không đẹp như ở sau, còn lại thì đồng.

Luật Thiện Kiến chép: Vàng bạc nếu không có tịnh nhân thì hãy bảo ném bỏ. Tăng Yết-ma sai một Tỳ-kheo biết năm pháp khiến che lại, tự mình ném đi, chớ nên nhớ chỗ nào.

Luận Minh Liễu chép: nếu chuyển xe y đợi một tháng y quá mười ngày, bát qua mười ngày, y tấm mưa, gấp thì xả cho tăng rồi tăng hỏi. Nếu cần thì nên trở lại được dùng, nếu tự mình không dùng thì xả hẳn cho tăng, thọ y của ni chẳng phải bà con, y bỏ trở lại bổn ni, nếu bổn ni không bỏ cho ni, tăng sai ni giặt y trở lại tăng vật xả hẳn cho tăng. Dù chẳng phải cư sĩ là con xin một y, hai cư sĩ nên xả trả lại kia, kia nếu không còn hoặc lấy bỏ cho tăng qua đủ ba lần, tất cả phu cụ sai thợ dệt, dệt y xả hết cho tăng, tâm tức giận đoạt y trả lại cho Tỳ-kheo tức giận, thuốc bảy ngày có hai công dụng, văn như kia đầy đủ.

Luận Tát-bà-đa chép: tặng, bán vật, nếu khác với tâm tịnh nhân nên làm ngọa cụ cho bốn phương Tăng, vì chỉ phỉ báng, nếu ngoại đạo

nhập Phật thì nên nói: Sa-môn Cù-đàm phần nhiều tham lợi, khiến cho đệ tử bỏ vật, giữ dùng tự vào, lại trừ ruộng phước của Phật, không vượt qua bốn phương Tăng, không luận thọ pháp, không thọ pháp trì giới, phá giới, nói pháp nói phi pháp, tất cả không ngăn che.

- Tùy theo giới tạp tướng.

Luật Thập Tụng chép: phạm Tăng tàn, tùy theo che giấu tội không thực hành ỡ riêng sáu đêm, ngay thẳng và đưa ra tội, được gọi là xuất tội, chúng tăng mắc tội cho đến không thực hành biệt trụ ngay thẳng thực hành sáu đêm, ngay thẳng cho nêu tội, được đưa ra mắc tội, lại có sáu người hoàn toàn không tác pháp thanh tịnh ngay thẳng như vậy.

1/ Thượng tọa phạm Tăng tàn, những người sinh tâm khinh thường, Phật nói: nếu nhất tâm sinh niệm, dầu cho ngày nay lại không làm, tức là được thanh tịnh.

2/ Đại đức nhiều tri thức.

3/ Nhiều hổ thẹn, nếu khiến cho người thực hành thì thà trái lại giới.

4/ Bệnh nặng không quỳ gối được mà sức có thể sám hối.

5/ Chỗ ở không đầy đủ hai mươi vị, giữa đường gặp giặc chết.

6/ Chúng không thanh tịnh.

Đến ở phương khác, giữa đường gặp giặc chết, Phật nói: nhất tâm sinh niệm đúng như pháp sám hối, chính là người thanh tịnh được sinh lên cõi trời.

Luật Tứ Chú chép: Sáu pháp sám hối này không thể dùng bừa bãi, và có cầu may nói khoác tự khinh mình, tội không được trừ, quan trọng là phải hỏi rộng người biết luật, có khả năng giải quyết.

Vào tháng sáu niên hiệu Võ Đức năm thứ chín đời Đường, bấy giờ, Sưu Dương Tăng, Ngũ Vô Thương Tục ngợi khen, tôi đóng cửa nương theo sự học hỏi để soạn ra thứ lớp, nhưng ý ở thực hành và dùng, thẳng bút viết thông suốt, không việc làm loạn văn.

Nói nhiều chậm chạp, ý tưởng có bậc thiện tri thức thông suốt, biết được sự ghi nhớ của tôi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 143

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

SỐ 1805
(QUYỂN THƯỢNG & TRUNG)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1805

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

Đời Đại Tống, Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở Dư hàng soạn

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 1 - THƯỢNG)

Người xuất gia thọ giới làm thể, nhóm họp các pháp ở nơi thân, hành phải y cứ nơi thể mà tu, nên gọi là tùy hạnh nơi thân xứng pháp mà hành động, cho nên thật gọi là pháp thân, thật do phát thú có tông chỉ nương nơi người mà được.

Nhất thức nguyên minh rất đỗi cấu sạch, trôi lăn biến đổi theo duyên, chạm vật sinh tình, theo vọng khởi nghiệp, bị ràng buộc vào ngục các cõi, chịu muôn hình muôn trạng, nhiều kiếp nổi chìm đâu có ngừng dứt. Cho nên Như lai của ta nương đạo chân thật mở môn Đại từ, toan cứu tận nguồn khổ, chế giới trước tiên để dứt trừ lậu nghiệp, ví như muốn đốn cây thì trước phải mé nhánh, đâu chỉ trái không chỗ nương mà cội gốc lần hồi mục nát. Tỳ-ni làm giáo nên đặt ở cây để hàng phục uẩn kết của mình, năm tông Trung Thiên tranh nhau diễn bày, dịch truyền Đông Hạ, riêng hoằng Tứ Phần, tuy chín đời nối nhau mà sáu Sư lại khác, Tổ sư của ta chỉ bày giống như bốn y, đau xót ra sức nâng đỡ sự nghiêng đổ, là Như lai khiến rủ lòng từ làm phép tắc, làm Đạo sư cho chúng sinh. Ban đầu làm văn nầy gồm giúp chúng lúc bấy giờ, đâu không phải năm thừa đều tiết chế, bảy chúng đồng thấm nhuần. Nghi thức nhiếp tăng hộ pháp rộng nêu giềng mối quan trọng, hằng ngày cần đó để làm phép tắc, cho nên nhiều đời quý trọng để làm

sự dạy dỗ lớn, cho nên lý rất sâu kín, thảo luận mới rõ được môn kia, sự loại dây đặc, bàn nói hoặc dụng lầm sót, do đây nghiên cứu tường tận có thể chẳng sưu tầm xưa nay, đem hết chỗ thấy nghe để đầy đủ mở văn chương, tôn trọng vâng theo ý chỉ hành sự, nên đề là "Tư Trì". Không trái tông chỉ của ba hạnh, buộc mở cốt lõi, bởi do một bộ gồm quy ba hạnh, ba hạnh không vượt hai trì. Khoa giải thích văn ngôn quý ở chỗ rất rõ pháp tướng, cân lường việc dùng, quở trách khiến vâng lãnh nhận theo, ở đây thì giáo hạnh đều mở mang để mình và người đều được lợi. Đầu đề một phen nêu ý toàn chương, chỉ do Thánh trí rộng thông, phàm tình quê mùa kém cỏi, dùng chiếc thìa nhỏ để lường nước biển cả, ném đất lấp sông thật là hổ thẹn không biết đo lường sức kia, cách thực hiện của Tổ đức có chút phù hợp với túc tâm, ngõ hầu thường lưu thông để mong giúp đỡ trong muôn một.

Xem qua các tác phẩm từ xưa có hơn năm mươi nhà đều cho bộ Thỉ Nam là xứng tận cùng lý, nhưng nay chỗ tu tập hơi khác sự truyền xưa, cho nên đầu quyển lược nêu năm điều: 1- Định ra Tông chỉ. 2- Gợi giải thích giáo. 3- Tựa dẫn dụng. 4- Nói về phá lập. 5- Trình bày chỗ thiếu sót, nghi ngờ.

Một là: Định ra tông chỉ: Ba tạng chia tông chỗ tuyên bày thành khác, y cứ vào hạnh thì tuy chung cả gồm giúp. Đối với giáo đều có giữ gìn, trí tuệ xưa cũ chưa rõ vốn nhiều xen lạm, rộng bàn luận học làm loạn luật thừa, (tức Tăng Huy v.v... theo văn giải thích, Niết-bàn, Tứ quả, v.v... đều y pháp tướng rộng phân biệt chương môn). Huống chi luận đã dẫn phần nhiều nương Câu-xá, Bà-sa, bởi dùng thật tông giải thích giả bộ ngày nay, có thể cho rằng cốt tủy của tông điên đảo, lý vị thiếu vắng, đến đỗi khiến đời sau xem đọc luống phí thời giờ. Hổ thẹn sự truyền thừa gìn giữ, nghĩa phải sửa chánh, cho nên nay nói giáo thì chỉ quy Luật tạng, nói hạnh thì chuyên y cứ khoa giới, giải quyết khinh trọng trì phạm, xây dựng phép tắc trong tăng tông, đây là chánh tông, còn bao nhiêu là nhánh nhóc. Còn e chuyên một góc lại cần chứng minh, trong giới Đại vọng của giới sớ bác bỏ xưa rằng: "Có người y giải thích nghĩa chương ngang dọc trải qua ngày khác, ý đã sai biệt". Nêu tông để rõ trì phạm là chính, còn bao nhiêu tùy luật lược qua, biết danh tướng mà thôi. Các Kinh sư, Luận sư tự chia tông thể, các tông kia còn không hiểu luật hình, đây biết rộng các học phái khác, dù trước có nghe cũng không được nói lại, phí thời giờ càng thêm vô ích. Đối với tự tông còn khốn đốn chưa nghe, huống chi các kinh luận do đâu mà nói hết, có thể gọi là không biết phần lượng, phút chốc chết đi đâu chẳng bày bộn

nhiều việc, xin xét văn đây đủ làm gương soi, phải nên xét lại, chớ để sự tình tiêu tan như băng.

Thứ hai là: Biện giáo: giáo là dùng tuyên biểu làm công lao, tùy cơ làm dụng, tuy rộng mở cửa lớn nhỏ mà phép tắc không sai, tuy định ra khuôn mẫu mà nhiếp hết chúng sinh, viên âm tùy các cơ mà ứng, tình lự thì khó cầu. Vả lại nương nghiệp sớ ba tông để bày chỗ phán của một nhà, nhưng giáo do thể lập, thể tức là nguồn của giáo, cho nên phải y cứ vào thể dụng để chia giáo tướng.

1- Tông Thật pháp: Tức Tát-Bà-Đa Bộ, tông kia rõ thể thì đồng quy về sắc tụ, tùy hạnh thì chỉ ngăn bảy chi. Hình, thân, khẩu, sắc thành phương tiện xa, đây tức nên xếp vào Tiểu thừa giáo.

2- Tông Giả danh: Tức là Đàm-Vô-Đức Bộ, tông nầy nói về thể thì gượng gọi hai "phi", theo giới thì mười nghiệp đồng nhau, lại duyên suy nghĩ hiểu biết liền vào khoa phạm, đó gọi là quá phần Tiểu thừa giáo.

3- Tông Viên giáo: Thầm buông vọng tâm liền thành nghiệp hạnh, đây gọi là Đại thừa giáo cuối cùng.

Nay Tứ Phần chánh phải Giả tông, sâu có công năng gồm cạn, cho nên lấy bên Hữu bộ dạy nghĩa uẩn chia thông, cuối cùng hội về Viên thừa, đây thì lớn, nhỏ, thông, bít, giả, thật, cạn, sâu, một đời mạnh mẽ tuyên bày rõ ràng dễ thấy.

Thứ ba là: Dẫn dụng: từ xưa dẫn văn phần nhiều không có cách thức, hoặc toàn chép kinh luận, hoặc ghi đủ Tổ truyền thừa, hoặc nêu nhiều sách Nho, hoặc phần nhiều giải thích theo chữ, đã trái ý chỉ văn sao, thật làm uế bẩn Chân tông. Nay ý còn chia làm ba thứ khác nhau:

1- Dùng ba tạng, ý thánh giáo quá dồi dào chưa thể đủ mở. Sự sao lập đề nhiếp cốt yếu làm gốc, cho nên dưới bài tựa nói rằng: "Văn từ ngoài không hết, hẳn muốn tìm ngọn kia, thì chẳng phải ý của người sao. Nay hoặc nói rõ chỗ ẩn kín, hoặc đáp hiệu sai xa, đều đủ dẫn chánh văn, vẫn tùy chỗ nhớ mà chú thích, còn những chỗ dễ hiểu thì không ghi rộng.

2- Nói về dùng Tổ dạy: Nghĩa là sớ sao truyền chép bản đồ nghi tập, văn cáo bộ đã rộng, chẳng học thì không biết được. Kia hoặc do sau bỏ trước, hoặc chỉ rộng như kia, hoặc bác bỏ lầm vọng, hoặc hòa hợp đồng khác, các nghĩa chương khác cũng không nêu.

3- Dùng sách đời: Trau chuốt câu văn, trái khoa luật hình, khen ngợi sạch ngoài như kinh có lời răn dạy tột cùng, Tổ thừa có dùng nghĩa không luống uổng, hoặc nêu việc đời so sánh với đạo, hoặc lại dùng

nghĩa giúp văn, đâu được chuyên việc phù hoa lẫn lộn đồng hóa với thế luận. Nay hoặc thế lời nói hợp nhau, hoặc mượn dùng văn kia, nhưng chỉ nhiếp cốt yếu để chỉ bày, khiến biết chỗ xuất xứ và chữ luận thể nó phần nhiều theo nghĩa dạy dỗ, lại thông các kinh điển, không cần chỉ y cứ chữ viết.

Thứ tư: Phá lập: Lòng từ dạy dỗ xa lưu truyền các mê mờ, xét giáo nghĩa thì giềng mối đều mất, theo danh tướng thì được mất xen bày, hẳn quanh co mà phản đối thì thành uổng phí, nếu không bỏ mà không nêu thì người lầm nhiều nhánh nhóc, đến đỗi đại nghĩa bị ngăn ngại, hoặc lại chấp khác khó đổi, chỉ tùy văn lược bày, giúp lý có chỗ quay về, theo việc tranh hơn rất trái với ý ở đây.

Thứ năm: Thiếu sót nghi ngờ: Đại thể của sao nầy từ ngữ đơn giản, mà sự trùm khắp, người biết cạn nghe ít mà hiểu hết được, e sự truyền thừa, hoặc sao chép trái với chân, hoặc nghiệm xét chưa thông, hoặc tìm hiểu chưa được nghĩa, chẳng phải tuồng bụng, đều là như thiếu, hoặc chỉ nêu là chưa rõ, hoặc đều giữ các thuyết, hoặc dự định tìm văn y cứ, hoặc đợi sau giảng lại, bởi vâng theo lời dạy của Thánh luận, suy tìm cội gốc, hoặc lại nương lời Tổ dạy mà bỏ lệ trước, xem năm điều này, lại nêu năm điều khác, rộng như sau.

GIẢI THÍCH TỰA ĐỀ

Tứ phần: Là tên riêng của năm bộ, hiệu chung của một tông, theo mấy đoạn liền dùng làm đề mục. Phiên dịch thì ở Trung Hoa gồm có sáu mươi quyển, người mới học phần nhiều mờ mịt nên phải dẫn bày.

- Phần thứ nhất có hai mươi quyển. (từ quyển tựa đến quyển thứ hai mươi là giới bổn Tỳ-kheo)
- Phần thứ hai có mười lăm quyển. (từ quyển hai mươi mốt đến quyển hai mươi tám là tám quyển giới bổn Tỳ-kheo-ni).
- Một, là Kiền-độ thọ giới. (từ quyển hai mươi chín đến quyển ba mươi ba là năm quyển. Kiền-độ là tiếng Phạm, Hán dịch là Pháp tụ, tức là tên thiên phẩm)
- Hai, Kiền-độ thuyết giới. (quyển ba mươi bốn, ba mươi lăm hai Kiền-độ này ở cuối phần thứ hai)
- Phần thứ ba: Có mười bốn quyển, gồm có mười sáu kiền độ:
- Ba, Kiền-độ An cư (quyển ba mươi sáu)
- Bốn, Kiền-độ Tự-tứ (quyển ba mươi bảy)
- Năm, Kiền-độ Bì cách (quyển ba mươi tám)
- Sáu, Kiền-độ y (quyển ba mươi chín và bốn mươi)

- Bảy, Kiền-độ thuốc (quyển bốn mươi mốt và nửa trước của quyển bốn mươi hai)
- Tám, Kiền-độ y Ca-hy-na (nửa quyển sau của quyển bốn mươi hai)
- Chín, Kiền-độ Câu-Diệm-Di (nửa trước quyển bốn mươi ba, dùng tên nước làm tên)
- Mười, Kiền-độ Chiêm-ba (nửa sau quyển bốn mươi ba, lấy tên thành làm tên)
- Mười một, Kiền-độ quở trách (quyển bốn mươi bốn)
- Mười hai, Kiền-độ người (nửa trước quyển bốn mươi lăm)
- Mười ba, Kiền-độ Phú tàng (nửa sau quyển bốn mươi sáu)
- Mười bốn, Kiền-độ ngăn (nửa trước quyển bốn mươi sáu)
- Mười lăm, Kiền-độ Phá tăng (nửa sau quyển bốn mươi sáu)
- Mười sáu, Kiền-độ Diệt tránh (quyển bốn mươi bảy)
- Mười bảy, Kiền-độ Ni (quyển bốn mươi tám)
- Mười tám, Kiền-độ Pháp (quyển bốn mươi chín)
- Phầnbốn: Có mười một quyển (trước có hai Kiền-độ, và bốn đoạn kết tập sau như v.v...)
- Mười chín, Kiền-độ phòng xá (quyển năm mươi)
- Hai mươi, Kiền-độ tạp (quyển năm mươi mốt, năm mươi mốt, năm mươi ba. Giới Sớ nói "Hai mươi Kiền-độ chia làm ba phần là ở đây")
- Năm trăm kết tập (nửa trước quyển năm mươi bốn)
- Bảy trăm kết tập (nửa quyển sau quyển năm mươi bốn)
- Điều bộ Tỳ-ni (quyển năm mươi lăm, năm mươi sáu, và năm mươi bảy, ba quyển)
- Tỳ-ni Tăng Nhất (ba quyển từ quyển năm mươi tám đến sáu mươi)

Do pháp của bậc Thánh Tôn ở trong bộ căn bổn, tùy chỗ ưa thích của mình mà góp nhặt thành văn, tùy chỗ nói ngăn liền làm một phần, hễ trải qua bốn lần mới thành một bộ, nên gọi là Tứ Phần, chẳng phải đồng với văn phán của Chương Sớ Ước Nghĩa, cho nên Nghiệp Sớ chép: "Tứ Phần tức là nói số đoạn bài này (đoạn trên tự nói rằng "chỉ"). Giới Sớ chép: "Bốn độ truyền văn đều đã nêu tướng", đây y cứ theo thuyết đó chỗ đến chẳng phải nghĩa phán.

Hai mươi Kiền-độ chia làm ba phần, có thể là nghĩa khai chăng? Hỏi: Giáo phải truyền bá ở cõi nầy, bốn luật đã phiên dịch (bốn, năm mươi tờ), Tổ Sư vì sao chỉ tôn sùng Tứ phần?

Đáp: Cõi nầy (Trung Hoa) duyên thọ giới mới theo Tứ phần, các bộ tuy dịch chưa nghe y dụng.

Nghiệp Sớ chép: Thần Châu Nhất Thống y cứ Thọ đều tụng văn Tứ Phần, nay chỗ giải thích y cứ thọ mà nói tùy, cho nên lập một bộ để làm bổn tông. Sau nói rằng: "Nay phán trì phạm kia lại y cứ thể thọ kia, ý nầy đã rõ". (Tam Tạng Nghĩa Tịnh, trái với tông Hữu Bộ,không thể nhận được ý nầy).

Hỏi: Có dẫn nhân pháp, có các văn như tựa, v.v... mà nói rằng "Tứ Phần bộ hơn nghĩa kia là sao?

Đáp: Đều là nghĩa này, hẳn y theo luật Thập Tụng mà thọ giới, có thể do bộ kém mà tôn sùng Tứ Phần ư? Phần tựa rõ hơn kém làm chương bộ để tính cạn sâu, đến môn thứ ba mới nói về chỗ y cứ giáo phán.

Hỏi: Vả lại y cứ vào nay phiên dịch gồm sáu mươi quyển, bổn tiếng Phạm vẫn nhiều, làm sao bốn độ tụng trọn một tạng.

Đáp: Chẳng phải cho là một tòa tên là một độ, bởi lấy một thời kỳ không nhất định làm hạn, tùy tập đến chỗ cuối cùng lại tan, thành một độ, như vậy đến bốn lần một bộ mới xong, luật Ngũ Phần, luật Thập Tụng phần lớn đồng với ở đây. Chỉ xong một hạ của Luật Bát Thập tụng, lấy đó làm đề mục, tùy thời lập riêng chưa thể thống nhất.

Luật: Tiếng Phạm là Tỳ-ni, Hán dịch là Xứng Luật. Nay y cứ giới sớ tổng quát các văn không ngoài ba nghĩa:

1- Nói Luật là pháp. Y theo giáo làm tên, chia ra trọng khinh, khai, già, trì, phạm, phi pháp, bất định. Văn sau nói rằng: "Lại như pháp thế gian y cứ vào hình phạt mà đặt ra pháp chế, thì pháp trong đạo cũng như vậy, y theo cội gốc giáo pháp đều có khác nhau, không thể trái vượt nên gọi đó là Pháp.

2- Nói luật là phần. Nghĩa là phải bàn bạc y cứ theo lượng, có sai khác như khí phần luật, Lữ (một năm có mười hai tháng, gặp nửa tháng thuộc dương gọi là luật, nửa tháng thuộc âm gọi là Lữ. Một Lữ một Luật chia thành hai khí có hai mươi bốn khí).

Lại nói rằng: "Giáo tướng đã nói trọn bốn chữ nầy, đó là phạm, không phạm, khinh và trọng". Nếu hiểu thông bốn chữ quyết không nghi thì là cùng tột của thượng phẩm trì luật, thế nào gọi là cảnh và duyên phạm đầy đủ? Thế nào gọi là không phạm khởi đối trị? Thế nào gọi là nhân khinh quả nhỏ, thế nào gọi là nhân trọng quả lớn. Nhưng bốn tướng nầy chẳng phải luật không phân, trì phạm không quá lạm, có đồng khí gì.

3- Chữ Luật có đặt duật duật là bút (nước Sở gọi là Duật, đời Tần gọi là bút, xuất xứ từ trong Tự Thơ Chú). Phải xét giáo nghiệm tình ở đầu ngọn bút. Lại nói rằng: Xét xử quyết ở chánh, chẳng phải bút không định.

Hỏi: Như ba nghĩa trên dùng cái gì để chia?

Đáp: Cả ba đều so với pháp thế gian để tìm lấy tên. Giáo tuyên định kiểu mẫu tức là nghĩa pháp, chia ra khinh, trọng, tức nghĩa phân, gặp việc phán quyết tức là nghĩa bút, đủ ba nghĩa nầy gọi là Luật. Còn bao nhiêu đều giải thích, phiên dịch rộng trong quyển trung.

San phiền bổ khuyết: San nghĩa là cắt gọt, bỏ bớt chỗ rườm ra. Bổ nghĩa là thêm vào chỗ chưa đủ. Người đời phần nhiều không hiểu cho nên cần giải thích, liền chia làm hai:

1- San phiền: Từ xưa truyền luật, tình kiến khác nhau, hoặc sớ hoặc sao có hơn mười nhà mà truyền trao bằng miệng chẳng phải một hai nhà. Hễ giải thích một việc có rất nhiều đường, quyết thêm cho đủ mà trích dẫn đó thì che lấp hành sự, chỉ thẳng với chánh nghĩa còn bao nhiêu đều trừ bỏ, chỉ dùng một lời nêu phá, như nói rằng: “Không đồng giải thích ở trước vì các thuyết không giống, nghĩa khác bỏ đó vì giải xưa nhiều đường”. Nay dùng lời nêu phá gọi là năng san thuộc chữ san, cắt bỏ các thuyết đều gọi chỗ san, thuộc chữ phồn, y cứ nghĩa chứng ở trên lại cần văn chứng minh. Sao Hưng ý chép: “Mỗi chỗ trích dẫn trước lại xem xét, sau một việc ý bỏ lập rất nhiều”, các thầy đã giữ chỗ thấy rộng nhiều, nay đều lược bỏ bớt, chỉ giữ các văn chứng, v.v...

Hỏi: Phồn có mấy loại?

Đáp: Lược có hai nghĩa:

a- Phiền rộng, tức đã rõ ở trên. Các thầy chỗ thấy biết, đều dứt trừ, như định phương tự nhiên khoảng giữa bảy hàng cây là giới tràng, trước sau trong hạ kiết, giải, thọ nhật hạn định, v.v... và có nhiều thuyết, nay ở trong Sao theo lệ đều không trích dẫn, tức hai sớ nghĩa sao đã dẫn giải xưa.

b- Phiền lạm, như muốn lời duyên thọ Nhật lại thêm loại xin, nay đều bỏ. Tức thiên yết-ma nói: “Nay muốn lược bỏ lời phù phiếm tuyên bày ý chỉ Thánh”. Lại như lời tri chung thuyết giới, tịnh khẩu, an cư thông tụ tự tứ là sai. Trong thiên Tăng Võng rộng nêu phi chế, trong thiên Sư Tư vọng hành loại phạt gậy, tức Tăng Võng nói rằng: “Nay cắt bớt chỗ rườm rà kia, thêm vào chỗ thiếu sót” nếu y văn chữ chính giữ ý trước. Nay lấy lời sau thảy đều gồm thông, dù có nói nhiều cũng không ngoài ý này.

Hỏi: Trên nói cắt bỏ là Luật hay Sớ?

Đáp: Từ xưa không nói bỏ và lấy hai thứ khác nhau, nay sẽ phân biệt, nghĩa là bổn tông bộ khác kinh luận lớn nhỏ, ở cõi nầy (Trung Hoa) hay Ấn-độ bậc tiên hiền văn ghi, các nhà Sao, Sớ, chỉ khiến người sao dẫn ngày nay lấy văn đều thuộc chữ Sao. Còn sự thấy biết của các thầy, hoặc ở bút văn, hoặc truyền miệng, nay Sao không chép. Trừ bỏ đó đều là San, tức thuộc về chữ "San phồn", nên biết nghĩa "San bổ", văn Sao trước sau hoặc có, đâu được hễ thấy dẫn văn xưng là san bổ, truyền cái mê mờ lâu dài về sau, người học cần phải nghiên cứu.

Hỏi: Như giới bổn phần duyên khởi giải thích rộng tướng luật tạng văn rộng, sao nầy không dẫn há chẳng phải là san luật ư?

Đáp: Luật là Thánh giáo nay nên tôn sùng, chỉ nên lấy văn đâu được cắt bỏ. Một, là văn sau chỉ rộng như luật và Đại sớ, đâu được không thận trọng chê là nhiều. Hai, là trong Sao Hưng ý chỉ nói là "tình kiến rộng nhiều" chứ không nói "san luật". Một nhà tôn sùng bộ đều không có lời này, làm sao lại không suy nghĩ vừa thấy liền khinh chê. Hỏi: Như Thiên "Nhĩ thuyết giới" chép: "Nay lấy hai Sư Phổ Chiếu và Đạo An làm gốc, còn bao nhiêu thì lấy trong "Luật Thành Văn San Bổ" đâu chẳng phải san luật ư?

Đáp: Đây là lời mê muội. Kia vì nghi thức của các Sư xưa có thiếu có dư, nên nương bổn luật san bớt chỗ dư và thêm chỗ kia thiếu, đây là dư thiếu ở bổn của hai Sư, san bổ thuộc cái dụng của người sao lại ngày nay, y cứ đây để nói nghĩa trong Di Chương.

Hỏi: Nếu không san luật thì nên san Sớ phải chăng?

Đáp: Chỉ là đầu mối khác, hoặc văn hoặc nói đâu hạn cuộc ở Sớ, còn lấy cốt yếu kia phải thuộc ở Sao, bao nhiêu không dẫn mới gọi là "san phồn", cho nên trong sao hưng ý chỉ nói "tình kiến" chứ không nói "Sớ Sao".

2- Nói về bổ khuyết: Từ xưa trì luật hoặc tùy kiến chấp của mình, hoặc im tiếng với giáo bộ, đến lúc hành sự chưa thích hợp thời nghi như xích lượng do-tuần dài ngắn, Yết-ma lớn nhỏ, đều thưa, đọc, vặn hỏi, không giữ hiểu biết. Ngọa cụ chẳng phải thuộc về ba y, chưa dư không khoa giảm lượng, tịnh địa không lập xướng tướng, thất chứng hoàn toàn không có lời thỉnh, các loại nầy rất nhiều điều thiếu sót. Nay sao y cứ nghĩa, y cứ văn làm cho rõ ràng đầy đủ, cho nên ở sau "Phòng giới Định Xích Lượng" có nói: "Tôi có đến Trung quốc vào đời Tấn, Ngụy và phụ giúp trường luật ở các nơi, thường đến dự tiệc, chí luận về xích đẩu phế hưng, chưa hề nói kể cho nên bổ chỗ thiếu sót để phản quang chín đời

(Bản in chép "liền san bổ", nhưng chưa nói kể há được có san? Nay y theo bổn xưa làm chánh). Nay do việc xưa chưa luận tức là chỗ thêm vào, trong Sao chỗ dẫn văn nghĩa lý có thể thêm.

Hỏi: Bổ khuyết và nghĩa văn sau quyết thông là đồng hay khác?

Đáp: Quyết thông, thông có trước, bổ khuyết cuộc hạn vốn không, còn bao nhiêu như môn thứ năm trong phần tựa nói có.

Hỏi: Tùy Cơ yết-ma chép: "Luật tạng nghĩa cạn thiếu có sót thêm đó há chẳng phải "bổ" Luật ư?

Đáp: Chính vì luật thiếu, hành sự không khắp, cho nên dẫn văn y cứ theo lệ thêm vào bộ yết-ma kia, còn như văn luật vẫn thiếu lời tựa, đâu hề có thêm.

Hỏi: Nghi Khinh Trọng chép: "San bổ, chương xưa soạn thuật sự sao, đây y cứ san bổ không ở nơi luật, vì sao lại không chấp nhận san bổ chương sớ?

Đáp: San hay bổ phần nhiều xuất phát từ chương xưa, có thể san, có thể bổ, đều thấy ở sao ngày nay. Nhưng chương sớ lời thuộc tình kiến nói thông, văn truyền miệng lý đều nhiếp, xin rõ ý sao, chớ đối với sự mà khởi nghi.

Hành Sự: Hành lấy làm lụng, tạo tác làm nghĩa. Sự tức đối với lý bày tên. Nhưng sự tướng nhiều đường, nghĩa cần dón gọn.

a- Dùng sự chung cho thiện ác, đây chỉ là sự thiện.

b- Ngay trong thiện, dón gọn thiện dư thiếu thuộc về giới thiện.

c- Y cứ hai quyển thượng hạ chúng cộng hai hạnh gọi là tác thiện. Quyển trung, tự hành gọi là Chỉ thiện.

d- Y cứ các thiên, chia nhỏ các sự

* ***Quyển thượng*** mười hai thiên nêu tông một thiên khuyên tựhc hành cả sự. Nhóm tăng về sau có năm sự:

- Thứ nhất: Chúng pháp duyên thành sự (năm thiên nhóm tăng, đủ số, thọ dục, yết-ma, kiết giới)

- Thứ hai: việc khuông chúng trụ trì (Tăng cương)

- Thứ ba: Tiếp vật đề thấu (thầy trò thọ giới)

- Thứ tư: Việc xem xét thanh tâm (thuyết giới, tự tứ)

- Thứ năm: Việc tịnh duyên sách tấn tu hành (an cư)

* ***Quyển trung*** có bốn thiên, hai việc:

- Ban đầu: Việc chuyên tinh không phạm (giải thích tướng trì, phạm)

- Hai: Việc phạm rồi mà biết sám hối, thiên sám hối)

* ***Quyển hạ*** mười bốn thiên chia làm tám việc:

- Thứ nhất: Việc giúp duyên trong ngoài (hai y, bốn thứ thuốc, bát, đồ dùng)

- Thứ hai: Việc điều tiết thân, lìa cấu nhiễm (đối thú tịnh thí, đầu-đà)

- Thứ ba: Việc khiêm cung hạ mình (Tăng tượng)

- Thứ tư: Việc giáo hóa bên ngoài sinh thiện (mới đi dẫn đạo cho người đời)

- Thứ năm: Việc đối đãi với các vị đồng pháp (chủ khách, thăm bệnh, nuôi bệnh)

- Thứ sáu: Việc cần yếu hằng ngày (tạp hạnh)

- Thứ bảy: Việc dạy dỗ dẫn dắt chúng sinh (Sa-di Sa-di-ni)

- Thứ tám: Thông cả các tông khác (các bộ khác)

Đây là chỗ tuyên hành tướng trước sau của một bộ, đều là phương tiện cổ động ba nghiệp từ duyên cấu tạo mà thành, nên nói là "hành sự". Đầu đề nêu điểm đặc biệt nầy khác với các tông, vốn lập cội nguồn giáo hóa, chánh giáo tuyên tông, cốt phản quang chín đời, lời nói nầy không luống dối cho nên lời tựa chéprằng: "Rõ hành thế sự mới làm khuôn mẫu cho người mới học". Đây chính là đại yếu một nhà thấy khắp ở các văn. Phàm dự học tông càng phải rõ ràng, nếu mê ý chỉ nầy còn bao nhiêu lại nói làm sao?

Hỏi: Y cứ hai phần pháp sự trì phạm ở sau, nay chỉ nêu sự thì chẳng nhiếp pháp?

Đáp: Kia rõ chỉ, tác đều thuộc về phần chừng cho nên có cần hai phần. Nay y cứ vào tạo tác bất luận sự pháp thông quy về sự.

Hỏi: Đầu đề nói rằng: "Hành sự" nói rằng "Ba hạnh", ngữ âm vời riêng, đồng khác thế nào?

Đáp: Hành y cứ vào tu tạo, hành thủ thành đức, do hạnh thành hạnh, lời khác nghĩa đồng, đâu chẳng lưu nhập hành, tâm duyên cấu thành nghiệp.

Sao có hai nghĩa: 1/ Lượm lặt nghĩa hai bao gồm nghĩa. Nghĩa là đối với ba tạng chánh văn, Thánh Hiền ghi lại, thâu nhặt cốt yếu để làm văn thể. Sau nói rằng: "Nhiếp lược chánh văn", tức nghĩa ban đầu, Văn kia đã rộng chép đủ thì nhiều, cho nên ở trong kia lược nêu đầu sau, lời lược lý đủ, sau nói rằng "Bao gồm các ý" tức là nghĩa kế. Đến môn thứ mười phải tự nói rộng, tựa có ba lời dạy, tùy nghĩa giải thích. Nhĩ Nhã chép: "Tường Đông tây gọi đó là Tựa" như ở đời chữ Tường ở ngoài nhà, tức dụ văn tựa trùm ngoài một sao, đầu mối đây là nghĩa tựa.

2- Tựa tức dạy, nghĩa là soạn thuật trước sau mười môn bao gồm

điều lưu ba hạnh, khiến văn nghĩa một bộ rõ ràng không lẫn lộn, đây tức nghĩa tựa kế.

3- Huấn tự: Như kéo tơ, nếu được đầu mối thì các sợi sẽ xong. Người học xem bài tựa thì các thiên sẽ mong cầu được, đó gọi là do nghĩa tựa. Một lời nêu ba nghĩa tự giải thích đều thông.

Hỏi: Xưa nói rằng hai tựa chung, riêng, nghĩa kia thế nào?

Đáp: Trước nêu một đề, đâu nói là hai tựa, nay không lấy lược có ba lỗi:

- Hễ nói chung riêng chung bày một việc, như chung riêng trì phạm, chung riêng hai y, tựa nay không phải vậy. Trước rõ chế chọn thành văn, sau gồm đại nghĩa các thiên, trước sau khác nhau, chung riêng liền thành. Nếu do mười môn khác nhau mà nói rằng "riêng" thì nghĩa "chung" trì phạm đã lệ ở bảy môn lẽ ra cũng là "riêng". Hai sớ nghiệp, giới đều có nghĩa "chung" và nhiều môn nạn vấn cũng vậy, đây thì hoàn toàn không có nghĩa chung riêng, là lỗi thứ nhất.

- Lại phỏng theo hai tựa chung riêng của kinh tông, vả lại tựa chung trong kinh chung cho cả các kinh, tựa riêng thì giản lược ở sách khác. Nay tựa của Sao nầy là văn chung, riêng thì phân biệt với sách nào? Lại dùng tựa chung làm phát khởi tựa riêng hay làm chứng tín? Một sao điên đảo? Nếu nói y cứ theo kia được nói hai bài tựa, thì kia chung ở nơi khác, cuộc hạn khác với ở đây là kinh sau, kinh trước khác nhau. Chứng tín khiến trăm đời không nghi, phát khởi hiển giáo chẳng luống lập, khoa chia ra hai tựa, ý kia là đây. Khảo xét văn tựa nầy hoàn toàn chẳng so lường, vọng dẫn kia là lỗi thứ hai.

- Vả lại, "Sao" dùng mười môn gom hết đại cương kia, lại nói rằng: "Mười điều này đều gồm thâu hết các môn". Ở đây thì mười môn hoàn toàn không có nghĩa "riêng", không hiểu ý văn là lỗi thứ ba.

Nay bày chánh giải, đối với ba mươi thiên "riêng" sau chỉ có thể gọi chung là "tựa chung". Trong một bài tựa phần lớn có ba đoạn. Đoạn một nói chỉ trình bày văn năng thuyên, đoạn hai nêu mười môn bao gồm nghĩa các thiên, văn nghĩa hai món đều thuộc về giáo, giáo không luống lập nhưng chỉ quy về giúp hạnh, cho nên đoạn sau chia ra ba hạnh gồm nhiếp các căn cơ.

Một tựa trước sau giáo hạnh đầy đủ, lược bày đại yếu, còn bao nhiêu xem trong văn.

Ở dưới đề là chú giải chữ, rõ tên riêng ở trên bao gồm nhiều ý.

1/ Khác xưa, sau bác bỏ xưa rằng: Rõ làm việc đời mới là phép tắc đến nhờ. Nay nêu hành sự được ý chỉ Luật tông.

2/ Nghĩa là chọn lựa soạn thuật của Tổ Sư đều nói rằng: "Tứ phần Luật Sao Sớ" v.v... cho nên thêm mục lục, biết chẳng phải thứ khác.

3/ Giải thích nghi, nghi rằng: Y cứ vào Luật soạn Sao, chỉ dùng chỗ lập đề của tông thì có thể được, cần gì lại thêm các lời san bổ làm gì, nếu không chú thích rõ thì nghi tình không giải quyết được.

Hai quyển trung hạ lời khác mà ý giống, chọn hiệu Trung Bổn làm tên để nêu bày chỗ xuất xứ của văn, tên dung hợp nhau, còn khác đó lấy làm tự, tự hoặc đồng tên, chọn đó làm xuất xứ.

Kinh Triệu tức là thành Trường An ngày xưa, nay là quận Vĩnh Hưng, là đất từ xưa các vua lập kinh đô, cho nên đặt hiệu này. Kinh là lời dạy lớn, chỗ đất rộng. Triệu là nhiều lời, chỗ đông người. Tức nơi Luật sư giáo hóa, cũng tức chỗ vốn sinh ra. Có thuyết nói là trường thành, hoặc nói rằng Đơn Đồ (Trường Thành ở Châu Hồ, Đơn Đồ ở châu Nhuận), đây là nơi xuất phát chữ, chẳng phải nơi Tổ tông sinh ra. Bộ Hành Trạng chép: "Đại Sư sinh ra và lớn lên ở Kinh Hoa" đủ để chứng minh. Ngài xuất hiện ra đời, cho đến thị hiện diệt độ, ở chặng giữa ấy việc hoằng hóa có chép đủ trong bộ hành trạng, ở đây không dẫn ra nữa.

Soạn thuật : Chung làm một lời, soạn cũng là thuật, nay đã nêu hai bên cho nên cần giải thích riêng. Soạn nghĩa là cầm bút chấm mực viết ra thành bài. Thuật nghĩa là hạ mình suy tôn người vâng theo lối cũ. Nếu y theo sau mà phê rằng soạn vào niên hiệu Võ Đức thứ chín, mà Giới Số thì phê là niên hiệu Trinh Quán năm đầu, do niên hiệu Võ Đức năm thứ chín đã đổi thành Trinh Quán nên cũng chẳng ngại nhau. Sớ kia lại nói rằng: "Niên hiệu Trinh Quán năm thứ tư đi giáo hóa ở xa, Vi Trạch Luật Sư ở núi Bí Bộ, lại Sao ra ba quyển, bèn nương bổn trước của ta lại gọt giũa thêm cho mạch lạc, lời văn thông nhau". Y cứ theo đây chính là sửa lại bổn trước, xét trong mục lục chính là niên hiệu Trinh Quán năm thứ tám, tức bổn nay đã truyền (xưa nói rằng có sáu quyển, lại nói là sau chia thành mười hai quyển. Y cứ bài tựa ở dưới nói "Ba quyển gồm nhiếp hết văn, văn đều là thật", cho nên chẳng phải kiến chấp).

GIẢI THÍCH LỜI TỰA

Đoạn đầu là khen giới. Trong hai câu đầu là nêu khen. Sau giải thích lại chia thành hai, hai câu trên nêu dụ bày đức, nương bốn câu dưới bày rõ sự cao siêu hơn các tạng khác. Giới đức là pháp đã khen. Khó suy nghĩ chính là lời năng khen. Giới có bốn nghĩa: Pháp, thể, hành,

tướng; Nay theo tướng chung, chỉ khen giới pháp, cho nên không nói là "khó bàn", dùng tâm suy nghĩ thì rất gần, còn miệng bàn thì rất xa, đã khó quyết chẳng thể bàn. Hoặc có thể câu còn cuộc hạn mà lý đã bao gồm, trùm xuống một câu rõ nghĩa khó nghĩ bàn ở trên. Đã vượt ngoài tượng, không có vật để so sánh, cho nên tâm lực của phàm phu Tiểu thừa chẳng thể bì kịp. Chữ "quán" gọi là buộc đội. Mũ là đồ trang sức trên đầu, ở đây lấy nghĩa trên cao. Tượng nghĩa là các vật ở thế gian.

Hỏi: Khuôn phép dẫn dắt, ghe thuyền há chẳng là tượng ư?

Đáp: Kinh luật khen giới nêu tượng tuy nhiều, nhưng lại thiếu nghĩa, chưa thể hoàn toàn đồng. Trong đây lược nêu hai vật thiếu dụ cho công đức của giới, phép tắc dẫn dắt tức vết xe là rõ hướng đến của kia, ghe thuyền lại lấy nghĩa vận chuyển kia. Lại nêu tông nói "Đại sư của ông", vì luật có công năng làm phép tắc, hoặc như người đủ sức có chỗ đến, hoặc nói là "đại địa sinh thành giữ gìn", rường cột đạo phẩm là chỗ nương của đạo Thánh, thành quách thiền định là chỗ dựa của định tuệ, cho đến như ao, như gương, như chuỗi anh lạc, như đầu, như món đồ. Lại trong Luận Trí Độ nói "Như báu nặng, như mạng sống, như cánh chim, như thuyền bè, v.v... tìm đó có thể biết. Lại trong thiên tụ trước nói về hộ giới, có đủ tám dụ: Như con Vua, như ánh sáng mặt trăng, như Châu Như ý, như con một của vua, như người có một mắt, như tiền bạc của người nghèo, như vua yêu nước, như thuốc hay cho người bịnh. Lại bài tựa giới bổn chép: "Giới như biển không bờ, như báu cầu không chán". Giới bổn Tăng-kỳ chép: "Như dây xích buộc khỉ, như giây cương buộc ngựa, rộng thấy trong kinh luật, ở đây không phiền dẫn ra.

Vì giới đức cao rộng, nên chẳng một vật nào dụ được, nêu khắp các tượng đều được một đầu, không thể giống hoàn toàn cho nên nói là "trùm vượt". Năm thừa gồm người, trời, Thinh Văn, Bích-chi-phật và Phật, là người "năng thừa", năm giới, mười điều lành, Đế duyên, sáu độ, là pháp "sở thừa". Nương pháp đây quyết do vâng lãnh giới, cho nên giới pháp chung làm phép tắc dẫn dắt. Con đường thường lệ như đây nay giải thích riêng rằng: "Như trong giới bổn nói "muốn được sinh lên cõi trời, hoặc sinh trong loài người, thường phải giữ đủ giới" đâu chỉ là năm giới, mười điều lành thôi ư? Nhưng giới có bốn hạng: Năm giới, tám giới, mười giới, giới Cụ túc. Nếu y cứ theo người độn căn thì chung là thiện ở đời, nếu luận bậc thượng trí thì giới đủ làm nền tảng cho đạo, cho nên kinh Thiện Sinh chép: "Năm giới rất khó, có thể làm cội gốc cho giới Đại Tỳ-kheo, Bồ-tát", cho nên biết bốn giới đều dẫn dắt năm thừa, nay ở đây khen nêu là gồm hết bốn hạng, chính là ở giới Cụ túc

(Tỳ-kheo).

Hỏi: Giới Sớ chép: “Vì đạo chế giới bổn, chẳng phải phước ở đời, chỉ y cứ ba thừa”, nay nói năm thừa là sao?

Đáp: Kia thì chuyên dùng ý Thánh để hiển bày nguồn giáo, ở đây rõ thông giúp hai cơ (lợi, độn) để bày lợi cùng khắp. Nhưng ba thừa là lời vẫn còn kèm quyền, nếu nói ở Song Thọ lại dặn phò trì đều quy về thường trụ, cho nên biết bốn giới đều dẫn dắt Phật thừa, vì căn khí khác nhau nên chia ra ba, năm, như thế nên biết rõ.

Tam bảo là thuyền bè: Tam Bảo có bốn:

- Nhất thể: Lý thể y cứ vào lý mà bàn, hóa tướng một loại cuộc hạn y cứ vào Phật ở đời.

- Trụ trì: Một vị giúp cả ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) công đức do năng lực của giới chuyên chở không dứt, cho nên dụ như ghe đâu, không đúng sao?

- Hai ngôi báu Phật và pháp đều nhờ tăng mở mang truyền bá, Tăng bảo tồn tại nếu chẳng có giới thì không đứng vững, như trong phần nêu tông nói “Thuận thì Tam Bảo trụ trì, trái thì diệt lấp chánh pháp”.

- Như trong kinh Hoa Nghiêm chép: “Tỳ-kheo nhận giữ oai nghi giáo pháp có thể khiến Tam Bảo không dứt mất”, còn bao nhiêu như sau sẽ dẫn.

- Hoặc có thể vượt qua phàm phu, nhập vào vị Tam Bảo quyết phải thọ giới để hợp dụ ghe thuyền. Văn thông, ở đây giải thích, trước giải thích là chính, như chữ “Thật” âm là trực, huấn thật là huấn thị.

Kế nói lên trong thắng có hai: Ban đầu đối với hai học rõ hạnh cao siêu sở thuyên. Sau đối với hai tạng Hiển giáo năng thuyên cao quý. Định tuệ đâu đồng, phải y cứ hai ý xét rõ hơn kém. Nếu trông vào dứt hoặc chứng chân thi tuệ hơn, vì giới chỉ dừng nghiệp, định chỉ nhiếp tán loạn. Nếu y cứ thứ lớp tu hành thì giới là đầu, vì trí tuệ thiền định do giới mà sinh. Cho nên nay nói “Dựng lập tu trì chính từ nghĩa sau”, cho nên nói là đâu có đồng. Di giáo y nhân thành luận, nắm cột đều đồng với ý ở đây.

Kế là hiển bày trong giáo quần tạ tức mục lục hai tạng kinh luận, ở đây chỉ việc trụ trì, kinh luận không bàn nên nói là “dứt xướng”, nghĩa là cắt nhiễm, thọ giới, vào đạo thứ lớp cho đến trong tăng. Thọ sám, an cư, tự tứ, kết giới, thuyết giới, trị phạt, can ngăn, thầy trò, trên dưới, đi đứng, nằm ngồi, uống, ăn, y phục, các pháp riêng làm. Các sự tướng nầy giềng mối Phật pháp gìn giữ muôn đời, công đức nầy chỉ do Luật tạng chỉ bày khuôn mẫu, các tạng khác không bày được cho nên

không nói, nên Luật Thiện Kiến chép: "Tạng Tỳ-ni là mạng sống của Phật pháp, tạng Tỳ-ni còn thì Phật pháp mới còn", luận rất đầy đủ như trong quyển trung.

Y cứ vào sự giải thích trên cũng cần hai giải thích: - Nếu giải thích lý, phát trí, phá vọng, hiển chân thì kinh luận là hơn. Nếu sự phép tắc, nhiếp tu, diệt ác, sinh thiện thì Tỳ-ni là độc tôn. Cho nên biết ba tạng đầy đủ công năng cao quý, nay trông vào sự giữ gìn nên có hơn kém.

Hỏi: Tiêu Tông dẫn kinh luận Đại tiểu thừa cũng nói giới luật, đâu nói "dứt xướng"?

Đáp: Tuy gồm nói hiệu tùy kinh luật, chỉ là lược khen công đức của giới, còn trên xếp giữ gìn các việc, chẳng phải chỗ bàn của kia, cho nên phải nói như vậy.

Trong phần Tự Hoằng Truyền văn ban đầu nói: Chánh pháp, tượng pháp đều một ngàn năm, mạt pháp mười ngàn năm. Như lai định ở chánh pháp, bốn ý chung cả chánh và tượng. Văn chia làm hai đoạn, trên rõ giáo chủ chính thân truyền, dưới rõ đệ tử truyền hóa.

Bản đồ trụ pháp có hai mươi lăm vị Tổ, tức từ Như lai là Đại sư khai pháp, Ca-diếp về sau là Thánh tăng truyền pháp. Nay giới luật đây khi Phật xuất hiện mới chế, Phật là đầu tiên nên nói là "Từ". Đại Sư nghĩa là thầy của trời và người, tức một trong mười hiệu. Đem đạo dạy người cho nên bày mục này, nhưng do Thầy chung cả phàm, tiểu lại thêm rất đơn giản, đây là độc tôn trong ba cõi, chỗ nương học của chúng sinh trong chín đường, chỉ có Phật đại Thánh mới được hiệu nầy, còn bao nhiêu đều là phàm, đâu thể xưng được. Cho nên Luật Thập Tụng nói: "Nếu Tỳ-kheo nói "Ta là Đại sư nói pháp Đại sư" mắc tội Lan-Di đồng như đại vọng ngữ (nói ta là thì phạm Lan, nói sự pháp thì phạm Di).

Nói ở đời: Ta-bà năm trược là cõi "sở thủ", thế giới đại thiên là cảnh "sở hóa". Lúc kiếp giảm thứ chín trong kiếp Hiền, khi người thọ còn trăm tuổi thì Phật xuất hiện ở đời, ba mươi tuổi thành đạo, nói pháp Ba thừa độ người vô lượng, tám mươi tuổi diệt độ. Nay nói chỉ trong năm mươi năm là thời gian hành hóa, cho nên nói là "ở đời".

Nói riêng hoằng: Nghĩa là tuy bàn các kinh điển, nhưng đối với Tỳ-ni rất lưu ý, cho nên thiên tụ chép: "Thế Tôn ở đời rất hiểu căn cơ chúng sinh, mọi việc tạo tác đều lấy oai nghi làm chính". Lại kinh chung mọi người đều nói được, riêng luật chỉ có miệng vàng của Phật đích thân tuyên nói, ảnh hưởng Bồ-tát Đại quyền chỉ biết kính thờ vâng hành huống gì các tiểu Thánh đâu dám sai lời. Lại nữa, các kinh nói

có thời hạn, Luật thông trước sau. Nghĩa Sao chép: “Ban đầu từ vườn Nai sau đến Hạc Lâm (rừng Ta-la song thọ), tùy căn cơ chế giới nên có ngàn muôn sai khác, đủ ba ý nầy, khác hẳn với kinh khác, nên nói riêng hoằng, nghĩ cũng không tối tăm. Lại tức nơi lời nói đây rõ được sau khi Như lai diệt độ từ ngài Ca-diếp về sau kết tập truyền trì cho nên nói là không phổ, (phổ tức phế) là không bỏ.

Nói bốn y, có ba loại:

1- Nhân bốn y: (Nội phàm là sơ y, Sơ quả là hai y, Nhị quả và Tam quả là ba y, Tứ quả là bốn y). kinh Niết-bàn chép: “Có bốn hạng người có khả năng hộ trì chánh pháp, làm chỗ nương cho đời”, đây đều là Bồ-tát đại quyền thị hiện Thinh văn, giống như hóa nhân truyền pháp, chúng sinh nhờ bốn hạng này nên đều gọi là y.

2- Thành bốn y: Y phấn tảo, y dư, khất thực ngồi gốc cây và thuốc mục nát, bốn hạnh nầy làm duyên vào đạo, vì là chỗ bậc thượng căn lợi khí y chỉ?

3- Pháp bốn y: Y pháp không Y người. Y nghĩa không y lời. Y trí không y thức. Y kinh liễu nghĩa không y kinh bất liễu nghĩa. Bốn pháp nầy để lựa chọn chánh tà, là chỗ nương cho đời sau nên được tên gọi này.

Ở đây nêu tức là “Nhân bốn y”, xưa chỉ lệ nêu hai mươi bốn vị Tổ, ý này không đúng. Hai mươi bốn Sư lại y cứ sự truyền thừa chánh pháp cho nhau, nếu bàn ngang đồng thì hoằng dương xiển giáo chẳng phải một người, như năm đệ tử của ngài Ưu-Bà-Cúc-Đa thì đã rõ. Nói theo chiều dọc thì từ ngài Sư Tử trở xuống há không truyền giáo hay sao? Huống chi sau lại nói rằng: “Đến cuối thời tượng pháp”, thì biết. Nói bốn y là gồm chánh pháp và tượng pháp, Sư hoằng pháp đâu chỉ hai mươi bốn người thôi ư? (Hai mươi bốn Sư tên tuổi và sự giáo hóa có chép rộng trong truyện Phó Pháp Tạng và bản đồ trụ pháp, người cần thì tìm xem). Cuối thời tượng pháp hoằng truyền, khoa ban đầu rõ trong hai cõi, Như lai nửa đêm nhập diệt, gần sáng không bằng. Thời Chánh pháp tượng pháp càng nhiều tranh cãi huống chi cuối đời Tượng pháp ư? Như Cảm Thông Truyện, do Thiên thần kể lại, Tây phương (Ấn Độ) tranh cãi Đại thừa, Tiểu thừa không hợp nhau, đến nỗi kinh điển lẫn nhau thất lạc, hai tông “Không” và “Hữu” đều chia bè đảng. Nếu nói theo xứ nầy (Trung Hoa) trước đời Tùy, đời Đường năm bộ chưa phân, giả thật chưa phán quyết, đây phải kia quấy, đều coi trọng tông mình cho nên có nhiều sự tranh cãi. Về sau, trong văn riêng chỉ nước Chấn Đán nên phải biết ý nầy. Khoa đây nói chung hai cõi, nhưng Tổ Sư xu-

ất hiện ở đời hơn một ngàn năm trăm năm sau khi Phật nhập diệt, tức là cuối thời Tượng pháp, cho nên đồng với đây để rõ sự sai lầm. Kiêu nghĩa là mỏng manh, vị thuần nhất dần dần nhạt. Ngoa nghĩa là sai lầm biến đổi, bản thể hoàn toàn mất, thật ra không phải vậy mà do người thôi. Phong là con dao bén, đánh nhau trong đời gọi là "tranh phong", môi lưỡi công kích nhau để giành hơn thua, việc có đồng đâu nên gọi là "Kích động". Luận là lời bàn việc không hình chất, vì rõ là luống tranh cãi nên nói là không trình. Khoa kế là trong lỗi truyền giáo: đầu tiên văn trên đã thông ghi sai lầm hai nước, dưới đây không riêng kể phương Tây (Ấn Độ) bởi chẳng phải ý ngày nay, chỉ rõ ở cõi nầy (Trung Hoa) dẫn sinh sự biên soạn.

Nhân trước mà có ra cho nên nêu lý do. Chấn Lĩnh: Chấn là nói tắt của tiếng Phạm, Lĩnh là tên chung của nước, như ở đời các châu, quận phần nhiều dùng tên núi sông khe trạch mà gọi, lại như giải thích tướng nói rằng: Chấn Lãnh thọ duyên tức rõ ban đầu ở Đông Hạ đắc giới. Lại trong Tăng truyện, Pháp sư Đàm Diên nói: "Chấn Lĩnh rộng nêu di giáo của đấng Pháp Vương", y theo đây mà biết gọi là Chấn Lĩnh, chỉ là tên xứ nầy, không phiền phải xuyên tạc (Quốc Lĩnh nêu hai: Chấn là xứ nầy, Lĩnh là Thông Lĩnh là sai). Nói đủ là Chấn Đán, cũng nói là Chấn Đán, Hán dịch là Đất Hán.

Truyền giáo: Là chỉ cho người hoằng hóa lưu thông. Chín đời: Là từ sau Hán minh Đế Phật pháp mới truyền, đến đời Đại Đường, Tổ Sư xuất hiện ở đời trải qua chín đời (Hậu Hán, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường). Cỏ vượt lùm gọi là bạt tụy, người trội hơn gọi là xuất loại (Lời nầy xuất xứ từ Mạnh Tử, có người khen Khổng Tử là "Vượt hơn loài người, trội hơn đồng loại, từ khi sinh dân đến nay chưa có ai thạnh như Khổng Tử", nay mượn dùng). Việc có ra từ tim ngực gọi là trí thuật, ở đây rõ các Sư đời trước mặc tình tự chép không nương chánh giáo. Câu nên bày sự thông minh nhanh nhẹn của các Sư, câu dưới chê bai tâm Sư. Lệ trong lỗi sự truyền giáo không ngoài ba việc:

1- Mở mang các pháp.

2- Dạy dỗ người sau.

3- Chống đỡ giữ gìn không cho nghiêng đổ.

Nay xem đời trước đối với ba việc nầy từ chưa hề luận, cho nên sau kết rằng "Có thể rõ được mà bình", bởi lời không thể phê bình, nên trong văn chia làm ba lỗi:

- Ban đầu nêu rõ hai câu sau thiếu điều thứ nhất: Hành nghi là làm việc phép tắc nghi thức, do giáo pháp ở cuối đời tượng pháp không rõ

hành nghi thì đâu thể lâu dài. Sửa nghĩa là làm đúng lại sự sai lầm kia, nhiếp là giữ cho lâu dài.

- Kế là hai câu sau thiếu điều thứ hai: Do kẻ hậu học không biết, nếu chẳng phải phép tắc, khuôn mẫu thì làm sao tấn đạo được? Tầm tức là pháp.

- Buộc hai câu sau thiếu điều thứ ba: Lưới mầu rộng nêu đều dụ cho Luật thừa. Hữu nghĩa là tiếp tục, Ký là rồi. Chữ thọ thượng thinh, điên tức là đảo (ngã).

Hai câu nầy nêu dụ tuy riêng, nhưng hiển bày nghĩa lại đồng. Kết bày trong câu trên nhiếp trí thuật ở trước, đã không điển cứ nên nói "Bằng hư" (không có bằng chứng). Câu dưới nhiếp ba sự trên không thể phê bình, cho nên nói khó làm, nên là dụng. Hình nghĩa là cấu tạo tướng trạng kia. Thinh là phát ra lời nói, lộ khiết dụ như nói rõ ra. Mặc tình luống nói, không có giáo pháp đối chiếu cho nên dễ. Phép tắc làm thật sự, trái phải bày ngoài cho nên khó. Trên y cứ vào hư thật đối nhau, kế là giải thích lý và sự.

Có người giải thích rằng: Câu trên chỉ luống thông lý tánh, tức học kinh luận. Câu dưới rõ sự tướng phép tắc tức giáo Tỳ-ni. Kia dẫn Tăng truyện chép: "Pháp Sư Tăng Hựu nghe Luật Sư Hồng giảng Luật Tứ Phần hơn ba mươi lần, bảo các học trò: "Ta nghe nhiều lần, như kinh, luận, chỉ một lần đã nhập thần, nay nghe bộ luật càng nghe càng tối, đúng là lý có thể luống cầu, còn sự khó mà thông hiểu". (Lại dẫn Thiến Quốc Sách nói: "Vẽ quỷ thì dễ, vẽ ngựa rất khó, lại nói rằng: "Luật Sư Khác ở Truy Châu hỏi ngài Nam Sơn, Nam Sơn dùng đây đáp", chưa biết xuất xứ từ đâu). Đây nghĩa là các Sư bàn kinh nói lý đều tinh cùng, khảo luật hành sự thì chưa thể quyết rõ, ở đây giải thích có thể lấy cớ cả hai đều còn.

Kế là giải thích, chê học giải trong khoa ban đầu lại chia làm hai:

- Đầu tiên đến phiền lạm chính là chép chấp vãng, hai câu trên nêu chấp, hai câu dưới bày lỗi. Trước tu, tức chỉ cho các Sư đời trước, luật tạng lại y cứ bổn tông một bộ, thường có hành sự phải y cứ văn thành thật, tuy là chép thật nhưng do niên đại mờ mịt, năm thầy chỗ dấy chỗ bỏ, phiên dịch mất ý, sao chép sai sót, đến đỗi văn có thiếu sót không rõ. Nay nhà thì dùng văn nghĩa quyết thông, như sau chỗ nêu văn luật không rõ, ký duyên dụ như giao việc, bởi tức dạy thật do văn hai việc, cho nên có sự phiền lạm (Như y Luật Yết-ma đều sai người năm đức, có Luật ngăn không khai cho sám hối tội trọng. Hạ an cư xong giải giới, hai

mươi tám người không đủ số, bốn người xả đọa...). Về sau, kế rõ gồm sinh vọng chấp. Câu đầu nêu lỗi, người gốc xen lạm là học có hai:

1- Phải nghiên cứu cho tinh tường.

2- Quyết thấy nghe phải sâu rộng.

Đã trái hai điều nầy cho nên phần nhiều bị luống lầm. Ức trở xuống ba câu xuất phát từ tướng. Ức ba câu dưới xuất phát từ tướng lỗi kia. Ức là lời tình trọng bụng mặc tình kia ức đoán. Vu là dạy rất lắm. (Như tay cầm y, thuốc, ngọa cụ là loại vượt đệm). Thủ loại, hoặc dẫn loại lệ có sai trái (như tiểu giới lập tướng, dẫn Luật Tăng-kỳ xả y giới một tầm là dụ. Không y bát, đắc giới đến phá giới, Hòa-thượng bốn câu làm dụ, v.v...). Hoặc lấy lưu loại khác nhau (như dùng Tăng-kỳ thêm phép y và dùng Yết-ma giải đại giới, tiểu giới để giải giới tràng). Tùy chỗ nghe liền dùng, không nghiên cứu có thể được chăng? Cho nên nói là ít thảo luận. Ngu chấp trọn đời không thể sửa đổi thành tốt đẹp, cho nên nói là sinh chấp thường. Quả là dạy ít, tập là nhóm, là nói kia nhiều.

Khoa kế có hai: Trên nói về tội y cứ riêng hành. Dưới nói là Tăng sự. Gây hấn ngang ngược đều gọi là tội, lần lựa tăng nhiều đều cứ một phen thấy, cho nên nói là bội phần (như trộm vật của tăng mắc tội nặng mà nói phạm Lan-già, vô tri mắc tội Ba-dật-đề lại xếp vào Đột-cát-la, đây thì cho nặng là nhẹ. Trộm chứa vật phạm Đột-cát-la mà cho là phạm Ba-la-di, vật xả đọa đổi ý mới mắc tội Đột-cát-la mà nói phạm Ba-dật-đề, ở đây cho tội nhẹ là tội nặng). Trong việc tăng như Tăng võng trị phạt, nói giới, tự tứ, thọ nhật, sám hối, các việc khác trong chúng, một phương hành hóa, lập pháp cần thông, mặc tình thì sự càng ngàn sai, y giáo thì lý quy về một lẽ, đã mê giáo chỉ, nghĩa không chỗ nương, bạn bè thì cho là giống, người ghét cho là khác, thói đời nhìn thấy xưa nay đều như vậy, cho nên nói là đồng, khác. Khu cũng là phân, trong ba phần nhân trước chấp khác nên tranh chấp rần rần, phải trải khó định, chần chừ không quyết, cho nên phải học rộng hiểu sâu mới phán đoán được.

Trong văn hai câu đầu sơ lược khả năng nhận lãnh ảnh kia. Câu trên rõ cùng tột Luật tạng, giáo có hưng thạnh, phế bỏ, người cục bộ một bên luôn cố chấp thành ra tranh luận. Câu dưới rõ bình lượng các Sư, giải thích nói phần nhiều khác với hậu tấn, chưa được lấy bỏ thì chớ theo, quyết đủ hai khả năng mới kham lãnh luật nầy, cho nên nói rằng "Tự chẳng đồng", ai hiển được sâu điều người khác không thể hiển. Tịch tức là mở ra. Lại nghi: Nghĩa là lần lựa sinh nghi, như chấp trong hạ

không được giải giới. Người đã sinh nghi, do đó lại nghi rằng: "Nếu giải thì có thành hạ chăng?". Lại như chấp một hạ chỉ ba lần thọ nhật, nghi rằng: "Quyết muốn thọ lại có mất hạ ư?" Lại như tiểu giới lập tướng, nghi rằng: "Quyết làm thọ giới có đắc giới chăng?", lược nêu vài điều để bỏ tướng văn. Phàm loại này tùy thời mà dẫn, người nghi Đại Luận, sự đã không rõ, thầm thầm càng rộng, cho nên nói rằng "lại nghi". Di là trừ, chữ Lụy khứ thinh, nghĩa là trệ ngại. Tâm đã có nghi ngờ sự liền thành ngại, người đều như vậy cho nên nói là "Thông", hoặc làm lỗi lụy người giải thích, như chấp cuối hạ thọ nhật mười lăm ngày, hạn đủ không trở về vẫn thành hạ. Lại thuốc bảy ngày khai trong đêm không trộm vật thường trụ, khiến đoạt lấy v.v... đủ khiến người nghi, y hạnh có lỗi thì phải quyết nghi, khiến cho lìa lỗi nên nói là "Trừ ". Hai câu nầy đối với ở trên khảo xét các thuyết hư thật, bao gồm hai câu dưới đối với trên thống nhất ý giáo phế, hưng.

Bộ chấp lại chỉ năm bộ, tình chấp năm thầy lập khác nhau, nếu giữ riêng một tông thì sẽ thành tranh luận, cho nên phải khảo xét tổng quát sự đồng khác, suy xét lấy bỏ mới rõ hành sự, cho nên nói là "vậy". Chữ dữ bình thanh, tức lời nói. (ở đây bốn câu hai việc, xưa giải thích bốn nghĩa là sai).

Kế là nói về soạn tập, chế riêng trong khoa đầu tiên, hai chữ trên khen ngợi, trước sau chép cái hư thật kia. Hai câu trên gồm bày chỗ xuất xứ. Di ký là gọi chung sớ sao, như môn thứ mười đủ để dụ đây. Hai câu dưới riêng lệ tướng "phi". Nói "chỉ luận" là suốt hai câu dưới, nghĩa là chọn sớ chỉ là tướng phế lập, chọn sao chỉ là trình câu hỏi, lại không có ý gì khác, như hai sớ nghĩa sao thì hoặc dẫn đó.

Hỏi: Trong ấy đã chê kia thì đâu dẫn dắt đó?

Đáp: Ở đây rõ hành sự cho nên cần đoạt phá, kia diễn chương nghĩa, không ngại dẫn dụng. Lại văn xưa rất nhiều, kia chỉ chọn cốt yếu, lấy chút phần kia để giải thích phải quấy, cho nên nghĩa sao đề rằng: "Bỏ nghĩa Tỳ-ni?

Về sau, chê kia sai mất tông, hành sự dạy dỗ tông thể Tỳ-ni ở đây đã mất, nay đầu đề sao liền nêu ý này. Nâng cao xa xưa rất khế hợp tâm Phật, buộc dứt phò nguy thật ở nơi đây. Do đây, các thiên giảng bày chỉ giữ hành sự làm tông, tùy chỗ tháo gỡ, lấy dạy dỗ làm ý, người đến học chớ phụ ân Tổ.

Nói việc đời nghĩa là việc làm hợp với thế gian, chẳng phải việc thế tục. Y cứ theo ở soạn thuật mười sáu vị Sư. Nay nói trăm không có một là nêu rộng rất nhiều, để rõ rất ít còn không thể được, là nói đều

không chỗ chấp.

Kế là nghĩa tập, tức các bổn Yết-ma, do văn Yết-ma rải rác trong quảng luật và dùng nghĩa loại kết tập thành bài. Cho nên nói "Văn ở nghĩa tập, như nay bộ Tùy Cơ Yết-ma cũng gọi là soạn tập. Lại trong nghiệp sớ nêu riêng ra người Yết-ma là pháp tập, đều có thể chứng. Văn khoa đây ý là ngăn nghi sau, e nói rằng "Trên chê sớ sao phí nhiều, trái với tông". Vả lại, các bổn Yết-ma thẳng hiển hành sự thế nào? Trước nói là "Trăm không có một bổn" chẳng phải vu khống bậc tiên hiền kia ư? Nay tuy chấp nhận có, lại thành vô dụng, nói thời có là rõ kia không nhiều. Diên hoài là tốt đẹp, thông minh, lanh lợi, tức là bốn Sư Khải, Đế, Quang, Nguyện.

Trên nêu nhân pháp, dưới chỉ lỗi. Hai câu đầu tức hai bổn Quang, Nguyện. Bổn Quang phần nhiều dùng nghĩa để cầu, bổn Nguyện rộng dẫn duyên cứ, lời nhiều sự ẩn, không giúp thời tụng, cho nên nói rằng "Nhiều dụ", v.v... Nhàn rỗi chẳng phải muốn gọi đó là lời thay đổi. Ưa rộng là thích theo, còn giản là không đoái hoài, cho nên nói rằng: "Đậu cơ chưa đủ". Đậu giống như tế (cứu giúp).

Kế là đơn đề, sau là hai bổn Khải, Đế. Hai câu trên chê văn lược. Đề là viết chép. Kia chỉ nêu ra pháp không nói về duyên thành, cho nên nói rằng "Chớ tuyên", còn nói không thuật. Hai câu sau rõ vô dụng. Đã không hiểu thành, bại, thêm bị vô công cho nên nói rằng "Y văn", v.v... Cho nên trong bài tựa Nghiệp Sớ chê cả bốn bổn rằng: "Tăng, giảm, phiền, lược lẫn nhau thấy được, mất" (Xưa chỗ giải thích đều không hiểu). Gồm chế trong chung thông Sớ Sao cho đến Nghĩa tập, cho nên nói là: "Đều". Toái là tán, nghĩa là văn không có chương, tiết. Loạn là nghĩa chẳng phải luân tự, cho nên hai câu sau đối với văn trên vỡ tan, nên nói là khó tìm cầu. Hai câu kế đối nghĩa trên loạn, cho nên nói khó lãnh hội.

Thứ hai là về soạn thuật ngày nay. Văn ban đầu chia làm hai:

1- Rõ xem xưa. Người nghe lượm lặt lúc Thủ Sư giảng là học tập chắc chắn, còn ngoái liếc thì rõ chẳng phải thật học. (ngoái nhìn là cố, nhìn xéo là miện, âm miến). Các thiên chỉ chung chỗ soạn thuật đời trước. Soạn tập tuy nhiều một không thể lấy, cho nên nói rằng "Thông là phi", v.v... Chúc âm chúc, dạy đúng, chẳng đúng ý là không khế hợp với tâm của Tổ. Câu trên bày không chấp, câu dưới nêu ra lý do.

Hỏi: Kém thì có thể như vậy, còn hơn sao không khế hợp?

Đáp: Vì trong các thiên hơn kém thấy lẫn nhau. Hơn tuy có lấy, kém chẳng thể còn, muốn được hoàn toàn hơn chưa có, nói rằng chẳng

đầy đủ, ý nghĩa kia như thế.

Lòng từ dạy dỗ, hưng thạnh do đây, kế là nói về soạn thuật, Phỉ nhiên là mạo văn chương lẫn lộn, văn rút ra từ Luận Ngữ (Khổng Tử ở nước Trần suy nghĩ về Lỗ bèn nói rằng: "Tiểu tử bọn ta cuồng giản hỗn loạn thành văn chương) làm mạng tức soạn văn. Mạng là tên khác của điển chương, tức tên của sao ngày nay (Luận Ngữ nói "Làm mệnh giúp cỏ xanh đó", v.v... Chánh Nghĩa nói rằng "Mệnh nghĩa là chánh lệnh, lời văn tức là làm). Trực bút tức sau phê rằng "Không việc loạn văn". Ở đây có ba ý: 1/ Vì hiển hành sự. 2/ Vì giúp người mới học. 3/ Vì bày ý chê. Đáng gọi là giao bày hành tướng, thư thả gọi là trình bày lời văn. Văn của một bộ đều ở câu nầy (Có khoa nầy là sách Tứ Phần, gồm ở sau là dẫn văn khác để bổ túc chỗ sai).

Khoa kế trong trích dẫn chia làm hai: Trước lệ văn đã dẫn có bốn câu: Câu đầu gồm thâu các luật, tức năm mươi, v.v... Câu kế gồm thâu kinh Đại thừa, Tiểu thừa, trong kinh bàn luật gọi là luật theo Kinh, nên nói là tùy thuyết.

Thứ ba là thâu Luận Đại thừa, Tiểu thừa. Thứ tư gồm sớ sao của các Sư và Nghi Bồ-tát, Cao Tăng Truyện, Sư Tư truyện, Tự Tạo, v.v... Bốn câu nầy gồm hết văn đã trích dẫn của một bộ, ở đây thì suốt hai thừa, bao trùm ba tạng, trừ bỏ, liên chép, nhóm họp thành tông, dùng sao nêu nghĩa để thấy ở đây.

Tìm tòi ở sau, kế rõ thủ xả, lại chia làm hai. Hai câu đầu lấy xả ba tạng. Sưu nghĩa là chọn lấy, bỏ tức là dứt trừ. Nói đồng khác: Ban đầu y cứ bổn tông và bộ khác, lấy đồng khác đối nhau để rõ tìm tòi, bác bỏ có bốn câu:

1- Đồng với bổn tông cho nên chọn. (Thập Tụng trì y, thêm thuốc, các bộ không đủ số người, Luận Bà-Đa ba y hạn cuộc lượng, Luật Ngũ Phần thông lượng, Tỳ-ni mẫu Luận chuyển dục, v.v...)

2- Đồng cho nên bác. (cá, thịt, bữa ăn, chánh Tiểu giáo đều vậy, nay sao dùng, sau xả bỏ).

3- Cùng bổn tôn khác cho nên sưu tầm. (Tăng-kỳ năm người tội xả đọa ở trong chúng tự thuyết dục. Luật Ngũ Phần kết chung tịnh địa, các bộ lượng tự nhiên giới, luận Tỳ-ni mẫu lược nói giới, v.v...)

4- Khác cho nên sưu tầm. (Luật Tăng-kỳ ba lần thuyết dục, điệp duyên nhập dục. Suốt đêm hội y không lập thế phần, các bộ không khai tịnh địa, Tăng già Yết-ma đồng như vậy) .

Kế đến bộ khác tự rõ đồng khác cũng bốn câu:

1- Bộ khác đồng cho nên sưu tầm. (Luật Ngũ Phần, Luật Tăng-kỳ

trước Thượng tọa mỗi mỗi thuyết dục, luật Thập Tụng, luận Tát-Bà-Đa nói trộm chứa vật mắc tội Đột-cát-la).

2- Đồng cho nên bác bỏ. (luật Thập Tụng, Thiện Kiến nói không có Hòa-thượng được đắc giới. Luật Tăng-kỳ, Thập Tụng bốn tội trọng lại nói không phạm trọng).

3- Bộ khác khác cho nên sưu tầm. (Luật Thiện Kiến nói ba y mặc trong là sai pháp, luận Bà-Sa duyên đoạn, Tạp Bảo Tạng câu-lô-xá là năm dặm, luận Tát-Ba-Đa nói hai dặm đều lấy dùng).

4- Khác cho nên bác bỏ. (Luật Thập Tụng cho thọ ba mươi chín đêm, luật Tăng-kỳ việc xong nên về, uỷ thác như trong Biệt hạnh, hãy tìm xem).

Rộng thấy ở sau lấy bỏ văn kỷ các Sư, vì sao như vậy? Vì Thánh ngôn ba tạng đâu luận thiếu dư nghĩa có thể thấy. Hai câu đầu rõ thủ, như sau các thiên đã dẫn, sớ sao giải thích, hỏi đáp, phần nhiều không nêu tên, còn như Tăng truyện, Tự Cáo đều đề bổn hiệu, ở đây rõ thủ văn đều thuộc sao nhiếp (xưa nói bổ khuyết là lầm). Bổ là thêm lạm, thuật sau không bỏ. Sau trong các bài hoặc thẳng dứt, nói trong khoảng bảy hàng cây như nghĩa sao phế lập, hoặc dẫn phá ấy, quên thành đến giới không khai trung. An cư, giải giới, mất hạ, v.v... lại trong nghi Bồ-tát xướng “Người chưa thọ giới cụ túc và người không thanh tịnh ra chưa?” v.v... nêu ra loại luật nghi cốt yếu, lễ kính, cầm góc y, nếu không dứt bỏ nhân tình ngăn trệ, nên nói rằng “Thành thông ý”.

Kế trong thể thế ban đầu nêu riêng có bốn câu:

1- Câu đầu rõ nhiều: Hoặc làm nhiều quyển giải thích (trên) thượng các thiên rộng bày hành sự. Quyển trung, giới trộm, lìa y, chứa của báu, ăn riêng chúng v.v... Quyển hạ sai y, bốn món thuốc, đạo tục, Sa-di, v.v... Hoặc làm phiền lụy để giải thích như kiết giới xướng tướng, hai loại đại giới có giới tràng, không giới tràng đều mất chỉ bày, chánh xướng lại nêu ra. Thọ giới, già nạn, cũng trước giải thích tướng xuất chúng. Đối chúng lại chia làm hai, thuyết giới, sám tội tăng tàn đều trước rộng dẫn các giáo, nhưng sau lại dẫn văn trước sắp xếp nghi thức. Trên thì ngay thiên đều rõ, nếu y cứ thiên khác xen trông cũng có nghĩa này, như thiên kiết giới lại nói về nhóm tăng, lại trong thiên Yết-ma lại lệ với nhóm tăng, kiết giới, chọn người, thọ dục, v.v... Và thiên thọ giới lại nói về nhóm tăng, v.v... thiên giải thích tướng lại rõ thọ giới, đủ duyên v.v... đối với giải thích tướng bày hai, nêu ra năm pháp quán ăn v.v... như vậy đều là rõ hành sự không thể thiếu lược. Tức ở sau gọi là “Nếu lược giảm, lấy sự đại khái kia thì sự dụng hằng có chỗ không

đủ".

2- Thứ hai là lược chỉ: Ban đầu y cứ các thiên xen chỉ như nhóm Tăng chỉ ở kiết giới, sau kiết giới chỉ nhóm tăng như trước, thuyết giới chỉ bạch chúng ở Tăng võng, an cư chỉ năm điều lợi như tự tứ, trong yết-ma lựa chúng, dữ dục đều chỉ thiên trước, lại đều ở ngay thiên rõ ấy, như trong đủ số. Chỉ bốn nghi biệt tướng rộng như biệt chúng. Sám Tăng tàn chỉ che giấu như sau. Như vậy chỉ nhau khắp gồm một bộ. Vả lại, nêu một hai, loại nghĩa là đồng, chảy theo thì thuận lời dạy. Như an cư xong hợp rõ năm lợi ích của Ca-đề, không muốn phiền nữa nhưng hạ xong thọ lợi cho sau tự tứ. Đồng thuận theo nhau cho nên chỉ như kia, còn bao nhiêu mô phỏng theo đây. Lại giải thích, như đại giới không có giới trường đã nêu ra cách kiết, sau đại giới có giới tràng liền chỉ như trước, cho đến thêm pháp ba y đủ nêu ra một cách, còn bao nhiêu để chỉ riêng. Trong phần thọ nhật nêu ra nửa tháng Yết-ma, rồi một tháng như trước, đây giải thích cũng chung, thảy đều như nghĩa kia.

3- Đoán văn: Như trong thọ dục, nói rõ tướng dục, dẫn luật Ngũ Phần, Tăng-kỳ đoán văn đã tiếp tục rằng: "Nghĩa bình đẳng". Sau trong các bài, nghĩa nói rằng: Nghĩa rõ, nghĩa y cứ thảy đều đồng như đây. (xưa giải văn một không thể chấp).

4- Trưng từ tức là lời suy hạch, nghĩa là suy xét sự sâu kín quyết nhờ hỏi đầu mối. Vì phát khởi phiếm luận hỏi đáp để dập chủ khách, khách thì bày nghi suy tìm cứu xét, chủ thì tùy nghĩa quyết thông, muốn khiến nói bàn đợi nhau, giáo lý hiển bày rõ. Một/ bàn thỉnh hỏi (tức trong kiết giới các lời hỏi như nói rằng: "Đại giới có làng xóm được hợp kết chăng?"). Hai/ giả nghi để hỏi (trong phần thọ dục hỏi: "Không xứng duyên pháp dục có thành chăng?". Trong Yết-ma hỏi "Bạch như vậy có thành chăng?"). Ba/ phá xưa nên hỏi (Trong phần nhóm tăng hỏi "Giới Tự nhiên vuông hay tròn?", trong phần túc số hỏi "Những người bị biên tội tự nói y cứ thể, v.v...). Bốn/ cùng nhau hỏi (Trong phần thọ giới hỏi "Giới sư bạch hóa, giáo thọ không hóa?". Lại hỏi "giới sư không sai, riêng giáo thọ sai?"). Năm/ suy cho cùng nên hỏi (Trong phần thọ dục hỏi: "Luật nầy nói dữ dục qua đêm không thành?" Và trong phần thọ giới hỏi: "Luật Thập Tụng nói "Ni không biết cho xuất gia lại, vì sao khai xả giới?"). Sáu/ trái nhau nên hỏi (giải thích tướng hỏi: "Tỳ-ni dứt rồi, khởi giới ngăn hay chưa khởi? Vì sao nói dứt lỗi bỏ tội?" Trong giới trộm hỏi: "Trộm tượng để cúng dường là không phạm tội trộm, sao kinh kết tội nặng?")

Trong các thiên có lời hỏi đáp không nêu ra đây, một câu trong

văn đều thâu hết. Trước nay bốn câu bao gồm đại yếu văn thể của một bộ, ý khiến người dự biết, đến nơi văn không bị lầm. Nay lại dùng bốn câu giúp rõ ý kia. Câu đầu phiền nhiều mà không phí, câu kế lược mà không thiếu, câu ba so le mà không loạn, câu bốn sâu mà không tối, như sau thông kết. Lời chỉ bày như vậy, nghĩa là bốn loại trên khắp cả một bộ, không khiến nghĩa trước sau trái nhau, cho nên nói rằng "Trước sau làm sáng tỏ nhau". Lại trừ hiển sự dụng không để cho trước sau văn có phiền phức, cho nên nói "Ẩn hiển xen nêu ra". Giao cũng là xen, ánh tức là chiếu. Trong hội khác trước rõ ý trích dẫn, kế bày thể soạn thuật, đến chỗ dẫn các bộ hoặc sự hoặc pháp chấp trái bổn tông cho sinh nghi tràn đầy, gồm lại chỉ bày nên nói là "đều".

Bốn câu đầu nêu tướng, đều sau đó hiển ý. Ban đầu rõ Yết-ma đối với đời ít dùng nên nói là "thấy hành", chúng pháp phần nhiều y cứ bổn tông, biệt pháp phần nhiều rút ra từ các bộ, nay văn thông thâu pháp chúng, riêng của các bộ (trong chúng pháp, diệt tẫn kiết chung tịnh địa rút ra từ Luật Ngũ Phần. Pháp chia y cho Sa-di rút ra từ Luật Thập Tụng. Biệt pháp, như giữ y thêm thuốc xuất xứ từ Luật Thập Tụng Tăng-kỳ. Các vụ nói thông, cần thâu sự của các bộ mà các thiên đã dẫn.

Hai câu sau tức chỉ cho các việc đạo tục trong thiên Sa-di, do hai thiên nầy phần nhiều nhóm các bộ, ít lấy ra từ bổn tông cho nên hội riêng, tìm trong văn sẽ thấy, đều là bộ khác thâu về bổn tông, cho nên nói rằng "nắm thành một chấp", v.v...

Tông nầy nếu đối với bộ khác tức chỉ cho Tứ Phần, nếu đối với các nhà liền quy về hành sự một nhà sao ngày nay, phí công có hai:

1- Mê mờ giáo pháp, vọng thi hành thì phí công làm.

2- Văn tán khó cầu thì phí công học.

Trong Lặc quyển, khoa đầu ngăn dị thuyết, hoặc ngay khi thật có, hoặc giả lập dự phòng, nếu so với Hành Sự Nghĩa Tập của các Sư giống như tổn hại phiền tế, nhưng không suốt được ý sâu cho nên cần cần phải rõ (đời sau có người làm sách Hành Sự rất sai ý Tổ). Đồng ta nói khác đều chỉ tình chấp người khác có trái thuận, như ca khúc ở đời, người họa kia phải là kích vật, do thinh tiết kia, tiết nghĩa là đoạn lớn của khúc cho nên nói rằng "Đại tiết". Kích (chê) dụ như trách, văn nhiều thì ai ở sau bày ý, ưa thích cũng được, lý do nào ở sau chuyển giải thích không xong? Ban đầu trùng khởi, như sau chánh thức giải thích.

Ban đầu cần nhiều, hẳn sau rõ quấy, nhiều đại khái như thô lược. Bàn ngang, nghĩa là nói nhiều, phi lý. Húy tức là kiêng kỵ. Sao lấy bao gồm nhiều cốt yếu làm nghĩa. Nói không gấp vì chẳng phải chỗ tuyên

bày. Nay trong ý ước độ dùng trí để tính lường. Trong thủ, lìa phiền lược lỗi. Việc tĩnh lược là chánh tông của sao. Cứu gấp giúp kết thúc là ý chánh ngày nay. Hành tướng chúng riêng, không thể tạm quên nên nói là "gấp". Sự khởi không thường, không do tay nắm nên nói là "Xong".

Thiên Thầy Trò chép: "Cho nên gấp cứu treo ngược". Môn thứ mười chép: "Thường khiến gặp cỏ có dụng", đây tức là ý gấp xong, chữ "Trung" bình thinh giải thích như trên. Hoặc có thể là khứ thinh, nghĩa là rất đáng. Đây biết một văn, một câu kinh nầy đều muốn làm lời không nhàn. Than ôi! Đời Mạt pháp hôn mê ngu tối, chí tình kém cỏi, chỉ khoe khoang giảng nói, chuyên việc khua môi khua mép. Thiên trọng khinh nhóm thân đều làm, giới, định, tu, trị không hề một niệm, đến nỗi khiến lời dạy của cha lành bỏ phế như lời cũ mục. Lời cứu gấp ở đây tan mất, nhưng e nỗi khổ về sau muốn bãi bỏ cũng không thể, trong Thánh đạo không mong có ngày tiến thân, người có ý thức, kẻ tài giỏi đâu không động lòng, chỉ thiếu trong suy nghĩ liền toan tính suy tư, thiệm tức như cứu giúp. Cố, là dạy thực hành, thuyên là giải thích các nghĩa. Đây rõ nay sao chuyên nêu thời việc, biện luận Nghĩa Chương có hay không sự cứu giúp đều không dẫn ra, chép ở văn khác, cho nên nói rằng "ở sau". Quyển thượng thường chỉ cho nghĩa sao, quyển trung thường chỉ cho giới sớ. Quyển thượng và hạ thường chỉ cho nghiệp sớ, hễ chỗ chỉ lược đều là ý nầy.

Như trong thiên tụ, hai món bất định, bảy pháp diệt tránh đều trước nêu đại ý đã nói rằng: "Văn nghĩa đã rộng, luống nhọc nên giải thích, chưa hề cùng tận nên lược không nói. Trong giải thích tướng, ý giới bốn lần trái can ngăn cũng đồng như đây, cho nên nói rằng: "lược nêu". Chỉ bày trong sở thuyên, việc chúng nghĩa là bốn người trở lên Yết-ma việc của tăng thành, nghĩa là có thể làm được thì tổ chức làm. Tôn tức tâm vâng làm. Cơ nghĩa là thời giờ cần gấp. Thác sự tức các duyên y, thuốc, và sau kết chỉ bày không thiếu. Vặn âm vấn cũng là rối rắm. Như ba quyển ba vị xưa truyền, gọi chúng tự cộng ba hạnh. Nay lại dùng nghĩa phán lược làm ba:

1- Y cứ chỉ tác, trên dưới đối việc tu tạo gọi là hành tác trì. Quyển trung, giữ giới lìa lỗi gọi là hạnh chỉ trì.

2- Y cứ riêng chúng, quyển thượng, việc tăng gọi là chúng hành. Quyển trung và hạ, tự tu gọi là biệt hành.

3- Y cứ thuần tạp, quyển thượng và trung đều cục cho nên Thuần, quyển hạ tùy cơ cho nên Tạp.

Còn luận xen nhau ném gởi đều gồm nhau. Vả lại y cứ phần lớn

đã phán ở trên, trong ý chép ở thiên “phần” đầu khó rõ pháp. Người hay làm việc là “sở tạo”, cho nên nói là cảnh sự. Khoa nghĩa là chia tiết. Nghĩ tức là so lường. Nay sau phần chánh nói vật loại ấy, nay trước nêu bày, như an cư, chia phòng xá, giải thích tướng, rõ pháp thể. Trong sám sáu tụ rõ hai cách sám sự lý. Hai y, chia vật của người chết, đạo tục rõ nói nghi pháp. Trong Sa-di, nghiệp xuất gia và trong bảy thiên có chú thích pháp phụ. Nếu y cứ thiên đề, thật, quấy gồm nhiếp, nhưng trong hạ chia phòng đồng loại với an cư, cho nên chỉ nêu an cư, còn bao nhiêu tự nhiếp, các chỗ khác đều y cứ theo đây.

Đây thì ba mươi đầu đề, gồm cứ chủ một thiên, nếu vậy sao lại chỗ có chú pháp phụ, hoặc không chú?

Đáp: Vì có thân sơ, chẳng hạn như trong tên, y cứ từ ý mà chép, sau liền nêu tên thiên, thì văn lý suốt nhau, nhưng mười môn sinh khởi có rất nhiều điều không tiện. Xưa khoa nêu tên ở đầu mười môn, giải thích rằng: Vì hiển bày các thiên là chỗ tao của mười môn. Ngày nay cho là không đúng, đâu lại có chuyện ghi chép ở trước nêu tên ở sau, huống chi Lặc quyển phần thiên, thứ lớp có tựa. Nay rõ đến như hai mươi hai bài tựa ở sau hợp với nêu tên ở sau, thì khiến tên thiên để trước, chép ý sinh khởi trùm mười môn sau.

Văn kế, nghĩa hiển bày hằng không nghi ngờ, văn nầy đảo lộn e là truyền lầm (thỉ cũng heo, hợi cũng heo). Xưa nay đều vốn như vậy, dùng lý làm chánh đâu không như vậy ư? (Người giảng do nêu tên đầu đã đọc ngay tên thiên, vào mười môn sau lại đọc sinh khởi). Đoạn lớn thứ hai đại cương các thiên chép trong ý. Giềng mối chung, vì sự tướng các thiên đều nêu lên. Nói điều lưu là vì trong chung riêng tướng nghĩa loại có khác.

Hai câu trên đã hiển bày văn trước, chỉ chép biên soạn không rõ nghĩa lệ, cho nên nói “vị ủy”, lại vì hạ sinh ý sau. Quát nghĩa là bao gồm gương sáng. Viễn thuyên nghĩa là đại ý của giáo tướng, sắp giải thích mười môn, lược biết thứ lớp. Đại thánh lập giáo vì hiển bày nhất thừa, muốn khiến chúng sinh mê mờ đều quy về chân đạo, không kham lãnh giáo hóa nên tạm dùng quyền lực, đến vật tùy nghi, tâm phàm khó lường, nhưng vì sắp truyền di giáo phải hiểu nguồn cơn, giúp cho người học có nơi quay về, hạnh chẳng luống tạo ý khởi giáo, cho nên lúc ban đầu, đã rõ suốt môn, ở đây biết sơ về ý chỉ, nhân gì chế khinh trọng không thứ lớp cho nên kế rõ.

Trên so sánh hai môn chung làm Luật tạng, tông bộ đã riêng, giáo tướng đâu dung, quyết có việc khác, y theo chỗ nào xử đoán cho nên

có ba. Tuy biết dụng giáo y cứ thể mà có tông, xứ nầy (Trung Hoa) thọ duyên đều vâng theo Tứ Phần, hoặc ở bổn bộ tiếp sự không khắp, bộ khác thật văn thế nào thủ dụng cho nên có bổn? Trên y cứ văn, văn cho là trái, thiếu. Trái cần nghĩa định, thiếu quyết văn thông, phế lập đã khó, phải rõ cách thức cho nên có năm. Trước đã nói về giáo và y cứ năng thuyên, giáo không luống làm, quyết nói chánh hạnh. Hạnh chẳng phải một cách, chỉ cần đại tông, cho nên có sáu. Trước nay sáu ý giáo hạnh đều bày, giáo hạnh giúp cơ, cơ chia nhiều việc lạ. Cho nên bảy, tám, chín thông hay cục kế sẽ rõ. Chín đoạn trước, cơ, giáo cả hai rõ rất bày ý giáo hóa, nhưng giáo truyền vào xứ nầy chân ngụy xen nhau, nếu không lựa bỏ sẽ bị sinh nghi. Lại làm văn nầy đặc biệt khác trước, sửa đổi nguyên ý, người đến học phải hiểu. Cho nên kế thừa thứ mười mà bày đó. Tướng thứ lớp do đại lược đã rõ, đến sau giải thích riêng để tùy tiện rõ đó.

Thứ nhất trong "giáo hưng", nêu rằng: "Ý là thuộc về ai?". Đáp: "Quán hai ý trước dường như thuộc về Phật, y cứ theo các môn sau thì có ngại nhau. Nay cần một đại khái đều là ý Tổ. Do giáo chỉ Tỳ Ni đời xưa chưa nghe, dầu có rõ còn chẳng cùng lý, ý thú mười môn nêu ra từ Sư ngày nay, cho nên lấy mỗi tựa thuộc năng tựa, hai chữ giáo hưng tức là sở tựa. Một chữ ý chỉ chung môn nầy.

Lại văn nêu mười ý, nghĩa là tâm so xét, trước nói rằng mười môn, nghĩa là do mười môn mà vào mười điều nói ở sau, nghĩa là nghĩa loại khác nhau và đối các thiên sau tùy tên không nhất định. Tuy văn ở khoa đầu mà lời không luống dối, bao gồm chung hai thứ sau, luận sau dẫn văn chánh tông, Đức Thích-ca Như lai thành đạo đã nhiều kiếp, đức vượt cả ba Thánh, vì giáo hóa con người nên thị hiện tướng đồng với người, do đây lại đến sự tốt đẹp trong loài người là tôn cực, nên nói rằng "Chí nhân". Lại thân Phật đầy khắp mọi nơi, tùy cơ mà hiện hình, thị hiện giáng sinh, tuyên bố sẽ diệt độ để tiếp độ chúng sinh, nay lại ở cõi Sa-bà thị hiện đản sinh trong cung vua, nhàm chán thế sự đi xuất gia tu hành, hàng ma, thành Phật, nên nói là "Hưng thế". Nói có phương, phương là phương pháp. Tức rõ quyền xảo của Như lai cùng tận tâm hạnh khác nhau của tất cả chúng sinh, cho nên lập giáo đều thích ứng cơ nghi, đều làm cho được lợi ích, cho nên nói rằng "Không luống". Luận tức Thập Trụ Bà-sa, kia nói rằng Tu-đa-la, nói théo Thập lực đẳng lưu:

1- Thị xứ phi xứ lực

2- Nghiệp lực

3- Định lực
4- Căn lực
5- Dục lực
6- Tánh lực
7- Chí xứ đạo lực
8- Túc mạng lực
9- Thiên nhãn lực
10- Lậu tận lực.

Đẳng lưu: Đẳng là không nghiêng lệch, lưu là không chọn lựa.

Tỳ-ni là nương đại từ đẳng lưu mà nói, A-tỳ-đàm nương vô úy đẳng lưu mà nói (nghĩa là bốn môn vô úy: 1- Nhất thiết trí vô sở úy. 2- Lậu tận vô sở úy. 3- Thuyết chướng đạo vô sở úy. 4- Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.)

Y cứ nơi Phật lập giáo thông có ba tâm, y cứ vào nơi pháp đối cơ đều riêng hơn, ở đây cho nên nói pháp khai mở riêng đối với trí lực, phá tà luận dọc phải có vô sở úy, lập cấm chế xét lỗi lầm chỉ là đại từ, vì vậy Như lai khởi lòng từ xuất gia hiện ở đời, muốn nói diệp pháp khiến khắp khai ngộ. Vì chúng sinh căn cơ có lợi độn nên nói Ba thừa, có ai gặp pháp âm liền chứng đạo quả, cho nên dùng lược giáo buộc tội lỗi kia. Căn cơ của người càng kém, phá lược khởi tội, Phật lại mở rộng giáo chỉ lỗi lập chế, còn nếu không thể dẫn cho đến mở ba ngàn tám muôn luật nghi. Thời chánh pháp còn nhiều người hủy phạm huống chi cuối thời Tượng pháp thì đâu thể nói pháp cao siêu, như vậy chì uốn lần đến người hạ phàm không bỏ một vật nhỏ, tự chẳng phải lòng đại từ thì đâu được như vậy. Cho nên Giới Sớ nói: “Nương vào môn đại bi, chìu uốn trao cho phương tiện bí mật, ban riêng cho nội chúng...” Trong dẫn chứng, tức trong văn Tăng Nhất Bổn Luật, kia nói: “Phật ngự cạnh bên ao nước ở nước Bạt-xà, bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy cho rằng ta dùng tâm gì mà nói pháp cho các thầy?”. Sao dẫn lời đáp lược hai chữ “chúng sinh”. Đối với ngoại đạo trong văn đầu nói ngoại đạo là người không chấp nhận sự giáo hóa của Phật, chỉ thực hành tà pháp, bàn nhiều về việc mua bán. Giới chép: “Căn bổn Lục Sư dạy mười lăm đệ tử, mỗi người nhận làm dị kiến”. Lục Sư đều có pháp riêng dạy đệ tử khác nhau, thầy trò gồm có chín mươi sáu, như vậy truyền nhau không dứt (Luật Tăng-kỳ gồm có chím mươi sáu loại, người xuất gia thì Đạo Phật là một, còn chín mươi lăm ngoại đạo chưa rõ số lượng nên nêu ra khác nhau) tuy đều lập pháp mà chẳng phải chánh đạo, cho đều là “dị”. Vì pháp Không cho nên trống rỗng riêng ở, nên nói là “Tự”.

Nhân tôn: Vị vượt người, trời. Đạo cao: Vì đều có thể xa lìa. Chế giới nầy: Là Thánh pháp chế khiến nhận làm, nhận thì bên trong đầy đủ Thánh tài, làm thì đức tốt đẹp bày ra ngoài, vượt ngoài thế tục cho nên tôn cao, hai chữ "vi đối" chính là tâm Phật. Nói chế giới chỉ là miệng vàng Phật nói (xưa đến khoa là kiết tập giáo hưng, cho nên một câu này rất nhiều tranh cãi). Trong Dẫn Chứng có hai: Ban đầu chỉ chung chứng minh chế giới. Quán luật sau là các kiền-độ, y cứ giới bổn trước là các người thế tục chê bai là "không có chánh pháp, giống như ngoại đạo" Phật nhân đó chế giới rất phù hợp với ý nầy. Nhưng đây là vì người khác chê bai chứ ý Phật chưa hiển bày, cho nên chỉ văn sau chế giới pháp, để rõ như trong kiền độ thuyết giới là vì các ngoại đạo ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm nhóm họp. Vua Bình-sa thấy vậy bạch Phật, Phật vì đó chế nửa tháng thuyết giới. Kiền-độ an cư là vì nhóm tỳ-kheo sáu vị cả ba mùa xuân, hạ, đông đều dạo đi, cư sĩ chê cười là "các ngoại đạo còn ba tháng an cư, các Thích Tử nầy bất cứ lúc nào đều cũng dạo đi", vì thế Phật chế an cư. Kiền-độ Tự tứ là vì các Tỳ-kheo kiết an cư rồi lại chế không nói năng thăm hỏi nhau, Phật nói "Các thầy là người ngu si, giống như ngoại đạo cùng nhau thọ pháp câm". Trong kiền độ y có Tỳ-kheo trì bát gỗ, Phật nói "Không nên trì bát đó, vì đó là pháp ngoại đạo", cho đến Tỳ-kheo chứa y thêu, mặc y cỏ, y da cây, y lá cây, y anh lạc, y da, y lông chim, y tóc người, y đuôi ngựa, đuôi trâu, lộ bày thân thể, mỗi việc Phật đều nói "Không nên như vậy, đây là pháp ngoại đạo". Cho đến kết rằng: "Tất cả pháp ngoại đạo như vậy không nên làm". Lại dẫn một hai điều để dứt nghi cho thế gian, các kiền-độ sau văn chẳng phải một, cho nên nói "Phàm chỗ đến và hoài". (Xưa ghi văn chế lại chỉ trong kiết tập, thì phần chỗ và hoài, lời nầy làm sao giải thích?). Hoài là ý Phật, dị thuật là ngoại đạo (thuật là đạo). Cho nên văn sau dẫn chứng riêng kiết tập, đây là văn chuyên khởi của bổn luật do năm trăm vị kiết tập. Do sau khi Phật diệt độ, ngoại đạo chê bai rằng: "Pháp luật của Sa-môn Cù-đàm như khói, Thế Tôn còn sống thì cùng học giới, nay Phật diệt độ thì không người nào học giới". Vì thế ngài Ca-diếp bèn đề khởi việc biết tập, liền bảo đại chúng rằng: "Chúng ta hãy cùng nhau luận bàn pháp Tỳ-ni, chớ để cho ngoại đạo v.v... cho đến nói các lời" (Tổ Sư lấy ý, thêm một câu trên giúp văn dễ hiểu).

Hỏi: Nay rõ ý Phật hay sao? Dẫn văn kiết tập ư?

Đáp: Ngay đối với khoa đã rõ đều dẫn Phật ở đời, văn đã chẳng phải một, không thể nêu riêng, cho nên chỉ chung, nhưng văn kiết tập, lời ý đều bày rõ cho nên được dẫn, dần dần làm chứng.

Hỏi: Khi kiết tập, việc đã ở sau Phật diệt độ, đâu chứng tâm Thánh?

Đáp: Kiết tập giữ pháp đã là dứt các lời. Ý Phật vốn khởi lòng tin, chuyên hoại đạo khác, như sau năm dụ khai chế thường trưng bày cũng dẫn văn sau để bày ý, đây là nói lên sự việc gì mà nghi?!

(Ở đây y cứ giải thích ý ngài Ca-diếp lúc kiết tập).

Lại Phật mới nhập diệt, họ liền chê pháp diệt, lại biết Phật còn sống thì với luật họ nào có nghi. (Ở đây lấy sự giải thích chê bai của ngoại đạo, xưa ghi sai cho nên đặc biệt nêu bày).

Đối trong tông khác, câu trên của khoa đầu rõ ý Phật, giáo lý Tỳ-ni do đây mà chế, cho nên nói là: "đến", tức Nghĩa Sao nói rằng: Như lai lúc đầu ở vườn Nai, cuối cùng đến rừng Hạc tùy căn cơ chế giới nên có muôn ngàn sai khác, bởi do căn khí chúng sinh khác nhau, nghe ưa có khác, nên khiến Thánh chế nặng nhẹ khác nhau, gấp hưỡn có khác, các bộ khinh trọng có ra vô lượng, tuy là khác nhau mà đều xứng theo căn tánh, đều có ích khi vâng làm, do nghĩa này nên Thánh chế vốn có nằm tên.

Lại dẫn truyện Phó Pháp Tạng "Phật hiện ở đời chia làm năm bộ (ý Đại Tập mộng cũng đồng với ý nầy). Như vậy vì sao văn sau của Nghĩa Sao lại nói "không có năm ý?".

Đáp: Ở đây rõ ý Phật còn ở đời vốn không chia, nghĩa là chỉ tùy cơ lập giáo đâu có năm ý, nên khiến hiện tại chỉ có năm tên chứ không chia năm phần khác nhau. Không ngại nặng, nhẹ, duyên gấp tức là xa giúp đem đến, cho nên kia nói "Thế giới của bậc Thánh hiện không có năm ý, chỉ có lời huyền ký", sau khi Phật diệt độ mới có các bộ phân chia.

Câu kế bày "khác". Nói nhiều sai khác: Là chung luận chia bộ, ban đầu thì có hai là sơ sáng, sơ các tập. Kế một trăm năm sau trong Thượng Tọa Bộ chia ra năm bộ. Lại nói rằng: Sau hai trăm năm chia ra thành mười hai bộ, bốn trăm năm sau lại chia ra thành mười tám bộ (cộng hai bộ gốc là hai mươi), cho đến sau lại chia ra thành năm trăm bộ (chép đủ trong Nghĩa Sao, ở đây không phiền dẫn nữa). Tương truyền rằng: Vốn làm tông thì có mười tám, sau lại đổi thành nhiều tông khác nữa, cho nên biết lời nầy chung gồm hết chứ chẳng phải chỉ năm bộ. Trong Dẫn Chứng có nói rằng: "Nhiều khác nhau không thể bày đủ", lược dẫn hai bộ để rõ tướng "khác", nên nói là "như đồng", cho nên đặc biệt dẫn hai bộ nầy mới đầy đủ.

Rộng giải hai cái thật giả dối địch, ngược nhau rất dễ thấy nội ng-

hĩa. Hoặc có thể bộ chấp tuy nhiều cũng chẳng ngoài có và không, do đó sau nói giới thể cũng nêu ra hai tông. Hai bộ hơn kém lược nêu bốn món, nay giải thích chung:

Ban đầu giới bổn phiền và lược đối sau lập giáo y cứ. Luật Thập Tụng chép: Ba y có sáu giới (một quá cao, hai quá thấp, ba là như mũi voi, bốn lá Đa-la, năm là so le, sáu là nhiếp sô). Nội y đồng như trên cộng có mười hai giới thì là phiền (nhiêu). Đại tiểu tiện lợi chỉ có một giới, kíinh(tháp đều không, đây là lược. Tứ Phần kính tháp thì tiện lợi khạc nhổ đều tùy tướng riêng, nêu đủ nhiều giới cho nên nói là "hiển". Đắp y lập hai, nghĩa đều thâu đó, nên nói là y cứ.

Hoặc có thể hai bộ Quảng Luật và giới Bổn đối biện hơn kém, người học hãy tìm đó.

Thứ hai chỉ cho thể chưa viên, đối sau phép dụng nhiều cách. Thập Tụng cho sắc là giới thể, cả hai năng tạo sở tạo đều là sắc, đều không nói về tâm. Chưa cùng nghiệp bổn cho nên chưa viên. Luật Tứ Phần dùng hai phi làm thể, thể từ tâm phát, nhưng hạn cuộc ở tiểu tông. Khúc từ quyền ý riêng lập tên khác, thối chẳng phải tiểu, tiến không thành đại, thầm khiến người tu hành tâm mong thật đạo, nghĩa nhiều cách là ở đây. Nghiệp Sớ nói "Do trong tông nầy chia thông Đại thừa, nghiệp nương tâm khởi cho nên hơn chấp ở trước, v.v...

Hỏi: Câu nầy đã rõ giới thể, vì sao chỉ nói rằng "phép dụng nhiều cách"?

Đáp: Tông pháp tướng nầy không chỉ nói về thể, như Yết-ma Sớ năm nghĩa chia thông, cho nên một câu nầy thông gồm nhiều ý. Lại bày thể nầy so với trước tuy hơn mà đối với đại hình như nghiêng lệch. Chỉ nói rằng nhiều cách là đủ bày ý của bộ, cho nên Giới Sớ chép: "Người đây xét rộng ba căn cơ, xem xét đầy đủ hai sách, bao gồm quyền thật, gồm thâu danh lý, v.v...

Hỏi: Nếu vậy tông trước lấy gì chỉ thẳng?

Đáp: Bộ kia lập ra chánh hợp với tiểu tông, nhất định là chấp nghiêng lệch không còn có ý gì khác, cho nên thẳng hiển bày thể, nghĩa gồm tùy hạnh nên cũng chẳng viên.

Cho nên thứ ba là xét khuôn mẫu ở đời, định đối sau nên khuyên sinh thiện. Nhiều tông cho năm giới quyết giữ trọn đời, tám giới chỉ một ngày một đêm đây là nhất định. Hai giới không khai chia nhận dầu có chia nhận được thiện, không có giới, đây là số nhất định. Tứ Phần nói hai giới dài ngắn đều thông toàn phần, đều được xét giáo của thế tục, chỉ giữ sinh thiện cho nên chẳng phải là khuôn phép nhất định.

Bốn là ngự pháp không y cứ, đối sau nhân pháp có tựa. Tông kia nhân vị tuy đồng nhưng chẳng chỗ nào không có khác nhau, như không hòa thượng được thành thọ giới và trong giới một người bốn chỗ nói đủ số, trong một giới nhiều chỗ làm pháp xen nhau thọ dục, đây là nhân không y cứ. Ba món Yết-ma thêm thì thêm thiện, bớt thì không thành, tức là pháp không y cứ. (Trong văn giống như riêng rõ pháp, nhưng một chữ "ngự" tức người năng bỉnh, đối sau cần biết cả hai đều không có tựa). Luật Tứ Phần chép: Tăng bốn vị, trừ ba pháp Yết-ma (Tự tứ, thọ giới, sám hối, tăng tàn). Tăng năm vị trừ hai pháp (Thọ giới, hối tội tăng tàn). Tăng mười vị trừ một pháp (hối tội tăng tàn). Hai mươi vị tăng có khả năng làm tất cả phép Yết-ma. Lại phải lựa chọn đủ số riêng chúng, tức người có sự khoan thai.

Pháp có tám vị, tâm niệm có ba (đãn tâm niệm, đối thú tâm niệm, và chúng pháp tâm niệm). Đối thú có hai (Đãn đối thú và chúng pháp đối thú). Chúng pháp có ba (Đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ). Chúng riêng Yết-ma đều tiếp phần chừng xen chẳng thông nhau, ít có thêm bớt xếp vào phi pháp, pháp nầy có tựa. Trên rõ tướng hai tông khác nhau, đều là Như lai tùy cơ lập giáo, cạn sâu khác nhau, từ xa trông chưa đến bộ chấp chi phần làm thuyết nặng nhẹ, ý hưng giáo ở đây đã rõ. (Xưa Sư ở khoa nầy là chia bộ giáo khởi là xa).

Kế ngay trong tông văn ban đầu, câu trên chỉ trước, câu dưới nêu sau. Nói chung rõ là do ba ý trước gồm tạng Tỳ-ni, nghĩa gồm các bộ không cuộc hạn ở một tông, nhưng ba ý trên năng sở xen bày. Ban đầu đến năng thí quyết gồm sở bị, do lòng từ không luống, phát sự vì hạng căn cơ thấp kém, hai món sau văn y cứ vào sở làm dụng hiển bày năng thí. Kế là bày chỗ cao quý của chánh pháp, sau rõ sự khác nhau của giáo môn, chánh rõ trong khoa ban đầu, hai câu trên rõ giáo khởi do căn cơ. Bốn câu người đã... trở xuống, rõ căn cơ khác nhau giáo rộng, tiếp dụ nghĩa là phương tiện chiều uốn. Rộng tiếp nghĩa là khiến khắp được lợi ích. Phép dụng tức tất cả sự pháp ở hai hạnh chỉ tác. Câu trên rõ ý năng nói, câu dưới hiển bày giáo bị nói, suốt xuống dưới sáu câu bày tỏ nay theo cốt yếu. Bổn thuyên nghĩa là ý chỉ lớn của giáo, đối đầu mới ở sau tức tướng khác nhau của sự. Cho nên, v.v... là xét hai thí dụ sau để bày tướng thuyên (khai chế là thứ hai, trì phạm tức thứ nhất. Hoặc có thể là hai điều nầy gồm chung năm dụ) do trong mỗi dụ đều đủ gồm đó.

Hai chữ "nghiệm lượng" nghĩa là dùng trí để xét cùng tột. Hai chữ "chỉ ý" tức là bổn hoài lập giáo. Lượng là tin, nay ở sau gồm nêu văn của một bộ không quá năm dụ nầy, dùng ít rõ nhiều nên nói là

"buộc".

Ban đầu là già tánh: Trong Tỳ-ni chế lập không ngoài già và tánh, dùng hai môn nầy cầu một Luật tạng gồm quy về hai ý, cho nên nói rằng "thường chia". Ban đầu trong thông và cuộc, mười món bất thiện là nghiệp trái lý, thể nó vốn là ác, cả ba tạng đều cấm. Nhưng trong Tỳ-ni chỉ chế bảy chi, lại thêm thiên và tụ cho nên chung hai giáo.

Chặt cây, đào đất, v.v... vốn chẳng phải pháp bất thiện nhưng vì dứt sự chê bai nghi ngờ mà chế nên nó thành lỗi, vì vậy cuộc hạn chế giáo. Y cứ vào văn hợp nói "giá giới thì hân cuộc ở chế giáo" trong văn vì chỉ bày nghĩa của tánh và giá, cho nên nói "nhân lỗi", v.v... Nhưng tánh giới vốn không hay có, luận Đại Thánh chế và không chế đều kết nghiệp cảm báo ở ba đường. Giá giới không phải như vậy, Phật xuất hiện mới chế, cho nên trong kinh luận hoặc gọi là chủ khách, hoặc gọi là cũ mới, hoặc y cứ vào trái lý, trái sự mà chia, còn bao nhiêu như trong Giới Sớ có nói.

Khoa kế, trong tánh giới, câu đầu chính nêu ý giáo, nghĩa là sau giải thích thành. Hai câu đầu chỉ bày văn hoãn, ở đây gồm thâu tất cả tánh giới nên nói là "đều có". Văn tuy sau giải thích nghĩa gấp, ban đầu rõ giáo gấp hành khó, như sau lược nêu hai giới hiển giáo gấp ở trên, hai câu sau giải thích hành khó ở trên, cho nên biết sau là kết quy.

Ba thời: Nghĩa là mới vào, vào rồi và ra. Trong ba thời, động nhỏ mà có niệm ưa thích thì liền thành nặng. Chê mắng tức trong giới mắng thứ chín mươi là từ tâm dạy dỗ tuy mắng mà không phạm, việc nhỏ sinh sân giận cũng kết chính khoa, cho nên nói "Khai thật kết phạm, v.v..." (hai giới văn khai đều thấy ở giới bổn).

Trong già giới, ban đầu rõ hưỡn gấp, chế tức gấp, khai là hưỡn. Đối tánh giới ở trước nghĩa lập bốn câu: 1/ Văn hưỡn nghĩa gấp, trong tánh khai. 2/ Văn gấp nghĩa hưỡn, trong giá chế (Do chẳng phải tánh nghiệp nên tùy duyên khai). 3/ Đều gấp, trong tánh chế. 4/ Đều hưỡn, trong già khai. Há chẳng phải ở sau chánh bày ý khởi.

Trên rõ đại từ hộ tục, giới rõ chế đạo. Đạo đã không lỗi, tục thì sinh thiện, một phen chế được hai điều, khéo léo ở nơi đây, như kinh Niết-bàn chép: "Dứt sự chê bai của thế gian" tức là nghĩa nầy. Uổng khanh: uổng là cong vẹo, do đối với tăng khởi chê bai chắc chắn đọa vào tà đạo, thường không có đường ra dụ như hầm hố. Hoặc có thể là y cứ vào quả báo tức dụ cho đường khổ. Trong phần Dẫn Chứng, kia nói về thứ bảy rõ phạm tội có ba: 1- Duyên phạm. 2- Do phạm nên chế. 3- Lại chế. Trong "lại chế" có hai thứ nhân duyên: gấp và hưỡn. Gấp

nghĩa là cho đến cùng súc sinh và người đồng phạm, hưỡn tức cho bả đạo trở về nhà hành dâm, sau nếu mến đạo lại cho xuất gia thọ cụ túc (ở đây rõ tánh giới). Lại nói rằng "Người đời chê rằng: Tỳ-kheo vì sao lại không có lòng từ, dứt mạng sống của cỏ cây?" Phật nhân đó chế giới là gấp. Vì giữ gìn trụ xứ Phật khai cho chặt cây cỏ, đó là hưỡn (đây rõ già giới). Hai nghi: Nghi nghĩa là cách thức, kiến người tìm đó, nêu ra ý nhà soạn Luận. Nghĩa là trước lại dẫn hai giới để hiển bày tướng, ý khiến y cứ dụ nầy để tìm các giới, đâu cũng đều như vậy, cho nên nói là "nhìn chung". Dùng đây chứng minh nghĩa gấp và hưỡn của hai giới già và tánh ở trước, bao gồm tất cả. Kế trong khai và chế, chỉ y cứ già giới khác với trước. Nêu rằng: "Nhỏ là dạy cầu dạy chứng nghiệm hai nghĩa đều thông. Trong phần Dẫn bày khoa đầu nói "văn sau" tức văn năm trăm kiết tập, kia rõ ngài Ca-diếp kiết tập rồi, Trưởng lão Phú-na-la lại vặn hỏi thứ lớp kiết tập, ngài Ca-diếp mỗi mỗi đáp rồi, Phú-na-la lại nói "Tôi đều bằng lòng chỉ trừ tám việc, chính tôi nghe từ miệng Phật ghi nhớ giữ gìn không quên, đó là Phật cho cất chứa và nấu ăn ở chỗ ngủ". Ca-diếp đáp: "Đúng như lời ông nói, "lúc ấy, Thế Tôn vì lúa gạo quý đắt nên cho phép, đến khi lúa gạo trở lại dồi dào Phật bèn cấm lại". Phú-na-la nói: "Phật là bậc Nhất thiết tri kiến, không thể chế rồi lại khai, khai rồi lại chế" (ý cho rằng khai chế không nhất định thì chẳng phải Nhất thiết tri kiến (thấy biết tất cả)).

Sao dẫn lời đáp của Ca-diếp vẫn để thấy biết là người trí. Đây rõ có lúc được mùa có khi mất mùa không thể nhất định, cho nên khởi giáo nầy để giúp đời sau, tức rõ thời chế Tỳ-ni trong luận. Trong Thế giáo, văn Ngũ Phần quyển 22, trên rõ cho trái lời Phật chế (Sớ kia giải thích rằng: "Như tay cầm đồ ăn nầy mới là không tốt". Lại như Tổ Bác Tiển Túc, tuy chẳng phải sau rõ cho theo lời chế (như dùng muỗng đũa, giày dép, vạt áo và nương các phép chế của vua).

Hỏi: Tiêu văn có thể như vậy, khởi ý thì thế nào?

Đáp: Thời gian dời đổi, được mùa, mất mùa không nhất định, khí hậu, thổ nhưỡng, thời tiết khác nhau. Lập pháp nghiệm chẳng phải khó làm thành nhất khái, ý khiến tùy thời thích ứng nơi chốn, cho nên lập vị lai dọc thông cuối thời Tượng pháp vẫn làm như hiện tại, giúp đỡ cả chỗ biên giới, ý chỉ vì người, nghĩa thấy ở đây.

Hỏi: Thời, phương, danh, tướng chẳng hay xuất xứ ở đâu?

Đáp: Rõ luận có thời, xứ Tỳ-ni. Kia nói rằng: "Ở biên địa năm vị tăng được trao giới cụ túc, được thường tắm gội, ở Trung Quốc (giữa nước, chốn thành phố) thì không cho. (Ở đây gọi là danh xứ). Xưa dùng

ba lần quay về, nay thì không được. Lúc nóng thường tắm, khi lạnh thì không được (đây tức là thời), cho nên biết thời, phương, không phải chỉ một việc.

Hỏi: Đã nói là y cứ vào tông mà giải thích, đâu lại dẫn Ngũ Phần mà rõ ở đời ư?

Đáp: Bổn Luật khai năm việc ở vùng biên địa, nhưng văn cuộc hạn sự định chưa rõ thông thâu, cho nên phải nhờ văn kia để nói đương bộ. Đời nay ngu tăng không biết giáo tướng, phá giới, làm thói xấu theo thế tục đã thành thói quen, thấy người trì giới việc họ trái với ta, liền trách là không khéo tùy theo cõi nước, phong tục, quở cho là bày trò khác lạ. Tà nhiều chánh ít ai mà nói được, đời suy pháp diệt do đâu mà lần? Lại Đông Nam giảng thiền, nửa đêm ăn cháo, quá ngọ mới là "trai", bát gỗ, y đẹp chẳng khác ngoại đạo thế tục, theo danh mê thật đều cho là tùy nơi. Ngu si không học, một khi gặp việc nầy liền sân. Xen dung hai giáo, tức hai thế giáo, đây có hai điều giải thích: Giáo trước vốn là vị lai, tức gồm cả thời Phật còn tại thế, giáo sau vốn khởi hiện tại nên thông đến cuối thời Tượng pháp. Hoặc có thể e nghi trích dẫn luật Ngũ Phần cho nên ở đây giải thích. Hai chữ "kia đây" tức chỉ cho hai tông, nghĩa là luật Tứ Phần chế rồi lại khai tức gồm cả đời hiện tại, luật Ngũ Phần tuy chế mà không dùng tức gồm cả vị lai. Đã kia đây gồm nhau, liền biết bổn tông tự đủ hai đời, nhưng văn không rõ cho nên dùng văn kia.

Hỏi: Trong giá, tánh, cũng rõ khai, chế, có khác với ở đây chăng?

Đáp: Trước thông giá, tánh ở đây chỉ ở nơi già. Nếu là tánh giới thì bất luận thời xứ, cho nên rõ trong luận tất cả thời xứ, Tỳ-ni gọi là dâm, trộm v.v... nầy. Trong dụ thứ ba, thù nhân gọi là báo. Nói mạnh yếu là hoặc y cứ hai vị nam, nữ, đối sau thì chế, lại trong nam nữ đều chia ra ba căn, đối sau y cứ hạnh, cho nên không nói nặng, nhẹ mà nói cho, do nói nặng nhẹ là không gồm y cứ hạnh, cho nên dùng nặng cho thông và gồm thâu hai món, đều chế tức "chỉ trì", y cứ theo hạnh tức "tác trì". Trong phần đầu y cứ giới sớ rất ngại hạn phần đều có chung riêng, chế bốn giới trọng, ngăn ba độc, tức ngăn căn bổn (cội gốc) chế chủng loại ngăn, bốn giới trọng gọi là ngăn sâu (đây tức là Thông).

Lại nói rằng: Phạm lỗi chưa cùng, dự thêm trọng ước cấm ngăn, cho nên nói rằng "sâu ngăn" như Ni xúc chạm Phạm Ba-la-di v.v... các loại (Đẳng là ba giới khác, y cứ theo giới để luận tức gọi là Biệt. Như uống nước có trùng là ngăn giết súc sinh. Tay cầm nắm là ngăn đánh

cũng gọi là "sâu ngăn", chẳng phải ý trong đây, vì không đối báo).

Nói hạn phần là chỉ ở tâm duyên, vì phàm phu thấp kém mà chế phần giới hạn (ở đây tức là thông, vì chung cho các giới). Lại nói rằng: Nếu nói theo tướng thì có thể có tu học, đều là phần hạn, như lậu thất tăng tàn, Ni thì tội đọa (đây là riêng). Lại như trong tăng liền dạy Ni v.v... và trong Ni bốn món riêng ngăn nhóm, tất cả giới khác nhau). Nay đây y cứ báo mạnh yếu phải theo biệt luận (xưa ghi ngược phá giải thích này, xin lấy Giới Sớ để làm y cứ). Y cứ hạnh là núi thì gọi là Lan-nhã tức thượng căn, đời gọi là xóm làng tức hai căn trung hạ, nhưng bậc Thượng sĩ không chỉ ở núi, trung hạ đâu chỉ ở xóm làng, lấy phần lớn y cứ kia để chia ra căn cơ. Ban đầu nói núi là thông hành bốn y của hai chúng tăng và Ni: 1- Y phẩn tảo. 2- Khất thực. 3- Ngồi dưới gốc cây. 4- Thuốc mục nát (đây là thượng căn, ni ngồi gốc cây chẳng phải lan-nhã). Hai nói thế gian là theo quả báo trung căn.

Kế là chế ba y, lại kế là chứa trăm lẻ một, kế là chứa dư, kế là các vật mền, nệm v.v..., kế là cho dùng các quả báo trang nghiêm (đây chẳng phải thường giáo, chỉ là vì Thiên nhãn Tu-bồ-đề). Trên y cứ theo Giới Sớ rõ năm khai, kia nói rằng do căn báo chúng sinh khác nhau, mạnh yếu khác nhau, đến đỗi khiến cho Đại Thánh phương tiện khai già (đây là trước mạnh, sau yếu, chặng giữa xen thông). Trong giới ăn, khai cho tăng thỉnh riêng hai lần, Tăng thường là đàn-việt đưa đến, v.v..., xứ khai hai phòng và thuốc khai làm ba (bốn đây khai cơ trung hạ).

Hỏi: Hai vị chế, hạnh mạnh yếu làm sao chia?

Đáp: Chế thì mạnh thấy nhẹ, yếu thấy nặng (mạnh y theo phần chừng hạn, yếu nhờ sâu ngăn). Hành thì mạnh chế, yếu cho (mạnh kham nhận, yếu quyết khai cho). Trong bốn câu, câu đầu rõ cơ khác nhau, đây gọi là cơ khởi giáo lúc Phật còn ở đời, chẳng phải các Sư năm bộ chế ra. Câu kế bày giáo khác nhau, tức đối với các bộ để rõ nặng nhẹ, nặng nhẹ nói chung không ngoài việc tội, như thiên đầu phạm dâm nặng, chế chừng như đầu sợi lông, tội trộm thì đủ năm tiền, loại yết-ma chỉ định thọ pháp, chọn người tức đây là trọng còn bao nhiêu là khinh. Lại khai kết tịnh địa, xả tài vật, trả lại cho chủ, độ người tục làm việc lành, v.v... Lại cảnh, tưởng các bộ khác nhau, Luật Ngũ Phần không khai tưởng nghi, Luật Tăng-kỳ tánh ác không tưởng nghi, Luật Thập Tụng trước có phương tiện trừ tưởng nghi (nay sao sử dụng), Luật Tứ Phần trừ phá tăng, dâm, rượu, không khai tưởng nghi, còn các giới khác thông khai. Ở trên đều đây khinh kia trọng, hai câu dưới chứng thành.

Dị chấp tức là đều chấp chứ chẳng phải chê bai.

Hỏi: Ở đây y cứ nơi đương tông để biện ý khởi, vì sao dùng năm bộ làm chứng?

Đáp: Vì ở đây nêu các tông để hiển rõ luật Tứ Phần, trong năm câu, câu đầu nêu chung. Sự là môn chỉ trì, tất cả các giới như dâm, trộm, v.v... Pháp tức là môn tác trì, tất cả pháp chế, như kiết giới, thuyết giới, an cư, tự tứ, y, thuốc, thọ giới, tịnh địa và tất cả các pháp riêng chúng hay chúng pháp Yết-ma, sau giải thích riêng.

Hai câu đầu nói về ý chế pháp, trên lệ các pháp chế chung một đời giáo hóa. Hành quyết có chỗ sai trái thì mắc tội, như các pháp Yết-ma đều gá duyên mà thành, quyết cần so lường bốn tiêu chuẩn, xét lựa bảy phi, cho nên nói rằng "pháp chỉ đồng". Bốn câu sự v.v... trở xuống là nêu ý chế sự. Tình là hữu tình, tánh là ba tánh. Tánh do tình khởi cho nên nói tình tánh, nhưng do tình thay đổi không thường theo duyên vô lượng, khiến Thánh chế giáo nhiều như cát bụi. Sự nương cảnh sinh cho nên nói "tùy cảnh", có phạm, không phạm cho nên nói "được, mất", hoặc nương sau giải thích tùy chế ở trên. Ba tánh phạm giới, rộng như danh báo ở thiên tụ của quyển trung và trong giới sớ, nay y Văn Sớ lược dẫn bày. Kia nói: "Nương duyên lành để khởi giáo", như ngồi thiền, đọc kinh, giảng đạo, khai ngộ quyết dùng chánh mạng, ở trong tâm chế phục phiền não, đây gọi là pháp lành. Trông mong danh lợi, tà mạng tự ở, tướng tuy là thiện trở lại thành tham độc, hoại tâm chướng đạo, lỗi ở nơi đây, cho nên Đại Thánh (Phật) khởi giáo ngăn đó (ở đây chung cho già tánh. Tánh như từ tâm cắt đứt mạng sống, tâm tốt dùng lẫn lộn của Tam bảo. Già như các loại xin y, nhận quá nhiều, khuyên thêm...)

(tờ 168) Nói duyên bất thiện để khởi giáo, như mười điều ác, v.v... thể là bất thiện rộng khắp ba đường, tăng thêm phiền não, chướng đạo, cho nên Phật (Thánh) do lỗi mà chế giáo để ngăn ngừa (đây cuộc hạn tánh ác). Nói nương vô ký để khởi giáo như cỏ, đất, v.v... thể tuy vô ký thường làm không thôi, ngoài bày chê xấu, trong thêm loạn tâm, cho nên chế ngăn, làm thì phạm đọa, còn bao nhiêu rộng như sau (ở đây chỉ cho già giới).

Nói người đời chê cười tức các giới, duyên phần nhiều do thế tục chê bai mà sinh lỗi, mới chế một thường để chia, thì câu trên chung cả tánh và già, câu dưới chỉ cuộc hạn giá giới. Nhưng duyên khởi tánh giới cũng gồm người đời chê cười, cho nên hai câu nầy không thể riêng phán, suy nghĩ có thể biết (xưa phần nhiều giải lầm nên chỉ cho cong). Như năm dụ trên, dụ ba và bốn là y cứ căn cơ để hiển giáo, còn ba khác

thì giáo chẳng phải không đối cơ. Lại hai thứ trước cuộc hạn ở chỉ trì, ba thứ sau chung cho chỉ tác. Trong ý chung, văn ban đầu chia làm hai: Hai câu trên kết trước, gồm sau là bày ý. Tạng Đại Tỳ-ni khởi ý rất nhiều năm dụ, gồm thâu đại yếu đều lược hết. Trông kia riêng thật chưa đủ, cho nên nói rằng "lại lược...", ít biết nói có thể hiểu.

Phương, nghệ rõ có chỗ quy về. Phương là chỗ ở, nơi chốn, nghệ là chỗ đến, gồm trước sau của một luật, cho nên nói là gồm nhiếp. Chỉ một ý để gồm nhiếp cho nên nói là "bao, nêu" là cứu vớt. Phàm dung: Nếu y cứ chỗ giáo hóa thật chung cho các đường, nếu lấy chỗ đáng độ thì riêng ở loài người, ba quy y, năm giới các đường đều thấm nhuần. Đầy đủ luật nghi chỉ có người mới lãnh thọ được, quyết ước hai ý chung riêng để giải thích. Nhưng đây chính là đại ý xuất hiện ở đời của Như lai. Lời gồm ba tạng, nghĩa hợp năm thừa. Vả lại đến sở tông cho nên là ý luật, nên nói "hoặc" là Nê-hoàn, Niết-bàn, v.v... là chuyển tiếng Ấn-độ, trong Chuyển Tiểu Viễn Sớ của Tây Âm có dịch là "Diệt". Trí Luận nói: Niết gọi là Xuất, bàn gọi là Thú, là nói hằng ra khỏi các đường. Sớ là lý sở chứng, luận y cứ trí năng chứng, xưa ghi đến đây rộng nêu chương nghĩa, nay ý không giữ như trước đã bày, nhưng phải lược nêu để khiển tướng văn. Các luận Tiểu thừa thông rõ hai món Niết-bàn, nghĩa là người Nhị thừa kiến hoặc tư hoặc dứt kết, cực chứng chân không mà báo chất chưa quên, nên gọi là "Hữu dư y", đến khi hóa lửa đốt thân, thân trí đều diệt, đồng với hư không nên gọi là "Vô dư y". Nếu y cứ đại giáo thì chỉ cho tánh thường trụ bất sinh diệt là Đại Niết-bàn. Văn nay phải thông, Nê có hai cách giải thích: Nếu y cứ quyền tông tức chỉ hai thứ trước, nếu lấy khai hiểu phải quy về một thứ sau, phò Luật đàm thường tức là ý kia.

Văn dưới điều hòa ba độc, cầu bốn quả, v.v... đều giải thích nầy. Trong Dẫn Chứng, hai đoạn đều là trong bổn luật thêm ba, đoạn văn đầu có ba câu, hai câu trên là lời Bà-la-môn Khổng Tước Quan hỏi ngài A-nan, một câu dưới là lời ngài A-nan đáp (kia nói đủ là điều tham dục, sân nhuế, ngu si khiến cho hết). Thêm giới học là xuất hiện đời chánh đạo tăng thêm pháp cap siêu, chẳng phải tạm chế mà nói tăng thêm (định tuệ cũng đồng).

Thế nào là hai câu sau liền dẫn đoạn sau? Câu trên là lời Phật hỏi các Tỳ-kheo, chữ "vi" bình thinh. Câu dưới là lời các Tỳ-kheo đáp (kia nói đủ là: Thế nào là tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ ba môn học này, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, v.v... trong văn buộc đó). Đã dẫn lời hai văn không khác với lý, nhưng trên y cứ sở đoạn, dưới y cứ

sở chứng.

Hỏi: Giới là ngăn nghiệp, chẳng phải kia nói rằng điều hòa độc, cầu mong quả ư?

Đáp: Như trong giới sớ nói “suy tìm sẽ hiểu”, xưa ghi ở đây bàn rộng về đoạn chứng, rối loạn tông học, giới sớ chiều uốn như trước dẫn đủ.

Lại nói rằng: Nay sở học chính là cầu bốn quả nầy, do tông nầy chính thuộc về Thinh Văn thừa, cho nên bàn đến đây liền cho là cùng tột. Xưa thường cho học đến đời nầy, đau họng không kể xiết, có thể thay đổi. Xưa thường cho học đến lời này, đau họng không kể xiết, có thể gọi là đè ép Tổ thừa, điếc đui đến học. Thiên thọ giới rõ thượng phẩm phát tâm, thiên Sa-di nói xuất gia học là gốc. Thiên tụ đã dẫn kinh Thắng-man, Luận Trí Độ đều dùng Tỳ-ni tức Ma-ha-diễn. Trong Yết-ma Sớ viên giáo nêu ra thể, tức đồng ba tụ chung quy xứ là cõi tâm đại thừa, làm sao không suy nghĩ đến nỗi thiếu chỗ bước chân, các văn như vậy làm sao giải thích rõ, đến nỗi khiến cho cốt tủy giáo môn một nhà đều tan, kẻ hậu hiền có ý thức rất cần phải soi xét. Kết chỉ trung thượng, ba câu chỉ sự riêng ở thiên sau, hai câu sau chỉ bày ý chung trong đây. Các môn sau tức ba mươi thiên, cho nên không nói “thiên”, vì trong mỗi thiên tùy các việc riêng đều có ý chế. Nay đây chỉ khắp khoa khác trong thiên, cho nên nói rằng “các môn”. Dưới gồm kết rằng mười điều nầy đều gồm buộc các môn, há chẳng phải chỉ các thiên sau ư? (Có thuyết nói rằng “sau chín môn” là sai. Tìm điều biết gốc: Điều tức việc trước vì là tướng riêng, gốc nghĩa là văn nay bày nghĩa chung (chín thứ khác đồng với đây, nêu văn lược bỏ)).

Môn thứ hai, ban đầu là nêu, giáo khởi đại ý như trên đã nói, nhưng tội kia sự nặng nhẹ khác nhau. Dục vốn là ý so lường của Đại Thánh cho nên kế nói rõ. Trong Thánh minh, khoa ban đầu, hai câu trước nêu khó, câu trên chỉ cho tâm Phật, câu dưới là ý Tổ, lý do gì sau giải thích khó bắt. Ban đầu gạn nguồn, sau giải thích, hai câu trên y cứ theo người, suy tôn giáo thì giáo thầm khó cắt. Lại dưới thì giáo suy cơ mà cơ sai không thể cứu, nguồn cũng suy. Cùng tức cực, tánh dục của chúng sinh chỉ có Phật mới cùng tột, đều tùy nghi trao đạo giáo không sai mảy may, đã nêu ra mưu Thánh cho nên phàm phu chẳng thể so lường. Nếu lấy ngẫu đối trên, câu trên đối dưới hợp nói rằng “người biết bịnh”, câu dưới đối trên hợp nói rằng “đồ nhận pháp”, pháp dụ xen nêu, lời dón gọn nghĩa bày rõ, cho nên sau đều kết.

Khấu âm khẩu, cũng khứ thinh, nghĩa là đánh. Phương là nơi chốn,

Như lai lập pháp lượng đồng cõi hư không. Muôn loài chúng sinh đều thấm nhuần lợi ích, cho nên lợi kia không ở một góc mà nói là "vô phương", đã không nơi chốn thì lợi ích ấy chẳng phải suy nghĩ mà đến được, nên nói là "há có chỗ đồng".

Khoa kế, tuy nhiên cùng đoạt là lời chưa quyết. Đối với trước vừa mới xem cho nên nói rằng "xét lại". Trước y cứ đương cơ cho nên khó cắt đứt, nay lấy giúp sau nên nói "tự hiển". Xa nêu tức Luật giáo, giáo để chỉ đạo, dụ đó như vật nêu. Vượt các sách vở ở đời nên nói là xa. Duệ nghĩa là gấu áo, lấy sau rốt kia để dụ cho người học sau. Đối với văn tức bảy dụ sau đều thấy trong Luật. Ý nghĩa luận giáo hoặc không rõ văn, cần dẫn chứng cứ. Văn Luật đã rõ nên không nhờ chứng cứ. Thị hiện tướng chung cho nên nói là "đại lược", dụ đầu trong các dụ riêng y cứ trong Nghiệp Sớ rõ năm cái thọ, xả, tiệm, đốn, trước. Kế mười giới, sau đủ gọi là tiệm, tất thọ giới cụ túc, ba giới đều được gọi là Đốn. Bỏ giới cụ túc làm Sa di, bỏ Cụ túc, Sa-di làm Ưu-bà-tắc gọi là Tiệm. Mãi làm người tại gia gọi là Đốn. (đây xưa ghi giải, chưa thấy ý chế giáo nặng nhẹ)

Nay y cứ vào thiên trì phạm, không học không biết đốn tiệm nên giải thích. Giới Sớ chép: "Hạnh trái vốn nhận xa lìa mà không học nên gọi là "chỉ phạm", không học đủ đốn tiệm, khởi tâm có thông và cuộc hạn. Không biết chỉ cuộc hạn tiệm, duyên cảnh không rõ phạm không học tội, trong tiệm tùy cảnh kết cho nên là nhẹ. Đốn thì tất cả phạm cho nên là nặng (không học là nêu ra thọ giới nói tướng, chẳng biết nêu ra là không nhiếp giới kia).

2- Khoa kết chánh nghiệp: Tức tội của thiên tụ đều từ chủng loại và y cứ nghiệp lý nặng nhẹ bảy chi để chia trên dưới. Như thiên tụ nói rằng: "Khoa chánh kết tội, chính là chỉ cây sáu pháp".

3- Báo quả khác nhau: Ở đây rõ loài người quả báo có khác nhau, nghĩa là các loại nam, nữ, huỳnh môn, hai hình, v.v... Bốn pháp Ba-la-di đều là trọng, thoa chà xúc chạm, nói lời thô và môi giới thì có khinh, như luật giải rộng đủ nêu tướng kia, có thể tìm thấy ở chú giới (xưa y cứ Tăng ni riêng chế để giải thích, hoặc dẫn bốn câu mẫu luận phạm báo v.v..., giải thích ý nghĩa giống như Sớ).

4- Nhiếp đường (thú) hơn kém: Luật nói thú có ba loại: Người, chẳng phải người và súc sinh. Chẳng phải người thông gồm bốn đường trời, tu-la, quỷ và địa ngục. (tờ 169) Lại trong chẳng phải người và súc đều có nam, nữ, huỳnh môn và như giới bổn đã nêu "người là hơn, súc là kém". Chẳng phải người có cả hơn lẫn kém. Lại y cứ bốn món trọng

để chỉ bày tướng kia:

a- Con người và bốn giới đều là trọng.

b- Phi nhân dâm là nặng, còn lại là Thâu-lan-giá. Súc sinh dâm là nặng, trộm là đột-cát-la. Giết mà có trí là Thâu-lan-giá, vô trí là Ba-dật-đề (các thiên khác tự tìm xem).

5- Khởi tình thật dối: Ở đây có nhiều cách giải thích:

- Như giới chê bai, nói dối, v.v... tình dối cho nên nặng, tình thật nên đều khai (các giới không phạm, trong văn đều nêu "thật vậy, vô tâm v.v...). Lại các giới cảnh tưởng, câu đầu tình dối cho nên nặng, tưởng nghi tình thật đều là nhẹ (trừ hai giới dâm dục và uống rượu). Lại trong các giới, hoặc nêu "biết, mà cố" tức là nói lên tình dối (như cố ý cắt đứt mạng sống súc sinh, biết nước có côn trùng) chẳng phải cố, không biết, tức là tình thật. Tức như Bổn luật khi phạm quyết hỏi "tâm hay vô tâm không phạm", chế giới nặng nhẹ tìm đó sẽ thấy.

6- Khai chế xen lập: Tất cả các giới hoặc chỉ hoặc tác có chế mà đầu tiên không khai, có khai mà không hề không chế. Hai giáo đối đãi nhau, nghĩa không lập riêng như giới dâm, cho đến súc sinh, vào chừng đầu sợi lông liền phạm, vẫn khai oán bức đây tức trong chế mà khai. Tuy chấp nhận cảnh hợp ba thời không ưa là trong khai mà chế. Lại như vốn chế ba y, kế khai trăm lẻ một, lại chế gia trì sau khai chứa dư, vẫn chế thuyết tịnh, thời, duyên không nhàn rỗi. Lại khai mười ngày không nói thì phạm, lại như bổn chế duyên an cư khai thọ nhật, lại chế cần trong hạn cuộc thể qua lại, lại khai nạn duyên không trở lại, v.v... nhưng chế tức là nặng khai thành nhẹ, cầu như loại nầy mới thể hội được ý giáo.

7- Trung huyên tức xóm làng, hai căn trung hạ. Tịnh tức lan-nhã, thượng hạnh đầu-đà. Bốn y giáo trọng, bốn khai giáo khinh (ở đây rõ Như lai chế giáo nặng nhẹ. Lại nói rằng: "Ở văn tự rõ, cần thì đến bổn luật rõ mà tìm". Cho nên nay sự giải thích rất khác xưa). Trong kết chỉ bày, câu trên thuộc Phật, câu dưới thuộc về người sao. Cứ nơi bổn chế lại đến sự xử đoán thì nặng nhẹ hợp giáo, trong muôn không có một lỗi, chọn lựa bảy lớp: Ban đầu thọ tùy chọn một là trái với thọ thể, còn sáu thứ khác chế ở tùy hạnh. Hai là trong hạnh lựa chọn chỉ tác. Ba, bốn, năm là chỉ, sáu chung cho chỉ tác, bảy là tác. Ba là y cứ vào trong chỉ lựa chọn năng sở. Thứ hai là tội sở phạm. Ba, bốn là cảnh sở đối. Năm là tâm năng phạm, như vậy biết đó.

Thứ hai, trong nêu nói đối với sự: một, y cứ chế tội. Hai là y cứ vào hành pháp. Ba, gọi là mất vật (thiên Nhị Y chép: tùy bổn thọ thể,

luật nào thọ giới, tức dùng luật nầy mà định ra nặng nhẹ).

Nên cần hỏi rằng: giáo môn nặng nhẹ, Thánh ý có thể biết, nhưng lật lại bốn luật xen có sai trái, nặng nhẹ không nhất định, người học đời nay y vào đâu làm tiêu chuẩn?

Môn nầy đã lập ý kia ở đây. Trong Tự Cổ khoa đầu sau Phật diệt độ ngàn năm, đến sau thời Hán Minh Đế ngài Ma-đằng, Trúc-pháp-lan mới đến, người tuy xuất gia mà chưa có quy giới. Qua đến đời Tào, Ngụy gần hai trăm năm, Đàm-ma-kha-la (hoặc viết Ca-la, Hán dịch là Pháp Thời) y Tứ Phần Yết-ma đầu tiên lập mười giới sư cho thọ giới, đưa ra Tăng-kỳ, Giới bổn dạy chúng tụng tập (thứ nhất là sai). Đến đời Diêu Tần, luật Thập Tụng, quảng luật mới được phiên dịch, người liền nương đó dùng (đây là hai cái sai). Kế ba bộ luật Tứ Phần, Tăng-kỳ, Ngũ Phần văn rộng đều truyền đến đây. Người cho rằng Luật Tăng-kỳ cùng giới bổn trước văn lý hợp nhau, bèn bỏ Luật Thập Tụng phần nhiều giảng Tăng-kỳ (đây là sai thứ ba), chỉ có Tứ Phần, Ngũ Phần chưa hề rộng thông. Đến đầu đời Ngụy, Luật sư Pháp Thông mới ngộ các điều sai ở trước liền bỏ giảng Luật Tăng-kỳ, ban đầu truyền Tứ Phần nhưng do tình người chấp cũ, phần nhiều chưa phục tùng. Đến đời Tùy, Luật Sư Trí Thủ làm sao phân chia năm bộ, thường thường chưa thể tận lý, vẫn còn phân vân, cho nên nay trong sao đặc biệt phải nêu bày. Niên tịch đã lâu, tranh chấp vẫn nhiều không thể bày đủ nên chỉ bày chung rằng "các thầy". Đông lưu là nêu chỗ đến, hoặc nói "Tây lai" là nói chỗ từ đó đến. Chữ kỷ, bình thinh là gần. Từ đời Hán đến đời Đường là nói thời soạn Sao, có đến năm trăm năm mươi chín năm cho nên nói là gần (nếu lấy Tào Ngụy được giới rồi đến gần bốn trăm năm).

Xuyên tạc: Người học không có thầy dạy, buông ý công cầu không theo chánh lý, cho nên dùng để thí dụ. (Mạnh Tử nói: "Chỗ ác với người trí là tạc" chú rằng: người ác dùng trí mà vọng xuyên tạc). Suy tìm lý do thì câu trên là mê giáo, câu dưới bày hạnh mê. Tông chỉ nghĩa là giả thật khác nhau. Bổn thú tức sắc và phi sắc khác nhau. Trong khuyến học, câu đầu khuyên nhập học, học thầy là lãnh học nơi thầy. Câu kế là khuyên nương chánh giáo. Chữ "hà" trở xuống là nạn lỗi. Hai câu lời khác nghĩa đồng, nhưng trên y cứ vào phá, dưới lấy khinh chê. Luận dụ như đọa, Xuy tức là cười.

Trong Chánh Quán, ban đầu hai câu trên tức tiểu bản kia, chữ "thể" trở xuống là biết tông chỉ kia. Nghiệp Sớ chép: "Như giới một khi thọ nguyện hành thì phải đồng, đâu có thọ nương nhớ nơi tông, tùy hạnh thật giáo". Ngài Thần Châu một phen gồm y cứ thọ và tụng văn

Tứ Phần, đến luận Tùy Hạnh đều nương Hữu Bộ mà hành học, chẳng phải chỉ có thể tướng đều trái mà cũng chính cả hướn, gấp tùy tình v.v... (Có thuyết đem thể đã đồng với lời, làm chung lời thấy là sai), càng bay trong y cứ chỗ rõ ở trên đối với lý đã hiển bày, cho nên lại chỉ bày:

1, Sợ nghi nói rằng: Đều là Thánh giáo dầu khiến xen phán nào có lỗi gì?

2, Lại sợ nói rằng: Tứ Phần thì có thể được, còn các tông khác không phải như vậy, cho nên lại giải thích.

Văn đầu, hai câu trên nêu, nghĩa là sau giải thích. Như đã học luật Tứ Phần, liền nương Tứ Phần mà phán, người thọ giới của luật Thập Tụng kia và bao nhiêu xen nhau cũng vậy. Đồng thì không nói, trái thì có lỗi, cho nên nói là "thoát duy", thoát là chợt, duy là mắc. Khiên tức là tội. Câu trên rõ lỗi phán đoán, câu dưới chỉ bày tội trái phạm, ngu si tức là không biết.

Khoa kế, hai câu trên chánh chỉ bày phân xử của các tông và đồng dụ này, cho nên nói rằng "thông lập, v.v..." là cách thức, giảo âm là giác. Hai câu sau là kết cáo. Điều lãnh tức nay đã lập vừa thấy môn đây nghi trệ liền rơi mất như băng tan, cho nên nói là "thích nhiên" (rõ ràng). Đại quán nghĩa là đã thấy thông xa.

Môn thứ tư, trên rõ xem xét chuyên dùng Mật tông, nhưng hoặc bị sự không khắp, cần thông bộ khác cho nên ở đây nói, muốn hiểu đại ý văn tướng môn nầy cần dùng ba câu hỏi trước để kích thích đó.

1- Hỏi: Thọ thể đã theo Tứ Phần, chỉ hợp y bổn tông, do đâu nay sao lại dẫn đủ các bộ, y cứ thể rõ tùy nghĩa an lập kia?

2- Hỏi: Ba tạng đã tuyên sự lý khác nhau, đã tông Luật tạng, vì sao sau lại dẫn các kinh như A-hàm, v.v... và các tiểu luận, há chẳng phải hóa chế không chia ư?

3- Hỏi: Luật là Tiểu thừa, giáo hạn cần riêng đâu được liền dùng Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Địa Trì, Trí Luận, đâu chẳng phải đại tiểu đầy dẫy ư? Nếu không rõ tông học đều nghi, cho nên ở đây quyết, tìm văn có thể thấy?

Hỏi: Nay Sao dùng chung ba tạng vì sao chỉ nêu các bộ?

Đáp: Các luật thể tướng đã khác, phải rõ dẫn dụng phần chứng, cho nên môn nầy chánh nói về các luật. Đến sau sáu thầy mới thông kinh luận (có thuyết nói: Các bộ thông thâu kinh luận là sai). Trong Tự Phần tông, văn đầu nói là bao gồm các bộ. Sau khi Như lai diệt độ ngài Ca-diếp kiết tập luật Bát Thập Tụng. Năm vị Sư nối nhau truyền thừa một trăm năm và không chia nhánh phái, sau do sự tranh chấp nên chia

thành năm tông phái, đã nêu ra ở một nguồn nhánh quyết quay về với một gốc, cho nên nói rằng “thật một văn”, nhưng sau chỉ bày lý do phân chia.

Câu trên rõ Như lai phó cơ lập giáo khác nhau (có chỗ cho rằng cơ ngộ thuộc về năm Sư là sai). Câu dưới nói các Sư đều chấp khác nhau, Nhạc là dụ chấp kia vững chắc như núi. Tựa Chú giới chép“Mây bây hai bộ năm bộ sai, núi lớn mười tám, năm trăm khác nhau (có người cho là năm ngọn núi đối với năm bộ là sai, huống chi nói các chấp không chỉ có năm bộ, xin dùng Chú giới đối chất).

Khoa kế, hai câu trên là tông Tự Phần. Nghĩa Sao nói “thọ pháp đã ít không thể đều dung cho nên chia năm bộ”, nhưng đã được Phật huyền ký, bởi thời cơ đúng nghi, tranh chấp tuy khác nhau mà đều chứng đạo. Tức kinh Đại Tập chép: “Năm bộ tuy khác mà không ngại Niết-bàn pháp giới Chư Phật”. Hai câu dưới nói về các tập. Cạnh nghĩa là ganh đua. Nói đại chúng là ngoại bộ đầy tràn. Cao Tăng Truyện nói rằng: “Thượng tọa và Đại Chúng mới chia chỗ kiết tập”, kia nói Đại chúng chính là ngoài hang. Đây nói Đại chúng nhất định là trong hang, tức Ma-ha Tăng-kỳ ngày nay, Hán dịch là Đại Chúng, do năm trăm vị cũng là Đại chúng (Trí Luận thì nói là ngàn vị), đây thì tên Đại chúng chung cho hai bộ. Thượng Tọa chỉ cuộc hạn trong hang, người học phải hiểu rõ. Một nhà lại y cứ nơi năm bộ, đều tự nói, trong ba món, loại ban đầu nặng nhẹ khác nhau.

- Một, y cứ tội giải thích, thiên đầu của bổn tông là phạm tội (nặng), các bộ khác chỉ là Đột-cát-la. Bổn tông phạm tội, phương tiện diệt theo, các luật khác thì vẫn còn. Luật Tứ Phần nói, nữ xúc chạm Tỳ-kheo thì mắc tội Thâu-lan-giá, Thập Tụng kết tội Tăng tàn. Luật Thập Tụng nói thân căn xúc chạm mắc tội Thâu-lan-giá, luật Tứ Phần thì nắm tóc cũng mắc tội Tăng tàn (lại lược sót văn, còn lại tìm giải thích tướng).

- Hai, y cứ vật của người chết mà giải thích, sau nói: Nhưng vật người chết nầy các bộ chưa đồng nhau, tích tượng, đồ tấm, lọ kim, chùy, v.v... bốn vật quy về, các luật khác đều nhẹ (như trong ba y).

- Ba, y cứ luật Tứ Phần, thọ giới duyên đủ mới thành cho nên nặng, các tông khác duyên thiếu đều khai (như không có Hòa-thượng, không có y bát, v.v...). Bổn tông muốn chuyển dục làm nhẹ, các tông khác không khai cho nên là nặng. Bổn tông sám hối tội Tăng tàn hơi trái cách thức, hối tội không nêu ra cho nên trọng. Luật Thập Tụng không thực hành sáu đêm ở riêng, thăng được xuất tội nên thuộc về tội nhẹ.

Hai, là trì phạm chia đường, tức như trên dẫn cảnh tưởng khác nhau. Lại luật Tứ Phần, giới dâm y cứ chừng đầu sợi lông, luật Thập Tụng phạm qua da, qua răng. Luật Tứ Phần hễ trộm năm tiền thì thành phạm, Thập Tụng lấy tiền khỏi chỗ cũ mới kết tội. Luật Tăng-kỳ suốt đêm giữ y, luật Tứ phần hạn cuộc ở minh tướng.

Ba, có không thay nhau nêu ra. Đệ cũng xen nhau, tức như trên dẫn các học có không và trộm chẳng phải vật chủ. Luật Tứ Phần không có văn, đều y cứ theo luật Thập Tụng. Tứ Phần hai y báu là tơ tằm và gấm đều không có pháp sám hối, Luật Thập Tụng nêu ra, lại Tứ Phần y giới có thế phần chung, các bộ khác đều không có.

Bốn, xen hiển phế và hưng. Tứ Phần tiếng ca thuyết giới dùng phế (bỏ), Ngũ Phần nói thẳng lấy hùng (khởi). Luật Tứ Phần khai kết tịnh địa dụng phế, luật Thập Tụng chế đoạn hưng khởi. Lại như luật Tăng-kỳ Diệp Sự nói dục dụng phế, luật Tứ Phần không diệp lấy hưng.

Kế rõ lấy dụng, khoa đầu trong nêu bày. Lập luật Tứ Phần làm bổn là thuận gốc nhận thể, lìa trước xen phán lỗi. Cần dùng các bộ là hành sự có y cứ, lìa sau chấp cạnh lỗi. Dẫn trong luận muốn rõ thủ xả là có chỗ y cứ, cho nên ở đây luận năm trăm vị La-hán làm và giải thích Luật Tứ Phần. Ban đầu giải thích duyên khởi giới dâm rồi đem vào Giới Bổn, liền biến thành luận tông, trong kia một vị La-hán nói "Trong giới cú (tức sau tùy bổn), trong giới bổn (tức sau bổn) ở trong lời hỏi (tức lời Pháp sư) nếu người muốn biết, có bốn tỳ-ni".

Các Đại đức... như Sao đã dẫn, nhưng các La-hán đều đủ thần thông không đâu chẳng hơn kém, cho nên soạn, riêng có thể. Sao ra truyền nơi bối diệp. Trên là lời cáo chúng, một bổn sau nêu ra tướng bốn bốn pháp:

Một là trong bổn nói "Tất cả luật tạng tức chỉ cho các giới của đương bộ chẳng phải gọi chung các luật. Hai là tùy bổn sau lược giải thích văn kia, Luận chép: "Bốn đại xứ gọi là tùy bổn" (luận văn khó hiểu, các nhà giải thích khác nhau. Lại y chép xưa y cứ hai duyên chung riêng mà chú thích). Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ta nói bất tịnh (tánh ác, giá ác đều là bất thiện, cho nên không thanh tịnh) mà không chế (tâm loạn cuồng si đều không khai), nhưng đây tùy vào bất tịnh (một tâm niệm nhớ, Tỳ-kheo nầy liền phạm) đối tịnh không vào gọi là bất tịnh (bất thuận khai giáo nên tịnh không vào, đã là phạm tội nên gọi là bất tịnh).

Thứ hai, Phật bảo các Tỳ-kheo "Ta nói bất tịnh (như trên) mà không chế (như trên) nhưng đây tùy nhập tịnh gọi là tịnh (tâm không

nhớ biết thuận khai vào tịnh, do không thành phạm nên được gọi là Tịnh).

Thứ ba, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nói cho tịnh (như dâm bị giặc ép ngặt nghiệm khai tám việc) nhưng ở đây tùy nhập bất tịnh (ba thời có lúc vui đâu không dừng, cả hai đều quy về phạm) ở tịnh không vào đối bọn ông là bất tịnh (nương vào khai giáo nên tịnh không vào, đều kết chánh phạm nên nói bất tịnh).

Thứ tư, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nói cho tịnh (như trên) nhưng ở đây tùy vào tịnh, đối bọn ông tịnh (thuận với khai giáo và không phạm) tất cả các giới và đủ hai duyên chung riêng. Chung như trì phạm, riêng ở tùy tướng.

Nay bốn câu nầy, trước hai duyên chung, sau hai duyên riêng. Lại trong hai câu trước sau và câu đầu là phạm câu sau không phạm, mỗi giới sau đều có hai duyên nên gọi là tùy bổn. Chỗ đại yếu của tất cả giới gọi là chỗ bốn đại. Lời ba Pháp sư, trước nói bổn tức hai bổn trên, phân biệt rộng tức văn trong luận giải thích, mỗi chỗ đều nói rằng “Pháp Sư là đúng” tức một câu Luận chủ, Tổ sư giúp hiển rõ chẳng phải văn bổn luận. Bốn ý dùng luận làm tự ý, kia nói rằng “Thế nào gọi là tự ý?”. Đáp: Đặt bổn, đặt tùy bổn, đặt lời Pháp Sư (như phê bình một giới thì hợp ba pháp lại, ba pháp đặt để đây đợi thêm ý rộng và đối ba tạng mới có thể lấy bỏ) dùng ý so lường (so lường có thể được chăng?) dùng phương tiện so lường (rõ lý thú kia) và ba tạng là trên rõ ý, dưới để giúp giáo. Kia nói rằng: “Dùng Tu-đa-la để nói rộng, dùng A-tỳ-đàm để nói rộng, dùng Tỳ-ni để nói rộng, dùng lời Pháp Sư, văn lược câu sau nên nói là “Đẳng” (nghĩa là lời Pháp Sư trong ba tạng).

Trước quán, sau chánh bày ý dụng pháp thứ lớp. Căn bổn tức bổn cú, nghĩa tức tùy bổn. Văn y cứ đồng, không đồng, nghĩa là dùng ba pháp trên khảo sát ba tạng. Đẳng tức là đồng Trong chú chỉ rộng, nay chỉ lược dẫn.

Kia nói rằng: Luật Sư có ba pháp rồi mới thành tựu.

1- Đối với bổn đọc tụng thông, làu. Câu nghĩa rõ ràng, văn chữ không quên.

2- Đối với luật giữ vững không lẫn lộn.

3- Theo thầy thứ lớp thọ trì không để quên mất (đối với văn khó hiểu cho nên rõ dần, rộng như kia).

Chánh dưới một câu kết bày. Lấy ý trong văn ban đầu, hành tàng là y cứ vào sự phế lập của hành sự. Lấy bỏ nghĩa là khảo xét phải trái văn xưa. Văn thật khó chẳng dễ xen nhau, đại thuyên cũng tức là ý

chung (trước nói rằng xa thuyên bổn thuyên đều đồng). Trình là bày, sau lệ khoa lấy bỏ đều có y cứ, cho nên nói rằng: "Không lầm".

Trong phần nêu dụ, ban đầu rõ bổn viên không thủ, chỉ bày có sự tôn sùng. Như thiên nặng nhẹ, nhóm chúng, pháp yết-ma, thọ sám, trị diệt tẫn, kết giới, thuyết giới, an cư, tự tứ, v.v... dùng người, dùng pháp phần nhiều nêu bổn tông. Lại sau nêu rằng: "Bộ riêng khác nhau, không lấy bộ ngoài" đều là ý nầy, còn hai món sau nêu bày ở bốn dụ.

Ban đầu không rõ có hai: một, là không rõ ràng. Như mười lăm món lược thuyết giới và giống với phương Đông có núi xứng núi.

Hai, là không rõ đủ, như bốn người pháp không trừ sám xả đoạ, v.v...

Văn sau mỗi mỗi nêu riêng. Dùng hai ý nầy tìm có thể thấy.

Hai là bỏ trước, như tiếng ca nói giới.

Sao chép: Đây là Ngũ Phần phế giáo (ngoại đạo như thế, cá thịt là món ăn chánh, tuy đồng phế giáo, đến sau sáu thầy mới có thể nói. Trong đây lại y cứ các luật, xưa ghi một hỗn học cần phải biết).

Ba: Có nghĩa mà không văn: Như người điên cuồng trước bỏ giới không thành, là có nghĩa không đủ, cho nên dẫn Thập Tụng, v.v... để làm chứng. (như định do-tuần. Y cứ theo luật ngày mười bốn thuyết giới thì ngày mười ba phải đến trước. Y cứ mạnh trăm dặm nên dùng hạ phẩm Trí Luận làm định. Lại mười ba có nạn bất luận hoại Tỳ-kheo. Y cứ Ni hỏi ngược lại dẫn văn Thiện Sinh. Đây đều thuộc sau trong sáu thầy).

Bốn: Không văn có sự, như nói rằng "Ba y nên thọ trì và phi thời qua đêm không thọ đều nói ba loại thuốc gia pháp mà không có văn thọ?" Hoặc nói "Kiết giới, nhóm tăng không có các văn tự nhiên sáu tướng". Như sau kết chỉ bày.

Trong quan hệ thủ dụng pháp tướng văn ban đầu chia làm hai:

Một là chánh rõ lấy bỏ, hưỡn gấp, nặng nhẹ bốn nghi khác nhau. Ban đầu, như văn thọ y, Luật Tăng-kỳ nói suốt đêm, luận Tát-bà-đa nói luận không y bát, đắc giới, v.v... đều là hưỡn riêng. Thứ hai, như luật Tăng-kỳ chuyển dục liền mất, xả tài vật vào tăng bỏ hẳn, v.v... gọi là gấp riêng. Thứ ba, như trước đã dẫn cảnh tưởng không đồng tức trọng riêng. Thứ tư, là thiên ban đầu không phạm trọng, v.v... gọi là khinh riêng. Đây chẳng phải một câu thông thâu bốn câu trên, xen trông vì nói. Lại dẫn sự giải thích là trong đủ số, sư xưa do phá giới, Hòa-thượng ngoài mười vị. Nay bác bỏ rằng: "Không được dùng ngay bộ khác". Lại trong "thọ nhật" chép: "Không được bỉnh bạch yết-ma như luật Tứ

Phần lại dùng sự của Tăng-kỳ mà xong. Còn bao nhiêu tìm ở các bộ thiên, y cứ luận không lấy tức đồng ý dùng. Cho nên hai dẫn chứng sau nói bốn thuyết là trong Bổn luật Tăng Tứ chép "Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: "Có bốn món nói rộng là: Nếu Tỳ-kheo nói lời rằng "Trưởng lão! Ta ở thôn ấy, thành ấy đích thân nghe Phật nói thọ trì không quên, đây là pháp, đây là Tỳ-ni, là lời Phật dạy". Nếu nghe kia nói vậy không nên chê bai nghi ngờ cũng không nên quở trách, nên xét định văn cú rồi nghiên cứu rốt ráo pháp luật, nếu trái nhau nên nói với kia rằng "Lời ông nói chẳng phải lời Phật nói, hoặc Trưởng lão không xét lời Phật, không nên lại tụng và cũng chớ dạy người khác, nay nên bỏ". Nếu tương ưng với pháp nên nói với kia rằng: "Đúng là lời Phật nói, nên khéo tu tập tụng trì và dạy các Tỳ-kheo khác, v.v... (đây là một thuyết rộng).

Thứ hai, là từ trong tăng ở trước Thượng tọa mà nghe.

Thứ ba, nghe từ rất nhiều tỳ-kheo biết pháp.

Thứ tư, là nghe từ một Tỳ-kheo biết pháp (và như trên đã nghiệm chứng so sinh, văn đồng không nên dẫn).

Thập Tụng thầm ấn tức là bốn thuyết của Tứ Phần, cho nên nói là đồng nhưng tên khác. Tứ Phần y cứ vào người năng thuyết, luật Thập Tụng y cứ vào giáo năng chứng. Kia nói rằng: "Nếu nói ta nghe từ miệng Phật cho đến nghe từ một Tỳ-kheo" thì chưa nên khen chê, nên hướng về ba tạng Thánh giáo mà ấn định. Dẫn hai văn nầy do đời trước các thầy tùy tình trích dẫn. Nay y cứ bộ loại khám nghiệm có thể được hay chăng liền đồng ý dùng. Nếu giải thích như vầy mới thấy đã dẫn bốn thuyết thầm ấn rất phù hợp ý luận.

Khoa kế, câu đầu tiếp trước, hai câu kế rõ hợp giáo. Tâm tức tâm hạnh, cảnh tức việc trước mắt. Tâm không mê giáo, sự chẳng tối tăm, cho nên nói là "chiếu nhau". Quy du nghĩa là phép tắc, tức bốn pháp, bốn thuyết, bốn ấm. Hai câu sau nói về hợp lý, tương quan mới dẫn đã không phiền phải bàn ngang. Điều riêng không chấp vẫn không lược thiếu sự.

Văn trước đã nói là đồ, độ, thủ, trung, đến đây mới bày cho nên chẳng phải tối tăm ẩn mất. Hối là tối, một là ẩn, trong ba câu, thì hai câu đầu nêu chấp riêng, kia liền đồng chấp ban đầu của văn dưới. Ngung tức là góc, hợp sau chỉ bày lỗi kia. Câu trên là hành sự thiếu, câu dưới nghĩa là thiếu xem xét. Bèn sau rõ mặc tình tranh cử, như tay cầm y thuốc, thay sau nêu lý do tranh cãi. Làm theo việc khác là như khoa trên đã dẫn gọi là trái nhau, chính là việc kia đây thông nhau, quyết như phần chứng rõ ràng của bổn luật, chỉ có thể toàn lấy bộ kia, nên nói rằng "Lại

dùng", v.v... như trong tăng có duyên tự nói dục, hành việc Tăng-kỳ (Tứ Phần chỉ có thọ chuyển thuyết văn, tức là có hạn). Kết chung tịnh địa hành sự Ngũ Phần (Tứ Phần chỉ có kết riêng, y không đúng lượng, nói tịnh hạnh, phần nhiều việc của tông (Tứ Phần chỉ rõ ứng lượng). Trong mười ba nạn, huỳnh môn thiến được thọ, Sao nói rằng: Quyết cần đối chiếu lấy y các bộ là thọ (Tứ Phần tự cắt diệt tẫn) ăn riêng chúng, khai duyên sau hai món (Tứ Phần có bảy, thêm nhiều luận tăng, kế thời y của Ngũ Phần, y giới tự nhiên sau bốn món (bổn tông mười một châu và nước, đường đi đều nêu ra ở bộ khác. Lược nêu một hai cái khác tìm trong Sao (xưa ghi là không được hoàn toàn nương theo để giải thích, xin dùng các việc trên mà đối chất).

Hai lời tựa trong luật Tứ Phần nói dương chi không thọ, luật Tăng-kỳ nói uống nước thì phải thọ. Lại như thầy giáo thọ ngoài đàn thọ y (Ngũ Phần) hoặc ở trong các giới sư mà thọ (Tăng-kỳ), luận Tát-ba-đa phải thỉnh tịnh chủ, luật Ngũ Phần chỉ bảo nêu tên, luật Tăng-kỳ thì cho tịnh chủ ở trong ba do-tuần, nhiều luận hoặc chết hoặc đến nước khác lại phải tìm riêng (sau đều nói rằng tùy ý dùng) Lại, Luật Thiện Kiến nói ba y đắp phá hư cách, nhiều luận duyên đoạn, còn bao nhiêu tự tìm hiểu.

Trong xem xét truyền nghe, hoặc chương sớ nêu, hoặc truyền miệng cho nhau, đều có sai lầm không đáng nương tựa, cho nên đều phải đích thân xem xét khiến người sau không nghi ngờ.

Kế là các kiến chấp khác nhau của sáu vị giáo chủ ngoại đạo, ban đầu nêu câu. Hỏi: vì sao sa-môn nầy nói về sáu vị giáo chủ ngoại đạo?

Đáp: Ở đây có nhiều ý, một, là dẫn ba tạng và có y cứ. Hai, là hiển bày các chấp thông cuộc chưa dung. Ba, là chỉ bày ý nay gồm thông sáu chấp. Bốn, là rõ Sao đây chỗ tông có quy thú.

Hỏi: Lý do gì chỉ nêu sáu?

Đáp: Đời trước đến nay xương rộng tuy nhiều, chỉ dùng kia kiến lập, không ngoài sáu chấp, cho nên nêu sáu món, nhiếp cùng tất cả, thầy trò truyền nhau đến đời Đường không dứt, cho nên nói là "thế trung".

Trong phần chỉ bày riêng, hỏi: Thứ hai và thứ ba khác nhau thế nào?

Đáp: Thứ hai, là thầy chỉ chấp thiếu văn, thẳng lấy bộ ngoài, thứ ba thì không như vậy, trước cầu nghĩa bổn bộ, sau dẫn văn khác. Ý hiển bày sự nêu ra tông mình không trái với bổn thú, nay sao lấy ý cũng

đồng.

Hỏi: Thư tư, ý Sư có gì khác chăng?

Đáp: Trước tuy lấy khác không dám bỏ bổn, ở đây thầy không bè đảng lấy lý làm đầu.

Năm tạng: A-hàm bốn tạng thêm Tạp Tạng là năm (Trung, Trường, Tăng, Tạp là bốn bộ A-hàm, Tạp Tạng như kinh Phân Biệt Công Đức nói "đệ tử phi nhân và các vị trời nói", hoặc nói nhân duyên đời trước ba vô số kiếp Bồ-tát đã sinh, văn nghĩa chẳng phải một nên gọi là Tạp Tạng. A-hàm, Hán dịch là Pháp Quy, nghĩa là chỗ quy về của các pháp). Ngũ tân là thức ăn mặn (huân là hơi hôi: một là hành, hai là kiệu, ba là hẹ, bốn là tỏi, năm là hưng cừ). Trừ thầy ban đầu ra, sau năm người chú thích đều thấy ở các thiên.

Thứ hai, văn Sư thấy nghe ở hai thiên y và thuốc.

Thứ ba, thấy đủ số.

Thứ tư, thấy thuyết giới, bốn món thuốc.

Thứ năm, thấy Sa-di.

Thứ sáu, rượu, thịt, năm thứ rau cay nồng thấy ở bốn món thuốc.

Tám món bất tịnh thấy ở giải thích tướng và như ở sau trích dẫn. Trong phần kết chung, câu trên nhắc chung, hai câu kế là buông, hai câu sau là đoạt, nghĩa là đối với giáo đều là chánh nhân mỗi người có khác.

Nói thông cuộc là ban đầu y cứ lớn nhỏ, năm câu trước cuộc hạn nhỏ, câu thứ sáu chung cả lớn nhỏ.

Hai, là y cứ ba tạng, bốn câu trước cuộc hạn vào luật, hai câu sau chung cả kinh luận.

Ba, bốn câu trước là phân biệt bổn và dị, câu một cuộc hạn bổn tông, ba câu sau chung cho bộ khác.

Bốn, ba câu sau phân biệt lấy bỏ. Câu hai, câu ba lấy bộ khác làm thành bổn bộ cho nên cuộc. Câu thứ tư bỏ bổn bộ theo bộ khác cho nên chung. Năm, câu hai câu ba là phân biệt dung thông hay cách ngại. Câu kế thiếu văn, thẳng lấy thì bộ loại cách nhau cho nên cuộc. Câu thứ ba có nghĩa mới tìm thì kia đây dung nhau cho nên chung.

Nếu y cứ tướng gồm rõ thông cuộc thì ban đầu không gồm sau cho nên cuộc, sau được gồm trước cho nên thông, chặng giữa hai đầu trông nhau thì gồm thông cuộc. Rõ ngay trong câu thứ ba ở luật là phải biết tông chỉ. Câu thứ sáu là ở ba tạng phải biết chỗ quy thú. Trên rõ chánh tông hai thầy, còn bao nhiêu sau chỉ bày tham cứu bốn cái khác, như kết tịnh địa là lấy theo Sư thứ nhất.

Nghiệp Sớ chép: “Như trong lời tựa của sao là tiểu trì Luật?” Trì y, thêm thuốc, thẳng nói thuyết giới, bỏ thử ngoại đạo, đồng thời dùng đó, nhưng ở việc khác có việc chẳng lấy, cho nên nói là “Tham”. Được mất là khảo xét kia có thể được hay không? Tuy cơ là chọn thời thiết yếu, biết thời tức Tổ Sư tự cùng. Mỗi mỗi lấy bỏ đều hợp nghi cho nên hỏi: Thứ sáu đã là sở tông, vì sao Sao nầy không bỏ tịnh địa? Nếu hợp quy tham thủ, há là chánh tồn ư? Phải suy nghĩ đó.

Thứ năm, trong nêu văn nghĩa quyết thông là nói chung năng sở. Sở thì có ba: Một, là văn nghĩa đều thiếu. Hai, là văn đủ nghĩa thiếu. Ba, là nghĩa đủ văn thiếu. Năng thì có hai: một văn, hai là nghĩa. Nghĩa lại chia làm ba: gồm lý và lệ, khai riêng thành bốn: Bỏ riêng theo chung chỉ nói là văn nghĩa, nhưng một môn nầy từ năng làm tên gọi, do ba cái trước thiếu, người học nghi đầy, cho nên dùng hai sớ nầy giải quyết cho thông.

Từ trong lập giáo, câu đầu chỉ bày lý thể. Nói lý có hai: Tiểu thừa có bộ chỉ nói sinh không, Tứ Phần nhờ tông thì gồm pháp không, đều gọi là quyền lý. Đại giáo thì chỉ thường trụ chân tánh gọi là thật lý, ngay phần quá hạn hai ý thông đó. Nhưng hai lý nầy thể chỉ là chân tịch, danh tự chớ tuyên, lời nói không thể theo kịp nên nói là bặt danh.

Câu kế là rõ lập giáo, tên tức là giáo nêu bày, đẹp nơi lý thể nên nói là tông cực. Tông thì muôn hóa đồng quy về, cực nghĩa là nguồn gốc các pháp. Thông luận tên giáo đều bày chân lý. Tựa yết-ma nói rằng: “Đại giáo lấy kỳ chỉ quy là hiển rõ một lý cho nên cao hơn kinh điển luận Phạm, khác xa sách của nhà Nho, người trời riêng tôn sùng là do lý nầy.

Trên rõ ý để lập giáo. Dưới rõ giáo hưng khởi quyết từ sự. Sự là thế đế, tùy đời giả danh lập giáo tuyên lý, nên hay nói “Như lai nói pháp thường nương vào hai đế”. Lời văn nầy bao gồm chung một đời giáo hóa, cho nên văn sau chỉ riêng Luật tạng.

Hỏi: Văn luật bày sự lẽ ra chẳng thể hiển lý. Kinh, luận nói lý lẽ ra chẳng thể theo sự?

Đáp: Gồm rõ Phật giáo nương duyên mà khởi đều là đối sự đều vì hiển lý, nhưng thuốc bịnh đối nhau không đâu chẳng thân sơ, cho nên chia ra ba môn học đối trị có khác nhau.

Riêng rõ trong khoa đầu, hai câu đầu nêu giáo bổn đủ cùng khắp. Luật tạng đây lại y cứ chỗ rộng, một bộ Tứ Phần thì ngôn là năng thuyên, sự là sở thuyên, nhưng sau chánh rõ sót thiếu có bốn ý: một, là bày chánh ý. Hai câu trên rõ thì cách Phật quá xa. Hai câu kế hiển pháp

biến đổi tùy thời. Ở đây y cứ khi kết tập Tứ Phần, tức ngay sau khi Phật diệt độ trăm năm, cho nên nói rằng "miểu mạc" tức là quá xa. Thinh là ngôn âm, thái là tướng tốt. Mĩ chi dụ như nói không kịp.

Năm Sư trao nhau, từ sau khi Như lai diệt độ đến trăm năm, sự thân tuyên đâu thể sánh kịp, giáo theo thời thay đổi cho nên có thiếu sót, như Ưu-Bà-Cúc-Đa hỏi việc Ni khi Phật còn tại thế và khiến ma hiện Phật, đây có thể làm bằng chứng. Thêm ba món sau đều là chung ý, cho nên nêu lại lời tăng, lượm lặt lại lượm lặt.

Trước nói rằng: "Tùy ưa muốn của kia mà thành lập tông mình, cho nên không ưa thì bỏ mà không giữ cho nên có thiếu. Hai thứ trên đều là sai trái của việc kiết tập ở Tây-độ (Ấn), hai thứ dưới tức rõ lỗi xứ nầy (Trung Hoa) truyền dịch.

Nghiệp Sớ chép: Luận chủ Giác Minh tụng bổn Đông truyền đến khi phiên dịch, tùy chỗ xuất ý liền chép, quí ở một bổn không hề có dấu vết, tìm lại ngược Tây (Ấn). Xứ nầy (Trung Hoa) hành dụng cho nên phần nhiều là thiếu.

Lại kết tịnh địa, bốn câu thành bạch (thưa). Sớ chép: "Đây là kết tập thiếu văn (đồng hai ý trên) hoặc là Giác minh tụng sót, lại có thể Trúc Niệm chép sót (đồng hai ý sau)". Trong đây muốn làm sáng tỏ quyết thông trước nói rõ tàn, thiếu. Lý do tàn, thiếu không hẳn là một mối, cho nên bốn món nầy rõ mà tìm. Nhưng cũng không cần nêu sự gượng phối. Rõ trong nay, văn ban đầu lăng xăn cho nên loạn tâm tưởng. Gồm hiểu là do ba món dụ thâu thiếu sót của một bộ để người sau đọc sách không ngại một mối, cho nên nói là "thông thấy rộng".

Trong riêng chỉ bày, ban đầu đến việc trước, tức thứ nhất đều thiếu. Năng quyết có hai: một là dụ, hai là lý. Dụ giữa, như luật không có pháp giải giới tràng. Dụ ba, tiểu giới lại kết thành giải. Các Luật không pháp thọ bảy ngày. Dụ cho nửa tháng văn bạch chúng pháp bạch văn mà lập. Lại không có văn thỉnh hai thầy, dụ cho y cứ pháp thỉnh Hòa-thượng, ở đây y cứ làm pháp giải thích. Lại như phá thưa đọc yết-ma nêu tụng giới làm dụ, quên không trì y đến hội không kịp, dùng y dư khai quên làm dụ. Nhiều duyên thọ nhật để sám hối tăng tàn, nhiều tội đồng pháp làm dụ. Tâm ác giải giới không thành, giới có nghi không được lại kết và dùng tịnh địa làm dụ. Ba món an cư dùng bát ba phẩm làm dụ (trên là bổn tông, dưới dẫn bộ khác). Rõ tướng hộ hạ lấy hộ y của Tăng-kỳ làm dụ. An cư, y dư dùng thọ áo mưa của Luận Tát-Bà-Đa làm dụ, ở đây y cứ hành sự giải thích (còn bao nhiêu lại tìm). Trong lý quyết, nói lý có ấy nghĩa là không lệ đạo lý hợp nhiên, như xứ nầy tăng

vì biệt xứ, vì Tam Bảo, vì bịnh duyên và tăng thứ lớp thỉnh đều khai thọ nhật. Lại ngay ngày đó ra ngoài giới gặp nạn nghĩa phán được hạ, lại trong mười sáu già nạn, người mắc nợ y cứ theo lý cho thọ giới, những điều nầy đều không có văn nghĩa và dụ, nên nói là "lý". Lại trong "thuyết tứ" trước sau tiếng Phạm, kệ lời xướng cáo, Thượng tọa dạy bảo răn nhắc không ngoài văn giáo, trong thọ giới mở bày cảnh tâm, oai nghi an ủi, chánh khi Yết-ma thưa hỏi, nhắc nhở... cũng gọi là lý có mà thành việc trước.

Thứ hai: là văn đủ nghĩa thiếu, như luật chép: "Trộm vật Tứ-phương-Tăng phạm tội Thâu-lan-giá", quyết rằng: "Ở đây y cứ tạm dùng phá tăng" cho nên khinh lý phải phạm trọng. Lại nói rằng "Hai ba người cùng tác pháp thành nạn "tặc trụ", quyết rằng "ở đây y cứ chúng pháp đối như thế mà nói". Lại được nhận tiền Bố-tát, quyết rằng: "Y cứ cần phải giao cho người khác". Luật Tứ Phần chép: "Trong hạ cùng tranh cãi khai thẳng bỏ đi không cần thọ nhật", quyết rằng: "Y cứ duyên mà thọ không thương tổn đại lý", v.v... như vậy mà tìm. Luận nói ấy, xưa ghi rằng tức là Luật Thiện Kiến, tìm văn chưa được, đây gọi là không do văn mà hại ý.

Thứ ba: Nghĩa đủ văn thiếu. Như có nạn dời hạ, y cứ theo Ma-di là không phá an cư. Gặp duyên ra ngoài giới quên không thọ nhật, dẫn năm trăm hỏi nhớ liền hối hận là được. Lại luật Tứ Phần không rõ trọng pháp thọ nhật, dẫn năm trăm rõ hai văn quyết đó. Y cứ vào nghĩa tuy phải sợ gọi là tâm thấy cho nên nói là "dứt chê bai".

Hỏi: Như trên đã dẫn không đâu chẳng lạm nhau, lại mời phân chia?

Đáp: Không văn dẫn, so sánh sự tướng gọi là dụ quyết, lại không có dụ gọi là lý quyết, do ý định văn gọi là nghĩa quyết thông, dẫn văn thành sự gọi là văn quyết thông.

Hỏi: Nghĩa đó và lý làm sao phân biệt?

Đáp: Thông mà vì nói, lý nghĩa chẳng khác. Sau nghĩa quyết nói rằng: "Dùng lý làm chánh, riêng mà vì nói đâu không như trên".

Hỏi: Trên thì phối riêng, có gồm nhau chăng?

Đáp: Lý quyết một món, định không gồm nhau, ba thứ khác gồm nhau nêu lược một hai cái. Ban đầu dụ được gồm, lý không gồm văn nghĩa, do không (gồm) văn nghĩa mới thành dụ, cho nên như y dư, an cư, dùng y tắm mưa làm dụ, mà nói rằng "Hạ là chế giáo, lý nên giữ gìn chung". Hai là nghĩa quyết trong ba câu, tự có nghĩa quyết gồm với dụ, như Luật Tứ Phần hai mươi hai người phạm biên tội v.v..., nay thầy

định tự nói không đủ số, nếu không không biết thì thành đủ. Lại dẫn Hòa-thượng... không trì giới, bốn câu làm ví dụ, tự có nghĩa quyết cũng gồm văn, như luật Tứ Phần nói trộm chứa, phạm tội nặng, quyết rằng: "Ở đây trông tâm chuột không nhất định phán tội theo người", cho đến luật Thập Tụng, luận Tát-bà-đa các văn trộm, chứa vật phạm đột-cát-la. Lại có gồm văn, dụ hai món, như luật dạy xong giải giới, quyết rằng: "Đây vì các giới đồng thọ y công đức", vẫn nói rằng "văn như luật Thập Tụng". Lại dẫn an cư chưa xong tự tứ không phá hạ làm dụ, ba văn quyết thông, giữa cũng có ba câu. Tự có văn gồm ví dụ ấy, như dời hạ không phá, dẫn văn Ma-di. Lại dẫn luật Thập Tụng, luật Tăng-kỳ hai chỗ thọ y làm ví dụ. Cũng có văn gồm nghĩa: Tứ Phần chỉ nói rằng: "Ni khai thọ bảy ngày". Dẫn luật Tăng-kỳ chép "Ni không yết-ma thọ pháp", vẫn nói rằng "Sở dĩ như vậy do Ni nhập tục ít sinh thiện nghĩa. Lại dẫn luật Ngũ Phần mỗi trường hợp thuyết dục lại thêm nghĩa bình luận... Tự có gồm nghĩa dụ: Như giới tự nhiên không có giới khác, định viên có thì không định, đây tức nghĩa quyết. Vẫn dẫn rõ luận giới ba do-tuần, hợp góc lượng làm dụ. Lại dẫn văn luật Thập Tụng, luật Thiện Kiến, v.v...

Hỏi: Nay nói quyết thông là quyết bổn tông hay quyết bộ khác?

Đáp: Người xưa không hiểu đều nói rằng: "Quyết thông luật Tứ Phần". Ý nầy không đúng, chỉ do thời sự, hoặc chỗ xưa chưa làm, hoặc các nhà dị kiến học nghi ngờ ngăn lấp cho nên có quyết thông.

Hỏi: Nếu vậy vì sao mà văn trước nói Luật thiếu ư?

Đáp: Chỉ do luật thiếu cho nên nay sự tối lại làm cho sáng. Một tự có bổn văn lại quyết bổn luật, như trong thọ dục giải thích các chỗ làm, tức từ trong tự tứ ra ngoài giới quyết đó. Lại luật nầy dữ dục qua đêm không được việc làm, lại do Tứ Phần để rõ tướng dục, nêu ra khai lược thuyết giới quyết đó. Lại như hợp sông kiết giới, lại dùng luật của ni trong giới qua sông mà giải quyết. Như trước đã dẫn tâm ác giải giới, dẫn tịnh địa, v.v... đều là việc của bổn luật.

Hai, là tự có bổn luật một văn tức tự quyết thông, như ba tiểu giới không lập tướng, lại dùng ba tiểu yết-ma giải quyết. Lại như tịnh địa tăng không được ở, văn nói rằng: "Trừ Tỳ-kheo, lại lập tịnh địa xướng tướng". Luật chép: "Nên xướng tên phòng" lại tức bổn văn để quyết bổn sự (hai câu trên thuộc nghĩa quyết thông).

Ba, tự có bộ khác lại quyết luật khác. Như trong nhóm tăng của luận Tát-bà-đa, đạo hành là một Câu-lô-xá, nên dùng sáu trăm bước của luật Thập Tụng giải quyết. Lại như Luật Tăng-kỳ, khoảng giữa

bảy hàng cây không rõ hai chúng chia hai, nên dùng Tỳ-kheo đi qua có ngang dọc tự nhiên mà giải quyết.

Bốn, là tự có bổn tông lại giải quyết bộ khác. Như Luật Thập Tụng chép có thể phân biệt xóm làng, chỗ đến thọ trai, bèn dùng tướng sân thôn giới của luật Tứ Phần mà giải quyết.

Dùng các ý nầy tìm khắp một bộ đều thông đạt.

Hỏi: Văn nghĩa đều thiếu là cuộc hạn đương bộ hay chung với bộ khác?

Đáp: Thông gồm ba tạng, nào chỉ bổn bộ và bộ khác có văn, tức lạc câu sau do đây không có văn, cho nên tức vô nghĩa.

Hỏi: Nghĩa quyết chung, giữa đó là thông hay cuộc?

Đáp: Cũng chung bộ khác. Thập Tụng, Già Luận nói Ni không xả giới là nghĩa thọ lại, quyết rằng nên làm hai chúng sau. Lại luật Thập Tụng dạy năm chúng thọ nhật, năm chúng biên thọ, quyết rằng "Y cứ theo đây chúng phải cùng nhau làm", không thì y cứ theo lời cáo ở trước, v.v... Xưa phần nhiều hiểu lầm không biết, quá phiền lược cũng chẳng khó, chỉ sợ không hiểu, bao nhiêu cũng chưa hết, học đó thì rõ.

Trong không thể, khoa đầu, hay câu trên bày nạn. Trong bốn quyết trước văn có lấy bỏ, nghĩa là ý cắt, đoạt học biết cạn cho nên chẳng thể sáng bằng, đối kia xưa hiểu nên nói là "phế lập". Sau nói rằng "quyết phán là sai" ý cũng đồng với ở đây. Từ hai câu sau lựa chọn chẳng hiển bày đúng.

Luật tướng nói thông, lời khai giá khác. Hai pháp khai giá ở luật rất khó cho nên nêu riêng, chẳng phải hai câu sau hiển bày lỗi. Không như vậy: là ngược trên chẳng phải rất rõ, v.v... Lụy nghĩa là nghi trệ, hoặc có thể y cứ tội.

Hai, là giải thích đều thông. Cảnh khác tức việc trước, do không rõ giáo chỉ, đều là vọng làm, hạnh không thành trì cho nên nói là vô ích. Ở đây y cứ tự hạnh, hoặc có thể cảnh khác tức chỉ người khác, rộng diễn hóa người khác, đều chẳng phải chánh giáo cho nên vô ích.

Trong phần Dẫn Chứng, dẫn luật cuối quyển 60, Phật ngự tại nước Bạt-xà, bên ao nước, dạy các Tỳ-kheo tu hành thánh đạo chớ cãi vã nhau. Kia nói rằng trong A-tỳ-đàm mỗi việc đều tranh cãi nên nói rằng: "Văn nghĩa các Trưởng lão nói rất tương ưng không nên tranh cãi với nhau" (hai câu). Lại nói: "Lời Trưởng lão nói văn đồng nghĩa khác, chớ tranh cãi nhau" (ba câu). Lại nói rằng: "Lời Trưởng lão nói văn nghĩa đều khác, chớ tranh cãi với nhau" (bốn câu). Hai câu sau chỉ luật văn rộng. Luật kia nói rằng: "Nên quán sát như vậy, nếu tranh cãi nhau sẽ

làm lưu nạn với pháp của Sa-môn chăng? Lại hỏi là "đáng quở trách chăng?", lại hỏi là "Có thể tiến đến gốc lành được quả Sa-môn chăng?" (các Tỳ-kheo đều đáp từng việc, đó gọi là tiến). Lại nói: "Nếu tranh cãi như vậy, người dứt tranh cãi ấy nên nói với Tỳ-kheo kia rằng "Thầy đã dứt sự tranh cãi này cho chúng tôi". Tỳ-kheo kia đáp "Tôi nghe pháp đó từ nơi Đức Thế tôn, nay nói cho các thầy nghe" nếu Tỳ-kheo ấy nghe rồi liền bỏ sự tranh cãi (đó gọi là chỉ)". Phật bảo các Tỳ-kheo nên như vậy mà lắng nghe tin ưa thọ trì. Nay dẫn văn nầy để nói lúc Phật ở đời còn sợ văn nghĩa cãi nhau, đây đặc biệt dạy đó để chứng minh trên giải quyết nạn chung là phế lập thì chẳng luống.

Trong phần chỉ bảy có thể kham lãnh, câu đầu là năng, hẳn sau chỉ bày kia rộng đầy đủ. Hai câu trên rõ học thông ba tạng. Hai câu dưới rõ hiểu thông lục sư, Tổ luật sư của ta là người ấy, bậc Thánh xuất hiện làm phép tắc cho chúng sinh nên gọi là "giáo tích". Tuy nói thông ba tạng mà chỉ riêng Luật tông, cho nên nói rằng đây. Dẫn luật Thập Tụng quyển 59, ban đầu riêng bày ba việc: Một là duyên khởi. Hai là giới bổn. Ba tức lại kết. (Như giới đầu cho nên đến cùng súc sinh v.v...) nên sau khuyên suy lường lại chia làm ba:

1- Gồm nêu văn một bộ luật lớn là ba tiết. Hai bộ giới luật tức là giới bổn của tăng và ni, nghĩa giải liền tùy giới, sau rộng giải văn, cho nên nói rằng "đến". Trong Tỳ-ni, hỏi chung các kiền độ, thêm một tức sau luật là pháp số, trên rõ quán giáo.

2- Khai sau rõ phán đoán. Khai, già, khinh, trọng suốt thông một bộ, lại nêu sắc y lược bày tướng trạng. Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen năm mầu chính mà người thế tục còn tham đắm nên thuộc về bất tịnh, Phật đã cấm chế cho nên nói là "già". Phi sắc là ba món nhuộm sinh, bùn, sạn, ba Thánh đồng tôn trọng, tướng vượt tiêu biểu của thế gian nên nói là tịnh, đây là lời Phật dạy nên nói là không già.

3- Như vậy sau kết cáo. Thông chỉ trước sau một bộ, cho nên nói rằng "gốc ngọn". Dẫn Luận Minh Liễu kia nói rằng: "Như Chư Phật lập giới, ở trong mỗi giới cho nên phân biệt rõ năm tướng: Một, là chỗ duyên khởi (tức cõi nước). Hai, là người duyên khởi (tức người mới phạm). Ba, là lập giới (tức giới bổn). Bốn, là phân biệt giới sở lập (Nếu phạm tội nầy thì không được ở chung). Năm, là xử đoán phải trái (đối với ba chỗ phạm) không xem mặt người khác, phán đoán thẳn thắng không dựa vào tình cảm.

Lược đồng với trên, là hiểu ba việc của Luật Thập Tụng ở trước, hai việc đầu hai tướng đồng bổn khởi ở trên, việc thứ ba đồng trên kiết

giới tùy kiết. Hai món bốn, năm gần đồng giải rộng, do không hoàn toàn đồng nên nói là lược. Văn sau chỉ rộng tức như trên đã dẫn.

Môn thứ sáu, trong nêu, năm cái trước đều thuộc giáo năng thuyên, giáo quyết tuyên chỉ thú muôn hạnh một tông là trước tiên. Lý cần biết rõ cho nên nói là ý sở thuyên. Thuyên là hiển bày, chính là rõ trong văn ban đầu ở trên nêu văn rộng. Văn một bộ luật gồm sáu mươi quyển, nên nói là rộng rãi dồi dào. Sau chỉ hành yếu nên nói là Đại thú, do giới bổn Tăng ni ở trước và điều bộ ở sau tức hai hạnh chỉ trì, mười kiền-độ về sau, v.v... Văn tức văn hạnh tác trì phần nhiều rõ phạm, ý ở thành trì, ngược với hai trì trên thành hai phạm, cốt yếu của tông bộ đâu vượt quá đây, nên nói là "Chỉ".

Trong sở thuyên, chung, riêng, trì, phạm, trước biết danh tướng rồi sau giải thích văn. Nghĩa là học biết giới tương, rõ suốt trì phạm, trong bất cứ lúc nào cũng giữ gốc đã thọ, thông mong thọ thể một mảy may không phạm, không tùy duyên tên riêng là thông trì, không học không biết, chế chung thiên tụ.

Tùy chỗ không rõ đều hết tội nên nói là "thông phạm". Tùy đối một cảnh phương tiện ngăn ngừa, hành thuận bổn thọ gọi là "biệt trì". Trái thọ khởi lỗi gọi là "biệt phạm", nói biệt có ba: Một, là vì chế pháp riêng, thiên tụ khinh, trọng chủng loại khác nhau. Hai, đối cảnh riêng, tình và phi tình. Ba, là thú nam, nữ, đạo tục khác nhau.

Ba duyên phạm, riêng tùy giới nhiều ít không lạm nhau. Lại hai trì chung riêng đều chung chỉ tác. Phạm chung chỉ có phạm, phạm riêng gồm hai phạm. Trong thông trì trước chép cảnh thông, hai câu trên nêu chung, cảnh tức gồm chỉ loại trần sa tình và phi tình, tâm tùy cảnh khởi, cùng lý hoặc theo chống tạo thành nghiệp thiện ác, cho nên là thông trong. Lại sự do cảnh sinh, động tác của thân miệng trái hay thuận với giáo thành hạnh trì hoặc phạm, cho nên là thông ngoài. Hai câu dưới giải thích riêng, câu trên giải thích thông trong tức chỉ hóa nghiệp, câu dưới giải thích thông ngoài tức rõ chế hạnh. Thân miệng tạo tác cho nên nói rằng "tình sự", như các việc dâm, trộm, v.v... do giáo chế, cho nên có thuận nghịch. Thuận là hai trì, trái là hai phạm, nhưng sau kế rõ tướng trì, cảnh duyên tuy thông, nay rõ trì phạm không nói về hóa nghiệp. Vả lại, y cứ chế hạnh cho nên nói rằng "chỉ khiến", v.v..., giáo là luật chế, hạnh là thân miệng, dùng giáo kiểm hạnh, y cứ hạnh theo giáo, cho nên nói rằng "theo nhau", tuần tức là thuận. Tùy mỗi giới xét tột cùng tướng khinh, trọng, phạm, chẳng phạm, nên nói là "trước sau".

Các Sư ngày xưa chỉ rõ không làm ác tức là trì giới, các Sư ngày

nay không phải như vậy, quyết ước hành động và suy nghĩ, thể trái với giáo tướng, khởi hạnh ngăn chặn mới thành hai trì, chứ đâu có việc nằm đất mà gọi là trì giới, không nhớ nghiệp quấy đâu được gọi là trì. Giáo hạnh theo nhau, ý nghĩa là ở đây.

Nay nói thông trì thì chỉ trì có hai: Một, là hạnh trước ba tâm, thọ thể không có nghĩa ô nhiễm gọi là chỉ trì. Hai, là y cứ ước hạnh tâm, thông duyên thọ thể, thiện ác sự pháp rõ ràng không mê muội, đây tức là hai trì.

Kế trong thông phạm, hai tội không học, không biết vì thông trì phạm, thông khinh trọng, thông thật giả. Nhưng không học chẳng kết phạm có hai: Một, là phát tâm đoạn học tùy tâm đốn tiệm, mỗi mỗi phạm tội đột-cát-la. Hai, là gặp cảnh không hiểu tùy sự kết riêng. Nếu luận không biết, tùy cảnh không rõ chỉ có kết riêng, nhưng gồm thiên tụ được gọi là Thông.

Trong văn hai câu trên nói về phát tâm đoạn học. Hai câu sau nói về tùy cảnh không biết. Thiện gồm hai trì, ác gồm hai phạm, người không học trì cũng thành phạm mong thiện, phước nầy là ngu giáo cho nên phạt. Trong hai phạm kia thì chung ba tánh, bất thiện vô ký một bề gọi là phạt. Thiện tánh phạm cũng gồm có họa, như biết việc xen dùng từ tâm khen chết, nhổ cỏ trên tháp diệt mầm sống tạo tượng, đồ ăn dơ cúng dường Tăng, đào đất hoại mầm sống, sửa sang tháp miếu v.v..., ngoài tội căn bản lại thêm hai tội. Nay sau rõ kết tội, khoa tức là phán.

Tương ưng với giáo: Giáo tức chỉ chung cho chỉ, tác, trì, phạm. Hạnh hợp với giáo đều kết phạm, cho nên dối gọi có thể học, thật tức là không thể học. Cho nên thiên trì phạm y cứ hai giáo bốn hạnh, cái nào nên học cái nào không đáng học, trải ngồi vị nói tội có, không, nhiều, ít. Dưới đây gồm kết.

Riêng trong trì phạm, đây y cứ quả tội căn bản của sáu tụ. Đủ ba nghĩa trên nên nói là “riêng”. Bốn câu đầu chỉ bày tướng phạm, chánh tội tức gọi là quả đầu. Trị phạt nghĩa gồm sám hối, do có người phạm lỗi lớn quyết thêm trị, thuận liền khai sám và cần xét thật vì không cho lạm.

Luật Tứ Phần nói quả thành nhân mất cho nên nói rằng “quyết khiến” làm cho hai cái sau rõ năng đoạn. Câu đầu xét tâm, tâm dung tưởng nghi tội tức hàng phục, lời thật tình có cả phạm và không phạm. Câu kế rõ hợp giáo, đều rộng cho nên nói là lý giáo, thì hai câu sau khen năng đoạn kia, đã chẳng vọng phán, không trái chân giáo, giống như lúa tươi tốt không xen cỏ dại, cho nên chẳng có cỏ rậm. Dưới đây

song kết, mà trước không rõ trì, phiên phạm rõ trì, vì dễ cho nên không nêu ra. Nay nói tướng kia như dâm, quán bất tịnh, giết, khởi từ bi, ép ngặt không vui, chê, mắng, từ cứu v.v... như thế nên biết.

Môn thứ bảy, là y cứ căn cơ nói về giáo. Trong nêu bày, nếu y cứ người bẩm giáo thì đạo thông, tục bị cuộc hạn. Nếu y cứ giáo giúp người thì hóa thông thành cuộc hạn. Nay theo nghĩa sau cho nên nói lập giáo thông cuộc. Trong giáo thể, khoa đầu hai câu trên chỉ bày phiền nhiều của sở phán. Hiển lý giáo, gọi chung là Thánh điển, như trên đã rõ. Có nhiều đường là hai thừa đại tiểu đều chia ra ba tạng, ba học, v.v... Cho nên hai câu sau nêu năng phán theo cốt yếu, như trong Giới Sớ hoặc y cứ ba luân, hoặc y cứ hóa hạnh, hoặc y cứ hóa chế, hoặc y cứ chế thính. Kia lấy ba luân, nay dùng hóa hạnh, tùy thời dùng cùng sau cần hòa hợp. Chỉ ở xưa còn cuộc hạn, đối nay thì thông, tên đồng lý khác, đối sớ sẽ thấy. Nói tình cầu vì hiển nghĩa phán, nói chia hai:

1- Giáo điển một đời gồm qui về hóa hạnh, mở tin hiểu kia, dùng bỏ mặc duyên nên gọi là hóa giáo. Chế kia tu hành vâng làm, trái lại thì có lỗi nên gọi là Hành giáo.

2- Nghĩa là hóa giáo đây thì chung cho đạo tục, biết rõ nhân quả, hiểu suốt tà chánh. Trong khoa nêu bày, văn ban đầu, ở hai câu trên nêu danh thể nhưng dưới bày giáo tướng, mười nghiệp bất thiện, nhân ba đường ác, mười điều lành, năm giới, nhân ba đường lành, đây là nhân quả thế gian. Ba mươi bảy đạo phẩm, sáu độ muôn hạnh là nhân Ba thừa tức nhân quả xuất thế. Đại tiểu tuy khác, hạnh nghiệp chẳng khác, tùy duyên chỉ bày.

Giáo chẳng định ước cho nên gọi là biết rộng. Lại trong kinh thường phá chấp ngoại đạo, nói việc ma, chỉ bày chánh đạo e đọa đường tà, cho nên nói rằng hiểu suốt. Lại hạnh nghiệp là nhân, gồm chung thiện ác, tâm nhân thầm kín nên nói là khó biết. Báo đời sau là quả cũng chung khổ vui, quả tướng thô trước nên nói là dễ thuật.

Kế trong hành giáo, ban đầu nêu danh thể, định sau chỉ bày giáo tướng. Hai câu đầu rõ các hạnh, câu trên là chánh tông, nếu lấy năng bỉnh tức chọn người phải trái. Nếu nói về sở bị đều phải hợp giáo, như thọ giới, già nạn, thuyết giới, tự tứ, có phạm bảy, chín, trị phạt sáu tụ, phát lồ sám hối, trong mỗi việc đều có lấy bỏ. Câu kế giải thích ý thành lấy bỏ: Nghĩa là rõ Phật pháp tôn quý cao vượt, tiêu biểu của thế gian, chúng tăng trong sạch không có lỗi lầm, trụ trì muôn năm công đức ở nơi đây. Hiển bày hai câu dưới rõ biệt hạnh: Câu trên chánh tông, câu dưới giải thích thành cũng đồng với trước. Như trong điều bộ Ưu-ba-ly

đối trước Phật thưa hỏi đều trọng, ý có thể thấy.

Trên rõ giáo có hạn chừng, trái với trước rõ biết, sau chỉ bày kia hiển rõ trái thầm kín ở trước. Hai câu trên bày văn rõ, hai câu dưới rõ sự đủ. Văn đầu như giới tướng, cõi nước, người phạm, nêu lỗi, quở trách, chế giới, giải thích, phương tiện, cảnh tưởng, chúng đồng, phạm riêng, các tướng không phạm, khinh, trọng, v.v... mỗi mỗi đều như vậy, Thánh trí đều thông rõ cho nên nói không nhọc xem lại. Phàm ngu biết cạn không thể liền nói là đồng. Lại Tổ sư nghe luật hai mươi lần còn nói chưa là tâm thể, Tăng Hựu nghe ba mươi lần còn hận càng nghe thêm càng thấy tối. Phải biết người tối tăm thấp hèn đâu thể tự làm. Về kết tội, v.v...: như dâm hai kết (không bỏ giới cùng với súc sinh), riêng chúng bảy khai (thí y, may y, v.v... bảy duyên khai) mỗi mỗi thông trước, lại vào giới bổn cho nên nói rằng "tái khoa".

Sở phán, khoa ban đầu, hai câu trên bày tướng lạm. Dùng bảy chi mười nghiệp không có thể riêng cho nên như vòng liên tục, vì dụ hợp nhau không dễ chia. Hai câu sau nêu phán, trong văn chánh phán ban đầu là y cứ ba nghiệp nối nhau để chia. (tờ 175) Ba câu trên phán hóa giáo, kinh luận rõ tâm hiển lý, ở đây cho nên tâm nghiệp dùng lý làm tông. Ba câu dưới phán hạnh giáo, thi vi tức là sự, Luật tạng y cứ sự mà nói về hạnh, cho nên nghiệp thân, miệng, dùng sự làm tông. Như trong thiên tụ, khởi nghiệp khinh trọng, thọ báo cạn sâu. Thiên tụ tức y cứ hạnh khởi nghiệp, tức y hóa. Lại trong trì phạm riêng tâm ba thời nói về phạm, tám câu khinh trọng, đây là y hóa. Tám, là sát (giết) đều trọng tức y cứ hạnh. Lại như ba phẩm lý quán của thiên sám tức là hóa giáo sáu vị hối pháp tức y cứ theo hạnh giáo. Lại thiên Sa-di phàm phước Thánh-đạo liền y hóa giáo hóa, cạo bỏ râu tóc, cho thọ giới tức là hành giáo, còn bao nhiêu lại tìm hiểu.

Như vậy hóa giáo lẽ ra không cấm thân miệng, hành giáo lẽ ra không chế nội tâm?

Đáp: Ở đây y cứ đạo chúng song lãnh hai giáo mà nói, ở đời nhiều người không hiểu cho nên vì đó chỉ bày. Ban đầu y cứ trái rõ có bốn câu:

1- Trái hóa không trái chế. (liếc mắt, tham, sân Luật tông không chế và người tại gia làm mười điều bất thiện).

2- Trái chế không trái hóa. (tức phạm các già giới)

3- Đều trái. (phạm các tánh giới)

4- Đều không trái (trong dùng lý quán soi chiếu, ngoài dùng giới luật xem xét)

Hai là y cứ thuận, có bốn câu:

1- Thuận hóa không thuận chế. (tánh tướng Duy thức, ba quán phá mê)

2- Thuận chế không thuận hóa. (tâm không tuệ quán, chuyên giữ sự giới)

3- Đều thuận. (như điều thứ tư ở trước)

4- Đều không thuận. (tạo nghiệp phàm ngu)

Ba, y cứ theo thọ giới, có bốn câu:

1- Bẩm hóa không bẩm chế (kinh Tịnh Danh chép: "ông chỉ phát tâm liền gọi là cụ túc").

2- Bẩm chế không bẩm hóa (tự trí không rõ chỉ theo phép tắc của luật).

3- Đều bẩm (tâm mong xa lìa, thọ giới cấm của luật, thú hướng Thánh đạo. Phật còn ở đời những người lội căn được ba lần nói "thiện lai" thì liền đắc đạo quả. Lại kinh Niết-bàn chép "Bồ-tát xuất gia").

4- Đều không bẩm (lãnh thọ). (có thể biết)

Bốn, là y cứ sám tội có bốn câu:

1- Hóa tịnh, chế bất tịnh. (như phạm thiên tụ lý quán rõ ràng, suốt tội tánh vốn không, mà không y theo Luật sám, dầu được tướng tốt cũng không vào số tăng thanh tịnh)

2- Chế tịnh, hóa bất tịnh. (phạm tội y luật sám hối mà không có quán tuệ, chỉ diệt trái chế, tánh nghiệp vẫn y nguyên)

3- Đều tịnh. (thiên tụ y giáo, diệt nghiệp đạo mặc tình vắng lặng)

4- Đều bất tịnh. (người ngu phạm tội không chịu sám hối)

Hỏi: Hai giáo hóa hạnh là Đại thừa hay Tiểu thừa?

Đáp: Hóa thâu cả Đại Tiểu, chế chỉ cuộc hạn Tiểu thừa.

Hỏi: Như Phạm Võng là thiện giới Đại thừa hành giáo, vì sao xếp vào hóa?

Đáp: Ba tạng Đại thừa, chế hay không chế đều được gọi riêng là hạnh, trong tông nầy lại cuộc hạn vào hóa, vì giới Bồ-tát chung cả đạo và tục.

Hỏi: Năm giới, tám giới đã là giới chế, lẽ ra là hạnh nhiếp, nhưng cuộc hạn ở người đời không chung hai chúng, sao lại xếp vào đó?

Đáp: Thuộc về hóa giáo, trong luật rõ ấy, kinh tùy luật, dẫn chứng như khác, như là lựa phán lượt biết hóa hạnh, lại siêng tinh chuyên phân biệt e phiền nhiều lại dừng.

Người học ngày nay không biết tên, còn huống chi rõ hành tướng.

Nếu không hiểu ba tạng Đại Tiểu nầy thì tất cả đều mê. Trong phần tội khác hai câu trên rõ tại gia làm ác (xuất gia cũng có người phạm, như độc đầu tâm niệm). Hai câu dưới rõ xuất gia phá giới, phạm hóa không hẳn trái hạnh, trái hạnh không hẳn bao gồm phạm hóa, ngoài nghiệp lại thêm chế nên nói là "Trọng".

Hỏi: Tánh giới thì có thể, giá giới vốn chẳng phải ác, vậy có bao nhiêu tội? Như phá hoại mạng sống, đào đất đều trái với lòng từ. Chứa dư, cầm của báu đâu không tham nhiễm? Người lãnh thọ có trí xin vì thông đó?

Lại hỏi: Hóa giáo cũng gồm sự hành đâu không là thân miệng? Hành giáo cấm chung ba nghiệp đâu không rõ tâm? Sao lại dùng văn trước lìa xa ba nghiệp để phối với hai giáo, cũng xin đáp đó.

Cho nên sau dẫn chứng tức kinh Thiện Sinh. Kia rõ hai người đồng làm một tội, người có thọ giới thì tội nặng, người không thọ thì tội nhẹ. Luận Trí Độ văn đồng như thiên sám đã dẫn. Trong gạn ý ban đầu tiếp văn kinh trước để làm lời gạn, nghĩa là kinh kia đã rõ, ở đây không cần phân biệt, e sau chỉ bày chỗ làm. Câu trên chỉ mê, nói tông thể tức sở phán ở trước. Câu kế ngăn vọng, nói phải trái là hóa hạnh lạm nhau. Người thế gian nghe kinh Tịnh Danh chép: "phát tâm tức là cụ túc" vọng chế giới có không, hoặc mê ba tánh phạm chế bèn cho rằng nghiệp đều một phẩm. Hoặc nói "làm phước trái giới là không lỗi", hoặc chấp tâm quán liền chê bai luật nghi, hoặc cho là giữ vững tuệ quán không nhọc mệt, hoặc y hai sám Phương Đẳng mà nói là "chế tội đều quên", hoặc y thiên tụ sáu trị bèn cho tánh nghiệp đều diệt. Cho nên có người y theo đại giáo sám tội Ba-la-di lấy đủ số tăng Tiểu thừa, như đây mê lầm từ xưa đến nay, đến thiên sám sau lại là nói rộng, cho nên sau rõ nay lập, chung đến đời sau không còn lầm lộn cho nên nói "hằng dùng", v.v... là chọn. Nêu tông Tăng Võng, sám pháp Sa-di, v.v... đều nói về hai giáo, đến văn sẽ rõ.

Môn thứ tám: môn trước người và pháp đều thông, môn nầy đều cuộc hạn. Do người chỉ là hai chúng, giáo cuộc hạnh khoa, nhưng báo và tướng hai thứ khác nhau, cho nên khiến giáo chia ra đồng và khác, nên phải giải thích mới thấy các thiên.

Trong thông bít, văn ban đầu đồng giới, tức chỉ trì giới bổn. Thiên đầu bốn trọng hai thiên bảy giới, mười chín giới trong ba mươi giới, sáu mươi chín giới trong chín mươi giới, chúng học có một trăm giới, diệt tránh có bảy. Đồng chế nghĩa là tác trì các pháp đủ các môn, đồng giới ở quyển trung, đồng chế thì hai quyển thượng hạ, toàn đồng thì không

nêu riêng. Như Luật tăng dữ dục, yết-ma tăng võng, ít có khác là tùy sự chỉ bày, như trong kiết giới thì giới ni là hai dặm, có nạn thì đồng với tăng. Trong xả giới nói Ni không cho thọ lại, thọ nhật ni chỉ có bảy ngày. Trong hai y ni thêm hai y khác, trên thông rõ hai bên đồng, như dưới riêng hiển đồng giới. Văn trên chỉ để, giới bổn chia tức luật văn rộng, ẩn dưới hiển khó, tùy tướng tức quyển trung. Như trong lìa y, ba y, năm y đều nêu, trong pháp chúng học chỉ chung cho Ni v.v... đồng phạm.

Lại trong thiên tụ chỉ bày Ni có tám giới trọng, lại trì phạm, cảnh tưởng, v.v... trong ni chẳng phải không, cũng là chỉ đồng với tăng. Trong duyên chung gồm nêu năm chúng. Kế rõ trong tắc, trước rõ chỉ hạnh. Câu ban đầu nêu bày, y cứ vị giới tức khác với Tăng là: Tám giới Ba-la-di thì khác bốn giới sau, mười giới trong mười bảy giới Tăng tàn, mười hai giới trong chín mươi giới, trong Đơn đề là một trăm lẻ chín, tâm giới Đề-Xá-Ni tìm giới bổn ni đối chiếu sẽ thấy, nghĩa là sau giải thích khác. Văn nêu ba câu dụ bao gồm các giới khác, lược vì dẫn đó, chuyển trọng khác nhau, trong đó có ba:

1- Tăng tàn sáu giới (lậu thất, hai thê, hai phòng tăng trọng, ni khinh, sờ chạm tăng khinh ni trọng, thiên tăng tàn chỉ có câu nầy).

2- Xả đọa có chín giới (năm làm năm, sáu lấy y áo, bảy là giặt y củ, tám là gánh lông dê, chín là vỗ lông dê và Ni tội đột-cát-la, tăng phạm tội Ba-dật-đề).

3- Pháp Đơn Đề có mười ba giới (Một là ni làm y, hai là cho Ni y. Ba là ngồi chỗ khuất, bốn thời kỳ Ni hành pháp, năm là thời kỳ đồng thuyền, sáu là thời kỳ an hành, bảy là thọ khen ăn, tám là khuyên đủ ăn, chín là ăn ngon, mười là ông kim bằng sừng, ngà voi. Mười một là tọa cụ quá lượng. Mười hai là áo che ghẻ. Mười ba, là đồng lượng y của Phật, tăng phạm tội Ba-dật-đề, Ni phạm tội Đột-cát-la).

Có, không, thiếu lẫn nhau, trong đó có hai:

1- Tội xả đọa, ni không có hai giới (xin y mưa quá trước, hai là Lan-nhã lìa y).

2- Đơn đề, ni không có ba giới (Một là liền dạy ni, hai là nói pháp đến chiều tối, ba là quở trách người dạy Ni).

Duyên đồng phạm, khác cũng có hai:

1- Một giới xả đọa (Bát chỉ đồng tội Ba-dật-đề, tăng khai mười ngày, Ni chỉ một đêm)

2- Năm giới đơn đề (kết tội đồng Ba-dật-đề, duyên tướng có khác. Một trái thỉnh, hai ăn no, hai giới chế một lần. Ba là cho ngoại đạo ăn,

gồm cả cư sĩ nam. Bốn năm chưa đủ cho hai năm học (giới) pháp, năm áo tắm mưa thường khai).

Trên y cứ Sớ Sao để rõ lại dùng nghĩa tìm. Tám pháp Ba la di thì có bốn pháp sau cùng hai pháp bất tịnh tức là có và không. Tám pháp Đề-Xá-Ni bốn tám đối nhau cũng tức là có không. Đối món ăn ngon cũng đồng, khinh trọng mà sau chỉ thiên. Ni, như trên nhiều khác không thể nêu hết. Cho nên khi soạn cốt yếu mới đưa vào hạnh riêng, thạnh hành là thường làm, khó biết nghĩa là nó sâu kín ẩn mật, xen chuyên một nghĩa cũng đã không nêu, tức như thiên sau chỉ nêu sáu giới. Trong Ba-la-di nêu ba, là xúc thứ tám và hai món trong che giấu. Nói người bốn xúc chạm, đơn đề nêu ngăn tiếp tục một giới và một câu sau chỉ bày việc làm.

(tờ 176) Nói về các hạnh: Sau nêu bảy môn, trên tức tùy giới một môn, sáu món khác đều thuộc các hạnh. Nghĩa là thọ sám, nói tự tứ, an cư, thầy trò, mới ở sau gồm chỉ. Trong ý kết, hai câu trên kết trước. Chia tông loại tức từ trước đã rõ thông, bít, đều khác. Chưa hiển đến tuyên là không rõ ý, đến của lập giáo đồng hay khác, các phần sau chỉ rộng. Không đồng ý, tức ở trên chỉ, làm tướng riêng đều có lý do. Đại Sớ có chỗ bẩm thọ Thủ Sư Luật Sớ quyển hai mươi của Tổ Sư, mà nói đại hoặc nói theo đại bộ, hoặc lựa chọn hai sớ giới nghiệp của các nhà ngày nay, vì chẳng phải gọi là Tôn Sư. Nay thấy nghĩa sao, Giới sớ không thể chép rộng, người học tự tìm.

Môn thứ chín, nêu rằng: Đồng khác có hai, ban đầu rõ Sa-di tức đối với Đại tăng, sau rõ Thức-xoa tức đối với ba chúng. Trọng Sa-di, khoa đầu hai câu trên nêu tên. Tiếng Phạm là Sa-di, Hán dịch là Tức Từ (tức là dứt sự nhiễm ở đời, Từ là giúp chúng sinh). Như sau rõ thể đồng. Nghiệm sau bày tướng cuộc hạn, thì sau bày rõ hạnh khắp. Bằng với cát bụi là đúng bản thể, cho nên ở sau nói rằng: "Trừ pháp yết-ma không ở số dụ còn bao nhiêu các hạnh đều chế đồng tu". Kết sau rõ phạm.

Thiên thứ năm, tức Đột-cát-la, bất luận già tánh, đại khái kết cát-la chỉ bày giáo khinh cho nên đến sau rõ vị. Các giới cuối tức chỉ cho quảng luật và nêu giới sau phân biệt cao thấp. Cho nên hỏi "thể đã là đồng đâu lại chia lớn nhỏ?"

Đáp: Cảnh lượng tuy đồng, nhưng chí nguyện rất khác, có nguyện hay không nguyện đâu không nói ư?

Hỏi: Nếu vậy đã khắp trần sa, sao chỉ nêu mười?

Đáp: Nếu nói về giới thể, ban đầu ở ba quy y, sau nói mười giới là lược bày tướng kia. Như Đại tăng nêu bốn giới trọng, cho nên sau nói

rằng: "Lại bày mười giới ưa phạm nêu trước, còn bao nhiêu chưa biết thì hai thầy dạy riêng".

Trong phần nói khác, nói từ ngoài ấy, như năm đức, mười số, trì y, thuyết tịnh, nhà riêng nói tự tứ, có duyên đào đất, v.v... đều như thiên sau, sự có phải trái cho nên nói là lấy bỏ. Sa-di như bổn thiên, Sa-di-ni là phụ vào pháp ni, nên nói "đều xong".

Kế trong Thức-xoa, văn ban đầu, câu tiên là nêu tên, Hán dịch là Học-pháp-nữ, do Ni tánh tình yếu đuối, thuộc trong tiểu học, nêu riêng sáu hạnh làm đủ phương tiện, hai năm thì xem xét coi thai có hay không, sáu pháp thì rõ hạnh trinh vững chắc. Luật Thập Tụng gọi là luyện thân luyện tâm, tức là nghĩa nầy. Sáu pháp sau rõ thể đồng Sa-di, tự sau rõ hạnh đồng ba chúng. Sáu pháp là: 1- Xúc chạm. 2- Trộm bốn tiền. 3- Giết súc sinh. 4- Tiểu vọng ngữ. 5- Ăn phi thời. 6- Uống rượu. Học tông gọi đây là hạnh bổn.

Nói học có ba: 1- Học căn bản (Bốn giới trọng). 2- Học pháp (tức sáu pháp). 3- Học hạnh (tất cả hạnh của Tỳ-kheo-ni).

Không còn phát là do Thức-xoa-ma-na Ni chuyển căn thành nam, tức vào Sa-di tăng. Nghiệp Sớ chép: "Học pháp nữ nầy không có giới thể, nhưng thọ biệt giáo, vị hơn Sa-di", do người không hiểu nên ba chúng có ba giới thể.

Hỏi: Sa-di-ni giới đã khắp trần sa, vì sao Thức-xoa mới thực hành sáu pháp này?

Đáp: Soạn đây ưa phạm tội trọng, lại y cứ gìm lại. Vô thể lại phát tức là nghĩa nầy.

Đồng ba chúng là chỉ cho văn sau. Đồng Đại Tăng thì đủ ở các thiên. Đồng Tỳ-kheo-ni. Sa-di thì đều như thiên khác. Sa-di hợp một cho nên nói ba chúng trong biệt hành, như không cho Sa-di-ni được cùng Tỳ-kheo-ni thọ ăn, văn sau nêu đủ.

Môn thứ mười nêu trong phần Sao là tự hiệu của Tổ sư, dẫn ba câu sau tức gồm ba khoa. Nhưng khoa nói cân nhắc là đối với sau có hơi khác, nhưng sau nói "Sao hưng" là chỉ rõ ý sao lược. Ở đây nói khoa châm chước là chánh rõ mưu lường xứ, trước sau tên khác cộng thành một ý.

Nói Chánh kinh, chánh là nhập vào các chánh lục, Kinh là dạy pháp dạy thường, tên gồm chung riêng, gồm cà ba tạng, riêng ở Tu-đa-la, nay đây từ thông để thâu các bô. Trong luật, luận Tiểu thừa lại chia làm ba, ban đầu rõ các luật, nói đủ là Ma-ha Tăng-kỳ, Hán dịch là Đại Chúng (từ chúng làm tên tức hang của nội bộ). Đàm-vô-đức cũng gọi là

Đàm-ma-cúc-đa, Hán dịch là Chánh Pháp, cũng nói là Pháp Hộ, Pháp Cảnh, Pháp Mật (từ người mà biết tên). Tát-Bà-Đa, hoặc nói là Tát-Bà-Đế-Bà, Hán dịch là Hữu (cũng gọi là Nhất Thiết Hữu, từ chấp mà đặt tên). Di-sa-tắc, Hán dịch là Bất Trước Hữu Vô Quán. Ca-diếp-di cũng gọi là Ca-diếp-tỳ, Hán dịch là Trùng Không Quán (cũng từ chấp mà đặt tên). Sáu bộ trên, bốn bộ trước, Giới bổn quảng luật Hán đã dịch, tức căn bổn được một, năm bộ kia được ba. Dịch truyền thời đại, đủ như trong Giới Sớ. Hai bộ sau y cứ vào phi, như sao nay đã dẫn, tướng nhân nêu đó biết tên mà thôi. Chú rằng: "Y đại tập, nghĩa sao đã dẫn". Ba tạng truyền miệng và Di giáo, Pháp, Luật, đều dùng Tăng-kỳ nêu vì năm bộ đã nêu khác nhau, cho nên ở đây chỉ bày.

Tỳ-ni kế sau nêu các luận, khoa nầy đã nêu tên là luật, cũng gọi tên Giới Luận. Bà-sa, Thành Thật, v.v... tự trình bày kinh luận, người xưa không hiểu nói rằng "luận Tiểu thừa" truyền lầm rất lâu. Đa Luận, người sau chú và truyền tức thầy trò truyền. Luận chú chép: "giải thích Chánh Lượng Bộ", đây cũng trong Thượng Tọa Bộ chia ra, luật nầy không đến Trung Hoa, tức rõ luận là sở tông. Chân Đế ở đời Trần, dịch ba tạng kinh, nêu ra Sớ năm quyển giải thích luận, văn kia chưa lưu hành đến Đông nam.

Ngũ Bách Vấn Pháp cũng nói là Ngũ Bách Vấn Sự kinh, nêu cốt yếu luật nghi Lương Võ Đế Tập 20 quyển, tự ba quyển sau chỉ rộng. Như Tam Thiên oai nghi, Luật Tỳ-Bạt quyết chánh hai bộ luật luận, v.v... đều là bộ của luật (có thuyết nói hai bộ, mười tám bộ, hai mươi bộ, hoặc nói rằng: Kinh Di giáo, Ái Đạo, v.v... đều sai). Kế là hai Luận trong kinh luận cũng tức đại tiểu, đây gồm hóa giáo. Trong kết lược, Phí trường phòng sau Chu Cao Tăng, Chu Võ diệt pháp là Học Sĩ dịch kinh. Văn Đế đời Tùy vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy soạn Lịch Đại Tam Bảo Lục, 15 quyển, nay thấy trong Đại Tạng.

Kế rõ dị chấp, trong nêu có người cho là hai Sư Thông, Phú ban đầu truyền Tứ Phần, Tổ Sư không hợp khoa làm dị chấp. Nay cho rằng nói dị chấp là tên các chấp kia, thì có gì mà chê? Dầu cho vọng hiểu, đâu không suy nghĩ chỗ bẩm thọ trước của Sư cũng nêu ở sau. Lại trước nói rằng: "Năm bộ dị chấp" thì bộ chủ của sở tông cũng ở trong đó, sao lại hùa theo Thông, Phú ư? Chẳng phải bậc Thánh thì không pháp tức người đây. Trong nêu bày đã nêu các Sư và nêu ra Cao Tăng Truyện, xưa ghi rộng dẫn, nay thì khác, nếu y chỗ chép lại nào khó, nhưng e luống công, phí thời giờ lẫn lộn ý chỉ Sao, hẳn muốn biết thì lấy truyện mà tìm hiểu. Nay chỉ nêu tên, lược chú Sư bẩm thọ.

- Pháp Thông (vốn người đời Ngụy, vốn học Tăng-kỳ, ban đầu truyền luật Tứ Phần, truyền luận rằng: "Từ ban đầu thầy khai luật hiệu là Pháp Thông).

- Đạo Phú (đệ tử của Pháp Thông, Pháp Thông chỉ truyền miệng, Đạo Phú bèn soạn Sớ sáu quyển, truyền luận rằng: "Chỉ là khoa trưởng đến nghĩa cử thì chưa nghe ở đời".

- Tuệ Quang (từ Quang đến Huy đều là người đời Bắc Tề, Quang y theo ban đầu soạn Sớ 10 quyển, sau cắt thành bốn quyển, cho nên nói rằng "lưỡng xuất".

- Hồng Lý (Sao hai quyển)

- Đàm Ẩn (Sao bốn quyển)

- Đạo Lạc (Sao bốn quyển, ba Sư đều là đệ tử của ngài Tuệ Quang)

- Hồng Tuân (ban đầu nương học Đạo với Đàm Ẩn, sau nghe Đạo Huy giảng, làm Tăng Thống cả nước cho nên lấy tên nầy.)

- Hồng Uyên (bẩm thọ Hồng Tuân, sau soạn Sớ, không biết nhiều ít)

- Đạo Vân (Sớ chín quyển, Sao một quyển)

- Đạo Huy (Sớ bảy quyển)

- Pháp Nguyện (ba Sư trước đều là môn nhân của Tuệ Quang, Pháp Nguyện người đời Tùy, Sớ mười quyển, Sao hai quyển)

- Đạo Hồng, Pháp Thắng, Trí Thủ (đều người đời Tùy, nương Hồng nghe học, ban đầu được truyền thừa của Tổ Sư)

- Pháp Quang (đệ tử của Hồng Uyên, Tổ Sư cũng thường theo học một tháng, hiện nay sớ vẫn còn)

- Cơ Sư (Tăng truyện không chép)

Trong kết chỉ là Đàm Viện (người đời Tùy)

- Tăng Hựu (người đời Lương, tức tiền thân Tổ Sư, hai thầy đều trước học Thập Tụng sau truyền luật Tứ Phần, không rõ soạn thuật)

- Linh Dụ (người đời Tùy, Sớ năm quyển)

- Hồng Biểu, biểu là ngoài, hoặc nói rằng Hồng Ngoại, Hồng Tả đều chỉ cho Ngô Việt, ở ngoài Giang Hán. Quan nội tức kinh, chẳng phải Giang Nam tức Lạc Dương. (tờ 177) Thục ô tức hai châu Đông Tây.

Chỉ cho nghĩa Sớ, chưa thấy văn kia, trước nay chỗ rõ đều là Sao, bài tựa trước chép rằng "Bao cả dị bộ"..., bốn câu bao gồm có thể thấy, Lạc trong Dị Chấp truyền diễn tuy nhiều mà không ngoài sáu chấp, cũng như trên đã dẫn.

Kế nói về ngụy kinh. Một, là đời phần nhiều không biện tùy được lạm dụng. Hai, là sự trái chánh điển, trái là chấp cứ, như ba trăm phước phạt, ba mươi sáu thạc, các lương thực. Năm bộ năm mầu y, dùng tiền mua đồ ăn Phật, v.v... đều như sau phá. Nay tông trích dẫn đều y cứ chân văn, khiến người sau học sinh tín, hành sự không nghi, ý chương nầy như vậy.

Trong nêu bày, kinh luận tham nêu hai mươi lăm bổn, kinh có mười bốn, luận có mười một, ở trong ấy Chư Phật đều có hai bổn chân ngụy. Tông khác hoặc dẫn đều chánh bổn, kết chê bai có thể biết. Tùy Văn Đế ra lịnh trong Trường Phòng Lục chỗ không thâu đều đem đốt, xem xét đó không hết, đương thời vẫn còn dùng cho nên đây chê, nhưng Ni sao, Nghĩa Sao hoặc lại trích dẫn, chưa rõ ý gì? Trong Sao Hưng nêu nói là "bổn ý", sau nói rằng "gặp cơ có dùng đồng với ở đây".

Trong phần Chánh thức nói khoa ban đầu gom nhiều về ít cho nên nói là "nhiếp lược", nêu một chung các tên để bao gồm, còn bao nhiêu như trước giải thích.

Khoa kế, trí là hiểu biết, lượng là đo lường xem nhẹ. Du ngôn tức tự chỗ sao lại đạo pháp. Hai chấp có, không đều là sai trái, bốn chấp công kích nhau gọi là hí luận, nay lượm lặt các sách, lấy bỏ của các nhà dịch, e nghi đồng kia cho nên phải ngăn đó.

Trong chánh tông, văn ban đầu, câu trên suy tôn thấy rõ sự sai trái tự dứt, câu kế trình bày nỗi lòng của mình, nói cần bỏ đi. Thường sau chánh tự lại lược bỏ bớt. Hai câu đầu nêu xem xét. Phú nghĩa là lật trở. Bốn câu sau nói về chỗ san (lược), một việc nêu ít so sánh với nhiều, một việc còn vậy huống gì hành sự một bộ thì phiền nhiều kia có thể biết. Trong văn, phiền nhiều có hai lớp:

1- Phế lập nhiều: Các nhà hướng về nhau.

2- Tình chấp nhiều thì các nhà tự luận.

Nay sau nêu bày hay san cũng có hai:

1- Toàn bỏ san: Như pháp thọ giới và mười ba nạn yết-ma giới bổn, v.v... đều rộng nêu nghĩa môn, nay sao không chép.

2- Đối phá san: Như sau chỉ nói rằng "các thuyết khác nhau, giải xưa nhiều đường, bỏ nghĩa xưa, v.v... mà không ủy dẫn thuyết kia.

Như vậy tự nhiên giới thể rộng hẹp, vuông tròn, ba tiểu lập tướng an cư, thọ nhật, v.v... đều phần nhiều xưa giải mỗi mỗi nêu phá. Đây chỉ nêu thẳng nghĩa nay, dẫn bày giáo pháp, chứng minh để được lòng tin, cho nên nói "nay đều đồng". Lại dẫn một việc, bao nhiêu y theo đó mà rõ, như sau hỏi rằng: giới tự nhiên là vuông hay tròn?

Đáp: Xưa nói nhất định là vuông (sau dẫn thuyết kia thì san lược). Sau dẫn Luật Thập Tụng, Bổn Luật, luật Ngũ Phần, Thiện Kiến, Liễu Luận, v.v... vẫn nói là "rộng dẫn thành chứng minh nhất định là vuông phải bỏ đó (đây nghĩa là chỉ giữ văn chứng minh). Đầu đề văn san phiền chỉ y cứ theo đây, như trên đã nêu tưởng không hoặc.

Chỉ bao nhiêu trong nghĩa, nhưng nay sao nầy đều tùy san lược mà các Sư giải thích chưa hẳn hoàn toàn sai, hoặc chương nghĩa mở cửa nẻo kia, hoặc hỏi đáp giải thích chỗ sâu xa nhỏ nhiệm, vì sao trong đây một bề trừ bỏ? Văn rõ ý nầy y cứ hợp giữ, chỉ do khó hiểu, không xem thường người mới học. Cho nên riêng vì một bộ gọi là Nghĩa Sao, văn có ba quyển, quyển hạ đã mất, cho nên nay chỉ văn kia phần nhiều bị thiếu. Nghĩa sao khởi đầu mối rõ văn ở đây, xưa phần nhiều nói sai, hoặc nói "hai Sớ dư", hoặc nói "hai sớ khỏe bổn", như riêng đã phá. Nói đủ là "Thiệp Tỳ-ni Nghĩa Sao, ở đây chỉ nói lược, dùng chữ "Tập" thay vào. Sau riêng nói Nghĩa Sao, Biệt Sao, đều dụ cho ở đây.

Trong Văn thông vẫn dung, bao nhiêu luận khác gọi là Nghĩa giải, dung thuyết kia là rõ kia có thể giữ. Hai câu trên rõ sâu xa của nghĩa, từ hai câu dưới rõ không ích cho sơ tâm. Nói thông giải là người có mắt biết rộng hiểu sâu, đủ dưới chánh chỉ văn kia, rõ trong không đủ ngăn sự nghi ngờ ở đời rằng: "Nghĩa chánh giáo ba tạng không sửa chữa, vì sao trích dẫn liền có lấy bỏ?", cho nên ở đây giải thích dẫn chứng cứ. Ban đầu rõ ý lấy, kham vào tông, hợp hành sự nay. Từ sau chỉ các chỗ khác, tóm yếu bao gồm là sở tông của Sao, bàn ngang văn phần nhiều là điều kỵ ngày nay, nên nói là "chẳng phải ý của Sao", cho nên ở sau dẫn chứng.

Ban đầu dẫn bổn luật đưa ra ba mươi quyển, kế dẫn Mẫu Luận đưa ra thứ sau, đều là Tỳ-kheo nói pháp cho người không thể nói rộng, bạch Phật, nên cho văn luật đủ, dẫn luận lược lời bạch cốt yếu nghĩa là tinh yếu phải gồm nhiếp. Diệu tức là khéo léo thích hợp căn cơ. Bày chỗ làm là ý của sao. Kế vọng tức là phỏng vấn. Trên rõ pháp có thứ lớp không nhờ tìm nơi khác, sau rõ sự chuẩn thừa, không nghi ngờ được mất, đến cơ có dụng, hai câu tức sự tức hạnh đối nhau, lời khác nghĩa đồng, bốn câu nầy là đại tông của một bộ, riêng khác các thầy vượt cao chín đời, suốt cả ý chỉ khéo léo của Như lai mở môn giải thoát chúng sinh.

Tam Bảo sở dĩ trụ trì, năm thừa sở dĩ phát huy là do công phu nầy, là do đề mục hành sự ở đầu đề, lời dạy bảo khắp ở một bộ, hễ dẫn dắt chúng là do môn nầy. Thiền, giáo tuy khác mà đều nhận ơn, muốn tìm

rộng giúp có thể nói kể hay sao?

Ngăn vọng thêm tức là Thánh ý, xa xem vị lai đều khởi giải thích, quyết trái bổn thú cho nên ở đây ngăn. Ban đầu chép vọng thêm: Không là việc gấp, tức chương ký các Sư đang hiện hành ở đời, hoặc rộng bày pháp tướng, hoặc nhiều tạp sách thế tục, cuồng che tông Tổ làm mờ mắt trí, xin rõ lời dạy của Thánh, tự có thể xét, khiến sau kế rõ lỗi hoạn. Câu trên rõ hoại giáo, nay Sao trước sau đều khảo cứu Thánh điển, nên nói là "Chân tông". Câu kế rõ hạnh mê, giáo hạnh cả hai đều quên thì phá giới làm ác, chẳng phải Sa-môn, như loài chim chuột, ở đây xuất xứ từ kinh tạng Phật. Kia rõ Tỳ-kheo không tu giới hạnh, chẳng phải đạo, không phải thế tục, giống như con dơi chẳng phải chim cũng chẳng phải chuột, dẫn đủ như trong thiên tụ, ý cho là Sao, đây đã cùng người biết nâng lên, do kia uế tạp, sau tiến lại mê, nên nói là "Lại giữ ".

Tư Nhật là thông chỉ chung thời này, tức người học ngày nay chuyên nghiên cứu chương ký, tranh nhau giảng nói biện luận để làm kỹ năng cho mình, thân phạm tội nặng Ba-la-di, miệng nói giữ tội nhẹ Đột-cát-la, tự cho là tinh thông, rõ là trộm tướng, lại tổn hại của bốn phương. Khéo hiểu khoa dâm, càng mê mờ ba đường, chiều nhai nuốt mà còn nói giới không ăn quá ngọ, tối uống rượu mà vẫn bàn giới cấm rượu. Trước mặt người thì xem xét tướng mạo, dối hiện oai nghi, ở chỗ vắng thì không hề kiêng sợ, bọn nầy trông thấy chữ đâu là nói dối. Bởi lầm trái chương ký, lại là sự tầm thường của thầy không khiến dạy với không khiến, người mù dẫn bọn đui, Chân tông Tổ Sư gần bặt từ đây, khi gặp ý nầy bất giác thở dài, nhân ghi văn nầy càng thêm đau xót, tự chẳng phải bậc Thánh xem xét thì ai thấy được lòng buồn của tôi.

Trong tổng kết, ba câu trên kết trước, tóm lại thì nghiệm mười môn, chẳng phải tựa riêng đã nói. Các môn tức các thiên dưới, thì rõ trong giáo khởi chỉ các môn chẳng phải chín môn đã rõ. Triết biện, như sau chỉ rộng có thể biết. Biệt luận thì ba mươi thiên, vọng tựa là riêng đã rõ. Đoạn lớn thứ ba chỉ bày hành tướng đã nói, ban đầu trong bày chung là nhà ở, cửa Phật rộng lớn dung nạp trong đó dụ như biển. Tăng bẩm thọ sự giáo hóa của Phật liền ở trong đó, như phạm trọng cấm gọi là biện tội, nghĩa là trôi ra ngoài biển Phật pháp. (tờ 178) Lưu tức là nước pháp có thể nẩy mầm các vật, cho nên so sánh với nước. Xí dự là năm chúng, đây rõ thân Tỳ-kheo đầy đủ Tam Bảo, chỗ tu pháp hạnh tuy vẫn muôn đường, do chúng tự cùng nhiếp không đâu chẳng cùng tận, nhưng y cứ hạnh thể chỉ là hai trì, chỉ đến trong việc làm chọn riêng một mẩu. Tăng làm pháp yết-ma cho là chúng hạnh, còn bao nhiêu tạp pháp

chung qui về cộng hạnh. Muốn cho hai phần cương mục chúng khác không lạm cho nên nói rằng “chỉ ba vị”. Trong biệt đối, ban đầu rõ tự hạnh, câu trên rõ bền chí nhiếp tu, câu kế chỉ bày học biết giáo tướng, ra khỏi Thánh đạo không giống tà thuật, cho nên nói là “chánh giới”, văn chỉ thể tướng quyết đủ pháp hạnh, thể phụ giải thích tướng, tướng gồm bốn thiên, hai chữ “cố thử ” gồm ở quyển trung.

Từ sau kế rõ các hạnh. Câu trên tiếp trước, câu kế chánh chỉ bày. Hễ làm tăng sự hẳn trước lựa chúng, cho nên cần thể trong sạch mới nên thưa bạch. Nói cương lãnh là đối mao mục ở sau. Giúp nhiếp trụ trì còn ở chúng pháp, tùy sự tu trì ở nơi hạnh riêng, chúng pháp còn thì biệt hạnh tu, cương lảnh nêu thì mao mục chánh. Trên, dưới, tác trì, phân chia ở đây, tự tha dưới rõ cộng hành. Câu trên chỉ bày hành tướng, hễ làm đạo chúng, kia và ta đồng cần tức là cộng nghĩa, cho nên nói là “hai đức”, đức cũng là hạnh. Câu sau rõ phiền nhiều, trừ Tăng làm pháp yết-ma, tất cả tác hạnh đều qui về cộng thâu, chỉ cộng hành đây nhiếp nhau rất rộng, cho nên nói rằng “nhiều đường”. Hoặc có thể câu trên tiếp hai hạnh trước, câu kế tránh bày hành tướng, nghĩa là quyết cần cộng hành giúp thành tự chúng, cho nên nói rằng “thành tướng có nhiều đường”.

Hỏi: Hai hạnh tự chúng cũng chế đồng dẫn dắt, đâu chẳng phải lạm nhau hay sao?

Đáp: Tự hạnh thì hộ thể phòng tâm, nghĩa là chẳng phải cùng cái khác, chỉ làm thể riêng, ở đây không ở lời để bàn các hạnh. Làm lụng sự nghiệp phần nhiều vì người khác, nghĩa chẳng phải hạnh thường, có duyên mới nêu. Cộng hành không phải như vậy, nhật dụng thường cần, là tăng đều bẩm thọ chương mục riêng, như y, thuốc, bát, đồ đựng kim, mời dẫn đạo người đời v.v..., so sánh hai hạnh của tướng riêng có thể biết. Nhưng đề mục ba hạnh, người xưa đã truyền, nếu lấy văn nầy rõ nêu tự hạnh, lại trước nói rằng quyển thượng thì nhiếp việc chúng, tức tự chúng hai hạnh danh nghĩa rõ ràng chỉ là cộng hạnh. Tuy là không văn nói hai đức, nghĩa lấy không sai, xưa phần nhiều vọng giải không khỏi lời nhiều (xưa nói rằng bốn vị yết-ma là chúng hành, một vị tâm niệm là tự hành, hai vị là cộng hành là sai).

Hỏi: Văn trước đã chưa, vì sao lại buộc?

Đáp: Trước xếp vào năng thuyên thì dùng văn nhiếp hạnh, ở đây nói sở thuyên thì chỉ hạnh ở văn. Tuy văn hạnh đều rõ mà cả hai chánh ý đều riêng.

Hỏi: Trước quyển thượng ở đầu, đây thì chỉ có quyển trung làm đầu, vì sao lại không đồng?

Đáp: Ý như trên đã giải thích.

Hỏi: Nếu vậy vì sao không y theo thứ lớp hạnh để tự hành làm quyển thượng?

Đáp: Đây có hai ý: 1- Y cứ thứ lớp của hạnh thì trước chỉ sau tác, tự hạnh hợp đầu. 2/ Y cứ sự hơn kém thì trụ trì công lớn chúng cần để ở đầu. Cho nên tựa luật nói rằng: “Do chúng hòa hợp cho nên Phật pháp được lâu dài”, nay lấy ý sau như văn đã nêu.

Trong song kết, cả hai giáo hạnh đủ nhiếp hết các căn cơ. Hai câu đầu khoa kế là nêu khó, nghĩa là sự tùy thiên loại, thì khiến ba hạnh xen có gởi vào, như quyển thượng nêu tông cũng rõ pháp thể hành tướng và xả giới, sáu niệm, riêng người, nói tự tứ, biết nghi, phát lồ, v.v... thì chúng hạnh gồm tự và cộng. Lại quyển trung, trong sám sáu tụ, chúng biết hối pháp thì tự hành gồm chúng và cộng. Quyển hạ, nhiếp y, nhiếp thực, vật của người chết v.v... các pháp yết-ma và tạp hạnh v.v... thì cộng hạnh gồm tất cả Chúng và Tự. Ba hạnh xen nhau không thể xếp riêng vào một loại, cho nên nói là khó. Như sau giải thích cái khó ấy, tướng thành lỗi nhiều, thiếu.

Hai câu trên bày lỗi thiếu lược. Đường dài tản giải thích, nghĩa là không ước thâu tóm ba hạnh. Ít thảo luận nghĩa là không xứng cơ. Do lời không chỗ qui thú, người khó xem xét, cho nên hai câu sau nói về lỗi phiền tổn. Lời cong chia, nghĩa là theo quyển tùy thiên, rõ ba hành lựa xếp. Lỗi ở phiền toái là loạn giáo chỉ. Trong ba hạnh đầu nêu bày, nay phán. Hai câu trên chánh bày hai lỗi đối phiên. Tùy nghi là lìa lỗi ít thảo luận ở trước. Y cứ lược là phiên trước cong chia. Kết chung nghĩa là phần lớn ba hạnh, phiên trên tán giải thích. Chỉ quy là tuy có gần nhau mà nêu hạnh nhiếp thuộc, lìa lỗi phiền toái ở trên. Hai câu dưới rõ ý, khiến cho là linh với người sau, giềng mối tức ba hạnh. Mao mục tức các thiên sử song hành tướng, sau kết khuyến, câu trên khuyên học mở sự hiểu biết, câu dưới khuyên tu để thành hạnh. Tái là lặp lại.

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 1 - HẠ)

Đầu đề quyển thượng như trước giải thích, nay gồm chia đối lược có bốn điểm khác nhau.

1- Y cứ năng sở, ba chữ trên đề luật là sở tông, bảy chữ dưới đề Sao là năng tông. Lại trong đề luật, Tứ Phần thuộc về năng tập, Luật là sở tập. Trong đề Sao, ba chữ san, bổ, hành là năng. Ba chữ phồn, khuyết, sự là sở. Lại chữ Sao là năng, hành sự là sở.

2- Y cứ chung riêng, đề luật là chung, suốt các bộ cho nên đề Sao là riêng. Cuộc hạn văn nay cho nên Tứ Phần là riêng, một trong năm cho nên chữ Luật là chung, các tông đồng xưng cho nên sáu chữ San... là riêng. Vì không chỗ lạm cho nên chữ Sao là chung, do dung hợp nhau.

3- Y cứ theo người chia, luật là Phật chế, Tứ Phần là bộ chủ tập, sao do Tổ Sư soạn.

4- Y cứ tiếng Hoa, tiếng Phạm. Ba chữ trên dịch Phạm thành Hoa, dưới đều là tiếng Hoa, Phạm nói là Chiết-lý, Chất-lý, Hán dịch là Tứ Phần, theo phong tục xứ nầy nên xa đổi lời kia. Biện luận tiếng Hoa, tiếng Phạm như trong giải thích tướng, rất biết phiền toái giảng học, phân tích văn chẳng được không, người quên nơm lại phiền hoạn gì, bọn chấp chỉ không nói cũng chấp, đâu thể nào không?

Trong thiên nêu tông khuyến học. Văn cuộc hạn quyển thượng, nghĩa gồm một bộ. Mười một thiên sau chánh rõ chúng hành, nhưng thành biện Tăng sự phải nhờ bốn duyên: Nhân, pháp, sự và xứ, thiếu một không thể được. Nay các thiên nầy y theo đó mà nêu. Thứ hai, ba, bốn là người năng bỉnh, thứ năm là pháp bị bỉnh (thưa), thứ sáu tức pháp sở bỉnh, về sau sáu thiên là pháp được giúp. Sự lại có ba, bảy và tám, chín tức có tình sự, mười và mười hai tức chẳng tình sự. Một thiên an cư tức hai hợp sự (vì người y xứ, nếu y cứ trong thiên, chia phòng, thọ nhật, đều là phi tình như vậy).

THIÊN GIẢI THÍCH NÊU TÔNG:

Văn của một bộ bao gồm văn thể ba tạng, chánh ý chỉ về giới luật, cho nên ngay khi nêu ra chánh tông rõ bày đức tốt, giúp phàm phu học tập có chỗ để tâm, không luống công sức, cho nên đặt thiên nầy ở đầu quyển.

Tiêu là chỉ dạy, tông là giới.

Hỏi: Sau nêu bốn món, cái gì là Tông?

Đáp: Nếu làm riêng chỉ có phán là tông. Sau nói là tông thể hoặc pháp thể, tông pháp xen nêu chỉ riêng nào có nghi ngờ. Nếu y cứ luận chung thì bốn món đều là tông, vì giới pháp gồm ba món khác. (tờ 179)

Nói hiển đức là rộng dẫn giáo tướng, khen bày công đưv1 của giới, nay biết bổn thọ chuyên khuyên giữ gìn, tức khoa sau nói rằng: "Thuận giới thì Tam Bảo trụ trì, làm việc Tỳ-kheo", đến văn có thể thấy. Từ xưa chương ký đều dùng khoa nêu tông làm thể, tăng rất mất ý văn, như sau công đó.

Nay rõ thiên nầy chỉ bày học tông, khuyến khích gìn giữ vâng làm, thông suốt các thiên gồm phát ba hạnh, là do Ni Sao đề nói rằng "Khuyến học", y cứ kia nghiệm đây mới thấy tâm Phật. Người học gặp văn càng phải dụng ý, dẫn dắt khai dạy rất tinh tường, muốn cho mắt trí mở sáng, đường học không bít lấp, đây mà không suốt thì các chỗ khác đều mất công khuyến khích.

Chú có hai ý:

1- Mở chương, vì trong thiên nầy không nêu riêng.

2- Tức giải thích đề.

1- Do hai môn nầy hợp nhau, đó là đề mục, e người không hiểu cho nên chú thích. Khen giáo trong văn, chữ Luật là pháp, dưới biển đều là dụ, nay trước nêu dụ, sau đó hợp pháp. Ba chữ đầu rõ dọc sau, câu kế rõ ngang rộng, tuy hai câu sau rõ dung mà không tạp, thắng hai câu sau rõ miễn mà không lạm, xung cũng dạy sâu, lần lần sâu vào, đâu có cùng tận. Thông muôn tượng là trời đất muôn vật đều nhờ thấm nhuần. Bao gồm, v.v... là trăm sông qui về, không giữ thây chết là vì tình trong sạch. Đằng nhạc là thế buông lung, nhạc dụ cao kia, mây dụ sự cho động kia là dụ trong dụ. Triều không lỗi là lên xuống có giờ, cho nên pháp hợp giữa và đầu hợp dọc sâu. Chư Phật lâu xa, ba thừa Thánh Hiền do giới giúp thành đến hiện tại vị lai lần lựa không cùng, cho nên giới sớ nói rằng "Trước tròn thánh quả, sau đủ nhơn hiền". Dần sinh nghiệp đời, sau lần lựa trụ trì, chúng sinh không cùng, giới cũng không

cạn, tức giới bổn nói rằng: "Như Chư Phật quá khứ, chư Thế tôn hiện tại và vị lai đều tổn kinh giới".

2- Hợp ngang rộng ba nghĩa mà giải thích:

A- Rõ khắp cảnh. Pháp giới mười phương, hai báo y chánh, tình và phi tình đều là Giới.

B- Y cứ nghiệp cấm: Ba nghiệp, bốn oai nghi, tạo tác hành động ba ngàn tám muôn đều là thánh chế.

C- Y cứ theo giúp hạnh: muôn hạnh do đây mà sinh, các thiện đã trụ ba thánh đạo thành tựu đều do giới xem xét.

Cho nên hợp trong thứ ba giới pháp hoằng thông lời thầy dạy trong chín đường. Người gồm thâu cả bảy chúng, thú là gồm phi nhân và súc sinh (bổn tông nhận chung năm tám) nhiếp giúp không sót, cho nên nói rằng "không ngoài", nhưng thì hoặc trái trọng cấm, giáo đã không dung. Năm chúng thì tro bụi nhiễm ô dòng trong sạch quyết thêm phạt diệt tẫn, còn bao nhiêu thì vào đạo không lợi ích, thường chướng ngại xuất gia. Nếu luận trị diệt tẫn thật thông các thiên, nhưng đối với thay chết cần ước bốn giới trọng, tức lời tựa luật chép: "Thí như có thây chết, biển lớn sẽ không dung nạp, bị gió lớn thổi dạt vào bờ", các hành giả làm ác dụ như thây chết kia, chúng tăng không dung nạp, do đó phải giữ giới.

Hợp bốn thứ, là chỉ, tác, trì, phạm, tùy duyên khởi chế. Tuyên tướng hoạt bát dụ như sóng ngòi, nhưng thiên tụ nặng nhẹ, duyên phạm đủ, thiếu, định là phạm hay không, mảy may chẳng sai sót. Chúng biệt hành tướng tạo tác có oai nghi, như chẳng thành bại, không cho lạm khác, như triều có tín, pháp dụ càng bày. Luật nói "Biển có tám phép đặc biệt:

1- Tất cả các dòng đều đổ về biển.

2- Thường không mất hạn triều cường.

3- Năm sông lớn đều chảy về biển mà mất tên gọi cũ.

4- Năm sông lớn và trời mưa đều qui về biển mà không thêm bớt.

5- Nước biển đồng một vị mặn.

6- Không nhận thây chết.

7- Sinh ra nhiều châu báu.

8- Là chỗ ở của loài hình lớn.

Trong đây lược nêu chưa hẳn hoàn toàn đồng. Như bài tựa giới bổn, nhưng rõ hai đức hẳn muốn gương phối, đến văn tự dứt.

Trong khuyến trì, khoa đầu rõ việc của người xuất gia chỉ có hai việc: 1- Phải thọ giới. 2- Phải học đạo. Trong phần đầu, câu trên là nêu

người, phàm nghĩa chẳng phải một. Xí dự là đối sau. Mộc tâm là chỉ thân miệng. Phật pháp sâu xa nhiệm mầu, có lòng tin mới vào được, cho nên nói là "huyền môn". Khắc sâu chỉ bày chỗ học, khắc giống như phải. Thanh cấm tức giới pháp, giới ngăn bảy nghiệp, cho nên không cho trái. Hai là trong học đạo, câu ban đầu nêu người. Chánh đạo trọng sạch, tẩy rửa bụi trần, cho nên dụ như nước, mến luyến rõ chỗ tu, mộ tức chí niệm, nêu cốt yếu tức chỉ cho định tuệ. Định vắng lặng, tuệ sáng suốt, không theo dục trần cho nên không nhiễm đời. Trên y cứ ba học sự lý, nghiệp hoặc đối nhau để rõ, nên biết người xuất gia nghĩa không học, nghiêng về một bên, chuyên sự mờ đạo thì chẳng khác phàm phu ưa đạo quên sự, do đâu tu chứng.

Trên là đối rõ ba môn học, cho nên dưới hợp bày hai lợi.

Hai câu đầu chính là bày đức. Ích thời tức vật ngoại dụng đều giữ gìn, sinh thiện thành lợi tha. Vượt lưới trần, ít dục, bặt phiền lụy thành tự lợi. Bởi sau suy lý do kia. Hai câu trên rõ công lợi tha vốn do tịnh giới. Hai câu dưới rõ đức tự lợi thật nhờ định tuệ. Pháp tức là giới, đạo tức định tuệ.

Trong không học, khoa đầu, hai câu trên là nêu người. Kiêu mạt là thời, biết cạn là không hiểu biết. Dung kiến là đồng với trần tục. Tuy sau bày tướng thấy cạn, trước lại phân định hai câu đầu rõ ít học, hai câu kế rõ hạnh mỏng, hai câu kế nữa rõ tình sơ, lại hai câu kế nữa rõ chí bít lấp, cuộc hạn sau đến thể rõ là ngôn luận thế tục thấp kém. Danh tham là không thật đức. Truy phục tức mặc áo mầu đen. Không y Luật là trái thánh giáo. Cho nên sơ dã là không câu buộc, nên chân yếu cùng chân thú sau đều chỉ ba học ở trước. Phong dụ như đóng kín. Ôm gốc cây dụ kẻ ngu kia. (Hàn Tử nói: "Nước Tống có người cày ruộng, thấy trong ruộng có con thỏ chạy đâm đầu vào gốc cây gẫy cổ mà chết, do đó giải thích người cày ôm gốc cây mà đợi được thỏ nữa). Chí tức là tâm. Bặt trông thông là không hề thấy gì.

Còn đối với ngôn luận, hai câu đầu nghĩa là không thật khảo xét, cuộc hạn bít lấp. Chi dụ như ở, thủ là đầu. Câu nầy tiếp trên sinh dưới. Bốn câu kế rõ hỗn tập đồng thế tục. Sự tức việc đã nói, nghiên cứu sau nên tích học để so sánh. Ám thác nghĩa là không hiểu việc trước, tối tăm là đó. Thể tức là hiểu. Trong bốn cái bày lỗi thì điều ban đầu rõ lạm giáo. Thực hành trái chế vọng cho là y luật, cho nên là lạm. Pháp ty tức Luật tông, luật thật không phải vậy mà người ngu cho là vậy; cho nên là kia loạn, tức người học thế gian nói luật dạy người tự đổi chác áo vải nói là vâng lệnh vua; tối ăn cháo cổ chay cho là tùy phương tiện; ăn

nuốt phi thời vọng nói chưa hẳn là ác chữ; tham uống rượu thuốc lại nói bị bệnh phải trị; ngu tăng không học, truyền cho là khẩu thật (nói thật); dối Thánh loạn pháp có gì qua đây, người sau có hiểu biết phải cẩn thận chớ theo tà, buông lung về sau.

Kế rõ chuyên nhậm. Tứ là buông lung. Thuận tình mình là chẳng phải chế mà chế là buông lung. Trái ý ta là chế liền dứt gọi là đoạt. Sự đã trái pháp, người có ai chẳng theo, liền lấy oai võ ức chế mà khuất phục họ, cái gọi là Tỳ-kheo trì giới lại bị trị tẫn, cho đến La-hán cũng bị đánh mắng tức là việc kia. Bạo là hung ác, khắc tức là xâm hại, còn chẳng phải ba học so sánh. Tục tiết tức lễ ở đời, lễ để tiết chế con người. Khổng Tử nói: “Chẳng phải lễ chớ nhìn, chẳng phải lễ chớ nghe, chẳng phải lễ chớ nói, chẳng phải lễ chớ siêng”. Khúc lễ nói: “Ngạo mạn không thể thêm lớn, lòng dục không thể buông lung”, đây là sách Nho dạy hành động quyết hợp lễ không cho buông lung cao ngạo, thì đâu có người học đạo xuất thế lại thành buông lung, đến đỗi sau bốn câu bày tổn hai. Câu trên rõ đường học bít lấp, câu kế rõ diệt pháp luật, hai câu dưới là than thở.

(tờ 180) Bàn là tảng đá lớn, quẻ khốn Chu Dịch nói rằng: “Khốn ở đá, chiếm nơi cỏ ấu” (chú rằng: đá là vật cứng mà không nạp) dụ cho phàm phu ngu tối lạm làm thầy, vọng làm phi pháp, thì khiến người sau giải hạnh không tiến như bị khốn trong đá, nếu lại không học thì hổ thẹn rơi vào không biết như chiếm cỏ ấu. Đây là hiện tượng tới lui không thể được, đường đời chạm mắt đâu không rõ ràng, ở nhờ nên là ngựa vấp dây cương, hẳn lại buộc xe, hai điều nầy là vật cốt yếu của càng xe. Luật là quan trọng nhất trong sự giữ gìn, cho nên để so sánh.

Trong phần nêu hưng thế, câu đầu lời thông trên dưới. Trước chép biết cạn cho nên thế, sau khuyên sùng sự sâu xa hẳn khởi. Câu kế dặn người học sau. Lại sau hiển bày lợi ích trí Phật sáng rỡ, cho nên dụ như mặt trời, pháp có thể bẻ gãy nghiệp hoặc, cho nên dụ như vòng xe. Nếu được người kia thì Tam Bảo được trùng hưng, trái trước tráo trở suy sụp, cho nên nói là “tái”.

Trong phần chánh nói, khoa đầu mong sau giải thích tướng, cho nên nói rằng “lược chỉ”. Tông tức là pháp, chứng đều không nghi, khiến sau bày ý. Hưng nghĩa là phát tâm, kiến là lập hạnh, biết thể tấn hạnh thành nhân cảm quả, cho nên nói rằng “có nhờ”, như văn sau kết.

Trong lãnh thọ, văn đầu là hai, trước bày pháp thể. Câu trên rõ giới pháp có khả năng giúp người. Câu dưới rõ giới thể là gốc lập hạnh. Khí tức là cơ, lớn nhỏ, phàm thánh, đạo tục, bảy bộ thượng, trung, hạ

tâm đều giành được. Thú là qui thú, thể có công năng sinh hạnh, hạnh lại giữ gìn thể, dùng hạnh trông thể, thể là chỗ quy về, cho nên biết Tỳ-kheo dùng thể làm gốc. Lảnh nhận một chút sai sót thì trọn đời luống uổng, tan nát việc lớn một đời không thể cẩn thận hay sao?

Kế sau nói về được mất, ban đầu nói được, y theo phần thọ giới phải đủ năm duyên mới phát giới phẩm.

1- Năng nhận có năm:

- Phải là loài người
- Các căn đầy đủ
- Thân thể trong sạch
- Đủ tướng xuất gia
- Được chút phần pháp

2- Sở đối có sáu: Giới, Tăng, Đủ số, Nhóm hết, Bạch tứ Yết-ma và đủ giúp duyên.

3- Phát tâm cầu xin giới.

4- Tâm cảnh tương đương.

5- Sự thành rốt ráo.

Nay dùng một câu khéo sạch đối thâu một và ba câu xứng duyên liền thâu thứ hai. Một câu “mới liền” tức thâu bốn và năm, khắc dụ như bên được.

Như kế nói về mất. Ba câu đầu nói về duyên trái không được, tức ngược năm duyên không đợi hoàn toàn sai, có chút sai trái liền mất cho nên nói “mảy may”. Đồ là hư luống. Toàn sau bày lỗi không giới, câu trên mất tự lợi, hai câu dưới mất lợi tha.

Trong phần kết giáo, hai câu đầu chỉ cho người bị nói. Sạch thân nghĩa là chí ưa bền tu. Tròn quả tức tâm mong cực chứng. Không v.v... trở xuống là một câu răn nhắc khinh lờn. Hẳn v.v... trở xuống là dạy dụng ý. Chuyên chí là có chỗ đến. Nhiếp lự là không tưởng khác. Khế là tâm hợp với pháp trước. Nhập tức qui pháp về tâm trệ ngại. Cho nên ở dưới dẫn chứng là kinh Niết-bàn quyển 18, kia v.v... nào nhớ giới Bồ-tát mà suy nghĩ, có giới không phá, không lậu, không hoại, không tạp (không phá tức bốn trọng, không hoại là các giới khác, không lậu không tạp tức khinh và trọng, phương tiện nầy y theo Bấc Viễn Sớ). Tuy không hình sắc mà giữ gìn được (phi sắc), tuy chẳng xúc chạm đối người khéo tu phương tiện có thể được đầy đủ (phi tâm), được Chư Phật và Bồ-tát khen ngợi, là đại Phương Đẳng, là Đại Niết-bàn, nhờ đây chứng lại tâm, lãnh nhận có giới đâu nghi?

Trong gạn giải thích, khoa đầu, hai chữ trên là gạn chỗ thọ, chữ

"phát" trở xuống là khai chương. Chữ "đãn" trở xuống là giải thích ý, ban đầu chép rộng. Chữ "thả" trở xuống là bày cốt yếu. Trong phần đầu, hai câu trên y cứ vào pháp nói rộng. Năm giới, tám giới, mười giới đủ bốn vị khác nhau, hoặc y cứ vào nghiệp, chủng loại bảy chi. Hoặc từ chỗ chế thiên tụ nặng nhẹ (đồ kết trái lại âm dật). Xe cộ đụng nhau, lỗi dụ kia nhiều mặt. Hai câu kế y cứ tâm nói rộng, tức bốn vị trên đều có ba phẩm. Như hai câu sau thì cảnh rõ rộng, tình và phi tình không thể đếm, cho nên chỉ bày cốt yếu. Trung xu là cái chốt cửa, cũng lấy nghĩa cốt yếu, muốn hiểu bốn khoa trước thì cần lược bày. Bậc Thánh chế giáo gọi là Pháp, nhận pháp thành nghiệp gọi là thể, y thể khởi được tên là hạnh, vì hạnh có nghi, danh, tướng. Có người nói rằng: "Chưa thọ gọi là pháp, thọ rồi là thể, nay thì không phải như vậy. Pháp là nghĩa suốt cả trước sau, đâu có thọ rồi mà không được gọi là Pháp. Phải biết, ba thứ sau, từ được hiệu đầu ở đây, cho nên mỗi mỗi đều được gọi là giới, hoặc có thể đều dùng chữ "Pháp"để suốt đó, mới hiển thể và hành tướng chẳng phải những cái khác thiếu thiện.

Hỏi: Vì sao chỉ bốn chứ không nhiều hơn hay ít hơn?

Đáp: Nhiếp tu trước sau không thừa hay thiếu, cho nên tùy hạnh một hạnh, bốn nghĩa đầy đủ, nói có thứ lớp, hạnh không trước sau.

Hỏi: Pháp và thể đồng khác thế nào?

Đáp: Nghiệp Sớ chép: "Thể là gốc của giới pháp nương", ở đây thì pháp là năng y, thể là sở y, chẳng thể nói là đồng. Lại nói rằng: Nạp thánh pháp vào trong tâm, tức pháp là giới sở nạp, thể y cứ đây chẳng thể nói là khác. Nên biết nói pháp chưa hẳn là thể, nói thể chưa hẳn đã là pháp, không tức chẳng lìa, chẳng đồng chẳng khác.

Hỏi: Hành tướng vì sao lại khác?

Đáp: Vì ba nghiệp phân chia. Trong giới pháp, văn đầu có hai:

1- Nêu bày lời dụ. Thẳng xuống là nói pháp tuy có hai thông nhưng không thể giải thích, nhưng từ Thánh luận cho nên nói là "trực", là quyết định. Phép tắc thành là bày pháp nghĩa. Đạo xuất ly Thánh đã chứng. Giải thích tướng khoa là gốc của thánh đạo, tức đồng với ý ở đây. Cốt yếu sau nêu lý do theo thánh, nhưng đây chỉ bày công sức của pháp, văn không rõ chỉ cái gì là pháp. Ý khiến người học được mà được.

2- Khoa kế, hai câu đầu tiếp trước, nay sau chánh chỉ bày. Đã thành Sơ quả trở lên chỗ tu ba học gọi là Thánh đạo, cho nên nay tuy ở phàm cũng gọi là Thánh pháp, trong nhân mà gọi quả.

Trong ba, ban đầu rõ lập chí. Hai câu trên rõ một việc gần, trái

tục hướng đạo, được việc giải thoát ở nhân phàm, cho nên hai câu sau rõ trong mong quả xa. Dứt hoặc chứng lý tức lý giải thoát là quả Thánh. Lụy là kiết sử ba cõi, ngoài nghĩa là hai thứ Niết-bàn lại chúng.

Trên y cứ thân nghi khác với thế gian, dưới y cứ tâm hạnh trong sạch. Hẳn sau khuyên sớm học. Nói hẳn dự là không được phải thời, cho nên tâm nầy tức hai tâm xa gần ở trên. Tùy người là tùy căn cơ hơn kém, cho nên sau chỉ bày tương ưng. Câu đầu nạp pháp làm thể, câu sau y thể khởi hạnh, hạnh phải gồm tướng, bốn món đầy đủ, cho nên sau kết tên, do y thể khởi, trì danh theo hạnh.

Trong giới thể, khoa đầu là hai. Ban đầu chỉ có văn khác, Thông luận tức tông luận chẳng giải thích riêng, như Luận Thành Thật, Luận Bà-Sa, luận Tạp Tâm, Luận Câu Xá, v.v... chỗ phát tức vô tác, sau nêu ý nầy. Tướng là tướng trạng của tâm. Trong chánh bày có ba câu thì hai câu đầu trình bày giới lượng. Pháp giới là y báo, chánh báo của mười cõi. Trần sa dụ cho số nhiều. Hai đế là Phật chỗ lập giáo, đây gọi là y cứ cảnh bày giới cho nên nói "các pháp", trở về sau chánh nói về tâm tướng. Câu đầu lập thệ trọn một đời, câu kế gồm chung lễ kính, lời bày hai nghiệp thân miệng, chữ "thiện" trở xuống rõ bặt vọng niệm. Chữ "trắc" trở xuống nói về tâm pháp tương ưng. Trắc tư là gốc thành nghiệp, nhân được giới, trong ba phẩm tâm tùy phát những gì. Tuệ sáng là trở lại soi tâm cảnh như lý, xứng giáo mà chẳng phải cảnh trước, vọng duyên tưởng điên đảo. Hoặc do bốn chữ giải riêng: Trắc là phát tâm, tư là duyên cảnh, minh là có ghi nhớ, tuệ là xem xét. Trên rõ dụng tâm, dưới rõ hợp pháp.

Do trên khởi tâm quyết cần khắp duyên trần sa các cảnh, pháp từ cảnh chế, lượng cũng cùng khắp, tâm tùy pháp sinh, pháp rộng tâm khắp, tâm pháp tương ưng, hộp và nắp tương xứng, cho nên nói rằng: "thầm thầm hội hợp". Pháp dụ ở cảnh dùng tâm đối trông, cho nên nói là "pháp trước". Sau nói rằng pháp kia nghĩa cũng đồng, từ đây trở xuống là nói về nạp thể. (tờ 181)

Hai câu đầu nối tiếp trên thầm hội, dưới rõ pháp tùy tâm khởi, Pháp là vô tình do tâm duyên, cho nên lại tức tùy tâm, cho nên khi ba lần yết-ma thì ban đầu động cảnh, kế là nhóm nơi không, sau vào nơi tâm, pháp y tâm nên gọi là pháp thể. Chữ "lãnh" trở xuống là bày thể sở tại, nếu y cứ vào đương phần thể đúng sai, tâm không hiển chỗ nương, thể khác với tâm, nay nói ở tâm là lấy tròn ý, tức chỉ Tạng thức là chỗ sở y. Hai câu nầy chính bày vô tác, người xưa lại nói rằng đây là tác thể, đâu có trong tâm chỉ lãnh tác ư?

Hỏi: Nếu là vô tác tức là chỗ phát, vì sao văn trước chỉ như thông luận?

Đáp: Trong đây chỉ nói lãnh nạp ở tâm, không rõ chỗ nạp là sắc hay chẳng phải sắc, cho nên chỉ như kia, giải thích rõ tướng rộng.

Hỏi: Trước nói rằng chánh rõ tâm tướng năng lãnh, đâu chẳng phải tác giới?

Đáp: Đây gọi là dùng tác hiển bày vô tác.

Hỏi: Sao không thẳng bày vô tác mà rõ tâm tướng?

Đáp: Tâm năng lãnh phát thể, chánh là muốn riêng đây bày còn các chỗ khác đều không có văn. Nếu khảo sát ngược duyên do của pháp thì quyết thành sở thọ, nếu mê ý chỉ nầy các điều khác làm sao nói? Hoặc không nhớ vọng duyên, hoặc thiếu bao nhiêu thiện võng tượng một đời, trọn đời gặp nghi không đủ giới, lời Thánh có ý chỉ, cho nên ở đây nêu bày nghĩa không luống uổng.

Trong giới hạnh có ba: đầu tiên là tiếp khoa trước. Chữ "ắt" trở xuống là bày hành tướng, phương tiện có hai tức giáo là hạnh. Giáo nghĩa là luật tạng quyết nương thầy mà học. Hạnh nghĩa là đối trị là ở mình tu, do gốc cùng tâm lảnh thọ giáo mong hành dùng làm thọ thể, nay lại như thể mà học mà tu. Văn rõ xem xét dường như khắp y cứ vào hạnh, nhưng lìa lỗi đối trị thì không lập. Lời rộng tu, lý phải bao gồm, xem xét tức tâm, tâm tức hành thể. Y theo sớ thì đủ ba thứ là năng nhớ, năng giữ, năng ngăn ngừa; Một tâm ba dụng đều thuận thọ mới thành tùy hạnh, đây gọi là năng xét, oai nghi thân miệng tức là bị xét. Hai câu nầy rõ thành tựu hai trì, xa lìa hai phạm, mà nói rằng thân miệng lại y cứ lỗi thô. Y cứ nay bày nghĩa chung ba nghiệp, xem xét chánh là bày tu hành. Sau nói rằng mến thánh rõ nêu chí kia. Khắc dụ như định, cùng là tôn trọng. Trước thánh chung gọi ba thừa đã thành đạo. Chữ "trì" trở xuống là kết bày danh nghĩa, giữ tâm là hành, sau khởi thuận trước bày nghĩa tùy hành. Sau dẫn kinh chứng văn như trước đã dẫn, nhưng đổi cụ túc thành thanh tịnh. Cụ túc là không thiếu, tức là thanh tịnh. Trong giới tướng có hai, ban đầu liền nương trước. Chữ tùy trở xuống là chánh chỉ bày.

Hỏi: Trong thiên giải thích tướng, dùng giới bổn làm tướng có khác với ở đây không?

Đáp: Đây y cứ hạnh rõ, kia y cứ pháp mà giải thích. Nhưng hạnh quyết theo pháp, pháp làm phép tắc cho hạnh. Văn chép: Động thì xứng pháp, đâu không rõ ư?

Trong phần bảy đức khoa đầu, từ đầu cho đến có thể hết là kết

văn trước, thẳng dẫn sinh ra ý sau. Văn đầu, ba câu trên là kết khen, xuất đạo vốn nương đối sau thành quả, tức y cứ tu nhờ dùng luật bổn, y nghĩa là nền tảng. Tông cực là pháp thân do thành cho nên chuyển thành quả đức, các Thánh ái kính ủng hộ, tức như giới bổn nói "Chư Phật ba đời đồng tôn kính, Thánh hiền đều khen ngợi", cho nên sau chỉ bày tông ý nêu ở đầu.

Chữ tri trở xuống là nói khai ngộ vâng làm, chữ hạ sắp là nói tự tha được lợi ích. Từ chữ dư trở xuống là nói ích lợi giữ gìn. Công đức trở xuống là kết bày không cùng. Trong sinh sau thẳng dẫn là không tự nói khiến sinh lòng tin. Chữ linh trở xuống là khen cái đẹp của kẻ hậu học, khiến bền giữ cho nên hoặc đúng. Từ đầu cho đến có v.v... là kết trước. Chữ biết mình trở xuống là sinh sau kết trước, đồng giải thích ở trên. Đến trong phần sinh sau, ban đầu đến hết là bày đức, thẳng xuống là nói dẫn hiển, tức hai chữ hiển đức trong tựa đề. Bậc Thánh nói là sau dẫn kinh, luật, luận của hai thừa Đại Tiểu hoặc là Phật nói hoặc người khác nói, đều là Thánh cho nên lại đúng. Tuy chung cho người khác nói lại là thuật ý Phật, đây thì Thánh nói chỉ là Như lai, Tường là xét, Chư là chi.

Trong phần dẫn chứng, khoa đầu trước y cứ trái thuận khai chương, việc Tỳ-kheo là chung ở chúng khác. Nói phiên chủng ấy, vì giới là nhân thoát khổ, thọ lại thêm. Chữ chủng mà khứ thinh, nghiệp khổ là nhân ác. Chữ đãn trở xuống là bày rộng nêu lược. Nói kinh luận là gồm luật ở trong ấy. Nhất hóa là khi mới thành đạo cho đến đêm cuối nhập Niết-bàn, chặng giữa giáo pháp đều dẫn đó, cho nên nói nhất hóa cùng gọi là nhất kỳ. Trong kinh Tiểu thừa, khoa đầu kinh Bát Niết-bàn. Đời Đồng Tấn, Pháp bổn đã dịch, ma vương thỉnh Phật nhập Niết-bàn, Phật liền hứa nhận, A-nan sầu khổ ba lần thỉnh Thế tôn trụ ở đời một kiếp, Phật nói kệ rằng:

Ta đã nói các pháp
Tức là thầy các thầy.

Lại nói rằng: "Các thầy siêng năng tinh tấn như lúc ta còn ở đời không khác", nay lấy ý văn kinh có hơi khác. Văn Di Giáo thấy ở quyển đầu, luận giải thích rằng "Thị hiện Ba-la-đề-mộc-xoa là Đại sư tu hành", cho nên thị hiện nhân pháp giữ gìn giống nhau. Cố đẳng là như các kinh.

Khi Phật sắp nhập diệt, A-nan tưha hỏi bốn điều, mà điều thứ hai là hỏi: "Sau khi Phật nhập diệt lấy ai làm thầy", Phật nói "Lấy giới làm thầy" (câu một hỏi "y vào đâu mà trụ" Phật đáp "y bốn niệm xứ mà

trụ”. Câu ba hỏi “Ở đầu kinh để lời gì? Phật dạy “Để câu tôi nghe như vầy”. Câu bốn hỏi “Trị Tỳ-kheo tánh ác bằng cách nào?” Phật dạy “Trị bằng pháp mặc tẫn”).

Hai, là trong phát thú, phát nghĩa là khởi hành, thú nghĩa là thời kỳ. Muôn hạnh là nêu đại số kia. Tông nghĩa là tôn, chủ của nghĩa trong muôn hạnh thì giới là trên hết. Sở dĩ như vậy là vì có nhiều nghĩa: Một - Do vì giúp từ đầu, Hai là có hẹn thề, Ba là có bổn thể, Bốn là nhiếp cảnh khắp, Năm là gồm chỉ tác, bao nhiêu hạnh không có nghĩa nầy, cho nên là thấp, là khách.

Cho nên sau dẫn chứng xưa ghi rằng tức kinh Thiện Sinh, nhưng cùng lời tựa Giới Bổn lời và ý hợp nhau. Câu trên gồm cả hai câu kia cho nên nói là “đồng”. Giới dùng chân để dụ rất phù hợp với nghĩa phát thú, nhưng theo quyền ý lại chỉ cho người, trời, phải biết “thú” thật không có năm thừa như trước đã giải thích. Trong ba điều thì ban đầu là nêu dụ. Đất có hai nghĩa: Một là năng sinh, hai năng giữ.

Hai là dẫn Di Giáo chỉ được nghĩa đầu, ở trên nói rằng các điều thiện có cả lậu và vô lậu, động và bất động. Dưới nói định tuệ phải y cứ Thánh đạo chỉ ở vô lậu và bất động. Lại sau dẫn văn luật đều bày hai nghĩa, tức bổn luật trong văn kiền-độ thuyết giới. Mà nói kinh là tên chung của ba tạng vì đều là lời Phật nói (xưa nói rằng kinh Thiện Sinh, nghiệm kia không văn). Trước dẫn văn, tức sau dụ hợp kinh nói là hành căn, tức là năng sinh. Ba tên y cứ dụ thì một là Sư, hai là túc, ba là địa. Hợp pháp thì một là phép tắc, hai là nhiếp hạnh, ba là năng sinh công đức. Trong luận Tiểu thừa Thành Thật ba dụ: trú dụ y trì, quách dụ ngăn chế, ấn dụ vì người đã tin. Ban đầu nói đạo phẩm tức là tuệ học, kế thêm sâu tùy chỗ thấy, cho nên như lên lầu nhìn, tức ba mươi bảy phẩm: Bốn niệm xứ (1/ Thân bất tịnh. 2/ Thọ là khổ. 3/ Tâm vô thường. 4/ Pháp vô ngã. Phá bốn điên đảo tức là niệm xứ). Bốn chánh cần là:

1- Điều ác đã sinh khiến phải dứt.

2- Điều ác chưa sinh không để cho sinh.

3- Điều thiện chưa sinh làm cho sinh.

4- Điều thiện đã sinh làm cho thêm nhiều.

ở trong chánh đạo khuyên làm).

Bốn như ý túc: 1/ Dục. 2/ Tinh Tấn. 3/ Tâm. 4/ Tư Duy. Chỗ mong cầu đều được nên gọi là như ý.

Năm căn: 1/ Tín, 2/ Tinh tấn, 3/ Niệm, 4/ Định. 5/ Tuệ. Đều là năng sinh nên gọi là Căn.

Năm lực: Năm căn trên làm hoại hữu lậu bất thiện nên gọi là

Lực.

Bảy giác phần: 1/ Trạch pháp. 2/ Tinh tấn. 3/ Hỷ. 4/ Trừ. 5/ Xả. 5- Xả. 6/ Định. 7/ Niệm. Vô học thật giác bảy sự sẽ đến, nên gọi là giác phần.

Tám chánh đạo: 1/ Chánh kiến. 2/ Tư duy. 3/ Ngữ. 4/ Nghiệp. 5/ Mạng. 6/ Tinh tấn. 7/ Niệm. 8/ Định. Tám món đều lìa tà là chánh, thông với Niết-bàn gọi là Đạo.

Hai món thiền định; rõ là định học, định để ngăn tâm, ức chế vọng động, cho nên dụ như thành, tức đồng với Di giáo dụ đáy ao. Nghĩa là Bốn thiền và Bốn không định cùng các thiền tam-muội vô lậu. Giới là quách, quách nghĩa là ngoài thành (tờ 182). Ba là nhập chúng, tức thuộc về giới học. Nghĩa là yết-ma và nói giới, hai món này ở trong tăng đủ giới thanh tịnh mới được dự. Cho nên hai câu sau kết khuyên, chỉ tìm hiểu trong phẩm Biệt giới, phần thứ hai của Luận Giải Thoát, nay vì lược dẫn.

Kia nói rằng: Nếu người có giới, vì có giới thành tựu không sợ (vô úy), vinh hiển bạn bè, các bậc Thánh yêu mến, bạn bè nương theo đây khéo léo trang nghiêm, là đầu các hạnh, là chỗ công đức, là chỗ cúng dường, là chỗ có thể phụ trách đồng học, đối với các pháp lành không sợ, không lui sụt, thành tựu tất cả ý nguyện thanh tịnh, dẫu chết vẫn không mất, thành thục phương tiện vui giải thoát, công đức của giới vô biên như vậy.

Trong phần đầu của Luận Tỳ-bà-sa, câu đầu là chỗ thọ, sau nêu bốn nghĩa. Tiếng Phạm là Thi-la, Hán dịch là giới, nay dùng tiếng Phạm vẫn bao gồm nhiều nghĩa, cho nên lại giải thích.

Khoa kế, ban đầu nói nghĩa Thi-la gồm chín loại, cho nên phải dùng cả hai chữ Thi-la để suốt đó: Lãnh, trì, anh, kính, đầu, năm món này theo dụ; Mộng, tập, định, thế bốn món này theo pháp. Lại thứ tư nói về sinh định, kính đầu dụ cho phát tuệ, sáu món khác đương thể là giới, lại trong sáu món ban đầu rõ thể, hai là chỗ cảm, ba là dẫn hạnh. Trì nghĩa là diệt hoặc, anh nghĩa là bày đức. Thế nghĩa là công thắng nhiệt phá giới, đây vì trong kết nghiệp ba nghiêp ác, là trên quả chịu khổ. Anh lạc là nói ở đời con nít, người già, thiếu niên, trung niên có tốt, không tốt. Giới anh thì thường tốt, như gương sáng thì tượng hiện, giới tịnh thì lý vô ngã hiển bày. Chữ “vô ngã” là Tổ Sư thêm vào.

Trong oai thế, ban đầu nêu thánh để rõ đức Như lai nhiếp ma quân, hàng phục ngoại đạo. Nếu Phật còn ở chúng thì người phá tăng không thành, chúng sinh ngang bướng thấy Phật liền quy y lễ kính. Bao

nhiêu ở sau dẫn sự để chứng minh.

Luận chép: Ở nước Kế Tân có con rồng tên A-lợi-na, tánh tình hung dữ, ở gần Tăng-già-lam, thường làm việc ác hại người. Lúc ấy có năm trăm vị La-hán họp lại dùng thần lực thiền định mà không thể điều khiển nó. Sau, có một người không nhập định chỉ búng ngón tay nói với nó rằng: "Hiền thiện! Hãy đi xa chỗ nầy", con rồng liền bỏ đi. Các vị La-hán hỏi lý do, người kia đáp: "Tôi không dùng năng lực thiền định, chỉ dùng sự cẩn thận giữ giới, giữ gìn giới khinh cũng như giới trọng thôi". Trong văn về sau liền dẫn lời người kia đáp, chỉ buộc lời nói kia.

Như chữ "đầu" thì đâu là nhận đủ sáu trần, giới thì gồm thâu các điều lành, cho nên dùng dụ đó. Trong luận đủ đối sáu trần, nay nêu đầu và cuối, lược chặng giữa, cho nên nói rằng "cho đến". Nay dẫn đủ, nghĩa là văn, danh, thân, v.v... nghĩa khứu hoa giác ý (tức bảy giác chi), thường sinh ra vị Tam-bồ-đề vắng lặng vô sự (Tam-bồ-đề dịch là chánh giác) giác thiền định, giải thoát, v.v... xúc. Khổ là quả tướng ba cõi, cho nên như sắc. Sắc ấm, v.v... tức là bốn ấm khác, Luận chép: Biết tướng chung tướng riêng (chung là tâm sắc, năm ấm là sắc chung tâm riêng. Mười hai nhập là tâm chung sắc riêng. Mười tám giới thì tâm sắc đều riêng).

Hai, là thủ tín: Do trái với bổn thọ thì thuộc về vô tín. Ba là hành, Bốn là khí; hai món này đều y theo dụ. Trong Phúc Thích, Cù Sa Sư Tư Truyện nói rằng: "Năm mươi hai thầy khác thường hay khéo nói pháp", kia dùng biệt nghĩa giải thích chữ Thi-la ở trên, cho nên luận lấy đó. Chữ "như" trở xuống là nêu dụ, "hành" trở xuống là hợp pháp, tức đồng với giới bổn nói hộ giới đủ. Thông với trước gồm có mười nghĩa.

Kinh Đại thừa Hoa Nghiêm có nhiều nhà dịch, nay dẫn bản dịch đời Tấn sáu mươi quyển, tức phẩm nói về pháp thứ tám, văn có bốn đoạn, kia nói: "Bồ-tát ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh phát tâm bồ-đề, giúp Phật bảo không dứt mất, khai thị sâu vào các tạng pháp nhiệm mầu giúp Pháp Bảo không dứt mất, thọ trì đầy đủ oai nghi giáo pháp, giúp cho Tăng bảo không dứt mất (đây là đoạn đầu).

Lại nữa, đều khen ngợi tất cả đại nguyện nên giúp cho Phật bảo không dứt mất, phân biệt mười hai duyên khởi giải thoát nên giúp cho Pháp Bảo không dứt mất, thực hành sáu pháp hòa kính nên giúp cho Tăng Bảo không dứt mất (là đoạn thứ hai).

Lại nữa, gieo hạt giống Phật ở ruộng chúng sinh được sinh mầm chánh giác nên giúp cho Phật Bảo không dứt mất; không tiếc thân

mạng hộ trì chánh pháp cho nên giúp cho Pháp Bảo không dứt mất; khéo điều phục tâm đại chúng không lo buồn hối hận nên giúp cho Tăng Bảo không dứt mất (là đoạn ba).

Nay Sao năm câu trên đều trích văn trọng Tăng Bảo, hai câu đầu nói về hạnh riêng, câu kế là chúng hành, hai câu sau nói về nhiếp chúng. Hạnh quyết y pháp cho nên không lo hối. Chữ "khứ lai" trở xuống là đoạn văn thứ tư trong tổng kết. Phật pháp ba đời làm theo không trái vì hộ trì Tam Bảo, kinh Đại Tập dẫn văn phẩm mười Chín Hộ Pháp kia. Ban đầu dẫn lời Bồ-tát thỉnh, năm món cặn bã ngăn trở sử sách là trược. Nói năm trược là:

1- Kiếp trược (kiếp trược không có tự thể riêng, nhưng bốn trược nhóm họp lúc này Kinh Bi Hoa chép: "từ kiếp giảm, lúc con người thọ hai muôn tuổi là thời kiếp trược").

2- Kiến trược (là năm lợi sử)

3- Phiền não trược (là năm độn sử)

4- Chúng sinh trược (cũng không có tự thể riêng, nắm lấy quả báo của lợi sử độn sử ở trước mà giả đặt tên)

5- Mạng trược (thường giữ sắc tâm, tàn phá năm tháng tuổi thọ ngắn ngủi)

Như các cõi là dẫn chỗ khác làm dụ để nêu ý thỉnh. Phật nói thôi đi! Thôi đi! Phật tự biết lúc, nhân duyên chưa đến thì không chế, do không liền chế nên nói là "hứa sau".

Tát-già Ni-kiền là tên ngoại đạo dùng làm đề kinh, rộng như phần hai, nay lược trích dẫn. Kia nói rằng: Lúc Phật ở thành Uất-xà-diên có đại Tát-già Ni-kiền Tử cùng tám mươi tám ngàn muôn Ni-kiền Tử, đi đến các nước giáo hóa chúng sinh (đây đều là đại quyền thị hiện) lần đến thành Uất-Xà, vua nước ấy là Nguyên Xí hỏi Ni-kiền Tử: "Thân trang nghiêm tướng tốt của Như lai dùng gì làm gốc, bắt đầu từ đâu?"

Ni-kiền đáp: "Làm tất cả công đức giúp đạo, nếu nêu cốt yếu mà nói thì lấy giới làm gốc, trì giới làm đầu". Lại nói tiếp: "Nếu không trì giới..." như Sao đã dẫn. Phá giới đọa địa ngục, súc sinh là quả báo riêng, cho nên nói rằng "không được". Lại súc sinh là đường thấp hèn mà lại ghẻ hủi nên "không được", muốn nói hủy phạm giới còn không có quả báo nhẹ, dùng khuyên trì hẳn thêm công đức cao quý (Dã can, Ứng Pháp Sư nói: "Hình sắc xanh vàng như con chó, các hạnh ban đêm kêu như sói" (như chó, đi đâu cả bày kêu như sói. Kệ văn trong kinh Nguyệt Đăng có văn kệ, kinh kia không nêu ra, không rõ lý do, nửa bài kệ trên rõ tục sang đạo hèn, sắc nghĩa là dung nghi diện mạo, tộc là

họ. Học rộng nghĩa là học đủ, không giới là không trí. Súc sinh không có hai món nầy cho nên nêu ra để so sánh. Nửa bài kệ sau nói tục nhẹ đạo nặng, ngược lại câu trước. Ty là thân thấp hèn, hạ là giòng họ thấp kém. Tôn quí trong loài người nên nói là "Thắng sĩ", do sắc tộc là vọng pháp của thế tục, giới trí chính là chân đạo xuất thế nên chẳng so sánh được.

Kinh Niết-bàn có hai bổn Nam và Bắc, ở đây dẫn văn phẩm Phạm Hạnh thứ mười bảy của bổn Bắc, nay chỉ bao gồm ý, văn Sao không đồng. Hai câu đầu nêu nhân quả lôi kéo căn cơ. Chữ "tất" trở xuống bày pháp tu chứng, chữ "nhược" trở xuống là nêu hạnh trái ngược kia, chữ "ta cũng" trở xuống là ngăn kia thọ kinh, "sở dĩ vậy" là kinh nói.

Chúng sinh và Phật tánh như sữa có lộn máu, chưng nấu lắng lại có ra đề hồ. Phật tánh cũng vậy, bị phiền não lẫn lộn, dùng ba học (giới, định, tuệ) sửa trị dần đến quả Phật. Muốn dứt phiền não trước phải dùng nghiệp, cốt yếu dừng nghiệp không gì hơn giới luật. Ngày nay lạm nhiễm Đại thừa bèn nói "không câu nệ, không ràng buộc, không trì, không phạm, nào có thiện, nào có tội", thầy trò vọng truyền, làm điều xấu ác không dừng. Lại nói "Trì giới là có quả báo trời người", xin nói lời Phật làm dứt tình tà, huống gì kinh Hoa Nghiêm viên đốn thượng thừa, Kinh Niết-bàn trọn cùng cực xướng, lời vàng mạnh mẽ khuyên cố gắng, không đáng tin ư?

Kệ Kinh Hoa Nghiêm, câu trên trình bày công đức. Vô thượng Bồ-đề là dùng quả bày nhân. Câu kế khuyên tu. Nửa bài kệ sau là nói lời bậc Thánh khen ngợi, vì thuận giáo cho nên sau Tổ Sư bày ý, trong phần trước đã dẫn cho nên nói "trùng". Luận Đại Thừa, Trí Luận giải thích kinh Bát-nhã, nói đủ là Luận Đại Trí Độ, nay dẫn văn thứ mười bốn chia làm năm đoạn. (tờ 183) Hai câu đầu nêu quả, gồm khuyên đại lợi, như hai kinh trước. Chữ "tất cả" trở xuống, hai là bày công khuyên các gốc đức và chỗ pháp lành ở sau, đồng với dụ đại địa ở trước. Cốt yếu của người xuất gia ấy, đồng với văn Hoa Nghiêm ở trước. Chữ "như" trở xuống là nêu hai vật ở đời dụ cho giữ gìn thương tiếc. Chữ "hựu" trở xuống, là ba ước không giới tổn mất lời khuyên.

Trên nêu ba dụ, chữ "Nếu" trở xuống là hợp pháp. Quả tốt là nói chung năm thừa, đối đại lợi ở trước cần chỉ quả Phật. "Nếu bỏ" trở xuống, là học không lợi ích, khuyên khổ hạnh. Văn nêu các pháp ngoại đạo, Ca-sa là nói chung, hoặc tức y phục ngoại đạo, hoặc có thể ngoại đạo mượn đắp Ca-sa, như giới mua bán đổi chác, thì ngoại đạo và Bạt-Nan-Đà đổi ca-sa cho nhau là duyên khởi. Hoặc có thể tên chung người

không nhận giới của Phật, không chuyên theo ngoại đạo. Chữ "người tuy" trở xuống, năm là y cứ hiện báo để khuyên. Ban đầu rõ quả báo lúc còn sống, hai câu trên nêu người trì. Từ "hương văn" trở xuống ba câu tức là danh, dự, lạc, hương trong giới bổn, dụ cho đức tốt bày bên ngoài được người khác nghe. "Sở Nguyện", v.v... một câu là ưa thích lợi dưỡng, đây là do giới đức cảm ra, không cầu mà được. "Trì giới" trở xuống là kế nói báo lúc qua đời, theo Câu-Xá thì khi người qua đời ba đại lần rã, hỏa đại rã thì khiến tâm bứt rứt sầu muộn, chảy nước mắt. Khi thủy đại rã thì thân thể sưng phù, gân mạch tan hoại (tướng nầy chắc chắn thọ quả báo ác). Lúc phong đại rã thì chớp mắt liền qua đời, không hay không biết. Địa đại cứng nặng không thể rã (lúc sống nhờ vậy mà ba đại kia và đốt lóng trong thân được giữ gìn, ba đại đã tan tức là chết, nên nói là "xả"). Nay lấy cái rốt sau cho nên nói phong đại hay rã lóng đốt, vì vậy dụ như dao (hoặc nói gió nhẹ bén, hoặc nói đau đớn như dao cắt). Tâm không sợ hãi là do tịnh nghiệp huân tập, chánh niệm hiện tiền, còn hủy giới thì lo sợ đường ác tâm thường sợ hãi. Địa trì nói ba mươi hai tướng:

1- Dưới lòng bàn chân bằng phẳng như đáy hộp (trì giới bất động, tâm không dời đổi, an trụ thật ngữ như núi Tu-di)

2- Dưới lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn căm (đối cha mẹ và trên từ Sư trưởng dưới đến súc sinh dùng tài như pháp cúng dường cung cấp).

3- Ngón tay nhọn dài.

4- Gót chân dài.

5- Thân vuông thẳng (không giết, không trộm, với cha mẹ Sư trưởng thường sinh tâm vui mừng).

6- Giữa các ngón tay có màng như ngỗng đầu đàn (tu bốn nhiếp pháp nhiếp thủ chúng sinh).

7- Tay chân mềm mại (khi cha mẹ, sư trưởng bị bịnh khổ, tự tay tắm gội, nâng đỡ thoa chà)

8- Mắt cá chân tròn đầy.

9- Lông trên thân mềm mịn (trì giới, nghe pháp ban cho không nhàm chán)

10- Bắp chân như nai đầu đàn (chuyên tâm nghe pháp, giảng nói chánh pháp)

11- Thân đầy đặn như cây Ni-Câu-Đà.

12- Đứng tay dài quá gối.

13- Đảnh có nhục kế.

14- Đảnh không thấy (đối với các chúng sinh không sinh tâm giết hại, uống ăn biết đủ, thường ưa bố thí, nuôi bịnh cho thuốc)

15- Tướng âm tàng (thấy người sợ sệt làm kẻ cứu giúp, thấy người trần truồng thì cho áo quần, có thuyết nói là mã âm tàng)

16- Da dẻ mịn màng.

17- Lông trên thân xoay về bên phải (gần gũi người trí, xa lìa kẻ ngu, khéo ưa hỏi đáp, quét dọn đường đi)

18- Thân mầu vàng ròng.

19- Thân thường phát ra ánh sáng (thường cho người y phục, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc men, hoa hương, đèn sáng)

20- Bảy chỗ đầy đủ (khi hành bố thí vật châu báu xả bỏ không lẫn tiếc, không quán ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, hai tay, hai vai, hai chân và đầu là bảy)

21- Tiếng nói êm ái (lúc bố thí tâm không sinh nghi ngờ)

22- Đầy đủ chỗ xương khuyết.

23- Thân trên như thân sư tử.

24- Cánh tay nhọn mềm (cầu tài đúng như pháp dùng để bố thí, thân trên là ức ngực, như ức sư tử)

25- Có bốn mươi cái răng, răng trắng, sạch, bằng, khít. (xa lìa nói lời hai chiều, nói lời thô ác, tâm tức giận)

26- Có tướng bốn răng nanh (tu đại từ bi đối với các chúng sinh)

27- Hai má như má sư tử (có người đến cầu xin thì tùy ý họ cần gì đều cấp cho)

28- Lưỡi có vị ngọt thượng hạng trong các vị (tùy đồ ăn mà các chúng sinh cần thảy đều ban cho).

29- Lưỡi rộng dài (tự tu mười điều lành và giáo hóa người)

30- Tiếng Phạm âm (không chê điều dở của người, không hủy báng chánh pháp)

31- Mắt màu xanh (thấy người mình oán ghét sinh tâm vui vẻ)

32- Sợi lông trắng (không che giấu đức người khác, khen điều tốt của họ).

Nhưng các kinh luận danh số khác nhau, như trên lại y theo kinh Niết-bàn nêu ra đủ. Trí Giả nói rằng: “Nhân ba mươi hai tướng dầu mỗi mỗi đều nói mà chân nhân kia là tinh tấn trì giới”, tinh tấn mà không có giới còn không được làm trời, người huống chi các tướng khác ư? Cho nên biết “nhân” phải chia chung và riêng. Nếu nói biệt nhân như trên đã phối, nếu nói nhân chung đều do trì giới. Nay từ thông ý để bày giới đức, cho nên nói rằng “không khác nhau”.

Ba câu trên suy quả vốn nhân. Chữ "nhược" trở xuống là nêu lược dụ thắng, do không trì giới chắc chắn đọa ba đường, cho nên không được cả quả báo thấp hèn trong loài người. Thập Trụ Bà-sa do văn rộng cho nên chỉ mà không dẫn, nay hướng về thu nhiếp.

Phẩm Tán giới kia chép: "Bồ-tát giữ Thi-la trong sạch như vậy nhiếp được các món công đức". Lại nói: "Đây là chỗ vui mừng thứ nhất của người xuất gia, thành tựu tất cả lợi lớn của người xuất gia..." Phẩm Giới Báo chép: "Bồ-tát thực hành sâu xa Bát-nhã Ba-la-mật (Thi-la thanh tịnh), nếu chưa lìa dục thì làm vua Chuyển Luân trong bốn thiên hạ được bánh xe vàng ngàn căm, các món châu báo trang nghiêm vành xe kia, lưu ly làm trục, chu vi kim luân là mười lăm dặm, có trăm loài thần Dạ-xoa cùng giữ gìn, v.v...

Hỏi: Như trên đã dẫn là khen giới Bồ-tát hay giới Thinh Văn?

Đáp: Phải chia làm hai ý: Nếu y cứ thông luận thì tiểu không gồm đại, đại chắc chắn nhiếp tiểu, như kinh Niết-bàn, Đại Tập, v.v..., nếu y cứ biệt luận xen thông nhiếp nhau. Nay đã dẫn là nhờ đại khen tiểu, như Hoa Nghiêm, Thập trụ.

Trong Chế Giáo chữ "quán" trở xuống các văn khen ngợi trì giới, đại khái có ba: 1/ Trụ pháp. 2/ Tự lợi và lợi người. 3/ Sinh thiện diệt ác. Dùng ba ý nầy tìm hiểu có thể biết.

Tăng-kỳ có năm ý: Ý một và hai là trụ pháp, kiến lợi tức hiện tại, cửu trụ chung cả đời sau. Ý ba và năm là tự lợi ích. Ý bốn là người được lợi ích sâu dầy. Trong luật Tứ Phần, ban đầu dẫn năm đức trì giới, ba đức trên thuộc mình, thứ tư là người khác. Lại một và ba là sinh thiện, hai và bốn là diệt ác, thứ năm có thể biết.

Thắng các oán tức bốn ma oán là năm ấm, phiền não, chết và thiên ma. Chữ "hựu" trở xuống là dẫn chế giới có mười lợi, Như lai hễ kiết một giới nào đều nói là có mười điều lợi, nay nêu là lợi thứ nhất, thứ hai là khiến tăng vui mừng. Ba là khiến tăng an vui (Giới Sớ nói: Ba điều nầy rõ giới sinh ra các công đức). Bốn, là người chưa tin làm cho họ tin. Năm, là người đã tin làm cho lòng tin thêm vững chắc. Sáu, người khó điều phục khiến điều thuận. Bảy, người có hổ thẹn được an vui. Tám, dứt hữu lậu hiện tại. Chín, dứt hữu lậu vị lai (sáu món này sinh đức riêng người, hai điều trên sinh thiện, bốn điều dưới diệt ác). Mười, là giúp cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài (một điều này khởi kiến lập chánh pháp).

Luật Thập Tụng nói ngài Ưu-ba-ly riêng chính thân ba lần hỏi, ban đầu hỏi pháp Phật đời quá khứ, kế hỏi đời vị lai, thứ ba hỏi pháp

Phật đời hiện tại, đều hỏi thời gian trụ thế bao lâu. Phật đáp riêng từng vấn đề như văn, nhưng nay gồm bày vì thế nói rằng "cho đến v.v...". Rõ trong luận giải ban đầu định danh, chữ "hữu" trở xuống là rõ lợi ích. Trong thứ hai nói thanh tịnh là lìa nhiễm trược nên nói ngay thẳng là lìa cong vẹo, cho nên trong phần thứ tư bắt đầu từ tại gia thứ lớp dẫn đến năm loại trụ xứ. Cho đến là là lược thiên trụ (sáu tầng trời cõi Dục), Phạm Trụ (là trời cõi Sắc, Vô sắc) Thánh trụ (là ba thừa hữu học) Niết-bàn Vô dư (ba thừa rốt ráo). Trong thứ năm ban đầu y cứ ba thừa, kế nói về sự cao quý kia, chữ "nhược" trở xuống là nói thù thắng trong hàng phàm phu, tự chẳng phải người cậy mình hiểu biết mà cống cao, người hạ lưu không hiểu biết há có thể trì luật ư?

Trong văn kia việc này đều chỉ Tỳ-ni, Bà Luận nói ba tạng đối luận để biết bày sự thù thắng của luật. Trong phần thư hai nói "tất cả đệ tử Phật" là gồm chung bảy chúng, tất cả chúng sinh lại chỉ cho ba đường lành. Thứ tư, là anh lạc tức dụ giữ gìn. Luật Thiện Kiến nói năm pháp giao thiệp nhau, ban đầu lãnh nhận giáo pháp, thứ hai là tăng thanh tịnh thành chúng, thứ ba truyền thọ không dứt, thứ tư hành nghiệp thanh tịnh, thứ năm là giữ gìn lâu dài. Cho nên chỉ y cứ năm vị có thể làm phép cho thọ giới và các pháp khác, cho nên y cứ năm ngàn năm để luận.

Hỏi: Ngàn năm rồi là Phật pháp đều diệt ư?

Đáp: Không phải đều diệt, ngàn năm đầu được ba đạt trí (thông đạt ba đời). Ngàn năm thứ hai đắc quả La-hán hết ái dục, không có ba đạt trí. Ngàn năm thứ ba được A-na-hàm. Ngàn năm thứ tư được Tư-đà-hàm. Ngàn năm thứ năm được học pháp Tu-đà-hoàn. Năm ngàn năm được đạo, sau mười ngàn năm học mà không được đạo, sau muôn năm kinh sách văn chỉ đều mất hết, chỉ còn có người cạo tóc ca-sa mà thôi. (tờ 184)

Hỏi: Năm trăm năm đầu là nói sự lo buồn của A-nan, cho đến là lược A-nan đáp rằng "Thế gian không có thầy", từ "Phật nói" trở xuống là đáp có ba đoạn, đều chỉ cho giới tức là Phật. "Sở dĩ như vậy" là vì Phật có sinh thân và pháp thân, pháp thân lại có hai: Một là lý pháp thân, tức lý hiển chỗ chứng. Hai là pháp thân tức năm phần đức tròn, đức tròn đủ sinh thân. Có sinh diệt, hai là pháp thân đây tức là thường trụ, cho nên ngài Mã Minh giải thích "sau khi ta diệt độ nên tôn kính mộc-xoa, v.v...", thị hiện pháp thân không diệt hết, thường trụ ở đời để độ thoát rốt ráo. Cho nên phải biết Phật vốn không thân toàn là nhiều kiếp tu thành nhóm công đức, lại dùng đức của mình để khai thị chúng sinh, cho nên nói là giới, phải biết giới nầy tức là Như lai, vì thế nói

rằng: "Như ta ở đời không khác". Nếu mê ý chỉ này lời Phật làm sao thông, kẻ hậu học đến đây phải nên chú ý.

Ban đầu thị hiện đích thân đến, pháp thật không đến, tòa cao thuyết giảng có người đồng đến, cho nên "lại nói" trở xuống, hai là hiển đồng thể. Ban đầu chánh bày trong văn kính niệm giữ gìn đều đồng như Phật. Chữ "như" trở xuống là hiển dụ, uống nước có côn trùng là hợp với ý nhậm vận được cả hai ở trên. Người trí chớ trách dụ. "Lại như" trở xuống ba là nói đối mặt, bởi một khi nghe tịnh giới thể dụng cao sâu thì Như lai không lọt quả đức cho nên nói là "thấy".

Kế là giải thích sự cao siêu bí mật. Trong Đa Luận lại chép: "đối văn trước", cho nên câu đầu dẫn hỏi rất khác với kia. Kia nói rằng "Khế kinh A-tỳ-đàm không để Phật ở đầu, riêng luật Thập Tụng để Phật ở đầu (nghĩa là Quảng luật giới bổn đều ban đầu nêu Thế tôn ở chỗ ấy, v.v... Trong kinh trước nói rằng "Ta nghe như vầy" cho nên có là nghe). Nay nói rằng ban đầu nhóm chưa rõ Thánh ý. Chữ "dĩ" trở xuống là đáp, câu đầu lược đáp. Thắng là cao vượt hơn tạng khác, bí nghĩa là không cho người khác nghe. Chữ "như" trở xuống là so sánh giải thích. Ba câu trên rõ các tạng chẳng phải thắng bí, không chọn thời chỗ và người thì kia nói rằng "Trong khế kinh các đệ tử nói pháp, có khi Thích Đề Hoàn Nhân nói "Phật nói như vậy", có khi hóa Phật nói. Chữ "Luật" trở xuống là bày đức bí thắng, chỉ là Phật nói là ngược với trước lựa người. Kia chép: "Tất cả Phật nói cho nên ở trong tăng" lại là chọn thời, chỗ trái với trước. Luật ấy chép: "Nếu ở trong nhà có việc không được liền biết, mà phải ra ngoài (tức chọn chỗ). Nếu bên ngoài người tại gia có việc quyết ở trong chúng kết (đây rõ không được đối hai chúng, tức trọn thời). Cho nên chữ "thắng" trở xuống là có bao gồm chữ "bí" (xưa ghi vọng giải không khỏi cong vẹo).

Chữ "hậu" trở xuống là dẫn hai luận chuyển chứng (trên là kinh luận Tiểu thừa, dưới là luận Đại thừa, do chuyển chứng nhiều luận cho nên ở đây trích dẫn). Luận Công Đức song chứng thắng bí, mật tức là bí. Luật ấy chép: "Tỳ-ni dụ như vua, bí tàng chẳng phải của ngoại quan sở ty, cho nên nói rằng "nội tạng", tạng giới luật này cũng vậy, Sa-di hay thanh tín nam nữ chẳng thể nghe thấy, cho nên nói rằng "Luật tạng". Nay chỉ lấy ý dùng ba câu để bao gồm, Luận Trang Nghiêm riêng chứng nghĩa bí, kia là văn kệ, nếu người có trí tuệ có thể bền bỉ giữ giới cấm, kẻ ngu si kém yếu không có khả năng giữ gìn giới như vậy (ở đây nói người tại gia căn độn, không có khả năng kham nổi cho nên không cho nghe).

Trong Trái giới, lại y cứ, chỉ trông hai giáo mà nói, nhưng trước chỉ là nói riêng, đây là tạp, rõ thì khác nhau. Trong năm cách diệt trong luật Thập Tụng, kia do Trưởng lão Nan-đề bạch Phật: “Sau khi chánh pháp diệt, trong thời Tượng pháp có bao nhiêu sự phi pháp?”, nay chỉ dẫn lời Phật đáp: 1-Vì vọng xứng đức. 2- Vì đạo tục trái nhau. 3- Vì trái với đạo hạnh. 4- Vì ác đảng thạnh. 5- Vì người thực hành kém ít. Năm cách diệt pháp nầy đều do hủy giới. Nói là ít đắc tâm ấy, tâm tức là định. Như năm pháp quán dừng tâm, bốn niệm xứ, đây gọi là chưa chứng cho là chứng, mê hoặc đại chúng, quấy nhiễu thế gian, tức thời nay Phật sự cũng đồng.

Thứ hai, Nghiệp Sớ chép: “Người thế tục không có pháp, chỉ chuyên tin thờ cho nên được sinh lên cõi trời. Xuất gia có giới pháp làm ruộng phước cho đời, trở lại hủy phạm vọng nhận của tín thí, mở cửa các đường ác, khiến nhiều chúng sinh bắt chước theo buông lung, cho nên vào địa ngục. Lại trong kinh Bảy Điềm mộng của A-nan nói A-nan nằm mộng thấy người xuất gia bị rơi vào hầm bất tịnh, còn người tại gia lại leo lên đầu đi ra. Phật bảo A-nan “Đó là điểm Tỳ-kheo đời sau ganh ghét giết hại nhau, chết đọa vào địa ngục, người tại gia tinh tấn chết sinh lên cõi trời”.

Thứ ba, như vua Ngật-lật-chỉ nằm mộng thấy một con voi lớn bị nhốt trong chuồng, chỉ có một cửa sổ nhỏ. Voi ở trong chuồng tung ra được hết cả thân lớn chỉ còn kẹt chút đuôi. Đây là nói lên việc đệ tử Đức Thích-ca bỏ thế gian xuất gia như tung thân ra, nhưng vì còn tham đắm danh lợi như còn mắc kẹt chút đuôi.

Thứ tư, như vua nằm mộng thấy rất nhiều khỉ lấy nước rửa đảnh của một con khỉ bị cùi hủi, tôn nó làm vua. Ở đây nói lên việc đệ tử Phật lập người phá giới làm thủ lãnh. Chữ “cho đến trong năm” là lược phàm phu trì giới, Thánh Hiền học người, v.v... Kinh Pháp Diệt Tận chép: “Phật bảo A-nan: Sau khi ta nhập Niết-bàn ở đời ác năm trược, ma đạo hưng thạnh, ma giả Sa-môn làm hư loạn đạo của ta, cho đến Bồ-tát, Bích-chi, La-hán tinh tấn tu đức, Tỳ-kheo chúng ma đều ganh ghét làm phép tẫn xuất không cho ở chung (trên đều xưa ghi, đã dẫn ở văn, tuy phiền nhiều mà giúp cho tâm hạnh, cho nên ghi chép. Huống gì ngày nay chính mắt thấy việc đó, biết Phật đã thấy từ xa xưa, có thể tự nhắc nhở khuyên răn).

Thứ năm, người sợ hãi, là đoạn văn Phật bảo Ưu-ba-ly. Bốn điều trước lỗi vọng nhiếp quyến thuộc, một điều sau là lỗi biếng nhác. Ban đầu nói “không tu thân, giới, tâm, định, tuệ”, một câu nầy đọc suốt

xuống đó. Một, là thường cho phần giới thuộc thân miệng, tuệ là tâm quán, hoặc cho tâm tức là định. Nếu đủ ba học, đây rõ tự hạnh đã thiếu hẳn không lợi tha, cho nên nêu ba tướng trong văn nêu, tưới nước cũng là tổn đất, đều phải tịnh ngữ. Đã mê giới tướng thẳng khiến làm đó là diệt pháp. Luật Tứ Phần nói năm món diệt pháp tức thêm một văn, người học phải suy nghĩ, càng rộng giữ gìn. Một, là nạn học dối người. Hai, là ở trên làm ác. Ba, là hay dạy cách bủn xỉn. Bốn, là dạy điều ngu đần. Năm, là kia đây cãi cọ.

Phỏng là bắt chước nhau. Trì pháp tức là kinh, Ma-di tức là luận. Trong Luật Thập Tụng, Phật chế Tỳ-kheo năm hạ trở lên chuyên tinh giới luật, rõ suốt trì phạm, việc làm của Tỳ-kheo rồi mới được học tập kinh, luận. Nay vượt thứ lớp mà học, hạnh đã mất, thứ lớp vào đạo không có lý do, Đại Thánh quở trách chẳng hề luống uổng. Lại luật kia chép: Phật thấy các Tỳ-kheo không học Tỳ-ni bèn khen ngợi Tỳ-ni, trước mặt khen Ba-ly trì luật bậc nhất, sau các Tỳ-kheo Thượng tọa, Trưởng lão theo Ba-ly học luật". Thời nay vừa lãnh giới phẩm, liền nghe giáo tham thiền, hạnh nghi của tăng không hiểu một điều, huống chi lại khinh lờn giới, hủy phạm Tỳ-ni. Chê bai học luật là tiểu thừa, cho trì giới là chấp tướng, ở đây mê mờ trần tục, buông lung hung dữ ngang bướng. Tham mê chén thịt tự cho là thông phương, hành dâm nộ nói là xứng đạt đạo, chưa hợp ý chỉ Thánh, hiểu lầm chân thừa.

Lại nếu giới là đáng khinh sao ông lại đăng đàn mà thọ? Nếu luật đáng hủy sao ông lại cạo tóc nhuộm y, đây hễ khinh giới thì toàn là khinh mình, hủy luật lại thành hủy mình. Vọng tình dễ học theo, chánh đạo khó được nghe, vượt tục siêu quần trong muôn điều không gì hơn giới nầy, xin rõ lời Thánh dạy đâu không theo ư?

Xuất xứ từ Tạp A-hàm ở quyển ba, bốn câu đầu rõ tự mình không học, văn kia chữ "sơ" trở xuống có chữ "Thỉ", nghĩa là từ đầu không học. Chữ "kiến" trở xuống hai câu, nói không thích người khác học. Chữ "ngã" trở xuống là hiển bày lỗi. Câu trên nói Phật không khen, nghĩa là dầu có các điều lành khác cũng không thể khen. Chữ "hà" trở xuống là bày ý không khen. Ba đường tăm tối, nhiều kiếp không trở lại, nên gọi là đêm dài, nói suy trong đường ác bao gồm năm suy. Bốn điều trên là hiện tướng, câu dưới là sinh báo. Trong bốn điều, hai điều trên rõ mất lợi vì phước mỏng. Điều ba, không kính vì đức kém, nên gọi bốn ác là do hạnh xấu. Cho nên nghĩa là tổn giảm, xuất xứ từ ở phẩm Như lai Tánh thứ năm của kinh Niết-bàn. (tờ 185)

Hoặc có người nói "Nói như vậy cho nên bác bỏ". Tám món bất

tịnh, danh tướng như trong chứa của báu. Chữ "làm sao" trở xuống là lời Phật quở trách, do vu báng Phật pháp đều mắc hiện báo, cho nên chữ quyển khứ thinh nghĩa là khúc chuyển. Câu dưới chỉ rộng, kia nói rằng nếu có thuyết nói "Phật đại từ vì thương xót chúng sinh nên đều cho chứa", như vậy kinh luật đều là ma nói.

Kinh Ma-da chép: kia nhân Phu nhân Ma-da hỏi ngài A-nan "Pháp bao lâu mới diệt?" Ngài A-nan theo thứ lớp việc một ngàn năm trăm năm đã từ Phật nghe được nói rõ, kia nói rằng: "Ban đầu từ khi kiết tập đến bảy trăm năm, ngài Long Thọ ra đời bẻ gãy cờ tà kiến, đốt đèn chánh pháp (chẳng phải chánh ý nay cho nên sao không dẫn). Hai câu đầu, việc tám trăm năm. Chữ "nô" trở xuống hai câu là việc chín trăm năm. Chữ "bất" trở xuống một câu là việc ngàn năm. Chữ "hủy" trở xuống là việc ngàn một trăm năm (lại năm nầy các Tỳ-kheo như người thế tục làm việc môi giới hai bên). Trong ngàn hai trăm năm, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni làm việc phi phạm hạnh, như có con trai cho làm Tỳ-kheo, con gái làm Tỳ-kheo-ni (sao lược năm này). Ca-sa trở xuống là việc một ngàn ba trăm năm (lúc nầy Ca-sa phần nhiều nhuộm đỏ, đâu chỉ nghiệm pháp diệt). Chữ "tham" trở xuống là việc một ngàn bốn trăm năm. Một ngàn năm trăm năm nước Câu-diệm-di ba tạng cùng đệ tử La-hán xen giết hại, ác ma và ngoại đạo tranh nhau phá hoại chùa tháp, giết hại tỳ-kheo, tất cả kinh tạng Long vương A-nậu-đạt đều đem xuống biển cả, vì thế Phật pháp diệt hết (ở đây là nói theo một nước Câu-Diệm-Di, hoặc có chỗ nói năm ngàn năm, hoặc chánh tượng đều ngàn năm, mạt pháp muôn năm, v.v..., hoặc sáu muôn năm, bảy muôn năm, v.v... đều vì nghiệp của chúng sinh nên sự thấy biết có khác).

Luận Trí Độ, trong văn phá giới là năm, ban đầu dùng năm dụ hiển bày tướng ác kia. La-sát là tiếng Phạm, Hán dịch là quỉ tốc tật. Chữ "tuy" trở xuống là thứ hai nói về hình lạm thể trái. Chữ "nhược" trở xuống là thứ ba trong nhân bày quả. Chữ "hựu" trở xuống là thứ tư, tự sợ ác báo. Hai câu trên sợ hiện báo, câu dưới sợ báo đời sau, ở đây y cứ vào người trí chứ thường thường kẻ ngu mù đến chết vẫn không sợ. Chữ "như thị" trở xuống là thứ năm kết khuyến.

Hỏi: Trong Luận kia trước chép:"Nếu đối với tội hay không tội đều không thật có, cho nên lúc này gọi là Thi-la ba-la-mật", kia liền hỏi rằng "Nếu người bỏ ác làm lành là trì giới, vì sao lại nói tội và không tội đều không thật có, nay ý Sao lộn lạo khiến cho dễ hiểu.

Đáp: Trong đó chỉ dẫn tội không thật có. Kia tiếp tục nói "Tội chẳng thật có nên không tội cũng chẳng thật có".

Như mắt thịt, trở xuống hai câu là nghi dẫn văn riêng, tìm hiểu đó chưa được. Kia lại nói rằng “Lại nữa! Chúng sinh không thật có cho nên tội giết hại cũng không thật có. Tội không thật có cho nên giới cũng không thật có, vì sao? Vì có tội giết thì mới có giới, nếu không tội giết thì cũng không có giới (nếu hiểu ý nầy mới gọi là trì giới thanh tịnh, không như vậy thì chỉ là phước thế gian, người học nghe nói há không nghi ư?).

Trong bác bỏ lỗi, lỗi đã có cho nên nói là lời tụng, đây gọi là được thật cho nên cần phải bên trong, người học luật ngày nay thường dùng lời này, chỉ bác bỏ tông khác, không biết mình học cũng tụng lời. Vì sao như vậy? Vì ông tuy học luật mà hành luật đâu có, cho nên biết ở đời Mạt pháp, hai tông đại tiểu đều là học lời, thật đáng thương thay!

Phàm chữ “Sớ” là bình thanh, văn thấy mười bốn mà chỉ mười lăm, kia đây chia quyển kinh tạng có khác, phải trái ghi lầm. Năm lỗi Tứ Phần cũng nêu ra thêm một, tức ngay hai tổn tự hại là tán mất điều lành thế gian và xuất thế gian, cho nên khi sắp chết hối hận, khổ não ép ngặt, thần thức hôn mê, các nghiệp tranh nhau, hiện tự biết từ trước thường chẳng phải chỗ lành, khi chết sợ sệt, nên suy nghiệm điều đó.

Trong không học diệt pháp, Luật Thập Tụng nói mười pháp kia nêu trong năm pháp, vì đồng nghĩa loại cho nên phải nói. Văn lược hai món: “Có Tỳ-kheo trở xuống là rõ năm pháp ban đầu. Bốn câu trên là pháp thứ nhất. Không muốn nghĩa là tâm không hi vọng, nhưng tình tăm tối ngu si không thể chỉ dạy. Chữ “hựu” trở xuống một câu, là pháp thứ hai, luật ấy chép “cũng không thể khiến người khác hiểu rõ”, chữ “không thể” trở xuống một câu tức là pháp thứ ba, “cho đến” là lược pháp thứ tư. Luật ấy chép: “Có người nói pháp, không thể đúng như pháp dạy, cãi cọ lẫn nhau”. Chữ “không thích” trở xuống là pháp thứ năm, bốn pháp trên là dạy trao. “Phi pháp” trở xuống là một phen luyến trước ồn ào hỗn loạn.

Trong bốn điều, ban đầu là sở giáo, thứ hai chung năng sở, thứ ba và thứ tư thuộc năng giáo. “Lại không theo” trở xuống tức câu đầu, kế là năm pháp. “Tức thứ nhất” trở xuống là lược cả thứ hai, kia nói rằng “không theo pháp nhẫn mà theo pháp bất nhẫn (tùy tính tức giận). “Không kính” trở xuống là pháp thứ ba, nghĩa là thấy ở trên trái phép tắc liền sinh khinh ngạo. “Khiến sau” trở xuống là pháp thứ tư, kia nói rằng “Vì trên Thượng tọa không dùng pháp dạy dỗ”. “Đến nỗi khiến” trở xuống là thứ năm, kia nói rằng “Vì Thượng tọa qua đời, ba thứ trên cuộc hạn sở giáo, hai thứ dưới chung cho năng sở. “Ưa làm” trở xuống

tức văn năm điều sợ sệt, luật ấy chép: "một, không tu thân, giới, tâm, trí, vô dục độn căn. Hai, là gần gũi với ni, bỏ giới huờn tục. Ba, là Như lai đã nói Tu-đa-la, v.v... rất sâu xa, không tâm thương xót ưa mến. Ưa làm, v.v... Như trong Sao; Bốn là vì y phục uống ăn bỏ chốn lan-nhã vào xóm làng. Năm, là vì y phục, uống ăn phần nhiều cầu tìm nhiễu loạn (năm điều nầy đều không nói là sợ sệt, vì chánh pháp sắp diệt cho nên sao dẫn điều thứ ba và phân nửa sau).

GIẢI THÍCH THIÊN NHÓM HỌP TĂNG

Xét phần đề sau, nhóm tăng tức gọi là năng nhóm, nghĩa là thực hành tướng phép tắc. Thông cuộc tức dẫn đến bị nhóm, nghĩa là y cứ giới dụng người, đây thì nhóm tăng không thâu thông cuộc, thông cuộc được gồm cả nhóm tăng, đây tức trong thiên yết-ma, hai duyên ba và bốn hợp lại thành một thiên. Lại giải thích rằng nhóm nghĩa là năng nhóm tức là phép tắc. Tăng thuộc người bị nhóm tức sau dùng tăng để phần chúng. Thông cuộc gọi là chỗ bị nhóm tức sau là phần chững của giới đều như trong văn. Xưa đều ghi rằng "Nêu Tông là tăng thể, nhóm tăng về sau là rõ "Tăng dụng", đây do không biết tăng thể cho nên xếp đặt bừa.

Vả lại, Nghiệp Sớ rộng khắp Tăng thể, chánh lấy bốn người nhờ dùng, nào thường lấy giới làm thể, dụng kia quyết đây không công tự phá, cho nên khoa nầy sắp xếp khác xa với tu trước. Nêu tông chỉ là khuyên học. Nhóm tăng trở xuống mới rõ hành sự. Nếu vậy văn sao không chỗ rõ tăng thể hay sao?

Đáp: Khoa sau của thiên nầy dụng tăng phần chừng có văn nói về thể, như sau sẽ giải thích.

Trong ý chép, câu đầu nêu nghĩa tăng, tăng là tên chung bảy vị. Một, hai, ba người tuy không bỉnh pháp cũng được gọi là Tăng, do Tăng nhờ riêng thành từ nhân bày hiện, không giống ghi xưa nên gọi là chọn người riêng. Lạc hòa có sáu: ba tên giới, kiến, lợi là thể hòa, ba tên thân, khẩu, ý là tướng hòa. Lại ban đầu quả sắp đi gọi là lý hòa, chỗ chứng đồng nên là nội phàm. Sắp lại gọi là sự hòa, tức là sáu hòa. Chữ "nhược" trở xuống trái nói ý cần nhóm. Hai câu trên rõ nhân phi. Trái lìa là chung ba món riêng. Chữ "ngự" trở xuống là pháp phi. Chữ "bị" trở xuống là sự phi. Pháp sự dầu như do vì nhân phi cho nên cả hai đều không thành.

Cho nên văn sau bao gồm ba ý: 1/ Giải thích đề. 2/ Ý hết thiên. 3/ Tức chia chương. Trong nêu bày trước sau văn nêu ra kiền-độ nói giới,

quyết trước lập tòa mới đánh chuông. Sớ nói rằng "Do tiếng bảo liền nhóm giường ghế chưa làm", đứng đợi lâu sợ hãi chẳng thành, trước chế trước định tòa là do đây.

Duyên khởi ban đầu trong chế pháp, chữ "Phật nói" trở xuống là lập chế. Ban đầu nêu bày bốn tướng. Chữ "sử" trở xuống là rõ hay đánh người. Chữ "bất" trở xuống là rõ đánh pháp. Ba thông như sau nói, thổi ốc bắt chước trên đánh người, cho nên nói rằng "cũng vậy", kia nói rằng "Sa-di và người giữ vườn thội. Chữ "trừ" trở xuống là chọn vật. Thêm Độc Thọ Tương Truyện chép: "E bị thương tay cho nên nói lúc Bồ tát, chữ "nhược" trở xuống là rõ thời ăn trưa và sáng. "Trụ xứ nhiều" là phòng riêng xa rải rác. "Nhược" trở xuống là rõ hứa hai. Sớ nói rằng "Pháp triệu tăng nầy chế chẳng phải người có đạo làm, hẳn không phải hai người mới cho gồm giúp. Nói trong tục đánh, ban đầu dẫn trái với văn thỉnh giới. Cư sĩ làm thức ăn đem vào Kỳ-hoàn, đánh kiền-chùy, các Tỳ-kheo hỏi thì đáp: "mời tỳ-kheo ăn". "Cho đến" trở xuống là nêu ra trong Đề-xá, câu đầu nêu ra giới thứ hai, kia do cư sĩ thỉnh Phật và một bộ Tăng hôm sau đến thọ trai. Sáng ra trải tòa rồi sai người đến bạch Phật (đây là chứng xướng bệnh). Chữ "cập" trở xuống là nêu ra giới thứ tư, luật ấy chép: "Các cô đem đồ ăn vào tăng phường đánh kiền-chùy, chia đồ ăn cho tăng, v.v... Chữ "thực" trở xuống không rõ văn gì. Nói đánh, trong văn đầu nêu thứ 16 kia. Phật ngự tai nước Xá-vệ, trong vườn Lộc Mẫu, ba tháng hạ xong thọ tuổi, sau đó A-nan đánh kiền-chùy. Chữ "thử thị" trở xuống là lời của A-nan. Tín cổ là đối sự thì bảo với chúng, có kỳ hạn ở pháp thì qui tâm không hai. Cổ nghĩa là đánh động phát ra tiếng, tên chung của chuông khánh.

Luật Thập Tụng, duyên khởi thiếu việc có tám, bốn đoạn nói rõ. "Không người" trở xuống là thiếu tướng làm. "Chánh là khiến dùng" trở xuống đều là nhân dẫn. Chữ "Hựu" trở xuống là thiếu việc làm. Chữ "cập" trở xuống là thiếu chỉ trao, kia làm con trùng trong rượu đắng. Nay nói ăn là đổi cuộc thành thông. Chữ "uống" trở xuống là thiếu lý chúng. Chữ "Phật" trở xuống là nói về lập pháp, nói trên làm tướng Tỳ-kheo (lại y cứ theo hành thủy cũng chung Tỳ-kheo) dưới dẫn văn khác để giải thích tên cho hiểu.

Trong ý chung, Luật nêu tám món, món thứ ba đánh đất thành tiếng, nay lược làm bảy không rõ ý gì. Lường bày nghĩa là thời khắc khiến nhóm. Trong tám món thì khói và bóng là sắc, còn sáu món kia là thinh. Lại xướng cáo là hữu tình, còn bao nhiêu đều là phi tình. Chữ "diệc" trở xuống là chỉ bày chung, ở đây nói luật không cuộc đối với

đạo, ý bày thông tục. Trên dẫn các văn chứng định sẽ đánh, chính là thầm phá vọng chấp lúc bấy giờ.

Ni Sao chép: Các chùa ngày nay tăng ni lập chế không cho Sa-di, người tại gia đánh chuông, đây là rất mê giáo. Trong Phạm hiệu như các luật luận, đều làm kiền-chùy hoặc làm kiền-trí. Chữ "như" mà gọi chính là tiếng Phạm chuyển lầm, chỉ riêng thinh luận chính là tiếng kia. Nay nên âm chùy đọc là Địa. Lại trong Yết-ma Sớ nói thẳng rằng kiền-địa, chưa thấy chữ trĩ gọi là địa, đời sau không biết do đây một phen hiểu lầm. Đến văn sao trước sau cho đến Tổ giáo một tông, hễ chữ kiền-chùy đều sửa là trĩ, gọi thẳng là địa, xin tìm bổn xưa viết chép và xét Đại tạng kinh luật mới biết sự lầm kia. Nhưng do chữ trĩ và truy gần giống nhau cho nên vọng sửa. Nay nên y theo luật luận đều viết kiền-chùy, đến khi gọi theo tiếng luận (hoặc viết truy cũng vậy, thế gian có người không biết tiếng Phạm, nói là chày đánh chuông và chày đá, đây lại không đáng bàn).

Như y theo Ni Sao chép: Tây Truyện nói "Đến lúc nên dùng ta đánh kiền-chùy, tý-thát Hán dịch là đả (đánh), kiền-chùy dịch là cây bị đánh, hoặc dùng cây đàn, cây trồng, v.v... kia không có chuông khánh, cho nên phần nhiều đánh cây nhóm mọi người. Đây thì nêu nay hoàn toàn trái không thể hòa hợp. Vả lại, nương Sao Sớ nói khánh chuông mà dịch, nghĩa là hai vật vàng và đá (Ứng Pháp Sư Kinh âm nghĩa phần nhiều đồng với Ni Sao, nhưng trong bản đồ Kỳ-hoàn phần nhiều rõ chuông và khánh đá, mà nói là kia không có, hoặc sợ là có ít).

Âm nghĩa lại nói rằng: Kinh xưa chép: "Kiền-trì" cũng là tiếng Phạm chuyển sai, nên viết là trĩ cho đến đổi ngược lại (rõ biết chữ trĩ không gọi là địa, vì đây mê lầm quá lâu cho nên vì đó giải thích). Nghĩa lập là do trước các giáo tuy khiến làm tướng còn không có nói tựa, cho nên cần ước lý đâu sợ cách thức, mà văn trước nghĩa sau là muốn bày hành sự đều nêu ra chánh giáo phải trái đều luống.

Rõ trong lập bày chỉ pháp nhóm tăng, tức nay hiện hành Quỷ Độ Đồ Kinh, soạn vào niên hiệu Vũ Đức thứ bảy. Trong chép xưa, hai câu đầu bác bỏ thời. Chữ "nhược" trở xuống là dẫn bày, kia quyển thứ hai trước nói về năm việc, sau nói bảy pháp gọi là mười hai thời kiền-chùy.

1- Thời thường họp, nghĩa là nói tự tứ, yết-ma, giảng pháp, v.v... các nhóm (trước bắt đầu từ nhỏ đến lớn. Hai mươi trở xuống là hơi nhỏ, hai mươi mốt trở xuống là nhỏ nhỏ, mười trở xuống lại lớn. Ba trở xuống và năm mươi bốn trở xuống, ở đây giống năm phần ba thông nhưng

nhiều ít có khác, y cứ ở sau lại gọi là một thông).

2- Thời ăn sáng (Tám trở xuống là tiểu thực).

3- Thời ăn ban ngày (một thông đồng trước thường họp nghĩa là giữa trưa).

4- Thời dọn mâm tối (một thông đồng trên, như nay tối đánh chuông dọn mâm, nghi là tiếng Phạm, không rõ dịch là gì).

5- Vô thường (nhiều ít tùy thời) (năm món trên đều thường dùng, bảy món sau đều chọn duyên).

1- Huyện quan. 2- Lửa lớn. 3- Nước lớn. 4- Trộm cướp (bốn món nầy đều tùy thời). 5- Nhóm Sa-di (ba sau). 6- Nhóm Ưu-bà-tắc (hai sau). 7- Gọi là riêng.

Khoa yếu tức mười hai thời, tiết giải tức đánh đố, giải dụ như đoạn. Chữ "đản" trở xuống là rõ lý do không làm, sự chẳng sâu xa cho nên dễ, không biết pháp chế thì khó. Lượng thời pháp là không định đánh số, pháp này rất quan trọng quyết phải người trí mới có khả năng lãnh nhận mà dùng.

Trong ba thông chẳng phải gọi riêng ba món sau. Trước sau gồm có bốn mươi dùi, sinh trở xuống hai câu nói về mười dùi đầu, Đồ Kinh chép "Cầm chày định tâm luống khuôn phép mười dùi". Ni Sao chép "Không được đánh lớn làm kinh động tâm chúng". Chữ "tiệm hi" trở xuống là nói chặng giữa hai mươi bảy dùi, là thưa thớt. Chữ "nãi" trở xuống là bày ba dùi sau, tức gọi ba tên nầy là ba thông.

Đồ Kinh chép: Nhóm ba thừa (ngày nay các pháp giảng nói tiêu chuẩn cách thức này rất được trong kia. Trong đánh dài, đầu tiên là nói Phật ở đời vốn không có. Chữ "hậu" trở xuống hai câu là bày duyên khởi sau khi diệt độ. Chữ "như" trở xuống là chỗ dẫn. Chữ "kỳ" trở xuống là nói về cách đánh, tiếp bốn mươi ở trước thêm hai lần bốn mươi nữa là gồm một trăm hai mươi, ban đầu nói bốn mươi dùi thứ hai chỉ sinh khởi. Đồng với trước, nghĩa là huống khuôn phép dần dớn lần lớn cộng là mười tám dùi, chặng giữa bốn chùy từ mười chín đến hai mươi hai, đây là cứu khổ bốn đường ác: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh và tu-la, thứ lớp phối hợp.

Chữ "như thị" trở xuống là từ thứ 23 về sau đến dùi thứ 18. Kiểm là thâu tiếng gởi thầm. Chữ "phương" trở xuống là nói bốn mươi dùi thứ ba. Chỉ đồng trước là cũng có hơi khác, từ dùi ba mươi sáu đánh ba dùi gọi là ba thông, hai dùi rốt sau gọi là dứt chùy. Đồ Kinh chép: Niệm Tam Bảo có năm chúng, mỗi chúng có tám bậc, cho nên lấy bốn mươi là sai. Ba đường nương đó thì là một trăm hai mươi tiết (tám bực là bốn

quả bốn hướng, ba đường là ba thừa). Chỉ nêu ra trong kinh luật tức như trước dẫn, chẳng phải xuất xứ a từ một chỗ nên nói là "tham hiệu". Chữ "diệt" trở xuống đây chỉ là đương thời, nay cũng có nhiều.

Trong phần lập thệ, đầu tiên nêu khuyên gạn chứng nghiệm. Chữ "ưng" trở xuống là bày oai nghi. Chữ "ngã" trở xuống là nêu lời thệ, trên nói về sinh thiện, lại dưới là diệt ác, còn bao nhiêu tùy thời không cần phải chuyên đây.

Trong rõ công, ban đầu dẫn truyền, vua Kế-nị-tra tức Nguyệt Thị (âm chi) đánh nhau với vua nước An-tức, giết chết chín ức người, sau đối với ngài Mã Minh nói mình sinh tâm hối hận, ngài Mã Minh nói pháp cho vua nghe, khiến tội nặng thành nhẹ, còn chịu quả báo nầy. Chữ "tùy sinh" trở xuống, kia nói rằng "trong khoảnh khắc đầu đầy biển cả". Chữ "nhược văn" trở xuống là kia nhờ La-hán làm Tăng Duy-na, y thời đánh chuông, công giúp cho kia, sau nhận kia thưa tức là đánh dài, quá bảy ngày rồi chịu khổ liền hết. Chữ "tức" trở xuống là dẫn kinh hiểu truyện, ban đầu chánh dẫn, từ đây trở xuống là nói rõ về ý. Nhân duyên: Sớ chép: "Tội là gặp lành làm nhân, đánh là phát nguyện làm duyên" cho nên được tiếng truyền đi, khổ diệt, tự nhiên cảm ứng.

Nay văn lời giản lược có thể dùng kia giải thích. Triệu nghĩa là kêu gọi như tướng. Vong dụ như mất. Chữ "dư" trở xuống là dẫn hiện việc hợp kinh, Luật Sư Trí Hưng lúc đầu nương thầy giảng hiểu. Tháng giữa Đông niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm, duy na Kế Chưởng, đến thời sai đánh chuông ở chùa Bội Cần, Tăng có người anh họ là Đế Nam ở Hạnh Giang Độ bị chết giữa đường, lúc đầu không ai báo tin dữ, bỗng ông báo mộng với người vợ rằng "Tôi không may bị chết đọa vào địa ngục chịu khổ không thể nói. Ngày mồng một tháng này nhờ Trí Hưng ở chùa Thiền Định đóng chuông tiếng vang rung chuyển địa ngục, những người đồng chịu khổ với tôi đều nhất thời được giải thoát, nay sinh về chỗ vua. Nghĩ báo ơn kia nên sắm đủ mười xấp lụa dâng Luật sư Trí Hưng và nói ý của tôi". Người vợ thức giấc nói với mọi người, lúc đầu không ai tin, anh ta lại báo mộng nữa, sau đó mười ngày hung tin mới đến rất khớp với điềm mộng, bèn sắm lụa dâng lên Luật Sư và cúng dường đại chúng. (tờ 187)

Có người hỏi lý do, Trí Hưng nói: Tôi không có tài năng gì khác, chỉ do thấy trong truyện Phó Pháp Tạng và Kinh A-hàm dạy tôn kính công đức tiếng chuông như thế nên cố gắng thực hành. Thường đến mùa Đông bên lầu chuông gió lạnh cắt da, tăng cấp cho áo da, tôi tự gắng ý đưa tay cầm lấy, máu trong tay ngưng lại không dùng lời mà nói được.

Lại ban đầu nguyện các Hiền Thánh đồng vào đạo tràng, kế nguyện các đường ác đồng thời lìa các khổ". Mọi người rất phục lời ấy (đó gọi là ứng nghiệm người niệm). Việc nầy chính mắt Tổ Sư thấy cho nên chép ra để truyền, lúc này là cuối mùa Xuân niên hiệu Trinh Quán thứ năm sáu.

Người mới học ngày nay cho là chuyện nhỏ, phần nhiều không có lòng thành. Xin nói các văn trên nhờ đây một phen ngộ, hoặc Kế Chưởng Duy na y theo oai nghi trên vẫn cần lập thệ nặng.

Kia nói: "Tỳ-kheo sai người đánh chuông nên gọi là "Tri chung" đây là lời thanh tịnh", nếu nói thẳng là "đánh chuông" thì đây là lời bất tịnh. Chữ "như" trở xuống hai câu là y cứ giáo hiển bày lỗi. Văn nêu kinh, luận là lược cả luật. Đánh, như trươc đã dẫn luật Tứ Phần, Ngũ Phần, Thập Tụng. Kích (đánh) như kinh A-hàm, xuất xứ từ Trí Luận. Chữ "tri"trở xuống là dùng lý để nạn phá. Trước rõ đánh chuông thì năng giáo, sở giáo đều chung cho đạo tục, nhưng biết lời tịnh thì năng không, thông tục sở không thông đạo. Sự phi tướng dụ cho nên dùng nạn đó. Biết tịnh không chung với tục, năng giáo cuộc hạn ở đạo, chuông thì không như vậy. Thông người tục kia sai người đánh hay tự mình làm sở giáo cuộc hạn người tục, chuông cũng không như vậy. Chung Tỳ-kheo kia nhận dạy, tự đánh, cho nên "sớm" trở xuống là khuyên cố gắng. Sớ nói rằng: Lời "tri chung" tuy chẳng hại lớn nhưng là điều rất kỵ của người biết pháp (xưa ghi vọng giải, dùng sớ đối chiếu mà giải thích).

Thứ hai, là nói chỗ đến, gồm nêu thông cuộc. Phân khoa nói rằng "phần chừng" là đâu?

Đáp: Nghĩa chung là thể đồng, cuộc nghĩa là tướng khác. Đồng thì lược, phân biệt cần bày, từ cuộc nêu tên nên nói là phần chừng. Khoa dưới dùng người dụ cũng đồng với ở đây.

Hỏi: Tướng thông cuộc thế nào?

Đáp: Một xứ, hai người. Nói xứ là giới tác pháp và giới tự nhiên. Ở đây chung cho tác pháp có ba, giới tự nhiên chia làm sáu thì là cuộc. Trong người, riêng người và tăng hai vị là chung. Riêng có ba việc, tăng chia bốn loại cho nên là cuộc.

Lời trùm đầu đề, cương yếu một thiên biết lược đề mục, ban đầu có thể tìm trong văn. Trong nêu bày ý chế duyên khai. Thiên sau đã rõ không thể hai phiền nhiều, cho nên chỉ sau, nghĩa loại tướng đều từ đây.

Tác pháp có ba: Giới tràng, đại giới và tiểu giới. Giới tràng bốn nhóm, tuy gồm đại giới, chánh ý rõ giới tràng. Lại nhóm tăng y cứ sự

có chung có riêng. Chung nghĩa là thuyết giới, tự tứ trong ngoài đều nhóm. Riêng tức là pháp khác tùy giới làm riêng. Nay văn hai giới đều từ biệt luận.

Hỏi: Như trong nhóm chung, trên giới tràng, không đến có phạm tội biệt chúng chăng?

Đáp: Pháp thành mắc tội, chẳng ngại khác giới mà không có lỗi riêng chúng.

Hỏi: Tiểu giới nói tự tứ có nhóm tăng chung hay không?

Đáp: Vốn do nói tự tứ, khai kết ngăn quở trách. Đây thì ba tiểu giới chỉ có nhóm riêng.

Kế là nói giới tự nhiên, khoa đầu chia làm hai: Đầu tiên là bày tướng. Trong phần bốn, xóm làng, lan-nhã đều có hai thì là sáu tướng. Chữ "giai" trở xuống là giải thích tên gọi, đối kia tác pháp duyên tạo thành. "Cho nên phải" trở xuống là nêu ra chỗ.

Hỏi: Sở dĩ phải luật đều không lập ư?

Đáp: Chỉ là thiếu, lược nghĩa quyết đủ.

Y cứ ba tiểu giới rõ chỉ chỗ nhóm, Sớ chép: "Tuy ngay trong bộ không có giới tự nhiên khác chỗ hay dưới đường, tức là Thanh văn nói là một giới, dưới là lan-nhã". Nay nói không ấy hoặc chẳng rõ văn, hoặc không có phần chừng.

Ban đầu rõ xóm làng có thể chia, y cứ theo Sớ chia làm hai: Tăng thì ở không đổi (người có thể phân biệt) xóm làng cũng khắp, viện có thể đều hết (chỗ có thể phân biệt). Ni Sao chép: "Ngoài thành, bên thôn phường thì ba-la-di, thành ấp nhân dân thưa thớt thì có thể được phân chia, cho nên phải làm bốn câu:

1- Người và xứ đều có thể chia thì y theo tướng nầy.

2- Người và xứ đều không thể chia như lượng ở sau.

3- Người có thể chia, xứ không thể chia.

4- Xứ có thể chia, người không thể chia, đều y nhóm sau.

Cho nên biết tướng nầy quyết cần đủ hai, văn dẫn luật Thập Tụng quyển 22, kia nhân Tỳ-kheo hỏi Phật, ban đầu đến kiết giới, tức dẫn lời hỏi. Luật ấy chép: "Bấy giờ, giới nên tính bao nhiêu". Nói không Tăng phường là người có thể chia, xóm làng là xứ có thể chia. Chữ "tùy" trở xuống là lời Phật đáp, nghĩa là tùy chỗ rộng hẹp tức là giới hạn. Chú hành đến xứ thấy bốn mươi bảy, cho nên nói rằng: "Văn sau". Chữ "thử" trở xuống là trước dùng nghĩa quyết. Phần chừng tức đồng thế phần, nói chẳng phải giới thể xóm làng. Ý không chấp cho nên Nghiệp Sớ chép: Dù trong văn kia chứng hành đến xứ, ở đây chế nhiếp chung

sợ ngại trong giới, quyết khi tác pháp thân ở ngoài cửa, cũng được đồng thành. "Tứ phần" trở xuống là kế dẫn văn quyết tức giới trộm, xóm làng ngăn lấy bốn tướng (1/ Tường khắp bốn bên. 2/ Rào tre. 3/ Tường rào không khắp bốn bên. 4/ Chung quanh có nhà) thì kia nói, đây là thôn, tụ lạc tướng đồng, không cần xa lấy. Đây do kia chấp cho nên đặc biệt chú thích rõ (xưa ghi vọng giải, y theo Sớ là đúng).

Hỏi: Trong do chỗ lan-nhã xưa là hoang vắng, nay có tăng phường, chẳng phải lan-nhã, chẳng phải xóm làng, nhóm tăng khó định nên đặt ra lời hỏi đó?

Trong bệ quyết, ban đầu y cứ văn trước. Nay sau tỷ dụ tức chỉ tăng phường, đồng với xóm làng lại là lan-nhã được đồng có thể chia.

Trong phải hiển, văn dưới lại chỉ bốn mươi bảy. Đầu tiên dẫn văn cho nên sau dụ trái lại. Không xóm làng là nói chỗ hoang vắng. Ban đầu xây dựng tăng phường là đây y cứ tướng xây dựng Tăng viện chưa xong. Trước kiết giới: Là nói hội đồng trong nghi, nghĩa là xóm làng chính là nơi dân ở, già-lam tướng khác không được nêu đồng, cho nên ở đây nói lên điều đó.

Nói trong luật tức là chỉ giới trộm, nêu đủ bốn tướng như trên đã dẫn và sau giới lìa y giải thích giới già-lam, lại không nêu riêng, lược chỉ như trên, cho nên biết là đồng, hẳn sau lựa lạm chuẩn không khắp tịnh. Ba bên có tướng cần y cứ theo xóm làng nhóm hai mặt, một mặt lại y lan nhã, có người mê đây gọi là trong thành ấp, chỗ tướng viện trùm khắp đều có thể phân chia. Xin đem đồ tướng trong thiên kiết giới. Lam viện có bốn bên, tự nhiên ra bốn phía, tức biết sai lầm không nhọc công phá. Nay cho là tiện rõ già-lam đồng có thể chia, nhóm chỉ cuộc hạn ở lan-nhã, không chung với chỗ khác, người học tìm rõ trong văn để hiểu rõ.

Trong không thể phân chia lại chia làm hai. Ban đầu là nói theo người. Chữ "Tăng" trở xuống: hai là xứ biện. Sớ chép: "Hoặc y cứ sự đến đi của tăng nạn có thể biết. Hoặc y cứ nơi chốn tán lạc không biết bờ mé, hễ có một món liền thâu về đây".

Ni Sao chép: "Chỗ của Trung Hoa người dân rất nhiều không thể chia". "Tố dụng" trở xuống là bày lượng. Kia do có người hỏi Phật cách trồng cây, Phật dạy "bảy cung trồng một cây". Sau đó, Ưu-Ba-Ly hỏi lượng nhóm tăng, liền dùng để đáp. Khác chúng thấy nhau là y cứ hai bên hướng về nhau tác pháp mà nói. Chữ "y cứ" trở xuống là tính số, Năm khuỷu tay là một cung, một khuỷu là một thước, tám cung dài chín thước, bảy lần chín là sáu trượng ba thước, sáu thước là một bộ, một

gian tính mười bộ rưỡi, như vậy mà hợp.

"Không đồng" trở xuống là phá xưa. Sớ chép: "Xưa nói bảy mươi hai bộ rưỡi" là tính sai bảy khoảng cây. Hoặc chấp xưa nói rằng "Hạn hai đầu cây đều có thế phần". Lại nói rằng: "Chu vi trồng cây", lại sửa Tăng-kỳ là chữ "tám cây", các chỗ khác rộng như kia. Dưới chỉ nghĩa Sao tức ý theo san phồn, văn kia đã mất, ý như trước bày. Xưa ghi không biết lý do nêu rằng "chỉ lầm", nhờ khiến là lầm một chỗ, có thể vậy. Huống gì quyển thượng nầy có hơn mười chỗ chỉ rộng như kia, xem xét kia và không há đều là lầm ư? Vu báng bậc Thánh, nhục mạ Tổ tông, không sợ vời ượng lụy, dẫn lẫm người sau đâu có thể cùng.

(188) Kế nói về lan-nhã. Trên lược bỏ chữ A, cũng nói là A-lan-nhã, tức là chỗ vắng vẻ, có sáu loại khác nhau, sợ lạm danh tướng cho nên trước lựa nêu. Trong sáu loại gởi y tức giới thứ ba mươi làm sợ hãi lìa y.

Giới của tăng có hai, như đây nói rõ, nạn sự tức Đề-Xá giới cuối, còn bao nhiêu có thể biết. Trong không nạn, đầu tiên nêu không định. Sớ chép: "Các bộ đều nói một Câu-lô-xá", mà xen nói không định, lớn thì hai ngàn cung, cung dài năm khuỷu (Tăng-kỳ tính mười dặm). Nhỏ thì năm trăm cung, cung dài bốn khuỷu (Luật Thập Tụng tính sáu trăm bộ là hai dặm).

Chú dẫn rõ Sớ, dịch đồng bổn luật, nhưng trống có lớn nhỏ, tiếng có xa gần, cũng không thể chuẩn mực. Chữ "ly" trở xuống là nói nay thủ, kinh kia nói rằng: "Một câu-lũ-xa", chú rằng "Đời Tần nói năm dặm".

Trong có nạn, ban đầu dẫn văn bày, nói ở ngoài nghĩa là người quở pháp không đồng giới. Chữ "kế" trở xuống là nêu số. Một trăm chín mươi sáu khuỷu tay gồm ba mươi lăm trượng hai thước tám tấc. Ba mươi trượng là năm mươi bộ, bốn trượng tám thước là tám bộ, chỗ khác như số.

Hỏi: Sao gọi là có nạn?

Đáp: Người xưa chỉ nói là "Tỳ-kheo tội ác làm trở ngại", cho nên phần nhiều hiểu lầm. Nay phải giản định, đây nghĩa là bổn giới người được quở trách tâm không bằng lòng, cho nên đến quở trách khiến việc không thành gọi là nạn. Tức Luật Thiện Kiến chép: "Người không đồng ý" đâu không nói ư? (có người cho gần chùa lìa nhóm họp mà gọi là có nạn là lầm).

Hỏi: Có nạn, thì dùng loại pháp gì?

Đáp: Đây cuộc hạn ba tiểu giới, không chung cho pháp khác. Cho

nên biết, có nạn từ ba tiểu mà có được tên. Sớ giải thích ba tiểu giới nhóm Tăng hỏi rằng: "Đã có nạn duyên không so với bình thường, nên dùng như Luật Thiện Kiến ở bảy Bàn-đà mà nhóm, đâu chẳng rõ y cứ, đây là định nghĩa không nhọc kinh sợ lầm lộn. (hoặc có người không chịu, xin lấy ba tiểu giới trong thiên kiết giới đối chiếu đó thì đúng sai sẽ thấy. Nếu không như vậy, có nạn tự nhiên làm pháp gì phải suy nghĩ).

Trong đạo hành có hai, ban đầu dẫn rằng: "Văn nêu giới ăn riêng chúng, nếu nói riêng chúng đi đường thì không phạm". Nay nói không được là nói theo sự dừng ở, không riêng lý do đến tùy tướng mà biện. Chữ "diệc" trở xuống là định lượng, câu đầu chỉ nói về thông mạn, chữ "thử" trở xuống là dẫn luật để giải thích.

Hỏi: Lan-nhã, đạo hành đều một câu-lô-xá mà lớn nhỏ khác nhau là sao?

Đáp: Lan-nhã, các bộ đã riêng nêu lấy trong ấy. Đạo hành chỉ nêu ra nhiều tông, lý đồng luật kia. Sớ chép: "Bộ riêng phải lấy Thập Tụng là đúng".

Trong Thủy giới, ban đầu dẫn luật Ngũ Phần, đi trong nước nghĩa là lội đi. Chỗ vẩy nước đến là nêu giới hạn. Kế dẫn luật Thiện Kiến chia làm ba, ban đầu định phần chừng, y cứ theo thế phần lìa y ở sau, tương truyền mười ba bộ làm nhất định. Chữ "thủ" trở xuống là kế chọn lựa có thể chăng? Lấy chỗ thường chảy là giới tướng định, Thủy triều không được vì Sớ chép rằng: "Do vì chợt tràn". Chữ "nhược" trở xuống là thứ ba nói về đi ghe, lại chia làm ba: Ban đầu, nói trở xuống là có thể, Sớ chép: "như đồng". "Sở dĩ vậy" hoặc sợ giới tự nhiên giới hạn không nhất định, hoặc kết ghe giới tướng có khác nhau. Chữ "bất" trở xuống là nói phiền lạm được chăng có thể tìm.

Nếu theo luật Thiện Kiến, trong nước không được kết giới tác pháp. Sớ chép: "đây luận do tướng nước lên xuống, thể tướng khó biết". Nay thì y cứ trên bờ chia nêu, nghĩa cũng có thể được, như trong kết giới. Hỏi: Vì sao chỉ có sáu tướng?

Đáp: Vì nhiếp hết xứ.

Hỏi: Dùng bao nhiêu việc?

Đáp: Pháp kiết chưa cùng, chỉ trừ nói tự tứ. Thông hành các pháp chế, sau tăng sự cuộc khai kiết, tâm niệm, đối thú và ăn riêng chúng đều cần y cứ giới.

Hỏi: Dụng có thông cuộc, có được nghe hay không?

Đáp: Lan-nhã có nạn chỉ hạn cuộc ba tiểu giới, từ năm tướng khác

đều chung cho đại giới. Thủy giới, đạo hành giới hai chỗ nghĩa không có giới tràng. Trong ăn riêng chúng cũng ngăn năm tướng, trừ lan-nhã có nạn.

Hỏi: Tướng hoặc tướng lội, dùng gì để phân?

Đáp: Xóm làng, lan-nhã hai tướng riêng dễ biết, đạo hành chẳng phải thuộc hai món, thủy giới chung ba chỗ. Trong luận thể, trước rõ phần chừng, tức giới thể lượng. Các nhà phán rộng, hẹp, vuông, tròn, phải, trái khác luận, cho nên lại biện định, không tùy riêng hiển nên nói là gồm luận.

Ba món tác pháp, đại giới, giới tràng đều tuy nêu tướng, một món tiểu giới tùy người nhiều ít. Trong tự nhiên có thể chia xóm làng cũng tùy bốn tướng, đồng tác pháp trên cho nên nói là cũng không, chẳng thể phân chia, trong phần nêu khác nhau có ba, tức ba hỏi đáp đều có nhiều thuyết:

1- Hỏi: Trước rõ sáu mươi ba bước là y cứ bốn mặt đều lấy làm, y cứ một mặt lấy nửa mà hai hướng chung thành?

Đáp: Trong phần đầu phán định: Chữ "cố" trở xuống là dẫn chứng điểm bày dưới đây.

2- Hỏi: Trong chánh định giới thể, cho nên y cứ hai chỗ bỉnh pháp lập hỏi.

Đáp: Trong khoa đầu, câu đầu là san dị thuyết. Chữ "kim" trở xuống là thân chánh giải chia làm hai, đầu tiên là định lượng, trong chú giải thích nghi, ở đây y cứ bỉnh pháp rõ tướng, sợ cho là vì không bỉnh không nhọc giới. Chữ "cố" trở xuống là dẫn chứng lại tức văn trước đã y cứ hai chỗ, thì biết đều nữa đã rõ.

Khoa kế, ban đầu y cứ không người rõ thể. Chữ "nhược" trở xuống là y cứ có người rõ nhóm, y cứ theo đây sáu mươi bước bộ cần lấy hai tên gọi nêu khác kia đây. Đây tên tùy phần tự nhiên, kia tên dị giới tự nhiên. Chữ "cứ" trở xuống cũng gọi là hạn phân ngăn sâu. Trong ba, đầu tiên là nói về ngăn sâu, bất luận có không, lo có lỗi riêng chúng chia nhóm, cho nên nói rằng: "ngăn sâu". Chữ "thật" trở xuống là bày phần hạn. Chữ "cố" trở xuống là dẫn chứng, ở đây nói hễ làm Tỳ-kheo chỗ nào có giới thì biết bảy cây, trong Luật Tăng-kỳ không thuộc một người, chứng nửa trên giảm nghĩa không sai.

3- Hỏi: Do xưa chấp khác cho nên hỏi để tránh.

Đáp: Văn câu trên của khoa đầu là văn xưa, kia cho là sáu mươi ba bước, nhưng cứ Đông, Tây, Nam, Bắc mà lượng, không y cứ bốn góc cho nên định phương.

Chữ "kim" trở xuống là bác bỏ lỗi. Trong phong tục, cách tính phương năm tà bảy. Lại y cứ phần hạn tự nhiên, bốn phương sáu mươi ba bước, bốn góc thì hơn hai mươi bộ. Ngăn sâu y cứ biết phương y cứ luật Tăng-kỳ, góc không chỗ y cứ cho nên ở đây bác bỏ.

Trong hiển chánh, hai câu đầu lập nghĩa tông. Chữ "nhược" trở xuống là giải thích hai tướng định và bất định có thể biết. Có giới riêng: Hoặc là giới tác pháp, hoặc y cứ giới tự nhiên, nước, bờ xâm nhau thì tùy xa gần. Trong phần ngăn vọng, đầu tiên là dẫn chỗ y cứ kia, nhưng nói phương riêng không nói góc, cho nên gọi là không giải thích chung ý văn. Chỗ thân mặt hướng về thì thông tất cả, không cuộc hạn phương góc.

Chữ "phi" trở xuống là ngăn lựa chọn, lược âm trắc. Chữ "văn" trở xuống là nêu việc để dụ nạn. Kia chấp luật Thập Tụng, hai chữ "phương các" không lường bốn góc, cho nên dùng đây mà chất vấn.

Kiền-độ thọ giới nói pháp đệ tử rằng: "Nếu Thầy sai đến phải vui vẻ làm tròn, không được từ chối, nương gá nhân duyên mà ở, cho nên nói rằng "Theo thầy". Trong phần chánh giải, dẫn văn có ba. Ban đầu dẫn luật Ngũ Phần chứng minh không cuộc hạn ở phương, nhưng nói rằng "Thân mặt" có thể giải quyết ở luật Thập Tụng. Kế là dẫn luật Thiện Kiến để chứng minh cần phải viên. Nói phương viên thì phương là chỉ bốn hướng, viên là chỉ giới thể. Chữ "nãi" trở xuống là dẫn rõ luận chứng lấy bốn góc, nhưng kia là tác pháp, nay rõ giới tự nhiên, nhưng lượng pháp không khác cho nên được dẫn chứng. Hợp, dụ như hòa. Giác là bốn góc. Trong luận chánh ngăn lấy phương bỏ góc, kết khuyến có thể biết.

Trong văn chỉ rõ không thể chia xóm làng, còn bao nhiêu y cứ theo bốn dụ.

Hai là rõ tụng tăng, rõ nghĩa tăng, câu đầu bày vị. Luật chép"Có bốn hạng tăng:

1- Tăng bốn vị: Trừ thọ giới (bạch gọi, đối hỏi hai đơn bạch, trong lúc thọ một phép bạch tứ) tự tứ (năm đức hòa tăng bạch một lần) xuất tội (Tăng tàn một lần bạch tứ) còn tất cả yết-ma nên làm (Sớ nói: "trừ ba đơn bạch; hai là bạch tứ, bao nhiêu đều bốn vị tăng làm).

2- Tăng năm vị: Trừ ở giữa nước thọ giới và xuất tội Tăng tàn.

3- Tăng mười vị: Trừ xuất tội.

4- Tăng hai mươi vị, tất cả yết-ma được làm.

Chữ "phiếm trở xuống là bày danh nghĩa. Chữ "nhược" trở xuống là giản lạm lược nêu tướng phi, ủy như đủ số. Năm câu trong văn, câu

đầu và câu thứ tư đầu y cứ năng bỉnh, câu kế là chỗ làm, câu thứ ba chung năng sở, như đối chúng hỏi nạn, xả đọa, thọ sám... vì người năng bỉnh tức chỗ lương. Câu năm trái nhau, như bốn nghĩa xen nhau, v.v... Bốn câu trên bày riêng, câu dưới là bao gồm.

Chữ "thông" trở xuống là chỉ rộng. Nói bảy món là gồm thâu chúng khác. Sớ nói rằng: "Đối pháp tâm niệm lập tăng một người, đối với đối thú lập Tăng nhiều người (hay hai ba người), đối với chúng pháp lập Tăng bốn người". Lại nói rằng: "Đâu không rộng bỉnh gọi chung là Tăng" (xưa nói Tăng lựa riêng là lầm), dưới chỉ nghĩa Sao văn miễn (xưa nghiệm kia không văn là sai).

Trong nghĩa chung của Nghiệp Sớ nói rộng về thể tướng, chẳng thể chọn bày cần học mới biết. Chữ "tức" trở xuống là thiên yết-ma cũng rõ bảy vị pháp sự như hay phi, tìm đó có thể lãnh hội. Trong lệ riêng, vị riêng dễ hiểu, lược bỏ không nói. Thiên nầy nhóm tăng lại y cứ vào đại chúng.

Đầu tiên bốn người, Sớ chép: "Tăng tuy có bốn, thể tướng chia hai: Một là thể chẳng đủ, bốn không gọi là tăng, sau tùy sự chia cho nên có ba món riêng. Trong văn lại nêu lời kết, thật ra trong một trăm ba mươi bốn pháp trừ năm món trên còn bao nhiêu tăng bốn người đều được làm.

Trong năm người, ban đầu bày bổn tông, biên thọ hai pháp giáo thọ thưa gọi. Giới Sư đối hỏi tự tứ thưa hòa, chỉ có ba lần bạch, đây là năm người dùng. Nếu y cứ tăng thể bốn người có thể làm, nhưng do sự duyên nhờ nhau chẳng phải năm người không thành, cho nên ngoài bốn người thêm một làm tăng năm người. Biên thọ bạch tứ lại thuộc bốn người. Chữ "nhược" trở xuống là kế lấy bộ khác, bổn tông thọ sám cũng chỉ bốn vị, nay y theo Luật Tăng-kỳ thêm vào trong năm. Kia nói rằng: "Năm chúng yết-ma là tự tứ, biên thọ (thọ giới cụ túc ở biên giới) tất cả phạm Ni-tát-kỳ.

Mười người, Sớ chép: "Ở giữa nước tăng nhiều, trước thọ sinh mạn, cho nên gấp bội số năm ở trước là tăng mười người".

Hai mươi người, hai thiên gần phạm trọng, hối hận tánh tình nông nổi cho nên gấp bội thọ giới là Tăng hai mươi người, y cứ theo Sớ.

Hỏi: Thọ giới, biên địa khai cho năm người, lệ y cứ xuất tội cũng nên khai mười người?

Đáp: Thọ giới là sinh thiện nên khai thì có lợi ích, xuất tội là diệt ác mà khai là thêm lỗi. Còn bao nhiêu rộng như kia.

Trong thể dụng, câu đầu gồm chung bốn vị. Chữ "nhược" trở

xuống là bày riêng thể Tăng. Ban đầu rõ thể chung, chữ "kim" trở xuống là rõ dụng riêng. Trên tức y luật lược bày tăng thể, luật bổn chỉ có y cứ theo số nói về thể, nghĩa là một người, nhiều người, bốn người, như lấy giả dụng bèn y cứ thành luận, rõ ý văn nay. Tuy chẳng chánh biện bốn người, thật biện chẳng phải thể, mà sao thì nói xưa ghi chỉ trước nêu tông là Tăng thể, ấy là lầm.

Trong chọn tịnh uế, văn ban đầu tự hành lấy tịnh, chỉ y cứ tự biết, gạn có chỗ phạm, sám hối rồi đồng pháp, không như vậy thì quyết y cứ ba căn xem xét trong đục, trong thì sẽ dự số tăng, đục thì quyết trị tẫn xuất, căn không ngoài chương cũng cho tham dự.

Khoa kế, trong chọn sạch, ba câu đầu lựa định văn lược tự tứ. Chữ "dĩ" trở xuống là giải thích thành. Ban đầu giải thích nói giới. Câu trên chế năng thuyết, câu dưới chế người nghe. Sau giải thích sám tội, câu trên chế năng sám, câu dưới chế người thọ sám.

Hỏi: Tất cả các yết-ma đều thuộc trong hai môn sinh thiện và diệt ác, làm sao phân chia?

Đáp: Như các hối tội trị tẫn, diệt tẫn, can ngăn, v.v... các pháp, gọi là diệt ác, còn ngoài ra đều gọi là sinh thiện.

"Xưa thấy", trở xuống là nói rằng sinh thiện, liền khoa đây là diệt ác, đến đỗi khiến kẻ hậu học vọng cho là nói tự tứ, đồng là diệt ác. Phải biết, trong văn nói đủ hai món, nói giới là sinh thiện, sám hối thuộc diệt ác, người trí phải xem xét, mong không lẫn lộn.

Kế trong thông uế, ban đầu chánh rõ. Chữ "cố" trở xuống là dẫn dụ có hai. Ban đầu luật khai bạch dừng tăng tàn, đến trước thọ giới. Hai, là trong luật có người thọ giới rồi nghi Hòa-thượng phạm giới có bốn câu. Ba câu không biết đều được, câu sau biết cho nên không được, như thiên kế dẫn đủ. Chữ "tát" trở xuống là dẫn chứng.

Hỏi: Là y cứ việc làm không biết, là năng bỉnh lẫn nhau không biết?

Đáp: Lại nói về thọ giới, người bị làm không nghi, gạn phạm mới thành pháp. Nếu nói năng bỉnh chỉ ý cứ bốn tội trọng, đều không biết nhau cũng thành pháp sự.

Thiên sau giao phó đầy đủ cho nên ở đây chỉ đó.

THIÊN GIẢI THÍCH ĐỦ SỐ

Đề nói là đủ số, đủ giống như đầy. Tức trong luật nói "được đầy không được đầy",v.v... như sau dẫn đủ. Số có bảy vị, ban đầu từ một người trọn đến hai mươi người, nhưng nay phần nhiều nói theo chúng

pháp. Đối thú, tâm niệm đồng phải ứng pháp. Sớ chép: "một người nói giới biện cùng trăm ngàn mở bày giáo đồng, v.v...", cho nên có thể biết. Chữ "nhiên" trở xuống là trong văn phần nhiều nói không đủ làm cho thành đủ, vì vậy y cứ vào khả năng, xếp thiên tựa ở đầu.

Chúng tướng: Có bổn viết là Tăng tướng, người giải thích rằng "Tăng, Hán dịch là chúng", nay thì không phải như vậy, bốn dụ lựa chọn tướng kia chẳng phải một nên nói là "Chúng". Riêng chúng phụ là đủ tướng thiếu vì loại tướng theo.

Trong ý đến, hai câu trên rõ tướng sinh. Tăng tuy đã nhóm, chân ngụy tham nhau. Pháp nhờ người mở mang, người trái thì pháp bại hoại, chế khiến lựa chọn y kia có thể biết. Chữ "nhược" trở xuống là bày hai đường, ban đầu đến tăng dụng là nói về thể, chẳng phải tướng đủ, đây là một đường, là dụ thứ ba. Chữ "tất" trở xuống cho đến Tăng nhiếp là rõ tướng trái thể định, đây là một đường, tức là dụ đầu.

Nương sự đối duyên đều y cứ ba nghiệp ngoài tướng mà nói. Chữ "dĩ" trở xuống là tiếp trước phát sau. Chọn lựa là bốn dụ sau, phải trái y cứ chỗ lựa chọn, lấy bỏ y cứ Tăng dụng. Còn trong bốn dụ tức trước hai đường mở ra hai dụ, câu đầu nêu ra thứ lớp. Và thể như cũ, thứ ba nêu ra thứ hai, đều thể phi cho nên nêu cốt yếu mà nói. Ban đầu thể phải tướng quấy cho nên bỏ, thứ ba thể quấy tướng phải cho nên lấy, thứ hai đều quấy cho nên bỏ, thứ tư đều phải vừa lấy vừa bỏ, đối văn có thể biết.

Hai, là nói rằng "thể cảnh", thể là giới thể. Cảnh tức là nhân cảnh, ban đầu dụ y cứ trong văn nêu Tứ Phần là kiền-độ Chiêm-Ba, chia làm bốn câu:

1- Được đủ không nên quở (bốn người yết-ma, thấy ở dụ thứ tư)

2- Không được đủ nên quở trách (muốn thọ đại giới người khai quở trách, tức sau Sa-di chỉ một pháp này)

3- Không được đủ không nên quở trách (Hai mươi tám vị, nay Sao lấy sáu người, thể như ở dụ đầu. Hai mươi hai vị thể phi, ở dụ thứ hai)

4- Được đủ nên quở trách (Tỳ-kheo hiền thiện, trong thiên chỗ chọn chính là lấy người này, nay phải chia làm hai: 1- Thể tướng đều lành. 2- Thể sai tướng lành, là môn thứ ba, đều thành quở đủ)

Sáu người, danh tướng sau văn tự giải thích.

Trong y cứ nghĩa, khoa đầu xả giới, văn có hai điều nêu ra: 1/ Nêu ra giới dâm. 2/ Nêu ra pháp thọ. Như trong pháp thọ lại có người say, chú yết-ma đủ dẫn. Luật ấy chép: "Thọ giới xả pháp, trong đó nói rằng: Ngủ vùi, say, cuồng đều không tướng lãnh hội, đều không thành, v.v... Nay lại dẫn văn trong giới dâm, hoặc do giải thích lầm nên phải làm lại,

hoặc sợ viết sai. Điên cuồng là một người (văn luật kế dụ loạn tâm đau não hại người, nay dùng điên cuồng bao gồm). Câm, điếc, điên cộng là ba người, bên trong xen làm hai người. Văn luật rất rộng, lấy cốt yếu lại nêu chín người. Chữ "vị" trở xuống là bày nghĩa.

Văn luật Thập Tụng thấy có bốn mươi chín, kia trước hỏi rằng: "Nếu chúng tăng vì việc ngủ vùi mà tẫn xuất một Tỳ-kheo có được gọi là tẫn chăng? Chữ "nhược văn" trở xuống là dẫn lời đáp kia. Nghe bạch thành là đã biết chỗ làm, tình hòa đã bày. Đủ hai là gồm câm và điếc. Văn kết viết lầm hợp thành mười một, nhưng kia thật có mười hai mà một người tại gia do thể sai, nên chọn về khoa sau còn bao nhiêu nên hiểu như ở sau. Già luận nói ba người là lấy khác kia, đồng thì chỉ trước, nhưng kia có người chuyển căn liền lạc trong ni thứ hai, cho nên không dẫn nữa.

Tăng-kỳ nói trước năm như ở sau giải thích. Xen làm là trong bốn tùy nêu một nghi tác pháp, còn ba thứ kia thành riêng, thì một nghi có ba thành mười hai.

Sớ chép: "Lại từ bốn nghi liền hợp với chín trước, nghĩa thêm hai người. Ban đầu người say nêu ra trong phần thọ pháp xả giới. Hai, "tự ngữ " trở xuống bốn câu là một người, tức như trên dẫn văn xả giới. Hai câu trên rõ tự mình không hiểu, hai câu dưới rõ người khác không hiểu. Chữ "thị" trở xuống một câu chánh thức bày nghĩa đoạn. Những người khác đều có các bộ văn chứng, hai điều này riêng không có lý, có thể sai trái. Cho nên danh nghĩa thêm phi, nghĩa là Tổ Sư tự ý thêm đó (xưa chép: Nghĩa thêm ba người, người không hiểu luật là quấy. Một không biết nghĩa thêm, hai là khen văn cú phá, ba là không hiểu si độn tức không hiểu luật nhân. Như sau giải thích, trong Nghiệp Sớ về trước gồm ba mươi mốt người).

Khoa đầu giải thích riêng Tứ Phần. Trong "sở vi" ban đầu nêu, trở xuống là giải thích. Trên rõ lý do không đủ, văn y cứ xin pháp y cứ nhiếp nhiều món. Nay chia ra ba biệt một xin pháp (xứ chia nuôi chúng, cầu sám... là bày lời xin, thọ nhật không có lời xin).

Hai là không xin cho thẳng (như các lời sai người và trị tội, can ngăn, v.v...)

Ba, tự thân tác pháp tức là việc làm (Giới Sư bạch hòa, thọ sám xả đọa)

Vì tăng lượng: Lượng là quán sát người trước có khả năng chăng? Đã là tự xin đâu cho tự lượng, chế không tính đủ số, ý là ở đây.

"Nếu thông" trở xuống là kế rõ phi pháp nhập số. Hai câu nầy lời

ý hình như nặng, hoặc sợ ý riêng hiểu đó. Trong chung nạn, bổn luật bốn người nhưng trừ ba pháp không được làm (thọ giới, tự tứ, xuất tội, đủ như thiên trước) mà không nêu trừ thọ nhật, thì biết bốn người được làm pháp nầy do đương thời lạm làm, lại muốn trọn bày nghĩa "những việc đã làm" cho nên hỏi để giải quyết.

Đáp: Ba câu đầu chánh đáp đồng với trên. Văn sau thôi không trừ lý do. Ban đầu rõ phi năm người, cho nên sau rõ nhiếp ở bốn người.

Trong luật chỉ có ba pháp đơn bạch là pháp năm người, từ sai người, y công đức, thọ nhật, v.v... đều cần năm người làm, mà pháp năm người sai cho nên nói rằng "sự đồng". "Sở vi" là gồm các pháp trên, không đồng trở xuống là chọn khác. E nói rằng nếu không cho bốn người thọ nhật thì thuyết giới, giới Sư kiết giới xướng tướng thân ngoài ba người do đâu mà được thành? Cho nên ở đây giải thích.

Nói vì tăng là hiển này riêng. Trong thần túc, nghĩa là có thần thông, chân đạp hư không là do giới hạn y cứ vào chỗ trống mà nói về hư không, cho nên nói rằng không "phần chừng". Ẩn mất trong hầm ở chỗ cấm, ngược với hang đất, vì trong chỗ hang hầm thân không hiện. Trong lìa thấy nghe, đầu tiên nói chỗ kia, chỗ trống nhưng tay không đến nhau, cho nên lựa chỗ che mới có tướng nầy. Như mà ngủ đêm tức trong chín mươi giới có giới. "Ngủ với người nữ", tướng nhà có bốn (một bốn bên ngăn trên có che. Hai, là trước ngăn không vách. Ba, là tuy che mà không khắp. Bốn, là tuy che khắp mà có chỗ mở, như ở sau có giải thích đủ).

Chữ "thử" trở xuống là bày chỗ lìa, sau trong pháp dục thấy nghe đều lìa thành lỗi, nay cũng đồng. Chữ "Như" trở xuống là chỉ lược xưa có thuyết khác, cho nên chỉ như kia, văn ấy đã mất.

Nghiệp Sớ chép: "Nay hiểu đều trông lần lửa đồng tòa". Không y cứ người làm yết-ma, như Chuyển Luân nói giới tám vạn tự tứ, do đâu nghe khắp, chỉ lấy liền nhau, tức chẳng riêng chúng, v.v... Trong biệt trụ, ban đầu nêu ra giải thích xưa, đã đồng một giới đâu gọi là biệt trụ? Cho nên không dùng. Trong giải thích nay, hai câu đầu lập nghĩa. Chữ "phi" trở xuống là ngăn nghi, về sau là giải thích nghi ngờ. Trong giới tràng, trước giải thích biệt trụ, đã y cứ khác giới, tự nhiếp giới tràng, không phải nêu lại cho nên đối khoa trước giả nghi để giải thích. Ban đầu nêu nghi, dưới đây quyết nghi. Hai giới là biệt trụ và giới tràng đồng ở chỗ tự nhiên, giới tràng tuy là pháp địa nhưng ở ngoài tự nhiên, cho nên Nghiệp Sớ chép: Giới tràng tuy là đại giới bao quanh mà hai giới không liền nhau, ở giữa có đất trống (trung gian, cũng gọi là không

địa) tức là khác giới.

Luật Thập Tụng nói, trong bốn người, ban đầu rõ lý do không đủ. Vốn là vô tâm, Nghiệp Sớ chia hai, ba cái trên vì vô ký không duyên thiện ác, người lành nhập định có sự vắng lặng riêng, cho nên luật Thập Tụng trở xuống là dẫn chứng, tức nhóm tỳ- kheo sáu vị làm duyên. “Phật nói” trở xuống là văn lược, kia do lập chế cho người yết-ma phải nhất tâm chớ dạy bảo khác, suy nghĩ khác, chuyên tâm kính trọng, tâm tâm đồng nhớ, v.v... Y cứ sau nghĩa quyết có hai.

Đầu tiên là quyết ở số chúng, quá nghĩa là ngoài bốn vị. Chữ “túng” trở xuống là kế quyết không nhóm chẳng riêng. Do trái tăng dụng cho nên chữ “dư” trở xuống là chỉ lược, tức mười duyên trong chọn chúng thứ sáu.

Kế trong ba người, ban đầu bày lý do. Hai căn tai, lưỡi chứng pháp là cốt yếu. Chữ “cố đại” trở xuống là dẫn pháp giải thích thành. Hai, năng tức ở trên nói. Nghe, mù đều hai năng sở để thành đủ. Tướng trái riêng cho chỗ khác nghiệm. Cho nên y cứ ở dưới dẫn luận để quyết, cũng lấy biện rõ người Yết-ma.

Sau, ba người, ban đầu nêu ra lý do, chữ “nhược” trở xuống là dẫn bày khác nhau. Ban đầu bày hai phẩm thượng hạ đều không cần pháp. Thường nhớ tức phẩm hạ, không nhớ tức phẩm thượng. Nói nhớ, không nhớ là y cứ nói pháp tự tứ thường hành. Chữ “nhược hỗ” trở xuống là rõ trung phẩm cần pháp. Bạch nhị xa thêm giải mới vào số, cho nên nói là “dầu khiến”, v.v... Chữ “thống” trở xuống là nêu đồng hai cái khác, đều chia ba phẩm, do ba tướng tuy khác mà đồng loại điên cuồng. Tứ Phần gọi là đau đầu (óc), tức bịnh trước hoại tâm người, trong văn không giải thích tỳ-kheo trên cây. Luật kia nói rằng: “Tỳ-kheo ở trên cao giải tẫn không thành” nhưng nói trên cao là thông Tổ Sư giúp cho dễ hiểu. Vả lại y cứ một tướng nên nói là “cây”, do chỗ cao thấp tướng riêng chẳng đồng ở, cho nên Nghiệp Sớ nói rằng: “Nếu cành cong ra chỗ ngoài giới, thân ở trong giới thành biệt giới ngoài chẳng biệt. Nếu không cong chỗ trong ngoài đều riêng mà là không đủ”, số thâu lựa chung mười người.

Ban đầu bốn người tốt tức tòa tâm, trái với dưới sáu bịnh báo. Ba thiếu tai, lưỡi ba lỗi ý căn. Sau một trái nghi, tìm văn sẽ thấy.

Già luận nói, ba người, ban đầu bịnh nặng hiển tướng, quyết y cứ thân hôn mê, thân tuy khốn đốn, dốc tâm dụ như không muội, Luật dạy cho đến, hoặc tăng đến kia, hoặc ra ngoài giới, cho nên biết là đủ. Về Biên địa, Già luận chỉ rõ biên, trong không đủ. Bổn luật xả giới xen không thành xả, cho nên sau y cứ giữa nước.

Chữ "tất" trở xuống là nghĩa quyết, vốn do nói không tướng vì lãnh mà không đủ. Trong si độn, ban đầu bày ý không đủ, tức người không hiểu luật. Như kinh, luận, Thiền tông và các môn tạp học không thấm nhuần luật bộ đều thâu ở đây. Dầu xưng học luật thời buông lung lỗi học, không rõ duyên khởi cương yếu đều mê thành bại hoại, đua đòi phụ theo lạm dự nhân Sư, tự cho là mình tinh anh, thật đồng với si độn, cho nên Nghiệp Sớ đã giải rộng, nêu năm món mê, nay dẫn cho đó, nên tự tỉnh xét.

Kia nói rằng: "Tụng văn mắt hợp e có sự dừng lâu duyên vào sai trái, bên cạnh không có người biết, đây là mê thứ nhất (gồm bày bốn pháp đều không ai xem xét). Hoặc đồng tụng một pháp trước sau văn không trái, tướng năng sở không biết kia hay mình, đây là mê thứ hai (đây là mê pháp). Hoặc y cứ văn nhiếp cẩn thận, sâu luyện tự tha, thêm bớt trái sự pháp, lầm lộn không gọi là khiến ở, đây là mê thứ ba (nghĩa là mê sự). Hoặc văn cú bèn rõ, sự trái lạm, người có duyên khác, phải trái đều im lặng, đây là mê thứ tư (tức mê người). Hoặc người pháp đều đủ, sự cuộc hạn giới cảnh thành không rõ ràng, rốt cuộc đùn đẩy đưa nhận, đây là điều mê thứ năm (đây là mê giới). Xem năm điều mê nầy rất rõ bốn pháp, rộng khen cẩn thận hợp với tăng luân, đồng năm chỗ thâu nghĩa qui về không đủ (bốn pháp tức người, pháp, sự, giới).

Quyết nói, v.v..., nói nghĩa là yết-ma nói nghĩa. Chữ "tề" khứ thinh. Như khi nói giới chỉ giải một lần bạch, ngôn tướng trước sau liền đủ một số chỗ nói giới, do người khó đủ sợ pháp sự thiếu bỏ, gạn thông loại nầy. Tăng-kỳ, chín người bốn nghi dễ hiểu, nhưng giải thích năm người, ban đầu trong dữ dục, tâm tuy đồng pháp, thân không hiện tiền. Chúng lấy tướng đồng trái cho nên không đủ.

Trong cách chướng có hai: Ban đầu y cứ chỗ che chướng. Chữ "hoặc" trở xuống là y cứ chỗ trống, vì trong văn chỉ nói cách chướng cho nên chung hai loại giải thích. (tờ 191)

Trong che một nửa, phải giải thích hai người, do tướng tuy hai, riêng y cứ giới đồng cho nên ban đầu đều thông điệp. Chữ "vị" trở xuống là phải giải thích, hai câu trên bày chỗ đồng. Chặng giữa trở xuống là rõ tướng khác, chữ "tinh" trở xuống là gồm kết. Trong chỗ trống, câu đầu nhắc lại tên. Chữ "thử" trở xuống là giải thích tướng, ở đây nói, là chỉ chỗ nói ở trên. Tướng rõ là tuyên bày không lạm, quyết biết lựa che. Chữ "phú" trở xuống là đối với che giải thích thành, chữ "thuyết" trở xuống là lựa riêng, sợ cho là người khác cần, việc làm của hai thầy đều không cần, cho nên trong một tầm không quá tám thước

thì cho tiếp nhau.

Trong dụ thứ hai, hai phi tức thể và cảnh.

Hỏi: Cảnh và duyên khác nhau thế nào?

Đáp: Cảnh nghĩa là duyên tốt xấu của người, nghĩa là ba nghiệp trái, thuận.

Bổn tông, trong nêu bày, Ni là báo riêng. Sa-di chưa đủ, Thức xoa, Sa-di-ni thì gồm hai nghĩa. Mười ba nạn nhân thể chẳng phải ba học, pháp cách ngại hai diệt thể hư hoại.

Trong giải thích nghi, ban đầu nhắc lại lời hỏi trước, do nhiều thuyết khác cho nên hỏi giải quyết. Trong Ni bốn người hợp làm, v.v...

Đáp: Trong ban đầu nêu xưa, tức ý san phồn có chấp thể.

Chữ “như”trở xuống là phá nạn, “kim” trở xuống là chánh giải lập nghĩa ở đầu, “nếu biết” tức ngay dụ nầy, không biết tự thuộc môn sau. “Như” trở xuống là chỉ loại, thiên sau chép: “Thọ dục rồi tự nói “tôi là người có mười ba nạn, v.v...” do tự bày cho nên chẳng được tăng dùng (đây chứng biết thì không đủ). Nếu không tự nói, trong tướng đồng thuận (đây chứng không biết thành ra đủ) không đồng ba thứ sau ngăn chọn thì là duyên trái, ở đây lấy duyên thuận”. Cho nên sau bốn dẫn dụ tức trong pháp thọ giới có người thọ giới với Hòa-thượng phá giới, sau sinh nghi, hỏi Phật, Phật giải quyết cho người đó.

Sinh nghi có bốn cho nên thành bốn câu:

1- Hỏi: Ông có biết Hòa-thượng phá giới hay chăng?

Đáp: Không biết. (Phật nói đắc giới)

2- Hỏi: Ông biết kia phá giới chăng?

Đáp: Biết.

Hỏi: Ông biết không nên theo người này thọ giới chăng?

Đáp: Không biết (Phật nói đắc giới)

3- Hỏi: Ông biết người kia phá giới chăng?

Đáp: Biết.

Hỏi: Ông biết không nên theo kia thọ giới chăng?

Đáp: Biết.

Hỏi: Ông biết thọ giới với người nầy là không đắc giới hay chăng?

Đáp: Không biết. (Phật nói đắc giới)

4- Hỏi như ba câu trên, đều đáp “Biết” (Phật nói không đắc giới).

Cho nên không đủ số, câu nầy lệ thành nghĩa nay. Ba câu đắc giới là lệ đủ, câu sau không đắc lệ không đủ. Chữ “sở” trở xuống là năm thủ

chứng, trong văn là kiền-độ Chiêm-ba.

Trong không đủ kia, trước sau cả hai nêu ra như trên, v.v... Trong người biết chúng một nêu ra. Đều nói rằng: "Nếu tự nói là phạm biên tội, phạm Ni, v.v... Luật Thập Tụng, văn thấy lệ thư ba. Trong phá xưa, ban đầu nêu ra giải thích kia, do chấp thể cho nên tức là thọ giới bốn câu, chỗ ngăn ngại bèn cong, giải thích rằng "Kia không biết đắc giới gọi là ngoài số".

Ở đây, trở xuống một câu là phá thẳng, Hà trở xuống là song nạn. Trên y cứ không biết nạn trái tông, văn dưới ước biết nạn trái pháp. Trong Ngũ Phần, Thập Tụng, Tăng-kỳ thì Hòa-thượng ở ngoài, Tứ Phần thì hạn định giữa nước là mười vị. Luật Thập Tụng một người mà nói thêm là bổn tông không có nghĩa, thẳng y cứ văn kia tăng thành số nay, cộng thành hai mươi ba vị.

Trong phần giải thích, khoa đầu trước chỉ bày chung nghĩa là đều nêu hai mươi ba loại, đều do hình lạm, đồng pháp cần lựa. Xưa cho rằng người tại gia vốn đủ giới duyên, đợi người tục hàng phục, cho nên đặc biệt ở điểm đó. Chữ "thập" trở xuống là giải thích, đầu tiên là chánh giải thích. Nghĩa Sớ chép: "Ở đây cùng biên, v.v... nào khác tội nặng ở trước", mười ba nạn có lỗi chướng giới, ở đây người tại gia năm, tám, mười người đều tuy đồng tâm tịnh, không ngại gia pháp, tham sai không thành vẫn là tên cũ.

Chữ "cố diệc" trở xuống là trái nghĩa đó. Xưa, ban đầu bày lý do, Sớ chép: "Này không đồng, không dùng oai nghi định thể trạng của tăng, trong đủ giới kiến, tài pháp ứng tăng. Ngoài thiếu đạo tướng làm duyên cũng được. Liền biết, trở xuống là nhân bày hành sự.

Trong ba nêu, Tỳ-kheo phạm tội, chống cự rằng "không thấy", hoặc không chịu sám hối, hoặc nói "dâm dục không chướng đạo", gọi là ác tà không bỏ, ba loại nầy đều làm pháp bạch tứ nêu bỏ ra ngoài chúng, như vật không dùng nữa, cho nên nói là "ba nêu". Câu dưới chỉ rộng tìm đó tự thấy.

Diệt tẫn: Ba điều trên tạm bỏ, sau hiểu lại đủ, đây tức là thường bỏ không tịnh lại như xưa.

Nên tẫn: Nên giống như đáng. Tội đáng diệt tẫn mà chưa tận, cho nên đầu tiên y cứ gia pháp chưa thành giải thích.

Ba-la-di: Nói tức là thiên đầu, do chưa thêm diệt tẫn, có thể gọi là "triệu", vả lại do thiên đầu tiên thuộc về phạm pháp, cho nên nói rằng "vào".

(Tăng tàn, lan-già, v.v... đồng với thuyết này)

Nhược, trở xuống là kế y cứ hai ba người biết mà chưa nêu giải thích. Chữ "hoặc" trở xuống là thứ ba y cứ một người riêng biết không nêu giải thích. Chữ "tinh" trở xuống là kết bày. Nghĩa Sớ lại nêu là chẳng phải hiển bày chung, không có sức ngăn trị cũng gọi là "nên đuổi". Chỗ nói "người biết" là ba căn không lạm. Cho nên quyết y cứ người biết, là muốn hiển nghĩa không đủ của môn nầy thì không một người nào biết mới thành đủ.

Trường hợp thứ ba, trong phần hiển tướng, câu đầu là bày số, tức hai mươi ba người, y cứ ở sau giải thích lý do. Trên nói không giải thích là đủ. Chữ "nhược" trở xuống là bày, dầu nói cũng thành. Nói vốn lấy biết, chúng đã không biết là đồng không nói, như nói ở chỗ vắng, hoặc nói ở chỗ khác v.v... y cứ trong luật hai điều trên như trước.

Văn nói rằng: Tức là trong bảy pháp diệt tránh tự nói trị duyên khởi. Ngài Mục-liên dùng thiên nhãn và lôi người phạm giới ra ngoài chúng, Sao dẫn lời Phật quở. Trong chuyển chứng, ban đầu văn Thập Tụng. Câu đầu tức nên đuổi, câu kế là tặc trụ. Chữ "bổn" trở xuống hai câu là biên tội, đều đến các nạn cho nên nói là "đẳng". "Nhược tiên" trở xuống là nay chánh y cứ. Khoa kế, Bà luận ban đầu rõ lập chế. "Cho đến" trở xuống rõ y chế. Trên rõ không kể thấy nghe, văn chỉ rõ thấy, nghe có thể so sánh đồng. Lớn nhỏ ấy, là lỗi nặng nhẹ. Chữ "nhược" trở xuống rõ không cho nói. Giải thích tự nói là trước tuy nhiều lần nói là "tự nói", vẫn còn sợ chưa hiểu, cho nên bày tướng nói, một là phải đối trước người nói, hai là phải nói nghĩa rõ ràng khiến người khác biết mới thành không đủ. Lòng từ dạy dỗ rất tha thiết cho nên đây quanh co.

Trong phần thứ tư nêu rằng phạm pháp, pháp tức chế tội. Bổn tông bốn người, ban đầu nêu danh tướng như trong "Tăng Cương". Chữ "ứng" trở xuống là rõ pháp thành, do chỗ phạm tình lỗi chẳng phải cực nặng. Chữ "đãn" trở xuống là bày chút lỗi, do đây phạm lỗi bạch tứ trị phạt, cho nên không được quở là vì trong ba mươi lăm việc đã chế.

Trong luật khoa là được đủ hay không được đủ người quở, còn bao nhiêu như khoa sau. Phạm Tăng tàn, bảy người là ban đầu nêu danh số, đủ như thiên sám. Bổn tông, bốn người chỉ y cứ chánh hạnh. Thứ tư, là người, thì Nghiệp Sớ chỉ thêm chữ tương, đối với tướng rất rõ (bốn nầy nêu ra nhân pháp, trong không ở bốn cần đủ). Luật Thập Tụng nói, ba người đều y cứ làm xong, e nghĩa là làm xong vọng toan đủ số, cho nên Nghiệp Sớ chép: "Sáu đêm xong cho pháp xuất tội" là khác gì?

Đáp: Văn luật hai vị y cứ xa gần. (sáu đêm xong, mong xuất tội, xa sẽ xuất liền gần)

Lại hỏi: khác gì với người bạch tứ yết-ma?

Đáp: Trước chỉ phạm lỗi nhỏ, tình lỗi có thể quở, cho nên gồm thâu đủ số. Đây phạm lỗi gần tội chết, tội rất khó trừ cho nên không đủ.

Không đủ, trở xuống là bày chút phần nghĩa, nghĩa là chỉ trừ hối bốn pháp Tăng tàn, là không đủ, do người đồng phạm không nên đồng trị. Không ngăn trở xuống là nói về ứng pháp. Đây mười một người là y cứ sớ phán riêng, nên biết sao nay hoàn toàn nương luật nêu ra vẫn đồng giải xưa. Luật ấy chép: "Có người nói: Bốn yết-ma ấy chúng pháp đều thông, các pháp Tăng tàn trị cuộc hạn hai thiên sám hối" như làm này hiểu.

Có người bị quở trách lại trị người. Phạm hai thiên, khai các sám chủ, xét y cứ sự tình văn luật không rõ, do nghĩa loạn định nên chia hai đường. Nếu đồng phạm đồng trị lý không dự, thiên luật nói đủ số nghĩa là sai kết (đây là một đường). Nếu tự có phạm thì lỗi bất tịnh, do có người tội không nên giải tội, mới được ứng, bao nhiêu chẳng phải tội yết-ma (đây là một đường). Nếu làm nầy chung trước sau không ngại (y theo đây quyết trước mười một người, chỉ nên sinh thiện gọi là đủ, tất cả diệt ác, phạm trị đều không thành đủ. Sao tồn không rõ nghĩa, dùng Sớ bỏ đó).

Hỏi: Trước bốn sau bảy, có gì khác nhau hay không?

Đáp: Theo luật thì riêng, Sớ thì quyết không khác. Không ngại đồng quy về chút phần, không đủ được làm một dụ.

Hỏi: Bốn môn đồng khác, có thể được nghe chăng?

Đáp: Hai môn đầu một bề không đủ, môn thứ ba tướng trái danh đủ, môn thứ tư hoặc đủ không đủ. Lại môn đầu và sau đủ giới, hai môn giữa phần nhiều là riêng.

Ni bốn vị, v.v... có mà chẳng phải loại. Mười ba, như biên v.v... hoàn toàn không nêu, diệt đều có, toàn hoại để chia.

Hỏi: Ba dụ không đủ là gồm bao nhiêu người?

Đáp: Ban đầu là ba mươi mốt người, môn kế là hai mươi ba, cộng mười một người của môn thứ tư, nên thứ ba có sáu mươi lăm.

Y cứ sau riêng chúng, học hối không đủ. Nghiệp Sớ lại thêm trái tòa thuyết giới, cộng là hai người, không hệ thuộc dụ trước. Pháp biệt chúng phụ nêu trong bộ, chú thích hai câu trước là bày tướng. Câu trên rõ khác giới chẳng riêng, câu dưới nói chung ba nghiệp, bốn nghi. Hai câu sau kết danh để biết. Nhưng riêng, chung, năng, sở thì trong năng biệt xuống đến một người là chúng pháp, tâm niệm cũng chế nhóm hết.

Nếu nói sở biệt đều chung nhiều ít.

Hỏi: Đây có khác với ăn riêng hay không?

Đáp: Trong ăn, năng biệt cuộc hạn bốn hay ba người lỗi, sở biệt đồng với trên. Lại ăn có chín duyên có thể khai pháp, không phương tiện được riêng. Ăn thì phạm Ba-dật-đề, chế trọng, nghiệp khinh, pháp chỉ phạm Đột-cát-la chế khinh, nghiệp trọng. Nếu trong một giới hai chúng bỉnh riêng pháp thì đó là phá tăng, phạm Thâu-lan-giá trung phẩm.

Hỏi: Tên riêng chúng là năng hay sở?

Đáp: Chế lỗi ở năng, theo năng mà đặt tên.

Nghiệp Sớ chép: "Nếu lấy lời liền nên nói là "biệt chúng", có thể dùng giải quyết.

Hỏi: Thế nào gọi là biệt?

Đáp: Biệt là nghĩa khác, một và ba là nghiệp khác, hai và bốn là nghĩa khác, ba trước sau khác đều như sau rõ (trong ăn chỉ là ăn không đồng vị, tên đồng sự khác).

Trong ba nghiệp, khoa đầu nêu ra kiền-độ Chiêm-Ba. Nên đến, nghĩa là nên yết-ma. Chọn người, trước thể tịnh duyên sai, giữa là câm, điếc, cuồng loạn, bịnh nặng, si độn, v.v... và thể cảnh đều phi, một môn là mọi người đều không nên đến. Vì vậy thứ hai nên cho giữ dục, đó là có duyên đúng như pháp. Lựa chẳng phải duyên ấy là không nên cho, cho nên thứ ba, người được quở trách nghĩa là người đủ đức đúng như pháp. Lựa không nên quở trách, như bốn thứ yết-ma, v.v...

Hỏi: Không dữ dục là người và miệng cũng không nhóm, sao không nêu?

Đáp: Thân đã không nhóm, lý không quở trách.

Hỏi: Như vậy đầu tiên thân người cũng không nhóm phải chăng?

Đáp: Kia không có duyên dữ dục, nên phải nhóm họp, cho có miệng quở, cho nên đồng không nhóm. Đây thì không phải như vậy, có duyên như pháp mới cho không nhóm.

Cho nên nếu y cứ theo Nghiệp Sớ riêng ghi ba nghiệp chính là trọn ý. Ban đầu thân không nhóm, kế tâm không nhóm, sau miệng không nhóm, lại là ba hòa cũng theo riêng trải. Khoa kế, trên hai người có thế biết, sau người, tâm không nhóm, đây gọi là có việc đáng quở trách. Tâm không bằng lòng thì quyết không có việc quở, đồng với người ban đầu, cho nên sau dẫn chứng. Ban đầu tức văn Chiêm-ba, kia rõ phi pháp hòa hợp yết-ma nói rằng "Có đồng một chỗ ở, đồng một hòa hợp một chỗ yết-ma, người nên dữ dục hiện tiền dữ dục, người nên quở trách

không quở trách, tác bạch hai lần mà làm tác bạch bốn lần, bạch việc này làm việc kia", văn nầy có thể chứng tướng thuận mà tâm trái.

Chữ "hựu" trở xuống tức lìa pháp trong văn, đầu tiên dẫn Thân Tử (Xá-lợi-phất) hoài nghi hỏi Phật. Trên chữ "như pháp" là viết lầm, kia chính nên viết là phi pháp. Chữ "ưng" trở xuống là Phật xử đoán, kia nói rằng "Phật dạy cho im lặng" liền nêu đủ mười lăm món im lặng, như thiên yết-ma đã dẫn.

Trong bốn nghi, ban đầu dẫn bổn luật, tức trong pháp nói giới, kia nói rằng "Nhóm tỳ-kheo sáu vị nghĩ rằng" ta đến chỗ nói giới không ngồi sợ các Tỳ-kheo khác làm yết-ma cho ta, nếu ngăn nói giới thì Phật đã dạy không nên, nay dùng phi pháp thế đó, là nói riêng chúng". Kế dẫn Ngũ Phần, bốn nghi dầu đồng, thân mặt hướng trái để nói chung riêng, sau dẫn Tăng-kỳ văn như trước giải thích, phần lớn y cứ trái mà nghi đồng trên Tứ Phần, nhưng văn kia trọn câu hiển bày tướng vẫn rõ.

Trong phần lựa chọn, phần lớn khoa đầu: 1- Thường để phán không ngại thân, không đến tăng mà là không đủ. Ẩn mất, dữ dục, trên cây, v.v... các loại, tự có đến trong tăng được thành riêng chúng, như trên trái nghi mặt lưng, v.v... Trong lựa tịnh uế, tịnh là bốn dụ ban đầu, uế là dụ thứ hai. Nhưng ba nêu, hai diệt có thể nói là uế. Ni bốn người, v.v... chưa hẳn y cứ là phạm. Người mười ba nạn không thể để phá, nhưng nay chỉ lấy cảnh chẳng phải tịnh tăng nên nói chung là uế. Uế vốn không đủ, tịnh tướng khó biết, cho nên trong chú chỉ bày tịnh. Thanh tịnh một sắc lại y cứ không phạm bốn giới trọng, vì nói sắc dụ như loại, sau chỉ cú pháp. Theo Nghiệp Sớ chép: 1/ Biệt chẳng đủ. (nên đến mà không đến và không dữ dục). 2/ Đủ chẳng biệt (tức Tỳ-kheo hiền thiện đích thân tham gia cùng chúng). 3/ Vừa đủ vừa biệt (người được quở liền quở). 4- Chẳng phải đủ chẳng phải biệt (người ngu, nhập định, câm, điếc, v.v...), văn kia rất rộng chẳng học thì không biết, cho nên lược dẫn.

Trong chọn học hối, ban đầu không đủ, vì trước đã rõ.

Hỏi: Xét luận thì học hối bốn lệ thuộc về lệ nào?

Đáp: Đã hư thể căn bổn, chẳng phải tịnh tăng cho nên chẳng phải lệ đầu. Đến chăng tùy ý, lại khai bỉnh pháp cho nên chẳng phải lệ thứ hai. Sinh thiện diệt ác, tất cả đều đủ, lại chẳng phải lệ thứ tư. Trước đã không thâu, trong đây mới bày. Tuy khai bỉnh pháp, phải ở ngoài số tăng, y theo đây mới biết tín nhiệm của bỉnh pháp chẳng dùng. Vả lại, lời yết-ma không qua số câu. Nếu chỉ tụng đọc thì ai mà không làm được, há được trong chúng rồi không hiểu. Văn nêu không hiểu, lời này

đáng suy nghĩ, Luật chế có khả năng nhận lãnh thì phải biết là có lý do, xem nay chớ mạo hiểm, thật là thương xót.

Chữ "biệt" trở xuống là chánh bày chỗ lựa, khai bỉnh, dự chúng khác thứ uế kia. Đủ, biệt đều chẳng phải thà đồng dùng tịnh, cho nên nói rằng "chặng giữa".

Kế, trong thành hay chăng, đã rõ tướng riêng chúng thành hay không thành. Trong chánh lựa, hai câu trên của khoa đầu là rõ thành, phạm riêng trở xuống các thiên vì không hoại bổn nên biệt phạm trở xuống là nói không thành. Căn bổn đã hoại thì các pháp dứt, cho nên văn lại chia làm hai: Ban đầu y cứ không biết rõ thành pháp, dẫn luật không khởi có tưởng để bệ uế mà khởi tưởng tịnh, lý không sai. Yết-ma thành ấy, Phật phán pháp thành, tức bày chẳng riêng, tội tức Đột-cát-la. Tâm không đồng là nêu ra ý kết tội. Thứ hai, là từ chữ "phiên" trở xuống là y cứ chúng biết rõ tùy biệt. Trong tạp loại, ban đầu nêu nhân tướng. Ba cuồng gồm loạn tâm bịnh hoại, phải chọn hạ phẩm và trung phẩm chưa đắc pháp. Chữ "hoặc" trở xuống là rõ lý do chẳng khác, câu trên đối mười ba nạn, câu kế đối ba việc, hình sai là đối Ni, v.v...

Pháp Sa-di chưa đủ, văn lược câu nầy, Sớ thì đủ. Bịnh báo là đối ba cuồng, câm, điếc. Chữ Duyên trở xuống một câu là gồm hết bốn câu trên. Khai nghĩa là cho riêng, "phàm" trở xuống là gồm phán. Nói chưa luận ấy, chưa giống như không. Đủ là đủ số, riêng là riêng chúng. Do các người trên trong hai không nhiếp, trong đây vốn nói chẳng riêng, nhưng cùng nhân tướng chẳng đủ không khác, cho nên gồm bày (Nếu nói rằng người đủ riêng ấy, thì đây nói riêng chúng đâu được chuyên rõ đủ số, lại trước dẫn xả giới, thọ dục, tự tứ, v.v... đều y cứ đối thú, đâu phải chưa luận).

Trong chỉ lệ dùng tướng riêng, riêng chúng chánh y cứ tăng chúng riêng khác tác pháp, sợ cho là đồng ăn người khác chẳng phải riêng, cho nên ở đây nêu bày. Chúng pháp đối thú, tâm niệm có khác nhau để biết. Đối thú, tâm niệm cũng có không nhóm, như đã chọn ở trên, có thành chăng? Đồng tăng lại rõ trong văn nêu bác bỏ thế gian để làm sinh khởi.

Trong trái, thuận, nêu chung hai câu phán định nghĩa tông, môn nầy đều như trước dẫn, sợ người chưa hiểu y cứ nghĩa trọng điều. Trong nghi bên ngoài, hai văn trên như ở trước. Trong luật Tứ Phần, ban đầu văn chỉ bày, kia chỉ nói rằng "không nên như vậy", tức là lời quở trách. Đứng ngồi đã sai, lý chẳng hòa tướng cho nên xếp vào riêng chúng, tức như trước dẫn "nên đến, v.v..." các văn. Kia chẳng hòa tướng cho

nên nói riêng chúng, rõ nay tướng không ngồi cũng chẳng hòa, là riêng không nghi. Chữ "như" trở xuống là dẫn lệ. Trong giới ăn no nói y cứ bốn oai nghi mà giải thích. Câu dưới hiểu đồng tức chỉ khoa nầy. Trong tâm trống rỗng, tức là tâm trái, dẫn chứng có thể biết.

Trong ngồi dứng khác nhau, khoa đầu do đời phần nhiều vọng làm nên đặc biệt chỉ bày, như nói giới đã bác bỏ, nhưng khi nói giới, vị Duy na đứng dậy đối với Thượng tọa, cho nên ở đây có lạm, còn các pháp khác ngay tòa đối đáp thì chẳng phải đã bàn. Sau chỉ nghĩ Sao phải có thuyết khác, văn kia cũng mất.

Khoa kế, ban đầu rõ hai đứng, trị phạt, chiết phục không cho ở tòa kia. Chữ "dĩ" trở xuống là giải thích ý cho đứng. "Dư" trở xuống rõ chế ngồi, như lìa y, gậy, túi, loại hối tội, xin phải nhún mình quỳ gối trước tăng. Quỳ đồng tướng ngồi cho nên nói là ngồi xin. Trong luật, hễ theo tăng xin pháp đều lệ năm nghi rằng: Nên đến trong tăng vén y bày vai phải, bỏ dép, lễ tăng, quì gối phải sát đất, chắp tay, nên nói là "nói rõ".

Trong thứ ba, ban đầu nói khai đứng, văn nêu hai người riêng bày ý dạy. Đời nay vị Giáo thọ vào chúng trước ngồi, hỏi hòa sau đứng dậy. Bỉnh pháp gọi là ngồi hòa đứng thưa. Ở đây do trong pháp thọ giới, chỉ y cứ gồm đáp, không nêu ra tướng trước hòa ngồi hay đứng, cho nên đến nỗi tranh cãi đến nay chưa thôi. Nay nên hỏi rằng:

- Oai nghi đứng thưa vốn là kính tăng, nay liền trước tòa đâu được trước ngạo nghễ sau cung kính. Văn Sao nói bày không được ngồi ngay, ông nay ở tòa hòa đâu chẳng ngay ư? Nếu theo lý thì không nhọc gì lăng xăng?

Hai, là nói giới sư, nếu y cứ Ni Sao cũng không khai. Kia nói rằng "Như luật, chúng lớn khai làm tòa cao như tòa Chuyển Luân mà nói giới, chưa hẳn đứng nói mà được thành. Xưa, khai đứng nói bởi sợ không thành (y cứ kia bắt chước nay dụ như theo xưa nói, ở đây biết chỉ khai cho bạch gọi một pháp). Chữ "tự" trở xuống là kế nói ngồi. Trong chú, duyên khác là khai cho bị bịnh ngồi đứng chẳng khác.

Nghiệp Sớ chép: "Nếu bịnh ở chúng như trong giới cỏ phủ đất của pháp Diệt tránh". Hai chúng cúi xuống đất trước người Yết-ma, nhất tâm nghe thọ y theo đây. Cúi, ngước, đều khai, trái thì biệt tướng, là biệt là đủ, phải kham đồng mặt tăng, cho nên ngước, cúi thì khai thành biệt, v.v...

GIẢI THÍCH THIÊN THỌ DỤC

Pháp dục có ba. Ở chỗ vắng đối thú, người năng đối gọi là dữ dục, người sở đối gọi là thọ dục. Đối chúng sinh bày gọi là nói dục. Nay chỉ nói rằng "thọ" thì: 1/ Thủ dục, bổn ý là sai người khác truyền. 2/ Ban đầu truyền sau nói, đều ở người thọ dục, một phen nêu thọ dục, nhiếp chung trước sau. 3/ Quán duyên thọ pháp đem đến trong tăng, phải, trái, thành chăng đều quy về người thọ, trong văn có thể thấy.

Hỏi: Trong giới có tự nhiên được thọ dục không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu vậy thì đối thú biệt pháp đâu cuộc hạn pháp địa?

Đáp: Ban đầu tuy biệt pháp, sau thành việc tăng, chỉ một pháp đây còn bao nhiêu đều đối thú.

Chữ "sở dĩ" trở xuống nói rằng ngoài giới thọ không thành. Trong thiên phần lớn không nêu ra hai môn, một duyên, hai pháp đều có phải và trái, cho nên đặt tựa đề. Trong bày ý, đầu tiên đến dục. Đến bày ý dục, hai câu trên nói chỗ muốn. Sự nghĩa là yết-ma chỗ giúp, trừ hai món nói tự tứ, còn tất cả pháp khác, mau phát chớ hẹn, cho nên nói rằng "bất ý". Pháp tức là pháp yết-ma chúng thường làm, nhưng có sự phát sinh phải cần giúp thêm, nên nói là "thường tình", đây rõ sự là đến thời, pháp chỉ là thường định. Chữ "cố" trở xuống là rõ năng dục. Đối tình tức thường tình ở trước gọi là tâm tăng, thuận với tâm kia, nghĩa là do tâm thuận, tâm thuận không trái thì chẳng phải khác nhau, yết-ma được thành cho nên pháp không lỗi.

Chữ "cố" trở xuống là nêu tên kết giải thích. Chữ "nhiên" trở xuống là bày ý lập pháp, sinh khởi văn dưới. Câu đầu nói duyên sai. Tình là tâm dục, sự là duyên dục. Tâm thuận sự trái, nên nói là trái nhau. Chữ "cố lập" trở xuống là nói về pháp chế. Pháp tức không gọi dạy truyền dục. Chữ "tổng" trở xuống là hai môn chẳng có câu lời riêng. Nếu không pháp chế, sự sẽ dung lạm, cho nên nói rằng "kiểm". "Kiểm tất" trở xuống là rõ cần dạy quán duyên có thể làm thành? Có sự là gồm đối với các pháp. "Nếu nói" trở xuống là xét cơ phải dạy, phát khởi mở bày, nhược giống như dục.

Trong ý chế, ban đầu là nêu. Chữ "phàm" trở xuống, giải thích lại chia làm hai, ban đầu nêu việc tăng, thân tâm, là lại đối không chỉ dục đến mà nói, đối với trước có thể thấy. Có thuyết nói rằng "Lời lược nghĩa quyết bao gồm", chữ "thiết" trở xuống là rõ pháp dục. Trên rõ không khai thì mất cơ. Chữ "cố" trở xuống là bày lập pháp cho nên thành lợi ích, cở hưỡn giáo gấp nên nói là "đâu đồng". Kia tức Tăng sự,

đây gọi là duyên dục. Tăng riêng theo hai cho nên nói là “đều làm”. Chữ “duyên” trở xuống là kết bày.

Trong phần giải thích tên, ban đầu nêu bày, phần nhiều đường dùng, như sau đã dẫn các văn, chữ “dục minh” trở xuống là giải thích thành. Ban đầu bày bổn dục, sau rõ duyên dục. Chữ “linh” trở xuống là nói pháp dục, đạt tức là đến. “Cố” trở xuống là dẫn chứng. Luận chép: “Ưa tùy hỷ”. Luật nói là “phát tâm” đều là ý mong đợi. Lại bộ Câu-xá nói rằng “Dục là mong cầu chỗ làm sự nghiệp”. Duy Thức chép: “Đối cảnh ưa muốn trông mong làm tánh”, đều phù hợp với ý ở đây.

Trong nói về thể, Nghiệp Sớ chép có ba: 1- Từ pháp tưởng dục làm thể (tưởng ấm tâm nhóm chỗ nhiếp gọi là Pháp). 2- Từ tướng sắc thanh làm thể, hoặc động thân sắc (bịnh nặng hiện tướng) hoặc động thinh tướng (rộng lược bốn món). 3- Từ sự, tức đồng văn nay. Đầu tiên là gồm nêu, dục là hay cần, sự tức chỗ muốn, trừ kiết giới ngoài ra tất cả yết-ma phần lớn chia làm hai việc, nói tự tứ chế đồng tôn trọng, còn bao nhiêu pháp khác đều làm riêng.

Chữ “tự” trở xuống là giải thích riêng. Ban đầu rõ động cần, thời hạn tức nửa tháng là xong hạ. Phản là trái. Sớ chép: “Quyết riêng lánh ngược, xa nêu ra cũng phạm”. “Tự hữu” trở xuống là kể rõ riêng cần. Riêng tăng cần ấy, là riêng không cần. Tăng cần ta là e trái riêng, ta không cần vì chẳng phải việc mình. “Phi” nghĩa là vô tâm đồng cần pháp sự.

Hỏi: Ba thể khác nhau thế nào?

Đáp: Ban đầu là năng dục, sau là sở dục, giữa là lời nói. Sau nêu giải thích, còn bao nhiêu nghĩa tồn lược.

Trong khai già, ban đầu rõ già. Già tức chế luật, văn chỉ kết ba món đại giới, trước yết-ma đều nói “không được thọ dục”, cho nên nói “chỉ trừ” (nghĩa y cứ ba tiểu giới, giới tràng cũng ngăn). Chữ “dư” trở xuống là nói về khai, câu đầu phán định, hai câu kế quyết nghĩa. Dục pháp chế duyên nêu ra hai kiền độ nói giới, tự tứ, Giới bổn đơn bạch xả y công đức thì bạch trước nêu hỏi dục, tự các pháp khác đều không cho nên nói là văn chẳng rõ. Trừ kiết giới pháp chế không nhận dục, còn bao nhiêu đều không chế. Ý tức là khai cho nên nói rằng “do chẳng chế”, là lý do chỉ ngăn kiết giới, lời đáp như thiên bổn có nói.

Trong duyên chia làm hai. Ban đầu chọn duyên sai, phạm giới, phi pháp, lời lược sự bao gồm, chung tất cả trị sinh tà mạng, buông lung, biếng nhác, không nêu ví dụ, đều vào duyên trái. Cốt yếu phải biết, dục pháp sự không được thôi, cho nên uốn khúc khai cho, gạn hợp, ủy lạm

đều trái ngược. Bịnh nặng khiêng đến ý giáo có thể biết. Lời thêu dệt người học càng phải rất dè dặt. Không được là ngăn chưa nói. Không thành là bác lời đã nói. Chữ "nhược" trở xuống là kế rõ như duyên, có sáu. Văn luật trong dục pháp vốn không có việc tháp. Chú thích yết-ma cũng nêu năm món, nay y cứ giới không dữ dục là thêm. Kia nói: "Việc tăng, việc chùa tháp, nuôi người bịnh đều khai cho dữ dục", trên dẫn chánh duyên, chữ "nhi" trở xuống là bày duyên nhánh, nêu dữ dục sau giới hối, chẳng phải chánh chế là vì không nêu ra dục pháp, cho nên tăng nhận làm là bày có thể thủ. Cho nên luật Tăng-kỳ lại có lan-nhã, y, bát (sửa sang y bát), Vua, giặc, cấm đóng đều khai. Câu dưới là chỉ lược, có người nói: "Nghĩa Sao nay thấy trong Sớ".

Trong phần bác bỏ thế gian, ban đầu chỉ Sao, nhiều mạn tức tâm sai trái, vọng làm là sự trái. Pháp nầy tức là dục (có y cứ Ni Sao, là pháp mạn thuyết giới yết-ma, kia đây riêng đầu mối không thể nêu một dụ) "nghĩa là" trở xuống là giải thích tướng. Nói không bịnh là đây y cứ duyên chung. "Vì nói khiến" trở xuống là hiển bày lỗi, đầu tiên là nói lỗi người dữ dục, khiến truyền đến tăng thành nghiệp người dạy. Y cứ vào lý, ban đầu lúc dữ dục, đối trước không biết cũng mắc ba tội. Chữ "sở" trở xuống là nêu lỗi người thọ dục, do biết không thật, tự tha đồng phạm.

Nói ba tội, tức ba vọng trên, nay không có duyên chung thì không vọng đầu, hẳn như thể tịnh cũng không vọng thứ hai, không dục nói dục, định có thể biết. Hai câu sau quở trách răn đe, Ni Sao hỏi rằng: "Không bịnh đã không nên nói được thành pháp sự chăng?"

Đáp: Thành, mà người trước tự có tội nói dối.

Trong hai pháp dục tự nêu, khoa đầu, do luật chỉ nói rằng "Phật nói không nên xưng sự dữ dục thanh tịnh, cho Tăng sự như pháp dữ dục thanh tịnh, không hai câu trên nên nói rằng "không đủ". Nghiệp Sớ chép: "Luật nói: "Nói rộng không chánh nêu ra văn", nay so sánh chuyển dục cắt ra cho nên nói là "bày nghĩa".

Trong lời, câu đầu bảo trước nhớ giữ, câu kế tự nói tên, câu thứ ba thông báo việc sở dục, câu thứ tư chánh bày bổn tâm. Kế trong định nhiều ít, ban đầu bày bộ khác. Chữ "kim" trở xuống rõ không thủ, tức chỗ tựa gọi là chẳng phải điều riêng. Ban đầu bày bổn tông lập pháp phần chừng. Không kết lược, như xả giới hối, Đột-cát-la, v.v... Không nói rằng "nói ba lần", đơn bạch, bạch nhị, không nói rằng "thứ hai, thứ ba..." là vậy.

Trong văn lại chỉ cho bạch tứ mà nói, như ba lần nói lời xin, đối

thú, tâm niệm, thuyết giới, tự tứ đều nói thẳng rằng "nói ba lần". Chữ "chuẩn" trở xuống là nêu pháp dụ thành, vì trong chuyển dục không kết lược. Chữ "bất" trở xuống là bác bỏ phi. Sớ chép: "Có người nương theo Ngũ Phần, Tăng-kỳ", nói rằng "chẳng nói ba lần thì không thành dục cho nên ở đây bác bỏ. Sở dĩ nói một lần thành vì Sớ nói "Chớ chẳng trình tâm đến tăng", chúng phần nhiều quên mất, nay muốn nói về sự phán khai đó, đâu chỉ hạn cuộc ba lần nói mới thành một pháp?

Trong không nhắc lại duyên, bổn yết-ma xưa dục đều xưng duyên, sợ sau nghi chấp nên đây hỏi phá. Lời dục đây chỉ nghĩa trên mà lập. Người nói tức Tăng Khải đời Tào Ngụy, lúc dịch thêm vào. Trong luật chuyển dục thì không, trước đã y cứ luật cho nên nói rằng chánh bổn. Trong rõ trái lầm, chữ xưng là khứ thinh, nghĩa là khi đối nói cùng câu lời trước không xứng đáng nhau. Do các yết-ma riêng chúng không cho lạc vào "phi" riêng đây lời dục có thành nghĩa pháp, cho nên đặt câu hỏi nầy (xưa viết là "hô", hô nghĩa là không xưng duyên dục, vả lại trên đã nói rằng không xưng bổn chánh, "hà" chính là hỏi ngược thành chăng? Đối lý thì không).

Trong phần đáp, câu đầu đoán thành. Chữ "đó" trở xuống là giải thích lý do, như kiết giới, xướng tướng, thọ sám, bày lời xin, đã đưa vào pháp không thể có sai. Dục chỉ thông tình đã không và pháp có trái cũng chấp nhận được. Trong luật trở xuống là dẫn chứng văn rất rõ như sau dẫn. Dục, tịnh, đồng, khác tức căn thứ tư, y cứ vốn khác nhau dục sinh, nghĩa sau giả lập có ra lời hỏi. Trong phần đáp, phần đầu bày lý do duyên khởi của luật. Dục, tịnh đều truyền theo văn, mà giải thích vẫn đồng nghĩa xưa, cho nên Sớ chép: "Có người nói, v.v..." sau nêu ra giải thích nay rằng: "Dục là nêu tâm không hai để ứng với thể tăng (trong ba nghiệp, tâm miệng nhóm tức là tướng hòa). Thanh tịnh là tiêu biểu hạnh không khuyết điểm, thật thông giả dụng (giới, kiến, lợi đồng tức là thể hòa, Tăng thể giả dụng gọi là khác). Y cứ nghĩa đây chung cho tất cả các yết-ma, không thể phối hợp riêng, chỉ trừ khi tự tứ, mong tăng nêu tội là không dám bày tịnh, chỉ nói rằng "Dữ Dục tự tứ".

Chữ "nhược" trở xuống là rõ nên nói, Bổn luật truyền riêng, do nhóm Tỳ-kheo sáu vị dữ dục không dữ thanh tịnh, trong tăng có việc khởi, người trì dục nói: "Tôi đem dục đến không được thanh tịnh, nên dừng nói giới lại". Phật nói "Từ nay trở đi, lúc dữ dục nên gởi cả thanh tịnh" từ đây đều truyền, cho nên nói rằng "chánh chế. Chữ "bất" trở xuống là chọn lạm, cũng do người xưa chấp hành sự kia, cho nên ở đây chọn đó. Kia nói rằng: "Khi nhóm gởi thanh tịnh, (vì thường định nửa

tháng nói giới) phi thời nhóm chỉ gởi dục (vì các yết-ma bất định)", đây tức là giáo mà luật Tứ Phần đã bỏ.

Trong phần giải thích đúng như pháp, đầu tiên lại giải thích, sau chỉ phi duyên. Như chúng võng, kia nêu hơn hai mươi điều, cho đến khoa đòi rượu thịt, môi giới cho tịnh nhân, mua bán tôi tớ, v.v... các việc như vậy đều không cần cho. Chữ "thử" trở xuống là nói chung, trong luật cũng do nhóm Tỳ-kheo sáu vị xưng sự (nghĩa là sự trong tăng, như nói rằng "dữ dục vì việc thọ giới"), trong Tăng có việc khác xảy ra mới dừng pháp sự lại. Phật nói "Không nên xưng sự, cho nói như pháp Tăng sự dữ dục Thanh tịnh". Các pháp sự là cần lựa kiết giới.

Trong chép duyên dục, hai câu đầu trước kết, sau nêu. Chữ "vị" trở xuống là giải thích ý khai. Luật chép: "Tỳ-kheo trì dục, tự có việc khởi, Phật nói cho trao dục cho Tỳ-kheo khác". Chữ "Tỳ-ni" trở xuống là dẫn chứng. Kia chép "Bảy pháp tương ưng nhận rồi chuyển cho một người, như vậy cho đến bảy lần đều thành văn", nhưng chỉ được bảy lần thôi. Theo Tăng-kỳ, Thập Tụng nếu chuyển liền mất, bộ chấp khác nhau. Sớ chép: "Hoặc là khác tông đã bỏ, lại theo đường bộ".

Sáu câu trong từ cú, bốn câu đầu và sau đồng như trước. Thọ mỗ giáp trở xuống một câu là lời dục trước, nếu chuyển nhiều người thì mỗi mỗi nêu tên từng người, hoặc quên thì chỉ nói rằng: "Cho nhiều Tỳ-kheo dữ dục và thanh tịnh", còn các lợi khác thì đồng. Chữ kia xuống một câu tự tha đều nhắc lại để giao sau chuyển.

Hỏi thành chăng: trong luật có năm thứ mà thế gian lạm dùng cho nên đây hỏi. Trong lời đáp văn ban đầu có ba, trước rõ duyên luật. Trong luật vốn vì người bịnh khai cho nên đủ tức một, rộng thiếu tức bốn lược. Chữ "lương" trở xuống là bày lý do đủ thiếu. Chữ "văn" trở xuống là thứ hai dẫn bày, trong phần thuyết giới nói rằng "Có Tỳ-kheo bạch Phật: Có Tỳ-kheo bịnh không đến được". Phật nói "Từ nay trở đi cho gởi dục, như nói "gởi thầy dục" liền thành dữ dục (Sao để lời này ở sau, lại chữ "nhữ" viết là "ngã", lại chữ "đa thuyết", Chú yết-ma đồng với Luật, có thể nghiệm trong Sao truyền viết lầm). Nếu nói "tôi thuyết dục" thành dữ dục (tức câu đầu của Sao) còn ba thứ khác đều đồng, sau đây đều nói thành dữ dục.

Nghiệp Sớ chia làm hai loại: Bốn lược, một rộng. Lại chia làm hai: Bốn điều thuộc miệng, một điều thuộc thân. Chữ "tiền" trở xuống là phán ba nghĩa, thì trong bốn bịnh nặng lại chia ra nặng nhẹ, ba bịnh trên dụ cho nhẹ, hiện tướng thì rất nặng. Trong rộng, bịnh tức bịnh nhẹ, còn rộng nói nặng thì có thể biết.

Khoa kế, Luật Ngũ Phần nói không dữ dục mà đứng dậy đi, kia do không dữ dục mà bỏ đi cho nên chế phải nói dục. Kia nói rằng: "Nay Tăng xử đoán việc, tôi Tỳ-kheo như trong pháp Tăng sự dữ dục". Đây tức đồng rộng nói ngày nay. Nói không lược là y cứ ở dưới có một món hiện tướng là lược chứ không có ba món lược miệng nói. Trên phán bốn lược là bịnh nặng, ở đây dẫn tông khác chế gấp, tức bày miệng lược không thể dùng ngay, ý ở khoa sau.

Trong ba phần, ban đầu bày lạm có hai: Ban đầu duyên đúng như pháp, sự thì phi. Dặn tin nghĩa là sai khiến đến, bảo với Sa-di thì cũng đồng sai khiến, nhưng là truyền lời. Hoặc có sau hai món duyên và pháp đều phi. Trên dẫn hai văn chánh là phá đây. Do không bịnh là phi duyên, liền lược là phi pháp, ban đầu xếp vào không thành. Lượng nên viết âm lương là lầm. Chữ "cố" trở xuống là chỉ bày lý do kia. Dẫn bịnh nêu khỏe mạnh ở nghĩa khó thành, cho nên đoán lời còn tới lui ấy là do văn không nói. Vả lại, y cứ nghĩa quyết, huống chi lược là luật khai, dục thủ thông ý, chưa thể một bề cho nên nói là khó định. Nhưng nay hành sự không thể theo hườn, bị bịnh mà dữ dục thì cũng cần nói rộng mới khế hợp tâm Phật.

Hỏi: Hiện tướng, bổn luật có tên là Vô tướng dục dẫn bộ khác rõ đó cho nên đặt câu hỏi này?

Đáp: Trong phần đáp ban đầu nêu bày năm tướng. Tùy bịnh là vì cũng chẳng phải chỉ ở đây.

Chữ "Luật" trở xuống là kế răn dè khiến rõ xét. Luật tức Ngũ Phần, do không có danh cú, sắc tướng khó phân biệt, cho nên ở chỗ thủ thầm biết chỗ hướng đến.

Trong phần nói dục, ban đầu vì người khác chia làm hai: Trước là nghĩa, sau là pháp. Nếu vì người khác truyền, thì đợi đòi mới nói. Gồm mình và người thì không cần đợi đòi. Do duyên đến không thời gian, không thể ước định, như tiện lợi (đại tiểu tiện), qua đời, có thể đợi hỏi ư?

Đủ oai nghi: như sau đã quyết. Trong pháp, câu đầu là bảo chúng đồng nghe, câu kế là nêu tên người kia. "Ngã" trở xuống một câu là truyền lời mới nhận. Chữ "kia" trở xuống hai câu là nêu ứng tăng. Chữ "nhược" trở xuống là gồm nói. Luật Tăng-kỳ là không được bốn người, tông nầy chỉ là thường không có mặt, nhưng ở câu kế gồm nêu các tên, nếu không nhớ thì phải nói "Tôi dữ dục và thanh tịnh của nhiều Tỳ-kheo". Sớ chép: "Ở đây y cứ mê mất", quyết suy xét là không được chung chung.

Trong nên nói, nêu ra pháp, lời câu phần lớn đồng truyền dục, chỉ có ban đầu thưa với tăng là khác. Mà y xưa nêu duyên ấy, một là tạm mượn duyên riêng để chọn kia đây, hai là sợ kẻ hậu học không hiểu tướng duyên cho nên đặc biệt chỉ bày. Đến việc chánh nói quyết cần gọt bỏ, cho nên Ni Sao chép: "Tôi (tên...), kia (tên....)"

Trong phần tự nói, ban đầu bày pháp, cho trước văn dữ dục đồng, nhưng câu đầu lại khác, người sinh sau ngày nay không biết Tăng riêng, phần nhiều ở trong chúng mà nói "Đại đức một lòng nhớ nghĩ..." hoặc nói "Đại đức! Nhớ nghĩ...", ngu si mê pháp, pháp e khó thành. Chữ "Tứ Phần" trở xuống là chỉ chỗ nêu ra, đây hành bộ luật khác, sự dẫn duyên có thể biết. Kia chỉ nói rằng: "Tôi là Tỳ-kheo v.v... thanh tịnh Tăng nhớ nghĩ giữ gìn". Nay không dùng lời ấy. Khéo làm là khen khả năng kia, đúng như pháp là giải thích nghi kia. Không thọ mắc tội, kia nói là "việt Tỳ-ni", thông rõ năm pháp: Hai pháp đầu ở chỗ vắng dữ dục, ba pháp sau là đối chúng. Lại ba pháp trước chánh thức nêu ra bổn tông, hai pháp sau gồm thực hành bộ khác, cho nên trong Chú yết-ma chỉ nêu hai pháp, rõ biết hai pháp sau y cứ trước nêu ra.

Kế trong quyết thông, do ngay lúc các nhà hành sự phần nhiều riêng nghĩa cần chỉ định, cho nên hỏi quyết. Trong phần đáp, ban đầu văn nêu bốn tướng, hai là hợp nói, hai cái nói riêng. Hai tướng trước là đối tăng lễ không lễ khác nhau, hai tướng sau thì vị thấp không thấp là khác.

Trong lấy bỏ, khoa đầu chia làm hai: Ban đầu "đến đều thành" cho đến "một bề tạm chấp nhận" y cứ văn có hai: Một, là ý cứ quên tên. Trong luật nếu không nhớ tên, chỉ nói "Rất nhiều Tỳ-kheo dữ dục và thanh tịnh. Hai, là y cứ không nói và như sau dẫn. Chữ "nhược" trở xuống là hai thủ nghĩa đoạt phá. Trong luật, v.v... là giải thích ý văn trên, quên lầm mắc tội đối với hai văn trên, không có duyên thì không được, chẳng phải thường khai.

Trên đây là giải thích chung bổn bộ, sau khuyên y cứ tông khác, văn thấy ở khoa kế. Trong văn dẫn, ban đầu Ngũ Phần nói người dữ dục dặn người truyền kia (y theo đây là người khác truyền dục, đến trong Tăng tùy nhiều ít, phải làm thẻ).

Kế là dẫn luật Tăng-kỳ hai tiết, ban đầu rõ người gởi chọn cảnh có khả năng nhận lãnh. Chữ "kỳ" trở xuống là kế rõ người nhận, là tự lượng mình có thể được hay chăng. (theo đây thọ dục thì phải chọn người tinh thông rõ ràng, theo Nghiệp Sớ thì người giới đủ mà hiểu biết kém không cho trì dục). Xem hai văn nầy thì cũng không rõ, nói riêng

mà dặn dò chọn lựa, ý khiến trong tăng hiểu biết tên họ không lẫn lộn, dùng nghĩa nầy chứng minh chẳng phải nói chung.

Trong bình nghĩa, ban đầu vốn là ý dục kia. Chữ "kim" trở xuống là trách kia đồng nói. Chữ "ngũ", trở xuống là y cứ văn giải quyết. Chánh Ngũ Phần, Tăng-kỳ tức là chỗ dẫn ở trên, nhưng hai văn trước đều nói là "trong tăng", tức trước Thượng tọa. (hoặc có thể riêng có văn rõ như Tăng-kỳ ở trước, Tỳ-kheo bịnh tự vào trong tăng trược Thượng tọa nói, Ngũ Phần chưa thấy có văn nầy).

Sau dẫn Tứ Phần, năm nhóm tăng quyết rõ trên càng rất rõ. Nhưng trên dẫn văn nghĩa lấy trước nói riêng. Lại y cứ hai luật ở trước Thượng tọa vẫn đồng chấp xưa, lý tuy không hại, chỉ e chưa rốt ráo khéo léo. Trong nêu lỗi pháp, Luật rõ lỗi có ba chỗ: 1/ Trong phòng. 2/ Giữa đường. 3/ Chỗ tăng. Trong văn ban đầu bày tướng lỗi, chữ "bất" trở xuống rõ thông ba chỗ, nay không chia riêng cho nên nói là gồm rõ. Bổn tông nêu sớ, y cứ ở dưới bày tướng gồm Nghiệp Sớ, nói chung là hai mươi tám. Nếu y cứ văn luật thì không có ẩn mất, nay nói ý Tổ y cứ không đủ số nên đợi đủ, nhưng là văn lược, hoặc trong đây bổn luật viết sót chứ không có ý khác.

Trong thể phi văn ban đầu có hai: Ban đầu y cứ tự nói rõ lỗi, văn nêu mười tám người cho nên không có Ni, v.v... bốn người là y cứ ý Nghiệp Sớ so sánh đủ số ở trước chỉ là lược không. Luật Ngũ Phần nêu như sau đã dẫn. "Nhược" trở xuống là thứ hai y cứ không nói không lỗi, chỉ đồng đủ số, tức cùng nêu hai và ba ở trước.

Trong phần dẫn chứng, hai văn đều y cứ tự nói thì bày phán trước có y cứ thật. Ngũ Phần nói tội lời thông quyết y theo bốn trọng, do chứng thể phi cho nên trái với trước, nghĩa là không tự nói. Thập Tụng nói đầu tiên thủ ở chỗ vắng, thủ rồi trong thâu nói "trong tăng", người tại gia đồng ở trước, vốn thọ không được. Sa-di chẳng phải sớ, chẳng phải Tỳ-kheo tức hai người trên, ở đây bày lúc nói lời không nhất định.

Trong gặp lỗi duyên, ban đầu qua đời, thì y cứ Nghiệp Sớ. Nếu trong phòng và giữa đường có thể chẳng muốn đến, nếu ở trong Tăng chưa nói thì không thành. Đã nói ở trong tăng thì thành, còn lại như thuyết kia. Bỏ đạo, y cứ theo Sớ giải thích rằng "thọ rồi tự nói hoàn tục" sám hối cũng mất, vì cách tình đời. Vào ngoại đạo, nghĩa là ngoại đạo đồng ở trong chùa, ở Tây vực có nhiều, xứ nầy (Trung Hoa) thì không có như vậy. Bộ khác, hoặc tà đảng của Điều-đạt, hoặc bộ chấp tông khác. Giới tràng, Sớ nói rằng: "Nghi thì trước ra ngoài giới" vì đây cuộc hạn ở trong đó.

Trong giải thích chỗ khác, ban đầu là chánh giải. Chữ “tích” trở xuống là bác phi. Chữ “tự” trở xuống là so sánh quyết hai chỗ nói tự tứ, bày tướng và đồng mà hai tên xen nêu ra cho nên không đáng nghi.

Trong phần giải thích minh tướng, khoa đầu nói sau đêm ấy là y cứ gần rõ tướng, xa thì có thể biết. Trong luật kiết giới rộng, ngày mười bốn bố-tát, ngày mười ba phải đến không được thọ dục. Trong phần hỏi, do Tăng sự nhiều riêng như thọ sám, v.v... tức pháp liền thành thì không ở chỗ nói. Nếu nói tự tứ, vật người chết, y công đức, v.v... các loại, yết-ma tuy thành sự lại chưa xong, cho nên có lời hỏi nầy. Trong phần đáp câu đầu phán thẳng. Chữ “cố” trở xuống là dẫn quyết. Ý khai của hai luật đều ngăn mất dục, Sớ chép: “Nếu chỉ kinh bạch thời tiết thì có thể biết nào nhọc gì lược” (tự tứ giảm chúng, văn lược ý đồng) cho nên biết sau kết thành. Sở dĩ như vậy vì một dục là giúp xong duyên. Hai dục là khai giáo, khai hẳn đợi chế, nếu cho ba duyên trước thì có thể lại truyền.

Trong phần trái nhau, văn ban đầu, thần túc là ở Luật Thập Tụng chẳng có xen cho đều là phi pháp, người ẩn mất, ba chỗ thông mất, cho nên biết thọ dục người khác rồi không được vào các chỗ giếng, hang, hầm. Lìa thấy nghe: trong Sớ y cứ ba chỗ đều có, ban đầu ở trong phòng nhận rồi khởi ý không đưa, xen lìa chưa mất, đều lìa mới mất. Giữa đường nhưng khởi ý không đưa, lìa chỗ cũng như đều lìa (mất). Ba là ở trong tăng, như phần hỏi đáp ở sau.

Hỏi: Trong xưa có nhiều thuyết khác, cho nên cần giải quyết.

Trong phần đáp, khoa đầu, Sư đây là chánh chỉ người làm Yết-ma, để giải thích và xen lẫn. Nghiệp Sớ chép: Nay giải đều đồng tòa lần lựa, không y cứ người làm yết-ma”. (Sớ nêu nay giải, trước là nghĩa xưa không nghi). Trong văn, hai câu đầu gồm phán. Chữ “cố” trở xuống là giải thích riêng, ban đầu y cứ nói giới xen lìa thì không mất. Chữ “lìa đây” trở xuống là nói đều lìa mất. Nói hai người: người trước phải lìa thấy, người sau phải lìa nghe, thì đó là đều lìa. Chữ “tất” trở xuống là kế y cứ cách ngăn, rõ xen lìa là mất, thành trước xen không định nghĩa.

Trong giải thích ở đây, văn khoa muốn thấy số người của các bộ, cho nên theo luật Tăng-kỳ trở xuống đều là bộ khác, nhưng xét kỹ các văn giống như dẫn nói nghĩa lìa thấy nghe. Nay trước theo nghĩa chia văn làm hai: Từ trước nói về tuy nói không thành là nói đều lìa thì mất, Tăng-kỳ trở xuống đến được thành là nói xen lìa thì mất.

Trong phần đầu, ba câu trên định chỗ lìa. Trước nói, vì trước nêu tướng hiển bày giải thích lại, nhưng ở sự còn nghi cho nên không nêu

phá, đều nêu ra hai nghĩa đợi văn sớ sau. Chữ "như" trở xuống là dẫn bày. Chữ "tức" trở xuống phòng nhỏ, v.v... văn kia nói nối nhau không nghe được thành nói giới, nay lấy ý kia lại hiển bày tường lìa không thành thuyết dục, nhưng chẳng phái chánh văn cho nên nói Ngũ Phần giải.

Trong xen lìa lại chia làm hai, đầu tiên dẫn luật Tăng-kỳ, người thứ nhất dữ dục ở phòng, nói "trong tăng tùy gởi" liền mất, bất luận là thấy nghe. Còn bốn người khác thì hai người là bị cách ngăn, tức nghe mà không thấy liền mất, còn hai người là duỗi tay không đụng nhau, tức thấy mà không nghe liền mất (y cứ xa mà nói).

Kế dẫn luật Ngũ Phần, ban đầu rõ ngược nêu mất, tức thấy mà không nghe, ban đầu rõ chỗ che, quá tức là vượt qua. Kia y cứ không dữ dục bỏ đi, tùy chỗ bước ra liền phạm cho nên nói là "vượt qua". Nay y cứ văn kia để bàn về mất dục: 1- Ra liền mất, cho nên trong yết-ma chỉ gọi ngược ra. Chữ "nhược tại" trở xuống là kế rõ chỗ trống, cũng tức ngược ra đã chẳng phải trong nhà cho nên hạn cuộc một tầm. Chữ "nhược phòng" trở xuống là chứng thủ so sánh tòa, có thể biết. Sớ nói rằng: "Tuy không rõ lời, đều là pháp và đều gọi là bố-tát". Sớ có bốn câu:

1- Nghe mà không thấy, luật Tăng-kỳ nói "cách ngăn", luật Ngũ Phần nói "mây, mù, đen, tối trước không tướng biết thì không thành thọ giới". Lại như trái thầy nói giới ngồi, thành riêng chúng, dục đều không thành).

2- Thấy mà không nghe (tức trước luật Ngũ Phần nói che, bày, ngược ra)

3- Đều thấy nghe mất (tức thần túc)

4- Đều lìa mất (Luật Tăng-kỳ nói, chỗ che, lìa thấy nghe không thành thọ giới cụ túc. Lại Ngũ Phần đồng chỗ che chướng lìa nhau không thành)

Kế, là trong bộ khác, luật Tăng-kỳ năm người, nêu ra kia đủ số, không có văn thuyết dục, vì không đủ cho nên lý chẳng phải trì dục, y cứ nghĩa thủ còn bao nhiêu người thì như trước. Nói người dữ dục, nghĩa là nhận dục của người khác rồi, tự mình lại dữ dục, dục người kia liền mất, vả lại như luật kia chuyển dục còn mất huống gì gởi thẳng, nghĩa y cứ ba chỗ cho có lỗi nầy, người học phải rõ. (Xưa ghi không phải số người nầy, chính là trong đủ số, cách ngăn tự có năm người, nghĩa thêm một người. Nhưng văn nay và Yết-ma đều nói "Tăng-kỳ nói năm người như không đủ số, cũng không trừ dữ dục và thêm che chướng, khó có

thể làm bằng chứng để tin).

Trong luật Ngũ Phần, che, bày, ngược ra là chung vì người. "Cộng" trở xuống đến Ni, v.v... là tám. Luật Tăng-kỳ năm phép sau chánh nêu ra pháp dục. Nhiều loại nghĩa là kia có mười một, như sau tiếp tục dẫn. Người đầu Sớ nói rằng: "Năng, sở đều sai", thứ hai tức người thọ phi pháp, thứ ba tức người gởi phi, bốn tức ngu giáo mất (kia vì là người bịnh, sau khi dữ dục rồi nghe trong tăng có vị Đại đức tốt, liền đến vào chúng nghe pháp, ngồi lâu mỏi mệt, làm thinh bỏ đi vì lấy dục trước cho nên không nói lại. Sớ chép: "Do thân đã đến trong tăng, duyên gởi dục trước đã bỏ cho nên phải nói lại"), năm là nạn duyên (kia nói rằng "Nếu gió lớn, mưa, hoặc lửa, hoặc sợ giặc tan chạy). Câu sau chỉ rộng cũng không hoàn toàn đồng, chuyển dục mất (đây là một không đồng), qua đêm mất (đây đồng minh tướng xuất hiện) gởi cho Tỳ-kheo-ni, Sa-di (hai điều này đồng với luật Ngũ Phần) người nhận trả giới (ở đây đồng bỏ đạo) người gởi trả giới (ở đây cũng khác nhau).

Luật Thập Tụng nói, ba người, Sớ chép: "Tứ Phần cho rằng phú pháp nói rõ chẳng phải số, đâu cho thọ trì (y cứ đồng đủ số hợp có bốn chánh hạnh), gồm các bộ trước cộng bốn mươi chín vị. Đối với lựa chọn đủ số ở trước có khác nhau, ngu si, biên tội, bịnh nặng, câm, điếc, v.v... nghĩa không gởi người khác, cho nên không nói về mất. Nhận rồi bị câm, điếc và ngủ, nhập định v.v... tuy không đủ số, cũng thành trì dục. Tỳ-kheo trên cây, cành gie ra đất bên ngoài, thì đồng như ra ngoài giới ở trước, ở trong thì trái tướng trong, cả hai loại đều mất. Bốn, là người yết-ma không mất, có thể biết nên làm bốn câu.

1- Đủ số chẳng trì dục (che giấu, v.v... người đủ sinh thiện)

2- Chẳng đủ số là trì dục (tức ngủ, nhập định)

3- Đều phi là có thể biết.

Trong kết đoán ba câu đầu là chánh phán, đều không thành là chung gồm hai chỗ. Nói không thành là hạn cuộc trong tăng. Chữ "tri" trở xuống là bày phạm tội chung cho tự tha. Khiến tăng thành riêng, tự mình trái giáo pháp, cả hai đều mắc tội Đột-cát-la. Nay trong văn nầy lại tự nói. Sau dẫn văn luật: một là chứng không thành, hai là khiến gởi lại. Kia nêu năm món dục rồi nói rằng "Nếu không hiện tướng, miệng không nói thì đều không thành, v.v..." như văn đã dẫn. Sớ chép: "Trước đã phi pháp, năng sở trái nghi, cho nên lại chọn người, vì bỉnh pháp mới đến.

Trong phần gặp duyên, khoa thứ ba, trước rõ cớ lầm, sau rõ gặp nạn, đều y cứ người nhận. Giữa rõ bịnh nặng là y cứ ngoài gởi dục.

Trong phần đầu, trước rõ tâm lầm, thành pháp. Chữ "nhược cố" trở xuống là nói cố tâm mắc tội, nhưng văn chỉ chế tội, không gọi là "thành chăng", cho nên dùng lý giải quyết. Ở khai duyên là nêu nhận định, quên ở sau. Chữ "cố tinh" trở xuống là gồm bày chỗ thành. Thứ hai là giữa thứ lớp ba lần khai, như Nghiệp Sớ giải: 1/ Dìu đến là tiêu biểu hòa đến tăng. 2/ Tăng đến là Tăng đem pháp đến giúp. 3- Ra ngoài giới là người bịnh nhiều, Tăng ít hợp nhau không bằng.

Chữ "dĩ cố" trở xuống hai câu là giải thích thành ba loại, hiển bày đồng nhiếp tăng tột giáo, cho nên nói rằng "lại không" v.v... Trong thứ ba có hai: Ban đầu nói về truyền tục. Trước nói ra ngoài giới liền mất dục, ở đây do nạn duyên cho nên khai tạm ra. Chữ "tất" trở xuống là thứ hai nói gặp nạn không ở, sợ nghĩa là ra ngoài giới khai thành liền dụ đồng. Chữ "cố" trở xuống là dẫn văn giải quyết, phải biết riêng chúng chế gấp, tuy nạn vẫn không khai.

Hỏi: Trong việc xong có chấp thành riêng, cho nên hỏi chung đó phải không?

Đáp: câu đầu đoán thẳng. Chữ "dĩ" trở xuống là bày lý do. Câu trên bày ý dục, hai câu dưới nói chẳng phải chỗ làm, ngược lại nếu lấy duyên dục làm việc yết-ma thì cho có riêng. Sớ nói rằng: Dục vốn không xưng (nghĩa là không nêu ý duyên ở sau lời đáp) Tăng vì lại biệt (chánh đồng ý ở đây) nhưng biết ý thông cho nên cả hai không trái, nghĩa phải nên đến cho nên kết phạm tội nhỏ. Văn sau dẫn quyết. Như pháp trị là tên khác của tội Đột-cát-la. Trong chuyển nạn, việc dừng là đồng mà pháp từ chối hay không, có khác nhau, cho nên dẫn tướng đều như văn pháp dễ hiểu.

THIÊN GIẢI THÍCH YẾT MA:

Trong luật, yết-ma đại để có ba ngôi, khai ra thành tám phẩm, tùy sự nhỏ nhặt thì có một trăm tám mươi bốn món. Nay trong thiên nầy gồm rõ duyên pháp đúng hay sai, thành hay bại. Chữ "vọng" trở xuống là các thiên tùy sự mà riêng khác, nên nói là "Thông biện".

Yết-ma là tiếng Phạm, hoặc nói là "Kiếm-mộ", âm là "hóa-chuyển". Trong lời chú, ban đầu dẫn văn chỉ bày, nói Sớ hai nhà dịch đại thể chẳng khác. Trước gọi là "tác vi nghiệp" sau chỉ thẳng là "tác" không còn tên gọi khác. Nghiệp nghĩa là hành, tâm kích động thân miệng, nhờ duyên cấu tạo thì có công năng cao siêu được việc trước. Sớ chép: "Nghiệp nghĩa là thành giúp việc trước, quyết có công thành". Bách Luận nói là "sự" cũng là tên khác của nghiệp, đều là tạo tác, tức

nói thể làm tên.

Kế trong nghĩa tìm cầu, ở đây theo nghĩa xưa. Trong Sớ không thủ, kia nói rằng: "Từ xưa đến nay dịch là biện sự, đều là nghĩa nầy", nhưng dùng công năng mà dịch. Chữ "vị" trở xuống là giải thích Nghĩa Sớ nêu ra giải kia, nghĩa là việc thành xong sinh thiện diệt ác.

Hỏi: Ở đây và Bách luận khác thế nào?

Đáp: Luận kia thẳng gây ra năng tạo không theo chỗ giải thích.

Hỏi: Vì sao Sớ không lấy?

Đáp: Hễ lập tên, định thể, theo dụng thì ít, như đèn có công năng chiếu tối, đèn không gọi là chiếu, nước làm tắt lửa mà nước không gọi là diệt. Nhưng chia thể, dụng, tên gọi cũng không ở đây, cho nên nhà Sớ chung cách giải xưa.

Trong chép ý, khoa đầu, câu trước là bày người năng bỉnh, tức ba thiên trước, câu kế rõ pháp bị bỉnh, tức là thiên nầy chung, tức là gồm chỗ lập tăng vị, chỉ còn không có người khác làm, nên nói là "kia chỉ". Chữ "phương" trở xuống hai câu là nói về công phu, cũng tức là chỗ giúp việc, tức các thiên sau. Tăng riêng không thể nhờ pháp bày chỗ cao siêu nên nói là "phương năng". Quần mê nặng nề, nghĩa là ba nghiệp bất thiện, giới phần rất sâu, tức nghiệp năm trụ phiền não buộc ràng tự tâm, buộc càng chặt nên nói là nặng nề. Hoặc, sinh nghiệp khổ, sinh đó không cùng nên nói là "căn sâu". Quần mê là chỉ chánh báo trong sáu đường. Giới phần tức y báo trong ba cõi, ở đây nói vượt phàm lên Thánh do công phu yết-ma.

Lại có giải thích rằng: Câu trên là diệt ác, câu dưới là sinh thiện", đều là nghĩa nầy. Tức như Sớ chép: "Lớn của sinh thiện không gì hơn thọ thể, lớn của diệt ác không gì hơn sám trọng". Chữ "đức" trở xuống hai câu là chánh khen. Câu trên khen thể rộng giúp thành, câu dưới khen dụng là trên hết trong các pháp.

Trong kể cảm hóa, ban đầu bày chánh pháp đáng nghe, Như lai diệt độ, ánh sáng liền dứt, cho nên nói là "tê quang". Chữ "đãn" trở xuống là kế nói nhờ người giáo hóa thay. Sáu câu đầu là bày nhân phi, hai câu trên rõ không ý chí, hai câu kế rõ không lời lẽ, hai câu dưới rõ không hạnh, không có ba điều nầy (chí, ngôn, hạnh) thì chưa đủ xưng là Tăng, huống gì làm thầy đầu tiên bỉnh pháp của bậc Thánh, há không sợ ư? Là đồ gốm biến hóa.

Tục phong là việc đời, do tâm nhiễm thói đời cho nên tình xấu kém. Bỉ là thấp hèn, bạc là nhẹ, mỏng. Lịch là gạch đá, dụ như ngói đá không đáng quí. Văn chân tịnh là yết-ma, tham là tạp, hoặc y cứ tham

mà cầm giữ, hoặc có thể câu văn thêm bớt. Ở ba, nghĩa là vua, cha, thầy là cội gốc của luân lý con người. Vua thì nghĩa nặng, cha thì ơn nặng, thầy thì ở giữa cha và vua. Hoằng minh Tập chép: "Nghĩa ở vua và cha", dạy dỗ ở ba người (vua, cha, thầy).

Chữ "trí" trở xuống một câu là rõ pháp phi. "Sự" trở xuống là rõ sự phi, nạp là vào. Chữ "tịnh" trở xuống là suy lỗi, lại kết ba phi, tuy làm các việc đâu biết được mất, cho nên nói là "hỗn đồng". Dẫn chứng chia làm ba: Ban đầu rõ trái pháp, như dụ y. Chữ "như thị" trở xuống là hiển bày lỗi, giềng mối của tăng đã loạn, chúng riêng thiếu hạnh, Tam Bảo lại chìm mất, cho nên nói rằng "khiến răn dè", v.v... Chữ "đương" trở xuống là khuyên thuận giáo, hai câu đầu là chánh khuyên, câu kế là chế tội, câu dưới là chế học.

Trong phần đối hiển, nhân pháp đồng nhau. Dục rõ người dụ như thông ngụy, pháp không cho trái. Hai câu đầu nói về người. Được thành việc trước ấy, như môn ba và bốn trong đủ số. Hai câu dưới nói về pháp. Câu trên so sánh đồng nên nói là "cũng". Câu dươi bày khác, lậu là lọt rớt.

Trong thiên ý, hai câu trên là nói phán định đúng sai, Khắc là gọt, Phù ngôn là lời phàm. Do từ xưa tập pháp và trong đời bỉnh xướng đều cho thêm bớt nên phải phán định. Sớ chép: "Gọt bỏ cái nhiều kia", thêm rậm rạp cái lọt rớt kia. Đã lẫn lộn lời phàm, ẩn che Thánh giáo, cho nên nay cắt gọt lại bày rõ. Hai câu kế chánh bày ý bài, câu trên thuật văn, câu dưới mở cơ. Đề chép rằng: "Thông biện nghĩa" thấy ở đây có, tiến chăng? Nghĩa là như, phi, thành, bại. Phân khoa, nghĩa là duyên pháp trôi chảy. Hai câu sau khuyên gặp việc nương nhờ.

Trong đủ duyên có nêu rằng: "Gồm nói là dùng mười duyên nầy gồm riêng chúng, cho nên nói do tạm ấy là nhờ duyên tạo thành, vì chẳng phải liền làm. Ban đầu, trọng xứng lượng, ở đây nói hễ muốn làm pháp không cho liền thêm, trước phải bàn luận duyên sự có thể được chăng?

Ban đầu nêu bày. Chữ "tất" trở xuống là nêu tướng. Ba tên nhân, pháp, sự chung cho năng sở, nếu y cứ Nghiệp Sớ thì cả hai đều xứng lượng, như nêu một việc phải nhờ người thành, dùng yết-ma nào, làm việc nào (sự lại có ba, tức như Sao nêu) lại ở giới nào?

Nay đây chỉ rõ việc trong ba, cẩn thận chớ có lạm nhau, chỗ y cứ kiết giới y nghĩa là nhiếp y. Nói cụ, đơn là ở đây y cứ một việc có gồm nhau y cứ theo Sớ thì chia làm bảy; ba đơn, như Sao; ba phức lại có ba: 1- Nhân pháp (sai Tỳ-kheo hỏi pháp, sai người thọ tự tứ, v.v...). 2- Nhân

sự (lìa y, gậy, đẫy, sai người phát thẻ... các loại). 3- Pháp sự (diệt tránh, nói giới, tu đạo, tự tứ, v.v...). Cụ túc một câu (diệt tránh, phát thẻ, bạch rằng "nói lời như vậy", cầm thẻ chỉ ở đây đủ ba).

Nói ly hợp, ở đây y cứ một pháp giúp duyên nhiều ít, như sám sáu tụ tội, thiên khác lìa sám, thiên đồng thì có nhiều tội, ly hợp đều được. Lại như thọ nhật, thọ giới đều khai nhiều người có thể dùng để nói. Chữ "tất" trở xuống là chính thức bày tỏ xứng lượng. Trong hai việc chỉ rõ chúng pháp, hai giới đều nhiếp xen không thông nhau. Nếu nói về biệt pháp thì hai giới nói chung làm, một pháp dục chỉ hạn cuộc pháp địa. Trong ba nêu bày hai việc, sau chế quán lượng ấy tức trải tòa nhiều ít, đánh hồi dài ngắn. Trong bốn, nói khác nhau phải thông người và xứ, văn chỉ rõ người, người chia bốn ngôi, tùy sự dụng hợp cho nên nói là tiến dừng. Chọn lấy, nhận lãnh, cầm giữ, chứng chánh, ngoài ra tùy hỉ nhiều ít theo đó, nên nói là hơn kém. Nhưng phải phân biệt sự khác nhau của xứ, tác pháp xứ có ba, tự nhiên có sáu, nhiếp riêng phần chừng đều như thiên trước.

Trong năm có hai, ban đầu y cứ Thượng tọa khuyên cố gắng. Chữ "tu" trở xuống y cứ ba nghiệp thuận theo, như trước tức trong riêng chúng.

Trong sáu có hai, ban đầu chọn tiểu chúng. Ni ba đồng sót (nay người hành pháp người tục ở chung quanh, nghĩa là chưa thọ cụ túc thì sai Sa-di, cư sĩ không ngại. Luật pháp băng hoại là do đây), còn bao nhiêu trở xuống là chọn Đại tăng, chỉ theo trước có thể biết.

Trong bảy, văn nói rằng: Phải cứu xét là lời thuộc năng bỉnh.

Trong tám, ban đầu nêu bày, lược nêu thuận tình để giải thích. Chữ "ư" trở xuống là nêu bày. Ban đầu tùy là thuận tình, chưa hẳn đã xong, nên nói là "đợi nhiều", như thọ nhật, sai người, v.v... đều thêm xin. Hai, là lập trị nghĩa là bảy yết-ma. Vô tâm tham dự, như Sớ nêu mười ba nạn, bảy trị như trên (trên bảy cũng trong nêu vô tâm tham dự, hợp ly).

Tám, là tội xứ sở. Chín, là điên cuồng. Mười, là học gia. Mười một, là úp bát. Mười hai, là không lễ. Mười ba, là tẫn Sa-di (lại vô tình có sáu, cũng gọi là vô tâm dự, tức là thuộc khoa sau. Nghĩa là đại giới, giới tràng, tiểu giới nhiếp y, tịnh địa, giới đường). Nên tác cử, v.v... chánh là bày ý. Tác cử, nghĩa là trong tăng, người có đức nêu tội với tăng. Ức niệm nghĩa là chỉ định thời, xứ khiến cúi đầu tự nói. Chứng chánh nghĩa là hay bỉnh, xét thật, biết pháp tức chỗ phạm để phục tội. Pháp tức là tội. Tăng Võng chép: "Chứng chánh tội kia được phục mới

cho đây". Ba, là nêu dọc, không nên ở tám. Sớ chép: "Như khi hành sự nêu dọc". Thứ ba do nêu dọc rồi, sau mới nhóm tăng, nay tướng nầy từ xướng tướng mà nêu, thứ tư có thể hiểu.

Trong chín, ban đầu nêu pháp hỏi. Chữ "vị" trở xuống là bày người hỏi. Đáp tuy nhiều, riêng lời hỏi chẳng khác.

Trong mười, trước nêu tướng đáp. Mỗ tức riêng việc yết-ma là pháp. Chữ "vị" trở xuống là ngăn lạm, nhưng lại cần biết hai lời đáp chung và riêng. Nói đáp chung là như thọ giới ba phép đơn bạch, một phép bạch tứ. Khi sai giáo thọ gồm nói rằng: Yết-ma thọ giới, còn lại ba pháp đều không cần hỏi. Xả đọa, tự tứ, loại nầy có thể biết. Nói đáp riêng là bốn pháp nêu riêng, như nói rằng "sai thầy giáo thọ là yết-ma đơn bạch".

Trong chỉ kết, ba câu trên là nêu chung, chữ "nhược" trở xuống là chọn riêng kiết giới không có thứ bảy, thọ sai không có thứ tám, đây giữ lại giải xưa. Trong Sớ thì nêu có người nói, lại nói rằng: "Kiết tịnh địa không xướng tướng", cho nên nói là "đẳng". Sớ chép: "Nay giải đều phải đủ", kiết giới không dục, lập duyên để rõ". Thọ sai không xin đâu không cần thưa. Kiết tịnh địa không xướng, ở đây không tìm văn.

Luật chép: "Nên xướng tên phòng, việc kia rất rõ? Lại nói rằng: "Đối thú, tâm niệm cũng phải đủ mười", như pháp thọ y.

1- Năm đại trên sắc nghĩa thêm không thành.

2- Sự chung cho hai giới.

3- Miệng gọi người đối.

4- Y cứ giới rõ nhóm, có thì đối thú, không thì tâm niệm.

5- Trước đối tướng để được.

6- Si độn chẳng phải số.

7- Thủ tục phi pháp.

8- Cần ý nói bàn.

9- Xét kỹ lời dạy trước.

10- Đáp hỏi đúng.

Lại như chúng pháp, tâm niệm, vả lại nêu giới: 1- Suy lường thời tiết. 2- Xét các giới tướng. 3- Làm pháp kích động. 4- Y cứ theo chỗ không người. 5- Quán kia cùng hay riêng. 6-Tự lượng đúng sai. 7- Riêng nhóm chẳng có dục. 8- Chuẩn bị thẻ, nước. 9- Kích động duyên nói. 10- Như duyên khởi nghiệp. Đây lại lược dẫn, rộng ở văn kia. Sau chỉ biệt pháp nên là yết-ma Tùy Cơ.

Kế trong lập pháp nêu rằng: Thông, cuộc: Pháp, sự, người, xứ bốn món là chung, tùy trong mỗi thứ đều có tướng riêng, như ở sau sẽ thấy.

Lại khoa đầu nói phần chừng là thường trong mỗi vị đều có điều lệ, không cho lạm nhau. Vả lại, như trong pháp, ba loại, tám loại, xen nhau không thành, còn ba món kia cũng vậy.

Trong tâm niệm, ban đầu bày vị. Sự nhỏ nhặt ấy, tức bổn vị. Chúng pháp đối thú gồm khai pháp, hạnh thành không phạm nêu ra ý khai. Chữ "phát" trở xuống là giải thích tên, đầu tiên chánh giải thích cảnh tức việc đã làm. Phát tâm là ý, truyền tính là miệng, phải gồm nghi thân, ba món đầy đủ mới thành yết-ma. Chữ "phi" trở xuống là ngăn lạm, e có người mê tên không thêm miệng nói, dẫn chứng minh thành chẳng thể biết. Y cứ luận tác nghiệp chẳng phải ba món không thành, nhưng do riêng bỉnh phần nhiều không chuyên thành, cho nên theo ý riêng để đặt tên. Nhưng tâm niệm nhiều đường, như y, ăn, phòng, nhà, tùy thời khởi niệm. Trong luật đã chế thường một tâm ông, đây đồng quán hạnh, không cần miệng nói.

Trong đối thú chẳng tâm niệm ấy là nêu bổn pháp, không tăng đối thú thì rõ khai pháp. Chữ "thử" trở xuống là rõ số người. Ba người, hễ đối thì chỉ sám hối tội trung phẩm thâu-lan-giá, do chế tiểu chúng cho nên chúng pháp đối thú chung, cả ba có thể biết. Bốn người, chỉ có tự tứ và sám tội xả đọa, đến sau trả y lại quy về chúng pháp. Chữ "vị" trở xuống là bày danh nghĩa. Mặt đối là, mặt ban đầu, nên nói là đối thú.

Trong chúng pháp, trước rõ pháp vị, sở bỉnh có ba, không tham biệt pháp. Sở dĩ như vậy là trên được thông dưới, dưới không gồm trên, là do đối thú thông một, chúng pháp gồm hai, còn bao nhiêu như khoa kế. Chữ "thử" trở xuống là bày tên.

Kế trong khúc phần, khoa đầu, khúc nghĩa là cong hết. Chi tức là từ gốc mở ra. Sớ chia chín phẩm, sau là lược điểm. Nhưng trong tâm niệm, chỉ như dụ riêng. Nếu y cứ bổn pháp chỉ gọi là tâm niệm, do chung hai món sau, thêm đãn lựa đó. Trong văn ban đầu bày nghĩa đãn, chữ "số" trở xuống là nêu tướng có thể biết.

Trong đối thú niệm, ban đầu bày bổn chế khai, gồm giải thích danh nghĩa. Đối thú là bổn chế, tâm niệm là sau khai, gốc ngọn đều bày, pháp không lẫn lộn, sau đều chung ở đây. Vả lại, sau nêu tướng đều cần thời, cốt yếu thuận theo giáo, nhiếp trì có thể vào khai cửa, như văn có thể thấy. Luật Thiện Kiến, khi thọ bát chuẩn nên gồm xả.

Trong chúng pháp niệm, khoay cứ đồng ở trước. Bộ ngoài tức Thập Tụng. Trong Đản đối thú ban đầu bày danh nghĩa, chữ "tổng" trở xuống là nêu pháp tướng. Y theo các bộ ấy là nói chung bổn khác, trước thọ xả, v.v... đều nêu ra tông khác, còn những thứ kia phần nhiều là

bổn bộ. Trong văn xen bày, nay buộc làm năm, trong ngoài giúp duyên pháp cộng có mười hai (trước tám món thọ xả, ba tịnh và thọ thuốc). Sám hối pháp phạm có sáu (từ Ba-dật-đề, sau bốn sám và hai lộ). Pháp thưa bạch có sáu (từ tăng tàn, sau bốn pháp bạch và Ni hai pháp bạch). Chế pháp có hai (y chỉ và an cư). Ly khai có năm (xả thỉnh, xả giới, bảy ngày, dữ dục, dư thực) trở về trước cộng chung có ba mươi mốt pháp, mà nói rằng hai mươi chín, là hai pháp sau thuộc Ni. Sở dĩ nêu là vì đối với tăng làm. Ở ngoài số là cuộc hạn Ni chúng. Vả lại, luận lược là nêu bày không hết, cho nên ở đây cần chọn lựa trái với Sớ: Một, là nêu số khác nhau, kia nói rằng hai mươi tám, tức hợp với pháp bạch tăng tàn, vào trong pháp bạch hành, do vì đồng là bạch hành (y cứ hành che giấu có nhiều loại bạch pháp, đều dùng bạch hành thâu đó, tìm trong thiên sám sẽ thấy). Hai, là chia phẩm khác, kia rõ chín phẩm, tức chọn trung lan-già riêng làm trung thượng, để định cần ba người tiểu chúng hỏi biên tội, cho nên ba món ly hợp là khác. Trong đây ba mươi, chín mươi đồng ở đản đối thú, kia lìa ba mươi là chúng pháp đối thú. Trong chúng pháp đối, chỉ đồng tâm niệm, nhưng nêu ra bốn pháp, Tùy Cơ yết-ma lại thêm xả đọa, thì có năm món. Trong chúng pháp đơn bạch là hai: một, là bày pháp. Hai, là rõ tên, hai phần sau văn đồng dưới đây.

Ban đầu nêu ra ba câu để rõ xét cốt yếu, tổng quát ba mươi chín pháp. Sự khinh nhỏ có mười (hai mươi bảy pháp xả đọa, thọ sám, hành bát, cạo tóc, mười giới, giới cụ túc, ba pháp trước thọ y công đức, xả y công đức, phi thời hòa). Thường hành có mười một (nói giới có bốn, thường hòa diệt tránh một thêm hai thêm, tự tứ có năm, thường hòa việc nạn lược ngày dài một thêm hai thêm, tăng sám hối, tăng phát lồ). Nghiêm chế có mười tám (các lời xúc não trong diệt tránh có năm, chọn sót người trí, sót người không tụng giới, không học luật, bỏ chánh nghĩa cỏ phủ đất. Trong năm trăm kiết tập có sáu bạch, trong bảy trăm kiết tập có năm bạch, bạch hành thẻ không vào số vì bày không hết).

Trong bạch nhị gồm năm mươi bảy loại như sai kiết, v.v... Sự phi một mối cho nên nói là "tham thiệp", trông tước là trọng, đối sau vẫn là nhẹ. Theo tăng xin được có bảy (hai phòng là hai, lìa y, ngọa cụ sáu năm, nuôi chúng, thọ nhật, gậy túi). Tăng phế pháp có mười một (thử ngoại đạo, cuồng si và giải cuồng si, không đến học gia và giải học gia, chia vật tăng, thưởng người nuôi bịnh, chia vật người chết, giao y công đức, đem phòng cho người đời sửa hai pháp).

Sai khiển có mười bốn (chia ngọa cụ, nói tội thô, đến giáo giới Ni, năm đức giao cất, giao giữ y công đức, sám bạch y, phát thẻ, bảo

người sửa sang phòng, úp bát, chia cháo ăn, v.v..., trong Ni cần giáo thọ, đến cầu tự tứ, sai tin thọ giới). Kiết giải có mười chín (kiết đại giới và giải, hai đồng giới, một đồng giới, ba tiểu giới và ba giải, giới tràng và giải, nhiếp y và giải, tịnh địa và giải, giới tràng kiết ăn đồng, kiết khố tàng).

Sám trị có sáu (hai mươi bảy phép trả y, giữ bát, cho úp bát và giải, trong ni làm pháp không lễ cho tăng và giải). Bạch tứ chung ba mươi tám pháp. Đại tiểu ấy đại như thọ cụ túc, sám tăng tàn, v.v... Tiểu là can ngăn tiếp cận ở chung, v.v... Tình sai trái, nghĩa là trị phạt diệt tránh, v.v... Pháp can ngăn có mười ba (trong tăng tàn bốn phép can ngăn, trong chín mươi ác tà tẫn xuất Sa-di, trong hai pháp Ni tùy cử, ni tập gần ở chung, khuyên tập gần ở chung, sân đòi bỏ Tam Bảo, phát sinh cãi cọ, gần gũi cư sĩ). Thọ pháp có hai (thọ giới cụ túc và Thức-xoa). Trị phạt có mười bốn (bảy pháp trị và bảy pháp giải). Sám pháp có năm (Tăng tàn có bốn và học hối). Diệt tránh có bốn (ức niệm, bất si, tội xứ sở và giải).

Trong tổng kết, ban đầu chánh kiết các pháp, y cứ pháp chỉ có ba, tùy sự nhiều khác cho nên nói rằng đến duyên. Chữ “nhược” trở xuống là gồm kết pháp riêng, nên biết ba vị tám phẩm theo pháp mà luận, một trăm tám mươi bốn tùy sự mà bày số. Y cứ biệt pháp nầy lẽ ra có năm mươi, nhưng trước chỉ có bốn mươi bảy. Tâm niệm đối thú có ba mươi ba, gồm Ni hai pháp thì có bốn mươi chín, Nghi nầy lại nêu toàn số, người học phải tìm đó.

Trong giải thích nghi, tai nghe là đây do thế gian truyền, rất trái số trước cho nên nêu để làm câu hỏi. Trong phần đáp, ban đầu thuận theo lời hỏi để giải thích, một trăm là tổng số, tuy việc đều có một yết-ma giúp đó, chặng hạn như một trăm lẻ một nghĩa cung cấp thân, cho nên nói rằng gồm nêu. Chữ “diệc” trở xuống là trái lời hỏi để giải thích, thấy trong tạng nay có đề Đại Sa-môn Bách Nhất yết-ma, tức rút ra từ Thập Tụng. Sớ chép: “Nếu y cứ Già luận thì vừa vặn một trăm lẻ một dụ, cho nên dụ kia tên đơn bạch có hai mươi bốn, bạch nhị có bốn mươi bảy, bạch tứ có ba mươi, người xưa tụng bộ khác tự lược bổn tông (Già luận tức tông Thập Tụng).

Trong chỉ tướng phi, hai câu trên của khoa đầu là bày ý cần, trên rõ phần chừng, y cứ dụng đều như, hẳn có sai, trái, thành chăng chớ giải thích, nghĩa phải ở nêu bày tướng phi nầy. Chữ “đãn” trở xuống là rõ ý lược. “Tiến không” tức là thành hay không. Chữ “tất” trở xuống là chỉ rộng, văn kia cũng mất. Sự, nghĩa hai Sao soạn thuật cho đến trong ý tựa

là lược rõ, xin rõ văn đây mới biết không lầm.

Hỏi: Đây đã lược, vì sao văn sau lại bày bảy phi?

Đáp: Ở đây chỉ cho văn bảy phi trong luật. Yết-ma nêu bày, trong Sớ lược nêu dụ như mở bốn cửa, xưa nay giải thích khoa y cứ rộng đây. Nay phù hợp ý, sao cũng không dẫn, ở đây nêu tên thẳng:

1- Yết-ma phi pháp phi Tỳ-ni.

2- Yết-ma phi pháp biệt chúng.

3- Yết-ma phi pháp hòa hợp.

4- Yết-ma như pháp biệt chúng.

5- Yết-ma pháp tương tự biệt chúng.

6- Pháp tương tợ hòa hợp yết ma.

7- Bị quở mà không dừng Yết-ma.

Lược bày trong hai, ban đầu chánh bày phải trái. Chữ "vị" trở xuống ba câu là nói về phải, biệt tướng tức pháp nhiếp sự. Chữ "nhược" trở xuống bốn câu nói về (trái), như đãn tâm niệm chỉ giúp ba sự, nếu thêm việc khác thì thành phi nhiếp. Cho đến bạch tứ chỉ giúp ba mươi tám việc nếu thêm nói tự tứ, sai, kiết, v.v... các việc gọi là phi pháp, như là tám ngôi dụ đó có thể biết. Ở đây là y cứ pháp thêm việc xen nhau bày phi, muốn khiến người mới học lược biết tướng kia.

"Nếu muốn" trở xuống là chỉ bày nghĩa phi. Nói thông biết là văn trên chỉ rõ pháp phi, chưa rõ ba thứ sau vì đều có phi. Môn nầy là gồm chỉ tướng nhiếp một khoa. Trên dưới tức trước sau bốn vị đều có tướng phi riêng, tùy ngôi gồm thâu cho nên nói rằng "gồm ngang", tức như khoa sau đơn phức làm câu, tướng kia sẽ thấy. Ngõ hầu trông mong, nhị là khác.

Trong giải thích biệt hiệu xưa chấp tên Yết-ma cuộc hạn bởi các pháp, cho nên cần giải quyết. Trong phần đáp, hai văn bổn tông, ban đầu nêu ra pháp thọ, đã khởi bạch tứ tức ba lời xử đoán. Ngài Xá-lợi-phất hỏi rằng:

- Ba lời thọ giới là khéo làm yết-ma chăng?

Phật đáp: "Là khéo làm yết-ma". Tự chế về sau không gọi là thọ cụ túc. Chữ "cập" trở xuống tức trong thuyết giới, kia do nhóm tỳ-kheo sáu vị đến ngày thuyết giới nói năng thăm hỏi các cư sĩ làm yết-ma (tức năm giới, tam quy) nói giới (tức năm giới tướng) nói pháp Phật dạy đây là Thượng Tọa nên làm. Dùng ba lời, năm giới cả hai đều đối người lại chứng đối thú. Sau dẫn luật Thập Tụng đều chứng hai pháp, kia nói có nghi nên hỏi, Phật lại giải quyết cho.

"Yết-ma" trở xuống là tiếp tục nói rằng: Sau có Tỳ-kheo đến

không cho chia.

Thứ hai rõ sự có ba: 1/ Tình sự. 2/ Phi tình sự. 3/ Nhị hợp sự. Một trăm tám mươi bốn pháp nhiếp hết ba việc nầy. Trong chỉ bày, do tám pháp trước riêng nêu ra tướng riêng, nên nói là không lặp. Trong phần giải thích, khoa đầu có hai: Đầu tiên là bày thể tướng, văn nêu hai việc, hai hợp ở trong. Chữ "tinh" trở xuống là nói về đúng sai, do nhân pháp và giới đều cuộc hạn tự phần, sự hợp nhiều món thi phi tướng chẳng phải một, cho nên nói rằng "một duyên...". Vả lại, như thọ giới, già nạn, y vật, phát tâm bày xin. Lại như trị nêu, khám nghiệm ba căn tác cử ức niệm, như vậy mà tìm.

Trong phần bày nhỏ nhiệm riêng, là hợp làm ư? Trong tình sự, khoa đầu văn dẫn có hai: đầu tiên dẫn người pháp, kia vì Tỳ-kheo phạm hai tội tăng tàn, đều che giấu cả hai, một tội nhớ, một tội không nhớ, Tăng nêu pháp hai tội che giấu, nhớ thì rất tốt, không nhớ thì sai, bị Tỳ-kheo khách biết pháp quở trách, văn như Sao dẫn. Kia lại nói rằng "Tăng tác pháp sám Đột-cát-la", chữ "thử" trở xuống là nói về sai. Kế là dẫn văn Chiêm-ba, kia rõ Ba Ly hỏi Phật, nay dẫn lời hỏi. Phật nói "Ở đây không đúng pháp". Chữ "cố" trở xuống là nói rằng Phật phán. Chữ "thử" trở xuống phán là "sai".

Trong ý kết có hai: Đầu tiên kết trước nêu bày, một việc là trị phạt, còn bao nhiêu thọ sám v.v... các việc đều có thể y cứ. Chữ "như" trở xuống là thứ hai nêu việc chánh, trước nêu ra tướng phi. Chữ "nhược" trở xuống là nói đúng pháp, chữ "nhi" trở xuống là ở trong như lại phân biệt. Thần nghĩa là cúi đầu, do tội có chủng tướng khác nhau. Trong chủng tạo tác riêng khác, như xúc chạm phạm tăng tàn, trước nói thật phạm, nhưng việc chẳng phải bổn thời, cùng tranh trái nhau không nên gia pháp (đời truyền, kiết giới cần giải để ngăn nghi. Lập nghĩa nói rằng "dầu chẳng hiểu kiết, lại luống lập một pháp" xin đem văn nầy, Thánh pháp giúp sự có thể luống lầm ư?).

Trong phi tình lại nêu xứ phần. Nói tứ, kiết, giải, v.v... các dụ phải nghiệm xét. Lìa y, gậy, v.v... tức hai hợp sự, lìa y vì bị bịnh không thể mang theo, gậy là vì già bịnh dùng để đỡ lúc té ngã, lìa y phải là người bịnh mà y nặng, xin gậy thì già lại binh, có một không thành cho nên nói là đủ hai, kết cáo có thể biết.

Thứ ba, rõ người có bảy, một đến hai mươi, bốn loại tăng, ba món sai khác nhau. Trong tăng ban đầu bày ngôi vị, tức chỉ nhóm tăng. Chữ "duy" trở xuống là nói phải cuộc hạn, chữ "đãn" trở xuống là lựa phần phi. Ba trong hai ba người, ban đầu nói về đương pháp, hai câu

trên gồm nêu, chữ "nhược" trở xuống là nêu giải thích riêng. Đầu tiên nói về khai pháp. Đủ bốn người không thành là vả lại y cứ phần nhiều, tự tứ thì thành. Chữ "nhược tác" trở xuống là kế bày bổn vị, ban đầu chánh bày, quyết sau lựa chọn hỏi biên. Trước rõ sám Ba-dật-đề cần hỏi, chỉ y cứ tất và bất tất để chia ra ba mươi hay chín mươi, ở đây vẫn theo xưa. Nếu theo Sớ, xả đọa lạc vào trong trước chúng đối, chín mươi pháp riêng đối không cần phải hỏi, trung phẩm lan giá nhất định hỏi, hai người không thành. Chữ "nhược trì" trở xuống là lựa pháp khác không cần. Chữ "nhược thị" trở xuống là lựa phần phi. Chữ "tất" trở xuống là khuyên nương.

Trong tâm niệm, ban đầu bày chung, chữ "nhược" trở xuống là giải thích riêng, ban đầu rõ khai pháp, chỉ như trước ấy tức là trên lập pháp, trong thông cuộc khai có chừng hạn, không thể xen lạm. Chữ "nhược tác" trở xuống là bày bổn pháp.

Thứ ba, là nói rõ giới có tám: Tự nhiên là một, ba tiểu giới, ba đại giới và giới tràng. Trong tự nhiên, đầu tiên nói chúng pháp chỉ cuộc hạn. Chữ "dĩ" trở xuống là nói biệt pháp đều chung, tạp pháp như đánh kiền-chùy, bạch cáo, không hệ thuộc đối niệm chỗ nhiếp. Nói đều được là phải nhớ trừ dục, là nói nhóm hết, vả lại là nói theo pháp khai.

Trong giới tác pháp, hai người gồm bảy vị trước, ba pháp gồm thâu tám phẩm. Trong riêng rõ, trước đối tự nhiên, gồm rõ chúng riêng, người pháp đều thông, đây thì pháp giới chỉ nói tướng thông bít của các pháp. Ba tiểu giới có hai: đầu tiên nêu ba tướng, số người nói giới ấy, là cũng bày việc nạn vì không cho nhiều. Nói nạn sự là người không đồng ý muốn quở pháp. Chữ "thử" trở xuống là rõ thông, bít, đều chuyên một pháp phải chia tên chung. Còn các pháp khác thì "bít". Thọ giới, tiểu giới trước sau bốn pháp, nói tứ riêng một, cũng có chung ấy, Sớ chép "Chẳng thể không nêu tội mà liền bạch sám". "Nhược vọng" trở xuống là thứ hai một bề gọi là tắc (bít). Nhân dự nghĩa là khó tịnh không duyên, văn khiến liền hiểu, rõ biết chẳng thông. Giới tràng chuyển Sớ xưa giải trừ mười lăm pháp, xin bát, xả sám gồm bốn, tịnh địa kèm giải, y công đức lược xả, nên nói là "Đẳng".

Lại Sớ, văn trước bày pháp hai loại đều không thông trên giới tràng (lại y công đức có sai người, vật người chết có thưởng người cực nhọc, cộng trừ mười chín). Trừ là bít còn bao nhiêu thì gọi là thông, nói tứ là y người chết, hai thứ nầy có nạn thông trên giới tràng. Sở dĩ trừ là vì nói giới là khắp nhóm, chế vốn ở đại giới, tự tứ, thọ nhật, y công đức cần ở chỗ an cư. Xin bát, y vật người chết quy về kho của tăng. Giải

giới cần vốn là chỗ kiết giới. Y, thực quyết nương vào tăng. Bày pháp khiến giới biết chung.

Trong đại giới, giới đường (nhà nói giới), ba tiểu giới, giới tràng, v.v... kiết giải đại giới không làm cho nên là "bít", còn bao nhiêu thì đều "thông", cho nên nói là "đều có, v.v...".

Kế nói về thành hoại, trong bày lý do, đối văn bảy phi nên nói là "tùy nghĩa", do tác nghiệp biện sự thành ở bốn duyên, lại tức đến duyên, qua câu, lựa chọn tùy mỗi việc đơn phức bao gồm. Suy tìm chẳng trái, muốn trốn cũng không có đường trốn.

Hỏi: Trước bày bốn duyên, sau nêu câu, giữa sao không nói giới?

Đáp: Vì hợp với việc. Sở dĩ như vậy vì có hai ý phải biết: Một, là muốn hơi giống văn phi đều bảy số, cho nên hoặc có thể biệt pháp không có phi, chung hai giới cho nên chúng pháp thì có. Cuộc pháp ở chỗ cho nên lý do không gồm khắp, vì ít nên theo nhiều.

Trong đãn tâm niệm, ba đơn có thể hiểu, ba phức lại y cứ trong đơn. Câu thứ tư như đối người nói, lời câu sai sót mà sám hối tội khinh Đột-cát-la.

Năm, như đối người sáu niệm, sáu việc, luống lạm câu lời không sai, v.v...

Sáu, là như sám hối tội nặng Đột-cát-la, miệng không nói mà là riêng làm.

Bảy, đủ ba, là đối thú không nói, phát lồ tội sai quấy.

Bảy món khác đều như vậy, đến văn tự rõ.

Thứ hai, trong nhân phi, hai câu trên nói, riêng người, hai câu dưới tức tổn mình, nghĩa là không nương vị Luật sư thứ năm.

Trong ba, chẳng phải hạng hạ ấy, là vượt ba món an cư. Cho nên có nạn duyên là không tránh nạn mạng sống, nạn phạm hạnh. Cho nên không nương Phật, là kết hai việc trước. Cho nên bốn món sau là lược ba phức một cụ. Trong đây theo pháp lại nêu tám, bảy. Nếu theo sự thì một trăm tám mươi bốn pháp, mỗi mỗi đủ số bảy câu thì nhiều.

Trong người sai thứ ba, cũng y cứ tự tha nói cả hai, do đến khi nói giới phải cần hạnh tịnh. Trong sự phi, một người riêng bỉnh, chúng phải đầy đủ. Thời phi là quá ba ngày.

Trong người sai thứ tư, người phạm giới cảnh uế không đủ. Có người quở, hành tịnh riêng chúng. Trong pháp phi, lời chẳng chánh là cho lẫn sai. Quở không dừng là dẩu khiến như giáo nhưng làm cho người quở, không dừng cũng là sai. Trong sự phi, trên nhiễm nghĩa là

năm gian và gấm lụa thêu. Tài vật bất tịnh là do tà mạng mà có, thể, lượng, cắt rọc trong văn lược.

(tờ 200) Trong người sai thứ năm, trên rõ riêng chúng do giới đủ năm, không khai đối thú. Lại pháp đối thú không khai thọ dục, quyết cần nhóm đến lại nương ngôi cũ mới gọi đúng như pháp, hoặc phi sau kế chọn số phi. Trong sự phi, thời phi, cũng ngoài ba ngày. Nạn không đủ, là phi thời được làm, có nạn mới khai. Bổn luật thêm bớt, năm trăm là hỏi một tháng.

Thứ sáu, trong pháp phi, câu trước rõ căn bổn tùng sinh, thiên khác nên sám. Câu kế nói phạm và không phạm chưa cùng tình thật. Vọng bày, là gồm hai lỗi trên. Trong sự phi, ban đầu nói dài là phi, như mủ, vớ bằng lông tơ, bát nhỏ trắng, v.v... Kế, là nói giấu lỗi phạm, tăng không biết. Ba, là nói rõ mềm yếu không thắng yết-ma. Bốn, là nói lạm nương lời, gởi chỗ nào?

Trong người sai thứ bảy, hai câu trước nói thân riêng, câu sau miệng riêng, sự giữa là thứ ba. Ban đầu mê ba tướng, thứ hai mở hai giới, thứ ba xa xướng kiết.

Trong người sai thứ tám, câu đầu là chỗ làm giới phi. Sau là năng bỉnh phi, câu trên rõ riêng chúng. Chữ "tăng" trở xuống nói rõ số phi. Nói năm trăm, là hướng nêu đến nhiều, rõ chẳng phải dễ được. Năm mươi pháp là y cứ trong đủ số hơn sáu mươi người, nhưng môn thứ tư, mười một người vẫn đủ sinh thiện, cho nên bớt nói. Trong pháp phi, tám món ấy, tức mười món phương tiện trong pháp thọ, trừ tiểu phần pháp và giáo phát giới duyên tùy căn cơ. Yết-ma cũng lập tám thứ (1- Thỉnh sư. 2- Sắp đặt. 3- Bạch sai. 4- Ra hỏi. 5- Gọi vào. 6- Xin giới. 7- Giới Sư bạch. 8- Đối tăng hỏi). Trên tức duyên phi, dưới trình bày pháp phi. Trong sự phi, ba ngôi chúng pháp đều ra ngoài giới là phi, vì cuộc hạn chỗ.

Kết bày, trong phần đầu chánh kết, lìa tám điều vào phi cho nên nói rằng "còn bao nhiêu là chánh pháp". Chữ "đương" trở xuống là nói pháp sư đều "bít". Chữ "biệt" trở xuống là rõ nhân, biệt phần nhiều là thông, chỉ trừ hai đản, còn bao nhiêu đều có. Chữ "quảng" trở xuống là rõ lược, văn kia cũng mất.

Khúc giải Yết-ma trước thông với riêng chúng, biệt pháp có thể hiểu, cho nên chương nầy chỉ rõ chúng pháp. Trong bày ý, ba câu đầu rõ ý. Cương yếu tức ban đầu giải thích văn là đại thể yết-ma (không cần gượng chia duyên cương). Thông bít ấy, tức khoa sau lựa chọn bày văn nghĩa khác nhau (không hẳn cuộc hạn chỉ một khoa). Chữ "nhược"

trở xuống là bày vọng gọi. Chữ "nhiên" trở xuống là nói về xứ phi. Hai câu trên là buông xa, hai câu dưới là đoạt lại. Nói biết xứ, là cương định không thành, duyên thông thành chăng, chưa thể nhất khái được, cho nên nói là "không được, v.v..." (lễ nói rằng: "Không sấm đồng". Chú rằng: "Sấm phát ra tiếng, vật đều đồng thời ứng").

Trong phần bác bỏ chấp văn, đầu tiên hai câu là gồm bày. Chữ "hoặc" trở xuống là hiển riêng, ban đầu bác tụng liên tục kết lược. Các pháp bạch tứ phiên dịch bớt văn, cho nên đặt lời này không phải bài tụng. Chữ "hoặc" trở xuống là thứ hai bác bỏ chuyên chấp lời câu. Câu đầu như pháp che giấu trong Luật chỉ nói rằng "mở giáp phạm tăng tàn, che giấu, nay Tăng cho kia yết-ma tùy có ngày che giấu, nhưng phạm trước có khác nhau" ngày che giấu hoặc nhiều ít, nếu y luật tụng thì không gọi là việc trước (thiên sám nói rằng "Nương Sao tác pháp được thành", nếu y cứ văn luật nương yết-ma xưa, tức phải sửa đổi không thể kính tụng). Câu kế như pháp thưởng người cực nhọc, đủ nêu sáu vật, vật thiếu cần sửa, nay cũng nương tụng (Sau chú nói rằng "tùy có lời đó").

Nói đều có, là như pháp thọ nhật, nêu Phật, Pháp, Tăng, duyên liền ngày nửa tháng, một tháng. Văn sự tuy đủ không nên đều nêu (Sau nói rằng "Không được đều tụng nửa tháng), đều không đúng pháp Kiết đại giới có giới tràng, Luật không văn sự không còn tăng thêm (sau nói rằng "cần thêm tướng trong ngoài"), cũng có thể đúng như pháp quở trách, văn y cứ đấu tránh, quyết có bao nhiêu phạm không thể tùy sửa (sau nói rằng: và luận đương thời chưa hẳn như văn).

Chữ "trí" trở xuống là rõ người biết quở, đâu biết chỗ thi thố. Trong bạch, đọc, như sau hỏi quyết. Ban đầu bày pháp phi, chữ "khởi" trở xuống là bày lỗi. Người kia là người dạy, trách tức là tội. Không học chẳng biết, phi pháp, ngoài tội lại thêm. Trong bác bỏ tâm sư, câu đầu bày người. Chuyên rộng, nghĩa là chẳng phải trí gượng làm trí, tuy chẳng phải ngu, vì bít lại là cuồng chọn. Chữ "quán" trở xuống là bày hành sự kia, câu đầu rõ chợt nhìn dường như phải, mà sau chỉ bày lại xét thấy sai.

Ban đầu rõ nhân sự đều sai, nghĩa là người mê việc đủ, riêng, mờ cả hư hay thật, trong mộng nhìn biển mà so sánh hơn, là mê có thể biết. Chữ "lượng" trở xuống là rõ pháp phi, tuy không giữ văn cú mà tự cắt quá nhiều. Chữ "chiếu" trở xuống là tổng kết phi ở trên, trái giáo kết tội.

Trong kết cáo, hai câu đầu chánh khuyên, thêm việc không thành, mình và người đều tổn, lỗi chẳng phải nhỏ, nhẹ nên nay rất răn dè, quyết

phải chính thân học mới tránh khỏi các lỗi. Chữ "nhược" trở xuống là nói chọn người. Thượng tọa, như luật Ngũ Phần chép: tức trên không người, tuy ở đầu trong chúng quyết phải hiểu pháp, lạp cao mà không biết sao tính đủ? Cho nên sau dẫn chứng luật nêu bốn người. Thượng tọa, kế tòa là y cứ ngôi vị mà chọn người. Tụng luật, không tụng là y cứ pháp chọn người. Văn thiếu thứ tư. Nói trì luật tức là thứ ba, Sớ nói rằng: "Phi, nghĩa là tụng văn quyết gồm biết nghĩa". Bốn, là không tụng, Sớ chép: "Tuy không liền văn nhiều tờ mà hiểu suốt thành chăng". Lại nói rằng: "Tứ Phần gồm nêu và y cứ có khả năng, nên dự chưa rảnh cũng khai cho học hối". Chữ "dĩ" trở xuống là ngăn lạm, có thể biết.

Trong phần giải thích, sở dĩ chỉ y cứ người thọ mà nói, do hai pháp đây trong đời thường dùng, lại người thường tụng cũng dễ hiểu. Trong bạch năm câu, ba câu đầu, sau, chặng giữa truyền nhau làm giềng mối, bao gồm các việc lau chùi, cách thức, phép tắc. Hai câu bốn và hai gọi là duyên gốc, tức pháp đã giúp việc tùy căn cơ khác nhau, như thuyết giới nói rằng "bạch ngoạt ngày mười lăm" tức là duyên, bố-tát nói giới là bổn sự. Lại thọ giới nói rằng: "Kia theo Hòa-thượng, cho đến ba y, bát, tọa cụ, v.v..." đều gọi là duyên, "nay theo tăng xin giới" tức là bổn sự (việc gốc).

Thứ hai thì duyên và bổn đều bày. Thứ tư thì nêu riêng căn bổn, dầu có gồm duyên, phiên dịch, truyền mất trị, như chia đối tùy văn có thể hiểu. Câu đầu nói rằng "Động nhĩ thức", sợ duyên khác việc vô tâm đồng thưa. Chữ "thinh" đọc khứ kinh. Câu kế, bố-tát, nói giới là Hoa Phạm đều nêu. Nói thành trọng, phức, San Định giới bổn sửa trước rằng: "Chúng Tăng nói giới" thì người và pháp đều nêu. Sau nói rằng: "Hòa hợp nói giới" thì bằng lòng có thể đã nêu bày, nhưng chúng cũng là Tăng, là thành câu cho nên nói "tình, sự" ấy tức tâm năng bỉnh ẩn chứa trong việc đã thưa, không cần hòa hợp tình, phi tình, v.v...

Trong thứ ba, câu đầu không giải thích. Nếu ấy là lời chưa định, hai kỳ để hỏi. Chữ "Tăng" trở xuống là chia câu giải thích riêng. Ban đầu giải thích đến thời. Câu trên người như, câu dưới sự pháp đều như, giới ở trong sự. Bốn duyên hiện tiền là lúc tác nghiệp (đây gọi là thời của thời nghi. Nghiệp Sớ đồng với ở đây. Giới Sớ thì chia làm hai: 1/ Người đến, là Đại Sa-môn thanh tịnh vào. 2/ Thời đến là lúc ngày mười lăm bố-tát đến. Kia cuộc hạn một việc, ở đây chung tất cả, nhưng tăng phải hòa, duyên hợp đại ý không trái). Kế, giải thích bằng lòng nghe. Chữ "thinh" bình thanh. Sớ chép: "Nay y cứ tâm hòa khuyên nghe", trước y cứ thân hòa khuyên cho nghe, hai tiếng riêng gọi là sự nghĩa

cũng trái, không hiểu hai duyên gọi là số phi.

Trong thứ tư, trước là cáo tình, cho nên phải bày cả hai, ở đây bày tỏ bằng lòng, không nhọc đều nêu.

Thứ năm, là nói rằng: "Như thị" là chỉ lời bạch ở trên, cho nên nói là "bạch kết", nay biết nghiệp cho nên nói rằng "cáo tri" (báo cho biết).

Kế, là trong giải thích yết-ma nêu có hai: Ban đầu nêu pháp. Chữ "nội" dường như dư, lại sợ lầm chữ, gượng giải thích cũng thông, nhưng sợ vô lý. Trên dưới bày trọng rõ ý bạch, e nghi phiền phí, cho nên dự ngăn đó. Trước là chánh giải thích, rất xứng thành lâu, ở đây giúp người chưa ngộ là lợi kẻ mới học, chí trước sau riêng, nên nói là "các". Văn bạch đồng với trước đã giải thích. Nói duyên triệu ấy, nghĩa là nêu duyên bảo chúng, tình sự mới bày, tức thành nghĩa triệu, dưới đây chỉ đồng rõ lược.

Kế, là trong giải thích yết-ma gồm chia. Ba lần yết-ma là pháp, chánh thể xét chúng lượng đáng cho nên nói rằng chánh quyết. Tăng pháp chỗ thêm vốn là thọ giới cụ túc, cho nên nói là căn bổn. Sau nói rằng "kết thành" rõ bày ngoài thể.

Trong giải thích riêng, nêu y cứ cương duyên lại chia làm năm câu, nay đây theo nghĩa chỉ chia ba đoạn.

(tờ 201) Câu đầu chỉ có giềng mối, hai câu sau cương duyên chung làm. Vả lại đoạn đầu là đối văn bạch ở trước, cho nên nói rằng "lại nghe". Trong sinh thiện nó là trên hết nên nói "chẳng nhỏ". Hòa quyết nhân nghe cho nên chỉ là duyên. Đoạn hai chia làm hai: Trước duyên sau cương. Trong duyên văn lược chỉ nêu "cho đến", nếu nói đủ thì nói rằng: "Mỗ giáp (A) đây theo Hòa-thượng mỗ giáp (B) cầu thọ giới cụ túc, mỗ giáp (A) nay theo tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng, mỗ giáp (A) tự nói thanh tịnh không có các việc nạn, đủ hai mươi tuổi, ba y, bát, tọa cụ (đây đều là duyên). Nay Tăng trao cho mỗ giáp (A) giới cụ túc, mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng (là bổn)".

Trong cương, nói Trưởng lão chính là gọi riêng người. Sớ chép: "Sự suốt ở tăng, thành chăng là ở riêng", lại chép: "Hoặc có văn nói "Đại đức bằng lòng", là hỏi riêng người, tùy thời xưng gọi. Trên là nêu văn, chánh sau lược giải thích. Hai câu trên điểm chuyên bổn riêng, hai câu dưới giải thích chung cương duyên, bày rõ ý văn.

Đoạn thứ ba chia làm hai: Ban đầu bày căn bổn thọ, nên nói là "trao", nhưng trừ chữ "kim", sau chữ cụ thêm chữ túc, cho đến giữa lược mỗ giáp làm Hòa-thượng. Trong cương lược ba chữ "giả mặc nhiên" ở

trên. Chữ "đơn" trở xuống là điểm bày có thể biết. Chữ "đệ" trở xuống là giải thích kết lược. Ban đầu nêu văn, chữ "nhất" trở xuống là chánh giải thích. Hai câu trên rõ được giữa, hai câu dưới bày ý chế. Trong văn kết cũng chia ra cương và bổn, "Tăng đã bằng lòng rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này xin nhận biết như vậy" là cương, hai câu ở trên dưới, chữ "cánh" ở giữa. "Cho mỗ (A) thọ giới, mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng" lại kết trước là bổn. Chữ "thử" trở xuống là điểm văn rất dễ hiểu.

Trong ba pháp lựa chọn, thêm, bớt y cứ luật đơn bạch và bạch nhị trong bạch, hoặc chỉ có bốn câu, thiếu câu thứ hai thì gọi là bớt, nhưng vốn không thêm. Trông kia năm câu đối đãi nhau mà nói, nếu là Yết-ma và bạch tứ trong bạch thì nhất định không thêm bớt, cho nên chẳng phải chỗ bàn. Trong văn trước nêu lý do không nêu ra ba ý, hoặc là sự trọng như các pháp nói tự tứ, trả y, vật người chết, v.v... hoặc có duyên khởi như các kiết giới, cần phải Tỳ-kheo xướng tướng duyên khởi (nghĩa là Yết-ma là duyên trước chẳng phải gọi là duyên vốn chế), hoặc có lời xin như các thọ sám (nghĩa là xả đọa đơn bạch chẳng phải thọ giới và các sám khác). Không nêu sự ấy như kiết giới, thọ sám ở trên, đều là đem duyên trước vào yết-ma. Hoặc ba món trên quyết đầy đủ năm câu, hoặc chỉ bốn câu thành, ấy là trái với ba ý nầy, gồm không đưa vào như văn đã nêu, tức nhà nói giới và diệt tránh trong kiết tập, các bạch và các bạch nhị sai người, v.v... là ở đây. Nhưng cần biết chỉ lược thứ hai, đến câu thứ tư duyên và bổn đều nêu hẳn không có thiếu, tìm đó có thể biết. Còn bao nhiêu sau rõ thêm bớt đều năm câu. Nhưng văn luật cũng có dịch truyền sót lọt, như pháp kiết đồng ăn khác giới và kết tịnh địa, đã có duyên khởi mà nêu bốn câu như Sớ đã sắp xếp, tụng sót, viết sai tưởng không nên nghi ngờ.

Trong thông bít, đơn bạch chia làm hai: Cương thì đều thông, duyên thì có thông, cuộc. Ban đầu cương có thể hiểu, thứ hai trở xuống nói về duyên. Ban đầu bày văn cuộc, chữ "nghĩa" trở xuống là kế rõ nghĩa thông. Trong yết-ma, ban đầu rõ thông, văn nêu không đủ, đến nói mới thêm. Chữ "trung" trở xuống là bày thông cuộc, chỉ trong loại bạch, trong yết bày công thành do hiểu, không nên câu nệ vào văn, cho nên nói là "không rõ, v.v...".

Trong đúng sai, ban đầu trong cương thêm bớt một bề thuộc về phi. Trong bạch ba câu gồm một trăm mười bốn chữ, chánh thể Yết-ma một trăm mười bảy chữ, văn kết một trăm mười bốn chữ, đây đều là thẳng định, dầu không thêm bớt mà âm thinh lẫn lộn, tướng nói không

rõ cũng qui về phi nhiếp. Trong duyên đầu nói về lý thuận, do lời tuy thông, chấp nhận lý không thể trái, thường thường người ngu ở đời liền lại thêm bớt, chữ "tăng" trở xuống rõ khai chấp nhận. Câu đầu khai thêm bớt, Sớ nói rằng: "Như kiết đại giới tức hai dụ đồng giới tràng, tiểu giới nhiếp tăng nghĩa một, đâu được hai cái riêng, vì sao không nêu? Theo đây thì thêm cũng được, như Ngũ Phần, kiết giới tràng văn thêm "đồng một bố-tát..." (ở đây nói giới tràng và ba tiểu giới được thêm) bớt đi "hai đồng" cũng được, như các giới, v.v... Câu kế khai đổi lời, Kết Huấn bảo là "lời khác nghĩa đồng", như nói rằng: "mỗ giáp (B) làm Hòa-thượng, theo tăng cầu giới", các loại giới tụng, mà hai câu sau kết hai phép khai ở trên. Chữ "loại" trở xuống là dẫn kệ có ba: Ban đầu dẫn bộ riêng chính, Ngũ Phần bạch và Yết-ma đại khái đều bốn câu và không câu thứ tư, luật Thập Tụng nói về pháp thọ giới rằng "Năm hạ đã đủ, y bát đầy đủ", v.v... Lại bộ ngoài yết-ma trong cương còn có thêm bớt. Luật Ngũ Phần thì "trưởng lão bằng lòng" trở xuống không có chữ "dả", ở lời kết "Tăng đã" trở xuống không có chữ "nhẫn", luật Thập Tụng câu thứ tư nêu bổn. Đã nói rằng bằng lòng, là Trưởng lão im lặng, lại chữ thuyết trên có chữ cánh, cộng thêm năm chữ. Chữ "chí" trở xuống là thứ hai, dẫn phiên dịch làm chứng, Sớ chép: "Dịch ba y là ngọa cụ, phu cụ; Hơi được hình tướng, đánh mất, bổn thể, v.v... (như Yết-ma giảm sáu năm). Ba, là kết huấn làm chứng, chữ huấn nghĩa đồng, cho nên nói được cả hai. Chữ "cố" trở xuống một câu kết ba trường hợp trên.

Ban đầu hỏi bạch đọc nghĩa là đối chung công bạch mà đọc, rõ ràng chẳng phải thầm tụng. Như trước đã bát e sinh chấp khác cho nên ở đây quyết phá.

Trong phần đáp, câu đầu là phán định. Chữ "tuy" trở xuống là nêu lý. Không rõ quyết chẳng phải là chỗ đoán của chánh giáo. Dùng nghĩa cầu ấy, chữ "sinh" trở xuống là sở rõ, trong dụ giới bổn nói tương tự ấy là cáo chúng vì nghĩa đồng. Chữ "cố" trở xuống là dẫn bày. Không được nói nữa, đây là nói nhiều người cùng học tụng chung, cho nên không khiến lặp. "Chuẩn" trở xuống là suy ý chế.

Trong ví dụ chú thuật, ban đầu rõ chú ở thế tục, "việt" nghĩa là nói trái. Tán nghĩa là tâm loạn, ngược trên là chuyên chánh. Chữ "cố" trở xuống rõ chú trong đạo. "Yết-ma" trở xuống là hợp lệ, huống chi là so sánh. Tựa luật rõ ấy, kia nói rằng: "Thần tiên, người có năm thần thông tạo lập chú thuật". Như lai lập giới cấm nửa tháng tụng một lần (trên là dụ, dưới là pháp), chữ "tất" trở xuống là nói về chế. Luật chép:

"Năm hạ không tụng giới, yết-ma, trọn đời không được lìa y chỉ" cho nên nói là trọn đời.

Trong phần đích thân nghe, Tổ Sư thường dự trường dịch thuật là chỗ truyền thật đáng để làm y cứ. Hỏi: Trong phần xen làm, do Tăng Ni ngôi vị có riêng không cho xen lạm vì thế phải chọn bày?

Trong phần đáp, ban đầu rõ Ni là tăng làm. Trong văn ba pháp, do Tăng phi pháp, Ni không cung kính, sợ trái với kính giáo, được pháp mới khai. Chữ "nhiên" trở xuống là không khuất trên chỉ được xa thêm, cho nên nói rằng "không cần", v.v... Kế rõ tăng là ni làm, cả ba đều hiện tiền, Tứ Phần lại có pháp xả giáo thọ, cũng đồng xa giúp.

Thứ ba, là hỏi: Y cứ trước chọn chúng, đã rõ không chung vẫn sợ hạnh lạm, cho nên ở đây lại bày.

Trong phần đáp, ban đầu rõ chế chung. Câu trên thẳng chế, người tại gia không đáp, ba chúng chưa đủ Ni là loại riêng, đều không chấp nhận nghe. Sớ chép: "Ni đồng Tăng pháp nên dự đồng nghe", há chẳng phải nữ loại không biết nhiều đời có thói kiêu mạn nên chế khiến tai mắt không nhìn ngắm, thì là trọng pháp tôn người. Chữ "Luật" trở xuống là dẫn bày, nếu Sa di sắp thọ giới cụ túc, Ni đến tự tứ, chỉ khai mắt thấy. Trừ chỗ làm ấy, là Sa-di thọ giới cụ túc và ba pháp trong Ni, ngoài ra không nên. Chữ "ma" trở xuống là rõ khai riêng, Bình-sa gọi đủ là Tần-Ba-Sa-la, Hán dịch là nhan sắc xinh đẹp, nghi thức Tỳ-kheo nửa tháng một lần nhóm là làm việc gì, cho nên khai riêng. Quyết nghi quy tín cho nên nói là tâm tịnh.

Thứ tư hỏi tướng có khác nhau, cho nên hỏi chọn. Trong phần đáp, câu đầu gồm đáp, chữ "nhược" trở xuống là bày riêng. Hai câu trên là rõ thông, do khuyến dụ không lo trái biệt. Chữ "chí" trở xuống là rõ cuộc hạn trị cử trái não, hoặc gây ra phá tăng, tăng không được cử tăng, văn luật rõ chế trị cử có thể. Xin và thọ sám đều là thuận tình, vì sao đồng cấm không được đến bốn, người học phải tìm.

Trong phần dẫn chứng, luật Tứ Phần chứng xin trên, luật "Ngũ Phần" trở xuống là bày bộ khác. Hòa và can ngăn cũng chế, nên nói là "thông", Mẫu Luận và Tứ Phần ở sau đều chứng trị cử. Trong văn bốn năm cùng có thể can ngăn, không lo trị tẫn, thì biết không được thêm chúng. Mười lăm thứ im lặng, trong kiền-độ Tạp, Xá-lợi-phất thấy là phi pháp mà Phật im lặng, do đó nói năm pháp không nên im lặng. Hoặc làm yết-ma đúng như pháp (sự tuy như pháp, duyên có khác khác, phải quở trách cho dừng) hoặc được bạn đồng ý (không lo chúng trị, ở đây đồng với Mẫu luận), hoặc thấy tiểu tội (chúng có phạm khinh, tăng

thể không mất) vì làm biệt trụ (nghĩa là ở ngoài giới) ở trong giới tràng (trong giới, giới riêng hai chỗ đây là phi) như vậy năm pháp im lặng này là phi pháp (phi pháp có tội, lại không đồng ý có thể quở trách, không lời lại là vọng im lặng). Lại có năm pháp nên im lặng:

1- Thấy người khác phi pháp im lặng (tức Xá-lợi-phất)

2- Không có bạn (cũng đồng Mẫu Luận. Sao nói là rất đồng, chỉ có bạn hai câu)

3- Phạm trọng (Chúng có phạm trọng, Tăng thể đã hoại vì quở trách không lợi ích)

4- Đồng trụ (chẳng phải biệt giới)

5- Ở đồng trụ địa (chẳng phải trong giới tràng, hai chỗ nầy như, không nên quở trách)

Năm pháp như vậy nên im lặng (ở đây khác nhau vì khai, cho nên chẳng phải vọng im)

Lại có năm việc nên hòa hợp:

1- Hoặc như pháp hòa hợp (người nên đến đã đến, ba nghiệp đều nhóm)

2- Hoặc thầm trụ đó (đáng quở mà không quở)

3- Hoặc dữ dục (người nên dữ dục đã dữ dục)

4- Hoặc theo người đáng tin nghe (tự mình không trái cho nên người khác nói là như pháp, ta cũng đồng hòa)

5- Trước ở trong chúng ngồi im lặng (trước là y cứ hòa khi tác pháp, ở đây rõ trước ở trong chúng bằng lòng có thể tác pháp)

Văn sau chỉ rộng, kia cũng lược bày. Thứ năm là hỏi: Dục rõ phần chừng vì biết pháp thành xứ. Trong phần đáp, câu đầu chỉ phiền nhiều, phàm có ba cách giải: 1- Hết văn kết. 2- Đến chữ thuyết. 3- Đến chữ cánh. Nay ở sau phán định tức cách giải thứ ba. Trong phá xưa, đầu tiên là nêu nay khác xưa, cho nên sau dẫn văn chất vấn phi. Chữ "tất" trở xuống là ở bên còn giải xưa, cho nên nói rằng cả hai đều được, nhưng không quở là có thể, quở thì thành phi. Nếu từ chữ "cánh" thì không ngại với đây. Sau chỉ nghĩa Sao, tức trong thời tiết phát giới ở quyển trên, kia cũng lấy chữ Cánh, văn cũng chẳng rộng tìm, có thể thấy.

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 2)

THIÊN KIẾT GIỚI GIẢI THÍCH

Kiết nghĩa là bạch hai hạn chứng, tức giới pháp năng giúp, nghĩa là chia cách kia đây, tức là chỗ bị thêm. Sớ chép: Giới là làm yết-ma, xướng chế hạn là thị, lại Minh Liễu Luận sớ giải thích bổn Âm Tứ-ma, ở đây dịch là "biệt trụ", nghĩa là tác ở đây, không chung với các chỗ ở khác nhau, đều không dữ dục cho nên được gọi tên. Phương cũng gọi là Pháp, liên miên là lời, tức bốn môn sau cho người đời sau nương theo mà làm, đều gọi là phương pháp. Nhưng chữ giới trong tựa đề, hoặc trông lúc mới kiết dường như thông tự nhiên nay y cứ kiết thành tức là tác pháp. Tác pháp có ba: Tăng, y và thực (ăn), nay chánh là nói tăng còn hai thứ kia như sau. Tăng lại có ba loại: đại, tiểu và giới tràng. Đại và tiểu mỗi thứ đều có ba, thì thành bảy loại, như vậy mà biết.

Ý bày khoa đầu, đầu tiên là suy bổn nhân chế pháp. Người bỉnh pháp rõ chỗ làm lập giới, nhưng luật nhờ duyên khởi, tuy nhân bố-tát đến luận ý chế thật chung là việc chúng. Sớ chép: "Kiết giới gốc là chúng đồng, lý phải thông hòa, các pháp khác là ngọn chúng đồng và do ở sau mà khởi". Ở đây biết trừ kiết giới ra tất cả yết-ma đều y pháp địa.

Kế là khoa giải thích, hai câu trên là phát ý chế ở sau. Ban đầu bày yết-ma, Tăng dùng hòa làm nghĩa. Hòa chỉ ở tâm, chẳng có lời thì không hiển bày, cho nên cần tiếng dạy biểu lộ tình tăng. Người và pháp đồng như sữa và nước chẳng khác, cho nên nói là cương yếu. Thọ giới, nói giới, can ngăn, trị phạt Tăng cương đã nêu. Phật pháp sẽ tồn tại lâu dài, công cứu giúp cũng do Yết-ma, nếu y cứ gìn giữ thật thông ba thời. Nay nói rằng: "Tượng vận" là nói chung sau khi diệt độ. Ở đây là chỉ yết-ma, hai câu trên nêu Tam Bảo để bày đức, hai câu dưới y cứ thề để hiển bày công đức. "Lý nghi" trở xuống là kế rõ hòa đồng, do pháp đã cao siêu, người đều quyết vâng theo. Mười phương là lại y cứ Diêm-

phù, hứa là khiến.

Trong phần duyên phát khởi chia làm hai, hai câu đầu là nói về cảnh động. Diệm-phù, Diêm-phù, Chiêm-bộ đều là âm chuyển. Phương chí giải thích là chỗ ở của Luận Vương (do bốn vị Luân vương đều ở đây cho nên Kim luân thống lãnh cả bốn, Ngân Luân trừ phương Bắc, Đồn Luân trừ Tây và Bắc, Thiếc Luân trừ Đông, Tây, Bắc). Lại Ca-đề, gia phổ Đức Thích-ca chép rằng "Dịch là Châu", có thể ở trong nước gọi là châu, nay ở trong biển lớn phía Nam núi Tu-di, cho nên càng lớn. Hoàn là rộng.

Bộ Câu-xá chép: Ba bên đều rộng hai ngàn Du-thiện-na (một du-thiện-na là mười sáu dặm, ba mặt đều ba muôn hai ngàn dặm). Bên Nam rộng ba du-thiện-na rưỡi (là năm mươi sáu dặm bao quanh cộng thành chín muôn sáu ngàn năm mươi sáu dặm, chín mươi sáu ngàn năm mươi sáu dặm) tượng mặt người (Tăng Huy nói: "Ở đây hằng năm trời bốn chí mà thôi", theo bản đồ trụ pháp thì ba bên đầu hai mươi tám dặm, đến phía Nam hẹp dần chung quanh có thể có trăm muôn dặm).

Chữ "mỗi" trở xuống là bày duyên chế, có hai: Ở trên nói chúng pháp khó thành, dưới rõ tự làm có tổn. Chữ "yếu" bình thinh nên gọi là y cứ. Kiền-độ thuyết giới chép: "Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật cho các Tỳ-kheo đến thành La-duyệt nói giới, người ở các nơi nghe đến nhóm rất mệt, Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy" từ nay trở đi cho ở chỗ nào kiết giới chỗ ấy.

Trong lập giáo, hai câu đầu nói về khai cho. "Đốn cực" là gồm hai duyên trên, tác pháp chia ngăn bày pháp kết. Đồng giới tôn sùng rõ chế ước, đồng vâng theo yết-ma riêng chúng không thành, công thành tức tự nghiệp không phế bỏ, sự xong nghĩa là các pháp dễ thành, đây là hiển bày lợi ích. Câu dưới là tổng kết, lại dịch là giải thích ở trên. Cuộc kết là ngược thông tập ở trước, tác pháp ngược với tự nhiên ở trước, đồng giới là trái với mười phương ở trên. Công thành sự xong là trái với hai tổn ở trên. Nêu lệ bốn chương, hai chương trước rõ khi kết duyên pháp hai chương sau giải thích đúng sai của kết rồi.

Trong nêu chọn, nhiếp y, nhiếp thực, sở dĩ nêu là vì thuộc về đồng giới. Chỉ bổn thiên ấy là đều theo loại kia, chú yết-ma chép: "y giới ấy là nhiếp y để thuộc về người, khiến không có lỗi lìa đêm. Thực giới là nhiếp thực để ngăn tăng khiến không tội ngủ và nếm. Tăng giới là nhiếp người do đồng chỗ, khiến không có tội riêng chúng. Ba phần tướng đây tôn chỉ rất rõ.

Trong tự nhiên, ban đầu nói gồm chung tự nhiên tức một tập

Diêm-phù ở trên, không tức lan-nhã, có tức xóm làng. Thủy tức thủy giới, lục tức đạo hành đều nhiếp hết bốn món xứ tướng, trước chưa chia nên chung làm một tập. Chữ "hậu" trở xuống là rõ sáu tướng tự nhiên, tức mới khai. Ba câu đầu bày duyên khai, tùy cảnh tức bốn chỗ ở trên, phần hạn tức giới lượng. Chữ "Nhân" trở xuống là giải thích tên, không nhờ tạo tác cho nên nói rằng nhậm vận. Nói giới khởi chỉ là tùy thân đến chỗ nào liền có giới hạn, chẳng phải gọi là có pháp sinh khởi. Chữ "y cứ" trở xuống là chỉ lượng để biết.

Trong tác pháp chia làm hai: Ban đầu bày tự nhiên, hai câu trên nêu chung. Chữ "thiết" trở xuống là giải thích riêng, có hai: bốn câu đầu là nói lần thiếu có ngại. Văn giáo định ấy là phần chừng sáu tướng. Dụng không thể là giới hạn không tương xứng với xứ. Cho nên bỏ chẳng chế là không nương sáu tướng. Giáo không khai cho nên, v.v... trở xuống hai câu là nói yết-ma không cao siêu, pháp đã tôn đặt thường địa đâu thực hành, như trì mật chú hẳn kết đàn tràng, Yết-ma chú thuật loại kia rất đồng. Chữ "cố" trở xuống là kế nói về giới tác pháp, đầu tiên hiển bày khai kiết, đây là khai thứ hai, khai rồi lại khai cho nên nói rằng "khúc thuận". Định khuôn mẫu cách thức là chế trong khai. Chữ "nhậm" trở xuống là nói về lợi ích. Câu trên trái với hoạn đầu ở trước, bốn câu dưới là ngược với hoạn kế ở trên.

Hỏi: Đến đây có bao nhiêu lần khai?

Đáp: Đầu tiên nói gồm chung tức bổn chế (trong Luật dạy kiết nhà thuyết giới, vẫn là gồm chung một giới tức đồng bổn chế). Kế chia sáu tướng tức lần khai thứ nhất. Lại khiến cuộc hạn kiết tức khai lần thứ hai. Lại trong tác pháp có hai lần khai, thường nhóm thì kiết giới tràng, có việc nạn cho kiết tiểu giới. Như pháp ăn có hai: hai món đồng pháp và đồng ăn có đại giới riêng, cũng là lần khai, nhưng đâu chẳng phải đại giới cho nên không bàn. Về trước, trải qua bốn lần khai, trong văn rõ ràng xưa nhiều giải sai, cho nên phải giải thích.

Hỏi: Sáu tướng của giới tự nhiên có khai bỉnh yết-ma chăng?

Đáp: Ở đây không nói rõ, dùng nghĩa định đó. Nếu y cứ tám năm rồi cho yết-ma thọ cụ túc, mười hai năm sau khiến đệ tử nói rộng, do đây ban đầu lập kiết giới, thì nghiệm biết chưa kiết đã làm yết-ma, nêu chỉ nhà thuyết giới cũng ở tự nhiên, Địa Bộ chỗ chấp tự nhiên địa có thể được thành thọ giới, cũng là do đây.

Hỏi: Như vậy đâu thể nói là địa nhược không thắng?

Đáp: Do ở tự nhiên không cao quý cho nên kiết, hoặc có thể y cứ khai rồi mà nói.

Sớ chép: một khi khai rồi, về sau hễ có tác nghiệp thì phi giới, không thành cho nên chế, tôn trọng hòa ích ở đây. Trước khai sau chế, nếu không như vậy thì sáu tướng tự nhiên khai, nào dùng há có thể một bề làm đối niệm ư? Lại, luật Tăng-kỳ nói bảy hàng cây, chúng khác ở hai đầu, há chỉ là kiết giới?

Hỏi: Thời nay có kiết nhà thuyết giới là sao?

Đáp: Đây là mê giáo. Cách kiết nhà thuyết giới là do chưa khai kết riêng, thông một tự nhiên, tăng nhóm khó có tiêu chuẩn, cho nên khiến chỉ chỗ, cuộc hạn vừa làm nhà thuyết giới liền bỏ, huống chi cách của nhà thuyết giới chỉ là nêu chỉ, đến luận tăng nhóm lại nương giới tự nhiên, toàn trái kiết giới đâu được vọng làm. Lại có người lầm dẫn ban đầu chế yết-ma đại giới là nhà thuyết giới, lại càng lầm hơn. Nhưng đời mạt pháp ngày nay người biết pháp rất ít, trong trăm ngàn không được mười người, nếu khiến đều nhóm hết, việc sẽ không thành, nên muốn kiết riêng một chỗ để bàn hành pháp có thể y cứ của vi luân, cần thêm yết-ma đại giới, nếu y cứ cứ nói tự tứ bổn chế nhóm chung, Nhưng Luật nói bố-tát trên giới tràng có tăng, mắc tội, được thành, tuy trái ý chế mà lại thành pháp. Huống chi bọn người ngu không nhóm, việc đồng nạn duyên, phán tội so nghĩa, tình chẳng có lỗi lầm.

Trong đại giới chép: "Hai món Pháp, thực đồng nhau" là y cứ chú yết-ma, nên nói rằng: "Nhân, pháp". Kia chép: "Giới có ba loại: 1- Nhân pháp đồng (đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới). 2- Pháp thực đồng. 3- Pháp đồng, thực riêng (hai loại nầy như sau). Truyền lầm chép, lý do không riêng (xưa chép: "Tăng chỗ thường làm thâu món thứ nhất. Pháp và thực cả hai đồng là gồm hai loại phi sau. Sau hai pháp xuống là văn tự bày).

Trong chỉ bày số dặm, đầu tiên dẫn luật Tứ Phần trong văn thuyết giới. Đồng nói giới ấy, nghĩa là pháp đồng giới. Không thọ dục, là ban đêm dục không thành. Gượng trăm dặm là ước định lộ trình một ngày, vì chưa thể chỉ rõ cho nên nói là gượng. Đây thì là, v.v....trở xuống là hội qui về gốc. Kế trong Mẫu Luận, kia gọi là "trụ pháp tương ưng", cho nên nói rằng "một ngày qua lại", y cứ đây vẫn hẹp hơn Tứ Phần (Xưa giải đồng luật một ngày đến một ngày về là sai). Chữ "duy" trở xuống là song kết, trên nói rằng trăm dặm chính là nghĩa tiêu chuẩn.

Trong rõ do-tuần, ban đầu dẫn bốn bộ lượng đồng. Như luật Ngũ Phần nói "Lúc bấy giờ, có kết mà không biên giới, Phật chế xa nhất chừng ba do-tuần". Hợp góc ấy là phương góc lượng đồng. Kế dẫn Trí Luận nêu do-tuần khác nhau, ban đầu nêu ba phẩm. Chữ "thử" trở

xuống là giải thích lý do tường bằng thì kéo cho dài ra, hiểm trở thì xếp cho gấp lại. Sớ chép: "Do-tuần chính là tên số lượng trong tiếng Phạm", chính là Du-thiện-na, Hán không có chánh dịch, chính là trạm dừng chân của Luân vương lúc đi săn, vẫn như chữ đình xưa, đâu cuộc hạn phần lớn số dặm mà nói là bốn mươi dặm, tương truyền là định (ở đây khác với luận câu-xá).

Luật Tứ Phần y pháp, v.v... trở xuống, luật ấy nói các người họ Thích hay đi săn xa trong một do-tuần, hoặc trong bảy mươi dặm, hoặc ba mươi dặm, Do-tuần đã nêu trên bảy mươi dặm, cho nên nói rằng tiêu chuẩn có đồng. Chữ "thử" trở xuống là chuẩn luận, quyết luật.

Trong phần phán định, câu đầu gồm hội các bộ, câu kế riêng khảo xét bổn tông và như trên dẫn. Chữ "ưng" trở xuống là định số dặm. Chữ "dĩ" trở xuống là lấy do tuần, bổn bộ và tông khác đồng quy về một mối. Trong giới Ni, ban đầu rõ lượng đường thường. Một câu-lô ấy y cứ đạo hành ở trước Luận Tát-bà-đa, câu lô định là hai dặm, Ni Sao Chú chép: "Nghĩa chuẩn năm dặm", chữ "ngũ" lẽ ra là lầm, theo Tạp Bảo Tạng thì năm dặm, cho nên Sớ chép: "Do sợ xa nguy hiểm dễ bị lăng nhục". Chữ "tất" trở xuống là thứ hai, nói về nạn khai lượng, đồng với Đại tăng. Kia do các nạn vua, nạn giặc, v.v... cho nên khai nới rộng kết tùy ý. Chữ "sớ" nhập thinh.

Chúng khởi, tức là Tăng sự Yết-ma. Trong bốn ngôi vị tăng lược nêu đầu và sau, hai ngôi vị giữa phần lớn là đồng. Chữ "thiện" trở xuống là bày lượng, do hai mươi vị tăng chung làm tất cả các pháp, lại gồm chỗ làm, cho nên chứa đủ hai mươi mốt người, giản thì không khắp cho nên không chấp nhận. Ở đây y cứ một chúng mà nói, quyết gồm hai chúng, phải chứa đủ bốn mươi mốt người.

Hỏi: Đại giới lập lượng đồng khác thế nào?

Đáp: Đại giới thì chế rộng, hẹp thì không câu nệ. Giới tràng chế hẹp, rộng thì không có lý. Cho nên là đại giới càng rộng, không khỏi nhọc rong ruổi, giới tràng càng hẹp hành pháp không càng đủ chỗ, cho nên trong Bảo Đàn Kinh con quạ nương bay rộng hơn hai trăm bộ.

Sớ chép: "Trong luật trên đàn tìm nhau không thấy", cho nên có thể biết.

Ba tiểu giới, khoa đầu là trình bày bổn duyên. Việc nạn là tâm không đồng. Sợ bỏ là bày quyền ý. Chữ "tịnh" trở xuống là định lượng. Trong nêu bày có ba, ban đầu trong thọ giới ở trước nêu ra giải xưa kiết giới tràng, pháp cũng gọi là Tiểu giới, cho nên được y theo đó. Kia tính vấn nạn, an lập đều cần trong giới, riêng một món nầy phải lập tướng

ngoài. Chữ "kim" trở xuống là thẳng bày chánh nghĩa, chỉ ra bác bỏ như ở sau, văn nghĩa đều thấy ở khoa kế. Sau bày nói tự tứ ngồi thẳng vòng tròn, đây cũng theo xưa một phen chia đó, nghĩa quyết không khắp.

Trong giải thích không ngoài, câu đầu bày trước. Chữ "do" trở xuống là chánh giải thích, ban đầu bày nghĩa. Chữ "cố" trở xuống là dẫn văn, tức duyên yết-ma tiểu giới thuyết giới. Chữ "nhược" trở xuống là lại y cứ chế giải để bày không lập. Sớ chép: "Không nên chẳng phải mà đi" rõ không tướng ngoài, khởi quyết mê phương. Chữ "bất" trở xuống là nói lên trước phải lập, nương ngôi vị giải ấy tức là ba pháp giới. Trong đại giới nêu, trước kiết giới tràng, đây nói nên ở trong pháp có giới tràng. Lúc ấy có người chấp kiến chấp xưa, cho nên dự điểm đó.

Trong nêu duyên thành, một là khoa lựa chọn, nghĩa là xứng lượng. Thứ hai tức bày bổn ý, nếu y cứ xướng tướng nên cần ở sau, nay trông về nêu dọc cho nên kế phải nêu. Thứ ba là nhiếp năm duyên năng bỉnh, nghĩa gồm nương giới, ở đây thì ba khoa bao gồm tám duyên. Hai phần hỏi đáp thấy trong chánh thêm. Ban đầu hỏi thôn, tức chỉ nhà thế tục. Ở Tây trúc, tăng phường phần nhiều có nhà thế tục ở, xứ nầy (Trung Hoa) hoặc cho ở tạm, hoặc lại giới rộng, e nghi ngờ nên hỏi. Trong phần đáp, ban đầu dẫn luật Ngũ Phần, đã thỉnh bố-tát phải kiết giới trước, văn đây chính là toàn nhà ở của thế tục, loại hiển tăng giới có thôn không ngại. Kế dẫn Bà luận để nói về văn, kết chung xóm làng tức thôn, tên chung đại tiểu, nay lấy chỗ ở của nam nữ, sau đến một nhà liền gọi là xóm làng. Sau dẫn luật Tứ Phần liền nhiếp văn y. Sớ chép: "Tứ Phần văn rõ trừ thôn, ngoài thôn, biết rõ nhiếp tăng không lựa thôn (có dẫn văn pháp và thực hành hai món đồng là sai, kia rõ giới tướng). Thôn thủ ấy Thăng Bổn viết là thủ thôn, hoặc cho là viết lầm, nên viết là "Tụ".

Kế, là trong phần hỏi, luật tuy rõ theo lý, chẳng phải hoàn toàn rảnh, cho nên giải quyết. Trong phần đáp, dẫn luật là kia vì Tỳ-kheo bị kiết giới cách con sông ngày rằm muốn đến thuyết giới mà chẳng thể qua sông được, cho nên Phật chế. Trừ có thuyền, cầu là ở đây khai rõ. Cầu, việc một vật mà có lớn nhỏ, nếu ngựa xe qua được, đây nói về chế, Sử là qua mau. Chữ "tất" trở xuống là y cứ lý quyết thông, lời lược chữ ghe. Tuy là chạy mau nhưng khiến có thể qua được, không ngại việc đến nhóm, cho nên xếp vào lý được.

Sau dẫn luật Ni chuyển chứng, không cầu được kiết không nghi, tức giới một mình qua sông ở trong tăng tàn. Luật ấy chép: "Chỉ khiến vén y qua nước, cho đến trong giới cũng phạm", cho nên nói là thông.

Thứ ba là hỏi "e hai giới sát nhau", lại vì muốn trình bày nêu lượng. Trong phần đáp, ban đầu theo xưa định lượng, kế là y luận bày thông. Đầu tiên rõ đại giới, núi tức một nêu, đông tây dùng chung tức là hai tướng. Lại sau nói về tiểu giới, hai giây như hai, như hai tướng gần chùa. Hễ muốn kiết giới mà gần tăng làm nạn, cho nên khai pháp nầy. Trước ở bổn xứ tùy chỗ đặt tướng, dùng giây bao quanh, dẫn giây ra xa, chỉ khiến tăng ở ngoài tự nhiên (không hẳn là lan-nhã, chẳng đồng ba tiểu giới) đến kia trước đặt tướng, rồi lại dùng giây vòng, tăng nhóm ở trong, theo giây xướng tướng, hai chỗ giây bao quanh nên nói là hai giây. Ở giữa một giây, hai bên phải trái tức là hai tướng, y cứ ở sau chánh quyết. Tường lớn, dựa núi, có thể chia y cứ theo giây. Trước nói rằng "một khuỷu" tuy không rõ phá, nhưng y cứ theo văn Luận rất bày cuộc hạn kia.

Sớ chép: "Cách nhau một khuỷu tay" không có chánh văn. Y cứ đồng hai giây được chia, liền bỏ ở đây. Thứ tư trong lời hỏi "vật có nhiều khác nhau", cần định rõ trong ngoài. Trong phần đáp, ban đầu rõ vật tròn thông trong ngoài. Trước rõ trong, như bên cửa thẳng qua các trụ không nhọc theo bên ngoài. Xưa chép: "Cây sống xuyên chính giữa cho lớn lên", cho nên thấy xuyên trụ là ngược bèn chê cười. Vả lại trong lời hỏi, hỏi chung đá cây, cây có thể nói rằng "sống", đá đâu có lớn, quyết có đá tròn xỏ giữa được chăng? Trong văn chỉ nói rằng "Khiến giới tướng ngay thẳng", xin xét kỹ chớ làm thô lỗ.

Chữ "hoặc" trở xuống là nói bên ngoài, chữ "nhược" trở xuống là kế nói nhọn hay tà lấy ngoài. Phương ấy dễ hiểu, trong văn không nói lại. Một phần, hoặc góc hoặc trụ, cần chia trong, ngoài, đông, tây, và chỉ phần chừng. Chữ "dư" trở xuống là chỉ nêu, chữ "ưng" trở xuống là răn nhắc, xét đều chẳng phải chỉ xướng, lý cần nên thông giới biệt. Chữ "bất" trở xuống là ngăn lạm. Ngày nay hành sự ẩn chép giới tướng, khiến người khác nay tụng hiểu không xét hạnh. Tăng đồng trụ đâu biết chỗ kia, luống nhọc, loạn nhau, pháp định không thành. Sau nói rằng kiết giới đúng như pháp là thiếu, lời nầy không dối.

Thứ năm, trong lời hỏi nêu, v.v... ba tướng gồm chung kiết giới, một việc mê, các duyên luống lập, cho nên phải bày rõ. Trong lời đáp, trước bày ba món, nêu lên tức vật. Tức khoa kế dẫn luật Tứ Phần, Thiện Kiến, v.v... Tướng tức là nêu. Bờ là hai tướng trong ngoài đều nương bờ kia. Nêu thể nó ấy, là nó vuông tròn, cong, thẳng. Chữ "tức" sắp xuống là hình giới. Sớ chép: "Tiêu tức chỗ nương của xướng, tướng là chỗ bày của yết-ma, thể tức là chỗ nương để tác pháp" văn đây càng rõ. Chữ

"hoặc" trở xuống là trình bày ly hợp, hai câu đầu chọn nêu thể, tiêu tức thể là y cứ xướng ngoài, tiêu khác thể là y cứ xướng trong. Kế một câu là chọn thể tướng, một bề không khác. Chữ "lâm" trở xuống là răn nhắc sớm giải thích.

Thứ sáu, là hỏi luật không nói đoán, đời có lạm làm cho nên ở đây giải thích. Trong lời đáp, ban đầu lấy nghĩa quyết, văn xuất xứ từ trong thuyết giới, đã chế gần nhau nghiệm không khai trọng. Kia nói rằng: "Lúc ấy, các Tỳ-kheo làm hai giới liền nhau, Phật nối nhau, Phật nói: "không nên như vậy, phải làm cờ nêu". Hai giới kia cùng tướng lầm hợp, Phật nói "không nên như vậy, phải để khoảng trung gian", nay Sao hợp đó. Chữ "nhược" trở xuống là dẫn ví dụ giải quyết, tức trong dược pháp khai văn tịnh địa. Luật ấy chép: "Các Tỳ-kheo không biết chỗ nào là tịnh địa, bạch Phật, Phật dạy: "Nếu nghi trước có kết tịnh địa thì nên giải, sau đó mới kiết", như thiên sau dẫn đủ. Chữ "cố" trở xuống là kết chung hai văn. Người xưa có làm hành sự, có răn nhắc rằng "Hễ muốn kiết giới, sợ đời xưa có kiết, thì phải trước giải". Đời sau truyền nhau, gọi là giải ngăn nghi. Bất luận hư không, có nước đất, có kiết hay không, đều trước nên giải. Thói xấu lừa đời hơn ba trăm năm, dẫu có bậc anh hùng thông minh giáng sinh cũng không hề có một phen ngộ, huống chi chấp mê luận xưa. Ở nay còn vậy, có văn y cứ đây cho nên phải lược giải thích, thẳng dẫn rõ y cứ, còn bao nhiêu rộng như bộ khác.

Nay nói nghi lược có hai món: 1- Nghi trước kiết như phi. 2- Nghi giới hạn của tướng nêu. Trong ban đầu, như thiên thọ giới nói rằng: "Chỗ nương của yết-ma quyết là nương pháp giới, nếu tác pháp không thành, pháp sau không thành tựu, cho nên phải nói rõ giới tướng, khéo hiểu suốt đúng sai. Hỏi thăm trước ai kiết, xét biết không lạm mới có thể nương theo, không như vậy thì giải rồi kiết lại. Giới Đàn Kinh chép: "Đến như kiết giới giữ gìn phải có tướng đúng sai, hoặc nghi hoặc lầm xả rồi lại thêm, đâu chẳng rất kính trọng dè dặt". Lại sau nói rằng: "Trước kiết đại giới sau kiết giới tràng", không thành pháp sau cho nên phải giải thích.

Lại Ngũ Bách Vấn chép: "ở trong thọ giới sợ không chỗ giữ gìn". Lại trong thọ giới dẫn Tăng-già-bạt-ma sợ giới không đúng như pháp, ngồi thuyền ra giữa sông.

Thứ hai là nghi tướng nêu: Sau nói rằng "kiết rồi thì phải treo bảng khiến sau chủ khách đều biết, không có lạm, nghi. Lại nói rằng: "Tỳ-kheo làm yết-ma chết, người khác không biết chỗ giới, Phật dạy: "xả rồi kiết lại". "Lại sau dẫn trị cho nên già-lam không mất tịnh địa,

nếu nghi thì nên xả rồi kiết lại. Cho nên biết giới ở, v.v... xin khảo xét các văn đủ làm rõ y cứ, đâu phải là trước không kiết, chỗ gượng tự sinh nghi. Vả lại, yết-ma chỗ thêm duyên như thì pháp thành tựu, sự cần khảo xét thật, đâu được làm bừa, lỗi lạm thật nhiều chưa thể bày hết, quyết vâng thánh giáo, đâu dùng tranh cãi càn rỡ. Kế rõ nêu dọc, trong bổn tông có hai: Ban đầu nêu tướng, lại nêu tám món, nay cần rõ dẫn dắt, muốn biết chỗ xứ. Ban đầu chế đại giới, pháp chép: "Phải xướng tướng phương, nếu không xứ (như văn tức lan nhã) hoặc dưới cây, hoặc núi, hoặc hang, hoặc gộp hang, hoặc đất trống (như văn không có chỗ che) hoặc cỏ rậm (như văn nói rậm rạp) hoặc bờ vườn, hoặc giữa gò mả, hoặc khe nước, hoặc gộp đá, hoặc gốc cây, hoặc bên gai góc, hoặc vũng nước (như văn) hoặc mương lạch, hoặc ao, hoặc đống phân (như văn) hoặc thôn, hoặc giới thôn (cộng có mười chín, văn dẫn năm tướng).

Trong pháp chế lại, núi tạm như văn (Luật chép: "Như phương Đông, các phương khác cũng vậy) hoặc thôn, hoặc thành, hoặc bờ ranh (nghĩa là hạn chừng bờ ranh giới) hoặc vườn, hoặc rừng, hoặc ao, hoặc cây, hoặc tường, hoặc miếu thần (gồm mười hai món, văn dẫn hai món trước).

Trong giới tràng chép: "Hoặc đặt cọc (như văn) hoặc đá, hoặc bờ ranh (ba tướng dẫn một) ba chỗ đã nêu ra hoặc có đồng khác, đối chiếu sẽ thấy.

Từ chữ "Chuẩn" trở xuống là thứ hai bình lượng. Ban đầu hai câu chỉ khắp. Chữ "hà" trở xuống là nêu y. Trong văn lược nêu chỗ trống, hoặc theo Sớ chép: "Như chỗ trống, chỗ vắng, cỏ rậm, đinh cọc, đều chẳng phải lâu bền, không nên nương theo (vũng nước, đống phân, gai góc cũng vậy). Chữ "tất" trở xuống là đến việc dùng nhà, ban đầu nêu chung, chữ "hoặc" trở xuống là bày riêng, ban đầu rõ tạm dùng. Không nghĩa là chỉ cho hư không làm tướng. Ngại nghĩa là dùng vật làm tướng, do vật cách nhau, chỗ trống có thể phân biệt, cho nên nói rằng "hai phần". Chữ "tất" trở xuống là rõ lâu bền, y theo bộ khác là sinh sau Thiện Kiến, tám loại bộ khác đều có phần lượng, ở văn dễ hiểu. Nạn ấy, là lược giải thích. Man, đá hai thứ, y cứ theo luận, chữ man là từ nước, nghĩa là không có trụ góc. Tám tấc trong bốn ấy là y cứ lượng quá nhỏ, sợ có tổn gẫy, chỉ có thể tạm dùng, quyết làm bền lâu thì phải chọn lớn. (tờ 205)

Thứ ba, bốn, năm, thôn là chỗ có người qua lại, hẳn không hoang phế. Luận nói rằng: "Cùng đường là không được" (tột cuối con đường).

Thứ sáu, bốn tháng là trong ba thời nêu một, lâu không khô cạn, tướng không mất, cho nên Luận lại chép: "Nước sâu hai thước được làm".

Trong phần thứ bảy, nhóm đất thành gò gọi đó là núi đất.

Thứ tám, nước tự nhiên là chẳng phải tạo tác. Luận chép: "Nếu dẫn nước vào ruộng, hoặc đầy không được. Chữ "chuẩn" trở xuống là hội thông, chữ trưng là chứng. Thành hào, v.v... như trên đã nêu. Núi, đá, khe, mương, rừng cây, tường vách là vật bền lâu, Luật chỉ nêu chung không nói phần chừng, phải luận chứng đó. Nhưng trong luận, đường sông, ao nước cũng khó y cứ, cây nhọn, gò đất đâu là vật lâu bền. Nếu nay hành sự chưa thể nương hoàn toàn.

Trong treo bảng, nếu y cứ văn nầy nên ở sau kiết, muốn rõ tiêu tướng là chỗ nương của giới, truyền cáo đến sau, phải giữ cho lâu bền, cho nên đối với tướng sau chuẩn bị mà nêu. Không nghi lạm, là quyết không bảng tướng dễ sinh nghi lạm. Chỗ kiết sinh nghi, văn y cứ càng rõ, giới hình văn lược chỉ rộng như bộ khác. Nay phải dẫn luận bày danh tướng kia.

Luật Thiện Kiến nói có năm món: 1- vuông. 2- tròn. 3- Hình trống. 4- Hình bán nguyệt. 5- Hình tam giác.

Luận Minh Liễu có mười bảy; đều gọi là biệt trụ (tức giới, tên giới): 1- Dài tròn (địa thế hẹp dài, hai đầu đều tròn). 2- Bốn góc (hình vuông). 3- Sóng nước (tướng nêu cong gãy như sóng nước). 4- Một núi. 5- Một vách núi (tùy hình thế núi hay vách lấy đó làm tên bờ ranh giới). 6- Hình bán nguyệt (nửa mặt trăng). 7- Tự tánh (tức chỗ lan-nhã, (tùy phần chừng của đất). 8- Vây tròn (giữa riêng kiết nhiều giới, ngoài có đại giới vây quanh như núi Thiết vi vây quanh bốn thiên hạ). 9- Một cửa (sợ nhiều giới đồng một cửa). 10- Phương độ (tùy cảnh giới của nước, ấp). 11- Tứ sương (bốn bên đều có nhà, ở giữa đất trống). 12- Hai sợi dây (như trước).13- Tỳ-kheo-ni. 14- Ưu-bà-tắc. 15- Tường vách. 16- Tròn (đất ấy tròn đầy). 17- Điên cuồng. Trong đây: năm thứ một, hai, ba, sáu, mười sáu, là y cứ địa hình. Chín thứ bốn, năm, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười lăm, là y cứ chỗ kia. Ba thứ mười ba, mười bốn, mười bảy, là y cứ người riêng ở bất luận hình tướng.

Hỏi: Hình và tướng của giới đồng khác thế nào?

Đáp: Nếu đối văn trước ba món nêu, thể, tướng, môn đây khoa trên liền là nêu kia. Kế rõ hình giới tức đồng tướng trước, tìm đó có thể biết, xướng tường lìa lỗi.

Trong bày lý do, ban đầu nêu không có hai chỗ, thời chỗ làm

nhiều. Chữ "tiên" trở xuống là răn nhắc cần biết trước không cho làm ẩu, giả mạo.

Trong xướng ngoài, ban đầu nêu nguồn lỗi. Chữ "như" trở xuống nêu ra tướng lạm, chia làm ba: Đầu tiên là bày pháp xướng kia. Chữ "hướng nam" trở xuống là thứ hai, tìm lỗi lạm. Đây y cứ của chùa ngay giữa tường vách, cho nên có lỗi hai xướng trong ngoài, như sau trong bản đồ đã nêu, quyết như cửa chùa bằng tường trong ngoài cũng không lỗi nầy, tùy chỗ rõ đó, không hẳn đều như vậy. "Cố tri" trở xuống là ba giáo đúng như pháp, tùy cong xướng kiết, sau khi hành pháp không có lỗi riêng chúng, thì không hối hận. "Diệc" trở xuống là ngăn lạm, nhưng khi hành sự nếu tường rào do cong rất xa, cần lập tướng nêu từ chỗ A đến chỗ B, nếu phần chừng rõ ràng ít có quanh co, e thành phiền lụy.

Lược chép: "Tùy chỗ cong gãy cũng không có lỗi, nhưng khiến người xướng và Tăng đồng pháp hay biết chỗ kia". Gần đây có người chấp thước tấc, đưa vào trong tướng quá thành vụn vặt, không cần phải như vậy.

Trong xướng trong, ban đầu nêu ra xướng kia. Chữ "tiện" trở xuống là tìm lỗi. Ban đầu gồm nêu, chữ "như" trở xuống là giải thích riêng làm ba: một, là giải thích riêng chúng, do dữ dục ra ngoài giới mất pháp thành riêng chúng. Chữ "nhược" trở xuống thứ hai giải thích phá hạ. Nương giới ấy, đối không giới nương già-lam thì không có lỗi nầy. Chữ "ngôn" trở xuống là thứ ba giải thích lìa y. Dùng giới tự nhiên hộ y cũng không có lỗi nầy, cho nên y cứ tác pháp y giới mà rõ.

Chữ "cố" trở xuống là kết bày. Trong lan-nhã, thời nay lập tướng nêu vật xa nhau, giữa không nương tựa, xa chỉ, thầm xướng, rất phù hợp với trách móc. Tự gánh nghĩa là gánh tội, tức phi pháp, tội đột-cát-la, trái giáo tuy tội khinh mà kết nghiệp càng nặng, tức như sau nói rằng: "Tự lui sụt và khiến người lui sụt".

Trong dẫn giáo bác bỏ, Liễu Luận chép: sóng nước một trượng năm thước, nghĩa là tiêu đá cách nhau, chẳng gọi là cao, thấp, dài, ngắn. Chữ "tịnh" trở xuống là chánh bác bỏ. Đầu tiên nêu chung hại tổn. Chữ "thoát" trở xuống là nêu riêng thọ giới, giải thích thành. Trong tổn rất nhiều cho nên hai câu trên là giải thích làm người khác lui sụt. "Tự" trở xuống hai câu là tự mình lui sụt. "Cố" trở xuống là dẫn chứng khiến tin, tội khuyên giữ tâm.

Trong người xướng, luật dạy là người cựu trụ, một bề lại y cứ người rành rẽ chọn phương hướng, y theo Nghiệp Sớ chép: "Luật chế

người có khả năng xướng tướng đâu cuộc hạn chủ khách" đây là luận chung, vốn có thể nương theo. Chữ "vị" trở xuống là bày người xướng, phương tiện xướng (cách xướng), cốt yếu ở chính thân thấy, không chỉ là văn tụng.

Trong định đầu tiên, trước bày pháp. Đông nam là trước tiên. Vả lại y cứ môn phương nầy phần nhiều là hướng Nam, còn các hướng khác tùy chỗ sửa đổi, không nên nhất định. Nếu y cứ luận chung thì bất luận phương góc, nhưng theo cửa chùa phía góc trái phát đầu có thể làm tiêu chuẩn nhất định. Tương đương là đầu đuôi lại hợp. "Luật" trở xuống là ngăn lạm, sợ chấp văn luật mà ngại hành sự, cho nên dùng khởi phương thì bốn góc không phân, khởi góc thì phương góc đều bày. Lại phương mặt thông nạn khởi vì không chỗ theo.

Trong xướng chỗ trống, cần phải khởi lập ấy là khiến chúng thấy nghe. Không xưng tên ấy, do yết-ma nên xướng e lạm làm riêng, cho nên y cứ theo Nghiệp Sớ chép: "Cũng có nêu tên, nghĩa cũng thông được, đâu chẳng thành tăng", cho nên biết không cuộc hạn.

Trong tướng bốn cây, nêu pháp, bày tướng, tùy vật, tùy sửa đổi, không cần có cây. Phi mậu, dụ như lầm lẫn. Trong pháp thành ấp, duyên trước nghĩa là lễ tăng, v.v... văn tướng y cứ trong bản đồ sau. Tướng lớn là pháp rất dễ thấy. Thời nay chép tướng lại theo lựa chọn cốt yếu tùy hướng cửa, hướng trước là đi ra, đến sau là vào, trái bỏ gọt là trên, phải bỏ gọi là dưới. Lại chỗ khởi góc thì nói rằng theo đây, còn chỗ khác thì không chấp. Tuy chẳng phải ý của Sao, đối sự dễ hiểu, nghĩa cần y cứ theo mà dùng.

Ba lần nói: Luật không có quy chế nhất định, Sớ chuẩn thọ sám lời xin phải ba lần, do đều là duyên trước yết-ma đã nêu.

Khoa kế, là năm môn ba môn ấy, nay cũng theo dễ, đến ở mà đông xuyên hạn đầu, vào trong hạn xướng suốt đến chỗ nầy, lại xuyên hạn ra ở sự, xét phiền ở nghĩa không lỗi. Chướng ngại xuyên tường cần xướng tên chùa có chỗ lựa riêng, hoặc tường chùa chẳng phải một lại thêm phương gốc, tên riêng nêu khác.

Trong phần nhóm tăng, khoa đầu trước nêu ra chánh giải. Lại thứ hai, ban đầu rõ nêu hẹp giới rộng. Chữ "nhược" trở xuống, thứ hai là nói theo nghĩa giới hẹp. Chữ "Tăng" trở xuống là theo dẫn chứng, theo nêu không nghi ngờ. Tránh nạn, thứ tám kia chép: "Các Tỳ-kheo một trụ xứ, ngày tiền an cư, hậu an cư đã qua có nạn sự khởi, hoặc giặc, hoặc nạn vua, hoặc đoạt mạng, hoặc phá giới, hoặc nước nhiều côn trùng lọc không được sạch, muốn đến tinh xá khác lánh các nạn này cho nên

thỉnh kiết. Chữ "hữu" sắp xuống là bác bỏ phi, đầu tiên nêu ra chấp kia. Chữ "Tăng" trở xuống là kia do rõ văn là ngại cho nên giải thích rộng. Vì nạn duyên ấy, rõ chẳng phải thường có. Sợ chướng ngại là chỗ nhiếp đã rộng, tình lại không đồng (xưa ghi dối rằng: "Cổ Sư cho là luật Tăng-kỳ nói nạn duyên là Tỳ-kheo" tội ác là sai). Chữ "chuẩn" trở xuống là chánh bác bỏ, nhưng bày không y cứ. Nói y cứ theo lý, Sớ chép: "Tuy ở ngoài tự nhiên chẳng phải riêng chỗ thâu, nhưng trong văn tác pháp nêu chung bên trong, nghĩ thành hai đồng. Lúc xướng lúc kiết riêng chúng ở trong, Luật không chỗ khai, đâu được chẳng riêng.

Khoa kế, trong thôn giới, trong thôn không nhóm, là nói theo kiết rồi, đầu tiên kiết cần nhóm Ni giới, hai chúng tăng ni đều không đủ nhau, xen kiết không ngại. Trong tăng giới khiến không ra ngoài giới là tự nhiên không thuộc về pháp địa của người, cho nên xướng trong là giữa lưu lại tự nhiên. Chữ "như" trở xuống là nêu dự như ở trước đã giải thích.

Trong phần không thọ dục có ba nghĩa, đầu tiên y cứ kiết pháp đối yết-ma trước nói về chế hưỡn, gấp, có khai, không khai, Nghiệp Sớ tiếp tục rằng "Các pháp khác là cuối của chúng đồng và nương sau khởi". Hai giới yếu, là dục pháp vốn khai thành đồng giới chúng pháp yết-ma, địa đã không cao siêu, thì dục sẽ dùng vào đâu, nghĩa đây chỉ trừ kiết giới, còn các pháp khác tự rõ. Sớ chép: "Tự nhiên vốn yếu, Tăng sự không làm (đây rõ chế chung các pháp khác, không giải thích chữ khai kiết giới).

Không khai: một, là kiết dùng thông tăng giới vì các việc không lập, ở đây bạch nhị chính là khai trước (trên rõ kiết giới chùa có pháp dục để hiển bày không khai. Dưới nói dục vốn ứng tăng cần ở pháp địa không thông tự nhiên). Dục là vị duyên, phải nương tăng khởi, giới là tác pháp mạnh cho nên nhiếp đó (xưa ghi lầm giải không thắng dục yết-ma cho nên nêu bày). Hai, là khiến biết giới, nghĩa nầy hơn hết, văn y cứ lại hiển bày. Người khác không biết, nếu y cứ đồng pháp lý nên đều biết, hoặc cho sau quên, hoặc là sau đến, Tỳ-kheo chưa lập bảng yết thị đến đổi cả duyên đây (chỗ kiết khởi nghi văn đây càng rõ).

Trong gia pháp, khoa đầu chỉ đáp kiết đại giới ấy là pháp kiết có một không chọn lựa, cho nên không cần lại thêm lời bạch nhị.

Trong bạch yết-ma, trong Luật vốn không có chữ " tác". Tùy Cơ yết-ma và bổn cũ chép sao đều không có nhất định là do người sau vọng thêm vào, dầu không hại lớn, nhưng duyên thành thêm lạm.

Trong giới có tràng, nói giới tràng là thọ theo các pháp phần nhiều

làm ở trong đó. Sớ chép: "Giống các sân bãi ở đời, đâu chẳng là nhóm kiết phẩm, thâu xả thắng lợi.

Trong rõ bản đồ, nêu là giới đàn, nghĩa là ở trong giới tràng riêng lại càng theo phong tục cõi nước, nếu y cứ vào khai ban đầu chưa hẳn là có giới đàn, cho nên trong luật y cứ chung theo gốc chỉ nói là "Tràng".

Ba nêu trong ngoài tìm bản đồ có thể thấy. Trong bày ý, ban đầu nêu ý. Chữ "kim" trở xuống là bác bỏ thế gian, hai câu trên bác bỏ chung sự ngu tối, mờ mịt dụ cho không rõ. Chữ "hội" trở xuống là nêu ra tướng không rõ. Chữ "định" trở xuống là quyết phá. Chữ "tất" trở xuống là răn nhắc dè dặt, xét Phu Sở dạy rất rõ, người nào không học đến khi gặp việc lại chìm trong cái mê này, há chẳng phải thói luống dối chứa sâu, dẫu thầy giỏi thuốc hay cũng đâu trị được.

Nay lược dẫn bày mong nên sửa đổi, nghĩa là người chủ pháp, một tháng trước tự nêu giới tướng, dạy người khác thầm xướng tụng mà chưa hề mắt thấy, kẻ đồng ở đều không hiểu biết mà bàn đối chứng chấp văn gọi là chứng tướng, khi lên bỉnh bạch số chữ không sai lầm, so tai theo tiếng đâu biết phương đến, huống chi phần chừng tự nhiên không hề thấy lượng, làm tướng nhóm tăng đâu nghĩ đáng biệt. Thưa bạch thì khéo léo, màu mè không khác đào kép, bỉnh kiết thì dẫn lộng âm thịnh giống như đào hát, chỉ nghĩ sáng sớm tàn đêm, chỗ ngồi cao thấp càng lo chủ mới thù lao nhiều ít, dối đời như thế, thị phi một sớm, lầm đại duyên kia tự chìm muôn kiếp. Kẻ hậu học có tâm hổ thẹn rất cần răn nhắc.

Trong bản đồ, tướng đồ chánh ý chia làm ba nêu, giúp xướng pháp dễ thấy.

Thứ hai, lại bày trước xướng pháp không có giới tràng.

Thứ ba, là nói về tướng xuyên tường.

Thứ tư, là nói tự nhiên thể tròn.

Thừ năm, là tướng trông của giới tác pháp tự nhiên xa gần.

Thứ sáu, rõ theo cửa ra vào lìa lỗi.

Thứ bảy, hai tướng lớn nhỏ, giăng dây đóng cọc là nói lên một nêu hai tướng.

Thứ tám, lại nêu bày chung lớn nhỏ, không cần một khuỷu tay.

Thứ chín, rõ cách ở giữa, tuy vật có thể chia.

Thứ mười, rõ tường lớn xướng ngoài, không lầm hợp nhau.

Lược bày mười ý, bao nhiêu còn lại tìm đó.

Trong chú, ban đầu nói về tự nhiên, là do khi kiết giới tràng lại càng nêu ra Đông nam riêng lấy bộ lượng. Trong bản đồ không thể gồm

nêu, nên đặc biệt là điểm đó.

Trong xa gần, trước rõ tự nhiên. Chữ "nhược" trở xuống là bày tác pháp. Trong giới khác điểm bày đồng khác, chỉ có thể chia xóm làng một bề là khác. Bốn món khác rộng hẹp tuy khác, chung quanh thì đồng.

Hỏi: Trước định tự nhiên riêng giảm nửa, chỉ y cứ không thể chia riêng xóm làng, còn năm thứ khác thì thế nào?

Đáp: Sớ chép: "Một đây đã vậy, bao nhiêu giới tự nhiên khác lớn nhỏ bèn khác, lệ có thông cuộc, đều y cứ một nửa (giới khác đã chia, cùng luận là không, đều một nửa là cuộc hạn), nhưng có thể chia xóm làng chỉ là một cuộc hạn không chung, do tăng ở ngoài đã chẳng đồng nhóm tự có giới riêng, còn bao nhiêu đều đồng chỗ, đều một nửa có thể biết.

Trong phần giải thích, tướng giới tự nhiên không cần quyết định phải tròn, là bày biết tướng riêng. Trong giới tràng có ba: 1/ Bày thể giới tràng. Chữ " trung" trở xuống là thứ hoa rõ giữa cánh giới tự nhiên, hai câu đầu nêu chung, chữ "đông" trở xuống là trước bày Đông bác. Nói bên dưới ấy, dưới tức mé tường, biên nghĩa là mặt đất. Kế là rõ Tây nam, đầu tiên bày nêu dọc. Nói rằng thước tám ấy là không hẳn. "Có thể biết sau Tây nam" trở xuống là nói kiết rồi thì tác pháp, nếu luật nói tự tứ tức cần thông nhóm ở giới tràng kia. Sau là thứ ba, bày tướng ngoài giới tràng. Trong tướng đại giới, đầu tiên bày tướng trong, đặc biệt bày Tây nam hợp nhau khiến biết tướng lỗi. Chữ "hựu" trở xuống là sợ tránh xen hợp mà xuyên tướng xướng tâm, cho nên ở đây ngăn ngừa.

Trong kết bày, hai câu đầu là kiết trước, một duyên ấy là chỉ chung đồ tướng. Chữ "tác" trở xuống là bày bất định. Chữ "nhược" trở xuống là nói phải lập. Trong pháp kiết, đầu tiên là nói trước sau, do xưa truyền nhau "sai kiết giới tràng", người vẫn chấp xưa cho nên quyết phải phá.

Trong dẫn y cứ, trước dẫn luật Ngũ phần, hai câu trên là bày chánh giáo. Chữ "nhược" trở xuống là rõ kiết đảo ngược. Trước kiết đại giới ấy là bày quên lầm. Phải xả là giải hai giới. Lại kiết trước là giới tràng, chữ "canh" đọc khứ thinh, trông lại trước, cũng có thể là bình thinh là sửa đảo lộn ở trước. "Sau đó" trở xuống là đại giới. "Tỳ-ni" trở xuống là lược chỉ hai luận, đồng cho nên không dẫn. Quyển thứ nhất, Mẫu luận chép: "Kiết pháp giới, trước kiết tiểu giới, sau kiết đại giới". Lại nói rằng: "Nếu quên kiết tịnh địa, giải rồi thứ lớp kiết, v.v..." (tông kia đại giới khai chung tịnh địa, cho nên kiết riêng tiểu giới để làm tịnh

trù, mà thứ lớp kiết giải rất đồng với ở đây). Luật Thiện kiến tìm văn chưa được, sau trong giải giới trích dẫn trong "Năm trăm" văn cũng đồng ở đây.

Trong bác bỏ phi, tức Quang Sư yết-ma, sau chấp duyên khởi lập thứ lớp kiết. Cho nên Sớ chép: "Văn luận tuy có trước sau do duyên khởi, cho nên không liền do đầy rõ cách thức kiết, lý như luật Ngũ Phần không thể nương người". Lại, Đàn kinh chép: "Nếu trước kiết đại giới, sau kiết giới tràng, y cứ pháp nào chế để chia hai giới, tuy dự khai không gian (chỗ trống) cuối cùng là chỗ không pháp". Trong Sao phá thẳng rằng "không đọc, v.v...".

Hỏi: Trong quyết, trước tuy hơi bác bỏ, nhưng chưa định thành chăng, vẫn còn sợ vọng chấp, phải càng bày rõ?

Đáp:Văn chia làm hai: 1- rõ kiết trước được thành. Văn đã dạy xả tức hiển kiết thành. Sở dĩ vậy là xướng kiết không trái. Chữ "đãn" trở xuống là thứ hai rõ pháp sau không thành. Cho nên vậy là trái pháp chế. Chữ "ngũ" trở xuống là dẫn chứng. Lại thứ hai, ban đầu rõ cố trái không thành. Chữ "hựu" trở xuống là rõ không biết nên chấp nhận thành. Nói không biết, nghĩa là người thưa kiết chưa xem giáo, cho nên ở sau vừa biết liền không thành pháp, nhưng là ngu giáo phải thêm hai tội, hoặc có thể sau người hành thọ không biết vốn kiết mất thứ lớp, y cứ tâm chấp nhận thành. Chữ "lại" trở xuống là bày ý uốn cong khai cho may mắn ấy, Sớ chép: "chẳng chia gặp phước".

Trong chỉ bày phi, ban đầu nêu chung, chữ "hoặc" trở xuống là bày riêng. Kế nêu bốn món, ban đầu: trong giới không nhóm, nghĩa là trong phạm vi của giới tự nhiên có lỗi riêng chúng, tức nhiên là phi. Gồm xướng tức đến trong giới tràng xa kiết đại giới, gọi là sự phi. Thứ hai là: Nội giới tức đại giới, không nên xướng chung. Chữ "cập" trở xuống hai món đều là sự phi. Thứ ba, có thể biết. Trong thứ tư, không xướng nội tướng, tức hai giới lầm hợp.

Chữ "thử" trở xuống hai món đều là tổng kết. Hai câu trên bày phi, chữ "cố" trở xuống nói là (đúng). Đương giới ấy, là đại giới, giới tràng riêng tự cuộc hạn. Trông kiết giới tràng, tướng và yết-ma điều nói rằng "Tiểu giới" lá đối ngoài, ở trong đại giới nên gọi là Tiểu. Chữ "dữ" trở xuống là tên ba tiểu giới đồng tướng riêng.

Trong kiết rồi chỉ đem bốn năm người qua kiết đại giới ấy, một phen qua, vả lại bày hai chỗ giới riêng biệt không ngại nhau. Nếu y cứ không khai thuyết dục cốt yếu biết giới tướng, lý cần biết đến hết. Kế, trong xướng tướng kiết đại giới, xướng chung riêng ấy, biệt tức trong

ngoài xướng riêng, xướng chung nghĩa là theo một lược hợp xướng. Nếu người hành biệt xướng, trước ba lần xướng tướng trong rồi kết rằng "Đây là tướng trong của đại giới ba vòng đã rồi", lại kế ba lần xướng tướng ngoài rối kết rằng "Đây là tướng ngoài của đại giới ba vòng đã rồi", rồi sau kiết chung rằng "Đây là tướng trong và ngoài của đại giới ba vòng đã rồi", không cần đồng, sau nói rằng kia đây v.v... do là biết xướng không lạm nhau, cho nên văn tuy nêu ra pháp chung mà biệt xướng lại dễ, nay nên theo cách xướng riêng.

Trong chánh rõ, ban đầu gồm nêu. Chữ "tiền" trở xuống là biệt xướng, ban đầu xướng tướng trong. "Kế" trở xuống là thứ hai xướng tướng ngoài, đều có nêu xướng, kiết ba đoạn, lời tiêu kiết thông cần phải nêu xướng. Chữ "bỉ" trở xuống là song nêu tổng kết. Chữ "như" trở xuống là xướng rồi thông cáo.

Trong yết-ma, nêu duyên thêm giảm, rõ là thêm hai chữ trong và ngoài, mà nói đủ một chữ ấy là chưa rõ lý do. Có người nói rằng: "chữ ngoài nghĩa không vốn có thì chẳng phải thêm". "Nếu cứ" trở xuống là chỉ bày không cần thêm, do thể đối với tướng đều là không ngoài.

Trong ba tiểu giới, nhóm tăng chia làm ba: 1- Nêu duyên bày khác, chữ "Như" trở xuống là thứ hai, chánh bày xa gần. Bảy bàn đà ấy, như trong nhóm tăng, lan-nhã có nạn, chỉ kiết ba tiểu giới xin không nên nghi. Chữ "cố" trở xuống là hiểu đồng luật luận để rõ có thể chấp. Luận nói khác với ý ấy là ở ngoài bảy bàn-đà được làm Pháp sư. Luật chép: "Người không đồng ý chưa ra khởi giới (nghĩa là ở bổn giới) cho ở ngoài giới mau mau nhóm một chỗ kiết tiểu giới thọ giới", danh tướng phù hợp nhau cho nên nói rằng không khác. Chữ "tịnh" trở xuống là thứ ba, bày chỗ kiết. Trên rõ khai nhân, chữ "do" trở xuống là giải thích lý do. Huỳnh là xa, xa nên khó đến, trống cho nên dễ thấy, xóm làng trái với đây, không khai có thể hiểu.

Trong không tướng dọc, chánh nghĩa chia làm hai: Trước bày hai giới cần tướng. Chữ "thử" trở xuống chánh rõ ba tiểu giới không lập. Ban đầu y cứ duyên rõ không. Có nạn nghĩa là không đồng ý. Ngăn làm tức đến vỡ, dừng. Chữ "tùy" trở xuống hai câu là ấn định thể lượng.

Khoa kế, trong nghĩa xưa, đó là thọ giới ra khỏi chúng hỏi nạn, vào chúng chánh thọ, quyết ở trong giới cho nên phải lập tướng, còn hai thứ khác không phải như vậy, cho nên chỉ tùy thân. Sớ dẫn xưa nói rằng: "Và làm tướng thọ giới như chuôi bàn ủi". Trong thị (đúng) hỏi nạn là đúng.

Nay trong phá, ban đầu chia làm hai, ban đầu văn bày ngại, rõ

không thể lập. Chữ "thử" trở xuống là bày đồng, rõ ràng chẳng phải khác. Khoa kế văn dẫn, tức văn nêu duyên trong ba món pháp kiết. Ban đầu tức văn trong thọ giới. Một chỗ ấy, Sớ chép: "Biết không ngoài giới". Giữa nói rằng: "Tức văn nói giới". Ông bằng lòng nhóm ấy, Sớ nói rằng: "Biết số người ngoài không giới". Sau tức văn tự tứ. Đều ngồi chỗ ấy, Sớ chép: "Biết ngồi ngoài chỗ chẳng phải giới". Chữ "văn" trở xuống là bày chung. Chỉ cho ở đây, nghĩa là ba văn trên đều y cứ chỗ ngồi.

Trong phần ngăn lạm, dùng văn Tăng-kỳ là chỗ y cứ kia, cho nên phải giải thích. Văn nêu ra thứ tám, kia rõ, Tỳ-kheo phạm dư cầu sám hối, do đại giới khó nhóm, hoặc sợ nhẹ tăng, cho nên ra ngoài giới làm. Đến ngoài giới ấy tức chỉ giới tràng do cách giới tự nhiên, nên nói là "ngoài". Không giới tràng mới ra ngoài giới kiết riêng. Văn nói rằng, tức là pháp kiết kia. Kia nói rằng: "Đại đức tăng xin lắng nghe! Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho Tăng ở chỗ nầy..." tức xét đồng với Tăng, v.v... ba câu.

Chữ "thử" trở xuống là quyết phá, câu trên là buông, hai câu dưới là đoạt. Câu trên chỉ loại giới tràng do tên chung. Câu dưới nói chẳng phải ba tiểu giới, vì chẳng phải nạn. Chữ "Tứ Phần" trở xuống là chất kia mê tên.

Trong hành sự, đầu tiên nêu ra chánh nghĩa. Ngoài giới hỏi nạn thọ pháp rõ văn. Tùng tọa là trước sau hai bên thân liền nhau và chẳng phải gọi là vòng tròn khiến giữa trống. Đủ khai ấy, là đủ có thể dung nhau. Sớ chép: "Mười người dung thông khai nạp ở giữa, hẳn nửa thân ấy, nêu một phần để so sánh toàn bộ. Luật Thập Tụng chép: một Tỳ-kheo một chỗ ngồi, đủ bốn chỗ Tăng tác pháp, chứng nay nửa thân liền thành đồng giới. Luật Thiện Kiến chưa rõ văn gì. Đây định nghĩa ấy, Sớ chép: "Hành sự như thế, trong y cứ Phật dạy, ngoài y cứ phàm quở", tăng có công trao pháp, trước xin không luống nhận. Chữ "tất" trở xuống là thứ hai bài bác bỏ pháp. Trấn là yểm. Sau chỉ nghĩa Sao văn thất lạc, nay thất nghiệp Sớ phá lập rất rõ.

Trong nói tự tứ, ban đầu nói thuyết giới. Ban lành đồng thầy, là chẳng phải không đồng ý. Dưới đường là dưới con đường tất lan-nhã. Khiến gần nhau là phải có không gian, chẳng phải một giới, tự tứ ngồi vòng tròn bày tướng có thể biết. Chữ "thử" trở xuống là song kiết, thông thể quyết bền chắc, chỉ trong pháp kiết vì việc ít có cho nên lược, ấy chẳng có sao. Nay lược dẫn, văn nói giới văn rằng: " Đại Đức tăng xin lắng nghe! Nay có chỗ cho Tỳ-kheo nhóm họp, nếu tăng phải thời mà

đến, tăng bằng lòng cho kiết tiểu giới, tác bạch như vậy, yết-ma y cứ mà biết (hai thứ khác duyên tướng như đã dẫn ở trước).

Trong chỉ bày ba món khác, ban đầu nghĩa là một chỗ có ăn không có pháp, một chỗ có pháp không có ăn, đều giải rồi đồng kiết, tự tha giúp nhau gọi là hai món pháp, thực đồng giới. Thứ hai nghĩa là cả hai đều có ăn, một chỗ có pháp, gọi là giới pháp khác, ăn đồng (hai giới nầy và hai món nhân, pháp đồng ở biên, tức là ba món đại giới). Thứ ba, nghĩa là cả hai đều có pháp, một chỗ không có ăn gọi là giới pháp đồng, ăn khác. Chữ "vị" trở xuống là giải thích riêng thứ ba. Ban đầu bày ý khai. Nói giữ gìn là không để cho Tăng chỗ kia tan rã, chùa hoang phế. Bốn phương xướng hòa, là nói lên chẳng phải kiết giới mà trước nêu rằng ba món giới là do lợi dưỡng thông nhau, nghĩa đồng một giới. Sau chép: "khai ý kiết" cũng đồng đó. Sớ chép: "vốn chẳng phải kiết giới, do trước đồng khác cho nên có việc xảy ra. Chữ "mạt" trở xuống là tổn hại nay không làm, đãi là sắp. Chữ "tất" trở xuống là khuyên khiến tôn thờ.

Trong giải, pháp không có giới tràng để giải. Trong kết quy, chữ thính hoặc giữ, hoặc bỏ, tranh luận rần rần, nhưng chẳng phải giềng mối, bỏ đó không khắp, so các yết-ma đều không có lời này, nghi là văn luận truyền chép lầm.

Kế trong giới có tràng, ban đầu bày trước sau. Trái pháp kiết trước. Trong giải đại giới, ban đầu rõ hỏi đáp sợ cho là hai giải vọng làm không đáp, cho nên lại y cứ theo chú yết-ma, hai pháp kiết giải không được đáp chung, do giải thì ở pháp địa, kiết thì nương giới tự nhiên, quyết nương thứ lớp mà giải, người nương giới thực, lý được đáp chung. Chữ "nhược" trở xuống tức chỉ cho giải trước vì chung pháp duyên.

Trong giải giới tràng, bày chỗ giới ấy là vì dứt hành lạm. Trong phần bỏ xưa, nói luật không có ấy là truyền dịch lầm sót. Chữ "cố cựu" trở xuống là dẫn xưa. Sớ chỉ cho Quang Sư, Đàm Đế vốn cũng vậy. Chữ "kim" trở xuống là nói chẳng phải do đại giới trước, nêu hai món đồng giải lập giới tràng vốn chẳng phải nói tự tứ, lại chẳng phải trụ xứ, cho nên trước kiết không nêu, sau giải nào được xưng đó. Trong Sớ lại nêu cái thấy khác dùng ba tiểu giới giải, phá rằng: "Ba tiểu giới không có tướng, một tòa tác pháp làm sao giống đó". "Nay y cứ" trở xuống là hiển chánh, y cứ việc nạn ấy, tức là tiểu giới, nếu vậy cũng thấy khác nào khác gì, kia dùng văn giải pháp, nay y cứ nghĩa dịch tướng, cho nên khác nhau.

Trong tạp tướng, đầu tiên là dẫn Thiện Kiến trước nói chẳng phải

trụ xứ tăng, loại bỏ những thứ khác, trải qua giải ngược. Hoại âm quái, là hủy. Chữ “hoại” là nói chỗ lập giới tràng.như tế đàn ấy, cũng như cung quán tiếu đàn (đàn cúng tế). Chữ “ngũ” trở xuống là chứng ở chỗ trống.

Trong giải ba món tiểu giới, nói đồng trước tức là việc ít có, nay lược nêu ra, Văn chép: “Nay có Tỳ-kheo ở đây nhóm họp giải thích khác, y cứ giáo rõ định cho nên lấy giải trước. Đầu tiên trong cái thấy lập lý, trước rõ lý do pháp khởi, hai pháp tác và vô tác đối đãi nhau, đâu được có tác mà vô tác ư? Thiện hành ấm là năm ấm nhiếp pháp, đây là tạo tác, cho nên thuộc hành ấm. Hành thuộc ba tánh, đây thuộc thiện tánh, hành tức là tâm, tâm động thành nghiệp, cho nên Sớ chép: “Chỗ kiết ban đầu, chẳng phải tâm không khởi, đại là y báo đâu được không theo, tùy nghiệp lực tâm có pháp nương đất, v.v... chữ “thử” trở xuống rõ khắp chỗ, chữ “phi” trở xuống là bày pháp thể khôn cùng. Đất liền là sắc và phi sắc, ký và vô ký tánh không hợp, cho nên đều đến nhau, ấy là giới, là sắc pháp vì nghiệp riêng sắc khởi.

Trong dẫn chứng, đâu tiên dẫn hai đoạn trước sau. Đoạn trước lại chia làm hai, một giới đầu là chứng trên không nối liền với đất, vì đào bỏ đất cũng không mất. Ở trên đó làm nhà riêng thêm vật ngoài cũng đồng giới.

Nói mé nước là dưới thổ luân có kim luân, dưới kim luân có thủy luân, dưới thủy luân có phong luân, ngoài phong luân là hư không, pháp tột kim luân nên nói là mé nước. Do giới nương chỗ cứng chắc, tướng nước nổi bồng bềnh chẳng phải vốn trong mong, cho nên ba lớp nhà vả lại nêu một tướng, nhiều tầng cũng vậy. Văn kia chánh là khởi làm lầu ba tầng, thay đổi lời kia. Chữ “nhược” trở xuống là chứng trên thảy đều đến nhau, ban đầu là văn luận trở xuống tức ý dịch của người sao. Câu trên là bày giới thể, nêu tướng hạn cõi là sở đối của mắt, cho nên xen không thông nhau, là chướng ngại, vì vậy giới có hai nghĩa, cho nên nói rằng sắc pháp (có đem chữ Pháp để ở dưới, đọc ngược thành phá câu). Chữ “cố” trở xuống là kế dẫn đoạn sau, cũng rõ xứ hủy mà pháp còn, chứng thành có pháp. Chữ “mé nước” trở xuống là lược biết một câu nơi chốn kia, luận vốn đủ đó, thì rõ chẳng biết không thể tác pháp. Chữ “chuẩn” trở xuống là kết chứng nghĩa trước.

Kế, trong phần chê không có pháp chia làm ba, đầu tiên đưa ra chấp kia. Nghiệp Sớ dẫn rằng: “Gọi năng tác là tình, sở vi là phi tình, nào có pháp khởi ai nhận lãnh phiền não, cho nên biết chỉ là y cứ giới chỗ nhóm, vẫn dẫn văn y cứ như Sao đã bày, đây tức năm hiện tiền

trong diệt tránh. Thế nào là Pháp hiện tiền? Chỗ giữ pháp hiện tránh là đây. Thế nào là Tỳ-ni hiện tiền? Tức chỗ giữ Tỳ-ni diệt tránh. Thế nào là nhân hiện tiền? Là nói bàn qua lại. Thế nào là tăng hiện tiền? Là người nên đến đã đến, v.v... giới như Sao đã dẫn, chữ "thử" trở xuống là điểm giải thích lầm kia. Chữ "tát" trở xuống là dẫn văn chấp vấn phi. Bà Luận, luật Ngũ Phần đều nói về cộng giới, chẳng có người nào đâu chẳng có pháp. Khoa trước, trong lựa chọn dẫn đủ, cho nên lược chỉ. Sau dẫn kinh làm chứng, văn nghĩa càng rõ, như mê đất nghĩa là không tác nghiệp tướng thiên nhãn thấy được. Đàn kinh chép: "Đất kiết giới, tùy hạn kia cõi đến lớp kim cương luân, tuy trải qua kiếp hoại, nhưng vẫn không bao giờ hư".

Thứ tư, trong nói về phi pháp. Ba câu đầu là bày ý trọng, chỉ thuận trước ấy là văn sau tùy bày. Chữ " vị" trở xuống là bày phi tướng, ban đầu đến kết có ba phi, như khoa trước chọn hỏi đáp đã rõ. Chữ "cập" trở xuống là ba phi. Không nhóm Yết-ma như trong kiết giơi tràng ở trước, phương tướng như trong pháp xướng ở trước, cho nên nói rằng "trước nói đủ". Chữ " tịnh" trở xuống là kết chung, chữ "ngũ" trở xuống là chứng riêng, gồm buộc các phi không đưa ra bốn món, lầm hợp, cách nước, phương tướng cả ba đều là sự phi. Lại kiết là xứ phi, không nhóm là nhân phi, yết-ma là pháp phi.

Trong lỗi bỏ xả quyết y cứ tác ý bỏ đi, sau càng không lại, không một người trụ mới gọi là mất giới. Sớ chép: "Dẫu chẳng tác pháp nghĩa Tăng dứt", cho nên lại dẫn kinh Văn-thù Vấn rằng: "Thậm chí có một ưu-bà-tắc ngủ đêm ở đó, đó gọi là không mất".

Trong văn trước dẫn luật Thập Tụng, nói phải tác niệm, cho nên biết chẳng khởi ý niệm thì không mất. Luận Trí Độ hạn tịnh một đêm cho nên biết chưa ngủ lại về đến cũng không mất.

Trong giải thích nạn, ban đầu hỏi, trước dẫn Thiện Kiến, đào đất, mé nước cũng không có tăng ở, đều nói không mất, rõ là trái nhau. Sớ chép: "Thiện Kiến, nước hết sạch, chấp tăng đều tan, há người nước sau đêm lại giữ giới ư?

Trong phần đáp, ban đầu y cứ tâm xả có hay không và không hề trái. Trong văn đều nói, tức là luật Thập Tụng và Luận Trí Độ. "Tứ Phần" trở xuống là chứng trước không mất vì không có tâm xả, văn nêu ra ở kiền-độ thuốc. Cho nên già lam ấy, rõ là chỗ hoang phế không mất tịnh địa, là rõ biết đại giới vẫn còn. Chữ " hựu" trở xuống, kia nói: "Tỳ-kheo không biết chỗ nào là tịnh địa". Phật đáp như trong Sao. Chữ " cố" trở xuống một câu là kết rõ hai văn (văn giải nghi, vốn xuất xứ từ

pháp thuốc, người có trí xét kỹ mới biết xưa lầm).

Trong tác pháp xả, nếu y cứ pháp nghi quyết cần thứ lớp xả, trước ăn, kế y, sau xả nhân giới, nếu nói về mất pháp chỉ xả nhân giới, ba món kia liền mất. Sớ chép: "Tuy vốn mất, chưa mất mà chẳng chánh thì loạn luân mắc tội". Nay nói đều xả, lời chung đốn tiệm. Nếu y cứ hành sự thì phải nương pháp tiệm. Năm món trong không mất:

1- Tâm ác: luật nhân có Tỳ-kheo muốn cho người khác được đồ ăn bất tịnh, cho nên giải tịnh địa, Phật nói: không thành. Đại giới không văn cho nên nói là "lệ chuẩn".

2- Nói rằng xen kiết, văn xuất xứ từ luật Thiện Kiến. Kia chỉ rõ kiết, nay y cứ kiết loại giải. Kiết đã thành cả hai, giải cũng không mất, cho nên Sớ chép: "Tăng Ni xen giải (xưa chép: kiết quyết trước giải là lầm).

3- Y cứ xả giới cả hai không đầy đủ nhau, cho nên xen kiết chung, giải cũng không thành.

4- Thứ tư có thể biết.

5- Như luật Tứ Phần trị cho nên già-lam nếu y cứ theo nghiệp Sớ thì nêu sáu món: Hai món đầu đồng như Sao, thứ ba dị kiến xen kiết, thứ tư tà chánh xen kiết, thú năm là bên giữa, thứ sáu là hợp bốn vá năm hai món ngày nay.

Trong phần chứng riêng, có hơi khác với văn Luận, nay dẫn đầy đủ. Kia trước hỏi rằng: "Hai chúng kiết giới được kết lẫn nhau chăng?

Đáp: Được (nghĩa là không cùng làm pháp) được cùng kiết (nghĩa là thọ giới, xuất tội, Tăng mi đồng pháp, Sao đổi lời kia cho nên nói rằng "không được kết nhau").

Lại hỏi rằng: Đại tăng được kiết giới với Ni chăng?

Đáp: Được

Nay Sao chỗ dẫn hai câu trên tức lời hỏi đáp sau. Một câu dưới tức là lới đáp trước. Sớ chép: không kiết nhau, e ra ngoài tăng chẳng thành đồng pháp.

THIÊN GIẢI THÍCH TĂNG VÕNG

Tăng tông sử nhiều như mắt lưới, thiên nầy năm môn như lưới, dùng năm môn nầy như giở lưới kia lên thì các mắt lưới đều theo. Từ dụ làm đề để bày chánh yếu, trụ trì nhiếp chúng, bỏ đây làm sao được. Vả lại thánh giáo giải bày tôn thờ đó rất dễ, như do nhân phi, tình chánh, nêu đó hoặc nạn có giáo không thì đáng thở dài.

Trong bày ý, văn ở đầu có bốn đoạn. Bốn câu trước nói phân làm

chủ chúng quyết vâng theo giáo pháp, một phương là nói chung chỗ mở mang truyền bá xa gần. Lập pháp thông là nêu ra sự nương giáo, các phương khác đồng vâng theo vì chiều theo tình riêng không truyền ra ngoài. Hai câu trên nói lập chế phép tắc cho người, hai câu dưới nói gặp việc xử đoán. Chữ "linh" trở xuống bốn câu là thứ hai nói lợi ích gần, nước xa cõi khác lời lặp việc có một, hoặc có thể cõi xa, chỉ gần là quận huyện, cõi khác chỉ xa nước khác, như tiếng tăm Tổ sư bay đến Thiên Trúc. Hai câu trên rõ ngoại khóa ảnh hưởng mạnh, hai câu dưới rõ nội hóa ngày càng lợi ích. Kiều nghĩa là ngẩng lên nhìn, thần tức là tâm, nghiệp tức là hạnh, tâm thần không tướng dạng cho nên an, cảnh cao quý duyên thanh tịnh, hành nghiệp mới tiến bộ. Chữ "nhược" trở xuống là thứ ba nói chúng phải theo hóa. Hai câu trên nói sự đề có thể nêu, hai câu dưới nói người không dám trái. Chữ "khởi" trở xuống là thứ tư bày lợi ích xa. Hai câu trên là tiếp ích gần ở trước, phát khởi văn sau, cho nên nói rằng "đâu dừng", tức là sạch. Hai câu dưới chánh bày lợi ích xa, đạo cùng hệ đều là chánh pháp của Phật, đạo làm sinh ra và lớn lên, cho nên dụ như cây, tuệ năng phá tối cho nên dụ như mặt trời. Phù sơ là diện mạo tươi tốt, Phương giống như sắp vậy.

Trong bày tổn trái lại bốn nghĩa trước, đầu tiên bốn câu trái với nghĩa đầu ở trước. Nêu ra hằng tình là rõ tự mặc tình. Nói không y cứ là nói chẳng phải giáo. Khoa Phật trở xuống là nói làm việc ác của thế tục. Chữ "Như" trở xuống là chỗ nêu trong môn thứ hai. Chữ "năng" trở xuống hai câu là trái với ba nghĩa khác ở trước. Hay làm sai trái là quyết gồm nhân pháp, nhân là chúng sinh, pháp là phi chế. Lời nói ổn loạn gồm có ba lỗi: 1- Người không theo hóa. 2- Không có lợi ích gần. 3- Không có lợi ích xa. Chữ "cố" trở xuống là dẫn chứng lỗi nặng diệt pháp và công sâu gánh vác pháp, người học biết vậy thì phải làm thế nào đây? Không gặp Phật ra đời là dự báo đời sau, địa ngục tức là sinh báo. Như tên bắn là nói sự mau chóng kia. Dẫn kinh Tam Thiên là nói tăng quyết nương pháp, đã thiếu đường tốt là vì nhóm ngu. Chữ "cố" trở xuống là y theo văn bày ý.

Trong thiên ý, đầu tiên là nói bỏ phi, trong đây san bổ khác nhau, chương sớ phiền rộng giải, nhưng vì người đời vọng làm phi chế kia, gọi là sót lọt. Chữ "Sử" trở xuống là nói đúng. Chế tức là năm môn sau, pháp sở lập đều khảo cứu ở giáo, nên nói là tương ưng, nghĩa là dụng của sự, đều thích hợp với thời cho nên nói rằng "đều hợp". Dụng nầy trong luật Như lai chế giới nói "biết thời hợp nghĩa", cho nên sau dẫn chứng. Nói tàm tạm ấy là lật quấy làm phải không thể thay đổi ngay.

Chữ nhược trở xuống là chỉ lược, bịnh hoạn tức lỗi phi pháp, làm cho pháp diệt nên nói là tổn giảm, tức năm môn dưới đều nêu ra phi tướng nầy.

Trong hóa giáo chép: thông đạo tục là lược bày hóa nghi. Chữ "hiển" trở xuống là chế giáo, chỉ cuộc hạn ở đạo. Sau dẫn ba kinh, ban đầu dẫn Đại Tập thông đạo tục trị, Kế trong Thập Luân chỉ nghe đạo tục không chấp nhận tục trị. Sau dẫn kinh Niết-bàn lại rõ đạo tục, sau lại dẫn văn vẫn chung hai chúng, quyết chung đồng khác lại nói ở sau.

Trong kinh Đại Tập, ban đầu nói Quốc Vương buông lung làm ác. Chữ "tất" trở xuống là hiển bày lỗi. Đoạn Tam bảo là che chướng chánh pháp. Đoạt mắt chúng sinh là tổn chánh khiến người khác giới thí diệt mất là tổn công đức của mình. Nói vô lượng đời là nêu xa nhiều để so gần ít, thì diệt mất có thể biết. Tu giơí, thí, tuệ là lược nêu hai món đầu trong sáu độ. Chữ "bảng" trở xuống là chỉ văn thấy hai mươi tám, chia quyển khác nhau. Kinh ấy chép: "Thà ủng hộ một Tỳ-kheo đúng pháp, chứ không hộ vô lượng các Tỳ-kheo tội ác", cho đến nói: "Nếu người hộ trì pháp, phải biết người này chính là đại đàn việt của Chư Phật, Thế tôn trong mười phương. Chữ "hựu" trở xuống là nói năm pháp trong văn đạo chúng tự trị. Ba món trên có thể biết.

Không đồng ở là hoặc không đồng tài pháp. Hoặc không đồng trụ xứ. Tẫn xuất là nói theo nước khác, vì ở Tây vực có nhiều nước nhỏ, trong đây châu, quận có thể đồng. Có pháp xứ, khiến cho đồng loại phải nghe, vì khiến sinh hổ thẹn sửa lỗi theo thiện. Chữ "trị" trở xuống là hiển bày lợi ích. Người làm an vui là hiển bày lợi ích. Phật pháp lâu bền là rõ lợi ích về sau, Nghiệp Sớ chép: cái gọi là lựa bỏ cỏ kê cỏ đề, làm cho mầm mộng thêm lớn không phải vậy ư? Mười vòng bốn đọan, hai đoạn trước nêu cái thứ hai, hai đọan sau nêu cái thứ ba. Lại trước sau đều nêu ra phi tướng liên tục.

Ba câu đầu ở trong đọan đầu là bày năng giáo không sót một vật (loài). Chữ biếng nhác trở xuống là bày tường độn căn có bốn: Hai câu đầu là loại lỗi, câu kế là lỗi không nhiếp niệm, "tham" trở xuống là ba câu lỗi không biết đủ, trong bốn việc trụ xứ nhiếp ngọa cụ, ăn uống, thuộc thuốc men. "Xa lìa" trở xuống là nói lỗi buông lung. Chữ như thị trở xuống nói về pháp khởi, xuất gia học đạo vốn phải tu trí, kẻ độn liệt không kham nổi, dùng sự lần dạy dỗ, lại khiến kiếm phước. Sau nêu Tam Bảo, hai thầy, là thắng cảnh sinh phước.

Ba câu đầu trong đọan hai là bày chỗ trị lỗi. Chữ "vị" trở xuống hai câu là bày rõ tâm năng trị, chữ nhược trở xuống là nêu tướng trị

phạt. Ban đầu rõ thầm răn dè cấm lỗi nhỏ, chữ hựu trở xuống là rõ đuổi, trị phạt tội nhẹ. Ban đầu phạt cần nói, khi chánh phạt thì không cho nói, vì thế bảo là rằng "trọn". Chữ "diệc" trở xuống là nói đối chứng trị phạt tội nặng. Pháp trị có năm: Ba câu trên ba pháp, trị tội nặng kế, chữ hoặc trở xuống là hai pháp trị lỗi cực nặng. Bốn thể trải đất khác với lễ bái ở trước, nghĩa là thâm mặt sát đất, chiết phục nhẫn nhục khiến hổ thẹn. Như cỏ trải đấy mà trị là tướng xin lỗi nhau. Chữ ngã trở xuống là Như lai bày ý lập giáo.

Bốn câu đầu trong đoạn thứ ba là nói trì giới. Chữ trừ trở xuống là nói về phá giới. Phần lớn chia làm hai: Ban đầu trích phạt là khuyên người đời kính hộ. Bốn phương trở xuống là thứ hai nói tài pháp đều mất. Văn ở đầu lại có hai: Trước y cứ khuyến cáo. Phá giới trở xuống là kế y cứ dụ khuyến. Trong phần đầu, hai câu trên là lựa chọn đúng như pháp. Chữ nhược trở xuống là nói công năng của người phá, đây nói phá giới quyết y cứ phạt tội nặng. Trời rồng trở xuống là kia nêu đủ Dạ-xoa cho đến người và chẳng phải người, v.v... văn nay chế buộc. Chữ ưng trở xuống là khi người đời cung kính. Mười thứ thắng tưởng: 1/ Nên tưởng niệm Phật. 2/ Nên nghĩ thành giới. 3/ Phải khởi tâm thí. 4/ Mềm mỏng ngay thẳng thường thực hành nhẫn nhục. 5/ Không sinh tâm bạo ác, không cuồng loạn. 6- Ưa thích chánh pháp. 7/ Thường ưa chỗ A-lan-nhã vắng vẻ. 8/ Muốn vào thành Niết-bàn vô úy. 9/ Nói lời mềm mại. 10/ Lễ dưới chân. (Sao dẫn một, ba, chín, mười, còn bao nhiêu sáu kinh không nói rõ, cho nên khó hiểu rõ). Hậu trở xuống là bày báo. Thị trở xuống là kiết ý.

Kế trong dụ khuyên, ban đầu nêu dụ. Chữ: "ngưu hoàng" trở xuống là kinh nói là trâu nầy tuy chết người vẫn cố lấy, cũng như con xạ hương chết vẫn dùng được. Lại nói rằng: "Thí như người xưa ra biển cắt đứt mạng sống của vô lượng chúng sinh, móc hai mắt hòa thành thuốc. Nếu người mù cho đến mù bẩm sinh, mà bôi thuốc này vào, thì mắt liền sáng" (người kia tuy chết mà thuốc kia vẫn có công dụng). Lại nói: " Thí như đốt hương, thể hương tuy hoại mà vẫn xông huân người khác để được thơm. Chữ phá trở xuống là hợp với pháp. Ba câu trên hợp với trâu, con xạ hương, người và thể loại hương. Chữ năng trở xuống là hợp hương thuốc có tác dụng hương thơm huân xông người khác. Chữ "dĩ thị" trở xuống là ý kết.

Trong thứ tư, kinh nói rằng: nầy người thiện nam, khéo học bốn món căn bản, hủy giới hay trì giới, pháp khí hay chẳng phải pháp khí, tự quán sát chắc chắn, không biết dở kia, vì ngài Ưu-ba-ly thưa hỏi, như

Sao đã dẫn. Trong Phật đáp, hai câu đầu là ngăn người thế tục, chấp nhận người xuất gia. Chữ "phục" trở xuống là chế đạo lìa lỗi. "Nếu tăng không hòa" câu nầy y cứ kinh mỗi điều thấu suốt trở xuống: trong mười thiếu hai. Quốc Vương trở xuống là có Bà-la-môn ở trước. Chê ghét người trở xuống là có tâm tức giận quở trách.

Chặng giữa cư sĩ là thứ năm. Phụ nữ, trẻ nhỏ là thứ sáu, chín món đối người nói về phi. Thứ mười tức tự mình phi. Lại trong chín món, bảy món trước là tục chúng, Ni tức đạo chúng. Vốn oán hiền người thì không đạo tục. Chữ như thị trở xuống là rõ năng cử, đã chẳng phạm thì nên chống cự. Chữ hạ trở xuống là nói cử đúng pháp, đồng luật cho nên không nêu ra. Luật ấy chép: "Tỳ-kheo thanh tịnh, oai nghi đầy đủ thành tựu năm pháp (tức năm đức), nên đảnh lễ tăng nói với Tỳ-kheo tội ác rằng: "Tôi đây nêu tội ông", đây là thật không dối, là thời chẳng phải phi thời. Tâm từ bi, lời mềm mại là khiến Phật pháp lâu bền (câu dưới tức đồng lợi ích không do tẫn diệt) nếu cho tôi nói, tôi sẽ đúng như pháp nêu tội ông, v.v..."

Trong kinh Niết-bàn, mỗi món bày tướng ấy, kia thứ ba nói rằng: "Hủy báng chánh pháp và Nhất Xiển-đề, hoặc có sát sinh cho đến tà kiến và cố phạm cấm, v.v...". Chữ hủy trở xuống là nói ý lập trị. Bảy Yết-ma đồng trở xuống là chế giáo. Phải biết trở xuống là bày lợi ích. Nhược thiện trở xuống là ra lịnh nương đó mà làm.

Trong bày ý của chế giáo, khoa đầu nói theo can ngăn không trị, sửa tội, tích là tội trạng. Thượng phẩm là nói trí có khả năng đổi thành thiện không nhọc pháp trị. Chữ hạ trở xuống là nói kẻ ngu không nhận giáo, sinh khởi lập trị, cho nên biết pháp nầy chỉ giúp kẻ hạ ngu. Nhưng người chia làm ba phẩm, chỉ bày trên dưới ấy là do tánh người hạng trung tùy dòng không nhất định, có thể là thượng thì cũng có thể nương đạo. Chữ tùy trở xuống là quyết thêm trị phạt, nhiếp thuộc hai căn cho nên không rõ. Thấy bóng: như ngựa hay thấy bóng roi, tức dụ theo lời can ngăn như dòng nước. Trì lư nghĩa là có khéo cũng không tiến, dụ cho dẫu trị phạt cũng không hối hận.

Kinh Tạp A-hàm chép: Phật bảo các Tỳ-kheo, có bốn loại ngựa:

Thấy bóng roi liền sợ vội theo ý người cưỡi (ở đây dụ cho bậc thượng căn).

Chạm lông liền có thể như trên (trung căn, có thể là hạ căn)

Roi chạm vào thịt rồi mới sợ (trung căn, có thể là hạ căn)

Đánh thấu xương cốt rồi mới biết (tức dụ cho hạng hạ căn)

Bảy món như sau sẽ nêu, và hai món sau công với bảy thành chín.

Không nói chuyện chung tức mặc tẫn, giúp tên cho rõ.

Trong bài bác bỏ, hai câu đầu là thương tổn thời không làm, chữ nhược trở xuống là thứ hai bác bỏ khinh khi lăng mạ chánh giáo. Bạc nghĩa là khinh người, lạm là quên giáo. Hai tâm bạc, lạm kết nghiệp huân nhóm càng thêm mê mờ, cho nên nói là tự làm dơ, v.v... chữ hữu trở xuống là nói vọng làm phi pháp. Thuân là sửa lỗi. Chữ chí trở xuống là bày tổn. Võng là lưới giáo đầy lòng tin. Chữ kim trở xuống là thứ ba, bày ý khuyên làm. Vi ngôn tức pháp trị và Phật răn dạy thành thật. Ẩn mà lại hiển cho nên nói rằng "trùng quang". Có sức nghĩa là đức có công năng quy phục người, chẳng phải là hùng hào ỷ thế lực mà thôi. Trụ trì nghĩa là chí giữ gánh vác giáo pháp, chẳng phải giả mạo trộm ở mà thôi. Than ôi! Người giảng ngày nay sự học chẳng trải qua đi xa chính là dơ bẩn tầm thường, dối thế đua đòi làm thầy chiếm ngôi, phong hóa bốn việc nhóm đầy luống đến, chạy theo năm tà, thường nhơ bẩn bởi lợi dưỡng, mấy ai nghĩ việc mở mang Tam Bảo, chỉ biết luống tô vẽ một thân chưa khéo biết luật nghi, đâu thể làm phép tắc cho chúng, lãnh đạo thì ước chừng, vọng lập điều chương, cho nên có phạt gạo, mua hương, đốt áo, đánh gậy, cáng khiến tông tăng lạm trược, Phật hóa trần ai. Đạo do người mở mang, ai gởi gắm ở đây? Than ôi!

Trong bày có thể chăng, ban đầu nêu bày học pháp, như sau trong chánh gia. Chữ nhược trở xuống là rõ hai trái đều tổn, cho nên biết quyết ở chúng chủ dùng hay bỏ hợp thời mới có thể khỏi lỗi.

Trong pháp trị gồm bày chín thứ, cho nên hai thứ sau ở ngoài bảy món. Bảy món thuốc và bịnh xem chẳng thông nhau, hai thuốc sau gồm bảy bịnh trước, tức yết-ma quở trách rằng: "Phải tăng thêm tội trị". Ban đầu pháp quở trách nói về Luật. Lúc Phật ở nước Xá-vệ nhân hai Tỳ-kheo Trí Tuệ và Lư-hê-na tranh cãi làm duyên, cho nên đặt ra pháp này. Trong gồm nêu, là nói chung các chỗ. Chữ tức trở xuống là bốn bộ trước sau bày tướng, nhiều ít xen hợp đến văn cần chọn. Trong Tứ Phần, nếu y cứ theo duyên khởi, chỉ duyên tranh cãi, văn rõ bốn việc vốn nêu ra pháp ngăn ngừa.

Trong chung riêng, hai câu đầu nêu chọn căn đối với đạo chúng, lại chỉ miệng nói, chưa hẳn tâm làm, cho nên thêm phạt nầy. Chữ vị trở xuống là nêu bày chánh giới, chánh kiến, chánh oan nghi, chánh mạng là giềng mối lớn của Phật pháp, là bốn việc cốt yếu tu hành, đều gọi là chánh, đều lìa nghiêng tà. Chánh giới là nền tảng vào đạo, chánh kiến chính là trí tuệ đức ràng buộc, chánh oai nghi thì nhiếp tướng muôn vật, chánh mạng là duyên thành đạo. Nay đều là lúc tâm hoặc loạn điên

đảo. Y cứ lỗi mà nghiệm tình nghi, thêm khổ phạt, một khiến người phạm sữa lỗi, hai khiến sự giao hảo bên ngoài thanh tịnh, ngay thẳng, ý lập giáo đã rõ ở đây.

Hai việc giới và oai nghi nơi bảy tụ phân phối, lại y cứ thô tế theo biệt mà bàn, nếu y cứ vào thông nói bảy thứ đều gọi là giới, cũng gần gọi là nghi. Sáu mươi hai kiến chấp! Y cứ vào năm uẩn, theo uẩn sinh chấp, thì có bốn câu, 1/ Tức sắc là ngã, 2/ Lìa sắc là ngã, 3/ Ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã. 4/ Sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc. Bốn uẩn kia giống ở đây. Một uẩn có bốn, mỗi uẩn có bốn thành hai mươi, cộng thêm hai chấp đoạn thường thành sáu mươi hai. Tà ý là chuyên vì cầu lợi, đến nổi khiến thân miệng biến hiện không cùng. Lại y cứ vào hỷ là nào phải bốn, năm món trước.

Trong giải thích tà mạng, ban đầu dẫn Luận Trí Độ để giải thích, năm người trước thường làm, thật đức chưa khỏi. Bốn người sau nghề nghiệp sinh sống thấp hèn, biện tướng rõ ràng, không nhọc chiều uốn giải thích, mỗ xẻ văn và nói dài. Chưa là tinh cùng tự xét mình, lìa tà mới gọi là khéo hiểu. Trong thứ năm, đầu tiên là thân xấu, còn bao nhiêu là miệng dơ. Trong bốn món tà, ba món trước là thân, một món sau là miệng và gọi là cầu miệng ăn. Doanh hư nghĩa là mặt trời, mặt trăng khuyết đầy, các ngôi sao vây quanh, Bốn duy là dụ không chánh.

Kế, dẫn luật để giải thích, tức trong giới trộm, tặc tâm lấy vật, mói pháp lộn lạo, hớn hở cầu tài lợi tức là tà mạng, cho nên ở đây dẫn đó. Trong pháp cử, ban đầu bày phi. Hỏi đáp sai hoặc việc tội khác nhau, hoặc người xấu có khác, thấy nghe tuy thật lại không có y cứ, dẫn chứng có thể biết. Câu sau rõ là mỗi thứ trái với trên.

Trong hợp trị, hai câu trên nêu chung. Chữ đãn trở xuống là lược nêu không biết bày tướng. Học thánh chế, không nêu ra giáo hạnh, giáo là luật tạng, hạnh là đối trị, tức cảnh đáng học, ngu tối ràng buộc tức là mê đáng bỏ, văn sau dẫn chứng không biết, nghĩa là trước dây chưa tứng nghe. Không thấy nghĩa là không biết, chưa hẳn cẩn phạm, ngưng không thấy biết cần phải xử trị.

Trong luật Ngũ Phần, phá giới phải trừ thiên đầu, gồm chung các tụ khác, phá kiến thì giống Tứ Phần, một trong năm món ở luật Tăng-kỳ, hai câu đầu là gồm nêu. Chữ thân trở xuống là giải thích riêng, lại có hai: Trước rõ người nam tức ba món ly hợp tìm văn có thể biết, chữ hựu trở xuống là kế y cứ người nữ, nhưng rõ thói quen nơi thân, lược bày cùng ngồi. Chữ dư trở xuống là chỉ đồng mất, cùng món đồ ở trên, tính cũng có ba: Dụ trên có thể hiểu, lỏa tức là quả dưa ngược với rau

ở trước. Trong thứ hai, năm chúng tức là năm thiên, vả lại nêu toàn số, y cứ trong đoạn hạnh chỉ rõ bốn thứ sau, nếu phạm thiên đầu thì không nằm trong phép trị nầy. Trong thứ ba có ba món khác nhau, đầu tiên gọi là ra vào phi thời, chữ dữ trở xuống là thứ hai gọi là gần gũi bất thiện. Kẻ trộm nghĩa là lén lấy. Xu bồ là cờ bạc. Hành tại trở xuống là thứ ba, tức dạo đi phi xứ. Trong thứ tư, do ưa tranh cãi lại sinh năm lỗi: Hai lỗi trước là lỗi tâm, hai lỗi sau là lỗi miệng, thứ năm là lỗi thân, tánh đây chỉ cãi vã kiện tụng. Thứ năm trái lại cung kính gần gũi đời phần nhiều, người có hiểu biết nên răn dè.

Như trên dưới kết lỗi nói về phép trị. Trong Liễu Luận vốn không có hai chữ khinh mạn, cho nên biết chỉ là không kính đại chúng, nhưng tính kia giấu lời cho nên giải thích thêm. Trong chọn lạm, chữ giản trở xuống là tẫn xuất (đuổi ra) đối với người tại gia mà nói, trong đủ duyên chánh trị văn ban đầu nói có khác. Trong mười món, bảy món trước và món thứ chín đều đồng, chỉ có món thứ tám và mười các pháp khác đều khác, nhưng nêu trị khám nghiệm pháp sự đặt biệt khó nên nói là khác.

Chữ như trở xuống là bày tướng, đầu tiên chỉ bảy món trước, hỏi đáp ở sau. Chỉ rõ thứ tám bày y cử, chứng là chứng minh, chánh là thật tội. Chữ ưng trở xuống là rõ pháp nêu ba: Ban đầu trong nêu tội thông rằng: “Phạm tội”, lại khiến chúng biết. Hai, là ức niệm, dùng bốn món thời, xứ, người, tội để khám xét cho nhớ, không chống cự mà tự nói. Ba, cho tội là bày khoa phạm tội khiến chịu trách phạt (quở trách đủ rõ sáu món khác lệ theo giải thích).

Trên dưới nói hòa chúng, ban đầu nói hỏi nghe, vì trước lúc nêu sợ luống lầm lộn. Hòa trên dưới là sợ tình trái. Hỏi việc nêu là sợ chống cự. Luật gọi là cầu thính, tức muốn kia nghe nói, rồi mới nêu tội, đây gọi là năm đức biết thời hợp nghi. Chữ sách trở xuống là giải hòa, ở đây gồm hai duyên hỏi đáp, đủ ở trên là mười.

Trong chánh trợ, bày biết phải sửa. Vì ngăn kính tụng gồm bốn bộ trước đã nêu tướng lỗi, tùy chỗ phạm đưa vào, nên nói rằng “chuẩn sửa”. Chữ ưng trở xuống là nêu ra Yết-ma, trong bạch thêm hai người là vì lỗi đồng, chưa có mà có nghĩa là mới khởi. Đã có không diệt nghĩa là càng thêm.

Trong câu thứ tư, nói quở trách là riêng nêu bổn, lại cãi cọ gây gổ v.v... là dự bày hình phạt sau chứ chẳng phải chánh trợ nay, nghĩa quy về nhiếp duyên.

Trong không thành, thì ba món đầu trái với chánh bày ở trên, pháp

không có chỗ giúp. Chữ hoặc trở xuống bốn món dụng pháp sai. Không phạm đến sau, v.v... sám rồi không bịnh mà thêm thuốc. Không nên sám là thuốc và bịnh không hợp, như ở trước người thế tục lại nói bốn việc, tội cần đuổi không nên quở trách, nên nói là không được, còn bao nhiêu đều lệ như trên đây, đều là sự phi.

Không hiện tiền; nghĩa là xa giúp, giới Sớ chép: "Người sai pháp đúng". Chữ cập trở xuống tức người pháp phi, người là riêng chúng, không có pháp tức yết-ma sai sót. Chữ tịnh trở xuống là kết chung chín món trước.

Trong đoạt hạnh, trước thêm yết-ma tiêu biểu chúng đồng trị, chiết phục ngang bướng, chính là giữ đoạt hạnh, xem kia trái hay thuận, cương hay nhu, lấy bỏ lượng theo đây làm chánh yếu. Ở đầu trong phần bày cáo đã là đồng, là răn nhắc khiến nhận chắc chắn. Nói trọn đời e khiến sợ sệt. Quyết có thể đồng là dẫn dụ cho sửa đổi. Ban đầu, trong năm việc thì bốn và năm việc đồng, nhận qua phần khác đã không cho nhận, nào có khác nhau, nhưng tăng đã thêm phép phạt, lý quyết không sai, vì hiển bày hành pháp ở thân không có khả năng dạy chùng, cho nên chế. Thứ hai, trong năm việc, món thứ tư trong luật là dứt tranh cãi, trước đơn bạch chọn người trí, kẻ ngu không dự số trị là đồng. Thứ ba, trong năm việc, việc thứ ba là chế gần gũi vì trước phải xa lìa, Văn luật trên có chữ ưng. Thứ tư, khiến xa lìa vì ưa thích gần gũi. Thứ năm là không nên nói lời kỳ dị, tức miệng nói thêu dệt trong chín mười giới đơn đọa (Ba-dật-đề).

Hỏi: Trước sau năm món chưa trị được làm có thể gọi là đoạt hạnh. Năm lỗi của thứ ba và ba lỗi trước của thứ tư thời khác đều chế, vốn không được làm sao gọi là Đoạt?

Đáp: Thật nhu lời đã hỏi. Nay mong ngăn dứt chỗ ưa phạm ở trước cũng gọi là Đoạt, nhưng trái với hành pháp cho nên khác thường phạm.

Trong bốn và năm, ban đầu cả hai đều gồm hai tướng, đầu tiên nói rằng: "Tội nầy" tức là lỗi bị trị, trong chú bao nhiêu tội khác lại nói theo tăng tàn. Chữ đề trở xuống là đối với dụ cũng vậy, nhưng đến tội Đột-cát-la thì không còn dư. Thứ hai, trong chú, tương tự nghĩa là đồng tên tội, tùng sinh nghĩa là chủng loại tội. Trong thứ ba, y cứ văn chú giải có thể biết, ở đây trị không đến bốn tội nặng. Thứ tư, y cứ pháp quở trách. Thứ năm, là người quở trách, vốn chẳng là thiên tụ mà trong nêu tương tục phạm không rõ lý do, cũng có thể ba món phạm trên là tội, hai món phạm dưới là sự. Năm mươi sáu, hai mươi lăm tìm văn có

thể hiểu. Trong bảy mươi lăm, thứ hai gọi là bình luận pháp lý, chứng minh kia là tội. Trong thứ ba, y cứ luật ngăn pháp, tỳ-kheo biết người khác có phạm, đối tăng nêu bày, không để cho chúng tăng bố-tát chung với người đó, cho nên nói là ngăn, tự tứ cũng vậy, nay đều không được. Năm, là luận lý giáo tướng cũng thật chứng tha (chứng minh cho người kia).

Trong thuận tùng, ban đầu nói người phạm để điều thuận. Chữ ư trở xuống là theo tăng xin giải. Chữ thêm trở xuống là thêm lượng để chấp nhận. Trong pháp giải, lời xin trở xuống là chú hai Tỳ-kheo tức hai người là một, đây vì truyền chép lầm, vì trước sau yết-ma đều nêu hai người.

Trong tạp tướng, chỗ ngồi thì y cứ theo tăng tàn, tức hành biệt trụ (ở riêng). Hạ hạnh, là không tính vào hạ lạp thứ lớp. Trong nhiều ít là y cứ theo tranh cãi nên là đồng tội, tội riêng cũng chung làm pháp chẳng tiện. Không đến bốn, luật chế tăng không được nêu tăng vì sợ riêng chúng phá tăng. Chỉ như trên ấy, tức trong thiên yết-ma giúp người nhiều ít. Thứ hai là tẫn xuất, Phật ngự tại nước Ky-Ly-Na, cùng hai Tỳ-kheo là A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-sa làm nhân duyên ác hạnh dơ nhà người cho nên Phật chế. Yết-ma phạt rồi đuổi ra khỏi giới, cho nên có tên như vậy.

Trong xuất tội, đầu tiên là chỉ chỗ xuất, câu trên là lựa lạm. Chỉ cho bốn việc, cũng tức là pháp ngăn như trước chẳng khác. Cần biết, nói trái ngược bốn việc chung cho bảy chín, chỉ y cứ đối đạo hay đối thế tục, người có tin hay không tin để phân phát. Kế là chỉ tùy giới, tức vốn là duyên khởi của văn Luật nêu rộng, đây không phiền dẫn, cho nên chỉ như sau: Chữ đảo trở xuống là nói về lỗi. Chữ cố trở xuống là nói về trị. Chữ sử trở xuống là bày lợi ích. Chữ thử trở xuống là khuyên nương.

Trong pháp trị, trước gồm chỉ bốn món. Trong chữ pháp trị nghĩa gồm đoạt hạnh, nhưng đoạt hạnh thuận theo các phép trị đều đồng. Ban đầu trị và giải tùy lỗi mà khác. Chữ nhiên trở xuống là lược bày pháp đầu, sau chỉ bổn luật, nay lược trích dẫn. Luật chép: "Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-sa đây ở nước Ky-ly-na làm hạnh xấu dơ nhà người, mọi người đều thấy nghe, nếu tăng đến thời, tăng bằng lòng cho làm phép đuổi A-thấp-tỳ và Phú-na-bà-sa rằng "Thầy đã làm hạnh xấu, dơ nhà người ai cũng thấy nghe, thầy nên rời trụ xứ nầy mà đi, không nên ở đây nữa, tác bạch như vậy" (yết-ma y cứ theo đây làm pháp, tùy lỗi mà xưng).

Trong phần giải thích cũng ba lần xin, lời xin và pháp giải đồng

một văn trước, chỉ sửa các chữ quở trách thành chữ tẩn (đuổi), các phép trị phạt sau cũng vậy. Chỗ đây biết có sau lại không điểm nữa.

Trong cầu giải, đầu tiên là nói xin giải, do không vào giới cho nên phải nhờ người đáng tin. Tăng trở xuống là nói về chế ước. Nếu có, v.v... nghĩa là các Tỳ-kheo khác riêng có xin hỏi. Do không đường cùng nói, chỉ khiến thưa thầy (xưa chép: người bị trị chỉ được thưa thầy, sợ dư người thành tùy cử, cho nên y cứ giới số. Tùy cử chỉ cuộc hạn ác kiến huống chi tùy cử cũng không khai thầy, lầm kia có thể biết).

Thứ ba, là y chỉ; Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo Tăng-sô ngu si phạm tội, gần gũi ở chung với người tại gia, do đó chế ra pháp này. Trong phần nêu ra lỗi, đầu tiên nói về đảo loạn, quyết gồm hai chúng mới trị pháp nầy. Chữ hoặc trở xuống là bổn duyên chánh luật, chỉ khiến thường phạm không y cứ đối người. Chữ tu trở xuống chánh rõ lập pháp vẫn thấy danh nghĩa. Chữ sử trở xuống là rõ lợi ích. Trong gia trị, ban đầu là pháp trị, trong đoạt hạnh luật tác bạch rằng: "Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Tăng-sô nầy ngu si không biết phạm nhiều tội lỗi, gần gũi ở chung với người tại gia, không thuận theo Phật pháp. Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng làm yết-ma y chỉ cho Tỳ-kheo Tăng-sô, tác bạch như vậy" (yết-ma y cứ theo mà biết). Chữ dư trở xuống là nói về y người, chữ minh trở xuống là lược bày thuận theo và pháp giải. Chữ Niết-bàn trở xuống là bày tên khác. Chữ dư trở xuống là chỉ hành pháp. Luật ấy chép: "Ngu si không biết thì trọn đời y chỉ". Luật Thập Tụng chép: "Thọ giới nhiều năm mà không biết năm pháp thì trọn đời y chỉ" (năm pháp là không biết phạm, không phạm, tội nặng, tội nhẹ và không tụng được quảng giới). Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: "Trăm tuổi mà không biết pháp vẫn theo y chỉ người mười tuổi hạ" thiên kia có nói rõ.

Vả lại, lược dẫn bày, trong ngăn không đến, lúc ấy Phật ngự tại nước Xá-vệ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đều ngự tại nước Ca-thi, đến trụ tại vườn Ma-lê, Cư sĩ Thất-đa sắm sửa đồ ăn ngon đến mời hai Tôn giả thọ trai. Tỳ-kheo ở lâu trong vườn ấy tên là Thiện Pháp đến thấy sinh tâm ganh ghét, liền nói: "Cư sĩ sắm sửa đồ ăn uống rất tốt, chỉ không có cặn dầu". Chất-đa nói: "Thiện Pháp có nhiều căn lực giác ý thiền định chánh thọ quí báu như vậy mà lại nói lời thô bỉ như thế", liền nói thí dụ: "Như nước không có gà, có người đi buôn đem con gà mái đến, gà mái vì không có gà trồng nên giao hợp với quạ sinh ra con, con vật được sinh ra chẳng phải gà cũng không phải quạ nên gọi là ô kê (vừa gà vừa quạ), Thiện Pháp có nhiều căn lực, v.v... quí báu mà nói lời

thô ác như vậy nào khác loài ô kê kia". Thiện Pháp nói: "Cư sĩ mắng ta, nay ta bỏ đi", bèn đến chỗ Phật, bị Phật quở trách, cho nên chế ra pháp trị.

Trong phần nêu ra lỗi, ở đây cũng đối với người thế tục, chỉ thêm mắng là khác. Trên nói các lỗi, mắng là lỗi chính. Chữ tu trở xuống là nói lập trị, danh tướng đều hiển bày. Nói tác pháp là bạch rằng: "Đại đức tăng xin lắng nghe! Cư sĩ Thất-đa là đàn việt tin ưa thường hay cúng dường chúng tăng mà lại dùng lời thấp hèn xấu ác nhiếc mắng Tỳ-kheo Thiện Pháp nầy, nếu tăng phải thời mà đến tăng bằng lòng nay làm yết-ma ngăn không đến nhà người tại gia cho Tỳ-kheo Thiện Pháp, tác bạch như vậy" (yết-ma y cứ theo mà làm), đoạt hạnh đều đồng. Chữ Tăng trở xuống là nêu lỗi, tuy chẳng mắng mà chê bai tổn não vẫn đồng với ở đây.

(tờ 212) Trong phần sót rơi, ban đầu nói về chọn sai. Trong tám pháp, thứ năm nhận lời người ấy là không vọng chống cự. Bảy, là y cứ hạnh nghiệp khác và năng giải. Trong thứ tám, chữ nghị đó bổn luật không theo, nói đơn tác là chính. Chữ tương trở xuống là nói về sám hối, ban đầu khiến nói. Đàn việt sám hối ấy là gọi đến khiến nhận. Chữ nhược trở xuống là kế dạy quán lượng. Về có đủ, v.v... thì Luật chép: "Nếu không thọ nên đến chỗ mắt thấy tai không nghe, để Tỳ-kheo bị yết-ma cho kia mắt thấy (khiến kia mắt thấy, tâm mềm mỏng nhận sám) tai không nghe (sợ nghe tác pháp) dạy khiến đúng như pháp sám hối. Lại đến nói cư sĩ sám hối, Tỳ-kheo kia trước phạm tội đã sám hối, tội đã trừ, nếu cư sĩ kia nhận thì tốt, không nhận thì phạm tội. Tỳ-kheo nên tự đến sám hối. Chữ nhược tục về sau là bày khai giải, sám rồi kẻ tục vui mừng, đủ rõ là thuận theo.

Trong gồm chọn, do trước sau bảy pháp tướng lỗi hợp nhau, nên pháp trị thành khác. Y cứ tín hạnh phần lớn chia làm hai, tùy tướng nhỏ nhặt lựa chọn đều khác như văn. Trong bốn món trước, luật đủ số thì thiên trước đủ rõ. Trong ba món sau đồng phạm nặng. Tài pháp mất cho nên dẫn kinh Niết-bàn, ban đầu trình bày chánh ý. Báng pháp, là chung bảy lỗi trước. Hàng phục là đề mục chung của bảy pháp, nêu theo kinh thì nói chung bảy món. Nay đây dẫn đó lại chứng ba việc, chữ hựu trở xuống là nói ý riêng, quả như ở đời sau nhiều ngu si không tin, khinh bỏ thánh giáo, công khai làm ác cho nên lập pháp trị, khiến biết nhân quả quay về chánh tín.

Trong bác bỏ lạm có ba: Ba câu đầu là nêu người, câu trên bày chỗ học, hai câu dưới nói về tâm hạnh. Chưa hợp đạo vì nhiễm theo trần.

Trái lớn nhỏ vì không bẩm thọ giáo pháp. Chữ khẩu trở xuống là thứ hai bày lạm, hai câu trên tức rõ học nói, tội phước tánh không, nêu ra hành pháp Phổ Hiền. Dâm dục là đạo nêu ra kinh Vô Hạnh, chính là nói chung Đại thừa chẳng phải chỉ một kinh, vì hiển bày nghiệp tướng đều như huyễn, lại chỉ bày nghiệp tánh không thật có, lại chỉ bày nhiễm tịnh đồng một nguồn, lại chỉ bày các pháp chỉ là một tâm, lại khiến chúng sinh đối với các điều ác được giải thoát, chứ chẳng phải khiến ông làm hạnh bất tịnh, nay thân dơ xấu, nương lời này để tô điểm mình, chẳng dùng tánh ngu, thật trái thánh ý. Tức kinh Lăng-nghiêm chép: "Trước dứt tâm dâm, đây gọi là Như lai, Tiên Phật Thế tôn dạy rõ quyết định thanh tịnh là bậc nhất, nếu người không dứt dâm mà tu thiền định thì giống như nấu cát đà mà muốn thành cơm, trải qua năm ngàn kiếp chỉ gọi là nấu cát". Lại kinh Phạm Võng chép: "Bồ-tát nên sinh tâm hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sinh, đem tịnh pháp cho người, mà trở lại làm cho mọi người khởi dâm, nhẫn đến không có tâm từ bi, Bồ-tát nầy phạm tội Ba-la-di", ông cho rằng kinh Lăng-nghiêm, Phạm Võng là Đại thừa ư? Nếu duyên theo lời kia, đây lại nói thế nào? Buồn lắm thay!

Chữ thân trở xuống là rõ tâm hạnh ở trước, câu trên chỉ hạnh, hai câu dưới nói về tâm. Tùy là thuận, nghĩa là rừng rậm ngu sơ theo sự giáo hóa trái đó nghĩa là chẳng phải người trí. Mến xấu rõ ràng cách đạo rất xa. Chữ tinh trở xuống là thứ ba khuyên khích, trị phạt. Trong bất kiến cử, Phật ngự tại nước Câu-diệm-di, Tỳ-kheo Xiển-đà phạm tội, các Tỳ-kheo khác nói rằng: "Ông phạm tội có thấy chăng?" Đáp rằng "Không thấy", Tỳ-kheo bị cử tội, Phật do đó quở trách, chế ra lỗi có hai: Ban đầu tức đảo lộn, chữ hoặc trở xuống là rõ lòng tin bị hoại, nhưng làm ác không sợ quả báo đời sau tức là tà kiến, chẳng đồng với đoạn thiện liền bỏ Tam Bảo mà mất giới. Hoặc do trở xuống hai câu là suy nguồn lỗi trên. Chữ Tăng trở xuống là chỉ bày kia chống nghịch, tà kiến ở trong lòng, chẳng phải nói không rõ, cho nên mượn hỏi đáp để nêu bổn duyên. Tăng tức trở xuống là kế gia pháp trị. Ban đầu nói về gia pháp, bạch rằng: "Đại Đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Xiển-đà đây phạm tội, các Tỳ-kheo khác nói rằng "ông phạm tội có thấy chăng?". Kia đáp "không thấy", nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng nay làm yết-ma không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà, tác bạch như vậy. (yết-ma y cứ theo đây). Đoạt hạnh v.v... đều đồng.

Chữ vi trở xuống là thứ hai nói về y cử. Vả lại, gọi là quyền lực tạm chọn, diệt tẫn bỏ hẳn. Chữ cố làm trở xuống là bày danh nghĩa, như vật bị bỏ không còn dùng nữa. Ba pháp trong hành xử đều như vậy

cho nên ở đây gồm bày. Có Tăng xử là khiến hổ thẹn. Sáu không sám cử, cũng do Xiển-đà Tăng hỏi: "Ông có tội nên sám hối". Đáp rằng: "Không sám", cho nên chế cử.

Trong phần nêu lỗi, đầu tiên nói tnên sám, câu trên là bày tội nên sám. Khinh tức là diệt, nặng chuyển thành nhẹ, cho nên chép: "Không nhất định". Từ duyên sinh là giải thích thành lý do không nhất định. Chữ nhi trở xuống là nói không sám, bốn câu trên là bày lỗi. Lạm nói, là dựa vào lời Thánh, cuồng hoặc vô trí chống trái mạng lệnh của tăng. Chữ cấu trở xuống hai câu là bày tổn nặng. Chữ cố trở xuống hai câu là nói về pháp trị, lời câu đồng như trước chỉ sửa các chữ kiến thành chữ sám, còn bao nhiêu không khác chút nào. Chữ kinh trở xuống hiểu tên khác tức Niết-bàn.

Trong cấu giải, tăng lượng nghi là lý, phải xét kỹ trở lại, chánh tín không xét, luống dối dầu giải thích cũng không thành.

Thứ bảy, là ác kiến. Bấy giờ, Phật ngự tại nước Xá-Vệ, Tỳ-kheo Lợi-tra sinh ác kiến nói "Tôi biết Phật nói pháp hành dâm dục không phải pháp chướng đạo", các Tỳ-kheo hét lời can ngăn, Lợi-tra vẫn giữ chặt ác kiến mà nói: "Đây là chân thật, còn bao nhiêu đều là luống dối", các Tỳ-kheo đến bạch Phật, do đây Phật chế giới.

Trong nêu lỗi, ban đầu rõ tội gốc, do đó liền bày tên gọi. Chữ diệc trở xuống là nói về các lỗi khác. Chữ tu trở xuống là thêm pháp trị. Bạch rằng: "Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Lợi-tra nầy nói rằng: "Hành dâm dục chẳng phải pháp chướng đạo", nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng làm pháp quở trách can ngăn cho Tỳ-kheo Lợi-tra để bỏ việc này, rằng Tỳ-kheo A-lợi-tra chớ nói lời như vậy, chớ chê bai Thế tôn, chê bai Thế tôn là không tốt, Thế tôn không bao giờ nói như vậy, Phật dùng vô số phương tiện nói hành dâm dục là pháp chướng đạo, nếu phạm dâm dục thì liền chướng đạo, tác bạch như vậy. (yết-ma câu thứ hai giống như trước, rồi lại đến câu thứ tư, tiếp tục thì duyên vốn đều bày, cùng bạch là khác, các pháp về trước đều như vậy).

Trong kết lợi ích, văn ban đầu chia làm ba: Hai câu trên là bày pháp cao quý, hai câu kế là rõ công sâu, câu trên trụ pháp, câu dưới nhiếp Tăng, hai câu sau khen rộng.

Trong trích dẫn chế giáo, tức luật thêm một trong văn gồm có mười câu. Văn Sao từ đầu đến tăng, chữ lai là câu đầu, chữ linh trở xuống chín câu đều lược bày, như nói rằng: "Như lai ra đời vì một nghĩa", cho nên chế quở trách, v.v... cái gọi là khiến Tăng vui vẻ (cho đến thứ mười đều y cứ theo đây). Thêm thứ hai, chín câu, như nói rằng "Như

lai ra đời vì hai nghĩa” cho nên chế quở trách, v.v... nghĩa là nhiếp thủ tăng khiến tăng vui vẻ (câu thứ hai cũng như trên. Đã nêu rằng: “Nghĩa là khiến tăng vui vẻ, khiến tăng an lạc”, như vậy lần lựa đến thứ mười đều như vậy). Thêm thứ ba là ba nghĩa, cho nên có tám câu, cho đến thêm chín là chín nghĩa, nên có hai câu, thêm mười luật lược bớt không nêu, cộng chung là mười nghĩa thành một câu (Xưa ghi giải lầm cho nên đều dẫn).

Niết-bàn cũng nêu ra thứ ba: đầu tiên chỉ trước nêu sau, chữ hữu trở xuống là chánh trợ chia làm hai: Ban đầu khuyên đạo chúng. Trừng là răn đe, chữ hựu trở xuống là khuyên kẻ đạo người tục, chia làm hai, đầu tiên là khuyên học. Bốn chúng tức Tăng, Ni, cư sĩ nam, và cư sĩ nữ. Sau nói bốn bộ cũng đồng. Chánh pháp, kinh nói là giới, định, tuệ. Chữ nhược trở xuống là thứ hai khuyên khổ trị. Kinh Đại Tập cũng nêu ra phẩm Hộ Pháp, văn có hai: Ban đầu nói lợi ích hộ người đúng như pháp. Về bốn họ: giòng họ ở Ấn-độ chỉ có bốn họ: 1- Sát-đế-lợi (giòng vua). 2- Bà-la-môn (tịnh hạnh). 3- Tỳ-xá (thương buôn). 4- Thủ-đà (nông dân). Chữ nhược trở xuống là thứ hai, nói về sự tổn hại theo người khác.

Trong lời hỏi, hai kinh trái nhau cho nên phải hòa hợp. Trong phần đáp, ban đầu cả hai gồm giải thích. Chữ hựu trở xuống là bỏ giải thích trước, cùng tức dạy dỗ. Lụy là chúc lụy. Một đời quy về nên nói là giáo bổn. Quyết trước không rõ cho nên nói là chánh nghĩa. Chữ lưỡng trở xuống là song kết.

Trong trị ác mắng, đầu tiên là bày duyên. Mạc vấn, là không được tự nói. Chữ ngữ trở xuống là chánh trị, chia làm ba: đầu tiên là bày chỗ khác không dung. Chữ như trở xuống là thứ hai, nói ngay chúng đã bỏ, là hợp hòa. Dặc là cái cọc buộc ngựa, trụ trên là nêu dụ. Chữ nhữ trở xuống là hợp pháp. Không thấy tội là ác mắng khó điều phục ở trên. Tất cả đều bỏ là hợp với cọc ở trên đều bỏ. Chữ như thị trở xuống là thứ ba nói trị rồi đuổi ra. Không cầu cho là do kia hung ác quyết không cho, nên ở đây tức cho là im lặng, nhận sự quở trách của tăng vì không từ chối.

Trong mặc tẫn, ban đầu dẫn bày. Phạm đàn, có chỗ nói rằng: “Trước cung Phạm Vương lập một đàn”, Thiên chúng không đúng như pháp, khiến đứng trên đàn, không qua lại nói năng” với các vị trời khác. Trong luật Ngũ Phần, do Xiển-đề xúc não tăng cho nên dùng đây trị. Kế trong Luận Trí Độ, cường quảng nghĩa là tánh thô ác. Chữ dĩ trở xuống là nêu lý do. Ngữ là dùng lời làm vui. Chung cho cõi Sắc

là hạnh Phạm Thiên, nói cố trái nghĩa là ý đặc biệt. Chữ thử trở xuống là khuyên làm. Cũng có, v.v... tức Tăng-kỳ quyển hai mươi bốn, do Ma-ha-la phạm các tội, tuy sám hối vẫn cứ làm, bèn làm yết-ma không nói chuyện với vị ấy. Nay nói rằng tìm bổn chưa được là bày vì có quên sót. Chữ tạp trở xuống là dẫn chứng. Nhu nhuyến nghĩa là khuyên dụ, ngang bướng tức là trích phạt (thâu chung bảy pháp). Giết là mặc tẫn. Chữ vị trở xuống là nói tướng có ba món. Không nói chuyện với vị ấy tức sự bàn nói hằng ngày. Giáo thọ là y cứ nghiệp học, giáo ước là y cứ lỗi lầm (xưa phối hợp nhu nhuyến với bốn yết-ma, phối ngang bướng với ba cử để làm rõ).

Hỏi: Hai pháp sau đã không nêu lỗi thì lúc nào dùng?

Đáp: Đây gọi là hung dữ lại phạm tội nặng. Trước yết-ma nói rằng: "Lại thêm trị tội", và trong tạp A-hàm vẫn là người không điều phục, nghiệm hai pháp nầy quyết không đơn tác, vì trong không đủ số thì không có người nầy.

Hỏi: Vậy đồng khác thế nào?

Đáp: Trước phải ra khỏi giới không chế nói khác, sau ở chúng bổn trụ không nói chuyện chung. Nếu luận phạm lỗi thì đồng bảy món trước.

Hỏi: Vậy nặng nhẹ thế nào?

Đáp: Trước nhẹ sau nặng, trước chỉ như bỏ đi, sau dụ như giết luôn.

Hỏi: Hai pháp là thứ lớp dùng ư?

Đáp: Ác mắng trị là luật thêm mặc tẫn, tông khác nêu ra suy xét tình lỗi tùy dùng một pháp trị.

Hỏi: Hai pháp nầy vì sao không phải đoạt hạnh?

Đáp: Đã là thêm phạt, vì đoạt hạnh ở trước. Trong diệt tẫn, nếu y cứ nêu trước, chỉ nói rằng "bảy, chín" do đồng trích phạt nương đây rõ đó, nhưng trong bổn luật chỉ khiến diệt tẫn, thêm pháp không có văn kết, dịch sở lại sót, cho nên dẫn bộ khác dùng thành hành sự.

Trong văn gia pháp, nếu y cứ Ngũ Phần thì tác bạch cùng ác ma, lệ đều bốn câu. Nay đều thêm để thành một thể. Văn tựa cái gọi là kiến hành yết-ma, nhận làm tông nầy, hễ thấy thì thấy nghĩa nầy.

Trong duyên, không cộng trụ là yết-ma và nói giới hai món trong Tăng không nhiếp. Không cộng sự là bặt phần lợi dưỡng. Trong phần chọn khác, Đa Luận không lấy tự nói vì chúng đều bỏ. Không hiện tiền là cho từ xa giúp. Chữ nhược trở xuống là y cứ theo Luật để quyết luận. Chữ như trở xuống là chỉ sự, đủ số đã dẫn, ở đây cũng đồng, đại chúng

đồng biết, Phật cũng quở ngăn khiến phải tự nói, cho nên biết không chấp nhận. Lại không hiện, luật cũng không khai. Năm pháp hiện tiền chung cho các yết-ma, nhưng luận chấp nhận, hoặc là hung ác, chúng không thể chế, Thánh Luận đã nêu ra quyết không nói suông.

Trong bác bỏ lạm, tệ kia lúc pháp luật thạnh hành mà còn có nhiều, huống gì ngày nay đời mạt pháp càng không nói hết. Trong phi pháp đại khoa thứ hai gồm nêu chia làm ba: Hai câu đầu gồm nêu, chữ ẩm trở xuống là thứ hai bày tướng, đầu tiên là nêu các phi trị. Chữ hoặc tác trở xuống là thứ hai rõ ba món phi chế. Trong ban đầu, uống rượu, v.v... là bày lỗi đã phạm, phạt tiền trở xuống là nêu pháp năng trị. Phần lớn chia làm năm món, ban đầu phạt tài vật. Nhận hối lộ cũng là tài bảo biếu cho liền hết. Tuy chẳng phải pháp chế, nhưng do trước đồng hòa không đưa thành nặng, bốn món khác có thể biết. Trọn năm khổ nhọc một câu luôn thuộc văn trên làm một món, khai khẩn cày bừa cắt cỏ. Kế bày ba món chế, là đồng loại phép tắc sửa trị chúng viện ngày nay.

Ban đầu trong chế phá giới đã nêu nhiều, tướng và luật đều cấm, trái lập là chế. Cắt cỏ tức phạm đào hoại. Phần ăn của tăng tức trộm của thường trụ mua bán, v.v... tức chứa vật bất tịnh, còn bao nhiêu có thể biết. Tức thiền chúng ngày nay không biết giới tướng, khắp nhóm tăng chúng, lặt rau làm đồ ăn, nêu đời thạnh truyền, tự khoe làm chánh, thì tệ lậu đây từ lâu, ai là người sửa? Khoa sách nghĩa là tính toàn vơ vét, chứa tức miệng sinh, sản nghĩa là ruộng đất, là ba món trong chế thuận thế tục. Tá là buông tha, vua ở đời khắp tha, Tăng lấy làm chế. Hối lộ được thoát là bắt chước theo thế tục chuộc tội hình, nhân lợi cầu lợi là mất ít đạt nhiều.

Trong chế phi pháp cũng có ba, Lộ lập tức khỏa thân, thổi tro là thổi tro bụi. Chữ như thị trở xuống là kết chung thứ ba.

Trong suy giải thích, đầu tiên là bày lý do phi pháp. Trên rõ trái giáo, dưới bày mặt làm ác. Cương duy là Thủ chúng. Chữ chúng sinh trở xuống là thứ hai nói thiện không thêm ác, như sau dẫn tức chỉ cho khoa sau.

Trong dẫn chứng, Tăng-kỳ kế bày ba pháp, đầu tiên nói thiện mạnh ác yếu, cho có thể quở trách. Chữ nhược trở xuống là bày ác mạnh thiện yếu, sức chế không nghe, cho nên khai nói người khác dùng tự khỏi lỗi. Chỉ ba người vì đến bốn thì thành tăng, nghĩa là phải quở trách can ngăn, sợ biệt chúng phá tăng. Không tướng đến ông, là sợ chẳng đồng ý, tự khổ não. Nếu không trở xuống là lại không cho nói cho nên khai tâm niệm. Mắt đối phi pháp ý đã khác nhau gọi là thấy

không muốn.

Kế trong Mẫu luận, nói như trên là chỉ cho đồng với luật Tăng-kỳ, như thiên yết-ma dẫn đủ. Trong quyết phạm, sợ nghi phạt tiền, chẳng phải lý thành phạm tội trộm, cho nên trong phần đáp, ban đầu nói chẳng phải phạm. Chữ phi bất trở xuống là nói có phạm. Phi pháp chế là đều mắc tội Đột-cát-la, vì chế khinh mà nghiệp nặng.

Trong chánh chế, đầu tiên có bốn phần. Chữ yếu bình thanh, nghĩa là chế ước. Lại sau câu trên là lập chế, câu dưới là khuyên nương. Luật Ngũ Phần nói có hai đoạn, trên khai cho trái Phật, dưới khiến phải thuận thời, như quốc chế hiện nay Ni không nương tăng, vay mượn công bằng. Sau dẫn Luận Bà-Sa chuyển giải thích luật Ngũ Phần. Trong Giới Sớ giải như cầm vật cấm, lệ ra khỏi cảnh, đây phần nhiều lạm dụng, người học phải phân biệt rõ.

Trong nêu bày, Liễu Luận ban đầu bày chế như pháp. Chữ vi trở xuống là khuyên thuận theo. Chữ hoặc trở xuống là thông kéo dài. Hoặc khi cần là chỉ bày có duyên. Trong kinh Đại Tập sợ bỏ đạo nghiệp chỉ bày có hạn chừng mười vòng như trên. Luật Tăng-kỳ, kia do Phật chế tọa cụ lượng nhỏ, các Tỳ-kheo tranh cãi ồn ào, Xá-lợi-phất làm Thượng tọa bị Phật quở rằng: “Thầy thấy nói vậy sao lại im lặng, nay ta phạt thầy”. Trong ngày đứng, v.v... các luật sau bảy pháp có thể biết. Đoạn thực, v.v... xuất xứ từ Tăng-kỳ, Tăng-kỳ chép: “Nếu Thầy quở trách không nhận phải nói người biết việc (tri sự) đoạn thực (cắt phần ăn)”. Lại nói: “Cho đệ tử y rồi không thể giáo giới để chiết phục, thì đoạt lại, v.v...” rộng như trong phép thầy trò đã dẫn. Trên rõ pháp trị Đại tăng. Chữ trị trở xuống là pháp phạt tiểu chúng. Xấu sống, chạm đồ ăn, đều phạm phi. Chữ tinh trở xuống là tổng kết.

Thứ hai, trong ăn, khoa đầu chia làm hai: đầu tiên bày ý rằng “Đại ngu”, là chúng sinh cõi Dục đều dùng thứ ăn để nuôi thân mạng, vì không thể thiếu. Thăm hỏi: Đức Thế Tôn hễ thấy đệ tử thì trước hỏi thăm chứng biết việc trọng. Chữ kim trở xuống là thứ hai bày phi, biệt trụ tức gọi là chùa Tăng.

Trong dẫn xưa tức chùa Dụ Sư cáo văn chia làm hai, đầu tiên là nói ý lập chùa. Lại ba món đầu nói về đạo thông. Chữ vi đãi trở xuống là nói về sự thông. Chữ vô trở xuống là giải thích hai thứ thông ở trên. Nhưng trong luật cũng có chủ khách đối đãi nhau. Lai y cứ ở có cũ, có mới nên gượng chia chủ khách. Nếu nói về việc đạo quyết không có kia đây. Tăng lý, nếu y cứ lý hòa tức là chân lý, nếu luận sư hòa là chỉ cho đạo lý, bình đẳng tức hòa. Cho nên sau kế là nói về chế độ ăn

uống. Trước bày nghĩa chung. Như pháp, nghĩa là năm chúng xuất gia thể tướng không thiếu. Đến thời tức giữa trước mà đến. Chữ nhiên trở xuống là kế rõ dụng cho. Nhậm đạo: nhậm nghĩa là gánh vác, tức mạng chúng sinh.

Trong khuyên mở lòng, hai câu đầu là nêu trước để bảo, chữ chân trở xuống là bày ý để khuyên. Ban đầu rõ bổn chí xuất gia. Bốn oán tức bốn ma, cả bốn đều chướng đạo dụ đó như kẻ thù. Sáu thân là cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Tục hư vọng tức là bốn loại ở trên. Đạo chân thật là quả Niết-bàn. Chữ thị trở xuống là chánh khuyên.

Trong trách kỵ hẹp, ban đầu bày ý chung. Chữ nhi trở xuống là quở trách. Chữ minh trở xuống là trái việc gốc. Chữ xuất trở xuống là trái đạo gốc.

Trong bày tổn có ba: đầu tiên suy cuộc hạn thấy giữ gìn thân mạng, tâm không kính mến xa. Sau thứ hai là bày tổn hại, bốn câu trên là tự mình tổn. Chữ truyền trở xuống tức lầm người khác, xin rõ các lỗi thương tổn rất sâu, nghe mà không làm vì chưa xét ý gì. Hậu sinh nghĩa là học tập theo không cùng, nên nói là xa. Chữ cải trở xuống là thứ ba, răn dè khuyên can.

Trong phần giải thích cạn, việc Tăng tức đồ ăn. Trong phần đáp không cùng, bốn câu đầu quở trách, chẳng hỏi việc vụn vặt. Chữ phu trở xuống là bày ruộng phước. Bốn bối nghĩa là trời, người, rồng và quỉ, tức chủ năng thí. Tam Bảo tức cảnh được thí. Chữ du trở xuống là lược nêu bốn vật để dụ cho vô tận. Trời đất sinh trưởng dụ cho nuôi nấng bốn loài liên tục không dứt. Núi sông thọ dụng dụ như ruộng phước Tam Bảo ra vào không cùng.

Trong dẫn chứng, ban đầu dẫn văn kinh. Hành đạo, đạo là pháp định, tuệ; hành là giới luật. Sợi lông trắng của Phật có trăm ngàn ức phần phước, giảm một phần cho Xá-lợi và các đệ tử. Chữ do trở xuống là y cứ theo kinh bày khuyên. Trong nêu việc hiện tại, chữ thừa nghĩa là chính thân truyền nghe, việc tương tự ngược nghĩa thật đúng. Nói là khách, nghĩa là vì đãi khách nên đến đỗi nghèo cùng.

Trong chẳng phải trí biện, câu đầu là lãnh trên. Chữ nhân trở xuống là bác bỏ đến hỏi. Ban đầu nêu hỏi trách phi, chữ nhược trở xuống là thuận tính rõ cuộc hạn, đã là người ngu thì sức không chung cùng, tâm nầy liền bị cuộc hạn nơi nhỏ nhặt, sự quyết không đủ. Kia nói không trống cho nên nói là đầy.

Trong nói về hoặc, đầu tiên là lý do sở hoặc, chữ nhiên trở xuống là rõ ý không thiếu. Trong Chú, dẫn việc đời để khuyên, ban đầu nêu

việc, chữ diệc trở xuống một câu là nêu ra Luận Ngữ (kia nói rằng: "Nghĩa song sau lấy người không nhàm thủ kia" là rõ đây nghĩa ăn, việc đã đúng nghi, người cũng ưa thí cho nên không hết). Chữ thử trở xuống là chánh khuyên, ban đầu chỉ việc trước để dụ. Chữ thả trở xuống là dẫn lễ ở đời để dụ, cũng là văn Luận Ngữ (Sách ấy nói rằng: Quân tử cầu đạo không cầu ăn). Chữ dư trở xuống là than thời lại răn nhắc, tích là chứa nhiều, Sự là ăn uống.

Trong rõ dùng cho, khoa đầu tiên nói rằng: "một không cho ấy, nghĩa là không dùng phi, quyết có thể nương pháp như sau thì cho". Khoa kế, trong phần nói về lợi ích, đầu tiên nói về khéo dùng. Chú rằng: "Chẳng sinh ưa do nhậm tình, chẳng sinh ghét do nương pháp". Chữ thị trở xuống là kết lợi ích.

Trong phần nói về tổn, ban đầu nói chẳng dùng. Chữ linh trở xuống là bày lỗi. Ban đầu nói về mất lợi, sau khiến các trở xuống là nói về đọa khổ. Đạo tục phần: Đạo tu trí phần làm ruộng phước cho tục, tục tu phước phần phải cúng dường đạo chúng. Nay thì trái ngược cho nên nói là không biết. Hủy Ba qui y là mất tín tâm kia, xâm lấn Tam Bảo, chữ trị trở xuống là kết tổn.

Trong chỉ lược, tùy tướng tức giới trộm, giặc và không tin, đều khai cho ăn. Phải nghĩ, nghĩa là so lường, kế dẫn lời Thánh. Trong tác tướng, văn Đa Luận chia làm hai: Ban đầu nói về chế pháp, ba câu trước chế phải làm, Tăng-kỳ: Hán dịch là "Đại chúng" tức thức ăn của thường trụ, trong chú bốn tướng, đồng với đồ thổi, đánh trống, xướng lịnh. Chữ nhiên trở xuống là chế cần định, do chuông trống nhóm tăng thất thường không chuẩn mực, đến đỗi có được mất, cho nên chẳng phải pháp tăng. Chữ nhược trở xuống nói về lỗi không làm. Trộm Tăng-kỳ là nói hai món thường trụ di-lan khác, như trong giới trộm. Chữ hựu trở xuống là thứ hai, nói về khỏi lỗi. Ban đầu nói đồng giới có đến không? Văn chú y cứ trên chế định để quyết thời vụ. Nếu đại giới, v.v... trở xuống là nói nhiều chỗ xen làm. Luật Thiện Kiến đại lược đồng như trước.

Trong tạo nhận, Đa Luận đoạn trước rõ tạo, đầu tiên nói rõ giới hạn thường, mau nêu một học để bày tướng kia, mười đấu là một học, nay gọi là một thạch. Nếu bớt trở xuống là nói thêm bớt. Hai, là kết tội trộm đều y cứ biết việc. Chữ ký trở xuống là nói người nhiều ít, nhiều thì chia đều, ít thì để lại. Chú quyết văn luận, nhiều quyết không. Kế nếu... trở xuống là nói nhận cần đồng đều không được quá phần, sau dẫn luật luận ý cũng đồng. Trong luận ăn riêng là luận kia y cứ chúng tăng cho riêng, cho nên nhẹ. Không bịnh đòi ăn là xếp vào khoa trộm

lại gồm cả nói dối, lý mắc hai tội. Chữ dư trở xuống là chỉ cho kinh, kia nói "Thời Phật Ca-diếp, có Tỳ-kheo làm Thượng tọa tăng mà không biết thiền tụng, không hiểu giới luật, ăn no ngủ say, chỉ bàn nói những lời vô ích, ai cúng món ăn ngon thì ăn uống trước chúng tăng, do nhân duyên nầy đọa vào địa ngục làm cục thịt lớn bị lửa đốt, chịu khổ đến nay chưa dứt", kinh kia việc rộng người cần phải tìm đó. Các chúng ngày nay phần nhiều có lỗi nầy, tuy truyền dạy Kinh luật mà không biết nhân quả, riêng sửa soạn đồ ăn ngon lạ, ăn riêng với chúng, buông lung tâm tham, xâm tổn của thường trụ, đâu nghĩ rằng trái lời Phật dạy, thương tổn tình cảm chúng tăng, được chút ít ngon béo trong chốc lát lại chịu khổ sở trong đêm dài. Than ôi! Keo kiệt bủn xỉn biết phục tâm nào.

Trong nghĩa quyết, phá giới chỉ là y cứ bốn tội nặng, tài pháp không có phần. Tội tăng tàn trở xuống đều không thể khác. Sau trong chín mươi đơn đọa, luận biệt chúng là y cứ thí chủ cho ăn, nên phạm tội Ba-dật-đề, ở đây rõ thường trụ, riêng khác thành tội nặng, thiếu kia tự chia thành trộm tổn. Bố thí ngoại đạo thì không tự tay cho, vì trong Ba-dật-đề cấm. Tứ là hầu hạ.

Trong Tăng kế, ban đầu bày phi pháp, giản nghĩa là lựa bỏ, tức sau kết phạm. Ba câu trên kết chúng sinh, hai câu dưới kết hợp chúng. Chữ hựu trở xuống là rõ lỗi. Không gọi chỗ tăng vì đồng nhà thế tục.

Trong trụ xứ chia làm hai: Ban đầu đến biển đức là nói Pháp sư đúng pháp. Trước rõ trụ xứ, năm người có thể được ở biên quốc thọ giới gốc của giữ gìn cho nên nêu riêng. Chữ minh trở xuống là rõ đãi khách. Chữ sơ trở xuống là nói tu nghiệp. Chữ nhược trở xuống là kế nói che lấp phá giới. Chữ như trở xuống là chỉ rộng. Nay ở quyển 28 nói trong Chiêm Đãi nêu sáu hạng người: Người chỉ tùy tướng, sau dẫn luật Thập Tụng là cung cấp cho vua quan. Dùng mười chín tiền không cần bạch tăng, lại đòi bạch tăng. Người làm, lượng công mà cho tiền. Người giặc có tùy thời toan tính phác thảo (bốn hạng người trên xuất xứ trong luật Thập Tụng). Người thế tục, Ngũ Phần nói là người lòng dạ bối rối không tin, đồ tốt cho ăn, kẻ tin hiểu biết nói ăn khó tiêu, v.v... Người thanh tịnh, Luật Thiện Kiến chia xét trên dưới, phải xét cho ăn, sai khiến lâu dài phải thường cho cơm áo. Tóm lại lược dẫn đều rộng như sau.

Trong y cứ pháp, đầu tiên nói rằng: "Riêng làm Yết-ma, nghĩa làm sám tội, thọ nhật v.v... Trong nêu tội, ban đầu nói đến cử, đã bảo với người thì gọi là phạm. Chữ tiên trở xuống là rõ khám nghiệm không nêu ra ba món: một căn, hai xứ, ba tội. Căn và xứ nêu thấy để hỏi; Nghe,

nghi chỗ y cứ đồng. Trong tội văn lược tà mạng. Chữ như trở xuống là nói đền đáp. Trước rõ năng đáp nương làm, người có trí là chúng chủ. Chữ nhược bất trở xuống là nói vọng nêu trị ngược, nêu tội nặng trị tội tăng tàn, nêu tăng tàn trị Ba-dật-đề, nêu Ba-dật-đề trị Đột-cát-la, nên nói là y pháp. Sau trong dẫn chứng các tội khác là bốn tội nặng, đây gọi là thật phạm nhưng không y cứ, cho nên tức phạm bàng tội. Không thành ngăn, nghĩa là hay nêu bổn ý vì ngăn người khác nói tự tứ. Chữ văn diệc trở xuống là dùng nghĩa quyết văn, nghĩa là đối đáp tuy sai, tình cho thật giả, thành ra châm chước, chưa thể một bề thống nhất.

Trong đến thời, ban đầu nêu việc răn dè cẩn thận. Chỗ làm nặng ấy như thiên trước gọi là cứu chúng sinh mê nặng nhiều kiếp sâu xa ra khỏi ba cõi.

Chữ ám trở xuống là bày thời tiết tác pháp, trước nói giữa đêm là phi pháp. Nói đổi tiết là đứng ngồi sai trái. Kỳ là kính. Chữ sự trở xuống là khuyên sớm làm. Nói không dễ nghĩa là việc quan trọng. Trong đối người, pháp Thượng tọa, chỉ Tăng-kỳ như trong nói giới có dẫn.

Trong cuồng si, đầu tiên là nêu chung ba phẩm, thứ nhất là trung phẩm, thứ hai là thượng phẩm, thứ ba là hạ phẩm. Thập Tụng trở xuống ba luật riêng bày trung phẩm. Sau chỉ cho Yết-ma ấy, luật nhân Tỳ-kheo Na-Na-Do tâm loạn cuồng si cho nên chế, bạch rằng: Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Na-na-do nầy tâm loạn cuồng si, hoặc nhớ thuyết giới, hoặc không nhớ thuyết giới, hoặc đến, hoặc không mà đến. Nếu Tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng làm yết-ma tâm loạn cuồng si cho Tỳ-kheo Na-na-do này hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến hoặc không đến, khi tăng làm Yết-ma nói giới, tác bạch như vậy (yết-ma y cứ theo đây mà làm). Bốn đối xứ rõ chừng.

Trong oai nghi, đầu tiên là bày tổn ích, Thập Tụng trở xuống là dẫn văn làm chứng. Trong Già luận đều rõ Thượng tọa là phép tắc của chúng, ban đầu xem oai nghi nầy là chánh. Chữ dụng trở xuống là hành thực, v.v... nhân đó mà dẫn. Tăng-bạt là tiếng Phạm, tức trên xướng pháp ăn bình đẳng. Trong thiên mời thỉnh cũng đồng dẫn ở đây, tức là đồng cúng. Thập Tụng trở xuống là chỉ đồng.

Trong pháp xử chúng, ban đầu dẫn luận bày pháp Hiền, Thánh tức chúng đệ tử. Chữ chuẩn trở xuống là y cứ luận răn dè lỗi. Bất đắc trở xuống là nói trái với pháp trên. Chữ hựu trở xuống là trái với sự im lặng ở trên.

Trong trang sức, khoa đầu chia làm hai: Hai câu trên là nêu chung, chữ Tát trở xuống là giải thích riêng. Trước rõ cắt gọt, đầu tiên Đa Luận

nói về chế, trái thì có tội. Kế dẫn luật Tứ Phần, thời hạn không được lại quá. Thứ ba là dẫn kinh Niết-bàn để nói về lỗi. Đầu, tóc, móng, râu, có chỗ nói rằng: Nói trái lại nên nói là đầu tóc, râu, móng, hoặc có thể chọn các thứ lông khác, nên nói là đầu tóc, tức văn nói rằng “lông mặt”. Thiện Tạp nói móng tay dài nhất là bằng hạt lúa thì nên cắt. Kinh chép: “Đây là tướng phá giới”, cho nên nói là “Phật quở”.

Chữ sở trở xuống là kế rõ chấp dùng, bày như tướng phi, ở văn sẽ hiểu. Sau chỉ giày, guốc như bình bát, cũng thấy trong thiên Hai y.

Khoa kế, ban đầu nói năm pháp nhập chúng: 1- Tu tâm thương xót chúng sinh. 2- Khiêm hạ tự nhún mình. 3- Như Sao đã dẫn. 4- Nói giới pháp ngữ. 5- Thấy lỗi thầm sửa. Thập Tụng trở xuống, đầu tiên nói rời khỏi chỗ ngồi, kế nói vào nhà. Ban đầu thường tưởng pháp, kế đó pháp ra vào. Văn nói đông tây nêu đủ, lại y cứ cửa nhà phía Nam, mà nói lời cốt yếu. Nhưng khiến ra vào trước nêu bên gót ngạch cửa thì chung các chỗ khác, không cần phải Đông Tây. Nếu muốn, v.v... trở xuống là bày cách ngồi. Trong chấp dùng lìa dục, ban đầu nói áo quần kẻ tục, tập là loại quần, bào là loại áo, cừu là áo da, công là giày. Chữ đồng trở xuống là nói đồ thế tục, bát ngói thể xếp vào phi, hoặc vì sắc lượng không đúng như pháp (bổn viết hoặc không có chữ Ngõa). Chữ liển xưa mệt mỏi ngược với chữ du khứ thinh. Chữ tinh trở xuống là nói trái giáo. Chữ thiện trở xuống là dẫn chứng, đương giống như vậy. Vô tội, y cứ hoại vật người khác vốn là lấy trộm, vì tâm hộ pháp khai là không phạm.

Đến chỗ rõ dụng, khoa đầu dẫn bài cáo của chùa. Trước bày lỗi để răn nhắc. Kinh là Niết-bàn phẩm ba mươi mốt chép: “Tuy không cùng hợp với người nữ chế diễu cười đùa, ở ngoài vách xa nghe các tiếng vòng xuyến anh lạc của người nữ kêu sinh tâm ái trước, Bồ-tát như vậy hủy phá tịnh giới làm ô nhục phạm hạnh”. Chữ Tăng trở xuống là dẫn chứng. Chữ tỷ trở xuống là lúc bác bỏ, đầu tiên bày tăng ở chùa. Lưu uế nghĩa là chứa người nữ. Bỏ tịnh là trừ tịnh nhân, anh là tận. Chữ kim thời trở xuống là người ngu phần nhiều nhân kim, chỉ, bước đến nhà dâm vời lấy sự chê bai của người đời, hoặc ở tăng phường lôi kéo nhiều ngày, lấy cho không giữ gìn sự xúc chạm, nói cười không dè dặt lời thô, nhiễm ý lén nhìn, niệm niệm kết nặng, ngồi đứng lâu ở lều quán, mỗi việc đều mắc tội Ba-dật-đề, hiện đời bị phép phạt của thế gian, lìa hẳn ca-sa, đời sau chịu khổ trong ngục Nê-lê, bị thiêu nấu rất khó kham nổi, nên vâng theo lời Phật mới bảo đảm được lúc qua đời. Chữ câu đồng với ràng buộc, nghĩa là như cầm tù. Sau rõ chùa Ni đối ngược trong tăng.

Trong khoa kế, ban đầu bày lỗi không kết. Khố tàng là kho vựa,

trong văn nói hai lần, tịnh tức là tịnh địa. Đạo tục lạm là không có chỗ riêng. Tịnh uế lẫn lộn là không phân biệt được chỗ ngủ và chỗ nấu, phạm hay không phạm. Chữ lập trở xuống là kế trách không biết. Nói chợt nghe là hoặc người biết pháp ra lệnh sai làm. Hoặc tai là nghe không hiểu. Kinh tâm nghĩa là mới lặp. Chữ khởi trở xuống là suy lỗi. Tịnh trụ là tên khác của già lam.

Trong thứ ba, ban đầu nói về lỗi. Bật là dụng cụ của xe ngựa (nghĩa là yên cương, v.v...), cương là dây cương ngựa, bán là cái cùm để buộc ngựa. Quyện là vòng mũi trâu, quyết là cọc buộc trâu ngựa. Chữ tạp trở xuống là dẫn bày. Lưu trú là nghiệp ác cùng khắp. Tương tục là niệm niệm tăng thêm. Sở dĩ như vậy, là do kia tâm hại chẳng phải chỉ một cảnh. Lại không thời hạn cho nên khéo sinh thành. Bàn mất giới lành là thế ác quá mạnh. Chữ kim trở xuống là y cứ bác bỏ, cư dụ như hợp. Nói đồng súc, là hoặc chúng chủ tự làm, tâm cả chúng không muốn, nghĩa không bao gồm chúng. Nói không giới là nghiệp ác thuận hoặc, thế lực mạnh mẽ tất cả giới lành đều dứt sự nối nhau, cho nên có người nói rằng: “Lại là một loại chuộc, giới thượng thiện không tiếp tục được”, chẳng phải gọi là các giới khác đều không. Lại nói rằng “Đây chính là răn dạy siêng năng rất tha thiết”.

Trong thứ tư, ban đầu bày phi pháp. Cứ là cao ngạo. Nói y thời là các thời như pháp thực, v.v... Chữ tự trở xuống là bày chỗ tổn. Chữ tịnh trở xuống là suy nguồn lỗi.

Trong phần xem xét nói giới, đầu tiên là nói chỉ trao. Chữ Minh trở xuống là dạy khuyên dẫn dắt.

Thứ năm trong tạp giáo thọ hay can ngăn, ban đầu dẫn bàn năm pháp. Tự có lỗi lầm không chịu nghe người can ngăn. Chữ tất trở xuống là kia chấp nhận, thì không trái cãi. Chữ thử trở xuống là chánh bày can ngăn. Can ngăn các lỗi, trong đó có hai: Ban đầu can ngăn ở chỗ vắng. Lời can ngăn lại có ba: Ban đầu là phiếm dụ, chữ kim trở xuống là chánh bày, chữ dục trở xuống là bày ý. Chữ tất trở xuống là kế nói đối chúng can ngăn mắc tội ấy, trái giáo phạm Đột-cát-la.

Trong can ngăn trái chế, ban đầu là khuyên chung. Dẫn là trì, rõ tuy là người chế nhưng Phật dạy giữ gìn cho nên không thể trái. Chữ kim trở xuống là thứ hai chánh bày. Nhìn người xét mình cho nên nói là xem xét giới, lược bày phép tắc, còn bao nhiêu mặc tình gặp thời chế cho nên bày, v.v...

Trong căn ngăn sáu tụ, ở đây có gì khác với can ngăn ban đầu?

Đáp: Trước ở trong chúng phù phiếm, tâm tánh thô bạo chưa điều

phục, chỉ nói là có lỗi, không nói ở tụ nào.

Trong văn đầu dụ chung, chữ kiến trở xuống là thứ hai, xét phạm khuyên sám hối. Trái lời trên ấy, một thấy phạm, hai phạm rồi năng sám. Chú khiến dẫn kinh ấy, kia nói rằng: “Chớ cho là tội nhỏ mà không có tai ương, giọt nước dầu nhỏ lần đây chum lớn”. Các kinh khác chưa rõ văn gì.

Trong năm món bất thiện: một, là đoạn rồi sinh thiện. Hai, tức khởi chưa sinh ác. Ba, là trái giáo. Bốn, là chướng đạo. Năm, là quả báo đời sau.

Trong can ngăn đem phạt, ban đầu dùng đức tăng để khuyên. Chữ lại nói trở xuống là dùng trị nêu để khuyên. Chữ lại không trở xuống là dùng đoạt hạnh khuyên, các văn khác có thể biết.

Trong phần nói về nhiếp chúng, ban đầu nói lợi ích. Chữ khiên giống như dẫn, khóa là tôi. Dẫn mà chỉ huy đó là nói dẫn dắt khuyên dụ không mệt mỏi khiến chúng được lợi ích. Chữ tất trở xuống là bày tổn, ban đầu chánh chỉ bày. Tuổi tuy già mà đối với pháp không biết thì giống như người nhỏ tuổi. Chữ cố trở xuống là dẫn chứng. Trong luật, đồ chúng của A-nan làm phi pháp bị Ca-diếp quở. Các dục mất ấy, thầm dụ như hư hoại. Ông là người tuổi nhỏ là mạng A-nan. Chữ Câu trở xuống hai câu là bác bỏ buông lung. Chữ sơ trở xuống hai câu là bác bỏ biếng nhác. Chữ biến trở xuống hai câu là bác bỏ dối ăn của tín thí, cho nên nói phá “cốc”. Lại giải “cốc” tức là huấn thiện, nói hoại tâm tịnh tín của người (Luận ngữ chép: “Ba năm học không đến nơi cốc” chú giải rằng Cốc là thiện, tức là khéo). Chữ dĩ trở xuống là y cứ văn trước răn dè. Nói biết pháp tướng ấy, là vì học rộng, nếu y cứ Phật đối với A-nan dụ như người học. (tờ 126). Nay nói vô là nói theo sau. Tự khinh nghĩa là không cho nhiếp chúng là quan trọng.

Trong phần chọn người, ban đầu là nêu. Chữ Tu trở xuống sáu câu là nêu năm đức: 1/ Hạnh trong sạch. 2/ Chí bền. 3/ Học rộng (giữa hai câu). 4/ Hiểu cao. 5/ Trí sâu. Chữ khả trở xuống hai câu là bày có công năng kham lãnh. Ngày nay mờ mịt xấu xa không có một đức, liền ở đầu hàng tăng ngu si, cùng nhau làm việc phi pháp, chỉ mưu cầu lợi dưỡng, còn bao nhiêu đều không hiểu biết, đáng thương xót thay.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký

Quyển thượng, phần hai xong.

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 3)

THIÊN THỌ GIẢI THÍCH GIỚI

Thọ là tâm năng lãnh thọ, giới là pháp được nhận. Thọ có chung năm loại: 1- Thiện lai. 2- Ba lần nói. 3- Phá kiết. 4- Tám kính. 5- Yết-ma. Giới chia ra bốn vị (năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc). Nay nêu thọ là y cứ yết-ma, giới là giới cụ túc. Tựu trung yết-ma tự chia sáu vị (trong tăng mười vị hay năm vị. Trong Ni có hai mươi vị, nghĩa là lập mười vị, tằng giá nhỏ tuổi, thiếu lòng tin, gồm trước cộng thành mười thọ). Nay y cứ văn nầy, chính là nói trong đại tăng ở giữa nước mười vị, tăng hành sự yết-ma, nghĩa gồm biên địa năm vị. Chúng khác sự đồng cho nên không nêu riêng. Duyên tức năm món trong văn, đến xa lìa là mười bốn, các duyên nhóm họp tác nghiệp mới thành, cho nên nói là nhóm họp.

Sớ chép: Phật ở đời hàng lợi cơ siêng khế hợp liền cảm, đời mạt pháp Thánh chế khe khắc theo duyên, duyên nhóm thì tác nghiệp mới thành, duyên tán thì giới đức không lập, ý văn rất giống. Sở dĩ không nói nhân là vì nếu y cứ vào nhờ nhau thành nghiệp thì nhân duyên nghĩa thông, nếu luận công có thân sơ thì trong ngoài thể khác. Nay nói rằng duyên nhóm, lại y cứ vào thông luận còn chỗ khác theo hai nên ý khác.

Trong phần nêu khen, phàm phu tệ xấu là tên chung của sáu đường; phiền não, nghiệp, khổ là cấu nhiễm bất tịnh cho nên gọi là uế lưu. Thánh chúng là tên chung của Ba thừa, thánh đạo vô lậu được người, trời tôn trọng cho nên nói là “ngôi báu”. Trên nói chỗ bỏ, dưới nói chỗ được.

Trong bày duyên, sáu câu ba ý thứ lớp sinh nhau. Ban đầu nói tâm rộng duyên nhiều, câu trên tiếp trước siêu nhập. Dưới nói rằng duyên nhiều tức là các tướng chung riêng của năm vị (Có thuyết nói duyên nhiều tức cảnh pháp giới, rất sai ý văn). Hai câu kế nói về duyên nhiều

việc khó, pháp sự là tên chánh gia ở sau, tức lời nói, hoặc có thể viết là vưu. Hai câu sau nói sự khó, phải xét lại.

Trong phần bác bỏ chung, hai câu đầu là bác bỏ không biết ngăn đón. Mỗi giống như nhiều. Sư và tượng nghĩa là một, nhà văn nêu chồng thêm học giáo, biệt pháp nêu việc thành lợi ích, cho nên nói là thật dễ. Không học thì mờ mịt giáo pháp, mình người đều tổn cho nên nói là thật khó, ý rằng làm thầy vốn dễ mà lại khó. Chữ đãn trở xuống là suy lý do vọng làm. Thông nghĩa là theo xưa, cách là mới, sự tuy xưa truyền vẫn cho là có sửa đổi, kia chỉ chấp xưa nên nói là không suy nghĩa, chân giáo tức là Luật.

Trong bày phi, năm câu tức bao gồm bốn duyên. Câu hai, câu năm là sự phi, còn ba câu kia có thể thấy. Chấp văn tức là thưa đọc, chương là già nạn có thông được chăng? Nạn thì đóng hẳn, mỏng nghĩa là bên trong không đầy. Xấu nghĩa là thể tướng trái thường, văn lược nghĩa biệt chúng quyết gồm. Mượn tiếng y bát, lỗi ở năng thọ, nên nói là Tự.

Trong kết tổn, hai câu trên chỉ bác bỏ. Chữ hư trở xuống nói về tổn người, đường cũng là hư, là dối. Chữ hậu trở xuống là bày tổn mình.

Trong dẫn khuyên, đầu tiên dẫn kinh. Chữ thử trở xuống là y cứ theo kinh khuyên cẩn thận, không thể lầm người. Nếu y cứ bổn luật được liền lại thọ, nay trông sự khó nên nói là không nên. Chữ cố trở xuống là chánh bày ý thiên.

Trong đủ duyên, ghi chép xưa và khoa nầy là năm duyên xưa, nghĩa là trong chánh thêm, mười món phương tiện là nay mười duyên Sư. Hủy giáo của Tổ Sư, làm mù mắt kẻ hậu học, rất là lừa dối, bỗng lỗi ở đây. Vả lại năm duyên hành sự này trước sau bao gồm hết đây, lựa chọn có thể được hay chăng? Xem xét được mất, quy cảnh năng thọ là giềng mối của một thiên đầu, cho nên đặc biệt nêu, tổng ý sở dĩ trước bày là dụ cho chú văn yết-ma cũng đồng trụ ở đây. Trong Sớ giải thích lại càng rõ. Đều không thảo luận liền xuyên tạc, người đến học chưa suốt thì vọng truyền nào cùng.

Trong nhân đạo, ban đầu chọn đường khác. Nếu y cứ nhiều tông, các đường chung thọ ba qui y, không thấm nhuần giới pháp, thành tông cũng chung cho năm giới, tám giới, nhưng chướng xuất gia. Nay nói thọ giới cụ túc các đạo khác đều khó nhiếp. Chữ như trở xuống là nêu đó. Sở dĩ như vậy, là cõi trời nhiều khổ vui, Tu-la hoài nghi, quỷ thần dối gạt, súc sinh ngu si, địa ngục thường khổ, chỉ cõi người đây khổ nhẹ hơn các đường ở dưới, vui kém hơn cõi trời ở trên, ý thức mạnh niệm lực có thể tôn sùng đạo nghiệp, đều rộng như Sớ, tiếp lược trích dẫn.

Chữ Tăng-kỳ trở xuống là lại chọn nhân đạo. Văn có hai tiết, trước lựa tuổi ít mà có khả năng kham lãnh cũng thế, sau chọn năm tuổi dầu lớn cũng ngăn, văn sau chỉ rộng. Kia chép: "Tám mươi, chín mươi, thì quá già. Quá bảy mươi nằm ngồi cần người dìu đỡ thì không cho độ, nếu tu tập được các nghiệp thì cho xuất gia (nghĩa là làm Sa-di).

Hai, các căn đủ ấy là do tướng nghi có thiếu, làm ô nhục tăng chúng cho nên phải chọn. Văn có ba đoạn: 1- Giải thích duyên tướng, thân đủ, v.v... là lược bày ba căn. Trăm già là nêu đại số, chữ Luật trở xuống là chỉ rộng, như sau dẫn đủ. Chữ y cứ trở xuống là quyết văn luật. Ban đầu chọn hằng định, Sớ chép: "Ba căn tai, lưỡi, ý giúp đạo thù thắng. Do tai nghe pháp, ý duyên tà chánh, có nghi thông quyết, nếu chẳng phải lưỡi thì không thể nói, ba căn nầy có thiếu thì không thành thọ. Chữ dư trở xuống nói về thông định như trên đã nêu, tướng có nặng nhẹ như trong chánh hỏi, sau chỉ nghĩa văn sao thấy ở quyển thượng. Trong ba món thân khí nếu hoàn toàn chưa thọ, cho người làm ô nhục Ni, tặc trụ, năm tội nghịch thọ năm giới, tám giới, mười giới thì có biên tội tặc trụ, cho nên nói rằng "Tục đã đến", v.v...

Mười ba nạn, vả lại nêu chung, ở đây chọn thân khí chỉ là nói về tạo nghiệp, nhưng thâu biên ni, tặc phá, ngăn tội nghịch, v.v... chín loại, cho nên nói là tạp lỗi, chẳng phải chứa duyên đầu thâu huỳnh môn, hai hình.

2- Nhiếp bốn tướng đủ, trong luật nói lõa hình, mặc áo thế tục, y ngoại đạo đều không được thọ. Trong năm duyên, ban đầu bày duyên tướng. Có nguyện chưa đủ, cho nên nói chút phần, sau dẫn luật chế. Nói đắc giới là bạch tứ rồi liền phát. Mắc tội là mất thứ lớp chế. Năm điều trên, kế bài lựa từ rộng đến hẹp. Ban đầu y cứ các đường thì chọn người, hai trong người thì chọn quả báo cao quý, ba quả báo cao quý thì chọn nghiệp, bốn nghiệp tịnh thì chọn nghi, năm đầy đủ oai nghi thì chọn pháp. Lại gồm chia làm ba, hai thứ trước và nghiệp trong quả báo đồng với trước, hai thứ sau thì thể tướng, hình pháp cả hai đồng. Lại y cứ giá nạn thâu thì một và ba không có trọng nạn mới thành, còn ba thứ kia khinh giá dầu có cũng thông cho, lại tự giải thích. Thứ hai, trong chỗ đối kiết giới khoa đầu chia làm hai: Ban đầu nói về lý do cần giới, chữ cố trở xuống là răn nhắc khiến xem xét thì có hai món: một là nói giới tướng biết giới hạn nhóm, hai là nói thị phi, rốt ráo bổn hành sự. Không như vậy tức trái với hai điều trên, hoặc nêu tướng không y cứ, hoặc kiết trước không như pháp gạn thiệp nghi lạm đều phải kiết lại. Sớ chép: "xả giới rất dễ, đâu được tự khinh".

Trong phần bác bỏ, hai câu đầu nói trái với bổn chế. Chữ triếp trở xuống là bác bỏ vọng làm, thiên trước đã phá cho nên chỉ như trên. Chữ Tất trở xuống là chỉ giáo. Duyên nầy hoặc tăng khó nhóm, hoặc nghi giới cũ cần ra ngoài giới. Nhưng đại giới bổn chế không vì nạn duyên, gồm phải lập tướng. Tiểu giới ngược với ở đây cho nên xếp vào pháp phi, nếu thêm duyên tướng đại giới đều như, cho nên nói là "không sai trái". Khoa kế, là dẫn truyền, tức việc ấy.

Trên quyết tiểu giới, nhược y trở xuống là kế bày giới tràng, e sau lạm dùng cho nên ở đây dẫn bày. Trong khuyến dẫn, ba câu đầu chỉ bày chung. Nói chư Sư là do trong truyện đã nói, Tăng-già-bạt-ma đã là Tăng Ấn-độ so sánh mà biết, đều vậy cho nên gồm chỉ. Chữ cố trở xuống là chánh dẫn, tức Cao Tăng Truyện đời Lương nói đời Tống niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười một, Tuệ Chiếu ở chùa Kỳ-hoàn đối với Bạt-ma thọ giới lại. Lên thuyền giữa sông hỏi người tức là Tuệ Nghĩa, Pháp Sư nạn rằng: "Tăng sự bố-tát thường ở trong chùa và luận thọ giới sao lại ra ngoài sám?" Chữ đáp trở xuống đều là lời của Bạt-ma, ban đầu bày chỗ nghi. Biệt chúng phi pháp, hoặc vốn khi kiết tăng có trái biệt, hoặc nay khi thọ, giới không phần chừng đến nỗi có lỗi riêng chúng. Chữ dư trở xuống là đáp trong chùa bố tát. Chữ phàm trở xuống là đáp ra ngoài thọ giới. Trước nói rằng tôn trọng bởi chỉ đây vậy, thoát dụ như lược.

Thứ hai, năng bỉnh cùng trở xuống là số đủ có gì khác nhau?

Đáp: Năng bỉnh là y cứ Tăng thể, số đủ là y cứ sự dụng.

3- Trong đây chia làm hai: Ban đầu giải thích duyên tướng. Làm không phép tắc gọi là phi pháp, sự trái giáo chế gọi là phi Tỳ-ni. Chữ kim trở xuống là ngăn lạm, quyết nên ứng pháp, mê muội giáo ít đức nhiều cũng chẳng đủ. Chữ văn trở xuống là thứ hai, dẫn bổn chế. Ban đầu nói trong hai vị bên phần chừng như trong hai y. Sở dĩ năm người nói riêng trì luật là tăng ở bên địa ít e không lựa chọn cho nên đặc biệt nêu, chẳng phải gọi là giữa nước lại cho lạm dự, xưa các Sư lầm giải như Sớ đã bác bỏ. Biên thùy xứ nầy vốn là khai, vị tăng đã lần nhiều nên lại vâng theo phép chế ở giữa nước. Đời mạt pháp mỏng manh, đức học hoàn toàn thiếu, quyết y theo bổn chế khai lý cũng không đổi. Phải biết, Luật chế năm người trì giới, kinh khai ngàn dặm không thầy, chẳng phải gọi là không tăng, nhưng người thật hạnh không dễ có được. Chữ nhược trở xuống là quyết biên địa khai ở trên. Đắc giới, nghĩa là tăng pháp không thiếu. Mắc tội tức bổn chế có trái.

Nếu vậy giữa nước năm người có thể đồng với đây chăng?

Đáp: Giữa nước vốn không khai, chẳng thể so sánh nhau.

Chữ thử trở xuống là chỉ chỗ ra, già luận cũng vậy. Thứ tư, là hòa, nhóm, văn y cứ dễ hiểu.

Trong thứ năm, chữ tắc trở xuống hai câu lại bao gồm bốn phi, hoặc mê mờ cương duyên, thưa, đọc, tụng, đều không thành pháp, cho nên nói là "đẳng".

Trong thứ sáu, Sớ chép: "Trong mừng thắng pháp, ngoài nhờ nghi thù thắng, thân tâm nương nhau như cá có nước".

Hỏi: Có gì khác với điều thứ tư hay thọ?

Đáp: Trước y cứ dung nghi tiểu chúng, ở đây y cứ Đại Tăng đạo đầy đủ, năng, sở, trong, ngoài đâu không rõ ư?

Gồm sáu duyên trên quy về bốn món, nhân, pháp, sự, xứ, đơn, phức phối đó. Lại năm món trước không đủ, nhất định không thành thọ. Thứ sáu có thiếu cho nhiều tranh luận, nếu y theo Tổ lệ cũng không thành, như ở sau sẽ nói. Lại y theo yết-ma lại thêm một món, nghĩa là trong thời Phật pháp, Luận Tỳ-đàm chép: "Nếu đến lúc pháp diệt, tất cả kiết giới, thọ giới đều mất".

Thứ ba, duyên ấy, trên là đều giúp bên cạnh, đây là gốc chánh nhân, quyết khai ngộ mới được tiến lên thọ giới. Nếu luận phát tâm xin giới hợp làm hai duyên, tâm và miệng tuy khác mà mong cầu một nghĩa cho nên hợp. Chữ văn trở xuống là dẫn bày. Trong Luật Phật nói: "Dạy xin giới mà không xin thì không được thọ giới cụ túc". Lại nói rằng: "Lúc ấy có người gượng cho trao giới, sau lại trốn về nhà. Phật nói: "Không được trao giới cụ túc đại cho người", tức là vô tâm".

Thứ tư, tâm cảnh là không riêng tướng duyên tức hợp hai và ba đối nhau để bàn, gồm có bốn câu. Tiêu tức đều, như vậy nay chánh thủ đều phi, dễ hiểu chỉ rõ hai thứ xen nhau. Câu đầu, trước dẫn duyên luật, ba món ngủ, say, cuồng đều là nhân thọ rồi sau biết trái đạo. Phật chung chế đoạn tâm đều là vô ký, chính thiếu nhân giới, vô tâm đồng với trên. Nếu y cứ theo Đa Luận bày chung bốn tâm là thiện, ác, vô ký và vô tâm, văn gồm thâu hai món, thiện ác, y cứ theo đó. Chữ phục trở xuống câu kế là trong văn lược dẫn nhân pháp cả hai đều phi, sự và xứ cũng vậy. Chữ tát trở xuống là dẫn chứng, văn chỉ rõ tâm thiện quyết gồm cảnh. Trọng tâm tức tương ưng ở trên, khinh tâm tức ngủ, say, v.v... các giáo. Vô giáo tức là thành tông, làm và không làm giải thích danh nghĩa chung ở cuối quyển trung, trong năm món thông bao trước sau. Đủ duyên chánh trệ mỗi mỗi không trái mới thành rốt ráo. Ban đầu y cứ chánh nhân giải thích, nói từ đầu là gồm nhiếp tám duyên, đến cuối

là chánh nạp pháp thể, cộng chung là chín pháp, sau nêu mười duyên trừ duyên đầu và thứ ba chỉ lấy tám duyên như sau rõ đó. Nói qua lại là tướng làm việc ra vào tạo tác. Chữ giới trở xuống là thứ hai ước giải thích đủ duyên, lược nêu tâm cảnh để rõ thành hay không.

Trong dẫn chứng, trước nêu các duyên đều y theo bổn luật, ở đây chỉ chứng chung, lập duyên, lựa chọn đều có chỗ y cứ, đến bàn nêu tướng không hẳn hoàn toàn giống. Ban đầu trong Mẫu luận gồm buộc năm duyên không qua nhân và pháp, lược chứng sở đối ba, bốn và năm. Kế dẫn Đa Luận chỉ rõ biên nạn, lược chứng năm thọ là duyên thứ ba, nhưng biên tội kia luật y cứ giới cụ túc, luận chung cho cư sĩ cho nên y cứ ba giới, thứ lớp rõ tướng. Ban đầu nêu ba thọ, chữ tùy trở xuống là rõ nạn, văn nêu ra phá năm tức chướng ba thứ khác chặng giữa xét lược thọ mười không được nên nói là "cho đến", phá tám chướng hai, phá mười chướng một, thứ luận có thể biết. Nhưng năm giới tám giới tướng không chia nặng nhẹ lại y cứ giới cụ túc. Sát, đạo, dâm, vọng đều có lớn nhỏ riêng. Giới rượu là ngăn ác, phạm thì chẳng chướng. Không làm Hòa-thượng, giả sử có lạm thọ, thể chẳng phải tăng.

Trong kiểm khám, ban đầu khiến y theo khám nghiệm. Chữ tất trở xuống là bày chọn bỏ. Thứ hai, trong chánh thêm điểm bày lại giải thích sở đối thành pháp các duyên. Ban đầu chỉ văn trước lại nêu hai hai thiên kiết giới, đủ số nghĩa đồng văn lược. Phương pháp gồm hai điều trên. Chữ cố trở xuống là bày ý trọng, lại giải tức là đây, nêu bày lại rõ. Duyên khởi có mười, trước dùng tám pháp, thiên yết-ma chép "Tám món điều lý".

- Trong chú yết-ma cũng nêu tám duyên cho nên nhiều ít khác ra sao?

Đáp: hai món một và ba ở thời khác, không định nhận sự nghi thứ lớp ở trước.

- Nếu vậy ở đây sao lại nêu?

Đáp: Chưa thỉnh sư, trước tăng cần xét hỏi, đã thỉnh Sư rồi nghĩa quyết khai dẫn, ra vào tùy thời không ngại gì, cả hai đều đúng.

Hỏi: Trước năm sau mười đều gọi là duyên, làm sao chia khác?

Đáp: Trước thì lập định giềng mối tiêu chuẩn, xem xét bao gồm đúng sai, sau gọi là sắp bày hạnh nghi phát khởi chánh thể. Cho nên trước nói là "Đủ duyên thành thọ", sau nói là "duyên khởi phương tiện".

Khoa Nghiệp Sớ chép: "Trước là y cứ pháp biện duyên, sau là đối với việc nói duyên", văn ý rất rõ, làm sao vọng phán là xưa nay ư? Đây

là lỗi lớn, biết sai nên sửa.

Trong đắc pháp, ban đầu nói về chế thọ. Bốn luật là Tứ Phần, Ngũ Phần, Thập Tụng, và Tăng-kỳ. Trong văn tức chỉ cho bổn Luật. Chữ đa trở xuống là thứ hai nêu ra ý chế, pháp ngoại đạo chỉ vào đạo kia, liền đồng sự nghiệp không có dần dà.

Hỏi: Trong đây không nói trước thọ năm giới, vì sao?

Đáp: Mười giới là duyên của giới cụ túc ở ngay tông nầy, năm giới là duyên của mười giới như trong thiên Sa-di. Bộ Sao Ni Chú nói rằng "Không thọ năm giới, thẳng thọ mười giới, đắc giới mắc tội", tức như Đa Luận nói "Trước dùng năm giới điều phục thân tâm tin ưa dần tăng thêm mới thọ mười giới" (có người thấy ở đây không nói năm giới, muốn bỏ đó, như riêng chỗ phá)

Trong thỉnh Hòa-thượng, ban đầu nói căn bản là giới từ kia sinh, nương theo, bắt chước gọi là bẩm học. Chỉ bày dẫn dắt gọi là quỹ hạnh, sinh trưởng gọi là thành, đức không phụ bậc nghiêm Sư, ba món nầy đều mất.

Trong dẫn duyên, mắc tội là y theo đắc giới của Già luận. Trong thỉnh nghi, ban đầu định nơi chốn, trước bày văn chung Tứ Phần, xưa có định chấp ở chúng cho nên ở đây quyết phá. Sớ chép: "Quyết y cứ bị đợi thọ trước một tháng, một năm cũng không hại gì". Chữ kim trở xuống là y cứ bộ khác đối chúng. Kế dẫn Tăng-kỳ để nêu bày lời thỉnh có khác (Ngũ Phần cũng vậy). Sau dẫn Ngũ Phần rõ tột sự chí kính.

Trong lời thỉnh, ban đầu rõ đầy đủ oai nghi. Như trên ấy là chỉ bên Thập Tụng ở trước, sau rõ dạy dẫn dắt. Các món ấy là nên lại tiếp trước, nếu không người đây, v.v..., ngữ văn trở xuống là nêu ra câu từ. Y theo Sớ chia làm năm: Đại đức nhớ nghĩ, là thỉnh chuyên ý. Làm Hòa-thượng là rõ sự mong cầu. Xin vì con làm là mong từ bi giúp đỡ. Con nương theo thọ giới cụ túc là ba học do đây sinh. Thương xót là đã nói sự vui mừng hứa cho.

Trong phép đáp, ban đầu bày ý cần đáp. Chữ tứ trở xuống là nêu ra lời đáp. Sớ chép: "Ban đầu là "đúng vậy" là gồm lãnh lời thỉnh hứa làm thầy". Lại nói rằng: "Khả là đáp, dạ là lời người dưới, nhỉ là trả lời vị trên" y cứ đây chỉ đáp rằng "khả". "Giáo thọ ông" là chẳng phải chỉ nhiếp sự, có pháp rộng dạy. Thanh tịnh là nên trọng giới bổn nhiếp trì ba nghiệp. Chớ buông lung là nguyên do các lỗi đều từ hạnh buông lung. Phải nhiếp căn tình, xa rời năm dục. Y theo sớ bốn câu cộng thành một lời đáp, ban đầu là lời hứa, ba câu sau thu nhiếp, không đồng giải xưa, tùy thành một lời đáp, ngày nay hành sự phần nhiều không nương

dùng, vọng làm lời phù phiếm, sai trái không phép tắc.

Văn sau là thêm trong năm pháp, luật ấy chép: "Có năm pháp cho người y chỉ, hoặc nói "năng" hoặc nói "khả", hoặc nói "thị", hoặc nói "khéo tự tu hành", hoặc nói "chớ buông lung". Lại có năm pháp cho người y chỉ: hoặc nói "thiện tai", hoặc nói "tốt", hoặc nói "khởi", hoặc nói "khứ", hoặc nói "cho y chỉ", hai cáo năm cộng thành mười món (Xưa ghi chỉ ở thiên Thầy Trò là sai).

Trong nghi giải thích, lời đáp có ba cách giải, ban đầu sửa chuyển là các duyên xa hạnh, trái đạo, chết... Chữ hựu trở xuống là y cứ pháp khác. Chữ hoặc trở xuống là y cứ đức thiếu. Chữ cố là trở xuống là gồm kết ba nghĩa. Mười giới, giới cụ túc đều có thỉnh cho nên nói rằng hai cặp, pháp thỉnh hai thầy, trong nêu bày luận kia chỉ có pháp thỉnh Xà-lê của người thọ giới. Chẳng phải khéo léo hơn ấy, kia nói rằng: "Đại đức nhớ nghĩ! Con tên là A, theo Đại đức xin xuất gia, mong Đại đức thương xót độ cho con xuất gia". Lệ thông là một pháp Hòa-thượng gồm thỉnh hai thầy, chỉ đổi danh tự thôi.

Trong thỉnh yết-ma, đầu tiên là đầy đủ oai nghi, thứ hai là dạy chỉ bày, thứ ba là chánh thức nói. Trong pháp giáo thọ chia ba phần đồng với trên. Sau thỉnh bảy chúng. Trong lập thỉnh, ban đầu nêu định. Chữ dĩ trở xuống là bày nghĩa. Nói chẳng phải riêng, Sớ chép: "y cứ thành yết-ma hợp chúng đồng công, đâu riêng ba thầy nhận sự ban cho kia.

Thập Tụng chánh tắc tức ở trên dẫn rằng: "mỗi mỗi lễ tăng rồi mới thỉnh" thì nghiệm biết đó. Chẳng cuộc hạn dụ như chẳng phải văn rõ, cho nên nói là "lý bày". Chữ tắc trở xuống là suy lợi ích.

Trong phần bác bỏ thế gian, đầu tiên chánh bác bỏ, chữ nhược trở xuống là rõ công, v.v... Chữ khả trở xuống là khiến y theo thỉnh, cũng nên đầy đủ oai nghi đến trước bảy thầy gồm thỉnh, người kế bên dạy rằng: "Do pháp yết-ma chẳng phải làm riêng, quyết cần người đây chứng không lầm lộn", nếu luận công phát giới cùng ba thầy là đồng đức cho nên cần thỉnh. Trong pháp chỉ sửa là Tôn chứng, hoặc nói thất chứng là khác. Chữ tất trở xuống là ngăn lạm, ngoài thất chứng không phiền thỉnh hết.

Khoa lựa chọn Thập sư, trong biết đệ tử, ban đầu dẫn bày, đây tức là một trong bốn câu, như trong đủ số đã dẫn đủ. Chữ như trở xuống là y cứ phán. Đủ biết tức là ba món trước. Chữ dư trở xuống là ví dụ y cứ.

Trong xen biết, ban đầu y cứ hai thầy. Sở điệp ấy, trong duyên yết-ma nêu Hòa-thượng. Chữ cố nhược trở xuống là kế nói về thập sư. Không cùng trụ, là vào trong Tăng số yết-ma, lời đây chọn bặt tất cả

người phạm tội nặng, cho nên nói rằng "biết sao không gồm", gồm là chung.

Trong quyết phạm, đầu tiên bày văn thiếu. Chữ y cứ trở xuống là phán nghĩa. Thập sư biết nhau cuộc hạn ước bốn tội trọng, thưa dừng tăng tàn phải dự biết số. Đệ tử biết thầy thì chung các thiên, nên nói rằng "cho đến", v.v... Chữ tri trở xuống là trách gượng thọ. Chữ ký trở xuống là răn dè lựa chọn. Văn sau luật nói rằng: "Kia không chọn lựa người cho y chỉ, mà thầy phá giới phá kiến..." Phật nói "Từ nay trở đi không được chẳng lựa chọn thầy mà cho y chỉ" (y cứ nói Hòa-thượng).

Trong thứ bậc, ban đầu chỉ chung, y cứ theo thêm năm xếp hai mươi sáu cái năm câu, nay lược dẫn đó. Có năm pháp không nên trao cho người đại giới (không giới, không định, không tuệ, không giải thoát, không tri kiến). Lại nói rằng: "Có năm pháp nên trao đại giới cho người" tức trái với năm câu trên, các năm câu sau đều như vậy). Lại có năm pháp (tự không có năm món trước, lại không thể dạy người khiến trụ năm pháp nầy). Lại có năm pháp (không biết giới oai nghi, không biết tăng tịnh hạnh, không biết giới mộc-xoa, không biết tác bạch và không biết yết-ma). Lại có năm pháp (không biết phạm, không biết phạm sám hối, không biết phạm đã sám hối thanh tịnh, không biết tác bạch, không biết yết-ma). Lại có năm pháp (không biết có nạn, không biết không nạn, không biết tác bạch, không biết yết-ma, không đủ mười năm). Lại có năm pháp (không có khả năng dạy người thâm giới, thêm tâm, thêm tuệ, không thể làm người săn sóc bịnh, không đủ mười năm). Lại có năm pháp (không thể dạy đệ tử oai nghi, tăng tịnh hạnh, tăng mộc-xoa, không thể khiến bỏ ác kiến, không đủ mười năm).

Lại có năm pháp: Không biết phạm, không phạm, nặng, nhẹ, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni.

Lại có năm pháp: Không trì đủ mộc-xoa, không học rộng, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, Tỳ-đàm, không đủ mười năm.

Lại có năm pháp: Không trì đủ mộc-xoa, không thể dạy đệ tử tỳ-ni, tỳ-đàm, lại không thể dạy bỏ ác kiến, trụ thiện kiến.

Lại có năm pháp: Không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, Tỳ-đàm, lại không thể dạy bỏ ác kiến, trụ thiện kiến, không ưa trụ xứ, không thể dời, có nghi không có khả năng khai mở.

Lại có năm pháp: Bốn pháp đồng trên, thứ năm là không đủ mười năm.

Lại có năm pháp: Không biết mộc-xoa, cũng không thể nói, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười năm.

Lại có năm pháp: Không khéo biết phạm, không khéo biết phạm rồi sám hối, không khéo nhập định, không biết xuất định, không đủ mười năm.

Lại có năm pháp: Không biết phạm, không biết chẳng phạm, nặng, nhẹ, trọng, không đủ mười năm.

Lại có năm pháp: Không trì đủ mộc-xoa, không học rộng, không thể dạy đệ tử thêm giới, không thể săn sóc bệnh, không tụng rộng hai bộ luật.

Lại có năm pháp: Không trì đủ mộc-xoa, không học rộng, không thể dạy đệ tử thêm giới học, bỏ ác kiến, không khéo tụng luật.

Lại có năm pháp: Ba món đồng trước, thứ tư không ưa trụ xứ, không thể dời, không giữ vững Tỳ-ni.

Lại có năm pháp: Không trì đủ hai trăm năm mươi giới, không học rộng, không thể dạy đệ tử thêm giới học, có nghi ngờ không thể khai mở, không thể giải quyết việc tranh cãi.

Lại có năm pháp: Thứ ba không thể dạy đệ tử thêm định học, còn bốn món khác đồng như trước.

Lại có năm pháp: Thứ hai không thể dạy đệ tử thêm tuệ học, bốn món khác đồng với trước.

Lại có năm pháp: Thứ hai là không thể dạy đệ tử thêm oai nghi giới học, bốn món khác đồng như trước.

Lại có năm pháp: Thứ hai là không thể dạy thêm tịnh hạnh học.

Lại có năm pháp: Thứ hai là không thể dạy tăng thêm mộc-xoa giới học.

Ở trước gồm một trăm ba mươi món, mười món sau chế định. Hai trở xuống là rõ hai thầy, phần nhiều đã năm hạ, nên ở địa vị Thầy. Chữ dư trở xuống là thất chứng (bảy vị tôn chứng).

Trong phần chọn chung, đầu tiên là khuyên chọn bậc đức dầy, thạc là lớn, lạp cao đức dày, lâu càng bền chắc, cho nên nói rằng sinh thiện cho đời sau. Năm trăm câu hỏi trở xuống là Hòa-thượng không đủ. Trong Liễu Sớ, nói giai cấp oai nghi các thầy đồng như trước, còn bao nhiêu đều thêm. Không cùng giường là chung rõ chín thầy, dẫn ý hai văn đây là lấy lạp cao nhưng phải đủ đức mà lại là bậc lão thành, đức ít tuổi nhiều nào đáng để chọn.

Hỏi: ít nhiều đã khác, làm sao chọn cho đúng?

Đáp: Nếu nương chế hạn phải y theo bổn tông may mắn có bậc tuổi cao đức dày nên dùng Liễu Luận, ý Sao ở đây, cho nên dẫn trong đó.

Thứ ba phát duyên giới. Trong bày ý, ban đầu dẫn luận nói cần có thầy dạy. Nói pháp lời lược chung trở xuống là cảnh tâm. Nói khai giải, giải tức là trí, giới pháp sâu rộng chẳng phải trí thì không thể được. Tất cả cảnh ấy, tức là tình và phi tình.

Hỏi: Thương xót tất cả hoàn toàn chẳng phải hạnh nhỏ phải không?

Đáp: Trong kinh Thiện Giới chép: "Bảy chúng chỗ nhận là phương tiện Bồ-tát".

Nghiệp Sớ chép: "Từ trước không duyên lòng từ làm sao dung việc lớn" ý ở sau. Tăng thượng tức thượng phẩm, chữ tựu trở xuống là y cứ văn mà sinh khởi, dùng lời luận chung chưa đủ để dẫn dắt, biết cảnh, phát tâm, nhận thể chánh yếu không thể thô lược, cho nên y cứ nghĩa rộng, nói về thể lượng, người học đến đây phải nghiên cứu cho sâu, phần nhiều thấy tụng nói là do người mù dắt kẻ đui, cả hai đều sụp hầm, đâu không đáng sợ ư?

Hỏi: Vì sao phải nêu bày cảnh?

(tờ 219) Đáp: Chúng sinh làm ác là do mê cảnh trước, nghiệp ác đã do cảnh khởi, thiện giới lại từ cảnh sinh, là chỗ nương của pháp chế, là gốc chính của phát giới, nếu không rõ cảnh lấy gì dụng tâm? Đặc biệt ở đây mở rộng sâu là có đầu mối xa.

Hỏi: Giới vốn ngừa tâm cần gì chế cảnh?

Đáp: Căn cơ chia Đại Tiểu, giáo có đốn tiệm khác nhau. Đại cơ hiểu cảnh duy tâm thẳng theo tâm chế, tức giới Bồ-tát. Tiểu cơ cho rằng cảnh khác tâm, cho nên chế theo cảnh, tức là giới Thanh văn. Giáo tuy chế cảnh lý thật chế tâm, phương tiện khéo léo, bày ở đây.

Trong bày cảnh, hai câu đầu của khoa đầu gồm bày giới lượng. Chữ do trở xuống là nói lý do giới khắp. Cảnh vốn không ác, tâm ác gồm khắp, nên gọi là cảnh ác. Nhân phát giới liền chỉ các cảnh, nghĩa là đổi tâm ác, cảnh giới liền khắp. Chữ nhược trở xuống chánh bày tướng cảnh. Ba câu đầu chỉ rộng. Sớ chép: "Có thầy riêng đưa ra một quyển Giới Phương Tiện Tướng, thường đến khi sắp thọ giới nương lời dẫn hóa, không nói người nào, văn kia đã mất lạc. Xét cũng chẳng khác, chỉ là lần lửa tình và phi tình. Hẳn muốn giao phó nêu bày, những hơn ba mươi tờ. Buộc rộng theo lược cung không ngoài hai hàng văn dưới. Chữ yếu trở xuống là tiếp chỉ bày có ba. Tình và phi tình, hai loại nầy gồm nhiếp y báo chánh báo của mười cõi.

Nhị không trở xuống là năm câu nêu riêng hai báu, y cứ tình và phi tình nhiếp hết cảnh nầy , vì ngăn nghi lạm cho nên phải chỉ bày

riêng. Câu trên rõ pháp hóa tướng. Phật nói Tứ Đế liền nhiếp nhân quả Thánh phàm của thế gian, xuất thế gian, ba tên là khổ tập, đạo là hữu đế, diệt tức không đế, cũng gọi là hai đế chân tục. Câu kế, lý tức pháp lý thể, khác trước không đế là thuộc về giáo.

Chữ Phật trở xuống ba câu tức hai báu.

Hỏi: Đây đều là phi tình đâu cần nêu lại?

Đáp: E gọi là cảnh Thánh chẳng phải duyên giới.

Hỏi: Hai pháp hóa lý thế nào là phát giới?

Đáp: Sớ chép: "Đều có nghĩa tổn hoại, hủy báng, giống như Đề-bà phá pháp".

Hỏi: Hóa tướng không nói Phật, trụ trì không nói Tăng là sao?

Đáp: Đều là tình thâu cho nên trong lý Phật Tăng đều không có tự thể riêng, cho nên rất dễ biết.

Ba, địa thủy trở xuống hai câu là nêu riêng sáu đại. Năm đại trước là phi tình, một đại sau là tình. Cảnh tướng của không, phong và thức rất khó thấy, cho nên lại chỉ bày, như trong giới trộm có nói. Lại nữa, phải biết tùy giới có nhiều khác nhau, như giới dâm, giới giết hại v.v..., riêng tình cảnh như giới đào, làm hư. Chỉ là phi tình như giới trộm, nói dối, v.v... thì gồm hai món, nghĩa là giới trộm ở Tứ Phần, chủ vật gồm sáu đại, vọng đối sở cuồng lại qui về lợi dưỡng.

Chữ pháp trở xuống là gồm kết. Nói pháp giới, nếu y cứ giới hạn của giáo thì cuộc hạn Tam Thiên đại thiên, nay theo viên ý phải nói về mười phương pháp giới. Thể vô tác xứng cảnh mà phát, đồng với lượng pháp giới cho nên nói rằng "đều là giới thể" (Xưa chép "Khiến nói là giới cảnh", lại nói rằng "ở đây" là tâm thể năng lãnh, rất sai lầm).

Trong dẫn chứng, đầu tiên chứng hữu tình. Chữ tát trở xuống là thứ hai chứng phi tình. Cảnh phi tình rộng, lại nêu địa trần chỉ bày tướng nhiều kia. Chữ tức trở xuống là lại dẫn bốn vật chuyển chứng. Khéo sinh năm món trước sau lìa rõ, nếu lại nói kỹ ỷ về ăn uống, y phục, phòng nhà, ngọa cụ, bốn vật của tăng thường trụ hiện tiền, các oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm, cúi, ngước, đại tiện, tiểu tiện, tất cả các việc đều là pháp chế, cái gọi là sâm-la muôn cảnh việc gì chẳng giữ. Nếu không như vậy đâu gọi là cụ túc? Nếu không trước phát hạnh thì từ đầu sinh? Cho nên biết trước khi thọ phải chuẩn bị giao cho học, Sa-di chính khi dựng lập còn phải ở đây, thời nay mê mờ giáo pháp ai lại biết điều đó.

Trong hiển đức, khoa đầu trước là dẫn bày, phàm giới là nhân hạnh, Phật giới là quả đức, phàm Thánh hơn kém thật chẳng nghĩ tướng, một bề lại trong mong thanh tịnh thì nghĩa đồng cho nên nói là

"đức đồng".

Chữ dĩ trở xuống là đến người để nói về thù thắng. Pháp lành nhóm họp là nắm hết vô biên giới pháp quy về thức tạng vô tận để thành hạt giống lành, làm nền tảng thánh đạo, trái với duyên ác từ vô thỉ đều làm giới lành, biến khổ báo hữu lậu liền thành pháp thân, chúng ta tại sao không tự trân trọng tôn kính? Ân Phật sâu nặng dầu xương tan thịt nát cũng khó đáp đền, Phật là bậc dẫn đường trong biển khổ, là cha lành trong nhà ba cõi hư mục, nguyện từ ngày nay đến tận đời sau, ra sức quên thân thường khen ngợi Tam Bảo, rộng độ chúng sinh để đáp đền chút ít lòng từ bao la của Phật.

Chữ bất trở xuống là nêu hủy phá suy lường, ban đầu chánh nói, chữ y trở xuống là dẫn chứng, kinh y cứ phạm tội nặng nên nói là người chết, như trong Tăng võng có dẫn đủ. Trong bốn dục lược dụ thuốc mắt nên nói là "Đẳng". Trong bài kệ, nửa trên là nêu dụ, nửa dưới là hợp pháp. Chiêm-Bặc, Hán dịch là Huỳnh Hoa, hoa nầy nhỏ mà thơm, ở Ấn-độ mọi người rất quí nên phần nhiều nêu tên hoa nầy. Có người hủy giới, thấy lời đây dường như thuận theo ngu tình vọng tự khoe khoang cho là phạm vẫn hơn. Đây chính là nghĩa một đường tiếp dẫn tùy thời, Thánh chế khiến nhận ý ở thành trì. Chữ tức trở xuống, văn nói rằng "Thà khởi hạnh dụng không cần cầu xin". Lại chép: "Nếu hủy giới Phật, chẳng bằng không thọ" ý chỉ giáo pháp rất rõ, cẩn thận chớ hiểu lầm.

Trong khuyên thọ, ban đầu tiếp trước bày khuyên, tức so sánh tổn ích giữa phá giới và không có giới. Chữ trì trở xuống là dẫn chứng, trước dẫn giải thích luận và chứng minh tổn lợi ích, tức Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc khuyến hóa phụ nữ, lời xuất gia như trong quyển trung đã dẫn. Sau dẫn Đại-kinh, chỉ chứng tổn hai kia, văn nói có quả báo thù thắng còn như vậy, kẻ phàm phu có thể biết. Vãng nghĩa là lên trời, ngược lại liền vào đường ác.

Trong kết khuyến, tùy cơ là phải quán sát căn cơ lợi độn mà có sự rộng lược thích nghi. Đại Luận chỉ bày dẫn dắt, lấy hiểu biết làm kỳ hạn. Phù nghĩa là không mê nặng mà cũng không sáng suốt. Chữ Tát trở xuống là dẫn bày được chăng. Do tâm khinh trọng văn nhất sách tấn quyết khiến khai ngộ hiểu rõ.

Trong tâm lượng, như các luật luận phần nhiều nói thượng phẩm. Trước dẫn Đa Luận chỉ nói là tăng thượng, Luận kia lại đối với năm mươi cụ, mỗi cụ đều chia tâm thượng, trung, hạ, thành chín phẩm, nhưng là bàn sự sâu cạn chung của tâm, cũng không rõ bày tướng ba phẩm.

Trong đây muốn giúp cho người thọ biết hạn lượng của tâm cho nên y cứ văn nghĩa thứ lớp nói rõ. Riêng đây rõ ràng còn các chỗ khác đều không kể.

Trong khuyến phát chỉ nói thượng phẩm, cho nên biết trung và hạ chẳng phải là chánh ý, vì rõ thượng phẩm khiến biết hơn kém. Chữ nhược trở xuống là nói về Tỳ-đàm: Có một vị La-hán giới là ở hạ phẩm, mà tỳ-kheo trẻ tuổi lại được thượng phẩm, đều do lúc đầu tiên phát tâm có khác, ban đầu từ phàm phu rốt đến Vô học, trải qua các thứ bậc lại không thêm lớn. Hoặc nói rằng: "Thọ thể là định, tùy hạnh có thêm bớt", hoặc y cứ tác giới hằng định, vô tác thì đều thêm, đồng thời đầy đủ như sau:

Trong hạ phẩm, Tỳ-Bạt Luật tạng lục không nêu ra. Nói cầu đạo là chỗ mong cầu quả. Cứu chúng sinh là việc tu hành. Nhưng hạnh cứu chúng sinh có cạn sâu: 1- Không hại mạng kia. 2- Dùng pháp dẫn dắt. 3- Khiến được độ rốt ráo. Trước không được sau, sau quyết gồm trước, y cứ nghĩa suy đó thì ban đầu chỉ hộ mạng mà không giúp được giải thoát, tức là tâm Nhị thừa. Trước nói rằng cầu đạo, chánh y cứ Tiểu quả, trung phẩm tu hành là dùng pháp khai ngộ, tự mình và người đều lợi, độ mà chẳng phải rốt ráo, tức là tiểu Bồ-tát. Tuy mong quả Phật, chặng giữa hành xử với trông mong trước tuy hơn, nhưng so với sau vẫn còn kém, thượng phẩm dẫn dắt khiến đến Niết-bàn đồng qui về Phật đạo, tức là hạnh của Đại Bồ-tát. Y theo thiên Sa-di ba ngôi phối đó, rõ ràng phù hợp. Người học đến đây nên hiểu rõ biện ba tâm phần chừng chỗ mong cầu hạnh quả. Xưa ghi: giải thích chỉ thuật danh ngôn cầm quyển sách suy xét tìm kiếm khác nhau không truy tố, cho nên phải mổ xẻ chẳng thể lộng không.

Trong trung phẩm, ban đầu nói trông mong quả phải y cứ Phật thừa. Chữ giải trở xuống là mong hạnh, rõ gồm hai lợi. Bến cầu là dụ, chúng sinh đọa trong nghi cho nên chịu sinh tử, có thể khai mở cho họ khiến họ được độ, sinh tử như bến, thân ta như cầu, pháp dụ sẽ thấy.

Trong thượng phẩm ban đầu nói hạnh tự lợi. Chữ hựu trở xuống là nói hạnh lợi người. Chữ linh pháp trở xuống là nói hạnh hộ pháp. Trong đầu tiên phát tâm thọ, tức là nay chánh thọ giới Tỳ-kheo. Chữ vi thành trở xuống là rõ trông mong xa. Hai câu trên, ba môn học Đại thừa là nhân hạnh, câu dưới cầu đại Niết-bàn tức quả viên mãn. Ba tụ giới, nêu ra ở kinh Anh Lạc, tụ là gồm nhiếp làm nghĩa. Bảy tụ Tiểu thừa theo giáo để làm, ba tụ Bồ-tát nhiếp hết hạnh nầy.

1- Giới Nhiếp Luật Nghi: Luật nghi cấm ác, vì đoạn hết kết ng-

hiệp phiền não, tức chỉ hạnh.

2- Giới Nhiếp Thiện Pháp: Tu chứng rốt ráo hạnh Đại thừa, Tiểu thừa, thế gian, xuất thế gian, tức là tác hạnh.

3- Giới Nhiếp Chúng Sinh: Độ rốt ráo tất cả hàm thức, tức là nhiếp hạnh, đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Cũng gọi là giới nhiêu ích hữu tình. Ba món nầy cùng phối với ba môn giải thoát, bốn thệ nguyện rộng lớn, ba thân, ba đức như riêng rõ.

Ba giải thoát, tuy là quán tuệ nhưng chẳng có định thì không phát, tức hai môn học định và tuệ, dứt ràng buộc chứng chân như do đây mà được vào, nên gọi là ba môn giải thoát. Nhưng tên chung cho Tiểu giáo, nay đối ba tụ phải cuộc hạn ở Đại thừa.

1- Môn không giải thoát: Tức tánh không.

2- Môn vô tướng giải thoát: Tức tướng không.

3- Môn vô tác giải thoát: Tức Duy Thức, cũng gọi là vô nguyện.

Thiên sám ba quán, phối riêng ba ngôi, đây nói đại hạnh phải y cứ viên tu. Quả Nê-hoàn tên cũng thông Tiểu, thâu Đại có thể biết.

Hỏi: Chỗ thọ nay đây là ba tụ hay không phải ba tụ? Nếu nói tức là ba tụ, thì sau có cần thọ giới Bồ-tát chăng? Lại Đại Tiểu lẫn lộn làm sao phân biệt? Nếu nói rằng chẳng phải ba tụ, thì giới từ tâm phát, đã từ tâm nầy phát thì đâu chẳng phải giới nầy? Phần lớn thấy lầm giải cho nên đặt biệt nêu ra để chỉ bày, khiến tự cầu đó.

Kế nói về lợi người, Pháp nầy tức nhân hạnh ở trên, Niết-bàn tức quả đức ở trên. Trong thứ ba hộ pháp, tự lợi lợi người truyền truyền liên tục, hạt giống Phật không dứt cho nên được lâu bền. Rất lo lợi nhiều phiền, lược bày đại khái nên nói là viết không hết lời, nói không hết ý, tự chẳng phải trải qua lo xa mềm mỏng chứa nhóm. Thức cạn, tâm thô làm sao mà hiểu, còn bao nhiêu rộng như trong Sớ.

Trong kết khuyến có hai: Ban đầu nêu so sánh để khuyên. Nói tà tưởng là kiết hoặc của phàm phu, toàn ở khi chưa thấy chánh lý, tùy chỗ động tác đều là việc cong vẹo loạn tâm, khéo cho có chìm mất. Sở dĩ như vậy, vì trong Đa Luận chép: "Hoặc phàm phu, thọ giới cụ túc có bốn lỗi: 1- Ưa thấp hèn, có yếu kém. 2- Lui sụt đạo pháp. 3- Biến hai hình. 4- Tà kiến dứt việc lành.". Nội phàm đã bỏ, phần chứng được chân lý mới khỏi lỗi này.

Hoang sơ tâm cạn mỏng, chẳng phải tà thì là gì? Tôn thượng nghĩa là tâm không kính trọng. Luận Trí Độ trở xuống là dẫn chứng Kia rõ thế giới ngôn ngữ có ba: một, là tà. Hai, là mạn. Ba, là danh dự. Trong đây hai món là bất tịnh, một món là tịnh, người phàm đủ ba món (Sao nêu

một món trước quyết gồm đủ hai món sau. Sau đây cũng đồng). Người tu học thấy đạo có hai, không có tà ngữ (Sao nêu Ba quả để thâu hai quả trước, vì ái chưa hết cho nên vẫn còn có mạn ngữ). Bậc Thánh chỉ có một, không có tà và mạn (kiến ái dứt hẳn, tùy theo thế tục chỉ giả gọi mà thôi).

Chữ như trở xuống là thứ hai, y cứ tự biết để khuyên, bởi vô tác nhờ tác mà sinh, đã chẳng phải tâm sắc, không do chỉ bày, quyết uy cứ năng lãnh để rõ giới hạn hơn kém. Trước rõ thượng phẩm chỗ mong lớn xa, thể sở nạp nhất định biết, thêm trước cho nên nói rằng có phần chừng. Chữ cố trở xuống là dẫn khuyến, tức chữ Luật ở bài kệ. Sớ chép rằng: "gọi nhau là Phật tử" tức là văn nầy. Cần cầu nghĩa là tâm năng thọ. Giới cấm vốn là thể đã nhận, nhưng có hơi khác với văn kia. Kệ chép:

"Như người muốn qua sông,
Dùng tay và phao nổi
Tuy sâu không lo chìm
Sẽ đến được bờ kia".

Kệ trên nêu dụ, kệ sau hợp pháp. Như vậy các Phật tử tu thành giới cấm, không hề theo dòng tà chìm trong biển sinh tử.

Trong giải thích nghi, trước rõ thượng phẩm vượt giáo nương tông cho nên phải hỏi giải thích. Hai câu đầu trong phần đáp là nêu bày. Nói nghĩa đáng thì rõ giáo tông, vốn chẳng phải đại có nghĩa tương ưng, tức như sau dẫn. Sớ chép: "Chia thông ý cũng đồng ở đây". Chữ giới trở xuống là giải thích, ban đầu dẫn nghĩa dụ. Chữ Luật trở xuống là chỉ rộng. Trong Sớ gồm bày năm nghĩa nói rằng "gọi nhau là Phật tử" (văn như trên đã dẫn). Bố thí chúng sinh thành Phật đạo (như đây đã dẫn). Đạp-Bà nhàm vô học, bỏ tài dùng chẳng trọng, trần cảnh chẳng nói căn, đây đều dụ thành thật.

Quang Sư trở xuống là nương xưa để bày rõ. Kia chỗ phán quá thành thông mạn, văn tuy dẫn y cứ, nhưng không hoàn toàn lấy. Tứ Phần là lớn, toan gì là nhỏ, tức ứng với Phạm Võng thể hạnh toàn đồng, hai thừa Bồ-tát, Thinh văn không khác, nhất định biết không phải như vậy, ở đây do Tổ Sư lập lời, ý theo dung. Nghĩa đáng chia chung rất phù hợp với ý chỉ giáo, đợi đến quyển trung lại càng rõ ràng. (Nay cũng có người phán thẳng là lớn, không biết hạn chừng của giáo, vọng tự, v.v...)

Hỏi: Tâm thượng phẩm hoàn toàn là đại hay phần thông?

Đáp: Phó thành bổn tông, nghĩa phần thông.

Hỏi: Nghĩa phần thông xuất phát tự người nào?

Đáp: Như lai lập giáo giúp cơ duyên nầy, Bộ chủ rất hiểu lại phù hợp với ý Phật riêng lập thành tông, là do trước sau bài tựa Luật pháp chính đã đặt phần nhiều bày ý nầy, đây không rõ ư?

(Có người vọng bác bỏ Ngài Nam Sơn không lập nghĩa phần thông, thức cạn hẹp làm sao đủ luận bàn)

Trong kết cáo, hai khoa trên răn nhắc khiến sớm bày. Chữ sử trở xuống hai câu tức tâm cảnh ở trước. Tâm phải niệm, niệm không ngăn dứt cảnh, quyết pháp pháp không mê muội, mảy may liền mất có thể không cẩn thận ư?

Ngày nay mê muội giáo, sự đồng trò chơi trẻ con chợt đăng đàn, tâm chí kinh hoàng, huống chi thầy trao mà mờ mịt, chỉ biết học lời, tự không có hiểu lấy gì bày cho người, đâu chẳng phải nghiệp đời trước theo đuổi? Dù cho đời nay hư tán, cần phải trách mình để mong chờ tương lai. Hai phù là do gặp việc hấp tấp vội vàng phần nhiều bị sai lầm.

Thứ tư, là văn duyên trong y cứ ban đầu, ban đầu dẫn văn luật, trước bày như phi. Ngoài giới không gọi là Thọ, Sớ chép: "Đây chung lúc bạch tứ", nay y cứ thời duyên ngoài giới không mất. Chữ khủng trở xuống là rõ ý. Hai câu trên giải thích chỗ không nghe, chữ du trở xuống là giải thích chỗ thấy. Lại dẫn luật Ngũ Phần chuyển giải thích phi pháp. Nói khởi lỗi ấy, kia do Tỳ-kheo mượn y bát người, thọ rồi trả lại, các Tỳ-kheo bảo cùng đi khất thực, Tỳ-kheo kia nói rằng "Tự không có y bát, Phật không chế, tôi không mượn". Cho nên, Tỳ-kheo bạch Phật, Phật do đó chế giới.

Khoa kế, ban đầu bày chỗ. Chữ kim trở xuống là chỉ thời và sự. Kinh Bảo Đàn chép: "Lối đông trong giới tràng lập tòa hỏi già nạn". Do thấy trước chép: "Nếu ở ngoài giới không gọi là thọ giới cụ túc", cho nên nói là "thuận văn trên". Luật Tăng-kỳ không nói trong, ngoài, cho nên biết cả hai đều thông, không gần không xa, trông thấy chỗ tăng ngồi mà nói.

Trong Nghi-thức, đắp y ngược là bày tướng mạn, chữ cập trở xuống là nên có chữ Tróc. Trong năm món, dẫn duyên có thể hiểu. Trong tác pháp, ban đầu văn chia làm hai: 1/ Nêu ra bộ khác, Hòa-thượng cáo bạch, hoặc bày khác, hoặc khiến lấy gần kề. 2/ Sau dẫn bổn bộ, chánh rõ dụng ngày nay.

Trong hòa tăng, ban đầu chính hỏi pháp. Chữ như trở xuống là rõ chung riêng. Bốn lời đáp là đáp riêng: 1, Pháp như trước. 2- Gọi vào

(gọi Sa-di vào trong chúng, đơn bạch yết-ma). 3- Đối hỏi (đối chúng hỏi nạn, đơn bạch yết-ma). 4- Chánh thọ (trao giới cụ túc, bạch tứ Yết-ma). Trong gồm đáp, trước sau bốn pháp đều là thọ giới, một lời gồm thâu. Sao dùng đáp chung trở xuống là không hỏi riêng. Cho đến, v.v... là tuy thông nhiều người có thể suốt ngày đêm, nhưng ở chỗ làm việc hoặc cho dừng nghỉ, nghĩa chẳng liên tục, hợp với nghi lạm, quyết muốn y theo hạnh lại chung một tòa. Nay các châu quận, mở đàn khác năm nên nhiều người cùng thọ, trái dùng pháp riêng, lý tuy không hại, sự thành nhiều lặp, văn khác có thể hiểu.

Thứ sáu, là trong nêu ra lý do hỏi. Sợ ở trong chúng, nghĩa là ngay khi hỏi. Xét đặt ấy, hoặc y cứ người năng hỏi giao xong, hoặc là người được hỏi rõ ràng thong thả, lời thông giải thích cả hai.

Trong phần nói rộng, đầu tiên nêu lý do. Có được không được như sau sẽ tự rõ. Chữ linh trở xuống là rõ ý, ba câu trên khiến người hay hỏi biết pháp. Được thì không đâu chẳng mờ cho nên nói là sáng đoạn. Chữ sử trở xuống là khiến năng sở đều hiểu. Chữ nhược trở xuống là bày phi, tức trong nêu không đủ làm ví dụ. (tờ 221)

Trong chuẩn bị giáo, ban đầu dẫn chế. Chữ cố trở xuống là nói phải giải thích. Chữ ưng trở xuống là rõ giáo trước. Chữ thử trở xuống là ngăn nghi, y cứ vào luận tạc trụ đồng pháp mới thành, quyết khi đọc yết-ma lý nên chẳng ngăn. Đây do xưa chấp vấn nạn không chấp tướng hiểu, còn sợ vọng chấp đồng với yết-ma, không thể dự đọc cho nên nói một lần ngăn. Văn sau chánh rõ tạc trụ, tức dẫn luật Tứ Phần, một, hai, ba người và chúng tăng cùng làm mới thành, hoặc nhân sau khi đọc nghe dễ hiểu, đến sâu ngăn làm lời.

Trong phần sắp bày, Luật nhân thoát y hổ thẹn, Phật nói “Từ nay trở đi cho hỏi mười ba nạn”, tức nêu tướng kia cho nên nói rằng “chỉ hỏi”, v.v... Đến khi giáo thọ ra khỏi chúng, giới sư đối tăng hai lần bày pháp hỏi, chỉ hỏi mười sáu giá nạn cho nên nói rằng “Đến luận đồng”. Nay hợp đó, nạn ngăn trước nên nói là “nghĩa chuẩn đồng”.

Trong năng hỏi, thể nghĩa là đại thể, tức là bổn ý. Mỗi mỗi đầy đủ, nghĩa là nêu tên bày tướng, lựa chọn phải trái. Không đồng v.v... Sớ chép: “Có thầy hiểu rằng “Hễ thọ giới pháp, tác pháp khiến tụng, chỉ nên nương văn mười ba điều, khiến đủ đáp rằng “không” tức là đắc giới, đâu cần hiểu nghĩa”. Tổ Sư liền dẫn trong xả giới, bên không hiểu chẳng đủ mắc tội Tăng-tàn, lời thô không hiểu thì không phạm, tướng đều khó phá, đây không rõ nên lược bác bỏ.

Ban đầu giải thích biên tội, từ dụ làm tên, trong văn đủ giải thích.

Trước nương y bổn luật lại y cứ giới cụ túc. Sau y cứ Đa Luận thông với bốn giới trước, đều gọi là biên tội, nhưng trong tục giới, đại tiểu đều chế chung, y theo tăng thì thiên tụ định ước rất nặng, cho nên giới cụ túc phải nói là "xả", phạm tội nặng không bỏ tự gọi là hai diệt, muốn rõ thành chướng cho nên y cứ xả, đến sau ba lần phạm liền chướng giới, bất luận xả hay không xả.

Hai, là nói làm ô nhục Ni, trong định tịnh hay uế ban đầu bày không lạm. Tức bổn luật chép: "Ông có ô nhục Tỳ-kheo-ni hay không?" Luật Ngũ Phần, Thập Tụng đều vậy, nên nói là "các luật". Chữ cố trở xuống là thứ hai chọn tịnh. Trước dẫn thời sự, văn sau y cứ dùng. Chữ thử trở xuống là nêu ra chỗ y cứ kia. Sơ quả thì tư hoặc của ba cõi còn đủ, Nhị quả thì chưa hết tư hoặc của cõi dục, cho nên hai bậc Thánh này còn thọ vui đắm nhiễm, phàm phu gồm thâu nội ngoại bạc địa.

Hỏi: Quyết không thọ vui, cảnh trước không hoại, có thành chướng giới chăng?

Đáp: Ô nhục, hủy hoại thành nạn, theo năng được tên, nhưng chỉ lấy mạn, nhục, bất luận cảnh trước.

Trên nói thọ vui là chọn trong ban đầu, sau người thành hay không thành.

Quả thứ ba đã hết tư hoặc cõi dục, Tứ quả thì kiết sử đều sạch, hai bậc nầy quyết không đắm dục lạc. Chữ cố tri trở xuống là song quyết.

Trong các phạm khác, xúc chạm tám việc, văn như xoa chạm làm một câu, hai câu sau nói tám việc. Câu trên rõ tám người cùng thành, câu dưới y cứ một người làm riêng. Theo Sớ, thì tám ni chung làm tám người, là truyền chép sai lầm.

Luật kia hỏi rằng: "Có thể có người ô nhục Ni chưa thọ giới nên thọ, thọ rồi không nên diệt tẫn ư?". Phật nói: "Có, như dùng thân tướng chạm ô nhục Ni". Lại hỏi: "Có thể có người ô nhục ni được cho thọ giới ư?". Đáp: "Có, như tám người dùng tám việc ô nhục ni, ni gọi là dơ mà tám người không gọi là dơ. Lại một người dùng tám việc làm dơ Ni, Ni gọi là dơ mà người không gọi là dơ".

Chữ linh trở xuống hai câu là gồm kết hai giới, tám việc đầy đủ như thiên Ni. Trong luận Tạp tướng văn có ba đoạn:

- Ban đầu chọn chúng sau, chữ nhược trở xuống là rõ thông ba đường, y cứ gốc thành dâm, không nhọc ở đây chỉ bày. Vì ngăn ngừa nghi lạm, nghĩa là các phi chướng khác. Chữ nhược trở xuống là biện hình phục. Trong nghĩa quyết, ban đầu là chánh quyết. Trước nói tự đắp không chướng, không y cứ, không y cứ biết và không biết cho nên phải

phán cả hai. Chữ đãn trở xuống là ngăn lạm, sợ cho là cảnh trước tịnh uế cũng đồng hình phục, y cứ biết và không biết cho nên đặt biệc chọn đó, văn sau chỉ bày rộng. Nghĩa Sao thứ nhất, Nghiệp Sớ thứ ba. Sớ nói rằng: "Có Sư nói "Chỉ là giới cụ túc, đâu luận tịnh uế", lăng nhục, khinh mạn nặng cho nên chướng xuất gia", nhẫn đến Tổ Sư nói rằng: "Nên dùng Tăng-kỳ để phán rõ định uế".

Văn đáp trong hoại Tỳ-kheo, câu đầu là phán định. Chữ ni trở xuống là nêu quyết. Kia hỏi rằng: "Cô có phạm tịnh hạnh với Tỳ-kheo hay không?". Nói sự ít là nêu lược ý trong tăng. Chữ cố trở xuống là dẫn văn quyết, muốn đủ hỏi rằng "Người có trộm vật của hiện tiền Tăng hay không? Đối với sáu thân của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có làm hạnh bất tịnh không? Cha mẹ, Sư trưởng bịnh có bỏ đi hay không? Có giết chúng sinh phát tâm bồ-đề hay không?"

Trong phần bày chung, người tục cần y cứ chưa thọ năm giới, tám giới.

Thứ ba, rõ tặc tâm, Pháp tài chẳng có phần, dối trộm đem về mình cho nên dùng làm tên. Trong dẫn bày, ban đầu dẫn bổn duyên. Luật nhân lúc ấy nước Ba-la-nại lúc gạo đắt đỏ, có người ngoại đạo trẻ tuổi thấy Phật và tăng được nhiều đồ cúng dường, liền tự cạo tóc, đắp y, bưng bát vào trong chúng ăn. Các Tỳ-kheo gạn hỏi, người kia tự nói đầu đuôi, Phật do đây chế giới.

Chữ nhược trở xuống là phán thành hay không. Ban đầu nói trộm hình. Người chưa xuất gia nghĩa là chưa thọ mười giới. Chưa thọ, là chưa thọ giới cụ túc. Không nên thọ y cứ trước biết. Đã thọ được là y cứ sau mà biết. Luật nói đủ rằng: "Cho đến một Tỳ-kheo đến chỗ tăng, không cùng yết-ma thuyết giới. Nếu chưa xuất gia, thọ giới cụ túc thì không được cho xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu đã cho xuất gia thọ giới cụ túc, cho tức gọi là xuất gia thọ giới cụ túc, văn dư chữ giả bỏ đi liền rõ nghĩa".

Chữ hội trở xuống là nói pháp trộm, chính là vị nạn cho nên diệt tẫn. Trước chỉ đồng với ngăn, dầu tăng dự biết, trái với chế đắc giới. Trong quyết thông, trước dẫn văn luật sau nầy bày quyết nghĩa. Văn trên chỉ nói rằng "một, hai, ba người không gọi là Chúng, chỉ cần dùng nghĩa định". Còn bao nhiêu hòa hợp ấy, như nói tự tứ thưa chúng, hòa Tăng, lập chế, v.v... Trong bộ khác, Luật Thiện Kiến ba món đều gọi là trộm hình, nếu y cứ món thứ hai chính là trộm pháp, cho nên trong Sớ chỉ nói ba món (hoặc sợ viết lầm, chữ nhất nên để trên chữ trộm hình, thì đồng nghĩa với Sao), hoặc có thể xứng hạ nhận lễ, trộm hình đại

Tăng cho nên thông nên.

Ban đầu nói trộm hình, nói lợi dưỡng ấy là phải y cứ hai món vật hiện tiền tăng, ăn uống và cúng dường là chỗ trông mong của kia, nghĩa đâu không nhận, cho nên sau nói rằng: "Vì đói khát".

Thứ hai, trộm hòa hợp, Luật chỉ y cứ pháp, luận chung bốn món, thêm hạ lạp, lễ, lợi đều thành chướng giới, cho nên Sớ hỏi: "Trộm hòa hợp, lẽ ra ở yết-ma, sao dùng trong văn đủ bày hạ, v.v...?". Đáp: "Hạ kế, lễ nghi và tín thí, đều là biểu tướng sáu hòa của tăng, do có giới, cho nên liền có hạ kế, v.v... Do trộm giới tướng khiến người khác tin".

Nếu thấu trở xuống là phán đoán được hay không, đồng với luật Tứ Phần ở trước, dẫn Ngũ Bách Vấn hỏi riêng chứng, nhận lễ. Trong sắp xếp, khoa đầu chia làm hai: Trước bày bổn luật nói thông. Chữ y trở xuống là kế dẫn luật Tăng-kỳ để chánh quyết. Ban đầu nói trộm pháp, kia nói rằng: "Sa-di núp dưới giường nghe trộm". Trong phần đầu, sau nói là tiếp ngôn tướng trước sau của yết-ma, đều ghi thành chướng, không đủ thì không thành, văn tuy lược ghi nghĩa phải hiểu rõ (xưa chép: "Tác bạch là đầu năm, thiên là giữa, lược giáo là sau". Ở đây giải thích rất sai. Nói giới thì có thể, còn như đơn tác yết-ma thì y cứ phần nào?)

Nhược phàm trở xuống là nói trộm hình, trái đó là trải qua bố tát. Hỏi: không nghe yết-ma chí nghe giới tướng có thành chướng chăng?

Đáp: Đây có hai thứ khác nhau: Nếu thân ở chúng vọng đồng tăng nêu, chỉ nghe liền thành, không cần phải yết-ma. Nếu nói về trộm nghe quyết y cứ yết-ma, nếu chỉ nghe giới nghĩa lẽ ra chẳng chướng. Tức văn trước nói rằng "không bỉnh yết-ma đều không thành nạn". Lại như Sớ chép: "Trộm hòa hợp, lẽ ra ở yết-ma".

Hỏi: Nếu vậy sao dùng luật Tăng-kỳ chép: "Khi nói giới thì luận việc gì?

Đáp: Vì khi nói giới quyết phải làm yết-ma.

Hỏi: Nếu vậy sao cho nói giới sót chưa đủ?

Đáp: Sợ sinh tâm xem thường, bất luận chướng giới như Giới Sớ nói rằng: "Chúng sau không biết, thường sinh khinh mạn, chế khiến tai mắt không thấy nghe thì trọng pháp". Người tôn trọng sinh khâm phục kính tin, y cứ vậy thì biết là chọn ra ý khiến tôn trọng. Lại như Đại ni cũng sót, há lo chướng giới ư?

Hỏi: Riêng tập bỉnh xướng, chưa thọ cụ túc chợt nghe và khi chưa thọ có giở kinh luật, do đó đọc yết-ma biết rõ nghĩa lời, có thành chướng giới hay chăng?

Đáp: Y theo văn trước sau đều nói làm đúng trong tăng, nên dối trộm thành chướng, đâu có đọc văn mà thành chướng giới. Như trước trộm hòa hợp tăng ở luật Thiện Kiến, ở chỗ vắng xướng đọc riêng, tăng vẫn ăn ở chung, do châm chước nghĩa, nhất định chẳng phải thành chướng. Ở trước nói: Đây chẳng phải tết-ma, không phạm tặc trụ" ý hiểu như trên không thể chuyên chấp (xưa đều chép "Thành nạn", xưa nay bậc cao tăng phần nhiều có người đời trước đã mở Đại tạng xem, ngày nay các tín sĩ phần nhiều cũng như vậy, nếu đều chướng giới, đâu không quá gấp, người học nên rõ điều đó).

Trong không đủ năm, Già luận nói qua bố-tát nghĩa là biết mà cố làm, nhưng cũng phải y theo khai hiển để phán. Kế trong luật Tứ Phần do tuổi không đủ và pháp không thành, nghi não người khác liền chế tội Ba-dật-đề, nay dẫn không phạm, văn trong mở lời. Hai chữ "người thọ" đọc nối ở trên, văn nêu hai việc không đủ có thể hiểu. Nói tác pháp, nghĩa là tác bạch yết-ma không thành vì phi pháp, riêng chúng. Có biết v.v... ấy, nghĩa là biết thật không đủ và phi pháp, sợ sau nghi hối thọ lợi dưỡng, lễ kính nên nói cho biết, trở lại bổn xứ thọ giới cho nên dẫn ra đây. Lại nói vốn thọ không được liền nhận sư lễ kính và lợi dưỡng thì là tặc trụ, đồng như Già Luận. Ni xả giới đến không trộm hình và trộm pháp thì y cứ chẳng phải tặc trụ, nhưng do Phật chế Ni không được thọ lại cho nên trái bỏ, trông trước ở đạo tức đồng trộm pháp, nên gọi là tặc trụ, tuy khác trước mà y cứ lỗi nói là đồng.

Thứ tư, phá nội ngoại: Trong Luật, vì ngoại đạo lõa hình bàn luận nghĩa với Xá-lợi-phất, liền cho là Sa-môn Thích-tử thông minh trí tuệ. Sau gặp Bạt-Nan-Đà liền theo xuất gia, hỏi nghĩa mà Bạt-Nan-Đà không thể trả lời, kia liền bỏ đạo. Tỳ-kheo bạch Phật, Phật nói: "Từ nay trở đi bạch nhị yết-ma cho ngoại đạo bốn tháng ở chung". Trước cho cạo tóc, thọ mười giới, sau làm yết-ma (ở đây thử thách ngoại đạo mới vào, chẳng phải phá nội ngoại). Sau lại có một ngoại đạo vừa xong bốn tháng thử thách liền được chánh tín, Phật dạy cho thọ giới cụ túc. Lõa hình ngoại đạo trước, nghe điều này rồi lại đến xuất gia, Phật nói: "Đây là phá nội ngoại đạo, ở trong pháp ta không có lợi ích", từ đây ngăn cấm.

Nói phá, là hai kiến tà chánh đều hoại. Sớ chép: "Chánh lấy phá nội gồm thật phá ngoại".

Trong bày danh tướng, ban đầu đến nặng cả hai đều phá ngoại, thọ rồi lại hoàn tục tức là phá nội. Lại cần định y cứ giới cụ túc mà nói, nếu thọ mười giới phá thì không thành nạn. Chữ bỉ trở xuống là nêu ra

lý do chướng. Trong dẫn chế, vì trước phá nội cho nên chế để thử thách lúc mới vào, nếu phá nội ngoại thì là hằng chướng, đâu phải thử thách.

Nhiều người hiểu lầm cho nên chỉ bày. (y cứ thiên Sa-di, đây tức bỏ mất giáo pháp. Trong Sớ cũng khiến nương kia, nhưng cần quán cơ dụng xả, chia thể toàn bỏ, cho nên ở đây nêu)

Ý trong lời hỏi cho rằng chỉ khiến ở chúng, có thể nghiệm thuận nghịch, mà trong văn luật chưa cho yết-ma, trước phải thọ mười giới, ý chế rõ nạn, cho nên hỏi bày. Trong phần đáp có hai ý để hiểu.

Trong kết lược, Hoàng Cân xứ nầy (Trung quốc) hoặc có tin ưa nên y cứ pháp trước. Luật nói rộng, trước chế khiến cạo tóc, kế cho thọ mười giới, nên đến trong tăng xin rằng: "Đại Đức tăng xin lắng nghe! Con là ngoại đạo mở pháp, theo tăng xin bốn tháng ở chung", (nói ba lần). Tăng liền để người kia ở chỗ mắt thấy tai không nghe mà lầm pháp Yết-ma rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe! Ngoại đạo mỗ giáp kia nay theo chúng tăng xin bốn tháng ở chung, nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho ngoại đạo mỗ giáp kia bốn tháng ở chung, bạch như vậy (yết-ma y theo đây mà làm). Kia thực hành ở chung xong, làm cho các Tỳ-kheo tâm vui vẻ, rồi mới cho thọ giới cụ túc.

Năm là huỳnh môn, Sớ chép: "Huỳnh là sắc phương giữa. Hình phạt thời xưa, người bị hình phạt này sẽ bị thiến. Do vệ trung là cửa cấm nên nói là huỳnh môn. Trong thông lệ, sinh nghĩa là sinh, lai tức là phải, Kiền như sau sẽ giải thích, còn ba món khác có thể hiểu.

Trong chia cắt, câu đầu chỉ cho việc. Chữ nhược trở xuống là chánh phán, trước rõ đều cắt thành chướng. Chữ kim trở xuống nói lên trái chút phần không thành. Người bị cắt căn, sắc tâm thay đổi cho nên y cứ chưa sửa đổi. Quyết đã sửa đổi, chút phần cũng chướng. Tội nhỏ, tức sau nói rằng "Thiên nương sám".

Hai văn trong đều cắt cùng nói về Tỳ-kheo, bởi y theo đã thọ, lệ quyết chưa thọ. Bổn Luật bốn món thì ba duyên trên hoại trở xuống là một kiền hoại. Không có điểm dưới trở xuống một món là không lựa đều chia. Luật Ngũ Phần ban đầu dẫn duyên khởi, cho đến ấy là lược lời tự cắt. Về cắt, vì dục tình có thể trị, cho nên không nên cắt, vì báo sắc không nhớ. Tức Kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: "Nếu đoạn âm kia (nam căn) không bằng đoạn tâm". Chữ cáo trở xuống là nói Phật phán, các văn đều cắt cùng chế, diệt tẫn chỉ có luật Ngũ Phần nầy. Có chút mở để lại sau khiến y cứ theo đó. Thiên nương sám thì tự hại thân phần phạm tội thâu-lan-giá nặng, là phương tiện giết. Y cứ trở xuống là bệ quyết. Đã cắt nghĩa là đều bỏ chút. Lưu là y cứ theo trước. Khám, tức

tâm tánh chưa đủ. Các bộ khác, tức lấy luật Ngũ Phần, bổn bộ đều cắt, nhất định là không được, cho nên Sớ chép: "Tứ Phần không có văn để y theo".

Trong ba giết, thứ sáu, thứ bảy là trái ân, thứ tám là trái phước, đến sau thứ chín tức chướng chánh đạo người khác, thứ mười gồm trái ân phước. Năm món này đều trong nghịch phản, đều gọi là năm tội nghịch, nếu phạm chắc chắn đọa ngục A-tỳ, cũng gọi là năm nghiệp Vô gián.

Trong hai món nghịch phá tăng gọi là lạm, nên chia làm hai, Phá pháp luân, lập năm pháp tà:

1/ Trọn đời khất thực. 2/ Mặc y bá nạp. 3/ Ngồi dưới gốc cây. 4/ Không ăn muối. 5/ Không ăn cá thịt. (Lúc nầy Phật còn chế ăn tịnh nhục).

Phá pháp bốn y và tám chánh của Như lai phạm thượng phẩm Thâu-lan-giá.

Phá yết-ma: Là trong một giới có hai chúng đồng thời tác pháp, phạm trung phẩm Thâu-lan-giá. Mười, là làm chảy máu: Kỳ-bà trị bịnh dùng kim chích Phật chảy máu được sinh lên cõi Phạm thiên một kiếp. Điều-đạt xô đá núi lăn đá làm bị thương chân Phật, đọa ngục A-tỳ một kiếp. Cho nên sau chánh hỏi thêm tâm ác để chọn đó.

Chữ thử trở xuống là gồm bảy, chỉ khi Phật còn ở đời, Điều-đạt gây ra hai tội nghịch nầy, còn bao nhiêu thì chẳng thể có. Sớ chép: "Tội nghịch phá pháp luân ngày nay ít có (Ấn-độ còn có bè đảng của Điều-đạt, Trung Hoa cũng có bọn tà kiến diệt pháp). Lại dẫn giải thích xưa hủy hình tổn hoại tượng, hoặc có máu, ánh sáng đều xếp vào tội nghịch. Lại nói rằng "Không cần có máu, ánh sáng, chỉ nói tâm ác, tổn hoại là tội nghịch". Tổ Sư nói rằng: "Cố dẫn bày đó, có thể châm chước".

Trong phi nhân lại nêu bày quỉ thần, cần thông bốn đường (trời, tu-la, quỉ, địa ngục). Chữ Luật trở xuống là dẫn chứng, quyết lấy sự biến hóa mới phải hỏi. Luật Nhiếp, luật Tứ Phần chỉ nêu ba tên mà thôi, luật Ngũ Phần nói vì Tu-la nhàm chán nạn già chết, hóa thành hình người, sau khi thọ giới đến nhà cư sĩ ăn năm trăm phần ăn, bị người chê cười, cho nên chế luật, văn lược nêu hai đường ba bộ, còn bao nhiêu quyết cần đủ. A-tu-la, Hán dịch là Phi thiên (chẳng phải trời), vì có nhiều sự dối trá chẳng phải hạnh các vị trời. Càn-thát-bà, Hán dịch là Khứu Hương, cũng gọi là Thực hương (lấy mùi thơm làm thức ăn). Trong súc sinh đồng lấy sự biến hóa, cho nên cũng là khoa trước. Chữ Luật trở xuống là dẫn chứng, tức Luật Thiện Kiến chép: "Long Vương

nhàm chán thân, hóa thành ngoại đạo, xuất gia thọ giới rồi, vì ngủ say nên hiện nguyên hình, Phật liền chế ngăn” như văn đã dẫn. Rồng làm duyên khởi còn các súc sinh khác đều như vậy.

Trong phần chuyển hỏi, ban đầu nói ý hỏi, chữ thoát trở xuống là dạy chuyển đổi. Chữ như trở xuống là tự ra, thoất giống như bỗng.

Trong hai hình, đầu tiên là bày tướng. Luật Thiện Kiến nói có ba loại:

1- Có khả năng tự thọ thai, lại làm cho người khác thọ thai.

2- Chỉ có khả năng tự thọ.

3- Chỉ làm cho người khác thọ.

Ba loại nầy đều là nạn vì đều là hai hình. Chữ nhược trở xuống là dùng lỗi so sánh thọ, tức một trong bốn món xả, y theo Sớ. (tờ 223) Ba chướng thâu: huỳnh môn là người nặng nề, ái dục, nhiều chướng phiền não. Lại không thể là nam, cũng xếp vào báo chướng, Ni tặc phá, năm nghịch, chín món đều là nghiệp chướng, chẳng phải như súc sinh, hai căn, ba món là báo chướng.

Kế, khoa đầu trong nói về ngăn. Câu đầu chỉ trước mà sau rộng bày. Chỉ người thọ pháp, kia có hơn một trăm bốn mươi món, trước sau xen bày. Nay nương sáu căn chỉ bày tổng quát. Nhãn căn có hai mươi ba: xanh, vàng, đỏ rực, đỏ pha vàng, màu đỏ, hoặc xanh, vàng, trắng, xanh lục, xanh nước trong, rất sâu, ba góc, càng cách xa, dài, lớn, mắt lác, mù, mắt chột. Nhĩ căn có một (là điếc), nghe không rõ mũi). Thiệt căn có hai (câm và đủ hai). Thân căn có chín mươi bảy, tóc lông có sáu (tóc cằn cỗi, tóc xanh, vàng, tóc bạc, không tóc, không lông). Đầu có mười bảy (đầu voi, đầu ngựa, đầu lạc đà, đầu lừa, đầu trâu, đầu heo, đầu dê, đầu nai, đầu rắn, đầu cá, đầu chim, hai đầu, ba đầu, nhiều đầu, đầu nhọn, đầu trùng). Nhan sắc có bảy (tất cả xanh, vàng, đen, đỏ, trắng, hoặc lẫn lộn, hoặc sặc sỡ). Miệng có sáu (răng răng cưa, không răng, cổ họng cong, sứt môi, không lưỡi, lưỡi bị cắt). Hình tướng có hai mươi sáu (ngực ểnh, lưng gù, trước ểnh sau gù, trong cong, ngoài cong, trong ngoài cong gãy, quá cao, quá lùn, thân như người nữ, phụ nữ ràng buộc thân, ngón chân cong, chân què, một tay một chân, một tay, không tay, không chân, không tai, một trứng, không trứng, ngón tay cong, sáu ngón, ngón có màn). Bịnh hoạn có hai mươi ba (bịnh ghẻ, tướng chết hiện, bịnh ung thư, bịnh khí, bịnh tật dịch, bệnh nhổ nước bọt, chỗ kín bị ghẻ, thường nằm không ngồi dậy được, quá già, bịnh khô năm căn, tay trái hư, tay phải hư, bịnh phong, bịnh nhiệt, bịnh đàm ấm, bịnh ghẻ, bịnh nội thương, bịnh ngoại thương, trong ngoài đều bịnh). Tất hoại có

mười hai (cắt tay, cắt chân, cắt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, tai mũi đều cắt, cắt nam căn, cắt trứng, cắt đầu nam căn, cắt cánh tay, cắt khuỷu tay, cắt ngón tay). Ý có ba (không biết tốt xấu, nhiều các khổ não, cuồng si, năm căn kia có một trăm hai mươi sáu và sau tạp già cộng có hơn một trăm bốn mươi loại). Tạp loại hơn hai mươi (không xưng tên mình, không xưng tên Hòa-thượng, không xin giới, mặc áo dài, mặc áo ngoại đạo, đeo đồ trang sức, mắt say, lõa hình, tức giận, không tâm, có tên trong sổ nợ, trốn thuế, nợ nần tôi tớ nhà giam, y bát không đủ, tuổi không đủ, cha mẹ không cho, có năm thứ bịnh...)

Chữ giai ngôn trở xuống là gồm bày được không như sau. Trong ba giá nạn, y cứ không có y bát nên hợp lại đồng khoa, nhưng văn chẳng rõ nên có nhiều giải thích khác nhau, nay thầy phán nghĩa cho nên bày ở sau.

Hỏi: Y cứ định không phát sao không gọi là nạn?

Đáp: Tên có thể đổi xưng, năm cho đợi đủ, chẳng đồng thường chướng, không thuộc về nạn.

Tuổi không đủ, phải tính luôn thai nhuần và thêm tháng bố-tát mà vẫn không đủ.

Trong luật Ngũ Phần ban đầu nêu là ngăn, chế tăng liền độ. Chữ hoặc trở xuống là kế rõ chẳng ngăn, chế tăng làm nạn. Tăng-kỳ có nhiều món phần lớn đối với luật Tứ Phần. Lược nêu bảy tướng, mắt chim tức thuộc mắt mù. Người điếc trở xuống là y cứ kia hợp có câm. Khoa sau lại giải quyết rõ ra là viết sót. Tích âm tích, là không thể đi. Xương cùng cao hơn mông. Ban âm ban, sẹo roi cũng như sẹo gậy. Đột khởi cũng là luống kết trái. Ao hãm cũng là quạ trị trái. Dấu sẹo, nay gọi là khắc xanh. Hình thú, kia nói rằng: “Làm các món tượng chim thú, chu nho là người lùn. Luật kia các giá nạn đều cho là không nên, các lời mỗi thứ đều kết. Nay đây tổng quát cho nên nói là “tất cả đồng”.

Trong rõ được không, ban đầu bày lời tổng kết bốn món. Văn kia già nạn bốn kết đều đồng, chỉ có nên đuổi hay không đuổi là chọn khác. Văn sau đồng ấy, như nói rằng “Nếu không xưng tên Hòa-thượng, không xưng tên người thọ, không xưng tên tăng, không gọi là thọ cụ túc”, sau các giá nạn đều có lời này. Còn ba món khác tức là văn chung của khoa trước. Chữ thị trở xuống là chánh chọn, thị trung tức chỉ cho luật kia.

Trong nói về già nạn, ban đầu bày hai kết, luật kia hễ người ứng pháp thì gọi là thọ cụ túc, như ngài Ba-ly hỏi Phật: “một Hòa-thượng, một giới sư, một chúng có được cùng thọ chăng?” Phật nói: “Hai, ba

người như vậy cũng được cùng thọ”, đây gọi là thọ cụ túc, còn bao nhiều đều lệ như vậy. Nếu là người giá nạn thì nói là “không gọi là thọ cụ túc”, nếu cho xuất gia là vượt tỳ-ni, lời nầy bao gồm chung, cho nên nói là đâu ngại, v.v...

Chữ như trở xuống là dẫn bày có hai: Ban đầu nói chung được hay không. Chữ hựu trở xuống là bày một bề không được. Trong ban đầu câm, v.v... là đồng lấy đui điếc, luật kia chép: “Người mắt mù không thấy tất cả (đây tức không được) nếu thấy lằn chỉ trong lòng bàn tay, mắt chim, được cho xuất gia (ở đây đồng như pháp). Điếc là không nghe tất cả tiếng (điếc nặng), nếu nghe tiếng lớn đươc xuất gia (điếc nhẹ). Sẹo roi lồi lõm (là nặng), trị cùng da không khác được xuất gia (là nhẹ). Luật kia trong câm không bày tướng nhẹ, quyết lấy tương tự có thể nói, lệ trên đui, điếc, nặng, nhẹ hai món khác nhau. Thanh tịnh chung ở, tức chỉ lời được cho xuất gia, trước rõ là được, văn nói là sau bày không được.

Kế, trong một bề không được, chữ di thơ trở xuống là kia có in sót chữ thử, nay đây hợp đó, nghĩa là gởi viết nhận. Giơ tay ra dấu là không nói cầu xin. Kia không chỉ giơ tay, nay thêm đó để giúp. Không hiện tiền là thân không đến trong tăng. Như vậy, v.v... là kia nói rằng “không hỏi” (không hỏi giá nạn), người trước không muốn (không có tâm thọ giới) phi pháp không hoà hợp, chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, nếu mỗi việc không thành tựu thì không gọi là thọ cụ túc.

Chữ tiền trở xuống lại điểm trọng (nặng), mù, điếc v.v... cũng đồn. Thập Tụng, Già Luận, nặng, nhẹ, được, không được đồng với Tăng-kỳ ở trên. Trong y bát, Luật Tứ Phần, do người không y bát thọ giới cụ túc, các Tỳ-kheo bảo vào xóm khất thực, người kia nói “Tôi không có y bát” do đây chế giới. Lại có người mượn y bát của người khác, thọ giới rồi, chủ y bát lấy lại, kia lõa hình hổ thẹn, cho nên Phật chế không được mượn. Nếu muốn cho y phải dạy xin cho, không cho thì phải cho tiền bằng giá y (ở đây y cứ hằng bán mới thành, nay có người tạm thuê rồi trả lại thì đồng với mượn). Sau dẫn luật Ngũ Phần chuyển chứng người mượn, đã khiến chủ bỏ, thành vật của mình, cho nên liền đồng với luật Tứ Phần phải dạy xin cho.

Trong Đa Luận, ban đầu nêu định đắc giới. Chữ luận trở xuống là dẫn văn bắt bẻ lại, ý cho là không đắc giới thì đâu cần chế? Trong lời đáp ba nghĩa rõ bổn ý chế riêng chẳng chuyên thọ giới, cho nên đức bên trong không nêu ra từ bi giải thoát và hổ thẹn.

Trong quyết phán, bộ khác, là Sớ dẫn nạn rằng: "Nếu không có Hòa-thượng thì không thể theo kia". Chữ tất trở xuống nghĩa là hươn gấp điều riêng, không thể dùng chung. Tông kia không có Hòa-thượng, mặc áo đời v.v... đều khai thành thọ, ở giáo quá hươn. Tứ Phần không phải như vậy, lập pháp có nghi, huống chi thọ giới là việc lớn, nghĩa không khinh lược cho nên khiến y theo gấp.

Trong lệ bác bỏ, y theo Sớ xưa có hai cách giải:

1- Nói rằng: "Nương Đa luận, Thập Tụng, dầu không có cũng khai đắc giới, mắc tội (khoa trên đã phá nhưng không nêu xưa).

2- Lại có người nói rằng: Nếu không có y bát hoàn toàn là phi pháp, nếu mượn được thì ngay lúc đó là có.

Nghĩa y cứ Hòa-thượng phá giới bốn câu tức nay chỗ đã bác bỏ, ban đầu dẫn xưa, đây về sau chính là bác bỏ. Sớ chép: "Được hay không, chẳng có văn thì phàm tình khó tin, cầu nương thinh giáo thì không có giới".

Trong thiên Cha Mẹ, luật nói do Ngài Thân Tử độ La-hầu, v.v... vua Tịnh Phạn bạch Phật, Phật do đó chế giới. Trước dẫn luật Thiện Kiến, nói các phương khác đều cho phép, sau y cứ Tăng-kỳ rõ chọn thân sơ, nhưng ở Ấn-độ có nhiều nước nhỏ, đồng với xứ nầy xưa nay tùy nơi chốn y cứ. Ngày nay thống nhất hơn bốn trăm châu, Di, Địch không thông, sự cũng ít có, y cứ văn, y cứ cõi nước, lúc bấy giờ chẳng muốn, dầu có cũng ít. Vả lại, y cứ một cõi nước phải hỏi cho hay không? Nhưng trong đây phong tục rất tôn kính tăng đoàn, phần nhiều do thân mình xả bỏ so sánh mà có già nạn. Tự đến, là đời có người riêng hết sức đến với người khác là cha. Dưỡng nhi là lúc mới sinh em bé theo người cầu nuôi, thiếu nợ được cho là có nợ người. Y cứ sự chẳng nặng, y cứ nói rằng: "Không nên", lẽ ra Tăng có tội. Nhưng do ở Ấn-độ người thiếu nợ xuất gia vua không chấp nhận, cho nên phải kết phạm. Xứ nầy không phải như vậy, có giới không lỗi.

Trong tôi tớ, văn ban đầu, năm món của luật Tăng-kỳ thì ba món trước thuộc nghĩa chủ. Chữ cường trở xuống là thứ hai thì yếu cho nên chia hai phần. Trong đây đến pháp, phần nhiều là bởi người, sự cũng ít.

Kế khoa đầu là chỉ thời sự. Chữ nhược trở xuống là y cứ kinh chấp nhận. Chữ Luật trở xuống là bày chỗ thiếu của luật, hai câu sau y cứ kinh quyết luật, Kinh gồm nam nữ, nhân quyết khoa trước, cho nên nói rằng: "Đến con". Do trước luật Tăng-kỳ, ba con, năm tôi tớ đều không nói buông bỏ, cho nên cuộc hạn kia đây. Nay y cứ văn kinh chỉ là bị

buông bỏ bất luận thân sơ. Phương kia, xứ nầy tất cả đều được, cho nên nói rằng “thông sung”, sung dụ như chấp nhận. Sớ nói rằng: “Nếu bị buông bỏ nào nói kia đây”.

Trong ba món, thì phật nô, hoặc phí vật làm thuê của tăng, hoặc của người khác hầu Phật.Trộm hai kết của Phật, ở đây y cứ chủ luận, cho nên nói rằng “phạm nặng”, người đại đạo gọi là Tỳ-kheo, tuy đã thọ giới cụ túc quyết trở lại vi tôi tớ, cho nên nói là “sai”. Đây là y cứ hằng làm hoặc ở hạn cuộc làm thuê, không như vậy thì chẳng đã nói. Người làm quan, trong Luật nhân độ dũng tướng của vua Ba-tư-nặc xuất gia, vua chê bai cho nên Phật chế. Sớ chép: “Nghĩa là phẩm công huân đã trên địa vị”. Văn võ bá quan, Tăng-kỳ v.v... bốn câu, có thể hiểu. Danh nghĩa là tài nghiệp, là chỗ xứng của thời bấy giờ. Y cứ trở xuống tức là y theo đều không lệ quyết thường tục. Do trong luật hệ thuộc tên nhờ người cũng thuộc về già nạn.

Trượng phu, Sớ chép: Người nam gọi chung là Trượng, là hình tột hình. Khổng Tử cao hơn chín thước cũng có một trượng. Khoa đầu có bốn câu, câu đầu là chí lớn, câu kế là tiết cao, câu ba nghĩa là hạnh có trước sau, câu bốn tức tâm không khinh động, quyết trái bốn câu, đây tuy là người nam thì chẳng phải là Trượng phu. Đứng vững gọi là vị cao. Phong sương dụ cho các việc suy, nhục, nguy nan, v.v... Cứng bền cũng là đạt đến.

Kế, trong dẫn chứng, văn luật ban đầu dùng năm năng lực, chữ vị trở xuống nêu bày năng sở, tức mười món việc khổ. Chữ hàn trở xuống nói chữ lục là sáu, mủi mòng, trùng độc là bảy, lời ác việc khổ là tám, trì giới là chín, ăn một bữa là mười. Trong Tăng-kỳ, tuổi tuy ứng pháp mà không kham nhẫn cũng chọn, cho nên biết xuất gia chuyên giữ nghiệp tu, đâu không suy nghĩ điều đó.

Trong năm bịnh, văn ban đầu, năm món như sau tự bày. Trong điên cuồng chỉ trừ thượng phẩm. Trong phần nói riêng, Sớ dẫn luật Thiện Kiến, chỗ vắng tăng trưởng thì không được, không tăng trưởng thì được độ, cùng năng khác nhau. Hoặc là Tổ Sư sửa đó theo rộng, hoặc sợ truyền viết lầm. Chữ nhiên trở xuống nghiên cứu chỗ khởi của bịnh, ý bày khai được. Sau dẫn người chứng quả, giải thích thành nghĩa ban đầu. Sớ chép: “Do hoặc chết, ở đây sinh nghiệp hết quả báo” cho nên gồm nhóm thọ.

Chữ hoặc trở xuống là nói thọ rồi sinh bịnh, do đó mà dẫn. Hoặc có thể thọ rồi đã cùng việc tăng, cho nên biết chưa thọ quyết không chướng giới. Trong việc khác, nói lý do ấy nghĩa là thọ giới là việc quan

trọng, các bộ chế nghiêm đã rõ, việc khác lại bày ý nầy.

Khoa đầu, luật Ngũ Phần ngược bày tướng thức vẫn không thầm thọ, tiếp tục dẫn đèn chiếu không cho lạm giao phó. Khoa kế, đầu tiên là dẫn luật Thập Tụng, kế là hỏi thứ ba, kế điểm bốn tông, không văn có nghĩa, sau khuyên y cứ sự nghi trước có tựa. Nay phần nhiều không làm, rất trái ý Tổ.

Trong thứ ba, nạn duyên của luật Tứ Phần khai cho nhiều người thọ, Luật Tăng-kỳ, Thiện Kiến, chính là thường khai. Ngày nay hành sự không cần chấp nạn, tám nạn các duyên, thiên sau trình bày, cho nên lược chỉ ra. Trong Luật Tăng-kỳ, do ngài Ba-ly có hai Sa-di, muốn cho cùng thọ, bèn bạch Phật, do đó khai văn dẫn, Phật đáp "một chúng nghĩa là ngoài hai thầy gồm các giáo chứng khác cộng thành mười người". Chữ "cùng thọ" trở xuống kia nói rằng: "Không được chúng thọ", nay đây lược bỏ. Chữ nhược trở xuống là ngăn phi, kia nói rằng: "Hai ba người cùng một thầy yết-ma, riêng Hòa-thượng cùng một chúng thọ không gọi là thọ cụ túc", so sánh điều đã dẫn, nay có chút không thứ lớp.

Trong luật Thiện Kiến, không tướng lễ nghĩa là không xen lễ, nên phải đối lễ. Trong phần chánh hỏi, sau rõ hành sự, văn tướng rõ ràng không cần lại giải thích nhỏ nhặt, nhưng ở khoa đoạn hơi có thứ lớp, hẳn đối với giảng sư sửa đổi thêm thất văn chương, cần khiến người mới học hiểu rõ việc nghi. Bậc thầy ngày nay ngu si, hễ thấy chương nghĩa phần nhiều chỉ ở đầu môi chót lưỡi chứ hành sự thì bỏ phế không làm, lại cho là văn rộng không thể nghiên cứu, đến làm việc phụ một chút cũng không biết, luống gánh vác truyền thông, hoàn toàn trái ý chỉ của Sao, nếu nghe lời trung thực nên cẩn thận.

Bảy là khoa hành sự, thứ lớp do nhau, trong phần đầu lại duỗi tay ở trong, cũng y cứ chỗ ngoài trời. Về chỗ cao hơn, Sớ chép: Giới già đã tịnh kham làm đạo phẩm, duyên thành nghiệp đủ, vị lên Tăng bảo, đâu phải thấp hèn" (có chỗ nói đàn thượng là sai).

Trong thứ hai, Sớ chép: "y bát danh tự, lời thiếu bày để chung phép nói năng. Đáo là hóa, chữ Tiền trở xuống là chỉ bày y. Chữ nhược trở xuống là định gia trị trước sau, các bộ chỉ chung hai luật và ở thọ trước, chỗ đây tức nương Ngũ Phần. Ở chúng nghĩa là lên đàn, tức nêu ra Tăng-kỳ, chữ hoặc trở xuống là bày chỗ truyền xưa, chính ở thọ sau. Tùy giữ cả hai, đây dụ như chưa quyết, nếu y cứ Nghiệp Sớ nhất định nương Ngũ Phần. Kia chép: "Đâu đồng với người xưa nhanh chóng đồng thọ sau", ngày nay riêng lập Xà-lê trì y, chỗ khác trước thọ, lý tuy

không sai nhưng trái ý Tổ. Chữ tinh trở xuống là bày bát.

Trong thứ ba, không thật nghĩa là gồm nạn. Thật tức thanh tịnh trong trẻo. Sau dẫn luật để nêu bày Thánh so sánh với phàm, khuyên khiến nói thật, nhưng già cũng thông được, ở đây là nói theo trọng.

Trong thứ tư, thứ năm, huỳnh môn chú rằng "Nương danh chỉ bày" quyết cần như trước thuật kỹ càng tướng ấy, giúp kia hiểu biết. Nay các thầy nương bổn tụng nói rằng: "Huỳnh môn có năm thứ: đó là sinh, kiền, đố, biến, bán". Nếu chỉ bày đây thì người thọ nghe đó, làm sao hiểu được, như văn trước nói rằng "Trọn vì chẳng hỏi tức là loại nầy".

Trong thứ năm, trước nói rằng: "mười sáu giá nạn" nay hợp với y, bát, cha, mẹ, năm bịnh, cho nên là mười. Hai câu hỏi chữ thùy, theo Sớ đều là đổi tên, do phương nầy kẻ đạo người tục danh tự khác nhau. Trong cha mẹ, chú tùy có ấy, y cứ phải trước hỏi "có, không", đáp có mới hỏi nghe chăng? Tiêu là bệnh gầy.

Trong thứ sáu, ban đầu khen hừa. Chữ Như trở xuống là khuyên nhớ.

Trong thứ bảy, tọa cụ ở trên vai là y theo Cảm Thông Truyện, chính là chế trước, nay cầm trên tay. Thỉnh chung, nghĩa là hỏi tăng có thể chăng? Luật Ngũ Phần mỗi thứ tùy duyên, nghĩa là chỉ dụ an ủi v.v..., kia chép "Nên an ủi rằng: "Ông chớ lo sợ, trong chốc lát sẽ đem ông lên chỗ cao ráo tốt đẹp, nếu trước không biết nhau, không nên mờ mịt tối tăm khi thọ (đều như trên đã dẫn). Giáo sư nhân dạy đắp y thì thầm nhìn, v.v... như đây đã dẫn. Lại chép: "Nên hỏi ông ba y, cái nào là Tăng-già-lê, cái nào là Uất-đa-la tăng, cái nào là An-đà-hội", nếu kia không biết thì nên nói rằng: "Là cái nầy"... Lại nói: "Nên cho thọ ba y, bát". Chữ hoặc trở xuống là trước tuy cả hai giữ ý ở Ngũ Phần, cho nên lại nêu.

Bảy, nói về thưa gọi. Trong ban đầu trước bày oai nghi. Nói như thường, đồng trước ra chúng lễ tăng chí kính... ở đây một đơn bạch chỉ cần đứng thưa. Sớ chép: "Các pháp yết-ma oai nghi phải đồng" đây đã ngồi đứng rất thành trái khác. Do vốn tăng sai ra ngoài làm việc hỏi, cần phải trả lời. Ngồi và tướng lỗi như đứng nói giới, đều là vì tăng, ý có thể thấy. (Nay làm đáp riêng, trước ngồi và sau đứng tác bạch, rất trái nghi tướng như trước đã bác bỏ). Chữ đương trở xuống là kế bỉnh pháp. Văn kế, ban đầu kêu vào trong chúng, phủ kín hay bày cả hai vui đều không lìa tăng. Chữ bỉ trở xuống là dạy chí kính.

Thứ tám, chánh xin giới. Khoa đầu là đem y, Sớ chép: "Vừa vào trong tăng oai nghi chưa hợp, vả lại là thay thế gánh vác chỉ bày phương

tiện kia. Kế văn đầu là khen pháp cao siêu, ý ở chỗ sinh vui mừng. Chữ cố trở xuống là kế nói khó được, khiến tự vui mừng. Hai câu trên là đối đường khác lựa người, hai câu dưới thì trong loài người khác chọn trong sạch. Chữ đương trở xuống là khuyên dụng tâm. Tùy thời làm, là chỉ bày không hết. Luật luận rộng, như trước trong dạy phát giới đã dẫn. Chữ đãn trở xuống là bày ý giáo, dầu có thể tự tụng cũng phải theo giáo vì là Phật chế. Lời xin chia làm bốn, một là chánh y thưa tăng. Hai là lập lại trước, ban đầu duyên chép: "Theo Hòa-thượng". Ba là lặp lại sau, nay ý nói rằng: "Theo tăng thọ", lặp lại Hòa-thượng ấy là tiêu biểu giới pháp thì theo tăng, hành thì theo thầy. (hai câu nầy ý sớ giải thích). Bốn là cầu thỉnh thương xót cứu vớt. (tờ 225) Luật vốn nói: "xin tăng thương xót, cứu giúp con", yết-ma cũng vậy, nghi là viết ngược. Chú khiến lại ngồi ấy là giáo thọ nhân sai đã nhận xong việc.

Thứ chín, là trong bạch và đối chọn lựa, ban đầu trong phần hỏi đáp có hai ý. Đầu tiên là y cứ trước sai đáp. Chữ hựu trở xuống là kế y cứ chẳng phải chúng đáp. Kế hỏi có thể hiểu. Tư nghĩa là riêng chuyên một pháp cho nên xen lẫn có không. Sao chỉ nghĩa Sao y cứ kia tiếp tục hỏi vặn rằng: "Nếu vậy kiết tập pháp tạng cũng ở chúng làm, dùng cái gì để bạch sai?"

Đáp: Kiết tập là vì tăng chứ không vì một người, nếu không sau thì không biết ai hỏi ai đáp, cho nên phải sai người hỏi đáp, định mới được kiết tập. Thầy yết-ma kia vì riêng người thọ giới gồm thỉnh thầy đã định, nghĩa cần ở chúng nầy cho nên không sai.

Thứ mười, là chánh hỏi. Trong khoa đầu, trước rõ bày y. Trong luật chỗ vắng hỏi thì có, đáp lời hỏi thì không, nay dùng truyền đời chẳng phải nêu ra luật gốc cho nên chỉ bày cho biết. Chữ ưng trở xuống là chánh khuyên, dẫn văn luật Tăng-kỳ để biết luống dối còn không khỏi tội làm sao cảm giới. Ma vương ở cõi dục. Phạm chúng ở cõi sắc, Sa-môn gồm cả thánh phàm, Bà-la-môn tức cư sĩ tịnh hạnh. Trên nói rằng các trời, ma, Phạm, v.v... tức nêu riêng sự cao quý của trời người. Ở dưới nói rằng các vị trời, người đời là chung tất cả. Như lai là người lập giới bổn, là thầy chúng tăng, tức chánh duyên phát giới. Sớ chép: "Do giới pháp chỗ thông dưới giúp trên suốt phi duyên, mà thọ thể là trái nghi, rất luống dối nên thông khắp.

Trong hỏi già nạn, nương thẳng vào luật, bày một ít có thêm bớt, cho đến gặp việc nên y cứ pháp trước. Sở dĩ như vậy, là muốn rõ lời hỏi trước, là nhuận sắc ngày nay, hoặc có thể thọ ấy là đã biết, chỉ cần bày thẳng cho nên không thêm.

Thứ hai, là chánh thọ, trong bày lý do nói chánh nên ấy là hiển trước phát giới lại khiến chuẩn bị tu tập, chưa là chánh dụng nay toan nạp pháp, dầu khiến đã hiểu lại cần chiều uốn chọn lựa, muốn nói kích động tâm người mới học, giới sư ngay đây không thể khinh xuất dễ dãi, đốc thúc dẫn dắt khai mở là gốc nạp pháp, cho nên nói là chánh tông. Chữ bất trở xuống là ngăn lạm, uổng giống như luống dối. Chư kim trở xuống là nêu.

Trong bày tâm cảnh, đầu tiên nói chấp nhận. Chữ đãn trở xuống là khuyên phát, hai câu đầu chỉ cho pháp thể, câu trên nêu khen, câu dưới bày lượng. Đầy đủ luật nghi đối với năm giới, tám giới, mười giới cho nên nói là sâu: Nền tảng Thánh đạo đối với mười điều lành ở đời cho nên nói là trên. Chữ đương trở xuống là chánh bày phát tâm, đồng với trước lựa chọn mà hiểu.

Trong khai hoài, đầu tiên dạy vận tưởng, năm uẩn sắc tâm là chỗ cảm của nhân đời trước. Cho nên nói rằng quả báo được pháp đã cùng khắp, quả báo kém thì không được, quyết phải vận đồng mới có khả năng lãnh nạp, cho nên nói rằng "Nên phát tâm". Hư không vô biên, thân lượng cũng vậy, tâm và pháp tướng xứng, qui pháp về tâm, trở lại được y báo, nhưng pháp chẳng phải tâm sắc, chẳng phải khác, chẳng phải đồng, dụ như kiết giới không làm y địa, không đều đến với đất liền. Chữ cố trở xuống là dẫn bày không rõ luận nào. Nhữ đương trở xuống là bày biết tác pháp.

Khoa đầu trong tác bạch, bố thí giới ấy là dùng pháp để giúp. Đồng lòng thưa là khuyên chánh ý, sau khiến trông mong chế xem xét. Hỏi thành chăng trong chánh tác, chia làm hai: Ban đầu gồm bày hỏi đáp. Thập Tụng trở xuống là dẫn duyên bổn chế, ban đầu bày duyên khởi là nhóm tỳ-kheo sáu vị. Chữ Phật trở xuống là pháp phi. Chữ đương trở xuống là bày chế có bốn: một, là chế vọng duyên, dư là khác, giác là mới khởi, tư duy tức so lường. Ưng trở xuống thứ hai là chế mạn pháp. Chữ đương trở xuống là thứ ba chế gián đoạn. Ưng phần trở xuống là thứ tư chế tối tăm. Không nói mắc tội, ở đây cuộc hạn không đáp mà nói. Y cứ yết-ma chép: "Có trái là kết tội" thì không bốn món trước hễ trái bất cứ món nào đều tội Đột-cát-la. đâu chỉ có thọ giới, pháp khác đều như vậy, nhưng do sự trọng nơi gởi thọ để rõ, cho nên biết bỉnh kiến quyết vâng theo bổn chế, nếu không như vậy sao gọi là tác nghiệp, đâu thể biện sự, pháp tuy bí mật cao siêu nhưng hoàn toàn nhờ người mở mang, công gia bị thành hoàn toàn do sức niệm, tâm mạnh cảnh cao quý trao nhận không luống, Luật chọn kham năng, tin chẳng luống lập, hễ

làm thầy thì đâu thể không cẩn thận?

Ban đầu, văn đầu tiên trong yết-ma, động pháp kia là do trước thưa bạch tình khiến chúng biết, ở đây chánh lượng xứ nêu phát pháp trước. Ban đầu thì trống khiến động chuyển, kế là nêu nhóm trong hư không, sau thì rót vào thân tâm, lãnh nhận rốt ráo ba pháp, thứ lớp đều có chủ, do năng lực tâm nghiệp không nghĩ bàn cho nên hễ tạo tác điều gì đều thành tựu. Ba lần Yết-ma đều trước sách tấn người thọ, thưa bạch chúng tăng sau đó nương xướng tìm văn rất dễ thấy. Trầm, cư: Trầm là tối tăm, cử là khinh trạo. Thứ ba, yết-ma lại nêu tâm lượng, lợi ích, khiến dũng tiến, cứu chúng sinh hộ chánh pháp bao gồm thượng phẩm. Trọn hai câu nầy, thời ép ngặt, tâm tha thiết, không nên lộn xộn, dặn dò khiến nương thẳng ý ở đây. Khi gia pháp rồi, sát-na suy nghĩ đầy đủ giới nghiệp thành tựu, chỗ nầy hợp xong thể tướng vô tác, nhưng là các hạnh chánh nêu ra nghi thọ. Biết thể nhiếp tu tông quy ở quyển trung, văn rộng như ở sau cho nên ở đây không nói.

Thứ hai, khoa đầu trong rõ giáo bày thời tiết, tùy thời ghi nhớ, trong đây không hành ảnh pháp, phần nhiều dùng ngày, giờ, tháng, năm theo thê gian. Trong mỗi giờ chia thượng, trung, hạ để định ra trước sau.

Trong luật Tứ Phần, ban đầu dẫn duyên chế. Không kịp hậu an cư nghĩa là thọ từ ngày 17 tháng 5 về sau. Chữ ưng trở xuống là bày lượng pháp. Tính thước tấc: nếu thọ bữa ăn trước thì bóng dài là thượng, bóng ngắn là hạ, còn bữa ăn sau thì ngược lại. Trong luật Thiện Kiến cho là khiến một người đứng lúc giữa ngày, bóng đầu và chân tiếp nhau, hoặc y cứ toàn gót chân, nửa gót chân và ngón, tùy tính nhiều ít để chia thượng hạ. Bữa ăn trước, bữa ăn sau, đồng trước chia đó. Số chúng nhiều ít tức chỉ cho người chúng thọ nhiều mà chung trên dưới. Nếu luôn cả giải thích ở trước tức cho là chỉ bày thời, định chúng không loạn. Nếu giải thích suốt sau thì nghĩa là thọ rồi đồng cho nói tướng.

Kế, là trong sắp đặt, đầu tiên bày chỗ ngồi. Ở dưới tăng: giới đàn tràng rộng, y cứ đây có thể biết, ngày nay đàn hẹp cho nên ra ngoài giới. Chữ nãi trở xuống là nói về tướng. Không cần giới sư, đây chỉ bày lỗi xưa. Sớ chép: “Có người hành sự, mười người lên đàn, tùy người nói tướng mỗi mỗi lời răn nhắc”. Nay hiểu gia pháp yết-ma, tùy duyên đến ba, bày tướng dạy dỗ y cứ nhận thời trước sau, không chuyên nơi cuộc hạn.

Trong phần giải thích nghi ngờ, trước y cứ đáp chung, lúc người sau thọ thẳng vậy mà tác pháp, cho nên phải hỏi đây, đáp riêng thì

không cần. Y cứ theo đây thì đáp chung, chỉ giúp hiện tiền tăng, quyết có người ngoài đến lại phải hỏi riêng.

Duyên khởi của khoa đầu trong phần nói về tướng là luật do Tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh, các Tỳ-kheo quở trách, kia nói rằng: "Sao không nói trước với tôi?" Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật do đó chế, vì nói bốn pháp Ba la di. Luật Thập Tụng, Tăng-kỳ lại nói là Tăng-tàn, ở đây là giới phần. Khoa kế chia làm hai: Ban đầu bày khuyên, nhiên hậu trở xuống là nói hai tiết trong ban đầu, trước khuyên giữ gìn bổn thể, đầu tiên nêu thọ, tùy tướng phải khuyên. Chữ đãn trở xuống là kế nêu bổn nạn để khuyên. Chữ cố trở xuống là thứ ba, nêu thượng căn để khuyên. Kinh luận như đây: như nêu tông đã dẫn khuyên trì các văn. Quyết phải trở xuống là khuyên tu ba món học vô lậu. Hội chánh tức ba thừa thánh đạo. Còn bao nhiêu là tạp học, nghĩa là sách vở thế tục, nghề thuốc, bói toán, nghề nghiệp, v.v... đều chẳng phải bổn nghiệp. Cho nên biết người xuất gia chỉ tôn kính đạo hạnh, đạo hạnh tuy nhiều không ngoài giới định tuệ, như thiên Sa-di rộng bày gốc học, nên phải ẩn hết chỉ thủ chứng nội tâm. Sau dẫn văn luật làm chứng, phải học đến thành Thánh mới thôi, cho nên nói rằng "Quả Sa-môn lợi ích lâu dài". Trong chánh nói chỉ nói tướng, phải gồm bốn y. Nói nương văn, tức chỉ cho bổn luật, nhưng văn tướng đầy đủ, người thường tụng cho nên lược không nêu ra, nhưng nay chép đủ trong bộ Tùy Cơ yết-ma, người cần thì tìm mà tụng đây không dẫn nữa, chép nó rất dở không muốn phiền cả hai. Đã nói tướng rồi, kế nói bốn y.

(tờ 226) Trong thọ tịnh, ban đầu nói thọ y, ở đây vẫn đồng xưa. Giới Đàn Kinh chép: "Các bộ đều để vấn nạn ở trước, ngày nay để ở sau thọ giới, không có văn nêu ra nên không đáng dùng". Lại Sớ chép: "Đâu có sau khi thọ mới có việc trì y, tướng vượt phép tắc thường cho nên trái với chánh giáo".

Chữ nhược trở xuống là nói dạy tịnh thí, cuối sau hai tướng tìm văn sẽ thấy. Trong pháp phụ, đã thọ giới cụ tức tức cần sáu niệm, nhớ giới duyên thân thầy phải trao trước, nhân phụ ở thiên nầy, trong điệp chương chú thích rõ chỗ nêu. Nếu theo luật Tứ Phần thì y, ăn uống, tác quán, cúi, ngước, oai nghi là thường, một tâm niệm dứt hết các cái, y theo đây thông tướng quán hạnh rất khó. Nay luật Tăng-kỳ chỉ riêng sáu duyên chế khiến buộc ý, gần mà có thế riêng, lựa mà dễ thành, cho nên dẫn văn kia không thành dụng ngày nay.

Trong niệm đầu trước bày niệm pháp. Chữ thử trở xuống nói có hai ý: Trước y cứ nhớ giới, sau y cứ khác tục, nghĩa là tháng chia ra hắc

ngoạt, bạch ngoạt, chẳng phải pháp thế tục. Trong phần chỉ bày duyên riêng, đầu tiên dẫn bày rõ ràng ý dạy, nếu chỉ đối việc thế gian thì chẳng phải chánh yếu, dầu không thể đáp cũng không có tổn hại lớn, cho nên biết nương kia làm duyên hoàn toàn quy về buộc niệm. Chữ y cứ trở xuống là dạy tùy chỗ đối tục, không tướng nghĩa là không nói hắc bạch. Sung giống như chữ thuận.

Thứ hai, là niệm, trong không thọ thỉnh. Y cứ theo chú giải yết-ma thì chữ "nay tôi" là lầm, nên viết là "tôi thường".

Thứ ba, đều nói thường mới khác thọ thỉnh. Người đời phần nhiều nghĩ rằng ăn vật tăng thường ăn, ở đây cuộc hạn không thường thọ thỉnh (nhận lời mời) đâu được lạm dụng. Lại nói có thỉnh không trái, ý cho là không mời thì ăn vật tăng ăn, có mời thì đến chỗ mời kia. Cả hai hẹn nói, nếu đây lạm thông sau gọi là khắc niệm, vọng tình ức đoán hoàn toàn trái với xem xét luật, cho nên phải trong sạch niệm định không cho sau sửa đổi. Cũng có niệm rồi sau lại theo người kia mời, buông lung tính tham, không do y cứ.

Trong phần nhận lời mời, khoa đầu y theo Yết-ma nói rằng "Gọi là bất thường định" (có chỗ viết là nếu không thỉnh). Trong có thỉnh không trái có thể hiểu. Khai trái có hai: Ban đầu có duyên, trái pháp chú lệ ba duyên, tức lần lựa ăn giới khai thông văn. Yết-ma niệm rằng: Ta có chỗ thỉnh nay nương trái duyên". Chữ nhược vô trở xuống là không duyên trái pháp. Trong văn chỉ nêu ra pháp xả, y cứ theo yết-ma nghĩ rằng: "Ta có chỗ thỉnh nay xả cho người" rồi sau đó xả (trước xả sau nghĩ lý thông). Chú năm chúng ấy, đây nêu ra Tăng-kỳ, kia nói rằng: "Nay ta được thức ăn, bố thí cho Tỳ-kheo mỗ giáp, cho đến Sa-di ni", y theo bổn chúng đây mà đối tác còn bao nhiêu thì nói thưa, đều xả chung, do bốn chúng đều là ruộng phước (xưa nói rằng "ý văn ngay chúng tương đối chưa tốt).

Trong tâm niệm hồi thí cho mỗ giáp là mạn chỉ một người, chỉ tự lìa lỗi, không cần phải người đến. Trong chú giải, năm món mà luật Thập Tụng khai là kia nhân vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và A-nan thọ trai, ngài A-nan trước đã thọ thỉnh mà không nhớ, sau nhận lời vua mới, ngày mai vào cung vua, lúc thức ăn vào miệng rồi mới nhớ lời người thỉnh trước mà không đến chỗ kia. Phật biết tâm A-nan hối hận nên bảo rằng "Tâm nghĩ cho người kia thì đã là nhận ăn rồi", ngài Ưu-ba-ly hỏi Phật: "Người khác có được như vậy không?". Phật nói: "Không được, trừ năm người: một, là người ngồi thiền (tức chỗ lan-nhã ngày nay, ngồi thiền là nói chung cho nên dụng khen đó). Hai là người ở riêng (chẳng

phải chỗ lan-nhã, nay ở dụ đầu, đường học không thứ lớp). Ba món khác như chú giải. Lúc đói nương bà con mà ở, đây tức một món thứ năm (có chỗ chia làm hai là lầm. Ba món nầy cũng y cứ không người). Thứ ba, văn niệm y, chỉ xưng năm, tháng, ngày, giờ, không cần vọng thêm giáp, ất, tỷ, sửu v.v... Thứ tư, chú nói rằng "Tùy có không" nghĩa là y bát, chế vật nhiếp lý phải đầy đủ, gặp duyên tạm thiếu buộc niệm sớm lo lắng, đến ba món khác trong hạn dài chưa rảnh e vọng phải nên nhớ. Người đời nay thường không chế vật, sống không thuyết tịnh theo ngày đối lời thánh xưng thiếu y và chưa thuyết tịnh, mê giáo mạn pháp một bề ở đây, lời pháp ngữ sửa đó là quí.

Trong năm niệm, trước rõ không duyên chẳng có pháp riêng. Y cứ theo yết-ma chép: "Nay ta không ăn riêng chúng" nhưng biệt chúng chỉ y cứ thọ thỉnh mà nói, nếu ăn của thường trụ thì không có lỗi riêng chúng, có thể y cứ văn nầy chỉ nói rằng "y chúng". Chữ tất trở xuống là có duyên khai riêng. Chín duyên trong giới riêng chúng đã nêu ra, cho nên chỉ như ở sau.

Trong thứ sáu, chữ khang nghĩa là an khang khỏe mạnh, chữ lụy là bị bịnh. Văn nêu ra hai pháp, tùy thời dụng cả hai, sáu việc về trước gồm buộc làm ba: một và ba là giới. Bốn và năm là hai đường trong và ngoài. Món thứ sáu tức là thân. Thân là pháp khí của đạo, y thực là duyên của đạo, giới là nền tảng của đạo, ba món đều giúp đạo cho nên chế nghĩa thường. Sáng sớm không khởi niệm chỉ phạm sáu Đột-cát-la, đây là yết-ma, phải hợp bốn duyên, pháp phải miệng nói, lời chương không lạm. Sự là sáu duyên, đều đến chỗ thật, người chỉ làm riêng, chỗ thông hai giới, duyên trái pháp bại hoại, tùy có mà kết phạm (xưa ghi rằng "Ngại hai mươi bảy tội", lại ấn hành sáu niệm nói rằng "Sáng sớm không làm mắc ba mươi hai tội" đây không có chỗ nêu vọng là xuyên tạc).

Khoa đầu tạp tướng, lu đựng nước tắm đúng pháp nghĩa là một đấu. Chữ dĩ trở xuống, nhỏ là chỉ tùy tướng. Túi lượt, như uống nước có côn trùng. Lu nước tắm gội chưa báu. Kia nói rằng: "Bình thiếc, ngói, bình đồng, chậu đồng, các món đồ riêng người được thọ (luật kia áo mưa đưa vào sáu vật, túi lượt là đồ của chúng).

Trong thứ hai, nói tâm lui sụt là người độn căn chưa có khả năng nhận lãnh, cho nên khai sau tụng không quá năm hạ, Luật Tứ Phần tụng kinh, nói về bịnh cũng khai.

Trong thứ ba, Phật độ tỳ-kheo, tức người "thiên lai thọ" tùy thân chế vật, chỗ cảm tự nhiên, dẫn Thánh để so sánh phàm lý phải hằng đủ.

Nay kéo hai vật giúp y cần dùng, y cứ luận là chế ở luật qui về nghe.

Trong thứ tư, tức duyên khởi tặc trụ, đây nói về thời duyên, vì chọn riêng là chánh nên phải thường nhớ để phác thảo hỏi người kia.

Trong thứ năm, một năm có ba mùa, tháng chia ra hắc bạch, Giới Sớ chép: Đạo, tục địa vị khác nhau, thời số cũng đổi", kẻ tục thì một năm có bốn mùa, trong đạo thì năm chỉ có ba mùa, lược bỏ mùa Thu, cho nên đầu của ba mùa thì mùa đông ở đầu, tiêu biểu cho vô thường. Nay người có trí tuệ quán mùa vào đạo không để buông lung (kia lấy ngày 16 tháng 8 làm đầu mùa Đông, ở đây tùy thế tục nêu mùa xuân ở đầu, y cứ theo Sớ làm chánh). Lại trước hắc sau bạch là đầu của ba mùa, quyết lấy ngày 16 làm đầu.

Trong xả giới gồm có bốn thứ xả: 1/ Tác pháp xả. 2/ Mạng chung xả. 3/ Sinh hai hình. 4/ Dứt gốc lành. Ở đây nói một món tác pháp. Lại xả chung tiệm đốn, nếu thẳng làm cư sĩ thì ba giới đều mất gọi là đốn xả (năm giới, mười giới, giới cụ túc). Nếu xả giới cụ túc làm Sa-di, hoặc xả mười giới làm Ưu-bà-tắc thì gọi là tiệm xả, lược biết như thế, còn các món khác thì rộng như Sớ.

Xả ở trong tăng, đầu tiên là dẫn khai pháp. Luật nhân Tỳ-kheo Bạt-Xà Tử không thích tịnh hạnh nữa, trở về nhà, làm hạnh bất tịnh với vợ cũ, Phật do đó khai xả, văn dẫn lời Phật không nêu ra phép xả. Luật chép: "Tội bỏ Phật, bỏ pháp, bỏ Tỳ-kheo tăng, bỏ Hòa-thượng, bỏ –xà-lê, bỏ các phạm hạnh, bỏ giới, bỏ luật, bỏ học sự, thọ pháp cư sĩ tại gia, tôi làm tịnh nhân, ngoại đạo, v.v..." (tức là đốn xả). "Tôi làm Ưu-bà-tắc, tôi làm Sa-di" (đây là tiệm xả) phải đối với Tỳ-kheo mà xả, hễ nói thì thành ngay. Đa luận gọi thọ giới như lượm của báu, cũng như leo núi, phải nhờ nhiều duyên nhiều sức. Xả như mất của báu, như từ trên cao rơi xuống, không cần nhiều duyên, cho nên chỉ nói một lần.

Chữ Tăng nhất trở xuống là nói về phần chứng. Kinh kia do Tỳ-kheo Tăng-già-ma bảy lần hàng ma, sau lại thọ giới cụ túc, được quả A-la-hán, do đó mà khai bảy lần, hơn nữa thì không cho. Trong Ni xả, nói rằng: Không được thọ lại vì nữ lưu quả báo yếu kém, phần nhiều không có chí tháo". Phật đầu tiên chấp nhận độ còn uốn khai, huống gì thọ lại, lý chẳng dung nạp".

Trong giải thích nghi đáp, đầu tiên nêu hai nghĩa. Chữ tỳ-kheo trở xuống là bày khai chế, Tăng gồm hai thứ, ni chỉ là nghĩa đầu, riêng bày lý do trong văn có thể thấy. Chú giải văn nghĩa quyết chỉ chương người thọ giới cụ túc.

THIÊN VỀ GIẢI THÍCH THẦY TRÒ

Thầy có nhiều bậc, nay cuộc hạn hai vị: là một Hòa-thượng đắc giới, hai là A-xà-lê y chỉ, còn bao nhiêu đều một tòa tác pháp không nói nhiếp nhau. Tư là thủ, tức gọi là đệ tử thủ học với thầy. Nếu y cứ Sa-di cũng nương hai thầy, hành pháp phần lớn là đồng, nhiếp nhau chẳng khác, nhưng ở đây đã nói chỉ y cứ giới cụ túc, dầu cho hợp nhau chẳng phải là ý chính. Nói nhiếp nhau là bỏ sau một thiên không nêu ba món: một, là y cứ tâm, nghĩa là tưởng cha con. Hai, là pháp. Ba, là tài. Vì xen giúp nhau.

Hỏi: Ở đây không yết-ma ư? Thuộc về quyển thượng?

Đáp: Tính đây hợp vào trong thiên thọ giới, cho nên văn luật hợp thành một tụ, y cứ chỗ nhiếp trước cho nên đồng chúng làm, nhưng sự nhiều hạnh rộng cho nên chia làm hai.

Trong ý đến, hai câu trên của khoa đầu là nói ý lập giáo. Trụ thì Tam Bảo hoàn toàn (nương) nhờ người mở mang, thầy trò nhiếp nhau, Tăng Bảo không dứt thì Phật pháp thêm rộng. Tăng ích là từ nhỏ đến lớn. Rộng lớn là lưu thông cùng khắp. Chữ hổ trở xuống là bày lợi ích nhiếp nhau. Hai câu trên nêu chung ba nhiếp. Đoàn ngộ tức tâm nhiếp nhau nghĩa là quan tâm nhau sâu dày. Chữ nhật trở xuống là chỉ bày hai lợi ích giải và hạnh. Nghiệp nghĩa là sở học, văn chung thầy trò, nghĩa ở đệ tử.

Trong phần bày phi, bốn câu trên bày pháp phi, câu đầu nói giáo hoại, câu kế nói người ngu, câu ba là thế tục khinh thường, câu thứ tư nghĩa là đạo vọng. Chữ tịnh trở xuống là suy nguyên nhân. Chữ suất giống như chữ dẫn. Chữ nhị trở xuống là bày chỗ tổn, trên rõ tổn mình và người. Chữ dục trở xuống là tổn Phật pháp.

Trong thiên ý, câu trên bày thương xót, cấp tức cứu khổ, cho nên câu kế nói về hạnh từ. An nguy tức cho vui, cho nên ngu giáo mặc tình đồng thành nghiệp ác, đọa vào chỗ khổ, dụ như bị treo ngược (Mạnh Tử nói rằng "Ngay thời này nước muôn xe thực hành chính sách nhân từ, dân ở đó vui mừng như giải tội treo ngược). Hai câu dưới khuyên tu bày lợi ích.

Trong tên thầy, hỏi nêu ba tên, Sư là tiếng Hán, nghĩa chung cho hai thầy, văn chỉ Hòa-thượng. Trong phần đáp, câu đầu lược. Đáp phi, ở đây vốn có cho nên không chính nói, chữ hiển trở xuống là các văn đều nói nghĩa. Chữ thiện trở xuống là dẫn bày, đầu tiên dẫn Kiến Luận. Sư là Hòa-thượng, kia nhân Sa-di Cù-đà nói pháp cho vua A-dục, vua dùng tám phần thức ăn cúng dường, Sa di nói rằng "Đem về cho thầy và

A-xà-lê”, vui hỏi hai tên, Sa-di liền đáp”. Văn dẫn lời đáp. Không tội, vì khiến không có phạm. Cùng ở ấy là gồm Hòa-thượng kia. Chữ Luận trở xuống là nói tên thầy trước. Đầu tiên nói về người truyền, các chỗ ghi đều nói rằng: “Kiến Luận và Pháp Hiển Truyện”, nghi là một văn người nước ngoài, trong tiếng Phạm tự chỉ ngoài Ngũ Thiên. Kế dẫn luật Tứ Phần, quở Hòa-thượng tức nói rằng “Tôi phạm giới Hòa Thương không quở, không phạm giới cũng không biết...” như sau dẫn đủ. Thứ ba là dẫn Liễu Luận, chánh bổn là lời Trung Thiên-trúc. Theo sớ vốn âm là Ổ-Bà-Đà, kia nói rằng: “Nói Liễu Luận Sớ hơi gần tiếng Phạm, vẫn trái với Thinh Luận, chính tôi tham gia dịch, hỏi bổn âm như trên đã nói”. Chữ tức trở xuống là điểm bày lời bên. Sớ chép: “Như người xưa giải thích, hòa giữa là trên hết, ở đây bèn giải thích, không biết âm gốc”. Thứ tư là dẫn tương truyền, củ giống như cử. Sớ chép: “A-xà-lê cũng là hóa lược, như Phạm Thiên âm là A-giá-lê-da”, đời Đường dịch là Giáo thọ. Thứ năm là dẫn kinh Tạp A-hàm, bày chung tà chánh, trở về trước lại dẫn các chỗ nêu ra khác nhau, tiếng Hoa tiếng Phạm y theo Sớ mà định.

Trong tên trò, vì thầy xem trò như em như con, vì trò xem thầy như anh như cha, nên Tổ Sư dịch nghĩa riêng nêu ra văn ngày nay. Các tông chế chọn lãnh đạo thường nương dùng, tướng nhiếp chung ấy là luận chung kia đây, tâm hướng mộ nhau. Chữ đối trở xuống là cộng hành và biệt hành sự điều khác nhau, cho nên nói là “Tổng”. Kinh Lễ Lục Phương chép: “Khi Phật còn tại thế, có Trưởng giả tên là Thi-ca la-việt, sáng sớm dạy lễ sáu phương, mỗi phương bốn lạy. Phật hỏi duyên cớ, kia đáp “Nương trên như đây”. Phật nói: “Không do việc lễ đều có tiêu biểu, Phương Đông thờ cha mẹ, phương Nam thờ Sư trưởng, phương Tây là việc vợ chồng, phương Bắc là việc thân thuộc bạn bè, phương dưới là việc tôi tớ, phương trên là việc Sa-môn đạo nhân”. Nay dẫn phương Nam, kia đây năm tâm có thể hiểu.

Trong Tăng-kỳ, ban đầu chế phi pháp, cuối đời đều vậy, chỉ cầu sức lực đâu biết cái lầm kia. Trong Tứ Phần, ba phần đầu là dẫn bày, y theo sau là phần nghĩa. Trong bốn tâm ban đầu: một là nhiếp pháp. Hai, ba là nhiếp tâm. Trên cho là sợ kia chưa kham được, dưới cho là thương xót kia có gốc lành. Thứ tư là nhiếp việc. Trong bốn tâm sau, hai tâm trước là nhớ ơn như nương tựa cha, hai tâm sau là chí nghiêm như thờ vua. Chữ kính trở xuống hai câu gồm hiển bày bốn câu. Thờ cha chỉ là hiếu, thờ vua chỉ là trung, thờ thầy gồm cả hai. Nho lễ nói rằng: “Thầy dạy người để xứng với đạo”. Dương Tử nói: “Thầy là phép tắc,

là khuôn mẫu của người". Con người đời nay không đạo lấy gì dạy kẻ khác, lấy gì làm phép tắc khuôn mẫu. Vọng nhiếp đồ chúng chỉ thuộc bầy ở chung chứ không có nghĩa gì. Mở bốn đường, đóng hết ba nẻo, hủy giới làm ác xen nhau khen ngợi ủng hộ. Dương Tử nói là "Không phép tắc, không khuôn mẫu, không là chẳng nhiều, có tin ư?" Chữ cố trở xuống là kết lợi ích.

Kế rõ chỉ, trong khai không có chỉ, bổn tông sáu người, đầu tiên khai ra đầu-đà. Kế thứ ba là khai duyên ngại. Hai thứ sau khuyên hạnh thành. Thượng căn năm hạ trở xuống là chung chưa đủ, bộ khác là hai món bảy năm, Luật Thập Tụng văn rõ Hòa-thượng y chỉ nghĩa đồng, tùy ở chỗ có ăn cho nên gần xa không nhất định. Sợ không được là dụ như không có ăn. Hai do-tuần rưỡi gồm có trăm dặm. Tự tứ là xong hạ, một phen lại rất xa nhau. Nhất nhất trở xuống là gồm chỗ xa gần ở trước, đây tuy đến thấy, do không đồng giới, y chỉ không thành cho nên khai duyên.

Trong tám phần, năm phần không có người cho y chỉ vì nhiếp người kia tổn, mình tiếc đạo nghiệp. Riêng tầm nương người khác cũng không thành pháp, lại đồng như không y chỉ. Trong nêu y chỉ, bày người đầu thì bốn người trước nói thiếu thầy. Kế, là hai đệ tử có duyên đều phải cầu y chỉ ngay. Một người sau chưa quá hạn giáo pháp.

Nói duyên tốt, là riêng chọn người và chỗ. Trong ba người sau, thứ tám dẫn văn có bốn. Văn Tứ Phần sau hợp chép rằng "y cứ theo hạnh" giống như chư đa giáo. Năm pháp của Thập Tụng đều y cứ giới bổn. Trên bốn món không biết tướng, dưới một món không tụng văn.

Trong Mẫu luận, luật chế y chỉ vốn vì học pháp, học chọn trí cao siêu, chứ không chọn lạp cao. Người già y chỉ người trẻ tuổi chỉ trừ lễ bái dưới chân. Trong Tăng-kỳ văn sót món thứ nhất "Không khéo biết pháp", bổn xưa vốn có chẳng phải văn lược, ban đầu cho là tạo tác trái nghi, kế ngu si với giáo tướng, thứ ba là không có chí tháo, thứ tư là không gồm người khác, chín mươi có thể hiểu.

Trong chọn lựa chung, đầu tiên là bảy người hạ mãn, không cần là ở đây nói theo hạnh nghiệp thành tựu. Quyết không lặp lại thuộc ba món sau, tức là dừng. Trong nghĩa hứa, năm hạ thành tựu nghiệp cho không cần y chỉ người khác. Đối với giáo không trái mà ở hạnh còn thiếu, quyết mong tiến tới lại phải theo thầy, ở đây thì không phân biệt trí hay ngu, đều phải trọn đời. Chữ Luật trở xuống là dẫn chứng có thể biết. Chung các giáo tức là văn Niết-bàn, lại Luận Thành Thật chép: "Lúc Phật mới thành đạo, quán thấy tất cả mọi người không có ai hơn

mình, nghĩa rằng "Ta đã được pháp, nhân đây thành Phật, lại sẽ nương pháp thầy, đưa ra nhiều kinh, luận cho nên khiến nói rộng".

Kế là trong chánh hạnh, ban đầu là bảy cộng hạnh, nghĩa là thầy trò cần nhau, cho nên ba hạnh sau là hạnh riêng, vì chỉ ở chỗ đệ tử.

Trong bổn tông, ban đầu trị phạt, nghĩa là bảy yết-ma, đệ tử trở xuống chia làm hai: Trước nói không để tăng phạt. Chữ thiết trở xuống là nói hình phạt cho hiểu. (tờ 228)

Trong thứ hai, ban đầu khiến phát lồ. Chữ vi trở xuống là kế vì cầu sám. Trong thứ ba, sai và qua đời, nhìn xem công xong không thể dừng giữa chừng. Trong thứ tư vốn nói đệ tử dời chỗ, sau dẫn luật Tăng-kỳ, thầy đưa đệ tử do là cộng hành không ngại xen hiển bày.

Trong Tăng-kỳ, ban đầu chế không được lìa. Nhược dục trở xuống là rõ khai tạm lìa, hai câu trên nói thầy không ngăn. Chữ nhược trở xuống là nói lo nghĩ. Chữ đương trở xuống là nói thầy an ủi. Thứ năm cho trở xuống là pháp hệ nào khác, đây gọi là việc có lỗi lầm cho nên sinh nghi hối, dùng giáo giải thích, sau khiến tu học cho nên chẳng thiệp nhập nhau. Thứ sáu là ác kiến, nghĩa là chấp tà trái chánh. Trong thứ bảy, xuất gia học đạo dùng pháp làm gốc, cho nên trước nói pháp để nuôi tuệ mạng, kế bày y thực dùng nhiếp hình hài, phải biết hai nghĩa hộ có thân sơ.

Trong dẫn các bộ, ban đầu nêu bày, chữ Tăng trở xuống là chánh dẫn. Ban đầu văn Tăng-kỳ đồng thứ năm, thứ sáu, trước rõ khuyên can có thể được chăng? Nói lời khen ấy là thầy gồm đức của cha không cho sắc phạm. Y chỉ ra ngoài giới là cách minh mất pháp, được y chỉ người riêng. Nếu Hòa-thượng trở xuống là nói có ích không lìa. Đề Hồ là vị trên hết trong các vị, có thể dụ cho bậc minh sư. Sau trong nhiếp nhau dẫn rộng cho nên ở đây chỉ đó.

Kế dẫn luật Ngũ Phần đồng món thứ hai ở trước. Kế nói biệt hành trong bạch sự của Tứ Phần, trước nói đệ tử thưa thầy, sự chung tất cả. Chữ nhược trở xuống là nói Thầy phải lượng đáng, vả lại y cứ ngoại hạnh. Tám việc ấy, ba việc xen trải thành tám: một ban phải, xứ và sự trái. 2- Xứ phải, bạn và sự trái. 3- Sự phải, bạn và xứ trái (một cái phải hai cái trái ba câu). 4- Bạn và xứ phải, sự trái. 5- Bạn và sự phải, xứ trái. 6- Sự và xứ phải, bạn trái (hai cái phải một cái trái, ba câu). 7- Ba món đều phải. 8- Ba món đều trái. Ba món giao kết là gồm chỉ tám câu. Chữ duy trở xuống là chọn bảy câu trên, đều không khiến bỏ riêng lấy chung là một câu cho bỏ.

Trong luật Ngũ Phần ban đầu bày riêng hạnh phúc khác. Chữ duy

trở xuống là nói chung tất cả, văn trừ không bạch còn bao nhiêu phải bạch. Luật Thập Tụng chép: đầu tiên nêu chung các bạch. Đồng với luật Ngũ Phần là đều trừ đại tiểu tiện. Chữ nhược trở xuống là hiển bày riêng về hạnh, trước nói về pháp bạch. Phi thời cũng vậy, ấy là phi thời vào xóm làng đối với người khác làm điệp xứ đồng như trên. Đương lượng trở xuống là nói thầy không thể. Bố-tát là thanh tịnh, nghĩa là đối trị dứt lỗi. Yết-ma gọi là nghiệp, nghĩa là như duyên làm hành. Pháp sự chung tòa là nói pháp tụng giới hai lần nhóm (tòa hợp thành ngồi một chỗ). Không nhận lời, nghĩa là thầy không hứa mà cố trái.

Văn luật Tăng-kỳ chia làm bốn tiết: Ban đầu thưa thầy. Cần không trở về trước là nói chút vật không thưa. Chữ nhược trở xuống là nói việc làm phải thưa. Chữ hữu trở xuống là nói thầy ra chuyển thưa. Thầy sau đến, nghĩa là về chỗ cũ. Nói duyên trước là thuật việc thưa ở trước, bao nhiêu y cứ theo đây là lệ chung nhiều việc. Nếu đệ tử trở xuống là thứ hai răn nhắc trò làm việc, cũng do đến thưa cho nên có lời nhắc nầy. Chẳng phải pháp bền chắc là phước hữu lậu thế gian có dứt diệt, cho nên nếu hiển bày pháp không, không chấp tướng tạo tác, thành điều lành vô lậu, thì là pháp bền chắc. Nhược dục trở xuống là nói nêu ra hạnh thưa. Nhược bất trở xuống là nói về bạch chung.

Trong việc nhuộm y, chỗ nhiếp nhiều việc không cần phải thưa, lại như lo liệu việc Phật, pháp, Tăng tùy nêu tướng chung một việc mà thưa, cho nên nói là "chung". Xưa ghi đều lập pháp chung bạch rằng: "Từ sáng ngày nay đến sáng ngày mai tất cả việc làm đều thưa cho A-xà-lê biết", lại cho là sáng sớm thưa rồi, một ngày đó không cần thưa nữa, đây là không đưa ra chánh giáo vọng sinh tạo lập. Vả lại, luật chế thưa thầy vốn có thể thủ chăng? Chỉ nói rằng tất cả là vì việc gì, lượng nghi như thế nào, so sánh dẫn dụ các giáo ở trước, nhiều món pháp thưa lẽ ra đều không dùng, nay vẫn làm là vì không biết.

Trong luật Thiện Kiến pháp kia có bảy: 1/ Quá xa sợ không nghe. 2/ Quá gần sợ đạp bóng thầy. 3/ Trên gió sợ hơi hôi bay đến thầy. 4/ Chỗ cạo sợ thành kiêu mạn. 5/ Đứng trước ngại chỗ thấy của Thầy. 6/ Đứng sau, quay lại gọi khó. 7/ Đứng ở bên trái hoặc phải cách chừng bảy thước. Nay dẫn pháp thứ hai và thứ bảy, Tứ Phần có thể biết.

Trong thọ pháp, chữ chỉ trở xuống là y chỉ, sau nói rằng: "Ngày riêng ba thời, giáo có ba tạng giáo pháp". Trong báo ân, Tứ Phần chia làm hai: Trước lược dẫn hành tướng. Hai việc ấy, luật chép: một là sửa sang phòng nhà, hai là giặt nhuộm y phục. Chữ quảng trở xuống là thứ hai, chỉ văn khuyên y chỉ, tức kiền-độ thọ giới ở cuối quyển 31, kia nói

rằng: "Từ nay sắp đi chế pháp đệ tử nên làm, nếu không làm thì nên đúng như pháp mà trị". Rồi sau nêu tướng đây, không phiền lại dẫn. Cần phải tìm đó. Trong Tăng-kỳ, gót phải là bên trái cửa vào để thuận theo. Đồng với luật Tứ Phần, là trừ đồ đại tiểu, luật Thập Tụng, nói đầu tiên là đệ tử nhọc nhằn đi trước, cho nên đến phép tắm cũng nên làm. Bịnh dùng vật, nghĩa là trò uống thuốc, chữ nhật trở xuống là nói thầy nhiếp trai. Ác tri thức, vì thuận dục tình tập nhiễm của mình thì dễ, rất không nên gần, cho nên tha thiết dạy dỗ, vì có các lỗi: 1/ Mất tiếng tăm. 2/ Chướng nghiệp học. 3/ Tán mất đức hạnh. 4/ Mất chánh tín. 5/ Dứt mất gốc lành. 6/ Đọa đường ác. Gần gũi thiện tri thức thì ngược bảy đều trên, có thể biết.

Trí Luận chép: "Đọa theo người ác, đều do không có trí tuệ". Cổ Nho nói "Thấy người hiền nghĩ mình phải làm cho bằng, thấy người không hiền phải tự xét lại mình". Luận Thành Thật có bốn vòng: 1/ Trụ (ở) chỗ lành, 2/ Nương người lành, 3/ Phát chánh nguyện, 4- Trồng gốc lành. Huống gì nay thời mạt pháp, người chẳng phải bậc thượng trí, chí tánh không nhất định, tốt xấu tùy duyên. Hễ là người học tập thì nên lựa chọn bạn lành, do đây nói và nghe phải ba lần suy nghĩ. Phật khen ngợi, chăm sóc bịnh là ruộng phước cao quý, nhử quyển hạ có dẫn.

Trong kinh Tạp A-hàm, ban đầu nói đệ tử đúng như pháp. Hai câu trên lìa hai lỗi, xiểm ngụy tà tâm, khi dối là miệng. Chữ tín trở xuống ba câu là tu ba nghiệp, nghĩa chia ra năm hạnh: 1/ Lìa hoặc đảo. 2/ Không buông lung. 3/ Không biếng nhác. 4/ Đức vọng dưỡng. 5/ Xa trần nhiễm, thứ lớp đối trị.

Chữ thâm trở xuống là tôn thờ giáo hạnh. Chữ chí trở xuống là mong thánh đạo. Như thị trở xuống là khuyên kính nhớ đến thầy (chữ thọ bổn xưa viết chữ ái).

Thứ hai nói về nhiếp thọ. Trong nêu bày, Hòa-thượng nhiếp hạnh đồng, ba trong bảy môn sau và năm, sáu nói chung rõ hai thầy, còn bốn môn kia chỉ cuộc hạn y chỉ. Trong chế ý, đầu tiên bày lý do. Chữ cố trở xuống là dẫn chế. Tư thừa là giúp làm. Tượng thành là đức của thầy, hai câu đây nêu ra ý chế giáo. Trong thứ hai, luật Tứ Phần nhân Tỳ-kheo không rửa chân uống nước liền y chỉ, mê muộn ngã xuống đất, Phật nhân đó khai, luật Thập Tụng khai năm sáu đêm vì để chọn lựa, chữ cố dữ trở xuống là Già luận, dài ngắn khác chút ít.

Trong Ngũ Bách Vấn, ban đầu không y chỉ. Thọ dùng phạm tội trộm là phải y cứ vật riêng, thầy lại không cho, đã chẳng nhiếp nhau liền dùng đều là trộm. Quyết là vật mười phương Tăng đồng phần, hoặc

thầy cho phép không vì rình trộm, lý như luật Thập Tụng, trái giáo bị tội Đột-cát-la, hoặc có thể nhà soạn luận gấp chế, y cứ duyên nói về phạm, nghĩa chẳng phải tội trọng Ba-la-di. Chữ nhược trở xuống là không tụng giới thì tuổi đồng vị với thầy, giáo hạnh không biết thì không có khả năng nhận lợi dưỡng, cho nên đồng như phạm tội ăn trộm, cũng như trước chung.

Thứ ba, là trong nêu tên, đầu tiên xuất gia tức Hòa-thượng, A-xà-lê, thầy mười giới, nghĩa là hạ thứ hai thầy đồng, cũng gọi là đồng Hòa-thượng đồng A-xà-lê, y chỉ quyết đủ mười hạ, không ở trong đó cho nên ngoại trừ.

Trong được tên, trước y cứ hạ, lựa chưa đủ chứ không lựa tên. Chữ nhược trở xuống là y cứ ví dụ được tên. Trong nhiếp người, nếu làm thầy, lại thỉnh ấy trên bốn A-xà-lê quyết đủ mười hạ, muốn theo y chỉ pháp trước đã mất cho nên khiến thỉnh lại.

Trong phần bày đức, trong luật nhân chế y chỉ. Có người mới thọ giới, nhận người y chỉ, làm nhiều điều phi pháp, cho nên chế phải mười năm. Lại có Tỳ-kheo ngu si, tuổi hạ đã đủ mười năm, nhận người khác y chỉ, làm nhiều điều phi pháp, lại chế mười tuổi hạ mà có trí tuệ. Lại có người tự cho mình có trí tuệ, cho người y chỉ lại chế hành pháp A-xà-lê khiến dạy răn, ba loại nầy quyết đủ, thiếu một thì không thành. Sau chỉ pháp cộng hành, không khác với trước.

Già luận trong lựa chọn, đầu tiên nói về tự chọn. Chữ cập trở xuống là nói hỏi người khác. Nói đều không là gồm ba món trên, nghĩa là giới đức không thiếu, dạy răn không mệt mỏi, quyến thuộc không tranh cãi. Tăng-kỳ năm pháp đều chế cho đệ tử, ở đây bày đức thầy để qui nhiếp người, tâm có thể cảm đệ tử, thành tựu năm món, đây mới được y chỉ, tức thuộc lựa chọn đức (Xưa nói rằng năm món nầy y cứ thầy là sai).

Luật Tứ Phần có ba đoạn: Ban đầu nói chọn đức, nói liền vật ấy, luật chép: "Kia không chọn người nhận y chỉ" cho nên liền sau bày lỗi. Văn lược nói bốn món trị như quở trách, v.v... nên nói là "đồng", chữ nhân trở xuống là thứ hai nói về chọn tuổi, Tỳ-kheo tuổi hạ tức Tôn giả Bà-tiên trong duyên khởi của luật. Chưa dứt sửa là dụ như trẻ nít đâu thể sinh con. Chữ nhược trở xuống là nói dụ dỗ đi. Luật nhân hai thầy Pháp kiến v.v... Phật nói "Cho khởi ý dụ dỗ đi như vậy", muốn cho thêm lớn lợi ích pháp Sa-môn, cho nên dẫn Ngũ Bách Vấn, lại trái bày đúng như pháp không cho. Nói phạm trọng là thành người trộm. Nhân nói là luật ý, kia nói rằng: "Xưa, có Tỳ-kheo dụ dỗ Sa-di bỏ đi,

Tỳ-kheo già nầy không người săn sóc, chẳng bao lâu thì qua đời", cho nên chế trọng luật, nhóm tỳ-kheo sáu vị dụ dỗ đệ tử người khác. Phật nói "không nên như vậy" (chỉ phạm Đột-cát-la. Trong Luận nói phạm tội trọng là y cứ tâm trộm).

Trong luật Thiện Kiến nói chọn học nghiệp, kiểm hạnh quyết nghi, phải nương người hiểu luật, cho nên bao nhiêu đều không cho. Sau dẫn luật Tăng-kỳ chuyển giải thích hiểu tướng, ngăn lạm dự. Cho nên biết, hai bộ luật không lệ thuộc trong bốn, không thể như trên quán sát cơ duyên, nhưng biết tướng luật cho có thể hỏi thăm, còn bao nhiêu thì không cho, nên nói là "hạ chí". Tam Thiên oai nghi, văn kia rất rộng, dẫn toát yếu đó.

Đầu quyển thứ hai chép: "Tỳ-kheo Tân Chí muốn đến chỗ Hiền giả thỉnh làm A-xà-lê y chỉ, phải trước tự nói rằng: "Tôi là mỗ (trước nêu tên mình) xa lìa ba thầy đi riêng ngàn dặm, nay đến nơi đây, bổn ý muốn học, gặp phải cõi nước không an ổn, cho nên đến đây, nay tự quy về Hiền giả, Hiền giả vì tôi làm A-xà-lê y chỉ", Hiền giả do mỗ tự qui về cho nên nhận mỗ giáp làm đệ tử. Hiền giả phải dùng pháp cho nên vì mỗ giáp làm A-xà-lê" nói rồi đầu mặt làm lễ bày tình, v.v... Lại nói rằng: "Đệ tử y chỉ A-xà-lê có năm việc: 1/ Phải thường đến. 2/ Đến nhà phải gõ cửa ba tiếng. 3/ Vào phải đầu mặt làm lễ. 4/ Quì gối hỏi thăm sức khỏe. 5/ Phải theo hướng cửa mà ra.

Lại có năm việc: 1- Sáng ra đến thăm hỏi. 2- Thầy gọi liền đắp ca-sa đến, không nên mặc áo ngắn. 3- Phải quét đất, lấy đầy nước tắm rửa, lau chùi giường toa của thầy. 4- Nếu có việc cần ra, vào, đi ở phải thưa. 5- Học kinh hỏi hiểu được hay không, chẳng nên có y e sợ.

Thứ tư, trong phần bày duyên, nói nhiều hoại ấy, Luật chép: "Không xét oai nghi, đắp y không ngay ngắn, khất thực không đúng pháp, các nơi nhận đồ ăn bất tịnh, nhận bát ăn bất tịnh, ở bữa ăn chính, bữa ăn phụ lớn tiếng kêu nhau chẳng khác nào như Bà-la-môn nhóm họp". Chữ thính trở xuống là bày chế, vốn lập y chỉ giúp chỗ Hòa-thượng.

Trong pháp thỉnh, y theo luật, đầy đủ oai nghi, quì thẳng chấp tay rồi sau bày ý thỉnh. Tăng-kỳ khác tên như thiên trước đã dẫn. Trong chú giải bày biết sửa đổi, kia chép: "Con là mỗ giáp, cầu Đại đức làm thầy y chỉ, xin Đại đức cho con y chỉ, con y chỉ Đại đức rồi". Cho nên biết, sửa đổi không chỉ hai chữ Xà-lê.

Trong thành không, có năm phần: Ban đầu nói lời đệ tử nhận dạy, bổn luật không có văn, nay phải y cứ dùng. Chữ tiên trở xuống là

nói không biết quán lường. Nhược y trở xuống là nói thầy không đáp. Luật Tứ Phần nói sai sót, nghĩa là thân không hiện tiền không thành tác pháp. Sót thọ tức đệ tử khinh mạn dễ duôi. Sót cho nghĩa là sự lảnh đạo của thầy.

Trong thứ năm nêu rằng: "Rất giống" tức bảy pháp cùng hành. Trong giáo giới, ban đầu văn Tăng-kỳ rộng lược. Kế tiết thứ tư, ban đầu nói rộng ba tạng; sáng sớm, giữa trưa, chiều tối là ba thời. Chữ bất trở xuống là lược nói ba tạng, Luật tạng giới tướng, ba khoa Kinh, luận đều là cốt yếu (năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới là ba khoa). Nếu thọ trở xuống là lại dùng thiền tụng nên phải dạy trao. Nếu chẳng trở xuống là nói thẳng, y cứ không dẫn kinh luật.

Bốn pháp về trước, lời tuy nhiều, lược đều phải ba thời. Trong phần chỉ lỗi, dùng văn khai lược pháp tự có thể nương làm, huống chi pháp ngữ khó vâng theo, tình người dễ nhàm, cho nên chỉ cái phiền nặng kia, ý khiến tùy nghi. Thiền trai, nghĩa là khi ngồi thiền và trong bữa ăn.

Trong ý thỉnh, tỉnh bàn ý thỉnh hợp ở khoa trước, nhưng bày tâm giúp là nói lên Sư nhiếp, cho nên ở đây nói. Hai câu đầu tức chỉ cho khoa trước, trước chỉ nêu pháp mà không nói ý, cho nên hoặc có thể chỉ năm pháp của luật Tăng-kỳ trong chọn đức, hoặc chỉ bốn tâm tưởng về cha trong phần gồm nhiếp nhau, do bốn tâm năm pháp tức đồng bốn ý, ở đây chỉ rộng nên nói là "trọng".

Trong bốn món, ban đầu bày nương nhau. Thứ hai nói thuận học. Thứ ba là kính mến. Thứ tư là chấp lao. Hai pháp, Tạp A-hàm nói rằng: Bảo các Tỳ-kheo có hai tịnh pháp hay hộ thế gian, đó là hổ và thẹn. Chữ tất trở xuống là kết bày có thể chăng. Du du nghĩa là nhân ngã.

Trong bác bỏ phi, túc nhiên là vắng lặng. Nhiếp cả hai, hoặc y cứ thầy trò chung nhau, hoặc y cứ hai việc tài, pháp. chữ thành trở xuống là dụ thầy trò chẳng lâu. Dã mã, Thiên Thai chép: "Gió động bụi trần cho nên ở ngoài đồng trống thấy như ngựa chạy (Trang Tử nói rằng "trần ai"). Chữ cực trở xuống là dụ pháp thọ không thành. Dương Diệm, Luận Trí Độ chép: "Đói khát, mê muộn tột bực thấy khí nóng cho là nước" đây gọi là dường như có mà thật không.

Trong phần dẫn răn nhắc, Đại sư là người đức trọng, sự học vượt bậc, xứng đáng làm phép tắc cho đời, chẳng phải ngày nay người áo đỏ lạm xưng. Chữ bất trở xuống là bày riêng năm duyên. Hai duyên trên có thể thấy, sau ý cúng dường y chỉ là thứ ba. Việc nhỏ của luật Ngũ Phần nghĩa là cung cấp thừa sự. Chữ nhược trở xuống là sợ thế tục khinh hối,

chính là chỗ mất kia. Y cứ theo kia bèn là đệ tử biết thầy, nay ở đây ý trái chung kia đây, sau chỉ tướng rộng văn thấy có hai mươi bảy. Luật Thiện Kiến lưu một đó chính là biết Thầy nhiếp ý, vốn lợi người chứ không mưu cầu sức lực.

Trong luật Tăng-kỳ, nạn vua nghĩa là bị quan. Phiền rộn, nhàn nhã, v.v... trộm chép phải chuốc ấy thuộc kia mạnh. Nếu đoạt thành trộm quyết tự thoát khỏi thầy nhiếp không lỗi. Chữ bất trở xuống một câu là trái với hai chế ở trên, kết thầy tiểu tội. Trong đệ tử già, chỉ khiến hạ chế ở trên, không hẳn tuổi già, luật Thập Tụng nói rất dễ hiểu.

Trong luật Tăng-kỳ, câu đầu là nêu đồng. Chữ trừ trở xuống là chọn khác. Lễ dưới chân hằng cấm xét thời nào mà chấp nhận. Chữ Ưng trở xuống là bày đồng. Trên rõ thầy dùng pháp nhiếp, đồng trên ngày riêng ba thời, giáo có ba tạng giáo pháp, v.v... Trăm tuổi phải nương, là nêu nhiều để dụ ít. Dưới đến biết hai bộ luật, nghĩa là bốn pháp không đủ trên, biết có tội, v.v.... Chữ chân trở xuống là nói đệ tử báo ân.

Thứ sáu trong phần nêu hợp quở là lỗi. Quở trách răn nhắc tức là hai pháp khác có thể biết. Trong bày lỗi, đầu tiên văn luật trình bày tám thứ năm việc, gồm có bốn mươi câu, đầu đến tiên không cung kính, tức năm việc đầu, năm thứ kế nói rằng "vô tàm, vô quí" (hai món, tám và năm nầy đều đồng) khó làm bạn với người nói ác (hai câu nầy trở xuống bảy và năm đều đồng). Ưa đến nhà dâm nữ (sau việc năm và sáu, bốn câu trên đều đồng, chỉ câu thứ năm riêng, nhân đến xem rùa ba ba, v.v... một câu, xét chung trước thành tám, năm). Nay buộc kia đồng là chỉ tướng riêng, nhưng mười lăm việc lại Thức-xoa, Sa-di-ni trong luật hợp nêu trong thứ bảy thứ năm, nay lìa thành hai tướng, sáu chú thích trên có thể hiểu. Lệ giống như trái, người bạn ác ấy, là gần gũi học theo điều không lành. (tờ 230) Dâm nữ trở xuống bảy món là bước đến chỗ sai trái. Xem rùa ba ba là buông lung chơi bời. Chữ luật trở xuống, là bày chung các lỗi khuyên khiến nương phạt. Tội trọng là chế chỉ phạm Đột-cát-la, y cứ nghiệp rất nặng, như sau có dẫn bày.

Trong Thiện giới nêu người cực ác để so sánh tội kia, vẫn thêm lỗi. Ưa làm thầy người đâu biết là không dễ? Kinh Thiên-đà-la, trong phần âm nghĩa dịch rằng "Nguyên xí", cũng nói là chủ sát nhân, là tên của kẻ đứng đầu đao phủ.

Trong Ngũ Bách Vấn, kia nói rằng: "Thời Phật Ca-diếp có Tỳ-kheo độ đệ tử mà không dạy, thường làm những việc phi pháp, lúc qua đời đọa vào loài rồng chịu khổ không chịu nổi. Lại quán đời trước vốn làm Sa-di mà không giữ giới cấm, Thầy cũng không dạy nên sinh tâm

giận thầy. Gặp lúc thầy cùng năm trăm người đi tàu qua biển, Rồng liền xuất hiện nắm tàu đòi bắt vị thầy Tỳ-kheo kia. Mọi người hỏi lý do, rồng bèn thuật lại duyên xưa, mọi người bất đắc dĩ phải bắt Tỳ-kheo giao cho rồng. Tỳ-kheo nói: "Tôi tự xuống biển không cần mọi người bắt trói", liền nhảy xuống biển mà chết".

Trong phần giải thích nghi, trước dẫn các lỗi, tám và năm trình bày, sợ nghi phạm năm giới mới quở, cho nên phải quyết rõ. Trong phần đáp, ban đầu là chánh pháp. Chữ hựu trở xuống là dạy xét tình dùng tha, như văn dễ hiểu.

Trong dẫn khuyên, kinh ấy chép "Có một Tỳ-kheo nhỏ tuổi xuất gia chưa bao lâu, không nghe luật pháp, trong lúc đi khất thực không biết thứ lớp trước sau, Tỳ-kheo quở trách can ngăn không nghe lời, Phật nhân đó rũ lòng dạy dỗ, văn như trong sao. Không nhàn, v.v... nghĩa là ngu giáo. Chữ phàm sở trở xuống là rõ tạo tội. Chuyển hướng trở xuống là trình bày hiện báo. Xả giới trở xuống là giải thích chuyển hướng chết ở trên. Phạm chánh trở xuống là giải thích đồng chết khô ở trước. Chữ thị trở xuống là kết khuyên.

Hai lời trong văn nghĩa là đồng chết khổ, y theo kinh, câu trên nói rằng: "Hướng tới chỗ chết". Kinh chép: "Nói chết nghĩa là xả giới; đồng chết khổ nghĩa là phạm chánh". Trong kinh lại giải thích, nay đổi ở kết sau. Nói không đúng khác dẫn kinh so sánh định là truyền lầm, phải xét bổn văn, không nhọc gượng giải thích.

Thứ hai, quở trách răn nhắc bày như trong phi chia làm ba: Ban đầu răn dạy tự lượng. Nhược hoài trở xuống là kế bày chánh pháp, thứ lớp có bốn: Câu đầu nói về lợi tha, câu kế nói quán sát. Lại nương trở xuống là nêu tướng lỗi. Nương lời quở trách tức là năm thứ nặng nhẹ ở sau, tùy dụng nên nói là tới lui. Nương lỗi trở xuống là chánh quở trách. Nhược quá trở xuống là thứ ba khuyên nương giáo, ban đầu nêu phi. Chữ nghi trở xuống là chính khuyên dừng lại. Bỉ hoài tức các lỗi ở trước. Xuất đạo tức bốn pháp ở trước, nhưng nói thì rất dễ mà làm rất khó, nếu không có tâm sân đâu có quở trách. Tuy nói rằng thế gian có gì thường hằng đâu, nếu tự biết tâm không bằng nén nhẫn.

Trong bày đúng như pháp, năm thứ của luật Tứ Phần chú thích rất rõ không nhọc giải thích lại, chỉ là trước nặng sau nhẹ. Ba thứ giữa xen nhau đều có cả nhẹ, nặng.

Trong chấp Niết-bàn, bày lỗi chia làm hai: Ban đầu bày chánh giáo. Ba đời: Đức Thích-ca là hiện tại, trở về trước là quá khứ, Đức Di-lặc về sau là đương lai, nhưng quá khứ đã diệt, đương lai chưa lập,

đâu biết được giáo pháp kia, bởi Chư Phật đạo đồng nêu hiện tại có thể chứng nghiệm. Lại giáo pháp hiện tại đều nói cả quá khứ, vị lai, cho nên có thể biết. Nhưng Phật pháp nhân từ quyết không xúc chạm chúng sinh, Hằng sa Chư Phật đều như vậy đâu phải riêng Đức Thích Ca? Chữ tỷ trở xuống là chỉ cho phi pháp. Chữ tiện trở xuống là bác bỏ vọng dẫn, đầu tiên nêu phá. Kinh kia, thứ ba nhân Bồ-tát Ca-diếp hỏi nhân sống lâu, Phật đáp: "Nên giữ gìn ủng hộ chúng sinh tưởng như con". Ngài Ca-diếp bạch Phật: "Nếu có người phá giới, gây ra tội nghịch, hủy hoại chánh pháp, làm sao tưởng như con được?". Do đây khiến dùng yết-ma trị phạt, cho đến nói rằng: "Nếu thấy Tỳ-kheo, thấy người hoại pháp, không chịu đuổi ra, quở trách, nêu tội xử phạt, phải biết người nầy là kẻ thù trong Phật pháp".

Ca-diếp lại bạch Phật rằng: "Như lời Phật nói thì không xem tất cả chúng sinh như con một, không tưởng như La-hầu-la?"

Cho đến Phật nói: "Thí như vua chúa, quan lớn, Tể tướng nuôi nấng các con hoặc hai, hoặc ba, bốn, đem giao cho vị thầy nghiêm khắc dạy dỗ. Nếu ba đứa phạt gậy mà chết, còn có một đứa, quyết phải khổ trị muốn cho thành tựu. Như lai cũng giống như vậy, xem người hoại pháp đồng như con một, người ngu chấp đây cố làm phạt gậy".

Chữ nhiên trở xuống là lại bác bỏ, ban đầu nêu ra ý kinh. Con một nên thương là nếu y cứ theo kinh thì chính là nói Như lai, sau dẫn Nhiếp Luận thì chung Sơ địa. Chữ tức trở xuống là dẫn kinh chất vấn ngược lại, tức bài kệ quyển 10 chép: "Tất cả sợ dao gậy, đều yêu mạng sống, tha thứ mình có thể làm dụ, chớ giết chớ đánh đập". Không biết trở xuống là trách kia vọng dẫn. Nghiêm sư là dụ tức như trên đã dẫn.

Trong dẫn vị sâu, ban đầu chánh dẫn. Tịnh tâm tức Sơ Địa, cũng gọi là Hoan hỉ địa, trí vô phân biệt đối với tất cả chúng sinh đồng xem như con một, không có lấy bỏ. Phương tiện là hiện bày khéo léo độ chúng sinh. Mười việc là mười việc không lành. Chữ kim trở xuống là bác bỏ lạm. Y cứ theo Niết-bàn ấy tức là văn kệ trước, tha thứ giống như chữ độ. Trí Luận chép: "Sức khổ nhiều, sức vui ít". Nếu người khắp mình thọ vui chỉ một chỗ bị kim châm thì các vui đều mất, chỉ còn biết chỗ kim châm. Như lời tựa Tịnh Độ Ngụy Kinh đã dẫn, xưa chép: "Kia nói, tội nặng đánh ba trăm, tội vừa đánh hai trăm, tội nhẹ đánh một trăm, đều được phước". Chữ thử trở xuống là bác bỏ phi, ban đầu chỉ ngụy (dối), tùy triều phạm hủy. Người xưa không dùng cho nên nói rằng "Người trí đều phi". Chữ túng trở xuống là theo pháp có thể hiểu.

Trong phần dẫn chánh giáo, bổn luật nói tâm sân mà quở trách

tức hủy hoại, giới khai từ bi cứu vớt. Đánh gậy nghĩ là súc sinh phạm đột-cát-la, nêu ra giới đánh Tỳ-kheo.

Trong Địa Trì y cứ lỗi nặng nhẹ để chia ba món phạm. Phạm truất bỏ là không cho nương ở. Chiết phục là dùng việc lăng nhục, như Luật nói các loại đoạt y, đoạn thực. Quở trách là như nói lời răn dạy (Xưa y cứ Ba-la-di, Tăng tàn, Ba-dật-đề, Đột-cát-la, chia ba phạm chưa hẳn là vậy).

Trong kinh Đại Tập, ban đầu bày cực răn dạy. Tội đồng là nêu tội nặng làm so sánh làm thân một Đức Phật ra máu đọa địa ngục A-tỳ một kiếp, huống chi muôn ức Phật. Chữ nhược trở xuống là dạy phép trị. Tăng sự yết-ma thuyết giới. Chữ nhược trở xuống là nêu ra báo năng phạt. Vì sao trở xuống là nêu ra ý không nghe. Chữ y trở xuống là y theo kinh để quở trách, trước nói Sơ địa có thể làm mười việc, về sau là phàm phu, không nên lạm, kết nghiệp đã nặng, chết đọa đường ác nên nói là "mờ mịt".

Trong luật Tăng-kỳ chia làm ba: đầu tiên là rõ pháp chiết phục, nghĩa là đáng phạt. Nếu hung trở xuống là rõ pháp lìa bỏ, tức không thể trách phạt. Nếu đệ tử trở xuống là đệ tử não chúng, thầy phải làm phép sám hối xin lỗi.

Thứ ba, trong pháp phi, Luật Tứ Phần trước bày năm phi. Hai phi trước thời gian lâu mất dạy bảo, người bệnh luật nhân hai thầy không nuôi người bệnh khốn đốn, không kêu hiện tiền, không biết quở, không nêu ra lỗi vì không biết tội gì. Chữ nhược trở xuống là rõ thầy trái pháp. Chữ hoặc trở xuống là đệ tử trái nghịch. Hai chữ mắc tội là chung các tội trên. Văn luật đều nói không nên. Luật Tăng-kỳ đầu tiên là nói tạm đoạt. Cộng hành nghĩa là Hòa-thượng đích thân độ, bảy pháp nhiếp nhau nên gọi là cộng hành. Nếu y cứ y chỉ cũng cộng bảy pháp, từ gốc bày mắt để chọn thân sơ. Nhược dữ trở xuống là rõ thường đoạt do trước là cốt yếu, đây đều là đoạt y trong giới không duyên phạm. Thích là vui vẻ. Luật Thập Tụng nói, đoạt y, chiết nhục khác với hai thứ đoạt ở trước. Đầu tiên là duyên khởi. Chữ Phật trở xuống là lập chế, Sa-di hai y nên phải giữ lại một, y cứ nhỏ bày lớn nên phải để lại một y.

Thứ tư, pháp từ tạ, trong ở đi văn luật Thập Tụng chia làm hai: Ban đầu từ tạ thầy tốt, pháp chỉ là không dạy dỗ riêng, cho nên muốn theo người khác. Trước rõ thưa thầy, sau rõ thầy lựa chọn. Nếu Hòa-thượng trở xuống là xa lìa thầy không tốt. Chữ pháp trở xuống là nêu bốn câu. Hai ở hai đi pháp là chính, việc ăn là việc phụ, có ăn không pháp luống nuôi thân dơ, có pháp không ăn trọn thành tuệ mạng, Thánh

chế có lý do đâu được không suy nghĩ.

Trong luật Tăng-kỳ, đầu tiên nói về đi đứng, kia cũng có bốn câu, hai đi hai ở. Không hỏi mà đi (đồng không có pháp không cho ăn ở trước). Hỏi mà đi (có cơm mà không có pháp). Khổ cũng ở (có pháp không có cơm, trọn đời không nên đi). Vui ở (có cơm có pháp, dầu đuổi cũng không đi). Chữ nhược trở xuống là thứ hai rõ can ngăn cãi cọ. Kêu người đến ấy, Luật kia chính viết chữ phụ nữ, nay ở đây viết lầm.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: thời mạt pháp ngày nay phần nhiều có việc nầy, tuy muốn theo người khác, ép bức đánh mắng cho nên khiến kêu đến, bạc đầu xoay mặt vào tường, pháp đọa từ lúc nầy mà có ra. Hẳn phụ cao thức, không luống uổng tự tha.

Trong từ tạ mà đi chia làm hai: Ban đầu nói quở trách sám tự tạ, lại chia làm hai: Ban đầu nói cầu người phép điều hòa. Nên trị trở xuống là khiến thầy quán sát. Chữ luật trở xuống là thứ hai tự đối cầu phép sám. Trước nói đệ tử ân cần xin thương. Chữ nhược trở xuống là sau thầy quyết nhận.

Kế, là nếu biết trở xuống là nói biết sai thì lìa. Đầu tiên nghe người dụ dỗ bỏ đi, Luật khai quyết có thể thêm lớn quả Sa-môn lợi ích, cho nên biết có thể dụ dỗ quyết y cứ là thầy tốt. Nếu đệ tử, v.v... trở xuống là thứ hai, tự thưa rồi bỏ đi. Năm món tức năm câu phép thưa ở sau. Nương thầy ý vốn là xem xét lỗi sách tấn mình.

Thứ năm, đều không biết thầy nghĩa là ở yên, đi chẳng thành tự đạo vốn kia nên chăng? Trong giải thích nghi, trong bảy pháp trước, để tự quở trách thầy phạm Tăng tàn đều phải sửa trị. Có nghi ác kiến lại cần can ngăn cho có chánh kiến. Đây nói bỏ đi cho nên phải hòa hợp, chánh đáp có thể hiểu.

Trong dẫn bày, trước nói nhận can ngăn. Nhược sự trở xuống là nói về chống cự sự can ngăn. Nương hai thầy trước là Hòa-thượng đi xa, y chỉ ra ngoài giới.

Bảy, là mất pháp của thầy, trong nêu bày, ban đầu rõ Hòa-thượng không lỗi. Không đức nương người, chỉ có thể bỏ đi, nương nhau thì vẫn ở. Chữ dĩ trở xuống là bày lý do không lỗi. Ban đầu nhận tâm trông mong, trọn đời gần gũi, không đồng y chỉ cho có thỉnh lại. Thứ hai, là rõ y chỉ có lỗi. Nếu luận y chỉ, thì chỉ có phép thỉnh, nghĩa chia ba món cho nên nói là "Rõ chánh", nếu lỗi thỉnh pháp thì phải gia thêm. Nhược thất trở xuống là thứ hai, khởi tâm mà thôi, như ở sau có nói.

Trong xen trị, hai thứ trước nói thầy được trị, trong đó lại có hai: Ban đầu định pháp lỗi. Luật chép: "Hòa-thượng, Xà-lê, tăng cho làm

quở trách, tẫn xuất, y chỉ. Ngăn không đến nhà cư sĩ, tác cử, Phật nói không mất y chỉ (đệ tử cũng đồng). Nay dùng nghĩa y cứ tức không mất hai món trên (xưa nói rằng ba môn học thì mất hai môn sau là sai). Dĩ sư trở xuống là giải thích lý do mất. Nói mắc tội ấy như liền dạy răn thì trái hành pháp hai tội Đột-cát-la. Dĩ đoạt trở xuống là chuyển giải thích mắc tội. Không được y chỉ tức là đoạt quyến thuộc.

Chữ nhược trở xuống là kế nói đệ tử bị trị. Cả ba đều không lỗi, khai không thuận theo là hợp chúng đồng trị, còn bao nhiều người thuận theo đều chế Đột-cát-la, thầy riêng khai đó (không đồng tùy cử kia cuộc hạn ác kiến, phạm Ba-dật-đề).

Trong xen ra ngoài giới, ban đầu lập văn. Luật chép: "Hòa-thượng, A-xà-lê quyết ý ra ngoài giới đi không trở lại, mà ngay ngày đó trở lại, Phật nói đây là mất y chỉ (đệ tử cũng đồng). Chữ thất trở xuống là nghĩa quyết. Không mất thỉnh ấy là không vượt qua đêm. Nói chỉ sinh ấy nghĩa là khởi ý. Thỉnh pháp nghĩa là cầu giáo thọ (dạy bảo), Luật y cứ liền trở lại cho nên nói rằng "quyết ý". Nếu nói cách đêm thì bất luận quyết cho không mất. Ba pháp đều mất, chỉ Đại Sớ ấy, xưa chép rằng "Thầy trò quyết ý ra ngoài giới tâm cách ngăn", tuy ngay ngày ấy trở vào cũng mất y chỉ (nghĩa là mất hai món sau), nếu vậy lìa y, phá hạ đợi gì qua đêm?

Đáp: Thầy trò riêng có hai tâm cách cho nên mất, người có tâm lìa y và chỗ, y và chỗ không có ý lìa người cho nên phải qua đêm. Lại y và hạ là y cứ minh tướng để nói về mất, y chỉ ước tâm, ước giới để nói mất, cho nên khác nhau.

Trong chung riêng văn luật trước sau bao gồm có chín. Thứ tư là phạm trọng, Luật chép: "Hòa-thượng, Xà-lê, Tăng làm phép diệt tẫn, Phật nói là mất y chỉ (đệ tử cũng đồng). Thứ năm như trên đã dẫn chung bảy yết-ma. Vả lại, nêu quở trách, còn bảy món khác tức nêu ra trong câu thứ năm, thứ tám ở kiền độ thọ giới, đối văn có thể thấy. Kia chép: "Có năm pháp mất y chỉ (một, là thầy quở trách, hai là pháp, ba là thôi tu, bốn là không cho y chỉ, năm là lên giới tràng). Lại có năm việc (một chết, hai bỏ đi, ba thôi tu, bốn không cho y chỉ, năm là đúng năm tuổi hạ hoặc hơn năm tuổi hạ).

Lại có năm việc: Thứ năm là gặp lại Hòa-thượng cũ, còn bốn câu trước đồng như trên chỉ câu thứ năm riêng tự trở xuống đều như vậy.

Lại có năm việc: Thứ năm là Hòa-thượng, Xà-lê thôi tu.

Lại có năm việc: Thứ năm, là đệ tử thôi tu.

Lại có năm việc: Thứ năm, là Hòa-thượng hay A-xà-lê qau đời.

Lại có năm việc: Thứ năm, là đệ tử qua đời.

Lại có năm việc: Thứ năm, trở lại ở, hòa trên thuận dưới mà ở.

Thứ hai và thứ sáu quyết y cứ qua đêm, nếu ngay ngày đó trở lại như trên đã nói. Thứ tám nghĩa là thầy trước đi xa, đệ tử riêng cầu y chỉ, sau gặp lại thầy cũ, lại về nương học thì pháp kia liền mất. Thứ chín cũng vậy, chỉ y cứ đệ tử lìa thầy sau gặp lại là khác. Y theo luật, sáu món trên chung cho thầy trò, ba món sau chỉ hạn cuộc ở đệ tử. Nói ước giáo mất ấy, là nêu riêng thứ bảy, vả lại y cứ giới hạn của giáo, nói theo hạnh thì thành lập được pháp thân mới lìa y chỉ, như trên đã nói.

Hỏi: Quở trách y cứ giáo rõ sao nói không mất?

Đáp: Trên y cứ đoạt hạnh cũng tức là giáo.

Hỏi: Đi xa, quở trách, tức hai môn trước, đâu cần trình bày lại?

Đáp: Đi xa trở về ngay, văn luật phán mất mà nghĩa có điều không mất. Quở trách thứ bảy, Luật phán không mất, mà y cứ nghĩa có mất. Cho nên hai món nầy trước nói sau mới nêu chung.

Hỏi: Y cứ ba pháp trước riêng phối chín món đồng khác thế nào?

Đáp: Quở trách mất một, như trên có thể biết. Đi xa cả hai riêng, trở về ngay mất hai món, qua đêm mất cả ba. Bảy món khác y cứ giáo mất cả ba, tìm đó có thể thấy.

(Xưa chép: Chết và thôi tu, thì ba pháp đều mất. Quở trách mất một, bao nhiêu đều mất hai món sau là sai, đâu có phạm tội nặng, vào giới tràng, thỉnh pháp vẫn còn).

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư
Trì Ký quyển thượng phần ba xong.

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN THƯỢNG
(PHẦN 4)

THIÊN GIẢI THÍCH THUYẾT GIỚI

Giới tức bổn thọ pháp thể, lượng đồng sa giới. Từ duyên khởi nêu ra những điều thiết yếu, gồm hai trăm năm mươi giới, làm con đường trì phạm khiến cho dễ nhiếp tu. Nhưng sợ chúng tăng biếng nhác không tự sách tấn siêng năng, vì thế mỗi nửa tháng (30 và 15) tập trung một chỗ để tác pháp tuyên bố (thuyết giới), ngõ hầu nhân lời thuyết giới này mà phản tĩnh tự mình, sửa đổi việc làm ngày càng mới. Tuy rộng lược có hai mà tăng riêng ba vị.

I. Nói gồm nhiếp thì không đâu chẳng phải là tịnh hạnh, nên gọi là thuyết giới.

Chánh nghi do ngài Phổ Chiếu, ngài Đạo An và luật mở rộng Đương thời, lập pháp tuy rất nhiều nhưng không có điển cứ. Những điều nói trong thiên này đều nương lời dạy của Đức Phật. Xem kỹ kinh luật, sưu tầm điều đúng bỏ bớt điều sai, tựa đề là chánh nghi, đối chiếu chọn bỏ những chỗ không đúng.

Lại ở trên nói thuyết giới là chỉ cho pháp sở thuyết (pháp đã được nói); dưới nói chánh nghi là gồm duyên năng biện. Cả hai năng sở đều nêu, cả hai duyên pháp đều hiểu.

Văn chú giải nêu trong phần chính giải thích. Tức Tam Thiên oai nghi, nghĩa đầu nay chính dùng, vì thế được nêu trước tiên.

Tịnh trụ có hai nghĩa giải thích:

Một là nghĩa bất thất: Nghe trì không phạm, thể thường còn, vì thế phần sau nói thanh tịnh giới trụ.

Hai là nghĩa y chỉ: Cấm chế ba nghiệp an trụ trong giới. Tức trong Quảng Hoằng Minh Tập chép: Tịnh thân miệng ý như giới mà trụ là ở đây.

Trong phần rộng dẫn nêu ra phần thiết yếu luật nghi những chữ quốc ngữ, kế là dẫn Nê-hoàn. Đầu tiên là dịch tên. Kiều-tát-la, Phương

Chí nói thuộc Trung Ấn-độ, chu vi sáu ngàn dặm, các sơn thành khác chu vi hơn bốn ngàn dặm, rất có lòng tin Phật pháp.

Nê-hoàn có hai bổn, nay có sáu quyển, chọn hai quyển: Trưởng dưỡng tức dịch chung, hai nghĩa giải thích riêng: (232) nghĩa dầu đồng như trước, nghĩa kế già luận chứng đắc bạch pháp, v.v... Hoặc trưởng đối với nghĩa kế, dưỡng đối với nghĩa trước. Trong kinh Tạp A-hàm tiếng Phạm tuy đủ, thì biết riêng Bồ-tát mà lại lược.

Phần sau dẫn chánh âm hai nghĩa phân phối. Đoạn nghĩa là dứt ác, đồng giới trụ ở trước, nghĩa sau tương đối rất dễ biết. Quốc ngữ không đồng hai chữ hóa ở trên vì thế không gọi là sau.

Trên là dịch đủ, lại bao gồm các nghĩa khác, có bảy tên gọi:

1- Tập: Trong bài tựa giới nói rằng cùng nhóm họp (tập trung) một chỗ.

2- Biết: Tức là biết phạm, không phạm, v.v... ở dưới nói rằng: Trong khoảng thời gian từ nửa tháng trước đến nửa tháng sau có phạm chăng?

3- Tuyên: Lời sớ trong giới nói là thuyết giới trong hai tháng hắc ngoạt và bạch ngoạt (tức ngày 30 và 15).

4- Đồng: Phàm thánh trong mười phương đều tôn trọng.

5- Cộng trụ: Thanh tịnh ở trong hai bộ tăng, người phạm không được nghe.

6- Chuyển: Chuyển các hoặc nghiệp chứng bạch pháp (chứng pháp thanh tịnh).

7- Thường: Chỗ thường thực hành những việc khác của tăng rất ít nên chỉ nêu tên.

Nay ý đã rõ, dẫn văn y cứ nghĩa lược như giải thích trên.

Trong Tam thiên có ba cách dịch:

Hai cách giống như giải thích ở trên, hòa hợp ba thể tướng không nói không hiển.

Hai cách sau, nghĩa đã hiển ở phần chánh dịch, cho nên phần trước phần nhiều tông quy thành bốn cách. Tịnh trụ đoạn chuyển dứt ác làm tên. Tăng trưởng, nuôi lớn sinh thiện làm tên, tập, cộng trụ, và tôn quý làm tên. Tri tuyên và thường từ chế làm tên. Phần nhiều nêu ra chỉ y theo trước đã nêu.

Chỉ dịch là trụ, hội thông trong luận Câu-xá nói tám giới đều thọ Bồ-tát hộ nên nói là tên. Tên là dùng để gọi. Kế dẫn rõ luận giới hộ, hai phần hội thông Câu-xá. Hai luận nói hộ, danh nghĩa có một ít giống. Bố-tát là tiếng Hoa Phạm đều nêu, sự đồng mà tên khác.

Sau dẫn luật, trong luật có hai mươi kiền-độ.

II. Kiền-độ thuyết giới: Trong kỳ Ngũ Bách Kiết Tập (năm trăm vị kiết tập), ngài Ca-diếp trình bày, ngài Ưu-ba-ly kiết tập nên gọi là kiền-độ Bố-tát, tức "Tri" đã nêu trong phần thuyết giới ở trước. Sau gọi là Bố-tát, trước xen nhau nêu nên gọi là Tức. Câu này chính là chỉ cho đồng mục lục ở thiên trước.

Hỏi: Bố-tát dịch là thuyết giới phải không?

Vả lại, Bồ-tát dịch là Tịnh trụ.

Giới, tiếng Phạm là Thi-la, đã không phải đối phiên sao luật luận hai tên xen nhau hiển bày.

Hỏi: Vì sao không gọi là Bố-tát chánh nghi?

Suy nghĩ sẽ hiểu (người học phần nhiều mê mờ nên phải phương tiện giải thích). Ý trình bày, trước tiên hiển bày lợi ích cúa giáo. Hai câu trên là nêu sự khen ngợi, hai câu dưới là giải thích thành. Câu trên y cứ thời gian để hiển bày công phu, chánh tượng ngữ lược), lý bao gồm phần sau. Tức ở sau chép: Vì sao biết Phật pháp tồn tại ở đời lâu dài, v.v... câu sau y cứ pháp rõ dụng để cùng vâng theo, thanh tịnh hòa hợp các pháp khác có thể thực hành. Sau nói nhiếp giáo lý căn bản của tăng.

Khoa kế, bốn câu đầu, trước chỉ bày tình kiến (mãn du yễm) ít người thực hành như kiết giới, thọ sám, v.v...

Thường tức nửa tháng thường làm như quở trách. Hai câu đầu bác bỏ khinh mạn, coi thường, bởi sau suy ra lý do. Nhiễm vì thường bị huân tập. Thường nghe: Vì một tháng nói hai lần, do đây sau kết khen ngợi.

Tình tức vọng duyên theo vật mà trôi lăn, ưa đây ghét kia, giàu ít nghèo nhiều, dựa vào một việc này đủ thấy được phàm tình. Vì thế nói rằng có thể biết. Lúc đó còn như vậy huống chi ngày nay. Chùa tăng tuy nhiều nhưng thực hành càng ít, dầu có thực hành nhưng cách xử sự không đạt kết quả. Đâu chẳng phải nhờ túc nghiệp mà sinh vào thời này. Nhớ đến sự truyền bá của đạo mong muốn mọi người phải trân trọng cung kính.

Trong phần ba, đầu tiên là trình bày xưa, sau là hiển nay. Trong phần đầu nêu các bổn.

Tề tức Nam Tề, Tiêu Tử Lương, sinh vào thời vua Phong Cách Lăng, chết vào thời vua Ích Văn Tuyên.

Bồ-tát tại gia: Hoặc năm giới, tám giới hoặc giới Bồ-tát, văn này đã thất lạc không thể tìm được (có chỗ nói tức Tịnh Trụ Tử quyển 20).

Phổ Chiếu: Bộ Chỉ Quy chép: Tìm khắp trong truyện ký, hỏi thăm tên vị này, chưa biết vào thời đại nào.

Đạo An là vị cao tăng đời Tấn, lập ra khuôn phép cho tăng ni, có ba điều lệ:

1- Hành hương định ra pháp giảng trên tòa trên kinh.

2- Pháp thường ngày sáu thời hành đạo, ăn uống.

3- Các pháp bố-tát, sai sử, hối quá, v.v...

Các chùa viện trong nước đều y theo đây mà thực hành. Rộng trình bày đức nghiệp đầy đủ như Lương Truyện. Nhưng sau phê bình, suy xét, được mất, hai câu trên nêu xưa khác nhau, hai câu dưới hiển nay túng đoạt, ý hiểu liền đã biết. Tâm tướng tức xử sự.

Trong phần hiển nay nói ý kinh: Lời nói chung ba tạng đều được tên kinh. Sau dẫn văn các bộ luật, kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa (ví dụ như ở sau nói rằng: Văn kệ thanh tịnh trong các kinh tụng xuất xứ từ luật Tăng-kỳ tức gọi luật là kinh), v.v... đã nghe được tương truyền ở đời. Lại cho rằng đối với bổn trước chọn thứ lớp, tiết mục nối văn. Trong phần sinh khởi, trước nêu ý, vì thế trở xuống chỉ trước nêu sau. Gặp bổn làm khuyến khích. Trước dẫn khuyên cố gắng tức nói rằng phàm tình để có vô tướng, v.v... đã nêu ở trước.

Dẫn trong các văn, Luật Thiện Kiến chép: Hai câu trước Tỳ-kheo hỏi Phật, hai câu sau Phật trả lời. Già luận nói dứt ác. Trước nói các điều ác chỉ chung mười nghiệp, sau nói các phiền não không ngoài hai hoặc. Chữ thọ là viết sai, trong luận viết chữ ái, tức chỉ bày hoặc thể, kế nói về sinh thiện.

Bạch pháp (pháp thanh tịnh) chung cho phàm thánh. Phàm thì sư tịnh, Thánh thì lý hiển. Phạm hạnh rốt ráo chỉ hạn cuộc ở bậc Thánh cùng tột. Lại về sau tự mình phản tỉnh, phát lồ sám hối tức là thanh tịnh. Vì thế sau dẫn các luận để hiển bày.

Trong phần khai chương nêu phần tăng biệt hai vị khác nhau. Tăng là bốn người trở lên tác pháp tụng giới. Biệt tức là duyên khai, đối thủ tâm niệm chỉ can ngăn ba lần. Lại bốn môn sau, môn một và hai chung cho tăng biệt. Môn thứ tư chỉ hạn cuộc ở tăng. Môn thứ ba thông cuộc như đánh chuông, chúng nhóm họp đầy đủ. Chế chung một người phát thẻ thông báo chỉ hạn cuộc ở tăng mà thôi.

Trong thời tiết, khoa đầu, nếu kỳ hạn ba ngày thì các bộ chế chung và trước sau khi ăn cũng nêu trong luật Tăng-kỳ. Nay do ba ngày đều nêu ra trong luật Thập Tụng nên gồm nêu. Sau dẫn giải thích các văn. Sau hai ngày chỉ xuất xứ từ bổn tông, vì thế sau đều nêu trong luật Tứ Phần. Trong phần giải thích riêng, văn dẫn Tứ Phần nêu ra đồng, ngày Bố-tát dùng chung cả ba ngày.

Hỏi: Trong ba ngày, tùy ý Bố-tát ngày nào cũng được phải không?

Đáp: Ở đời có nhiều tranh chấp chưa thuận với ý Tổ, nếu cho rằng dùng chung được thì trong Nghiệp Sớ chép: Ngày 14 là ngày thuyết pháp truyền ba quy y, năm giới cấm cho người thế tục. Ngày 16 vì có nạn duyên nên khi khai cho kéo dài, vì thế chưa thể có tiêu chuẩn thường hằng. Nếu chỉ lấy ngày 15, thì trong văn Sớ nói ba ngày đều được, tùy dụng được khai, ắt dùng hai ngày. Xét lại trong bảy pháp Phi, thì pháp Phi nào chung hai đều có ngại. Nhưng trong Sớ văn chỉ sợ người đời thường dùng ngày khác, ý muốn lấy ngày 15 làm tiêu chuẩn nên phân riêng. Còn như có duyên dùng chung thì không gọi là phi pháp. Còn tự tứ tuy chung ba ngày mà trong lời sao thì lấy ngày 16 làm tiêu chuẩn. Phi nghĩa là ngày khác thì không được, có thể dùng thí dụ.

Luật Ngũ Phần thì nói khác.

Luật Tứ Phần dẫn văn này, muốn lấy ngày 15 làm tiêu chuẩn. Vì thế trong lời Sớ chép: Hai ngày trước (14, 15) nói pháp, trao ba quy y năm giới cấm cho người tại gia, một ngày sau (16) vì chúng tăng tịnh tâm thuyết giới.

Trong tiết thứ hai đều để chia trước sau, vì thế trước sau đều chung. Sở dĩ không chọn ngày đêm vì đã chế sáng, trưa, tối có thể biết. Trong luật sợ minh tướng hiện nên cho lược thuyết giới, thì chung cho tối sáng. Trong thêm bớt, trước dẫn duyên khởi.

Nghiệp sớ chép: ngoài giới đấu tranh không tự tiêu trừ, trở vào trong chúng thanh tịnh trần nhiễm nào nghi. Đức Phật khai cho, trước nói giảm bớt, do để tránh người vào giới, không đợi ngày 15 mà trước đó hai ngày nên nói bớt. Nhưng ngày 14 vốn là ngày chính cũng vì tránh duyên nên nhập vào ngày bớt. Như ngày 16 lùi lại ngày 15 thuyết giới, do đây ngày chánh không gọi là bớt. Nếu nói thêm sau, vì tránh người vào giới không được thuyết giới nên kéo dài qua nửa tháng thứ hai, cho nên nói là thêm.

Lại có bốn tiết. Đầu nói lập tức tạm tránh chưa cần phải thêm, khiến cho người vào tấm, chúng tăng ra khỏi giới khiến không thể biết. Nhược trở xuống là tăng lần thứ nhất.

Bạch tăng là tác pháp đơn bạch. Lại trở xuống tức là thêm lần thứ hai. Sớ chép: hung ác chưa nhẫn, bổn giới chưa hòa, nên đến chỗ khác hướng về đồng chúng thanh tịnh, v.v... cũng phải đơn bạch. Nếu khai cho đồng pháp, tâm vốn không hòa sợ phế bỏ việc chúng, vả lại khiến cho cùng làm nên gượng nói. Đây là bớt hai ngày, thêm cũng quá hai ngày

của tháng kế, thêm bớt đều hai, trong văn rất dễ biết.

Trong Xích Cổ: Y cứ vào luật Thiện Kiến và Thập Tụng có một thời gian văn trụ ở đời, chép: Không có tăng đến ba ngày, do quá ba ngày tháng kế không thuyết giới liền diệt. Ở đầu nêu khai chừng hạn của luật, xét lại không có ý khác, chỉ sợ việc làm của tăng bị đình chỉ hay phế bỏ mà thôi. Cũng ngăn sự nói lạm. Luật dẫn văn phá, trước hai văn bổn luật.

Câu-diệm-di, vì Tỳ-kheo đấu tranh nói Phật hiển pháp phi diệt, một nước có thể như vậy nhưng chẳng phải đều diệt. Tỳ-kheo Cao Thắng là môn sư của Trưởng giả, Trưởng giả khi qua đời giao kho báu cho và nói: Đợi hai đứa con ta lớn lên trao cho nó. Một hôm, giao kho báu cho người em, nên người anh oán trách bèn đến báo với A-nan. A-nan nghi ngờ, trải qua sáu kỳ bố-tát không cho đồng pháp. Sau A-nan hỏi Tỳ-kheo Cao Thắng, Cao Thắng trình bày đầy đủ ý của thầy. A-nan nói không phạm Đột-cát-la.

Kế dẫn trong luật Tăng-kỳ, tỳ-kheo ở thôn Phất-ca-la ganh tỵ với tỳ-kheo ở Lan-nhã có danh lợi, nên ngày 14 đến nói rằng ngày 15 thuyết giới, nhưng đợi kia đi rồi mới thuyết giới. Ngày hôm sau đến thì nói rằng đã thuyết giới rồi, ông mắc tội không bố-tát, ta không cho ông ăn, như vậy trải qua hai mươi năm. Vì thế nói chê bai oán trách nhau. Nhưng hai văn kia chẳng phải gọi là không thuyết, dùng đây chất vấn văn trước dường như không cùng loại.

Trong phi thời hòa hợp, trước dẫn duyên, tức ở nước Câu-diệm-di đấu tranh phá làm hai bộ, sau phi thời ở Xá-vệ hòa hợp nên Phật khai cho. Lời sớ nói hai chúng tâm thanh tịnh đồng tôn kính giáo pháp thanh tịnh, vì thuyết giới không đợi kỳ hạn. Về sau giải thích lý do. Trước trình bày nghĩa thêm, nay trình bày không hòa. Trở lại hiển cầu phải hòa hiển ý khai thuyết.

Không đồng kiến giới: Nhân tránh pháp tướng là kiến không đồng; phế bỏ việc bố-tát là giới không đồng.

Như giới hòa: Nói thông thọ tùy. Nay thuyết tùy thực hành thuyết giới để luận trong tạp pháp (Hữu bổn hoặc chữ vô giới), môn nầy dẫn rộng sự tướng các pháp tạp hiển. Muốn hiển trở xuống làm khoa hành sự quy tắc ở khoa sau đều có y cứ. Trở xuống là điểm, trong tác tướng có văn chép: Bất thời nghĩa là không đồng thời. Chỉ thiên trước tức là đánh linh, đánh kiền-chùy, v.v... Phát thẻ: Khoa đầu dẫn văn luật Thập Tụng. Trước nói chung duyên khởi của hai chúng, sau nêu rộng chúng đồng lợi dưỡng. Nói không đến: Khi đang Yết-ma không có mặt trong

chúng. Luật Tứ Phần trở xuống kế là dẫn chứng. Trước dẫn bổn luật tức Sa-di pháp đồng, sau dẫn Niết-bàn nói Sa-di hình đồng. Khoa kế, trong luật Ngũ Phần trước là nêu khuôn phép.

Ngũ chỉ: Là năm ngón tay của người, đủ năm tấc. Nắm một khuỷu tay: Một thước tám (duỗi tay là hai thước) nhưng không rõ vật thể. Thời nay phần nhiều làm bằng cây tre. Khách đến nói hành pháp hòa hợp, tổng số là bao nhiêu.

Tam-trung là: Tiếng Phạm, y cứ vào thinh luận mà dịch.

Lời sớ chép: Tên Xá-la thảo, dùng làm thẻ tre để tính.

Rải hoa: Trong luật Ngũ Phần trước nói khai cho người thế tục. Tỳ-kheo không được tức nói ngăn người xuất gia (chế đạo). Cầu đầu ngăn tự rải. Trong luật, vì các Tỳ-kheo rải hoa lên các Tỳ-kheo ở trên tòa cao, cư sĩ thấy vậy chê trách rằng Tỳ-kheo giống như vua, quan lớn. Đức Phật do đây mà ngăn cấm. Như cư sĩ ngăn thọ nhận rải hoa, nghĩa là tuy cho thọ nhận nhưng không được để dính áo. Phủi bỏ: Trái tướng đạo. Trải tòa nên thấp cũng không cao quá: Tỳ-kheo ba lần khai tự rải. Trước ngăn cung kính người, ở đây khai cho ở chỗ nghiêm tịnh. Trước là văn dẫn, văn nầy chính dùng.

Trong tịnh thủy vật: Trước dẫn trong luật Tăng-kỳ, gồm ba tiết. Một là nói tịnh thủy (tay sạch), văn giống như sư thuyết giới, nay tức là làm thẻ.

Hương trấp dục (nước tắm thơm): Trước là tịnh thủy (nước sạch), đây tức là hương thang (nước nóng thơm).

Hai gồm tay sạch. Tụng trở xuống nói để thẻ. Đây khai một số giới đồng như trước. Câu văn tạp toái tức giới điều.

Nhiều bộ luận chép: Mười hai năm về trước nói chung một bài kệ, nay nói năm thiên, gọi là tạp toái. Năm trăm giới đối một bộ thì số gấp bội. Bảy trăm giới đối với hai bộ vẫn nhiều hơn một trăm. Đây gọi là đếm số thích nghi, không cần phải hạn định. Như trở xuống là nói cần phải đủ chúng. Ai đáp tức dự sai ba người, hoặc cho thí vật cần người chú nguyện. Trong luật Ngũ Phần thì nói Duy-na làm. Xứ này việc ít nên không làm. Trong Tứ Phần chúng đủ đồng như trên. Chỉ nói tuổi nhỏ lớn phân xử lên tòa để trách nhiệm, tôn ti không lẫn lộn.

Trong phần người pháp, khoa đầu trong luật Tăng-kỳ có bốn:

Đầu nói về pháp sở tụng, luật nêu số mục thực hành tức giới bổn.

Tụng hai bộ: Y cứ trong an cư, tức Luật sư thứ tư.

Hỏi: Tăng thuyết giới cho ni có lợi ích gì?

Đáp: Trong thể bổn thọ gồm phát được. Lại làm chỗ y chỉ cho ni nên phải có giáo thọ.

Nói người có thể tụng. Thượng tọa nói: Người có đức đáng được mọi người tôn kính nên ở pháp tòa nói lời thành thật để răn nhắc dạy dỗ, người nghe nương theo đó mà thực hành.

Đời nay phần nhiều đổi mới, trái với ý của giáo pháp, cao lạp ỷ thế không chịu tụng, đâu biết rằng đây là trách nhiệm quan trọng cho việc mở mang Phật pháp.

Sau là chọn thính chúng. Bộ kia cấm chung năm tên. Luật Tứ Phần nói được nhóm họp, vì trở về sau chúng có phạm kết chung. Đây tụng hai thầy chỉ giáo, không gọi là được nghe giới.

Hỏi: Bài kệ tựa giới bổn lệ tên ba thiên, chúng có được nghe không?

Đáp: Lược nêu tên chung không nói điều mục, vì thế như nói ngăn cung kính.

Hai câu trên răn dạy thính chúng.

Không che giấu: Nên khai cho người bệnh.

Không che vai: Nghi cung kính ở Tây Vực: xứ nầy không giống như vậy, nên chỉ bày làm thẻ, sau chỉ xướng pháp tức như trên đã nói.

Khoa kế, luật Ngũ Phần nói có bảy. Lựa người có đức lạp tụng giới, bỉnh pháp chọn người có khả năng nhận lãnh, vì thế cần có hai người.

Lời sớ: Thượng tọa lớn tuổi (già cả) bỉnh ngự là khó. Y cứ văn răn dè đồng với khi Phật còn tại thế. Nay thì tuổi nhỏ tụng giới, Thượng tọa làm Yết-ma đều trái nhau. Nếu bậc cao tọa đó thông suốt phải trái, y luật sư bỉnh bạch ắt có nghi, cần phải lua chọn người có khả năng kham nhận, không hẳn phải là Thượng tọa.

Thuyết giới ngăn người đã nghe, tướng ngạo mạn rất nhiều, vả lại lệ bảy lớp đều phạm nghiêm hình thế mà còn có người không sợ.

Luật sư Trí Thủ mỗi khi sắp thuyết giới quỳ chắp tay, Pháp sư Ngộ Ấn song tự cảm, đều đến hết.

Tăng truyện chép: Kẻ hạ ngu ngồi chung, cùng nghe còn không khỏi tội, do đâu mà được lợi ích. Xin nói rõ lời răn của Phật, còn không tự phản tĩnh được điều sai, Thượng tọa bỏ quên.

Nếu nói đổi ngày, nghĩa là trong ba ngày.

Nói làm pháp khác, nói nghi thuyết giới, còn nói ba ngày chỗ làm khác nhau. Dưới dẫn luật Tứ Phần để nêu các bộ khác.

Luật chép: Các Tỳ-kheo muốn nói pháp bằng giọng ca vịnh, Đức

Phật cho phép, sau có một Tỳ-kheo cao giọng ca để nói pháp, Đức Phật nghe rồi bảo rằng: Ông chớ nói pháp như vậy, cho đến cao giọng ca vịnh nói pháp có năm lỗi:

1/ Tự mình sinh tâm mê đắm âm thanh.

2/ Khiến cho người khác nghe sinh tâm mê đắm âm thanh.

3/ Khiến cho người nghe có thói quen học theo.

4/ Người thế tục sinh tâm kiêu mạn không cung kính.

5/ Chỗ thanh tịnh tư duy nghe giọng ca nầy chỉ duyên âm thanh dễ làm loạn việc ngồi thiền.

Vì thế bổn tông cũng không cho phép. Nay không dám phế bỏ ý chỉ của giáo pháp. Tức nghĩa Luật sư thứ tư trong phần dụng tựa. (Thời nay tụng lồng âm thanh, câu văn không rõ, người không thích nghe, lại sinh tâm khinh thường, chứ đâu phải chỉ có năm lỗi. Y theo văn nầy tự nói là thiện thì không có lỗi sai, tùy dùng cả hai đều được).

Trong phần ba, trước ngăn người biết pháp cúng dường, nói dạy tụng học trước.

Trong đầu ba chánh nói nghi nêu bày chung. Trước nói chung, dùng bộ khác, sau dẫn luật Ngũ Phần, luật Tăng-kỳ và kinh A-hàm, Hoa Nghiêm và nói y cứ bổn xưa, theo đây lẽ ra có nhiều bổn.

Hai thầy lớn nhất làm giềng mối, tức các kệ không nêu kinh luật nầy, nhưng sự còn phức tạp sai sót, chẳng phải hoàn toàn nên nói: Khác thì đồng.

Ba câu trong phần đầu, trước nói nơi chốn, sắp xếp giường tòa. Hai câu đầu là phán định, nói cho phép là y cứ theo Trung quốc, sau nêu bày cõi nước khác nhau.

Trung quốc dùng giường: như giới mở trải v.v...

Loại tức lệ, tiếp ở dưới mà đọc.

Cổ: Ở đây là nói thời Tây Tấn, Ngũ phẩm về trước và quan trọng một châu được ngồi. Đại phu là Thượng đại phu, trung hạ đại phu cũng không được.

Đều ngồi dưới đất: Lễ xưa đều như vậy. Đến nay ở Bắc Tấn vẫn còn. Cho đến đời Tấn, Thất-la nổi loạn đến Đông Tấn hạn chế không cho phép nên chung cả thứ dân (dân thường). Nay ba sau bình phẩm không thể được. Hai câu đầu chỉ thời gian dùng, sau cũng cho phép, nhưng rồi hạ đoạt.

Nói không tiện; hoặc do ngồi đứng trái nhau khó biết, hoặc quỳ nhận thẻ, sự cần phải lớn nhỏ. Nay phần nhiều quỳ trên giường. Hoàn toàn không phải là nghi cung kính, thường thấy các ngu tăng nghiêng

mình đứng dựa, chống cao một đầu gối nhận thẻ, việc nầy trái với quy tắc, hổ thẹn đến như vậy.

Vì thế, Trong Tỳ-kheo-ni Sao nói vào giảng đường rồi liền khiển trách lễ Phật trên giường, cũng là ý này. Tùy có dặn dò suy tính, nhưng trong phải giải thích tướng.

Chỗ đất thấp, ẩm ướt cho để giường làm lễ nhưng chỉ cao tám tấc, chỗ khác thì không cho. Duyên này không thể nhất định, vì thế cho tùy chỗ.

Trong phần chúng đầy đủ y theo trước: Tức trong luật Tăng-kỳ, Tứ Phần.

Trong phần cáo bạch cho phép lược pháp khiến cho bạch vào thời tiểu thực.

Thượng tọa bạch: Văn luật chánh chế, nay đương thời thực hành khiến cho phép dùng. thời nay Duy-na bạch rồi, Thượng tọa y cứ trong phần lược pháp, văn lại thêm phần khuyến khích, cũng có thể cho phép thực hành. Nhưng lời sách tấn chúng phải tùy cơ kích động thời tình, không cần phải cẩn trọng.

Giềng mối của tăng: Trước nói mỗi sáng nói, khiến cho biết xem xét tăng chúng. Đích thân vị Thượng tọa xem xét việc làm v.v...

Trong phần nhóm tăng, khoa trước nói nhóm hết, không hạn cuộc v.v... tức lớn nhỏ đồng thực hành pháp. Sau y cứ hai chỗ tập trung tức pháp riêng. Cả hai nói tướng kia khiến cho thông hiểu, cũng như nói xem xét.

Khoa kế, trước nói chỗ tập trung: Tức ở ngoài giảng đường đi đứng nên nói bài kệ, tức đại chúng đồng tiếng nói đó. Như chép: người đánh chuông nói đều đã trình bày ở trước, đâu đợi tập trung đến trước giảng đường mới cho nói ư?

Lại trong Nghiệp Sớ chép: Luật cho tịnh nhân cựu trụ đánh: Đây gọi là tăng pháp chế, chẳng phải là cụ đạo làm, ắt không phải hai người, sai tịnh nhân nói lợi ích.

Lại trong văn nói nghe kệ chuông, đâu có thể tánh? (có người cầm. Duyên khởi là A-nan khi đánh tiếng chuông. Nói kệ rằng: Đây là người đánh nói, lại đổi chữ Văn thành chữ Manh).

Phá hạ, từ trong các kệ nương nhau không phải, người tuy tụng nhưng phần nhiều không rõ lý văn, lược soạn khoa giải thích.

Hai kệ nghe chuông, kệ đầu nói sự dùng, kệ sau nói thời gian.

Trong kệ đầu, nửa trước nói công, nửa sau hiển bày dụng.

Bốn ma quá mạnh có thể chướng thiện đạo, vì thế nói có sức. Dục

xâm hại nhau nên nói như oán.

Kiết là kiến hoặc tư hoặc trong ba cõi.

Tận vô dư là cực quả vô học. Câu trên nói nhân cầu, câu dưới nói quả chứng.

Trọng kệ sau, nửa trước nói ý sở lập, nửa sau nói nguyện năng lập. Người nghe pháp gồm cả Thánh phàm.

Nhóm họp là dụ như đi đến.

Vào trong giảng đường, trước nêu bày nghi thức, có ba:

1- Lễ kính

2- Nói kệ

3- Ngồi.

Trong kệ, nửa bài trước nói tự thực hành thành tựu, một câu kế nói chúng thực hành không trái, câu cuối nói đủ hai chúng mới thành pháp sự.

Trong tự thực hành, câu trên thọ lễ không thiếu.

Câu tùy hành không phạm (chữ đại chúng có bổn ghi thanh tịnh. Như kế răn dạy sám hối, như trên tức trong phần tạp pháp).

Cực giáo: Nếu lấy chỗ sâu xa của sự ngăn cấm thì chỉ văn luật, nếu y cứ chỗ chung cực của giáo lý thì chỉ cho Niết-bàn.

Luật kia chép: Ta không diệt độ, nửa tháng đến một lần dặn dò. Đây là lời dặn dò dạy bảo của Đức Phật.

Nói căn bổn: Các pháp sự khác đều là những điều phụ. Có người đối với đây vọng lập kệ hoan hỷ như nói biểu tịnh ở bài kệ trước đã đầy đủ, nhọc gì phải nói lại. Hoặc trình bày lỗi có phạm, tự phải phát lồ sám hối, đâu chỉ xin tăng vui mừng mà thôi. Tập tục sâu dầy can ngăn không bỏ, không biết cải thiện, thật chưa thấy có người đó.

Thứ năm và thứ hai ở trước xen nhau do trước y cứ vào dự biện. Nay, chúng tập trung mới dẫn vào giảng đường, hữu đồng trì hiến), mới hợp với khoa kế, thì không trùng lặp. Trong đây không phải như vậy phần nhiều là dự an, nên khó thông hiểu. Sau lại nói rõ để vật ngồi dưới đất, đây là chiếu để chúng ngồi. Trong tăng thiết lập là nói sau an.

Sáu là nói về hành sự: Trong quán lạc, trước nói xuất chúng.

Năm người: Nay thì một người Duy-na làm thẻ xướng cáo, bốn người cùng giúp việc nước nóng, v.v...

Đủ oai nghi, nghĩa là khoan thai kính cẩn, không cần phải thiết lễ (thời nầy xuất chúng đều lễ ba lạy trở lại tòa ngồi rồi đến lấy vật, đều không phải là nghi chính).

Duy-na tay sạch cầm: Thượng tọa rửa tay y theo văn, Duy-na làm

đó. Nay phần nhiều tuổi nhõ nghĩa cũng không rõ ràng. Thượng tọa rửa thẻ, đều nói kệ nghĩa là cả chúng đồng âm, nay do Duy-na xướng việc thay đổi.

Trong bài kệ, nửa trước Thánh phàm hòa hợp, nói chỗ tập trung, nửa sau pháp sự lợi sinh chỉ bày việc làm.

Duy-na tự rửa: Trong Tỳ-kheo Ni-sao nói Thời nay phần nhiều Thượng tọa rửa thẻ, ở đây không phải là nghi cung kính. Y cứ theo lý thì tuổi nhỏ thay thế rửa không tội, nay cho phép dùng.

Trong phần hành thủy, khiến nhờ tuổi nhỏ: Nay tìm hai người lo việc nước nóng này, hai người lo việc giặt khăn sạch. Văn kệ, câu trên khen công đức của nước.

1- Thanh tịnh
2- Không hôi dơ
3- Nhẹ
4- Mát
5- Mềm mại
6- Ngon ngọt
7- Uống vào được điều hòa.
8- Uống vào không bị bịnh.

Câu kế hiển bày sự dùng. Bên ngoài thì đức của nước dùng để rửa sạch nhơ uế, bên trong thì nước để rửa sạch tầm trần (tâm dơ uế). Câu ba tự mình thực hành, câu cuối giáo hóa người khác đồng như mình. Quán công ngoạn phản, trong phần giặt khăn hai tay là nói thuận tiện và dưới nhân đổ nước nóng vào khăn, đồng với pháp trên.

Trong bài kệ nước nóng: Câu đầu nói sự dụng, đã nhờ sự nêu pháp để lập lời thệ. Hai câu kế nói quả đức lâu xa, câu trên nói pháp thân gồm đủ hai điều lý và sự, một câu hai đức có thể hiểu, câu cuối là nhiếp sinh.

Đồng thể là hai lợi tự, tha. Hội tức chứng.

Pháp giới khác nhau đồng quy về một thể nên gọi là Dung.

Lại giải: Nước sạch (tịnh thủy) tiêu biểu cho dứt ác, lại làm nhân hạnh; nước thơm tiêu biểu cho tu thiện, nêu cầu quả đức, nhân trước quả sau đều gồm lợi sinh.

Chỉ nói kệ: Đời có người làm bậy nên đặc biệt chọn lựa.

Trong phần khiển trách sai: do người xưa khi tụng kinh pháp phải dùng nước nóng thơm súc miệng, đời sau truyền lầm, bèn đến ngày bố-tát, có người thường dùng.

Tỳ-kheo-ni Sao nói: Khi lấy nước nóng thơm không được súc

miệng nhổ xuống đất, thường thấy nên đánh đấu.

Trong phần xướng pháp tạ thanh chỉ thiên tạp hạnh. Kia nói về thủ phóng đều phải ăn khớp nhau không được trùng âm, v.v...

Trong phần chánh thức nói, đầu tiên là văn hỏi giám hộ: y theo phần bổn tông ở trước, trong văn tuổi nhỏ giải thích đầy đủ, tuy trước đã sai phải bạch chúng, chú thích thiên hộ nói thông trước sau. Thời nay phần nhiều gọi thâu trù là sai, có bộ san bổ ghi rườm rà này.

Lời chú rằng: Văn trên đầy đủ: thông câu thâu hộ.

Thứ hai gọi tập ghi là y theo văn luật xem xét.

Trong phần khiển trách khác, khoa đầu trước nêu xưa, giải thích hạn cuộc, y cứ chỉ bày nẩy giải chung, văn nói rằng hiền thánh lại gồm cả phàm phu. Khoa kế trước nêu xưa là sai.

Trước thêm: Nghĩa là trong phần triệu tập ở trước cũng như trước nói Đại đức tăng xin lắng nghe. Bộ Tứ Phần y theo bổn tông mà bỏ bớt. Thuyết giới tự xướng tức vấn hòa chọn chúng. Y cứ bộ khác có thể còn.

Ba luật, Ngũ Phần, Thập Tụng đều đồng, vì thế đã xướng rồi, nên biết trước đã sai khiến.

Khoa sau, trước lựa chọn để nêu bày lý, có hai:

Một nói không hợp với lời xướng trước, hoặc nói rằng không đúng phép tắc. Trước nói y theo văn luật răn dạy. Lấy trong San bổ là các văn này.

Trong phần bạch chúng, trước là hai lần bạch trước, lại xướng chưa đầy đủ: Một là khiến cho biết pháp xưa, hai là gồm giúp tông khác, chính là nêu bày cho đến làm. Không có các nạn là tám nạn duyên khác. Xướng tên rồi: khiến cho chúng biết. Tức trong luật Tăng-kỳ chép: Ai nêu hành trù, tăng phải xin thọ thẻ.

Nói đúng pháp: Trước, trong luật Tăng-kỳ khiến cởi giày dép vén y bày vai phải, v.v... Cho nên dặn thọ người tức dữ dục là vì người khác truyền dục, phải nhận thẻ thế, nay người không biết, phần nhiều không làm.

Trong phần Đại tăng trù, khoa đầu có ba:

1- Đầy đủ oai nghi.

2- Nói bài kệ.

3- Nói lên sự cung kính.

[Hàng 20, ô1 trang 235)

Trong bài kệ, nửa trước là khen kia khó được, nửa sau là mừng kia đã được. Câu đầu tức ba đức. Kim cương dụ cho pháp thân vô ngại, tức

Bát-nhã, cũng tức là nương sự để nêu pháp ít có; Câu kế tức hai nạn.

Đắc thân ngộ sơ: Ngộ là không hẳn đều được; đắc là phải do ngộ, nên cả hai đều nói.

Như quả nay là khắc phục làm dụ. Trong Tịnh Tâm Quán chép rằng: Trong muôn loài, thân người là khó được. Như đề nghĩa là kinh nói nay được thân người là khó, như rùa mà gặp bộng cây nổi.

Trong nửa bài kệ kế, câu trên nói đầu đội là thân, vui mừng là ý, miệng nói câu kệ, ba nghiệp đầy đủ, tức tự lợi, câu sau nhiếp sinh. Kệ hoàn thẻ, câu đầu thọ tùy không hủy có thể cầm thẻ, câu kế nạp thẻ vào trở lại chọn thể tịnh. Vững chắc đối thọ tức nêu bày trì giới, hỷ xả đối hoàn tức bố thí.

Lời sớ chép: Không trộm cắp tức bố thí tài, không sát sinh tức bố thí vô úy, hoặc có thể bốn tâm vô lượng lược nêu hai tân. Trong từ bi, nghĩa thấy ở câu sau. Trong không phục tòa đều phải quỳ đến kệ truyền hương rồi mới ngồi nghe giới. Biếng nhác giải đãi bị đọa ắt khó nương. Vả lại, y cứ vào lúc nhận thẻ nhất định phải vâng theo pháp để khích lệ mình thực hành. Trong phần nạp thẻ y cứ văn Thượng tọa thường biết, nay phần nhiều thâu với để báo số, lý cũng chung được. Nay Thượng tọa kiểm số, hoàn toàn không thể nương vào lời khác.

Trong Sa-di trù chung bốn lời xướng trước và phải nói ba lần. Đời nay, một lần xướng rồi sau ba lần xướng tức ba lần nói. Đây chẳng phải là chánh pháp mà xuất xứ từ kẻ ngu tình. Hoặc sợ kéo dài thời gian cho phép các lần xướng sau có thể một lần nói (xướng). Đây là pháp cáo (bạch) chúng không giống như pháp Yết-ma ba lần (bạch tứ Yết-ma) và Yết-ma một lần (bạch nhị Yết-ma) thường định, đơn bạch cũng không hại gì. Vì sợ có đại tăng truyền dục Sa-di nên phải bảo hỏi. Đây nghĩa là giới không đồng loại nên khai đó mà thôi.

Trong phần sáu lấy số, văn đầu rất dễ hiểu, khoa kế xướng pháp y theo bộ Ngũ Phần ở trước. Trước bảo nhân số thượng hạ, kế nói việc làm, Quốc vương, cha mẹ, sư tăng, đàn việt là bốn ân. Tâm nương trong sắc gọi là hàm thức, gồm thâu chúng sinh hiện tượng trong sáu đường. Đều tụng kệ nói lên hạnh thanh tịnh. Trong kinh là tên kinh tuy thông, nay nếu xướng thời nghi thì gọi là trong luật.

Luật Tăng-kỳ, nói nhân Điều-đạt phá tăng tự thuyết giới, Đức Như lai nghe liền nói kệ này, bảo A-nan rằng chúng phi pháp đã bố-tát, nửa bài kệ trước Đức Phật ngăn chế. Câu trên tu thực hành, câu dưới chúng pháp. Nửa bài kệ sau bày hợp số, ứng dụng đúng, hoặc có thể bỏ đi, tiểu chúng riêng hành pháp Sa-di tập trung tự làm thẻ, đã sắp giao

trong tăng, đều hợp xướng.

Trong phần bảy thỉnh sư, trước nói Phật dạy, tức văn Ngũ Phần ở trước, khoa kế, phần đầu thứ ba thỉnh Thượng tọa. Trước nói Duy-na thỉnh, sau Thượng tọa đáp, có thể hay không thể hai lần đáp thư trong văn. Xuất xứ từ "Từ lâm cơ tài độ". Nay phần nhiều tụng là tuổi nhỏ mạnh khỏe cũng xưng già bệnh, thật là không nên. Tức trở xuống lần thứ hai thỉnh thứ tọa, nếu từ chối thì lần thứ ba có thể sai: Trước dự nói lại nghi, đây là thường viết.

Trong phần ba, trước nói đến báo, kế chỉ bày hai tòa, khác thì không cần hỏi. Theo trong Tăng-kỳ, trước nói hoặc Thượng tọa hoặc thứ tọa nên tụng, v.v...

Trong phần bốn, cúi đầu tức là nói cúi đầu sát đất.

Hòa Nam Tây Ngữ nêu ra cốt yếu luật nghi dịch là cung kính.

Trong phần cung kính, văn trước không cao tòa, chỗ giới sư ngồi. Thánh tăng là người truyền lời dạy của Đức Phật, để Thánh phàm đồng bẩm thọ theo, cũng dự như người sứ nhân sắc lệnh của vua, dù trăm quan tuy quý nhưng ai dám khinh? Khoa kế, gồm nêu sự nghi.

Tiểu là cúng dường, vả lại y cứ vào xuất gia nên đây nêu trước. Nếu nói về hành sự như sau sẽ nói rõ. Nếu giải thích riêng tiếng Phạm, trước dẫn chỗ y cứ, nêu danh nghĩa. Hai chữ như thử là chỉ tiếng Phạm, hoặc dư chữ như không rõ chỗ não.

Chữ Bệ cả hai đều dịch tên kia, giải thích riêng nghĩa đoạn, dùng ý để dứt duyên bên ngoài, tức y cứ nội tâm thì có khác nhau. Trong phần ba, trước sái tán thuận sau sái tán nghịch. Khước hình tức quay lại (lùi lại). Sau nêu ra chữ câu hợp ở phần đã nói trước. Đức Phật ở tại điện Phổ Quang Minh giảng kinh đó, kệ khen Bồ-tát, nửa trước chỉ sự dụng, nửa sau nêu bày việc đã làm. Trong phần bốn, trước nêu chánh nghi. Ba là niệm hương cúng dường Tam bảo. Hướng về Thượng tọa là tiêu biểu; sau nói kệ. Trước Duy-na xướng, nay chỉ cho điều nêu ra.

Chỉ quảng: Văn nầy đã mất không thể tìm được, trở xuống dẫn kệ, nửa trên nói người cúng dường (năng cúng), nửa dưới nói người được cúng dường (sở cung). Trong nửa trên, câu trước nương việc dâng hương đó tức nêu pháp cúng dường. Tuệ hương và tri kiến giải thoát gồm thâu, đây là năm phần đầy đủ (hương giới, hương định, hương tuệ, hương giải thoát, hương giải thoát tri kiến).

Thứ bảy nói: Câu không thể vọng thân (do tuệ được giải thoát, do giải thoát có tri kiến, nêu giữa tức gần trước sau).

Trong phần được cúng dường (sở cúng), câu trước nói thượng cầu,

câu sau nói hạ hóa. Niết-bàn tức vắng lặng, là quả đức. Duy-na nói phục vị có thể thấy.

Trong phần hỏi duyên, văn trước nói y cứ trên, tức phần tạp pháp ở trước, hoặc khiến cho cung kính hoặc khiến cho nghe thẳng, hoặc không lầm lộn, v.v... (có bổn y cứ thượng hạ thêm chữ Pháp), hoặc có thể chỉ tựa giới bổn ở trước; văn sau chỉ cho pháp khác nhau. Kia nói các pháp lễ tăng quỳ, Thượng tọa răn dạy: đây là nói chọn chúng. Chẳng những Sa-di, hoặc ni, ba chúng tục sĩ chiêm lễ đều phải khiển xuất. Và mười ba việc, ba cử, hai diệt có phạm, v.v... nói về ba căn.

Quý cũng cầu giảng luyện, hoặc khiến người không biết pháp phát lồ sám hối. Chỉ sai Sa-di, cư sĩ tùng thính tạp uế, cùng nghe pháp luật sai trái rất khinh dễ.

Trong phần hai, nếu có nói thì đáp rằng thuyết dục và thanh tịnh. Trong phần ba lời triệu hỏi. Nếu y cứ giới bổn xưa nói rằng chúng Tỳ-kheo-ni sai người nào đến? (236) Nay y cứ giới bổn xưa của Quang sư mà hỏi. Chữ thùy cũng tức gọi ni chúng. Trong phần lược pháp, khoa đầu pháp nghi có thể hiểu, khoa kế ni chúng quỳ, tăng thay nhau quỳ. Như Tam Thiên oai nghi, kinh Viên Giác, v.v... đều nói quỳ thẳng, há chỉ có ni ư? (Xưa nói quỳ thẳng, tiêu biểu cho ni là lầm).

Nói biệt đức là dạy ni phải có mười tính chất tốt.

1- Có hạnh trì giới.

2- Học rộng.

3- Tụng hai bộ giới bổn lanh lợi.

4- Quyết đoán vô ngại

5- Khéo léo nói pháp.

6- Dòng họ xuất gia.

7- Dung mạo khôi ngô.

8- Có thể vì ni chúng nói pháp, khiến ni vui mừng.

9- Không được đầu Phật xuất gia, đắp ba y mà phạm tội trọng.

10- Hai mươi hạ hoặc hơn.

(Thứ 8, 10 tuy hạn cuộc dạy ni gọi là đức riêng, còn lại gọi là đức chung).

Trong phần ba, trước lãnh thọ lời dặn dò, lại bạch Thượng tọa chánh nêu ra pháp đáp.

Lời sớ chép: Do thấy người không học thức tuổi cao tòa thủ, không phép tắc, không sai ni, lại không đối đáp [hàng 11, ô1 236] người học thức đều hổ thẹn nên dẫn đó, trước khen ngợi đại chúng.

Hà thí là nói đức có dư, trở xuống khiến truyền lược giáo, trong

lời chú giải, đầu là chỉ bày trước, còn lại là chỉ sau. Tức trong thiên của ni lại dẫn văn các bộ Thiện Kiến, Thập Tụng, Tăng-kỳ, v.v... tìm đó sẽ thấy.

Trong phần pháp nói rộng thời gian ít có: Trong thiên của ni nói do đức rộng khó đầy đủ.

Trong sự tông, khoa trước văn chú giải khiển trách Yết-ma xưa. Nói thông dụng là hai tên không khác nên không rõ. Kia, đây là tiếng Hoa tiếng Phạm đều nêu, cho nên trong thiên Yết-ma nói, không được khiển trách sai, trong văn sẽ thấy. Khoa kế, trước là lời văn dạy, chỉ bày khuyên quy y. Luật nghi tức chỉ cho lời răn dạy ở trên nên sau chỉ chứng.

Vân vân: Là quyển 34, do khi bố-tát A-nan không đến, sau đến rồi liền bỏ chúng đi, mọi người đều không biết. Do đó, bạch Đức Phật chế pháp Thượng tọa. Nên biết ngày 14, 15 bố-tát hoặc tối hoặc sáng, hoặc phải biết chỗ, hoặc ở trong thất, giảng đường, rừng. Lại phải biết tụng năm thiên giới cho đến bốn việc và bài kệ, còn những điều khác tăng thường nghe. Nên sai người xướng thời, xứ trước nên sai người quét dọn, ai nêu chú nguyên hành trù (ở đây chế biết thuyết giới). Lại nên biết khi thuyết giới, đàn việt đến thì phải nói pháp cho họ nghe, cùng nhau an ủi thăm hỏi (đây chế biết thuyết giới), cho đến Thượng tọa thứ hai cũng vậy. Rộng ghi trong văn đó.

Mười thuyết đã xong, khoa đầu lại đánh chuông vì không có tiểu chúng, cũng không cần tiểu chúng.

Hoặc nói tiếng Phạm, tức hai câu kệ sau ở cuối bài tựa giới.

Thần tiên có năm thần thông là người làm ra chú thuật (đây là nêu thế gian để dụ). Vì kia hổ thẹn là nhiếp các người không biết hổ thẹn (thiện nhiếp ác).

Như lai lập giới cấm nửa tháng tụng một lần (hợp với dụ trên) đã nói lợi ích của giới. Cúi đầu lễ Chư Phật (là hồi hướng quy kính).

Tỳ-kheo-ni Sao: Nếu không hiểu, cũng được nói lý do, vì việc dừng nghỉ ở trước. Kia trở xuống nhân chỉ bày lời chúc tụng ở trước, tức hai kệ đầu trong bài tựa.

Cúi đầu lễ Chư Phật và pháp, Tỳ-kheo tăng (quy kính Tam bảo).

Nay nói pháp Tỳ-ni, khiến chánh pháp còn mãi (nói rõ bổn ý của câu quy kính trên).

Ưu-ba-ly là Thượng thủ và các thân chứng khác (nêu chúng kiết tập để làm chứng tín).

Nay nói yếu nghĩa giới, các hiền cùng chung nghe (nêu việc răn

dạy chúng). Phần nhiều thấy văn tụng sai lầm. Lại không hiểu nghĩa lược làm chú giải. Luật chế không được chúc tụng một nửa. Nay hoặc chỉ tụng Ưu-ba-ly trở xuống một câu, đây chính là trái với pháp luật. Tuy không phải là tai hại lớn nhưng đâu khỏi không biết (nhưng cũng cần phải biết).

Trong phần hai.

Ba câu trên trong phần ba vui thích gặp Tam bảo, câu sau cứu khổ chúng sinh. Phần bốn đều nói khoan khoái tức là vui. Gặp Phật rất khó nên nói bậc nhất. Được nghe chánh pháp, gần thì ngăn được ba đường, xa thì rõ được hai món sinh tử, nên nói an ổn, sự hòa vô tranh: Gồm lý bình đẳng nên nói vắng lặng. Ba câu trên là tự mình vui, một câu dưới là người khác vui, tức là hai lợi. Chữ an vui trong Tỳ-kheo-ni Sao là giải thoát, thêm vào khiến cho lễ tán. Tỳ-kheo-ni Sao lại thêm hổ thẹn, nay phải y theo mà dùng. Từ trên đến đây mười hành sự đều y cứ theo chánh văn. Huống chi kinh Phật nghiên cứu rõ ràng, nay các luật tự sửa đổi, chấp sai cho là đúng, đúng cho là sai. Đây là do không tìm xét kỹ càng, lại từ vô minh thức hoặc phần nhiều khinh thường phế bỏ không thực hành. Dầu có thực hành nhưng việc làm đó như thời khóa nhàm chán. Duyên trần đáng bỏ lại không nản mà còn hăm hở, chánh pháp đáng tôn kính thì lại sinh tâm lơ là. Dây nghiệp càng chắc thì biển khổ càng rộng, táng mất tánh linh thiêng, thật đáng thương xót.

Trong tạp tưởng trước nêu hành sự, lại y cứ một đường, việc khởi nắm chắc thời cơ cần gì thuật hết. Lược thì thiếu, thêm vào thì nhiều. Đây là tổng quát các khoa khác nhau ở sau. Ý thuật tất trong văn sẽ thấy.

Trong phần cáo tịnh chỉ dựa theo ba câu hỏi sau trong tựa văn xuôi để làm phần chừng. Đầu là trước hỏi không đáp, sau là tự hỏi. Trở xuống nói: Hỏi sau phải đáp. Lại trong phần ba, trước ngăn cản thuyết giới, giới sử tự dừng, nghĩa là người biết pháp không cản phải quở trách. Nghĩa là người mê giáo đợi nói cáo tịnh, đợi ngồi, tự ngữ chung trước sau. Y cứ theo nghĩa thì nối tiếp phần trên là tốt, y cứ vào câu thì mốt dưới là thuận tiện rõ ràng.

Một người bảo: Vì sợ trở ngại tăng. Nếu có trở xuống là nói phát lộ.

Theo thứ lớp nói: Tiếp phần chỉ xứ ở trước. Cho phép ở đây không nói hòa lại. Do trình bày tịnh nhân ngồi tòa thân tướng đã bày. Thời nay có thực hành lược hòa, chưa thấy nêu ra. Trong khoa kế phần nhiều giống nhau. Cần nói lại: Chế chủ theo khách, nếu ít thì không cần, hoặc

ra ngoài giới nói, hoặc đến chùa khác, Chế khách theo chủ, đây nếu nói rồi thì thôi, chưa thì tùy người đến bảo thanh tịnh rồi cùng nghe, không nhọc gì phải nói giới lại (khoa trước nói khách theo chủ là sai). Như tên khác pháp trị tội Đột-cát-la.

Trong phần ba đối phạm không nói, đây là ngăn giới sử. Hoặc khiến cho phát lộ sám hối hoặc gia trị đuổi đi. Việc làm phải nắm chắc thời cơ. Như có Tỳ-kheo phạm tội trộm cắp, Đức Phật không thuyết giới, song Phật ban đầu tự nói chúng thanh tịnh, quyết không có người che giấu. Nếu có thì sẽ bị năm trăm vị thần Kim cương cầm chày đập vào đầu người đó. Giao đệ tử thì không tịnh uế, cho nên biết phải y cứ ba căn không lạm, có thể đáp, tức đồng với luật luận.

Trong phần bốn gồm các phần đã nêu như nói là: Chùa nào đó, ni chúng ở chùa đó hòa hợp, tăng sai Tỳ-kheo-ni nào đó, sau tổng kết mỗi nửa tháng.

Trong phần năm nói người nầy tức nói người gần tòa cao. bỏ chữ linh, nghĩa là ngôn giáo. Y theo đây, trước phải dặn dò một người, không ngăn lỗi, nay phạm nhiều lỗi nầy, cần phải cẩn thận.

Trong phần sáu, văn trước thuyết giới bổn chế. Cuối cùng không thể được mới tụng kinh pháp.

Lời sớ chép: Sở dĩ thứ lớp là vì giới chế, phụ tướng thiết yếu dễ trì. Kinh thọ tâm thức nương gá hư không khó nhiếp nên tùy thời mà chế. Khinh trọng không thứ lớp đều đến mục đích kia.

Trong văn ba vị: Trước là tụng kinh pháp, lời thông suốt không trúc trắc, nhưng phải có hạnh môn nền nếp răn dạy những điều thiết yếu, phù hợp với thực dụng ngày nay nên nói rằng những lời răn dạy khác. Nay trong tạng lược lời răn dạy cũng có thể nương lời tụng (xưa nói ba ngàn oai nghi: Văn rườm sự toái, do đâu có thể tụng. Lại nói quyển sau khiến tụng kinh Thắng=man để rõ thường thời thọ trì, chẳng phải khi thuyết giới mới tụng). Như hoàn toàn thứ lớp khiến nói kệ tức lược lời dạy của ngài Ca-diếp.

Lời chú giải chỉ bày giải thích kinh A-hàm, quyển hạ dẫn rằng: câu trên giới đầy đủ hạnh thanh bạch, câu kế tâm ý thanh tịnh, câu ba trừ tà điên đảo, câu cuối diệt tưởng ngu hoặc. Như phần sau không lược lời răn dạy, đây nói ý luật chưa chắc ngu muội mà đến nỗi như vậy. Muốn rõ bổn nhiếp tăng trụ trì, cốt yếu không phế bỏ nên phương tiện chỉ bày.

Khoa kế, trước hiển bày lợi ích sâu xa. Phật dặn dò tức chế pháp sau khiến trách người đời không thực hành. Trước chỉ bày không nhiễm,

sau nêu lỗi thức ô nhiễm là nguồn gốc của sự khinh khi chánh pháp. Do nhiễm đời không nghe chánh pháp, đã mờ tối. Huống chi khởi tâm khinh khi lại vời lấy tội lỗi, muốn cho trở lại bổn tánh có thể được chăng? Đối với chưa từng nếm mùi vị, lại chứa điều ác càng sâu, thì cách đạo càng xa.

Đại pháp là nói chung giáo pháp của Phật.

Xuất gia không có lợi ích: Vì trái với bổn ý.

Miệng trở xuống là quở trách lời nói và việc trái nhau, thầy trò dứt nghĩa, theo ngoại đạo cũng chẳng nên hay sao?

Trong Cao tăng Truyện chép: Đời Tùy, ở Đông Châu, Pháp sư Tăng Vân ở chùa Bảo Minh, vào ngày 15 tháng 4 đến lúc thuyết giới bèn bạch chúng rằng: Giới vốn ngăn ngừa điều ác, mọi người đều tụng được, nhọc gì chúng phải thường nghe, hãy nhờ một vị tăng nói nghĩa qua loa, sau sinh khai ngộ. Đang lúc đó chúng không dám chống lại, đến cuối hạ bỏ việc thuyết giới. Đến rằm tháng 7 lên tòa, bỗng không thấy Pháp sư trong đám đông đó, đại chúng vội chạy đi khắp nơi tìm kiếm, liền thấy Pháp sư ở trong gò mả bên cạnh chùa chừng ba dặm, khắp thân máu chảy như bị dao cắt, hỏi lý do vì sao như vậy, Pháp sư nói rằng: Có một đại trượng phu tay cầm dao dài ba thước, vẻ mặt giận dữ, biến thành làm Bồ-tát, cầm dao chặt thân hình đau đớn không chịu nổi. Do đó trở về chùa dốc lòng sám hối. Trải qua mười năm thuyết giới Bồ-tát, đến lúc qua đời có mùi thơm lạ thoảng xông, thần sắc Pháp sư không thay đổi, vui vẻ mà thị tịch. Đây chính là bậc Thượng trí, vì thế động đến chốn u minh quở trách như vậy. Thời nay kẻ hạ ngu không hiểu được sự linh nghiệm này. Dầu khiến thường bỏ bố-tát mà vẫn tự an nhiên. Thật đời pháp diệt đáng than thở.

Trong phần bảy, trước giảng nói thiên đầu. Tăng trở xuống là chỉ bày chung các tụ giới, nếu y cứ về nghe giới thông tắc thì sáu tụ đều đồng. Nếu luật biệt chúng thành, không thành thì cội gốc, nhánh nhóc hai loại khác nhau.

Như luật hiển bày tức như giới bổn có phạm thì sám hối, không phạm thì yên lặng.

Trong phần tám, hai đầu nói đối thú sám hối. Nói đối chúng nghĩa là đối trước chúng làm pháp sám hối. Trong luật nói: Phải đến trước một Tỳ-kheo thanh tịnh đầy đủ oai nghi nói tên tội mình đã phạm, bạch rằng: Bạch Đại đức nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... phạm tội... nay hướng về Đại đức phát lộ sám hối. Sau đó đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần khi thuyết giới. Nhớ phải dùng pháp gì, lúc khác y như pháp sám hối).

Lại trong luật, Tỳ-kheo đối với tội đã phạm có nghi, lại vì thuyết giới gấp, Đức Phật cho nên phát lồ rồi mới được nghe giới, cũng đối trước một vị Tỳ-kheo nói: Đại đức nhớ nghĩ tôi là Tỳ-kheo..., đối với tội đã phạm sinh nghi, nay đối trước Đại đức phát lộ, sau không còn nghi, đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần, y theo lời chú thích trong Yết-ma).

Sợ trở xuống hai là nói tâm niệm. Lại trong phần hai, trước nói biết tội pháp. Trong luật là ở trên tòa nhớ nghĩ bổn tội, nếu hướng về chỗ gần bên sợ làm động chúng, luật cho phép tâm niệm phát lộ nhưng không nêu văn lời sao lập nghĩa. Y theo tựa Yết-ma thuyết giới thêm một câu: Vì sợ làm động chúng, cũng phải nói ba lần. Nhược trở xuống nói pháp nghi tội. Nên nói rằng: Con v.v... đối với tội phạm, v.v.... Sinh nghi, còn những lời khác thì đồng.

Trong phần bốn lược pháp, nêu: Tạp là y cứ theo lược thì thuần, nhưng duyên và pháp đều có phần nhiều khác, nên nói tạp. Trong duyên bổn tông tám muôn và duyên khác nghĩa là nếu y cứ hai tên duyên và nạn không hạn cuộc, thì nay phải lựa chọn để nêu, nặng thì gọi nạn, nhẹ thì gọi duyên. Nạn vua: Trong lời sớ nói rằng hoặc tướng sĩ, binh lính giữ chùa. Người bệnh trở xuống trong duyên xen nhau, tạng khinh nên chia ra, phi nhân tức quỷ thần làm não, trùng độc gọi chung là súc sinh có thể gây ra chết người, nhân nạn dẫn trong luận giải thích, đây y cứ người thường không đồng như giặc. Các duyên khác gồm thâu không hạn cuộc, nên nói duyên khác vả lại tám tướng, đều dùng chữ nhược, hoặc để lựa đó. Bốn tướng trước chung cho ngày đêm, bốn thứ sau chỉ hạn cuộc đêm.

Hạ trở xuống nói chưa xuất là chỉ kết bốn sau. Nên lược nói là kết chung tám thứ trước. Trong bộ khác, khoa đầu có ba. Luật Thập Tụng y cứ duyên đạo hành, sau chế khai một rộng, ba lược. Trong phần lược trên là chúng pháp, khai tâm niệm, trong hành chung lại có duyên, nên chế trước cư sĩ sợ nghe chướng giới, là giúp người khác. Cho đến trở xuống là lợi mình. Nếu nói về tâm niệm, thì nói không rõ ràng không thành tác pháp. Có duyên nên khai không có gì lạ. Bố-tát thuyết giới, là Hoa Phạm đều nêu. Trong luật Ngũ Phần có bảy duyên, trừ cỏ cây, gai góc đất bùn còn khác thì đồng với luật Tứ Phần.

Luật Tăng-kỳ có năm duyên; bị ép ngặt, trời tối, khách từ xa đến ba duyên này không đồng với Tứ Phần.

Trong phần đối thuyết, bộ Thập Tụng nói nạn vua khai thuyết tức duyên khởi từ vua Bình-sa, như trong thiên Yết-ma dẫn. Trong Luật Ngũ Phần nạn sự giống trong luật Tăng-kỳ. Kia vì đột nhập nghe pháp,

không vì đó nói sợ thân khổ não, chế khiến cho đổi cách tụng. Trong nghĩa lập hai duyên lạnh nóng không nêu ra các lời dạy. Lý phải khai, nên trước chỉ duyên y cứ, trở xuống bạch chúng vui mừng hướng dẫn. Nói đông lạnh là văn thoát, bổn xưa nói mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, nên cả hai tùy thời gian dùng riêng. Tăng trở xuống là dẫn chỉ bày. Trước chỉ bộ Tăng-kỳ nói chế (ngăn) Thượng tọa, kế dẫn luật Ngũ Phần nói ngăn đồ chúng.

Nói Chúc thọ tức dữ dục. Chỗ trống nói tức dữ dục, sợ ở chỗ che kín không có người thấy nghe (có chỗ nói: Ở đây nói thuyết giới khiến Tỳ-kheo khách đến tìm thấy nên văn nói dường như không suốt).

Kế trong phần lược pháp, khoa đầu nói hai món: Đây là nêu hai món thủ và khước. Nêu tên là thủ; trừ tướng và khước. Nói lược là đủ hai nghĩa.

Một trở xuống là giải thích. Trước giải thích nghĩa lược thủ. Thủ tám thiên đề: Như nói rằng bốn pháp Ba-la-di nầy, v.v... kế là giải thích lược khước: Khước là trừ.

Trừ chủng loại tùy thiên: Nghĩa là không tụng trong thiên thuyết giới, chỉ nói rằng tăng thường nghe.

Trên nói tám thiên, dưới nói tùy thiên đều là nêu chung toàn số giới bổn, còn như chánh tụng hoặc nhiều hoặc ít đều không nhất định, (có người nói: chỉ tụng tám đầu đề gọi là lược thủ thuyết giới. Tụng một, hai thiên đầu gọi là lược khước thuyết giới. Khiến đời sau vọng làm, đến nay còn như vậy, như riêng chỗ phá).

Hỏi: Có được lược hết tám thiên hay không?

Đáp: Y mỗi luận nên rộng tụng pháp diệt tránh. Y theo Tỳ-kheo-ni Sao thì tám thiên đầu đều lược (xưa ghi một ít phần của Đột-cát-la không gọi là lược. Lại có người nói bảy diệt là cốt yếu của dứt tranh cãi nên không thể lược, do Tỳ-kheo-ni Sao đều xuyên tạc mà thôi).

Hỏi: Nay còn bao nhiêu được lược?

Đáp: Nay chỉ nói chung là lược giới, không nói bao nhiêu loại. Nếu nêu tên lược thì gồm hai nghĩa thủ và khước, nếu không nêu tên, như trở xuống cuối bài tựa duyên tức lược, chỉ có nghĩa khước không có nghĩa thủ.

Hỏi: Như tụng một, hai thiên rồi lược các thiên còn lại, giáo lý nầy lược gì?

Đáp: Các thiên đã tụng trước gọi là rộng, văn không nói v.v... là rộng tụng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, chín mươi pháp Ba-dật-đề. Lại nói, bảy pháp diệt tránh trở xuống như pháp nói rộng, còn

những thiên khác không tụng mới gọi là lược.

Hỏi: Như trong Bổn luật tụng rộng một, hai thiên bỗng có nạn duyên xảy ra thì nói còn bao nhiêu giới tăng thường nghe, đây gọi là lược gì?

Đáp: Đã không nêu tên, dừng tụng tức là lược khước.

Hỏi: Như nêu thiên mục lược đến hai, ba thiên bỗng có nạn duyên xảy ra thì nói còn bao nhiêu giới, v.v... đây là lược gì?

Đáp: Trước nêu danh gồm đủ hai nghĩa. Lại nói còn bao nhiêu giới dừng tụng là khước.

Hỏi: Nay có pháp lược là xuất xứ từ đâu?

Đáp: Trong văn nói thời gian thong thả thì tụng rộng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề và chín mươi pháp Ba-dật-đề, đến sau cùng có nạn duyên nói tựa rồi lược đều y bổn tông không nói tựa. Lược y theo chú giải trong Yết-ma, y theo Luật Tăng-kỳ. Chặng giữa mỗi đề kết chung xuất xứ từ một bộ luận, vì thế văn sau nói: Văn bộ Tứ Phần không rõ, v.v... (Xưa ghi ngược lại dẫn trong bổn tông, mười, năm lược phối, càng thêm mê mờ. Chú giải trong Yết-ma cũng ghi: Luật cũng có năm, ba pháp lược, văn không nói rõ, nêu y mỗi luận, nên biết là sai). Do xưa phần nhiều mê mờ, không khỏi phiền phức tỉ mỉ, còn lại thì chưa hết, đầy đủ trong phần giải thích. Trong pháp lược, khoa đầu nói sự tướng hai việc hoãn gấp ở tòa cao. Hoãn thì có thể tiến tới, gấp thì vội vả chăng? Đài y cứ duyên trên nên khiến dạy bảo. (238) Trong văn trước cả hai đều nêu. Hoãn trở xuống là giải thích lại, duyên gấp thì nói chung nhiều món.

Như trở xuống đã nói. Văn đầu trong phần hiển bày riêng, trước chỉ duyên trước tức chín món đầu trong mười duyên. Nói nghi thức cũng đồng phần rộng pháp. Do duyên nhất định, phần nhiều không đến sau nên chỉ trước. Chí trở xuống là chỉ bày pháp lược có ba:

Hỏi: Thanh tịnh chăng rồi tức nói rộng lời tựa trước.

Nên nói trở xuống lược chặng giữa bảy thiên.

Nói mỗi đề là bảy tên nêu riêng.

Kết chung: Đều nói tăng thường nghe.

Bảy pháp diệt tránh trở xuống nói rộng văn sau. Không lược bảy pháp diệt tránh là giới ít, nói lược lại tiếp văn sau vì đây không thể nói. Nếu y theo Tỳ-kheo-ni Sao thì tám đều lược chung, không nhọc gì nói để lầm người mới đến. Cho nên lời sớ nói: Nay có hành lược, phần nhiều không có pháp thức. Duyên hoãn gấp ứng thì đó là cốt yếu. Thường đồ lạnh nóng đã trình bày, có thể nói rộng trước sau (tựa trước

và pháp diệt tránh trở xuống) mà trong phần lược đã nói rộng (tức bảy thiên) y theo đây nói căn cứ há là ngu ư!

Luật Tứ Phần trở xuống nêu xuất xứ, trước xét trong bổn luật, không nêu thiên đầu nên nói là không rõ. Nay trở xuống là thủ văn trước tức chỉ cho pháp trên có chỗ y cứ.

Kiền độ thuyết giới của luật nầy, đầu tiên là nói trước rộng sau lược, kế nói đoạn thứ tám. Kia nói khởi niệm này, nay do nạn duyên nên lược thuyết giới. nạn đến còn xa chúng ta được nói rộng, Tỳ-kheo-ni nên nói rộng, không nói sẽ đúng như pháp trị. Lại nói, tôi bệnh không nói rộng được, có thể nói đến chín mươi pháp Ba-dật-đề. Lại nói: Tôi không nói được đến chín mươi pháp Ba-dật-đề chỉ có thể nói đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lại nói: Không nói được đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề chỉ có thể nói hai pháp bất định. Lại nói: Không nói được đến hai pháp bất định, chỉ nói được mười ba pháp Tăng tàn. Lại không thể nói được đến mười ba pháp Tăng tàn chỉ có thể nói bốn pháp Ba-la-di. Lại nói: Không nói được đến bốn pháp Ba-la-di, chỉ nói được bài tựa giới. Lại nói: Không nói được bài tựa giới liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi mà đi (kế đoạn thứ tám, một trước là nói rộng, bảy sau là lược. Người xưa vọng truyền là bảy lược, một thẳng là sai). Sau nói trước lược sau rộng, ba, năm thuyết giới. Kia nói có năm trường hợp thuyết giới:

1- Nói bài tựa rồi nên nói tăng thường nghe.
2- Nói đến bốn pháp Ba-la-di.
3- Nói đến mười ba pháp Tăng tàn.
4- Nói đến hai pháp bất định.
5- Nói rộng (ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề về sau).

- Lại có năm trường hợp thuyết giới:

1- Nói bài tựa và bốn pháp Ba-la-di, còn bao nhiêu thì lược.
2- Nói đến mười ba pháp tăng tàn.
3- Nói đến hai pháp Bất định.
4- Nói đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.
5- Nói rộng (chín mươi pháp Ba-dật-đề trở xuống)

- Lại có năm trường hợp thuyết giới

1- Nói bài tựa và mười ba pháp tăng tàn.
2- Nói đến hai pháp bất định.
3- Nói đến ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.
4- Chín mươi pháp Ba-dật-đề.
5- Nói rộng (bốn pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni về sau).

Luật bổn rất rộng, nay nói rằng không rõ là nói sai chánh dụng, sợ người chưa lược dẫn cho biết.

Trong phần hai y cứ vào nói bài tựa rồi, nêu trước lệ sau, vì thế trong Yết-ma chép: Nên tùy theo chỗ đã nói đến thưa (biết) rằng đã nói đến chỗ... còn bao nhiêu như tăng thường nghe.

Lại sớ giải thích: Tùy theo tụng đến giới nào nạn duyên hết thì sắp xếp lại, không thể chuyển tụng nên biết thông ở sau.

Trong phần ba, đây là nêu trong bộ Tăng-kỳ, cho rằng chưa nói bài tựa không thành pháp lược, phải nói lại. Hoặc đợi nạn duyên hết, hoặc ra ngoài giới, hoặc chúng, hoặc riêng chúng, tùy duyên mà tác pháp.

Trong phần kết đoạn, trước kết khuyên. Nói duyên là chỉ bày nguyên nhân lược pháp. Và kết là trong phần bảy lược trước, hoặc có thể nói rộng hay không nói rộng, cho đến có thể nói bài tựa hay không nói bài tựa.

Đều đúng như pháp trị trở xuống là khiển trách sai. Đầu tiên khiển trách lược pháp trái với nghi. Hoặc trở xuống khiển trách nương duyên không nói. Kế nói trong biệt pháp thuyết giới. Văn đầu luật vì Phật ngăn chúng tăng nói giới, có một Tỳ-kheo không biết làm thế nào, bèn bạch lên Đức Phật, Phật liền chế giới.

Điều độ: Trong luật nói phải trải tòa đầy đủ, bình nước, nước rửa chân, đốt đèn, thẻ, v.v...

Đợi khách đến: Lời sớ nói rằng người xuất gia phiêu bạt không bạn bè thì làm sao có chỗ ở nhất định, gọi là chỗ của ta. Du hóa khắp nơi, thong thả tự tại, tùy chỗ mở mang chánh pháp không hạn cuộc phố xá, chùa viện, hướng đến chùa làm chỗ ở, bốn biển là thức ăn.

Khoa kế trong phần chúng pháp nói biệt pháp mà nêu bốn người là do ở một mình đợi khách bên ngoài đến không có hẹn cho nên nói, không đồng vị đầu thường đồ tăng pháp, đều hành sự lại đồng như trước.

Trong đối thú, văn y cứ ba người, sau chỉ hai người. Trong từ ngữ tác pháp chỉ trừ hai chữ.

Lời sớ hỏi: tăng thuyết giới, một người bỉnh pháp còn bao nhiêu thì ngồi yên. Hạ trở xuống đối thủ đều tiêu biểu cho thanh tịnh.

Đáp: tăng pháp vị mạnh, thành tựu năng lực lớn nên nêu bạch thuyết giới, dùng bốn phương nên khác với người sức yếu kém, tiêu biểu bên trong thanh tịnh ứng với lời dạy trước.

Trong phần tâm niệm thuyết giới, trước nêu pháp. Nhược trở

xuống chỉ bày duyên khác. Trên y văn luật, vả lại y cứ Lan-nhã, Sơn hành, xóm làng, không có người nghĩa đồng nên y cứ khai cho.

Văn đầu trong phần phát lồ tội, trước nói tội khinh được sám hối, vì bổn vị đây nói tội trọng không được sám hối nên trình bày dị thuyết khoa kế, đầu chỉ bày văn không. Nay trở xuống nêu pháp. Nói thông giải là thủ nghĩa đầu ở trên. Xét trong phần tự tứ tức cho phép trên tòa phát lộ tức đối nghĩa kế làm hạn cuộc nên nói là thông.

Hỏi: Phát lộ rồi có cần phải ba lần nói bố-tát không? Văn đáp: Không thuyết giới dường như không trình bày lại. Y theo lời chú trong Yết-ma dẫn năm trăm câu hỏi, cứ như trên nói ba lần. Lại y cứ trong lời sớ dẫn luật Tăng-kỳ chép: nếu không có khách thì tác niệm, nếu Tỳ-kheo thanh tịnh phạm tội thì đúng như pháp mà trừ. Tác niệm rồi phải tâm niệm miệng nói ba lần bố-tát, đây tức hướng đến bốn phương tăng phát lộ sám hối, đại khái như trong tăng, nay nói về Yết-ma và sớ đều tác niệm phát lộ, cầu lời không khác nên y nói ba lần. Đây đã lập pháp tức phải bố tát không nhọc gì trình bày lại. Ngày nay việc đến y lời số thì tốt.

Trong phần ba chép: Hướng về tăng sám hối tức tác niệm phát lộ. Hoặc có thể tội khinh trách tâm liền diệt tội. Ba lần nói nghĩa là tác pháp Bố-tát. Người nói rộng giới là người hiểu biết trì phạm. Nhưng không dạy chế vốn không cần tụng, do soạn ra pháp thì thành thuyết giới, không đồng với tăng pháp bỉnh bạch hòa tăng, không nói thanh tịnh vì tâm niệm đã như vậy.

Trước trong phần đối thú, tội Tăng tàn, tội trọng, Thâu-lan-giá liệt khai phát lộ, như trong phần tự tứ.

[Hàng 13, Ô3 -238)

THIÊN GIẢI THÍCH AN CƯ

Thân tâm đều tịnh gọi là an, thời gian nhất định ở một chỗ gọi là cư (y sớ giải). Tùy thời răn nhắc gọi là sách, ba nghiệp thường thực hành việc lành gọi là tu.

Trên chung cho người và chỗ, dưới hạn cuộc hành nghiệp. Một môn này gồm có bốn:

1- Y cứ vào pháp có bốn. Đối thú tâm niệm vọng thành và giới. Lại hai chỗ trong giới, trong vườn, đủ có đôi chiếc thời là bảy.

2- Thời có ba: Đầu, giữa và sau.

3- Xứ chung cả hai giới là giới tự nhiên và giới tác pháp.

4- Người: Gồm năm chúng đều chế chung.

Hỏi: Biệt pháp an cư vì sao là chúng hành?

Đáp: Có ba ý:

1- Thọ thuyết nguyên nhân thứ lớp an vui tự tứ.

2- Hạ an cư rồi, tự tứ về sau nhiếp.

3- Bổn thiên tuy là biệt pháp vì phân phòng thọ nhật đều là chúng pháp.

Trong phần chế ý, khoa đầu tiên có hai. Trước giải thích nghĩa an cư và chỉ bày sách tấn tu hành. Tùy trở xuống là nói nghĩa cư. Số thứ tự nầy thấy trong thiên đề, chữ xứ trở lên huấn chỉ huấn tức. Nhiếp lự chuyên chú là chỗ thanh tịnh. Quán duyên thắng pháp là tư vi (suy nghĩ tinh tế). Chữ vi gần sự và lý. Sự là ghi nhớ vốn đã thọ, tức giới học; lý thì chung vọng mở, chân tức định tuệ, tức tánh không tướng không trong thiên Sa-di; ba quán Duy thức tánh tướng hai không, tức không là lý, Nhất quán Duy thức tức thức là lý, ba món này thực hành gọi là Thánh đạo, không tịnh không tư duy, không tư duy không chứng. Ba thừa (239) tuy khác nhưng nhập đạo đều đồng, vì thế nói là chánh quỹ (phép tắc chân chính). Ước hẹn giới hạn trong mùa hạ không bỏ một tấc bóng thời gian nên nói nương (dựa) vào ngày tính công. Gắng sức răn cấm biếng nhác không bỏ sót một chánh niệm gọi là sách tấn tâm hạnh.

Kế là giải thích nghĩa Cư, câu đầu nói chỗ cần phải làm, tức trở xuống nói trong luận xứ không có năm lỗi. Câu kế nói nêu chí. Tức trở xuống khởi ba tâm an cư, không cho trở xuống nói thủ chế. Tức trở xuống: Ba lỗi, đối chiếu sẽ thấy.

Khoa kế, trước trình bày ý chung, trong luật vì các Tỳ-kheo bất cứ lúc nào cũng đi trong nhân gian đạp chết cỏ tươi, cắt đứt mạng sống chúng sinh, bị người đời chê bai rằng: Côn trùng chim quạ còn có hang ổ, huống chi Tỳ-kheo. Đức Phật do đó chế rằng không được bất cứ, lúc nào cũng dạo đi. Văn trở xuống nói nghiêng lệch.

Ba lỗi: Tự tổn hại mình, làm tổn hại người và tổn mình lẫn người.

Chuốc lấy sự chê bai ở đời: Như duyên khởi ở trên.

Hỏi: Ba thời tình lỗi nhiều ít, trong văn có thể thấy rõ, còn chế có nặng nhẹ làm sao phân biệt được?

Đáp: Mùa Xuân, mùa Đông có duyên sự thì cho phép còn ba tháng hạ có duyên sự hay không duyên sự đều cấm. Lại mùa hạ có pháp kiết, còn mùa đông mùa Xuân thì không có. Lại mùa xuân, mùa đông không kết chỉ phạm một tội Đột-cát-la, còn trong mùa hạ không biết đến an cư mỗi mỗi phạm một tội Đột-cát-la. Lại mùa hạ không hạ an cư thì mất

một tuổi. Lại trong hạ chế nương theo luật sư thứ năm còn mùa Xuân, mùa Đông nương bốn vị Pháp sư. Hoặc trong luận trái lại chế ba thời đều phạm Đột-cát-la. Y cứ các duyên trên hoãn gấp đều có thể thấy.

Trong khoa sau, phần ba ở đầu chỉ riêng. Tức trở xuống là dẫn chứng. Cố trở xuống là kết khuyên. Hai câu trên chỉ cho quá khuyên. Ắt trở xuống là y cứ phạm khuyên. Ắt trái v.v... là trái chế trọng. Kết nghiệp triền là trái lý sâu. Trôi lăn trong biển khổ là chịu quả báo lâu dài. Hình phạt thông thường có tên thỉnh trên. Trong luật cho rằng: Điều khoản chỗ đã phạm kia thỉnh riêng bớt tội. Mười điều ác dùng trong luật này là không thỉnh vì nói kia đã nhất định. Nay ngang nhiên trái lời dạy, lỗi đã nêu bày, phải nhập vào khoa phạm nên không đợi thỉnh.

Cực trở xuống là chánh khuyên. Răn nhắc như đây tức luật chế ở trước, khai chương nêu bảy. Đối trở xuống là pháp phụ nên nói ở phần đầu. Còn như năm môn, môn đầu và ba, bốn là nói bổn pháp, môn thứ hai, thứ năm dùng loại tương tùy. Chia phòng ở trước, Ca-đề hạ rồi, kế nêu có thể hiểu.

Trong duyên, khoa đầu chỉ sở y, trước và giữa dẫn luật Tứ Phần. Đầu chọn không phải chỗ. Trong luật chép: vì có Tỳ-kheo đại tiểu tiện dưới gốc cây, thần cây nổi giận, nên Đức Phật chế. Nếu cây trở xuống là nói có thể nương ở dưới gốc cây, là nhà của người tu hạnh đầu-đà, chung cả ồn ào lẫn thanh tịnh, và cử động rất nhỏ, từ ngoài y theo đó mà biết. Trên y cứ vào chỗ tăng ở. Nếu y trở xuống là năm món đều y cứ nhà thế tục. Bốn trên là chỗ ở tạm, một dưới là chỗ ở lâu dài, đều vì có duyên khởi mà Đức Phật cho phép, ở đầu nói có thể nương, sau nói dời đi, nuôi dưỡng.

Xóm làng là gọi chung lớn nhỏ. Cho đến một nhà người nam ở đều gọi là xóm làng. Trong phần dời đi tùy chỗ đến, tùy chỗ đã dời đi của năm hạng người trên. Hoặc có thể người kia dời đi vì thiếu tư cụ, tùy ý của Tỳ-kheo đến đều được. Trong văn không y cứ tịnh ý để quyết đoán được mất tức không rõ, cho nên dẫn năm phần để quyết đoán đó. Văn chia làm hai. Trước nói khai đi. Nói trụ nghĩa là xét kỹ năm nhà kia ở đây, xong hạ mới được nương, nhất định không có ý không thể nương ở. Dời đi sẽ mất hạ. Nếu tại trở xuống là nói không nói nơi chốn. Trên là nêu riêng nạn mạng sống, dưới gồm thâu hai nạn. Kế trong năm pháp: Một là chọn chỗ, hai là tịnh vị; ba là hẹn thời gian; bốn là yếu tâm; năm là nương duyên.

Trong vị luận kia cũng đồng với luật nầy, chỉ có hai vị trước sau, ngày 17 trở đi đều là sau nhiếp. Trong ước hẹn thời gian nói là phá, v.v...

nghĩa là đây nói ý sớ đặc biệt lập giới hạn thời gian. Vì ngày 15 còn thuộc về mùa xuân không phải mùa hạ cho nên ngày nay tăng xa phần nhiều phạm lỗi nầy, lầm lộn lẫn nhau, đại khái là do mê mờ giáo pháp. Huống chi chỉ lo các sự cạnh tranh kinh doanh trai cúng. Còn việc kiết pháp không chịu vâng theo, theo tình bỏ thánh, trọng sự khinh pháp, thật đáng thương xót.

Trong phần khởi tâm, sớ nêu ba thứ: 1- Tu trí; 2- Tu phước; 3- gồm cả hai.

Trong năm lại có năm. Y cứ nơi xứ thì chung, y cứ theo tướng thì riêng.

Trong ba thứ, cắn nhai là hại mình, đạp tổn thương là hại vật.

[Hàng 19, Ô2 - 239)

Bốn không thể nương ấy tức Luật sư thứ năm.

Vị trở xuống năm câu tức nêu năm đức: Một y cứ về trao pháp; hai là xem xét hạnh, ba đức còn lại có thể hiểu. Năm là không có thí chủ, nghĩa là thiếu tư duyên, tức lỗi thứ năm, luật Tứ Phần trở xuống chỉ lược, văn tướng đã đồng nên không phiền dẫn lại. Trong ba nạn xứ, trước dẫn trong luật Thập Tụng thường đến lựa phi; kế dẫn luật Ngũ Phần quyết thông được chăng?

Trong phần bạch pháp, trước chỉ rộng, nay nhiếp dẫn.

Luật kia chép: Tỳ-kheo muốn an cư trong mùa hạ ở chỗ nào thì phải đến xem thử có phu cụ chăng? Không có tiếng ồn chăng, không có các nạn như sư tử, cọp sói, trùng độc, v.v... chăng, có thể an cư trọn mùa hạ chăng.

Lại thêm, nên nghĩ an cư chỗ này việc ăn uống được vừa ý chăng, nếu bị bệnh sẽ tùy bệnh uống thuốc được chăng? Lại xem người ở chung có đúng như pháp chăng. Cho đến lúc bệnh có bỏ đi chăng. Lại xem trong đại chúng không có kiện tụng tranh cãi chăng. Không khiến cho ta sinh tâm ác, lời ác chăng. Trong chúng có biết pháp hiểu ba tạng kinh điển chăng. Không khiến cho ta trong mùa hạ có phạm, muốn diệt không được chăng?

Lại nghĩ: Trong chúng đây có vị tăng nào như cha mẹ dạy dỗ con chăng.

Lại nghĩ: Trong chúng không kiện tụng tranh cãi nghĩa là trong mùa hạ không khởi nhân duyên phá tăng chăng.

Trước thọ an cư rồi sau nhận phòng xá, phu cụ, mỗi thứ nên sắm sửa lo liệu đầy đủ, v.v... Nếu có duyên sự vì Tam bảo cho phép được bảy ngày.

Lại vị Thượng tọa trong chúng phải hỏi trong đại giới đã nêu giới mất y, không mất y, chỗ tịnh địa, chỗ bố tát v.v... lại pháp an cư Thượng tọa như trong lời sao dẫn đầy đủ. Cho đến trở xuống là nêu bày pháp. Nay y cứ nghĩa thêm vào giờ tiểu thực, vị Duy-na đánh kiền chùy bạch rằng: Bạch đại chúng! Đã qua một ngày an cư rồi, còn tám mươi chín ngày phải siêng năng tinh tấn, cẩn thận chớ buông lung (ngày khác y theo đây thêm hoặc bớt).

Nhược trở xuống là khuyên nương (y chỉ).

Tăng như cha mẹ nghĩa là đạo nhân tăng mà sinh. nói tăng sư là hạnh từ khuôn phép đó. Văn kia còn rộng nên chú giải, v.v...

Kia tiếp tục rằng: Tỳ-kheo an cư khi tự tứ được làm một việc nghĩa là nói thấy, nghe, nghi có tội. Sau đó làm bốn việc:

1- Giải giới.

2- Kiết đại giới, lại có hai nhân duyên phải giải giới: 1/ Nước trôi, hư hoại không thể biết chỗ. 2/ Bị nạn giặc, tăng đều bỏ đi nên phải giải giới (không có duyên sự thì không cầu trở xuống khiển trách xưa cho phép. Trong hạ giải giới là phá hạ. Cũng sợ xưa chấp văn nầy.

3- Thọ y Ca-hy-na (tức y công đức)... cũng tùy theo khi có, khi không.

4- Thọ phu cụ.

Thứ hai gồm nói trong ba thời, văn đầu hiển chế tức bổn duyên khởi. Hai câu đầu là nêu lỗi, tức ba nghĩa trên, dưới dẫn văn. Mùa hạ là chế riêng, mùa xuân mùa đông là chế chung. Nếu y cứ hai thời thì ngại đạo. Tuy đồng không tổn hại côn trùng nhiều, chuốc lấy sự chê bai của thế gian cũng ít, vì thế nói là ít lỗi.

Hỏi: An cư là chế mà nói cho phép là sao?

Đáp: Chế cho phép là đối lập, cho phép tức là khai.

Khai cho phép riêng ngang bằng với nghĩa cho phép khai chế chung. Như cho phép xây dựng phòng xá, chứa đồ dư, cho phép kiết giới, cho phép lược thuyết giới, v.v... đây là cho phép tức khai. Như nói là cho phép hỏi mười ba nạn, cho phép y chỉ sư, cho phép bạch thuyết giới, cho phép hành xá-na, cho phép an cư rồi tự tứ, đây là cho phép tức chế. Nay nói là cho phép ba tháng là có đồng chút ít với ý này. Mượn nghĩa để nói cho phép dụ như khiến, nghĩa là khiến cho làm không thể trái. Vì thế, nếu làm thì đây hiểu còn văn khác thì bít lấp.

Hỏi: Trong một thời bốn tháng, y cứ lỗi là đồng, mà không chế hết nên phải hỏi giải thích để nêu ý chỉ lời dạy.

Đáp: Có hai ý.

- Đầu tiên y cứ khai sau đáp, trước an cư thân người là khổ khí, đói khát lạnh nóng tùy thời cần dùng, cho nên gọi là đãi hình. Cho phép chung năm lợi, lại nêu tư tài bên ngoài, đây là ý chánh khai vì thế chỉ nói là y phục.

- Kế y cứ vào khai trước đáp là nhiếp hai vị giữa và sau.

Quá gấp là bắt lấy thời cơ không kịp. Nói nạn thường là cơ hội hoãn không kịp, vì duyên khác hoặc bị ngăn trở không thể hẹn trước.

Kế là nói riêng ba thời. Trong phần nêu, trước kết sau sinh. trước nói một năm ba thời hoãn gấp, sau nói một mùa hạ ba thời trước sau.

Văn đầu trong phần chánh tây, trước nêu ba vị cho nên trở xuống dẫn chứng là thêm ba.

Sớ chép: tăng ba đủ là nói trước, giữa, sau. Y cứ thời gian nhất định chia trước, sau một ngày, trung gian an cư là ngày 29. Khoa kế, trước dẫn văn trong bổn tông tức kiền-độ an cư chép: Phật nói có hai trường hợp an cư là tiền an cư và hậu an cư, tiền an cư là kiết hạ ngày 16 tháng 4, hậu an cư là kiết hạ ngày 16 tháng 5.

Tuy trở xuống là nghĩa quyết định, câu đầu xét văn thiếu.

Nhưng trở xuống là hiểu nghĩa đầy đủ. Văn chỉ hai ngày là trước sau (tiền hậu) thì nghĩa phải bao gồm trung gian. Vì thế nói là đối lý tự rõ.

Sớ chép: Trong kiền-độ chỉ nói tiền, hậu an cư đều trong ba tháng thì không có trung gian an cư. Vì thế, Xá-lợi-phất muốn an cư chỗ Phật nhưng ngày 17 mới đến nên Phật chế hậu an cư. Nói theo tướng thì chỉ trước một ngày là tiền an cư, ba mươi ngày còn lại là hậu an cư. Ai cũng hướng về tiền an cư còn lại đều gọi là hậu an cư, nên thiếu trung gian an cư.

Trở xuống là chỉ cho văn kết, vì ba pháp khác nhau.

Khoa kế chép rằng nói chung chung nghĩa là trong đây chính là nói tiền an cư và hậu an cư, nhưng trở xuống ba môn tên đồng mà sự thì khác, do phụ thuộc nhau nên nói là chung chung. Trong phần đầu tiên trở xuống nói rằng được thọ năm lợi dưỡng gọi là thưởng, kết trở xuống nói là hậu. Trên dưới xen nhau trong văn lược bớt.

Trong phần hai, trước nói không kiết có phạm, không phạm. Ngày 16 về sau nói hậu an cư nếu không kiết đều phạm, trừ có nạn sự thì cho khai duyên. Tỳ-kheo-ni đồng khác là chọn chung lạm. Đồng là nghĩa đồng như trước, khác là khác với sau. Do Tỳ-kheo-ni ít du hóa bên ngoài, không dạo đi nên chỉ chú trọng bên Tỳ-kheo tăng.

Trong phần ba, trước nói tiền, cho đến hậu không biết: Tuy chưa

nhàn rỗi gia pháp mà thân đã ở trong giới, vì thế đều thành tiền an cư. Đây gọi là trở xuống nghĩa là nói ngày thì khác mà ngày thọ tuổi thì đồng. Trong một tháng trước tùy ngày có thể kiết nên nói ba mươi ngày an cư.

Hỏi: Nạn sự không dứt đều không kiết, có được hạ không?

Đáp: Sớ chép: Hoặc năm ngày, ba ngày, cho đến một tháng tuy không kiết nhưng không mất tiền an cư, vì có nạn sự không kiết được chứ không phải cố tâm.

Hoặc trở xuống là nói hậu an cư. Người nhập hậu an cư vốn là phải đến ngày 15 tháng 8 mới mãn hạ, nhưng cho phép theo người tiền an cư tự tứ trước. Nay vì nạn duyên ngăn trở, tùy khi nào nạn hết khai làm cho nên chung một tháng, đây tức là ngày kiết hạ thì đồng mà ngày thọ tuổi thì khác.

Hỏi: Tiền và Trung gian hai trường hợp có nạn sự được khai hay không?

Đáp: Theo lý thì lẽ ra là được.

Hỏi: Nếu như vậy trong luật nói có nạn khai tăng tự tứ là sao?

Đáp: Giặc kia là sự đấu tranh ngoài giới, ở đây tức giặc vua, v.v... làm cản trở đều gọi là nạn duyên, tên đồng mà sự khác.

Trong ba phần trên, tiền an cư, hậu an cư, thưởng phạt, trở về trước một ngày là tiền, ba mươi ngày sau là hậu.

Trong ba việc nạn tức y cứ vào an cư, tự tứ xen nhau tiền, hậu.

Trong sớ có sáu trường hợp, ba trường hợp giống như trước. Trường hợp thứ tư y cứ vào tiền hậu, tiền hậu an cư đều là ngày 16, trung gian là ngày 29. Trường hợp thứ năm là nói hành trụ (trụ tức Tỳ-kheo cựu trụ, hành là Tỳ-kheo khách bên ngoài) hai pháp đối thú và tâm niệm Tỳ-kheo cựu trụ và Tỳ-kheo khách đều dùng chung, do Tỳ-kheo khách trước có yêu cầu (lại nói Tỳ-kheo cựu trụ có yêu cầu cũng khai cho). Trường hợp thứ sáu là y cứ pháp khác nhau, tác pháp đối thú, tâm niệm cho phép dự phòng, sợ trái với trước sau, ngay như vậy liền được (y theo sớ sau cũng gia thêm pháp).

Trong hạ nhuần, nêu rằng kéo dài hoặc rút ngắn lại, y theo nhuận là kéo dài, không y theo nhuận là rút ngắn.

Lại trong nhuận có ba trường hợp: Ngày nhiều ít, kéo dài rút ngắn có thể tìm xét. Y theo nhuận có ba trường hợp, đầu chỉ bày văn thiếu, Tỷ trở xuống là hai thủ trường hợp, Tỷ là trường hợp.

Trước dẫn văn trong luận chép: Nếu tháng tư nhuận thì lấy tháng tư trước thọ áo mưa vì đủ một trăm hai mươi ngày, bao gồm tháng nhuần

trong đó.

Kia trở xuống do khai tình huống mà chế, khai hoãn còn y theo, chế gấp nên y theo.

Lại trở xuống ba là giải thích văn nghi, nghi rằng: Tháng nhuận là lúc ngồi không mà thôi, vì không phải tháng chính, trong tháng nhuận ra ngoài giới không phá hạ, vì sao phải an cư tháng nhuận, nên kia chung đó. Nay nói y theo tháng nhuận, tuy trải qua bốn tháng, tháng nhuần không ở trong số ngày chỉ sợ khoảng giữa cách khoảng, ba tháng mới thật hạ nên y theo đó mà thôi.

Kế trong phần không y theo nhuần, trước nêu bày. Ma trở xuống là dẫn chỗ y cứ. An cư rồi mới nhuận nghĩa là lúc mới kiết hạ chưa biết có tháng nhuận, vì thế đếm chung đủ ngày trở xuống nói thọ y. Nói thành thọ là do không y theo tháng nhuần vì số ngày đã đủ, nói không thành nghĩa là hoặc có y theo tháng nhuận nhưng chưa đủ ngày.

Nghĩa là trở xuống: Đối phần giải thích có thể hiểu, trong phần cả hai phán, câu đầu chỉ cho văn trước. Đa luận tuy nói y theo tháng nhuận, già luận văn chung cả hai vì gồm đủ. Câu kế nói dùng cả hai.

Hạ trở xuống là chánh phán, đầu nói phải y nhuần nghĩa là trước biết có nhuần nên theo Đa luận nói, vì không được không y nhuần nên không theo Già luận.

Nếu trở xuống nói thông y và không y theo nhuận.

Nói ngược với trước nghĩa là đầu hạ không biết có nhuần, kiết rồi mới lập hoặc y hoặc không y theo nhuần, tùy người lấy bỏ nên nói chung hai luận. Ở Tây vực tháng nhuận không nhất định, xứ nầy không phải như vậy. Dự biết nêu trong Tây lịch đều là biết trước, nên phải y theo tháng nhuận (xưa cho rằng trước hết có nhuần, y hay không y theo nhuần tùy ý người muốn là sai).

Sớ chép: Tức y theo Già luận, an cư trước đã biết có tháng nhuận, vì vốn biết có nên y theo tháng nhuận, không được thọ y theo tháng nhuần vì vốn không biết có tháng nhuận, đếm ngày thành hạ.

Hỏi: Trong phần hỏi đáp, hai lần hỏi này đều cho rằng do khai có việc nạn mà chế, hai lần đáp không đồng trong văn, có thể thấy.

Nói hai, sáu nghĩa là một tháng năm tháng trung gian nhuận thì tháng hai, tháng sáu. Trong một tháng thì hạn cuộc tháng 7, trong năm tháng gồm gồm các tháng 7, 8, 9, 10 và 11.

Khai phạm được lợi nên nói pháp thái quá.

Hỏi: Áo mưa cũng khai như thế nào để nhiếp hạ?

Đáp: Lúc nóng cần dùng có ích không tổn nên khác nhau.

Trong phần khác nhau nêu là tiến được chăng? Nghĩa là ngày nhiều, ít.

* Đầu tiên nói hai tháng 5, 6 do trung gian không liên quan đến kiết hạ và giải hạ nên nhất định một vị.

* Kế, tháng 4 nhuần, câu đầu là nêu chung. Tùng trở xuống là giải thích riêng ba vị (tự trở xuống đều y cứ kiết giải để chia đồng và khác, ngõ hầu khiến cho dễ hiểu).

Trong tháng 4 nhập hạ là ngày 16 tháng 4 kiết hạ ngày 16 tháng 7 giải hạ. Cho đến ngày 30 kiết thì ngày cuối của tháng giải hạ. Tháng nhuần ngày mồng một kiết, ngày 1 tháng 8 giải hạ. Nếu nhuận trở xuống nói vị thứ hai. Số ngày nhập hạ nhiều ít không nhất định. Tháng nhuần ngày mồng 2 kiết thì nhập hạ một trăm mười chín ngày, cho đến tháng nhuần ngày 30 kiết thì nhập hạ chín mươi mốt ngày. Vì thế nói chuyển ít (trước cho ngày 29 kiết cũng đến ngày 1 tháng 8 giải). Vượt quá nhuận là giải thích lý do chuyển ít dần ở trên.

Nếu năm trở xuống tức vị thứ ba, đã không liên quan với nhuần trước nên chỉ có ba tháng, ngày mồng 1 tháng 5 kiết, ngày mồng 1 tháng 8 giải hạ, cho đến ngày 16 kiết thì 16 tháng 8 giải (kiết và giải đều ngày 16). Y theo số có ba câu:

- Hoặc có khi an cư cách một tháng (ngày 30 tháng 4 và ngày mồng 2 tháng 5 kiết hạ: đều cách tháng nhuận), tự tứ sụt xuống một ngày (30-4 kiết, ngày cuối của tháng 7 giải, Mồng 1-5 kiết đến 1-8 giải, tức sụt một ngày).
- Hoặc có an cư cách một tháng (ngày mồng 1 tháng nhuần và ngày mồng 1-5 kiết cũng gọi là cách một tháng), tự tứ cùng ngày (đều ngày 1-8 tự tứ).

Như vậy dần dần bớt (nên nói: an cư cách hai mươi chín ngày v.v...) cho đến an cư cách một ngày (30 tháng nhuận và ngày 1-5 tức là cách một ngày), tự tứ cùng ngày (cũng đồng sáng sớm tháng 8 giải).

* Ba, trong phần tháng 7 nhuần, trước nêu nhuần, trở xuống là giải thích.

Ba tháng đầu trụ, ngày 16-4 kiết hạ đến ngày 16-7 giải hạ.

Ngày mồng 1 tháng 5 kiết đến cuối tháng 7 trước bước qua ngày 1 tháng 7 nhuần thì giải hạ. Vì thế nói rằng chưa đến nhuần (kiết giải đều ngày 16). Tháng 5 trở xuống là nói là trường hợp thứ hai.

Ngày mồng 2 tháng 5 kiết đến cuối tháng 7 trước giải hạ thì mới được tám mươi chín ngày, vì thế phải bỏ qua tháng nhuần, lấy ngày 1 tháng 8.

Ngày mồng 1 đủ ngày nghĩa là sáng sớm hôm sau mới ra khỏi giới (tức ngày mồng 2 giải hạ).

Cho đến ngày 16-5 kiết giải có thể biết.

Sở lập ba câu:

- Hoặc có an cư cách một ngày (mồng 1 và mồng 2 tháng 5 kiết là cách một ngày), tự tứ cách một tháng (mồng 1 tháng 5 kiết hết tháng 7 trước, bước qua sáng sớm đầu tháng 7 nhuần giải; ngày mồng 2 đến cuối ngày đầu tháng 8, bước qua ngày mồng 2 giải hạ, tức cách một tháng). Cho đến an cư cách mười bốn ngày (ngày mồng 2-5 cho đến ngày 16 kiết), tự tự cách một tháng (mồng 2-5 kiết đến mồng 2 tháng 8 giải hạ. Ngày mồng 3 về sau kiết thì trước sụt sau thêm, cho đến ngày 16 kiết, đến 16-8 giải, đều cách một tháng).

Còn bao nhiêu trở xuống sẽ chỉ rộng, nay thấy trong nghiệp sớ. Như trên lược dẫn nghĩa sao văn ẩn.

Trong pháp chia phòng, ba thời chia có thay đổi. Nghi thức thường ở Tây Vực là sợ giữ gìn chấp trước, thường không suy nghĩ nhàm lìa thế tục, bạt tình khiển trệ không tôn trọng pháp này. Ở Đông Độ thì không phải như vậy nên không nghe. Hoặc ở chung một nhà như sữa hòa với nước, hoặc ở riêng phòng, chẳng khác gì thế tục. Vả lại, người quân tử thì đời đổi còn kẻ tiểu nhân thì khư khư ôm giữ đất. Huống chi người xuất gia ý chí cao thượng mà ngược lại ôm giữ gốc cây. Than ôi! Đến nỗi khiến cho lời dạy của Đức Phật không còn, hạnh kiểm, lễ nghi thì trụy lạc.

Trong phần chế duyên, trước nói tâm chủ nhỏ hẹp. Lựa khách và cựu trụ nên xảy ra sự chê bai là lý do đầu tiên.

Phật trở xuống là nói chế Tỳ-kheo cựu trụ tự biết, chỉ khiến cho Tỳ-kheo khách nhìn thấy tốt xấu thì dứt sự tranh cãi.

Trong phần hành pháp, văn trước đủ năm pháp gọi là năm đức. Bốn đức trước là y cứ theo tâm gọi là đức chung, vì thông tất cả. Đức thứ năm y cứ về sự gọi là y cứ theo đức riêng, vì tùy theo sự đều hạn cuộc. Thuận theo mình không kết bạn nên không ái; trái với ý mà không ghét nên không nhuế; thông suốt giáo lý không nghi ngờ nên không sợ; biết thời cơ thích hợp hoặc thay đổi nên không si.

Có thể biết phân chia, v.v...: Nếu y cứ về số lượng người thì Đại tăng có thể được còn Tỳ-kheo tội ác và Sa-di thì không thể được. Nếu y cứ về chỗ tức phòng xá có thể, còn các chỗ khác thì không được. Tóm lại, tâm phải thông hiểu pháp phân chia trước sau mới kham lãnh được việc tăng sai.

Yết-ma trở xuống: Dẫn pháp rất dễ hiểu.

Khoa kế, trước xướng cáo năm đức, sau chúng tăng tập trung đồ vật: Tùy những đồ vật mình có đều đem nhập chúng, chỉ trừ giường nằm, tọa cụ, v.v...

Trong phần ba, trước đếm biết phòng xá.

Chủ kinh doanh: Hoặc xây dựng, hoặc sửa chữa lại, tùy ý chọn lựa để thưởng công lao.

Trong thiên bình bát, đồ dùng chép: Tỳ-kheo làm việc kinh doanh xây dựng khi phòng xá hoàn thành rồi chỉ ở chín mươi ngày rồi dời đi, những thứ khác cũng như vậy.

Sau trở xuống hai là y theo thứ lớp phân định.

Nếu có trở xuống nói số người ít, phòng nhiều phải chia hai, ba lần. Vì thế trở xuống nói chia không dùng nên phải để lại.

Hỏi: Đã tùy theo chỗ ưa thích có thể nhận, vậy Tỳ-kheo ở trụ xứ đó thì sao?

Đáp: Trước phải để cho Tỳ-kheo cựu trụ rồi mới phân chia, về lý thì lẽ ra không có lỗi, ý của bổn giáo sợ mê đắm chỗ ở. Nay thay đổi thời tiết thì xứng pháp ở người làm đó.

Nếu ác trở xuống ba là nói chọn người.

Thời trở xuống bốn là chỉ bày nghiêm chế.

Trong phần hỏi đáp, đầu tiên là nạn: Luật chế việc ăn uống không được phân chia thiên vị dành nhiều cho Thượng tọa, không giống như pháp phân chia phòng xá nên dùng ngang nhau.

Trong phần đáp, hai câu trên nói thức ăn đều chung, sau nói phòng xá hạn cuộc nhất định, hai nghĩa trái nhau. Trước nói tốt xấu đã nhất định, ngược với bình đẳng ở trên, tốt xấu rất dễ biết.

Tốt xấu không đồng, nghĩa là chọn tốt.

Hạn trở xuống hai là nói thời gian dài, ngược với trên nói là ngắn.

Kế trong phần hỏi, do vật của hiện tiền tăng tốt xấu cũng nhất định là thuộc riêng, về lý phải lựa chọn mà chế tham thử, vì thế xen vào là nạn.

Xưa nói: Trước do thí vật tốt xấu xen lẫn nhau nhưng sau ghi tên người hiện tiền trên thẻ, khiến cho không thấy vật rồi ném thẻ tới.

Trong phần đáp: Người hiện tiền phải rõ hai món. Như trong giới trộm cắp nói chia đồng nghĩa là chia bình đẳng, câu nầy trái với chia phòng không bình đẳng.

Thông có một phần: Do chưa phân chia chưa thành thuộc của câu

nầy ngược với câu phòng xá có chung.

Đầu sách là cách nói khác của từ quăng thẻ mà thôi.

Trong phần tướng khác, luật Tăng-kỳ nói có ba tiết.

Đầu nói có thể được không?

Nếu phòng trở xuống là nói phân lại. Nếu mùa Xuân trở xuống là nói ba thời hoãn gấp. Mùa hạ, phòng xá vì sự nên cho, mùa Xuân, mùa Đông lại thọ dụng chung mà cho, vì thế nói là chung đủ thọ cả hai.

Trong phần bốn cũng như phần ba, trước nói khách đến không dời, giống như trên rất dễ thấy.

Nếu phân chia trở xuống là chọn chẳng phải chỗ.

Nếu có trở xuống là dự định. Trong luật vì có Tỳ-kheo thấy A-luyện-nhã hang cốc tốt liền khởi niệm rằng ta sẽ an cư ở đây. Sau đó, các Tỳ-kheo khác thấy vậy cũng khởi niệm rằng đến ngày 16 cùng đến trụ xứ chật hẹp nầy. Đức Phật cho phép trước phải tác tướng mà trụ, tức ghi rằng Tỳ-kheo... muốn an cư ở đây, nói ở đây dường như không chia phòng. Như hang động, am xá trong núi, chỗ lập riêng đó có thể tự nêu giới nhất định, tăng phòng tự thực hành pháp phân chia. Theo lý thì không có dự định chiếm nên gọi là diệt. Bỏ thì ngại người sau nên diệt tức là trừ.

Ba nói về tác pháp. Trong phần lập giáo có nêu bốn duyên Đối thú, trong bổn chế thực hành bình thường, ba duyên còn khai tâm niệm khai không người. Vọng thành khai phi tâm, cập giới khai chạy đến. Trong phần đối thú, trước đã nêu trong phần an cư, chung cho các giới nghĩa là tác pháp trong giới tự nhiên hoặc xóm làng, lan-nhã hoặc tăng phòng, Tục xá đều an cư chung, nay trở xuống là nêu pháp nay lập. Trong phần xuất pháp, đầy đủ nghi thức, hai là nêu bày pháp, y theo số chia làm tám. Câu đầu là nói sở y, chứng tỏ không có tưởng khác.

Con... là chẳng phải người khác. Y chỗ... là quyết định chỗ đã nêu. Trước đã chọn chẳng phải sau. Trong ba tháng: chung một tháng khác là khai chế. Hạ là trừ mùa Xuân, mùa Đông. An cư là chọn không phải dạo đi. Phòng xá, v.v... là sắp xếp duyên trợ giúp. Nói ba lần là tiêu biểu không lầm lộn. Trên nêu bổn luật, kế dẫn luật Ngũ Phần tiếp tục thành đối đáp. Người kia tức người được được đáp, không buông lung là lời răn nhắc.

Đáp: Thọ trì là nói phải suy nghĩ kỹ, sau dùng nghĩa thân vào.

Trở xuống là dẫn luật Ngũ Phần, bổn tông gồm chế nương người. Y theo điệp từ ý khiến phải chuyên vâng hành. Nay phần nhiều chỉ tụng ba lời không theo từ khác. Theo lý thì nên y cứ theo văn là tốt.

Trong phần chuyển đổi, văn trước y cứ một tướng để rõ. Chỗ đã nhiều, khác nên phải tùy đó mà thay đổi. Nói sắp xếp là chỉ hạn cuộc về tăng phòng không chung những chỗ khác. Bất trở xuống là khiển trách sai. Kia nói rằng nương chung một nước, một thành thì chỗ rộng dễ bảo vệ. Nhưng hạn chế nhiếp tu thì chật hẹp càng tốt. Như trên đã dẫn luật, há không ngại đầu chỗ ngồi dung được đầu gối, đâu có sợ mất mà chung một nước ư? Vì sợ không biết bắt chước nên phải chỉ phá.

Trong phần hỏi đáp, ban đầu có ba, trước chỉ chung chế ý. Trước người trở xuống là nêu riêng ba đời. Nếu trở xuống trở lại nêu bày sai trái. Nếu y cứ theo mùa an cư nhiếp tịnh tu đạo mà lại khiến làm việc kinh doanh là trái với bổn giáo, bậc hậu hiền có trí phải cầu ý chỉ này.

Kế, trong phần hỏi đáp về năm thứ trì luật. Vả lại, y cứ về văn tụng nhiều ít thứ lớp. Nhưng bốn món trước phải giải nghĩa để hiểu rõ về trì phạm mới y theo đó thực hành. Trong phần suy cứu câu đầu là răn bảo. Năm phần trở xuống là giải thích. Trước dẫn chế pháp của Ngũ Phần. Có Tỳ-kheo tức là nói duyên khởi.

Nãi trở xuống là lập chế, đến chỗ kia là nói gần gũi. Nếu phòng trở xuống là nói ở xa hướng về y chỉ.

Nhược dĩ trở xuống chép: Đi đi lại lại.

Gặp duyên sự tùy đó kết thành; thỉnh pháp nhân duyên chớ không phải tâm khinh mạn. Y cứ trở xuống: Vẫn thành tiền an cư.

Kế dẫn chế phạm của Tứ Phần. Tướng tội theo thứ lớp giảm xuống, trong văn có thể hiểu.

Trung an cư, trước là nêu. Luật trở xuống là giải thích có năm tiết. Câu đầu chỉ cho luật, có danh tức thêm ba: Tiền, trung, hậu. Không pháp tức trong kiền-độ chỉ nêu hai vị tiền và hậu. Thế trở xuống chỉ cho xưa. Song trở xuống là nghĩa lập. Hai câu đầu y cứ tên thêm ba, nghĩa là do có ba thời cho nên nêu ba tên, dùng tên để hiển bày thời nên nói là phân biệt. Ba câu kế quyết đoán nghĩa kiền-độ đầy đủ. Vì thế có thể nêu lập chú thích dẫn lượng của bình bát, văn trong luật chỉ nêu hai phẩm thượng, hạ cùng với nay có giống nhau chút ít. Ưng trở xuống nêu pháp đã y cứ về vách núi (hang núi) nên trừ việc tu sửa. Ất trở xuống là tuy là xưa, những lời chú thích trong Yết-ma y cứ theo luật chỉ nêu hai pháp tiền và hậu. Trong lời sớ, cái gọi là chẳng ai không hướng về tiền an cư vì đều gọi là hậu.

Trong hậu an cư trước nêu sau giải thích. Câu đầu là định ngày. Đồng trở xuống là chỉ pháp giống và khác. Trong tâm niệm là chú thích chỉ bày khai duyên. Đương trở xuống là nói về nghi thức. Trụ trở

xuống khiến sửa đổi vọng thành: Trước giải thích danh tướng, thân đã ở trong giới không chỉ có việc kiết thêm. Phật khai thành hạ nên nói vong thành. Luật trở xuống là dẫn bày.

Bốn pháp trong luật thứ lớp thuận nhau, cho nên chỉ cho tâm niệm là vọng, phải quên đối thú, lệ cũng đồng khai. Vì thế biết trở xuống y cứ quyết định. Đầu nêu văn hạn cuộc, vì luật duyên khai bên ngoài đến. Ắt trở xuống hiển nghĩa thông, chỉ y cứ về yêu cầu tâm không hạn cuộc trong ngoài. Trước nói Tỳ-kheo cựu trụ có yêu cầu cũng chung, sau nói Tỳ-kheo khách không yêu cầu lại không chung. Nói vì sự là riêng có công vụ chẳng phải vì yêu cầu.

Trong cập giới, sớ chép: Giới là nhiếp nhập vào giới của tăng, viên là vườn của tăng-già-lam (lam là tiếng Phạm, viên là tiếng Hoa tức là cái sân), ở đây phải lựa chọn.

Nếu tăng-già-lam hẹp, giới rộng và tăng-già-lam bằng giới gồm y cứ về giới mà nói. Nếu tăng-già-lam rộng, giới hẹp hoặc không có giới thì y cứ về vườn mà nói.

Luật y cứ tăng phòng, y cứ nhà thông tục, ở đây gồm thâu bốn thứ.

Sớ chép: Vườn và giới cả hai có đôi và chiếc (nghĩa là vườn và giới đều có đôi và chiếc (hai và một) viên thành bốn).

Hỏi: Chiếc (1) đã đủ thành thì cần gì phải đối mới đủ?

Đáp: Trong luật vì duyên khởi tùy thời cơ hoãn gấp trước hai sau một thứ lớp khai đó. Đã y cứ một cũng thành hai thì vô dụng, do đó trong văn chỉ nói một chân.

Sau chỉ rộng, sớ chép: Sở dĩ một chân vào giới minh tướng xuất hiện thì thành: Do cấp thiết không rảnh để khai không kết thành.

Lại hỏi: Hai chân vào giới thành bại đối nhau, chưa biết một chân vào giới có được xếp vào tiền an cư hay không? (bại là phá hạ).

Đáp: Cốt yếu phải hai chân ra khỏi giới phá do tiện lợi hơn nên nếu một chân ra khỏi thì phá, một chân vào không thành, đều có hại có người tu hành, không gọi là khai chế thì rất có lý.

Kế nói phần chứng, tức bốn pháp trước y cứ vào bốn vị thời, xứ, nhân, pháp gồm thâu vì khiến cho chẳng thông lạm. Đầu tiên y cứ về thời, nghĩa là bốn pháp trên thông tiền, trung và hậu an cư, một thời có bốn thành mười hai. Kế y cứ về xứ thì có giới tự nhiên và giới tác pháp đều thông an cư thành hai mươi bốn. Lại y cứ về người thì có năm chúng, mỗi chúng có hai mươi bốn thành một trăm hai mươi bốn thứ an cư (trong sớ lại chia cập giới là bốn thành bảy pháp, trải qua ba vị thành

hai trăm mười món, mô phỏng theo trên sẽ biết). Trong phần y cứ pháp, văn trên bốn pháp đã chung ba thời, không lặp lại ở đây. Nhưng đối với pháp khác nói chung, hạn cuộc khác nhau, nên phải chọn lựa. Trước nói đối thú tâm niệm chung có ba, có thể biết sau nói vong thành cập giới dẫn lời giải khác. Trước giải hạn cuộc khai tiền hậu, trong lời chú Yết-ma cũng nêu nghĩa này. Lại trở xuống, kế giải thích hạn cuộc khai hậu an cư. Gồm trở xuống là kết đoạn. Nay y cứ theo ý của Tổ đều chung ba thời. Tùy theo ngày kiết hạ, tùy ngày mãn hạ mà thọ tuổi. Nghĩa là không bị bít lấp nên xem hai lời giải thích, theo gấp thì tốt. Nhưng trong bổn luật chỉ nói bốn pháp không chọn lựa tiền hậu, vì thế nói là đều sai.

Hỏi: Hai pháp vong thành và cập giới là gia pháp phải chăng?

Đáp: Y theo lời sớ cũng phải trình bày, nhưng hạ thành ở trước, gia pháp ở sau, không dùng gia pháp kiết trước.

Lời sớ chép: Vọng thành, cập giới chẳng được sau dùng gia pháp làm gì?

Đáp: Chế khai nghĩa lập thế nào mà không có được (thẳng được là khai, gia pháp là y chế).

Khoa thứ hai trong phần gặp duyên, theo luận thì thọ nhật phải ở trong pháp phụ, nhưng ra khỏi giới gặp nạn, lỗi khác nhau nên ở đây nói mà thôi. Trước dẫn luật khai tức khai hai nạn. Trước gồm nêu nạn phạm hạnh trở xuống là giải thích riêng. Đầu tiên giải thích nạn phạm hạnh: Lược nêu dâm dục và trộm cắp, còn các giới khác y theo đó có thể biết. Đất có phục tùng dung chứa sinh vật trộm lấy thì phạm.

Hai trở xuống giải thích nạn mạng sống. Phật trở xuống chỉ bày khai. Kế là trong phần nói về quyết định, cầu đầu khoa đầu lập trước. Tùng trở xuống chánh chia làm hai. Trước nói cầu xứ y cứ về tâm để nói thành phá. Nếu được suy xét hai là nói được xứ; y cứ về duyên để phân biệt chung và không chung. Pháp tùy theo thân, nghĩa là xứ có trước sau, pháp vẫn nối tiếp. Ra khỏi giới liền phá nghĩa là y cứ vượt qua đêm. Kết thành sau giải nghĩa là pháp đã tùy thân không cần phải tác pháp, chỉ hướng đến chỗ đó tâm dừng trụ gọi là kiết mà thôi.

Duyên và pháp: Duyên tức nạn việc, pháp là thọ nhật. Trái lại, không duyên pháp thì phá hạ. Trong phần lập nghĩa chứng, khoa đầu văn dẫn có năm. Năm chia thức ăn không đủ vì đạo duyên thiếu. Thân ưa thích khổ vui nghĩa là khổ thì sinh buồn phiền, vui thì sinh đắm nhiễm, cả hai đều có ngại cho đạo.

Luật Thập Tụng trở xuống chỉ cho ba văn, luật Tứ Phần cũng vậy,

nghĩa là tức như trên người, trâu, v.v... năm chỗ theo đó giải thích. Trong phần nói về luận, trước nêu chung tám nạn đồng nói trong giới. Sớ trở xuống giải thích riêng hai nạn. Không trở xuống hai câu là kết chung các văn. Kế, là trong phần nói quyết định, trước dẫn văn quyết định. Ma-di tức Mẫu luận, chính là nói Ma-đát-lý-ca, Hán dịch là Bổn mẫu, vì thế lời chú trong Yết-ma chép: Tỳ-ni Mẫu cho rằng: Dời hạ không phá an cư, các bộ khác không có văn khai như vậy. Tứ Phần trở xuống là y cứ nghĩa quyết định.

Ba, trong luật dời hạ, đã được thọ y thì thành hạ. Trong Tạp Biện, khoa đầu vọng thành không thọ nhật nghĩa là vì trong phần năm trăm lời hỏi có khai văn nầy.

Hỏi: Dùng lời dẫn đó.

Trong lời đáp, trước nói khai nghĩa là đây thật mê tâm, cho nên khai nhớ nghĩ hối hận, nếu có thủ cầu thì không phải ý của lời dạy.

Nhất tọa trở xuống là chỉ bày chế, do dạy quá hoãn nên phải có giới hạn. Quá ba lần sám hối dầu thật cũng phá tướng chỉ bày nhớ nghĩ hối hận.

Tức phản giới nghĩa là mau thở ra vào bổn xứ, thọ nhật.

Trong phần gặp nạn, sớ chép: Ngay ngày ra giới gặp nạn trải qua một đêm, ắt có duyên này, không có văn khai. Đây nghĩa là có việc, không có văn nên phải quyết định.

Cao Tề tức Cao Dương ở Bắc Tề kia không phải là Tiêu Thị ở Nam Tề. Lúc bấy giờ, Phật giáo rất hưng thịnh, Chiêu Huyền Ty lập luật đức mười vị đề thống lãnh tăng ni trong nước, gọi là Chiêu Huyền Thật Thống.

Hỏi: Đã có chánh lượng đâu được tính theo người?

Đáp: Các sư đã bình chuẩn các văn ở trước: dời hạ và thọ nhật gặp duyên không đến thì không mất, phải chuyên thủ hộ mà chẳng phải lỗi của tâm, xét về tình thì đáng xót thương nên cho phép khai.

Sớ chép: Cao Tề Thập Thống, có lòng thương xót từ bi cứu giúp chung, may mắn, do đó ung dung phạm thì mất hạ, đâu có nghi ngờ gì.

Trong phần nói lợi trở xuống, là sợ cho rằng an cư thân phải ở trong giới, không khai nói hội nên phải hỏi để giải quyết.

Đáp: Dẫn hội y lệ đồng với hội hạ. Luật kia nói y giới không lập thế phần nên thân vào trong giới mới thành.

Trong phần già-lam và giới rộng hẹp, trước nói y giới có hai: Một là minh tướng hiện phá hạ là nói riêng y thành mất. Hai là vượt thủ văn nếu căn bổn trở xuống: Nói thông y không mất, do khi kiết không biết

giới khác nên chung kia đây.

Nếu y trở xuống là hai nói y tăng-già-lam cũng có hai:

1- Nói già-lam rộng, giới hẹp hoặc già lam và giới bằng nhau, nói không mất do đã có giới, trước đây y theo giới, nay y theo già-lam nên phải chú thích để rõ. Nếu y giới nội trở xuống hai là nói già -lam hẹp giới rộng hoặc sân riêng, phòng riêng.

Tiểu giới cũng như vậy: Nếu kiết riêng một phòng y, phòng an cư, mà ra ngoài cửa thì liền phá an cư.

Đều nghĩa là trở xuống là tổng kết.

Nói hai mất là y giới, y già-lam đều có một mất, một không mất, tức y cứ về bổn tâm có trái, không trái nhưng chẳng phải nói văn nên nghĩa rộng, giới phần nhiều rộng nên hoãn, phòng hẹp nên gấp, ắt có người dừng nghỉ trong đại giới. Tự ý y phòng bỏ hoãn, theo gấp càng phù hợp với ý chỉ lời dạy. Trong phần gặp duyên bỏ đi có hai nạn tức nạn mạng sống, nạn phạm hạnh là duyên của mình, phá hòa tăng tức duyên theo người. Trong luật nói bổn xứ vì ta ở cho nên phá, giới khác vì ta đến cho nên hòa, vì có hại đến việc quan trọng nên đều khai đó cho. (tranh kiến tranh hoại) ở Tây Vực thì có nhiều còn xứ nầy ít có, nên nói là ít. Thọ nhật gặp duyên, dẫn trong văn, trước là duyên gần. Nếu trở xuống tức là nạn mạng sống. Văn trong luật Phật chế đều nói được tuổi, đồng như thân lưu ở trên nên nói đồng như trước.

Trong phần nghĩa quyết định văn rất hoảng sợ xảy ra vọng thành nên phải y cứ gấp. Đầu là chánh quyết định; hai là dẫn chứng có thể biết.

Trong phần năm, Ca-đề chia làm ba: trước nói thời gian có hạn, ở đây cho là không có y công đức thường khai cho một tháng. Hai là giải thích danh nghĩa, dẫn luật dịch tên, văn chú thích giải nghĩa. Ba là chỉ rộng.

Hỏi: Thiên sau đã nói rộng, vì sao ở đây phải chỉ bày lại?

Đáp: Như nói về thọ lợi, tuy sau tự tứ được lợi nhưng hoàn toàn do công phu tu hành trong mùa an cư.

Lại nêu hạ bốn tháng chế khai phần chừng. Lại ở đây nói không được y công đức, sau y cứ có y công đức. Nếu như vậy có y thọ pháp, ở đây vì sao không nói?

Đáp: Vì hành sự thứ lớp hợp ở sau tự tứ.

Trong phần giải giới, chương nầy có y là phá chấp xưa để dứt nghi ngờ sau. Vì không liên quan đến chừng hạn hạ nên nói rằng nhân đó nói. Vì trong kiền-độ y Ca-hy-na nói rằng: An cư rồi có bốn việc phải

làm:

- Nên tự tứ.
- Nên giải giới.
- Nên kiết giới.
- Nên thọ y công đức.

Trước dẫn trong Mẫu luận cũng nói như vậy, cổ sư y cứ theo đây nên có vọng giải thích. Trong phần dẫn xưa, trước nêu chấp kia. Sớ chép: Có người nói rằng do nương vào giới nên thành an cư, nếu giải bổn giới liền phá hạ. Do mất chỗ nương ngay trong ngày đó tuy kết cũng không thành tựu, vì thế văn nói an cư xong phải giải giới, chưa xong mà giải nên biết là sai. Đây trở xuống nạn phá có bốn:

* (1) Khiển trách quên, luật trở xuống

* (2) Hiển chánh, trước lặp lại văn luật, vì trở xuống là nêu bày ý. Nhưng văn không nói rõ đến nỗi khiến cho hiểu lầm. Nên y theo luật Thập Tụng, văn nói về y công đức mới quyết nghi. Rộng trở xuống là chỉ khai. Tam thập ngũ chép: An cư rồi chúng đông, tăng phòng cùng kiết một giới thọ y công đức có được không?

Đáp: Tất cả đều được thọ. Lại trở xuống.

* (3) Dẫn chứng. Cựu ký chép: luật sư Chỉ thủ không phải hạ bèn hiển có chỗ làm riêng, văn không chỉ nghĩa giống ở trên, cổ trở xuống.

* (4) Dẫn nạn: người xưa nói: Đã bị các bậc cổ đức đời trước nạn phá, nay lại dẫn dùng. Trong sớ chép: có người nói là đây. Trước dẫn luật rằng an cư rồi phải giải giới, phải tự tứ, hai văn chẳng khác nên dẫn chung như vậy. Luật chung ba ngày, tự tứ chưa hết ngày 14, 15 đều thành, và trung gian cùng hậu an cư tùy theo tiền an cư cũng tự tứ nhưng phải ở cho đủ ngày, dùng đây chung nên biết, giải kiết không phá hạ, văn gồm, v.v... là không giải kiết hết. Nếu nói rằng không phá hết, thì tự tứ lẽ ra cũng phá, tự tứ đã không phá thì tại sao giải kiết lại phá? Câu trên chỉ bày văn đồng, câu dưới nói nghĩa hợp phá thì đều phá, thành thì đều thành, không thể chỉ có một phá hoặc thành. Vì thế sớ lại nạn rằng: Như trong giới nhiếp y vì giữ y nên giải lẽ ra cũng mất chỗ nương, liền ngày nói lìa, nhưng chưa trải qua đêm không nói lìa y. Hạ cũng đồng như vậy đâu được phá (trước nói giải giới liền ngày phá hạ không trải qua đêm, nên có câu hỏi nầy. Nay trong giải, hai câu đầu phán định. Nhưng trở xuống nói trước sau rộng hẹp. Trước sinh khởi, nhược trở xuống là nêu tướng, có hai. Đầu tiên là nói y giới trước hẹp sau rộng. Tăng-kỳ nói giới tránh nạn rộng mỗi bề ba do-tuần.

Hỏi: Trước rộng sau hẹp là nương chỗ nào?

Đáp: Y theo giới tự nhiên cũng nên nương theo từ hẹp dần dần rộng thêm.

Nhược trở xuống hai là nói y theo già-lam.

Lại có sư nói rằng trong giới tự nhiên an cư rồi kiết giới thọ nhật, mất giới tự nhiên cũng phá hạ.

Nạn rằng: Vốn y theo giới tự nhiên kiết hạ còn thành, nay kiết giới tác pháp ở giới cũ, đâu được nói rằng phá hạ. Do không lìa giới nên đây không nêu lời xưa, bày thẳng ý nầy. Trước nói sau hẹp, nếu trở xuống là nói sau rộng, hai duyên thì có nạn không nạn (xưa nói: Lời chú văn trước thuận với xưa, y theo đây biết sai). Trong phần thọ nhật nêu ý, trước nêu khai ắt trở xuống nói chế, vọng trở xuống hiển bày lợi ích. Ở Tây Vực chia vật nhiều là tùy theo số tuổi hạ, ở đây cũng vậy, nên nhiều hơn đây. Khả trở xuống là sinh khởi.

Trong phần nêu phân chia, trước là so sánh ba pháp, sau chia ba khoa, chung với ba ở thiên trên. Khai riêng hợp chung hoặc bảy ngày, nửa tháng, một tháng thì hợp riêng lìa chung.

Trong đối người dẫn hai lời hỏi. Trong luật Thập Tụng chép: Chỗ yxứ và chỗ đối người, chế hành thọ nhật không lìa giới, phải theo năm chúng đều hạn cuộc lời nói. Tỳ-kheo thì chung chúng tăng còn các chúng khác thì chỉ hạn cuộc riêng, vì không thực hành, khoa kế dễ thấy. Trong ba xưa chấp ba món thứ lớp thọ không được trước sau, nay thì trái lại. Các sư xưa chấp pháp nên không cho là sai, sư nay nghĩa duyên tùy duyên liền được cho nên khác nhau.

Trong giải thích nghi tức xưa đã chấp. Sớ chép người xưa nói trước thọ bảy ngày sau mười lăm ngày, do văn nói rằng pháp thọ quá bảy ngày. Trong phần đáp nói rằng miệng nói lời hợp với thế tục khiến người dễ hiểu. Ba pháp là nửa gấp bội nửa; tháng gấp bội bảy ngày và một tháng gấp bội nửa tháng, cho nên biết văn có lỗi lặp gấp bội.

Trong tướng nhiếp do pháp chúng là mạnh, pháp riêng là yếu, mạnh phải nhiếp yếu. Pháp dung ẩn hiện nên có môn nầy.

Khoa đầu, trước nêu dụng xong rồi hiển, không phải chỗ luận. Bảy ngày trở xuống chánh chỉ bày tướng nhiếp. Đầu lập nghĩa. Do trở xuống giải thích lý do. Luật trở xuống dẫn chỗ y cứ của văn. Khoa kế, trước chánh thức nêu bày. Tỷ trở xuống là khiển trách sai. Trên theo xưa, không hiểu ý nay. Trong sớ có nêu người nói nay chánh giải thích rằng: Nay giải thích không đâu chẳng phải lý nầy. Chỉ là một duyên không được có hai pháp tốt xấu, có thể như trước chế (trước y cứ duyên khác nay không chấp). Nay trước sau duyên khác nhau đều y theo thọ

nhật. Pháp trước giúp sự, sự chưa dứt làm sao mất pháp được? Nếu bị bịnh hoạn thì phải uống sữa, dầu.

Đối duyên có tám môn:

1. Nói duyên chung khác, chia làm hai: Trước nói đúng pháp; nếu trở xuống là nêu phi pháp.

Nói vọng số nghĩa là chẳng phải duyên thọ nhật trái pháp phá hạ vì không thành tuổi nên dẫn chứng có thể hiểu. Nhưng chỉ mất lợi, nếu bậc thượng trung hạ thì không thể loạn. Pháp truyền rằng: Hễ người phá hạ chỉ không được hưởng lợi dưỡng chứ đâu phải khi xưa thì được cung kính nay lại khinh thường, vì thói quen thành tục vốn không có bằng cớ. Tuy văn không nói mà đối với lý thì đủ.

Tự duyên cũng có hai: Ở đầu nói đúng; nếu trở xuống nói sai. Ở đầu nói nhiều thứ ác cầu; Túng trở xuống là nói việc buôn bán tốt. Tuy vì Tam bảo mà tìm lợi, mua bán cũng thành phi pháp, chỉ rộng như ở sau. Tức trở xuống trong phần năm duyên đầu hoặc giới mua bán ở quyển trung. Trong duyên Tam bảo có hai: Trước dẫn văn chỉ bày; y theo đây trở xuống dùng nghĩa quyết định. Trước nói đúng pháp cho nên khai, chùa lớn là chọn lựa chẳng phải tự mình.

Các chỗ: Chung cho Tam bảo. Nếu từ trở xuống là ví dụ, nêu ra phi pháp có bốn điều khác nhau. Chịu làm thuê mướn; cập trở xuống là vì mình; hoặc trở xuống là vì thế tục; tướng trở xuống là vì tăng, gồm kết chung bốn món.

(244) Trong duyên thứ hai, trước phán định đúng sai; tổng trở xuống là nhiều tướng không nêu ba thứ nầy: Trong bệnh gồm thâu gặp nạn; thọ giới, bố-tát, làm phước, cúng dường, hỏi nghi thỉnh pháp đều là sinh thiện; sám hối tức diệt ác. Luật Tứ Phần trở xuống dẫn duyên tướng, Tứ Phần lại nêu ba món, như ở sau sẽ dẫn đầy đủ. Trong bộ Thập Tụng có tám món. Làm phước là đào giếng, làm cầu, rộng cứu giúp chúng sinh. Nhược tức có thể thỉnh riêng. Phần bốn người có lòng tin cho phép đến. Sau nói: Trong bộ Thập Tụng nói rộng trong phần bốn tức là văn nầy. Nhược trung trở xuống là nói thời lượng đã thỉnh.

Trong phần ba, trước dẫn luật; trở xuống là nghĩa quyết định. Ân trọng của cha mẹ, thế lực của Đại thần, vì thế tuy không có lòng tin cũng cho phép đến. Còn người khác trái với đây cho nên chọn người có lòng tin.

Sinh phước là việc, tin ưa tức là tâm. Có năng lực sinh lòng tin nghĩa là người khác có đạo hạnh thì có thể. Trước tuy không có lòng tin, nhưng sẽ cứu giúp nên khai cho đến (xưa giải thích người kia có năng

lực là sai).

Trong phần bốn, trước như pháp lại có hai: Thọ pháp và đi ngay. Nay trở xuống là khiển trách vọng hành (luống thực hành), trước nêu lỗi, tuy vì y và thuốc mà tìm cầu bên ngoài, nên nói là vọng. Chuẩn trở xuống là nêu đoạn, trước đoạn lỗi xin y, giới biết đủ thứ ba mươi, giới thứ bảy thật vì y bị đoạt mất, hiện thiếu ba y, không cho hoàn toàn thọ nên nói là huống. Nay trở xuống là bày lỗi. Xả chế nghĩa là thiếu pháp phục. Thủ chính là chứa tài vật dư. Ắt trở xuống nói cho phép chung. Xin y tức là giới thứ sáu.

Kế đoạn xin thuốc, tự mình thiều hoặc chỗ xa cần hai duyên này mới nhập vào khoản khai cho.

Trong phần năm, đầu tiên dẫn văn. Do ta đấu nên sinh ra sự tranh. Phải là ta hòa nghĩa là diệt sự tranh cãi. Nhưng trở xuống so sánh nghĩa riêng hiển sau hòa khiến cho y đó thọ nhật. Câu đầu là phát ra, câu sau là thâu hẹp lại, nghĩa là duyên trước không cho phép để nương theo. Việc đi ngay có kỳ hạn nào ngại gì phải đến. Luật khiến đi không đi thọ nhật không được, vì thế nói rằng chánh đoạn. Trong phần kết khiển trách trước là dẫn văn khác chứng chung như pháp. Văn trong luật, câu đầu nói chế, trừ trở xuống chỉ bày khai cho, y bát, v.v... là giải thích các nhân duyên khác ở trước. Nay trở xuống là ngăn vọng, đầu tiên là khiển trách việc cầu xin, trên nói việc làm luống dối trái pháp. Túng trở xuống là chỉ bày sự thật cũng sai. Trong giới xin y, nếu bị cướp đoạt mất thì được xin y. nếu xin ngũ cốc đều kết tội Đột-cát-la, vì thế nói là luật kết chính, như hiện tượng chỗ đã nói. Hoặc trở xuống khiển trách mời thỉnh. Như các việc phúng điếu, chúc mừng, nuôi bệnh, hỏi thăm (thư sớ vãng lai ý linh triệu mạng chủ loại thị giả). Luật trở xuống chứng sai, đồng với Thập Tụng: Như tám duyên trước, từ trước đến nay năm duyên là tổng kết văn trong luật, các duyên đều như vậy, chỉ có trước sau không thứ lớp. Nay tùy theo thứ lớp để dẫn như sau:

1- Trong luật, nhân vua Ba-tư-nặc bị nước lận cận làm phản, vua ra lệnh đem quân đánh dẹp. Những thứ nhà vua đã cúng dường cho Phật và chúng tăng như y phục, thức ăn; các đại thần không tin pháp liền tước đoạt hết. Các Tỳ-kheo muốn đến tâu lên nhà vua nhưng đường sá xa xôi Đức Phật khai cho thọ nhật (việc của Phật, tăng).

2- Có Tỳ-kheo tụng sáu mươi bộ kinh, vì tìm người đồng tụng nên Đức Phật khai cho thọ nhật (việc của pháp).

3- Vua Ba-tư-nặc đến dẹp giặc ở nước lân cận, các Đại thần không tin Phật pháp bèn đào kênh (rạch, sông) cách tinh xá Kỳ-hoàn (nghĩa

là từ Tinh xá Kỳ-hoàn đến chỗ vua phải qua kênh (sông) này. Tỳ-kheo muốn đến tâu lên vua, Đức Phật cũng khai cho (việc tăng thuộc duyên Tam bảo ở khoa trước).

4- Có đàn việt muốn thỉnh Tỳ-kheo đến cúng dường, tỳ-kheo tự nghĩ rằng nhà đàn việt này ở quá xa không thể trong ngày trở về được, Đức Phật chưa cho pháp có nhân duyên như vậy mà được đi, nên các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy cho phép được đi bảy ngày (về sau, các duyên đều đồng như ở đây nên không dẫn lại) nhưng không nên vì việc ăn uống, chỉ trừ các duyên khác.

5- Tỳ-kheo ở nơi khác thỉnh đến sám hối tội Tăng tàn.

6- Tỳ-kheo-ni thỉnh đến sám hối tội Tăng tàn.

7- Thức-xoa thỉnh sám hối, thọ giới (thọ sáu pháp) hoặc thọ Đại giới.

8- Sa-di thỉnh thọ giới, Sa-di-ni thỉnh thọ sáu pháp (trong sáu pháp ni thọ lẽ ra thỉnh tăng chỉ giáo mà thôi, tức duyên thứ hai ở trên).

9- Đại thần không có tín tâm muốn gặp, hoặc có ích, hoặc không có ích, Phật cho phép đi (hai việc).

10- Đại thần có tín tâm muốn gặp, hoặc bị bệnh, hoặc buồn phiền, hoặc vì lợi ích (ba việc).

11- Cha mẹ không tin ưa Phật pháp muốn gặp, hoặc không tin khiến cho tin, hoặc phá giới giúp cho giữ giới, hoặc xan tham khiến cho bố thí, hoặc không hiểu giáo lý khiến cho hiểu (bốn việc).

12- Cha mẹ tin ưa nên thỉnh để gặp, hoặc bị bịnh, hoặc buồn phiền, hoặc có lợi ích (trên là cha mẹ cùng thỉnh, dưới là thỉnh riêng).

13- Có mẹ thỉnh để gặp.

14- Cha thỉnh để gặp, anh em (cùng thỉnh, thỉnh riêng có ba), chị em, hoặc bà con bạn bè cũng như vậy.

Lại nói, nếu vì y bát, tọa cụ, ống đựng kim, thuốc men thì đến ngày thứ bảy phải trở về.

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo ở trụ xứ thấy có:

1- Tỳ-kheo muốn phá tăng, nghĩ rằng vì ta mà phá tăng ư? Bạch Phật cho phép đi.

2- Thấy Tỳ-kheo-ni cũng vậy.

3- Nghe Tỳ-kheo.

4- Nghe Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

5- Có Tỳ-kheo ở trụ xứ an cư, nghe Tỳ-kheo kia muốn phá tăng tự nghĩ nếu ta đến can ngăn, dùng lời nói khiến cho họ không phá tăng. Lại nghĩ, nếu tự mình đến hoặc không dùng lời nói của ta nhưng ta có

người thân ở đó có thể khiến họ dừng việc đó, ta sẽ nói khiến cho họ dừng lại không phá tăng nữa, Đức Phật cho phép vì việc nầy mà đi.

6- Nghe Tỳ-kheo-ni cũng như vậy (sáu duyên này, trong luật cho phép đi ngay. Lời sao có định kỳ hạn khiến thọ nhật, vì thế xếp vào năm duyên).

Lại trong năm việc trên, thứ tư là vì mình, hai và ba là vì người, một và sáu chung cho mình và người.

Trong phần ly hợp có ba:

- Một ngày trở lên là duyên bảy ngày.
- Tám ngày trở lên là duyên nửa tháng.
- Mười sáu ngày trở lên là duyên một tháng.

Bảy ngày hợp: Sớ chép: nếu đều ba ngày hoặc xen nhau giảm thì có thể đồng bảy ngày kia đây gồm dùng. Như một là tám ngày, một là hai, ba ngày có thể hợp thọ nửa tháng. Sớ chép: hoặc họ Trương, họ Vương mỗi vị đều là bảy ngày không thể hợp dùng Yết-ma nửa tháng, do việc khác với người đã làm chỉ được trước sau thọ bảy ngày. Một là mười sáu ngày, một là hai, năm, cho đến mười ngày được hợp thọ một tháng. Như trở xuống dẫn hai trường hợp bao gồm. Ưng trở xuống ba nêu lời câu, tăng chung tăng riêng hai pháp dùng đó. Huyền thọ nghĩa là việc trước đúng như pháp kỳ hạn đã định, nhưng thời gian chưa đến dự đoán trước được thọ quá ngày mới dùng. Đều chỉ đúng pháp, cái gọi là duyên hiện chẳng phải mượn cớ.

Ất trở xuống ngăn sự lạm quá. Đầu nêu lỗi, do trở xuống nêu ý, việc sai sự thật Thánh giáo cũng giúp đỡ, cho nên nói rằng không truyền nhau.

Sớ nêu bốn lỗi:

1- Không thể cậy nhờ.

2- Vốn không có duyên thật.

3- Không thể kỳ hạn.

4- Vọng nhận sự may mắn.

Trong phần xen dùng chánh minh, khoa đầu tiên y theo sớ. Bậc cổ sư không chia hai duyên vốn khác, được dùng lẫn nhau, ý nầy không phải như vậy. Như trong văn đã nói, trước nói duyên khác không hợp; ắt trở xuống nói bổn duyên khai được.

Trong luật nghi chép: Nhân có Tỳ-kheo thọ nhật đến trong xóm làng, chưa hết bảy đêm, việc làm cũng chưa xong mà trở về bạch Phật, nhân đó Phật cho phép thọ hết những đêm còn lại. Bạch rằng: Con thọ bảy đêm đã qua hai đêm, còn lại bao nhiêu đêm đến chỗ kia, được ra

khỏi giới. Vốn chỉ có một duyên nên nói rằng chẳng gọi là việc khác.

Khoa kế, hướng về Tam bảo thì không, đối với các duyên khác với Tam bảo là bít (khác thông). Như trước làm tượng Thích-ca, sau làm tượng khác, tuy đồng Phật sự nhưng không phải thời gian trước; Pháp, tăng so sánh như đây, trong văn có thể thấy.

Sau, trong một nhà, trước nói bít; nhược trở xuống là hiển bày thông. Như chỉ thọ kia thỉnh không nhất định, duyên khác nêu chung các việc, tùy theo đó mà làm, nên nói là y cứ theo tâm, v.v...

Trong phần giải thích ngại, sợ nghi ngoài giới không khai nên có lời hỏi đầu. Hoặc cho rằng thỉnh tăng thứ lớp sai nên có lời hỏi kế. Hoặc nghi xả thỉnh chẳng phải duyên của ta nên có lời hỏi sau.

Hai trường hợp thỉnh tức theo thứ lớp tăng mà thỉnh. Sau nói tăng thứ lớp được nghĩa là do thí chủ tâm buông lung cho nên nguyên tức là bổn.

Trong phần thọ lại, xưa giải theo sớ rằng: Có người nói an cư lập hạnh tu đạo làm tông chỉ, có duyên gấp được khai ba. Do khi có việc cứu giúp nào được thọ lại, không có lý nầy. Vì thế, trong Thập Tụng vì việc phá tăng cho phép thọ một lần bảy đêm, không được hai lần bảy đêm, cho đến ba mươi chín đêm là phá hạ, nói ở văn nầy (trở xuống chỉ cho hòa tăng tức ở đây. Kia chỉ có hai pháp bảy đêm và ba mươi chín đêm không đồng với luật Tứ Phần).

Khai ba pháp là:

1- Không cho thọ lại.

2- Sai không thành: Không cho trước sau loạn.

3- Kia cho rằng: Trước cần thọ bảy ngày, kế thọ nửa tháng, dầu duyên bảy ngày cũng xin nửa tháng, một tháng cũng như vậy. Ba pháp dùng đủ.

Hoặc có duyên gấp phá an cư mà đi, thì không khai. Đây do không hiểu thọ nhật tùy theo duyên tác pháp ý cứ theo thật, vì thế có chia ra ở đây.

Trong phần nay giải thích, câu đầu trong khoa đầu là phán định, hai câu kế là chỉ rộng.

Sớ dẫn xưa nạn rằng: Tu đạo là việc gấp đâu được chế trụ, có duyên đến tùy ý được khai.

Nay lại nạn rằng: Như trước đàn việt thỉnh thọ bảy ngày, về sau có việc vì Tam bảo cần buôn bán vì sao không khai được? Nói biết cũng được.

Đản trở xuống là chánh lập.

Lại ba, trước nêu lý. Do pháp thọ nhật vốn vì duyên mà khai, duyên đến pháp ứng đâu có chừng hạn là ba, không có trước sau. Vì thế biết người xưa đều không hiểu ý của lời dạy.

Cố trở xuống hai là chỉ chứng. Hơn hai mươi: Như đã dẫn ở trước. Vả trở xuống là nêu văn cũng như trước.

Trong phần dẫn chứng, trong luật Ngũ Phần nói tất cả đâu hạn cuộc một lần. Trong luật Thập Tụng, đầu là phá chấp không cho thọ hai lần bảy ngày. Đầu dẫn văn.

Nhiều duyên: Như tám việc như làm phước,v.v... nêu ở trước. Tự mình như y, thuốc v.v...; vì người khác như thọ sám, v.v...

Vị trở xuống là giải thích chung. Các Sư xưa chấp cho đây là y cứ nên phải phá. Hai lần lặp là duyên khác thân hai lần bảy đêm, đây là phi pháp.

Sớ chép: Pháp thọ nhật kia chỉ có hai vị, đối thú bảy đêm sao lại gia thêm, vì thế không được hai lần bảy đêm. Không ngại trước sau đi cũng được. Nếu trở xuống phá chấp hòa tăng, như trên đã dẫn. Trước nói chấp kia nên nói dường như mà thôi, do dường như nên đến nỗi khiến cho hiểu lầm. Song trở xuống là đoạt, không thỉnh nghĩa là kia không sai sử, cũng khai được đến đồng như trong luật Ngũ Phần ở trước. Trong luật Tứ Phần mỗi việc sai thỉnh riêng tức là gấp. Trong đây lại y cứ hoãn gấp đều dùng nêu không hạn cuộc.

Sớ chép: Hòa tăng dùng hai pháp đã phá an cư, đi là thọ pháp y theo giới hạn. Hai trường hợp trước có kỳ hạn nên khai cho tùy theo đó mà thọ. Đã dùng pháp hòa, diệt nạn về kỳ hạn thì biết dùng pháp gì đến kia hòa, vì lý phải phá hạ đây là chỗ khai cho.

Trùng trở xuống là khiển trách chỗ y cứ khiến phải y theo lý. Trong Ngũ Bách Vấn, văn lý rất rõ.

Sớ chép: Ty-ma-la-xoa khẩu quyết, người ấy dịch luật Thập Tụng đã có thông đây, nghĩa không nghi ngờ (luật Thập Tụng trước do Cưu-ma-la-thập dịch, sau Tỳ-ma-la-xoa dịch).

Luận Minh Liễu được thọ nghĩa là được khai lại.

Trong sớ giải, nghiệp sớ chép: Tuy thỉnh bảy ngày việc xong không trở về phá an cư phạm tội nhỏ. Nếu việc chưa xong được sáu đêm, ngày thứ bảy trở về, đến ngày thứ tám lại thỉnh bảy ngày, nếu sau không xong lại thỉnh bảy ngày nữa.

Ở đây trở xuống là nêu người làm chứng. Chân Đế người ở Ưu-thiền Tây Ấn-độ, trong hai triều đại nhà Lương và nhà Trần đến đây dịch kinh.

Ninh trở xuống là trách kia câu chấp.

Một góc nghĩa là không thông biến, là bít lấp. Phật hóa vốn đích thân nghe đời Đường, ngài Huyền Trang từ Tây Vực về, Na-đề cùng đến, sắc chiếu cho Tổ sư đồng đến dự phiên dịch, do đó được nghe đầy đủ pháp của Trung quốc đủ làm chứng cớ, vì thế dẫn văn chỉ bày.

Văn sau chỉ rộng, như trước lược dẫn, còn bao nhiêu như kia. Trong dài ngắn ba trường hợp: Cực hạn là dài, một ngày, tám ngày, mười sáu ngày là ngắn, trung gian dài và ngắn có thể biết. Trong văn tuy nói duyên ngắn bảy ngày duyên dài dễ biết, vì thế nửa tháng, một tháng y cứ theo đồng đó.

Luật trở xuống là dẫn văn chỉ bày. Lập trở xuống là nêu lý do. Nhược trở xuống là giải thích sự nghi ngờ. Nhưng y cứ vào duyên dài biết tất phải đường xa.

Trong tăng ni, văn trước pháp của tăng có thể biết, trong ni cũng đồng, vì thế phải phân biệt. Trong luật Tứ Phần và Tăng-kỳ văn có thể rõ.

Không nói nhiều nghĩa là không nói hơn hai.

Khoa kế, trước nêu lạm hành. Luật Tứ Phần trở xuống phán là phi pháp. Trong phần ba, văn trình bày hai nghĩa. Biệt duyên nghĩa là khác với duyên nhiều, vì thế phải có duyên sự lâu dài phải đến trước, hoặc cho trở về giới thọ lại bảy ngày khác, hoặc so sánh nạn duyên nghĩa chung đi liền. Trong việc xong, sớ dẫn xưa chấp rằng: Việc không về hạ cũng không mất. Cho pháp nên nay sư không đồng. Như văn chỉ bày, trước chỉ bày lý do. Thí giống như dùng.

Hỏi: Việc xong liền trở về giới, vì đường xa phải trải qua đêm, không có pháp tùy thân lẽ ra phải mất hạ?

Đáp: Pháp nương duyên mà sinh, duyên pháp mất, đúng kỳ hẹn trở về nhưng chưa về đến bổn xứ, việc còn chưa dứt nên không mất hạ.

Hỏi: Việc xong pháp xong hoặc duyên chưa hết, kỳ hẹn đã mãn, vì sao nói mất hạ?

Đáp: Luật Tứ Phần, Thập Tụng nói ngày đêm hai trường hợp sai khác nhau như ở sau tự rõ.

Luận Minh Liễu trở xuống là dẫn chứng.

Luật Thập Tụng không cho phép: Như trước nói: Giữa đường nghe có người chết phản giới tám nạn xảy ra thì không nên đi.

Luật Tăng-kỳ đồng nghĩa là trước nói trung tiền hòa liễu, trung hậu trở về, v.v...

Trong phần chánh gia, văn đầu phần tâm niệm vốn là đối thú, do không có chỗ đối thú nên khai cho tâm niệm. Trước nói khai duyên. Ở một mình, v.v... nghĩa là lan-nhã, viễn hành (tức là ở giữa đường an cư), khi bệnh hoạn, đói khát, nương bà con. Năm duyên đều không có bạn, nếu có thì không khai.

Nhược trở xuống là chánh chỉ bày cách bạch cáo.

Thập trở xuống là ngăn sự quá lạm.

Có người chấp văn bầy cho là thông, xen nhau đối đáp, v.v... Nhưng lại ở đây y cứ trường hợp bảy ngày mà nói. Pháp Yết-ma một tháng không thông bốn trường hợp kia. Văn trước chỉ lựa Ni chúng, y theo lý thì Sa-di cũng giống như vậy. Trong phần nêu bày Sa-di trở xuống cũng không nêu ra, mà lại nêu bày đồng với tăng.

Trong phần đối thú, thọ pháp chia làm năm:

1- Cầu người khác xem xét.

2- Nói lại tâm tư của mình.

3- Nêu hẹn không lạm quá.

4- Trình bày việc không luống dối.

5- Hẹn trở lại vâng chế.

Trong phần chọn lựa phân biệt khoa đầu nói rằng: Y cứ trong Yết-ma bạch: Tức lời văn duyên khởi thuộc câu thứ ba, không đâu không thêm bớt, đối chiếu đó sẽ thấy. Khoa kế, trong phần chánh minh, trước lập lý, bất trở xuống là phân biệt khác. Ở đời, hễ khi nói về bệnh thường là bảy ngày chuyển, thuốc không làm cho bệnh tăng thêm, cho nên giới hạn bảy ngày.

Kế là khoa nghi, rằng: Bệnh chuyển có thể được, nếu không chuyển quá ngày, pháp lẽ ra phải tùy đó.

Trụ còn như vậy.

Đáp như trong luận: Tức phần nhiều đã thành, như bốn thứ thuốc đã dẫn. Trong lời hỏi đáp đều do đời xưa luống thực hành, vì thế đặc biệt phân biệt chỉ bày.

Trong lời đáp, câu đầu là nghĩa quyết định.

Đây chỉ y cứ về đêm thứ bảy mà nói, chẳng phải cho rằng gồm sáu đêm trước.

Dĩ trở xuống là giải thích lý do. Văn nói bảy ngày, hai trường hợp khác y cứ đồng. Hựu trở xuống chỉ cho sai. Lại phần hai, trước chánh khiển trách vọng thay đổi. Diệc trở xuống do đó bác bỏ lạm dụng.

Đàm-đế Yết-ma sau tùy đó đưa ra pháp sự, việc xong, có người không hiểu lời dạy liền dùng đó.

Hỏi: Hai tôn mất thọ đồng khác nhau như thế nào?

Đáp: Mất pháp thì khác, phá hạ thì đồng.

Luật Tứ Phần nói thọ nhật, ngày hết thì mất.

Luật Thập Tụng nói thọ đêm, đêm hết mới xong.

Và luận về phá hạ đều y cứ ngày thứ tám khi minh tướng xuất hiện.

Sớ chép: Đêm thứ bảy minh tướng chưa hiện thì thuộc về đêm trước, khi minh tướng xuất hiện thì thuộc về ngày thứ tám. Chế bảy ngày đêm phải về trong giới.

Lại chép: Luật Thập Tụng cũng nói đêm thứ bảy phải trở về, trở lại đồng như luật Tứ Phần nào có khác gì.

Hỏi: Các bộ luật lập pháp khác nhau như thế nào?

Đáp: Luật Ngũ Phần có ba phẩm thì đồng với luật Tứ Phần. Luật Thập Tụng có hai: Một là pháp bảy ngày, hai là pháp Yết-ma ba mươi chín đêm. Bộ Tăng-kỳ cũng có hai: Một là bảy ngày, hai là việc Yết-ma xong, đây là pháp khác nhau giảm đồng, các pháp thì khác. Văn chỉ ở thiên sau, tìm xem đó có thể hiểu.

Trong phần các pháp nêu bày duyên, trước nêu ra ý nay lại có hai: Trước chỉ bày duyên đồng tức Tam bảo, v.v... năm trường hợp ở trước. Vì thế, trong luật nói về pháp thọ bảy ngày đã nêu đầy đủ. Nửa tháng, một tháng đều chỉ như trên. Đản trở xuống nói về giới hạn sự khác nhau. Đây là nói duyên riêng chúng và đồng ngày giới hạn dài ngắn là khác. Không đồng trở xuống thứ lớp khiển trách lỗi xưa. Kia do duyên ngắn mà gia pháp dài. Sớ chép: người xưa dùng bảy ngày, về sau có duyên ngắn, thọ một tháng là sai, khiến cho phá hạ, cho nên biết có hai cách giải xưa. Thử trở xuống hai câu là chính khiển trách. Câu trên nghĩa là kết nghiệp, câu dưới tức trái với lời dạy. Dư trở xuống là chỉ pháp thọ lại ở trước.

Trong phần lập pháp nêu chung bốn nhà. Đây cùng các văn khác nhau vì thế phải khéo léo nêu ra.

Lời tựa sớ chép:

1- Hoặc dịch riêng ra (Khải Sư); hoặc y văn luật (tức nay một nhà nương bổn mà tụng); hoặc y cứ theo nghĩa dùng (Quang Sư); hoặc dẫn theo chỗ y cứ duyên khởi (Nguyện Sư). Trong thọ nhật nói rằng trước sư gia đích thân xin (Khải Sư).

2- Cho phép che giấu (Quang Sư).

3- Cho phép sáu đêm (Nguyện Sư).

4- Các sư cận đại không thêm lời xin (tức trong lời tựa thứ hai ở

trước).

Dùng hai văn nầy đối chiếu lại khác nhau.

Như trở xuống là tự thấy. Chỉ hai nhà nghĩa là hai bổn của Khải Sư và Nguyện sư (xưa chỉ Khải, Đế Sư).

Ban đầu, bổn của Khải Sư trước tiên nêu lời xin rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... thọ quá pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng để ra ngoài giới vì duyên sự... vì thế nay trở lại trong giới nầy an cư (nói ba lần) bạch và yết-ma đồng lời sao nầy.

Sớ chép: Đầu, người gia thêm lời xin Yết-ma không ghi ra sợ thành pháp của tăng. Đây là Yết-ma xưa. Kế là bổn của ngài Nguyện Sư văn nầy đã bị mất.

Sớ rằng: Thứ ba, người chỉ cho pháp sáu đêm xin pháp nêu duyên, tụng sự đều xong (trong sáu đêm bạch pháp, trước nêu chỗ phạm, kế xin hành pháp che giấu, sau xin sáu đêm, đã ghi rất rõ).

Ý rõ pháp xin đồng trở xuống là bổn của ngài Quang Sư.

Bạch và yết-ma chỉ trong câu thứ tư thêm rằng: nay tăng cho Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng ra ngoài giới vì duyên sự nay trở về trong giới an cư. Vì thế nói rằng tụng sự đều xong (Tổ Sư nói: Bổn của Nguyện Sư không có lời thêm bớt, nghĩa là y công đức lập sáu duyên mà thôi, không phải thiếu pháp Yết-ma). Trong phần Sư thứ ba, ba câu đầu nêu chỗ đã lập kia. Lời sớ: Người thứ hai tuy chép lời xin, cho phép che giấu hai thiên (nghĩa là trong lời bạch thêm lần thứ hai nên nói là hai thiên). Phải thời đến trước tăng thêm lời xin, bằng lòng rồi sau có lược nêu việc, tác pháp Yết-ma cũng vậy. Đây hoàn toàn y theo bổn của ngài Đàm Đế, nay lược dẫn đó. Xin rằng:

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... ở chỗ nầy an cư xin thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, hoặc một tháng ra ngoài giới vì duyên sự... xong việc sẽ trở lại trong giới nầy an cư. Nay theo tăng xin Yết-ma thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày, một tháng, xin thương xót tác pháp Yết-ma cho tôi (nói ba lần).

Trong phần chánh gia thêm, bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... ở trụ xứ nầy nhập hạ an cư xin thọ pháp bảy ngày, mười bốn ngày, một tháng ra ngoài giới vì duyên sự..., xong việc xin trở về trong giới an cư. Nay theo tăng xin Yết-ma thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng (đây là thêm lời xin). Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng, cho tăng nay Yết-ma cho Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngay, mười lăm ngày, hoặc

một tháng (không thưa rằng vì duyên sự... cho nên nói lược sự).

Trong Yết-ma, câu thứ hai trong duyên ghi lời xin trở xuống thêm rằng: nay tăng Yết-ma cho Tỳ-kheo... thọ pháp bảy ngày, mười lăm ngày hoặc một tháng.

Cứ trở xuống là chỉ lỗi. Đầu sinh khởi hai trước ít thấy nên không bàn ở đây. Đây đã thạnh hành phải biết là lỗi lầm. Nay trở xuống là chánh chỉ bày có bốn:

- Trước là trình bày ý nay để nêu lỗi xưa.

Nội giống như nhập.

- Luật rằng trở về sau là y cứ theo văn mà khiển trách.

- Hữu trở xuống là nêu ra.

- Khiển trách khiến cho dừng trở xuống là khuyên phải nương pháp ở sau.

Câu: Hỏi có được không là phá lời giải xưa.

Sớ chép: Có người định phán nương thọ hạ phá hạ.

Câu: Đáp rằng không mất, sớ chép: Xin tăng xin giảm đều có bằng cớ.

(Ý rõ: Không đâu không phạm tội phi pháp).

Sư thứ tư, sớ chép: Các Sư cận đại không thêm lời xin chỉ y theo bổn mà tụng.

Xưa chỉ bổn của Nguyện Sư: ngài Nguyện Sư sống vào thời Bắc Tề thì không phải cận đại.

Hỏi: Trong bốn phần trước, sao không nêu bổn của ngài Đàm Đế?

Đáp: Vì bổn của ngài Đàm Đế đồng với ngài Quang Sư nên không nêu ra.

Hỏi: Đã trừ lời xin, thì trong Yết-ma lẽ ra phải không trình bày bổn ý?

Đáp: Lời sớ nói người xưa lập duyên thêm bớt, nghĩa là thọ nhật không xin, thiếu duyên thứ tám.

Tổ sư nạn rằng: Thọ nhật mà không xin đâu không phải bảo rằng y cứ theo đây.

Nay khi hành sự thọ phải đầy đủ nghi thức, đến trong tăng bạch rằng: tôi là Tỳ-kheo... muốn thọ pháp mười lăm ngày (hoặc một tháng) ra ngoài giới vì duyên sự..., xong việc sẽ trở về trong giới an cư. Bạch như vậy rồi mới thêm pháp.

Trong pháp một tháng không được hai lần tụng, nghĩa là do trong bổn luật không nêu pháp.

Dưới mười lăm ngày viết tiếp một tháng là dịch lược văn, ý khiến cho tùy trường hợp mà đổi. Thường thường người ngu y theo văn mà đọc, cho nên ở đây ngăn.

Sớ chép: Mười bốn, mười lăm.

Sớ lại hỏi: Sao nói là thọ một tháng mà không nói là quá nửa tháng?

Giải thích rằng: Thọ pháp bảy ngày là riêng một người còn các pháp khác đều thuộc chúng pháp nên chỉ nói bảy ngày. Biết rõ hai pháp kia đều bạch nhị Yết-ma.

Lại nói: Hoặc thọ nửa tháng số ngày đã đủ do gia pháp rằng mười lăm ngày. Hoặc thọ một tháng thì tùy tháng đủ hoặc tháng thiếu mà tính như thế nào, y theo tháng thiếu nên muốn chín ngày, vì thọ một tháng.

Trong ba lựa chọn nói chung nghĩa thọ nhật an cư khác nhau, vì thế nói là Tạp.

Khoa đầu nói mùa hạ nóng là duyên khác, ở đây lược nêu trường hợp khác để khai.

Phải đồng duyên: Vì việc thuận tiện nên duyên khác không được.

Sau chỉ chỗ nêu ra, song cùng với nghi thọ giới trong bộ Tứ Phần có chút ít giống nhau, cũng có thể nêu ra để làm tiêu chuẩn.

Trong phần y xứ, y giới có thể hiểu.

Trong phần y già-lam, văn đầu tức ở trước nói kiết hạ trước, kiết giới sau, cho nên trước nói không.

Hai giới tức Đại giới và Giới tràng.

Nói lìa y: Ở đây nói theo tác pháp nhiếp y, giới tự nhiên cũng không mất.

Khoa kế nói là giới cũ nghĩa là nói trước đây đã có giới.

Nói Phật chế: Tỳ-kheo ở trụ xứ Phật chế trước phải kiết giới, chế phải y theo cương giới đó.

Già-lam có duyên chưa kịp kiết giới, hoặc y thôn, nhà, v.v... xứ có thể y theo giới tự nhiên, hoặc tăng phòng có giới thì nhất định phải y theo giới. Nay người hành pháp có giới, xứ khiến y theo già-lam mà kiết, thì giới tràng tiểu giới tới lui không ngại. Ý cho rằng: Y theo già-lam hoặc y theo giới tùy sở thích của mỗi người. Lại cho rằng văn nầy thuận với xưa (từ trước đến nay nêu ra ba xứ, nghĩa nầy đều là chỉ xưa, rất sai lầm). Kẻ hậu học đều theo thầy mù dẫn đường làm sao cứu được.

Nói thu hẹp lại nghĩa là xả giới già-lam rộng theo giới hẹp được

đúng ý lời dạy. Vì thế, trở xuống chỉ rộng: Lời sớ nói trước vốn không có giới y già-lam mà kiết. Sau nói rằng lập tâm hạnh: Hành hộ theo ý. nếu sau tác pháp cách xa giới tự nhiên thì chỉ y theo chừng hạn của giới tự nhiên. Đã không có nạn duyên thì không thể khai.

Nếu kiết hẹp, bổn có nói y theo giới mới do an cư tùy theo giới tự nhiên trước để định, vì có tác pháp giới trước rồi. Ý trong Yết-ma an cư tùy ý, không cần kiết thêm.

Trong phần kiết chỉ, ở trên đã phán, người giảng vì các lời ký vọng cho rằng thuận với xưa, bèn nói đây là khiển trách xưa. Trên vọng lại thêm vọng, vọng nầy làm sao cùng tận. Vả lại văn trong lời sao, trước sau nghĩa bình nghĩa chuẩn, lời nói kia chẳng phải một há không phải văn đều không chấp.

THIÊN GIẢI THÍCH TỰ TỨ

Giải thích tên nêu bày ý, văn rất rõ ràng. Hành pháp thông bít phải lược chỉ bày. Nghĩa là: Người gồm năm chúng, pháp có ba bậc khác thời thì hạn cuộc xong hạ. Xứ thì chung hai giới, những điều khác thì ở trong văn.

Nói tông yếu: Nếu luận chúng đồng trước nhiếp tăng đại giáo, đây là đồng thuyết giới, ngay nơi pháp [Hàng 10, Ô1 - 247] là tông yếu.

Nếu trị ác, khuất phục tâm kiêu mạn, tâm thanh tịnh càng tăng, các hạnh là hơn hết, ngay nơi hạnh là tông yếu.

Như luật luận rộng lớn các thuyết phiền lụy, ghi chép những điều toát yếu làm thành một thiên thì ngay nơi văn là tông yếu. Ba ý đã giải thích đều thông. Sau, nghĩa thiện càng thiện.

Trong ý tự tứ, hai câu trên ở khoa đầu là nối tiếp phần sinh khởi ở trước. Trong phong tục dùng mười ngày là một tuần. Nhân trở xuống chính nêu bày ý. Hai, là trước nêu ý. Vọng tình rong ruổi bên ngoài, tập quán từ vô thỉ không tự phản chiếu, thế nên phần nhiều mê muội.

Kỷ túng trở xuống là nêu danh, hai câu trên nêu.

Nội trở xuống là giải thích. Hai câu đầu giải thích sự buông lung trên nên mình phải phạm tội. Tức nói từ nghĩa mà thành tâm phát lộ tội lỗi, cho nên nói rằng bên trong nêu bày; thân ngồi dưới đất phát ra lời nói cầu xin sám hối, cho nên nói bên ngoài hiển bày, tức là ba nghiệp. Hột ngọc có vết gọi là hà, người bệnh nói là tỳ, đều để dụ cho người phạm tội. Thân trở xuống một câu là giải thích sự buông lung ở trước, tăng nêu tội, tức nêu bày nghĩa buông lung biếng nhác. Cho nên trở xuống là kết danh.

Nói không cô độc là ba nghiệp nương vào người khác, vì không tự có. Hết lời là lời lẽ đã trình bày, do tự mình thuật lại tội lỗi của mình cho chúng nghe. Trước tức nói chế nương nhau, còn lại là sạch được tội.

Hai, là y cứ có phạm, bốn tức không phạm. Ba là chung cho có không. Lại một là trước sau sinh thiện, hai trung là diệt [hàng 25, Ô1 - 247] ác. Trong phần chế cuối hạ, câu đầu khoa đều là chứng cớ. Nhược trở xuống là giải thích, có hai: Một là trình bày không có ý trước, trên nói tâm đến nhóm họp là chí thành. Cốt yếu là chế, nếu nghịch trở xuống nêu bày lỗi đã nói nêu trước. Nghịch nghĩa là chưa xong nhưng nêu trước, Hai: Cố trở xuống nói phải nêu ý sau. Câu đầu lặp lại chứng cớ trước. Dĩ trở xuống là giải thích. Đầu nêu bày đem rải. Phương nghệ nghĩa là chỗ đã đến. Ắt trở xuống là nói lập pháp. Không riêng mình giảng nói nghĩa là vì mình quá mê muội, chướng đạo, v.v... nghĩa là phải sám hối. Cố trở xuống là kết ý.

Khoa kế, luật luận đều nói rằng xong, chứng trên càng hiển. Trong luận nói trì giới luật, nghĩa là vâng theo giáo luật đã chế. Và các việc lành; Tức y theo hóa giáo. Hóa chế không trái vì thế nói là đều không hủy, v.v...

Trong ngăn quá lạm, hai câu đầu tiên là chính danh.

Khi trở xuống là bỏ đi sự lầm lộn. Xưa, người dùng thưởng công cao năm lợi, khai phá năm giới. Đây là mặc tình hủy phạm để lập tên kia.

Ở đây trở xuống là nêu ý.

Trong phần khai chương nêu lệ nói duyên tập nghĩa là định thời gian lựa người đều phải hợp giáo mới thành pháp.

Nói tạp minh nghĩa là lựa chọn giải thích nghi ngờ không phải một tướng.

Trong phần thời tiết hợp nhuận, trước nói tháng 4, 5, 6, nhuần. Ngày 15-7 y cứ vào người tiền an cư, người trung gian và hậu an cư phần nhiều tùy theo người tiền an cư, vì thí không nêu riêng.

Không y theo nghĩa là kiết trước nhuần sau, đầy đủ như thiên trước, đây tức tùy theo xong hạ tự tứ không hạn cuộc thời tiết. Nhược trở xuống nói tháng 7 nhuần, không tính trước hạ.

Mãn: Đây y cứ theo trung gian và hậu thì nhiều, tiền an cư nhiều, hậu an cư ít cũng tùy theo tiền, tác trụ đợi đủ ngày mà thôi.

Trong thêm bớt: Bớt hai ngày trước, tăng hai nửa tháng sau, dụ cho không đi: Gượng khai hòa hợp đồng thuyết giới, vì thế chỉ như trước.

Trong phần kéo dài ngày: luật nhân có các tỳ-kheo trong mùa an

cư tinh tấn hành đạo được quả tăng thượng, sợ đi đến chỗ khác không được an vui, vì thế bạch Phật, Phật do đó cho phép tác bạch tăng ích tự tứ, bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay không tự tứ. đủ bốn tháng sẽ tự tứ, tác bạch như vậy.

Trong phần nói rõ quyết định: trước định không nạn, nếu trở xuống là nói có nạn.

Trong phần đầu có hai:

Ở đầu dẫn văn để định. Trước nói trongluật: Tức kiền-độ Tự tứ chép rằng: Các Tỳ-kheo muốn ngày 14, 15 tự tứ, Phật nói: cho phép, kế dẫn thí gấp: Câu đầu chỉ chung một giới, câu kế chỉ riêng trong giới, giải thích y thời (y đúng thời) được chứa. Văn kia chép: Nếu trước tự tứ mười ngày (ngày mồng 6 tháng 7) được y thí gấp. Tự tứ xong rồi được chứa một tháng (không được y công đức) năm tháng (có y công đức, đây tức là trước khai mười ngày sau không thêm). Cho đến ngày mai tự tứ, hôm nay được thọ (15 thọ y, ngày 16 tự tứ, nên nói là ngày mai). Ngoài một tháng, năm tháng, lại thêm chín ngày (nghĩa là đầu tháng 7 được y, trước bớt một ngày, sau thêm một ngày, cho đến ngày 15 trước giảm chín ngày sau thêm chín ngày, vì thế nói rằng thứ lớp tăng). Đây nói ngày 16 tự tứ hợp với kiền-độ ba ngày nói trên. Dẫn trong tăng ba, luật chép: Có ba trường hợp tự tứ: 14, 15 và 16 (ngày 16 là ngày đầu tháng hắc ngoạt).

Luật chép trở xuống là chánh quyết định, đây cũng là văn trong kiền-độ, tuy chung ba ngày, hai ngày trước không xong, không phù hợp với ý văn, vì thế lấy ngày 16. Luật trở xuống hai là giải thích ngại. Đầu dẫn văn, đây xuất xứ từ kiền-độ ni sợ người cố chấp nên phải giải thích cho thông. Văn nầy y theo chỗ xa mà nói, chuẩn theo lý phải biết rằng: tăng ngày 15, ni ngày 16, lại nếu ni ở chỗ gần thì không nhọc gì phải cách ngày. Như trở xuống, trong văn đều nêu hai pháp.

Thử trở xuống là chánh giải thích. Hai câu đầu giải thích chung. Nói nương nhau, lời nói giải rằng: Tăng cầu phải trước lúc tự tứ, bạch chúng trị và nêu tội đã phạm, thanh tịnh mới được thọ ni.

Vì thế trở xuống chỉ bày thông, hạn cuộc, đã thông ba. Nay lấy ngày 16 cũng không phải đặc biệt, nên nói là nhất kỳ.

Chữ khắc cũng như chữ ước.

Sợ người không biết trước tự tứ đã ra ngoài giới phá hạ, đời nay phần nhiều bị lỗi nầy. Từ lâu ôm trong lòng mùi vị giáo pháp, nghe đó

nhưng không thực hành, thật đáng thương xót.

Trong phần người đúng sai gồm có ba hạng.

- Đầu tiên trước kết sau phá.
- Hai là hướng về không phá.
- Ba kết có trung gian và hậu an cư.

Sợ nghi hai trường hợp trên không đồng pháp nên ở đây phân biệt để chung thành ứng với lời dạy.

Trong văn, trước nói hai trường hợp đầu. Luật Tứ phần trở xuống chỉ bày một trường hợp sau. Chỉ nói hậu tức là nghĩa gồm trung gian, cũng y cứ phải hướng đến tiền an cư gọi là hậu mà thôi.

Trong phương pháp nêu ba người: Đối pháp tức là chúng pháp, đối thú và tâm niệm.

Trong thêm có hai: Hai phần năm và sáu.

Trong phần đầu, bốn môn đối trở xuống là năm người. Chỉ có môn thứ hai là sai người năm đức. Pháp đơn kép có sai. Ba môn còn lại đều đồng.

Trong duyên khởi, khoa đầu có hai: Trước là chỉ phần chứng của người và pháp; Đương trở xuống là chánh nói về duyên tướng, có bốn: Một là tác tướng; Kế từ các trở xuống là nói về trải tòa, còn lại là pháp sự, giường chiếu cả hai chung. Riêng tự tứ, ở đây chỉ nói ngồi dưới đất. Ba từ luật trở xuống là trải cỏ. Hai câu trên là ngăn lỗi, cậu sau là chỉ bày pháp. Không ở tòa nghĩa là đã có chỗ ngồi. Không ở dưới đất nghĩa là giữ gìn thân và y phải dùng cỏ để nương. Nêu lìa tòa nghĩa là bỏ chiếu đến chỗ cỏ (xưa nói quỳ thẳng là sai). Nhưng không cho ở dưới đất, nghĩa là phải ở trên cỏ mà trong văn không nói, vì thế dẫn luật Ngũ Phần để quyết định. Bốn: từ tinh trở xuống là tu kính.

Khoa kế chỉ đồng như trước tức lời các bài kệ và xướng cáo. Khiến nói chỗ bố-tát đều phải thay đổi, nhưng khi hành sự phải biết thứ lớp. Đến chỗ nói bài kệ thanh tịnh, rồi thì phải dùng Phạm âm. Rải hoa rải nước cũng phải cúng dường (có chỗ nói: Thuyết giới cần pháp cúng dường còn tự tứ không cần là sai. Đây là cúng dường Tam bảo đâu chỉ dùng trong thuyết giới. Lại, pháp tự tứ [Hàng 27, Ô3 -247] chẳng lẽ không cầu cúng dường hay sao?). Phạm âm đã xong, nói kệ truyền hương rồi lên tòa, liền trình bày sự việc bạch chúng. Chọn người có đức sau đó bỉnh bạch pháp sai.

Phương tiếp trở xuống là khoa hành sự. Trong tiểu chúng hai pháp đồng, khác. Đồng pháp nghĩa là khi đã xướng rồi, tiểu chúng ra ngoài đến khi tăng tự tứ rồi đánh chuông kêu vào, y theo thứ lớp ngồi trên cỏ

đối trước vị năm đức mà tự tứ. Biệt pháp nghĩa là đưa thẻ nhập tăng, sai Sa-di làm năm đức, còn các việc khác đồng với tăng.

Trong năm đức, chia làm hai: Năm đức kia nhân pháp vượt qua chỉ phần lược pháp là sau và muốn nêu pháp sai là khác.

Trong phần chọn người, hai câu trên ở khoa đầu là đều nêu. Vị trở xuống là giải thích riêng. Trong năm đức, bốn đức trước là đức chung, như trong phần chia phòng ở thiên trước đã nói, một đức sau là đức riêng.

Trước y cứ theo về người mà giải thích: Phá hạ, là không kiết tiền hạ v.v... người đều phải tự tứ. Ba lần nêu hai lần diệt, giữ lỗi không chịu phát lộ, v.v... không gọi là tự tứ.

Kế y cứ vào thời mà giải thích: Ba ngày là đúng thời, còn lại là phi thời, thêm bớt việc nạn đều phải hiểu.

Ba là y cứ vào pháp: Một pháp rộng, sáu pháp lược, xem duyên hoãn hoặc gấp, đều thích hợp vì thế sớ chép: Các tạp, thị phi, nhiễm tịnh đồng trụ không thích nghi luống lạm, ô nhiễm thêm huân (nghĩa là biết người), biết thời biết pháp (cộng trên thành ba). Không phải người thì không hiển cho nên cần phải có.

Luật trở xuống là nói thứ tự năm đức. Trước nêu năm tướng. Trong mỗi tướng không đối nhau.

Nói biết thời: Cùng với trên đâu có khác, trên là thời tiết, dưới là thời nghị. Nghĩa là so lường tăng hòa hợp, tranh cãi đáng nêu ra (cử tội) thì nêu ngay.

Sớ chép: Cử (nêu) tội dứt sự tranh cãi, không đâu không hòa thuận.

Ý trở xuống là tùy giải thích.

Câu đầu giải thích đức thứ nhất. Câu kế giải thích đức thứ hai. Dục trở xuống ba câu là giải thích đức thứ ba. Cố trở xuống hai câu là giải thích đức thứ tư. Mẫn trở xuống hai câu là giải thích đức thứ năm.

Trong năm đức, hai đức đầu là trí vì có thể quán sát, suy lường. Hai đức tiếp theo là bi vì thường hay cứu khổ. Một đức sau cùng là từ vì có công năng ban vui. Lại đức thứ tư thuộc về miệng, bốn đức còn lại thuộc về tâm. Đây là người có hai thứ năm đức (có người hành sự sai một người có năm đức tự tứ, có người làm năm đức nêu tội).

Hỏi: Đã đủ hai lần năm đức vì sao không gọi là mười đức?

Đáp: Vì tội và việc khác nhau, vì thông và cuộc khác nhau.

Nếu như vậy, ngày nay năm đức từ đâu mà có tên?

Đáp: Dùng phân chia thông, cuộc. Nghĩa gồm chính, y cứ về sự thì

cuộc, theo chánh là tên.

Khoa kế, đầu là bằng chứng, hai là giải thích có ba:

- Đầu là xét bổn tôn, chỉ khiến sai người và trong Yết-ma chỉ ghi một tên, cho nên nói là không rõ.

- Kế là chỉ bày ba luật, đều sai hai người. Chú thích nhiều người nghĩa là đối trước hai người, ba người mà làm pháp sai rồi tùy đó mà đối khởi, lại thay thế nhau trước sau hai người không phải cũng làm.

- Sau dẫn ba ngàn, chính nói lý do.

Tăng tự tứ rồi tức đồng luật Thập Tụng không dùng. Trong đây chỉ lấy ý sai hai người. Trong phần ba, trước khiển trách chuyên chấp trước, nghĩa là theo người sai. Vì thấy bổn tông sai pháp đơn bạch gọi tên. chưa thông các bộ: tức như đã dẫn ở trước.

Hựu trở xuống là khiển trách sự tùy tiện, nay đều như vậy. Huống chi kẻ ngu si luống không thực hành, vọng xen vào hàng tăng, xưng là người có năm đức, danh thì có mà thật ra không có, thực chất không đáng thương xót!

Thập trở xuống là dẫn chứng kẻ hạ tòa hướng về, nghĩa là bậc lạp cao đức trọng không thể làm việc.

Trong pháp sai, khoa đầu trước nói lựa chọn đức, khiến bậc Thượng tọa sai khiến lựa chọn hoặc có thể theo đó mà làm pháp Yết-ma cũng được.

Bất trở xuống là định chỗ, do thế gian lạm hành nên phải chỉ phá. Trong khoa kế, trước nói các pháp Yết-ma còn lại thông truyền dục tịnh, riêng đây có khác nên phải nêu riêng.

Thử trở xuống là nêu bộ khác.

Luật Tăng-kỳ, v.v... đều không khai nên trong phần hỏi hòa, y cứ về chung để đáp sau hiển bày riêng để đáp.

Chỉ như trên: Tức trong thiên Yết-ma.

Trong năm đức hành sự hòa tăng, văn đầu chỉ bày oai nghi. Thời nay, phần nhiều ở trước tăng, lễ rồi hòa bạch không ứng trở xuống là ngăn quấy. Khoa kế, trước chỉ bày đáp riêng. Nhược trở xuống là chỉ đáp chung.

Trong phần hành thảo, khoa đầu có bốn:

1- Chỉ bày chỗ nêu ra như trước đã nói.

2- Đương trở xuống là khiến dự vào giải thích.

Người riêng một việc nghĩa là ý khiến cho đều trải, sợ vải liên tiếp nên phải dùng một nắm tay. Dài hai thước cho phép cắt rồi xếp lại, khiến trải rộng có thể dung chứa một chỗ ngồi để làm tiêu chuẩn.

3- Chí trở xuống: Nói thứ lớp thực hành. Thượng tọa quỳ trao còn những người khác thì không cần.

4- Các trở xuống: Nói trải vải, trước toà là chỗ ngồi dưới đất. Văn chú thích chép: Lại dặn dò tìm kiếm hoặc nói nhất định dự tìm cần gì phải dặn lại. Nay cho rằng văn nầy chú thích phần trải cỏ ở trên. Nghĩa là người năm đức xướng rồi, mới trải sự dung thương tốt, chúng lại đảnh lễ, vì thế khiến cho lãnh thọ trải tòa trước, đợi xướng rồi mới ngồi, có không y theo đây, đặc biệt chú thích chỉ bày. Biện nghĩa là trải cỏ chuẩn bị chỗ ngồi.

Trong phần xướng cáo đến tòa cỏ nghĩa là bảo khiến cho rời chỗ ngồi ngay.

Thiên đãn, v.v...: là dặn dò sau khi tự tứ đầy đủ oai nghi cung kính. Chú giải khiến cho theo đó, chẳng phải cho rằng hợp chúng đều xen nhau quỳ.

Sau nói rằng thấy người năm đức đến mới đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì thế phải biết trước đó ngồi trên cỏ, phần nhiều hiểu lầm khiến cho chúng mỏi mệt, cũng vì không hiểu được văn.

Hỏi: Vì sao phải ngồi trên cỏ?

Đáp: Chỉ có pháp tự tứ này là khác với các pháp sự khác. Vì đến cầu người khác chỉ dạy nên phải biểu hiện sự từ tốn khiêm nhường. Phải trải chiếu, tọa cụ không dùng vải lót, hạ mình như tội phạm. Vì sợ tổn thân y nên trải cỏ.

Sớ chép: Nói rời tòa là bỏ tánh kiêu mạn, trải cỏ là sợ tổn hại, đây là chứng minh, đâu lại nghi ngờ chăng! (Xưa chép: Khi Phật thành đạo, Đồng [Hàng 2, Ô3 - 248] tử Cát Tường đem cỏ đến cúng dường, nay bắt chước theo Đức Phật, do đó lại vọng hiểu bài kệ nhận cỏ, thật rất xuyên tạc, xin dùng lời sớ để chứng nghiệm, phải sớm bỏ đó). Nhưng ngày nay hành sự phần nhiều quen theo tập quán đó cũng dùng một ít cỏ. Dùng tấm lụa năm màu sặc sỡ giống như trẻ con chơi giỡn, lại nhờ tăng quản lý hoặc tịnh nhân phân chia, cho đến xướng cáo tay cầm đội lên đầu, y theo xưa truyền lầm tụng kệ cát tường. Song sau giơ cao tọa cụ rồi ném xuống, thân không rời tòa lại không trải cỏ, trái với chánh pháp, luống nhậm vọng tình, tự khoe khoang mình có thể giảng nói. Còn như hành sự lại theo sự sai lầm, đến chỗ văn nầy thì lòng tin đồng với biển mộng. Huống chi băng tình cố chấp thấy việc tốt không thay đổi, tron đời phải chịu sự vô tri, khi quả báo đến lại thêm sự ngu muội. Biết sai trái sửa lỗi, chỉ có người trí mà thôi.

Trong phần đối thuyết, trước dẫn oai nghi của bậc Thánh, răn

dạy khiến bắt chước theo. Bậc Thánh còn như vậy, kẻ hạ phàm có thể không bẩm thọ được hay sao?

Lời sớ có dẫn rằng: Đức Phật ngồi trên tòa cỏ bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy đều ngồi trên tòa cỏ. Im lặng giây lâu lại bảo các Tỳ-kheo: Ta muốn thọ tuổi, ta có lỗi với mọi người chăng? Lại không phạm thân miệng ý chăng? Nói như vậy ba lần.

Xá-lợi-phất bạch rằng: Ba nghiệp không có lỗi sở dĩ như vậy là vì không ai có thể vượt hơn Đức Phật làm một vị y vương nhãn mục, cả thế giới Đại thiên đều tôn quý thì làm sao có lỗi được.

Kinh Chỉ Tân Tuế chép: Lúc bấy giờ, Tam Thiên đại thiên thế giới rung chuyển sáu cánh. Một vạn Tỳ-kheo được dấu đạo. Tám ngàn Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán. Trên hư không tám muôn bốn ngàn vị trời đều phát tâm Vô Thượng chánh chân đạo ý, v.v...

Trong phần đầu của khoa thứ tư, hai vị năm đức đến, một vị quỳ một vị đứng: Ý nói không phải hai vị nói cùng một lúc. Nay phần nhiều quỳ, thật trái với luật, dầu nói trước sau, nghi xen lẫn nhau, không thể hiển bày riêng khác cũng là phi pháp.

Khoa kế, trong pháp Thượng tọa, trước nói tu kính nghĩa là trong luật do nhóm Tỳ-kheo sáu vị lật ngược y, y quấn cổ, trùm đầu, đắp y trùm kín hai vai, mang giày dép trên đất, ngồi trên giường mà tự tứ, Đức Phật do đó chế phải đầy đủ oai nghi. Luật nêu bốn lễ, văn lược phần cởi giày dép, một pháp thiên đãn ở xứ nầy không thích hợp.

Tăng phải tùy theo bậc Thượng tọa: Trong luật vì vị Thượng tọa đầy đủ oai nghi tự tứ, còn những vị khác vẫn ở ngay tòa. Phật lại chế, đây cũng y cứ khi vị năm đức đến, không phải cho rằng đại chúng đều quỳ.

Trong luật Thập Tụng nói xoa chân nghĩa là gieo mình sát đất duỗi tay xoa chân biểu hiện sự cung kính cùng tột.

Kia lại chép: Nếu hạ tọa thì không được xoa chân, vì trái với nghi thức.

(249) Trong lời trình bày y theo sớ chia làm năm:

- Câu đầu: Chính bạch với người năm đức, cầu được phép nói.
- Câu kế: Văn khi tăng tự tứ.
- Ba: Tôi pháp danh... trở xuống là ứng với pháp trên, trình bày lỗi lầm nhờ tăng nêu tội.
- Bốn: Hoặc thấy, v.v... con có ba căn: Thương xót chỉ bày.

Sớ chép: Giải hạnh đầy đủ nên gọi là Đại đức, niên lạp cao nên gọi là Trưởng lão.

Lại nói rằng: Trước đơn điệp là chỉ bạch với người năm đức, sau song điệp khuyên nhắc chúng tăng (nghĩa là dặn dò tăng). Luật Tăng-kỳ nói rằng Trưởng lão và tăng nói tự tứ nên thông cáo đó.

- Năm: Nếu ta trở xuống là sửa đổi tội lỗi để trở thành người thanh tịnh.

Nói ba lần: KÍnh mong khuyên răn dặn dò không phải là dối trá.

Trở lại bổn tòa nghĩa là trở về chỗ ngồi. Trong luật do vị Thượng tọa quỳ đợi mỏi mệt, bạch Phật, Phật cho phép trở về chỗ ngồi.

Trong phần thứ tọa là lời trình bày sự tu kính giống như Thượng tọa, vì thế chỉ đó.

Trong phần tổng kết, trước dùng hai tòa làm pháp, còn bao nhiêu giống như vậy, vì thế nói là như vậy.

Câu sở dĩ lần lượt đối từng người nói, nghĩa là do cầu người khác chỉ lỗi, khiến cho đại chúng biết tên tội quán sát quy lường có hay không. Nếu khiến nói chung với nhau thì làm sao phân biệt được, cho nên trong luật nếu nói một lần, nói hai lần, nói lén, nói nhanh đều gọi là phi pháp đều là ý nầy.

Trong phần khai nói tùy thân an nghĩa là cũng phải ngồi dưới cỏ, nhưng không đầy đủ oai nghi mà thôi. vì thế, luận chép: Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh vén y, cởi giày dép, quỳ thẳng chấp tay trong thời gian lâu, bệnh nặng thêm, bạch Phật, Phật do đó khai cho.

Trong lời chú nói rằng xin tự tứ nghĩa là trình bày ba lần là xong, không phải cả chúng đều xin. Ở trước nói rằng tùy xin trở lại tòa, đâu không rõ ư?

Trong phần chỗ của vị năm đức là y cứ theo văn trong luật Tăng-kỳ.

Phải y theo vị nghĩa là không sai thứ lớp.

Phá Thập Tụng: Kia thủ tăng, vì đồng ba ngàn oai nghi ở trên.

Trong phần xướng cáo, thời nay hành sự vị năm đức về chỗ mình rồi, chú nguyện hồi hướng, nhưng sau dùng tiếng Phạm nói kệ tự vui mừng (phần nhiều không nói kệ là sai).

Trong phần cử tội, y theo thiên trị, y cứ về tâm trái thuận, thông thâu, sám phạt.

Khoa đầu chia làm hai: Đầu nói vị năm đức do chúng tăng cử, quyết không thiên vị phải y theo pháp mà gia trị.

Hai từ nhược trở xuống là nói người khác cử, sợ tổn giảm phải nghiên cứu đâu là hư, đâu là thật. Trước nói sự căn đều thật, y theo pháp ngăn: Tác cử nhớ nghĩ. Nhược trở xuống là nói sự là thật, mà căn

thì sai lầm.

Phản trị:

Chú giải ở thiên trước, tìm đó sẽ thấy.

Trong phần phản trị, trước chọn vị năm đức không trị có hai nghĩa, vì thế một là chúng sai, hai là vị đầy đủ đức.

Nói suy thắng nghĩa là nghiệm xét gia hình. Kế từ không đồng trở xuống nói người khác phải trị. Ngược với hai nghĩa trước, trong văn đã hiển bày như vậy.

Trong phần tăng đủ thiểu, trước là nêu vị tăng lớn nhất giải thích pháp đầy đủ; sau từ nhược trở xuống nói vị tăng, kế đó vì việc không đủ.

Chỉ có pháp sau là khiến cho phát lộ.

Ni đến thỉnh nói, trước trong phần không có ni là vì khi thuyết giới, ni thỉnh răn dạy nên thân không hiện tiền. Có không đều hỏi, tự tứ không phải như vậy tuy có mà không hỏi.

Trong pháp bạch nhật, khoa đầu chia làm ba:

- Đầu là an cư, ni lập chỗ.
- Hai: Từ chúng trở xuống là tăng tự tứ.
- Ba; Từ đương trở xuống là ni trình bày.

Pháp chỉ biệt: Sau đều nói: Tỳ-kheo-ni tăng an cư rồi, Tỳ-kheo tăng an cư rồi. Tỳ-kheo-ni tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe và nghi. Đại đức thương xót chỉ dạy cho con, nếu con thấy có tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần).

Khoa kế, trước là báo cáo, sau là răn bảo. Lời xưa dùng chung, nay chỉ có vua mới xưng.

Dư trở xuống là chỉ sau.

Kia nói: Khi ni tự tứ, truyền tăng báo cáo, các ni đảnh lễ xin xong, sau đó mới tự tứ.

Trong pháp cách ngày: vì trong đêm tác pháp ni đến không kịp nên chế cho nhóm họp lại, chỉ điều nầy là khác, còn bao nhiêu giống như trước.

Trong phần hỏi dùng dục để ứng đối Yết-ma, nay đã không làm mà chế truyền dục, vì thế phải hỏi để giải thích.

Trong phần đáp, trước nêu bày lý.

Trong tám kính pháp của ni có điều nói phải nương theo tăng mà tự tứ. Chúng không hòa tập vì không y theo tăng, vì thế phần sau luật dẫn chứng. Trước dẫn văn khai lược, xứ trở xuống là phản ánh pháp rộng. Tăng-kỳ trở xuống là y cứ nêu ra. Đầu là nêu văn. Kia nói rằng:

Ni thỉnh răn dạy rồi trở về chùa báo cáo lại. Cũng chế ni tăng nhóm họp hết không thuyết dục.

Do trở xuống là hợp nêu. Trong phần ni đến nói tội trọng: Giới tăng đàn phân vọng trở xuống là nói thân đã có tội không thể tự tứ. Thời nay pháp của ni chế không thực hành, xin cho nghe cũng lại không thấy.

Trong phần lược thuyết nêu rằng tạp hạnh là hai món duyên pháp đều có khác nhau.

Trong phần chỉ duyên khiến lượng thời là việc của vị năm đức, các pháp chọn nêu, kẻ ngu muội chẳng thể kham được, có thể không cẩn thận ư?

Trong phần năm đức đối lược, văn đầu có hai: Trước là nêu khi lược duyên, chỗ có là nêu bốn món. Sau: Từ đương trở xuống chỉ bày lược pháp: Một là trước nói rộng, hai là nói thứ lớp lược. Văn lược nói hai lần.

Sớ chép: Đối năm đức có hai lược, hai lần nói, một lần nói (có người nói không nói lại là sai).

Thọ hai người: Dầu thọ ba người lý cũng không sai, chỉ không được thọ đến bốn người mà thôi.

Trong phần khiển trách sai, trước chỉ ra sai. Hai đầu là hai vị năm đức đều quỳ. Một lúc là hai tòa đều nói. Luật trở xuống là dẫn chứng. Trước dẫn bổn luật do không phải là đặc biệt chế. Kế dẫn luật Thập Tụng. Câu đầu chỉ bày pháp, bất trở xuống là ngăn lỗi có bốn.

Nghịch tác, từ hạ đến thượng (từ thấp đến cao).

Hành hành, là phân chia đều thú.

Siêu vượt, là khoảng cách giữa thứ lớp ngồi.

Xướng chung là hợp chúng đồng nghe.

Trong phần tăng đối lược, trước nêu nạn duyên, ngũ trở xuống là vị năm đức cáo bạch.

Tiện trở xuống là chúng tăng đối thuyết

Sớ chép: Không đối vị năm đức có ba cách lược.

Như một trăm người là năm mươi đối thuyết, lúc kia đây nói ba lần, nói hai lần, nói một lần.

Ba lần nói hướng về pháp, đây là rộng đối với người mà lược. Trở xuống hai thứ nhân pháp đều lược. Trong pháp đơn bạch chỉ đổi hai một là khác. Trong phần nói tác bạch, trước nói phải bạch, bất trở xuống là chọn trước không cần.

Trong phần đi thẳng, câu đầu gồm nêu năm món như trên; sau nêu

riêng món thứ sáu (quảng lược hợp luận khứ có bảy pháp).

Trực (phải đi thẳng) nhĩ khứ là do nạn đến không cho đối thuyết, đây là căn cứ sau khi vị năm đức hòa bạch rồi. Nếu chưa bạch mà nạn đến thì đợi thanh tịnh tự tứ, tức Ngũ Bách Vấn chung một tháng.

Nạn sự ở tiểu giới như trong phần kiết giới đã nói. Nạn nói chung thì cùng khắp, lược để chỉ bày: Thọ thuyết an cư, tự tứ đều dùng nạn vua, nạn nước, nạn lửa, v.v... tám nạn duyên khác đều gọi là nạn. Tăng giảm thuyết tự tứ tức do giới khác có sự đấu tranh, đến đây là nạn.

Tiểu khai: Đều dùng ngay trong giới, không hòa là nạn, tướng duyên đều khác không thể xen lẫn (phần nhiều dùng sai lầm nên ở đây chỉ bày).

Trong pháp năm người, khoa đầu sợ lạm hành là thường có người, vì đồng như trên đều sai hai vị năm đức. Kế là văn chia làm hai:

(1) Trước nói pháp sai: Đầu tiên vấn hòa, kế đó bỉnh pháp, trước sau xen nhau làm năng sở, bất trở xuống là ngăn lạm hành.

(2) Sau từ thủ trở xuống là chánh đối thú tự tứ.

Trong pháp bốn người, văn trước là nêu duyên, tác pháp có thể hiểu. Bốn người, hai người lớn đồng nhỏ khác. Khoa kế, trong phần có thể sám hối tự nói, tức là tự mình cầu người nêu tội của mình. Trong phần không thể sám, khoa đầu là ba phẩm Thâu-lan-giá. Phẩm thượng là ở trong giới đối trước đại chúng sám hối, vì năng sở (người phạm tội và đại chúng) đủ sáu người mới được thực hành.

Trong phần bát thuyết là biểu hiện ý người nầy đã nhập vào nhóm tội.

Giao tức huấn câu. Tăng số không đủ thì không phù hợp với việc trước. Vì thế nói là đều không.

Trong phát lộ, trước y cứ luật Thập Tụng vì đáng hối chưa hối. Vả lại, bạch xong thì đồng như phát lộ. Phạm tức đã phát lộ, các giới khác đã rõ ràng, nghĩa phải tự tứ, vì thế nói là không ngại.

Tứ Phần trở xuống là y cứ nêu, vì không có văn. Trước nêu việc tức trên tòa phát lộ khai cho nghe thuyết giới. Ký trở xuống là nêu đồng, thuyết giới tự tứ, chúng pháp nghĩa không khác. Vì thế trong văn có ba:

Một là tịnh hạnh đồng, vì đều hộ lễ.

Hai là chúng pháp đồng, vì đều nhiếp tăng bổn.

Ba là nhiếp trị đồng, vì có phạm đều phải sám hối. Phát lộ.

Lý trở xuống là sửa lời nói, lẽ ra phải đầy đủ rằng: Các Đại đức nhất tâm niệm! Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... phạm hữu lậu,

tội Tăng tàn, tức trong văn tiếp theo do chúng nói, biết đây tức là tự tứ. Do thân còn mang theo tội phạm nên không thể nói thanh tịnh, phải điệp nhập pháp.

Trước nói: Năm người sắp lên được nêu tội, chỉ bốn người: Cho phép bạch rồi y như thường mà tự tứ, không cần phải sửa văn, vì trong pháp tăng tự tứ không trình bày thanh tịnh.

Trong phần vọng trình bày Phạm-ba-đề: vì nói ba lần, đối với mỗi người đều kệt ba tội (xưa nói hướng về ba vị Tỳ-kheo đều được một lần nêu ra là sai, vì trước đối với một hoặc hai vị, không cần phải nhất định).

Bất trở xuống là chọn khác, kia không nói phạm vì duyên thiếu.

Trong pháp một người, văn trước thứ nhất nói đầy đủ: Do bổn chúng pháp không có người bèn khai, vì thế phân biệt chỗ phải dự định đồng đại chúng; thứ hai từ nhược trở xuống tác pháp có thể hiểu. Khoa kế y cứ vào người giúp việc không thể có hai tướng. Sám hối tội đã phạm, phát lộ lỗi lầm đối với người không thể làm, vì thế cũng cho phép trên tòa phát lộ, ghi vào phạm tự tứ, nên nói rằng y theo trước (lời y theo trước đã làm).

Lại trong thiên thuyết giới, y cứ Ngũ Bách Vấn hướng về bốn phương tăng, sám rồi thuyết giới cũng có thể dùng.

Trong tạp tướng, trước nói duyên pháp, hiển thẳng hành sự. Tướng sai khác, đúng sai của giáo nghĩa đó được nêu ở phần sau, vì thế nói là đại minh.

Trong phần hỏi đáp thứ nhất nói tăng trị đủ nghĩa là trên được thông dưới, vì thế một người đến đối luận. Nếu y cứ hết thì cần phải có hai mươi vị, chẳng phải cho rằng đại chúng được tác pháp đối niệm, chỉ hướng về người phần nhiều có thể thực hành.

Người khác chưa hết: Dưới không nhiếp trên, vì thế bảy nhóm phải chia làm ba vị:

1- Chỉ có tăng trị gồm có ba: Ba-la-di, Tăng tàn và Thâu-lan-giá nặng.

2- Chỉ có biệt trị gồm có sáu: Trung Thâu-lan-giá, Hạ Thâu-lan-giá, Đơn-đề, Đề-xá-ni, Đột-cát-la nặng, Đột-cát-la nhẹ.

3- Chung tăng riêng: Sám hối tội xả đọa.

Tự tứ nhiếp tăng phải giữ tịnh hạnh, bên trong nêu bày trong ẩn giấu, miệng thuật lại dấu vết, vì thế nói rằng cử tâm ứng với tăng. Nhưng hai pháp đối thú và tâm niệm ngôn tướng tuy khác nhau nhưng đều phải thanh tịnh mới trình bày được.

Trong câu hỏi thứ hai, vì chỗ nêu ra không đồng sợ thành nghiêng chấp, vì thế trong phần đáp đều nêu ra pháp chính, tùy người áp dụng.

Luật Tứ Phần chép: Các Tỳ-kheo tự tứ rồi thuyết giới, ngồi lâu mỏi mệt, vì thế bạch Phật, Phật do đó khai cho, văn dẫn lời Phật nói.

Trong phần hỏi thứ ba, luật do nhóm Tỳ-kheo-ni sáu vị đến ngăn Tỳ-kheo chớ vì sáu vị ấy tác pháp Yết-ma và ngăn tự tứ, cho đến sai Thức-xoa, Sa-di-ni, cư sĩ đến ngăn. Phật đều cấm không được đối trước những người này tự tứ. Lại do vua Ba-tư-nặc sai binh lính ủng hộ tăng. Các Tỳ-kheo muốn tự tứ, Phật khiến tránh đi, các văn như trong lời đáp dẫn. Trước nói sai người tránh đi, nhược trở xuống tức tự mình tránh đi. Thời nay không biết phần nhiều cho cư sĩ nữ đến ủng hộ, ồn ào, thật trái với pháp chế, phải đuổi đi.

Trong phần khách đến, trước gồm chỉ bày tăng biệt, theo trong luật tăng tự tứ chưa xong, khách đến hoặc ít, hoặc bằng (khách và chủ số người bằng nhau), hoặc nhiều (khách nhiều hơn chủ) đều tùy theo vị thượng tọa, hạ tọa theo thứ lớp mà tự tứ (văn nầy không dẫn vì dễ biết). Nếu tự tứ rồi và chúng chưa đứng dậy, hoặc đứng dậy rồi có khách đến ít hơn chúng tại bổn xứ nên cho thanh tịnh, nếu không cho thì đúng như pháp mà trị.

Nếu khách bằng hoặc nhiều hơn nên tự tứ lại, không tự tứ lại, thì đúng như pháp mà trị.

Nhược trở xuống là chỉ bày riêng người khác.

Tăng pháp tức năm người đối thú như bốn người, vì thế đều chỉ như trước.

Trong phần hỏi đáp thứ năm về phá hạ rất dễ hiểu.

Nói lìa y: Do chưa nhập y Ca-đề. Trong pháp thọ nhật ở đây cho là ngày mồng 9 tháng 7 thọ, sau dẫn văn để chứng minh.

Sớ chép: Như trong luật đã chế, đến bảy ngày trở lại, nay hạn chế minh tướng xuất hiện, chính ở ngoài giới bặt phần chứng này, vì thế nói là phá hạ.

Lại nói: Ngày mồng 10 tháng 7 thọ bảy ngày, đến ngày thứ bảy là mãn hạ, không đến không phạm.

Trong phần hỏi đáp thứ sáu, luật Tứ Phần nói thọ nhật đến chỗ khác tự tứ và khách đến nhiều ít có nạn, ra ngoài giới đều không phải đương xứ (chỗ đương ở), mà luật Tăng-kỳ kết tội: Chính là chế không duyên liền đến mà thôi.

Trong phần hỏi thứ bảy cho rằng: tăng đúng thời được hiện tiền đúng thời, hai món này thưởng công lao trong mùa hạ, phi thời hai món

thí không phải là điều bàn luận.

Nếu trong hai y đúng thời hiện tiền thí thì hạn cuộc người tiền an cư, trung gian và hậu an cư thì không có phần, như ở sau sẽ nói.

Trong phần đáp, trước dẫn văn nói cho phép, vì tuy là trung gian và hậu an cư nhưng công đức cũng bằng tiền an cư, phá hạ không kiết nhất định không dự phần.

Nhược trở xuống dẫn phòng xá làm lệ. Trong luật nói chia phòng rồi mà còn nhiều thì khai cho khách trụ xứ, trung gian và hậu an cư được thọ phòng xá, hạ rồi phân chia vật có thể dùng đó để lệ chứng.

Trong phần hỏi thứ tám, có duyên khai lược, không có nạn như thế nào, sợ đến nỗi lạm hành nên phải hỏi để quyết nghi. Trong phần đáp, luật nói nhóm tỳ-kheo sáu vị sợ Tỳ-kheo làm pháp yết-ma, nên ngăn tự tứ mới xảy ra các lỗi. Văn nêu bảy trường hợp, năm trường hợp là phi pháp, hai trường hợp là riêng chúng. Do nói một lần, nói hai lần, Phật liền chế, từ nay trở đi nói ba lần tự tứ.

Nói lén là âm thanh nhỏ, Phật dạy tự tứ phải nói rõ ràng để người khác nghe.

Nói mau là nói gấp, Phật dạy tự tứ nên nói từ từ.

Trong phần dạy bảo, trước dạy người tuổi nhỏ. Thứ nhất là hai thầy dự dạy; thứ hai từ dụ trở xuống là vị năm đức coi xét việc dạy.

Mỗi câu nghĩa là tùy theo lời dạy, phải nói theo từng câu, sau dạy tuổi già. Thứ nhất theo phần hỏi đáp ở trước, đầu tiên là đáp đồng; Cố trở xuống là dẫn nêu ra.

Trong phần hỏi đáp thứ chín, trong luật vì người tiền an cư và hậu an cư ở chung, không biết phải theo ai mà tự tứ, liền bạch Phật, trước tiên Phật dạy tùy theo vị Thượng tọa, nhưng trong các vị Thượng tọa có hậu an cư và tiền an cư (chủ khách đều có Thượng tọa). Kế dạy tùy theo cựu trụ, lại cựu trụ cũng có tiền an cư và hậu an cư. Dạy tùy theo số người đông, như văn đã dẫn.

Trong phần hỏi đáp thứ mười, trước dẫn chế giáo định phạm. Bộ Tứ Phần văn thông, sau dẫn bộ Mẫu luận. Đã nói là ra ngoài giới, tức là tăng trụ, không có duyên kết phạm mắc tội Đột-cát-la nhẹ.

Trong văn nói duyên: Hoặc vì Tam bảo, hoặc y cứ vào việc nạn, tùy có trở ngại không thể đi. Luật Ngũ Phần thọ thỉnh chính là y cứ tục xá, vì có phiền não thỉnh chủ nên kết tội Ba-dật-đề nặng.

Không phải chỗ thỉnh tức là tăng xá. Trái với trên thì được đến, y theo trước phạm Đột-cát-la.

Kế y cứ về hóa giáo hiển lỗi có năm. Một, hai rất dễ thấy; hoặc

trở xuống ba câu là ba món. Hai ba xen lẫn nhau. Dùng nghĩa để phân thì trên là keo kiệt dưới là tham cầu. Hoặc có thể, trên thì y cứ vào ruộng nhà vườn rừng, dưới là tiền bạc của báu, ngũ cốc, vải vóc, năm món này không đâu chẳng phải là xan tham. Nhiều sự nghiệp chẳng phải là sự nghiệp của người xuất gia, xa lìa những món này sẽ thành thì có thể biết.

Y Ca-hy-na: Trong luật nói lúc bấy giờ, Đức Phật ngự tại nước Xá-vệ, Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la hạ an cư rồi đến ra mắt Đức Phật, đi giữa đường thì trời mưa y bị ướt hết, trong đó y Tăng-già-lê nặng nên mang theo rất cực nhọc. Lại ở nước nọ thời tiết lạnh Tỳ-kheo dùng y phẩn tảo cũng đến ra mắt Đức Phật, gặp trời mưa, mang theo cũng rất cực nhọc, nhân đó Đức Phật cho phép thọ y công đức, khai cho được năm điều lợi, trong chú thích dịch tên, luận Minh Liễu nói bốn tên. Thứ hai từ thí chủ, ba thứ còn lại công năng. Hai tên trở xuống là tự giải thích.

Nói không bại hoại nghĩa là bổ khuyết cũ, sửa đổi mới (có chỗ nói chứa y dư quá hạn không phạm tội xả đọa là sai).

Vững chắc nghĩa là hai khiến cho năm giới không thiếu sót.

Ấn chú nghĩa là khiến cho chúng được năm điều lợi.

Kế, xưa đổi hai tên có thể hiểu. Năm điều lợi như ở sau sẽ nói, khai cho đều được ích nên đồng gọi là lợi.

Trong phần phân chia chương và tạp xuất: Tức ở sau nói năm lợi, đúng thời, phi thời, v.v...

Khoa đầu trong bổn tông, trước là định chừng hạn thời gian. Đầu tiên dẫn văn ban đầu chỉ bày khai thọ, sau dẫn văn phần sau chứng chế xả. Khoảng giữa là y theo biết năm tháng.

Ưng thọ tức Phật cho phép.

Tiền an cư là từ trung gian và hậu an cư.

Mùa Đông bốn tháng: Tiếp mùa Hạ một tháng cộng chung thành năm tháng. (trang 251).

Như trở xuống là nói ngày khác được thọ. Cố trở xuống là dẫn chứng. Nghĩa (vị) trở xuống là chuyển giải thích.

Chỉ nói rằng liên ngày cho nên biết không hạn cuộc, sở dĩ không cho để qua đêm là vì có hai ý:

1/ Sợ để kéo dài lâu quá thì mất thọ.

2/ Khai quá đáng, quyết phải chế ước.

Luật Thập Tụng chứng ở trước chung một tháng là nói trong văn. Bộ Tứ Phần và Thập Tụng thì nói thọ một tháng, xả chỉ có một ngày. Trở xuống là dẫn trong Mẫu luận cũng như vậy. Trong luật Ngũ Phần

thì phạp thọ giống các bộ, chỉ có pháp xả là khác. Kia y cứ rằng ngày được y đủ số bốn tháng. Sự đồng an cư, trước bớt sau thêm đều chung một tháng. Vì sao cho là khác ư?

Đáp: Y cứ rõ các bộ đều khai bốn tháng, nhưng tông nầy tính đều thấy khác nhau.

Luật Ngũ Phần thì lấy thọ y làm đầu tiên. Luật Tứ Phần dùng Y-ca-đề thường khai không ở trong số nầy. Nếu y cứ ngày rằm tháng 8 thọ không ngại luật Tứ Phần lại thành bốn tháng. Luật Ngũ Phần lại được năm tháng, suy nghĩ đó sẽ biết. Trong Mẫu luận, trước nói thọ xả, sau nói bảy tháng trở xuống tính số ngày. Có sự duyên không kịp nghĩa là y chưa xong, hoặc là do duyên ngại cũng khai cho cách ngày (trong các văn trên lại y cứ vào tác pháp xả, còn lại xả thì không nhất định).

Theo luật Thập Tụng thì không được nhiếp tháng nhuần, vì đây là pháp quá đáng.

Trong y thể có bốn: Một là chỉ bày thể, nếu được y mới tức đúng thời phi thời thí, vốn chẳng phải y công đức; Hai là Đàn việt thì chính là làm y công đức, thí chung cho bảy chúng. Y phẩn tảo trở xuống y theo luật mà có, hoặc là y mới, hoặc là y cũ, vì thế hai câu y đều giải thích y phẩn tảo ở trước mà thôi.

Vật mới gấp tịnh tức y mới ở trước do gấp cũ. Hoán nạp tịnh: Nói y cũ ở trước, không nhọc gì phải gấp lại.

Bất dĩ trở xuống, kế nói cầu xin lìa lỗi, kế lệ có sáu. Năm trường hợp trên chẳng phải như hai y đã giải thích, trở xuống một là hiển như nghĩa là chúng thí thuyết tịnh tài vật (luật Tăng-kỳ cũng nói tịnh tài được làm. Ba, ở trên nói rằng: Tiền ngày đến và ứng pháp, đây đều nói thọ pháp.

Nói ứng pháp: Tức ở sau chọn người bỉnh pháp đều phải hợp giáo.

Bốn: Tứ chu trở xuống là nói tác y pháp (cách may y) lại có ba, trước chỉ bày đê điều. Nói nếu quá đây nghĩa là đại y bảy điều. Nên nói rằng bảy điều hai mươi mốt bức cũng thuộc tăng dần lên.

Ưng tự trở xuống là nói cắt rọc, vả lại chỉ bày hạ y, còn lại có thể nêu ra làm tiêu chuẩn.

Hựu trở xuống là nói sắc tướng. Trong luật do nhóm Tỳ-kheo sáu vị dùng y nhuộm mầu chính, y bằng gấm lụa y mầu trắng, Đức Phật do đó chế giới.

Luật chép: Vì sao tăng không thành y công đức, nghĩa là không giặt, không cuốn, không sửa, không may viền, không cắt bức, không

làm đường biên, không may, không có dây buộc, không làm lá, không may móc, như vậy là tà mạng, xiểm khúc, kích phát. Lìa y qua đêm, y xả đọa không tác tịnh, không đến ngay ngày đó, không đúng pháp thọ y (trái với đây thì đúng pháp có thể hiểu), không may viền bốn biên, không thọ ở trước tăng, hoặc có nạn, hoặc ở ngoài giới, tất cả những trường hợp như vậy đều không thành y công đức, trái với những điều nêu trên thì thành y công đức.

Trong luật Thập Tụng, trước chọn may. Nhược cố trở xuống là chọn lựa thể. Đến gò mả lấy là giải thích y đắp thây chết ở trên. Trong chú thích hòa hợp với văn trước nên biết. Luật Tứ Phần thường dùng y phẩn tảo, cũng không có chỗ lựa chọn.

Nhược điệp trở xuống là chỉ bày đúng như pháp.

Trong Già luận nói y thí gấy và y bố thí đúng thời vốn chẳng phải là y công đức, trải qua đêm cùng thành thọ.

Luật Tăng-kỳ nói chưa dùng tức y mới nói ở trước luật Ngũ Phần nói chẳng phải có bảy. Đều dùng chữ nhược để nêu. Bốn thứ trên là phân biệt y, tức may, thể, mầu sắc lượng đều phi pháp. Thứ năm là lựa thời. Sáu, bảy đều chọn người thọ. Vì thế, xả năm việc: y cứ trên có dùng hai chữ nếu muốn. Năm việc tức năm giới chứa y dư, v.v... Trước nói tham lợi, sau tức khinh thường giới (có chỗ cho rằng năm việc là năm tướng, văn kia không phải như vậy).

Ba, là nói chọn người. Trước trong phần chọn thọ luật Tứ Phần có bốn thứ. Nói có nạn nghĩa là các nạn như nạn vua, v.v... đều không được thọ, tức chọn người thọ. Lời sớ trong giới chép: luật nói: Có nạn không mất y, nay đã bị nạn giặc vì thế không được thọ, không có nạn thì nên thọ (thấy trong giới chốn lan-nhã lìa y, nói là mười ba nạn là lầm).

Không có Tăng-già-lê: chẳng phải ý vốn khai, như trong phần duyên trước.

Câu Nhĩ Vô trở xuống hai y có thành thọ chăng? Trong văn đáp không lựa chọn, suy nghĩ rất dễ biết.

Ở ngoài giới: Vì thân tuy hiện tiền, nhưng tướng không đủ số.

Luật Thiện Kiến, trước lựa chung đúng sai.

Trong văn bao gồm an cư và không an cư.

Nhược trở xuống là chỉ bày ngoài giới, trước không đủ sau đủ. Năm không giải thích.

Trong phần đầu lựa chọn giới khác, không được nói tăng và Sa-di. Tăng là thọ rồi thành giới cụ túc được lợi, và giới hiển đương thành thọ.

Luật Thập Tụng, trước nói phương tiện khai.

Khác giới đồng kiết: Kia nói rằng an cư rồi có bốn bên phòng tăng hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười người hoặc nhiều hơn cùng kiết một giới thọ y Ca-hy-na. Tất cả Tỳ-kheo đều được gọi là Thọ. Sau kiết riêng: Nghĩa là tác pháp thọ rồi liền giải, liền kiết, không phải đủ năm tháng.

Kia hỏi rằng như trên nói tăng phòng cùng kiết, thọ rồi xả đại giới nầy, như vậy các Tỳ-kheo có được gọi là thọ y chăng?

Đáp: Đều gọi là thọ.

Xả là đồng: Như có một chỗ chúng không ưa thích, không có lợi thì không đợi thời gian đủ, hoặc tác pháp xả, hoặc gặp duyên mất, vì không có hại chỗ khác.

Kia hỏi rằng chúng nhiều tăng phòng cùng kiết thọ rồi xả giới nầy, y Ca-hy-na đã xả, như vậy tất cả Tỳ-kheo có gọi là xả không?

Đáp: Xả thì xả, không xả thì không xả. Nay dẫn lời đáp nhưng đổi lời mà thôi.

Hai: Lựa chọn phạm lỗi. Đuổi người tức diệt tẫn, văn kia chỉ nêu bốn hạng người, nay thêm chữ đẳng, lại thâu nêu tẫn và ba lần nêu người để bỏ ra ngoài chúng vì không đồng pháp (các văn không chọn bốn người Yết-ma. Nghĩa rõ dường như được).

Người trì: luật Thập Tụng nói người có năm đức. Bốn đức trước rất dễ hiểu, vị trở xuống là giải thích đức thứ năm.

Được và không được phải y cứ ba trường hợp: Thời, y và người để giải thích.

Luật Thiện Kiến, trước nói dùng y nhiều ít.

Vật quan trọng: Như tiền, của báu, v.v...

Nhược Yết-ma trở xuống, đây là nói đối với năm đức lại chọn thiếu. Do y thuộc kia có thể cứu giúp. Khoa nầy chính là nói chọn vị năm đức trì y.

Lại trong luận chép: Ba y tùy thí chủ nói đều cho người thọ y (tức là vị năm đức), chúng tăng không được thọ y Ca-hy-na (xưa cho rằng đủ năm tháng rồi trả lại, do y nầy cùng với y hoại trong chúng giống nhau, là lầm).

Sớ chép: Hạ trước tiên bạch: Nghĩa là khiến cho tăng quán sát, lâu ngày rất dễ biết, chỗ quán sát có năm:

1- Người không có nhiều công việc vì chuyên giữ y.

2- Không ưa những sự lỗi lầm, vì là chỗ nương của chúng.

3- Người không tham tài, vì chẳng phải vì y nầy.

4- Người có lòng từ bi vì thương xót chúng sinh.

5- Ưa tuệ thí vì giúp cho người khác được lợi ích.

Hỏi: Người giữ y tự mình có được lợi không?

Đáp: Chỉ giữ không thọ nên không được lợi ích.

Hỏi: Ba y đã đầy đủ rồi, lúc thọ phải thế nào?

Đáp: luật Thiện Kiến chép: Đêm y Tỳ-kheo xả rồi, y Tăng-già-lê đã thọ, cầm y Ca-hy-na đến bạch vị Thượng tọa rằng: Tôi dùng pháp trì y Tăng-già-lê làm y Ca-hy-na (theo đây, y trước xả rồi thuyết tịnh. y Ca-hy-na làm pháp thọ trì).

Bốn: Trong phần tác pháp thọ y, khoa đầu luật dạy sai người cũng không nêu pháp.

Luật Tăng-kỳ chép:

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Nay tăng được y tài này, nếu tăng phải thời mà đến, tăng cùng Tỳ-kheo... và các vị khác lấy y Tăng-già-lê làm y Ca-hy-na, tác bạch như vậy.

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Các Đại đức bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp... thì yên lặng, nếu vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp... nên yên lặng, việc này cứ thực hành như vậy.

Khoa kế, trước nói khai chế, không được nói đạo đức: ngăn lời kia nói làm lưu nạn.

Nếu không cùng may, đề cho cách đêm thì không thành thọ.

Sở dĩ trở xuống là chỉ bày ý.

Chư Phật khen ngợi: khiến cho được lợi ích an vui tu đạo. Vì thế luận chép: Xưa có Đức Phật hiệu là Liên Hoa, có một vị đệ tử tên là Tu-xà-đa, may y Ca-hy-na chưa xong, vì thế cùng may với các Tỳ-kheo. Khoa sau chỉ rộng nhưng trình bày ý tóm lược, nay không nêu phần y thể ở trước nhưng văn cũng rõ.

Lại dẫn luật Tăng-kỳ để chỉ bày.

Luật kia chép: Nếu có người cúng thí y công đức không được làm thinh mà thọ, phải nói rằng: nay ta thọ y Ca-hy-na (y công đức). Thọ rồi đến trong, tăng bạch hai lần, báo chúng tăng rằng:

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Nay tăng được y công đức đúng thời này (thời y tài), nếu tăng đến đúng thời, tăng nhận y Ca-hy-na nầy, tác bạch như vậy.

Kế sai người có khả năng may y, hoặc một người hoặc hai, ba người, bạch nhị Yết-ma mà sai. Sai rồi một người làm chủ thọ y công đức. Đúng thời thì nói như vầy: Thọ y Ca-hy-na này tăng đáng thọ (nói

ba lần) nên nói rằng: "Y Ca-hy-na tăng đáng thọ như vậy".

Khi cắt, khi may, khi nhuộm, khi điểm tịnh, hễ chỗ nào làm đều nói ba lần như trên, không nói mà làm cũng thành nhưng mắc tội Việt Tỳ-ni.

Trong phần chánh thọ, khoa đầu:

Điệp rộng: Theo lượng dài, tức là xếp hai đầu, may khíu hai đầu, giữa khíu ba đường, năm đường tức là bốn điệp.

Trong phần bỉnh pháp, trước lựa chọn chúng, gồm các bộ trước, cộng chung có mười một hạng người.

1- Người dữ dục (tức không hiện tiền)

2- Người có nạn (ở đây chung một chúng)

3- Người không có đại y.

4- Giới khác.

5- Trung gian và hậu an cư.

6- Phá hạ.

7- Không kiết hạ.

8- Phạm tội Tăng tàn.

9- Ở riêng.

10- Học hối.

11- Người bị diệt tẫn.

Khiến ngồi riêng: Do người được thọ phải ngồi liên tiếp nhau, để hành sự cho tiện nên không theo thứ lớp.

Tuy trở xuống là ngăn tình.

Sợ cho rằng hai phần trái khác nên trong phần hỏi đáp y cứ đáp chung, chung cho ba pháp sau. Nếu hành riêng thì tùy theo đáp.

Trong cách bạch hỏi: Ở đây khác với pháp tự tứ, bạch trước sau như thế nào?

Đáp: Có người nói y công đức cho phép dạy chung tác bạch, không tác bạch. Trước tòa bạch chúng cho phép tác bạch rồi mới sai. Tự tứ nghiêm chế không suy xét, không hành, trước sai sau mới hòa chúng.

Hoặc có thể: Y công đức ba pháp đều là vị Thượng tọa làm. Tự tứ bạch, hòa phải do người năm đức bỉnh bạch, vì thế khác nhau.

Lại nói, Chế pháp không đồng không cần so sánh.

Trong phần sai người, chú thích nêu lên nghi thức.

Cùng với một Tỳ-kheo: Nghĩa là đối diện nhau hỏi đáp, văn giống như đối với riêng người khác, y cứ theo luật tức vị có năm đức.

Trong phần cho y, văn đầu tiên chỉ bày vị năm đức đầy đủ oai nghi.

Đương trở xuống trong duyên vị Thượng tọa làm pháp Yết-ma. Có thể chia y tức gọi là vật khinh, đây là điệp duyên.

Tăng trở xuống là điệp bổn.

Hai câu trên nêu ra tăng chúng giao y.

Tỳ-kheo nầy trở xuống là nói người năm đức thọ y.

Trong phần thọ y, khoa kế là Thượng tọa quỳ: y cứ trở xuống đều như vậy.

Khước hành tức thân lui về.

Cho nên tự tứ đối trước hai người, ba người, nay đối trước bốn người, suy nghĩ sẽ hiểu.

Trong lời nêu bày có ba:

1- Vị năm đức tác pháp chưa thọ khiến thọ, gọi là Đương, chánh thọ nay kết, gọi là dĩ.

2-Trong lời tăng thọ nói kia thọ tức chỉ chung chúng tăng, khéo thọ thì không phạm lỗi phi pháp.

Nói trong đây là chỉ chỗ thọ y. Y tên là công đức, tên phải có thật, công đã thuộc về ta, sẽ được năm điều lợi, mỗi mỗi nói không phải là hợp tụng.

3- Vị có năm đức đối đáp.

Bốn người nói rồi đều dùng một lần đáp (luật Tứ Phần tuy có tăng pháp. Bộ Tăng-kỳ khai đối thú, tâm niệm thọ là đúng, bộ nầy thì khác nên không dẫn).

Trong pháp xả: Trong luật do Có nhóm Tỳ-kheo sáu vị không chịu xả y công đức vì muốn kéo dài năm việc lợi. Vì thế Phật do đó mà chế xả. Nếu không xả quá chừng hạn của y công đức phạm tội Đột-cát-la.

Trong bổn bộ, hai phần trước của khoa đầu rất dễ hiểu. Hựu trở xuống: Luật nói có tám nhân duyên xả y công đức.

1- Ra đi (may rồi không trở lại, ý muốn ra đi thì liền mất, vì khi thọ có tâm muốn, sau trái đó nên mất).

2- Y may thành (ra ngoài giới may y, may xong rồi dần mất).

3- Y may chưa thành (ra ngoài giới khởi ý niệm không may y cũng không trả y lại, may chưa thành tức xả).

4- Mất y (ra ngoài giới may y rồi mất y, cũng mất y công đức).

5- Mất hy vọng (ra ngoài giới hy vọng may y đến (vọng xứ), không hy vọng liền mất).

6- Nghe xả (ra ngoài giới may y rồi, nghe tăng xả y công đức, liền mất).

7- Ra ngoài giới (ra ngoài giới may y rồi, ở ngoài giới chúng tăng

xả y công đức liền mất).

8- Đồng xả (ở ngoài giới may y, hoặc rồi hoặc chưa rồi, trở lại trụ xứ hòa hợp xả y công đức).

Năm trường hợp trước trái với tâm bổn yếu cho nên mất, ba trường hợp sau lại nhân Yết-ma mà xả.

Hỏi: Ba trường hợp sau có gì khác với ở trước tăng hòa hợp mà xả?

Đáp: Trước là thời gian đủ, ba trường hợp sau không nhất định, nên khác nhau.

Trong phần hiển bày riêng, trước nói hỏi hòa: Trong luật chỉ có pháp Yết-ma nầy và tựa giới bổn trước đã nêu đầy đủ, còn bao nhiêu đều nêu dùng vì thế phải chỉ bày rõ cho biết chỗ nêu ra.

Trong văn sáu duyên, lại y cứ lời hỏi phải đủ mười, như trong thiên trước. Bộ khác và luật Tăng [hàng 21, Ô2 - 252] -kỳ có mười trường hợp xả y:

1- Y may xong thành xả (thọ rồi nghĩ rằng y may thành rồi sẽ xả, khi may xong rồi liền xả).

2-Khi thọ xả (nghĩ rằng khi thọ y xả, khi thọ liền xả).

3- Thời gian đủ rồi xả (nghĩ rằng đúng thời gian đó xả, đến kỳ hạn đủ liền xả).

4- Nghe xả (nghĩ rằng nghe Hòa-thượng xả, lúc đó sẽ xả, khi nghe liền xả).

5. Đưa cho xả (nghĩ y này cho người khác mình sẽ xả, khi đưa cho người khác liền xả).

6- Hoại xả (thọ rồi, trung gian tự nói nay ta xả, khi nói lời này liền xả).

7- Mất xả (nghĩ rằng y nầy trung gian (khoảng thời gian sau khi thọ) hư hoại hoặc mất không còn sẽ xả. Khi hư hoại hoặc mất liền xả).

8- Ra đi xả (nghĩ rằng khi đi sẽ xả, khi đi liền xả).

9- Quá thời xả (như lời sao đã nói, kia nói mắc tội việt Tỳ-ni).

10- Rốt ráo xả (đến ngày rằm tháng chạp ở trong tăng một người xướng rằng: Bạch Đại đức tăng! Ngày nay tăng xả y Ca-hy-na, (nói ba lần như vậy).

Chỉ các bộ khác là luật Ngũ Phần có tám trường hợp mất y:

1- Thời xong (tức bộ Tăng-kỳ nói quá thời).

2- Mất y.

3- Nghe mất.

4- Đi xa.

5- Mất hy vọng.

6- Y đem ra ngoài giới (đem y công đức ra ngoài giới qua đêm).

7- Người ra ngoài giới (Đồng với luật Tứ Phần người ra ngoài giới qua đêm).

8- Bạch nhị xả (Tứ Phần thì đơn bạch).

Liễu luận có tám:

1- Xong.

2- Thành tựu.

3- Xuất ly (đồng với đi xa ở trước).

4- Mất.

5- Nghe.

6- Quá vị.

7- Mất hy vọng.

8- Cùng dứt trừ (tác pháp trừ).

Mười thứ như luật Tăng-kỳ ở trên.

Đều tùy trở xuống, chỉ bày ý chung của các văn.

Trái bổn tâm: y cứ nhiều phần, trong đó không chỗ nào không làm pháp quá thời.

Trong năm điều lợi nêu rằng thông bít: Thông tức năm tháng, được lợi, bít tức ngoài thời không khai (trong đây chỉ nói có y năm tháng, kia một tháng thường khai. Như thiên an cư không đồng xen lạm nhau).

Trong thông bít, trước nêu chung năm tướng.

Gồm khai tám tội chứa y dư nhiếp ba. Lìa y gồm hai, giải thích tướng nói đủ, đều chỉ như sau.

Sở dĩ khai: Hạ xong rồi, người quản y ra ngoài có nhiều việc. Nếu không khai thông, thì chung thành cứu giúp.

Theo luật Thập Tụng được chín việc:

1- Mười đêm.

2- Sáu đêm.

3- Một đêm.

4- Năm duyên giữ y Tăng-già-lê (1/ Sợ hãi; 2/ Mưa gió; 3/ Giữ đại y; 4/ Giặt nhuộm; 5/ Đem cất).

5- Năm duyên giữ áo mưa.

6- Thường ăn.

7- Ăn riêng chúng.

8 và 9 hai thời không bạch mà vào xóm làng (luật Tứ Phần không khai phi thời, bộ khác không đồng).

Kỳ trở xuống riêng chọn chứa y dư. Trước nói về giới hạn, trong

một năm, năm tháng là đúng thời, bảy tháng là phi thời. Dũ trở xuống là giữ tướng nhiếp thời, mười ngày khai thọ cấp thí, tức phi thời nhiếp đúng thời.

Câu tự tứ xong rồi không vì an cư mà thí: Thời nhiếp phi thời. Trong phần răn dè tâm bình đẳng, sợ đối với lợi dưỡng được mất mà động lòng. Vì thế dẫn kinh chỉ bày khiến tâm bình đẳng. Trước nêu bốn pháp, tức tám gió thổi, bốn trái bốn thuận. Văn trước nêu trái vì thế nói là bốn, sau mới hợp lại giải thích thì nói rằng tám pháp. Không sợ là tâm bình đẳng. Trước là riêng giải thích thứ nhất đây là y cứ ý. Ba còn lại là nhân dẫn, cho nên không nói.

Tám pháp: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ và lạc. Bốn trái đối với trên, bốn thuận trái nhau có thể biết. Trên là tu cho mình, vi trở xuống là chỉ người khác. Được mất, vinh nhục đều là bổn nghiệp duyên, gió trái thuận đến không ưa thích.

Tứ Phần Luật Hành Sự Sao Tư Trì Ký- Quyển thượng Phần 4 xong

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

Sa-môn Thích Nguyên Chiếu ở Dư Hàng, đời Đại Tống soạn.

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 1 - 1)

Quyển trung đề hiệu đều đồng phần giải thích trước, văn nêu bốn thiên, gồm nói về tự hạnh, không đâu chẳng phải là lìa ác, hộ bổn đã thọ. Y cứ theo thứ lớp thực hành thì đức thành có dụng, hợp thành quyển thượng. Nay hướng về vị trụ trì công có hơn kém cho nên có thứ lớp. Trong phần nêu thiên; các thiên trên dưới đều y cứ theo Yết-ma. Bốn thiên của quyển nầy đều y theo giới bổn, ba quyển trước là tinh trì, một quyển sau là hối. Lại trong ba quyển trên, hai trước tùy văn, thứ ba gồm nghĩa. Lại trong hai quyển trước, một là giải tên chung, hai là giải tướng khác nhau. Có các trường hợp khác này do đó chia ra.

THIÊN GIẢI THÍCH THIÊN, TỤ

Thiên tụ: Là nhiếp đại khoa của phạm, y cứ vào cương yếu của sự dứt trừ. Phân biệt nghiệp nặng nhẹ để quyết định quả báo sâu cạn.

Thiên là tên của chương phẩm, nghĩa là tội chia ra cuộc đoạn. Tụ là hiệu của tụ tập, nghĩa là phạm có điều lưu. Thiên xuất xứ ở bộ Tăng-kỳ, tụ xuất xứ ở Bổn luật, tên khác mà nghĩa thì một, vì thế ở đây nêu cả hai.

Lời sớ dẫn lời giải thích xưa, đủ ba điều kiện đồng nhau. Tên Thiên:

1- Tên đồng: Năm thiên đều đồng tên nên tên đều bình đẳng.

2- Thể đồng (phạm sám hối đồng).

3- Rốt ráo đồng (không các thiên phương tiện).

Không đáng gọi là tụ như Thâu-lan-giá, Đột-cát-la, chỉ có danh đồng, thể không đồng (tội Thâu-lan-giá chia ra ba cách sám, tội Đột-cát-la hai cách hối). Rốt ráo không đồng (tội Thâu-lan-giá đầu, hai tùng sinh, Đột-cát-la chung cho các thiên phương tiện).

Nay Sư không như vậy, Thiên và Tụ là tên chung, không cần đối

riêng. Chỉ y cứ theo năm thiên bảy Tụ để chia đồng và xen lẫn. Vì thế, Sớ chép: Dầu khiến tụ từ nghĩa năm vị đủ ba điều kiện đồng nhau, thiên tên tùy bảy tụ, bản nhân tạp nhiếp.

Hỏi: Nếu y cứ theo giới bổn thì tự có tám thiên, nay chia ra năm thiên bảy tụ, làm sao đối nhau?

Đáp: Nay nói thiên và tụ không hạn cuộc giới bổn, chỉ đặt tên gồm thâu các tội. Nếu dùng năm để đối giới bổn thì ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề và chín mươi pháp Ba-dật-đề hợp tại thành một. Hai pháp bất định và bảy pháp diệt tránh gồm quy về Đột-cát-la. Song bổn lập tên không theo văn tướng chỉ khiến luật nghi đã chế, cảnh khắp trần sa, nhân quả nặng nhẹ đều quy về năm thiên bảy tụ. Nhưng năm thiên thâu nhiếp căn bản, bảy tụ tạp bổn cho là khác mà thôi.

Hỏi: Một tụ Đột-cát-la nghĩa ba đồng (quân) thiếu đó làm sao xếp vào năm thiên?

Đáp: Vì thế trở xuống trong văn đồng tạp phân chia y cứ vào bốn quyển trước. Nay y theo lời sớ trong giới, lại nói theo một trăm giới của giới bổn để, trong Đề thiên, tụ nói thông "danh" "báo" ở sau. "Danh" "báo" nói khác tức hai môn sau:

- Danh nghĩa là giáo chế ra hình phạt.
- Báo là nhân cảm quả.

Tìm danh thì biết giáo; quán quả thì rõ nhân.

Chương nầy đối với những việc này mà thấy đó (có bổn ghi rằng lại báo là lầm).

Theo ý tôi, hai câu trên của khoa trước, là trưng, thật trở xuống là giải thích lý do.

Giới thể là nền tảng của Thánh đạo, chứa nhóm pháp lành, siêu vượt cõi trời, cõi người, có khả năng nhận sự cúng dường của mọi người, sinh phước làm lợi ích chúng sinh, thật do đây mà thôi.

Thị trở xuống là dẫn chứng: Thọ nghĩa là thọ thể; Trì nghĩa là tùy hành; Tánh tức là thể.

Khoa kế, trước nói thuận ích, hai câu trên hạnh tự lợi, câu trước dụ cho chỉ trì, câu sau dụ cho tác trì. Hoặc có thể câu trước là ý nghiệp, câu sau là thân miệng thể thanh tịnh. Tánh của ngọc là trong sáng, lìa sự ô nhiễm thành đức, nên dùng để thí dụ.

Nãi trở xuống là hạnh lợi tha, câu trên là hiển công, câu dưới là nói tên. Hạt giống thiện, ruộng phước pháp và dụ, cả hai đều nêu. Nếu nói về thể thọ cũng gọi là hạt giống thiện. Nay đối với sự sống của hạt giống đó nên dụ như ruộng.

Bất trở xuống là nói trái, tổn hại. Câu đầu chỉ tâm năng phạm, ngược với hai trì ở trên nên nói không phải như vậy.

Túng nghĩa là mặc sức buông lung theo dục tình.

Cự nghĩa là trái nghịch với lời dạy của Đức Phật, câu kế chỉ lỗi đã phạm, không ra ngoài hai phạm: Biếu tặng và y.

Thích nghĩa là lo buồn, chung cho nhân quả. Tội do tâm tạo không phải do người khác thêm cho mình, đây là tự tặng mà thôi.

Tiện trở xuống là giải thích y thích ở trên. Câu trên là thành nhân, câu dưới là cảm quả, mắc tội.

Ngục: Tiếng Phạm là Nại-lạc-ca, Hán dịch là Thọ khổ khí. Lạc-ca, Hán dịch là thọ khổ, tức y báo chánh báo.

Luận Trí Độ nói có mười sáu ngục; tám ngục nóng và tám ngục lạnh.

- Tám ngục nóng là:

1- Hầm than

2- Nước tiểu sôi

3- Rừng cháy

4- Rừng kiếm

5- Đường đao

6- Rừng gai sắt

7- Sông mặn

8- Cọc đồng

Lại tám ngục nầy, mỗi ngục có bốn cửa, mỗi cửa có bốn ngục Du tăng (thêm tội chịu khổ) dữ dội.

1- Đường ổi

2- Phẩn sôi

3- Dao nhọn

4- Sông sôi.

- Tám ngục nóng là:

1- Át-phù-đà

2- Ni-la-phù-đà

3- Ha-la-la

4- A-bà-bà

5- Hầu-hầu

6- Âu-ba-la

7- Ba-đầu-ma

8- Ma-ha Ba-đầu-ma.

Đều ở dưới Châu Thiệm-bộ bên cạnh đại địa ngục, kinh luận nói

danh tướng của địa ngục có nhiều khác nhau, vả lại y cứ một văn mà nói có hai loại tám ngục mà thôi.

Cố trở xuống là nêu bày ý của lời dạy, do Thiên và Tụ đều quy về trì và phạm. Nói phạm là trái, trì là thuận. Trong văn năm thiên bảy tụ đều đối trì và phạm, là văn nương nhau, nghĩa không nghiêng lệch.

Trong phần ba nói tổn, hai câu đầu nói tánh thuần, hai câu kế nói không học. Điều lệ tức phẩm loại của thiên và tụ. Hiến chương nghĩa là tướng phạm, không phạm.

Tùy trở xuống nói mê mờ giáo luật.

Tùy giới tức giới tướng.

Vụ du quán hải (sương mù mà đi xem biển) đều dụ không rõ ràng.

Trí trở xuống là bày lỗi. Hai câu trên nói tùy theo trần mà ưa thích, vì thế nói quên trở về. Hai câu dưới mặc tình theo nghiệp mà sinh nên không biết tỉnh lại, đi không trở lại.

Kinh Đại Tập có chép: Xưa có một người tránh hai con voi say (sinh tử) buộc một sợ dây (mạng căn) thả xuống giếng (vô thường), có hai con chuột trắng và đen (ngày đêm) cắn đứt sợi dây, bên cạnh có bốn con rắn muốn chích nọc độc (bốn đại), dưới có ba con rồng phun lửa, giương móng chống cự (ba độc). Người đó ngước lên nhìn; thấy hai con voi đã ở bên trên thành giếng, buồn lo không biết chỗ nào nương dựa. Bỗng lúc đó có con ong bay qua nhỏ giọt mật vào miệng (năm dục), người đó nuốt mật này vào, quên hết nguy hiểm sợ sệt. Nay dụ Tỳ-kheo không sợ các điều khổ, tham đắm năm món dục không có tâm nhàm chán, vì thế trở xuống là dẫn chứng.

Kia chép: Phá giới mà nhận sự cúng thí sẽ chiêu cảm quả báo hiện tiền, bụng thì bị vỡ ra, y ca-sa lìa thân, hoặc không có tướng nầy thì sẽ bị sinh báo cho nên nói là vân vân. Trong phần lập Thiên thứ tư, trước nêu căn bản của nghiệp báo. Nghiệp là nhân, nghĩa là chỗ thành của hai tội phạm. Báo là quả, nghĩa là đọa địa ngục trong kiếp số. Nhân quả đều do tâm, nói chung lớn nhỏ. Y cứ về giáo thì giới hạn, lựa chia ra cạn sâu. Ất trở xuống nêu bày ý lựa chọn. Hai câu đầu chỉ bày văn, sau giải thích tướng, vì thế nói rằng trước phô trương. Nhân quả tức khoa sau trong phần quả báo phạm tội, trước sinh khởi nghiệp, tức nói nhân sau dẫn văn nói quả. Tướng hiệu là danh nghĩa của sáu tụ. Đối trở xuống hai môn, văn nêu không thứ lớp, theo lời thuận tiện vốn không có ý khác. Sử trở xuống là hiển ý. Phật tử là nói chung những người vâng hành pháp sau nầy. Y cứ về đại thì khen ngợi tốt đẹp sâu xa phù hợp với

tôn ý. Quán quả: Thấy quả báo khổ nhiều kiếp. Biết nhân: là suy.

Do giáo mà biết, đã biết thì phải sợ. Vả lại, tâm duyên vào cảnh mà phát, quả từ nhân mà thành. Tạo tội chịu báo bị đắm chìm nhiều kiếp, đến khi nhân duyên hội ngộ thì hình ảnh không sai. Đến chỗ lửa cháy, nước sôi đau khổ không thể chịu nổi, sương lạnh đóng băng kêu không thể nghe. Muôn điều khổ xung đột vào tâm như sắt nấu nóng chảy chứa nhóm lại. Lại suy nghĩ đến nghiệp tuy sám hối cũng không kịp, mang lông đội sừng làm loài vật bay lên hư không hoặc lội dưới nước, mạng sống bị phụ thuộc bởi người giết mổ, hoặc kẻ săn bắn máu thịt phó thác cho bồi bếp. Hoặc bị đuốc lửa quơ vào miệng, kim chân cổ họng đói khát đau khổ thân thể, máu huyết dơ uế ăn nuốt để sống.

Sau nêu địa ngục Nê-lê, lại nói về quả báo chung. Tùy nghiệp đã gây ra mà đọa vào ba đường ác, tạp loại này sao không chịu tin ư? Họa phước không có cửa, lên xuống do mình, huống gì kinh Phật đã chỉ bày rộng, Tổ dạy rõ ràng, chứa nhóm điều ác sâu dày, lơ là không kính tin Phật pháp. Than ôi! Loài hàm linh cò bay máy cựa sinh tử mờ mịt. Phương tiện nhiều cửa, ai một phen ngộ được?

Câu "đâu để ca sa lìa thân" là nói không tiếc thân người, ở trên đám ruộng phước tốt mà tự sinh gai góc. Trong câu "vả lại: Người có thể dùng lời nói trên". Người trí nói phải có ba điều suy nghĩ, thấy điều ác như rơi vào nước nóng, gặp việc lành thường nghĩ không bằng, mới gọi là Phật tử, có chút phần tương ưng với sa-môn, thấy quả biết được nhân kia.

Lời tuy rườm rà nhưng y đâu có cùng tận.

Trong phần khai chương, khoa đầu trước nói giới hộ: Muốn nói thiên, tụ nghiêm khắc, phạm thì quả báo nặng. Thật là do công sâu đã thọ, đến nỗi khiến người có trái phạm thì sẽ bị hình phạt nặng. Đặc biệt trước chỉ bày, sau mới hiển bày văn. Tông tức là bổn. Trong phần nói hộ giới, khoa đầu trước chứng khởi. Do trở xuống là giải thích chung. Định tuệ nương nhân vì là tông chủ của muôn hạnh nên nói là sinh thiện. Khuôn nhiếp tăng tông, duyên trì Phật pháp nên nói là kiến lập mạnh mẽ. Lược nêu hai mối để bày thể dụng.

Nêu tông, cái gọi là thuận thì Tam bảo trụ trì, nói việc Tỳ-kheo, trái thì hủy diệt chánh pháp, lại gieo trồng nghiệp khổ, tức đồng với ý này.

Trong phần dẫn luận nêu, trước chỉ bày xuất xư. Nói hộ giới: Nêu hạnh là thể, gồm thâu pháp tướng. Vị trở xuống giải thích danh tướng, đầu tiên phân đối hoặc nghiệp.

Luận kia nghiêm trị tâm hoặc trong ba cõi gọi là đối trị hộ, vì thế nói rằng ở nơi tâm. Ngăn ngừa thân miệng tà nghiệp thì gọi là giới hộ, vì thế nói rằng từ thân miệng. Có hộ trở xuống là chỉ bày đơn phức.

Do hoặc là cội gốc của nghiệp, nếu chỉ giữ tâm hoặc không đến thân miệng nên nói là không cần có giới. Lại nghiệp nương hoặc mà thành, nếu ngăn ngừa tà nghiệp phải gồm ngăn ngừa tâm, vì thế nói rằng kia nhất định là hộ. Song hộ là để trị hoặc nghiệp, chẳng phải cho rằng lý quán tức là giới hạnh. Luận kia cho đó là "hoặc tỳ-ni".

Trong kinh chưa rõ văn nào, hoặc sợ lời sớ đã dẫn (xưa nói: Trong luận tự chỉ bày: Xét trong đó không có văn).

Trong phần nêu giải thích tám đoạn, mỗi đoạn đều có pháp dụ. Ba đoạn trước là dụ cho giới thể, năm đoạn sau đều nói giữ gìn tức dụ cho giới hạnh. Bốn cùng với đầu xen lẫn. Trước dùng Vương tự dụ thẳng thọ thể, sau dùng (cha thương con) để dụ tùy hạnh. Mắt dụ cho chánh kiến. Lương thực ví như trợ đạo. Quốc (nước) nghĩa là đầy đủ thuốc công đức tức trừ chướng, tìm xem văn có thể biết.

Trong phần ba nói như ý châu: Trong luận Trí Độ chép: Trong óc của rồng nhả ra, chúng sinh được châu như ý nầy sẽ dứt được sự nghèo cùng, diệt được các sự độc hại (hoặc nói rằng trong tim chim cánh vàng, hoặc nói là xá-lợi Cổ Phật.

Đường lành là trời, người, bồ-đề là quả Phật, giữa lược ba thừa, vì thế nói là cho đến.

Trong phần bảy nói ba việc túc tài nghĩa là nước giàu có.

Dục trần nghĩa là các cảnh sắc, thinh, v.v...

Câu "Quốc Túc Trần là vua" ý nói vừa ý.

Cố trở xuống: Do tâm an hợp. Chánh pháp tức thể lại hiệu, không để mất việc kia.

Trong phần hợp pháp, từ vô lượng trở xuống ba câu là phối hợp với ba việc trước.

Trong phần kết khuyên nói công nghiệp trọng: Gồm tám dụ trên quy về hai nghĩa trước, còn lại đều trong phần sinh thiện. Trong một, bốn và bảy dụ công lao kiến lập mạnh mẽ.

Kế nói về thiên và tụ.

Trong phần chánh, khoa đầu trước nêu bày danh số xen nhau. Năm thiên thủ đồng đều, bảy tụ y cứ tạp, nhưng chia ra thân miệng nên nói rằng y cứ nghĩa.

Tội Đột-cát-la chúng đủ hai phần, tội không khác thể nên chỉ có sáu.

Hỏi: Trước dẫn lời giải xưa định năm là thiên, bảy là tụ. Nay trước sau các phần đều có năm thiên bảy tụ, như vậy trở lại đồng với chấp xưa, vậy ý kia thế nào?

Đáp: Chỉ phản hạn cuộc kia, tức nêu bày tên chung của thiên, tụ. Đã nói rằng cả hai thông, tùy dùng có ý mà không thể được.

Nay trở xuống là y cứ về kết tội để nêu tên.

Trong phần Phật xuất, tiếng Phạm đặt ra hình danh nầy, xứ nầy vốn không có làm sao đối chiếu giải thích.

Cố trở xuống các tên hoặc là vọng thánh đạo (như Ba-la-di, Thâu-lan-giá), hoặc y cứ vào hạnh nghiệp [Ba-la-di, Tăng tàn, Đột-cát-la), hoặc đối chúng pháp (Ba-la-di, Tăng tàn), hoặc đến lai báo (Ba-la-di, Ba-dật-đề) hoặc từ sám pháp (Tăng tàn, Xả đọa, Đề-xá-ni) đại lược như vậy, còn bao nhiêu như sau giải thích.

Đầu, trong tụ Ba-la-di, bộ Tăng-kỳ câu đầu gồm phiên dịch, ba phần sau là giải thích riêng, đầy đủ ba nghĩa nêu bày cực ác. Nghĩa lui sụt ở trước như phần hỏi đáp sau.

Hai hạng tăng: Giống như bốn phần sau:

Đọa A-tỳ: Trong kinh Mục-liên vẫn chỉ nêu bày kiếp số không nêu tên ngục.

Trong Tạp Tâm nói đọa vào địa ngục Viễm Nhiệt một ngày một đêm. Văn đây phán quyết, kinh Thập Luân đều nói A-tỳ tức ngục vô gián.

Như kinh Niết-bàn chép: Trong đó không có một chút tạm vui (vì thường chịu khổ), không có một chỗ trống (thân và địa ngục đều tám muôn do-tuần) vì thế nói là Vô Gián. Người trí thấy việc nầy không kinh sợ hay sao?

Trong luật Thập Tụng, trước dẫn văn luật, luật kia dịch Ba-la-di là Đọa, tức thọ giới rồi là nói bốn đọa nầy.

Chữ đọa trong luật Tăng-kỳ chuyển giải thích là cực ác, không giống như luật nầy. Trong văn nhiều chữ, ý là dùng lời sao xưa trong luận, so sánh đó đều không.

Nói không như nghĩa là không như ma. Tức nghĩa đọa phụ trở xuống dẫn luận giải thích, rõ biết đây là viết lầm.

Ma có bốn loại, thường âm mưu độc hại lẫn nhau phải dùng giới binh phòng ngự chiến đấu. Nhưng, nay người tu hành giới lực yếu kém, ma quân mạnh hơn, vì thế dùng làm dụ.

Trong bổn luật có ba nghĩa:

1- Đoạn đầu: Tức một trong bốn dụ trong phần thọ pháp nói

tướng.

2- Như chặt cây đa-la.

3- Như kim sứt mũi.

4- Như khối đá vỡ làm hai.

Dụ tuy có bốn, đồng dụ thể hoại, đoạn hẳn Thánh đạo nên nói hành pháp phi dụng.

Kế nói vô dư, tức ngăn pháp rằng: Như ngăn các việc làm vô căn vô dư, v.v... (Tăng tàn là có dư, tên cũng nêu kia). Hành hoại vô công, không tham gia việc của chúng, vì thế nói là dứt phần.

Cố trở xuống là dẫn chứng, tức kệ trong luật, quyển trước đã dẫn.

Ba là Bất cộng trụ, danh đã thấy trong giới bổn.

Hỏi: Ở đây khác gì với vô dư ở trên?

Đáp: Trên thì y cứ về mình mà nói, như thây chết kia, còn ở dưới thì đối với tăng mà nói như bị dạt ra khỏi biển. Đối với nghĩa đầu tiên của luật Tăng-kỳ có một ít giống. Đây kia hai tên đồng với thứ hai kia.

Trong phần hỏi đáp, lời hỏi có hai: Trước là lặp lại phần đầu, y cứ trở xuống là chánh hỏi có hai: Một là hỏi phạm nặng, hai là hỏi có không.

Trong phần đáp ở đầu, hai câu trên chỉ không nhất định, hai câu sau từ có mà lập.

Nhập tránh luận: Tức phẩm Tránh luận trong kinh Niết-bàn chép: Này người Thiện nam! Ta đối trong kinh nói rằng: Nếu có Tỳ-kheo phạm bốn tội trọng, không gọi là Tỳ-kheo, không thể sinh hạt giống lành, thí như hạt giống rang không thể sinh quả, v.v... các đệ tử ta nghe lời nói này rồi không hiểu ý ta bèn nói rằng: Đức Như lai nói Tỳ-kheo phạm giới trọng rồi mất giới Tỳ-kheo (đây là chấp không).

Này người Thiện nam! Ở trong kinh, ta vì Thuần-đà mà nói bốn hạng Tỳ-kheo:

1- Tất cánh chí đạo (Vô học).

2- Thị đạo (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả).

3- Thọ đạo (chung nội phàm ngoại phàm).

4- Ô-đạo (Bạc địa).

Phạm bốn giới trọng là Ô-đạo. Đệ tử ta nghe lời này rồi, không thể hiểu được ý ta, bèn nói rằng: Như lai nói các Tỳ-kheo phạm bốn tội trọng rồi, không mất giới cấm (đây là chấp có).

Trong Vấn kinh chỉ nói rằng không hiểu ý ta.

Ý của Đức Phật như thế nào?

Đáp: Còn không phải cảnh giới của Bồ-tát, Nhị thừa huống chi là phàm phu dốt nát. Nhưng, tuy khó suy lường cũng phải lược chỉ bày. Phải biết Đức Phật nói có thì nhất định có, không thì nhất định không, vì sao như vậy? Vì Đức Như lai nói thật thấy các nghiệp tánh thiện ác của chúng sinh, tùy nghi mà nói, như thật không luống dối (xưa vọng ghi ra ý Phật rằng: Thọ thể vẫn ở danh Tỳ-kheo, chỉ vì không có lực dụng như hạt giống rang, đây lại thành chấp có, sao gọi là ý Phật).

"Tạp Tâm Giải", kia chép rằng: Có thuyết nói phạm chúng tội ban đầu (chúng là thiên) gọi là xả luật nghi, ở đây thì không phải như vậy. Nếu xả luật nghi: Phạm tội căn bản, đã hoàn tục lẽ ra được xuất gia lại, vì đã xả luật nghi.

Lại nói rằng: Đối với biệt giải thoát luật nghi là Tỳ-kheo, đối với luật nghi vô lậu không phải là Tỳ-kheo.

Lại nói: Chỉ là phạm giới, không phải xả giới.

Hỏi: Đây lại chấp có lẽ ra thành tranh luận.

Đáp: Đối kia thì tranh luận, đối nay thì không tranh luận. Vì thế cho rằng tăng nuôi mèo, chó và trong phần tùy tướng nói nuôi tám thứ bất tịnh đều dứt mất giới. Người không thấy đây cho nên phần nhiều chậm suy nghĩ.

Kế trong phần đáp, trước y cứ vào tông để đáp. Đây tức giới đầu, văn giải rộng. Giới bổn cũng nói rằng sau phạm cũng vậy. Ở đây trở xuống chọn lựa phân biệt danh chủng. Phạm tội trọng có hai:

1- Tội đồng danh, nghĩa là bốn tội trọng xen nhau.

2- Tội đồng chủng, nghĩa là bốn giới đều luận.

Trên chung luật Thập Tụng, dưới hạn cuộc bổn tôn.

Văn y cứ bốn giới đều nói riêng về tội trọng, tức nói nghĩa đồng chủng của tông nầy. Hợp chứng có giới, phạm tội trọng nghĩa không lìa nhau, vì thế trong phần dẫn văn trước nêu ý của bổn tôn. Luật nghi tùy cảnh nên gọi là biệt thoát; đạo định tùy tâm tức là tổng thoát.

Như trở xuống dẫn luận Giải Thoát. Trước nêu văn. Thọ là nghĩ xa vì thế có thể phát chung; phạm là chạm cảnh nên chỉ là biệt phạm.

Đãn trở xuống là giải thích. Trước nói phát chuẩn chung trong phần giải thích tướng. Luận kia chỉ y cứ về ba độc qua bảy chi. Ba là bảy, đây là nghĩa nay, đầy đủ như ở sau giải thích.

Trong văn nêu riêng chi dâm để nói, còn lại có thể nêu rõ. Cảnh dâm y cứ đạo nữ ba, nam hai, tâm dâm ba, độc ba, đơn ba phức một, đủ tùy duyên, khởi những câu hỏi.

- Do tâm trải qua cảnh cho nên phát ra nhiều giới, như văn đã nêu.

Nay trở xuống nói riêng phạm.

Hỏi: Dâm không phạm cho nên có trọng: Nếu lại dùng tâm tham đối trước người nữ hành dâm là tội trọng chăng?

Hỏi: Luật Thập Tụng không lập phạm trọng, đó là lấy luận kia để chứng tông nay phải không?

Hỏi: Không thể một lúc phạm hết các giới: Tội không học được đốn phạm chăng?

Như vậy hãy suy nghĩ những điều đó.

Trong phần nêu chứng có hai:

1- Y cứ vào sám hối tội trọng.

2- Hựu trở xuống: Hai giới đánh Tỳ-kheo và vu khống tội Tăng tàn trong chín mươi giới Ba-dật-đề, Đại tăng không lựa tịnh uế, nếu trở xuống phản chất đánh và vu khống ba chúng đều phạm Đột-cát-la.

Trong vấn nạn, hỏi có hai câu tức là hai nạn. Trong luật diệt và học hối đều không đủ số. Lại tên "đoạn đầu" hành pháp không dùng giống như thây chết. Nay nói rằng giới thể thanh tịnh sáng suốt không trái há chẳng phải là trái nhau ư? Vì thế phương tiện chỉ bày.

Trong phần đáp đủ số, trước y cứ sám hối nói đủ, tức lựa hai diệt không ở trong luận.

Như trở xuống là nêu chứng.

Luật Thập Tụng khai làm pháp Yết-ma thuyết giới, tự tự (không khai pháp khác) cũng cho phép trong chúng tụng luật đã cho bỉnh pháp, thân đến dự vào trong tăng thanh tịnh, nghĩa đồng như đủ số vì thế nói là đúng lý.

Đản trở xuống y cứ về lỗi, nói không đủ.

Nói tình quá sâu: Nghĩa là phạm tội cực ác.

Không nhậm dụng nghĩa là thiếu đức nghiệp.

Cố trở xuống là dẫn chỉ bày.

Luật chép: Khi tăng thuyết giới và Yết-ma đến hay không tùy ý, vì thế biết tuy sám hối quyết không nhập vào số, chỉ vọng hai tẫn, tài pháp mất hẳn. Không tham gia các việc cho là hơn mà thôi.

Trên nói là lý đủ, văn gồm hai ý:

1- Cứu người vô tri (không biết) nghĩa là mất lệ (nêu) phạm.

2- Cứu người phạm: Gồm lỗi không sám hối.

Vì thế, văn nầy phương tiện chỉ bày.

Hỏi: Có người nói: Tiểu thừa không sám hối tội trọng, đó là sám tịnh phải chăng?

Đáp: Tiểu thừa, Đại thừa đều nói sám hối tội trọng Tiểu thừa tuy

khai sám chỉ chướng ngục, nghiệp không thể trở lại như cũ, vì thế nói là không mà thôi.

Nếu như vậy, theo Đại thừa sám tịnh có thể dự số không?

Đáp: Hóa, chế khác nhau. Hóa là y cứ nghiệp đạo; chế thì trái giáo.

Dầu y theo kinh Phương Đẳng lý sự sám diệt, đối nay chế giáo không sám phải đuổi, sám thành học hối. Nếu hành chế sám dầu nghiệp không mất lại gọi là thanh tịnh. Phải biết hóa chế sám pháp khác nhau, người phần nhiều vọng thuật, vì thế sai lệch lời sớ. Còn bao nhiêu ở thiên sau.

Đáp: Nghĩa "đoạn đầu" như phần hỏi đáp ở sau.

Kế nạn nêu ra: Như các văn ở trước, đầy đủ y trong luật luận, muốn nêu bày có y cứ khuyên răn sách tấn đời sau, vì thế phát ra lời nói này.

Trong phần chánh đáp, câu đầu là chỉ cho trước.

Cách trở xuống là nêu sau.

Dưới dẫn luật Tăng-kỳ nói về học hối, hình tướng tất cả đồng như tăng.

Luật Thập Tụng nói: Xin Yết-ma rồi, Đức Phật đã kiết giới tất cả thọ hành.

Mẫu luận nói cho rằng hối pháp rồi gọi là thanh tịnh trì giới, vì thế nói thể đồng.

Trong phần khiển trách mê muội, văn đầu có ba:

1- Nêu lỗi, có liên quan một chút khiếp phục nên lại sợ.

Kinh Bách Dụ chép: "Có một người nuôi hai trăm năm mươi con trâu. Trong bầy trâu này có một con lớn nhất bị cọp vồ ăn thịt. Người chủ kia nghĩ rằng: Bầy trâu mất một con không đủ số, nay ta dùng những con còn lại làm gì, bèn cùng một lúc giết hết bầy trâu". Tỳ-kheo ngu si cũng như vậy, đã phạm một giới, các giới còn lại đều phá hết, có một chút phù hợp với ý này.

2- Từ khởi trở xuống là chánh khiển trách.

3- Yên trở xuống lại chỉ bày.

Hai câu trên nói đồng chủng tịnh. Đương trở xuống là nói đồng danh tịnh, vững chắc không động gọi là nghiễm nhiên. Hạ trở xuống nói dị danh, dị chủng tịnh.

Khoa kế, hai câu đầu dặn dò những lời dạy kia. Thọ tùy một v.v... nên gọi là đồng pháp. Nhược trở xuống là chánh khuyên. Trước chỉ bày trì hạnh. Nghiêm nghĩa là cẩn thận nhiếp thọ. Tịnh thức tức là tâm, năm

trần đều là cảnh, cái gọi là phương tiện chánh niệm thường để đối trị.

Than ôi! Đời mạt pháp chúng sinh trôi lăn, chìm đắm trong chốn tối tăm, từ lâu chưa thấy có người nhiếp chánh niệm, lìa nhiễm ô. Tự mình đời trước không huân tập nghiệp lành, minh sự dạy dỗ, bậc Sư trưởng khuyên cầu Thánh giáo. Sáng suốt lựa chọn bạn tốt, ý chí kính mến những bậc hành bố thanh cao, mỗi thời mỗi thời không biếng nhác, mỗi ngày mỗi ngày càng mới, hoặc thể đạt tiền trần, trở lại cầu dục bổn, hoặc rõ tâm sở thọ chuyên ý thông trì, vì thế đối cảnh vắng vẻ, gặp duyên vững chắc ngao du, sau mới âm thầm hiểu đó, kia dụ như huơ tay trong hư không, rõ không bị trì trệ, mặc áo giáp vào trận nào có sợ gì. Nhưng hoặc nghiệp chưa tiêu thì sinh tử đáng sợ, đâu chỉ ở lời nói tức là thanh thăng. Ở cõi Dục mà lìa cảnh trần, bởi sợ chẳng phải chỗ ông có thể sánh kịp vì ở phàm học thánh, vả lại mà làm đó, chớ đối với việc mờ mịt mà phải nên tha thiết, nhân lời nầy mà suy nghị kỹ.

Nhược trở xuống là khuyên phạm thì phải sám hối. Hai câu trên nói thành phạm, ký trở xuống chỉ bày lợi ích của sự sám hối. Nhược trở xuống là nói sự tổn hại của việc không sám hối. Hoài tức che giấu trong tâm dụ cho che giấu tội lỗi. Thể không thanh tịnh thì không xứng đáng thọ nhận lợi dưỡng, vì che giấu tội lỗi huống thọ, vì thế nói là mạo. Tự mình gánh vác có thể biết.

Nói tha phụ: làm pháp thì việc trước không thành, thọ thí thì người thí cũng bị đọa, đâu không thương xót, mong muốn người kia sửa đổi, lòng đại từ bác ái đối với muôn vật không thiếu sót.

Tuy hạnh ác trở xuống cũng thêm khổ chỉ dẫn, ân của Tổ so lường không thể biết được.

Trong phần hỏi thứ ba nầy tức nạn về dụ đoạn đầu ở trước. Văn đáp trong luận, trước là y cứ về dụ để hiển bày. Bốn chỗ là: Óc, cổ họng, tim và bụng.

Do trở xuống chỉ bày ý không giai cấp, tức trong luật Tạp Tâm nói rằng không phải nghĩa thứ nhất của Tỳ-kheo.

Trong luật Thập Tụng trước nói quả báo của việc phạm giới, chánh dùng bốn tội trọng, do đó dẫn sự hủy báng.

Nhập A-tỳ nghĩa là sinh báo.

Như thị trở xuống là nói chướng đạo.

Kiết tức các hoặc kiến hoặc, tư hoặc v.v...

Nói đọa ác: Giải thích thành kiết không cùng tận. Thời nay phần nhiều học tà đạo, chê bai Phật, khinh hủy giáo pháp. Vọng nói thô bỉ, tục tằn lại tự khoe khoang. Đâu biết rằng một khi khinh chê tôn dung

của Phật thì thường chìm đắm trong con đường tối tăm, một khi xem thường kinh điển của Phật thì đọa mãi trong rừng tà, lý nghiệp rõ ràng sao lại không tin?

Nhược trở xuống là hiển bày lợi ích của sự trì giới.

Trước là người trì. Đầu, bốn giới trọng phát sinh các giới nên gọi là căn bản.

Nhất trở xuống là chỉ bày công hạnh.

Tất cả là gồm thâu bốn việc.

Nãi trở xuống khuyên phải giữ vững.

Nói xả mạng tức đồng với bổn luật răn dạy thà chết.

Ba thừa y trụ: Hạnh bổn xuất thế (căn bản của hạnh xuất thế). Đọc văn này phải cung kính lời Phật, lời tha thiết, lý hiển bày rõ đủ làm quy cảnh, nguyện chuyên tụng trì tâm đầu để tự sách tấn mình.

Đối Ni, bốn giới sau như khác ấy: Tức thiên biệt hành nghĩa là tám việc như ma xúc, v.v... che giấu tội trọng tùy đó mà nêu tội. Người nữ yếu đuối nhẹ dạ phần nhiều dễ phạm, vì thế tội chi đều cũng lệ đồng với tội trọng mà chế.

Ba: Trong bộ khác, đầu nêu bộ để tính. Đồng trở xuống là chỉ bày khác. Đồng chủng phạm rồi mới làm, phạm Đột-cát-la cho nên không phải tội trọng.

Thử xuống là chọn lựa xen lạm. Thiên sau chủng loại không đồng, có hai:

1- Thượng hạ ngang nhau có tội trọng để hiểu, như văn đã dẫn học hối phạm Tăng tàn.

2- Tụ sau hạn cuộc cũng có phạm tội trọng, như trong thiên khác nói rằng thiên sau tùy tội khinh, trọng ở đây.

Bốn: Nói phẩm số: Dẫn trong luận, câu đầu của khoa trước chép trong bổn luận. Trong luật tức chỉ cho chánh lượng bộ.

Giải trở xuống là sớ giải thích, trước chỉ bày phương ngôn không đồng tức như luật Tăng-kỳ, năm tụ trong luật Tứ Phần cũng tương cận.

Nay trở xuống là giải thích nghĩa của bộ.

Trước nêu chung: Có, sau chỉ bày riêng.

Phương tiện, căn bản do đầy đủ hai nghĩa thì thành nhóm loại vì thế được tên bộ.

Trong phần biệt lệ (nêu riêng), trước nói mỗi giới tức chỉ cho bốn giới trọng, giải thích riêng bốn đoạn.

Trước, trong phần phương tiện nêu việc dâm dục để nói thứ lớp.

Nói khởi tâm; ở đây tức tâm phạm đồng như bốn phần nầy. Nhưng

không có phần chừng nên phải định phàn trọng duyên và suy nghĩ lựa bỏ những chỗ không cần. Trên nói tâm phạm thì không gồm sắc. Kế từ phương tiện trở xuống đều nói sắc phạm, trở lại căn bản ở tâm, thân động miệng nói đều giải thích tướng.

Gọi chung Đột-cát-la: đều xem xét thứ lớp xa, danh đồng mà thể khác.

Trong phần phương tiện gần, trước chỉ tướng phạm, kỳ trở xuống giải thích nghi xúc chạm vốn là phạm Tăng tàn, nay kết tội Thâu-lan-giá vì thế phải thông để quyết nghi. Nhưng giới kỳ hẹn dâm dục thuộc về giới trọng nay trái lại là tội khinh. Đùa cợt (hý lạc) thuộc tội khinh sao trái lại là tội trọng. Khinh thì có quả để đến; trọng thì ngay thân này thành nghiệp, do đó mà khác.

Đối trước người sám hối: Nói tội Thâu-lan-giá không chia ra ba lần sám hối. Ở lời nói thông lạm như sau nói đầy đủ.

Trong phần ba, trước giải thích nghĩa thành tựu, do hậu quả vốn không thể đốn phạm, vì nương (nhờ) tướng kia mà thành.

Nhược căn bản trở xuống là giải thích nghĩa thuận theo, vừa đến quả tội cộng thành một thể, không có phương tiện khác, ở đây đồng với luật Tứ Phần, khác luật Thập Tụng và luật Tăng-kỳ.

Dư trở xuống là chỉ nêu ra.

Trong phần hội thông, trước dẫn ba văn: Luật Tứ Phần không thành không nói nhiều ít. Luận Minh Liễu, phẩm một không trọng và khinh. Chỉ có luật Thập Tụng rất có mạch lạc. Sớ dẫn văn đó, hai thiên một và hai đều có phương tiện gần xa (kia chỉ lập hai phương tiện). Vì chia ra ba giai cấp.

- Sơ thiên cận: Trọng giới sám trước tăng (thượng phẩm). Sơ thiên viễn.

- Hai thiên cận: Ngoài giới trước sám hối với bốn vị (đều là trung phẩm)

- Hai thiên viễn: sám hối với một người (hạ phẩm).

Y cứ trong trì, phạm ba tội theo luận Minh Liễu.

Viễn: Tội nặng, Đột-cát-la, đây là y cứ theo bổn tôn.

Kế là Cận: hai tội Thâu-lan-giá hoàn toàn y theo luật Thập Tụng. Song trở xuống hội đồng thứ lớp tội.

Trong luật Thập Tụng thì tội Thâu-lan-giá, Luận Minh Liễu thì tội trọng và Đột-cát-la, nay muốn dùng tội Thâu-lan-giá thế cho tội Đột-cát-la, lược chỉ khiến cho biết, còn bao nhiêu thì như ở sau.

Hễ định thể tội thì phải y cứ vào sám hối mà nói, Thâu-lan-giá y

cứ theo pháp, tuy đối tiểu chúng chánh xả lại đồng tội Đột-cát-la vì đối trước mười người diệt.

Thể chung kia đây tức chỉ cho hai văn.

Loại giải: Khiến so sánh hai tội.

Thứ hai: là tăng tội: Trong luật Thiện Kiến y cứ hành sám giải thích danh nghĩa, Tăng-già là thông suốt trước sau.

Trước tội tăng tàn là biệt, tức khi sám hối hai pháp trước sau, do trung gian nhiếp hợp gọi Tăng-già là chúng. Song đây thường gọi người là Tăng, vì thế các văn nầy dùng chữ Phạm hiển chữ Phạm không phải là dịch. Nói tùy theo cảnh: Cảnh tức chỗ đối trước người.

Danh nghĩa trong luận Bà-sa cùng luật Tứ Phần, Mẫu Luận phần nhiều giống nhau.

Ban đầu, giải thích riêng nghĩa tăng đồng như trước.

Chữ Tàn gọi là tội ngôn, phạm tội nầy ít có hạnh khác, cho nên có trở xuống là phải kết tội.

Luật Tứ Phần, trước chỉ đồng. Hựu trở xuống là chỉ khác.

Có dư cũng tức là nghĩa Tàng. Hành pháp đối trước (không có khác) vô dư được gọi là chúng pháp, nghi đây là viết lộn.

Cũng có thể hành chung chúng riêng, đây là y cứ chúng mà thực hành.

Trong Mẫu Luận, trước ghi tên. Như trở xuống là dùng thí dụ giải thích.

Ba câu trên dụ cho tội tàn. Lý trở xuống một câu là dụ cho Tăng. Đây là hướng về thiên đầu gọi là đoạn đầu vì không thể cứu. Vì thế, sau dẫn luật để giúp hiển bày.

Chữ cường dữ tức là sớm cứu, tội khác thì không được như vậy, theo kia tự sám hối.

Trong tăng ni, sáu điều khác là: Lộng xúc, hai thô, hai phòng. Bảy đồng là: Môi giới, hai phỉ báng, bốn can ngăn. Đây là y cứ về giới của tăng, đối giới của ni mà nói, nếu so giới của ni với giới của tăng thì có mười điều khác:

1- Nói người.

2- Bốn riêng lẻ .

3- Độ nữ tướng cướp .

4- Giải cử.

5- Thọ thức ăn của người nam có tâm nhiễm ô

6- Khuyên thọ.

7- Che giấu cho nhau, trái lời can ngăn.

8- Khuyên cùng ở với người ác, trái lời can ngăn.

9- Vì một chút tức giận mà đòi bỏ chánh pháp, trái lời can ngăn.

10- Ưa tranh tụng chê bai tăng, trái lời can ngăn. (Tìm giới bổn của ni để đối chiếu).

Sau chỉ rộng, tức thiên biệt hành.

Trong số tội, dẫn luận.

Năm mươi hai tội: Mười ba căn bản mỗi căn bản đều có ba phương tiện. Đột-cát-la là viễn, hạ Thâu-lan-giá (Thâu-lan-giá phẩm hạ) là thứ. Trung Thâu-lan-giá (Thâu-lan-giá phẩm trung) là cận.

Trong phần sớ giải, khoa đầu có ba nghĩa:

1- Tăng tàn.

2- Cứu.

3- Thắng.

Luật Bà-sa chỉ có giải thích nghĩa thứ nhất, vì thế nói một nghĩa đồng.

Khoa kế giải thích rằng: Sớ dẫn kia để giải thích.

Trước giải thích Tăng-già, hai câu trên là nêu bày.

Do trở xuống là lựa chọn khác. Giới kiến thì sự hòa, định tuệ thì lý hòa. Nay chỉ lấy sự, không lấy lý. Vì thế trong văn phần nhiều chữ bất ở trên gồm để xem xét lại bổn xưa.

Phục đối trở xuống giải thích viết lầm không nghi (lời ký xưa không biết tùy văn giải lầm).

Phật trở xuống giải thích riêng rất dễ hiểu.

Kế nói Tăng-già Bà-thi-sa chính là y cứ vào chỗ được lợi dưỡng, để giải thích nghĩa Tăng tàn. Ở đây tức cầu sám hành trụ diệt: Nếu phạm không sám hối thì không đồng lợi tăng. Sau giải thích hai tên ấy: Dùng nghĩa Tăng-già gồm chung ba pháp.

Ba-lợi-bà-sa, Hán dịch là Biệt trụ. Văn tuy không nêu nghĩa, đã thấy ở văn trên. Vì thế chỉ nêu hai pháp tức sáu đêm xuất tội.

Dẫn trong bộ Chánh Lượng, ý chỉ đồng mà giải thích khác. Tìm xem văn có thể thấy.

* Ba: Tụ Thâu-lan-giá trong bộ Thiện Kiến, trước dịch tên.

Chướng thiện đạo tức lực dụng của tội.

Sau phiên dịch lỗi của tội ác là đương thể của tội.

Hậu trở xuống là giải thích nghĩa. Ác có công năng chướng thiện, từ nghiệp mà có tên (xưa chép rằng: Điều đạt phá tăng khiến cho Pháp luân không chuyển gọi là chướng thiện: Một là mê mờ văn tướng, hai là thành ra nhỏ hẹp).

Tùng trở xuống là nêu lý do.

Hựu trở xuống nêu tên khác.

Bộ Thinh luận chỉ nêu tên tiếng Phạm mà không dịch vì giống với trên.

Trong kinh Ba-ly Vấn chép: Thổ-la-già là tiếng ở vùng biên giới, xưa ghi luận kia gọi đủ là: Tát-thâu-lan-kỳ tăng, Hán dịch là tội thô, chưa thấy trong luận nầy, không biết xuất xứ từ đâu.

Trong luận Minh Liễu, trước gồm dịch tên, kế giải thích riêng. Đầu tiên là giải thích nghĩa.

Trọng phương tiện: Giống như luật Thiện Kiến ở trên.

Dứt gốc lành nghĩa là thành nghịch.

Kế giải thích nghĩa lỗi: Trước y cứ vào pháp để giải thích.

Như trở xuống dùng dụ để hiển bày viện, nghĩa là viện hộ, tức rào chung quanh.

Nhiên trở xuống là chọn chung riêng.

Câu trên chỉ chung, do các tội khác đều không y theo giới của Phật nên nói là chung.

Thử trở xuống là nói hạn cuộc.

Hỏi: Thiên một và hai tội Đột-cát-la, đầu tiên sao lại suy ra Thâu-lan-giá?

Đáp: Nếu ba phương tiện thứ lớp thành nhau thì Đột-cát-la sẽ thành Thâu-lan-giá, Thâu-lan-giá mới thành tội trọng. Vì thế, Thâu-lan-giá là đầu tiên.

Lại Đột-cát-la chung cho các tụ, Thâu-lan-giá thì hạn cuộc hai thiên, bỏ thông lấy hạn cuộc, vì thế nói là đầu tiên.

Trong phần trước sau, ở đầu nêu là tội thông, v.v... nghĩa là chỉ tạo tướng. Trong luật nêu thượng hạ là nói bất định, vả lại đó là lời giúp thêm.

Trong phần giải thích riêng, khoa đầu trong phần chánh nói: Thông y cứ vào thiên tụ đại khái chia làm hai.

Thiên một, hai tướng lỗi thô trọng nhiều, vì đây là dứt lìa nên gọi là giới phần.

Tội Ba-dật-đề về sau phần nhiều chế y và thuốc. Thân khẩu trái nghịch gọi là phần oai nghi. Y cứ vào hai phần nầy để giải thích nêu thứ lớp. Đầu tiên là nói trước nêu.

Nói phương tiện xa gần, thuận với luật Thập Tụng mà nói hai tội. Y cứ chỗ lập viễn ở trước nên nói là Thứ. Thiên một có đủ hai, thiên kế chỉ có cận. Viễn ở sau thân.

Độc đầu là danh của quả tội lựa từ tùng sinh, hoặc trở xuống nói ở sau.

Khỏa thân dùng tóc đều đồng với ngoại đạo, đều chế phạm Thâu-lan-giá. (Trang 257) Trong phần giải thích giới nghi, hai câu đầu gồm nêu, thông trở xuống là giải thích riêng.

Trước giải thích chung tức trọng luật, duyên khởi của mỗi giới Đức Phật đều quở trách rằng:

"Việc làm của thầy là sai, không đúng là nghi".

Lại nói: Đây là người ngu si, nhiều thứ hữu lậu, đầu tiên phạm giới. Mỗi giới đều nói như vậy, vì thế phải biết tất cả đều gồm có hai tên. Do điều lành trên, giới trọng cũng là trái oai nghi, vì tụ sau nói oai nghi không đâu chẳng phải là cấm điều ác.

Nhược trở xuống là giải thích riêng, như trên đã chia chánh từ nơi biệt. Trong phần đồng tạp (quân tạp) chỉ nói ở ý sau. Trước là chia trước sau; nhiên trở xuống chỉ bày thứ lớp.

Hỏi: Tuy chung thượng hạ, chỉ nêu ra một tên, tức lẽ ra trước không thâu nhẹ, sau không nhiếp nặng?

Đáp: Tùy nêu trước sau đều thâu ba phẩm, nhưng trước sau nặng nhẹ đều quy về. Ở sau kinh thượng hạ đều nhiếp.

Hỏi: Dưới nói năm thiên nghĩa đủ ba quân, nay nói nói bốn quân?

Đáp: y theo lời sớ trong giới nói, vả lại lấy quả tội Đột-cát-la để ứng với số năm thiên năm phạm. Xét về lý mà nói thì Đột-cát-la phải ở vào phần tạp, vì thế chỉ có bốn mà thôi.

Hỏi: Độc đầu Thâu-lan-giá có phương tiện hay không?

Đáp: Văn tuy không nói rõ nghĩa nhưng đồng tụ sau lập hai phương tiện.

* Bốn: Ba-dật-đề. Trong phần dịch tên: Thiêu chữ là hình phạt dữ dội. Phú chướng là tướng của chỗ ở chính là tên chung của địa ngục. Hoặc có thể thiêu chữ thâu tám ngục nóng, chú chướng gồm tám ngục lạnh. Y theo sau rõ đọa ngục Đại Khiếu Hoán, bộ Tâm luận nói đọa ngục Chúng Hợp. Một ngày một đêm chỗ nêu ra khác nhau mà thôi.

Khoa kế, trước chỉ số chung, phân trở xuống nói ly, hợp. Trước y cứ vào sự để nói ly, vì tài nên có tham, trái với lời dạy nên nói khinh mạn. Nhược trở xuống là y cứ tội để nói hợp.

Trong phần tăng ni, trước là nêu số.

Ba mươi là nói ba mươi pháp xả đọa, tăng ni hoàn toàn giống nhau.

Dư trở xuống là chỉ cho pháp Đơn đọa (Ba-dật-đề) có pháp giống, có pháp khác. Ni gồm có một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề; tăng có chín mươi pháp Ba-dật-đề. Trong chín mươi pháp (giới) của tăng so sánh nhau thì tăng, ni cùng có bảy mươi bốn pháp (giới), Ni không có mười sáu giới:

- Giáo thọ ni sau mặt trời lặn.
- Giáo thọ ni vì lợi dưỡng.
- May y cho Tỳ-kheo-ni
- Cho y Tỳ-kheo-ni.
- Ngồi với Tỳ-kheo-ni ở chỗ trống.
- Hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.
- Hẹn đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni.
- Đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.
- Ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni khuyến hóa.
- Xin thức ăn ngon.
- Làm ống đựng kim bằng nanh sừng
- Làm hư y Phật, v.v...

Một trăm lẻ bốn giới còn lại của ni có nêu đầy đủ trong giới Tỳ-kheo-ni, vì danh số nhiều không thể dẫn đủ, nếu cần thì tìm xem.

Nói chỉ như biệt: Giống như phần giải thích tướng, riêng ở trong thiên của ni, lại trong nghĩa sao giới sớ có lựa chọn đủ.

Trong phần dịch riêng, trước dẫn chỗ thiết yếu của luật nghi. Riêng dịch Ni-tát-kỳ là đọa ấy là vì cả hai đều ghi. Đọa tên giống như trên, vì tự có thể hiểu (xưa chép: Trên lược bỏ chữ Dật-đề là sai).

Bộ Thinh luận nói đều xả, y cứ phần sám pháp ở sau, xả có ba trường hợp:

- Một: Xả tài.
- Hai: Xả tâm.
- Ba: Xả tội.

Nghĩa tuy chung ba tên nhưng chuyên về việc tài, chứa vật dư lâu ngày có sót không thành sám xả, vì thế nói (xả hết).

Sau nói về: Ba-dật-đề, là tiếng Phạm, danh nghĩa giống như trên nên không giải thích lại.

Trong phần năm cũng có ba:

1- Chỉ bày số chung.
2- Dịch danh nghĩa.
3- Dẫn chỗ dịch khác nhau của ba bộ luật.

Bộ chánh lượng có ba nghĩa cùng giải thích một tên.

1- Y cứ phồn tế (phức tạp và vi tế).

Số một trăm hai mươi là quá các thiên, cho nên gọi là tội nhiều. Thể đủ oai nghi nên nói là khinh tế.

2- Y cứ vào tham lạm, chế tức là già, khác hai thiên trên chỉ trừ giới môi giới, phòng, còn lại đều là tánh tội, trở về sau các thiên đều là ngăn tội.

3- Y cứ về số phạm.

Từ hai nghĩa trước để thành nghĩa thứ ba, vì thế kết danh ở sau, tức Phật chế công dụng không ngoài giải hạnh.

Hỏi: Ở đây cùng với chúng học đặt tên có gì khác nhau?

Đáp: Đây đủ ba nghĩa, trị bịnh rất khó, vì thế cầu công dụng. Đột-cát-la không phải là tánh nghiệp, chế hạnh cũng nhẹ, chỉ nói là nên học.

Kế dẫn trong luận Bà-sa và Chánh Lượng bộ ở trước lời có chút khác nhau, nghĩa đồng với một ở sau, hai bộ trước đều có thể trị hạnh làm tên. Sau, Thượng tọa bộ tức từ thể của nghiệp bất thiện làm danh mục, tức đồng với nghĩa đọa. Nghiệp nầy làm ô nhiễm tâm thiện thanh tịnh, vì thế trong nhân như đốt cháy. Lại có thể chuyển biến ngục báo lửa cháy mạnh (ngục Viêm Xí), vì thế quả báo phải chịu sự thiêu đốt nóng bức.

Ba: Từ đản trở xuống là nói phương tiện tội.

Nói: Chỉ hai tội là chỉ bày tội trọng và tội khinh vì có sai hàng.

* Năm: Trong phần dịch tên Đề-xá-ni, trước là nêu tên.

Nói hướng về người kia tức người đối thú, vì thế nói là cảnh đối trị. Kế, là dẫn chứng, bộ Tăng-kỳ thì được nghĩa sám ở trên không kèm chỗ đối, trong giới bổn nói đủ, tức nói rằng nên hướng về vị Tỳ-kheo khác sám hối, v.v... là ở đây. Khoa kế, ni có tám: Tức không bịnh xin sữa, xin dầu, xin mật, xin đường phèn, xin sữa tươi, xin sữa lạc, xin cá, xin thịt, đối với tám vật này mà chế tám giới.

Trong phần nếu số, bốn giới đều có hai phương tiện, vì thế có mười hai.

Đều đối tức đối với người không phải chúng.

* Sáu: Đột-cát-la. Khoa đầu, trước dịch tên trong luật nói ác tác là thâu chung thân và miệng. Bốn phần trở xuống là dịch tên trong giới bổn.

Đầu là dịch tên có hai:

1- Bộ Thiện Kiến chép: Thức-xoa dịch là học.

2- Bộ Ca-la-ni chép: Ưng đương.

Nay trở lại lời nói kia thì thuận với ngôn ngữ ở đây.

Hồ tăng tức Tổ sư đích thân thừa đương, không phải chỗ xuất xứ.

Lời sớ chép: Nếu tùy theo chỗ ngăn ngừa, lẽ ra gọi là chúng Đột-cát-la, nay có thể trị hạnh nên đặt tên gọi.

Thử trở xuống, cả hai đều giải thích.

Bộ Đa luận hỏi: Vì sao thiên này gọi riêng là Ưng đương học nên học?

Đáp: Các giới khác dễ giữ, như tội trọng đã phạm sám hối là khó, còn giới nầy khó giữ mà dễ phạm, thường phải nhớ học. Vì thế, từ Thập Tụng trở xuống là kết hiển. Văn nêu: mưa mau là dụ cho tội kia phạm rất nhiều, ý nói giữ đó không dễ.

Há trở xuống hai câu đều kết hai tên. Chuyên quen ở trong tâm tức là nghĩa học.

Trong tăng ni, danh số các bộ không giống nhau.

Luật Tăng-kỳ có sáu mươi sáu.

Luật Thập Tụng có một trăm lẻ bảy.

Luật Ngũ Phần số đồng mà tướng khác, vì thế nêu luật nầy để lựa chọn.

Trong giới bổn của ni không nêu chúng học chỉ lược vì giống như luật của tăng.

Trong phần ba, luật văn trước sau nêu bảy tụ gọi là thứ sáu hoặc khác, chính là Hoa Phạm đều xen nêu mà thôi.

Sau chỉ rộng, lời sớ trong giới chép: Ác tác, ác thuyết nêu đầy đủ số mục, vì thế trong Mẫu luận chép: Thân gọi là ác tác, miệng gọi là ác thuyết. Tác nghĩa là trường, gọi chung thân miệng, vì thế văn sau thầm không nói thân hay miệng đều là Đột-cát-la, như trong luật Thiện Kiến giải thích ác tác nầy (sớ văn). Cho nên phải biết Đột-cát-la ở sáu tụ gồm thân miệng, trong bảy tụ chỉ hạn cuộc thân. Lại trong bảy tụ, ác tác danh chung mà thể thì hạn cuộc, ác thuyết danh và thể đều hạn cuộc.

Đoạn bốn của khoa thứ tư đều nói rõ trong văn sớ, phần đầu lại có hai: Một là nêu số lượng, hai từ thử trở xuống là dịch tên. Trong phần một, trước y cứ về bổn bộ, chỉ chọn phương tiện thiên trước đều tùy theo bổn thiên, còn lại chính là không giới hạn nhiều ít. Gồm thâu thứ năm nên nói rằng không phải bốn bộ, v.v...

"Học đối" tức đồng với tông nầy nói là "nên học".

Cập trở xuống là nhiếp chung các bộ.

Bà-tẩu nói Đấu, Hán dịch là phẩm loại.

Sau nói giới có hai trăm giới, phần nhiều nói giới khinh, "Độc kha

Đa” tức “Đột-cát-la”, chỉ do Phạm âm khác mà thôi.

Tất cả nghĩa là hiển bày bộ nầy không hạn lượng. Vì thế, kế trong phần dịch tên. Chánh Lượng Bộ cuối cùng (mạt) tức ý căn bản đồng quy, vì thế nói là không phân biệt thân và miệng. Từ gốc đến ngọn sắc thinh xao động đều do ý khởi, vì thế nghĩa là ác tác.

Bộ Tát-bà-đa, tông kia luận rằng nghiệp không nói do tâm tạo, thân miệng tuy khác nhưng đều kích động, vì thế gọi chung là tác.

Hai câu dưới lựa chia đồng.

1- Tên ấy, đều gọi là ác tác, vì thế nghĩa hai thứ khác: Vì tâm sắc đều tịnh riêng.

2- Trước phân tên: Thế âm là tục ngữ kia, hiển tức xoa ở trước, đây chính là âm Phạm.

Nhược trở xuống là phân thể.

Không động thân miệng: Hiển rõ đây là ý phạm. Kia chỉ y cứ ba nghiệp để chia làm hai thể.

Thử trở xuống là thăng mậu, ngài Chân Đế vốn là vị tăng ở phương Tây được thinh thật kia, vì thế thăng ở xứ nầy truyền dịch là sai. Nhưng thuận với văn kia, chia làm hai. Nay đặc biệt khác, cũng cần lược biết.

1- Danh thông: bất luận tội khinh hay trọng, hễ từ biên lỗi đều là Đột-cát-la. nếu hướng đến hành biên đều nên học.

2- Thể khác: bất luận ba nghiệp, cố tâm đều phạm tội nặng, lầm đều phạm tội nhẹ.

3- Trước nói Đột-cát-la nhẹ, nghĩa là độc đầu tâm niệm như muốn được bát mới thầm khởi ác lại thất niệm. Như các thiên phương tiện xa thì bất luận có không sau từ nhược trở xuống nói Đột-cát-la nặng. Hai phương tiện tức nghĩa thành tựu, cũng y cứ về khởi tâm động sắc để nói thứ lớp. Vì bổn tội đồng ở dưới không có tụ khác nên nói tùy diệt tức là nghĩa thuận theo.

4- Trước nói sám hối Đột-cát-la nặng, tuy là đối thú nhưng trở lại tự trách mình, vì trách tâm là nói chung các pháp sám hối. Pháp sám như ở phần sau, nên ở đây không nêu ra.

Kế trong phần sám tội nhẹ, do dẫn pháp sám về thiên sau không nêu ra nên ở đây chỉ thông.

Trong phần kết lược, khoa đầu trước chỉ số chung, thượng trở xuống là kết trước; dư trở xuống là nêu sau.

Trong hai pháp bất định, trước nêu bày chỗ nghi. Nói nương cảnh tức là đối trước người nữ.

Sáu tụ: Ba tội, hai tội trong giới bổn nghĩa là; dâm, xúc, nói lời

khen ngợi, ngồi ở chỗ trống.

Lan kết tức phương tiện Đề-xá ở chốn Lan-nhã thọ ăn.

Nhược trở xuống nói bổn phạm.

Văn sau giải quyết nghi ngờ.

Do trong giới bổn không đủ sáu tụ cho nên lược nêu chung. Sau chỉ rộng tức như lời sớ trong giới, lược chỉ bày.

Nói chế ý: Như lai lập giáo chuyên để nhiếp tu, không xem xét nhau, không tự gắng sức, tùy lời nói nêu phát để còn tướng lợi, do đó nêu thiên thứ ba: Đã chung sáu tụ. Trên thâu giới phần, dưới nhiếp oai nghi. Văn nghĩa tiện cho nên giải thích danh nghĩa: Hai là hai chỗ: Chỗ có che khuất và chỗ trống, đối với chỗ phạm, sự không quyết định vì thế gọi là bất định.

Nói tội thể: Giới nầy tội thể chỉ thủ sinh nghi phạm Đột-cát-la. Văn nói nên mỗi việc trị, tự y theo thiên tụ mà thôi. Tăng có ni không, tức không đồng giới.

Trong bảy pháp diệt tránh, trước chỉ chỗ tranh cãi. Tội chung có:

- Một hiện tiền Tỳ-ni: Do nhóm Tỳ-kheo sáu vị vu khống Ca-lưu phạm giới dâm.

- Hai: Ức niệm Tỳ-ni: Do Từ Địa vu khống Đạp-bà phạm giới dâm.

- Ba: Bất si tỳ-ni: Do Nan-đề tức giận nhiều phạm giới chúng học.

- Bốn: Tự ngôn trị: Do Tỳ-kheo giới trộm, bọ ngài Mục-kiền-liên kéo ra.

- Năm: Đa nhân ngữ: Do đấu tranh phá tăng.

- Sáu: Tội xứ sở: Nhân Tượng Lực nói dối.

- Bảy: Cỏ phủ đất: Vì các Tỳ-kheo cùng đấu tranh qua nhiều năm phạm các tội.

Nên biết chỗ đoạn cũng gồm sáu tụ, vì thế nói có chung. Nay trong giới bổn chỉ cho chế năng dứt.

Dụng pháp: Đều là tội Đột-cát-la.

Hỏi: Đã chung sáu tụ vì sao lại nêu sau cùng?

Đáp: Không đồng, không định, việc khởi một người.

Đây là phạm Tạp sinh, vì thế nêu ở sau, tổng kết thiên trước.

Đản trở xuống là nói chế ý.

Bốn tránh là bệnh, bảy diệt là thuốc.

Sấn tức là diệt, nay y theo nghĩa sao, lược biết danh số:

1- Nói pháp này bất định, lý tà hay chánh, đây kia tranh cãi bèn

thành trái khác, vì thế gọi là tranh để dứt trừ hai pháp hiện tiền và đa nhân ngữ.

2- Trong có ba căn, tìm xem tội trước, nêu tội đến Tăng bèn sinh ra sự tranh cãi kia, vì thế gọi là mích, để dứt bốn pháp diệt tránh là hiện tiền, ức niệm, bất si và tội xứ sở.

3- Đủ duyên tạo cảnh làm các việc trái với lời dạy gọi đó là phạm. Do bình luận tội phạm này mà xảy ra chuyện phân vân gọi là phạm tránh, để diệt ba pháp diệt tránh là hiện tiền, tự nói trị và cỏ phú đất.

4- Bình luận kia đã khởi Yết-ma, kia đây không hòa bèn sinh sự tranh cãi đó, nên gọi là sự tránh, để diệt tất cả pháp diệt tránh (trong phần nói Mích phạm đều có sự tranh, trở lại đồng như ba pháp trên. Dùng thuộc trị bệnh nên nói là tất cả).

Văn sau chỉ bày lược.

Nghĩa sao giới sớ, văn kia rất rộng, nhưng sau chỉ bày ni gồm nói về luận tám thiên.

1- Ba-la-di, Tăng tàn, Đơn đọa, Ba-la-đề Đề-xá-ni nhiều ít có khác.

2- Bất định có không khác.

3- Xả đọa, Chúng học, Diệt tránh, kia đây đều đồng nhau. Vì thế nói là giới chung.

Trong phần hỏi đáp, trước hỏi có hai:

1- Hỏi năm và bảy lìa hợp.

2- Từ nay trở xuống hỏi sáu và bảy lìa hợp.

Trước nói rằng y cứ về nghĩa thì phân chia ra, nên nay hỏi hiển bày. Trong phần đáp, văn đầu, trước nêu năm thiên.

Hỏi: Tên thiên rút ra từ luật Tăng-kỳ mà trong phần hiển bày nêu rằng thiên chính là từ tông khác, không quan hệ với bổn là sao?

Đáp: Năm: Pháp vốn đồng mà đặt tên có khác. Nay mượn tên kia để nêu bổn bộ, huống chi thiên và tự nghĩa chung, tùy dụng không ngại.

Kỳ trở xuống là nói về Tụ.

Văn sau tức trong các kiền-độ hoặc sáu hoặc bảy, trong đó nêu không nhất định.

Trong phần giải thích riêng, khoa trước rất dễ hiểu.

Trong phần nhập năm: luật Tăng-kỳ, luật Tứ Phần thiên và tụ tên khác. Xưa phần nhiều nghiêng chấp, nay chỉ nói năm là không có chỗ hạn cuộc.

Sau cũng được nói rằng nhập chung vào bảy nhiếp, mà nói Tụ là

thuận với tông này.

Khoa kế, sáu y cứ thể đồng nghĩa là trước nói chánh kết tội, khoa chỉ có sáu pháp.

Câu bảy ước quá nhiều, nghĩa là Đột-cát-la tội chúng lượng bằng Hằng sa, tùy đủ có hai phần vì đơn giản có thể biết.

Kế, trong phần hỏi còn sợ người mới học mê mờ danh số kia nên phương tiện nêu bày, thật là lòng từ sâu xa.

Sau chỉ giới sớ, văn thấy phần thứ nhất.

Kia hỏi rằng: Đột-cát-la đã chung phương tiện, vì sao lại ở trong thiên?

Đáp: Chọn rốt ráo: Để nhập vào trong thiên.

Phương tiện khác: Nhập tụ sở nhiếp.

Hỏi: Thâu-lan-giá đều chọn tùng sinh. Thủ rốt ráo là dùng để nhập thiên phải không?

Đáp: Khác nhau. Thâu-lan-giá rốt ráo hoặc đồng, hoặc tạp, hoặc trước, hoặc sau, khó tịnh tội kia. Đại khái chia làm ba, sám đồng tùy theo vị nên nhập tụ, thâu, v.v...

Sau, trong phần hỏi nói năm trăm, văn khác nêu ra không đồng với luật, vì thế hỏi để xét.

Trong phần đáp, văn đầu có hai:

1- Nêu số không nhất định, ước tức là lược.

Nói chung tức là hai số tăng, ni.

2- Từ luận trở xuống hiển bày lý do lược.

Trước nói chung thể lượng.

Kế từ thả trở xuống là nêu riêng hai số.

1- Nói giới của tăng, hề kính là con đường nhỏ.

2- Từ luật trở xuống là nói giới của ni.

Giới là năng phòng; lỗi là sở phòng. Giới thì thông, lỗi thì riêng. Từ riêng mà nói nên gọi là sở phòng.

Kế, trong phần giải thích chung, nói rằng: Lược thì tám mươi bốn ngàn, rộng thì vô lượng vô biên. Nay đối với năm trăm ở trước, lại dùng tám muôn là rộng.

Vọng trở xuống là nói vô lượng lại thành lược mà thôi. Đã không có số lượng, thì biết năm trăm chẳng phải luống dối.

Hai, trong phần phạm báo, trước nói khởi nghiệp: Muốn rõ quả khổ phải xét nghiệp nhân, huống chi tạo nghiệp có muôn ngàn sai khác, làm sao có thể dùng một đề suy lường.

Như trở xuống dẫn kinh; đọa địa ngục năm này kiếp nọ, lại y cứ

chỗ chế tội, thường phân chia cho. Có trường hợp phạm tội khinh mà quả báo nặng, không ngại phạm tội nặng mà quả báo nhẹ, phải suy đó có thể tạo ra chỗ khởi khác nhau, thiện ác báo ứng mảy may không mê muội. Đó phải biết hai giáo hóa và chế biện nghiệp.

Chế thì từ giáo nặng nhẹ; hóa thì nói tâm sâu cạn. Giáo chỉ định duyên đầy đủ thì xếp vào khoa hình (phạt); tâm không thường phát động thì phải chia ra thể tánh. Nhân quả đã khác, hóa và chế phân đây ắt mê mờ, tông đồ chưa cùng tột nghiệp bổn, vì thế, khoa trước chọn phương tiện chỉ bày.

Văn đầu tiên, trước nêu nghiệp bổn. Nghiệp không có tự tánh phải nhờ duyên mới sinh. Duyên tùy nhiều mà không ngoài tâm và cảnh. Do cảnh phát ra độc, cấu tạo thành nghiệp. Cảnh là chủ duyên bên ngoài; còn độc phát ra từ bên trong, vì thế nói khởi nghiệp thì suy ra ba độc. Độc từ ngã sinh, ngã tức vọng chấp, tức vọng chấp nầy tức là cội gốc của nghiệp, vì thế nói là vọng nghiệp.

Kinh chép: Tất cả biển nghiệp chướng đều từ vọng tưởng sinh, tìm cầu gốc của vọng rốt ráo không có chỗ nương tựa, chỉ là nhất tâm tùy nghiệp bất giác, vì bất giác cho nên hẹp hòi chấp ngã. Từ ngã khởi độc, nhân độc sinh nghiệp, nghiệp thành thì cảm quả, quả hoàn toàn là khổ, khổ là sinh tử, trôi lăn ra vào tạo nghiệp thọ báo làm tư lương, như vậy ức kiếp đâu biết chỗ dừng. Từ gốc đến ngọn (từ đầu đến cuối) y cứ quả mà suy ra nhân, biết được chút ít nguồn vọng. Biết được gốc khổ, các bậc Hiền xem xét đây, há không tự suy nghĩ thương xót. Thử trở xuống là chỉ rộng lớn, xin tìm xem, sẽ dẫn ở thiên sau.

Nay trở xuống chính nêu bày tội nặng và tội nhẹ lại có hai:

(1) Chỉ bày giới hạn của quả báo phạm tội.

Hai câu trên nói phạm từ tâm khởi, chỉ nhân khác nhau.

Hai câu dưới nói quả báo y cứ vào phần tâm chỉ bày quả khác.

Ba tánh: Tánh tức là tâm thể. Tâm tuy có muôn hình dáng nhưng nói về thể chỉ có ba: Một là vô ký, hai là hữu ký, nhưng cứ theo tâm thiện ứng thọ phước báo, do tâm ngu si tổn cảnh nghĩa một. Nghiệp tạo chế giáo cả hai đều có phạm. Hễ nghiệp có ít thì khinh lại y theo giáo. Ý nghiệp là chủ năng tạo, gồm ba tánh trên, hễ tánh căn cứ theo nghiệp mới bất định khởi lấy nghĩa đã thành.

(2) Từ cố trở xuống: Dẫn văn để hiển bày tướng.

Hai câu trên là chỉ bày chung. Có trở xuống là giải thích riêng. Trước nói chế nhẹ nghiệp nặng có ba:

1- Nêu.

2- Từ vô trở xuống nêu tướng có bốn: Hai câu đầu không có tâm hổ thẹn, không sợ nạn: Giải thích tướng không hổ thẹn. Hai câu kế là nói tâm tà kiến. Hoặc trở xuống bốn câu là tâm không tin, không tin có hai: Một là không tin Thánh giáo (lời dạy của Phật), hai là không tin quả báo. Hoặc nghi trở xuống năm câu là nói tâm nghi hoặc, đồng hai món trên.

3- Hoặc do trở xuống là kết thúc chỉ bày.

Từ kế nhược bất trở xuống là chế nặng nghiệp nhẹ. Trái với bốn tâm trên, rất dễ hiểu.

Kế chỉ bày tướng.

Trong phần nêu nói ba tướng tức là tướng chung của tâm.

Nặng nhẹ, thiên tụ không nêu ba món này. Đốt cảnh tạo tác tùy việc trước khác nhau. Lại tâm bất thiện có thể chung tất cả. Tâm thiện và vô úy hoặc chung cho có, không. Như dâm vọng lậu thất, môi giới thô hủy thuộc hai loại thô, hãy suy nghĩ đó.

Trước nói tâm lành: Tuy không phải thô ác nhưng là vô tri, kết nghiệp chính là khinh, trái chế chẳng khác.

Trong phần nói riêng, văn đầu, trước nói tâm phạm tội trộm cắp. Hoặc trở xuống là nói từ tâm phạm tội sát sinh, đều thấy ở giới sau.

Bất dĩ trở xuống là chỉ lý do phạm.

Tức trở xuống là dẫn chứng.

Tàn trở xuống là nói các tụ đều thêm phần ngu si, vì thế nói rằng cho đến, v.v...

Khoa kế, trước nói quả báo phạm tội.

Do trở xuống là giải thích quả báo nhẹ.

Hai câu trên là nói bổn nghiệp.

Hai câu dưới là nói trái chế.

Trong nặng nhẹ có hai:

1- Nói tánh giới đều phạm.

2- Từ nhược trở xuống nói ngăn giới riêng phạm, có ba:

- Đầu là chánh nói.
- Dĩ trở xuống là giải thích lý do.
- Nhược trở xuống là nêu sám tịnh.

Trên là sám ngăn. Bất trở xuống là chọn sám tánh thiên tụ tuy sám mà nghiệp đạo không mất.

Chỉ luận Trí Độ: Như thiên sám ở sau.

Luận ấy chép: Thập thiện tuy sám mà ba đường ác không dứt v.v....

Kế, là tâm bất thiện nghĩa là do ba độc tham sân, si sinh khởi, vì đơn phức đẳng phần kích phát bảy chi.

Trong phần chánh nói lại có hai:

Trước là nêu bày chung. Hai câu trên là nêu riêng người phạm, vì học và bất học. Hai câu sau gồm nói tâm tướng. Như trở xuống là dẫn chỉ bày. Trong phần bốn ở trước là tướng chung vì nhiếp tất cả. Trược nặng có hiển, vả lại y cứ ba thời không hối gọi là tâm thượng phẩm. Ba sau là tướng riêng vì khai tâm si. Hai là tâm tà kiến. Ba là tâm buông lung. Bốn là tâm kiêu mạn. Cố trở xuống hai câu là gồm nêu bày nghiệp báo. Dĩ trở xuống là lời sao kết chỉ bày, không hổ không thẹn tức là hai tâm bất thiện trước sau. Gồm bốn món trước, mỗi mỗi tướng kèm nhau.

Sơ vô: Lời ký xưa chép: Sơ giống như đều, tuy không nêu chữ, sách mượn lời dạy để hiển nghĩa theo xưa không ngại.

Trong phần dẫn tông, trước dẫn thành luận chứng minh rằng nghiệp tùy theo tâm nặng, y theo chế thì con kiến là nhẹ, cõi người là nặng vì thiên tụ đã định, nếu y cứ về nghiệp thì con kiến nặng, cõi người nhẹ, vì tâm riêng.

Do trở xuống là suy lý do của luận.

Dư trở xuống là dẫn luật Thập Tụng, chuyển chứng sám nghiệp không mất.

Đề-đạt nói đủ là Đề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Nhiệt, là em của Đức Phật, là anh của A-nan.

Phá tăng phạm Thâu-lan-giá, chế giáo tội, vì tội nghiệp quá nặng nên đọa vào địa ngục A-tỳ một kiếp.

Ba: Cố trở xuống là dẫn kinh chuyển chứng sám hối rồi đọa địa ngục, cũng gọi là kinh Địa Ngục Báo Ứng. Nghiệp định, bất định chỉ y cứ ba thời, đủ thiếu chia khác. Ba thời đủ thì là định nghiệp. Định có hai nghĩa, như văn đã nêu. Bất định cũng có hai, trái với nghĩa nhất định, rất dễ hiểu.

Chư Phật không thể chuyển vì nghiệp lực của chúng sinh hơn năng lực của Phật.

Sau chỉ quyển cuối: Tức trong Thiên sám.

Ba loại vô ký có nhiều thứ khác nhau:

1- Vô tình hạn cuộc vô ký, hữu tình chung cho ba tánh.

2- Y cứ vào tình thì báo sắc là vô ký, tâm thì chung cho ba tánh.

3- Tâm hạn cuộc vô ký, hành tâm chung cho ba tánh.

Sau nói hai món:

1- Buông lung nghĩa là mênh mông vô ký.

2- Thùy cuồng, tức tối tăm vô ký.

Trong phần nêu bày tâm, văn trước lại có hai:

1- Nêu bày tâm tướng.

2- Như trở xuống nêu việc phạm.

Nêu riêng các giới, đến văn tự đối chiếu.

Câu: cao đàm phí thời: Luật chế đi lại, cúi ngước, thường nhất tâm, trái thì đều phạm Đột-cát-la, vì thế nói là phương tại.

Trên nói không học chế phạm.

Duy trở xuống là lựa khuyên học khai mê.

Khoa kế, câu đầu chỉ phần nêu tướng ở trước chưa hết, tức giống như dừng.

Phương tiện trước: Hoặc tự tác phạm, như khi mới ngủ tác ý thất lậu, hoặc dạy người khác như sát sinh, trộm cắp, v.v... Hoặc từ nghiệp tướng thành phạm như tự an sát đầy đủ, v.v... Hoặc y cứ vào quả thành tùy thuộc vô ký, do nương phương tiện, vì thế nói rằng thông trước, v.v... Như luận tức luận Thành Thật ở sau.

Trong phần hỏi đầu: Chứng minh luận chỉ trên.

Trong phần đáp, câu đầu chỉ chung, sơ trở xuống là giải thích riêng:

1- Trước y cứ về phương tiện dễ giải thích, tức thùy miên, cùng loạn vô ký đã nói ở trên. Đầu nói nhân trước nên chiêu cảm quả, sau nói chánh thành thì chẳng phải quả báo.

2- Y cứ về hai báo chung riêng để giải thích. Nghĩa này chung cho hai món vô ký ở trước. Báo chung nghĩa là gồm thọ quả báo địa ngục; Báo riêng nghĩa là thọ riêng các đường khác.

Như trở xuống là dẫn chứng, có ba: Hai chứng trước là buông lung nói trên, một chứng sau là thùy miên cuồng loạn ở trên.

Như kinh: Chưa rõ kinh gì (có chỗ nói là kinh Thập Nhị Đầu-đà hạnh, văn đó không nêu ra).

Bất giác là tâm vô ký.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: Xưa có một vị Tỳ-kheo làm việc, tay bẩn cầm thức ăn bị đọa vào loại ngạ quỉ. Có một vị La-hán nghe tiếng rên rỉ ở dưới hầm xí bèn hỏi thì quỷ kia đáp rằng: Tôi từng làm tri sự trong chùa, tay dơ cầm làm cho thức ăn bất tịnh, cho tăng ăn nên đọa vào loài ngạ quỉ làm thân con giòi, không được ăn phân, vì thế mới rên rỉ. Vị La-hán nghe vậy liền sám hối cho nó, nó mới ăn phân được. Lầm xúc tức là tâm vô ký.

Bộ Thành luận chép: Nghiệp thùy miên: Như trong mộng lậu thất phạm năm tội Đột-cát-la, dạy người tự nghiệp, như trên đã nói.

Trong phần hỏi kế, nêu khai vọng trước. Trong phần đáp, hai câu đầu là chỉ trước nêu sau.

Vị trở xuống là chánh đáp. Trước nêu người học.

Ngụ trở xuống là nói mê vọng. Như trở xuống là lược nêu giới tướng. Ngược với trên nghĩa là chẳng phải người học, đối chiếu sẽ hiểu.

Trong phần kết khen: Hai câu đầu chỉ bày sinh tử lâu dài. Nghiệp khổ nêu chung nhân quả. Miên nghĩa là ra vào lâu xa. Tích nghĩa là tạo nghiệp thô nhận rất nhiều.

Sinh báo: Chỉ riêng quả khổ cùng tận.

Hư trở xuống: Than thở hủy phạm bị đọa lạc. Tùy vọng khởi nghiệp nên nói là hư túng.

Không có ba thiện: Nhiều nhân ác.

Thêm ba ác: Không có quả lành.

Phụ tức bằng nghĩa là tăng thêm.

Dĩ trở xuống là chánh thân.

Kinh sinh dụ như độ đời.

Tức nghĩa là hơi thở.

Thứ hai là dẫn chứng.

Trong phần chánh chép: Trước nói kinh Mục-liên Vấn (cũng gọi là kinh Phạm Giới Báo Ứng Khinh Trọng).

Trước nêu người phạm, cứ trở xuống là nói ba chúng đều phạm Đột-cát-la, tội báo đồng như tăng. Nay y cứ gồm chung sáu tụ vì thế chỉ nêu hai chúng mà thôi.

Không hổ thẹn trở xuống là nêu tâm phạm, nhưng quả báo tùy tâm dài ngắn không nhất định. Hoặc trược nặng tà kiến, dầu phạm tội khinh đâu dừng ở số nầy. Hoặc từ tâm hổ thẹn, tuy phạm tội trọng nhưng chưa hẳn đúng số, y theo đó sẽ biết.

Trong kinh, lại y cứ một tướng, nên y cứ vô tàm, khinh mạn để định quả báo vị lai không sai. Nếu đầy đủ tâm nầy thì nhất định như số năm.

Bốn câu trên y cứ theo kinh, sau là sáu tụ, phạm trở xuống là nêu tướng. Trong kinh nói chung là địa ngục. Y cứ theo Tạp Tâm riêng đối với sáu ngục. Nê-lê tức là tên ngục, Hán dịch là Vô khứ xứ.

1- Trong tội Đột-cát-la: bốn vị thiên vương và mặt trời, mặt trăng ngang nhau, ở giữa eo núi Tu-di.

Đọa Nê-lê tức địa ngục Đẳng Hoạt. Ở cõi trời năm trăm năm là một ngày một đêm ở địa ngục.

Nói: Ở nhân gian chín trăm ngàn nghĩa là do ở nhân gian năm mươi năm là một ngày ở cõi trời. Một ngàn năm trăm năm là một tháng, một muôn tám ngàn năm là một năm; mười tám muôn năm là mười năm; một trăm tám mươi muôn năm là một trăm năm, chín trăm muôn năm là năm trăm năm (trên là y cứ số ít, nếu dùng số nhiều mười muôn là năm, thì hợp lại nói là chín mươi ngàn, nghi là kinh nói lộn).

2- Trong Ba-la-đề Đề-xá-ni: Cõi trời Tam thập tam ở đỉnh núi Tu-di, đây là đọa vào địa ngục Hắc Thằng. Ở cõi trời đó một ngàn năm bằng ở địa ngục một ngày một đêm.

Tính theo nhân gian: Ở nhân gian một trăm năm là một ngày ở cõi trời, ba ngàn năm là một tháng, ba vạn sáu ngàn năm là một năm, ba mươi sáu muôn năm là mười năm, ba trăm sáu mươi muôn năm là một trăm năm, ba ngàn sáu trăm muôn năm là một ngàn năm (cũng y theo sớ nhiều ngàn muôn là ức, vì thế dùng ba ngàn muôn làm ba ức. Mười muôn làm thiên, vì thế sáu trăm ức làm sáu mươi ngàn (thiên).

3- Ba-dật-đề: Dạ-ma và ba tầng trời sau đều nương hư không mà trụ, chung với trước là sáu tầng trời cõi Dục, đây là đọa địa ngục Chúng Hợp. Ở nhân gian hai trăm năm là một ngày ở cõi trời, sáu ngàn năm là một tháng, bảy mươi hai ngàn năm là một năm, bảy mươi hai muôn năm là mười năm, bảy trăm hai mươi muôn năm là một trăm năm, bảy ngàn hai trăm muôn năm là một ngàn năm, mười bốn ngàn bốn trăm muôn năm là hai ngàn năm (ngàn muôn là ức, thành mười bốn ức, mười muôn là ngàn thành bốn ngàn. Xét trong kinh nầy hai mươi bốn ức. Chữ nhị làm thành nhất. Lời sao rằng hai mươi mốt là y cứ sự tính toán là sai).

4- Thâu-lan-giá: Đọa địa ngục Hào khiếu, ở nhân gian bốn trăm năm là một ngày ở cõi trời, một muôn hai ngàn năm là một tháng, mười bốn muôn bốn ngàn năm là một năm, một trăm bốn mươi bốn muôn năm là mười năm, một ngàn bốn trăm bốn mươi muôn năm là một trăm năm, mười bốn ngàn bốn trăm muôn năm là một ngàn năm, hai mươi tám ngàn tám trăm muôn năm là hai ngàn năm, năm mươi bảy ngàn sáu trăm muôn năm là bốn ngàn năm (ngàn muôn là ức, thành năm mươi bảy ức. Mười muôn là ngàn thành sáu mươi ngàn, lời sao và kinh đều ghi rằng năm mươi ức, bỏ chữ bảy mà thôi).

5- Tăng tàn đọa địa ngục Đại khiếu: Ở nhân gian tám trăm năm là một ngày ở cõi trời, hai muôn bốn ngàn năm là một tháng, hai mươi tám muôn tám ngàn năm là một năm, hai trăm tám mươi tám muôn năm là

mười năm, hai ngàn tám trăm tám mươi muôn năm là một trăm năm, hai mươi tám ngàn tám trăm muôn năm là một ngàn năm. Tám lần hai mươi ngàn muôn tức hai trăm hai mươi bốn ngàn muôn. Tám lần tám trăm vạn là sáu ngàn bốn trăm muôn. Tính chung là hai trăm ba mươi ngàn bốn trăm muôn là tám ngàn tuổi. (Dùng số lớn để luận tức hai trăm ba mươi ức bốn mươi tuổi, kinh nầy ghi lầm là ba mươi ngàn.

6- Ba-la-di đọa địa ngục Viêm nhiệt. Ở nhân gian một ngàn sáu trăm năm là một ngày ở cõi trời, bốn muôn tám ngàn năm là một tháng, năm mươi bảy muôn sáu ngàn năm là một năm, năm trăm bảy mươi sáu muôn năm là mười năm, năm ngàn bảy trăm sáu mươi muôn năm là một trăm năm, năm mươi bảy ngàn sáu trăm muôn năm là một ngàn năm, năm trăm bảy mươi sáu ngàn muôn năm là một ngàn năm ba trăm bốn mươi lăm ngàn sáu trăm muôn năm là sáu ngàn năm. Tính chung là chín trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm muôn năm ở nhân gian là mười sáu ngàn năm ở cõi trời (tính theo số lớn mà nói, như lời sao đã hợp).

Kế, là trong kinh Niết-bàn, trước dẫn kinh: Trời Đao-lợi tức trời Tam Thận Tam. Số tuổi của mặt trời, mặt trăng cũng tính theo nhân gian.

Dữ trở xuống là tính chung theo thế tục: Mười lần mười là một trăm, mười lần một trăm là ngàn, mười lần ngàn là muôn, mười lần muôn là ức. Mười ức là triệu (đây là số ít). Hoặc dùng một trăm lần một trăm là ngàn, ngàn lần ngàn là muôn, muôn lần muôn là ức, v.v... (đây là tính theo số nhiều). Ở trước là kinh y cứ theo số nhiều, kinh Niết-bàn là theo số ít. Nhưng hai kinh đối với cõi trời không đồng, chín trăm, tám trăm khác chưa thể hòa hợp.

Trong phần khuyến tin, trước chỉ kinh, đây là lời Phật nói, người phải kính tin.

Kinh Mục-liên Vấn do ngài An Thế Cao đời Hán dịch kinh Niết-bàn, do ngài Đàm Vô Sấm ở Bắc kinh dịch. Trong tạng có kinh dịch sai, nghĩa là không dịch chữ chủ danh. Lại có kinh nghi rằng chân ngụy khó rõ. Lại có ngụy kinh thấp kém có thể khác nhau, sợ người ngu xem văn kinh ý cho rằng bấy giờ ở nước xa truyền đến đây, đâu biết rằng do Đức Phật nói, vì thế lúc bấy giờ mới ngăn đó. Thời nay phần nhiều đồng xem như vậy, đều lạc vào rừng tà, thật đáng thương xót.

Chớ trở xuống là chánh khuyên.

Bất phản tri nghĩa là không phản tĩnh lỗi mình.

Hình khai nghĩa là chịu khổ trong sáu ngục.

Trường kiếp: Trong luận Trí Độ giải thích rằng như số hột cải đầy

trong ngôi thành lớn rộng bốn ngàn dặm, có vị tiên sống lâu cứ một trăm năm lấy ra một hột. Như thế số hột cải đầy trong thành đó thì kiếp không cũng chưa hết. Lại có hộc đá rộng bốn ngàn dặm, cứ một trăm năm mới lau một lần, như vậy đá lau đến hết mà kiếp vẫn chưa hết. Đây là thời kiếp không thể cùng tận.

Trong phần bác bỏ ngu (khiển trách), khoa đầu, câu trên chỉ bày sự ngu muội.

Tự hủy ý nói chính thân là Phật tử mà tranh luận hủy báng Đức Phật. lại tự thân bẩm thọ giới mà tranh luận hủy báng giới luật, vì thế như dụ lá vàng, v.v... là nói ở đây.

Tức trong kinh Phật có nói lời này. Vì thế, kinh Niết-bàn nói nghĩa: Khi đứa trẻ khóc (dụ cho hàng Tiểu cơ (căn cơ thấp kém). Cha mẹ liền lấy chiếc lá dương vàng mà nói với trẻ rằng: Đứng khóc nữa cha mẹ cho con vàng nè! (Dụ như Đức Như lai thí cơ). Đứa trẻ thấy lá vàng nầy rồi tưởng là vàng thật, liền nín không khóc nữa (nghĩa là chứng Niết-bàn). Nhưng là vàng này thật không phải là vàng (không phải là Đại Niết-bàn). Trâu gỗ, ngựa gỗ, nam gỗ, nữ gỗ, đứa trẻ thấy đó cũng đều tưởng là trâu, ngựa, nam, nữ thật (dụ cũng đồng như trên). Đây là Đức Như lai nói lại ý trước đây đã nói pháp cho hàng Tiểu thừa, đến thời Niết-bàn quyết rõ pháp cho hàng Tiểu thừa, đến thời Niết-bàn quyết rõ quyền nghi đồng quy về thường trụ, đâu còn có Tiểu thừa ư, đó gọi là không biết giáo.

Trong phần chánh phá, văn đầu, hai câu trên nêu giáo vốn dung thông. Nếu y cứ nơi lý đại tiểu thì lý giáo thật có khác. Nay y cứ từ gốc ra, hoặc y cứ về khai hội có quy, vì thế nói là không phân cách.

Đối trở xuống là nói do căn cơ nên có khác.

Cố trở xuống là dẫn chứng. Trước chứng nói Tiểu thừa ngộ Đại thừa, tức kinh Vô Lượng Nghĩa.

Kinh nói: Này người Thiện nam, lúc đầu nói (ở vườn Nai); chặng giữa nói (thời Phương Đẳng, Bát-nhã), nay nói (tức kinh này) văn từ là một nhưng nghĩa khác nhau, nên chúng sinh hiểu khác, vì hiểu khác nên đắc đạo cũng khác.

Này người Thiện nam, ban đầu nói pháp Tứ đế vì người cầu quả Thanh văn, có tám ức người, các vị trời đến nghe pháp đều phát tâm Bồ-đề (đây chứng nghĩa sao ở trước nói tám muôn), kế nói Phương Đẳng, Bát-nhã, Bồ-tát tu hành, có trăm ngàn Tỳ-kheo, vô lượng trời người chứng quả Tu-đà-hoàn (đây đồng với văn sau). Hai thời sau (Phương Đẳng và Bát-nhã) là chứng tỏ nói Đại thừa ngộ Tiểu thừa.

Tức kinh Niết-bàn chép: Tu-bạt-đà-la nghe Đức Phật nói kinh đại Niết-bàn pháp mầu sâu xa chứng được chánh pháp nhãn tạng, cho đến lậu tận, chứng quả A-la-hán, v.v... trở xuống y cứ kinh hiển ý. Đây nghĩa là Một âm dẫn pháp của Đức Như lai, chúng sinh tùy loại được hiểu. Song đây phải nghĩ ngôn giáo là một, còn như ý của Đức Phật không có mất phó vì thế khiến cho tùy loại được lợi ích. Đây ý nói không dùng sở học để chia Đại Tiểu, hễ thông suốt về Đại thừa thì tất cả quy về đại có ngại gì học luật. Người có ý chí Tiểu thừa thì việc làm đều là Tiểu thừa. Người tự nghiên cứu kỹ càng về kinh điển thì nói rằng tâm không chỉ có một.

Khoa kế có hai:

(1) Suy công của giới, trước nêu Phật.

Thí vi: Là từ ngữ chung về phép tắc một thời kỳ hóa độ chúng sinh.

Oai nghi là giới học, chủ giống như Tôn.

Đãn trở xuống là nêu lý do. Trước nói đối bệnh. Thân miệng tức là nghiệp. Tâm sử là hoặc bỗng phát.

Nay trở xuống là nói thứ lớp trị.

(2) Nay có trở xuống khiến trách cuồng vọng. Trước nêu bày chỗ chấp.

Vị địa nghĩa là bạc-địa phàm phu.

Án thác nghĩa là vô nghi úy.

Khinh chân kinh nghĩa là hủy báng luật giáo.

Trọng ngã giáo nghĩa là nói những người đã học tập.

Tức trở xuống là y cứ vào lời dạy.

Phản chất hai đầu đều y cứ nghĩa khai hội, do bổn Tiểu giáo quy về nhất Phật thừa nên hai đều nói là tức.

Mười tám là chỉ số mục.

Bộ là chỉ một bộ căn bản.

Thanh văn chỉ nói là Thi-la, Bồ-tát thì thêm Ba-la-mật tức một trong sáu độ.

Như trở xuống là thương xót kẻ ngu ám kia. Lời dạy tuy hiển rõ, nghe mà không tin nên nói là không nhập mà thôi.

Trong phần ba ở trước dẫn kinh Ma-da. Tỳ-ni trụ trì, Thiên Thắng phá hủy nên pháp sẽ diệt.

Kế dẫn kinh Niết-bàn: trước nêu tà thuyết, đã dẫn ở trước. Phương tiện sợ người nói không thật, v.v...

Như trở xuống là quyết phá, trước dẫn văn kinh. Dĩ trở xuống là

y cứ kinh trách sâu.

Bốn: Trong phần nêu tông, dẫn kinh Bát Nê-hoàn và luật Thiện Kiến, đều đồng kinh Di Giáo, vì thế nói là các kinh. Song đã dụ Sư, vẫn phải vâng theo thực hành vì trái nghịch với sư thì bị tội nghịch, hủy giới thì đọa vào đường khổ.

Năm: Dẫn kinh, Sư dụ cho Đức Như lai; đệ tử dụ cho người học; lại dụ hai thừa; án ma dụ tìm tòi nghiên cứu.

Kia trở xuống là dụ học Đại thừa, chê bai Tiểu thừa.

Bỏ trở xuống là dụ học Tiểu thừa chê bai Đại thừa.

Thí trở xuống là hợp pháp rất dễ hiểu.

Phương Đẳng là tên chung của Đại thừa.

Dĩ trở xuống là hiển nghiệm.

Trong phần sáu, trước nêu vị sâu, hai câu trên chỉ bày nghĩa hòa giáo. Giáo của Thanh văn chỉ chung đạo mà thôi.

Nói hữu duyên tác là lợi ích chúng sinh, vì hiện hành mười điều ác.

Nói không nhiễm phong nghĩa là tự mình không bị nhiễm các lỗi lầm dơ bẩn, phải đầy đủ hai lợi mới cho thực hành. Y cứ theo văn sau phải đến Bát Địa hoặc nói là Sơ Địa trở lên. Kế nói sơ tâm có ba:

(1) Chỉ bày chỗ tu, từ Địa Tiền, Tam Tiền, v.v... chưa phá vô minh, còn sinh nhiễm trược chưa được như trên. Nhưng đồng Thanh văn là do Bồ-tát xuất gia quyết phải gồm giới Tiểu thừa. Lại vì trong tụ thứ ba luật nghi dưới ác Đại Tiểu chẳng khác.

(2) Từ tức trở xuống là dẫn chứng, kinh Niết-bàn nói La-sát là dụ cho ba độc. Phao nổi là dụ cho giới thể.

Một: Toàn khất dụ cho phạm giới trọng.

Hai: Khất bán dụ cho phạm giới Tăng tàn.

Ba: Khất một trong ba phần dụ cho phạm giới Thâu-lan-giá.

Bốn: Khất thủ kế dụ cho phạm tội xả đọa, đơn đọa.

Năm: Khất vi trần kế dụ cho phạm tội Đột-cát-la (trong sáu tụ thiếu Ba-la-đề Đề-xá-ni, vì nghĩa đồng Đột-cát-la) Văn nêu Đột-cát-la so sánh nhẹ với nặng. Hựu trở xuống là dẫn luậnTrí Độ. Không chứa tài vật cũng là vị hộ giá. Nhưng nói v.v..., luận kia chép: Không trộm cắp: Đã bố thí tài vật cho pháp giới hữu tình, tức dùng giới pháp tự mình thực hành và giáo hóa người khác, cũng gọi là dùng giới pháp hành kỷ để giáo hóa chúng sinh.

(3) Từ dĩ trở xuống: y cứ khiển trách. Trước nêu quá lạm, hành chẳng phải là lựa chọn chỗ làm thường.

"Nói quá thật nghĩa là cao đàm hư luận.

Sỉ kỷ phạm, nghĩa là lo người khác thấy khinh thường.

Mậu tự bao nghĩa là nói ta là Đại thừa, người không có khuôn phép Tiểu thừa.

Dư trở xuống là nói mặt gẫy.

Phiền não hợp nghĩa là buông lung làm ác, thuận theo dục tình.

Trong bảy là nói chúng giảng thiền, ngày nay tụng chỗ học tuy khác, nhưng chưa có ai không thọ giới; nếu vốn vì trì giới thì phát giới phẩm, ngược lại thì luống thọ nhất định không có giới, lấy gì làm Tăng bảo, làm sao tiêu của tín thí, luống tự mình cạo tóc nhuộm y cuối cùng cũng bị đọa.

Lại Đại thừa Phương Đẳng chỉ khai tâm không câu nệ hình tướng y phục.

Cư sĩ Tịnh Danh, trong kinh Hoa Nghiêm Tri Thức tùy duyên giáo hóa chúng sinh, không mượn hình nghi. Nay đã thông phương, nhọc gì cạo tóc nhuộm y, nếu tự mình phản tỉnh sẽ tự mình rờ đầu.

Khoa tám chia làm hai:

(1) Khuyên kia bộ pháp.

- Trước nêu thể tướng để khuyên: Giới thọ là thể, hình nghi là tướng.

- Sau từ nay trở xuống nêu tướng, trụ trì tức người cạo tóc nhuộm (đắp) y, pháp Yết-ma, chốn già-lam, việc huấn đạo (giảng đạo), bốn vị tăng hoặc y cứ về bốn vị, hoặc chỉ là sơ vị.

(2) Từ nhược trở xuống: Trách kia cuồng vọng.

- Trước nêu tham lợi nương Tiểu thừa.

- Sau từ nhược ô hãn trở xuống là nói chống phạm nương Đại thừa. Cố trở xuống là dẫn trách. Phật tạng đệ nhất, Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: Thí như con dơi khi muốn bắt con chim thì phải vào trong hang làm con chuột; Khi muốn bắt con chuột thì phải bay lên trên trời làm con chim, mà thật ra không có công dụng của con chim con chuột, thân kia dơ uế chỉ vì ưa mê muội. Này Xá-lợi-phất! Tỳ-kheo phá giới cũng giống như vậy, không bố-tát, tự tứ, cũng không phục dịch cho vua cho nước thì không gọi là tại gia, không gọi là xuất gia, v.v...

Lại trong kinh Thập Luân quyển bảy chép: Tự mình đối với pháp Đại thừa các hạnh cảnh giới chưa từng tu học, chưa thể giải ngộ, đối trong chúng tự xưng mình là Đại thừa, đây là vì danh lợi nên lừa dối dụ dẫn người ngu si khiến họ gần gũi và làm bạn với mình. Thí như con lừa mang da con sư tử mà tự cho mình là sư tử, có người ở xa nhìn thấy cho

là sư tử thật, đến khi kêu lên thì mới biết là lừa.

Quảng trở xuống là chỉ hai kinh trước, lược như trên đã dẫn. Hầu đãi, nói kinh kia rõ ràng không đợi trình bày mà sau cũng hiểu.

Trong phần nêu ý, trước nêu ý rộng khiển trách, tức kia quá đổi chẳng ra gì.

Trần mông nghĩa là tà ngôn ác kiến, làm hoại lòng tin mất đạo, dụ như bụi dơ làm bẩn vật trong sạch.

Du trở xuống là dặn dò, cái gọi là tơ mầu trắng dễ nhuộm, màu đỏ mầu tìm khó phân. Mặc dù phương tiện uyển chuyển chỉ bày còn chưa thể phản tỉnh, há không có giới cấm thì tình trạng ham muốn ở đời thật khó nói, buông lung làm sai đây là chỗ ham muốn của con người. Vả lại, thế hệ của các vị Tổ sư phong cách kia còn có trường hợp như vậy, huống chi thời nay không đáng lấy làm lạ.

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 1 - 2)

THIÊN GIẢI THÍCH TƯỚNG

Hai chữ giới tướng trong đề gọi chung là giới bổn, tức chỗ giải thích hai chữ "Tùy thích" hạn cuộc trong lời sao nầy, tức có thể giải thích. Nhưng trong giới bổn chỉ nêu tên giải thích, nói về trì, phạm, đủ trong quảng luật. Nay sư tầm (lượm lặt) văn luật phổ biến rộng ở các bộ tùy ở phần giới sau. Điều lệ riêng chỉ bày nên nói rằng tùy giới giải thích tướng.

Hỏi: Đây là Tông sao, vì sao nói là giải thích ư?

Đáp: Giải thích nghĩa là hễ nêu một giới, thì hiển thẳng tướng trì phạm, nặng nhẹ, không phải như lời sớ trong giới tùy văn giải thích.

Hỏi: Thế nào gọi là Tướng?

Đáp: Như trước phần giải thích giới ở sau.

Ba khoa tóm lại đó:

1- Cảnh sở phạm.

2- Thành phạm tướng.

3- Khai không phạm.

Đều gọi là Tướng.

- Lại dùng nghĩa cầu cũng có ba nghĩa khác nhau:

1- Phạm và không phạm.

2- Trong phạm tội có nhẹ và nặng khác nhau.

3- Có phương tiện và căn bổn khác nhau.

Nói chung về tướng kia không ngoài tâm cảnh, như phần sau sẽ giải thích lại.

Trong phần chú hiển, hai câu trên chỉ bày chỗ y cứ ra.

Điều bộ nghĩa là hai mươi kiền độ của giới bổn tăng ni trong luật sau lần kiết tập ngũ bách, Thất bách làm riêng một thiên, có liên quan quyển ba gọi là Điều bộ Tỳ-ni, chính là điều lệ ở giới bổn trước quyết định giải thích sự nghi trệ. Như trước giới dâm chưa rõ giới hạn ba

đường, hai cảnh đạo tục thành tướng phạm. Ngài Ba-ly hỏi riêng từng việc. Đức Như lai tùy câu hỏi mà đáp, giải thích khiến cho trì, phạm trong giới bổn trước được đầy đủ. Nhưng nay giới bổn trong tạng phần nhiều là chữ Điều, nghi âm nầy là sai, không có lý do nào khác.

Có người giải thích rằng: Khi Phật còn tại thế, Tinh-la chế riêng bộ loại: Ba-ly điều hòa bộ loại, vì thế gọi là Điều Bộ, do nghĩa chữ Điều nói lên Đại sư cho là dễ, đây là lời nói không có y cứ cứ chứa đủ để tin.

Đản trở xuống ba câu là trước tiên nêu bày chỗ lập Điều bộ. Chánh bổn tức giới bổn ở trước. Sau nêu đó tức dùng Điều bộ ở phần thứ tư. Nay trở xuống là chánh nói chỗ y cứ của thiên nầy.

Các thiên tức chỉ văn trước sau của lời sao nầy.

Chưa đủ có hai:

1- Tuy có danh phạm hai trăm năm mươi, nhưng chưa chắc là đủ.

2- Dầu có danh chủng chưa biết thành khuôn phép (cách thức), duyên tướng phạm. Nhưng Điều bộ (tức hai mươi kiền độ) ở cuối luật, tùy tướng ở giữa phần sao, nay chỉ y cứ kia, chưa đủ nghĩa điều trọng, không phải cho rằng y cứ trước sau.

Bổn văn, khoa đầu có ba đoạn:

1- Nói thuận lời dạy thành lợi ích.

2- Từ nhược trở xuống là nói mê lời dạy đến nỗi bị tổn hại.

3- Sở trở xuống chỉ bày sự biên soạn ngày nay.

Văn đầu, câu đầu nêu giáo bổn. Chú dẫn văn trong Thi-la Ba-la-mật của luận Trí Độ. Nói danh tự nghĩa là đây hạn cuộc trong giới bổn làm số mục. Trong Tỳ-ni là chỉ cho quảng luật. Tám mươi bốn ngàn là đối môn trần lao. Hướng về trước là rộng, hướng về sau là lược, vì thế nói là lược thuyết Vô lượng vô biên, đây là tùy theo cảnh. Vì thế sau so sánh đạo và tục, ý khiến cho người học biết mình là người tôn thắng chớ tự khinh thường. Thi-la Ba-la-mật và giới độ ở sau, Phạm Hoa đều nêu khiến cho dễ hiểu.

Y trở xuống hai câu là nói thuận với lời dạy. Câu trên là hạnh, câu dưới là giải. Hạnh giải cả hai đều đủ công thành học giới.

Tiện trở xuống là hiển bày sự lợi ích. Có thể được vậy “khắc năng”, hoặc viết “khắc tiếu”.

Đoạn kế trái với ba ý trên.

Câu đầu nói mê giáo tức không hiểu. Sở duyên là cảnh, do mê mờ giáo pháp nên không rõ cảnh. Hoặc có thể sở duyên tức chỉ cho giáo tướng. Câu kế nói tùy theo nhiễm ô tức thiếu hạnh. Nhiễm tức mê đắm

hoặc là mê loạn. Há trở xuống hai câu nêu bày sự tổn hại. Có thể thấy hai câu trên trong phần ba nêu bày sự biên soạn, nương giáo là nói riêng ở trong tông nầy, gồm chung ba tạng.

Ắt trở xuống là khuyên tu.

Ngõ hầu là hy vọng. Họa hại tức nói về đường khổ ở trước, nghĩa là ba đường: Địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, nay nêu sự tổn hại để khuyên. Phải biết vâng giữ giới không chỉ khởi được sự khổ hại mà trí tuệ phát sinh cũng từ chỗ trì giới này.

Trong phần chỉ chung riêng, thiên này theo điều (lệ) hiển tướng gọi là biệt sự trì phạm, chương sau gồm thâu thiên tụ gọi là nghĩa chung của trì phạm. Do riêng hiển chung, dùng chung thâu riêng, trước sau chiếu nhau trì phạm mới rõ, muốn khiến dự hiểu ý của hai thiên, vì thế ở đây nêu bày, chỉ tức là nêu bày.

Thẳng nêu bày nghĩa là lựa bỏ chương nghĩa vì có ở thiên sau. Tiến nghĩa là không lỗi có thể thực hành không nghĩa là có giáo chế dừng (không làm).

Khuôn phép trì phạm y cứ trái ngược đề văn.

Hai câu đầu trong khoa thứ ba khen ngợi công phu giữ giới. Nương theo giới luật thanh tịnh sẽ vượt ra biển khổ, cho nên nói giới như thuyền bè. Hễ người nào nhập vào cửa đạo đều phải bẩm thọ giới, đây là tông yếu.

Thọ trở xuống nói lý do phạm. Khi thọ khắp cảnh đều phát nên thông pháp giới, tùy trong đó một hạnh khó trì, vì thế như sừng con kỳ lân (kỳ lân là loài thú thường hiện điềm lành. Nước nào có đạo Phật thì kỳ lân hiện, nó chỉ có một sừng, nêu dụ này ý nói kia là ít mà thôi), bẩm thọ thì nhiều mà trì thì ít, tai họa là ở chỗ mê mờ giáo pháp nên nói là bởi do, v.v...

Bổn thuyên tức số mục luật giáo. Trần nhiễm tức hủy phạm.

Thử trở xuống là chỉ bày ý nêu chương. Y cứ đầu đề nầy chỉ nêu giới tướng. Nay chỉ muốn thuật pháp thể và hạnh nên trước chỉ bày ý cần nói.

Câu trên dẫn thánh để so sánh, trên nêu chữ thử tức chỉ cho giới trước.

Thánh hiền khâm tựa tức nêu tông, các kinh, luật, luận được dẫn để thay cho văn giới.

Hà trở xuống là nói lên nay cần phải thuật. Cố trở xuống là nêu bày chương môn.

Thông xuất ly nghĩa là quán suốt nhân quả.

Chúng sinh hành nghĩa là nền tảng.

Thuận bổn thọ là tùy hạnh.

Thông thiên, tụ là thuộc về giáo thuyên, tức là biến.

Hỏi: Vì sao không chỉ giải thích tướng mà luận cả về bốn giới?

Đáp: Giới là một, quỹ phàm từ thánh gọi là Pháp, gồm nhiếp quy về tâm gọi là Thể. Ba nghiệp tạo tác gọi là hành. Xem rộng có thể phân biệt danh tướng, do pháp thành thể, nhân thể khởi hạnh, hạnh quyết phải y cứ theo tướng. Phải biết tướng đó tức là pháp tướng lại là thể tướng, lại là hành tướng không có tướng khác. Nếu mê mờ ba tướng đây mà giải thích tướng, lại đã không do tựa chẳng biết chỗ có (lý do), luống tự tìm điều thì khó nghiên cứu được gốc, vì thế trong phần giới thể chép: Mọi người thọ giới ít có người hiểu rõ nên đối với phần tùy tướng các môn đều chỉ bày. Y cứ đó biết mình giới thành hay không, song sau trì phạm mới có thể tu lìa. Ý của Đức Phật hiển bày rõ ràng, người học phải biết.

Khoa đầu nói Thánh đạo tức chung ba thừa.

Bổn nghĩa là căn bổn. Cơ tức nền tảng.

Bổn dụ giới pháp phát sinh ở Thánh đạo.

Cơ dụ cho Thánh đạo nương vào giới pháp.

Kế, trong phần thuận nói, trước là chánh nói.

Giặc tức ba độc, nó có khả năng cướp đoạt thiện tài và xâm hại tuệ mạng nên dùng để thí dụ. Tùy cảnh cấm chế cho nên như cầm nắm. Nhiếp chỉ một chỗ cho nên như ràng buộc, dùng trí chiếu phá nêu như giết. Cầm nắm, ràng buộc chung cho phàm phu, sát chỉ thuộc bậc thánh. Sơ quả (Tu-đà-hoàn) phá kiến hoặc cũng được gọi là sát tặc, cuối cùng đến Vô học sát mới rốt ráo, đây là đến quả A-la-hán rõ tên Sát Tặc. Nhưng, tuy Thánh đạo gần với ràng buộc sát tặc mà suy đầu mối kia do công đã cầm nắm trước tiên, nghĩa căn bản và nền tảng (bổn và cơ) hiển bày rõ ở đây. Hiền là hiện tu thánh đã thành, Đại tiểu tuy khác mà hạnh môn giống nhau. Đây là trong năm phần công đức, giới là đầu tiên, quả Vô thượng Bồ-đề lấy giới làm nền tảng, đâu thể bỏ giới mà cầu Thánh đạo riêng. Trong luận Trí Độ nói: Không có cánh mà muốn bay, không có thuyền mà muốn qua sông, lời Thánh khuyên răn hết lòng như vậy mà không tin ư? Tức trở xuống là dẫn chứng, văn có ba đoạn.

Di giáo nương nhân đồng nền tảng và cơ bản trước (cơ, bổn).

Các thiền định là Bốn thiền, Bốn không, tướng định khác nhau.

Chim kêu (điểu minh) giải thích rằng có sắc, không sắc giải thoát công đức ở đây.

Diệt khổ trí: Khổ tức kiến hoặc và tư hoặc vì đây là gốc khổ. Trí tức ba mươi bốn tâm vì có công năng diệt khổ.

Kế dẫn luật Tứ Phần chỉ bày ý Phật chế vốn là Thánh đạo. Điều khiến cho hết độc sau khi quả thành.

Văn tức thuyết giới trong bổn luật.

Kiền-độ giải thích văn Ba-la-đề-mộc-xoa (trong phần nêu tông cũng có, có chỗ nói Thiện sinh là xả rồi) câu trên là dụ hiển. Căn là dụ sinh trưởng. Diệu thủ là dụ cho sự cao thắng. Hai câu sau là pháp dụ.

Nhóm họp các điều lành nghĩa là bao gồm muôn hạnh.

Tam-muội thành: Bốn thiền quán.

Đầy đủ hai nghĩa này nên nói đồng căn thủ.

Trong phần phản hiển, trước dẫn luận để chỉ bày, sau dẫn kinh để chứng minh, cũng trong văn Di giáo nêu tông để giải thích, ở đây nói không có giới thì đầy đủ các lỗi lầm. Nghĩa cơ bản ở đây càng rõ hơn.

Trong phần chỉ lược, thứ nhất nói rằng: Vì đạo chế giới vốn chẳng phải phước ở đời. Lại nói: Như vốn ý chế làm phương tiện cho đạo. Người học ba thừa quyết phải do dấu vết, văn rộng như kia, còn lại tìm xem đó.

Khoa kế nêu công năng, nhưng đầu tiên nêu dụng vì có dụng mới thấy được công năng, công năng do dụng hiển, cho nên nêu dụng đầu tiên.

Trong phần lược nêu có hai: Trước là nêu chung giáo chỉ, sau bày riêng công năng của giới.

Hai câu đầu trong phần trước gồm chỉ chung ba tạng, phải y cứ hay ý chung riêng để giải thích. Nếu y cứ về riêng thì từ hai tạng kinh và luận có công năng đoạn trừ cao. Tỳ-ni một pháp trụ trì cao quý, y cứ về thông gồm đủ kinh, luận là nêu lưu thông trụ trì. Tỳ-ni đặc biệt nêu bặt sự ràng buộc đầu tiên. Nghĩa tuy chung cả hai mà văn thì từ ý riêng, vì thế nói rằng đều có, v.v... Nói nghĩa riêng, là chỉ chung ba tạng khác nhau.

Nói phải lược nêu là nêu riêng luật tạng.

Nói lược có hai:

1- Đối tạng khác vì ở đây không nói.

2- Y cứ luật tạng vì chỉ nêu cốt yếu.

Trong phần bày riêng, bốn câu trước là nêu riêng. Ắt trở xuống là kết chung các câu trên. Câu đầu nghĩa trụ trì, câu kế nghĩa quỹ vật.

Chín tướng là trừ Phật đạo, ba thánh, sáu phàm đều nhờ giới huấn, vì thế nếu chuẩn theo kinh Niết-bàn nói “Ta cũng có thầy”, đó chính

là pháp.

Trong giới kinh chép: Chư Phật ba đời đều tôn kính giới. Đây phải biết là giới pháp, Đức Phật là bậc thầy còn phải tôn kính, nay không ai chẳng nên dùng giới để trị, nên nói chín đường.

Câu ba: Nghĩa phát thú.

Câu bốn: Nghĩa căn bản, nền tảng.

Bốn câu này nhiếp hết công năng của giới. so sánh với tạng khác, hơn kém rất dễ thấy.

Kế trong phần dẫn chứng:

- Trước dẫn bổn luật, chứng chung ba nghĩa khác.
- Sau dẫn luật Thiện Kiến chứng riêng nghĩa thứ nhất.

Lại bài kệ tựa luật nói vượt qua sinh tử. Kệ giới bổn nói có công năng đến được Phật đạo. Y cứ theo bài kệ tựa luật trước nêu thí dụ rằng: Như có người muốn qua sông dùng tay và phao nổi tuy nước sâu cũng không sợ bị chìm, khiến đến được bờ bên kia. (Trang 263)

Lời sao dẫn hợp pháp đối dụ, có thể biết.

Trong kệ giới bổn, câu đầu triệu vời hành nhân, câu kế nói về bản chí, câu ba chỉ bày hành pháp; Chánh pháp tức chỉ cho giới. Câu thứ tư trừ hoặc điên đảo.

Trong phần nêu kiết tập hai câu trên trong phần văn đầu nêu sự cao quý. Thiện trở xuống dẫn chỉ bày. Loài hữu tình sắc tâm còn mất nương vào thọ mạng. Phật pháp hưng thịnh hay dứt mất đều do Tỳ-ni, đây là ý của luận gia hiển bày đương lúc kiết tập.

Trong phần suy giải thích, câu đầu là tổng vi, sau từ dư trở xuống là giải thích riêng. Trước kinh, sau luật.

* Trong kinh lại có hai:

1/ Bốn câu đầu chỉ cho toàn thể tướng hư thông. Hóa tích nghĩa là nhân duyên khi xưa. Nhân quả tức báo ứng trong ba đời.

Nói tùy sự lý nghĩa là sự riêng, lý thông, vì lý của kinh nêu bày có sự tướng dung quy về lý, nên có một nhiều xen nhau. Đại tiểu dung nhau, huống chi ở nơi vong ý, vừa tập liền trừ nên nói rằng lời nói không có chỗ tựa.

2/ Sáu câu sau từ ý trở xuống hiển sâu xa khó học.

Còn sợ kẻ ngu không hiểu được ý này, vọng sinh khinh trọng cho nên ở đây ngăn ngừa.

Thuyên là vật để bắt cá, dụ cho ngôn giáo.

* Kế là nói về luật tạng:

- Bốn câu đầu so sánh hiển bày sự nêu cao ở trước. Cho nên biết

hóa giáo trụ trì công liệt thuyên tướng vi ẩn. Dĩ trở xuống là nêu sự giải thích hoàn thành. Đầu tiên y cứ giải thích tướng khác. Hựu trở xuống y cứ vào chúng pháp mà giải thích. Trong văn đầu tiên là thông năm chúng, pháp bao gồm, tăng riêng. Trụ tức là xứ, sau dẫn tự cáo, Già-lam chế trí đều còn biểu đối. Lại đại giới, Tịnh địa nhiếp người, nhiếp thức ăn, đều có giới hạn, khác với tướng thế tục. Tạp hạnh nói thông chúng tự cộng hành. Hành tức là sự, vì thế bốn câu này tức người, pháp, xứ và sự nhiếp hết tướng này. Song bốn tướng này cương lãnh đạo tông khác với thế tục. Dẫn dắt chúng sinh trụ trì muôn đời thật nhờ tướng này.

- Bốn câu sau từ do trở xuống, là nêu nghĩa trụ trì:

+ Câu đầu nói thế đế y theo tướng mà thành lập. Do các chúng sinh không biết vắng lặng, chỉ tùy theo tướng hữu vi luống dối, bèn có thế gian nên nói vâng.

+ Câu kế nói Đức Như lai thuận theo thế tục lập pháp. Đức Như lai nói pháp thường y theo hai đế: Một là y chân đế, dứt hết các pháp. Hai là y theo tục đế, kiến lập các pháp. Nay luật tạng nầy kiến lập trì và phạm, diệt ác sinh thiện, tùy tình phụ tướng dẫn dắt người sơ tâm. Đây là chỗ chế giới đều nương duyên sinh, tùy theo đó có khai, già đều để ngăn ngừa sự chê bai, vì thế nói: Pháp tùy tướng.

Kế, trong phần chúng pháp. Đức Phật lập giới khiến cho người bẩm thọ thực hành tức dùng pháp giúp người. Trên nói tự mình thực hành pháp đã lập mới kham lãnh tất cả để chúng thực hành, tức là mở mang Phật pháp nên nói rằng chính thân thành, v.v... Do đây phải biết pháp có công dụng giúp người, người có khả năng hoằng pháp, không có pháp thì người mất, không có người thì pháp diệt, người và pháp giúp nhau mới tồn tại lâu dài, vì thế ở sau dẫn chứng. Cũng trong nửa bài kệ trước ở bài kệ tựa luật nói rằng: nếu Thánh chúng hòa hợp (Thánh chúng hai hòa sự và lý, phàm chỉ có sự hòa) Đức Thế tôn sẽ khen ngợi. Nửa bài kệ dưới như trong lời sao dẫn, giải thích lý do Đức Thế tôn khen ngợi.

Ba là giải thích danh nghĩa. Trong phần nêu ba tên, trước là Tỳ-ni, có bốn: Hai câu đầu dịch tên, chú giải hiển, rõ tên khác, đều là truyền lầm. Tức trở xuống là dẫn xuất xứ. Mười tám pháp: Tức Điều đạt chấp chín pháp tà, phá chín pháp chánh của Đức Phật, cộng thành mười tám. Pháp phi pháp (tám pháp chánh vật giải là pháp mà Điều-đạt nói là phi pháp. Năm quỹ sinh tà không thể sinh giải là phi pháp Điều-đạt nói là chánh pháp.

Luật, phi luật: (Tám chánh điều thân miệng lìa bảy phi gọi là luật,

Điều-đạt cho là phi luật. Năm điều tà ngược với trước thì Điều-đạt nói là luật.

Phạm, bất phạm: (Không cạo tóc, không cắt móng tay, Đức Phật chế có tội gọi là phạm. Điều-đạt cho rằng bị bịnh không cạo tóc, không cắt móng tay không phạm. Đức Phật nói: Tâm niệm làm ác không chế, có tội danh không phạm. Điều-đạt nói tâm khởi ba độc trái với trên là phạm.

Hoặc nhẹ hoặc nặng: (Ngăn ác là khinh, Điều-đạt thấy hoại diệp (hư lá) đọa loài rồng liền cho là nặng. Thiên đầu thường chướng là nặng, Điều-đạt cho rằng trước làm không phạm liền cho là nhẹ,

Hữu tàn vô tàn: (Phạm bốn thiên sau không phải chướng một đời gọi là hữu tàn, Điều-đạt nói vô tàn. Phạm thiên đầu thường chướng gọi là vô tàn, Điều-đạt nói hữu tàn.

Thô ác, không thô ác (hai thiên đầu trở xuống là phương tiện Thâu-lan-giá nặng gọi là thô ác không, Ba-dật-đề trở xuống và các Thâu-lan-giá khác gọi là thô ác, vì thế nói ngược lại.

Thường sở hành, phi thường sở hành chánh đạo là thường sở dụng, Điều-đạt nói là phi thường. Còn năm pháp là phi thường dùng, Điều-đạt nói là thường dùng.

Chế, phi chế: (Năm thiên là Phật chế mà Điều-đạt nói là phi chế (không phải Phật chế). Năm pháp không phải Phật chế gọi là phi chế mà Điều-đạt nói là chế.

Thuyết, phi thuyết: (Bốn điều là trọng cấm còn lại là nhẹ, y cứ vào danh chánh thuYết-mà Điều-đạt nói là phi thuyết. Bốn điều khinh còn điều trọng là phi thuYết-mà Điều-đạt nói là thuyết. Phần nhiều thấy vọng giải vì thế dẫn lời chú trong sớ ra. Đây là y cứ trong giới phá tăng đã nêu ra.

Kiền-độ Câu-diêm-di, nêu phần thứ hai là: Tỳ-ni phi Tỳ-ni, trước sau hai tiếng Hoa Phạm đều nêu, vì thế nói không gồm.

Ở đây phải biết, tên gọi này là Luật tự dịch mà thôi.

Ở dưới lại dẫn kinh nói bảy pháp Diệt tránh cho là bảy luật, y cứ lợi ích mà hiển.

Hoặc trở xuống chỉ không phải văn, thấy trong Mẫu luận, sớ rằng: Xưa giải thích Tỳ-ni đều gọi là diệt, do bảy pháp Tỳ-ni này mà dứt trừ bốn sự tranh cãi. Vì thế như nước diệt lửa mà nước không có tên diệt, tên không kèm thể nên không lấy. Cho nên sau hiển bày chánh danh nương vào thể mà lập. Kinh luật nói y cứ nên nói là chánh.

Kế, trong phần giới danh, trước dịch tên. Tức trở xuống là hiển

bày chỗ y cứ.

Sáu độ gồm:

1- Đàn (Hán dịch gọi là Thí).

2- Thi-la (giới)

3- Sàn-đề (nhẫn nhục)

4- Tỳ-lệ-gia (tinh tấn)

5- Thiền (định)

6- Bát-nhã (trí tuệ).

Sáu môn này đều gọi là Ba-la-mật, Hán dịch là Độ.

Nay dùng thứ hai để chứng danh, có thể biết đây tức là kinh luận thường bàn cho nên chỉ chung mà thôi.

Sau, trong Mộc-xoa không dịch khác cho nên chỉ thẳng tên mà thôi.

Xứ xứ cũng gọi là biệt biệt.

Trong phần hiển rõ thứ lớp, trước nêu. Giáo, hành và quả, ba món này không chỉ là giới luật, tất cả giáo môn thứ lớp đều như vậy nên nói là nhất hóa.

Luật trở xuống là chánh hiển. Câu đầu nói luật trước tiên. Từ giáo bất trở xuống là nói thứ lớp giới, từ giới bất trở xuống là nói Mộc-xoa ở sau.

Trong phần giải thích nghĩa luật, khoa đầu, câu trên huần chữ. Pháp dùng khuôn phép nhất định làm nghĩa, như trong phần giải thích đề. Vị trở xuống là giải thích nghĩa. Tất cả giới bổn chia làm hai: Trước nói phạm tướng, sau nói không phạm. Trong phạm lại có hai, tức bốn nghĩa nhẹ và nặng, nhiếp hết Đại tạng Tỳ-ni. Cứ trong nặng nhẹ lại có nhân quả, khuyết duyên, khai chế khác nhau. Vì thế nói là đẳng (v.v...) Hiển bày tên luật từ giáo mà lập, nên nói rằng luật, v.v...

Trong phần hỏi cho rằng giáo (lời dạy) của bậc Thánh đều là pháp tu hành mà Tu-đa-la lấy sự nhiếp suốt làm số mục, A-tỳ-đàm lấy sự chia chẻ lý để nêu tên, vì thế có câu hỏi này, ý hiển tông này riêng chuyên hiệu nầy.

Trong phần đáp dẫn luận nêu ý, lại y cứ ba môn học vô lậu, dẫn sinh thứ lớp. Khuôn mẫu của giới ở trước nên gọi riêng là pháp. Nếu như vậy thì kinh cũng huấn pháp; Luân phiên đối pháp, pháp không so sánh, v.v... đây thì tạng khác cũng được gọi là pháp, đâu riêng gì luật?

Đáp: Tu-đa-la dịch là tuyến, vốn là tiếng ở Tây trúc, cõi nầy chữ, sách, huấn kinh là pháp. Lại luận gọi là pháp: Hoặc từ pháp tướng như năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập, v.v... hoặc là pháp môn Tứ đế,

Nhân duyên, sáu độ, v.v... hoặc y cứ theo lý pháp thể Niết-bàn, v.v... Tỳ-ni không phải như vậy, vì tên bổn tiếng Phạm, lại là giáo thuyên danh tướng khuôn phép nhất định, đây chẳng thể không từ văn mà đoán, vì thế nghĩa pháp trong tạng khác không giống như trong luật.

Hỏi: Nghĩa pháp môn kia cũng là từ giáo phải không?

Đáp: Nếu nói chung về giáo thuyên của ba tạng đều gọi là Pháp, nhưng giới dẫn nghĩa quỹ sinh vật. Nghĩa cao siêu hơn nên y cứ theo đây mà gọi là Pháp, còn pháp khác tuy gọi là Pháp nhưng kém hơn nên không nêu. Nếu nói riêng thì ba tên đều khác nhau, như trước đã nêu.

Trong phần trước sau, trước là chứng minh. Nếu theo truyền thuyết thế gian nói rằng kinh, luật, luận nầy là từ lời nói thuận tiện, nếu đối với ba học vô lậu thì luật quyển là trước tiên, nên nêu bày ý kia.

Do trở xuống là giải thích. Do định và tuệ u hiển, tà chánh khó phân, lựa riêng phần tạm, lạm quyển phải dùng luật pháp, đã dùng đầu tiên thì nghĩa quyết phải được nêu trước tiên. Nội pháp là tám chánh đạo, ngoại tục cùng xen lẫn gọi là Hình, dùng pháp trừ ấy như trong luật. Lúc bấy giờ, ở đời bị đói khát có một ngoại đạo lõa hình theo sau chúng tăng, khi tăng thọ giới, phần Hòa-thượng, A-xà-lê, v.v... hỏi thì đều nói là không biết. Nhân đó trình bày đầu tiên, chỗ nhiệm mầu cốt yếu. Cố trở xuống là kết thúc chỉ bày.

Dư trở xuống là chỉ lược. Hoặc y cứ thứ lớp ba môn học vô lậu (giới, định, tuệ); hoặc thọ mạng Phật pháp nên hợp để ở đầu. Đây tức thường nghe tên không giải thích (hoặc chỉ cho giới và Mộc-xoa, hoặc chỉ sớ trong giới đều sai).

Kế trong phần giải thích nghĩa giới, khoa đầu dẫn trong Tạp Tâm hiển bày nghĩa giới chung khắp, không có cảnh nào không phát khởi, không có điều ác nào không cấm. Lựa điều lành ở đời thì hạn cuộc phạm vi nhỏ hẹp không cùng khắp. Thiên vô lậu, giới tuy tình cảnh phát đều không phải loại chung, chỉ rộng như sau tức trong phần giới thể.

Trong phần nêu rộng, khoa đầu: luận Trí Độ nói tánh thiện, luận kia nói là: Ưa thực hành thiện đạo không tự buông lung, gọi tánh là thiện, không khiến theo điều ác nên gọi là thiện. Sinh năm giải thích nghĩa học, trích ở khoa kế.

Hai, là trong phần từ (tùy) tâm, đây là y cứ sở trị mà đặt tên. Năm căn của thân miệng... phải điều phục không chỉ riêng tâm nên nói là đẳng (v.v...)

Ba, trước nêu tên của thể. Như trở xuống là dẫn luận nêu thể, câu đầu nêu tên, ở đây lời xen lạm với từ tâm. Dĩ trở xuống là chỉ bày thể

tức u cứ vào ba tánh, lựa thể là thiện vô tác.

Hỏi: Ở đây cùng với tánh thiện nêu trên có gì khác?

Đáp: Theo sự giải thích của luận trước là hướng đến về ngăn ác mà nói, vì thế xếp thuộc về công năng.

Bốn: Trước dẫn các giáo, hạn cuộc pháp lành để giải thích, đối với nghĩa chưa hết, vì thế lời sao dùng nghĩa để đoán, vì thế gọi là Nhân minh.

Danh, nghĩa cả hai đều chung nên gọi là chánh nghĩa (nghĩa chính). Câu đầu nêu tên không hạn cuộc.

Giới nói tánh là mượn huấn (lời dạy) để hiển nghĩa, chớ dính mắc chữ và sách.

Ác luật nghi cũng gọi là giới ác. Bọn hàng thịt, thợ săn, Chiên-đà-la thường làm việc giết hại, gọi là thọ giới ác trì luật nghi ác.

Hỏi: Thế nào là Thọ?

Đáp: Dùng việc giết hại làm sự nghiệp, phát khởi ý thọ hành tức là thọ. Như trong Tạp Tâm nói: Thuận theo việc ác dễ thành không nhờ duyên khởi. Hễ hướng về tất cả các loài chúng sinh khởi tâm giết hại gọi là luật nghi, hễ giết chết sinh mạng tức là trì giới.

Không luật nghi nghĩa là chẳng có thiện nên nói không, thông với các loài nên nói luật nghi, tức ác luật nghi chỗ nêu khác mà thôi.

Nhược thử trở xuống là giải thích nghĩa.

Hai câu đầu là chỉ bày chung.

Giới dùng tên tánh, tánh chung ba tánh. Vả lại, nói về thiện ác không dung nhau đều được nghĩa cấm.

Ác trở xuống là giải thích riêng. Trước nói giới ác, cấm chung chế ngăn gọi là luật. Tạo tác có tướng gọi là Nghi.

Nhược trở xuống nói giới thiện. Khiến cho hiểu ngược lại nghĩa, là đảo ngược hai chữ thiện ác. Sửa đổi việc ưa giết hại là từ hộ, tức sẽ thấy.

Trong phần năm, là dẫn luật, đây là trong phần thuyết giải nghĩa chữ giới. Văn giới là nhân, Mộc-xoa là quả. Nay gọi giới là Mộc-xoa tức là nhân từ quả.

Trong phần giải thoát y cứ vào hai nghĩa gần và xa để giải thích. Trong phần gần lại có hai:

1- Nêu nói về tùy phần: Nói lên chẳng phải đốn thoát, tức là nghĩa xứ xứ.

2- Từ vị trở xuống là giải thích. Hai câu đầu chỉ bày cảnh duyên khác nhau. Một câu kế nói trị hành không đốn. Một câu tiếp theo chỉ

bày phần quả. Đây là hướng về chỗ tùy cảnh khởi, hộ thoát khỏi tội lỗi, vì thế nói là tùy tướng.

Kế là nói nghĩa xa: Đây là do phàm phu chỗ đã thọ trông mong quả Thánh ở sau, nên nói là viễn thủ, tức là nghĩa căn bản, nền tảng Thánh đạo đã nói ở trước, cho nên nói là nhân nơi giới, v.v...

Khắc giống như hộ.

Thánh gồm ba thừa, bao gồm năm trụ.

Cố trở xuống là dẫn chứng. Cũng trong bài tựa kệ luật chép: Các kinh ức trăm ngàn, giới là bậc nhất. Muốn cầu giới bậc nhất này thì nẩy, đời sau phải giữ gìn giới cấm nầy, trọn đời chớ hủy phạm. Câu thứ hai như lời sao.

Hỏi: Cận và viễn (gần và xa) cả hai giải thích thế nào mà phân?

Đáp: Do ở đây có nhiều điểm khác nhau:

1- Gần y cứ về dừng nghiệp, viễn là y cứ về dứt hoặc.

2- Gần là phàm phu, xa là Thánh đạo.

3- Gần là nhân, xa là quả.

4- Gần là tiếp phòng (ngăn ngừa dần dần), xa là đốn phá. Tức trong lời sớ giới chép: Giới chướng có hai: Một là nghiệp quấy, hai là phiền hoặc. Giới tịnh chướng ngại nghiệp, hoặc đợi trí mất. Từng phần từ gọi là biệt thoát (đây là nghĩa cận), hậu trí dứt hoặc mới gọi là rốt ráo giải thoát (đây là y cứ về nghĩa xa).

Văn dưới chỉ cho phần sau. Tức trong phần giới thể phát môn số lượng của giới, kia nói cảnh và lượng, v.v... tức nghĩa biệt giải thoát có thể thấy.

Bốn, là trong phần đủ duyên nêu bày ý, trước chỉ bày pháp thọ.

Nói đời nay chỉ có Yết-ma: Do trong phần năm thọ ba lần nói "Thiện lai", tám pháp cung kính chỉ hạn cuộc khi Phật còn tại thế. Phá kết vi tế ít có mà lại ẩn.

Nương nhân duyên: Hoặc phát tâm là nhân, các việc khác gọi là duyên, hoặc năng thọ là nhân, sở đối là duyên, hoặc đều là nhân duyên như trước đã nói.

Kỳ trở xuống nói giới trọng, thuật ý.

Môn tức thọ giới thiên (thiên giới).

Đại cương Tỳ-kheo là nhiếp tăng yếu.

Căn bổn Phật pháp là trụ trì cao quý.

Trong phần nêu duyên chỉ tóm tắt pháp thọ ở trước. Chỉ bày đúng sai, phần đối giải thích đầy đủ ở trước. Người nghe lâu đã biết không cần giải thích lại, người mới học chưa hiểu thì tự tìm xem, vì thế chỉ lược

nêu mà thôi. Trước nêu năm duyên và Mẫu luận. Trong phần ba, trước nói thọ là biết sư trở xuống đến tội nhỏ, nhìn chung về sau nói Thập sư xen nhau biết, chỉ y cứ giới trọng Ba-la-di. Tâm không có pháp nghĩa là người không có giới như mười ba nạn, mười tụng cư sĩ.

Trong phần tạp tướng, trước lại nói rằng lấy ý của luận hoặc có thể dẫn phần thọ duyên ở trước.

Năm giới, tám giới trở xuống đều nói lược phá giới trọng, vì thế nói rằng cho đến mười giới, v.v...

Hai, là dẫn luận chỉ bày, luận kia nói sáu món giới hễ phạm bất cứ một giới trọng nào còn lại đều tuyệt phần. Trong văn nêu năm giới, còn lại đều lược, nên nói rằng cho đến, v.v... Chữ tám là viết sai, y theo luận hợp thành mười giới, tức vượt hơn tám giới.

Nói không được như trước: Đồng với năm giới ở trên.

Trong phần ba kiết giới, trước khiển trách kiết giới tràng riêng. Cánh trở xuống, chữ bất nghi là chữ đa, bỏ đi thì nghĩa tiện. Kiết thẳng tiểu giới thì gọi là giới tràng, đối đãi mà nói tiểu như pháp kiết trước, rất dễ biết. Kế từ kim trở xuống khiển trách không có duyên mà kiết tiểu giới nầy tức ba tiểu giới có nạn ứng pháp, vô cớ là phi.

Trong phần bốn, trước dẫn luận để nêu bày tâm. Nặng và nhẹ hai tâm khó hiển bày tướng kia, chẳng phải gọi là uổng phí mà thôi, cốt yếu là thấy cảnh rõ ràng. Thượng phẩm yếu thệ mới gọi là tâm Tăng thượng nặng. Cũng như trước đã nói sợ quên nên nêu lại mà thôi.

Hựu trở xuống là y cứ vào hành để hiển bày tướng. Trước chỉ bày được mất. Nói y theo luận tức các luận trước. Do vâng giữ hết lòng tôn trọng, vì thế sau dẫn văn chứng. Luật tự giải thích rằng: Cộng Tỳ-kheo nghĩa là cùng các Tỳ-kheo khác thọ Đại giới, đây là nghĩa cộng Tỳ-kheo (san định giới đổi thành cộng giới).

Đồng giới: Giải thích rằng: Kết giới đây rồi thà chết chớ không phạm, đồng với Tỳ-kheo khác nghĩa là đồng giới (tùy hạnh đồng), đây tức là văn giới dâm trong bổn luật. Tuy văn hạn cuộc giới đầu tiên mà nghĩa chung hai trăm năm mươi giới, do đó đem giới đầu tiên nêu đây, ý là nói quyết thọ tùy hai giới mới có trì phạm, không thọ thì không tùy, không tùy thì không thọ, đây là chứng nguyện hạnh phù hợp nhau mới thành đắc giới. Nguyện hạnh tức là thọ tùy.

Trong năm thời tiết, khoa đầu tiên là hỏi. Trong phần nêu bốn tâm lược vô ký nên nói rằng cho đến. Vô tâm: Luận chép là nhập định diệt tận. Y cứ theo nghiệp sớ hỏi: Ba tánh chung đắc thì hợp với vô tâm, nhập vô ký phải không?

Đáp: Nói thông, kia giải thích: Đầu tiên khởi tâm lành chắp tay lễ tăng, bạch tứ Yết-ma khởi nghiệp nối nhau thành tựu, đây là tâm lành phát tâm lành mà đắc. Nếu trước dùng tâm lành cho đến khởi nghiệp, Yết-ma chưa thành khởi niệm bất thiện, nương vào năng lực tâm lành trước nên phát nghiệp nhậm vận mà khởi, cùng với bất thiện đều gọi là tâm lành phát, tâm ác đắc. Tâm vô ký, ngủ nghỉ nhập định diệt tận cũng giống như vậy.

Kế trong phần lập nạn tức trong kiền-độ thọ giới ở trước. Văn nói sân là bất thiện; Ngủ nghỉ, cuồng loạn là vô ký. Trong phần đáp, trước nêu được và không được.

Sau khi Yết-ma rồi nghĩa là mới bạch xong. Yết-ma lần thứ nhất về sau gọi là sau.

Nghiệp sớ dẫn luật Thập Tụng chép: Khi biết phạm, khi không biết thanh tịnh, như phạm Tăng tàn sám hối. Nghe xuất tội bạch rồi, sau ngủ không biết, là Yết-ma rồi. Y theo đây để nghe chung bạch trước, sau ngũ đắc giới (đây là chỗ y cứ của Tổ sư). Do trước trình bày việc xin Thập sư, đã nghe tác bạch rồi đủ nêu bày tình huống. Tuy nhập tâm khác mà không ngại cảm giới, rộng như nghiệp sớ.

Tiến trở là riêng xét riêng về tâm lành, sợ nghi tâm lành vốn có giới hạn. Kia nói khi bạch đủ bốn tâm trên không đắc giới, vì thế ở đây giải thích. Hựu trở xuống lại sợ chấp rằng vô tâm duyên giới, liền cho là quá lạm vô tâm nên dặn dò lại mà thôi.

Trong phần năm ưu việt: Ưu là hơn, trước sau sáu môn đều nói riêng về biệt giải thoát. Đây gồm đạo định lại muốn đối hiển bày công phu cao siêu của biệt giải thoát. Lại biệt giải thoát một giới bao gồm chung năm thọ. Nếu đối với bảy khoa thì bốn thông, ba hạn cuộc tìm văn sẽ thấy. Muốn giải thích môn này trước phải biết sơ lược về danh tướng của đạo định. Đầu tiên biệt giải thoát đối cảnh nêu danh, đạo định từ tâm làm tên gọi, cùng với hai môn định và tuệ đồng thời, vì thế đều nói là cộng, cũng gọi là Câu (cộng cũng gọi là Cùng).

Giới định kia: Thành luận nói Ly thiền định là hai giới, Sắc và Vô sắc khác nhau, nên nhiều tông hợp thành một. Đều không động nghiệp nên đạo giới hoặc gọi là đạo câu, đạo cộng vô lậu, v.v... đây là nói về tên.

Hai: Biệt định đều hữu lậu, đạo cộng chỉ cho vô lậu, biệt giải thoát là nghiệp cõi Dục, Định cộng và nghiệp hai cõi trên, Đạo cộng không phải nghiệp ba cõi, đây là nói về thể.

Ba: Biệt định chung phàm thánh; Đạo cộng chỉ hạn cuộc ở Thánh

vị, đây là phân địa vị.

Bốn: Biệt giải thoát nhờ duyên thọ, định đạo tùy tâm phát, đây là nói về nhân.

Năm: Biệt giải thoát chỉ bày thân vì phải là trọn đời; Định đạo gọi là tùy tâm vì sinh tử không dứt. Đây là nói về công phu, lược biết như vậy, còn lại như ở sau sẽ giải thích.

Trong phần nêu ý nói mất tướng nghĩa là trái với lời dạy.

Khoa kế, trong Đa luận có năm món: 1/ Thời; 2/ Cảnh; 3/ Tâm; 4/ Cộng; 5/ Người. Như phần kế đây sẽ giải thích.

1. Thời ít thường: Do Mộc-xoa (giới) phải có Phật ra đời chế ra mới có, còn hai (Biệt định và Đạo định) dầu không có Phật ra đời cũng có người đắc định chứng đạo vì thế nói là thường có. Nói hy hiện thắng là dụ như ở đời những vật gì ít có thì quý, thường có thì không quý.

2- Cảnh: Mộc-xoa (giới) thì ngăn tánh chung chế, còn hai thứ Biệt định và Đạo định chỉ ngăn tánh ác, nên cảnh vừa chung vừa hạn cuộc.

3- Tâm: Từ tức là đại tâm, vì thế Đức Phật nhân đó nói rằng: giới Thiền vô lậu không do từ tâm mà được, nghĩa là từ trí tuệ được, đây là chuyên vì tự lợi, tức tâm thấp kém của hàng Nhị thừa, rất dễ hiểu.

4- Công: Có hai:

1/ Nhiếp chúng sinh, rộng vì giúp bảy chúng.

2/ Trụ trì thù thắng, vì giữ gìn tương tục v.v...

Trong trụ trì ba món đều dùng chữ thiệu tục (giữ gìn tương tục) mà thấu suốt.

Ba món: Một là chỗ pháp nương; hai là chỗ cảnh trụ; ba là chỗ quả thành tựu (xưa ghi: dẫn kinh Tỳ-la Tam-muội chép: Người, trời, Niết-bàn là ba món là sai). Trong luận chỉ nói rằng: Đạo quả ba thừa nối nhau không dứt, vì thế biết văn khác đều là lời sao thêm vào.

5- Người: Ngoại đạo không có giới vô lậu nên chỉ nêu thiền giới mà thôi. Do ngoại đạo kia cũng đắc định ở cõi Sắc và Vô Sắc.

Trong luật Thiện Kiến, trước nêu bày:

Từ các trở xuống hiện lượng, đầu tiên gồm nêu pháp dụ. Quang sơn là dụ, học tức là pháp; ba môn giới, định, tuệ nên nói là các.

Nhật trở xuống riêng đối hiển thắng. Nhược trở xuống là nêu lý do kia, ở đây cùng với nghĩa đầu trong Đa luận có hơi giống nhau. Trong phần trọng thọ, chương nầy đã nói ý khiến hành giả phải xem xét những gì mình đã thọ, cùng cầu tăng thắng.

Trong Đa tông, khoa đầu văn nêu ba món, đều khác luật Tứ Phần. Nói không trọng phát là ba giới thường định.

Như trở xuống, trong phần tâm thọ năm, tâm thọ mười, bổn tục vẫn trở xuống. Năm phần còn lại mới cao siêu. Trong phần tâm thọ mười. Thượng tâm thọ đại cũng giống như vậy. Kia chép: Giới Mộc-xoa không có trọng đắc. Như tâm vi phẩm thọ được năm giới, sau dùng tâm trung thượng phẩm thọ mười giới. Trước được năm giới, không tăng thắng, đối năm giới sau mới được tăng thắng. Không thọ lại: kia tính một lần thọ liền định. Đã không phát lại lại thọ không tâm vì thế không lập. Y cứ sau chỉ nói giới cụ túc, ý rõ năm giới, tám giới, mười giới cũng giống như vậy. Có năm giới chế trọn đời, tám giới giới hạn trong một ngày một đêm. Dầu tính theo ngày thọ, khi khác hướng đúng ngày đò không thể thọ lại.

Bất trọng phạm: Ở đây y cứ theo đồng chủng ở thiên đầu mà nói.

Y bổn định: Bổ nghĩa là đàn tràng thọ lần đầu tiên. Cố trở xuống là dẫn chứng. Trong bộ Bà-sa nói Bí-sô tuổi nhỏ được giới thượng phẩm vì có thể khởi tâm thượng phẩm thọ. Bí-sô La-hán được giới hạ phẩm vì trước phát tâm hạ phẩm thọ, sau không tăng thắng.

Hỏi: La-hán đã phát định cộng, Đạo câu (Đạo cộng) há không được tăng thắng, giới đã không tăng làm sao được Thánh đạo. Như đây suy nghĩ đó.

Trong phần giải thích nạn. Đầu tiên vặn hỏi rằng: Như trong giới bổn nói rằng giới thiếu kém không ăn năn nghĩa là muốn vượt qua phạm giới yếu kém, nên nói là thiếu kém.

Kiên cố giữ gìn sự trong sạch của thể kia nên như thừa khác. Thể đã có dư thừa và thiếu kém thì lý có thêm và bớt, thế là cùng nghĩa thường định ở trên thật trái nhau, vì thế mới vấn nạn. Trong phần đáp, hai câu đầu y cứ về thọ trì chế khai, ở đây đối với tùy hành: Hành có trì và phạm nên nói thừa khác và thiếu kém.

Nói không luận thọ thể, thọ nương bổn định vì thế không dư thừa và thiếu kém.

Kế từ diệc trở xuống là y cứ theo thọ thể chia ra tác và vô tác, hai câu trên nói tác giới.

Một niệm là nói thời gian rút ngắn lại.

Tùy tâm là theo cảnh dời đổi, không thể truy tìm.

Tâm thượng trung hạ hễ phát một phẩm thì thường định.

Nếu như vậy, tông kia tác giới là sắc pháp, làm sao tùy tâm?

Đáp: Đây là y cứ khi tâm niệm khắc định giới, vì thế trong phần Tạp Tâm, Đa luận đều lấy niệm thứ nhất, niệm thứ hai dùng để chia ra

trước sau, như sau sẽ tự rõ.

Hai câu dưới nói về vô tác. Phi tâm là ngược với tùy tâm ở trên. Trọn đời là ngược với một niệm ở trước. Kia chấp vô tác là sắc nên chỉ nói rằng phi tâm mà thôi. Tùy hành tăng ni nghĩa là tâm hành trì có siêng năng, biếng nhác nên thể có dư thừa và thiếu kém, tức kia chấp bảy nghiệp của thân và miệng đều là nghĩa sắc tổn ích, nếu như vậy thì có gì khác với tùy hành ở trên?

Đáp: Trên là chuyên nói về tùy hành, ở đây cho là dùng tùy để giúp thọ (xưa ghi: sau giải thích cho rằng đồng giới cho phép thọ lại là sai. Kia tự y cứ về việc thực hành nói thể dư thừa yếu kém, há khiến cho thọ lại ư?).

* Trong phần thành tông, trước dẫn luận.

Nói nhưng nêu cố ấy là nhân khởi trước, sau không đại chúng. Đối phá, kia chấp giả lập nghi vấn.

Trong phần đáp, đầu tiên là lại phát. Nêu phẩm thứ chín nói bảy luật nghi vấn:

Luật nghi thứ nhất: Có người thọ giới một ngày.

Luật nghi thứ hai: Ngày thọ giới Ưu-bà-tắc.

Luật nghi thứ ba: Ngày xuất gia thọ giới Sa-di.

Luật nghi thứ tư: Ngày thọ giới Cụ túc (Tỳ-kheo).

Luật nghi thứ năm: Ngày đắc thiền định.

Luật nghi thứ sáu : Ngày chứng định Vô Sắc.

Luật nghi thứ bảy: Ngày chứng Vô lậu.

Trên nói vô lậu là y cứ vào sơ quả, dưới gồm thâu quả hai, ba, bốn, vì thế nói là tùy chứng được Đạo xứ (Bổn luận nói là Đạo quả).

Nhi trở xuống là nêu nghĩa lại phát.

Nói vốn được không mất là nhờ thể trước tăng thêm giúp thể sau.

Thắng là thọ tên từ tên nêu bày sau vì tên trước mất.

Kỳ trở xuống nêu giải thích có thể biết.

Hỏi: Làm thế nào phân biệt giữa lại phát, thọ lại?

Đáp: Lại phát y cứ nhiều giới, thọ lại y cứ một giới.

Nếu như vậy luận nói lại phát sao thấy thọ lại?

Đáp: Do thể lại phát liền được thọ lại, vì kia thọ lại một giới nên thể phát.

Trong phần dẫn chứng thầy riêng truyền, nay trong tạng không có bổn (các lời ký ghi rằng: Đời Lương, ngài Tăng Hựu soạn có năm quyển), đây tức là Đa tông nghĩa của các Sư khác. Tuy trái với tông nầy

nhưng thuận với bộ nầy, nên đặc biệt trích dẫn.

Tăng Truyện tức Cao Tăng Truyện đời Lương, do ngài Tuệ Hiệu chùa Gia Tường soạn. Ở đây dẫn Bạt-ma truyện, Đàn kinh viết mười một năm. Kỳ Hoàn là tên chùa Dương Đô ở nước này.

Năm mươi ba vị, như Tuệ Chiếu, v.v... , ba trăm hai mươi ba vị như Ni Tuệ Quả v.v..., ở chùa Ảnh Phước đồng thọ lại.

Tăng-già-bạt-ma, Hán dịch là Chúng Khải, hoặc có người hỏi: Truyện chép: có Pháp sư Tuệ Nghĩa đến ấp Bộ kinh thấy Bạt-ma thực hành thọ lại cho là kỳ lạ, sinh dị chấp khác nhau, đích thân ngài Tuệ Nghĩa tranh luận với Bạt-ma.

Đáp trở xuống là lời của Bạt-ma.

Ngài Tuệ nghĩa hỏi rằng: Giới không giống như sắc có thể thấy được. Trong khoảnh khắc thấy thọ giới lại, hoặc y theo thứ lớp hạ lạp xưa, hoặc tính sau khi thọ làm đầu, giữa tới lui này đủ để sinh ra sự nghi ngờ.

Bạt-ma đáp rằng: Người có hai hạng không phải một hạng, nếu năm tuổi chưa đủ, hai tháng chưa tròn thì y theo nay thọ làm đầu tiên, nếu năm đã đủ liền vào vị được giới, chỉ nghi thọ trước có tâm trung và hạ, lý phải cầu cảnh cao quý mà thọ giới lại, tức y theo tuổi xưa mà thường định. Còn lại như trong Đàn kinh có nói rộng.

Trong phần bảy, ý nói cõi này đắc giới nguyên duyên, khiến kh-iến tu theo không vâng giữ suông.

Chấn lĩnh tức gọi xứ nầy. Sau nói là Hán cảnh, đủ có thể chiếu nhau.

Trong phần khiển trách chung, trước nêu vọng có hai: Một là không có đầu mối, hai là duyên trái cũng được.

Hốt trở xuống là chánh khiển trách. Trước trách nói dối, do không trọng lời dạy của Phật, khinh phát ra lời nói này, nên thật đáng trách. Thời này phần nhiều không biết như vậy, thật đáng thương.

Vì là tiếng than thở.

Đình là tiếng sấm nhanh.

Bảy ánh sáng là mặt trời, mặt trăng và năm ngôi sao (phương Nam có sao Huỳnh hoặc, phương Bắc có sao Chấn, phương Đông có sao Tuế, phương Tây có sao Thái Bạch, Trung cung có sao Thổ Tú).

Lệ là khuyên dạy, cùng khắp thiên hạ. Ở đây nói Tổ sư nghĩa là Thánh giáo mọi người đồng nghe mà người vô ý ngu si đều không hiểu được, do kia nói dối bất giác kinh sợ, cho nên nói rằng đâu cho là đồng. Cũng dụ như người có hai mắt nghe tiếng sấm vang lên thấy ánh sáng

lóe ra thật rõ mà người đui điếc không thể nghe và thấy.

Quản thức nghĩa là trong cái ông dòm thấy, dụ cho kiến thức hẹp hòi. Thố nghĩa là đặt.

Cố trở xuống là chỉ bày xuất xứ.

Trước hiển bày duyên thành. Dẫn dùng Thánh giáo là chỉ môn thứ tư ở trước.

Thử trở xuống chỉ bày từ đầu tiên.

Túng trở xuống là ngăn phòng (ngăn ngừa). Sợ chấp trước các luật luận, cho phép có duyên thiếu mà cảm quả.

Tiện nghĩa là không cần phải nhờ duyên vì thế túng mà đoạt, như bổn luật không thọ mười giới. Đa tông không đủ bát. Trong Già luận thì Sư tăng không đúng pháp, v.v... tức duyên cảnh xen lạm, nhưng tướng có thành chăng đều thấy trong thiên thọ giới, nên chỉ như trước.

Trong phần hiển bày riêng, Tăng duyên có hai: Câu đầu lặp lại phần nêu ở trước. Tự trở xuống là dẫn chỉ bày. Lại có ba: Trước (một) là nêu giáo đầu tiên, hai từ hậu trở xuống là chánh chỉ bày thọ duyên; ba từ tức trở xuống là kết thúc chỉ bày.

Trong phần đầu, Hán là triều đại, Minh là đế hiệu, vua Minh đế đời Hậu Hán, vào niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba, một đêm nọ nằm mộng thấy có một người sắc vàng trên hư không bay xuống. Sáng ra, nhà vua nhóm họp các quan xem đoán giấc mộng này. Truyền Nghị tâu vua rằng: Thần xem trong sách châu Thư dị ghi rằng: Ở Tây Vực có vị thần, là Phật, sinh vào thời vua Chiêu Vương, mất vào thời vua Mục Vương. Khi nhập diệt, ở xứ nầy, giờ ngọ mà trời râm, mặt đất rung chuyển, có một cầu vồng mầu trắng, có hai mươi mốt đường suốt cả hư không từ tối đến sáng. Vua Mục Vương nghe vậy bèn hỏi các quan đây là điềm gì. Lúc đó, vị thần tên là Hổ Đa tâu vua rằng: Đây là điềm bậc Thánh ở Tây Vực nhập diệt. Sau một ngàn năm giáo pháp sẽ truyền đến xứ này. Vua ra lệnh khắc trong đá chôn trước miếu thờ trời ở Nam Giao, thần tính đến nay đúng một ngàn năm, điềm mộng của bệ hạ chắc chắn là đây rồi. Vua nghe vậy cho là đúng, bèn sai mười tám người như Thái Ân, v.v.... đến Tây Vực cầu Phật pháp.

Ca-trúc là tên của các vị tăng truyền pháp, tức Ca-diếp, Ma-đằng, Trúc-pháp-lan đều là người Trung Thiên-trúc. Lúc bấy giờ, Thái Âm, v.v... đến nước Nguyệt-thị gặp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan cùng đi du hóa, bèn rước về Lạc Dương dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương, lại vẽ tượng Đức Phật Thích-ca, đây tức là Tam bảo bắt đầu có ở xứ này.

Chữ bất nghĩa cũng như chữ chí: là đến.

Tào là họ của vua, ngụy là hiệu nước, vì có Hậu Ngụy xen lẫn nên thân họ để phân biệt: Từ đời Hán Minh đến nay hơn một trăm chín mươi năm.

Nói chưa bẩm v.v.... nghĩa là thể tục hình khác.

Nói thiết phục v.v... nghĩa là pháp thiếu sai.

Từ là miếu thần, tự là cúng tế.

Sở dĩ ngài Ma-đằng và Trúc-pháp-lan không trao ba quy y, năm giới cấm ngay là vì đây chính là bậc Thánh biết căn cơ mà giáo hóa, còn phải dần dần.

Trong phần thọ duyên có hai:

- Một là nói Ca-la hành thọ, cũng gọi là Kha-la.

Gia Bình là niên hiệu thời vua Tề, làm vua được năm năm. Lạc Dương là chỗ đóng đô của nước Ngụy.

Lập Yết-ma thọ là nạp pháp làm thể, khác với hình đồng ở trước.

Nghiệp sớ chép: Y pháp chánh bộ thực hành mười vị tăng thọ giới. Lại nói: Thần Châu nhất thống ước thọ, đều tụng văn luật Tứ Phần, đây là đầu tiên. (Nước này tăng ni đắc giới công lao đầu tiên là của Ca-la. Luật tông không dùng Tổ kế tục ví quên gốc. Trong văn chỉ nói Yết-ma thì nghĩa ba quy y, năm giới cấm, mười giới sa-di sẽ đầy đủ.

Trung hạ: Đại quốc nói là hạ, vả lại hạn cuộc ở xứ nầy, nói trung thật ra là Tây phạm Ấn-độ ắt đầy đủ.

Trung Hạ: Đại quốc nói là Hạ, vả lại hạn cuộc ở xứ nầy, nói trung thật ra là Tây phạm, Ấn-độ chính là trung tâm cõi Diêm-phù-đề mà thôi.

Cải vọng tập là lập nghi thức của tăng, thay cho cúng tế ở trước.

Xuất giới tâm là khiến nương đó mà giữ gìn. Xuất là văn dịch, tâm dùng tổng yếu làm nghĩa. Văn luật tuy rộng, nhưng cốt yếu quy về giới bổn, vì thế nói là tâm. Loạn của giáo tông từ đây bắt đầu. Thông sư về trước mở rộng thạnh hành luật Tăng-kỳ cũng do đây.

Hai: Từ hựu trở xuống nói ngài Đàm-đế dịch Yết-ma. Đàm-đế là tiếng Phạm, chưa rõ tiếng Hoa. Nếu theo trong Tạng, Tăng khải Yết-ma cũng nêu Tào Ngụy, nhưng Ca-la không dùng, vì riêng thỉnh ngài Đàm-đế. Nay chỉ suy tôn ngài Đàm-đế, Tăng Truyện chép: Thỉnh Hồ Tăng nêu ra Yết-ma nầy. (Ca-la hành thọ, ngài Đàm-đế chỉ dịch văn, sau ngược lại, do ngài Đàm-đế là Tổ riêng dặn lại Ca-la, chưa suy nghĩ mà thôi).

Kế, trong duyên ní, trước nêu: Nếu theo Yết-ma của ngài Đàm-đế

thì pháp đầy đủ, biết Tào Ngụy đến nay tức theo một chúng thọ, đây là y theo luật Ngũ Phần, chúng tăng gồm mười một người, ngoài mười vị tăng cần có một vị ni làm Hòa-thượng mới thực hành được. Theo lý, trước có một vị ni ở Tây Vực đến đây, nay gọi là duyên đầu tiên, chính là ba chúng thọ giới đầu tiên.

Chí trở xuống là dẫn nêu bày. Trước nêu bày ngài Cầu-na hứa thỉnh, văn có ba:

(1) Nêu ngài Cầu-na ở Tây Vực đến. Nguyên Gia tức thời Tống Văn Đế đổi hiệu, được ba mươi năm.

Cầu-na Bạt-đà-la, Hán dịch là Đức Khải.

Dương Châu tức chỗ đóng đô của nhà Tống. Sau ở trong vườn trước chùa Nam Lâm lập giới đàn truyền giới, tức giới đàn được dựng lập đầu tiên ở xứ Trung Quốc.

(2) Từ hựu trở xuống là nêu lý do đầu tiên phát khởi.

Trước nói vị ni ở Tây Vực lấy làm lạ hỏi, theo truyện nầy chính là Tuệ Quả ở chùa Ảnh Phước, v.v...

Vị ni đó hỏi ngài Cầu-na-bạt-ma.

Ma trở xuống là đáp, giải thích rất dễ hiểu.

(3) Từ chư trở xuống nêu hoài nghi cầu thọ. Trước nói vị ni đời Tống cầu thỉnh, sau nói ngài Cầu-na-bạt-ma hứa khả.

Kế, từ đến năm thứ mười trở xuống là nói đời Chúng Khải thành. Trước nêu Chúng Khải từ Tây Vức đến tức người nước Thiên-trúc. Sơ trở xuống nói hành pháp. Trước nói duyên trước, Đức Khải vào tháng chín năm thứ mười chết.

Nga trở xuống là nói ni số đủ. Nga nghĩa là không lâu, tức mười một năm. Thông trước mười một người, đây là y cứ chánh dùng mà nói, nên nói số mười.

Trong phần nêu xuất xứ, Tăng Truyện nói: ngài Tuệ Giao đời Lương soạn. Danh Tăng Truyện chép: Đời Lương ngài Bảo Xướng soạn. Bài tựa Tăng Truyện chép: do Vương Cân ở Lang Da soạn. Tăng Sử do Văn Tuyên Vương Tề Cánh Lăng soạn, Tam Bảo Ký Truyện, hoặc gọi là Phật sử, hoặc gọi là Tăng lục, v.v... đời Tấn, đời Tống ghi chép là Tục điển, rõ trong văn sao thời nay. Phần nhiều dẫn trong Tăng truyện, nhưng sự tích kia đều có trong các văn, vì thế chỉ chung đó khiến sinh tâm kính tin.

Cố trở xuống là hiển ý. Quy là phân biệt lành dữ, cảnh là phân ra tốt xấu, ngàn năm sau không cho nói quá.

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SƯ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 1 - 3)

Bốn môn của giới thể, môn một và hai nói về thể, trong môn thứ hai gồm hạnh; môn thứ ba, bốn thuộc về pháp, trong môn thứ tư có tướng, thường là phần thô.

Ủy như trở xuống là nói. Khoa đầu có năm chương đầu, lập ra hai giới, cho đến thứ tứ đều nói hai món, thứ năm bàn riêng về vô tác. Lại bốn thứ trước hạn cuộc giới, nghĩa chung cả thiện ác, khoa sau thông tạp, chính là hiển giới.

Trong phần nói nhiều ít, văn đầu có ba:

1- Thọ nhiều mà biết ít. Đời Thái Đường, Thích môn hưng thạnh, người tài giỏi nhiều như rừng, còn nói là được năm, ba người, huống chi đời suy mạt này, có thể biết.

2. Từ giai cấp trở xuống là hiển rõ lý do không biết. Hai câu trên là nói người chuyên ngu si không biết, trí trở xuống là nói người không biết vọng thọ.

Mù là dụ cho vô tri; mộng là dụ cho không thật. Cập trở xuống nói thành hay không chưa quyết định, hà hán là dụ người kia lờ mờ không biết bờ mé gì cả.

3- Từ cố trở xuống là gồm nêu bày ý. Y cứ vào thiên này chỉ giải thích giới tướng. Nay y cứ kia trước rộng hành pháp thể, ý thấy ở đây.

Các môn là chỉ chung ba thứ chung, riêng, khoa mục ở trước.

Trong phần hai, trước hỏi bao nhiêu món: luận chung các giáo, đều được nói không nhất định. Y cứ về cảnh từ chế theo vị (năm, tám, mười đầy đủ), khắc thể (tác và vô tác), hoặc đối bảy chi, hoặc gồm ba nghiệp, hoặc chia ra già tánh, hoặc y cứ thọ tùy, có nhiều điểm khác đây, hỏi chung việc đó.

Trong phần đáp: Trước y cứ về cảnh chỉ lượng. Nay trở xuống nêu cốt yếu gồm thâu. Nay chánh nói về thể, hai điểm này là cốt yếu nên nêu riêng.

Thâu chung hết là do hai giới này gồm nhiếp trong phần phát thể, vì thế ở đây gồm thâu pháp thể. Mà nói cảnh ấy là muốn nói riêng cảnh, pháp đều quy về hai giới.

Trong khoa thứ hai, trước chỉ lập chung, kế nêu lý do, lý thú đã rõ. Dẫn y cứ lại nói: Chỗ lập đã định, tức phải hiển bày hai món danh nghĩa, cho nên giải thích danh, nương vào phần sau.

Khoa đầu, trong phần hỏi nói không phải một là muốn hiển bày tướng cần, vì thế y cứ vào phế bỏ lẫn nhau để hỏi. Và dùng ba là nghiệp sớ "tác", vì sao không ba hợp, nghĩa là hai pháp hữu tác và vô tác đồng thời, thích ứng liền lập nhất hợp kế với trước là ba. Trước đáp có hai:

1- Nói tác phải vô tác, tác thôi không ngăn ngừa vì dùng tác đoản (tác trong thời gian ngắn). Không thể thường tác là tâm, hoặc tác dụng khác.

2- Từ nhược đôn trở xuống là nói vô tác cầu tác, sau là kết chỉ bày.

Kế, trong phần đáp: Tác và vô tác khác nhau vì động tịnh khác nhau. Tâm, phi tâm khác nhau vì thể trái nhau. Trong nghiệp sớ có ba câu:

1- Tác là sắc tâm; vô tác là phi sắc tâm.

2- Tác là duyên đầu; vô tác là nghiệp sau.

3- Tác là vận động; vô tác là không vận động.

Nhược trở xuống là giải thích nghi. Do không cho lập ba, sợ cho rằng giới pháp chỉ hạn cuộc có hai, vì thế đặc biệt giải thích, hiểu rõ ở trên, lại y cứ nơi có thể ngăn ngừa nên chỉ nêu có hai.

Trong phần dẫn chứng, trong Đa luận, hai câu đầu nói từ nhân cảm phát. Sơ trở xuống là nói phần chứng thành tựu. Trong phần chú giải nêu tên, câu đầu là đồng, câu sau giải thích nghĩa.

Nghiệp sớ chép: Đây là nghiệp thể.

1- Phát tiếp tục hiện không nhờ duyên giải thích, không do giáo chỉ bày mới có giới dụng, tức thể nhậm vận có thể báo đáp đời sau nên gọi là Vô giáo. nay thì kinh luận phần nhiều nói là vô tác, nghĩa đồng. Theo lời chú này, chữ tha chính là chỉ nghiệp thể không thuộc về người. Luận Câu-xá gọi là Vô biểu, cũng giống như ở đây giải thích.

2- Trước chỉ bày hai giới. Thị trở xuống là nói duyên đủ nhân thiếu. Hạ trở xuống chỉ luận để hiển bày ý kinh.

3- Kia nói hóa giáo, mười bất thiện đạo. Nghĩa hai sắc đồng nên có thể làm chứng.

Nghiệp sớ nói tác là mười món pháp chung cả thiện ác, có chút

thích ứng với dụ sau. Do tâm trọng khinh, có phát không phát nên nói hoặc có, không, v.v...

Như trở xuống là dụ, hiển cực là dụ tâm trọng. Thơm hôi là dụ thiện ác, ngói cây dụ khinh kia là vô ký. Tay cầm dụ cho làm trử bỏ vật. Khí khác có không để phối với ba tâm, có thể thấy. (Xưa nói: Kinh này đồng tông với luận Câu-xá là sai, đâu có kinh Phật và luận đồng tông ư? Nên nói: Câu-xá, các tông, kinh nầy thì có thể được).

Trong phần kết hỏi rằng: Tông nầy hai giới danh thể đều khác, vì sao dẫn Thiện sinh trong Đa luận mà làm chứng?

Đáp: Nay, đây không nói về danh thể, chỉ chứng hai số là đồng, xin xem ơ văn kết. May mắn không đợi suy xét.

Kế giải thích danh nghĩa. Trong phần hỏi kết trước sinh sau, gồm hỏi ba tên.

Đáp: Tác là phương tiện, cấu tạo làm nghĩa.

Đào gia tức dùng đất làm nhà.

Luân là Phạm thổ là xe phôi khí. Vận đó thì chuyển, nên dùng làm thí dụ. Chất thể của bốn đại gọi là báo sắc, theo duyên động tác gọi là phương tiện, phương tiện nương báo, hai pháp nương nhau chẳng phải một chẳng phải khác. Chỉ nói quả báo chưa hẳn là phương tiện, nói phương tiện kia quyết có quả báo (chưa hẳn), v.v... Nay dùng luân thủy dụ cho báo chất, luận động dụ cho phương tiện, tức gọi động kia là tác mà thôi.

Cố trở xuống là dẫn chứng thân và động thân, đối dụ có thể hiểu (tâm luận tức Hữu bộ chấp tác giới, phương tiện đây là sắc nên chỉ nói thân).

Trong phần vô tác nói một phát: Một dụ đầu tiên, câu này nói nghiệp thể ban đầu thành, tức Yết-ma lần thứ ba xong. Sát-na thứ nhất cùng tác đều đủ, đây là thể phát. Tác giới đã hết, riêng vô tác còn, nối tiếp không dứt, nên nói là tục hiện (xưa nói: Một phát là tác giới rơi rớt, vô tác tiếp tục khởi, đây là giải thích sai). Thỉ tức câu trên nói khi mới bắt đầu. Mạt tức sau cùng, nghĩa là qua đời liền xả. Tạp chung cho bốn xả, lại y cứ về thường đồ nên ba thứ kia không nêu ra. Câu này nói nghiệp thể lâu dài. Bốn tâm nêu chung bốn ấm. Ba tánh là chỉ riêng hành ấm. Ba ấm chỉ cho vô ký, hành ấm chung cho ba tánh (thiện, ác, vô ký), vì thế câu nầy hiển bày phi tâm. Câu dưới chính chỉ bày nghĩa vô tác. Nếu đối nghịch với tác giải thích: Câu đầu thì trái với trước, tức dứt hết, câu kế trái với một niệm, câu thứ ba trái với tâm hạnh lành, câu thứ tư trái với duyên cấu tạo. Vì thế sau dẫn chứng có hai:

(1) Dẫn trong Tạp Tâm: câu đầu tiếp trước dứt bỏ sinh khởi vô tác (Bổn luận và trên giải thích tác giới là văn liên tiếp). Thức khác là bốn tâm, hậu tâm hướng về tác tâm ở trước, vì thế nói là khác. Câu là đồng thời, pháp nầy là vô tác. Tùy sinh nghĩa là nhậm vận khởi. Trong Thành luận nói chung nghiệp lý không hạn cuộc giới. Nhân tâm là thị hiện từ phát tác. Nhân là nghĩa nương nhau, tâm tức chọn riêng có tông. Sinh tội phước: Sinh là phát tội; phước là thiện ác vô tác. Văn nêu vô ký làlấy tâm khác. Trong phần gọi chung, hai câu đầu là chỉ thẳng chánh nghĩa, vì hai giới này đều dứt ác.

(2) Từ cố trở xuống dẫn trong kinh Niết-bàn, già chế nghĩa là cấm đoạn. Trực là một phen nói cùng tận lý, không còn luận bàn khác, vì thế như trước nói, Thiện sinh là môn giới pháp thứ ba. Năm chữ như chế v.v... là bao gồm năm nghĩa, đối với trước rất dễ biết.

Trong phần ba nêu ra thể: Pháp thể sâu kín có chút liên quan đến lời nói. Nhưng trong lời sao vì kẻ mới học nêu thẳng chánh lý, văn nghĩa giản lược đến nỗi có nhiều sự sai lầm. Đây là nguồn gốc của luật giáo lại là căn bản của người tu hành thì sự cần phải giải thích rộng để giúp cho tâm dụng.

Nêu thể trạng nghĩa là tướng trạng của thể không có khác.

Trong phần nêu tông, câu đầu chỉ chung dị chấp, nay trở xuống nêu riêng bổn tông.

Hai luận chỉ cho Thành luận và Đa luận.

Nói không đồng nghĩa là bao gồm các bộ kế, không nêu ra bốn môn, cái gọi là: Không, có, song phi và lưỡng diệc. Song phi nhập không; lưỡng diệc quy về có, vì thế bốn môn này tính lại tức hai môn, xứ này truyền bá tuy có bốn bộ luật, luật Thập Tụng và luật Tứ Phần lúc bấy giờ thạnh hành, vì thế nay chỉ đối với Đa tông mà nói khác.

1- Luật Tứ Phần: Bộ Đàm Vô Đức gọi là Không Tông, cũng gọi là Tông Giả Danh, tức Thành Thật y cứ.

2- Luật Thập Tụng: bộ Tát-bà-đa gọi là Hữu tông, cũng gọi là tông Thật Pháp.

Nay các bộ: Bà-sa, Câu-xá, Đa luận, Tạp Tâm đều có tính kia, lược biết như đây.

Ủy biện dị tướng: Đủ như trong sớ, phần nhiều thấy giảng giải không biện về giáo tông, danh tướng,... do đâu mà biết thể, người học nhờ lời nói, cần phải lưu tâm. Nhưng nay trong lời sao y theo tông, nói thể chỉ lược Đa tông. Nhưng sợ kẻ học sau chấp trước vào văn, vọng nói ra sự xuyên tạc, vì thế phải lược chỉ bày.

Nghiệp sớ rộng nêu sáu vị để phân biệt, nay chỉ tóm tắt, chỗ cốt yếu dẫn ra để nêu bày.

(1) Hai giới đều là hữu vi, không phải ba món vô vi, vì nương duyên cấu tạo bốn tướng sở vi (đây là hữu vi vô vi phân biệt. Ba món vô vi là hư không vô vi, trạch diệt vô vi và phi trạch diệt vô vi. Bốn tướng là sinh, trụ, dị, diệt).

(2) Các pháp hữu vi gồm có ba tụ: 1- Sắc tụ; 2- Tâm tụ; 3- Phi sắc tâm tụ.

Hai giới đều là sắc, chẳng phải hai tụ khác (Đây là trong hữu vi ba tụ phân biệt).

(3) Sắc có mười một, ba thứ:

1- Hữu đối sắc có thể thấy (tức sắc trần).

2- Hữu đối sắc không thể thấy (năm căn sáu trần).

3- Vô đối sắc không thể thấy (tức có chút phần pháp trần, pháp trần có hai: Một là tâm pháp, nghĩa là các pháp tâm sở; hai là phi tâm pháp, sắc pháp quá khứ vô tác, tức thuộc về sắc nầy).

Nay tác giới là thân tác, tức sắc thứ nhất. Khẩu tác tức thinh trần trong sắc thứ hai. Thân miệng vô tác gồm sắc thứ ba (trong tụ sắc nầy, ba sắc phân biệt).

(4) Trong sắc loại có hai:

1- Bổn báo sắc, nghĩa là bốn đại.

2- Phương tiện sắc, nghĩa là sự vận động tạo tác.

Tác giới không phải bổn báo mà là phương tiện.

Vô tác không phải hai sắc (đây là trong sắc thân miệng, hai sắc phân biệt).

(5) Tác giới là thiện sắc thinh, không phải ác vô ký.

Giới thể vô tác là thiện, có thể biết (trong phương tiện nầy, ba tánh phân biệt).

(6) Tác nghiệp trước sau đều là giới, không đồng với thiện khác, vô tác đường thể là giới, không phải chỗ luận ở đây (đây là y cứ trong thiện chỉ y cứ về tác giới sau phân biệt).

Sáu vị trên đây là hiển bày tông kia.

Hai giới đều là sắc, tác sắc tức là hai trần: Sắc và thinh vô tác sắc là thuộc về pháp nhập gọi là giả sắc.

Hỏi: Vô tác đã không thấy đối, sao gọi là sắc?

Đáp: Ở đây có nhiều nghĩa.

(1) Từ năng tạo gọi là sắc. Sớ chép: Giới thể đã khởi, nương thân miệng mà thành, tùy đủ biện nghiệp phán chung là sắc nầy.

(2) Tổn ích gọi là Sắc. Lại nói: Tông kia nói bảy nghiệp đều là trong sắc, vì có tổn ích.

(3) Ngại nên gọi là sắc. Lại nói: Vô tác tuy không thấy đối nhưng do bốn đại tạo, lại chướng ngại nhau. Y cứ chỗ có thể phân chia nên gọi là sắc.

Hỏi: Đã chướng ngại nhau thì lẽ ra đồng với căn trần. Đã là pháp nhập thì là chỗ đối của ý, tức không phải đối?

Đáp: Năm căn, năm trần, năng sở đều ngại đều là sắc, vì thế năng sở đều xen nhau đối không chung. Vì thế giả sắc không phải như vậy, tuy cùng ý đối, ý căn duyên chung tất cả trần nên chẳng phải là nghĩa đối. Lại giả sắc là sắc, ý căn chẳng phải sắc nên không phải nghĩa ngại.

Còn lại nói rộng như trong sớ.

Trong phần tác giới, khoa đầu nói tác nghĩa là ban đầu ở trong đàn tràng bạch tứ Yết-ma xong, sát-na thứ nhất về trước ba nghiệp, v.v... Phương tiện cấu tạo là: Trước dẫn luận, lại hai câu trên nêu thể chánh. Thân, miệng, nghiệp suy nghĩ, nghĩa là đi đến quỳ lễ là thân tác. Trình bày lời xin giới tức khẩu tác. Lập chí trông mong cảnh pháp, duyên tâm thấu suốt trước sau gồm ở thân miệng nên gọi là thân khẩu nghiệp suy nghĩ, tức nghiệp suy nghĩ đây là thể của tác.

Luận kia trở xuống gồm chỉ nghĩa duyên. Nói tạo đủ nghĩa là chỉ rõ thân miệng tự vô công dụng chỉ suy về tâm (ý), vì thế như ở đời tạo vật mất một trăm công, tự không thể thành, phải do người dùng, so sánh rất dễ biết.

Hỏi: Trong nghiệp sớ, ban đầu giải thích sắc tâm là thể, ở đây vì sao nói là khác?

Đáp: Thân miệng tức sắc nghiệp, tư tức là tâm cho nên không khác. Lời sao hiển bày cốt yếu khiến cho dễ hiểu mà thôi.

Trong phần nêu ra, nói do phạm liệt thọ, nghĩa là thiện ác tuy khác nhau mà phát nghiệp nghĩa có một, vì thế như trong luật nói tâm nghĩ tưởng khác nhau không đến được quả.

Lại trong phần không phạm nói làm rơi dao gậy, ngói gạch, cây gỗ trúng lầm người bị chết; dìu dắt, bồng bế người bệnh tới lui bị chết, tất cả việc làm này không có tâm hại nên không phạm. Đây tuy động sắc nhưng vô tâm nên không thành nghiệp. Dẫn chứng tức Thành luận: Hai câu đầu suy ngọn về gốc, hai câu sau nói bỏ gốc thì không có ngọn.

Hỏi: Nay nói tác thể là tâm vương là ý tư phải không?

Đáp: Trước nói rằng nghiệp tư, vì sao phải nghi mà hỏi, như xem

trong luận, ba nghiệp đều là tâm, lìa tâm không có suy nghĩ, lời nói này dường như chỉ là tâm vương. Nhưng thể dụng của tâm vương dùng để phân, từ thể khởi dụng, dụng tức là thể. Nay nói về tác nghiệp, cứ nói dùng mà nói, vì thế Nghiệp sớ chép: Nói tâm chưa chắc là tư, nhưng nói tư thì ắt là tâm, phải cho kỹ càng.

Khiển trách khác là đối phá Hữu tông. Năm căn, năm trần, bốn đại là mười bốn sắc, do tông này nói căn trần thúc đẩy thức, rõ thiện ác vốn do tâm tạo, đây là căn trần đều thuộc vô ký. Kia không nói về tâm, căn, trần, bốn đại đều chung cho ba tánh.

Kế trong phần sắc thinh, việc nầy đã lập sắc thinh có hai:

(1) Năm trần bên ngoài và báo sắc chẳng phải là tánh tội phước; phương tiện sắc bên trong là tánh tội phước.

(2) Một niệm sắc, thinh, mắt tai đã không phải tánh tội phước; tương tục sắc thinh, pháp nhập đã nghiệp là tánh tội phước.

Nay lấy phương tiện và nối tiếp sắc thinh dùng làm tác thể. trong văn chia làm hai:

(1) Lập thể: Nối tiếp tục là phân biệt khác với một niệm. Đi đến quỳ xuống cho đến khi tác pháp xong tức là tương tục sắc. Trình bày lời nói đầy đủ để cầu xin giới là tương tục thinh. Thiện là phân biệt khác với năm căn năm, trần sắc. Dĩ trở xuống là ngăn ngừa, do mười bốn món sắc trong tông này đều là vô ký, nay lập sắc thinh sợ cho rằng trái với tông, nên giải thích đó mà thôi.

Pháp nhập thuộc về sắc quá khứ.

Ý thức được nghĩa là người có thể thọ.

Quỳ xuống, là trình bày lời nói, là sở duyên của tâm (xưa ghi: ba thầy bảy vị tăng, ý thức được ấy là sai).

Hỏi: Trước đã lập nghiệp tư đối với nghĩa đã rõ, vì sao sau thầy lại lập sắc thinh?

Đáp: Hợp giáo thuận tông rất có mạch lạc. Người đọc chưa rõ vọng sinh xem thường, kẻ học sau cẩn thận chớ theo.

Hỏi: Cả hai đều đưa ra hai cách giải thích, vậy phải y theo cách giải thích nào để làm nhất định?

Đáp: Văn không bỏ cũng không lấy, chọn hết cả hai cũng không sao, nhưng trong các văn phần nhiều dùng nghĩa trước, cả hai đều còn nhưng tùy người dùng riêng, nên tự suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Ở đây khác với tác giới của Đa tông như thế nào?

Đáp: Tông khác lập riêng thì phải có khác. Dẫn phần đối chiếu ở trước y cứ vào căn trần để phân tách, như bàn tay có các ngón, còn lại

như trong phần nói riêng.

(2) Giải thích vô tác: trong phần chỉ bày thể, nói phi sắc phi tâm: Đây là tên của tụ thứ ba trong Thành luận, cũng gọi là Tụ bất tương ưng. Tụ nầy có mười bảy pháp, vô tác tức là một pháp trong mười bảy pháp đó.

Bởi thể của vô tác không hai, cho nên mới nhập vào đây, tức lấy tên của tụ dùng làm thể kia. Nhưng từ xưa đến nay bàn về thể phần nhiều căn cứ riêng vào Nghiệp sớ, nêu cả hai chấp:

(1) Pháp chấp, có giảng luật Tứ Phần, chính là y theo Tạp Tâm nêu tâm thể phi sắc. Có người học luật Thập Tụng lại y cứ Thành Luận lập sắc là thể, nêu thể thì thuận, y cứ theo giáo thì trái tông, nên gọi là pháp chấp.

(2) Mê chấp có tông Hoằng Giả lập sắc là thể, hoặc truyền Hữu bộ chấp tâm phi sắc, Quang Sư dùng lý làm thể, Nguyện Sư dùng năm duyên thọ giới làm thể, ở đây là nói các vị Tổ sư trước đây còn có những sự khác nhau như vậy. Soạn trong Nghiệp sớ nêu rộng nghĩa chương. Phân tông định thể, văn lý sâu rộng, chỉ do người học không khéo thảo luận nên mới khởi ra đầu mối khác nhau kia. Nay xin lược dẫn.

Bộ Tăng Huy Ký chủ định phi sắc phi tâm là nghĩa hạt giống, tức lập hạt giống làm thể.

Có người cho rằng: Phi sắc phi tâm là tên của tụ thứ ba. Do loại vô tác này không tương ưng với sắc tâm, xếp vào tụ thứ ba nên gọi là phi sắc tâm mà thôi. Có người cho rằng: Phi sắc phi tâm tức là sắc vi tế, đồng như Hữu tông kia. Ngài Nam Sơn giải thích rằng: Phi sắc nghĩa là không do năm trần bốn đại tạo thành, v.v... há chẳng phải là lựa sắc thô, tâm thô, chỉ lấy sắc nhỏ nhiệm ư? Có người giải thích chẳng phải sắc là tâm.

Dẫn Nghiệp sớ chép: Xét nghiệp thể kia vốn do tâm sinh, đây là ngài Nam Sơn xét nhập vào Đại thừa. Có người cho rằng: Phi sắc phi tâm là tư chủng làm thể, như vậy v.v... không một thứ nào thật có, như riêng bị phá. Tổ sư gọi là nguồn gốc điên đảo, lý vị sơ sài, đánh giá quá lạm sao có thể hơn được.

Ở đời có người nói rằng: Phi sắc phi tâm rốt ráo thể kia là pháp gì? Nay vì họ mà giải thích rằng: Thể kia rốt ráo là phi sắc phi tâm, làm sao dùng danh để định thể được? Vì thế lại nói rằng hai phi chính là loại trừ đó mà nói, danh trở xuống là không thể.

Lại hỏi rằng: Trong luật nói phi pháp phi nhân là loại đối nhau có thể, không thể. Đây đều không hiểu giáo có quyền có thật, danh không

phóng khoáng (lãng phí), nên phần nhiều là vọng thuật.

Trong phần giải thích phi sắc có hai:

(1) Ước về năng tạo dùng tác để nói lên vô tác, nghĩa là năng tạo là tâm nên cái phát ra là phi sắc.

Sớ rằng: Đã là tâm khởi thì đâu phải do năm trần, bốn đại thành. Trần là năm trần, đại là bốn đại.

Hỏi: Vì sao y cứ về năng tạo dùng tác hiển bày vô tác?

Đáp: Vì đối phá Hữu tông, kia chấp sắc tạo năm trần bốn đại mà thành.

(2) Dĩ trở xuống là nghĩa chứng, chỉ y cứ về sở phát (cái phát ra) để hiển bày phi sắc. Trước nêu sắc là gồm nói về nghĩa sắc, không ngoài năm nghĩa: 1- Tướng; 2- Dị; 3- Tổn; 4- Ngại; 5- Đối. Phối hợp văn rất dễ hiểu.

Hình đoạn: Có dáng mạo.

Phương sở: Có nơi chốn.

Mười bốn sắc: Như nói ở trước.

Hai mươi gồm hiển sắc có mười hai (xanh, vàng, đỏ, trắng, ánh sáng, bóng tối, khói mây, bụi sương, đây là hạn cuộc tánh vô ký. Hình sắc có tám (dài, ngắn, cao, thấp, vuông, tròn, nghiêng, thẳng, đây là chung ba tánh).

Não hoại: Loài hữu tình có đủ hai món này, loài vô tình chỉ có hoại.

Luận rằng: Sắc là tướng não hại, trong tướng vô tác não hại không thật có.

Hỏi: Vô não thì có thể thật có. Nếu nói rằng vô hoại vì sao giới có hơn kém và bốn xả ư?

Đáp: Đây tức là Thành tông, thông nghĩa sâu xa.

Vô trở xuống là nói lên phi sắc rất dễ hiểu.

Trong phần phi tâm, trước đối năng tạo, tác giới dùng tâm làm thể. Tâm là duyên lự, vô tác ngoan thiện thể không giác biết, vì thế không duyên lự (hoặc nói rằng vô tác không thể dùng tâm duyên lự: Đây là không hiểu lời nói).

Diệc trở xuống là nghĩa chứng. Dùng tâm hiển phi tâm, năm nghĩa nói về tâm, thâu suốt bốn ấm. Lự tri tức hành tâm. Mờ tối: Hoặc nói về ngu trí, hoặc nói về nhớ quên, hoặc minh là nói hành tâm, ám là ba tâm.

Ba tánh là ba tâm hạn cuộc vô ký, chỉ có hành chung cho ba tánh.

Rộng lược: Hoặc y cứ về duyên, cảnh tiệm đốn tức là hành tâm, hoặc y cứ về tâm pháp, một tâm chia ra bốn uẩn, sáu nhập, sáu thức, v.v... lần lượt nói về rộng hẹp có thể tìm thấy.

Báo pháp: Đáp lại nhân gọi là báo, chúng sinh chiêu cảm quả báo tâm tánh khác nhau.

Vô trở xuống là nói về phi tâm, không có năm nghĩa trên nên nói là không đủ.

Trong phần kết, Thành luận có bốn tụ: 1- Sắc; 2- Tâm; 3- Phi sắc tâm; 4- Vô vi.

Vô tác là pháp thứ mười bảy trong tụ thứ ba (mười bảy pháp: đắc, phi đắc, đồng phận, mạng căn, quả vô tưởng, định vô tưởng, định diệt tận, sinh, trụ, dị, diệt, danh thân, cú thân, tự thân (văn thân), già chết là pháp vô tác của phàm phu. (Vô tác đây là pháp thứ mười bảy)).

Trong phần dẫn chứng, bổn luận có hai đoạn:

(1) Kia trước hỏi rằng: Có người nói: Tác nghiệp hiện có thể thấy như bố thí, lễ bái, giết hại, v.v... đây là có thấy thì lẽ ra có, còn nghiệp vô tác không thể thấy nên lẽ ra không (đây là y cứ vào tác để nạn không có vô tác).

Đáp: Nếu không có vô tác thì không lìa các pháp giết, v.v... (đã lìa được giết v.v... thì nghiệm ra có vô tác).

Hỏi: Lìa tên vô tác, không tác thì không có pháp, như khi người không nói thì pháp ngữ cũng sinh, khi không thấy sắc thì không đâu không thấy sắc? (Đây là khi đối cảnh để hạn khi khác không đối cảnh, dẫn dụ có thể hiểu).

Đáp: Vì lìa sát sinh được sinh lên cõi trời, nếu không có pháp thì lấy gì làm nhân (đây là y cứ về cảm báo lúc khác thì có).

Hỏi: Không vì lìa sát mà sinh lên cõi trời vì thiện tâm (đây là suy thiện tâm làm nhân, bắt bẻ công chẳng phải vô tác).

Đáp: không phải như vậy. Xét trong lời sao, như các lời nói trong kinh. Trong kinh tức luận gia tự dẫn. Tinh tấn tức tác nghiệp, sống lâu là hiện báo. Tùy sống lâu phước nhiều nghĩa là vô tác thêm lớn phước tức lành vô tác.

Nói phước nhiều thọ vui cõi trời: Đây là chứng minh rằng sinh lên cõi trời vốn do vô tác chẳng thiện tâm. Vì thế từ nhược trở xuống phản chất nên có vặn hỏi. Nói chẳng phải tâm lành không do tâm lành, tức biết vô tác nhậm vận tự như vậy, thì phi tâm đã rõ.

Không thể thường có nghĩa là tâm con người chưa chắc thường hướng đến việc lành, vì thế trong các đoạn sau, câu đầu lập nghĩa. Luật

nghi tức thọ thể. Nhược trở xuống là giải thích thành. Bất thiện tức trái nhau, vô ký tức thành nghiệp. Y theo luận dưới tâm vô ký có chữ vô tâm, đây là nói thọ thể.

Nếu là tâm: Chỉ là thiện tâm thành trì, không lẽ tâm khác cũng gọi là trì, tức nghĩa ba tánh nhậm vận.

Cố trở xuống y cứ quyết định.

Lúc bấy giờ là chỉ khi tâm bất thiện và vô ký ở trên.

Không có tác là do tác quyết là tâm lành. Nay do tâm khác sao cho khởi tác. Đã không có tác mà được gọi là trì giới, chính là bổn thọ vô tác không nhờ duyên tạo thành, nhậm vận thường có, rõ biết vô tác phi tâm.

Trong kinh Niết-bàn đủ như phần nêu tông đã dẫn. Sắc vô hình là nói phi sắc. Phi xúc đối tức là phi tâm. Trong Thập Trụ, sắc phi sắc, kia là tông, Đại thừa là sắc, tức sắc của tâm nên không nói tâm.

Vô tác phi sắc: Thể tức là tâm nên không nói phi tâm. Nay chỉ lấy tên phi sắc kia để làm chứng mà thôi.

Hướng dẫn các văn trong phần kết chỉ bày, tuy là xả hai chứng, chính là muốn đối phá chấp sắc của Hữu bộ. Do đó, trong văn chỉ kết phi sắc, nghĩa phi tâm đã không có chỗ đối thì mượn gì để chứng thành nên không nói. Trên y luận chỉ bày, nói về thể tướng chưa rõ ràng lắm, còn Nghiệp sớ mới trình bày y cứ nghĩa có ba tông, nay lược nêu bày. Hễ muốn xét về thể phải biết tạo nghĩa của ba tông có cạn sâu. Giáo tướng của hai thừa khác nhau, mảy may không xen lạm mới nói về thể được.

(2) Trước nói Hữu tông phân ra Tiểu giáo. Tông kia cho rằng: Tiểu cơ sức thấp kém không y cứ về tâm luận. Hai nghiệp thiện ác đều do sắc tạo. Năng tạo là sắc, sở phát cũng là sắc, vì thế tác và vô tác đều lấy sắc làm thể. Thầy của bộ tông kia tuy giải thích nhiều nhưng ý chưa khéo léo, vì thế đến nghiệp sớ mới chỉ ra thể tướng, mới là lý cùng tận. Sớ văn chép:

Như luật nói nghiệp, sắc thiện, sắc ác, đường lành, đường ác mà thiên nhãn thấy, tùy hạnh đã tạo như thật biết rõ, dùng văn nầy làm chứng, chính nói nghiệp thể (thể của nghiệp) là sắc pháp.

Lại chép: Song thể của sắc này giống với Trung ấm, vi tế khó biết chỉ có thiên nhãn mới thấy, thấy có tướng mạo thiện ác rõ ràng, há y cứ về trần đối dụng chung sắc tánh. Các Sư phân biệt lý do, xét nghiệp lượng kia ý nói như thế (nên biết, luận kia chỉ chấp vô đối sắc nhập vào giả sắc, chỉ là sắc sâu kín, nêu riêng lời sớ nầy).

(2) Nói bổn tánh, Thành luận quá phần Tiểu thừa, giáo tuy nghĩa tiểu trái đạo tiểu. Tuy thông Đại thừa mà chẳng phải hoàn toàn Đại giáo. So sánh trước thì hơn, hướng về sau thì kém, đây cho nên lập thể giữa hai điều kiện này.

Trước nói tác giới sắc tâm năng tạo. Sắc là bổn giáo, tâm là quá phần, đồng thời nói về sở phát phi sắc phi tâm. Phi sắc tức quá phần, phi tâm tức bổn giáo. Kinh Đại Tập, cái gọi là thầy của bộ Đàm-vô-đức che ẩn pháp tạng. Giới sớ cũng nói là bao gồm quyền thật, nghĩa kia ở đây. Nếu nói về tác giới còn có thể theo văn, riêng vô tác này trải qua, cho nên phải hiển bày. Phi sắc phi tâm được tên có nhiều khác nhau:

1- Giải thích đối tác, như Thành tông giải thích ở trước.

2- Giải thích tác, Sớ chép: Do tác ban đầu khởi quyết phải nương sắc tâm, vô tác sau phát khác với duyên trước nên gượng gọi đó là phi sắc tâm mà thôi.

3- Giải thích lựa chọn giáo, Phi sắc lựa tiểu, phi tâm nhường đại.

4- Giải thích lỗi phế: Tác giới nói rằng thân miệng, đây là đủ vô tác gọi là phi sắc, tức đối phá hai giới của Hữu tông.

Lại nói phi tâm: tự bỏ tác giới của bổn tông.

5- Giải thích nghi. Đầu tiên nghi tác đã mượn đủ lẽ ra là sắc, nên nói phi sắc. Và giải vô tác bèn nói tâm khởi. Lại nghi là tâm nên nói là phi tâm. Nếu nói về thể kia đã do tâm mà thành thì thể há do vật khác. Chỉ do giáo pháp có hạn không thể lạm không. Giáo đã quyền đâu có theo thật được.

Vả lại, như Thành luận nói sắc thì vô ký ngoàn sắc bàn tâm, sáu thức vọng tâm là do phi sắc, thì nói rằng không do năm căn bốn đại tạo thành. Phi tâm bèn cho là thể không duyên lự. Bởi thiện tánh ghi nghiệp. So sánh sắc hoàn toàn trái nghiệp, thể vô tri thật khác với tâm. Xét trong luận thì thể mạo thật chỉ cho tâm nghiệp, nhưng không bàn về hạt giống nên gọi phi sắc, không nói Lệ-da nên gọi là phi tâm. Vì thế Nghiệp sớ chép: Xét thể của nghiệp kia vốn do tâm sinh (vì từ tác khởi), lại huân vào bổn tâm (bổn tâm tức sáu thức vọng tác nên nói trở lại). Có năng có dụng (năng tức dụng sau, tức đối ngăn ngừa), tâm đạo mờ mịt chỉ có thể gọi là thông, vì thế y cứ vào sắc tâm cùng tột nêu ra thể tánh (gồm nghĩa duyên), đều lấy năm nghĩa tìm đó thì không thật có (không tương ưng), không biết gọi là gì nên gượng gọi chẳng hai. (Cả hai tìm không được, không thể gọi tên mà gọi, nên nói là gượng gọi).

(3) Viên giáo tức là nghĩa Đại thừa. Hai phần trước giải thích đều không rõ giáo, vì thế trong kinh Niết-bàn hoặc sắc, phi sắc đều bị tranh

luận. Đức Như lai nói không hiểu ý ta. Đây do Tổ sư lấy Đại thừa viên thật liễu nghĩa, quyết khai quyền giáo hiển bày các Đàn tràng thọ thể của ta, ý khiến người tu hành có thể gá tâm, nay chia làm hai:

1- Nêu bày viên thể, tức nói A-lại-da tùy duyên biến tạo chứa đựng hạt giống.

1-(1) Nói năng tạo: Lại tức sáu thức y theo thức thứ tám khởi, khác với Tiểu thừa. Dầu có gồm sắc, nhưng sắc nầy cũng là tâm, không giống tâm sắc thể khác ở tiểu tông.

1-(2) Nói sở phát tức tâm đã tạo các hạt giống gốc lành tạng thức giữ gìn, tùy tâm không dứt. Như trong kinh Lăng-già nói biển thức, sóng thức. Sóng từ biển khởi, rồi trở lại biển. Sóng không có sóng riêng, mà tức là nước biển, năng tạo sở phát, toàn thể là thức lại không có pháp khác. Phải biết loại sắc nầy tướng đầy đủ nên nói là sắc, không giống như năm căn bốn đại, lại không có giác biết nên chẳng hai. Tùy nghi phương tiện ngộ nhập là trước tiên; Đại, Tiểu, Quyền, thật cần phải xem xét kỹ càng, vì thế trong Nghiệp sớ chép: Trí biết cảnh duyên, vốn do tâm tạo. Không có duyên cảnh vọng (không thật) nhưng chỉ một thức tùy duyên chuyển biến nên có kia có đây. Muốn rõ vọng tình phải biết vọng nghiệp vì thế tác pháp trở lại huân vào vọng tâm, ở bổn tạng thức thành hạt giống thiện, đây là giới thể.

2- Nói về viên tu, đã biết thọ thể. Ngay khi phát tâm là thành ba tụ, vì thế hễ hành trì một giới cấm nào thì điều ác không khởi, tức nhiếp luật nghi; dùng trí quán sát tức giới nhiếp thiện pháp; không đâu chúng cứu hộ tức giới nhiếp chúng sinh. Nhân thành ba hạnh, quả được ba Phật, do thọ khởi từ nhân đến quả, thật ra hạnh nầy là căn bổn của người xuất gia, mới khế hợp với bổn hoài lập giáo của Đức Như lai. Vì thế trong Nghiệp sớ chép: cho nên người tu hành phải thường suy nghĩ về hạnh này, tức là ba tụ, v.v...

Lại nói: cuối cùng quy về Đại thừa, cần phải có nơi để tâm. Lại nói: Đã biết ý nầy phải giữ gìn như tánh mạng, như phao nổi. Lược nêu đại cương, còn lại rộng như kia đã bàn, người học sau phải nghiên cứu rõ ràng tỉ mỉ. Vả lại năm trược ràng buộc, bốn con rắn (bốn đại) chưa thoát được, chung chỗ với quỷ súc, khổ sở đau đờn, đâu được không suy nghĩ, thanh thăng ngồi giữ bồn tro. Dầu có tu tôn kính mà không được môn kia chỉ luống siêng năng khổ nhọc mà không hề có chỗ đến. Nếu cùng tận được sinh tử, chở nghiệp quấy vô biên, phá được hôn mê từ vô thỉ, chứng được pháp thân Vô thượng chỉ một môn giới này, rất là yếu thuật. Chư Phật khen ngợi trong các kinh, các Tổ mở mang thạnh hành

vào những đời trước, cần phải tin sâu chớ tự nghi ngờ. Phải cho rằng thọ thể là hai mắt, tùy hành là hai chân, thọ thể và tùy hành giúp nhau, tuy muôn hạnh cũng có thể thành tựu. Mắt và chân giúp nhau tuy ngàn dặm nhưng chắc chắn sẽ tới được, tự mình không đồng đạo thì làm sao nói từ bi?

(4) Trong phần trước sau, nếu nói về tác giới thì không có trước sau. Riêng vô thường này có nhiều cách giải thích nên phải giải thích rõ ràng.

- Trước giải hai câu trên là nêu thí dụ, cố trở xuống là dẫn chứng. Niệm đầu đều có, có thể nghiệp hết đều sinh.

- Sau giải câu đầu trong khoa đầu là nêu nghĩa. Cố trở xuống dẫn chứng. Pháp thế gian là do duyên cấu tạo thành. nhân tức là tác giới, quả là vô tác. Như trở xuống dụ cho hiển. Cố trở xuống là chuẩn định.

Khoa kế do lập trước sau trái với luận văn trên nói niệm ban đầu đều có, vì thế phải giải thích.

Trước ngăn ngừa. Thử trở xuống là giải thích chung, đầu nói tác đều cùng khởi. Bất trở xuống là nêu bày hình đều sau hình. Trên nói sau nhưng lời nói chưa rõ còn sợ xen lạm đồng niệm đầu tiên, vì thế lại dặn dò rằng cũng là, v.v... Về trước hai lời giải đều là nghĩa xưa, nếu y theo Nghiệp sớ thì dùng lời giải thứ nhất, nhưng không rõ nghĩa ba thời chưa cùng tận.

Sớ nêu nghĩa nay rằng: Nay giải một thời không phải trước sau khởi, há có tác dứt rồi vô tác mới sinh. do bổn đàn tràng nguyện tâm giới hạn tức nhân thành (hai giới nhân sinh). Đến sát-na sau hai giới đều đủ (hai giới quả mãn) vì thế nói rằng khi tác có vô tác (kết nêu bày văn trong luận, cho nên biết văn nầy không nói tác có vô tác).

Lại y cứ một thọ nói ba thời vô tác:

1- Nhân thời vô tác (từ khi mới đăng đàn tác có tùy tác. Sinh hình có nhân thành chưa hiện).

2- Quả thời vô tác có hai: (Khi ba pháp xong, một tức đồng trên tác đủ. hai là hình đủ quả mãn).

3- Quả hậu vô tác (sát-na thứ hai, chung khi qua đời).

(5) Trong phần nhiều ít, khoa này không hạn cuộc giới thể, gồm nêu tám thứ: Thiện, ác, định, tán, thế, xuất thế, nghiệp thế gian, nghiệp xuất thế gian. Tất cả gồm thâu nên nói là phiếm.

Trong phần nêu rằng y theo Đa luận: Nếu thuận theo Đa Tông thì nên nói rằng vô giáo, nhưng đều chung kia đầy.

Trong phần nêu giải thích, hỏi: Tác câu đã sinh chung với nhau

phương tiện, sao gọi là vô tác?

Đáp: Tuy chung với tác mà không ngại thể kia, không nhờ duyên cấu tạo, do hai pháp trái nhau tánh không thể hợp, nêu sớ nói không do tâm khởi nhậm vận cảm nhau, vì thế gọi là Tác câu, cùng với vô tác nầy.

Hai hình câu: tuổi thọ hết, thân diệt mất: theo luận thì thọ thể thật chung cho bốn xả. Vả lại, nói theo bổn kỳ một tướng thì hai món trên giới thiện cả hai thông. Nay nói thọ thể chỉ ở hai môn nầy, còn lại không liên hệ nhau. Nghĩa năm, sáu gồm tùy hành.

Yếu kỳ có thể đồng như tự thệ.

Trong phần ba, trước nói việc lành. Câu sau lại nêu việc ác. Như giới sát đủ loại như trên đã nói.

Bốn tùy dụng: Trên chỉ vật tại, đây y cứ về sự trì dụng, thiện ác loại giải.

Trong phần năm, trước y theo Đa tông, thân miệng không xen nhau thì có duyên khác, nói dối là khẩu nghiệp hiện tướng nêu tướng, vì nương thân thành. Trộm cắp là thân nghiệp, chú vật quá khuyết (chú nguyện cho chúng sinh), vì nương miệng mà thành.

Nhược trở xuống xét khác thành tông. Không như vậy thì hễ tạo thành nghiệp, không nói duyên khác. Như miệng tạo thân tức phát khẩu nghiệp, thân tạo cũng vậy.

(6) Sáu trợ duyên: Năng giáo phát nghiệp, nương sở giáo kia. Trước trong văn tạo tác giúp thành nêu giới sát sinh và trộm cắp, dạy thiện y theo đó mà biết.

(7) Yếu kỳ: Nói có khác gì với hình?

Đáp: Hình đều tùy theo báo, yếu kỳ không nhất định.

Sớ chép: Như mười đại thọ và tám phần chừng, cốt yếu tâm theo thời kỳ phát thệ mà khởi (mười thọ rút ra từ kinh Thắng-man, tám phần chừng khai tự thệ).

Văn nêu việc lành, việc ác cùng đồng như vậy.

(8) Tùy tâm: Đây là nói hai giới định và đạo, văn chia làm hai:

1- Y theo Đa tông, Đa tông có thể nhập định, nhập đạo, có thiền vô lậu luật nghi, xuất định thì không có.

2- Dẫn trong Thành Luận: Hai câu đầu là đối phá tông kia. Trong luận dưới chữ có (hữu) lại có một câu thường không làm ác.

Tâm lành là nêu bày tùy tâm. Nếu như vậy định đạo vô tác lẽ ra không phải ?

Đáp: Chỉ có thể tùy tâm mà thật ra là phi tâm, do nghiệp tánh kia

có thể khởi thói quen sau, nên nói tâm lành càng thù thắng mà thôi.

Thử trở xuống nêu tên, biệt trở xuống là chọn khác.

Chỉ tùy tâm ấy vì là suốt đời.

Hỏi: Thành tông nói biệt giải thoát cũng do tâm tạo, sao chỉ tùy thân?

Đáp: Vì nghĩa giáo giới hạn.

Nếu như vậy thì tại sao lời sớ nói công do tâm sinh tùy tâm mà dứt?

Đáp: Vì nghĩa quá phần.

Tức trở xuống là dẫn chứng. Đạo lực tức đạo và giới.

Lại trong Trí luận chép: Sơ quả sinh vào nhà giết dê, thà chết chớ không giết. Đây chứng tỏ tùy tâm sinh tử.

Nghiệp sớ, hỏi rằng: Tùy dùng và tác câu khác nhau thế nào?

Đáp: Nghiệp tướng và hư thông chẳng chướng ngại nhau, lẫn lộn đồng thời tùy nghĩa mà khác. Vả lại như cầm roi thường biết là sẽ bị khổ. Đã không thời hạn tức không luật nghi là hình câu nghiệp. Yếu thệ thường hành tức là nguyện nghiệp, khẩu giáo đánh đập tức là duyên khác.

Văn thọ hành ở trước là giúp nghiệp động theo. Nghiệp khởi thì là tác câu; roi đầy đủ không mất thì gọi là sự còn. Tùy tác cảm nghiệp há chẳng phải từ dụng, niệm ác chưa dứt lại là tâm câu nên nêu một duyên liền chung tám nghiệp, còn lại thì xếp vào biết có không.

Y theo đây để rõ, hoặc đơn hoặc phức, xen lẫn không nhất định, cùng tột lý nghiệp, ở văn nầy.

Trong phần phân biệt chung, bảy trước hạn cuộc cõi Dục, vì thể là sự loạn; một cái sau hoặc thế thiền, riêng chọn định cộng, hạn cuộc hai giới vì nghiệp hữu lậu. Nếu xuất đạo thì gồm thâu đạo định.

Nói không phải ba giới vì đều vô lậu. Trên y cứ về giới chọn dùng nghĩa cầu; kế y cứ vào thiện ác mà chọn. Bảy trước chung cho thiện ác, một sau hạn cuộc điều thiện; ba, lựa thế gian, xuất thế gian, bảy trước hạn cuộc pháp thế gian, bảy ác hạn cuộc thế gian, bảy thiện chung cho xuất thế vì là phương tiện của đạo; một sau là định cộng chung thế gian và xuất thế gian, đạo cộng hạn cuộc xuất thế gian.

Bốn, là y cứ theo bảy thiện trước thì thứ nhất, thứ hai và bảy chung cho giới thiện, bốn thứ còn lại hạn cuộc thiện rộng.

Năm: Định cộng có tà và chánh.

Sáu: Đạo cộng chung cho đại, tiểu, rộng lớn như vậy.

Đại môn thứ hai, thọ tùy đồng khác, vô tác trong năm thứ đồng.

Bốn đối địch đồng nói thể còn nghĩa là bổn thọ không mất. Đối sự là sự tức cảnh, do có bổn thọ mới khởi phòng hộ, tức gọi là bổn thể có công năng ngăn.

Trong phần tùy cùng một, đồng sớ nói đối không hưng trị cùng tác đồng. Vô tác đây nghĩa là chẳng phải tác câu, nghĩa là khởi đối phòng tức có hạnh lành, tùy thể đều sinh, tác dụng đã dứt mà thiện nầy thường còn, vì thế gọi nghiệp nầy là tùy vô tác, đối địch với phi nên đồng với thọ (theo đây, ngoài Tùy vô tác có tác câu riêng, tùy tác liền dứt).

Trong năm, giới trọng phát: Nghĩa là nói thọ thể có ba phẩm. Dư, thiếu không nhất định, nghĩa là tùy thể cũng có ba. Do nghiệp tùy tâm phát, thọ tuy hai giới đều đủ ba tâm vì thế khiến vô tác cũng có ba phẩm.

Nêu Thành luận: Đối chọn hữu tông thì thọ chỉ có một phẩm, tùy có ba phẩm, thì một nhiều khác nhau, trong bốn khác:

1- Thọ chỉ khởi tâm, vì thế có thể phát chung. Tùy là tu tạo chỉ được phát riêng.

2- Nói tùy vô tác sự chỉ nghĩa không, là không đâu chẳng có vô tác, chỉ do tùy giới tùy tác phòng phi, tác dứt thiện còn. Không ngăn ngừa thì không thể gọi là tùy, nên nói là không. Trước dẫn sớ rằng thiện nầy thường còn, văn chứng minh đó.

3- Nói hai không tức ác, vô úy.

4- Kế là tác giới.

Trong năm đồng, danh thể trái với trước, nghĩa đồng như trên.

Đoản đồng nghĩa là hai giới đều y cứ về mặt sắc tâm, động diệt thì dứt.

Hiệp đồng nghĩa là không chung với ác, vô ký.

Nếu như vậy thì như trong Đa luận bốn tâm được thành.

Hựu trở xuống trong phần trì phạm nói tự làm, dạy người làm, từ nghiệp mà thành, đều y cứ và làm phương tiện trước, tâm khác thành nghiệp há chẳng phải hai tác chung cho ba tánh ư? Suy nghĩ đó có thể hiểu. Thứ tư trong bốn thứ khác đều nêu khác, cố trở xuống là dẫn văn chứng minh thọ.

Trước nói thọ một phẩm. Hỏi rằng: Đa tông có thể được. Thành luận giới được thọ lại, kia nói một phẩm ư?

Đáp: Tuy khai thọ lại vì ba phẩm không chung, nếu như vậy vô tác vì sao dùng thọ chia ba phẩm?

Đáp: Vì vô tác chẳng phải sắc tâm. Tuy có ba phẩm tăng làm một thể. Tác là sắc tâm tăng thêm ba phẩm trước sau đều khác, nên không

có nhiều phẩm.

Trong tùy xuống nêu nghĩa nhiều phẩm.

Cảnh hơn kém tức y cứ chỗ ngăn ngừa, hiển bày cảnh nặng nhẹ, nghĩa là thiên đầu hơn hẳn, chúng pháp kém nhất, chặng giữa ngang nhau hơn kém sẽ biết. Hoặc y cứ vào có thể ngăn ngừa khó dễ, chia ra: Đột-cát-la chí khó là hơn, Ba-la-di nặng dễ khiển lại kém, chặng giữa có thể hiểu.

Trong văn thứ ba, vốn nói sở duyên mà chia bốn khoa là tâm tùy theo cảnh mà khởi nên trước tiên nói tâm. Tâm cảnh tương ưng tức thọ thể nên ba là nói giới. Giới phải có dụng nên sau nói ngăn ngừa, bốn nghĩa khớp nhau không thể cô lập, vì thế khoa đầu, đầu tiên nói phần sơ lược trước. Dẫn trở xuống là bày nay rộng. Hai câu trên là nêu ý, hai câu dưới là nói lợi ích, câu trên khai giải, câu dưới giúp hạnh.

(1) Đầu, trong tâm năng duyên hiện tại lựa chọn khác với quá khứ vị lai, tương tục chọn khác một niệm.

Sớ chép: Niệm niệm tuy dứt mà thường tương tục khởi, tức dùng tâm nầy làm căn bổn giới nhân.

(2) Trước nêu cảnh, như trở xuống là nêu sự hiển tướng. Như cho mình là oán, oán kia đã chết thì là quá khứ. Hoặc oán có con tức hiện tại, cháu tuy chưa sinh, sinh sẽ là thù, tức là vị lai.

Nghiệp sớ chép: đang sinh không phải là vị lai (xưa cho rằng con trong bụng là vị lai là sai, tức thuộc hiện tại). Đối ba cảnh này đều có thể khởi tâm hại, muốn thành tịnh giới thì phải dứt tâm ác, vì thế cảnh sở duyên bao gồm ba đời.

Kinh Niết-bàn chép: Nếu người chém chặt thi chết do nghiệp duyên này đáng đọa địa ngục.

Trong phần dẫn chứng văn luận nêu câu hỏi để phá Đa tông. Trong phần đáp, câu đầu chánh đáp. Sở chỉ cho cảnh. Như trở xuống là nêu thứ lớp, y cứ về quá khứ, vị lai cũng giống như vậy.

(3) Phát giới. Hỏi: Đây khác với năng duyên ở trên thế nào?

Đáp: Trước là tâm năng duyên, đây là giới sở phát.

Do thọ thể kia không thể nêu bày, lại y cứ năng duyên để nêu bày sở phát. Lại hai thứ trước là tác giới, hai thứ sau là vô tác. Lại ba hạn cuộc thọ thể, bốn là tùy hành.

(4) Phòng phi. Văn trước nói hiện tại vô phi: Đây là y cứ đối trị tâm hành để nói về ba đời. Phòng là dự phòng trước không để khởi phi. Đối trị hiện tiền là ngăn ngừa sai trái chưa xảy ra, vừa mất chánh niệm liền rơi vào lỗi lầm sai trái. Vì thế phải biết hiện tại không có nghĩa

phòng ngừa.

Trong phần giải thích ngại, trước hỏi: Nghiệp sớ nêu như xưa đã truyền thì biết xưa nay vâng theo lời này. Tỳ-ni tức bảy pháp diệt tránh, trước vì tranh cãi khởi ra mới dùng pháp, diệt tức diệt những gì đã xảy ra, đã xảy ra tức là thuộc về quá khứ, y cứ vào đây chỉ nói giới, ngăn ngừa vị lai ở đây gồm quá khứ, há chẳng phải trái nhau sao? Nên phải giải quyết nghi ngờ.

Trong phần đáp, văn ở đầu nói: Cảnh tuy lỗi là kẻ thù chết. Phi phi quá (chẳng gì không phải lỗi lầm): Việc chém giết còn, lỗi tuy không mất, hướng về giới thanh tịnh thì cấm không sinh, lại thành chưa khởi nên nói giống như đây. Giống như là nói lại đồng. Đây là giải thích thuận thành nghĩa là lời giải thích xưa giới phòng chưa khởi.

Kế giải thích tức y cứ vào việc phạm tội và sám hối. Nói giới cũng chung cho hai phòng ngừa, lại phá hạn cuộc của lời truyền xưa.

Nghiệp sớ nói rằng: Xưa giải thích Tỳ-ni trừ việc đã khởi, căn cứ theo bảy Tỳ-ni, giới ngăn ngừa việc chưa khởi, nghĩa là đàn tràng thọ thể, ở đây hạn cuộc luận mà thôi. Nay giải thích Tỳ-ni cũng trừ việc đã xảy ra và chưa xảy ra, như bốn pháp diệt tránh đối trừ, đây là diệt việc đã xảy ra. Nói quán là chính dứt việc nên xảy ra mà chưa xảy ra, tức dứt lỗi chưa xảy ra, giới cũng hai ngăn ngừa, nghĩa giống như lời sao giải, còn lại trở xuống chỉ cho giới sớ văn thấy trong Nghiệp sớ.

Kia lại nêu ra bốn địa vị trong Đa tông:

1- Năng duyên hạn cuộc một niệm.

2- Sở duyên chỉ thuộc hiện tại.

3- Giới phát cũng chỉ một niệm.

4- Ngăn quấy chung cho quá khứ, vị lai.

Trong phần riêng lựa chọn, khoa đầu, trước chọn sở duyên. Mắc tội hiện tại: Trong phần tùy: Trì phạm phải đối cảnh thật.

Quá khứ, vị lai chỉ khởi tâm: Cảnh không đối hiện tại vì chỉ có thể tâm duyên.

Thuyết ngôn: Hiển không phải đều thật.

Khoa kế từ nhược trở xuống là chọn sở phát.

Một niệm: Hạn cuộc ba pháp trong một sát-na, do trước nói duyên cảnh chung ba đời, phát giới chung nối tiếp, ở đây phải chú trọng chọn hạn cuộc nêu giới hạn.

Trong phần dẫn chứng, văn trong luận nói giới mà nêu lòng từ bố thí vì bố thí đứng đầu tiên trong sáu độ là hạnh dụng của Đại sĩ, so sánh đủ thấy là cao thắng. Văn chia ra hai tiết: 1/ Nói bố thí và giới bằng

nhau. 2/ Hựu trở xuống là nói bố thí không bằng giới. Lại có hai:

1- Nói bố thí lòng từ hạn cuộc hẹp, nói giúp vật nghĩa là tài của, thức ăn v.v... các vật có thể cứu giúp hiện tại vì không thể cứu giúp quá khứ, vị lai.

2- Giới trở xuống là nói lên giới thông cùng khắp, sau dẫn luận chứng. Chỉ lỗi hạn cuộc tức đồng bộ Câu-xá nói năng phi năng cảnh nghĩa xen nhau chuyển sinh. Văn sau tự thấy.

Trong phần hỏi duyên tướng ngăn ngừa. Muốn hiển nghĩa phòng phi (ngăn lỗi) không chung cho hiện tại. Trong phần đáp, trước ước tùy hành. Nói không ngăn hiện tại, trước định thẳng không lỗi.

Câu nếu không, v.v... là giải thích không đây chẳng có lý do. Hai câu trên là hiển thành lỗi phi, hai câu dưới nói tức thuộc về chưa lỗi. Song trở xuống là y cứ về thọ thể nói ngăn lỗi quấy. Trước nói phòng lỗi chưa xảy ra, sau từ ký trở xuống nói phòng lỗi quá khứ.

Trong phần chuyển nạn, trước nói thọ thể có thể ngăn lỗi chưa xảy ra, muốn suy công có thể phòng ngừa quy về tùy hành, nên ở đây mới gạn hỏi.

Trong phần đáp, trước là chỉ bày. Như trở xuống là dụ hiển. Thành, ao, cung, dao là dụ cho thọ thể. Ngăn ngừa đánh giặc dụ cho tùy hành.

Sau chỉ cho giới sớ, văn cũng xuất xứ từ Nghiệp sớ. Sớ chép: Giới thật có thể ngăn ngừa và cắt đứt không cho khởi, thường phải thực hành sách tấn giữ gìn, mới có thể dạo chơi nơi trần cảnh mà không bị xâm nhập. Như ở đời, cung tên gươm giáo mới chống cự được quân địch, phải cầm dao tiến đến trước quân trận.

Trong phần bốn phát giới nêu.

Câu "chỉ như trên" nghĩa là cũng khéo thọ giới. Thế tục tức bọn tùy lưu không phải cư sĩ.

Tướng là cảnh tướng, Pháp tức giới pháp.

Hạ trở xuống là hiển ích, tức hai lợi.

Trong huyền cử, hai câu đầu nói rộng cùng khắp. Yếu trở xuống là nêu phần yếu lược để chỉ bày.

- Ở đầu gồm nêu.

- Nhậm trở xuống là chỉ bày riêng.

1- Nói sáu đại chung cho tình, phi tình (hữu tình và vô tình).

2- Sáu trần tức phi tình.

3- Sáu đường, v.v... tức hữu tình.

Nói Trung ấm, trong Nghiệp sớ chép: Ngoài chúng sinh trong sáu đường còn có hữu phát sao?

Đáp: Như lai không thu nhiếp các đường, trung ấm cũng như vậy.

Tâm luận chép: Bốn loài sinh bao gồm các đường, trung ấm không thuộc vào các đường, do đường nghĩa là thú, mà trung ấm chỉ duyên thức.

Trong phần dẫn văn, khoa đầu trong bộ Câu-xá nói người học phần nhiều mê mờ nên trước phải lược chỉ bày. Phần tức là chi, nghĩa là bảy chi nghiệp.

Nhân là giới, nhân nghĩa là tâm năng thọ. Văn nầy muốn nói bốn vị giới: Năm giới, tám giới, mười giới và giới cụ túc đều sinh cảnh cùng khắp nên nêu hai tướng của tâm để so sánh, nghĩa là giới thọ tâm có tận, không tận để đắc giới. sinh cảnh không cùng khắp, định không phát giới, nghĩa là ba giới chỉ phát bốn chi, giới cụ túc hoàn toàn phát sinh bảy chi. Ở đây nói bảy chi nhiều ít đều đắc giới, tức là phân bất định.

Lại nếu y cứ ba thiện thì ba tâm đồng thời, nếu y cứ ba phẩm thì được một phẩm. Đây là nói ba tâm đủ thiếu đều có thể phát giới, tức nhân bất định. Riêng cảnh chúng sinh không thể không cùng tận nên nói là Định.

Hà trở xuống là giải thích nghĩa định.

Nói không được từ một món là nói quyết phải cùng khắp.

Trong phần phân chia bất định nói tất cả, nghĩa là bảy phần Câu-xá tức Hữu bộ chấp rằng giới Tỳ-kheo mới được bảy chi vì là giới cụ túc, còn các giới kia là ba, bốn chi vì không phải giới cụ túc. Cho nên, nếu y theo thành tông thì bốn giới đều phát bảy chi, tức đều từ tất cả mà đắc định. Nay y theo kia dẫn tông chấp cần phải biết.

Trong phần nhân bất định, trước nói ba điều thiện. Tất cả: Ba tâm đồng thời. Nếu khởi ba độc thì có đơn có cụ, nếu y cứ vào ba thiện thì chắc chắn không lìa nhau, cho nên kế nói về ba phẩm. Nói không từ tất cả nghĩa là ba tâm không cùng.

Trong phần giải thích định, so sánh với phần nhân ở trước không từ tất cả đều phát, đắc giới, duyên cảnh trái lại, nên nói rằng nếu không từ, v.v...

Hà trở xuống là giải thích lý do không có giới.

Vân trở xuống là chuyển giải thích ý không được, tử là chết.

Trong phần chỉ bày rộng

* (1) Đầu năm phần khác nhau, nghĩa là lúc mới thọ phát tâm dứt ác, đối năm việc này có thể trì, không có thể trì, vì thế sinh lấy bỏ.

1/ Lựa sinh loại có thể trì không thể trì.

2/ Lựa giới chi (chi của giới). Tông kia năm giới, tám giới hạn cuộc số nhất định, vì thế nếu thọ một giới, hai giới đều được hạnh lành. Giới nói không phải như vậy, phân đầy đủ đều được mười giới và giới cụ túc. Thể là xuất gia, tánh ngăn cũng dứt thì có lỗi nầy.

3/ Cõi nước, quận, huyện.

4/ Năm, tháng, ngày, giờ.

Năm giới thì nói trọn đời, tám giới thì nói trong một ngày một đêm. bộ kia thì thời gian nhất định. Trong Thành luận nói hai giới (năm giới, tám giới) trọn đời hay nửa ngày tùy cơ dài ngắn.

5/ Tự giải thích.

Trừ đấu tranh: Gặp duyên nầy không thể trì được. Như trở xuống là kết chung. Theo đó có thể biết, giới thiện khắp hay không khắp là khác nhau mà thôi.

* (2) Kế là nói có thể trì, không thể trì. Như đối với loại chúng sinh này không thể trì thì gọi là không phải cảnh làm được, đối với loại có thể trì thì giáo lý là cảnh làm được.

Sớ chép: Người giết mổ giữ giới không giết hại thú rừng (tức cảnh làm được, người giết mổ đối với súc vật nuôi trong nhà là không phải cảnh làm được). Thợ săn giữ giới không giết súc vật nuôi trong nhà cũng là cảnh làm được. Thợ săn đối với loài thú rừng thì không phải là cảnh làm được.

Trong văn, khoa đầu hai câu trên hỏi, nghĩa là đối loại chúng sinh nầy đã phi năng sở, nay cũng duyên chung, hướng đến kia pháp giới có ý nghĩa gì? Ý hỏi như vậy.

Do trở xuống giải thông, cho rằng tâm không chỗ chọn lựa mới tương ưng.

Khoa kế, trong lỗi đầu, trước lặp lại chấp.

Thử trở xuống là khiển trách đoạt.

Câu trên chỉ lỗi. Chữ tổn là vết lầm. Y cứ theo số hợp tác tăng thêm. Hai câu sau nêu lý, nghĩa là sở năng sinh phi năng thì giới có bớt, phi năng sinh sở năng thì giới thêm, vì thế nói là xen nhau chuyển sinh.

Sớ chép: Như thợ săn giữ heo, dê thì khi chết đọa vào loài hươu nai thì giới bớt. Hoặc nai sinh trong loài dê thì giới thêm. Người đồ tể cũng vậy.

Trong lỗi thứ hai, nói như vậy nghĩa là lặp lại nghĩa thêm bớt ở trên. Tắc trở xuống là chỉ lỗi, do giới thọ xả đều nhờ nhân duyên, nay từ thêm bớt là trái với nghĩa giới.

Trong lỗi thứ ba, trước y theo nghĩa trên, nghĩa là giới tự thêm bớt không (nhờ) nhân duyên, nghĩa cũng có lỗi gì.

Ác trở xuống là chỉ cho lỗi, do tâm hại không cùng, tâm năng sở cũng không nhất định.

Sớ chép: Như thợ săn giữ giới không giết gia súc nuôi trong nhà, đi săn không được, trên đường gặp heo, dê tâm lại khởi sát, y theo đây có thể biết. Tâm đắc giới không cho một mảy may ác, muôn điều lành cao siêu, năm thừa khuôn phép, Thánh chúng khen ngợi cũng do đây.

* (3) Giải thích thêm bớt: Bộ Bà-sa hỏi tức bộ Câu-xá tự dẫn. Nếu như vậy: Lặp trước làm nạn. Trước nói xen nhau chuyển có lỗi thêm bớt. Nay nạn dầu khiến cho cùng khắp cũng không khỏi lỗi nầy, nên phải giải thích. Trong văn, trước y cứ phi tình (vô tình), có lỗi thêm bớt.

Chưa có nghĩa là như mùa đông thọ, mùa xuân sinh, giới có thêm. Có thời nghĩa là như mùa xuân thọ, mùa thu diệt, giới có bớt. Kế y cứ vào hữu tình chỉ có lỗi bớt.

Nhập bát tức chứng quả A-la-hán, nhập Bát Niết-bàn đây là y cứ về nguội thân nhập vô dư, không ở trong ba cõi thọ sinh, tức chúng sinh bớt.

Trong lời đáp, câu đầu là sự nghi ngờ của thế gian. Giới vốn ngăn ngừa lỗi quấy, quả nhân phiền hoặc của ba thừa, đã nghiêng về nghiệp quấy thì tán mất hẳn đâu dùng giới làm gì. Lại trong kinh luật nói Đức Như lai khi mới thành đạo cảm giới A-la-hán phá kiết sử, pháp trên đắc giới y cứ theo đây. Câu đầu vừa có quyết nghi lại có riêng, chung, văn trong nghĩa sao.

Cảnh không cùng tận: Kinh nói chúng sinh không cùng tận thì giới cũng không cùng tận. Đây là nêu chánh báo quyết gồm y báo, vì thế cảnh phi tình cũng vô tận.

Câu thứ hai là chung với nạn trước, còn lại nhân ba tướng mà có.

Tâm có lỗi là do hoặc tâm chưa dứt, vọng nghiệp theo đó mà khởi tâm độc, vì tâm chặt cỏ chưa dứt.

Câu ba, hai chung, phàm phu hiện cảnh cả hai đều còn.

Trong phần bốn khác nhau: Như bốn giới trọng đầu tên thì Tăng, ni giống nhau. Bốn giới trọng sau thì ni có, tăng không. Lậu xúc, khen nói lời thô tăng có ni không, tên giới khác nhau. Như tăng chuyển thành ni, lậu xúc, v.v... cảnh chẳng phải chỗ ngăn ngừa của ta lại không thể phòng ngừa, vì thế nói là đều dứt. Câu nầy nói dứt tức không giống như dứt trong dứt diệt ở trước, so sánh đó có thể biết.

Kế nói phi tình (vô tình), đầu là văn luận, y cứ Đại Thiên: Căn cứ

theo giới hạn của tông. Văn sau phần nhiều nói về pháp giới, lời nói kia dụ như chung. Nên lựa Đại Tiểu phân biệt rộng hẹp, ý nầy cần thiết, phải biết cho rõ.

Tội phước tức thiện ác. Trong thiện sinh, vả lại nêu vô tình. Bốn nghĩa như ở sau phối trong giới trở xuống là kết khuyên, rất dễ biết.

Trong ba cảnh là A-tỳ, cõi Phi tưởng, nêu trên dưới gồm nhiếp khoảng giữa.

Có thể, không thể, hoặc y cứ theo về ba đời có thể, tức hiện tại không thể, tức quá khứ, vị lai không thể.

Lại trong hiện tại năm đường cách nhau. Lại trong loài người xa gần không đến. Lại trong gần phàm thánh có thể chăng, v.v...

Cho đến ý lược nêu giới dâm và giới trộm cắp.

Như lai là chỉ riêng Đức Thích-ca, cũng phải phân nghĩa, rất lớn như cát sông Hằng.

Ba nhân duyên tức ba điều lành.

Hựu trở xuống là kết thúc khen ngợi.

Chung cho năm chúng: Vì cảnh lượng đồng.

Giới đức bình tức dụ cho thọ thể.

Trí luận chép: Người giữ giới không việc gì không được, người phá giới tất cả đều mất. Thí như có người thường cúng dường các vị trời để cầu giầu sang, các trời thương người này bèn cho một vật gọi là bình đức. Những vật cần thiết đều từ trong bình này hiện ra. Người đó được rồi, vừa ý mong muốn, cho đến mừng quá, bèn đứng trên bình nhảy múa, bình liền bể, các vật đều mất hết. người giữ giới cũng giống như vậy, các món diệu lạc không có nguyện nào không được. Nếu mừng tự buông lung thì cũng giống như người kia làm bể bình mất vật.

Đoan cũng có nghĩa là buông lung không giữ giới. Phước đức tức là vô tác.

Trong luận Minh Liễu, khoa đầu chia làm hai:

1. Dẫn luận.

2. Từ cứ trở xuống là kết thúc khen ngợi.

Trong phần một, trước dẫn văn luận, kế dẫn lời giải thích trong luận. Ở đây lại chia làm hai.

*1. Phối số bày đức: Trước giải thích danh nghĩa. Phước là nghiệp lành, biển tức thí dụ. Phá giới phiền não tức là nghiệp hoặc.

Sau từ đạo ngôn trở xuống là hợp số ba đoạn trước nêu giới số, chỗ dẫn luật giới đều do luận kia tự chỉ, xứ nầy đều không. Lại chỉ giới riêng của ni cũng y cứ theo luật kia, không thể dùng tông nầy suy xét.

Hỏi: Liễu luận là tông Chánh lượng, sao dùng giới số không y theo bộ kia?

Đáp: Hoặc sợ Chánh lượng giới bổn, Tông kia hai luật, lại sợ muốn hiển nhiều tướng nên dùng bộ khác.

*2. Từ mỗi giới trở xuống là dùng một lợi phối giới. Một giới có mười lợi, tổng số thành bốn ngàn hai trăm lợi.

Mỗi công đức trở xuống dùng mười hạnh phối lợi, một lợi có mười hạnh: 1/ giới thành một trăm hạnh, tổng cộng thành bốn mươi hai ngàn hạnh. Tín v.v...; là tín; 2/ tinh tấn; 3/ niệm; 4/ định; 5/ tuệ.

Thân miệng hai hộ chung cho tất cả giới, không thể phối với bảy chi.

Hựu trở xuống là nêu danh hiển đầy đủ nghĩa là danh (tên) vô nguyện hiển nghĩa đầy đủ.

Nói học xứ là chỗ y cứ của người tu hành (chỗ nương ở của người tu hành).

Trong phần hỏi: Luận dùng hai giới tăng và ni hợp thành bốn trăm hai mươi, nay y cứ theo một chúng thì không đủ phát ra bốn mươi hai ngàn hạnh, vì thế dùng đó để hỏi.

Trong phần giải đáp đầu cho rằng: Riêng một chúng thì thật không đủ, theo trước hai luật: tăng có ba trăm hai mươi mốt giới thì có ba mươi hai ngàn một trăm hạnh. Giới ni chỉ nêu số giới khác với tăng, không rõ bộ kia giới của ni nhiều ít bao nhiêu nên không phối sai (xưa ghi: dùng giới trong luật Tứ Phần để phối là sai).

Trong phần giải thích kế tiếp. Do tăng ni chuyển căn tức lẫn nhau nhập chúng lại không thọ lại, vì thế phải biết Tỳ-kheo một thể đủ giới hai chúng, ni cũng giống như vậy.

Bảy chúng nhiều ít, năm giới dẫn trong luận.

Trước nói hữu tình, tịnh trở xuống là nêu vô tình.

Trước sau: Tông kia năm giới hạn cuộc suốt đời, vì thế từ thiết trở xuống là chỉ chung cho năm pháp. Không tùy duyên cảnh có bớt đi, vì thế trong đây hữu tình và vô tình cùng luận. Ba thiện phối hợp riêng gồm mười giới, năm giới.

Trong phần y cứ nghĩa. Trước nói cảnh của hữu tình, đầu tiên là lìa cảnh dâm thì đối nữ sáu giới, đối nam năm giới.

Từ phát trở xuống là phối tâm độc.

Sau nói về vô tình. Nếu hữu tình và vô tình hợp số thì nữ có hai mươi mốt, nam có tám, đây là y cứ về đơn phối.

Y cứ khai bảy độc thì nữ bốn mươi chín, nam bốn mươi hai.

Trong tám giới chỉ hữu tình giống như trên. Cũng phối y theo nghĩa luận y cứ hai số khác nhau.

Vô tình có năm:

1- Uống rượu.

2- Đeo tràng hoa.

3- Ngồi giường cao tốt rộng lớn.

4- Ca múa hát xướng.

5- Không ăn quá ngọ.

Giới thứ nhất, thứ ba nếu hữu tình vô tình hợp số, theo luận thì được hai mươi bảy giới. Nghĩa y theo trước, đối nữ có ba mươi ba, năm mươi ba. Riêng y cứ bảy độc, đối nữ bảy mươi bảy, nam bảy mươi, rất dễ biết.

Trong mười giới: Trên chỉ cảnh đồng với tăng, dưới y cứ theo văn để chứng.

Văn luật tức là kiền-độ, đại tiểu đều trì.

Giới giới trở xuống tức hai bộ giới bổn.

Nêu Tứ Phần là chọn lựa tông khác không phải như vậy.

Bốn chi của Đa tông đồng với năm giới, tám giới ở trước.

Trong phần giải thích ngại, nói tướng nêu có mười, mà nói đồng như tăng là trái nhau.

Thử trở xuống là giải thích chung.

Trước nêu ý, bày tướng. Sau từ cố trở xuống là dùng giới Cụ túc, bạch tứ Yết-ma để so sánh.

Nêu mười bốn: Mười tức mười giới, đối ba quy y ở trước. Bốn tức bốn tội nặng đối một lần Yết-ma.

Trong giới Cụ túc, văn luận y cứ đơn phạm, cảnh sở đối của mỗi chúng sinh.

Bảy chi của thân và miệng là chỗ tạo nghiệp, trong giới đã cấm.

Ba độc tức tâm năng tạo là căn bản của nghiệp. Luận nêu hữu tình, vô tình ba giới, mỗi mỗi cũng như vậy.

Trong nghĩa tiêu chuẩn, trước lìa tâm độc, ba đơn như luận nói.

Trong phần xen khởi nói hai, ba, nghĩa là phức có ba: 1/ Tham, sân; 2/ Tham và si; 3/ Sân và si.

Đẳng phần tức đầy đủ một, chung ba đờn trên cộng thành bảy độc.

Người nữ trở xuống là lìa cảnh lỗi. Đối bảy nghiệp chỉ có dâm để lìa. Sở dĩ như vậy là vì như dâm một đường (một chỗ), các đường khác không nhiễm ô. Sát có bốn chỗ, giết bất cứ một chỗ nào cũng chết ngay,

vì thế không cần phân chia.

Bảy trở xuống dùng độc trải qua chi, dùng chi đối cảnh.

Trong mỗi chi đều có bảy độc. Đối cảnh của nam nữ hợp số sẽ thấy, hai câu sau trải qua cảnh vô tình thì không thể đếm.

Trong phần kết chỉ bày nói thiện sinh năm món gồm nhiếp giới cảnh. Chỉ nêu cảnh để so sánh pháp, nên nói rằng thí. Phi là thí dụ, tuyết dụ cho lý.

Hỏi: Trong phần nhiếp giới nói do Chư Phật chế giới, tướng kia chẳng phải một mà ở trước đối cảnh hữu tình chỉ nói bảy chi, nghi rằng kia chưa hết, nên mới nêu lời hỏi này.

Trong phần đầu đáp hết, phối chúng loại của giới văn nêu ra Đa tông, trong lời sớ của giới và nghĩa sao đều có dẫn ở. Đây dùng bốn giới trọng nhiếp tất cả giới, chủng và danh chung. Điều tướng của các thiên đều tự làm chủng, danh thì hạn cuộc. Chỉ y cứ tăng tàn trở xuống các thiên là thuộc chủng. Nay của chủng loại lại y cứ riêng đối. Chủng tức bốn giới trọng căn bổn vì khác. Loại tức chi điều của các thiên khác vì sinh. Dầu có vô lượng cũng không ngoài bốn giới nầy.

Phần kế đáp không hết, câu đầu lập nghĩa; dĩ trở xuống là giải thích lý do. Sát (giết) đánh khác: Chỗ ngăn ngừa lỗi khác (sớ ghi: nặng nhẹ khác nhau).

Có thể ngăn ngừa khác: Đối trị hành khác.

Cố trở xuống là dẫn chứng.

Kia nói đầy đủ rằng: Trừ mười nghiệp lành và mười nghiệp ác (hóa giáo nghiệp đạo), thiện giới (chế giáo bảy chi) ác giới (tức không luật nghi) lại có chỗ không thuộc nghiệp giới: Nghĩa là pháp thiện ác (đây là y theo lời ký xưa đã dẫn). Nay trong lời sao lược nêu giới thiện ác mà thôi. Y theo văn của kinh nầy thì dùng căn bổn ngăn cách phát ra nghiệp giới, có thể chứng minh (xét biết) rằng bảy chi không thuộc về giới khác, vì thế nói rằng: Cho nên biết v.v... Hai câu nầy nếu lấy sự ngẫu nhiên đối hợp thì nói là bảy chi thuộc về căn bổn, hoặc không sửa câu trên thì câu dưới phải là thuộc về chủng loại nghiệp giới, văn này rất thuận tiện.

Nay trong giới bổn, bốn giới trọng ở thiên đầu và giới nói hai lưỡi, nói lời mắng nhiếc trong chín mươi pháp Ba-dật-đề thì bảy chi giới, ngoài ra đều thuộc về nghiệp giới (xưa ghi là sát, vọng Đại thừa, Tiểu gọi là bảy chi, nhiếp chín giới là sai. Nay nặng nhẹ cũng khác nhau, làm sao nhiếp nhau được.

Hỏi: Y cứ theo chỗ giải thích này thì lẽ ra không lập chủng loại

hay sao?

Đáp: Hai lời giải thích trước sau đại khái chẳng khác, lập riêng nghiệp giới gồm thâu chủng loại, phần nhiều thấy vọng giải nên ở đây giải thích tỉ mỉ.

Trong phần tác câu, trước về căn bổn chủng loại, gồm thâu các giới nhưng cùng nghiệp đạo có xen lạm nhau, vì thế phải phân biệt.

Câu "câu đầu sau ba" tức là nói tham, sân, tà kiến hóa giáo ngăn cấm nên gọi là thiện, luật không chế nên chẳng phải giới. Bốn phần trọng duyên đồng nhau mười nghiệp có thể xếp vào giới. Nếu theo giới Bồ-tát thì mười nghiệp thiện đều là giới, như ở đây cần phải biết.

Trong câu thứ ba, trước nêu tướng. Dĩ trở xuống là giải thích cả hai.

Không hẹn kỳ: Hiển bày việc lành ở đời không nguyện thể, trái lại gọi là yếu kỳ thọ thể. Nhưng sau như thể mà tu.

Hỏi: Trong giới nghi, trên nói giới thể cùng khắp, có một ít xen lạm luật nghi nên phải phương tiện.

Đáp: Trước cùng nghĩa lược chia ra.

Diễn dụ như cùng khắp. Dùng luật để huấn pháp, pháp tức là khắc chế, thường khiến không khởi không đợi đối việc. Giới là dạy cấm. Cấm tức đối lỗi. Phòng cấm là công, quyết phải đối cảnh, cả hai đều có tướng nên cùng gọi là nghi (luật nghi).

Như trở xuống là nêu thiện ác.

Phần nêu bày lại có hai: Thiện và ác, tìm văn xem sẽ hiểu.

Trong phần giới hành, khoa đầu nói hai giới nghĩa là thị hiện nghĩa tùy giới, phương tiện nói thông, vả lại y cứ về trí xa lìa đối trị.

Trong phần chánh giải thích, văn đầu trước y cứ về pháp mà nói. Yếu kỳ tức tận mạng, dứt ác là nghĩa thể dứt ác. Từ là duyên cảnh cùng khắp, tâm thương xót, hợp hai tâm nầy thành một nguyện tức thọ thể.

Xưng nguyện là hợp với yếu và tư ở trước, tức nghĩa thuận theo.

Thí trở xuống y cứ về dụ hiển: Trước nói lo liệu cung điện nhà cửa, dụ cho cầu Thánh đạo. Sau dụ thọ tùy, rất dễ biết.

Doanh cấu là tạo lập nhà cửa.

Trong phần cần thiết lẫn nhau

1. Nêu bày xen nhau thiếu:

- Trước nói thiếu tùy. Hán lộ là dụ không điều lành nào mà che giấu. Tệ nghĩa là chết khốn đốn, dụ cho trôi lăn trong đường ác.

- Sau nói thiếu thọ. Tùy sinh tử nghĩa là chỉ là thiện thế gian, không phải nền tảng của đạo.

Lại hạn cuộc hẹp nghĩa là duyên cảnh không cùng khắp, vì tâm

ác còn. Xuyên du nghĩa là đào tường, khoét vách. Do không có sâu bên ngoài nên trong nhà đó bị đào khoét. Đây ý nói không chịu ngăn ngừa tuy có tu hạnh lành mà trở lại bị trần nhiễu loạn làm mất gốc lành, như bị kẻ trộm đào tường khoét vách trộm lấy hết tài sản quý báu.

2. Từ ắt trở xuống là nêu sự cần thiết lẫn nhau.

Trong lời hỏi:

*1. Nói cần thiết lẫn nhau, công kia một đồng, chiêu sinh cảm quả phải có thân sơ, nên phải hiển bày.

Trong lời đáp, trước đối hiển thân sơ. Hai câu trên nói thọ sơ. Ắt trở xuống nói tùy thân. Do đàn tràng ban đầu thọ đốn khởi nguyện suông. Đối cảnh ngăn ngừa, y cứ vào tiệm tu thật hạnh. Hành là thành nhân, nhân có công năng cảm quả, vì thế Nghiệp sớ chép: Căn cứ theo thực hành, có thể khởi tu sau, không y cứ nguyện suông đến chiêu cảm quả vui. Song hai pháp thọ và tùy quyết phải cần nhau. Nhưng sự dẫn sinh công lực có mạnh yếu, cảm quả hoàn toàn từ thọ sinh. Thọ tuy nguyện suông nhưng hoàn toàn làm cơ bản cho tùy. Đây là ngăn ngừa phát hạnh, thì thọ mạnh tùy yếu. Khởi tu chiêu cảm sinh thì tùy mạnh thọ yếu. Văn dạy dùng cho người học, cần phải biết.

*2. Từ cố trở xuống nêu bày hình tướng, có ba:

-1. Tướng thành tùy. Một thọ đồng là nêu trước sau. Phương tiện là trí đối trị. Nhập hạnh tâm là chỉ bày hai trì thành nghiệp xứ. Ba thiện thể là nói nghiệp tánh. Thời nói, v.v... là nêu bày quyết phải tu. Do đó, biết cảm quả công ở tùy, luống thọ không trì thì không có lợi ích.

-2. Từ nhược trở xuống nói lỗi không tùy răn dè khen ngợi: Công, nghiệp thâm sâu, phạm tội nặng sẽ dẫn đến tội lớn.

Chẳng bằng không thọ là ý khuyến khích rất tha thiết, không được lui sụt.

-3. Từ thị trở xuống là kết dạy bảo. Nói người tu hành là dặn dò chung cho đời mạt pháp sau nầy. Khiến khéo biết là lời răn dạy phải học rõ ràng tỉ mỉ.

- Phải biết từng giáo (từng lời dạy) đều có khai, chế.
- Phải biết từng hạnh (mỗi hạnh) có thuận, nghịch.
- Phải biết từng nghiệp (mỗi nghiệp) có thiện, ác.
- Phải biết từng quả (mỗi quả) có khổ, vui.

Phải rõ bốn điều này mới nhiếp tu được.

Nghiệp tánh, v.v...: Như đã nói ở trước. Thuận trì, trái phạm, thiện ác, nhân quả đều như lý nghiệp, không luống, dìm che hay tâng bốc, khiến sinh lòng tin, vì thế nói rõ ràng.

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 1 - 4)

Phần bốn của phần một quyển trung.

Giới tướng chính là bổn thiên. Tướng có hình dáng, nhìn có thể phân biệt được. Trước nói giới hành chỉ thuật công năng. Kế nói giới thể chỉ luận về nghiệp tánh. Sau nói giới hạnh lược nêu nhiếp tu. Nếu không phân biệt được tướng thì ba món pháp, thể, hạnh, một món không hiểu làm sao rõ được ba ư?

Pháp không có pháp riêng khác, ngay nơi tướng là pháp.

Thể không có thể riêng khác, tướng chung là thể, hành không có hành riêng khác, tướng thành là hành.

Vì thế người học đối với một môn nầy phải nghiên cứu kỹ càng. Song tướng sở tại chỉ nêu giáo thuyên, nói đại lược tức hai trăm năm mươi thiên tụ khác nhau. Trong mỗi thiên danh chủng khác nhau. Trong mỗi danh chủng có phạm, không phạm. Trong mỗi phạm có nhân quả, nặng nhẹ, phạm duyên, chung riêng, nêu cốt yếu chỉ bày tướng không ngoài nêu duyên, duyên tuy có nhiều ít mà không ngoài tâm cảnh. Tội không có tự thể, phải nương duyên mới thành, không cảnh thì không khởi, không có tâm thì không thành. Nếu hiểu được ý này thì thông hiểu tất cả, rõ ràng như chỉ trong lòng bàn tay. Còn lại như trong văn.

Trong phần nêu bày ý, đầu tiên nêu tướng rộng khó trì. Có cảnh nầy tức nêu bày kia cùng khắp.

Duyên: Hoặc chỉ cho cảnh trên, hoặc y cứ tâm duyên.

Miên dụ như xa, vì chung cho quá khứ, vị lai.

Hằng tức cùng khắp, vì cùng khắp pháp giới.

Nhiếp tâm man: Phàm tâm yếu kém thì vâng giữ khó.

Nay trở xuống là nói bổn văn hiển bày cốt yếu, có ba điều khác nhau:

1- Người tụng thường nghe.

2- Văn tướng có y cứ.

3- Điều khác nhau không xen lẫn.

Tự trở xuống là ngăn nghi ngờ. Sợ cho rằng giới tướng đã rộng, chỉ giải thích giới bổn thôi thì trì phạm do đâu mà thông hiểu, vì thế ở đây giải thích.

Chuẩn liệt là y cứ ở đây, nêu tất cả loại kia thông hiểu, tương thừa là kia nối tiếp đây, khuôn mẫu chẳng khác. Nếu rõ suốt giới bổn thì muôn cảnh đều như vậy.

Hiểu một ngàn nên nói rằng sự hiểu biết cạn mỏng, v.v...

Thiên mục: Thiên tụ, đều tên ở thiên trước đã giải thích. Trì phạm gồm nghĩa rộng, ở sau nói rằng: Đây là chép riêng những điều khác nhau, hiển thẳng hành tướng. Xưa nay giảng giải, lệ dùng san định giới bổn. Thường thêm chú thích, bèn dùng văn sao chép giải thích giới tướng, điên loạn Tổ thừa, làm mờ tối người học, sau đây là tệ lâu nay, khó mà hiểu dụ. Nay lược chỉ bày, người có sự hiểu biết thì không vội phế bỏ.

Sao là tông sao, kia giải thích văn. Tựa chép: Nếu văn dài mà giải thích rời rạc thì ít thảo luận, quyết tùy tướng phân chia những chỗ khúc mắc thì quá phiền toái. Nay lại dùng tông sao giải thích văn giới, rất trái với ý chỉ của sao, đây là điều sai lầm thứ nhất.

Hàm chú giới bổn tự có giải thích hoàn toàn y theo bổn văn. Thường không đổi khác. Tức tựa giới chép: Nay y theo luật bổn chép đủ chánh kinh, vẫn theo lời Phật giải tức lời chú thuật ở đây. Nhưng do dịch truyền lời còn thuần chất nên vẫn san định, chuyên giúp cho việc tụng trì. Đối với luật giải thì nghĩa giống mà văn khác, vì thế phải biết chú thích, phải y theo văn xưa, nếu chỉ tụng trí thì hãy y theo san định. Nay thì hai bổn đều chú thích, rất trái ý Tổ. Huống chi dùng lời bóng bẩy cạn thấp mà vô ngại tham khảo lời Thánh, làm hỗn loạn khoa điều, lộn xộn chân kinh, mù nói ú ớ, đâu biết tự lầm, đây là điều sai thứ hai.

Lại chương ghi đến đây, nhập vào tựa giới văn khoa giải thích. Đến sau giới điều lệ chia làm hai: Một là giới bổn, hai là văn sao. Vả lại, khoa này văn thuộc giới bổn, thuộc văn lời sao. Đây thì khoa đoạn xen nhau tham khảo, cả hai không có chỗ nhiếp, rất trái với thể thường đồ biên soạn, đây là điều sai thứ ba. Lại dùng lời sao giải thích giới đâu phù hợp, vả lại như ở giới đầu nói rằng cộng giới, đồng giới không xả giới, v.v... Nay lời sao nêu thẳng cảnh duyên, không hề có một từ tương đối, tuy gượng phối khoa mà hoàn toàn trái nhau, đây là điều sai thứ tư.

Lại hàm chú giới bổn y theo lời Phật, chú thích rõ ràng, lại có ng-

hĩa sớ, văn giải đầy đủ, phải học rộng mới hiểu hết được trước sau.

Nay dùng lời sao giải thích giới, kia thành vô dụng. Tức nay luật ít thấy truyền thông là do đây. Huống chi ăn cắp văn sớ làm lời chú giải của mình, văn không bày hết nghĩa, chẳng hoàn toàn, tuy muốn tìm tòi nghiên cứu cũng thành luống uổng. Phải như văn sao giải thích giới, sau lại soạn lời sớ để làm gì, đây là lỗi thứ năm. Nay lược trách năm lỗi trên, rất nhiều không tiện nêu ra. Nay bỏ hết chẳng xét văn sao, chỉ trích toát yếu bổn duyên khiến biết đầu mối. Hoặc văn lược nghĩa dính mắc thì dẫn sớ để thông. Hoặc các bộ xen nhau trái nghĩ thì trích dẫn so sánh, đối chiếu, để biết yếu chỉ diệu thức phạm duyên, đây chính là cương tông của giải thích tướng, là then chốt của trì phạm.

Giới dâm (Đức Phật ngự tại thành Tỳ-xá-ly. Lúc bấy giờ, Tu-đề-na xuất gia, về lại thôn xưa, đã cùng vợ cũ hai lần làm việc bất tịnh, nhân đây Đức Phật chế giới. Luật Tăng-kỳ nói giới dâm mùa đông năm thứ năm mới chế, ba giới còn lại mùa đông năm thứ sáu mới chế.

Trong phần nêu, chia làm ba: Nghĩa chung văn riêng.

Nói nghĩa chung là tất cả các pháp chúng học, mỗi giới đều như vậy, văn có lẽ thiếu nhưng nghĩa đầy đủ.

Nói văn riêng: Là tùy mỗi giới cảnh duyên khác nhau.

Một chỗ phạm là chọn cảnh riêng.

Hai thành phạm là tâm cảnh hợp.

Ba không phạm là tâm cảnh xen nhau nên thiếu.

Lược trở xuống là chỉ rộng. Muốn nêu bày chỗ này không liên quan đến nghĩa chương. Thiên sau lược, vì thế nêu lời sớ. Thích danh chế ý, nghĩa môn khai chế, xưa nay giải thích nghi riêng, đều khác văn kia. Nay phần nhiều không dẫn, hoặc khi cần soi chiếu nhau, có sao giải thông tướng văn, không có ý khác.

Về phạm cảnh, khoa đầu trong luật Tăng-kỳ hai câu đầu chỉ quả vị lai, hai câu kế nêu hiện tổn.

Nói có thể sợ là quở trách sự tham muốn, kinh chép: Nhan sắc của người nữ là gông cùm, xiềng xích của thế gian, phàm phu luyến ái không thể dứt bỏ. Nhan sắc người nữ là hoạn lớn của thế gian, phàm phu vì đó đến chết không khỏi. Nhan sắc người nữ là suy hại tai họa, phàm phu gặp nó không tai ách nào mà không đến.

Người tu hành đã lìa được nó, nếu cố nhớ lại thì đây là từ địa ngục ra, lại nghĩ muốn vào lại.

Lại nói rằng: Tướng của người nữ như con ong, tâm người nữ như nọc độc. Thí như vực sâu nước trong mà con thuồng luồng ở dưới đó,

hang báu ở núi vàng mà sư tử ở trong đó, phải biết đây là thứ độc không thể gần gũi.

Bại chánh là lập việc công chánh. Nếu mê muội nhan sắc người nữ thì không thể thành tựu được, tức kinh chép: Trong nhà không hòa thuận là do phụ nữ, hủy tông bại tộc là tội của người nữ.

Hủy đức là tu thân lập hạnh, hoặc mê đắm nhan sắc người nữ thì đều táng mất, tức kinh chép: Phàm phu coi trọng sắc đẹp sẽ làm tôi tớ cho nó, suốt đời rong ruổi theo nó thì sẽ bị nó làm cho đau khổ.

Bộ Tịnh Tâm Quán chép: Tham sắc là kiêu căng, tham tài là bỏn sẻn. Đã kiêu căng lại bỏn sẻn thì dù có đức bao nhiêu cũng không đủ để quán sát.

Nhiễm trở xuống là chế gấp. Song tâm hành vi thô tế tình không biết. Dầu biết chế giới chế ngự còn khó, huống chi mờ mịt thăm thẳm, không bao giờ được thanh tịnh giải thoát, nên quán sát cảnh hiện tại để xem xét tâm cuồng vọng, hoặc xoay vần hồi đầu, hoặc tha thiết chú ý, hoặc nghe tiếng đối lời, hoặc hít thở duyên căn, tuy chưa giao thân đã thành nghiệp dơ uế. Bậc Đại thánh đã hết lòng chế ra, tin đó không luống uổng. Tha thứ là cội gốc của các điều khổ, là căn bản chướng đạo. Đây là dùng những thứ tánh hôi tanh làm thân thể, hoàn toàn dục nhiễm để làm tâm trôi lăn trong biển sinh tử, đâu có biết phản tỉnh. Giao kết trong lưới căn trần, thật khó trốn khỏi. Phải tự xót thương, phải nên gắng gỗ, hoặc quán thân bất tịnh như túi phân, hoặc xét cội gốc dâm dục thật chỉ là tiện đạo, hoặc duyên hình tượng Phật, hoặc niệm danh hiệu Phật, hoặc tụng chân kinh, hoặc trì thần chú, hoặc chuyên nhớ nghĩ thọ thể, hoặc nhiếp niệm ở tâm, hoặc thấy sinh diệt vô thường, hoặc biết do thức chuyển biến, tùy tâm chỗ đến dùng sức mà trị, mặc tình theo tánh trôi lăn thì khó có thể cứu được.

Trí luận chép: Giới sát sinh trái não tội nặng vì sao trong luật lại xếp giới dâm đầu tiên, nên ở đây thông suốt, văn có hai nghĩa:

- Y cứ nghĩa đắm nhiễm. Nếu nói về trái não (sai trái xúc não) thì sát sinh nặng dâm dục nhẹ, nếu nói về đắm nhiễm thì sát sinh nhẹ, dâm dục nặng.

- Y cứ nghĩa chướng đạo, do chướng đạo tham dục là nặng.

Pháp Tỳ-kheo: Phân biệt với Bồ-tát nhiều kiếp độ sinh không chuyên tự lợi, vì thế giới Đại thừa thì sát sinh trước, dâm dục sau, giới tà kiến không giống như vậy, do đó trái lại dâm trước, sát sau. Nhưng nay chỗ dẫn chỉ nêu tội nặng mà thôi.

Khoa kế có bốn:

- Nêu cảnh tướng có ba:

*1. Dùng thú nhiếp. Lời chú thích chép, v.v... tức là Tu-la, địa ngục bốn hợp làm một.

*2. Y cứ theo quả báo có ba, gồm sáu đường trên.

*3. Y cứ về xứ cũng có ba, chung cho ba báo.

- Từ thử trở xuống: Định phần chừng của phạm, văn nêu bốn tướng hai sinh hai tử khác nhau, có thể biết. Như mao đầu: Chỗ đoạn phạm.

- Từ luật trở xuống: Không khai nghi tưởng. Luật chép: nếu đường mà tưởng là đường, hoặc nghi, hoặc không tưởng là đường đều phạm Ba-la-di, văn nêu súc sinh, còn các đường khác (địa ngục, ngạ quỉ) cũng giống như vậy.

- Từ dư trở xuống: Chỉ bày khác, kia y cứ về căn tiết luận về giới hạn của phạm tội: Miệng phải qua răng, hai đường qua da. Luật nầy nói chừng đầu sợi lông vừa vào liền phạm tánh trọng, gấp không cần đợi qua.

Giới sớ chép: Cực vi còn phạm huống chi cái khác, chính là ở đây.

Trong phần ba, trước nêu tình chấp. Hai câu trên nói đầu kia đã biết. Cập trở xuống là nêu kia chế trọng. Hỏi phạm nghĩa là hỏi giáo pháp. Y cứ trở xuống thuật lại sự ngu muội kia, ở đây có bốn lỗi:

1- Sinh nhàm chán không muốn hỏi.

2- Không tôn trọng sinh tâm khinh khi, chê cười.

3- Không tin, nghi ngờ không phải lời Phật nói.

4- Không có chánh kiến cho lời nói này là quái lạ.

Cố trở xuống là dẫn khuyên răn. Pháp sư tức luận chủ, ghi chép giới này. Trước y cứ về lặc, trong văn có ba:

- Ngăn các tình.

- Từ sinh trở xuống là dạy quán sát. Sinh hổ thẹn, khắc mình tự trách. Người ngu ở thế gian ai có thể phản tỉnh, thân làm việc dơ uế nào có biết phản tỉnh việc sai trái này, và nghe giáo pháp lại sinh kinh ngạc. Nếu ông không ưa nghe thế sao lại không làm? Nếu ông đã làm, sao lại không thích nghe, đây là do không biết môn đại bi, tạng Tỳ-ni. Hoàn toàn nêu ra nghiệp ác của chúng sinh, nếu biết được nghiệp thì đâu cần dạy. Than ôi! Phàm phu ngu muội mê lầm điên đảo đến như.

- Từ chí trở xuống: Khiến quán thắng cảnh, trước quán lòng từ của Phật. Hựu trở xuống là quán đức của Phật. Nhược trở xuống là quán giáo pháp của Phật.

Có chê cười trở xuống là nói lập chế.

Trong tướng phạm, khoa đầu là do tự mình tạo, người khác ép ngặt tướng phạm có khác nên nêu hai duyên.

- Y cứ hướng về cảnh nói duyên, do vốn có tâm nên cứ hỏi thân nói phạm.

- Y cứ vào cảnh hợp để nói về duyên, đã khai cho thân giao nên y cứ tâm nói phạm.

- Duyên thứ nhất, trước nêu tướng phạm, kế chánh nêu duyên. Bên trong cách nghĩa là dùng vật trong căn để ngăn cách. Văn luật nói bốn câu đều phạm:

1- Có cách, có cách (kia đây đều có).

2- Có cách, không cách (đây có kia không).

3- Không cách, có cách (đây không kia có).

4- Không cách, không cách (kia đây đều không).

Luật Thiện Kiến chép: Đối với ba đường của người nữ hoặc dùng lá cây, hoặc áo, hoặc da thuộc v.v... tùy theo vật dùng để ngăn cách.

- Duyên thứ hai. Lời chú thích nói vân vân tức trong phần không phạm tất cả không có ý dâm, tâm si, cuồng loạn, v.v...

Trong phần kẻ thù ép ngặt, trước nêu tướng có hai: Một là mình dâm người khác, hai là người khác dâm mình. Khai tâm khỏi nạn, chế tâm hộ thân, gặp dâm còn dễ giữ, thường là rất khó. Tự chẳng phải huân tập tịnh tâm đã lậu, rất sợ không tránh khỏi hình phạt. Thiện trở xuống là chỉ bày cách giữ tâm. Xưa nói rằng nữ căn nên sinh tâm đắm nhiễm, nay cho là rắn lửa phải sinh tâm nhàm chán sợ sệt, do tâm tùy theo cảnh chuyển nên phải như vậy.

Trong phần phân biệt:

+ Khoa đầu, trong lời hỏi, trên nêu bày nghi hỏi, dưới từ như trở xuống là chỉ bày tướng đùa giỡn. Song hai đường đại tiểu khó nói đùa giỡn, nên chỉ y cứ đường miệng để nói.

Trong phần đáp, trước nêu tâm dâm, tức giới xúc chạm giải thích ý dâm. Sau từ tinh trở xuống nói đoạn phạm như trong Điều bộ nói. Có một vị Tỳ-kheo tu hạnh khất thực thấy đứa bé nam căn dựng lên bèn để vào miệng mình, Tỳ-kheo nầy sinh nghi bèn bạch Phật, Phật nói phạm tội Ba-la-di. Luật Ngũ Phần trở xuống là dẫn chứng, thì chung hai phán. Nhân có Tỳ-kheo để nam căn vào miệng rắn, sinh nghi bạch Phật, Phật xử đoán như văn.

Để vào như đầu sợi lông giống như tông nầy.

Không đùa giỡn tức có tâm dục, giống như chỗ phán ở trước. Thọ thích cũng vậy, là nói theo Tỳ-kheo.

+ Kế trong luật Thập Tụng, trước nói về đùa giỡn, đều y cứ vào đường miệng, xem phần dẫn ý kia giống như phạm ở trước, lại giống như hiển bày khác nhau, người học phải rõ. Đường miệng đồng như Già luận, hai đường (đại, tiểu tiện) đồng như hai luật Tứ Phần, Ngũ Phần.

Trong phần kẻ thù ép ngặt có ba:

1- Nêu tướng phạm có hai: Trước nói bức mình tạo cho người khác. Trong luật chỉ y cứ lúc mới vào có cảm giác ưa thích. Nay y cứ ba thời chung trước sau.

2- Nhược trở xuống là y cứ bị người khác gây ra cho mình. Văn y theo luật dẫn. Không nói rằng ba thời là y theo lời giải thích ở trước. Nãi trở xuống là nói trong có vật cách, bốn câu giống như trước, vì gây ra cho người khác hay gây ra cho mình đều đồng phạm.

3- Dạy phương pháp đối trị.

Trong hoại cảnh, trước nêu phạm, sau từ thử trở xuống là phân biệt xen lẫn, do cảnh chung hai giới, phạm tùy tâm riêng, nên phải phân biệt. Văn lại chia làm ba:

+ Ở đầu chỉ cho phạm vi của giới.

+ Hai từ nhược trở xuống là y cứ theo tâm phân biệt xen lẫn ở trước, sau từ do trở xuống là hiển bày giới nay. Chỉ cho giới sớ: Luật kia hỏi: Thây chết bị hư hoại một nửa thực hành việc nhiễm phạm tội gì?

Đáp: có hai duyên: Nếu chú trọng về việc dâm, ý nhập liền phạm Thâu-lan-giá, dầu xuất bất tịnh hay không đều phạm tội Tăng tàn. Nếu ý muốn ưa thích như trong luật Thập Tụng, Ngũ Phần, cho đến trong xuất bất tịnh, thì phạm Tăng tàn, không xuất chỉ phạm Thâu-lan-giá.

+ Ba: Từ cố trở xuống là dẫn chứng. Chặt đầu tức loại một ít. Chết là chưa hoại, đồng kết tội trọng ở trước, nhưng dẫn nặng chứng minh nhẹ, văn dường như không hợp. Chỉ do luận kia đã y cứ tâm dâm, có thể chứng ý không phải Tăng tàn. Ở đây y cứ giới dâm kết tội Thâu-lan-giá.

Trong phần giáo tha (dạy người khác), trước nói tăng ni, hai tội Thâu-lan-giá, Đột-cát-la, đều kết năng giáo, sở giáo có thể biết. Nói chung bốn giới trọng, năng giáo khác nhau. Dâm thì ở trước người, vọng thì danh lợi ngăn che, hai phạm đều nhẹ, sát và trộm hai giới tổn hại cho mình và người, năng sở đều nặng.

Kế chỉ bày ba chúng, tội chỉ một phẩm.

Trước nói năng giáo. Sau từ tác giả trở xuống phân biệt sở giáo.

Trong phần chú thích, chỉ bày chung trở xuống nói các tướng phạm bất luận tương giáo (dạy nhau).

Trong phần không phạm có ba:

1- Khai cho vô ký.

2- Khai cho đối trị. Hiểu biết, gặp ép ngặt cũng thuộc ở đây.

3- Khai cho không cố ý. Như trên đùa giỡn không phải tội nặng.

Lại nói, tất cả đều thuộc về các duyên.

* Giới trộm: Lúc bấy giờ, Đức Phật ngự tại thành La-duyệt, Tỳ-kheo Đàn-ni-ca ở chỗ vắng làm nhà bằng ngói để ở, Đức Phật bảo phải phá bỏ. Đàn-ni-ca bèn lấy cây gỗ của nhà vua, vua và các quan quở trách, do đây mà Phật chế giới.

Sớ chép: phi lý mà tổn là trộm, công khai lấy là cướp. Sợ chủ biết là trộm, đều thuộc về trộm, nên đặc biệt nêu ra.

Trong phần nêu ý:

1- Nêu tướng có giữ gìn:

- Câu một gồm nêu tánh giới
- Câu hai hạn cuộc y cứ theo bộn tội Ba-la-di.
- Câu ba riêng hiển bày trộm ngày nay.

Gồm khinh trọng là tội chung Ba-la-di, Tăng tàn, Thâu-lan-giá, Ba-dật-đề.

2- Từ cố trở xuống: Y cứ các văn nói lên sự khó. Trước chỉ bày luật, luận. Luật Tăng-kỳ giải thích giới trộm có liên quan đến quyển thứ năm, luật Thập Tụng thì quyển thứ tư, luật Thiện Kiến quyển thứ ba. Sau từ hữu trở xuống chỉ lời sao khác, không rõ người nào.

3- Từ chung trở xuống, sinh trở xuống là những điều trình bày. Câu trên xét các văn trước, câu dưới nêu khoa sau.

Trong phần giải thích cảnh phạm:

- Nêu cảnh: Sáu trần, sáu đại thu nhiếp tất cả. Như trở xuống là tự giải thích.

- Từ Nhược trở xuống là nói thiếu duyên, có hai:

-1: Nêu riêng tướng thiếu. Hai câu trên và dưới cảnh đoạt đều gọi là cảnh thiếu, không phải súc vật thay thế nên gọi đoạt. Nói duyên khác nhau, là xen thiếu không nhất định, hoặc dứt tâm, vật dời chỗ khác, việc trước bị cách ngại, v.v... Nói tưởng nghi là thiếu tâm. Đối với người và vật, tưởng có ba: Tưởng vật của phi nhân, súc sinh, không có chủ. Nghi cũng giống như vậy.

-2: Tuy trở xuống kết chung không có tội.

Thường xem văn dường như kết cảnh thiếu, nhưng y cứ thêm tâm thiếu. Cảnh tuy nhất định, nếu đang lúc làm không tưởng hoặc nghi chứa vật, tâm không tương đương cũng không phải cảnh trộm. Cố trở

xuống gồm chép: Tuy có bổn tâm phương tiện, nghiệm không phải chế riêng. Phương tiện tức Thâu-lan-giá, rộng như thiên sau có nói.

Trong phần hỏi đáp riêng, nêu tướng có bốn:

- Luật Thiện Kiến nói theo người và nhà, Tây Vực cũng vậy. Nước nầy vật thuộc về quan thì không phải vô chủ.

Luận Bà-sa có hai.

- Có thể dùng.

- Nên y cứ theo nước loạn, vật không có chủ, cũng không có quan giữ, lấy không có tội.

Đối tướng tức đối xứ nầy làm cương giới.

- Tức trở xuống.

Theo thế tục khiến: Sợ là luống khiến, đã không khiến chiếm tức không sở thuộc, nên không có chủ. Nhược trở xuống là nay xếp vào gia công. Chiếm cứ thành có chủ.

Trong tướng phạm, văn trước y theo sớ chỉ có năm duyên, nay không phải duyên thứ năm.

Kia hỏi rằng: Nay giới trộm nầy duyên không phương tiện là sao?

Đáp: Hao tổn tài của gọi là trộm, liền thành tội nặng không cần phương tiện, vì sợ xen lẫn. Dầu có phương tiện cũng không nói, phải biết, chưa lìa về trước đều thuộc về phương tiện. Nay lời sao không giải thích, ý cũng có thể biết. Bao gồm duyên phạm không ngoài tâm và cảnh. Một, bốn tức cảnh; hai, ba, năm là tâm; Trong sáu gồm hai vì tâm và cảnh hợp.

Trong duyên vật của Tam bảo, trước chọn tri sự.

- Câu trên khoa đầu, nghiệm xét vì sao nói trước. Nhược trở xuống là nêu ý. Như sau tức trong phần xen dùng và chiêm đãi.

- Khoa kế: Hai kinh hợp dẫn văn vì lý đồng.

Trước nêu khó giữ gìn. Vật của tăng có chủ dùng hoặc cho đều tội, vì thế nói là khó giữ. Phật pháp không có chủ, dùng hoặc cho người, lại cũng khó.

Ngã trở xuống là phân biệt người:

- Trước lựa bậc Thánh, văn nêu trước sau. Quả thứ hai, quả thứ ba vì sao không nói, hoặc có thể biết. Vì thế, hoặc y cứ hai quả, hoặc cùng tận.

- Kế từ cho nên liền trở xuống là phân biệt phàm phu. Trước là người biết nhân, sau là người sợ quả. Hoặc có thể trước phân biệt tinh tấn thọ trì, sau cho sám hối tội phạm.

Không bị vết thương dơ bẩn là dụ có thể lìa lỗi.

Trong phần răn dạy, đầu là chỉ kinh trước; nhân trở xuống là chế tội. Thời nay, người học luật xâm tổn vật của chúng tăng đã nói ở trước, không biết nghiệp nhân, không sợ quả báo khổ, xem lời dạy bảo từ bi nầy không biết cẩn thận giữ gìn, thì đọa vào địa ngục không thể cứu được.

Trong phần trộm dùng chia làm bốn môn: Ba môn trước không nói về vật của Tam bảo, một môn sau chỉ nói về vật của chúng tăng.

Môn đầu là vật của Phật. Khoa đầu chính nói đồng với phi nhân: Nếu y cứ phi nhân ném quăng mà lấy, không đâu chẳng phải là của ta, chỉ vọng làm người.

Nay điện tháp linh nghi đồng như tượng thần, nên được nêu là đồng.

Trong phần dẫn chứng, trước nêu lệ chứng, văn như ở sau dẫn.

Khoa kế là dẫn văn chứng minh.

Nói: "Không hỏi mà lấy tức là tướng trộm".

Biết là biết pháp mà cố trái phạm.

Không biết nghĩa là ngu muội (mê mờ) giáo pháp mà phạm. (Xưa nói: Đại thừa y cứ theo cảnh để phân biệt là sai, Ở đây là hạng ngu si phạm Ba-la-di).

Nói phạm tội Thâu-lan-giá: chính Đức Phật kết. Dầu có chủ cầm, kinh nầy không bàn. Nhưng tội danh tuy nhẹ nhưng theo nghiệp thì nặng.

Trong phần hướng về chủ, văn đầu cả hai đều xếp vào có thể hiểu. Thí chủ tức là bổn chủ.

Kết tội: Y cứ sau phạm Ba-la-di. Trong Ni sao cũng chép: Kết tội nặng (có chỗ nói phạm Đột-cát-la là sai).

Trong phần dẫn chứng, văn đầu kia nhân ngài Ưu-ba-ly hỏi Phật, sao dẫn lời Phật đáp. Sao chép: Đàn Việt cúng thí chùa tháp, đoạn phước của thí chủ kia thành khí tổn bất thọ (Ba-la-di dịch là khí tổn, tổn cũng là khí, bất thọ là bất cộng trụ = không ở chung).

Dẫn Ngũ Bách Vấn hỏi rằng: quét đất trên tháp Phật, đem đất này bỏ có tội không?

Đáp: Được bỏ, không được dùng làm việc khác. Dẫn lời nầy dường như cho là tổn phước.

Kế trong phần chứng, trước nêu chứng, biết phi nhân tội chung cả hai kết. Phật cũng đồng. Kế luật Thập Tụng và Thiện Sinh ở dưới đều là hiển văn.

Phật-đồ là tiếng Phạm, hoặc gọi là tháp cũng dùng để cất chứa di thể Phật (xá-lợi-phật), tùy theo người gọi mà có tên.

Trong phần sở dĩ từ chỉ như sau trở xuống là nói không giữ gìn thì có nghĩa là thường.

Trong phần trộm cúng dường:

* Phần đầu hai văn không khác nên hợp dẫn.

Nói tịnh tâm là không phải nghiệp trộm, tự trở xuống là nêu tướng tịnh tâm.

Văn kế, trước là Già luận kết tội trái với trên.

Sau dẫn luận Bà-sa quyết định, đã là chuyển bán, nói không có tịnh tâm cúng dường nên phạm.

Nhược trở xuống là nói vật khác có thể chuyển bán, lại quay về Phật dùng.

* Trong phần chánh trộm thứ hai: Phần đầu nói Đức Phật là hữu tình có thể đồng phi nhân, pháp thì không phải như vậy, chỉ hướng đến cầm giữ là phạm.

Trong phần dẫn chứng, hai luật Tứ Phần và Ngũ Phần y cứ tính giấy mực, nói chung hai chủ, luật Thập Tụng và Già luận nói hộ chủ.

Trong phần tổn hoại y cứ theo luận, ở đây có hai đoạn:

Đoạn một, hỏi rằng: Trên kinh có bụi đất dơ uế có được thổi không?

Đáp: Không được thổi, nếu thổi phạm tội xả đọa.

Đồng với trên tượng: Lời sao nghĩa chuẩn, rõ trong luận, ý sợ xúc chạm dơ uế, khinh mạn kinh pháp, phải dùng vật sạch phủi đi, không được dùng miệng thổi nên chế tội mà thôi.

Nhược trở xuống là dẫn đoạn sau, kia hỏi: giới luật không dùng bị rơi rớt, có thể đốt được không?

Đáp: Không được, nếu không biết đốt có tội mà đốt thì phạm tội xả đọa (nay nói phạm tội nhẹ là đây). Nếu biết đối có tội mà cố ý đốt thì phạm quyết đoán (tức Thâu-lan-giá, nay nói nặng là đối với tội đọa trên), cùng với phương tiện phá tăng đồng (vì hoại pháp), cũng như đốt cha mẹ. Theo đây, thì lại hướng về vô chủ mà nói, quyết là có chủ, lý từ trên phán (phần nhiều lầm giải cho nên dẫn đủ để giải thích).

Xưa chép: Nếu đốt kinh cũ thì phải để chỗ sạch, trước nói hệ pháp do nhân duyên sinh. Nói đã đốt là truyền lập, biết xuất xứ từ văn nào, dẫn lầm đời sau bị tội nghịch nặng.

Sớ chép: Có người không biết đốt, hủy phá khinh, nay ta hỏa tịnh nghĩa là nói được phước, đây là vọng suy lường. Nửa bài kệ xả thân

chép trong kinh. Hai chữ dứt hoặc cũng nêu trong chánh kinh, đâu được thiêu đốt, sẽ mất phước kia. Theo đây nói răn dạy đủ để nghiệm việc trước là sai. Nếu có tượng hư, kinh bị mọt ăn thì có thể chôn chỗ sạch.

Trong phần ba, chống cự phạm Thâu-lan-giá, đây là kết phương tiện. Nếu tâm quyết dứt thì sẽ đến quả tốt.

Trong phần bốn, trộm chép thần chú, đây không phải thuộc loại kinh giáo và pháp. Đây là y cứ người khác tham giữ tính nhất định phạm.

Trong phần hỏi, như trong Đa luận trước cùng nêu lời hỏi.

Trong phần đáp có hai:

1- Y cứ vào thể tụng để phán.

2- Từ nhược trở xuống y cứ lẫn nhau nêu quyết thông.

Trong phần đầu nói tâm xa kính là sắc tướng quá khứ, vì ý có thể duyên.

Chấp văn đọc là sắc trần hiện tiền vì ý có thể đối.

Dầu có thể mờ tụng cũng dung vong.

Cố trở xuống là chứng thành. Kia chép: Có ba thứ cúng dường:

1- Hiện tiền cúng dường được công đức lớn.

2- Không hiện tiền cúng dường được công đức đại đại.

3- Cùng hiện tiền không hiện tiền cúng dường (hoặc mắt quán hoặc tâm duyên) được công đức tối đại đại, đây gọi là Bồ-tát tự cúng dường.

Nay lấy nghĩa thứ hai để chứng nghĩa trên.

Trong hai tức nghĩa chủ trong lời sao quyết ở trong văn, đã hạn cuộc chỗ y cứ, nghĩa thì thông. Vì thế, phải biết Phật pháp đều có thông và bít.

Trong tăng vật, khoa đầu kết cả hai.

Vọng thủ hộ là người khác trộm. Chủ tự trộm thì có thể biết. Sự tiếp dùng, dùng lẫn nhau v.v..., hoặc không chủ cầm, người khác cũng đồng. Trên chung bốn món, dưới hạn cuộc thứ nhất.

Trong phần giải thích nêu vật của tăng tuy nhiều nhưng nhiếp hết trong bốn món:

1- Thuộc chỗ thường định, không thể phân phán nên lặp lại hai lần.

2- Tuy hạn cuộc xứ, tùy người chia thức ăn, nên nói mười phương.

3- Người hạn cuộc số người hiện tiền, vật theo đó mà chia, nên nói cả hai.

4- Vật tuy chia, nhưng người không nhất định, Yết-ma ngăn y cứ nên gọi là mười phương.

Ước danh định thể, vật chia làm bốn thứ khác nhau. Như trở xuống là tự nói, trong phần giải thích riêng về thường trụ:

1- Phân biệt vật thể, lời sớ thêm gạo lúa, ngũ cốc, tương, rau, thức ăn v.v... các vật đều thuộc ở đây. Dĩ trở xuống là đoạn phạm. Như luận tức bộ Thiện Kiến dẫn luật Tăng-kỳ.

Lời chứng nói dầu tất cả nhóm họp, sợ cho rằng giới hiện tại không thể chia cùng khắp mười phương, nhóm họp thì có thể chia. Trong phần hai nói mười phương, ở đầu là phân biệt thể. Sớ chép: Như cơm, bánh v.v... vật hiện chín, vốn giống như mười phương tác tướng đồng với thức ăn ở đây. Có nghi thuốc, đậu là vật chín, xếp vào mười phương: Nay dùng ý chia hai, bất luận sống chín. Nhưng giả sử chưa nhập hiện ngày cúng tăng: Đều quy nhiếp về trước, như chứa để muối, tương,... đây là thường trụ thường trụ, nhập vào dùng hằng ngày, tức mười phương thường trụ.

2- Thể trở xuống là đoạn phạm. Đồng cọng là chủ và khách đồng tâm không cầm lấy. Mắc tội nhẹ nghĩa là tội Thâu-lan-giá.

Sớ chép: Do phần nghiệp của tăng không đủ năm tiền.

Hỏi: Thường trụ thường trụ cũng không đủ năm tiền sao lại phạm tội nặng?

Đáp: Chia không chia khác nhau, nặng nhẹ khác nhau.

Trong phần dẫn tông, khoa đầu chép: Luật Tăng-kỳ: Chứa thức ăn không phải của mình phân chia, luật Thiện Kiến cho là năm thứ giặc, đều gọi là trộm pháp cầu lợi. Vì thế nói rằng: Người không có phạm hạnh tự xưng là phạm hạnh thọ của tín thí gọi là tên giặc nguy hiểm nhất.

Tỳ-kheo tội ác trộm pháp của Tỳ-kheo hiền thiện, cầu tiếng tăm lợi dưỡng, đây là tên giặc nguy hiểm thứ hai.

Chê bai bậc Hiền thánh, trộm pháp của bậc Thánh, đây là tên giặc thứ ba.

Lấy vật nặng của tăng đến cho người tại gia được vừa ý họ, đây là tên giặc thứ tư.

Tên giặc thứ năm như trong lời sao dẫn.

Đoạn trước phạm Thâu-lan-giá: Lời chú nói cùng trộm, trong văn chỉ nói lấy dùng giống như của mình.

Đoạn sau phạm tội nặng, lời chú nói có chủ: Văn nêu tâm trộm.

Mẫu luận đồng, cho nên không dẫn.

Trong phần không làm tướng, hai đoạn trước sau không nói tên tội. Chú văn đều cho là Thâu-lan-giá vì không đánh chuông hoặc kết chủ cầm, hoặc chung cho chủ, khách.

Kế nói trong chùa, ý nói không có chủ, cũng do không tác tướng, phạm y theo tác tướng, lý được bàn nói.

Trong phần ba không nêu tướng vật. Sớ chép: Như ngày nay các người thế tục cúng dường tăng, bất luận là y phục, thuốc thang, phòng xá, tọa cụ đều đồng với hiện tiền tăng. Văn chung cho hai chủ. Bổn chủ tức là thí chủ.

Trong phần bốn, trước nêu vật thể, văn nêu một tướng, hoặc đàn việt cúng đúng thời, phi thời đều thuộc ở đây.

Thiện Sinh trở xuống là xử phạm, có ba đoạn:

1- Chưa Yết-ma: Y theo sau chia y, tọa cụ nêu ra hai pháp. Y cứ sau giao phó phân chia do định giới hạn.

Lời chú nói phạm Thâu-lan-giá là đồng với mười phương thường trụ ở trước. (Xưa chép: Kết tội vô biên Thâu-lan-giá, y theo giới sờ Ni Sao chỉ nói phạm Thâu-lan-giá. Nếu phạm vô biên thì không kết nhiều ít, trở thành nói suông, ở đây không có chỗ nêu ra, chỉ giảng giống như truyện mà thôi).

2- Lời chú nói phạm Ba-la-di, có người nói rằng: Gồm hướng đến hiện tiền tăng trộm năm tiền phạm tội nặng, trái với thường trụ thường trụ ở trước. Lại nói: Hiện tiền có một trăm vị tăng thì trộm đến năm trăm tiền mới thành tội nặng, ít hơn thì phạm tội nhẹ.

Hỏi: Bỉnh pháp Yết-ma rồi liền giao cho vị có năm đức, đây đồng chủ cầm, vì sao không kết tội?

Đáp: Đây là y cứ vào việc đưa vật chính là lúc tác pháp. Như vậy phải có tri sự coi giữ, lẽ ra từ người giữ kết tội trọng. Sau giao cho vị năm đức khiến vì tăng mà chia, hiện vật thuộc về tăng thì không phải cầm giữ.

3- Từ nhược trở xuống nói dặn dò. Đã dặn dò người khác, không hướng về tăng mà kết. Trong phần y cứ mất vật, dặn dò không nhất định, lại đồng như vật của tăng, như trên đã phán.

Trong phần nêu bày riêng, khiển trách vọng;

- Văn nêu kiền-độ phòng xá. Kia nhân Đức Thế tôn từ nước Ca-thi cùng với năm trăm người đến nước Kỳ-liên, ở đó có bốn vị Tỳ-kheo, trước phân vật của tăng thành bốn phần (một là già-lam phòng xá, hai là bình, nồi nấu, ba là giường nệm ngọa cụ, bốn là vườn cây, hoa quả). Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đến trụ xứ bạch Phật, nhân đó Phật

chế, như trong lời sao đã dẫn.

- Kia chấp văn, trong luật nói trộm vật của tăng không phạm tội nặng, hoặc có người trộm liền đoạt lấy. Y cho rằng: Trong luật không cho đoạt vật của giặc vì đoạt (lấy) sẽ thành tội nặng. Đã không thành tội nặng thì đoạt không có tội. Thử trở xuống là khiển trách kia kém cỏi, văn của các bộ thấy ở khoa sau.

- Ở đầu, ý chung của luật trước kết tội thâu-lan-giá. Kế từ nhược trở xuống y cứ văn khác quyết thông vọng chấp. Luật Thiện Kiến như trước dẫn, luật Tăng-kỳ cũng vậy, luật Ngũ Phần càng rõ hơn, kinh Đại Tập hóa giáo nên đồng như nghiệp nghịch, tội nặng có thể biết.

Trong phần nêu lỗi. Văn đầu, là hai câu trên suy tội nặng; tùy trở xuống nêu tướng khinh. Phàm thánh trong mười phương đều gồm thâu năm chúng, ba thừa, nhân quả.

Mỗi mỗi kết, nghĩa là không cho là nhiều tội, chỉ một tội Ba-la-di, ở đây hướng về nhiều cảnh, vì thế nói là mỗi mỗi mà thôi. Cố trở xuống là dẫn văn trình bày.

Tứ Phần nói vua Bình Sa cúng vườn cho Đức Phật, phu nhân Mạt-lợi cúng y cho Đức Phật. Đức Phật đáp đồng như vậy.

Tăng có hai hạng: Một là Yết-ma tăng, hai là Ứng cúng tăng. Đức Phật không nhập tăng bỉnh pháp mà đồng tăng, thọ thí cho nên nói rằng "ta ở trong số tăng".

Khoa kế, đầu dẫn văn kinh, đặc biệt nêu trọng nghịch để bày cực ác.

Ta không cứu được nghĩa là do oai thần Phật không thể gia thêm, nên không phải xả khí.

Dư trở xuống chỉ cho sơ lược. Nhật tạng phân cụ chép: kinh đại Phương Đẳng Nhật Tạng, phần thứ hai chép: Phật bảo vua Tần-bà-sa-la: Tướng phá giới, cái gọi là không thích cúng dường Tam bảo, Hòa-thượng, A-xà-lê, cũng không tin trọng, cho đến thường tham lợi dưỡng, danh lợi, tiếng tăm, v.v... cũng trộm các thứ vườn, rừng, ruộng, nhà, tôi tớ, voi ngựa, lạc đà, trâu, lừa, v.v... đây là tướng phá giới không biết hổ thẹn, dùng tâm trộm cướp lấy vật của tăng cho là của mình, những người này sẽ bị những vị Tỳ-kheo đúng pháp đuổi ra khỏi chúng, nếu không chịu ra khỏi chúng thì nên báo với Quốc vương có thế lực đuổi ra khỏi chúng, nếu vua không đuổi thì các vị Tỳ-kheo đúng pháp im lặng bỏ đi.

Truyện Tăng Hộ vốn gọi là kinh, tức nói Tỳ-kheo Tăng Hộ dạo chơi ở bờ biển thấy các việc ở địa ngục. Truyện ấy chép: Tỳ-kheo Tăng

Hộ đến một ngôi chùa nghe tiếng kiền chùy, vào phòng tăng thấy tăng hòa tập, bính bát, tọa cụ, người, phòng xá đều lửa cháy. Lại vào phòng tăng thấy các Tỳ-kheo ngồi trên giường lửa, dùng móng tay rạch thịt đến gân, cốt tủy ngũ tạng phát ra như lửa cháy. Sau đó, Tỳ-kheo Tăng Hộ trở lại Kỳ-hoàn bạch Phật. Phật dạy: Lúc đầu thầy thấy chùa chính là địa ngục, vì vào thời Đức Phật Ca-diếp, người xuất gia đối với vật của bốn phương tăng không đánh kiền-chùy mà im lặng cùng nhau dùng, do nhân duyên nầy phải chịu khổ trên giường lửa. Việc ông thấy lần thứ hai, chùa cũng là địa ngục, vì vào thời Phật Ca-diếp, người xuất gia được đàn việt xây dựng chùa, bốn thứ cần dùng đầy đủ, đàn việt muốn đánh kiền-chùy, các Tỳ-kheo không đánh, vì thế các Tỳ-kheo đến sau không được ăn uống, nay phải chĩu quả khổ trên giường lửa. Từ khi Đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn đến nay phải chịu quả khổ như vậy, đến nay vẫn chưa hết, hai kinh nói rất rộng sợ phiền không chép ra, xin xem trong bộ “Nghiệp quả hạnh nghi cải Tích” sẽ rõ.

Trong phần ba, nói rằng: Thiếu nợ vật của Phật, trả thế nào?

Đáp: Trả lại vật củ (y theo vật củ mà trả lại, sau nêu lý do rằng), do vật của Phật không xuất nhập nên không trả, tuy như vậy nhưng vẫn đọa địa ngục. Tiếp dẫn nhân duyên rằng: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, có một Tỳ-kheo tinh tấn, thông minh, có khả năng nói pháp, khiến người nghe chứng được bốn đạo quả (do đây nên gọi là Tam Tạng Pháp sư), vì vị tỳ-kheo này làm hạnh bất tịnh với một người nữ Bà-la-môn. Lấy vật của Phật, Pháp, Tăng dùng thỏa thích, tính đến một ngàn muôn tiền (nay là một muôn tiền), sau đó đến nước Sa-khư xin được vật muốn trở về trả lại. Đường đi về nước cũ khoảng chừng bảy bộ (bộ bằng năm thước, chỉ đơn vị chiều dài thời xưa), biết nọc độc của rắn đến bộ thứ bảy sẽ bị chết, trong phạm vi sáu bộ liền hướng về đệ tử phân xử bồi thường vật, rồi bảo đem về bổn quốc để bồi thường nợ cũ, đi tiếp đến bộ thứ bảy liền bị chết đọa địa ngục A-tỳ. Lúc mới vào ngục gọi là Ôn thất chưa bao lâu liền phát tiếng lớn tụng kinh chú nguyện, địa ngục nghe tiếng chú nguyện đó mấy ngàn người được độ. Ngục tốt dùng xoa sắt đánh đập, chết đi được sinh lên cõi trời Tam thập tam. Nay văn lược nêu toát yếu nên nói: Dầu bồi thường, v.v...

Hà trở xuống là tác giả lời sao răn dạy kỹ càng nên trích dẫn đây để chứng minh rằng dầu có bồi thường (trả lại) vẫn đọa vào địa ngục để nói lên quả báo nhất định phải có, người nghe phải rất răn dè. Thế nhưng cũng có kẻ ngu tự khoe khoang diễn giảng rằng: Ta đọa địa ngục cũng sớm được ra, nhưng vị Pháp sư tinh tấn thông minh kia khiến người

được đạo, lại tự bồi thường, thời nay ai được như vậy, nêu ra các ví dụ, ở đây thật không rõ ý của Tổ Sư dẫn, người học sau nghe nói phải mau ngăn ngừa. Đối với vật của Tam bảo phải kính cẩn giữ gìn, xa lìa. Nếu vọng kiêu căng đem ý mình giảng nói sẽ chuốc lấy ương họa, Đức Phật không thể cứu, huống chi người khác.

Hai, là xen nhau dùng bốn môn từ rộng đến hẹp, đầu tiên xen nhau có thể biết, hai là đương phân: Riêng y cứ một ngôi báu, vì luận đây kia. Ba là tượng bảo: Riêng y cứ kia đây vì phân ra sự lý. Bốn là mỗi mỗi: Riêng y cứ trong sự vì vật loại khác khác, tùy giải thích tự thấy. Đầu, trong phần nói chung, trước nói Phật chế.

Ma-ma-đế là tiếng Phạm, tức người Tri sự. Nghĩa là không phạm: Do kia có tâm tốt không nhập vào của mình. Vị trở xuống là chỉ tướng xen dùng. Kia do tháp Phật không có vật, chúng tăng có vật bèn lấy vật của tăng sửa chữa tháp Phật, vì thế ở sau chỉ văn rộng, đại lược như trên. Kế là trong phần nói thông bít thọ dụng vật, văn đầu có ba tiết:

- Trước nói Phật pháp không xen nhau, văn nêu hai nghĩa: 1/ Không chủ; 2/ Không thể bạch.

- Từ không đồng trở xuống là phân biệt vật của tăng khai thông câu đầu hiển khác, trái với hai nghĩa trên, nên nói là không đồng. Sở dĩ trở xuống là nói xen nhau, có hai:

-1. Tăng riêng xen thường trụ, chiêu-đề.

-2. Chung cho Phật dùng, vật của tăng sửa chữa tháp, đây phải dùng pháp bạch hòa, đều xen nhau sai.

- Từ nếu Phật trở xuống là chỉ bày ý không khai. Văn nêu vật của Phật, còn vật của Phật, còn vật của Pháp y cứ đồng.

Khoa kế, câu đầu y theo kinh. Phật trở xuống là nói không hợp. Nhược trở xuống là nêu bày tạm khai sau dẫn giới, văn rõ biết. Phật ở trong phòng tăng có thể chứng tạm an không ngại.

Trong phần ba, trước nói chiêu-đề sợ không rõ tướng kia nên đặc biệt hỏi. Trong phần đáp, đầu tiên dẫn kinh hai tiết:

- Dẫn ngài A-nan chuyển thí, danh tướng rất rõ.

Sớ chép: Hàm thí chiêu-đề tăng phòng, cái gọi là cúng thí riêng phòng đây, nghĩa là thí chủ bố trí phòng cúng cho mười phương tăng riêng tự cung cấp không liên quan gì đến chúng tăng thường trụ, vì thế có hòa mà không có riêng phòng nên gọi là chiêu đề thường trụ.

- Dẫn người nữ Am-bà cúng thí, tức con gái của vua Tần-bà-sa-la dùng bình bằng vàng dâng Đức Phật. Trong thành Tỳ-xá-ly có vườn hoa rất đẹp, đều dâng cúng Phật, đây là khu vườn đầu tiên cúng dường Đức

Phật nên gọi là đầu tiên.

Văn sau quyết phán nói không rõ: Nghĩa là chỉ nói cúng dường khu vườn mà tướng không hiểu rõ.

Y cứ theo đây, v.v... nghĩa là vì trong vườn ắt có phòng nhà hoa quả, v.v... các vật nên chia hai.

Tăng man: Lời sao nay lấy nghĩa hoa quả kết thành tràng, lời sớ chép: Trong kinh nói vật Tăng man (tên này xuất xứ từ kinh Niết-bàn) đây là âm Phạm. Theo đời Đường nói là vật đối diện, tức là cúng vật hiện tiền đối diện. Sao dẫn lời giải thích xưa, nghĩa là hoa quả tùy chữ hiển tướng, trái với sự nghĩa (văn sớ). Theo kinh nầy vườn được cúng dường nói chiêu-đề chỉ là riêng phòng chỉ nhà mà thôi.

Trong phần bốn, đây dường như nêu nghĩa tạm an, nhưng văn không liên tiếp nhau. Luận ấy hỏi: không phải phòng nhà của Phật, tượng Phật có thể ở trước đó ngồi ăn, nằm được không?

Đáp: Được ăn, như Phật còn tại thế vẫn được ăn trước. Phật, huống chi tượng mà không được. Được nằm nhưng phải ngăn che. Nay chỉ dẫn văn nằm, kia không nói tướng tội. Nay nói không phạm vì Phật đồng chỗ, phạm tội nhỏ.

Trong phần người chứa để chỉ nói hai ngôi báu là Phật và Tăng, còn Pháp thì đồng.

Trong phần ruộng vườn, khoa đầu trong Đa luận có bốn đoạn:

- Đất của tăng không hòa Phật không được dùng, có hòa thì được.

- Từ nếu tăng trở xuống là nói vườn hoa quả của tăng được cúng dường cho Phật dùng. Nói "phân hành được" nghĩa là riêng người đã chia, vì thế nói không chừng hạn nghĩa là có dư thừa.

- Từ cố trở xuống nói ruộng vườn lẫn lộn, khai cho không thành.

- Từ riêng thuộc trở xuống là nói dùng nước có được không? Thuộc tháp nước: Hoặc là ở đất của tháp hoặc chỉ thuộc tháp dùng. Tháp công lực tức sửa chữa tháp, người coi sóc thì được. Luật kia nói rằng: Nếu sửa chữa tháp thuộc về người coi sóc thì nêu bán nước này, tiền bán nước thuộc về tháp, không được dùng làm việc khác, nếu dùng thì phải tính tiền. Nay chỉ lược nói rằng tăng dùng thì phạm tội nặng. "Nếu đạo do Tăng trở xuống", kia chép rằng nếu tháp không có người sửa chữa thì tiền đó do tăng dùng (nghĩa là không có người coi sóc, tức rõ ràng công do tăng được, vì thế tùy tăng dùng).

"Quán hạn trọng", ở đầu nói hoa không cúng dường Phật như trên. Hoặc đã nhập vào mình, hoặc có dư thừa.

Cố nhược trở xuống là nói trái cây cúng tăng.

Vỏ cây trở xuống nói tạp vật khai riêng.

Vỏ cây, lá cây, v.v... lý được thường dùng.

Nói không cần bạch: Trước đã được pháp tức đồng bạch. Cố trở xuống là nói sửa chữa tháp, tức thông Phật dùng vì tác pháp khai cho.

Luật Tăng-kỳ có ba:

- Nói lấy củi chung cho hạn cuộc.

Ôn thất tức nay là nhà sưởi.

Lấy khô ráo là giữ gìn hư hoại.

- Từ nhược tăng trở xuống là nêu phương tiện lấy cây, hoặc tăng cần dùng, hoặc ở chỗ có hại vì có hai duyên nầy nên khai lấy dùng. Cá, thịt, tro bụi, nước đặc sinh trong cây là chỗ rất kỵ, khiến tịnh nhân phải biết, làm cho sạch sẽ.

- Nhược ruộng tăng trở xuống là khai cho chuyển dời.

Trong luật Tứ Phần, đầu dẫn nêu bày. Cố trở xuống là y cứ quyết định. Đầu nói Tam bảo thông và bít. Kế từ nhược trở xuống nói chung tùy dùng. Luật Thiện Kiến nói cất giấu trong lòng đất, của Tam bảo lại trở về Tam bảo dùng, vì thế không có tội. Ngược lại tự vào lấy thành tội trộm. Nếu không phải đất của Tam bảo như người vật không có tâm ngã sở, không giữ gìn hướng về chủ thành phạm.

Trong phần văn dạy, đầu là lập van trước, tức luật Thập Tụng nói cho Tỳ-kheo dùng, luật Tăng-kỳ nói cúng phòng riêng.

Thử trở xuống là nói có thể được chăng, ở đầu chọn cho dùng.

Nói giới cụ túc là thành tựu tự hạnh.

Ưng pháp tăng là thâm nhập các pháp.

Kế từ nhược trở xuống là nói không được, trái với hai hạnh trên, chỉ cho kinh trước.

Chứng là các kinh Phương Đẳng, Đại Tập, v.v... lại dẫn truyện, tức Cao Tăng Truyện. Truyện này chép: Chùa Linh Nham ở Tề châu có một vị tăng qua đời, thấy Bồ-tát Quán Thế Âm cầm cái hộp bằng đá ghi các tội của vị tăng nầy. Gồm những tội lấy cây, lá, củi, v.v... của tăng. Khi vị tăng nầy sống lại liền trình bày đầy đủ trước chúng.

Tư trở xuống là nêu lý do.

Hữu trở xuống là trình bày răn dạy tin pháp hướng về đạo gọi là có tâm.

Gắng sức nhiếp tu gọi là Hạnh.

Tự ẩn là khiến tự xem xét mình.

Tham thủ là khiến biết rõ giáo pháp.

Trước dẫn kinh luật hoãn gấp xen nhau xem, lượng đức đủ thiếu tùy nương theo mà dụng.

Trong phần phân chia giải thích, trước nêu Tam bảo.

Đại Phẩm tức kinh Bát-nhã.

Giai trở xuống là quyết đoán phạm tội, lý có thể chung là Đức Thích-ca, Đức Di-đà đều là quả nhân. Kinh Bát-nhã, Niết-bàn đều nêu chánh duyên. Phòng nhà, xe cộ đều là thường trụ vì của thường trụ.

Trái tâm cúng thí là trái với bổn nguyện.

Trong văn không nêu tên tội.

Chuẩn trở xuống là nêu luật Thiện Kiến, lại cúng tượng kia. Luật Thập Tụng nói trộm đem cho chùa khác đều phạm tội Đột-cát-la.

Luật trở xuống là dẫn chứng:

- Dẫn giới vật của tăng, y cứ theo luật thì phạm tội Đột-cát-la.

- Luật trở xuống là dẫn luật ni. Tỳ-kheo-ni ở chỗ trống nói pháp cho cư sĩ nghe, họ cúng tiền xây nhà, luật kia nói: Nói pháp tùy chỗ đều được. Nay lại đem số tiền đó may năm y, thí chủ biết được chê trách, do đó Đức Phật chế giới, ni phạm Ba-dật-đề, tăng phạm Đột-cát-la. Hai văn đều chứng là trái với tâm của thí chủ nên phạm.

Trong phần vật của Phật pháp:

* Khoa đầu, trước nói kinh tượng xưa nay dùng lẫn lộn, nói đều trái là trái tình, tức trái với tâm thí ở trước. Trái lý tức trước sau đều khác, nói lên tội nặng kia. Cần phải đồng trở xuống là phán, kế là từ bổn tạo trở xuống nói kinh lẫn nhau chân ngụy. Trong văn hai lần chép là chỉ chung Tạng lục (chép trong tạng), nghĩa là nhập vào lục này, kinh là chân kinh. Nhân trở xuống là phán phạm, phước trở xuống là chỉ bày lý do phạm.

* Khoa kế là nói khám tức là tháp. Có chủ nghĩa là có người giữ gìn, (bảo vệ) không chủ nghĩa là không có chủ quản riêng.

Trong phần ba nói vấn thông, như người cúng dường tiền tài dự định xây dựng điện, không nhất định ở chỗ Phật, Sư tức là Phật; đồ là đệ tử Bồ-tát. Ngựa trâu, v.v... các vật đều không phải chỗ thích nghi của Phật nên không chung.

Người phi nghĩa là trừ bộ hạ của Thần vương. Còn lại không hợp: Đều gọi là phi nghĩa. Ngũ trở xuống là dẫn chứng, đầu tiên tội nghĩa là dùng riêng. Trừ cúng dường: Khai ban đầu thông, dẫn đây quyết đoán trên chỗ dùng thích nghi; cũng được làm đó. Kia lại hỏi: Vật của Phật được làm, còn tượng trời, người, người đời, súc sinh có được làm không?

Đáp: Ở bên cạnh tượng Phật được làm.

Trong phần vật của tăng, khoa đầu có hai đoạn:

1- Nói lẫn lộn vật của tăng.

2- Từ muốn cúng trở xuống là nói lẫn lộn vật của Phật.

Trong phần một lại có hai:

- Đầu nói lần lượt xen nhau. Dự định cúng vườn, hoa quả, v.v... nghĩa là thí chủ cúng vườn, hoa quả, nêu lên tài lợi cúng tự sự cho tăng, chủ là phân chia thức ăn. Ở đây nói thường trụ thường trụ tức hiện tiền hiện tiền, mà có tâm trộm nên phạm tội nặng.

- Kế dự định làm các vật nặng, phòng tăng, tiền bạc, vật báu v.v... trở lại (sắm) thức ăn cho tăng: Thường trụ thường trụ nầy là mười phương thường trụ, nhưng không nói rằng tâm trộm, hoặc thức ăn của tăng có thiếu, chỉ do không hòa tăng mà dùng nên phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhược trụ trở xuống là nói khai lẫn nhau giữ gìn trụ xứ. Hòa tăng cho nên ban vườn, hoa quả, ban đầu trở lại (sắm) thức ăn.

Nãi trở xuống nói khai cho đổi hiện phòng sắm thức ăn. Nhược trở xuống là nói đổi phòng sửa chữa phòng. Giặc trở xuống là nói tạm dời lương thực.

Trong phần lẫn lộn vật của Phật kết tội Đột-cát-la. Vì lẫn lộn sắm kia đây trái với tâm của thí chủ.

Đệ trở xuống là chỉ rộng. Sách nêu rất nhiều không thể chép ra hết được, cần thì tìm xem.

Khoa kế, đâu tiên dẫn luật Thập Tụng, Già luận kết tội Đột-cát-la. Kế là luật ộ Tăng-kỳ kết chung vì khỏi ra khỏi giới.

Trong phần Tạp dụng, khoa đầu dẫn luận có ba môn.

- Nói cung cấp chưa độ, luật ấy chép: Bạch tăng thì được, không bạch tăng phạm tội đọa.

- Từ nhược trở xuống nói giữ đạo. Nói tranh luận phải bồi thường là y cứ khi đem đi trước phải khởi tâm trả lại, nếu không như vậy thì lìa chỗ liền phạm. Vì tăng xin còn như vậy, nay phần nhiều là vì mình, lấy vật của tăng chế tội tuy đồng, quả báo khác nhau.

- Từ nhược trở xuống là nói ăn dùng

Cúng gạo cho tăng thì thuộc của thường trụ thường trụ, trước sau được ăn, tác tướng thì khỏi tội. Y cứ theo trước không tác tướng kết tội thâu-lan-giá, nay nói phạm tội nặng, đây là trộm lúa gạo của tăng, không phải trộm thức ăn (xưa nói thức ăn chính phạm Thâu-lan-giá, luận nói phạm Ba-la-di, vì thế biết là sai). Nói ăn một lần: Luận kia kết

phạm do lấy một lần ăn làm giới hạn, nhưng ăn không giới hạn thì cho phép tính.

Trong phần nghĩa quyết định:

* Khoa đầu có hai:

- Nói không bạch quyết định phạm: Đầu tiên lặp văn trong luận trước; từ suy trở xuống quyết định phạm. Tuy có đánh chuông nghĩa là sợ cho rằng trong đạo tác tướng không có tội. Dĩ trở xuống nêu lý do phạm, luật trở xuống là lệ chứng. Trong bốn món giới, thức ăn thì đồng, pháp khác, như trong phần kiết giới đã nói.

- Từ nếu là trở xuống nói bạch rồi khỏi tội. Sau chỉ chỗ y cứ, văn như đã dẫn ở trước. Kia nói hòa thêm bớt nghĩa dùng, xem xét đối chiếu có thể biết.

* Khoa kế nói chùa trong: Xứ riêng, vật chung, không nhọc gì phải hòa pháp.

Chữ "cai" trong phần năm là phản ma, nghĩa là xay giã gạo.

Trong phần ba, tức như người thế gian mang theo tôi tớ và súc vật đến chùa khác, dùng vật thường trụ. Văn có hai:

1- Nói riêng có phạm tội nặng, Dĩ trở xuống là chỉ bày ý phạm.

2- Từ tăng gia trở xuống là chọn tăng: Kết tội nhẹ, kia đây kết chung. Nhưng không bạch nên lại phải kinh doanh đồng như việc Tăng. Tuy nói rằng tăng bộc tư, can cũng nặng, thời nay thiền giảng đâu không tránh điều này, thật đáng thương xót.

Trong phần ba tượng báu nêu lẫn nhau, Tam bảo có bốn:

- Một là thể (chúng sinh tâm tánh có đủ tánh giác, nghĩa quỹ trì hòa hợp, nên ở đây hạn cuộc Đại thừa).

- Hóa tướng (pháp Tứ đế của Đức Thích-ca).

- Lý thể (năm phần pháp thân: Diệt đế, Niết-bàn, học, vô học, công đức).

- Trụ trì (hình, tượng, kinh điển).

Hai vị trên thì bất luận, vị thứ ba, bốn đều chung đời sau (đời Mạt pháp).

Tâm thí không đồng nên quyết phải phân biệt xen lạm, nhưng tên gọi Tam bảo liền thông, nay lại y cứ hạn cuộc, tượng tức trụ trì Tam bảo thuộc về lý tánh.

Khoa kế trong phần hỏi chung, y cứ về hóa tướng Phật dùng vặn hỏi lý Phật. Một người chia: Vì ứng cúng đồng tăng. Một đại phân: Vì Tam bảo khác, văn đáp, đầu tiên y cứ còn mất, sinh pháp khác nhau. Kể từ hựu trở xuống là y cứ về hiện tại. Lời thí có khác, nhưng trong văn

chỉ y cứ về hóa lý tương đối. Không nói tượng: Dùng hóa nêu tượng có thể y cứ đồng nhau.

Trong pháp cũng y cứ theo ý người thí. Đầu tiên nói chung, vì thế cả hai nhân pháp đều dùng. Sau nói vì chỉ riêng, y theo đó mà biết. Tây Trúc Tam Bảo đều bố trí như tháp. "Trong tăng có hai phán", trong văn rất dễ hiểu. Sơ quả về trước gọi là Đệ nhất nghĩa tăng, nội phàm về sau gọi là Thế tục tăng.

"Vô đương" nghĩa là không.

Trong phần răn dạy: Thượng tọa, Tri sự xem xét thí chủ, nước này đạo tục không biết tướng lý, thọ dụng khác nhau, chỗ cúng thí nói rộng không ý chỉ, chỉ là trụ trì, dứt nghe lý bảo. "Bốn, mỗi mỗi lẫn nhau", ở đây khác với đương phân. Như Phật đương phân chính là đối với Phật khác mà nói. Môn nầy tức y cứ một Đức Phật tự giải thích.

Trong phần vật của Phật: Vật của hai ngôi Phật và pháp đã có không ngoài bốn món: Hai món trước là vật nặng, chỉ thọ dụng, có thể được, không thể khác nhau. Hai món sau là vật nhẹ, thường và tạm khác nhau, y cứ vào vật thể. Bốn món riêng khác, (đến) văn sẽ phân biệt.

Trong phần thọ dụng, đầu tiên nêu vật thể, như trở xuống chỉ dẫn chứng ở trước. Năm trở xuống dẫn nêu có hai đoạn:

1- Nói rằng tăng là cột lụa, y cứ theo luận thì không có chữ thân, chỉ nói là che trên Đức Phật.

2- Từ hựu trở xuống, theo luận chỉ nói Phật đường hư hoại. Sau nói cây cũ cho tăng, nay cả hai thêm chữ quế, nghi là truyền lầm.

Luật trở xuống tức nói vua Bình-sa cúng dường khu vườn, lời Đức Phật khuyên cúng dường cho tăng. Văn sau y chỉ rộng.

"Hai thí thuộc" tức tiền, của báu. Các thứ: Ruộng, vườn, người, súc vật, v.v... không kham thọ dụng, đều lệ thuộc mà thôi. Dẫn văn có ba phần:

- Dẫn trong luận nói đổi chác.

- Dẫn trong luật nói có lời.

- Từ năm trở xuống lại dẫn trong luận có hai tiết:

* Đầu nói đổi chỗ thông, bít.

* Sau, từ Tỳ-kheo trở xuống nói người khác thọ dụng.

Trong luận chia làm ba tiết:

1- Khách được vật, không được vì thuộc của Phật, lời sao thêm chữ kinh sách, luận kia thì không có.

2- Từ nhược trở xuống, kia nói: Tỳ-kheo làm Phật sự được các thứ của Phật như thị giả, trâu lừa, v.v... có được mượn để sai sử hay không?

Đáp: Nếu biết vốn là vật của Phật thì không được.

Văn chỉ nói là không được mà không nói tướng tội. Nay nói đại tội phải y cứ theo giới trộm, được Phật xử đoán. Sau lại nói: Người giúp việc, trẻ em của Phật không được sai sử, chính là vật của Phật, nay lời sao không dẫn.

3- Trong phần ba cúng dường tức cúng các vật hương, đèn, hoa, cờ phướn, v.v... Đầu tiên dẫn trong luật nói chuyển đổi, có thể hiểu. Kế là dẫn trong luận nói chuyển biến. Đầu tiên dẫn văn, sau từ y cứ trở xuống nghĩa xử đoán. Trên nói được dùng làm các Phật sự khác: nghĩa là đổi làm các thứ cờ phướn, lọng báu, v.v..., nhưng đã cúng Phật thì thể không được chuyển biến, sợ dùng riêng nên đặc biệt nêu ra, không đồng như hoa trước để chuyển đổi. Như trở xuống là dẫn nêu. "Hảo tâm hoại" ý nói là thay đổi lại khiến cho đẹp.

Trong phần bốn, hiến dâng Đức Phật tức các vật ăn uống. Trước là dẫn nêu. Trong luật lấy nghĩa người coi sóc sửa chữa giống như đạo nhân. Luận y cứ cung cấp thị giả nói chung đạo tục. Kế từ y cứ trở xuống khiển trách sự lẫn lộn, có cầm kinh ngụy (không phải chánh pháp), dùng tiền mua thức ăn, y theo luận nói cư sĩ, thị giả Phật được ăn, vì bởi quyết chánh.

Trong phần vật của pháp, trước nói thọ dụng, nêu tướng khác nhau. Lược nêu ba phần, còn lại giống như vật của Phật ở phần trước. Danh thể khác nhau nên không nêu ra.

Trong phần vật của tăng, y cứ theo lý, lẽ ra cũng đồng đủ như bốn phần trên. Nhưng bốn vật này không nêu thường trụ và hiện tiền tăng, bốn vị gồm thâu nên không bàn mà thôi.

* Trong hai món thường trụ:

- Khoa đầu nói như trên là chỉ cho luật Thiện Kiến, ở thế gian có người giảng, hoặc dời trụ xứ tùy ý đem đi. Không cung kính lời Phật, không biết nhân quả, không sợ quả khổ đời sau, người tội ở địa ngục, làm sao nói được.

- Khoa kế, trước nói dùng riêng, trong văn rất dễ thấy. Giới ác, có đức nếu y cứ vào bốn giới nặng đem phá để phân biệt. Thời và phi thời là nói về sự trước sau trong ngày. Dùng phi pháp là nói chủ cầm mắc tội. Sau từ hai món trở xuống chỉ dùng lẫn lộn, theo trên tức trong phần phân chia lẫn nhau. Nhưng văn trước chỉ khai ra bốn phương, lẫn nhau làm mười phương, như trường hợp bớt vườn cây ăn quả, bán phòng sắm thức ăn. Nếu nói về vật của mười phương thì không để lâu, tức nghĩa không lẫn lộn làm vật của bốn phương tăng. Nếu y cứ theo hai vị bàn

riêng về lẫn lộn: Như bán phòng, sửa phòng, đem vật nặng cho chùa khác, đây là vật của bốn phương tăng tự dùng lẫn lộn.

Lại như trong luật Tứ Phần thì pháp riêng, thức ăn đồng tức mười phương tăng tự dùng lẫn lộn. Song ba vật trên xen nhau đều phải hòa tăng thì được khai, không hòa tăng thì không được khai, vì thế nói được và không được.

Trong phần ba chỉ nói bốn phương thường trụ, hai câu đầu y cứ vào nghĩa mà phán định, sau y cứ theo văn quyết thông. Câu đầu chỉ cho kinh. Nói tội nặng tức trong kinh Niết-bàn ở trước, v.v... chư trở xuống là dẫn luật. Trước nêu không có văn, sau lấy nghĩa, nghĩa là nếu cho phép bán thì phải khai cho thọ, đã không được thọ thì nghiệm biết không thể bán, vì thế nói là ý biết. Nếu theo Ngũ Bách Vấn nói cúng dường trâu, tôi tớ cho Đức Phật được nhận để sử dụng, không được bán, tức là chứng cứ, như ở sau sẽ dẫn.

* Trong hai món hiện tiền, tội như trước đã nói, nêu đồng như hai món thường trụ. Hiện tiền hiện tiền đồng như thường trụ ở phần đầu; mười phương hiện tiền đồng như thường trụ ở phần kế, hoặc hai món xen lẫn nhau, hoặc tự nói riêng, cũng y cứ tăng hòa thì khai, không hòa thì mắc tội, đại khái đồng như trên, vì thế lược chỉ đó.

Tựu trở xuống nêu riêng vật bị mất, tức mười phương hiện tiền tự xen nhau luận. Quyết đoạn tội nặng quy về tội nhẹ, Ba-la-di quyết đoán tội nhẹ, quy về Thâu-lan-giá nặng, mỗi mỗi đều gồm phi pháp phạm Đột-cá-la, vì thế nói rằng cả hai đều kết (có chỗ nói rằng không học không biết là sai).

Ba nêu vay, nghĩa là tạm mượn.

Trong phần giải thích, văn đầu y cứ về vật của tháp, tăng; Vật của pháp cũng như vậy. Khoán là khế thư, đọc sớ bạch tăng, trái thì kết tội.

1- Trái với giáo lý nầy phạm tội Đột-cát-la.

2- Không trả lại cho Tam bảo thì tùy theo vật mà kết phạm.

Khoa kế dùng tiền nêu lợi, như mẹ sinh con, nên gọi là tức.

Tam bảo ở Tây Trúc có tài lợi vô tận, nghĩa là thường còn được cúng dường đầy đủ, vì phát sinh không dứt.

Can tạp nghĩa là loạn nhau, câu nầy kết chung văn trên.

Trong phần nói người khác vay mượn: 1/ Khoa đầu; 2/ Văn đều cho phép.

Đầu tiên dẫn kinh, Dư trở xuống là y cứ phán định. Người kia bệnh còn phải bồi thường, huống gì người không bệnh: Ở đây không

khai rõ. Dữ trở xuống là kinh và luật hòa hợp khai chế, rất trái nhau, đối với nghĩa có thể nghi, trong văn có ngại. Kinh ấy chép: Nếu Bồ-tát xuất gia nuôi đệ tử xuất gia trước phải dạy bảo khiến cho không được buông lung. Nếu thiếu những thứ cần dùng, khi bệnh phải tìm, tự mình không được mượn vật của Tam bảo, nếu sai thì phải bồi thường gấp mười lần. Do đệ tử xuất gia còn thông đạo tục, vì thế nói là văn giống như vậy.

3- Trong phần dẫn luận có hai tiết:

- Đầu nói tự dụng, trong luận chép: Cho vật của Phật đồng phạm tội nặng. Nói hoại pháp thân là vì đồng năm tội nghịch.

- Kế, từ nếu có trở xuống, luận nói được thọ khiến cho dùng; nói là Phật thọ dụng. Nay đổi lời nói kia rằng không được ngăn người khác. Sau chỉ giới sau, nói rằng: Thí quân khí nên làm hư, nhạc khí được bán, v.v...

3- Nói săn sóc, văn đầu có ba:

- Dẫn chế; diệc trở xuống là định vật, trước xem xét văn thông rộng.

- Chuẩn trở xuống là nêu trong luật: Đạp-bà làm Tri sự trong tăng, được tăng thưởng y đã được của mười phương hiện tiền.

- Thập Tụng trở xuống là hiển ý, người nầy biết pháp bậc thượng v.v...

Trong phần hai, đầu tiên dẫn văn, thử trở xuống là nghĩa quyết định. Trước là dẫn văn ở trên, lại y cứ vào không tin, "Du du" nghĩa là xa lìa Tam bảo, không có chỗ trở về. Kế từ nhược trở xuống là nói có lòng tin. "Phước thực" nghĩa là Đàn Việt vì cầu phước mà cúng dường cho chúng tăng.

Trong phần ba, đầu dẫn bộ Thập Tụng: Nói dùng phần chứng. Trước hết cấp cho Vương, Thần. Mười chín tiền: Ở nước đó tiền bằng đồng lớn. Một tương đương mười sáu, tương đương với ba trăm ngày nay. Sau nói nạn giặc, kế trong luật Tăng-kỳ nêu chung năm vị, trong phần ba ở trước có thể hiểu. Sau nêu Vương, Thần, cần nói về người có thế lực, không có thế lực thì không khai.

Đa trở xuống là dẫn quyết định. Do luật ở trước nói rằng tổn ích đều cho, đã là tổn ích thì lý không được cho, trong văn không nói rõ nên tiếp tục quyết định đó.

Nhược trở xuống là ý chung của luật trước, người thế tục biết vật của chúng tăng khó tiêu quyết không luống thọ, tăng biết Ô-gia là phi pháp quyết không vọng cho, nếu có duyên sự cần phải cung cấp chút ít thì cũng cho phép. Bộ Thập Tụng khai chung cho điều này.

Chỉ hai thiện tức hai giới Tăng tàn, Ô-tha-gia ở trong luật. Luật chép: Cho cha mẹ bịnh, người bị nhốt trong tù, v.v... thì không phạm.

Trong phần bốn nói người bịnh: Hai tiền rưỡi tức bốn mươi, y theo trước lẽ ra bằng ở đây, không cần bạch tăng.

Trong phần năm nói tịnh nhân có hai: Hẹp (ngắn) thì phân xét; rộng (dài) thì cấp chung.

Trong phần sáu, đầu tiên dẫn văn. Khế tức là ước. Y cứ trở xuống là nghĩa quyết định, lại có hai: Đầu tiên y cứ trước sau trong pháp của thế tục. Hựu trở xuống y cứ văn luật trước tùy theo công năng.

Trong phần ba kết chỉ tức chỉ cho cương thiên của tăng ở trước.

(Phần thứ tư của phần một trong quyển trung xong).

■

TỨ PHẦN LUẬT HÀNH SỰ SAO TƯ TRÌ KÝ

QUYỂN TRUNG
(PHẦN 1 - 5)

Trong phần hai người trộm chung cả đạo tục. Trong phần chung nói chánh chủ tức chủ vật, vì tổn vật kia; hộ chủ tức người giữ gìn, tuy không phải vật của người nầy nhưng mất phải bồi thường, vì thành tổn hộ.

Ba câu đầu trong phần cú pháp, câu thứ hai nói rằng không giữ gìn nghĩa là chẳng phải không có người giữ, nghĩa là vật này không được cất giữ. Câu thứ ba nói vô ngã vô thủ: Đây là nói tâm không biết, không ràng buộc. Y cứ theo đây hợp tâm có ngã sở, tâm không ngã sở giữ gìn, câu này sẽ thấy ở văn sau.

Nhược trở xuống gồm phân ra tướng phạm. Trong hai câu sau, câu trên nói vật của tăng đều có phần của mình nên nói có ngã sở; câu dưới nói vật của quan không thuộc của mình, nên không có năng sở. Quan là cửa. Trộm trở xuống là gồm phân, rất dễ hiểu.

Kế nói về tướng trộm. Nêu rằng: gồm hai chủ: Trong bảy thứ sau, hai thứ trước y cứ theo hộ chủ (người giữ gìn) kiêm bổn chủ (chủ vật), năm món sau gồm bổn chủ cũng chung hộ chủ.

Trong phần đầu, luật Thiện Kiến văn có hai phần:

- Trước nói hộ chủ cẩn thận thì tổn bổn chủ, theo lý không bồi thường.

- Sau từ nếu chủ trở xuống nói hộ chủ biếng nhác lơ là thì tổn hộ chủ, vì phải bồi thường. Trong phần hai là chánh nói, luật Thập Tụng có hai đoạn:

- Trước nói gởi nhờ.

- Sau, từ nếu mượn trở xuống là nói vay mượn.

Trong phần trước nói Tỳ-kheo nhận vật của người khác gởi, thì xem tâm mình tốt xấu để nói bồi thường hay không bồi thường. Chữ xúc trong bổn luật viết chữ đầu, đây là truyền lầm. Sau nói Tỳ-kheo đem vật gởi người thế tục, thì xem tâm họ kính cẩn hay khinh mạn để luận

đòi lại hay không đòi lại.

Nếu gởi trở xuống chỉ nêu bày. Câu đầu tức cư sĩ nhận vật của Tỳ-kheo gởi, nêu đồng như đoạn trước bồi thường hoặc không bồi thường. Câu kế tức cư sĩ đem vật gởi Tỳ-kheo, nêu đồng như đoạn sau đòi hoặc không đòi.

Hai câu đồng như như trước nên nói chỉ như trên.

Trong phần vay mượn, đã mượn vật của người khác, hễ có bị hư tổn phải bồi thường, sợ lộn phần gởi nhờ nên đặc biệt nêu ra để phân biệt.

Khoa kế nói lầm phá, mất nghĩa là tâm tốt, ép buộc đòi vật lại thành tội trộm, nay có nhiều trường hợp nầy vì không hiểu giáo pháp.

Trong phần ba nói chủ bị trộm vật, đây là chánh nói bổn chủ.

Trong phần so sánh nói sở dĩ không được là vì sợ đoạt (lấy) vật của giặc lại thành tội trộm.

Chữ "đầu thoán", xưa chép: chỗ trống có một căn nhà tối để mọi người đi qua quăng vật vào đó.

Thoán tức là phóng.

Tụng chú: Ở đời có chú thuật để thể được lợi ích: bói toán, quăng ném đều nghĩa là không được.

Trong tướng trộm nêu rằng nghĩa rộng là các luật không chỗ nào chẳng có văn trộm đoạt, nhưng không có tướng hiện, không hiện tiền trước kết phạm, vì thế dùng nghĩa phân chia ý cho dễ hiểu.

Trong phần không hiện, văn đầu chỉ y cứ về trộm, quyết định, không quyết định, phạm không phạm.

Trong phần dẫn chứng, trước dẫn bổn luật. phần chánh văn nói rằng: Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo trộm vật của người, mà vật trộm đó là vật nghi, Phật nói phạm Ba-la-di. Chữ kiếp phải nói là chữ trộm, e rằng truyền lầm.

Kế, trong luật Tăng-kỳ có ba đoạn đoạt đều thành tội nặng:

- Y cứ kia đây hai tâm được, xả. Đoạt cũng phải nói là trộm.

- Từ túng trở xuống là y cứ riêng trộm mà được tâm, không chấp tâm người chủ.

- Từ nhược trở xuống y cứ riêng bổn chủ xả tâm, không nói về tâm trộm, nghĩa là đối với vật của mình phải khởi tâm xả bỏ, dầu nay không xả nhưng trước xả cho nên cũng không thể đoạt.

Thuộc sau lấy: Tức có thể trộm. Kế nói hiện tiền có thể đoạt, văn đầu trước nói ý có thể đoạt bỏ chữ Du.

Bổn trở xuống là giải thích, sợ cho rằng người giữ hộ yếu không

thể đoạt, vì thế y theo đây không nói mạnh yếu, hễ tâm không xả đều có thể đoạt.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ, đầu tiên dẫn câu có ba: Câu đầu đoạt thẳng, câu hai tức tự lấy, câu ba tức ngôn giáo.

Có việc chết nghĩa là trộm vật đến chỗ bị chết, sợ bị người bắt được.

Như trở xuống là gồm nêu.

Trong phần không thể đoạt. Khoa đầu trước nói tâm chủ quyết xả không y cứ về tâm giặc. Khoa kế, từ dầu trở xuống nói quyết lấy tâm giặc không luận tâm chủ, ở đây đồng với đoạn trước, chỉ y cứ về đối diện là khác. Dẫn chứng có hai:

- Bộ Tỳ-nại-da, quan đoạt được lấy. Trái lại nói Tỳ-kheo không được đoạt. Y cứ trở xuống quyết chung với vị trước. Do trong văn trên quan mới lấy chẳng trả không được, có thể so sánh biết chỗ cũng không được lấy.

- Luật Thập Tụng nói tự trộm thân không phạm: Sớ chép: Thân đệ tử là chánh báo nên mạnh, giặc lực dụng yếu.

Câu: Sư đoạt trọng: Đệ tử thuộc giặc là mạnh, sư là yếu. Nay dẫn văn nầy, chỉ lấy trở xuống nói phạm để chứng không thể đoạt mà thôi.

Thứ tư, trong luật Thập Tụng, trước nói thí cho. Chế không xin, khai lấy tự cho. Tây Trúc cũng vậy. Nước đây, cấm quyết có lấy nghĩa là Phật giáo không trái mà hình phạt thế gian, đáng lo.

Kế, từ nhược trở xuống là nói mua được.

Khoa kế, văn đầu khai lấy không chọn chỗ trộm. Nhưng đã biết là vật của Tam bảo, văn nói tuy được nhận mà lý không thể dùng. Không biết lẽ ra được.

Y bổn xứ: Hoặc chỗ trộm cũ, hoặc chỗ thuộc Tam bảo, đều có thể dùng vật của người khác, dù chỗ của Như lai, giặc tự làm chủ, không ngại thọ dụng.

Trong phần năm nói phạm vương pháp của vua, là cấm lao ngục: trước nói chưa thấy mặt, nói chưa thâu lục nghĩa là quan chưa bắt được.

Kế từ dĩ trở xuống nói đã được miệng dặn dò.

Lộ hiện xuất là nêu bày công hiển.

Nói vật của ta nghĩa là kia đã cúng cho tăng thì ta cũng có dự phần. Môn này nói theo Phật giáo thì có thể không được. Trong đây, vua cấm không được làm.

Trong phần sáu, Già luận nói đủ hai mới được lấy: Một là phải tự

cho, hai là phài không biết.

Nhược trở xuống trái với hai duyên trên, cho nên nói không được lấy. Nếu trái với duyên thứ nhất thì theo lý cũng được, nghĩa là tuy biết bà con mà tự tay cho, hoặc tuy không tự cho nhưng biết bà con.

Trong phần bảy nêu người trông coi, nghĩa là giữ vật cho người khác.

Khoa đầu nêu ba hạng người.

Đem đi không tội nghĩa là không trông coi.

Ba hạng người là:

- Một là lạc độ.
- Hai là cha mẹ chết, nghĩa là không có người sai khiến.
- Ba là thiếu nợ.

Bất luận cha mẹ chỉ hướng chủ nợ vì không trông coi.

Trong phần chú thích y cứ người thiếu nợ người đời nghi rằng người trốn thuế vua xuất gia thành tội trộm, như trong thiên Thọ giới có nói.

Trộm tôi tớ phạm tội nặng: nghĩa là chủ là người trông coi.

Khoa kế, trước dẫn hai luật, khai ý giống nhau.

Thủ-la: xưa nói là: đem binh chống giặc.

Sở dĩ trở xuống là nêu ý của luật Thập Tụng ở trước.

Trong phần vật bị trộm, văn trong luận đầu nêu nêu tướng rộng, sau từ thả trở xuống là y cứ vào trần giới gồm thâu. Trước nói sáu trần, ba nghiệp thành trộm, tên không giống pháp hành. Thực độc, v.v... các tướng như sớ giải ở sau.

Thích âm thích là loại trùng làm độc.

Nếu người trở xuống là nói sáu giới.

Sớ giải, đầu tiên trong phần sáu trần, trước nêu chỗ trộm.

Hung hành nghĩa là loài rắn bò bằng bụng.

Thuốc độc nghĩa là tất cả các loại chất hại mạng người. Các vị tiên có thể trị được hai thứ độc trên giáo lý sự.

Tác trở xuống nêu tướng trộm. Ban đầu đến cũng vậy, là mắt trộm sắc, chữ thư giống như sổ sách ngày nay.

Nếu tụng trở xuống là tai trộm tiếng (âm thanh).

Trộm trở xuống là lược chỉ ba trần, giống như ở trên nói.

Nhược bí trở xuống là ý trộm pháp.

Sáu giới: Ba giới trước dễ hiểu, nên không nêu ra.

Hữu trở xuống là trộm gió, nhược trở xuống là trộm hư không, luận trở xuống là trộm thức.

Chú giải nói trí dụng nghĩa là nghệ thuật, kỹ năng đều nương thức khởi thì chọn thức thể vì không thể trộm.

Trong phần ba kết chỉ, đầu tiên chỉ rộng. Đãn trở xuống là nêu cốt yếu gồm thâu. Quảng trở xuống lược văn ở phần thứ hai. Kia tùy văn giải thích hiển rõ tướng rất nhiều, nếu cần thì tìm xem, ở đây không dẫn lại.

Trong phần vật của phi nhân, văn đầu tiên định ra việc phạm, luật Ngũ Phần trở xuống dẫn hai luật để làm chứng cứ, đều hiển bày hộ chủ. Luật Tăng-kỳ văn rộng chỉ y cứ kết trọng, có thể nghiệm có chủ. Trong phần không hộ, khoa đầu hai câu trên định ra phạm tội. Nói tùy cảnh là hướng về phi nhân phạm. Vì thế sau dẫn nêu bày có ba: Luật Thập Tụng và Đa luận nêu bày tướng rất dễ hiểu. Luật Thiện Kiến nói không tội nên thêm phần chú thích.

Khoa kế, đương thời có thực hành y phẩn tảo, vì thế có lấy. Được hay không được như trên tức đã nói ở trước có chủ hay không chủ. Lại trong phần không chủ thần hộ không hộ. Ất trở xuống là nêu thủ pháp.

Trích bốc tức liệng ném.

Bốc là hỏi thần, xả lận là phi nhân hộ không hộ.

Trong phần vật của súc sinh, văn đầu trong luật nói rằng: Tỳ-kheo lấy vật trong tổ chim và vật trong hang chuột, Tỳ-kheo nghi ngờ chẳng biết mình có phạm tội hay không, bèn bạch lên Đức Phật, Phật dạy rằng vật đó súc sinh không dùng thì không phạm, nhưng không nên thọ nhận vật như vậy (nhận phạm Đột-cát-la, văn không nêu rõ).

Trong phần dẫn xưa, đầu tiên giải thích câu trên xếp vào phạm.

Cố trở xuống là dẫn y cứ. Luật chép: Lúc bấy giờ, cách Phật không xa có một ngôi làng, các con chuột trong làng đó tha quả Hồ đào (quả hạch đào) vào chùa nhóm thành một đống lớn. Lục nhóm Tỳ-kheo sáu vị có tâm trộm lấy ăn, sáu vị nghi ngờ bạch Phật, Đức Phật nói là phạm Ba-la-di.

Trong phần chánh giải, đầu tiên thông ý bổn luật phạm tội nặng, vì nói nhóm Tỳ-kheo sáu vị có tâm trộm lấy, rõ ràng đây là vật của người ở làng kia cho nên xếp vào tội nặng. Chuột nghi ngờ, tâm súc sinh khó biện, chỉ y cứ khi chưa cất, hoặc chưa ăn mới có thể biết mà thôi.

Dư trở xuống là dẫn bộ khác định phạm.

Trong luật Thập Tụng nói lấy thức ăn còn thừa của con sư tử không phạm: Xưa nói loài thú này không ăn thịt lạnh, nên phần còn sót lại không quan trọng.

Trong duyên thứ hai, luật có bốn câu:

1- Có chủ tưởng không chủ phạm tội nặng.

2- Có chủ nghi không có chủ phạm Thâu-lan-giá.

3-4 Vật không chủ tưởng và nghi có chủ phạm Thâu-lan-giá. Lược không có câu ba không chủ tưởng có chủ.

Y cứ ở sau nghĩa trì phạm nầy phải đầy đủ.

Trong văn, trước nêu thành duyên phạm, là câu thứ nhất. Nhược trở xuống phân biệt với thiếu duyên, là câu thứ ba.

Đầu tiên y cứ vốn mê không phạm, tiền trở xuống là y cứ chuyển tưởng. Trước khởi tưởng có chu, sau chuyển tưởng không chủ phạm Thâu-lan-giá. Trước nghĩ là không chủ, sau lại nghĩ có chủ phạm tội Ba-la-di, vì thế nói rằng lẫn nhau phạm tội nhẹ và nặng.

Nghi và cảnh hai câu khác nhau đều thấy ở thiên sau.

Trong phần duyên thứ ba nêu ý, trước nói khó giữ hộ, vì tâm tham nhiễm cất chứa sâu dầy, chạm vật sẽ khởi niệm tham. Tâm thô bất giác đâu biết là duyên tà, bất thể vọng tình sa vào lưới tội. Bậc thật đức còn chưa khởi được, phàm phu trôi lăn trong đó. Hễ là đồng tâm thì càng phải gấng chí.

Đãn trở xuống nêu kết nghiệp.

Không hướng về cảnh thị phi (đúng sai): Cảnh tức vật trước. Tam bảo lẫn dùng vật không riêng từ là đúng, nhập vào của mình dùng là sai. Hai trường hợp đều kết tội nặng vì thế biết không phân biệt.

Cố trở xuống là dẫn chứng. Vì Tam bảo cho nên nói tâm tốt. Nếu nói về ngu giáo lại là tâm giặc.

Lý trở xuống ở sau sẽ dẫn.

Trong phần chánh nói, luật Thập Tụng nói khổ thiết nghĩa là thúc dục, ép ngặt người. Đồng như luật Tứ Phần ở sau nói là ép ngặt la hét, khinh mạn nghĩa là hiện tướng xúc phạm vật. Cập trở xuống thình lình là đồng với thứ tám (y cứ theo sớ hợp), danh tự đồng với thứ mười. Nhận gởi đồng với thứ bảy. Chỉ ở sau nói lời lại là không đồng với tông nầy. Tuy là tâm trộm nhưng kia đây thỏa thuận nhau nên đặc biệt nêu ra. Để âm là để. Trong Già luận nói cưỡng đoạt đồng như phần thứ tư ở sau (y theo sớ). Nhuyễn ngữ (lời nói mềm mỏng) đồng như biện ngữ (lời nói biện tài). Thí rồi lấy lại, khác với ở sau: Nghĩa là quyết định thí cho người sau lấy lại.

Bộ Thiện Sinh cũng nói, chú thích chỉ bày.

Tội ăn cắp phạm tội trộm.

Trong luật Ngũ Phần nói tâm xiểm đồng như phần hai ở sau (y theo lời sớ). Tâm khúc đồng với thứ chín. Tâm sân đồng với thứ tư.

Luật Tứ Phần nói mười thứ, sớ chép: Trong luật nêu đủ hai thứ năm tâm trộm: Trước là năm tâm, sau là năm thủ. Thủ là nghiệp kia đối cảnh hành sự.

Trong phần một nói có thể học mê nghĩa là giáo pháp nầy đáng thể học mà không học nên mê.

Trong phần hai là khuyến khích cầu.

Ưng giống như chữ tích.

Trong phần ba cả hai đều giải thích: Hư và thật chia ra đó.

Trong phần bốn y theo lời sớ.

Lại nói, hoặc nói thế lực của vua quan, ở đây cùng với phần thứ tám tên đồng mà tướng khác, chỉ y cứ theo cả hai tâm và thủ để phân chia. Nói tâm chưa hẳn là thủ (lấy), nói thủ (lấy) thì phải gồm tâm.

Thứ chín, chú thích giới trong luật bổn và lời sớ đều thấy hai chữ "tiện thủ", văn nầy phần nhiều chỉ có một chữ tiện, quyết là truyền lầm, không nhọc phải giải thích khác.

Trong phần mười, giải thích năm tướng: Ba tướng trước là thân nghiệp, hai tướng sau thuộc khẩu nghiệp. Lại trong ba tướng trước: Tướng thứ nhất là nương tự mình, tướng thứ hai là nương tên người, tướng thứ ba là nương năng lực người.

Hai tướng sau: Tướng thứ nhất là lời nói khéo, tướng thứ hai là lời nói dối.

Đời nay Độc sĩ phần nhiều còn cầu xin, cười nịnh xu thời, nói khéo để nịnh hót người đời, hoặc coi trọng việc tiếp khách, đâu tránh được Ô gia, hoặc siêng năng đối với việc thỉnh mời, ra mắt, đâu biết rằng đó là trái đạo. Không biết nghĩa là giả vờ biết. Không thân thiết nghĩa là gượng thân. Miệng nói nhiều phương, tâm mưu cầu trăm kế, trọn ngày lo lắng, suốt đời nhọc thân. Một lời nói tầm thường, không đâu chẳng đắm vật. Tuy nói rằng chúng thật mà trị đời chưa biết. Cạo tóc nhuộm y, ý toan tính việc gì. Bàn kinh, giảng luật chú ý phải nói lời gì để người tin. Nghiệp mê hoặc ngày càng thêm cho nên khiến rong ruổi mỏi mệt, có thể cho rằng luống sinh luống tử thật là bất giác, không biết xét kỹ kinh này trở lại cầu tự mình, (lời ngay trái tai) phải suy nghĩ cho kỹ.

Trong phần kết cáo nói vọng tình theo cảnh, suy tính muôn mối, đâu chỉ nêu ở trên mà bao gồm hết được. Song nêu một lớp hết các xúc loại thì dài, nên trước tuy lược nêu cùng đủ ngăn ngừa tâm. Nhưng đã biết giáo tướng, ít biết vọng tâm có thể ngăn không khởi, vì thế như bức tường. Tâm tùy theo cảnh mà sinh, tâm vọng thì cảnh vọng, cho nên nói là vọng cảnh.

Trong phần bốn nói vật thể, văn đầu nói năm tiền là thuộc về tiền thể, nói vật năm tiền là y cứ theo tiền pháp (số tiền mà pháp vua kết tội). Sở dĩ lấy giới hạn năm tiền là do pháp vua lúc đó nếu trộm năm tiền thì sẽ bị giết, Đức Phật theo pháp vua trộm đủ năm tiền chế tội nặng.

Trong phần định thể của tiền, trước có dẫn luật.

Trong phần đáp, phần một và hai đều giải thích chừng hạn năm tiền, sau giải tùy tội chết không hạn cuộc số vật.

Một là đồng luật Thập Tụng.

Hai là phù hợp bổn tông.

Ba là nghĩa luận gia lấy.

Trong giới sớ chép: như trong Đa luận tướng trộm thông lạm. Đầu giải thích bổn tiền (tiền xưa) do đâu mà hiểu được (đây là phá giải thích đầu), sau giải thích tùy cõi nước hiện tại mà xử vào tội chết, nói cũng chung chung, khó có thể dựa theo (đây là phá lời giải thứ ba).

Trong phần định đoạt, khoa đầu nói luật và luận khác nhau, nghĩa là luật như ở sau dẫn, luận tức văn trước.

Phán tội nghĩa là phạm rồi xử đoán.

Nhiếp hộ nghĩa là chuyên tinh vâng giữ.

Nay từ nhiếp hộ để định thể tiền, cổ trở xuống là dẫn chứng tức văn trong phần thọ pháp nói tướng.

Trong phần nêu xen lẫn là bỏ gấp theo hoãn, chưa hiểu được ý của lời dạy.

Tiền lúc xưa, một tiền tương đương mười sáu, năm tiền thì thành tám mươi.

Trong phần chánh phán, hai câu đầu y theo luận, kế là giải thích để định nghĩa nay.

Tăng trở xuống là dẫn chỗ y cứ.

Vua không có pháp nhất định là chỉ chung các nước. Pháp khi xưa của vua Bình-sa nghĩa là Phật y theo đó kết giới, có thể dùng làm tiêu chuẩn, đây là lấy pháp trộm năm tiền, không định tiền xưa.

Bốn tiền ba giác (ba góc) tức tính vào giới hạn năm tiền. Hai góc rưỡi tiền cũng thuộc vào tội trộm bốn tiền. Tiền nói về góc, sợ khuôn đúc tiền kia hình vuông, đây là phân biệt từ xưa cũng đúc tiền vuông. Thời nay thì đúc tiền tròn: chỉ nói theo bốn chữ.

Bốn trở xuống là y theo bổn tông để quyết bỏ.

Luật luận: Luật là luật Thập Tụng. Luận tức bộ Đa luận có hai cách giải thích trước sau.

Do sau thắng: Tức giải thích làm thứ hai, hướng về lần đầu nên có lần sau.

Sớ chép: Có thể như trong bộ Đa luận giải lần thứ nhất, tùy theo cõi nước dùng tiền y cứ năm tiền làm giới hạn, thì tranh luận tự dứt.

Túng trở xuống là hội đồng.

Luật Thiện Kiến chép: Hai mươi Ma-bà-ca (xưa là Đồng tiền lớn, tức tiền lớn bằng đồng) thành một phần Ca-lợi-sa-bàn, bốn phần lấy một cho nên giới hạn năm tiền.

Luật Tăng-kỳ lấy mười chín Ma-sa-ca thành mười kiết-lợi-sa, bốn lần lấy một thì thành bốn tiền ba góc. Sợ cho rằng bộ Tăng-kỳ khác với luật Tứ Phần nên dùng luật Thiện Kiến để giải thích. Nhưng luật Thiện Kiến và luật Tăng-kỳ đều tính theo Đồng tiền lớn xưa, chính là dùng pháp xưa ở Vương-xá để giải thích nghĩa năm tiền. Còn việc xử đoán tội trộm là tùy theo cõi nước dùng, tức luận kia nói: Người xuất gia cho đến lá cỏ cũng không được lấy, vì thế biết gấp giữ gìn có hợp với tông nầy đôi chút.

Trong phần dẫn chứng, từ đầu đến tùng cấp là dẫn văn đoạn trước. Kia nói người trộm kho báu, vì thế y cứ vào vật trong tủ để hiển bày tướng phạm kia. Kia nói đủ rằng: Nếu vật báu đầy trong tủ đưa tay cầm lấy, tay chưa lìa chỗ nhưng cũng lìa đi một phần, ra khỏi rồi rớt lại trong tủ phạm Thâu-lan-giá, nếu ra khỏi cửa tủ phạm tội Ba-la-di (tức lời sao ban đầu dẫn). Có Pháp sư giải thích rằng: Dước đáy tủ lấy vật báu rời khỏi đáy tủ, chưa ra khỏi cửa tủ phạm Ba-la-di.

Pháp sư trở xuống thêm lời sao dẫn, đây tức là luận chủ lấy lời của vị Pháp sư sau.

Lại quán trở xuống là dẫn đoạn sau. Nói năm việc, kia nói rằng: Luật sư trí tuệ nếu muốn khởi sự tranh luận, thì trước phải xem năm chỗ xong rồi mới phán đoán.

Chỗ: Như ta muốn lấy vật này, nói câu này rồi liền phạm tội. Nên xem vật nầy có chủ và không có chủ. Nếu có chủ xả tâm, không xả tâm. Nếu chưa xả tâm mà lấy thì tính theo tội trong luật, nếu đã xả tâm thì phạm Ba-la-di (đây là quán một việc).

Thời: Về thời, y theo đây có thời nhẹ, có thời nặng. Có thời nhẹ tức lấy thời nhẹ mà tính để kết tội, nếu thời nặng thì cũng tính để kết tội, v.v... (đây là việc thứ hai).

Lại nói: Có vật còn mới thì quý, sau đó không quý, như bình bát bằng sắt khi mới hoàn toàn sạch sẽ không bị hư chảy, ban đầu quý, sau bị hư chảy thành không quý. Đây cho nên tùy thời mà tính (mới cũ là

hai việc).

Lại nói: Tùy thân dùng việc (tùy dùng là một việc, trong đây lại có năm) như dao, búa, ban đầu quý sau không quý, nếu lấy trộm búa người, phải hỏi chủ búa mua giá bao nhiêu. Nói nếu dùng một phần mua (năm tiền). Lại hỏi: Mua mà đã dùng chưa? Nếu đã dùng rồi thì thành đồ cũ (là một).

Như chày nhãn dược và chìa khóa cửa, hoặc đốt, hoặc mài cũng thành cũ (là hai).

Lại như áo tắm hoặc bỏ vào nước, hoặc dùng rồi cũng thành áo cũ (là ba)

Bơ, dầu hoặc đổi đồ đựng, hoặc bị trùng kiến rớt vào cũng gọi là cũ (là bốn).

Lại đường phèn ban đầu cứng sau mềm, cho đến dùng móng tay bấm vào cũng thành cũ (là năm). Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vật của người, nên hỏi chủ vật, nếu chưa dùng thì quý, dùng rồi thì không quý, các vị nên biết. Đó là năm việc, Luật sư phải xem xét kỹ rồi mới phán sự.

Dẫn hai đoạn nầy, trước y cứ theo gấp, sau y cứ theo chỗ. Nói trước phế lập y cứ hai ý nầy để định năm tiền. Duẫn giống như đương.

Trong phần nghĩa, câu đầu nói tiền sang hèn, nghĩa là vật có nhẹ có nặng. Thời có hưng thịnh y theo xưa. Quý: Một đáng dùng nhiều; tiện (không quý): Nhiều đáng dùng ít, như trong văn rất dễ hiểu.

Câu kế, ba văn đều như vậy, vì thế đều nêu hết. Ở đây nghĩa là y cứ chỗ trộm tổn hại chủ, do luận không y cứ, về sau bán không đủ. Trong phần ba ý cũng giống như trên, giống như mùa Xuân giá trị mười, mùa hạ giá trị một. Trên dưới gồm xem xét ba câu. Câu đầu trong văn đã đầy đủ, câu kế nên nói rằng: Trộm vật chỗ hèn (không quý) bán chỗ sang.

Câu ba: Khi thấp hèn trộm vật lúc sang, bán đều y theo gốc mà xử đoán. Câu bốn tức trộm nhiều phạm tội nhẹ vì không đến kết quả, không được vật phạm tội nặng vì chỉ làm tổn hại người khác. Câu năm "chưa tới năm tiền phạm tội nặng", quá năm tiền phạm tội nhẹ.

Trước dẫn luật Tứ Phần, cả hai giải thích, đều y cứ người nhiều vật ít cho nên không đủ năm tiền, hướng chung đến vật kia đều nhập vào tội nặng.

Sau dẫn luật Thập Tụng hướng chung đến nghĩa không đủ năm tiền. Chỉ trở xuống là mất vật, nghĩa là khi chưa tác pháp, mười phương thường trụ cũng nói như vậy.

Trong phần sáu nói trộm ít thành tội nặng. Trước tiên dẫn luật

Tăng-kỳ thì dễ hiểu, kế dẫn luật Thiện Kiến xen nhau dạy, như có một vị thầy dạy ba người đệ tử rằng: Kia có sáu tiền, người lớn lấy ba tiền, người nhỏ mỗi người lấy một tiền (số người đủ năm tiền), ta tự lấy một tiền (tự nghiệp không đủ). Người đệ tử nhỏ thưa rằng: Hòa-thượng lấy ba tiền, các bạn đồng học mỗi người lấy một tiền, con tự lấy một tiền (tội cũng như trên).

Một tội Ba-la-di: Dạy người phạm.

Một Thâu-lan-giá: Tự mình phạm.

Tự trở xuống là giải thích nghĩa, kết tội Thâu-lan-giá, sợ nghi đồng trộm nên phạm Ba-la-di.

Trong phần năm giải thích lìa chỗ: Câu đầu, luật Tứ Phần chép: chưa lìa chỗ không thành phạm, sau dẫn luật Ngũ Phần nói đã lìa chỗ mới thành phạm. Văn nêu năm tội: Đào đất phạm một tội Ba-dật-đề, có không chẳng nhất định (luật Thiện Kiến phạm Đột-cát-la vì đây là phương tiện để trộm). Cầm vật kết: Là phương tiện kế đó (y theo nay phạm Thâu-lan-giá). Dời vật là phương tiện gần rất dễ hiểu.

Khoa kế, trong phần nêu riêng, câu đầu y cứ phán đoán nói phạm. Dùng nặng nhập nhẹ: Hễ xử vật của người mất, phải thỉnh Luật sư phán đoán nặng nhẹ, y theo sở mà báo chúng. Phán nặng là nhẹ phạm Ba-la-di, phán nhẹ là nặng phạm Thâu-lan-giá, đều hướng về văn thành thời để định ra tướng phạm.

Phi pháp phán dụng: Đây là y cứ về loại thường đồ vọng thư bộ lịch. Luật Thiện Kiến trở xuống như làm khế thư phân phán địa giới.

Một đầu nhẹ: Như sách nói chỗ theo xứ thời thuộc phương tiện Thâu-lan-giá.

Hai đầu nặng: Lại trong sách nói chỗ đến xứ thời rốt ráo phạm Ba-la-di.

Chữ họa là viết lầm, trong luận viết chữ thư. Giới sớ cũng y theo trong luận dẫn. Câu kế chỉ y cứ vào miệng quyết đoán liền phạm.

Luật Thiện Kiến có hai tiết, đầu tiên y cứ về trộm đất.

Nói “tăng đều nặng” ý nói là đồng tình. Nhược trở xuống là y cứ xử đoán sự tranh luận.

Trái lý phán cho là năng phán, phạm.

Trái lý phán được thành sở phán, phạm.

Sau dẫn luật Tứ Phần tức y cứ về biện thuyết, văn như ở trước đã dẫn.

Câu thứ ba nói nêu tức chú giải, sau hiển tướng, như là trượng, thước ngày nay.

Trong văn lại dẫn trộm hai, nêu là phạm tội.

Y theo luận nếu trộm có ba: 1/ Đột-cát-la; 2/ Thâu-lan-giá; 3/ Tội trọng.

Cho đến trộm mười thì tám thứ trước đều phạm Đột-cát-la, thứ chín là Thâu-lan-giá, thứ mười là tội trọng (xưa nói: Chín trước là Thâu-lan-giá, không thấy trong văn luận).

Câu bốn: đọa trì nghĩa là trù tính nhiều nhưng vật ít, hoặc không trù tính mà lấy vật nhều. Không phải ý văn nói ở thế gian có việc đó.

Trong năm, câu đầu dẫn luật Thập Tụng đã nói.

Y cứ dị sắc phạm như lông, tơ, dệt vải làm thành những thứ bông hoa, chim thú vì lôi kéo dời đổi khiến cho tổn hại vật kia.

Hoặc như trở xuống là y cứ theo bổn luật. Y cứ về tổn sắc phạm, văn nghĩa rất dễ thấy.

Câu sáu: Nói chuyển xỉ như ở đời con cờ đánh bạc phần nhiều dùng răng, xương làm con cờ để đánh, có tâm trộm dời vật đến chỗ khác thành tội.

"Sư bồ", "Bồ bác" đều là tên khác của vật để đánh cờ, cũng gọi là bác dịch.

Trong văn, trước dẫn luật Thập Tụng nêu bày tướng trộm, kế là dẫn luật Ngũ Phần nói đánh bạc (đánh cờ).

Câu bảy: Kia nói trộm. Nói đủ bốn chân nghĩa là thúc ngựa hướng đến chỗ hẹn, đủ phạm tội nặng, không theo chỗ hướng đến phạm tội nhẹ (tuy lìa nhưng phạm Thâu-lan-giá) chỗ hẹn không nhất định, liền phạm tội nặng, chủ đến, tâm chưa được phạm tội nhẹ (tức trong văn nói chưa khởi tưởng được vật).

Câu tám, luật Thiện Kiến nói được tâm (khởi tâm tưởng được vật) đã quyết không đúng, đụng đến vật liền phạm, không đợi lìa chỗ. Như ở sau nêu thí dụ rất dễ hiểu.

Câu chín nói nhà, ruộng, v.v... không thể lìa, không giống có thể lìa, không thể ở câu trên.

Câu mười, là nêu ra ba tướng: Hư không, cọc, nước.

Trong luật nói xứ, có mười ba, trong lời sớ kế sẽ giải thích, nay chỉ nêu sơ lược.

1- Địa trung (trong đất, dưới đất): Tức vật chôn dưới đất có chủ, hướng về chủ kết. Ở trong đất của Phật, tăng thì thuộc Phật và Tăng.

2- Địa thượng (trên mặt đất): Như nay được vật trên đường đi).

3- Thừa (xe cộ): (Nghĩa là các loại xe như xe voi, xe ngựa, nếu trộm vật trên xe, mà lìa khỏi xe mới phạm tội. Nếu gồm xe, trộm xe,

lìa thì phạm).

4- Đảm: (đồng với ngồi hai phần).

5- Hư không: (Nghĩa là các thứ: y, vật, chim do gió bay đến, mà muốn trộm lấy thì y cứ theo không xứ (tức hư không) để nói về lìa xứ. Luật Thiện Kiến nói chim trên hư không, quá cánh bên trái, cánh bên phải, đuôi, từ đầu trở xuống cũng như vậy, đều phạm tội nặng).

6- Giá (cái giá treo áo): Tức cây cong để treo áo. Nếu trộm vật trên giá nầy thì vật lìa khỏi giá mới phạm. Nếu giá liền nhau, giá lìa liền phạm).

7- Thông (hoặc trộm vật của làng, hoặc trộm thể của làng, đánh, phá hoại làng v.v...).

8- A-lan-nhã: (Không địa ngoài thôn đồng thôn rất dễ biết).

9- Điền (ruộng): (Luật Thập Tụng nói nếu là ruộng phải nói tướng, được hơn thì tội nặng, không bằng thì phạm tội nhẹ. Nếu khởi tướng khác quá phần, hơn thì phạm tội nặng).

10- Xứ sở: (Như cửa hàng làm xứ, trộm vật của cửa hàng, trộm thể giống như phần xóm làng ở trên).

11- Thuyền xứ: (Trộm vật tức dùng thuyền làm xứ, trộm thể thuyền tức đứt dây lìa chỗ mới phạm).

12- Trộm nước: (Tức đoạn nước chảy. Luật Tăng-kỳ nói tưới nước, rót nước. Hoặc một nhất túc thẳng nhất văn, hoặc đến bốn, năm. Nếu làm hư hoại rạch nước kia để nước chảy vào riêng thì phạm Thâu-lan-giá, đủ giá trị năm tiền thì phạm Ba-la-di).

13- Tư độ quan: (Như trong luật, Tỳ-kheo không đóng thuế. Nếu cư sĩ đóng thuế, Tỳ-kheo mang hộ qua khỏi chỗ đóng thuế, phạm tội nặng. Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo phải đóng thuế, không đóng thuế cũng phạm tội nặng, còn lại giải rộng như trong sớ).

Trong phần kết chỉ bày có ba đoạn:

- Nêu ý sơ lược ở trước.

- Từ ưu trở xuống nói người có thuận và nghịch. Trước nói người biết đủ sợ phạm thối lui. Nhược trở xuống nói nhiều việc cầu tiến, ăn trộm sẽ bị vùi lấp.

Nói tâm lo sầu nghĩa là tâm có thể sợ gặp nạn, có thể cấm chế. Dầu thành nghiệp, tai ương đến nhiều đời, đây là điều đáng lo.

Câu "Cho nên phải nhớ nghĩ đến đạo" ý nói kính mến xuất ly.

Câu "Duyên cảnh hạn cuộc": Là điều mà giáo pháp đã cấm.

Câu "Có nhiều việc": hoặc ưa làm thầy người, hoặc ưa làm phước ở đời.

Câu "Muốn bay cao": Danh vị hơn người.

La Đạo Võng: Kết nghiệp thành.

Không có ra khỏi: Là khổ báo không cùng.

Hà trở xuống là nêu bày ý kia, Như Bảo Vương ở trước chỗ chọn người.

- Từ hữu trở xuống là khuyên tu.

Câu đầu kêu gọi người đời sau. Đọc kỹ càng là khuyên tìm xem nghiên cứu giáo pháp.

Phụng sự là dùng giáo chiếu cảnh. Thâm tư là dùng cảnh quán tâm, bèn biết là tự mình phản tỉnh tâm hạnh. Cố trở xuống là dẫn luận để khuyên.

Trong luận câu đầu là nêu bày chung ý của giáo pháp. Thử trở xuống là chỉ riêng giới ngày nay, lời văn cần phải dồi dào.

Giải thích rõ ràng: Luận có liên quan đến quyển ba, nói quyển kia lý đồng nghĩa là khuyên phải xem xét rõ ràng.

Luận trở xuống là y theo luận để hiển rõ ý hai câu đầu là chỉ phần giải thích nêu trên, vì y theo văn trong luận.

Du trở xuống ngăn kia vọng cho rằng nêu bày ý lược. Trong phần không phạm, trước dẫn năm tưởng, đều cho là không có tâm trộm:

- Tưởng cho đến: Ý cho rằng vật này của người khác cho.
- Tưởng của mình có: Nghĩa là không phải vật của người khác.
- Tưởng vật phấn tảo: Nghĩa là tưởng không có chủ.
- Tạm lấy: Tức cầm trả lại.
- Thân hậu: Tức không có kia đây.

Sau, từ luật trở xuống là giải thích phần thứ năm.

Trong bảy pháp gồm:

- Kiệt sức đại lao vì đó không nhàm chán.
- Vật trọng của mình đem cho mà không tiếc.
- Trái nghịch xúc não không có sự hối hận.
- Bày tỏ tâm tư của mình không che giấu.
- Dấu ác khoe thiện sợ tổn thương bên ngoài.
- Tù tội hoạn nạn nhiều cách cứu giúp.
- Sang hèn giàu nghèo, trước sau như một.

Như thị trở xuống là kết thúc hiển bày, vì thế biết rằng thành thật mới nhập khai vị, tự xen lạm nương nhờ khác đều bị chôn vùi tên họ, bóng dáng.

* Giới sát: (Đức Phật ngự tại thành Tỳ-xá-ly, lúc bấy giờ các Tỳ-kheo tu quán Bất tịnh, nhàm chán thân, ưa thích chết. Có Tỳ-kheo ngoại

đạo tên là Nan-đề chịu thực hành việc giết hại đó. Cư sĩ thấy vậy kinh sợ, do đây Đức Phật chế giới).

Trong phần nêu tên phân biệt chẳng phải súc sinh vì giết súc sinh không phạm tội nặng, hoặc gọi là đại sát sinh phân biệt với tiểu sát ở sau.

Trong phần tùy giải thích, văn đầu dẫn luật rất chuẩn, trước sau gồm nhiếp tướng sát. Trong phần chú giải từ đầu sở y giải thích thức đầu ở trên.

Kinh Đại Tập chép: lúc là Ca-la-la (đây gọi là tạp uế, nhập thai bảy ngày, hình trạng như sữa đặc, tức ngưng hoạt, có ba: Mạng, noãn và thức. Hơi thở ra vào là Mạng, không hôi không nát là Noãn (nghiệp trì hỏa đại, sắc không hôi thối). Trong đây tâm, ý, thức là thức. Nếu hoại ngưng hoạt thì hoại chỗ nương của thức. Mạng noãn tùy theo đó diệt, gọi là phạm giới sát.

Cho đến trở xuống là giải thích thức sau, nghĩa là bốn đại sắp hoại thần thức chưa đi, nếu hoại cũng thành tội riêng.

Sớ chép: Tùy chỗ nào có noãn thì thức ở trong đó, tức ở của thức được mạng căn thu nhiếp.

Kỳ trở xuống là hiển bày sơ lược.

Trong phần biện tướng:

* Khoa đầu, trước nói tự sát. Câu một là nêu, vị trở xuống là nêu tướng, y theo lời chú giải thành tám, nay thiếu hai thứ, ở sau sẽ dẫn:

- Thân có hiện tướng (Hoặc khiến cho sợ sệt, hoặc hiện tướng chết, v.v...).

- Miệng khen tướng chết (hiện tướng ở miệng, nghĩa là dùng ngôn thuyết khuyên dạy, hoặc dùng tiếng lớn la hét khiến cho sợ. Nay lời sao hạn cuộc ở lời giải thích đầu.

- Khanh hãm (biết người đi trên đường này, nên đào hầm hố cho họ rớt xuống chết).

- Ỷ bát: (Biết người kia sẽ đứng dựa chỗ đó, liền đem dao, gậy, v.v... để chỗ đó, khiến người dựa vào đó sẽ bị chết.

- An sát cụ: Sắp đặt dây, dao, gậy khiến cho người kia lấy bị chết.

- Dữ dược: (Cho thuốc) rất dễ hiểu.

Văn nói, v.v... nghĩa là tự sát (nghĩa là tự giết mình, hoặc thân, hoặc gậy tùy theo đó bị chết). Thân miệng đều hiện tướng (thân và miệng khen việc giết hại).

Trong phần dạy người, trước nêu bày. Nếu dạy trở xuống là nêu

tướng. Chú thích trong giới nêu đủ mười một thứ, nay lời sao cũng thiếu hai thứ.

- Dạy khen (dạy người khen ngợi việc giết hại) lời chú giải trong giới nói sai khiến người khen ngợi, nghĩa là sai người nói với người kia.

- Giáo khiển sử: Chỉ bày những điều đã dạy khiến người đến giết hại.

- Vãng lai sử: Nhận lời đến hại trở về, rồi lại đến nữa.

- Trùng sử: Tiếp tục sai khiến người, cho đến một trăm, mười ngàn lần khiến cho hại.

- Triển chuyển sử người bị kia sai khiến không đi, chuyển sai nhờ người khác nữa, cho đến một trăm, mười ngàn người, người sau cùng làm việc giết hại đó, tùy theo sự sai khiến trước đều đồng một tội nặng.

- Cầu người nam: Lựa chọn người mạnh khiến đến giết hại.

- Dạy cầu người nam: Khiến người khác tìm người nam.

- Gửi thư: Trình bày trên giấy mực khiến người bị chết.

- Dạy gửi thư: nhờ người khác làm thay.

Đồng lấy hai món còn lại, nghĩa là tìm người đem dao (nghĩa là có thể giết) và dạy tìm người đem dao. Tinh trở xuống là gồm nêu bày. Muốn bày rõ văn trên tướng chưa hết, lại ngăn người ác tránh đây tạo kia, vì thế dùng lời này để nhiếp chung.

Năng giáo phạm: Y cứ người phạm.

Nếu luận sở giáo phạm thì chung cho đạo và tục. Nếu là đạo nhân thì năng sở đều phạm. Thiên sau tức là trì phạm, trong phần tự mình làm và dạy người làm.

* Khoa kế: Quyết đoán chỉ tội phạm: Tương truyền rằng phạm tội Đột-cát-la. có chỗ nói rằng nếu như vậy thì chỉ phạm tội Ba-dật-đề, không thấy chỗ nêu ra.

Trong phần ba nói: Không khéo léo trong việc nuôi người bệnh dẫn dến chết, nhưng không có ý hại nên đều kết tội Thâu-lan-giá. Ban đầu cho ăn mụt nhọt vỡ ra, cả hai đều phạm, nghĩa là món đó không thích hợp, không được cho ăn mà cho ăn.

Thứ bất trở xuống nghĩa là cho ăn được mà không cho.

Trong phần bốn chép: "Do Tỳ-kheo nói": Tức là dạy người khác làm.

Gồm tội trộm: Do công kích cướp đoạt làm tổn hại đến vật kia.

"Ưu-bà-tắc đồng" nghĩa là năm giới, năm giới đều cấm.

Trong phần năm nói hầm hố, ban đầu y cứ vào khắc tâm. Đào hầm hố để hại người. Nếu súc vật bị sụp chết thì phạm Thâu-lan-giá; đào hầm hố để hại súc vật, nếu người bị sụp chết thì phạm Đột-cát-la. Gồm y cứ khắc tâm xen nhau có cảnh khác nhau, vì thế như trong luật tức phạm tội Ba-dật-đề.

Nếu trở xuống là nói tâm buông tuồng: Nghĩa là bất luận người hay súc vật đều muốn hại.

Trong phần sáu, văn đầu chép: Khắc tâm chuyên duyên một cảnh không có ý đối với chỗ khác. Nếu tâm buông tuồng thì tùy theo người hoặc vật bị chết đều phạm.

Trong phần khiển trách người đời, đầu khiển trách thay thế giúp đỡ, Như trong luật nói phạm tội nặng là đồng khen ngợi sự chết, vì thế trong "Ký Quy Truyện" của ngài Nghĩa Tịnh khiển trách người đời thiêu thân đốt ngón tay, ý cho rằng hạnh của Đại sĩ Bồ-tát không thích nghi với Tỳ-kheo xuất gia. Từ xưa đến nay chương ký tương truyền dẫn lời răn dạy, người đọc ít nghe cho là sự thật. Đây là do không biết căn cơ có cạn có sâu, giáo chia ra hóa chế.

Luật nói tự sát là phương tiện Thâu-lan-giá.

Thiêu chỉ là đốt ngón tay, trái chế phạm tội Đột-cát-la như trong kinh Phạm Võng đã nói: Nếu không đốt ngón tay, cánh tay cho đến thân mạng thì không phải là Bồ-tát xuất gia, phạm tội khinh cấu. Đây là vì hạnh tiểu cơ gấp nơi tự hành, báo hết sẽ được siêu sinh, còn Đại sĩ Bồ-tát thì chuyên lợi tha, trải qua trần kiếp rộng cứu giúp chúng sinh. Đây là dùng luật Tiểu thừa (luật Tỳ-kheo) để kết tội lớn kia. Đại giáo thì khen ngợi công sâu rộng kia, huống gì hai giáo Đại và Tiểu đều là lời của bậc Thánh, một bên thì đè ép, một bên thì riêng cao, đâu cho trái khác.

Vả lại, kinh nói Bồ-tát xuất gia. Kia nói: không chấp nhận Tỳ-kheo, kia nói rằng: Xả thân không phải là việc làm của Sa-môn). Truyền nêu khổ hạnh khiển thân, đâu phải là chuyên vì thông tục (kia nói: Trong kinh nói sự (còn) thông tục).

Ngài Kinh Khê cho rằng y theo Tiểu thừa không đốt thân thì dễ, y theo Đại thừa thiêu thân thì khó. Bảo vệ sinh mạng, tham sống, người và vật đều như vậy. Nay dùng nghĩa để phán, có ba trường hợp:

- Nếu vốn là người tại gia không ở trong lời nói chừng hạn, hoặc hoàn toàn không thọ giới. Đây là y trong kinh đủ chỉ rằng cúng dường hơn bố thí Quốc thành v.v... Nếu theo kinh Phạm Võng, đã thọ Đại giới thì thuận thể vâng giữ như vậy càng tốt.

- Nếu chỉ thọ giới Tiểu thừa thì hạn cuộc Tỳ-kheo, không thiêu thì thuận sẽ thành trì giới, thiêu thì y theo thiên tội mà kết phạm.

- Nếu gồm thọ đại giới gọi là Bồ-tát xuất gia, thiêu thì thành trì, không thiêu thì thành phạm. Hoặc trước thọ giới Tiểu thừa, sau thọ giới Đại thừa, hoặc trước thọ giới Đại thừa, sau thọ giới Tiểu thừa đều phán theo giới Đại thừa không phạm luật nghi. Như đây để nói thì phần thô có tiến chăng? Đâu được giống nhau một loại mà vội khiển trách là sai. Nhưng có người mạnh bạo cống cao, dối trá dụ dỗ người để được lợi dưỡng, quy thế thanh danh cố hoại pháp môn, chính là tên cướp nguy hiểm trong Phật pháp, tự tàn hại thân thể mình, thật là kẻ nghịch của Đạo Nho, thật là nhân ác, không hề có quả báo tốt. Thời nay có được một chút hưng thạnh nhưng tai điếc nào có biết, thì lời răn dạy của ngài Nghĩa Tịnh cũng có giá trị.

Kế, từ hựu trở xuống là khiển trách cho vật.

Câu "Mạng chung trọng" đồng như "An sát cụ" ở trước. "Khoái tử": Tức gọi là giết, do có thể cắt chặt người.

* Khiển trách thứ ba: Từ luật Tăng-kỳ trở xuống là khiển trách dạy sai.

Câu "Dụng ngự trọng": Tức đồng như sai sử vậy.

Điển hình: Hoặc là quan lại, hoặc tức khoải tử. (bẻ giết mổ)

Trong phần bảy nói tự sát, hai luật chế giống nhau.

Vị trở xuống là giải thích kết tội Thâu-lan-giá ở trên, vì mạng hết giới mất không thể phạm.

Trong phần không phạm, trước hết dẫn luật có hai:

1- Khai lầm mất.

2- Từ cập trở xuống khai cho nuôi bệnh.

Do thuốc, thức ăn: Vì cho ăn mà chết.

Qua lai ra vào: Lời chú giải trong giới chép: Dìu đỡ người bệnh vào phòng rồi trở ra lại; đây là giải thích dìu đỡ bồng ẵm ở trước. Nhưng trước y cứ vào năm ngồi, sau y cứ vào đi lại mà thôi. Hoặc có thể y cứ người nuôi bệnh ra vào, trong phần khuyết (thiếu) có giải thích. Trước dẫn Già luận: đều kết tội Thâu-lan-giá: Nếu không có tâm hại thì không xếp vào có phạm, nếu có tâm hại thì kết phạm tội nhẹ, tấn thối khó định, nay dùng nghĩa để cầu.

Câu "Hễ người săn sóc bệnh" là có tâm mạnh yếu. Nếu người chăm sóc bệnh có tâm từ bi cứu giúp, nhưng vì lúc săn sóc người bệnh đã gây ra cái chết cho họ thì như luật đã khai là không phạm.

Nói "Thất trị tử" nghĩa là vốn vô tâm nên không kết tội nặng. Gần

nghiệp sát duyên thiếu nên phạm Thâu-lan-giá. Câu "tất cả không hại": Câu trên là lược nêu, câu nầy gồm thâu. Nhưng y cứ theo vô tâm thì không chỉ có hai câu nầy. Cố trở xuống là dẫn thế tục để nêu. Không có ý mà chết nghĩa là lỗi lầm. Dùng vật để chuộc tội gọi là chuộc hình.

Trong phần chú giải, hai câu trên nêu tướng lỗi lầm, hai câu dưới nói việc mà chết.

"Nêu trọng" có chỗ nghiêng đổ đè ép, lên cao vượt ách sai khiến người. Thừa đăng.

* Giới đại vọng ngữ. (Nói dối nghiêm trọng)

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ gặp lúc lúa gạo mắc mỏ, bên sông Bà-cừu (Bà-cầu) có Tỳ-kheo an cư, khen ngợi nhau là đã chứng được pháp hơn người, nhờ đó mà được lợi dưỡng, do đó Đức Phật quở trách mà chế giới.

Nói dối là tên chung, thêm Đại loại bỏ Tiểu, chỉ hạn cuộc xứng Thánh, nêu duyên có thể khác.

Trong duyên trước sau thuộc sở đối, chặng giữa bảy thuộc năng phạm. Trong bảy thứ này, bốn thứ trước là tâm, ba thứ sau thuộc miệng. Nói cảnh hư nghĩa là thật không hề biết. Pháp hơn người là Thánh đạo vô lậu vì vượt hơn pháp phàm phu.

Trong phần giải thích tướng, khoa đầu có hai:

- Dẫn tướng phạm: luật luận đã nói Thánh pháp có nhiều tứh, trong văn nêu chỗ cốt yếu để gồm thâu. Từ ngoại phàm trở lên cho đến cực quả, quán hạnh sở tu đều gọi là Thánh pháp, tức tu năm pháp quán dừng tâm, tướng chung, tướng riêng, niệm, Bốn thiền, Bốn không, v.v... Đây là pháp của phàm phu, chung cả pháp Thánh; cho nên đồng một phạm. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Bốn hướng, Tứ quả tức là pháp Thánh. Nếu hiện trở xuống là gây tạo lẫn nhau. Trên là chánh nghiệp phát ra từ miệng thành phạm, không y cứ nghi khác. Đây là do thân tạo, nghiệp tướng không hiển, vì thế y cứ hai phán người nghi và tin.

- Từ luật Thập Tụng trở xuống là dẫn giải thích nghi ngờ. Nói cận Tiểu là sơ vị ngoại phàm chỗ có thể tu được.

Trong vị cam lộ, tối thắng có thể dụ cho Thánh đạo. Khoa kế, giới sớ hỏi: Trời rồng đến cúng, phàm còn cảm phát, có tội gì mà nhập vào Thánh.

Đáp: Tướng chung Thánh cho nên đồng. Nhất trọng lại quá cái mà người thường có.

Trong phần ba xen lẫn lộn, giới nầy không khai.

Sớ chép: Do mới vừa hiện đạo đức lại mưu đồ dối trá người, hiện

tướng Thánh để được lợi, cảnh tổn nghĩa mười, chỉ khiến nói xong lầm lộn đều phạm. Nếu y cứ theo pháp đã xưng khen, lầm lộn thì khai. Như trở xuống là muốn nói đây mà nói lầm kia.

Trong phần bốn như trong luận đã giải thích, xưng là Phật thì phạm Thâu-lan-giá, có hai nghĩa:

Một là thế gian, một là Phật, không có cái thứ hai, vì thế hai đầy đủ tướng tốt, khác với người đời không có người tin nhận, vì thế thời nay tức Phật mà cho là mình, không còn tiến cầu, y cứ đồng ở đây mà phạm.

Kinh nói: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đây là chỉ lý đồng, phải biết về sự thì khác. Như nước tức nước, nước đâu thành dòng. Giống như quặng tức quặng vàng, không có dụng của vàng, đâu được dối xưng đồng bậc thượng Thánh để mê hoặc kẻ hạ ngu kia. Buông lung, biếng nhác, kiêu mạn cho là không tu, làm dơ uế mà nói diệu dụng. Như đây tức Phật, đâu chỉ các thầy. Kinh nói: Ngăn kia khắp tất cả chỗ thì núi sông, đất đai hoàn toàn là thân Pháp Vương, loài bò bay máy cựa đều là Như lai tạng. Đây đều là mê mờ thứ lớp Thánh phàm lẫn lộn, diệt pháp hoại người không có gì hơn đây. Tự mình không thông suốt ai lại noi theo. Sau chỉ như văn sớ, có hai: Không phạm năm tướng, đầu tiên khai thật chứng cầu người khác làm chứng. Văn khác ý đồng, lại cần Đại tăng. Cười giỡn nghĩa là thật không có ý dối người.

Mau mau là nói không rõ ràng.

Nói chỗ vắng là không cho người khác nghe

Nói lầm là nói không như ý.

Trên đây là nêu tướng, giai trở xuống là xử đoán phạm tội. Câu đầu kết chung năm phần trước; nhưng trở xuống là chọn riêng ba phần giữa, vì hai món trước sau không có chỗ phạm.

■